

VL00003556



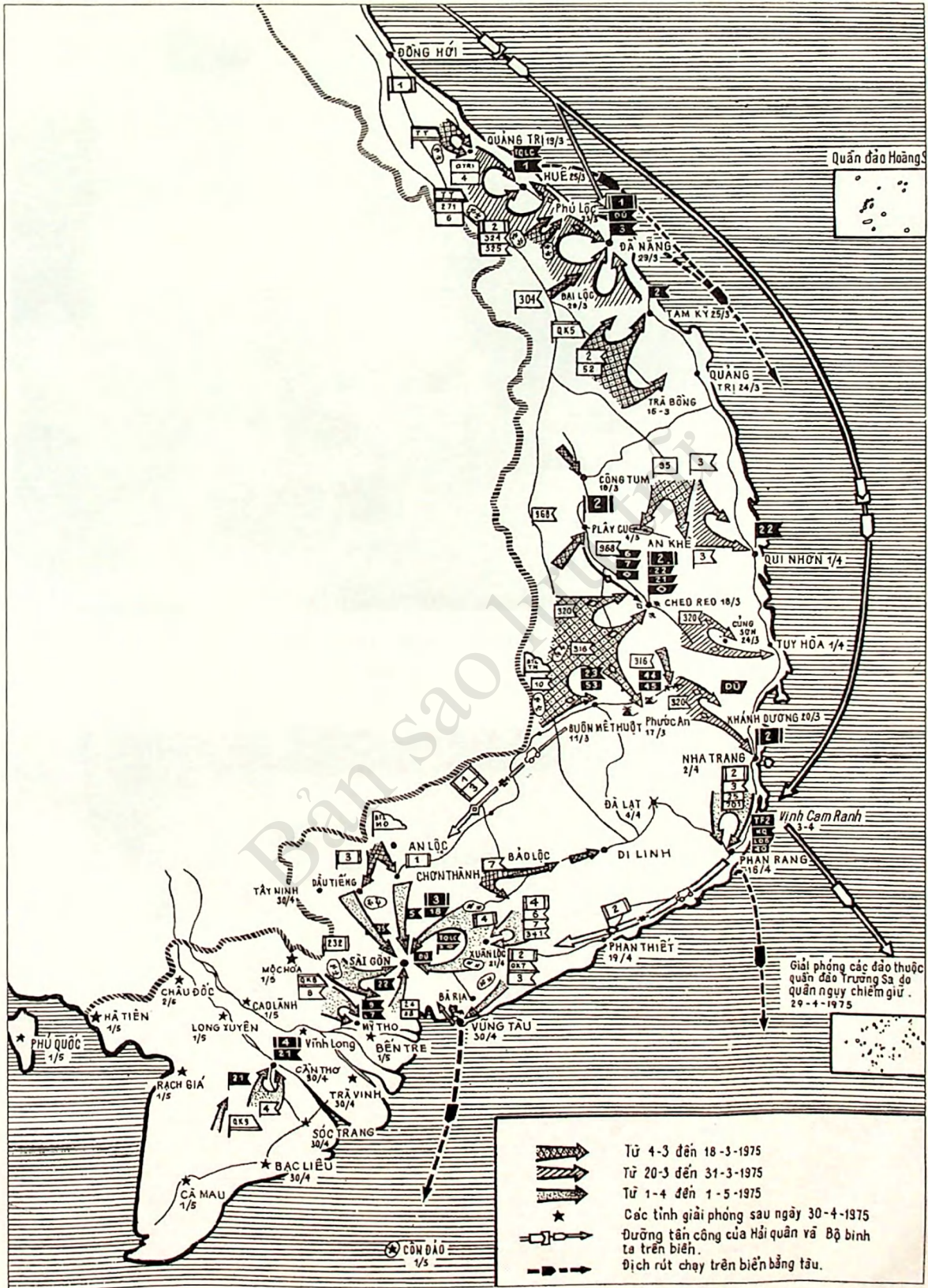
30:4:1079 BẢN HÙNG CA

THẾ KỶ XX

VL00003556



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG



Diễn biến cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975



Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975



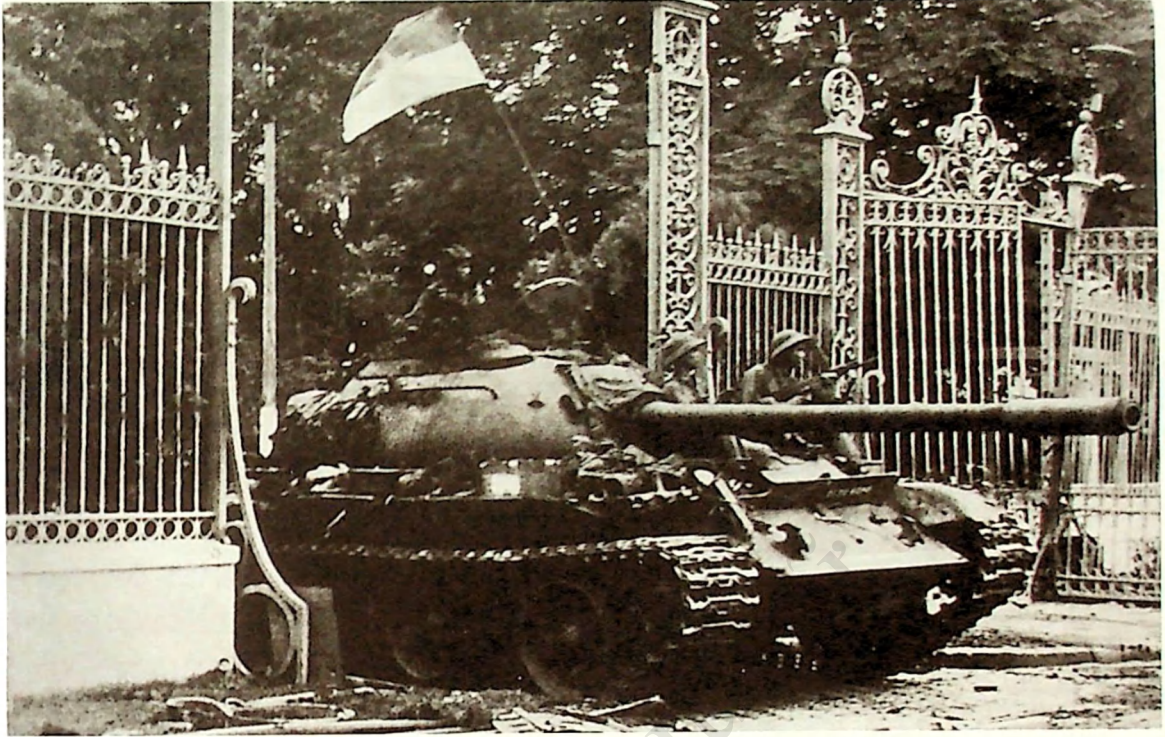
Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh



Buôn Mê Thuột



Đà Nẵng



Sài Gòn



Huế

30 - 4 - 1975

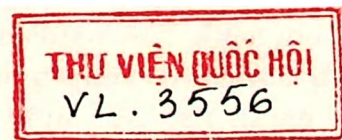
BẢN HÙNG CA THẾ KỶ XX

Bản sao lưu trữ

Tổ chức thực hiện:
CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Bản sao lưu trữ

30 - 4 - 1975
BẢN HÙNG CA THẾ KỶ XX



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Sự kết thúc vẻ vang, oanh liệt công cuộc chống Mỹ cứu nước mà đỉnh cao là trận toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 đã mở cho nước ta sang một trang sử mới. Từ đây núi sông liền một dải, từ đây là hoà bình, độc lập, tự chủ.

Một lần nữa, sau trận Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, với chiến dịch Hồ Chí Minh, cái tên Việt Nam lại được bạn bè năm châu nhắc tới bằng tất cả sự kính trọng và ngưỡng mộ vô bờ bến. Việt Nam ta đã trở thành ngọn đuốc rực cháy cho các dân tộc còn chìm trong bóng tối của sự đô hộ, xâm chiếm. ấp ủ trong tim khát vọng tự do, độc lập cùng phẩm chất thông minh, dũng cảm, chúng ta đã đi đến cái đích cuối trong công cuộc thống nhất non sông. Những thế hệ mai sau mãi mãi ghi lòng, tạc dạ trận toàn thắng mùa xuân năm 1975 bởi nó là một điểm sáng chói của lịch sử Việt Nam hiện đại. Để có được trận đại thắng cuối cùng ấy, toàn thể dân tộc đã phải kinh qua bao gian nan, bao đau thương, đã phải chịu đựng biết bao nhiêu sự tàn khốc, máu của hàng triệu triệu người con ưu tú của dân tộc đã đổ xuống. Và rồi lịch sử bừng sáng trong khoảng khắc 30-4-1975.

Cuốn sách: **30 - 4 - 1975 Bản hùng ca thế kỷ XX** này như một sự tái hiện lại, ở nhiều góc độ, trận Đại thắng mùa xuân năm 1975 oai hùng. Ngoài những thông tin liên quan tới cuộc chiến mới được giải mã từ hai phía Việt Nam và Mỹ, ngoài diễn biến tổng quát của chiến dịch Hồ Chí Minh, chúng ta còn có được những góc nhìn cận của người trong cuộc, những vị tướng, những người linh xướng cho trận đánh có một không hai trong lịch sử nước nhà.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách: **30 - 4 - 1975 Bản hùng ca thế kỷ XX** cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Phần thứ nhất

**NHỮNG VĂN KIỆN, CHỈ THỊ, NHẬT LỆNH
CHỈ ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHÔNG MỸ CỨU NƯỚC**

Bản sao lưu trữ

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
BỘ TỔNG THAM MƯU
Số: 30/CT-TM

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 10 tháng 3 năm 1973

CHỈ THỊ

Về việc thu hồi, sửa chữa khôi phục và bảo quản trang bị khí tài

Gửi: Các quân khu, quân chủng, binh chủng, nhà trường và đơn vị trực thuộc Bộ

Sau cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, chấp hành các chỉ thị của Quân uỷ Trung ương và của Bộ Tổng tham mưu, trong những năm 1969 - 1970 - 1971 toàn quân đã làm các công việc thu hồi, sửa chữa, khôi phục, bảo quản trang bị và chấn chỉnh xây dựng công tác quản lý trang bị nhằm đưa công tác này vào nền nếp.

Qua năm 1972, đế quốc Mỹ lại tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai; công tác thu hồi, sửa chữa khôi phục bảo quản trang bị... không có điều kiện làm được thường xuyên liên tục theo nền nếp, trong khi đó khối lượng trang bị khí tài... được đưa ra sử dụng rất lớn và rộng khắp vào trong điều kiện sơ tán trang bị khí tài... bỏ ngoài trời mưa nắng không bảo quản được chu đáo dẫn đến hư hỏng khuynh hướng nghiêm trọng.

Trước tình hình mới hiện nay, việc tiếp tục làm các công việc nói trên là rất cần thiết, cấp bách; nhằm nhanh chóng giải quyết những vấn đề sau chiến tranh để lại, tăng thêm lực lượng vật chất chiến đấu của quân đội và bảo quản thật tốt các trang bị khí tài... hiện có ở các đơn vị.

Bộ Tổng tham mưu chỉ thị cho toàn quân trước mắt làm thật tốt một số công tác như sau:

I. THU HỒI TRANG BỊ

1. Trừ những trang bị, khí tài... nằm trong biên chế chiến đấu của các lực lượng vũ trang, những trang bị thuộc trách nhiệm của đơn vị mình quản lý và sử dụng hiện nay còn để rải rác khắp nơi, các đơn vị cần phải làm kế hoạch, tổ chức lực lượng, phương tiện cho đi thu nhặt, thu hồi về để những nơi thích hợp tiện quản lý để có kế hoạch xử lý tiếp theo.

2. Đối với những trang bị khí tài không thuộc phạm vi mình quản lý sử dụng mà còn để rải rác trong địa phương của mình, các quân khu và các tỉnh cho thu

hồi gọn lại từng địa điểm, làm báo cáo lên Bộ và giúp đỡ các đơn vị khác đến nhận.

3. Động viên rộng rãi quần chúng phát hiện và giúp sức; lấy tinh, huyện, xã hội làm đơn vị cơ sở phát hiện và thu nhặt, thống kê làm báo cáo lên trên, từng quân khu tổng hợp chung lại và có kế hoạch giải quyết thu hồi kịp thời.

II. KIỂM KÊ PHÂN LOẠI SỬA CHỮA KHÔI PHỤC TRANG BỊ

1. Thu hồi đến đâu làm kiểm kê phân loại đến đó và làm công tác bảo dưỡng bước đầu.

2. Tiến hành kiểm tra kỹ thuật đánh giá chất lượng (theo tiêu chuẩn phân cấp đã hướng dẫn).

3. Khẩn trương tận dụng mọi khả năng để nhanh chóng sửa chữa khôi phục ngay những trang bị khí tài đang cần cho chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và loại hư hỏng nhẹ, vừa. Có những thứ hư hỏng nặng ngoài khả năng sửa chữa của đơn vị thì làm báo cáo lên cấp trên để có kế hoạch sửa chữa.

Từng đơn vị tự lực tranh thủ sửa chữa, khôi phục lại trang bị khí tài của mình theo như đã phân cấp sửa chữa, Tổng cục Hậu cần và các quân binh chủng sẽ có kế hoạch cụ thể thêm để cùng với đơn vị tiến hành nhanh chóng.

Những thứ hư hỏng quá nặng không có khả năng hồi phục cần xử lý báo cáo về Bộ, Bộ sẽ có chỉ thị cụ thể sau.

III. BẢO QUẢN DỰ TRỮ NIÊM CẤT

1. Công tác bảo quản cần được tiến hành toàn bộ bao gồm những trang bị khí tài sau khi thu hồi đã được sửa chữa khôi phục cũng như những trang bị khí tài đã được dự trữ từ trước đến nay. Những vũ khí khí tài đang trang bị ở các đơn vị sẽ bảo quản, bảo dưỡng theo chế độ, và chấp hành đúng các yêu cầu kỹ thuật của từng loại khí tài.

2. Tất cả những vũ khí khí tài đạn dược không được biên chế cho đơn vị mà đơn vị hiện đang giữ cần được tập trung dự trữ niêm cất và bảo quản những khí tài, trang bị được niêm cất cho chất lượng tốt nhất, còn việc định mức chỉ tiêu dự trữ của từng cấp như thế nào Bộ sẽ có kế hoạch cụ thể sau:

3. Những vũ khí, khí tài, đạn dược của dân quân tự vệ nói chung, trước mắt tạm thời quy định để lại trang bị với tỷ lệ từ 1/3 đến 1/2 so với số trang bị hiện có (riêng Quân khu 4 và một số vùng trọng điểm của các quân khu khác, bộ tư lệnh các quân khu căn cứ vào nhiệm vụ mà định một tỷ lệ cho thích hợp), số còn lại bộ chỉ huy quân sự tnhc có kế hoạch thu hồi, bảo quản, dự trữ.

IV. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRANG BỊ

1. Phát huy những việc đã xây dựng được trong những năm kiểm tra chấn chỉnh công tác quản lý trước đây nhằm tăng cường quản lý trang bị khí tài được tốt.

2. Các cấp các ngành cần nắm lại thực chất toàn bộ tình hình khả năng trang bị hiện có, cho thống kê đăng ký lại toàn bộ trang bị khí tài để từng cấp quản lý cho chặt chẽ.

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ, quy định về công tác quản lý sử dụng trang bị, tránh sử dụng vô nguyên tắc, bừa bãi, để cao tinh thần tiết kiệm trong sử dụng.

Tiến hành những công tác nói trên đòi hỏi phải có sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện chặt chẽ, khẩn trương, do đó yêu cầu thủ trưởng quân chính các cấp, các ngành phải có kế hoạch cụ thể cho các cấp, các ngành phải có kế hoạch cụ thể cho các cấp, các ngành thuộc quyền tiến hành được thuận lợi nhanh chóng.

Thời gian tiến hành:

- Nhận được chỉ thị này, các quân khu, quân chủng, binh chủng, các đơn vị... làm kế hoạch triển khai thực hiện, đến ngày 15 tháng 4 năm 1973 gửi kế hoạch tổ chức thực hiện báo cáo lên Bộ.

- Việc thu nhật, thu hồi, sửa chữa nhẹ và vừa tiến hành bảo dưỡng bảo quản phải hết sức khẩn trương, cố gắng làm cho xong về cơ bản càng sớm càng tốt.

- Hàng tháng có báo cáo kết quả thực hiện lên Bộ.

- Đến cuối tháng 9 năm 1973 có báo cáo tổng kết.

KT TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
PHÓ TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
Thiếu tướng **TRẦN SÂM**

NHẬT LỆNH

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc ngày 1 tháng 5 năm 1973

Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sĩ các quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang,

Toàn thể anh chị em dân quân tự vệ, công nhân và nhân viên quốc phòng,

Hôm nay, nhân ngày lễ Quốc tế lao động, toàn quân ta cùng với toàn dân vô cùng phấn khởi chào mừng thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cuộc kháng chiến chống ngoại xâm oanh liệt nhất trong lịch sử mấy nghìn năm đấu tranh kiên cường, bất khuất vì độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam ta.

Cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhất của đế quốc Mỹ từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bị nhân dân Việt Nam ta đánh bại. Đội quân xâm lược lớn nhất từ trước đến nay trên đất nước ta, đội quân hung bạo của nước đế quốc mạnh nhất với những trang bị rất hiện đại, cuối cùng đã bị thua to và buộc phải rút hết về nước.

Dưới ngọn cờ của Đảng Lao động Việt Nam quang vinh, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trải qua ba mươi năm chiến đấu, với một tinh thần anh dũng tuyệt vời, toàn quân ta đã cùng với toàn dân tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công, đánh thắng phát xít Nhật, tiếp đó hai lần kháng chiến thắng lợi, đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ. Lần đầu tiên, sau hơn một thế kỷ đấu tranh giải phóng dân tộc, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã chấm dứt sự chiếm đóng của các đội quân xâm lược nước ngoài trên Tổ quốc thân

yêu của chúng ta. Đó là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử của dân tộc Việt Nam ta, một sự kiện vĩ đại trong sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi rực rỡ của đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta, thắng lợi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân và quân đội ta, thắng lợi của sức mạnh ủng hộ và đoàn kết quốc tế. Đó là thắng lợi có ý nghĩa thời đại của một nước nhỏ nhưng có quyết tâm lớn chiến đấu cho độc lập tự do, thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ, đánh bại chiến tranh xâm lược của một nước đế quốc đầu sỏ đem sức mạnh sắt thép khổng lồ để hòng nô dịch các dân tộc. Đó là thắng lợi rực rỡ của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, của truyền thống đoàn kết chiến đấu dũng cảm và thông minh của dân tộc Việt Nam ta, thắng lợi của khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam ta, đánh bại khoa học và nghệ thuật quân sự của chủ nghĩa đế quốc.

Nhân ngày hội lịch sử hôm nay, toàn quân và toàn dân ta thành kính nhớ đến công lao trời biển của Bác Hồ kính mến, người thầy của cách mạng Việt Nam, vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta, Hồ Chủ tịch đời đời sống mãi!

Tổ quốc ta mãi mãi ghi nhớ công ơn to lớn của các anh hùng liệt sĩ, của các đồng chí, đồng bào ở cả hai miền Nam - Bắc đã chiến đấu quên mình vì nước vì dân. Tinh thần của các liệt sĩ đời đời bất diệt!

Thừa lệnh Trung ương Đảng và Chính phủ, nhân ngày hội lớn hôm nay của cả dân tộc, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam nhiệt liệt khen ngợi và tuyên dương công trạng toàn thể cán bộ và chiến sĩ thuộc các quân chủng và binh chủng, của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, toàn thể anh chị em dân quân tự vệ, công nhân và nhân viên quốc phòng, đã cùng với toàn dân chiến đấu cực kỳ dũng cảm, hai lần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại man rợ bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hậu phương lớn của cả nước, hết lòng chi viện tiền tuyến lớn, lập nên chiến công vĩ đại. Quân đội ta thật xứng đáng là đội quân "trung với Đảng, hiếu với dân;... nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam anh em, trải qua hàng chục năm trời, trong điều kiện vô cùng khó khăn gian khổ, đã lớn lên nhanh chóng, chiến đấu anh dũng, chiến thắng liên tiếp, xứng đáng là một đội quân "trung thành vô hạn, anh dũng tuyệt vời, chiến thắng vẻ vang". Dưới lá cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng và chính phủ cách mạng lâm thời, người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam nước ta, toàn thể cán bộ và chiến sĩ các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam anh hùng, trên khắp các chiến trường, từ Trị - Thiên, Tây Nguyên đến Khu 5, Nam Bộ, đã vượt qua muôn vàn thử thách, cùng với 17 triệu đồng bào miền Nam "Thành

đồng Tổ quốc” lần lượt đánh bại mọi chiến lược của đế quốc Mỹ, lập nên chiến công vĩ đại, viết nên những trang sử huy hoàng.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng đồng bào ta trong cả nước, tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với đồng bào đã hết lòng thương yêu, đùm bọc bộ đội, cùng bộ đội đánh giặc, cứu nước, không ngừng cố vũ và giúp đỡ bộ đội tiến lên diệt địch, lập chiến công to.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng thắng lợi vĩ đại của quân giải phóng và của nhân dân Lào anh hùng.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng thắng lợi vĩ đại của Quân giải phóng và của nhân dân Campuchia anh hùng.

Tình đoàn kết chiến đấu giữa các lực lượng vũ trang và nhân dân ba nước Đông Dương anh em nhất định ngày càng củng cố và phát triển.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng những thành tựu to lớn của các lực lượng vũ trang của nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa và của các loài người tiến bộ.

Hiện nay, Hiệp định “chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết đã hơn ba tháng. Tàn lính cuối cùng của quân đội viễn chinh Mỹ đã phải rút khỏi nước. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn ôm ấp dã tâm tiếp tục thực hiện cái gọi là học thuyết Ních-xơn, dùng chính quyền Sài Gòn làm công cụ để duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta. Chính phủ Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đang vi phạm rất nghiêm trọng và có hệ thống các điều khoản của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam. Vì vậy, ở miền Nam, tiếng súng vẫn nổ, máu của đồng bào ta vẫn chảy. Gần đây, Hoa Kỳ lại vô cớ đình chỉ việc tháo gỡ mìn ở bờ biển và sông ngòi nước ta, tiếp tục hành động chiến tranh bằng cách cho máy bay trinh sát xâm phạm vùng trời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ở Lào, đế quốc Mỹ tiếp tục ném bom vùng giải phóng.

Ở Cam-pu-chia, đế quốc Mỹ ráo riết tăng cường chiến tranh xâm lược.

Chúng ta cực lực lên án những hành động tiếp tục chiến tranh, phá hoại hiệp định, phá hoại hòa bình của Hoa Kỳ và các chính quyền tay sai. Một lần nữa, chúng ta khẳng định rằng: không có một mưu đồ xâm lược nào, một thủ đoạn chiến tranh nào, không có lời lẽ và hành động đe dọa nào có thể lay chuyển quyết tâm sắt đá của nhân dân ta tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh cho độc lập và hoà bình của Tổ quốc.

Trong mấy chục năm qua, các đội quân xâm lược của ba nước đế quốc, kể cả đế quốc Mỹ, đều lần lượt bị thất bại, phải rút khỏi nước ta. Vậy thì, trong cục diện mới ngày nay, so sánh lực lượng ở Việt Nam, ở Đông Dương và trên thế giới đã và đang thay đổi có lợi cho cách mạng nhất định không có một tập đoàn buôn dân bán nước nào, không có một thế lực phản động và hiếu chiến nào có thể ngăn cản bước tiến của dân tộc Việt Nam ta trên con đường thực hiện hiệp định, củng cố hợp đồng, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành độc lập và dân chủ cho cả nước, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Hội toàn thể cán bộ và chiến sĩ.

Trước tình hình mới, hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ, chúng ta hãy:

1. Nhận rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chức năng vẻ vang của ác lực lượng vũ trang nhân dân, luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác và ý chí chiến đấu, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu khiêu khích và phá hoại, mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc nước ta, làm hậu thuẫn vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh của toàn dân ta vì hòa bình, độc lập, dân chủ và hòa hợp dân tộc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

2. Tích cực và khẩn trương xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng vững mạnh, quân đội nhân dân chính quy và hiện đại, dân quân và tự vệ rộng khắp và mạnh mẽ, nền quốc phòng toàn dân ngày càng vững mạnh. Cán bộ và chiến sĩ ta phải nêu cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, nắm vững khoa học và kỹ thuật quân sự tiên tiến, có kỷ luật tự giác nghiêm minh, có bản lĩnh chiến đấu giỏi, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc thân yêu, làm tròn mọi nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho.

3. Tích cực tham gia công cuộc phục hồi kinh tế, hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc nước ta ngày càng mạnh, cả về kinh tế và quốc phòng.

Trong ngày hội lớn hôm nay, nhìn lại quá trình chiến đấu và chiến thắng vẻ vang của dân tộc, chúng ta càng tin tưởng sâu sắc vào tương lai tươi sáng của đất nước, vào sức mạnh vô địch của nhân dân ta, của quân đội ta. Sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của toàn dân ta để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh nhất định giành được thắng lợi vẻ vang.

Dưới ngọn cờ trăm trận trăm thắng của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, toàn thể cán bộ và chiến sĩ ta hãy cùng toàn dân anh dũng tiến lên, giành những thắng lợi mới, rực rỡ hơn nữa.

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
BỘ TỔNG THAM MƯU
Số: 70/CT-TM

Ngày 15 tháng 8 năm 1973

CHỈ THỊ
Về việc xác định lượng dự trữ sẵn sàng chiến đấu

Gửi: Các quân khu, quân chủng, binh chủng, cơ quan, nhà trường và đơn vị trực thuộc Bộ

Việc xác định lượng dự trữ vật chất ở các đơn vị là một vấn đề quan trọng, để giúp Bộ nắm vững tình hình đảm bảo cho quân đội sẵn sàng chiến đấu, đồng thời cũng là để quản lý ngân sách và cơ sở vật chất kỹ thuật trang bị cho chặt chẽ. Nhưng từ trước tới nay, việc này chưa được xác định rõ. Do đó vừa có khó khăn cho việc đảm bảo sẵn sàng chiến đấu vừa xảy ra lãng phí hoặc sử dụng không đúng nguyên tắc.

Sắp tới Bộ sẽ duyệt lại tất cả các định mức, cơ số dự trữ để đáp ứng sẵn sàng chiến đấu ở các đơn vị và các nguyên tắc sử dụng để việc chấp hành đi vào nề nếp từ nay về sau.

Các cơ quan, đơn vị, căn cứ vào tính chất, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình mà tính toán xác định cơ số, hoặc mức dự trữ thường xuyên cần phải có (không kể số sử dụng, tiêu thụ trong năm) để đảm bảo sử dụng cho những nhu cầu đột xuất và sẵn sàng chiến đấu của cơ quan, đơn vị, và của bộ đội về các mặt:

- 1/ Trang bị, thiết bị, khí tài, máy móc và các phương tiện khác.
- 2/ Linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu dùng sửa chữa thay thế, dụng cụ đồ nghề trang bị súng pháo, bao gói chi viện...
- 3/ Các loại phương tiện vận chuyển phục vụ chiến đấu: xe cộ, ca nô, tàu thuyền, cầu phà v.v...
- 4/ Nhiên liệu các loại: xăng, dầu, mỡ, ma-dút (kể cả xăng máy bay)...
- 5/ Quân trang, quân phục.
- 6/ Lương thực, thực phẩm.
- 7/ Thuốc và dụng cụ quân y.
- 8/ Dây thông tin, máy móc khí tài.
- 9/ Bản đồ và các tài liệu in cần thiết khác, v.v...

Các đơn vị căn cứ vào những điểm gợi ý trên đây, dựa vào đặc điểm, tính chất nhiệm vụ để tính toán xác định mức dự trữ cho phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài nội dung trên, nếu thấy phải dự trữ thêm nội dung gì thì tính toán bổ sung vào cho đủ (Trừ vũ khí, đạn dược sẽ làm riêng).

Khi tính toán nhu cầu dự trữ cần nắm vững một số nguyên tắc:

- 1/ Tính toán phải thật chặt chẽ, xác định mức dự trữ cho phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị và khả năng kinh tế tài chính nhà nước hiện nay. Tránh dự trữ nhiều không cần thiết, gây hư hao lãng phí.
- 2/ Những thứ nào, khả năng nhà nước có thể dự trữ được thì dựa vào dự trữ nhà nước là chủ yếu (lương thực, thực phẩm, xăng dầu, vật liệu xây dựng...), hoặc đối với những mặt hàng thuộc loại kỹ thuật, sản xuất đơn giản (không phải là

hiếm quý), khi cần có thể mua sắm và sản xuất ngay được thì có thể không cần phải dự trữ, nếu có thì cũng chỉ nên dự trữ ở mức tối thiểu, thật cần thiết. Khi cần sử dụng sẽ huy động ở dự trữ nhà nước, hoặc đặt sản xuất tiếp.

3/ Cần phân biệt rõ mức dự trữ của từng cấp như: tổng số mức dự trữ cần có, trong đó yêu cầu Nhà nước dự trữ bao nhiêu? Quân đội bao nhiêu? Phân ra: đơn vị phía trước, phía sau, biên phòng; hải đảo cho A, B, C... mỗi nơi bao nhiêu? (cơ số, hoặc thời gian dùng bao lâu?).

4/ Lượng dự trữ không nên để rải rác, qua nhiều cấp trung gian, chủ yếu là áp dụng đối với các cơ quan chiến lược (các cơ quan thuộc các tổng cục, các quân chủng, binh chủng và các đơn vị ở xa cơ quan đảm bảo của nhà nước và điều kiện vận chuyển đảm bảo cung cấp của quân đội có nhiều khó khăn (biên phòng, hải đảo).

5/ Có những loại hàng không thể có đủ khả năng, chưa cho phép dự trữ ngay một lúc theo yêu cầu được thì phải xác định thời gian tiến hành là mấy năm để có đủ cơ sở cần thiết phải dự trữ.

6/ Khi tính toán xác định số, cần phải xin trên cấp hiện vật, hoặc ngân sách (tiền trong nước) để đảm bảo bổ sung cho đủ lượng dự trữ, các đơn vị phải triệt để vận dụng khả năng của quân đội, như: viện trợ quân sự, viện trợ kinh tế, tồn kho và sản xuất tự túc, tiết kiệm, v.v... chỉ thứ nào không khắc phục được, không có viện trợ, không tồn kho thì mới xin trên cấp hiện vật hay ngân sách để mua sắm.

7/ Toàn bộ nhu cầu dự trữ đều phải tính thành tiền, phân ra từng nguồn đảm bảo (viện trợ các loại, tồn kho và chi bằng tiền trong nước...) có thuyết minh rõ ràng: tổng số cần dự trữ, số đã có, số cần bổ sung cho toàn quân và ở từng cấp.

Sau khi nhận được công văn này, cơ quan, các đơn vị cần tiến hành tính toán ngay, chậm nhất là đến ngày 30 tháng 8 đã gửi về Bộ Tổng tham mưu xét duyệt.

Cục Tài vụ, Cục Tác chiến, Cục Quân lực và Tham mưu Hậu cần sẽ soát xét để Bộ duyệt chính thức vào giữa tháng 9 năm 1973.

Kèm theo bảng tính nhu cầu dự trữ sẵn sàng chiến đấu...

KT TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
PHÓ TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
Thiếu tướng LÊ TRỌNG TẤN

**ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
Số: 191/QU**

Ngày 19 tháng 12 năm 1973

**HƯỚNG DẪN
Các tổng cục kiểm điểm công tác năm 1973
và làm phương hướng, kế hoạch công tác năm 1974**

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hàng năm, vào thời gian này, Quân Ủy Trung ương có chỉ thị hướng dẫn các Tổng cục kiểm điểm công tác năm trước và làm phương hướng, kế hoạch công tác năm sau. Năm nay, công việc đó tiến hành trong hoàn cảnh Trung ương Đảng đã có nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; và từ đầu năm đến nay, Quân Ủy đã có nhiều nghị quyết quan trọng (nghị quyết toàn diện tháng 6 năm 1973 và nhiều nghị quyết chuyên đề) để chỉ đạo các mặt công tác trong giai đoạn mới. Đồng thời, theo chương trình làm việc của Quân Ủy thì từ nay đến cuối năm, Quân Ủy còn tiếp tục bàn một số chuyên đề nữa. Như vậy, công việc của toàn quân trong năm 1974 đã có phương hướng và chủ trương cụ thể.

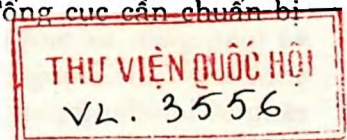
Tuy nhiên, dựa vào nghị quyết mới của Trung ương và căn cứ vào sự phát triển của tình hình cho đến cuối năm 1973, Quân Ủy cũng cần có những điểm bổ sung, điều chỉnh cần thiết đối với các nghị quyết đó cho phù hợp. Đồng thời về tổ chức thực hiện, sau khi Quân Ủy có những nghị quyết lớn như trên, cần có một kế hoạch toàn diện để chỉ đạo việc kết hợp thực hiện các nghị quyết đó và tập trung giải quyết từng vấn đề, trong từng thời gian. Vì vậy, cuối năm 1973, Quân Ủy vẫn phải xem xét lại tình hình công việc và cuộc sống nghị quyết mới của Quân Ủy để chỉ đạo các mặt công tác trong năm tới. Các Tổng cục cần chuẩn bị cho Quân Ủy làm tốt việc đó.

B. NỘI DUNG VÀ CÁCH THỨC TIẾN HÀNH

Do hoàn cảnh nói trên, nội dung và cách tiến hành việc kiểm điểm công tác năm qua và vạch phương hướng, kế hoạch công tác năm tới có những điểm không giống nhau như trước. Dưới đây là những vấn đề cần chú ý:

I. VỀ KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC NĂM 1973, CẦN TẬP TRUNG VÀO NHỮNG VẤN ĐỀ SAU:

1. Đánh giá khái quát tình hình mọi mặt của các lực lượng vũ trang ta, đi vào các mặt: tình hình chính trị tư tưởng, tổ chức, cơ sở vật chất kỹ thuật, tình hình thực hiện các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, v.v... Đặc biệt chú trọng đánh giá khả năng chiến đấu của các lực lượng vũ trang, của bộ đội chủ lực trong tác chiến hiệp đồng binh chủng, của các lực lượng vũ trang địa phương trong việc hoàn thành các nhiệm vụ tại chỗ; đồng thời chú



trọng đánh giá tình hình cơ sở vật chất kỹ thuật của quân đội ta và khả năng sử dụng các cơ sở vật chất kỹ thuật đó.

2. Kiểm điểm các chủ trương công tác lớn đã đề ra trong năm 1973 và việc triển khai thực hiện các chủ trương đó; cần chỉ rõ những chủ trương, kế hoạch, nội dung, yêu cầu nào đề ra sát hoặc chưa sát nhận định khả năng thực hiện những chủ trương đó trong năm 1974.

3. Kiểm điểm việc tổ chức thực hiện các chủ trương. Cần chú trọng mấy vấn đề chính sau đây:

a. Phân công phối hợp và hiệp đồng trong các cơ quan để làm tốt việc tổ chức thực hiện các nghị quyết. Cách làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo và phân công phụ trách.

b. Kết hợp lãnh đạo chung và chỉ đạo riêng, có kế hoạch chung và đi sâu chỉ đạo thực hiện từng vấn đề trong từng thời gian.

c. Kết hợp với việc các công tác trước mắt với việc dự kiến, đề xuất, chuẩn bị và phân công tiến hành từng bước các công tác cơ bản lâu dài.

d. Kết hợp việc giải quyết công việc hàng ngày với việc xây dựng và giữ vững nền nếp, chế độ công tác.

e. Phối hợp giữa quân đội với các cơ quan của Đảng và Nhà nước.

Trên cơ sở nhận định những nét chính về tình hình các mặt, cần có đánh giá tổng hợp những vấn đề lớn nổi lên, có phân tích ưu điểm, khuyết điểm của công tác lãnh đạo và chỉ đạo, chỉ rõ những nguyên nhân chủ yếu gì đã thúc đẩy hay hạn chế việc hoàn thành các nhiệm vụ năm 1973.

II. VỀ CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC TRONG NĂM 1974

1. Đặc điểm năm 1974

a) Năm 1974 là năm thứ hai chuyển từ thời kỳ chiến tranh sang giai đoạn mới; cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta vẫn diễn ra quyết liệt, phức tạp. Khối lượng công tác phải thực hiện rất lớn.

Trong một thời gian dài nữa, nhân dân ta vẫn tiếp tục tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược trên hai miền. Năm 1974, cuộc đấu tranh cách mạng diễn ra trong điều kiện tình hình có thể phát triển theo hai khả năng. Toàn dân và toàn quân ta một mặt phải biết tranh thủ điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển lực lượng của ta trên cả hai miền, làm cho tình hình phát triển ngày càng có lợi cho ta, và giải quyết rất nhiều vấn đề do chiến tranh để lại.

Mặt khác, đứng trước âm mưu và hành động chiến tranh của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai phá hoại hiệp định, phá hoại hòa bình, tăng cường càn quét, đánh phá, lấn chiếm ở miền Nam, khiêu khích ở miền Bắc, quân và dân ta phải không ngừng nâng cao cảnh giác, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu và hành động chiến tranh của địch, đồng thời tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế trong những điều kiện mới.

Trong tình hình đó, khối lượng công tác phải thực hiện rất lớn, yêu cầu của công tác rất khẩn trương. Chúng ta cần phải đánh giá thật đúng tình hình, có chủ trương đúng, đồng thời có sức kiện toàn tổ chức, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng mọi mặt của các cơ quan và đơn vị để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong tình hình mới.

b. Năm 1974 là năm rất quan trọng đối với việc thực hiện các Nghị quyết 21, 22 của Trung ương Đảng và kế hoạch công tác ba năm của Quân Ủy Trung ương

là năm triển khai thực hiện một cách tập trung các kế hoạch chuyên đề Quân uỷ đã thông qua năm 1973, năm triển khai một cách cơ bản việc xây dựng quân đội nhân dân ta trên nhiều mặt. Năm 1974 cũng là năm đầu tiên hành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế theo kế hoạch 2 năm trên miền Bắc.

Năm 1973, Quân Ủy Trung ương có các nghị quyết để thực hiện nghị quyết mới của Trung ương Đảng, chỉ đạo công tác các mặt trong ba năm tới. Các công tác đó đã bắt đầu triển khai thực hiện một phần trong năm 1973, sẽ được tập trung thực hiện trong năm 1974. Năm 1974, ta phải cố gắng thực hiện mọi nhiệm vụ ở mức cao nhất, để sang năm 1975 có thể hoàn thành kế hoạch đã vạch ra và chuẩn bị triển khai kế hoạch dài hạn sau đó.

Các nghị quyết vừa qua của Quân Ủy Trung ương chỉ đạo các công tác một cách toàn diện, trong đó, một vấn đề rất mấu chốt và xây dựng quân đội nhân dân tiến lên chính quy, hiện đại và xây dựng cơ sở hậu phương của các lực lượng vũ trang. Vì vậy năm 1974 phải là năm triển khai một cách cơ bản công tác rất quan trọng này.

Năm 1974, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, dựa vào sức mình là chính và ra sức tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em. Phải có sự nỗ lực rất lớn, quyết tâm rất cao vượt qua mọi khó khăn, để nhanh chóng khôi phục sản xuất, đồng thời chuẩn bị cho những bước phát triển vượt bậc của nền kinh tế nước ta, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân.

Các lực lượng vũ trang ta, phải cố gắng giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân, ra sức tiết kiệm về mọi mặt, đồng thời trên cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và xây dựng, cần tích cực tham gia những công việc chung của Nhà nước, tham gia xây dựng và phát triển kinh tế, theo kế hoạch của Trung ương, Chính phủ và Quân Ủy Trung ương.

c. Năm 1974 là năm tiến hành đại hội Đảng các cấp để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV, là năm kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập quân đội ta.

Đại hội Đảng các cấp là một cuộc sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nhằm quán triệt tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, quán triệt và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong nội bộ Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng. Phải thông qua việc tiến hành đại hội Đảng các cấp mà đẩy mạnh mọi mặt hoạt động, nhằm tạo nên một chuyển biến mới mạnh mẽ trong các ngành, các cấp, trên mọi mặt công tác, đưa cuộc đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam trên một bước mới.

Quân đội nhân dân ta, trải qua ba mươi năm chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã lớn mạnh không ngừng và trưởng thành về mọi mặt. Qua Đại hội Đảng và nhân dịp kỷ niệm lần này, cần tạo nên trong quân đội ta một khí thế mới, một chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt. Trên cơ sở những kinh nghiệm rất phong phú của ta, cần ra sức phấn đấu để đẩy mạnh việc xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, chính quy, hiện đại, đưa toàn bộ công tác xây dựng lực lượng, củng cố quốc phòng nhanh chóng đi vào nền nếp.

d. Tình hình thế giới về cơ bản tiếp tục phát triển thuận lợi cho ta, đồng thời cũng có những diễn biến phức tạp, có liên quan đến cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Trên thế giới, ba trào lưu cách mạng đang phát triển tốt và đang ở thế tiến công. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành được thắng lợi vĩ đại đã góp phần quan trọng vào thế tiến công đó. Đế quốc Mỹ sau khi bị thất bại ở Việt Nam đã liên tiếp gặp nhiều khó khăn trong nước Mỹ và trên thế giới. Vị trí của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ngày càng suy yếu. Mặt khác, với bản chất ngoan cố, xảo quyệt chúng cũng đang tìm mọi cách phản công lại lực lượng cách mạng trên thế giới.

Với đường lối cách mạng và đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta, với thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được, chúng ta luôn luôn được các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ. Mặt khác trong điều kiện mới, sự giúp đỡ của các nước anh em cũng sẽ có những điểm khác thời kỳ chiến tranh.

Trên bán đảo Đông Dương, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia chống đế quốc Mỹ xâm lược và giành được thắng lợi rất to lớn và đang diễn ra dưới những hình thức và mức độ khác nhau, gay go, phức tạp và lâu dài. Nhân dân ba nước đã gắn bó chặt chẽ với nhau, cùng đấu tranh chống kẻ thù chung sẽ càng tăng cường đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau trong giai đoạn mới.

Trong tình hình đó, chúng ta cần tiếp tục tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và viện trợ của các nước anh em và nhân dân thế giới, đồng thời nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính, có quyết tâm và lòng tin tưởng vào chiến thắng rất cao, ra sức phát huy mọi điều kiện thuận lợi, đưa cuộc đấu tranh cách mạng ở nước ta phát triển theo những khả năng có lợi nhất, buộc địch phải thực hiện Hiệp định Pa-ri, đồng thời luôn luôn cảnh giác và sẵn sàng đánh bị mọi âm mưu của chúng. Chúng ta phải có phương thức thích hợp để phối hợp đấu tranh chặt chẽ với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia trong hoàn cảnh mới, góp phần tích cực đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân các nước Đông Dương phát triển tiến lên.

Những đặc điểm đã nêu ở trên nói lên những khả năng và điều kiện thuận lợi mà ta cần phải ra sức phát huy, đồng thời cũng nói lên những nhược điểm, khó khăn mà ta phải ra sức khắc phục để tiếp tục tiến lên trong giai đoạn mới.

2. Nội dung công tác chỉ đạo của Quân uỷ năm 1974:

Các vấn đề lớn như: nhận định âm mưu địch, phương hướng nhiệm vụ chung, nhiệm vụ quân sự, các chủ trương công tác lớn đều đã được đề ra trong các nghị quyết của Quân uỷ Trung ương năm 1973. Dựa vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21, lần thứ 22, Quân Uỷ sẽ có những điểm bổ sung cần thiết.

Về các chủ trương công tác lớn, ngoài những vấn đề quan trọng cần chỉ đạo thường xuyên như công tác đấu tranh thi hành hiệp định, công tác vận chuyển chi viện chiến trường, công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, công tác chấp hành các chính sách, giải quyết các vấn đề sau chiến tranh, công tác giúp bạn Lào và Cam-pu-chia, v.v... Quân Uỷ Trung ương sẽ chú trọng đi sâu vào một số vấn đề lớn:

1. *Vấn đề xây dựng kế hoạch chiến lược cơ bản lâu dài*, làm cơ sở cho việc đặt các kế hoạch trước mắt về tổ chức lực lượng, về xây dựng đội ngũ cán bộ, về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của quân đội, xây dựng hậu phương, căn cứ địa, kết hợp kinh tế và quốc phòng, về tổng kết và nghiên cứu khoa học quân sự, kỹ thuật quân sự, v.v...

2. *Vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang*, nâng cao sức mạnh chiến đấu của ba thứ quân. Chú trọng các vấn đề: kiện toàn cơ cấu tổ chức các cấp từ trên xuống dưới¹ xây dựng các binh đoàn chủ lực, các binh chủng, quân chủng kỹ thuật, xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích ở cả hai miền, xây dựng lực lượng hậu bị của quân đội, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng hệ thống nhà trường huấn luyện quân đội... Trước mắt coi trọng vấn đề quản lý bộ đội về mọi mặt và giáo dục rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật của bộ đội.

3. *Vấn đề xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật*, xây dựng hậu phương quân đội, xây dựng căn cứ địa của các chiến trường và chỉ đạo việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, chú trọng vấn đề bảo đảm kỹ thuật, xây dựng các cơ sở sửa chữa và sản xuất, kho tàng.

4. *Vấn đề kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, vấn đề quân đội tham gia xây dựng kinh tế*, nhằm phối hợp các cố gắng của quân đội và các ngành của nhà nước trong việc xây dựng một nền kinh tế mạnh đi đôi với một nền quốc phòng mạnh, đóng góp phần tích cực của quân đội vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước.

5. *Vấn đề tổng kết và nghiên cứu khoa học quân sự, kỹ thuật quân sự*, nhằm từng bước xây dựng các tài liệu cơ bản về đường lối xây dựng, nghệ thuật quân sự, kỹ thuật quân sự, về công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, làm căn cứ cho việc thống nhất huấn luyện cán bộ và bộ đội trong toàn quân, đặt cơ sở cho việc xây dựng nền khoa học quân sự Việt Nam về lâu dài.

6. *Vấn đề tiến hành đại hội Đảng các cấp*:

Theo kế hoạch chung của Trung ương Đảng mà chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IV, động viên bộ đội phấn khởi tiến lên, hoàn thành tốt nhất mọi nhiệm vụ để hưởng ứng đại hội.

7. *Muốn thực hiện tốt những nghị quyết của Quân uỷ trong năm 1974 chúng ta cần có cố gắng mới rất lớn để tăng cường việc chỉ đạo tổ chức thực hiện*:

a) Trước hết, cần soát xét lại các quy định đã có về chức trách nhiệm vụ, quyền hạn của các tổng cục, về quan hệ mọi mặt giữa các tổng cục, giữa mỗi tổng cục và các tổ chức thuộc quyền mình, về chế độ công tác và sinh hoạt, đề nghị với Quân uỷ những điểm điều chỉnh và bổ sung cần thiết,... tiến tới quy định thành điều lệ công tác hoàn chỉnh của các cơ quan Bộ. Đồng thời nghiên cứu đề nghị lên Chính phủ các quy định về quan hệ giữa Bộ Quốc phòng và chính phủ, giữa các tổng cục với các ngành, các cấp của nhà nước, giữa các quân khu với các ngành, các cấp ở các địa phương.

Các căn cứ vào kinh nghiệm tiến hành công tác đó ở các cơ quan Bộ mà hướng dẫn cho các quân khu, quân chủng, binh chủng, v.v... cách làm ở các cấp đó.

b) Cần ra sức cải tiến lề lối làm việc trên cơ sở các nghị quyết của Quân uỷ các năm trước về quy định và cải tiến cách làm việc. Chú trọng hai loại vấn đề:

- Loại vấn đề về xây dựng nền nếp công tác như:

¹ . Vấn đề này có thể bao gồm: việc điều chỉnh tổ chức của một số cơ quan trên Bộ, nhằm hợp lý hóa tổ chức, giảm quân số, tăng cường lực lượng chiến đấu, công tác và nâng cao chất lượng hoạt động trên mọi mặt, nhằm tăng cường chỉ đạo một số mặt công tác quan trọng như: công tác sản xuất công nghiệp quốc phòng, công tác quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, công tác quân đội tham gia xây dựng kinh tế v.v...

+ Phân công, phối hợp, chủ trì hiệp đồng chặt chẽ giữa các tổng cục và trong từng tổng cục; tăng cường nền nếp làm việc tập trung thống nhất, khắc phục tình trạng làm việc phân tán.

+ Phát huy chức năng làm tham mưu cho Bộ của các bộ tư lệnh, quân chủng, binh chủng.

- *Loại vấn đề về chỉ đạo kế hoạch như:*

+ Bố trí lực lượng thích đáng để giải quyết các vấn đề cơ bản lâu dài, trong lúc tiến hành thường xuyên các công tác trước mắt.

+ Xác định công việc nào làm trước, công việc nào làm sau, vấn đề gì phải giải quyết dứt điểm, vấn đề gì phải triển khai được một bước trong năm 1974, để đặt cơ sở cho những năm sau, v.v...

+ Tập trung cố gắng chủ yếu của toàn quân trong từng thời gian vào từng vấn đề lớn, thực hiện từng cuộc vận động, nhằm tạo nên từng phong trào, từng bước chuyển biến mạnh mẽ trong lực lượng vũ trang¹.

+ Tăng cường công tác nghiên cứu để nâng cao chất lượng các kế hoạch công tác.

c) *Cần thường xuyên đẩy mạnh tự phê bình và phê bình ở tất cả các cấp nhằm tăng cường đoàn kết trong nội bộ, tăng cường kỷ luật mở rộng dân chủ, theo đúng nguyên tắc tổ chức của Đảng.*

Các tổng cục cần dựa theo các điểm nêu trên đây, căn cứ chức trách của từng tổng cục mà nghiên cứu lại những nghị quyết trước đây của Quân ủy, đề nghị với Quân Ủy các ý kiến bổ sung thích hợp, vạch ra nội dung công việc tổng cục cần làm và hướng dẫn toàn quân làm trong năm 1974 để thực hiện các nghị quyết của Quân Ủy. Căn cứ vào đó mà đặt kế hoạch công tác năm 1974 của tổng cục.

C. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH VIỆC KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC NĂM 1973 VÀ LÀM PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 1974 CỦA CÁC TỔNG CỤC

1. Các tổng cục dựa theo bản hướng dẫn của Quân Ủy, làm báo cáo của tổng cục mình gửi lên Quân Ủy. Nội dung báo cáo có cả phần kiểm điểm, đánh giá công tác vừa qua và phần đề án chỉ đạo công tác sắp tới.

Trên cơ sở đó, chuẩn bị dự thảo bản nghị quyết của Quân Ủy, để chuẩn bị cho Quân Ủy họp.

Sau khi Quân Ủy có nghị quyết, sẽ mở hội nghị cán bộ cao cấp để phổ biến.

2. Thời gian tiến hành quy định như sau:

- Trong tháng 1 năm 1974, các tổng cục gửi báo cáo lên Quân Ủy.

- Cuối tháng 1 năm 1974, đầu tháng 2 năm 1974, Quân Ủy họp.

Sau đó sẽ định thời gian triệu tập cán bộ cao cấp.

TM THƯỜNG VỤ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
PHÓ BÍ THƯ
SONG HÀO

¹. Trước mắt, có thể có những vấn đề: nâng cao kỷ luật, đoàn kết quân dân, bảo đảm kỹ thuật, tiết kiệm của công, tham gia lao động xây dựng kinh tế, v.v...

ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
Số: 08/QUTƯ

Ngày 25 tháng 1 năm 1974

NGHỊ QUYẾT CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
Về vấn đề xây dựng căn cứ địa ở miền Nam

Ngày 27 tháng 9 năm 1973, Quân uỷ Trung ương đã họp bàn về vấn đề xây dựng căn cứ địa ở miền Nam.

Có mặt các đồng chí Văn Tiến Dũng, Song Hào, Trần Quý Hai, Nguyễn Đôn, Lê Hiến Mai, Đinh Đức Thiện.

Tham dự hội nghị, còn có các đồng chí Vũ Xuân Chiêm, Hoàng Điền, Vũ Lăng, Võ Quang Hồ, Vũ Hải.

Sau khi nghe Tổng cục Hậu cần báo cáo, Quân uỷ đã thảo luận và quyết nghị như sau:

1. Như chỉ thị của Quân uỷ Trung ương về vấn đề xây dựng căn cứ địa năm 1970 đã chỉ rõ, vấn đề xây dựng căn cứ địa cần được đặt ra một cách toàn diện. Căn cứ địa phải được xây dựng về nhiều mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội... mỗi mặt đó đều có ý nghĩa quan trọng. Trước hết phải chăm lo xây dựng về chính trị, đồng thời hết sức chú trọng xây dựng về mặt kinh tế và quân sự. Theo tinh thần đó và căn cứ vào tình hình cụ thể các vùng giải phóng của ta hiện nay, chúng ta chủ trương *xây dựng căn cứ địa ở miền Nam một cách toàn diện, hết sức chú trọng mặt chính trị, nhưng trước mắt tập trung lực lượng làm tốt công tác xây dựng về mặt kinh tế, đồng thời làm tốt việc xây dựng về mặt quân sự*, nhất là việc xây dựng *lực lượng vũ trang tại chỗ* nhằm bảo vệ vững chắc căn cứ địa và vùng giải phóng. Trong điều kiện hiện nay vùng giải phóng rất thưa dân, việc xây dựng về kinh tế trở thành một nhiệm vụ chính trị rất quan trọng.

Việc xây dựng căn cứ địa một cách toàn diện là một công trình rất lớn, khó khăn phức tạp, đòi hỏi phải có sự tham gia của quân đội cũng như của mọi ngành của Nhà nước. Kế hoạch của quân đội về xây dựng căn cứ địa cần được đặt trong khuôn khổ *kế hoạch chung của Nhà nước*. Tuy nhiên, do tình hình các cơ quan triển khai công việc chưa đều nhau, *quân đội không nên chờ đợi*, mà phải tích cực chủ động thực hiện phần việc của mình, nhằm tranh thủ thời gian, xúc tiến công việc nhanh và kịp thời tiết, thời vụ.

Mặt khác, trong lúc xúc tiến kịp thời các việc trước mắt của quân đội, cần tiến tới xây dựng kế hoạch kết hợp hoạt động của quân đội với hoạt động của các ngành theo một kế hoạch chung của Nhà nước.

Việc xây dựng căn cứ địa trên đất ta có liên quan mật thiết với việc xây dựng căn cứ địa trên đất Lào và Cam-pu-chia. Do đó cần có sự phối hợp mật thiết giữa ta và bạn. Cần bổ sung vào kế hoạch của ta phần ta phối hợp với bạn trong việc

xây dựng căn cứ địa. Cần có kế hoạch riêng về việc ta giúp các nước bạn Lào và Cam-pu-chia xây dựng căn cứ địa.

2. Trên cơ sở cách đặt vấn đề như trên, Quân uỷ Trung ương phê chuẩn nhiệm vụ, phương hướng, nghiên cứu chủ trương chung trong đề án "Xây dựng căn cứ địa ở các chiến trường miền Nam" do Tổng cục Hậu cần đề nghị (Văn kiện số 1959/HC ngày 1 tháng 9 năm 1973) và có những chỉ thị cụ thể như sau:

a. Bộ Tổng tham mưu cần nghiên cứu và đề nghị với Quân uỷ một kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ để bảo vệ căn cứ địa, kết hợp với kế hoạch xây dựng căn cứ địa về kinh tế và về các mặt khác và hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch đó.

b. Về chỉ tiêu công tác các mặt, trong năm 1974 cần tiếp tục phấn đấu thực hiện những chỉ tiêu mà Quân uỷ đã xác định trước đây trong Nghị quyết về nhiệm vụ và tổ chức của Tuyến vận chuyển chiến lược 559 trước tình hình mới (ví dụ: chỉ tiêu về khối lượng vận chuyển 1973 - 1974...). Những điểm nào cần điều chỉnh cho hợp với điều kiện cụ thể hiện nay và sắp tới (ví dụ: tiêu chuẩn làm đường), Tổng cục Hậu cần sẽ bàn bạc cụ thể với Bộ Tổng tham mưu để giải quyết, và báo cáo Quân uỷ để Quân uỷ ra quyết định về những vấn đề cần thiết.

Các chỉ tiêu trước đây Quân uỷ chưa xác định, thì nay lấy các chỉ tiêu do Tổng cục Hậu cần đề nghị trong Đề án số 1959/HC làm mức phấn đấu thực hiện. Trước mắt, cần căn cứ vào tình hình thực tế về mọi mặt, vạch ra kế hoạch năm 1974 cho cân đối và sát hợp để thực hiện cho kịp. Sau một thời gian tiến hành công việc, sẽ căn cứ vào tình hình thực tế để đề nghị điều chỉnh những điểm cần thiết trong các chỉ tiêu đã xác định.

c. Bộ Tổng tham mưu căn cứ vào quyết định của Quân uỷ Trung ương mà giải quyết đủ nhân lực (lực lượng bộ đội) tham gia xây dựng căn cứ địa. Đồng thời nghiên cứu yêu cầu về nhân lực đề nghị Nhà nước bổ sung cho quân đội để xây dựng căn cứ địa, nhất là về cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật.

d. Về số vốn đầu tư để xây dựng căn cứ địa theo phần việc mà quân đội chủ động làm, Tổng cục hậu cần bàn bạc với tiểu ban ngân sách của Quân uỷ để giải quyết sớm và xin ý kiến Quân uỷ về những vấn đề cần thiết. Riêng số vốn đầu tư để làm đường chiến lược, Tổng cục Hậu cần căn cứ vào kế hoạch chung làm tờ trình đề nghị Nhà nước đầu tư sớm để kịp triển khai.

3. Trong khi nghiên cứu các kế hoạch cụ thể, cần chú ý các yêu cầu sau đây do tình hình mới đề ra:

a. Hiện nay, ở miền Nam vẫn chưa có ngừng bắn, hòa bình chưa thực sự được lập lại. Ngụy quyền Sài Gòn được Mỹ giúp đỡ vẫn tiếp tục gây chiến nhằm lấn chiếm vùng giải phóng và vùng tranh chấp, đặc biệt là vùng đồng bằng, đông dân, nhiều cửa. Đồng thời chúng vẫn liên tiếp mở các cuộc hành quân, kim kẹp, đàn áp nhân dân trong vùng chúng kiểm soát. Hoạt động của các lực lượng vũ trang của ta trên chiến trường để trừng trị địch vi phạm hiệp định, đặt ra yêu cầu bổ sung tiêu hao tương đương với thời kỳ tiến hành chiến tranh ở mức tương đối thấp trước đây.

Đồng thời trong điều kiện mới, nhu cầu cung cấp cho lực lượng vũ trang trở nên nhiều mặt hơn và lớn hơn trước đây. Số lượng mặt hàng và khối lượng vận chuyển đều tăng lên.

Mặt khác, khả năng khai thác tại chỗ ở nhiều chiến trường bị thu hẹp. Khả năng viện trợ quân sự của các nước anh em đối với ta trong điều kiện hòa bình có thể sẽ có nhiều điểm không giống như trong chiến tranh.

Tình hình nói trên đòi hỏi ta phải cân nhắc đầy đủ các mặt trong kế hoạch xây dựng căn cứ địa, nhất là trong kế hoạch vận chuyển cho chiến trường nhằm bảo đảm được sinh hoạt và các hoạt động thường xuyên của quân đội, chú trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ và chiến sĩ, bảo đảm luôn có khối lượng dự trữ cần thiết, đồng thời bảo đảm của lực lượng và phương tiện cần thiết để xây dựng căn cứ địa về lâu dài trên các mặt.

b. Chúng ta chủ trương giữ vững hòa bình, tôn trọng và nghiêm chỉnh thi hành hiệp định. Nhưng do âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai tình hình có thể còn có những diễn biến phức tạp, những tình huống phát triển đột xuất. Vì vậy kế hoạch xây dựng căn cứ địa phải đáp ứng được yêu cầu bảo đảm cho các lực lượng vũ trang luôn luôn sẵn sàng chiến đấu. Về mặt phương thức, quy mô tiến hành, những công trình xây dựng quan trọng như: cơ sở bảo đảm kỹ thuật, cơ sở sản xuất... phải được đặt trong tình trạng còn có chiến tranh.

c. Cũng do âm mưu của địch, tình hình ở Cam-pu-chia và ngay cả ở Lào sắp tới cũng có thể có những diễn biến phức tạp. Đi đôi với những thuận lợi mới, sẽ có thể có những khó khăn mới. Tình hình đó sẽ có ảnh hưởng đến công tác xây dựng căn cứ địa của ta. Vì vậy trong việc làm kế hoạch xây dựng căn cứ địa cũng như trong việc thực hiện kế hoạch, cần có biện pháp đề phòng, hạn chế, khắc phục những khó khăn đó. Cần ra sức xây dựng tốt và đúng thời hạn tuyến đường phía Đông. Chú ý làm tốt các biện pháp giữ bí mật, nguy trang trong vận chuyển.

4. Về tổ chức thực hiện cần chú ý:

a. Căn cứ vào những vấn đề Quân uỷ đã quyết nghị, các tổng cục, chủ yếu là Tổng cục Hậu cần và Bộ Tổng tham mưu cần bàn bạc với nhau, soát xét lại công việc, hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan Bộ, các lực lượng có liên quan ở miền Bắc và các chiến trường để triển khai công tác xây dựng căn cứ địa ở chiến trường (nếu cần, ra những chỉ thị liên tổng cục) và đề nghị với Thường vụ Quân uỷ ra những chỉ thị cần thiết để thực hiện Nghị quyết này.

b. Cần phân biệt việc gì làm trước, việc gì làm sau, việc gì cần làm dứt điểm trong thời gian nào, việc gì cần dự kiến và có chuẩn bị để khi tình hình rõ hơn thì sẽ tiến hành, bảo đảm ta có thể chủ động trong mọi tình hình. Trước mắt, cần giành ưu tiên cho việc vận chuyển vũ khí, đạn dược, trang bị, thiết bị, khí tài cần thiết cho yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cũng như làm đường của bộ đội.

c. Sau khi Tổng cục Hậu cần và Bộ Tổng tham mưu đã bàn bạc điều chỉnh xong các chỉ tiêu cụ thể cần thiết và soát xét lại các phần của kế hoạch theo các điểm Quân uỷ đã xác định trên đây, Bộ Quốc phòng cần có báo cáo với Thường vụ Hội đồng chính phủ:

- Nêu các đề nghị về các vấn đề quân đội xin Nhà nước chi viện.

- Xác định kế hoạch phân công, phối hợp giữa quân đội và các ngành của Nhà nước trong việc xây dựng căn cứ địa, chú trọng cân đối giữa yêu cầu vận chuyển của các ngành và khả năng vận chuyển thực tế của Tuyến chiến lược 559.

Trình bày các yêu cầu và đề nghị của quân đội về vấn đề tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy chung đối với công tác xây dựng căn cứ địa.

Cần có chuẩn bị để báo cáo với Bộ Chính trị những vấn đề lớn về xây dựng căn cứ địa.

5. Dựa theo chức trách từng tổng cục và yêu cầu công tác trước mắt, Quân uỷ xác định một số điểm sau đây về *phân công chỉ đạo tổ chức thực hiện*:

Công tác xây dựng căn cứ địa về mặt kinh tế và bảo đảm vật chất kỹ thuật ở các chiến trường (bao gồm việc làm đường ô tô, bảo đảm giao thông, xây dựng đường ống dẫn dầu, việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, việc sản xuất lương thực, thực phẩm) do Tổng cục Hậu cần phụ trách, từ khâu làm kế hoạch, chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sau khi Quân uỷ đã thông qua, cho đến khâu quan hệ với các cơ quan nhà nước để thống nhất kế hoạch và xin giải quyết các yêu cầu về bảo đảm vật chất, kỹ thuật.

Bộ Tổng tham mưu có trách nhiệm tham gia ý kiến với Tổng cục Hậu cần về phương hướng và quy hoạch chung, cũng như về kế hoạch thực hiện từng bước cho phù hợp với yêu cầu và khả năng, làm kế hoạch và chỉ đạo thực hiện các công tác xây dựng căn cứ địa về mặt quân sự như: xây dựng lực lượng vũ trang, sân bay, đường dây thông tin...

Sau khi làm việc với các cơ quan Nhà nước, cần có kế hoạch hoạch, có tổ chức, có phân công làm việc với bạn Lào và Cam-pu-chia về những vấn đề có liên quan đến từng bạn để cùng nhau thực hiện.

Theo những nhiệm vụ và sự phân công trên đây là căn cứ vào chức trách của mình, từng tổng cục chủ trì việc tổ chức hiệp đồng và chủ động phối hợp với nhau để tiến hành hcvj cho ăn khớp và nhanh chóng.

TM QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
PHÓ BÍ THƯ
VĂN TIẾN DŨNG

ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN PHÁT BIỂU Ý KIẾN SAU KHI NGHE ĐỒNG CHÍ VÕ QUANG HỒ⁽¹⁾ BÁO CÁO DỰ THẢO KẾ HOẠCH

(đồng chí Hồ lược ghi)

Ngày 10 tháng 9 năm 1974

Giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976.

Ở Khu 9, cần cho một số tiểu đoàn đánh sau lưng địch, tình hình sẽ bung ra.

Năm 1975 đánh quy mô to như năm 1972 thế nào? Căng địch ra và đánh to từng chỗ. Năm 1975 rất căng cho Mỹ: Bầu cử ở Mỹ; Pho muốn thắng cử năm 1975 phải giải quyết miền Nam; ta giải phóng miền Nam năm 1976 trước khi bầu cử ở Mỹ. Có hai mốc năm 1975 và năm 1976 trước khi bầu cử ở Mỹ. Quân sự phải làm được. Pho muốn lên, năm 1975 phải làm miền Nam và Cam-pu-chia như Lào. Ta tạo khả năng để tiến lên ngay lập tức, không dừng lại mà xóa hết cả. Năm 1975 nếu có khả năng 1 thì ta phải xóa kẹp ở nông thôn. Năm 1975, Pho phải làm chính phủ ba thành phần ở miền Nam, chính phủ liên hiệp ở công nhân, viên chức. Vì chính trị của nó lung lay nên quân sự ta sẽ rất mạnh. Nếu có khả năng 1 lập chính phủ ba thành phần thì ta thực hiện thống nhất ngay.

Năm 1975 rất quan trọng. Miền Bắc chú trọng huấn luyện giỏi một số tiểu đoàn và quân bổ sung. Đưa cho Khu 8: một vạn quân, Khu 9: một vạn quân, đánh mở toang vùng đồng bằng sông Cửu Long ra.

Năm 1975 căng địch ra trên cả chiến trường, đánh tập trung lớn trên từng khu vực. Mở Tây Nguyên là chính. Miền Đông cứ để như vậy, ép Sài Gòn lại, khi có thời cơ sẽ tung thêm 3-4 sư đoàn làm cú khác. Trong việc tuyên truyền không nên tuyên bố về việc ta giành dân, địch mất dân mất ấp, để duy trì tình trạng chúng nó giấu lẫn nhau.

Thời cơ giải phóng miền Nam hiện nay

- Có hai thời cơ:

+ Năm 1975 nó thụt lùi để tuyển cử ở Mỹ. *Ta mở nông thôn đồng bằng, làm đường cơ động nối liền Bắc Nam, căng địch ra và tập trung lực lượng đánh vào chỗ địch yếu.* Phải biết căng ra sao cho đúng. Có thể Pho chuẩn bị gạt Thiệu, thực hiện ba thành phần, ta phá toang đồng bằng, gỡ hết đồn bốt; nếu có khả năng 1 thì ta kết hợp nổi dậy và tấn công vũ trang đòi thi hành dân chủ. Chuẩn bị năm 1976 sẽ tấn công lớn khi Pho sắp tuyển cử.

+ Năm 1976 ta đánh to như năm 1972, đánh từng đô thị, *thọc vào quả tim Sài Gòn.* Ta không bỏ lỡ thời cơ năm 1976. *Năm 1975 chủ lực phải càng đánh càng mạnh, không được để yếu đi, chuẩn bị để đánh to năm 1976.* Tập trung 3-4 sư đoàn tiêu diệt 1 sư đoàn địch. Uy hiếp các nơi, dồn sức tập trung đánh thọc vào quả tim Sài Gòn. Lê Lợi, Quang Trung đều đánh vào Thăng Long. Căng các nơi, chuẩn bị cú mạnh đánh bất ngờ vào Sài Gòn. Phải chuẩn bị thật tích cực. Đánh chỗ hiểm nhất, to nhất. Bất ngờ dùng pháo, 7-8 sư đoàn đánh vào Sài Gòn *cô lập Trị Thiên* và có kế hoạch nghi binh thật tốt. Sài Gòn yếu chứ không mạnh, quần chúng đều theo ta. Ở cu-ba, Phi-đen Ca-xtơ-rô dùng 1 vạn quân thọc

vào thủ đô, giải tán 20 vạn quân. Ta dám làm khi địch chông chênh. Muốn nắm cơ hội thì ta phải tạo nên sức mạnh. Phương pháp phải đúng, tổ chức phải đúng, vừa đánh vừa chuẩn bị, đánh để tạo nên sức mạnh. Cách mạng nông thôn lên thì đô thị sẽ lên. Ta không ngờ ta thắng 50 vạn quân Mỹ, dám đánh thì thắng. Biết làm thì ít cũng thành công, không biết làm làm nhiều cũng thất bại như Nam Dương. Cách mạng Trung Quốc có tấn công mới thắng, không giữ Diên An mà đánh vào đô thị. Ta phải làm đường sá cho chủ động. Sài Gòn là mục tiêu chính, đây là cơ quan chóp bu của địch. *Khu 5 gỡ đồng bằng là chính.*

Điều kiện chính để giải phóng miền Nam là chủ lực của ta có đủ sức làm hay không. Cách mạng Trung Quốc chỉ có tấn công quân sự, không có nổi dậy của quần chúng. Lê-nin chỉ nói tổng khởi nghĩa. *Việt Nam ta nói tổng công kích, tổng khởi nghĩa, quân sự có vai trò quyết định.* Ở Việt Nam, quần chúng luôn luôn có tiền đề khởi nghĩa, ngã về cách mạng nhiều, không bao giờ ngã về địch. Ta mạnh thì nó không cai trị được. Ta không mạnh thì nó cai trị được. Điều kiện quần chúng đã sẵn sàng. Sài Gòn cũng như Khu 8, Khu 9, quần chúng bị kìm kẹp, nếu ta gỡ thì họ lên ngay. Không cần điều kiện quốc tế. *Mỹ có khó khăn mới rút ra, không nhảy vào như năm 1965 nữa.* Chính quyền nó yếu rồi, lung lay. Ở Khu 8, Khu 9 ta đưa vào 1-2 sư đoàn, nó không cai trị được. Địch đã thất bại, nội bộ rối loạn. Điều kiện chính là ta mạnh hay không mạnh, *cú quyết định là tổng công kích: tổng tấn công đồng loạt và nổi dậy đồng loạt, không phải tổng khởi nghĩa.* Địch mạnh, ta yếu ta vẫn tiến công. Ta tiến công và làm chủ không phải chỉ tiêu diệt, vì quần chúng đã làm cách mạng 20 năm rồi, quần chúng sẵn sàng đi về ta, Sài Gòn đã nhiều lần nổi dậy. Bây giờ ta đè bẹp địch xuống, quần chúng sẽ nổi dậy ngay. Tết Mậu Thân chủ lực ta vào Sài Gòn ít quá, nên quần chúng không nổi dậy được. Ta còn yếu chưa đặt vấn đề chủ lực vào Sài Gòn. Ở Huế chủ lực vào nhiều, quần chúng nổi dậy được. Chủ lực ta đã đánh Mỹ thua (50 vạn quân phải rút ra) được trang bị huấn luyện mạnh hơn, tập trung hơn. Quanh Sài Gòn lực lượng địa phương vững, lực lượng đặc công mũi nhọn rất mạnh, thành một cơ cấu. Ta căng địch ra trên toàn chiến trường, ta thắng địch ở đồng bằng, làm địch ở đô thị lung lay. *Mỹ không nhảy vào nữa.* Phe ta còn giúp ta như hiện nay. Quần chúng đã quen nổi dậy, 60-70% theo ta. *Thời gian chuẩn bị của ta là chính.* Ta vào đô thị, địch không bao vây được. Diệt gọn từng sư đoàn, đánh vào Sài Gòn, các nơi khác sẽ như rấn mất đầu. *Ta không chờ điều kiện quần chúng nổi dậy, mà ta đánh vào Sài Gòn, quần chúng sẽ nổi dậy.* Ta 30 vạn quân, địch 60 vạn quân, ta 1 địch 2, nhưng địch phân tán. Ta có quả dấm 10 vạn quân tập trung. Khi cách mạng Trung Quốc tiến xuống phía Nam, quân Trung cộng là 1 thì quân Quốc dân đảng gấp 5 lần. Cách mạng thế giới chưa bao giờ thuận lợi như ta. Ta thuận lợi nhất về cách mạng.

Phải chuẩn bị, *nếu năm 1975, quần chúng Sài Gòn nổi dậy thì ta cơ động chủ lực cho kịp thời.* Năm 1975 phải sẵn sàng. Năm 1976 phải sẵn sàng, phải có lực lượng dự bị. Cán bộ từ tiểu đoàn trở lên phải sẵn sàng. Mỹ vào, ta dám mở mặt trận Trị Thiên. Thế ta bây giờ mạnh, Mỹ ra rồi, các sư đoàn chủ lực ta ở lại miền Nam.

Ta đặt vấn đề tổng công kích, tổng khởi nghĩa, đặt chủ lực lên hàng đầu vì tổng công kích là chính, vì quân sự là chính. *Tổng công kích một giai đoạn gồm*

3-4 chiến dịch. Tổng công kích không phải là một cú mà là một giai đoạn. Năm 1975 đã là giai đoạn đầu của tổng công kích. Tổng công kích có thể 2 năm. Năm 1968 ta đánh đô thị, để giải phóng nông thôn là chính, để đánh bại ý chí của Mỹ là chính. Nhưng quân Mỹ còn, quân ngụy còn; lần này quân Mỹ đã rút ra, ta đánh tan quân ngụy thì ngụy quyền tan. *Gỡ nông thôn, tiêu diệt chủ lực, tiêu diệt từng sư đoàn, đánh đô thị, ba quả dấm dính nhau, hỗ trợ lẫn nhau...* Ta tổng công kích tổng khởi nghĩa dài hơn, phức tạp hơn. Tiêu diệt vài sư đoàn, đánh vào đô thị. *Dù khởi nghĩa ở Sài Gòn, cũng phải tiêu diệt các sư đoàn ở miền Đông.* Ba - bốn sư đoàn ta tiêu diệt một sư ngụy có được không? Nếu quân sự chưa làm nổi ở miền Đông thì có thể đánh lớn trước ở Tây Nguyên. *Đánh hai cú ở Tây Nguyên và miền Đông, địch sẽ tan.* Ta dám tập trung và có dự bị. Tổng công kích - tổng khởi nghĩa, chuẩn bị phải tốt: Làm đường, chuẩn bị ở Tây Nguyên, chuẩn bị ở Sài Gòn và miền Đông.

Ra hội nghị Bộ Chính trị, chỉ bàn nhiệm vụ năm 1975.

Chuẩn bị lực lượng là vấn đề lớn nhất:

- Lực lượng tại chỗ phải đủ mạnh.
- Chuẩn bị chủ lực miền Nam 13 sư đoàn tập trung, hướng chủ yếu Sài Gòn miền Đông 7-8 sư, 12-13 vạn quân. Hướng khác 3-4 sư đoàn. *Thực hiện tiêu diệt chiến lược.*

- *Chủ lực miền Bắc đánh tập trung 3 quân đoàn, đánh vài trận như vậy.*

- Có quân dự bị để bổ sung.

- *Chuẩn bị vật chất đường sá.*

- Sử dụng đạn dược cho đúng: pháo búng gần đỡ tốn đạn và chính xác hơn.

Đồng ý tuyển quân năm 1975: 13 vạn, năm 1976: 18 vạn. Bảo đảm cho miền Nam 13 sư, miền Bắc 14 sư.

Ta đánh miền Nam, miền Bắc vẫn tiến lên không ảnh hưởng gì. Ta thắng ở miền Nam thì dám đầu tư vào miền Bắc.

Bộ đội miền Bắc tham gia xây dựng kinh tế, làm thủy lợi, đường sá nhà cửa, một năm tập 6 tháng, lao động 6 tháng.

Miền Bắc phải chú ý phía biên giới phía Bắc, nhất là Lạng Sơn - Cao Bằng. Chú ý các con đường từ phía Bắc sang. Xây dựng 2 tuyến phòng thủ biên giới và trung du. Chú ý cả vùng dọc bờ biển.

Hướng năm 1975. Có 2 hướng: Địch buộc phải di vào khả năng 1, lập chính phủ ba thành phần hoặc có nổi dậy ở đô thị. Dù tình huống nào ta cũng phải giành Khu 8, Khu 9 hoàn chỉnh hơn nữa, áp sát bao vây Sài Gòn hơn nữa, đô thị có khả năng năm 1975 có phong trào. Nếu đô thị có phong trào thì phải tranh thủ mở vùng mở mang ở đồng bằng, cho Sư 5 thọc hẳn xuống đồng bằng. Khu 8 tổ chức 2-3 trung đoàn, phá toang rồi không cần giữ, chỉ để lại các tiểu đoàn bộ đội địa phương, tập trung các trung đoàn lại thành sư đoàn để ép Sài Gòn. Cho B2 một sư ngay. Tùy thời cơ điều động vài sư đoàn vào miền Đông sau khi đánh ở Tây Nguyên. Năm 1975 có thể ép Sài Gòn với 5-6 sư đoàn. Tùy điều kiện lúc đó sẽ quyết định đánh chủ lực là chính hay là đánh Sài Gòn là chính.

- Trị Thiên: phá kềm.

- Chính là Tây Nguyên và Khu 5 nhằm cắt miền Nam, uy hiếp Sài Gòn, Tây Nguyên đánh xong mạnh lên, sẵn sàng xuống Khu 7.

- Phá toang Khu 8, Khu 9.

Tình hình sẽ thay đổi một cách cơ bản.

Năm 1976 là một bước nhảy vọt khác. Ta tập trước khi có bầu cử ở Mỹ. Ta có điều kiện để làm được, phải tập trung hơn, cố gắng hơn, làm chắc hơn năm 1975 - 1976, đường sá phải mạnh hơn. Cuối năm 1974 phải lên, không được thụt lùi, địch đang rối loạn về chính trị.

Về đánh giá Mỹ: Dù Mỹ 10% đánh miền Bắc, ta vẫn đánh miền Nam nếu kéo dài ở miền Nam ta sẽ yếu đi. Có giải phóng được miền Nam, thì miền Bắc mới xây dựng được... Hay nhất là giải phóng miền Nam trong năm 1975 - 1976, nếu kéo dài sẽ không tốt.

Ta nói tổng công kích - tổng khởi nghĩa vì là chiến tranh:

Đòn quyết định vẫn là quân sự. Đòn cơ bản là quân đội. Năm 1975 - 1976 cố xin thêm 20 - 30 vạn viên đạn pháo. Năm 1959 - 1960 đầu tiên ta khởi nghĩa rồi tấn công nhưng khi đã đánh rồi, đã thành chiến tranh cách mạng rồi thì ta dễ tổng công kích tổng khởi nghĩa. Quân chúng là của ta rồi nhưng phải có áp lực quân sự quân chúng mới có thể nổi dậy được. Ở Huế quân chúng đã nổi dậy năm 1968, ở Đà Nẵng đã từng nổi dậy 72 ngày. Ở Khu 9 đã nổi dậy năm 1973 - 1974. Ở Sài Gòn đã từng nổi dậy mấy lần rồi. Nếu nó nhận lập chính phủ liên hiệp ba thành phần thì đó là một dịp để ta nổi dậy, quân sự chính trị song song giành nông thôn, không bỏ lỡ cơ hội, nổi dậy cả ở đô thị.

NGHỊ QUYẾT CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG

Tháng 10 năm 1974

Để tiếp tục thực hiện nghị quyết lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và nghị quyết tháng 3 năm 1974 của Quân uỷ Trung ương đã được Bộ chính trị thông qua, Quân uỷ Trung ương đã đánh giá tình hình từ đầu năm 1974 đến nay, dự kiến âm mưu sắp tới của địch, đề ra phương hướng nhiệm vụ trong năm 1975.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐỊCH TA TỪ ĐẦU NĂM 1974 ĐẾN NAY

Sau khi các địa phương quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 21, Nghị quyết Quân uỷ Trung ương được Bộ Chính trị thông qua tháng 3 năm 1974, thì từ tháng 9 năm 1974 trở đi, nhất là từ tháng 4 năm 1974 đến nay các chiến trường kiên quyết phản công và tấn công. Ta đã giành lại được thế chủ động, tung ra nhiều điều kiện và khả năng mới để làm chuyển biến nhanh so sánh lực lượng địch ta. Địch đã suy yếu nhanh chóng và toàn diện, dần dần đi vào thế bị động phòng ngự và đang gặp khó khăn ngày càng lớn về quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội.

1. Về địch

a. Ngụy Sài Gòn, được Mỹ viện trợ về cả cố vấn, về quân sự và kinh tế, vẫn tiếp tục chiến tranh, dốc toàn lực bình định lấn chiếm củng cố vùng chúng kiểm soát, lấn chiếm các lôm giải phóng đồng bằng ở những nơi ta sơ hở, cải tiến thêm thủ đoạn kim kẹp, như lập phân chi khu xã, tăng lực lượng cơ động của bảo an, tập trung lực lượng chủ lực quy mô từ 1 đến 2-3 sư đoàn để giải tỏa.

Chúng có thu được một số kết quả: thực hiện được phân tuyến ở Trị Thiên, lấn chiếm Vùng 4 Kiến Tường ở Khu 8, định cư khai hoang ở một số nơi thuộc Khu 6, còn bắt được lính, vợ vét thuế, một phần lúa gạo.

Chúng còn những chỗ mạnh nhất định:

Quân số còn đông, đồn bốt còn dày; còn kim kẹp được số đông quần chúng; còn kiểm soát được thành phố thị xã; viện trợ quân sự, kinh tế Mỹ còn lớn.

b. Tuy nhiên, *ngụy Sài Gòn* đã thất bại một bước về kế hoạch bình định lấn chiếm, đang ở vào thế suy yếu và bị động bộc lộ nhiều điểm yếu, có khó khăn lớn ngày càng phát triển về kinh tế, chính trị, xã hội.

- Số dân và đất lấn chiếm được sau ngày 28 tháng 1 năm 1973 không giữ được; còn bị mất thêm - đồn bốt bị diệt và co lại. Lực lượng kim kẹp ở cơ sở có nơi kém hiệu lực, bị long rã, có nơi bị phá vỡ từng mảng.

- Sức chiến đấu của quân ngụy giảm sút rõ rệt do thiếu hỏa lực không quân, pháo binh chi viện, thiếu phương tiện cơ động, thiếu quân cơ động ứng cứu, do tinh thần chán chiến tranh, mong muốn hòa bình của phần lớn binh sĩ, hạ sĩ quan, nhân viên ngụy quyền lớp dưới có nhiều khó khăn về đời sống gia đình, do bắt lính đôn quân không đủ bù tiêu hao, tổng quân số bắt đầu giảm sút.

- Khó khăn về kinh tế tài chính ngày càng trầm trọng và không thể khắc phục được. Viện trợ Mỹ bị hạn chế. Tư bản nước ngoài không dám đầu tư lớn; ngân sách thiếu hụt; lạm phát tăng nhanh; thất nghiệp phát triển.

- Tình hình chính trị và nội bộ ngụy quyền có xu thế đi vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng: nội bộ mâu thuẫn, phân hóa, chia rẽ. Các tầng lớp nhân dân căm ghét và chống đối mạnh. Lực lượng thứ ba, các tôn giáo, các phe phái đẩy mạnh hoạt động chống đối; mặc dù CIA có thọc tay vào nhưng không cản nổi sự tiến bộ trong quần chúng.

c. Mỹ tiếp tục thất bại ở Lào, ở Cam-pu-chia, đang gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng ở trong nước và trên thế giới. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ giành giật cắn xé nhau; Ních-xon đã nói lên sự khủng hoảng và suy yếu của Mỹ. Mâu thuẫn giữa nhân dân và các tập đoàn thống trị Mỹ rất gay gắt. Chúng đang đứng trước nguy cơ một cuộc suy thoái kinh tế ở ngay ngưỡng cửa của một cuộc khủng hoảng kinh tế. Các nước đồng minh của Mỹ như Tây Âu, Nhật Bản đã mạnh lên về kinh tế và đang cạnh tranh với Mỹ về thị trường, về nguyên liệu, về năng lượng. Phong trào độc lập dân tộc từng nước phát triển; những biến đổi ở Thái Lan, Bồ Đào Nha, Ê-ti-ô-pi-a, Hy Lạp theo chiều hướng chống phát xít, chống tư bản độc quyền đều bất lợi cho Mỹ.

Khó khăn của Mỹ ngày càng tăng và ảnh hưởng sâu sắc đến ngụy quyền Sài Gòn.

2. Về ta

a. Quán triệt quan điểm bạo lực, tư tưởng tấn công của Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 và Nghị quyết tháng 3 năm 1974 của Quân ủy Trung ương, sang

năm 1974, các chiến trường phát triển thế chủ động tấn công mạnh hơn, đều hơn, đã giành được thắng lợi lớn, vững chắc, tuy mới là một bước nhưng có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong một thời gian ngắn, từ tháng 4 năm 1974 đến nay, ta đã tiêu diệt làm tan rã một bộ phận quan trọng sinh lực, phương tiện chiến tranh của địch, trung bình hơn hai vạn tên một tháng, diệt tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng trung đoàn, bắt được nhiều tù binh, thu nhiều vũ khí, gỡ nhiều đồn bốt, giải phóng một số chi khu quận lỵ, giải phóng hơn nửa triệu dân. Bộ đội địa phương, dân quân du kích tuy số lượng còn ít, nhưng chất lượng được nâng lên, nhiều nơi đã tiêu diệt, bức hàng, bức rút đồn bốt nhỏ, giải phóng được đất, được dân. Ta đã đánh bại một bước kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, khôi phục lại thế trước ngày 28 tháng 1 năm 1973 ở Khu 8, Khu 5, tiếp tục đẩy lùi địch ở Khu 9.

Chủ lực ta đã giữ quyền chủ động, đánh từng trận quy mô trung đoàn, hoặc mở chiến dịch quy mô sư đoàn, đánh hiệp đồng binh chủng, đánh vây lấn, đánh chốt chặn, đã tiêu diệt được địch, hoàn chỉnh một bước vùng giải phóng căn cứ địa phía sau, điều động căng kèm được chủ lực địch, hỗ trợ cho đồng bằng đông dân.

Vùng giải phóng, căn cứ địa được giữ vững, mở rộng hơn trước, được củng cố một bước có hệ thống đường giao thông chiến lược, chiến dịch, làm chỗ dựa tốt cho tấn công phía trước.

Phong trào Sài Gòn và các thành thị có nhiều tiền đề cách mạng to lớn và ngày càng chín muồi trong khi địch đang đứng trước một tình hình khủng hoảng toàn diện và triển miên cả về chính trị, kinh tế, xã hội, nội bộ.

Ta đã giành lại thế chủ động trên các chiến trường, buộc địch phải chuyển dần sang thế bị động phòng ngự. Thế và lực của ta vững mạnh hơn bao giờ hết.

b. Bên cạnh những thắng lợi đạt được, ta cũng còn những khuyết điểm, nhược điểm, làm hạn chế thắng lợi của ta:

- Lực lượng dân quân du kích, bộ đội địa phương vũ trang công tác còn ít, chưa phát triển. Dân ta nắm còn ít so với tổng dân số, khả năng bổ sung tại chỗ còn rất hạn chế.

- Chất lượng chiến đấu của chủ lực, tuy có được nâng lên một bước, nhưng còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu diệt trung đoàn, sư đoàn ngay trong một thời gian ngắn.

- Phong trào cách mạng ở thành thị chưa phát triển kịp với yêu cầu, trước mắt còn nhiều nhược điểm. Đấu tranh chiến tranh và binh vận không tương xứng với mặt trận quân sự.

- Miền Bắc đã ra sức chi viện sức người sức của, nhưng có khó khăn về vũ khí tiến công.

3. Về so sánh lực lượng địch ta

Ngụy, tuy còn những chỗ mạnh nhất định, nhưng không còn khả năng đánh lớn vào vùng giải phóng, căn cứ địa của ta, suy yếu đi một cách toàn diện, dần dần đi vào thế bị động phòng ngự, đang trên thế đi xuống.

Mỹ, còn tiếp tục viện trợ cho *ngụy*, nhưng không thể được như trước nữa, đang phải đương đầu với những khó khăn rất lớn về kinh tế, tài chính, về chính

trị nội bộ ở trong nước Mỹ và cả trên phạm vi thế giới. Vị trí chiến lược của Mỹ ngày càng suy yếu và cô lập.

Ta, tuy còn có những nhược điểm, khuyết điểm cần ra sức khắc phục, nhưng thế và lực của ta ở miền Nam, chưa bao giờ mạnh như bây giờ. Ta lại có sức mạnh của cả nước. Ta đang ở thế chủ động tấn công, thế mạnh, thế đi lên.

Tình hình đang phát triển có lợi cho ta, không có lợi cho địch, có khả năng phát triển nhanh và có thể có những bước phát triển nhảy vọt. Chúng ta đang đứng trước những triển vọng và thời cơ chiến lược lớn.

II. DỰ KIẾN ÂM MƯU CỦA ĐỊCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA TA TRONG NĂM 1975

1. Dự kiến âm mưu của địch

- Âm mưu cơ bản vẫn là thực hiện "học thuyết Ních-xơn", tiếp tục thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Mỹ tiếp tục viện trợ cố vấn, quân sự, kinh tế, tài chính cho ngụy quyền Sài Gòn; lợi dụng những mâu thuẫn trong phe ta, dùng những thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt để hạn chế viện trợ của các nước anh em hòng làm cho ta suy yếu về kinh tế, về quân sự; duy trì sức mạnh ngăn đe ở Đông Nam Á để kiềm chế miền Bắc. Mỹ cố bám giữ miền Nam, cố giữ cho ngụy quyền Sài Gòn đứng vững, ổn định tình hình miền Nam trong khi Mỹ phải rút ra và đang gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng.

- Nếu ta tiếp tục làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta cả về thế và lực, thì Mỹ có thể buộc phải lùi một bước, có thể thay Thiệu, thì hành từng phần Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, để hạn chế thắng lợi của ta, tranh thủ thời gian hòa hoãn, khắc phục khó khăn, rồi lại tiếp tục phá hoại hiệp định bằng mọi cách. Chừng nào chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, chính quyền quan liêu, quân phiệt phát xít tay sai của Mỹ chưa bị đánh đổ, thì nhất thiết chúng không thực hiện những điều khoản cơ bản của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam mà vẫn tìm cách để tiếp tục chiến tranh.

- Nếu ngụy quân, ngụy quyền tiếp tục bị thất bại, nhưng chưa có nguy cơ sụp đổ, thì Mỹ có thể không trực tiếp can thiệp, mà tăng viện trợ quân sự, kinh tế giúp ngụy đứng vững. Chúng có thể điều chỉnh lại việc bố trí chiến lược, tập trung thêm lực lượng về giữ miền Đông, Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long.

- Nếu ngụy có nguy cơ sụp đổ lớn thì ta phải cảnh giác đề phòng khả năng Mỹ trực tiếp can thiệp. Nhưng khả năng này hiện nay khó hơn trước nhiều. Nhưng dù chúng có trực tiếp can thiệp ta cũng quyết đánh thắng và ta cũng đã từng đánh thắng.

- Để duy trì thế lực của chúng ở Lào, ở Cam-pu-chia và cô lập ta, Mỹ không ngừng can thiệp vào công việc nội bộ của Lào, thực hiện chính sách diễn biến hòa bình; chúng đang viện trợ quân sự, kinh tế cho ngụy Cam-pu-chia, tìm cách thực hiện ở Cam-pu-chia một chính phủ liên hiệp mới ở Lào.

Mỹ cố bám miền Nam, Đông Dương, Đông Nam Á, chúng rất ngoan cố, còn nhiều âm mưu thủ đoạn xảo quyệt. Nhưng cả Mỹ và ngụy đang ở thế thua, thế yếu, khả năng có hạn, khó khăn ngày càng phát triển và chưa có triển vọng gì giải quyết nổi trong các năm tới.

Ngày 11 tháng 11 năm 1974

CHỈ THỊ

Về tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo chỉ đạo đánh phá bình định của địch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam Việt Nam

Đánh phá bình định của địch là một trong những nội dung chủ yếu, một trong những nhiệm vụ chiến lược quan trọng quán xuyên từ đầu đến cuối cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Đây là một vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng để đánh bại kế hoạch bình định của địch trong tình hình mới, cùng với các phương thức khác hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Đánh phá bình định là một cuộc đấu tranh rất toàn diện, bao gồm cả quân sự, chính trị, binh vận, kinh tế, văn hóa, xã hội... nên việc tổng kết rất phong phú, phức tạp. Vì vậy, cần tổng kết những vấn đề thuộc về chủ trương, biện pháp chiến lược, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến lược và tổng kết tương đối toàn diện, bao gồm tấn công quân sự của ba thứ quân và nổi dậy của quần chúng đánh phá bình định, chủ yếu ở nông thôn, đồng thời làm có mức độ một số vấn đề khác như: quan hệ giữa tấn công và nổi dậy đánh phá bình định ở nông thôn với hai quả đấm chiến lược khác, đấu tranh kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v...

Để tổng kết tốt vấn đề này, Bộ Tổng tham mưu chỉ thị một số vấn đề như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Đánh giá ưu điểm, khuyết điểm của việc lãnh đạo chỉ đạo; kết quả đánh phá bình định của địch và nguyên nhân thành công, chưa thành công qua từng giai đoạn chiến lược và trong toàn bộ cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam từ năm 1954 đến cuối năm 1974, chủ yếu từ cuối năm 1965 đến cuối năm 1974.

2. Rút ra những kinh nghiệm về quy luật, biện pháp chủ yếu của địch tiến hành bình định trong từng giai đoạn chiến lược và suốt quá trình đấu tranh cách mạng ở miền Nam.

3. Rút kinh nghiệm về chủ trương, biện pháp, quy luật đánh phá bình định của ta và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến lược đó qua các giai đoạn chiến lược và suốt trong quá trình cách mạng ở miền Nam; đề ra phương hướng đánh phá bình định trong tình hình mới cho đến khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

4. Góp phần tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo chỉ đạo cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam và trên cơ sở đó biên soạn hệ thống tài liệu để huấn luyện cho cán bộ.

II. NỘI DUNG VĂN KIẾN TỔNG KẾT

Trước mắt, cần tập trung làm bản tổng kết chung, rút ra những bài học kinh nghiệm về địch, về ta, kèm theo các phụ lục, bản đồ hình thái chiến trường, từng giai đoạn chiến lược và hiện nay. Sau đó, tùy tình hình có thể tổng kết sâu vào từng chuyên đề.

III. TỔ CHỨC VÀ BIỆN PHÁP TIẾN HÀNH TỔNG KẾT

Để bảo đảm chất lượng và thời gian cần có tổ chức và chỉ đạo thật chặt chẽ, phát huy trí tuệ tập thể của các cơ quan có liên quan, đề cao tinh thần phụ trách của những cán bộ chuyên trách. 1. Các Cục Tác chiến, Cục Nghiên cứu, Cục Dân quân và Viện Nghiên cứu khoa học quân sự theo chức trách của từng cơ quan để tổng kết những vấn đề thuộc cơ quan mình phụ trách và chịu trách nhiệm trước Bộ về những nội dung đó (gồm cả báo cáo từng phần và phụ lục, bản đồ). Bộ phận biên soạn chịu trách nhiệm trước Bộ về xây dựng đề cương và viết báo cáo tổng kết chung.

2. Tổ chức một bộ phận biên soạn gồm có: đồng chí Nguyễn Điển (Cục phó Cục Dân quân) làm tổ trưởng, đồng chí Mai Xuân Tần (Cục phó Cục Tác chiến) làm tổ phó và các cục Tác chiến, Nghiên cứu, Dân quân và Viện Khoa học quân sự mỗi nơi cử hai đồng chí có trình độ nghiên cứu, biên soạn, tổng kết để xây dựng đề cương và viết báo cáo tổng kết. Các cơ quan báo cáo danh sách những cán bộ này lên Bộ duyệt và cần tập trung vào việc tổng kết.

3. Khi thông qua đề cương và báo cáo tổng kết có thể tổ chức các cuộc hội nghị nghiên cứu có Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Hội đồng Khoa học quân sự, thủ trưởng các cơ quan có liên quan, một số cán bộ ở chiến trường ra hiện đang học ở các học viện và mời đại biểu của Ban miền Nam tham gia ý kiến.

4. Thời gian và các bước tiến hành:

...

- Bước 1:...

- Bước 2:...

- Bước 3:...

Các cục viện và bộ phận biên soạn căn cứ vào chỉ thị đặt kế hoạch tiến hành khẩn trương, và thường xuyên báo cáo kết quả lên Bộ.

KT TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
PHÓ TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
Trung tướng **LÊ TRỌNG TẤN**

ĐỀ ÁN CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ CỦA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ TRƯỚC TÌNH HÌNH MỚI (Chuẩn bị cho các chiến dịch đầu xuân năm 1975)

Tháng 1 năm 1975

Chấp hành Nghị quyết của Quân uỷ Trung ương, Tổng cục Chính trị đã chỉ đạo các đơn vị, chiến trường triển khai toàn diện công tác chính trị năm 1975, nhất là tổ chức sinh hoạt động viên chính trị ở miền Nam và miền Bắc, chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Đồng thời đã hướng dẫn thêm và cung cấp tài liệu kinh nghiệm cho chiến trường về công tác cán bộ trong chiến đấu, công tác đối với vùng mới giải phóng, công tác bảo vệ, công tác địch vận, công tác xây dựng đơn vị cơ sở trong chiến đấu, công tác chính trị sau chiến đấu...

Để chủ động trước tình hình nhiệm vụ mới, công tác chính trị cần chú trọng một số vấn đề sau đây:

A. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM MỚI

Trên cơ sở quyết tâm của Bộ chính trị đầu năm, trước tình hình mới, phương hướng hành động, lực lượng sử dụng và thời gian hành động có sự đổi mới, cần quán triệt vào công tác tư tưởng và công tác tổ chức để đáp ứng với mọi nhiệm vụ yêu cầu chiến đấu mới. Điều kiện rất thuận lợi, thời cơ rất tốt, diện hoạt động rất rộng, tốc độ rất khẩn trương, quy mô hoạt động và lực lượng lớn hơn nhiều (Thêm quân đoàn, quân khu, sư đoàn, quân dự bị...).

Tình hình mới đặt ra nhiều vấn đề mới như công tác chính trị trong đánh đô thị lớn, tham gia quản lý xây dựng vùng giải phóng rộng lớn, quản lý tù hàng binh đông... nhiều vấn đề phức tạp.

B. NHỮNG NHIỆM VỤ CHÍNH

Trên cơ sở nhiệm vụ đề ra đầu năm và những đặc điểm mới nói trên, đề nghị tập trung vào mấy việc sau đây:

1. Động viên chính trị làm cho cán bộ, chiến sĩ đánh giá đúng tình hình địch, ta, nhận rõ thời cơ thuận lợi mới và nhiệm vụ mới, nêu cao tư tưởng tiến công, tiến công liên tục, có quyết tâm thật cao, giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

2. Phát triển đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng, tăng thêm số lượng kịp đáp ứng với yêu cầu chiến đấu phát triển lớn, yêu cầu xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng mở rộng, yêu cầu huy động lực lượng dự bị (Bổ sung, tiêu hao, mở rộng quân số, công tác tù hàng binh...).

3. Đẩy mạnh công tác dịch vận, kết hợp dịch vận với tác chiến, buộc địch đầu hàng từng đơn vị lớn, phát triển phong trào binh biến khởi nghĩa, làm tan rã từng mảng lực lượng địa phương, cải tạo giáo dục một số lớn tù hàng binh và sử dụng vào các công tác thích hợp.

4. Tham gia quản lý xây dựng vùng giải phóng (chấp hành kỷ luật quan hệ với nhân dân, chấp hành chính sách của Mặt trận, quản lý giữ gìn tốt chiến lợi phẩm và cơ sở kinh tế, văn hóa, tài sản công cộng, tuyên truyền giáo dục nhân dân quét sạch văn hóa phản động, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, chấp hành chính sách hậu phương quân đội, giúp đỡ nhân dân ổn định đời sống).

Một số công tác cụ thể:

a. Công tác tuyên huấn:

Yêu cầu chung:

Phát huy khí thế chiến thắng, nâng cao tinh thần tiếp tục tiến công địch, đẩy mạnh thi đua quyết thắng.

Đề cao tinh thần tích cực táo bạo tiến công tiêu diệt và làm tan rã lớn quân địch; tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn liên tục tiến công, giành thắng lợi lớn nhất; triệt để chấp hành mệnh lệnh, chấp hành kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách (nhất là chính sách vùng giải phóng).

Đề phòng và khắc phục các hiện tượng:

Thỏa mãn dừng lại; chần chừ do dự thiếu kiên quyết táo bạo, thiếu triệt để chấp hành mệnh lệnh; thiếu khẩn trương linh hoạt sáng tạo, hành động không phù hợp với yêu cầu mới, điều kiện mới; đơn giản chủ quan mất cảnh giác.

- Ở chiến trường, chú trọng: Nâng cao tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh liên tục tiến công tiêu diệt địch giành dân, giải phóng và xây dựng địa bàn mới; vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, hoàn thành mọi nhiệm vụ; sáng tạo linh hoạt vận dụng những hình thức tác chiến mới; chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật vào vùng giải phóng.

- Ở phía sau, chú trọng: Nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng ra tiền tuyến; khẩn trương xây dựng lực lượng, xây dựng quân bổ sung, chi viện mọi mặt cho chiến trường; đề cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu phòng không bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ miền Bắc.

Đề nghị Quân uỷ Trung ương ra lời kêu gọi động viên toàn quân quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, nêu cao quyết tâm giành thắng lợi mới.

Về Tổng cục Chính trị:

- Hướng dẫn phổ biến nghiên cứu lời kêu gọi của Quân uỷ Trung ương.

- Kịp thời thông báo đầy đủ tình hình chiến thắng cho cán bộ, chiến sĩ.

- Khẩn trương tổ chức cung cấp sách báo, phim ảnh, phương tiện và lực lượng phục vụ sinh hoạt tinh thần ra chiến trường và vùng giải phóng.

- Điều chỉnh chương trình nội dung và thời gian học tập chính trị ở trường và đơn vị cho phù hợp, rút bớt thời gian, tập trung vào những vấn đề cấp thiết nhất (trừ các lớp đào tạo cơ bản và những đơn vị ở phía sau có điều kiện, vẫn giữ như cũ).

- In và phát hành thêm một số tài liệu hướng dẫn kinh nghiệm công tác và chấp hành chính sách, chấp hành kỷ luật cho các đơn vị nhất là trong chiến đấu và vào vùng giải phóng.

b) Công tác tổ chức, cán bộ:

Trên cơ sở tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu năm đề nghị:

** Về tổ chức:*

Xây dựng gấp các tổ chức lãnh đạo, tổ chức chỉ huy, các cơ quan ở các đơn vị mới (quân khu, quân đoàn, quân bộ sung) và các địa phương vùng mới giải phóng (chú trọng các đơn vị bộ đội địa phương và các cấp tỉnh, thành, huyện đội).

** Về cán bộ:*

Số lượng: Đầu năm đã duyệt..., nay do yêu cầu mới phát triển lực lượng và thêm nhiệm vụ mới, nên xin thêm... đồng chí.

Trong đó:

- + Xếp cho đơn vị mới, tổ chức mới...
- + Tiếp quản vùng giải phóng:...
- + Huấn luyện quân bộ sung:...
- + Công tác tù hàng binh:...
- + Dự trữ mở rộng lực lượng:...

Đề nghị sẽ lấy ở:

- + Học viên các trường sau khi học xong phần cơ bản:...
- + Bồi dưỡng nguồn từ dưới lên:...
- + Anh em thương bệnh binh đã hồi phục:...
- + Rút bớt ở cơ quan và nhà trường ra:...
- + Hoãn một số lớp học (trung, cao).

Trong số này chú ý điều chỉnh anh em quê ở miền Nam và đã công tác ở miền Nam trở về chiến trường.

- **Chất lượng**

+ Điều chỉnh chương trình nội dung các trường lớp theo yêu cầu nhiệm vụ mới.
+ Tổ chức lực lượng lấy giáo viên ở trường và học viên đã tốt nghiệp đi các chiến trường để giúp tổ chức tập huấn ngắn ngày bồi dưỡng cán bộ mới để bạt ở đơn vị lên chưa được học tập.

+ Bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ dự trữ và bồi dưỡng bổ túc những nội dung cần thiết cho cán bộ trước khi ra chiến trường tùy theo nhiệm vụ.

+ Bồi dưỡng cán bộ phụ trách quân tăng cường.

+ Xin miễn đắp đê, tập duyệt binh ở các lớp để tập trung bồi dưỡng kịp phục vụ chiến trường.

c. Công tác vùng mới giải phóng:

- Hướng dẫn việc tổ chức quân quản các vùng mới giải phóng và kịp thời phổ biến kinh nghiệm.

- Chú trọng việc giữ gìn trật tự trị an, chấp hành chính sách, chấp hành kỷ luật quan hệ với nhân dân, tuyên truyền vận động nhân dân, giúp đỡ nhân dân ổn định đời sống.

- Cho nghiên cứu một số chính sách cụ thể đối với xây dựng lực lượng vũ trang địa phương (như ưu đãi, phụ cấp; tiêu chuẩn chính trị, giai cấp...).

d. Công tác chính sách:

- Cùng với hậu cần kiểm tra hướng dẫn nuôi dưỡng chấp hành chính sách thương bệnh binh, nhanh chóng điều trị thương binh nhẹ để bổ sung quân số.

- Cho nghiên cứu một số chính sách cụ thể đối với gia đình quân nhân cách mạng và lực lượng vũ trang địa phương ở vùng mới giải phóng.

- Cùng với địa phương, kiểm tra chính sách đối với liệt sĩ, chấp hành tốt chính sách đối với anh chị em mới được giải phóng.

d. Công tác bảo vệ:

- Hướng dẫn và phổ biến kinh nghiệm công tác bảo vệ ở vùng mới giải phóng nhất là vào đô thị.

- Quy định và chấp hành tiêu chuẩn chính trị trong việc lấy người ở vùng mới giải phóng vào lực lượng vũ trang ta (kể cả dân quân tự vệ) vừa bảo đảm chặt chẽ vừa phù hợp với tình hình thực tế từng địa phương.

Thẩm tra phân loại về chính trị tù binh để sử dụng cho thích hợp.

e. Công tác địch vận:

- Chỉ đạo phối hợp chặt chẽ địch vận với tác chiến để bắt và gọi hàng từng đơn vị địch; kết hợp ba mũi đấu tranh vận động phát triển phong trào phản chiến, khởi nghĩa.

+ Đối với sĩ quan nhất là cao cấp và từng đơn vị chịu đầu hàng thì nêu danh nghĩa phản chiến hoặc khởi nghĩa để tuyên truyền.

+ Phổ biến rộng rãi những điểm mới về chính sách binh vận.

Kiểm tra chấp hành chính sách đối với tù hàng binh:

+ Tăng cường tổ chức quản lý tù hàng binh cho chiến trường và ở miền Bắc (dự kiến 3 vạn của năm 1975 + 1 vạn của năm 1974). Chọn lựa bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ để phụ trách.

+ Chuẩn bị điều kiện vật chất cho công tác tù hàng binh (áo quần, nhà cửa...).

+ Tiến hành giáo dục phân loại để sử dụng thích hợp (lao động sản xuất - bổ sung quân số, nhất là lực lượng vũ trang địa phương - về vùng giải phóng với gia đình - về vùng địch để tuyên truyền góp phần làm tan rã địch).

Ngày 7 tháng 2 năm 1975

DIỆN CỦA THƯỜNG VỤ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG

Gửi: Toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nhân viên ngành xăng dầu quân đội

Các đồng chí thân mến!

Sau một thời gian lao động khẩn trương, vượt qua nhiều khó khăn trong công tác, các đồng chí đã hoàn thành thắng lợi việc xây dựng một tuyến xăng dầu rất dài từ hậu phương ra đến tiền tuyến. Thành tích đó có ý nghĩa to lớn, góp phần phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ chiến đấu của quân và dân ta trên các chiến trường.

Thường vụ Quân ủy Trung ương rất vui mừng và nhiệt liệt khen ngợi công lao đó của toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên ngành xăng dầu quân đội.

Các đồng chí hãy ra sức phát huy tinh thần thi đua Quyết thắng, lao động quên mình, thực hiện thật chặt chẽ các chế độ, nền nếp công tác, quản lý tốt tuyến đường ống và hệ thống thông tin, máy móc, cảnh giác đề phòng địch phá hoại, thường xuyên giữ cho tuyến xăng dầu được thông suốt, bảo đảm vững chắc nguồn nguyên liệu phục vụ đắc lực cho yêu cầu chiến đấu.

Chúc các đồng chí năm mới lập được nhiều thành tích công tác xuất sắc.

Chào thân ái và quyết thắng

TM THƯỜNG VỤ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
VĂN

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Điện lúc 14 giờ ngày 25 tháng 2 năm 1975)

“Tôi đã nhận được điện ngày 17 tháng 2 của anh... chưa nắm được đầy đủ tình hình cụ thể, chỉ góp với anh một số ý kiến, sau khi đã trao đổi cụ thể với anh Sáu¹:

1. Anh cân nhắc tình hình cụ thể để quyết định theo tinh thần đã trao đổi trước khi anh đi. Nên làm ăn theo phương án Định² ra báo cáo hoặc theo một phương án khác, mạnh bạo giải quyết A2³ trước nếu địch ở đây tương đối sơ hở, ta có điều kiện giành bất ngờ, tiêu diệt địch, tiếp đó nhanh chóng phát triển thắng lợi.

2. Dù theo phương án nào cũng cần tranh thủ bất ngờ cao độ, bảo đảm trận đầu thắng giòn giã, có dự kiến, có kế hoạch phát triển thắng lợi kịp thời, diệt được thật nhiều sinh lực địch, đồng thời giải phóng được địa bàn quan trọng.

3. Cho kiểm tra kế hoạch chi viện hậu cần, bảo đảm cho được chi viện đầy đủ cả trong trường hợp địch tăng cường đánh hành lang.

Ký tên
Chiến⁴”

CHỈ THỊ SỐ 02/CT-H VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ CỦA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ Ở CHIẾN TRƯỜNG B

(Ngày 7 tháng 3 năm 1975)

Đề động viên tiến hành các mặt công tác chính trị, động viên giáo dục bộ đội

¹. Đồng chí Lê Đức Thọ.

². Cán bộ tác chiến được cử vào theo dõi trận Buôn Ma Thuột.

³. Buôn Ma Thuột.

⁴. Đồng chí Võ Nguyên Giáp.

nêu cao quyết tâm chiến đấu, phối hợp chặt chẽ giữa các hướng chiến trường, các nhiệm vụ quân sự - chính trị trong quá trình chiến đấu khẩn trương, liên tục và quyết liệt trong mùa xuân năm 1975, chỉ thị của Tổng cục Chính trị nhấn mạnh:

“Nhiệm vụ của công tác chính trị trong thời gian tới là: Quán triệt sâu sắc tình hình nhiệm vụ cách mạng, nhất là tình thế mới của cách mạng miền Nam, phát huy mạnh mẽ khí thế chiến thắng, nâng cao quyết tâm chiến đấu của bộ đội, nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, tổ chức Đoàn, trong đó chú trọng các cấp uỷ và đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần giành chiến thắng lớn nhất, tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên đến thắng lợi hoàn toàn.

Phương hướng yêu cầu đạt đến là:

1. Làm cho mọi người, nhất là cán bộ, đảng viên, quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Nhận thức đầy đủ âm mưu của địch, đánh giá đúng đắn tình hình ta và địch, thuận lợi và khó khăn, thấy rõ nhiệm vụ trong từng giai đoạn, nhận rõ nhiệm vụ thiêng liêng và trách nhiệm nặng nề của lực lượng vũ trang trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ vững chắc miền Bắc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

2. Ra sức phát huy và bồi dưỡng bản chất và truyền thống cách mạng của quân đội, nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, phát huy khí thế tấn công, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ, nâng cao tinh thần cần kiệm, tự lực tự cường, mưu trí sáng tạo, vượt qua mọi gian khổ khó khăn, quyết tâm vươn lên giành thắng lợi lớn nhất.

3. Khẩn trương xây dựng, kiện toàn tổ chức lãnh đạo, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng, bảo đảm thường xuyên vững chắc, chặt chẽ, trong sạch; đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trước mắt, đồng thời có điều kiện liên tục chiến đấu lâu dài và xây dựng ngày càng lớn mạnh.

Để đạt được các yêu cầu trên, cần tập trung làm tốt các mặt sau đây:

I. GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, LÃNH ĐẠO TƯ TƯỞNG

1. Thường xuyên nắm vững các yêu cầu về tư tưởng:

Nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng:

Nâng cao lòng căm thù địch, phát huy tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, quyết tâm hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ. Phát huy tinh thần triệt để cách mạng, cùng toàn dân kiên trì quyết tâm phấn đấu lâu dài đưa sự nghiệp cách mạng nước ta đến thắng lợi hoàn toàn và làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Luôn nắm vững tình hình, đánh giá đúng đắn địch, ta, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, quyết tâm giành thắng lợi cao nhất trong tình hình nhiệm vụ mới...

2. Biện pháp thực hiện cần chú trọng:

- Phát huy mọi hình thức giáo dục tuyên truyền, tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, làm cho cán bộ, chiến sĩ nắm vững quyết tâm chiến lược của Trung ương, nhận rõ tình hình nhiệm vụ trước mắt, thấy rõ vinh dự và trách nhiệm của lực lượng vũ trang trước tình thế mới và vượt mọi khó khăn, chịu đựng mọi gian khổ hy sinh, liên tục tấn công địch, chiến đấu đến cùng cho độc lập tự do.

- Căn cứ vào đường lối nhiệm vụ tư tưởng quân sự chung và nhiệm vụ từng chiến dịch, từng trận chiến đấu trong từng thời gian mà tuyên truyền giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị, bồi dưỡng tư tưởng quân sự, phương châm, phương thức và tư tưởng chỉ đạo tác chiến của từng chiến trường, phát huy quyền dân chủ làm cho mọi người nhất trí sâu sắc, kiên quyết chấp hành mọi mệnh lệnh quân sự của cấp trên, góp phần giành thắng lợi cao nhất.

- Nâng cao chất lượng tuyên truyền giáo dục chính trị thường xuyên đáp ứng với yêu cầu mới...

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, ĐOÀN THANH NIÊN

1. Công tác xây dựng Đảng

- Thường xuyên bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao chất lượng đảng viên, làm tốt công tác quản lý đảng viên và phát triển Đảng.

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện hoàn cảnh chiến trường mà có biện pháp thích hợp tiến hành rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ bí thư chi bộ, chi ủy viên, tổ trưởng đảng, đảng viên là cán bộ chủ trì, cấp ủy viên và đưa việc giáo dục đảng viên vào nền nếp.

Tăng cường công tác quản lý đảng viên ở cơ sở...

- Xây dựng và kiện toàn sự lãnh đạo của tổ chức Đảng các cấp: kiện toàn tổ chức, nâng cao hơn nữa chất lượng lãnh đạo của các tổ chức Đảng, nhất là lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị và chấp hành đúng nguyên tắc, chế độ lãnh đạo.

Xây dựng chi bộ:

Tổ chức bồi dưỡng cho đảng viên, chi ủy viên và bí thư chi bộ những tài liệu cần thiết để nâng cao chất lượng lãnh đạo của chi bộ...

Công tác đảng ủy: thường xuyên kiện toàn, nâng cao chất lượng các đảng ủy theo yêu cầu lãnh đạo chiến đấu lớn, hiệp đồng binh chủng, dài ngày và kết hợp vừa chiến đấu vừa xây dựng ngày càng lớn mạnh. Kịp thời bổ sung các đảng ủy, kiện toàn ban thường vụ để đủ sức đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo, nhất là lãnh đạo chiến đấu...

Về đại hội Đảng: Tổ chức đại hội Đảng các cấp theo nhiệm kỳ thường xuyên cho đến cấp sư đoàn.

2. Công tác Đoàn thanh niên:

Hết sức chú ý lãnh đạo công tác Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, phát huy vai trò của Đoàn trong đơn vị cơ sở, nhất là ở đơn vị có chiến sĩ mới, tạo nên một lực lượng hậu bị hùng hậu của Đảng...

III. CÔNG TÁC CÁN BỘ.

1. Kiện toàn cán bộ các đơn vị và chuẩn bị lực lượng dự trữ cả chủ lực và địa phương, đảm bảo nhiệm vụ chiến đấu hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, liên tục, dài ngày đồng thời đảm bảo cán bộ cho các nhiệm vụ khác như sản xuất, xây dựng căn cứ, củng cố vùng giải phóng. Sắp xếp cán bộ đủ tiêu chuẩn quy định ở các cấp và có dự trữ thêm ở cấp sư đoàn theo tỷ lệ quy định...

2. Bằng mọi biện pháp, tranh thủ thời gian tích cực bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu, lấy tập huấn, bổ túc, học tập tại chức làm chính...

3. Theo dõi nắm chắc cán bộ trong chiến đấu để kịp thời phát hiện, tích cực bồi dưỡng và mạnh dạn cất nhắc những cán bộ đã qua rèn luyện thử thách có khả năng và triển vọng tốt; thay thế kịp thời cán bộ không đủ điều kiện đảm đương nhiệm vụ...

4. Tổ chức điều trị, nuôi dưỡng tốt cán bộ là thương binh, bệnh binh, nhanh chóng khôi phục sức khỏe, nhất là các đồng chí bị thương nhẹ để giữ cán bộ cho chiến đấu...

IV. CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH.

Tổ chức chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách đã có, đặc biệt là các chính sách đối với thương binh, bệnh binh, liệt sĩ, chính sách khen thưởng và các chính sách đối với vùng mới giải phóng. Đồng thời nhanh chóng phát hiện, nghiên cứu đề nghị bổ sung những chính sách mới cần thiết để phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ quân sự trong thời kỳ mới.

1. Đối với thương binh, bệnh binh, cần hướng dẫn cho đơn vị thu thập hết thương binh, không để sót thương binh tại trận địa, nhất là không để thương binh rơi vào tay địch. Tổ chức cấp cứu kịp thời, điều trị nhanh chóng, tăng cường nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho thương binh nhẹ tại chiến trường để bổ sung ngay cho chiến đấu...

2. Đối với liệt sĩ, cần hướng dẫn và kiểm tra đơn vị thu lượm, chôn cất thi hài liệt sĩ, không để sót ở trận địa và lọt vào tay địch. Mọi liệt sĩ phải được chôn cất chu đáo, có sơ đồ mộ chí, có báo cáo đầy đủ hồ sơ (cả di vật nếu có), có bình xét khen thưởng. Quân nhân mất tích phải được nhanh chóng điều tra, xác minh và báo cáo.

3. Công tác khen thưởng, kỷ luật:

Hướng dẫn khen thưởng chính xác, kịp thời tất cả những đơn vị và cán bộ chiến sĩ có thành tích, không để sai sót và không công bằng...

4. Chính sách đối với vùng giải phóng:

Phổ biến giáo dục sâu rộng cho toàn quân tổ chức chấp hành các chiến đấu đối với vùng giải phóng (chú ý chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với gia đình tề ngụy...).

V. CÔNG TÁC BẢO VỆ

Bằng mọi biện pháp bảo đảm tuyệt đối giữ bí mật ý đồ chiến lược và kế hoạch tác chiến, bảo đảm tuyệt đối an toàn mọi hoạt động về tổ chức lực lượng ở phía trước cũng như phía sau...

VI. CÔNG TÁC DÂN VẬN

Tích cực hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ tham gia tuyên truyền vận động quần chúng địa phương, nhất là những vùng mới giải phóng, vùng hậu phương ta, mà

cơ sở chính trị còn yếu; đồng thời giáo dục và kiểm tra chấp hành chính sách kỷ luật quan hệ với nhân dân và chính quyền địa phương...

VII. CÔNG TÁC DỊCH VỤ.

Chú trọng hơn nữa công tác dịch vụ là một mặt công tác quan trọng và cấp bách trong tình hình mới của cách mạng miền Nam...

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Điện lúc 19 giờ ngày 11 tháng 3 năm 1975)

"Sáng nay, trước khi nhận điện của anh, Bộ Chính trị và Quân ủy đã họp nhận định tình hình, có mấy điểm chính sau:

1. Kế hoạch chiến lược và chiến dịch do Bộ Chính trị và Quân ủy đề ra là chính xác, công tác chuẩn bị làm tương đối tốt, vì vậy ngay trong những ngày đầu vào đợt đã giành được thắng lợi lớn.

2. Thắng lợi ở Buôn Ma Thuột - Đức Lập trên đường 19 và ở các hướng khác chứng tỏ ta có khả năng giành thắng lợi to lớn với nhịp độ nhanh chóng hơn dự kiến. Đặc điểm nổi bật là tinh thần địch rất sa sút.

3. Trước tình hình đó, ngay trong đợt hoạt động này và kể cả trong kế hoạch tiếp theo, cần có tinh thần khẩn trương, mạnh bạo, kịp thời lợi dụng thời cơ mới giành thắng lợi lớn.

4. Ở B3, cần hết sức chú trọng hoạt động này và kể cả trong kế hoạch tiếp theo, cần có tinh thần khẩn trương, mạnh bạo, kịp thời lợi dụng thời cơ mới giành thắng lợi lớn.

5. Điện của anh hoàn toàn phù hợp với ý kiến trao đổi sáng nay trong Bộ Chính trị và Quân ủy. Tôi vừa bàn với anh Ba¹, anh Sáu². Hoàn toàn đồng ý với chủ trương trong điện:

a) Ở Buôn Ma Thuột, tiêu diệt địch còn lại, phát triển xung quanh, sẵn sàng đánh viện.

b) Nhanh chóng phát triển về hướng Cheo Reo, bao vây ngay để tiêu diệt.

c) Hoàn thành ngay thế bao vây Plâyku, thực hiện chia cắt chiến lược, bao vây và chuẩn bị tiêu diệt An Khê để cô lập Plâyku.

Phát triển xuống phía Nam sẽ làm sau một bước. Trong phát triển tiến công, chú ý nắm vững chủ lực, tránh phân tán...

... Thường vụ Quân ủy Trung ương quyết định phong quân hàm đại tá cho đồng chí Y Bloc. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên quốc phòng và nhân dân trên mặt trận Tây Nguyên đã giành thắng lợi to lớn...

Chúc anh mạnh khỏe và gửi lời chúc anh em trong đó.

Ký tên
Chiến"

¹. Đồng chí Lê Duẩn.

². Đồng chí Lê Đức Thọ.

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯỚNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG ĐỒNG GỬI ĐỒNG CHÍ HOÀNG MINH THẢO VÀ THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY B3

(Điện lúc 12 giờ ngày 12 tháng 3 năm 1975)

“Địch đang có ý định dựa vào các lực lượng chưa bị tiêu diệt của chúng và các điểm phụ cận, tăng thêm lực lượng phối hợp với không quân tiến hành phản kích hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột... Vì vậy, việc cấp thiết nhất là nhanh chóng tập trung lực lượng hơn nữa, nhanh chóng tiêu diệt các đơn vị và các căn cứ của địch ở chung quanh Buôn Ma Thuột, tiêu diệt viện binh của chúng. Tiêu diệt được bộ phận quan trọng sinh lực của địch chung quanh Buôn Ma Thuột sẽ có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chiến dịch. Đồng thời chỉ đạo mọi công tác hoạt động trên các hướng phát triển đã dự định: Cheo Reo, Plâyku và đường 19. Chú ý khai thác tù binh phục vụ cho tác chiến và binh vận. Chúc thắng to.

Ký tên
Chiến”

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯỚNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Điện lúc 9 giờ ngày 13 tháng 3 năm 1975)

“... Trường hợp địch bị tiêu diệt một bộ phận sinh lực lớn, mất thị xã Buôn Ma Thuột và nhiều quận lỵ, việc chia cắt chiến lược đường số 19 thực hiện tốt thì có khả năng chúng tập trung các lực lượng còn lại ở B3 vào Plâyku, cũng nên nghĩ đến khả năng chúng buộc phải thực hiện rút lui chiến lược. Vì vậy, cần bao vây ngay Plâyku bằng các thứ hỏa lực, kể cả các loại pháo cao xạ, triệt đường tiếp tế của địch, chuẩn bị tiêu diệt địch trong cả hai tình huống: địch co cụm ở Plâyku, hoặc rút chạy khỏi Tây Nguyên...”

Ký tên
Văn”

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯỚNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Điện lúc 20 giờ ngày 15 tháng 3 năm 1975)

“Điện gửi anh Tuấn¹,

Chúng tôi đã trao đổi với anh Ba và anh Sáu, nhận định tình hình như sau:

¹ . Đại tướng Văn Tiến Dũng.

1. Căn cứ các nguồn tin, hiện nay địch đã thấy rõ hướng chính của ta là Nam Tây Nguyên, xác định được tương đối rõ lực lượng của ta ở đây, ở các hướng khác ta chỉ hoạt động có mức độ, vì vậy chúng đã có chủ trương tập trung cố gắng, điều động lực lượng cơ động chiến lược và một số lãnh đạo biệt động và thiết đoàn có thể theo đường 21 mở cuộc hành quân tương đối lớn hùng giành lại Buôn Ma Thuột.

Tuy lực lượng có tăng, nhưng tinh thần chúng rất kém, các mặt bảo đảm có nhiều khó khăn. Ta có đầy đủ điều kiện để tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.

2. Vì vậy, cần tập trung lực lượng ở vùng A (Buôn Ma Thuột) và phụ cận, nắm chắc lực lượng dự bị trong tay, nhanh chóng tập trung bình hóa lực tiêu diệt từng cánh quân của địch, trước hết là trên hướng Phước An, sẵn sàng tiêu diệt viện binh đường không, đường bộ của chúng.

Bước tiếp theo sẽ chuyển lực lượng lên tiêu diệt địch ở Cheo Reo.

Trận Buôn Ma Thuột đang phát triển thành một cuộc chiến đấu quy mô lớn nhằm tiêu diệt trên dưới hai sư đoàn. Việc tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở đây sẽ có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển thắng lợi của chiến dịch trên cả chiến trường Tây Nguyên. Cần động viên cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm thật lớn, nắm lấy cơ hội lớn, tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch, giải phóng Nam Tây Nguyên.

3. Đối với B (Nam Bộ), hình thành từng bước thế bao vây, tăng cường khống chế các sân bay và phá huỷ các kho tàng của địch, tiến hành khẩn trương mọi công tác chuẩn bị cần thiết để không cho địch kịp trở tay.

Chúc thắng to.

Ký tên
Chiến”

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Điện lúc 9 giờ sáng ngày 17 tháng 3 năm 1975)

“Địch đang co cụm chiến lược sớm hơn ta dự kiến. Trước sự phát triển tiến công của ta, sắp đến quá trình cho cụm chiến lược sẽ tiếp tục. Phương hướng là tập trung ở Sài Gòn, Cam Ranh, có thể Đà Nẵng... Đây là thời cơ lớn. Phát triển tiến công theo hướng nào là chủ yếu... Anh trả lời và hướng phát triển để kịp xin ý kiến Bộ Chính trị vào sáng mai. Chúc anh và anh em khỏe, thắng thật to.

Ký tên
Chiến”

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Điện lúc sáng ngày 17 tháng 3 năm 1975)

“... Phương án 1: Sau khi Tây Nguyên đã được giải phóng hoặc cơ bản giải phóng thì phát triển theo hai hướng: hướng chủ yếu là cho đại bộ phận lực lượng

ở B3 phát triển vào miền Đông; hướng thứ hai là mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng Khu 5 với lực lượng hiện có, có thể tăng cường Sư đoàn 968 và binh khí kỹ thuật... Tôi, anh Sĩ¹, anh Ba Long² nhất trí nặng về Phương án 1. Ngày mai sẽ xin ý kiến Bộ Chính trị.

Ký tên
Chiến”

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI QUÂN KHU TRỊ - THIÊN VÀ QUÂN ĐOÀN 2

(Điện ngày 17 tháng 3 năm 1975)

“... Đã có khả năng chuyển sang kế hoạch thời cơ³, tổ chức thực hiện giải phóng Huế. Tình hình phát triển nhanh và thời cơ lớn đang đến sớm hơn ta dự kiến. Địch đang phải đối phó với Nam Tây Nguyên, Khu 5, Nam Bộ và *bắt đầu co cụm chiến lược*. Trị - Thiên cần đẩy mạnh về mọi mặt. Cụ thể là đẩy mạnh tiến công của chủ lực từ phía Tây, thực hành chia cắt chiến lược giữa Huế - Đà Nẵng, mạnh dạn đưa lực lượng xuống đồng bằng phát động quần chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích, áp sát các tuyến ngăn chặn của địch, kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích ở đồng bằng với tiến công của chủ lực từ phía Tây xuống”.

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Điện trong chiến dịch giải phóng Huế)

“... Địch bộc lộ ý định rút lui chiến lược lớn về giữ Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, đang rút bỏ Huế, khả năng rút Đà Nẵng. Bộ chính trị quyết định hành động táo bạo, bất ngờ, hoặc thực hiện quyết tâm chiến lược ở hướng trọng điểm. Tôi đã bàn với anh Lê Đức Thọ, đã hỏi ý kiến anh Ba, nhất trí với kế hoạch phát triển và sử dụng lực lượng trong điện của anh... Động viên cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm thật lớn, truy kích tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng các tỉnh ven biển, kể cả Nha Trang và Cam Ranh. Cần tăng cường cán bộ và trang bị, nhanh chóng phát triển các lực lượng tại chỗ, tập trung lực lượng càng sớm càng tốt, khẩn trương triển khai tiến công ở hướng trọng điểm.

Ký tên
Chiến”

¹ . Đồng chí Hoàng Văn Thái.

² . Đồng chí Lê Trọng Tấn.

³ . Kế hoạch tiến công giải phóng toàn bộ Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế.

**DIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI
ĐỒNG CHÍ TRẦN VĂN TRÀ VÀ QUÂN ỦY MIỀN,
ĐỒNG GỬI ĐỒNG CHÍ PHẠM HÙNG,
BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG CỤC**

(Điện lúc 18 giờ ngày 25 tháng 3 năm 1975)

“... Trên thực tế, cuộc Tổng tiến công chiến lược của ta bắt đầu với chiến thắng Tây nguyên và các chiến trường khác. Cuộc chiến đấu đã vào giai đoạn phát triển nhảy vọt như đã tư bản: Chiến thắng trên chiến trường Huế - Đà Nẵng và Nam Bộ làm cho địch suy sụp nhanh, tạo bước phát triển mới về quân sự, chính trị, đặc biệt trên chiến trường trọng điểm sẽ sớm hơn nhiều so với dự kiến của ta. Thời cơ lớn về chiến lược đã đến. Cần tranh thủ thời gian cao độ, tập trung lực lượng vào hướng trọng điểm, hành động táo bạo, bất ngờ, hoàn thành càng sớm càng tốt quyết tâm chiến lược lớn mà Bộ Chính trị đã đề ra.

Đã có chỉ thị cho anh Tuấn. Tình hình rất mới, trong cán bộ ta, nhiều khi nhận thức chưa chuyển biến kịp yêu cầu. Cần làm cho các cấp thông suốt hơn, tập trung lực lượng vào các mục tiêu chủ yếu. Thực hiện chiến lược ba quả dấm.

*Ký tên
Văn”*

**DIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
GỬI ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG**

(Điện lúc 19 giờ ngày 25 tháng 3 năm 1975)

“... Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương vừa họp đánh giá tình hình, nhận định: chiến dịch B3 đại thắng, cuộc Tổng tiến công chiến lược đã bắt đầu. Đây là bước ngoặt trong cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam. Chiến tranh cách mạng đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt... Tình hình ở trọng điểm sẽ có bước phát triển mới nhanh hơn dự kiến nhiều, nhất là trong trường hợp ta tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở Huế và Đà Nẵng, đồng bằng sông Cửu Long... Thời cơ chiến lược lớn đã đến. Cần nhanh chóng tập trung lực lượng vào phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ... hoàn thành nhiệm vụ ở trọng điểm càng sớm càng tốt, có thể sớm hơn rất nhiều so với kế hoạch. Thời tiết đang tốt, kéo dài không có lợi. Bộ Chính trị quyết định:

a. Nhanh chóng tập trung 3 sư đoàn chủ lực, các đơn vị binh khí kỹ thuật chủ yếu về địa bàn Buôn Ma Thuột, sẵn sàng cơ động vào hướng trọng điểm.

b. Giải phóng Bình Định (hướng đường 19), phát triển xuống Phú Yên, Khánh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh. Hướng đường số 7 chỉ dùng lực lượng địa phương phát triển xuống Tuy Hòa. Hướng đường 21 phát triển ra phía Đông, tùy theo khả năng, nếu có thuận lợi mới thì xuống Nha Trang, Cam Ranh.

Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương quyết định mở mặt trận Đà Nẵng, thành lập Bộ tư lệnh Quảng Đà.

Đã thành lập Hội đồng chỉ viện miền Nam do anh Tô⁽¹⁾ làm chủ tịch. Chúc anh Đình⁽²⁾ chóng hồi phục.

Ký tên
Văn”

DIỄN GỬI CÁN BỘ, CHIẾN SĨ, ĐẢNG VIÊN, ĐOÀN VIÊN QUÂN ĐOÀN 2

(Ngày 27 tháng 3 năm 1975)

Phát huy thắng lợi rất to lớn của quân và dân ta ở Tây Nguyên và ở khắp nơi trên các chiến trường miền Nam, các đồng chí đã cùng bộ đội và đồng bào Trị - Thiên - Huế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, chiến thắng vẻ vang.

Các đồng chí đã nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, khắc phục khó khăn, hiệp đồng chặt chẽ, bao vây, chia cắt, tiêu diệt địch, bắt rất nhiều tù binh, thu rất nhiều vũ khí, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy giành quyền làm chủ.

Việc đánh chiếm và giải phóng hoàn toàn thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược và ý nghĩa chính trị rất lớn. Chiến công đó làm cho nhân dân cả nước ta nức lòng phấn khởi, làm cho địch suy yếu thêm một bước mới hết sức nghiêm trọng. Các đồng chí đã góp phần làm rạng rỡ truyền thống đấu tranh anh dũng kiên cường của quân và dân cả nước ta.

Quân uỷ Trung ương nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên Quân đoàn 2 đã lập nên chiến công vang dội và tuyên dương công trạng của các đồng chí trong toàn quân.

Quân uỷ Trung ương gửi lời thăm hỏi thân thiết tới các đồng chí thương binh.

Thắng lợi to lớn chưa từng có trên toàn chiến trường miền Nam vừa qua đã giáng những đòn chí mạng vào đế quốc Mỹ và tay sai, làm cho cục diện chiến tranh chuyển biến nhanh chóng, mở ra một tình thế và thời cơ mới vô cùng thuận lợi để quân và dân tiếp tục tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Các đồng chí cần phát huy truyền thống anh hùng cả các lực lượng vũ trang nhân dân ta, thấu suốt nhiệm vụ của đơn vị trong tình hình mới, nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng nhanh chóng thừa thắng tiến lên, tranh thủ từng giờ từng phút hành động kịp thời nhất, táo bạo nhất.

Kiên quyết, linh hoạt và sáng tạo, nhanh chóng rút kinh nghiệm chiến đấu, làm cho bộ đội có sức chiến đấu cao hơn nữa, sức cơ động lớn hơn nữa, sức đột kích mạnh hơn nữa, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mới. Toàn thể cán

⁽¹⁾. Đồng chí Phạm Văn Đồng.

⁽²⁾. Đồng chí Đình Đức Thiện.

bộ và chiến sĩ phải giữ nghiêm kỷ luật chiến trường, chấp hành nghiêm chính sách vùng mới giải phóng, đoàn kết chặt chẽ với chính quyền và nhân dân địa phương, giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Quân uỷ Trung ương chờ tin thắng lợi mới của các đồng chí.

Chào thân ái và quyết thắng

Quân uỷ Trung ương

DIỆN THƯỜNG VỤ QUÂN UỶ TRUNG ƯƠNG GỬI QUÂN KHU UỶ TRỊ - THIÊN

Tiếp theo thắng lợi vang dội của ta ở Tây Nguyên, quân và dân ta vừa giải phóng hoàn toàn thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên sau khi đã giải phóng toàn Quảng Trị. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược và chính trị rất lớn, góp phần làm cho tình hình quân sự và chính trị trên chiến trường miền Nam chuyển biến mạnh mẽ, mở ra cục diện mới và thời cơ mới vô cùng thuận lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam.

Quân uỷ Trung ương nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ Trị - Thiên - Huế đã cùng đồng bào lập nên chiến công rất to lớn và tuyên dương công trạng của các đồng chí trong toàn quân.

Trong tình hình hiện nay, việc giải phóng tỉnh Thừa Thiên và phần còn lại của tỉnh Quảng Trị, đặc biệt việc giải phóng thành phố Huế, một trong những trung tâm chính trị, văn hóa lớn nhất của miền Nam, là một sự cố vũ mạnh mẽ đối với nhân dân cả nước ta cũng như đối với quân và dân miền Nam đang tranh thủ thời cơ tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn. Đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết cần giải quyết nhằm củng cố và cố giữ vững thành quả của cách mạng.

Phát huy thắng lợi đã giành được. Quân khu cần phải làm thật tốt công tác tiếp quản vùng mới giải phóng, đặc biệt là tiếp quản Huế nhằm củng cố và xây dựng vùng mới giải phóng thật vững mạnh, góp phần cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, không những đối với Trị - Thiên, đối với thành phố Huế mà còn đối với toàn chiến trường miền Nam trong giai đoạn quyết định hiện nay.

Cụ thể cần lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện tốt các công tác cần kíp sau đây:

1. Tích cực tham gia vào việc tổ chức, xây dựng chính quyền cách mạng và cơ quan quân quản các cấp. Tổ chức tốt việc chiếm lĩnh, phòng thủ địa bàn mới giải phóng, nhất là thành phố Huế; nhanh chóng quét sạch tàn binh địch, đập tan mọi sự đề kháng của địch, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mệnh, tài sản của nhân dân.

2. Tập trung làm tốt nhiệm vụ chủ yếu của các lực lượng vũ trang là luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, phòng thủ và bảo vệ vững chắc vùng giải phóng. Đề cao cảnh giác chú trọng công tác phòng không, nhất là đối với bộ đội và các cơ quan quan trọng.

Cùng với công an nhân dân giữ vững trật tự an ninh trong vùng giải phóng, đặc biệt là ở thành phố Huế và thị xã Quảng Trị.

3. Khẩn trương củng cố, xây dựng và phát triển bộ đội địa phương tỉnh và huyện, dân quân và tự vệ ở cơ sở, hết sức chú trọng phát triển lực lượng tự vệ ở thành phố Huế và thị xã Quảng Trị. Động viên thanh niên gia nhập dân quân tự vệ và bộ đội địa phương để bảo vệ quê hương và sẵn sàng chiến đấu làm nhiệm vụ đối với đất nước. Nhanh chóng bổ sung quân số, củng cố tổ chức các đơn vị chủ lực, kể cả các đơn vị binh chủng kỹ thuật. Chú ý tận dụng những binh sĩ làm binh biến, khởi nghĩa để bổ sung quân số, nhanh chóng củng cố, xây dựng lực lượng ta.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động, làm cho quần chúng rộng rãi phấn khởi trước thắng lợi của cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của nhân dân ta, hiểu rõ chủ trương, chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng và chính phủ cách mạng lâm thời, hiểu rõ bản chất, mục tiêu chiến đấu của quân đội ta. Phát động mạnh mẽ quần chúng nhân dân tham gia các công tác vận động tàn binh địch còn lẫn trốn, phát hiện tố giác những phần tử ác ôn đầu sỏ, giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ quê hương, bảo vệ vùng giải phóng.

Lãnh đạo bộ đội nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật quần chúng, các chính sách trong vùng mới giải phóng (chú ý nắm thật vững chính sách trừ gian, làm đúng các quy định về bắt bớ, giam giữ, không được làm điều gì gây ra hiểu lầm trong nhân dân).

Tham gia xây dựng và củng cố các tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

5. Cùng với các cơ quan chính quyền, các đoàn thể quần chúng nhanh chóng khôi phục, ổn định đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giúp đỡ nhân dân phục hồi sản xuất và giải quyết hậu quả chiến tranh. Chú ý hướng dẫn nhân dân làm tốt công tác phá gỡ bom mìn của địch, cứu chữa nhân dân và góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về đời sống.

Cùng các cơ quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục nhân dân bài trừ văn hóa phản động đồi trụy và mọi luận điệu chiến tranh tâm lý của địch.

6. Chỉ đạo chặt chẽ việc thu hồi vũ khí, trang bị, tài liệu lấy được của địch và tài sản công cộng, quản lý, bảo quản chu đáo, có kế hoạch sử dụng đúng nguyên tắc chế độ, không để địch phá hoại, không để hư hỏng, mất mát, ngăn ngừa những hiện tượng sử dụng bừa bãi, lãng phí, tham ô.

7. Chỉ đạo chặt chẽ và thực hiện tốt chính sách tù binh và hàng binh, phân loại số lái xe, nhân viên kỹ thuật để giáo dục, sử dụng ngay tại chỗ. Số còn lại, bộ sẽ giao cho Quân khu 4 và tiếp nhận đưa ra miền Bắc. Đối với tù binh sĩ quan phải kịp thời khai thác để phục vụ cho yêu cầu tác chiến và tiếp quản.

8. Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng, tăng cường công tác chính trị ở các cấp trên mọi mặt trong lực lượng vũ trang.

Sau chiến tranh, công tác lãnh đạo tư tưởng càng phải chặt chẽ, kịp thời, làm cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ thấy hết thắng lợi, nhận rõ thời cơ lớn và nhiệm vụ cấp thiết hiện nay của quân và dân ta là phải tiếp tục chiến đấu, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Nâng cao lòng phấn khởi tin tưởng, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, tinh thần liên tục tấn công địch. Đề phòng tư tưởng chủ quan, thỏa mãn, dừng lại, lơ là mất cảnh giác.

Nhanh chóng kiện toàn các tổ chức lãnh đạo, tổ chức chỉ huy, hướng dẫn các địa phương kiện toàn cơ quan quân sự địa phương. Tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết với các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể địa phương. Tăng cường lãnh đạo chấp hành các chính sách.

*

Trị - Thiên - Huế là một địa bàn quan trọng của nước ta; đặc biệt thành phố Huế là thành phố lớn đầu tiên được giải phóng ở miền Nam, do đó vấn đề tiếp quản tốt thành phố Huế và hai tỉnh Trị - Thiên là một ý nghĩa rất quan trọng, không những đối với nhân dân địa phương mà còn đối với cả miền Nam. Vì vậy các cấp uỷ, chi bộ Đảng, toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong Quân khu phải quán triệt đầy đủ tinh thần chỉ thị này của Quân uỷ Trung ương và tổ chức thực hiện cho thật tốt.

Nhận được điều này, Quân khu uỷ cần có kế hoạch kịp thời triển khai thực hiện nghiêm chỉnh và báo cáo ngay cho Thường vụ Quân uỷ.

TM THƯỜNG VỤ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG

Bí thư

VÕ NGUYỄN GIÁP

CHỈ THỊ SỐ 04/CT-H CỦA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU

(Ngày 28 tháng 3 năm 1975)

Chấp hành nghị quyết của Thường vụ Quân uỷ Trung ương về nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ở miền Bắc, Tổng cục chỉ thị về công tác chính trị như sau:

"1. Theo dõi chặt chẽ tình hình, phát huy kết quả của sinh hoạt chính trị, liên tục và thường xuyên động viên, giáo dục nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

Qua sinh hoạt Đảng, Đoàn, sinh hoạt đơn vị, qua việc thường xuyên thông báo tình hình chiến trường, tiếp tục giáo dục cho toàn quân quán triệt sâu sắc hơn nữa tình hình nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ của quân đội trước tình thế và thời cơ thuận lợi hiện nay...

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng uỷ các cấp và chi bộ đối với nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

Căn cứ vào nghị quyết, mệnh lệnh, chỉ thị của Đảng uỷ và thủ trưởng cấp trên, mỗi đơn vị, mỗi địa phương, mỗi quân chủng, binh chủng, cơ quan, nhà trường... phải nhận rõ vị trí, chức năng, tính chất nhiệm vụ của mình mà có chủ trương biện pháp cụ thể về sẵn sàng chiến đấu đánh địch, bảo đảm giao thông, bảo đảm chỉ huy được thông suốt, bảo vệ tính mệnh, tài sản của nhân dân, của Nhà nước và của quân đội...

3. Kiện toàn tổ chức, cán bộ bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.

Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, có kế hoạch ổn định sắp xếp, từng bước và khẩn trương bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ và nhân dân chuyên môn kỹ thuật cho các đơn vị chiến đấu, các cơ quan chỉ huy, các lực lượng bảo đảm vật chất kỹ thuật, nhất là các đơn vị chủ lực cơ động, các lực lượng phòng không (cao xạ, tên lửa, không quân, ra-đa), các lực lượng chiến đấu bảo vệ bờ biển (hải quân, pháo bờ biển) các lực lượng công binh, vận tải, thông tin các cơ sở sửa chữa xe, pháo, khí tài; các đơn vị điều dưỡng vận chuyển thương binh, bệnh binh.

Có kế hoạch chuẩn bị nguồn dự trữ cán bộ và nhân viên kỹ thuật bảo đảm chiến đấu liên tục và phát triển lực lượng khi cần thiết...

4. Tăng cường quản lý bộ đội về mọi mặt, tích cực tham gia giữ gìn trật tự trị an xã hội, giữ nghiêm kỷ luật phòng gian giữ bí mật, chống mọi hoạt động chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của địch.

Theo đúng chức trách quyền hạn, các cấp phải thường xuyên nắm vững tình hình bộ đội, kịp thời chỉ đạo, phát huy mặt tốt, khắc phục những mặt còn yếu, biểu dương khen thưởng những đơn vị, cá nhân thi hành tốt nhiệm vụ, có kỷ luật nghiêm minh đối với những đơn vị, cá nhân vi phạm kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước, kỷ luật quần chúng, không hoàn thành nhiệm vụ...".

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI BỘ TƯ LỆNH MIỀN

(Điện ngày 1 tháng 4 năm 1975)

"... Đúng như Bộ Chính trị đã nhận định, chiến tranh cách mạng ở miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Hiện nay ta đã có đầy đủ lực lượng và khả năng để giành thắng lợi hoàn toàn trong một thời gian ngắn hơn dự kiến rất nhiều.

Vấn đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ... tranh thủ vào trung tuần tháng 4 thì bắt đầu cuộc tiến công quy mô lớn vào Sài Gòn. Làm được như vậy thì thuận lợi nhất, bảo đảm thắng lợi giòn giã nhất. Bất ngờ hiện nay không

còn ở phương hướng lớn nữa. Địch biết nhất định ta sẽ đánh Sài Gòn nhưng chúng cho rằng ta cần chuẩn bị một - hai tháng. Vì vậy, bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở khâu thời gian. Một mặt cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc, mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng đông đủ làm ăn. Chính theo ý nghĩa đó mà Bộ Chính trị đã khẳng định từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược Sài Gòn đã bắt đầu.

... Giữa hai phương án cơ bản, một là bao vây dài ngày tạo điều kiện rồi dứt điểm, hai là tiến công táo bạo từ đầu, đánh nhanh, dứt điểm nhanh, thì nay nên chọn phương án 2, tức là làm thật nhanh, thật táo bạo; đồng thời có sự chuẩn bị trong điều kiện nào đó nếu cần thì chủ động sang phương án 1 cũng nhằm giành thắng lợi cuối cùng trong một thời gian ngắn... Với lực lượng sẵn có, cần hành động kịp thời để lợi dụng mọi thời cơ cụ thể do địch hoang mang và lúng túng đưa lại, tiến công liên tiếp, giành thắng lợi liên tiếp, làm đảo lộn mọi mưu đồ chấn chỉnh lực lượng hoặc tăng cường viện trợ của Mỹ.

Thời gian hiện nay phải tính từng ngày. *Phải thần tốc, thần tốc, toàn thắng, nhất định toàn thắng*".

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ VĂN TIẾN DŨNG VÀ TRẦN VĂN TRÀ

(Điện ngày 2 tháng 4 năm 1975)

"... 2. Sài Gòn hiện bắt đầu hoảng loạn, có thể xảy ra biến động trong nội bộ địch. Mặt trận Cam Ranh - Phan Rang vỡ, bọn tàn quân chạy về sẽ gây rối lớn.

3. Theo tinh thần hành động táo bạo, kịp thời của Bộ Chính trị, chúng tôi có ý kiến Trung ương Cục và Quân uỷ Miền cần có một kế hoạch hành động ngay với lực lượng sẵn có, dựa vào kế hoạch bước 1 của anh Tư¹, nhưng nay làm nhanh và mạnh, không điều động xáo trộn.

4. Cụ thể:

a) Phía đông tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay bọn sư đoàn 18, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, triển khai ngay pháo nặng không chế sân bay Biên Hòa, có điều kiện tốt hay lực lượng mới sẽ đánh chiếm Ô Cấp⁽²⁾, cắt sông Lòng Tàu.

b. Phía tây, với lực lượng hiện có nên giao bộ đội địa phương bao vây Mộc Hóa, còn chủ lực Miền và khu thì tập trung đánh xuống đường số 4 nhanh hơn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược. Nghiên cứu kế hoạch tăng lực lượng tiếp.

¹. Đồng chí Trần Văn Trà.

². Vũng Tàu.

c. Hiện nay, tình hình có thể chuyển biến mau lẹ. Sư đoàn 9 cần nằm trong tay Trung ương Cục, sẵn sàng hành động khi có thời cơ, chưa nên điều đi hướng khác trong khi lực lượng mới chưa vào.

5. Trong lúc đó, tiếp tục nghiên cứu kế hoạch hành động tiếp tục lực lượng và binh khí kỹ thuật được tăng thêm”.

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI QUÂN ỦY MIỀN VÀ BỘ TƯ LỆNH B2

(Điện ngày 2 tháng 4 năm 1975)

“... Trong lúc chuẩn bị kế hoạch lớn, ta cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh nhân lúc địch hoang mang diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Khống chế được sân bay Biên Hòa thì không quân mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to...”.

ĐIỆN CỦA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ GỬI: CÁC ĐƠN VỊ, CHIẾN TRƯỜNG, CÁC QUÂN CHỨNG, BINH CHỨNG VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRƯỚC THỜI CƠ CHIẾN LƯỢC CHƯA TỪNG CÓ, ĐỂ GIÀNH THẮNG LỢI VỀ VANG CHO DÂN TỘC

(Ngày 2 tháng 4 năm 1975)

Sau gần một tháng tiến công và nổi dậy liên tục, mạnh mẽ dồn dập khắp các chiến trường, các lực lượng vũ trang ta đã cùng với nhân dân giành được những thắng lợi hết sức to lớn đập tan hệ thống phòng ngự của chúng ở Tây Nguyên và đồng bằng miền Trung, giải phóng 5 triệu dân, 14 tỉnh và 3 thành phố lớn, tiêu diệt gần 40% sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Trong một thời gian ngắn chúng ta đã làm thay đổi một cách cơ bản cục diện chiến trường và thế bố trí chiến lược của chúng, làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng, ta đã mạnh hơn hẳn địch cả thế và lực, làm cho địch rối loạn về tổ chức và tan rã từng mảng, suy sụp lớn về tinh thần, tổn thất lớn về vật chất, đưa địch đến nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.

Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược chưa từng có. Để giành thắng lợi về vang cho dân tộc, nhiệm vụ trước mắt của các lực lượng vũ trang rất lớn lao, nặng nề và vô cùng khẩn trương. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Tổng cục nhắc nhở các đơn vị chú trọng:

1. Động viên liên tục làm cho cán bộ, chiến sĩ thấy rõ thắng lợi to lớn vừa qua, nhiệm vụ nặng nề khẩn trương sắp tới, nắm vững thời cơ vô cùng thuận lợi, nêu cao quyết tâm chiến đấu, hết sức tranh thủ thời gian, mưu trí sáng tạo, linh hoạt, táo bạo, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Vừa đánh vừa triển khai tổ chức lực lượng, củng cố kiện toàn tổ chức, cán bộ để nhanh chóng thực hiện nhiệm vụ mới.

3. Chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra các mặt công tác chính trị trong chiến đấu và vào đô thị mới giải phóng, chú trọng giữ bí mật các đơn vị mới đến và vũ khí mới sử dụng, giữ nghiêm kỷ luật chiến trường và chính sách vào các đô thị.

4. Kết hợp chặt chẽ linh hoạt giữa tiến công nổi dậy với địch vận làm tan rã hàng ngũ địch. Chú trọng dùng tù hàng binh nhất là sĩ quan làm công tác địch vận.

5. Đồng thời công tác chính trị cần thực hiện tốt các chính sách của Mặt trận đối với các tầng lớp nhân dân, chính sách chiến lợi phẩm, chính sách tù hàng binh, chính sách khen thưởng kỷ luật và giữ gìn quan hệ tốt với nhân dân.

6. Giáo dục cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại chia rẽ của địch vào vùng mới giải phóng...

ĐIỆN CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI CÁC ĐƠN VỊ ĐANG ĐỔ VÀO CHIẾN TRƯỜNG

(Điện lúc 9 giờ 30 phút ngày 7 tháng 4 năm 1975)

“... Mệnh lệnh:

1. Thân tốc, thân tốc hơn nữa. Táo tạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng.

2. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sĩ.

Văn”.

ĐIỆN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CHIẾN DỊCH GIẢI PHÓNG SÀI GÒN LẤY TÊN LÀ “CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH”*

(Điện lúc 17 giờ 50 phút ngày 14 tháng 4 năm 1975)

“Gửi: Anh Tám Thành¹, anh Bảy Cường, anh Tuấn

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị đã họp nghe Quân uỷ Trung ương báo cáo về tình hình mặt trận Sài Gòn và các phương hướng, chủ trương mà các anh đã điện ra. Bộ Chính trị nhất trí với các phương hướng, chủ trương ấy. Mong

¹. Tám Thành: đồng chí Hoàng Văn Thái.

các anh tranh thủ thời gian chuẩn bị thật tốt để giành thắng lợi thật to lớn. Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Chúc các anh khỏe.

Ba”

QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG SỐ: 91-QUTW

Ngày 15 tháng 4 năm 1975

Điện

Gửi: B1, B2, B3, B4, đoàn 559 + Quân đoàn I, II, III

Trong tình hình mới hiện nay Ban Bí thư trung ương Đảng đã bàn và có chỉ thị đầy đủ về chính sách đối với tù, hàng binh. Các đồng chí cần nắm vững mấy vấn đề sau để thực hiện ngay:

1. *Binh sĩ khởi nghĩa*: là những binh sĩ địch có hành động chống lại địch đi với cách mạng như: khởi nghĩa làm binh biến, làm nội ứng, phá hoại địch, trực tiếp hoặc gián tiếp giúp cho cuộc chiến đấu của ta. Ta coi họ như quần chúng cách mạng.

2. Những binh sĩ địch chủ động bỏ hàng ngũ địch chạy sang đội ngũ cách mạng, không gọi là hàng binh mà gọi là binh sĩ giác ngộ trở về với cách mạng, được hưởng quyền công dân, được đối xử như những công dân bình thường.

3. *Tù binh*: là những binh lính, sĩ quan địch bị bắt trong chiến đấu, hoặc ta lùng bắt sau chiến đấu, kể cả số ta dùng vũ lực buộc phải đầu hàng. Ta đối xử nhân đạo với họ và giải quyết như sau:

- Đối với binh lính, hạ sĩ quan: nếu có gia đình ở vùng giải phóng thì giải thích chính sách rồi cho về nhà, giao cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục; số quê ở vùng địch tạm chiếm hoặc quê xa chưa về được, thì tập trung giáo dục một thời gian và sử dụng làm lao động.

- Đối với sĩ quan: tất cả đều phải tập trung giam giữ, giáo dục cải tạo và lao động ở B, không đưa ra A (chỉ đưa ra một số quan trọng cần khai thác gấp khi có chỉ thị cụ thể), sau này tùy sự tiến bộ của từng tên sẽ phân loại và sẽ có chính sách giải quyết cụ thể.

- Những tên có chuyên môn kỹ thuật, kể cả số lính vào sĩ quan ngụy ta cần thì có thể dùng vào từng việc trong một thời gian nhất định nhưng phải cảnh giác và phải quản lý chặt chẽ...

4. Những binh lính, sĩ quan địch bị ta đánh, tan rã chạy trốn sau đó ra trình diện với chính quyền cách mạng:

a. Những người ra trình diện và tích cực làm những công việc ta giao hoặc có công phát hiện những bí mật kho tàng tài liệu của địch, chỉ cho ta những tên đầu sỏ phản động còn lẩn trốn, giúp ta sử dụng những vũ khí kỹ thuật của địch, kêu gọi được nhiều tàn binh ra trình diện... thì đối xử với họ như binh sĩ giác ngộ trở về với nhân dân.

b. Còn nói chung đối xử tương tự như tù binh, nhưng cần chú ý: binh lính, hạ sĩ quan thì đăng ký và thu vũ khí, giải thích chính sách, nếu quê ở vùng giải phóng thì cho về nhà ngay. Số quân ở vùng địch còn kiểm soát hoặc ở xa chưa về được thì tập trung giáo dục và sử dụng họ làm lao động. Đối với sĩ quan, phải giam giữ để giáo dục, cải tạo nhưng cách làm thì tùy hoàn cảnh chính trị từng nơi mà vận dụng cho phù hợp để bọn còn lẩn trốn không quá sợ hãi, dám ra trình diện như: lúc đầu có thể chưa cầm giam giữ ngay, tùy tình hình sẽ lần lượt tập trung lại sau. Những tên ác ôn và những tên nguy hiểm thì bắt giữ ngay.

5. *Riêng đối với dân vệ và phòng vệ dân sự tan rã:*

Phòng vệ dân sự thì giải tán về tổ chức, tịch thu vũ khí trang bị phương tiện quân sự và coi như dân thường.

Dân vệ thì giao cho chính quyền địa phương đăng ký, quản lý, giáo dục, không tập trung lại như tù binh; riêng những tên là quân chủ lực, bảo an phái sang chỉ huy và làm nòng cốt và những tên ác ôn, tình báo thì xử trí như các loại tù binh đã nói trên.

Ngoài ra các loại binh lính, sĩ quan địch đã bỏ ngũ về nhà, về hưu, giải ngũ thì coi họ như dân thường; những tên nào trong số này có tội ác thì do chính quyền địa phương xử lý.

6. Đối với tù binh là sĩ quan cấp tướng hoặc cấp đại tá nhưng giữ chức vụ quan trọng có nhiều ảnh hưởng trong quân đội nguy thì có sách lược đối xử phù hợp đối với từng tên để thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng khi cần thiết.

7. Tù binh là quân nhân Mỹ và những quân nhân nước ngoài khác phải giam giữ riêng để khai thác và giữ bí mật.

8. Không lấy tù binh, tàn binh, để bổ sung quân số cho các lực lượng vũ trang ta.

Chỉ thị này thay cho tất cả các chỉ thị trước đã nói về tù, hàng binh.

TM THƯỜNG VỤ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG

Văn

Điện

Gửi: Anh Sáu¹ và ba Bảy Cường² (B2)

Anh Ba nhắc tôi điện cho các anh để các anh hết sức chú ý kiểm tra công tác giáo dục, quản lý các đơn vị có nhiệm vụ tham gia chiến đấu ở chiến trường trọng điểm về kỷ luật vào vùng mới giải phóng và kỷ luật chiến lợi phẩm.

Trong đợt tiến công vừa qua, bộ đội ta chiến đấu rất dũng cảm, mưu trí linh hoạt, luôn luôn khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Khi vào tiếp quản vùng mới giải phóng, nhất là vào các thành phố, nhiều đơn vị đã chấp hành nghiêm kỷ luật và các quy định đã đề ra, tích cực cùng địa phương làm được nhiều việc để củng cố cùng giải phóng như tuyên truyền chính sách trong nhân dân, bảo vệ trật tự trị an, giúp đỡ nhân dân ổn định đời sống, bớt gạo để cứu những người bị đói, v.v... Do đó được nhân dân hoan nghênh và làm cho nhân

¹ . Đồng chí Lê Đức Thọ.

² . Đồng chí Phạm Hùng.

dân ngày càng tin vào quân đội ta và chính quyền ta. Việc tiếp quản Huế và Đà Nẵng nói chung là tốt.

Tuy vậy, bên cạnh mặt tốt đó là mặt chủ yếu, cũng còn nhiều hiện tượng kém tổ chức, kém kỷ luật, nhất là kỷ luật về vùng mới giải phóng và kỷ luật chiến lợi phẩm...

Tình trạng đó đã gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân và các cơ quan Đảng, chính quyền địa phương, ảnh hưởng đến sự đoàn kết với địa phương hoặc giữa các đơn vị.

Sở dĩ có tình trạng đó, về phía bộ đội, một phần do anh em mới vào bộ đội, ý thức về kỷ luật chính trị, về bảo vệ tài sản công cộng còn kém, nhưng phần chủ yếu là do việc giáo dục trước khi vào tiếp quản thành phố làm chưa đầy đủ, công tác tổ chức, quản lý không chặt và nói chung không được chuẩn bị tốt về giáo dục cũng như về tổ chức. Một số cán bộ thiếu gương mẫu, bản vị, cục bộ lấy làm của riêng hoặc dùng riêng cho đơn vị.

Trong khi đó, nhân dân cũng lợi dụng lách, phá tài sản do địch để lại. Có nơi như ở sân bay Đà Nẵng, có ngày dân vào tới 1 vạn lượt người mặc dù đã có bộ đội canh gác nhưng lực lượng ít, gác không xuể. Hiện nay, những tình trạng đó đã giảm nhiều, nhưng vẫn chưa chấm dứt.

Mặt khác, bọn địch cài lại, bọn tàn binh ta chưa quét sạch, bọn giả danh bộ đội cũng phá phách, gây lộn xộn, gây chia rẽ giữa nhân dân và bộ đội, làm mất uy tín của bộ đội. Qua khai thác bọn tù binh, ta được biết ở Đà Nẵng, khi chuẩn bị rút lui, địch đã tha bọn quân nhân phạm pháp trong các nhà tù ra nhằm phá hoại ta. Bọn này vừa qua đã cướp của giết người rất tàn bạo.

Thường vụ Quân ủy đã có chỉ thị cho các đảng ủy về vấn đề tăng cường kỷ luật vào vùng giải phóng, chỉ thị đó đã có gửi cho Quân ủy Miền. Các anh hướng dẫn cho cơ quan chính trị quán triệt chỉ thị trên và có những chỉ thị cụ thể cần thiết về những vấn đề cần chú ý cho cơ quan và các đơn vị ở mặt trận, đặc biệt khi vào tiếp quản Sài Gòn.

Qua kinh nghiệm ở Huế và Đà Nẵng, cần chú trọng:

a. Giáo dục và phổ biến thật kỹ cho toàn thể cán bộ và chiến sĩ, cho đến cán bộ đại đội, trung đội và tiểu đội về kỷ luật vào vùng mới giải phóng, vào các đô thị và kỷ luật về chiến lợi phẩm.

b. Có kế hoạch cụ thể và tổ chức cụ thể việc quản lý bộ đội thật chặt chẽ, giao rõ nhiệm vụ chỉ huy và chỉ đạo việc tiếp quản cho cấp ủy và cán bộ các đơn vị. Phân công rõ đơn vị nào có nhiệm vụ vào thành phố, đơn vị nào không được vào; quy định rõ phạm vi chiếm lĩnh của từng đơn vị, quy định nhiệm vụ quản lý, bảo vệ tài sản chiếm được, quyền hạn sử dụng, xác định rõ trách nhiệm giữa các đơn vị và giữa bộ đội và địa phương.

c. Tổ chức các đội quân canh, tuần tra, canh gác nghiêm ngặt các cơ sở vật chất kỹ thuật của địch để lại chống địch phá hoại, ngăn ngừa nhân dân và bọn giả danh bộ đội vào lấy cắp, ngăn cấm những cán bộ, chiến sĩ vô kỷ luật vào phá phách.

d. Khen thưởng những đơn vị, cá nhân chấp hành nghiêm kỷ luật, chính sách vào thành phố, kỷ luật chiến lợi phẩm và kịp thời xử lý một số trường hợp vi phạm nghiêm trọng để làm gương.

e. Các cơ quan Đảng và chính quyền địa phương cần làm tốt việc giáo dục nhân dân, ngăn ngừa những hiện tượng phá phách, lấy cắp tài sản công cộng.

Sài Gòn là thành phố lớn nhất ở miền Nam, có trên 3 triệu dân; ở đó có nhiều cơ quan quan trọng, nhiều kho tàng và căn cứ quân sự của địch, nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật rất hiện đại, lại có rất nhiều hàng hóa xa xỉ. Nếu không có kế hoạch cụ thể giáo dục, quản lý bộ đội cho tốt, không có kế hoạch chuẩn bị đầy đủ từ trước, thiếu tổ chức chỉ đạo cụ thể việc chiếm lĩnh, tiếp thu, quản lý các cơ quan và cơ sở vật chất kỹ thuật đó cho thật chặt chẽ thì sẽ không tránh được tổn thất và rất dễ phát sinh nhiều vấn đề phức tạp.

Mong các anh chú ý trong khi lãnh đạo việc tiếp quản thành phố.

Chúc các anh khỏe.

Vân

Bản sao lưu trữ

ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
Số: 113/QUTW

Ngày 27 tháng 4 năm 1975

CHỈ THỊ
Về nhiệm vụ của các đơn vị quân đội quản lý thành phố
Sài Gòn - Gia Định.

Quân uỷ Trung ương ra chỉ thị này để chuẩn bị tốt cho các đơn vị có nhiệm vụ vào quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Cuộc tấn công và nổi dậy của quân và dân ta để giải phóng Sài Gòn - Gia Định có thể buộc địch đầu hàng nhanh chóng. Song cũng dự phòng trường hợp cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, ta giải phóng từng phần và quản lý từng phần tiến đến giải phóng và quản lý toàn thành phố.

1. Quản lý tốt Sài Gòn - Gia Định là một nhiệm vụ rất quan trọng, có ý nghĩa chính trị lớn

Thắng lợi giải phóng Sài Gòn - Gia Định là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trọng đại kết thúc cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta, giải phóng miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Phát huy thắng lợi to lớn đó của dân tộc ta, củng cố thành quả rực rỡ ấy của cách mạng là trách nhiệm trực tiếp của các cấp, các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý thành phố, do toàn Đảng và toàn dân giao cho. Quản lý tốt sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với đồng bào và chiến sĩ trong cả nước, cũng như đối với dư luận thế giới. Các đơn vị cần nhận rõ vinh dự và trách nhiệm nặng nề của mình để đề cao quyết tâm và có biện pháp cụ thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Mục đích yêu cầu của việc quản lý Sài Gòn - Gia Định là:

Nhanh chóng tiêu diệt các lực lượng của địch còn lại, đập tan sự phản kháng của chúng ở sào huyệt cuối cùng, xóa bỏ toàn bộ máy nguy quân, nguy quyền và các tổ chức phản động;

Tích cực góp phần xây dựng chính quyền cách mạng các cấp và các đoàn thể quần chúng của ta, thực hiện tốt mọi chính sách đối với thành phố mới giải phóng, nhanh chóng ổn định trật tự, trị an của thành phố;

Quản lý tốt thành phố về mọi mặt, quản lý tốt những cơ sở vật chất tài sản của địch để lại nhằm phục vụ lợi ích chung của toàn dân và toàn quân;

Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, ra sức tuyên truyền phổ biến các chính sách của cách mạng, tuyên truyền chiến thắng để nâng cao tinh thần phấn khởi, đoàn kết tin tưởng trong nhân dân;

Tích cực góp phần ổn định đời sống của nhân dân.

Trong thời gian ngắn nhất, cố gắng bảo đảm mọi mặt sinh hoạt của thành phố trở lại bình thường cả về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, do đó đề cao tinh thần phấn khởi, tin tưởng của đồng bào cả nước, đề cao được chính nghĩa và uy tín của cách mạng nước ta trước dư luận thế giới.

2. Để làm tốt nhiệm vụ, các đơn vị quản lý thành phố cần nắm vững những đặc điểm của Sài Gòn - Gia Định.

Chúng ta đã quản lý tốt nhiều thành phố, thị xã trong quá trình tấn công và nổi dậy mùa xuân năm nay. Nhiều đơn vị đã thu được những kinh nghiệm quý báu. Nhưng vừa qua, do tình hình phát triển rất nhanh, có những chính sách, quy định chưa kịp phổ biến, giáo dục kỹ, và do một số cán bộ và chiến sĩ còn thiếu ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, nên còn những khuyết điểm nhất định. Thành phố Sài Gòn - Gia Định lại có nhiều đặc điểm rất khác với các thành phố đã giải phóng trước đây, nên việc quản lý cũng có nhiều yêu cầu quan trọng hơn và phức tạp hơn.

Thành phố rất rộng (700km², kể cả vùng ven; riêng khu nội thành gồm 11 quận và có diện tích 100km²). Địa hình phức tạp, gồm nhiều quận nội thành có phố xá, nhà cửa kiên cố và những vùng ven đô nhiều sông ngòi, làng mạc; địch có nhiều kiến trúc bố phòng phức tạp, bố trí thành nhiều tuyến, nhiều tầng, bao gồm cả những hệ thống hầm ngầm bí mật lớn.

Thành phố rất đông dân (3,3 triệu người). Đông đảo nhân dân lao động có truyền thống đấu tranh cách mạng và tinh thần yêu nước, rất tha thiết với sự nghiệp giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đây là nơi tập trung nhiều sinh viên, công chức, trí thức. Đây cũng là nơi có nhiều tư sản, ngoại kiều (nhiều nhất là Hoa kiều). Địch có nhiều tổ chức để khống chế quần chúng. Các tổ chức tôn giáo, đảng phái phản động rất phức tạp.

Đây là "thủ đô" của *ngụy quyền*, là nơi tập trung các cơ quan trung ương của *ngụy quyền*, *ngụy quân*, của các đảng phái phản động, các tổ chức gián điệp, tình báo quốc tế, v.v... Đây cũng là trung tâm hoạt động của các tôn giáo. Để bảo vệ tất cả các cơ quan đầu não của chúng, địch đã bố trí ở đây rất nhiều lực lượng vũ trang và bán vũ trang, do những tên phản động nhất cầm đầu; chúng sẽ tổ chức và hành động chống lại cách mạng một cách ngoan cố, có thể có những hành động phá hoại và những thủ đoạn và cả khi đã lâm vào thế thất bại.

Sài Gòn - Gia Định còn là nơi tập trung tất cả các đại sứ quán, các cơ quan ngoại giao, thương mại, các tổ chức quốc tế có quan hệ với *ngụy quyền* Sài Gòn. Nhiều cơ quan này có thể tìm cách che chở cho bọn phản động Sài Gòn giúp bọn này trú ẩn hoặc thoát ra nước ngoài nếu chúng ta không có biện pháp quản lý chặt chẽ.

Ở thành phố và vùng ngoại vi có rất nhiều cơ sở kinh tế và hậu cần của địch, bao gồm các cơ sở kinh tế dân sự và quân sự rất quan trọng. Việc quản lý những cơ sở vật chất và tài sản lớn của địch để lại có tác dụng rất quan trọng đối với việc củng cố vùng giải phóng, cũng như đối với việc tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng trước mắt và lâu dài.

Tình hình văn hóa xã hội ở Sài Gòn - Gia Định có những vấn đề phức tạp vì ảnh hưởng của nền văn hóa suy đồi và phản động do đế quốc Mỹ đưa vào. Đây là nơi bộ máy chiến tranh tâm lý của địch hoạt động ráo riết nhất và việc tuyên truyền của ta từ trước lại gặp khó khăn. Về bề ngoài thành phố có rất nhiều hiện tượng phồn vinh giả tạo để làm cho một số anh em nhận thức mơ hồ khi vào thành phố.

3. Công tác cụ thể khi vào quản lý

Cần căn cứ vào các chính sách của Đảng và Chính phủ đã ban hành, căn cứ vào chỉ thị này của Quân uỷ Trung ương vào những chỉ thị cụ thể của Trung ương Cục, của Quân uỷ Miền, trực tiếp là của Ủy ban quân quản để có kế hoạch toàn diện triển khai các mặt công tác. Tùy theo tình huống khi vào tiếp quản và chú ý đầy đủ đến những đặc điểm của thành phố nói chung, nhất là tình hình thực tế của địa bàn đơn vị mình được phân công phụ trách, mà thực hiện các chỉ thị và quy định, và vận dụng những kinh nghiệm đã có.

a. Vấn đề cấp bách nhất là đập tan các lực lượng còn lại của địch, nhanh chóng ổn định trật tự an ninh thành phố, xóa bỏ bộ máy ngụy quyền các cấp từ trung ương đến phường khóm. Do đặc điểm thành phố, địch có nhiều điều kiện để ẩn nấp che giấu lực lượng. Phải rất cảnh giác, dựa vào cơ sở chính trị, cơ sở cách mạng, dựa vào nhân dân lao động và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng an ninh giải phóng để kịp thời phát giác và bắt giữ những tên đầu sỏ quan trọng cầm đầu của bộ máy ngụy quyền, ngụy quân và các tổ chức phản động. Kịp thời phát hiện và giải quyết các hầm bí mật, tịch thu tất cả vũ khí của địch, canh gác nghiêm ngặt các kho vũ khí, những phương tiện vận chuyển thông tin liên lạc của địch, không cho chúng liên hệ với nhau. Không để bọn quân nhân phạm pháp do địch thả ra gây những hành động tội ác. Tiến hành tuần tra canh gác theo kế hoạch thật chặt chẽ. Chú ý tổ chức và chỉ đạo tốt các đội quân cảnh. Cùng các lực lượng công an nghiêm trị mọi hành động phá hoại và chống đối của địch.

b. Theo kế hoạch của Ủy ban quân quản, giải phóng kịp thời những đồng chí và đồng bào yêu nước bị địch giam giữ trong các nhà tù, kịp thời ngăn chặn những âm mưu địch thủ tiêu, phân tán tù nhân. Tích cực tham gia việc cứu chữa cho những anh chị em đang bị nguy kịch. Kịp thời bắt liên lạc với các tổ chức của ta, với các lực lượng chính trị trong các nhà tù mới được giải phóng. Giúp đỡ các anh chị em khác trở về theo những quy định và chính sách đã ban hành.

c. Kịp thời triển khai việc bảo vệ thành phố. Chiếm lĩnh ngay những địa bàn trọng yếu, các trung tâm hành chính, quân sự, các đầu mối giao thông quan trọng. Khống chế các sân bay, bến cảng, cầu cống, ngã tư quan trọng trong thành phố. Việc bố trí lực lượng phải có trọng điểm không bị thu hút vào những mục tiêu thứ yếu giòn mỏng lực lượng. Triển khai ngay các lực lượng quân cảnh. Có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh thành phố, đề phòng địch ở thành phố hoặc các địa phương lân cận phản kích. Chế độ trực ban, trực chiến phải duy trì thật nghiêm. Phải có kế hoạch hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng tiếp quản trong và xung quanh thành phố, có chỉ huy thống nhất, có phương tiện thông tin liên lạc vững chắc.

Chú ý xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, phát triển lực lượng dân quân tự vệ, huấn luyện kịp thời cho các lực lượng này và có kế hoạch hiệp đồng tác chiến tốt. Phát triển lực lượng phải rất coi trọng chất lượng, tuyệt đối không được sơ hở, mất cảnh giác.

d. *Giải quyết tốt vấn đề tù binh, tàn binh địch.* Cần theo đúng các chính sách và chỉ thị của Ban Bí thư và sự chỉ đạo của Ủy ban quân quản. Số lượng tù binh và những tên cần phải bắt giữ sẽ rất lớn. Cần phối hợp thật chặt chẽ với các cơ quan của Đảng và chính quyền để tiến hành việc đăng ký, phân loại một cách khẩn trương và chu đáo. Đối với sĩ quan và binh lính địch khi đã hạ vũ khí, đã nhận ra lẽ phải thì chính sách của ta là đối xử nhân đạo, khoan hồng. Đối với bọn ngoan cố thì nghiêm khắc trừng trị. Bọn phản động đầu sỏ, bọn sĩ quan cao cấp, bọn ác ôn quan trọng thì phải giam giữ và phải canh phòng cẩn mật, không cho chúng trốn thoát.

e. Theo kế hoạch của Ủy ban quân quản và phối hợp với các lực lượng, *nhANH chóng triển khai việc quản lý các cơ sở vật chất tài sản của địch để lại*, bao gồm cả cơ sở dân sự và quân sự. Đây là nhiệm vụ rất lớn trong việc tiếp quản thành phố Sài Gòn - Gia Định, một nhiệm vụ vừa có ý nghĩa kinh tế vừa có ý nghĩa chính trị quan trọng. Các cấp cần nghiên cứu kỹ các chỉ thị, quy định và các kế hoạch đã có về công tác này để chấp hành thật tốt. Đây không phải chỉ đơn thuần là việc thu nhận chiến lợi phẩm mà chính là việc tiếp thu hầu như toàn bộ cơ cấu vật chất của một chế độ xã hội do đế quốc Mỹ xây dựng nên ở miền Nam ta từ mấy chục năm nay. Dựa vào những tài liệu của ta và cả những tài liệu của nhân viên ngục quyền, ngục quân ta khai thác được, có chủ trương bao quát, có kế hoạch toàn diện và có hệ thống để làm chủ toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất và kỹ thuật rất quan trọng đó, sử dụng tốt vào nhiệm vụ trước mắt và quản lý, giữ gìn tốt để sử dụng lâu dài, không để bị đảo lộn và phá hoại. Đây là một việc hết sức cần thiết để làm cho guồng máy quân sự, chính trị, kinh tế ở Sài Gòn - Gia Định nói riêng và ở miền Nam được khôi phục tốt và hoạt động bình thường, góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

g. *Tích cực tham gia ổn định đời sống mọi mặt của nhân dân và của ngoại kiều.*

Cần chú ý đặc điểm Sài Gòn - Gia Định rất đông dân và ngoại kiều, tình hình đời sống sinh hoạt rất phức tạp. Do đó lực lượng của các cơ quan, đoàn thể sẽ khó làm xuể việc này, nhất là khi mới vào thành phố. Các đơn vị cần hết sức tích cực tham gia, sử dụng triệt để các lực lượng, các phương tiện của mình và có kế hoạch hiệp đồng thật cụ thể với các cơ quan, đoàn thể để góp phần lớn nhất vào công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao tinh thần phấn khởi, tin tưởng, đoàn kết trong nhân dân lao động. Ra sức giúp đỡ nhân dân ổn định đời sống mọi mặt; chăm lo cho đời sống đồng bào là mục đích chiến đấu của các lực lượng vũ trang cách mạng chúng ta, là phương hướng rất cơ bản để tăng cường đoàn kết quân dân, tạo cho các lực lượng vũ trang có sức mạnh to lớn để hoàn thành nhiệm vụ khó khăn phức tạp khi quản lý thành phố cũng như để làm tròn mọi nhiệm vụ khác.

Trong quan hệ với các tầng lớp nhân dân ở thành phố mới giải phóng, cần chú ý giáo dục cán bộ, chiến sĩ nắm chắc và chính sách, có thái độ đúng đắn, khiêm tốn, có ý thức tôn trọng tính mệnh, tài sản, phong tục, tập quán của nhân dân, không đụng đến cây kim sợi chỉ của nhân dân; nghiêm cấm mọi hành động xâm phạm đến của cải của nhân dân, của Nhà nước hoặc chiến lợi phẩm.

*

Các đơn vị được thay mặt toàn quân nhận nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao phó tiến về Sài Gòn tiếp quản thành phố mang tên Bác Hồ vĩ đại, có vinh dự hết sức lớn lao. Để xứng đáng với sự tín nhiệm đó, các cấp uỷ, các chi bộ, các cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý thành phố phải ra sức nắm vững đường lối, chủ trương chính sách và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Để hoàn thành nhiệm vụ, mọi cán bộ, chiến sĩ phải nêu cao bản chất và truyền thống tốt đẹp của quân đội ta, nêu cao tác phong của người quân nhân cách mạng và tư thế của người chiến thắng. Không được làm điều gì ảnh hưởng xấu đến thanh danh của các lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Phải thực hiện tốt những yêu cầu sau đây:

Một là: Đã có kỷ luật càng phải đề cao kỷ luật hơn nữa. Mọi người phải tự giác; quản lý phải chặt chẽ; xử phạt phải nghiêm minh; khen thưởng phải kịp thời.

Phải chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, các quy định ở vùng mới giải phóng.

Đã đoàn kết càng phải đoàn kết hơn nữa, đoàn kết với các cơ quan của Đảng và chính quyền, đoàn kết giữa các lực lượng vũ trang, các đơn vị, các cơ quan vào làm nhiệm vụ quản lý, để có sự nhất trí cao, có kế hoạch hiệp đồng cụ thể, vì lợi ích chung của cách mạng.

Hai là: Phải quy định nhiệm vụ rõ ràng, phải có tổ chức chỉ huy cụ thể. Phân công phân nhiệm cho các đơn vị phải dứt khoát, quy định rõ đơn vị nào được vào thành phố, phạm vi phụ trách của mỗi đơn vị đến đâu, đơn vị nào không được vào.

Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cấp, mỗi đơn vị, mỗi cơ quan trong nhiệm vụ quản lý và cần có sự chỉ huy tập trung, thống nhất.

Ba là: Phải có nhiều biện pháp tổ chức cụ thể, có tác phong sâu sát, linh hoạt, thận trọng để quyết định các tình huống. Cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần phải có kế hoạch cụ thể. Công tác chuẩn bị phải khẩn trương, chu đáo và phải tiến hành cả trong quá trình chuẩn bị chiến đấu. Chú ý nắm vững công tác giáo dục, kiểm tra. Phải có tổ chức chuyên trách để chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ.

Quân uỷ Trung ương mong rằng chỉ thị này sẽ được quán triệt đầy đủ để tận chi bộ và trung đội, tiểu đội và được chấp hành nghiêm túc, và tin rằng các đơn vị sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vẻ vang được giao cho.

TM QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG

Bí thư
VÕ NGUYỄN GIÁP

ĐIỆN CỦA BÍ THƯ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI CÁNH QUÂN HƯỚNG ĐÔNG

(Điện ngày 27 tháng 4 năm 1975)

“1. Thường xuyên báo cáo tình hình hàng ngày để báo cáo với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương;

2. Trước mắt, cho biết mấy vấn đề sau: đánh giá thắng lợi bước đầu; dự kiến thời cơ phát triển vào nội đô, cả trường hợp hiệp đồng chung với các hướng và trường hợp đến mục tiêu trước mắt sớm hơn thời gian quy định và khi có thời cơ cụ thể thuận lợi, bảo đảm chắc thắng thì tranh thủ phát triển vào, không nên chờ các cách khác;

3. Nếu trận địa pháo 130 đặt xong ở Nhơn Trạch và bắn vào được Tân Sơn Nhất thì Sài Gòn sẽ rung động lớn”.

ĐIỆN CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP THAY MẶT BỘ CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI BỘ TƯ LỆNH CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

(Điện ngày 28 tháng 4 năm 1975)

“1. Chiến dịch đã bắt đầu với những thắng lợi giòn giã. Chúng tôi tất cả đều rất phấn khởi, gửi lời chúc các anh khỏe và giành toàn thắng.

2. Các anh nhắc cơ quan tham mưu và chính trị:

a. Đi đôi với mệnh lệnh tác chiến, cần có chỉ thị cụ thể về nhiệm vụ, phục vụ quản lý thành phố của từng đơn vị;

b. Xúc tiến kế hoạch phát triển thắng lợi, tiêu diệt và làm tan rã quân địch ở đồng bằng sông Cửu Long;

c. Có dự kiến về việc điều chỉnh lực lượng sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nhất là những việc điều chỉnh cần làm trước mùa mưa.

3. Nhận được điện, các anh trả lời để chúng tôi hướng dẫn cơ quan nghiên cứu”.

ĐIỆN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI BỘ CHỈ HUY CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

(Điện lúc 10 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975)

“Gửi các anh Sáu, anh Bảy, anh Tuấn, anh Tư, đồng điện anh Tấn¹.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đang họp thì được tin Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chỉ thị:

1. Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch: tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng.

2. Công bố đặt thành phố Sài Gòn - Gia Định dưới quyền của Ủy ban quân quản do tướng Trần Văn Trà làm Chủ tịch.

3. Sẽ có điện tiếp, nhận được điện trả lời ngay.

Ba²”

ĐIỆN CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP THAY MẶT BỘ CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG GỬI BỘ CHỈ HUY CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

(Điện sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975)

“Một số ý kiến đã nhất trí để các anh thi hành:

1. Ủy ban quân quản công bố ngay trên đài phát thanh mệnh lệnh đầu tiên.

Nội dung đại thể:

a. Quân giải phóng tiến vào để giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam;

b. Quân đội ngụy quyền Sài Gòn phải lập tức hạ vũ khí đầu hàng;

c. Tuyên bố giải tán chính quyền các cấp;

d. Kêu gọi đồng bào đứng dậy cùng Quân giải phóng đập tan mọi sự chống cự của địch, giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, hoàn thành công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam thân yêu.

2. Đã kiểm tra lại công tác chuẩn bị của không quân. Các đơn vị Mích 17, Mích 21 đã sẵn sàng. Sẽ tùy tình hình, nếu thật cần thiết thì sẽ quyết định sử dụng theo kế hoạch dự kiến...”

¹. Các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà, Lê Trọng Tấn.

². Đồng chí Lê Duẩn.

**ĐIỆN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
GỬI BỘ CHỈ HUY CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH**

(Điện lúc 12 giờ 25 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975)

“... Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí, nhưng không phải với tư cách tổng thống mà với tư cách một người đã sang hàng ngũ nhân dân. Đã nhận được tin ta cấm cờ lên dinh Độc Lập lúc 11 giờ. Các anh trong Bộ Chính trị rất vui, rất vui”.

Bản sao lưu trữ

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ QĐNDVN TRONG BA NĂM TỪ 1973 – 1975

Trích

Năm 1973

5 tháng 2

CỤC TUYÊN HUẤN TRÌNH TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ DUYỆT KẾ HOẠCH CÔNG TÁC TUYÊN HUẤN TỪ THÁNG 3 ĐẾN THÁNG 5 NĂM 1973.

“I- Nhiệm vụ:

- Tiếp tục làm cho bộ đội nhận rõ thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quán triệt tình hình nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn hiện nay, động viên tinh thần phấn khởi, tin tưởng, nâng cao ý chí chiến đấu, tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, khẩn trương xây dựng lực lượng và hoàn thành tốt nhiệm vụ trước mắt.

- Hướng dẫn bộ đội thi hành Hiệp định và tham gia đấu tranh buộc địch thi hành Hiệp định.

- Triển khai công tác giáo dục cơ bản cho các đối tượng: quân tăng cường, quân nhân bị địch bắt trở về, thương binh, bệnh binh, cán bộ mới để bạt.

- Đẩy mạnh hoạt động văn hóa, văn nghệ nâng cao đời sống tinh thần của bộ đội.

II. Các công tác lớn:

1. Công tác giáo dục:

- Chuẩn bị để tiến hành đợt sinh hoạt chính trị quán triệt tình hình, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân sự khi có Nghị quyết của Trung ương. Nắm tình hình tư tưởng bộ đội và chuẩn bị kế hoạch, nội dung để báo cáo Tổng cục.

- Triển khai chỉ đạo tốt công tác giáo dục cơ bản cho các đối tượng trong toàn quân.

- Khôi phục nền nếp giáo dục văn hóa cho cán bộ, mở rộng công tác giáo dục văn hóa ở các đoàn an dưỡng, bồi dưỡng cho một số thương bệnh binh vào đại học.

2. Công tác tuyên truyền:

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên đài, báo và tuyên truyền nội bộ về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến và quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, về kết quả thi hành Hiệp định và hướng dẫn dư luận đấu tranh buộc địch thi hành Hiệp định.

- Hướng dẫn tổng kết thi đua năm 1972 và đẩy mạnh phong trào thi đua trong tình hình mới.

3. Công tác văn hóa, văn nghệ:

- Quán triệt chỉ thị của Tổng cục về đẩy mạnh hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng trong tình hình mới. củng cố nền nếp hoạt động thông tin, đọc báo, tủ sách đại đội, hoạt động văn nghệ tiến hành hội diễn văn nghệ từ cơ sở đến sư đoàn.

- Tổng kết cuộc vận động ghi chép đề tài “Chống Mỹ, cứu nước” và mở cuộc vận động viết “Kỷ niệm sâu sắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”.

4. Một số công tác cụ thể khác:

- Tổ chức bồi dưỡng cho các đoàn cán bộ giáo dục để giúp các chiến trường ở B.

- Nghiên cứu chiến tranh tâm lý của địch qua tài liệu thu thập được ở cán bộ, chiến sĩ bị địch bắt trở về.

- Duyệt bộ tài liệu về tâm lý học.

- Xây dựng kế hoạch công tác tuyên huấn năm 1973 và kế hoạch 3 năm.

- Tổ chức cho một số văn nghệ sĩ đi công tác B2, B5.

- Chi viện lực lượng cho chiến trường gồm 70 người cho các đội chiếu bóng thuộc chi nhánh Quân khu 4 (8 bộ máy chiếu, 5 xe câu lạc bộ, 4 tạ phim), 4 thư viện cho B và 3 thư viện cho C.

- Hoàn thành kế hoạch in, tráng 2 triệu mét phim năm 1972 và gửi 7 bộ phim, tráng ở Trung Quốc theo kế hoạch một triệu mét năm 1973”.

Hồ sơ M3-MQ-316

19 tháng 5

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ BÁO CÁO THƯỜNG TRỰC QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG VỀ TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG BỘ ĐỘI TỪ NGÀY HIỆP ĐỊNH PA-RI ĐƯỢC KÝ KẾT ĐẾN 5-1973

Báo cáo nhận định:

“Trước bước ngoặt của cách mạng, toàn quân vững vàng về chính trị tư tưởng, phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào Trung ương, hành động theo đúng chủ trương, chính sách, chỉ thị mệnh lệnh của Đảng và quân đội. Ý chí chiến đấu, tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế nói chung điều tốt.

Với Hiệp định và đấu tranh thi hành Hiệp định:

Cán bộ, chiến sĩ nhất trí cao với chủ trương ký Hiệp định Pa-ri, chuyển cuộc đấu tranh cách mạng sang giai đoạn mới. Tự hào với Đảng, với dân tộc và quân đội ta. Mặt khác cũng nhận rõ nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ chưa hoàn thành, đế quốc Mỹ chưa từ bỏ dã tâm xâm lược, duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, càng tăng cường cảnh giác sẵn sàng chiến đấu nhận thức rõ cách mạng miền Nam không có con đường nào khác con đường bạo lực, miền Bắc phải

mạnh về kinh tế, quốc phòng, miền Nam phải mạnh về chính trị, quân sự mới
 đẩy được cách mạng tiến lên.

- *Với nhiệm vụ quân đội:*

Xác định tốt chức năng, nhiệm vụ lực lượng vũ trang trong tình hình mới.
 Phải tranh thủ điều kiện, ra sức xây dựng quân đội chính quy, hiện đại, nâng cao
 sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang ở cả hai miền, kịp thời chiến đấu đập
 tan mọi hành động chiến tranh của địch, tiếp tục chi viện lực lượng cho tiền
 tuyến.

+ Các đơn vị đều có khí thế tốt.

+ Các đơn vị vận tải tranh thủ thời cơ hoàn thành vượt mức kế hoạch.

+ Các đơn vị làm nhiệm vụ ở chiến trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Các đơn vị phía sau củng cố tổ chức nhanh, duy trì chế độ sẵn sàng chiến
 đấu, sẵn sàng chi viện tiền tuyến.

+ Các bệnh viện, đoàn an dưỡng phục vụ tốt thương, bệnh binh với số lượng
 tăng.

+ Cán bộ nói chung phát huy tốt trách nhiệm lãnh đạo chỉ huy, chăm lo đời
 sống vật chất, tinh thần bộ đội.

- *Đối với nhiệm vụ xây dựng miền Bắc:*

Cán bộ, chiến sĩ thấy rõ vị trí to lớn của miền Bắc trong chiến tranh và
 nhiệm vụ cách mạng hiện nay, xác định được trách nhiệm quân đội tham gia xây
 dựng kinh tế, củng cố giải phóng.

- *Với nhiệm vụ giúp bạn:*

Xác định tốt nhiệm vụ quốc tế giúp bạn, đoàn kết, phối hợp cùng bạn chiến
 đấu quyết giữ vững và phát huy thắng lợi chung.

Tóm lại, trước tình hình mới, nhiệm vụ mới, cán bộ, chiến sĩ tin tưởng ở sự
 lãnh đạo của Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Đảng và nhiệm vụ
 quân đội. Chiều hướng chung của tư tưởng bộ đội phát triển tốt, mặt tích cực là
 cơ bản và chủ đạo. Chứng tỏ bản chất cách mạng tốt đẹp của cán bộ, chiến sĩ,
 kết quả giáo dục, rèn luyện thử thách qua nhiều năm chiến đấu, trực tiếp là kết
 quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đúng đắn, chủ động, nhạy bén trong
 năm 1972.

Tuy vậy, trước tình hình nhiệm vụ mới, sau nhiều năm chiến đấu lâu dài
 gian khổ, trong nhận thức tư tưởng cán bộ, chiến sĩ có diễn biến phức tạp, xen kẽ
 giữa cái đúng và cái sai, giữa vấn đề tư tưởng và vấn đề thực tế, có cái rõ nét có
 cái chớm nở, đáng chú ý nhiều là những biểu hiện đang tồn tại sau đây:

1. Băn khoăn, lo lắng về con đường và khả năng phát triển của cách mạng.
 Lo để quốc Mỹ tiếp tục tăng cường dính líu quân sự, chiến tranh lại trở lại. Lo ta
 gặp khó khăn trong xây dựng và giữ vững vùng giải phóng. Lo tình hình ở Lào,
 Campuchia khó ổn định và trong tình hình Liên Xô, Trung Quốc và Mỹ nhân
 nhượng nhau, sự ủng hộ quốc tế với ta ngày càng khó khăn.

2. Có nhiều suy nghĩ về chính sách và lo lắng về đời sống sau nhiều năm hy sinh chiến đấu, muốn được nghỉ ngơi, được thay phiên để sống gần gia đình.

- Số cán bộ sức khỏe yếu, năng lực hạn chế lo bản thân ở quân đội gặp khó khăn nhưng phục viên, chuyển ngành cũng có khó khăn về đời sống.

- Số hạ sĩ quan, chiến sĩ cũ, quân nhân chuyên nghiệp nhập ngũ 1965 trở về trước suy nghĩ nhiều về cuộc sống riêng tư muốn xuất ngũ, chờ chính sách.

- Số chiến sĩ trước là sinh viên, nhân viên các ngành muốn trở về đi học hoặc về ngành cũ.

- Anh em thương binh lo đời sống bản thân, gia đình không muốn phục viên, không muốn chuyển sang thương binh xã hội.

- Quân nhân gái lo lắng nhiều về chồng con, muốn chuyển ngành, không muốn phục viên.

- Số anh chị em bị địch bắt trở về lo tổ chức sẽ đánh giá mình ra sao.

Những băn khoăn, lo lắng trên có phần do thực tế, có phần do không hiểu hết tình hình, có phần do quan điểm và phương pháp xem xét có chỗ lệch lạc, cũng có trường hợp xen kẽ lẫn lộn vấn đề thực tế và tư tưởng tiêu cực.

3. Còn những biểu hiện lỏng lẻo ý chí chiến đấu, lỏng lẻo cảnh giác cách mạng, lơ là ý thức tổ chức kỷ luật và tư tưởng hòa bình chủ nghĩa. Đáng chú ý các biểu hiện vi phạm kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước, vi phạm bản chất quân đội để xảy ra hư hỏng, mất mát trang bị, vũ khí, gây thương vong, phạm pháp, làm mất trật tự xã hội trong mấy tháng qua tăng nhiều hơn trước.

- Công tác tư tưởng sắp tới cần tập trung vào các yêu cầu sau:

1. Nhận rõ tình hình nhiệm vụ mới, đánh giá đúng cục diện mới của cách mạng. Nâng cao tinh thần lạc quan cách mạng, tin tưởng, nỗ lực chấp hành nhiệm vụ mới.

2. Nhận rõ kẻ thù Mỹ, ngụy. Phát huy tinh thần cách mạng triệt để kiên cường chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

3. Bồi dưỡng nâng cao ý chí chiến đấu, phát huy phẩm chất cách mạng, khí thế chiến thắng, động viên tiếp tục hy sinh phấn đấu, ý chí tiến thủ nỗ lực trong xây dựng, chiến đấu.

4. Đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, tăng cường quản lý rèn luyện kỷ luật quân đội.

Khắc phục tư tưởng dửng dưng, lơ lửng ý chí chiến đấu, tự do vô kỷ luật, kiêu ngạo, công thần, mơ hồ mất cảnh giác.

Chủ động ngăn ngừa các quan điểm sai trái ảnh hưởng xấu đến đoàn kết nhất trí đến hoàn thành nhiệm vụ. Ngăn chặn, đập tan chiến tranh tâm lý của địch”.

Hồ sơ M3 - MQ-316

Tháng 6

QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG HỌP RA QUYẾT ĐỊNH VỀ TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Đối với công tác chính trị, Nghị quyết xác định chủ trương lãnh đạo:

“... Tăng cường giáo dục chính trị lãnh đạo tư tưởng, động viên chính trị rộng rãi, giáo dục nâng cao trình độ giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin, nâng cao trình độ hiểu biết về đường lối chính trị, quân sự của Đảng, làm cho toàn quân, trước hết là cán bộ đảng viên hiểu rõ nhiệm vụ cách mạng, chức năng nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong giai đoạn mới, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng lực lượng, xây dựng Chủ nghĩa xã hội, xây dựng vùng giải phóng và căn cứ địa, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh chính trị, cùng toàn dân đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và làm tròn nhiệm vụ quốc tế.

Nhận rõ thắng lợi to lớn của cách mạng, thấy hết bản chất, âm mưu, thủ đoạn của địch, tính chất gay go, quyết liệt phức tạp, lâu dài của cuộc đấu tranh cách mạng, đồng thời tuyệt đối tin tưởng vào đường lối của Đảng, vào tiền đồ tất thắng của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, luôn luôn giữ vững lập trường, giữ vững ý chí chiến đấu, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cần kiệm, tăng cường đoàn kết nhất trí góp phần xứng đáng của lực lượng vũ trang vào sự nghiệp cách mạng chung của toàn dân.

Tích cực ngăn ngừa và khắc phục mọi tư tưởng sai lầm, mọi biểu hiện hữu khuynh tiêu cực, hoà bình chủ nghĩa, mơ hồ mất cảnh giác, giảm sút ý chí chiến đấu, giao động về đường lối, giao động trong chiến đấu, trong công tác, tự do vô kỷ luật công thần, địa vị, kiêu ngạo, cục bộ địa phương, tham ô lãng phí”.

Hồ sơ C22-MQ-186

8 tháng 8

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ BÁO CÁO QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG VỀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ 3 NĂM (1973 - 1975)

Kế hoạch gồm 3 phần:

Phần một: - Những nét lớn về tình hình chính trị, tư tưởng và tình hình công tác chính trị trong quân đội.

Phần hai: - Phương hướng nhiệm vụ công tác chính trị 3 năm (1973 - 1975).

Phần ba: - Các mặt công tác chính trị trong 3 năm tới.

Về phương hướng, nhiệm vụ công tác chính trị 3 năm (1973 - 1975), kế hoạch của Tổng cục nêu rõ:

“... Không ngừng tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và phát huy sức mạnh của công tác chính trị trong toàn quân làm cho cán bộ chiến sĩ quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ chủ trương cách mạng của Đảng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong giai đoạn mới, luôn luôn nâng cao ý chí chiến đấu, tinh thần triệt để cách mạng, tinh thần cảnh giác, ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy bản chất truyền thống quân đội, tăng cường đoàn kết nhất trí nâng cao năng lực hành động, cải tiến phương pháp công tác, đẩy mạnh việc học tập, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt (chính trị, quân sự, nghiệp vụ chuyên môn, khoa học kỹ thuật, văn hóa), đồng thời tiếp tục kiện toàn củng cố tổ chức. Xây dựng lực lượng thật vững mạnh, để không ngừng nâng cao chất lượng chính trị quân đội một cách toàn diện, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của Đảng giao cho và tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng quân đội lâu dài.

Để thực hiện phương hướng nhiệm vụ trên, yêu cầu công tác tư tưởng và công tác tổ chức trong thời gian tới như sau:

I. Về công tác tư tưởng:

Nhiệm vụ của công tác tư tưởng là làm cho toàn quân nhận rõ đặc điểm tính chất của tình hình, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn mới, tiếp tục giáo dục nâng cao trình độ nhận thức tư tưởng, tình cảm tha thiết và trách nhiệm, nghĩa vụ gắn bó của mỗi cán bộ, chiến sĩ đối với nhiệm vụ cách mạng chung của cả nước, đối với nhiệm vụ cách mạng của hai miền Nam, Bắc, đối với nghĩa vụ quốc tế. Từ đó nâng cao lòng tin tưởng, tự hào, nhất trí cao độ, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng, kiên định vững vàng hăng hái tiến lên với quyết tâm cao, nỗ lực mới, phấn đấu rèn luyện, nâng cao năng lực hành động, phát huy mạnh mẽ tinh thần tích cực, linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ ở mọi nơi, mọi lúc, mọi chiến trường và trong mọi hoàn cảnh...

II. Công tác giáo dục, tuyên truyền, văn hóa 3 năm tới:

Ra sức giáo dục nâng cao trình độ giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin trình độ hiểu biết về đường lối chính trị, quân sự của Đảng, thấu suốt nhiệm vụ cách mạng và chức năng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong giai đoạn mới. Động viên, hướng dẫn toàn quân kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, đồng thời tích cực tham gia xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Xây dựng vùng giải phóng, căn cứ địa làm hậu thuẫn cho đấu tranh chính trị ở miền Nam và làm trong nghĩa vụ quốc tế theo tinh thần “Việt Nam là một Tổ quốc, Đông Dương là một chiến trường”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục thường xuyên và chú trọng tăng cường công tác giáo dục lý luận cơ bản thích hợp từng đối tượng, nhất là đối với cán bộ và đảng viên. Bằng nhiều hình thức, biện pháp nâng cao chất

lượng mọi hoạt động văn hóa văn nghệ trong quân đội, phục vụ tốt yêu cầu giáo dục động viên chính trị, bồi dưỡng tình cảm đạo đức cách mạng, nâng cao đời sống tinh thần bộ đội nhất là bộ đội ở tiền tuyến...”.

Hồ sơ CT-1, MQ-46, tr 159-177.

30 tháng 8

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ TRÌNH THƯỜNG TRỰC QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG DUYỆT ĐỀ ÁN TỔ CHỨC BỘ PHẬN CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀO TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM VÀ GIÚP ĐỠ CÁC TRƯỜNG QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Nội dung đề án nêu rõ:

I - Nhiệm vụ:

1. Trao đổi kinh nghiệm về chương trình giáo dục chính trị, mục đích yêu cầu, tư tưởng chỉ đạo từng môn học, phương châm phương pháp giáo dục, chế độ giảng dạy, học tập, bồi dưỡng giáo viên.

2. Tham gia ý kiến về xây dựng chương trình giáo dục chính trị cho các đối tượng học tại trường, tại chức.

3. Góp phần bồi dưỡng giáo viên những nội dung theo yêu cầu của nhà trường nhất là về lý luận cơ bản và đường lối.

4. Cung cấp thêm tài liệu giáo dục chính trị có chọn lọc của các trường miền Bắc phù hợp đối tượng giáo dục ở chiến trường miền Nam.

5. Nghiên cứu tình hình chung về công tác giáo dục chính trị của các trường Quân giải phóng toàn miền mà đề nghị phương hướng giúp đỡ lâu dài về công tác giáo dục tại trường, tại chức.

II. Thành phần tham gia:

- 1 đồng chí phụ trách chung có trình độ và kinh nghiệm tương đối toàn diện về chỉ đạo công tác giáo dục chính trị.

- 2 Đồng chí có năng lực và kinh nghiệm giảng lý luận cơ bản.

- 1 đồng chí có kinh nghiệm và năng lực giảng môn Lịch sử Đảng, đường lối chính sách.

- 1 đồng chí có kinh nghiệm và năng lực giảng môn công tác Đảng, công tác chính trị.

- 1 đồng chí có kinh nghiệm công tác giáo vụ.

- 1 đồng chí chuyên trách theo dõi nghiệp vụ đối với các trường Quân giải phóng miền Nam của Phòng giáo dục cán bộ và nhà trường thuộc Cục Tuyên huấn.

Bộ phận trên đi cùng cán bộ của cơ quan 3 Tổng cục và một số trường vào trao đổi kinh nghiệm và giúp đỡ các trường miền Nam.

Hồ sơ M3 - MQ - 316

26 tháng 9

NHỮNG CÔNG VIỆC CỦA CỤC TRIỂN KHAI VÀ HOÀN THÀNH TRONG QUÝ IV NĂM 1973

1 - Chuẩn bị kế hoạch, tài liệu cho đợt sinh hoạt tư tưởng và chuẩn bị triển khai đợt sinh hoạt tư tưởng trong toàn quân.

2 - Hoàn thành nghiên cứu chuyên đề công tác tư tưởng.

3 - Triển khai kế hoạch chuẩn bị kỷ niệm 3 ngày lễ lớn trong năm 1974.

4 - Xây dựng kế hoạch phát động cuộc vận động nâng cao chất lượng lực lượng vũ trang và đề án cải tiến công tác báo chí, phát thanh.

5 - Hoàn chỉnh các tài liệu tâm lý học, biên soạn xong tài liệu giáo dục chính trị cho số cán bộ chuyển ra và các đơn vị làm nhiệm vụ sản xuất.

7 - Nghiên cứu biên chế, chức trách ngành Tuyên huấn, nghiên cứu xong đề án kiện toàn Cục Tuyên huấn, các cơ quan Tuyên huấn quân khu, quân binh chủng, sư đoàn tiếp tục nghiên cứu đề án tổ chức các đoàn văn công, xây dựng Xưởng phim quân đội.

8 - Xây dựng kế hoạch tuyên huấn năm 1974.

9 - Hiệp đồng với các cơ quan, tổ chức nghiên cứu âm mưu địch, đi sâu vào chiến tranh tâm lý của địch.

10 - Nghiên cứu trang bị vật chất của Ngành Tuyên huấn và Cục Tuyên huấn.

11 - Theo dõi, chuẩn bị tài liệu, giáo viên giảng dạy ở lớp bổ túc nghiệp vụ Tuyên huấn mở từ tháng 10/1973 đến tháng 8/1974".

Hồ sơ M3 - MQ - 316

1 tháng 11

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ CHỈ THỊ TOÀN QUÂN TỔ CHỨC SINH HOẠT TƯ TƯỞNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Nội dung chỉ thị xác định rõ mục đích, yêu cầu, cách tiến hành và những vấn đề cần chú ý trong lãnh đạo, chỉ đạo sinh hoạt tư tưởng ở các đơn vị.

Về mục đích, yêu cầu, chỉ thị nhấn mạnh:

“...

- Về quán triệt đặc điểm tình hình nhiệm vụ, cần nhận thức đúng đắn về thắng lợi và ý nghĩa thắng lợi, cục diện hiện nay, bản chất và âm mưu của địch, tính chất cuộc đấu tranh tới, triển vọng của tình hình; yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng nhiệm vụ lực lượng vũ trang.

- Về đánh giá tình hình tư tưởng cần phân tích một cách khách quan, toàn diện, làm rõ chỗ mạnh, chỗ yếu và nguyên nhân, nắm vững thực chất tư tưởng, đi sâu phân tích đánh giá tình hình tư tưởng chung của đơn vị và của từng đối tượng; thấy rõ ưu điểm, khuyết điểm, nhược điểm và nguyên nhân trách nhiệm của cấp uỷ, chi bộ và công tác lãnh đạo tư tưởng.

- Phải đề ra phương hướng, yêu cầu tư tưởng sát hợp và thiết thực với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị, chức trách, nhiệm vụ các cấp.

- Đối với cán bộ đảng viên, trước hết là cán bộ chủ trì các cấp: đề cao trách nhiệm chính trị, tiên tiến về nhận thức tư tưởng, gương mẫu về mọi mặt, ra sức học tập nâng cao năng lực hành động, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, khắc phục mọi biểu hiện dừng lại, thiếu trách nhiệm, tính toán cá nhân, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật.

- Đối với đoàn viên và chiến sĩ: nhận rõ mục tiêu lý tưởng cách mạng phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của quân đội, vững vàng ở vị trí chiến đấu, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, ra sức học tập nâng cao trình độ, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ; khắc phục mọi biểu hiện lỏng lẻo ý chí chiến đấu, thiếu cảnh giác, ngại lâu dài gian khổ, ngại ác liệt hy sinh, chống mọi biểu hiện tiêu cực lạc hậu”.

Hồ sơ M3-1. MQ-325, tr 18-22

Năm 1974

2 tháng 1

**CỤC TUYÊN HUẤN TRÌNH TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ VỀ
CHÍNH SÁCH KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC TUYÊN HUẤN
NĂM 1973.**

“I - Những nhiệm vụ lớn của công tác tuyên huấn trong năm:

1- Căn cứ vào phương hướng tư tưởng của Quân uỷ Trung ương, liên tục giáo dục, động viên chính trị tư tưởng, hướng dẫn hành động cho các lực lượng vũ trang ở tiền tuyến và hậu phương nhằm tăng cường trận địa tư tưởng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2 - Tích cực bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị cho cán bộ, chiến sĩ năng lực công tác chính trị cho cán bộ góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của bộ đội.

3 - Đẩy mạnh hoạt động văn hóa văn nghệ, nâng cao đời sống tinh thần bộ đội.

4. Khẩn trương nghiên cứu chuẩn bị điều kiện thực hiện một bước những vấn đề cơ bản của kế hoạch 3 năm công tác tuyên huấn.

II. Tình hình tư tưởng bộ đội:

Năm qua trước chuyển biến của tình hình đấu tranh cách mạng đi vào giai đoạn mới, nhận thức tư tưởng bộ đội phát triển tốt, bản chất cách mạng được bồi dưỡng và phát huy. Bộ đội được chuẩn bị tốt tinh thần sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao, mặt tích cực được phát huy, mặt tiêu cực từng bước được đẩy lùi.

Tuy nhiên trước tình hình đấu tranh cách mạng trong nước và trên thế giới diễn biến phức tạp, nhiều yêu cầu mới đặt ra cho bộ đội trong chiến đấu và xây dựng, trình độ lý luận của cán bộ, kiến thức chính trị của chiến sĩ có hạn và không đồng đều, tư tưởng hữu khuynh tiêu cực và chủ nghĩa cá nhân ở mức độ khác nhau chưa được khắc phục triệt để v.v... nên nhận thức tư tưởng diễn biến không giản đơn, cần tiếp tục đấu tranh khắc phục.

- Nhận thức quan điểm, phương pháp xem xét còn có chỗ chưa vững vàng, thường là đánh giá thắng lợi chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, nhìn cục diện mới chưa toàn diện, đánh giá địch cao, lòng tin ở khả năng khắc phục khó khăn còn thấp.

- Hòa bình chủ nghĩa, ngại lâu dài gian khổ, dừng lại, thiếu triệt để cách mạng, thiếu hăng hái, nỗ lực trong chiến đấu, công tác. Cá biệt có người giảm sút ý chí chiến đấu, giảm sút nhiệt tình cách mạng.

- Tính toán cá nhân về địa vị, đãi ngộ, hưởng thụ, công thần, kiêu ngạo. Cá biệt có người tự tư tự lợi và cơ hội.

- Kỷ luật còn nhiều mặt chưa nghiêm, tùy tiện trong chấp hành kỷ luật, chức trách, chế độ. Những vi phạm nghiêm trọng kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước còn xảy ra.

III - Tình hình công tác tuyên huấn năm 1973

1 - Công tác tuyên huấn đã tập trung giáo dục tình hình nhiệm vụ động viên chính trị, tư tưởng, hướng dẫn hành động cách mạng cho bộ đội. Đã tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị và tư tưởng trong đó có hai đợt lớn vào đầu và cuối năm để quán triệt tinh thần Nghị quyết của Trung ương, Quân uỷ Trung ương, bồi dưỡng tinh thần triệt để cách mạng, tư tưởng chiến lược tiến công cách mạng, quan điểm bạo lực cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, ý chí chiến đấu, ý thức cảnh giác, ý thức tổ chức kỷ luật.

Kết hợp tốt công tác giáo dục và tuyên truyền trong nội bộ, trên báo, đài, tăng cường giáo dục thời sự về tình hình trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh các

hoạt động thi đua đều khắp trong các đơn vị và các chiến trường. Các hoạt động nói trên đã góp phần tích cực vào việc tăng cường công tác tư tưởng trước tình hình mới.

2- Công tác giáo dục cơ bản trong các đơn vị ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương, tại trường, tại chức đã có bước phát triển mới. Việc giáo dục chiến sĩ theo chương trình cơ bản đã được thực hiện khẩn trương, chất lượng tốt hơn trước. Các lớp tập huấn tại chức về đường lối, công tác chính trị cho cán bộ trung cấp, sơ cấp ở hầu hết các đơn vị (từ trước đến nay đã có từ 69% đến 90% cán bộ trung cấp được học). Thương binh, bệnh binh, quân nhân bị địch bắt trở về đều được học tập theo nội dung cơ bản thống nhất, đạt kết quả tốt (trên 2 vạn thương binh, trên 1 vạn quân nhân bị địch bắt trở về). Các trường bắt đầu mở các lớp bổ túc, đào tạo tương đối dài hạn, đang đi vào thống nhất chương trình tài liệu. Mặt còn yếu là công tác giáo dục chưa đi vào kế hoạch nền nếp, không thống nhất chương trình, chất lượng giảng dạy, học tập ở các đơn vị còn hạn chế. Nội dung học tập của đảng viên, đoàn viên chưa được nâng cao.

3. Công tác giáo dục văn hóa có bước phát triển nhất là ở các quân khu, quân binh chủng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, ở các đoàn thương bệnh binh, ở các trường. Hiện tại có 1916 lớp với 46.066 học viên (cả 3 lớp). Đặc biệt số thương binh được bổ túc văn hóa đi vào đại học 1265 người, vào trường trung học chuyên nghiệp 3163 người với tỷ lệ trúng tuyển cao (75%).

Việc phổ biến kiến thức khoa học đã được chú trọng hơn. Năm qua, phổ biến 17 đề tài đến 135.750 cán bộ chiến sĩ.

4. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng được hướng dẫn tốt hơn và đang có đà phát triển trong hoàn cảnh mới. Nhiều mặt hoạt động được đẩy lên như phong trào ca hát, vẽ tranh, làm thơ, viết ký sự hưởng ứng cuộc vận động viết kỷ niệm sâu sắc chống Mỹ, cứu nước. Nhiều đơn vị có nhiều đại đội hoạt động văn hóa, văn nghệ giỏi. Một số nơi ở chiến trường (B4, 559) đã xây dựng nhiều đơn vị cơ sở có hoạt động văn hóa, văn nghệ tốt. Hoạt động văn nghệ chuyên nghiệp có nhiều tiến bộ. Các đoàn văn công phục vụ nhiều nơi cho bộ đội và nhân dân cả ở các vùng giáp ranh, vùng mới giải phóng. Điện ảnh quân đội và Truyền hình quân đội đã xây dựng được nhiều phim thời sự, giáo khoa, tài liệu phục vụ kịp thời yêu cầu chính trị trong năm”.

Hồ sơ M3 - MQ - 316

9 tháng 1

CỤC TUYÊN HUẤN TRÌNH TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG LỚN CỦA CÔNG TÁC TUYÊN HUẤN TRONG 2 NĂM 1974 - 1975 (CHỦ YẾU LÀ NĂM 1974)

“1 - Tiếp tục giáo dục động viên chính trị tư tưởng thật sâu rộng, quán triệt sâu tình hình nhiệm vụ cách mạng, đường lối chủ trương của Đảng, nhiệm vụ lực

lượng vũ trang, nhiệm vụ từng đơn vị trong giai đoạn mới, làm cho tư tưởng bộ đội phù hợp nhiệm vụ chính trị và quân sự của Đảng. Giữ vững, phát huy bản chất truyền thống cách mạng, nâng cao ý chí chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu.

2 - Đưa công tác giáo dục chính trị lên một bước mới, tập trung bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nâng cao hiểu biết cơ bản, kiến thức và năng lực hành động của cán bộ nhất là cán bộ chủ trì, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chức trách trước mắt.

3 - Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, phục vụ tốt yêu cầu giáo dục động viên chính trị tư tưởng.

4 - Kiện toàn cơ quan tuyên huấn và đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhân viên tuyên truyền các cấp, làm cho cơ quan gọn, nhẹ, mạnh, có chế độ lễ lối làm việc tốt.

5 - Tích cực chuẩn bị nội dung, lực lượng, cơ sở vật chất, chuẩn bị điều kiện cho yêu cầu phát triển của nhiệm vụ trong những năm tiếp theo”.

Hồ sơ: 02/TH

1 tháng 2

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ CHỈ THỊ TOÀN QUÂN VỀ GIÁO DỤC VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI TA

1 - *Phương hướng nhiệm vụ*: Tăng cường việc giáo dục và phát huy truyền thống cách mạng của quân đội, coi đây là 1 nội dung công tác chính trị, công tác tư tưởng hết sức quan trọng, ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm cao, ý chí tổ chức kỷ luật tự giác nghiêm minh; tinh thần đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân nhân, đoàn kết quốc tế tốt; tinh thần cần kiệm, tích cực học tập và hăng say lao động; tinh thần khiêm tốn, giản dị.

Để thực hiện những mục đích, yêu cầu trên cần triển khai toàn diện các hình thức, biện pháp, nhưng trước mắt tập trung làm tốt 4 việc sau đây:

“1 - Giáo dục lịch sử và truyền thống của quân đội.

2- Làm tốt công tác bảo tàng, bảo tồn, sưu tầm và giữ gìn các hiện vật và di tích lịch sử.

3 - Xúc tiến việc biên tập lịch sử quân đội.

4 - Hết sức bồi dưỡng và phát huy tác dụng của những đơn vị anh hùng và những anh hùng, dũng sĩ.

...

Truyền thống cách mạng của dân tộc ta, của quân đội ta là vô cùng quý báu và có tác dụng hết sức to lớn. Biết giữ vững và phát huy truyền thống đó, chúng ta sẽ tạo nên được một sức mạnh phi thường, thúc đẩy quân đội ta tiến lên giành thắng lợi mới trong giai đoạn cách mạng mới.

Vì vậy cấp uỷ Đảng và cơ quan chính trị các cấp cần coi trọng công tác giáo dục truyền thống, nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sĩ về vị trí, tầm quan trọng của công tác này và tuyên truyền vận động quần chúng tích cực tham gia.

Cần kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu phục vụ trước mắt và lâu dài, kết hợp chặt chẽ các mặt hoạt động tuyên truyền giáo dục văn hóa - văn nghệ, kết hợp chặt chẽ với các cơ quan văn hóa, bảo tồn bảo tàng của nhà nước và của địa phương để có kế hoạch toàn diện bảo vệ, tu sửa và phát huy các tác dụng của các hiện vật, di tích lịch sử, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nghiệp vụ phục vụ cho việc giáo dục truyền thống”.

Hồ sơ M3 0 1, MQ - 325, tr 26 - 31.

2 tháng 2

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ HƯỚNG DẪN TOÀN QUÂN CHẤP HÀNH CHỈ THỊ CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG VỀ PHONG TRÀO THI ĐUA QUYẾT THẮNG

Nội dung hướng dẫn đề cập những vấn đề chính trị như sau:

“Về các danh hiệu thi đua:

1 - Danh hiệu tặng cho tập thể và cá nhân theo như Pháp lệnh của Nhà nước và điều lệ quy định của Hội đồng Chính phủ.

- Đối với tập thể:

+ Danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

+ Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”.

+ Danh hiệu “Tổ đội lao động Xã hội chủ nghĩa” cho các cơ sở sản xuất quốc phòng.

- Đối với cá nhân:

+ Danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”

+ Danh hiệu “Chiến sĩ Quyết thắng”.

+ Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua”.

2. Về tiêu chuẩn:

- Đơn vị Anh hùng phải đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc.

- Đơn vị Quyết thắng phải đạt thành tích xuất sắc.

- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân phải lập được thành tích đặc biệt xuất sắc.

- Chiến sĩ Quyết thắng phải đạt thành tích xuất sắc.

- Chiến sĩ Thi đua phải thực hiện tốt 3 yêu cầu thi đua.

Để cổ vũ lực lượng thanh niên quân đội, Tổng cục Chính trị đặt thêm danh hiệu:

- Chi đoàn thanh niên quyết thắng cho chi đoàn nào có thành tích xuất sắc.
- Thanh niên Quyết thắng tặng thanh niên và đoàn viên đạt 3 yêu cầu thi đua”.

Hồ sơ CD1 - MQ - 92

18 tháng 4

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ CHỈ THỊ VỀ HỌC TẬP CHÍNH TRỊ TẠI CHỨC CỦA CÁN BỘ NĂM 1974 - 1975.

“... Phấn đấu hết năm 1975 về cơ bản nâng được trình độ chính trị của cán bộ từng cấp, từng ngành lên tương đối đồng đều và thống nhất, đưa công tác giáo dục chính trị tại chức của cán bộ vào nền nếp, chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện giáo dục một cách cơ bản, toàn diện, hệ thống, thống nhất theo yêu cầu xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại.

Nội dung học tập:

a. Tập trung giáo dục tình hình nhiệm vụ cách mạng, chức năng nhiệm vụ lực lượng vũ trang, bản chất truyền thống quân đội bằng các cuộc sinh hoạt chính trị.

b. Tiến hành học tập một số vấn đề cơ bản gồm 3 môn:

- Đường lối của Đảng.
- Công tác chính trị trong lực lượng vũ trang.
- Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đối với cán bộ trung cấp và sơ cấp chưa qua đào tạo, bổ túc tại trường, hai năm tới phải học đủ chương trình.

Đối với cán bộ cao cấp chưa qua trường học theo chương trình cán bộ trung cấp. Đã qua trường rồi, học tập một số tác phẩm kinh điển. Cục Tuyên huấn và Học viện Chính trị nghiên cứu nội dung và hướng dẫn cụ thể.

Đối với cán bộ nghiệp vụ cơ quan chính trị, cấp nào học theo chương trình cán bộ chính trị cấp ấy, riêng phần nghiệp vụ công tác chính trị thì học theo tài liệu ngành.

Đối với cán bộ quân sự, hậu cần, chuyên môn, kỹ thuật học như cán bộ chính trị đồng cấp, riêng phần công tác chính trị, học một số bài theo quy định chức trách.

Đối với cán bộ đã học đủ chương trình quy định thì chủ yếu là ôn tập, tự học và tham gia sinh hoạt chính trị chung.

Thời gian học tập:

- Các đợt sinh hoạt chính trị có thời gian riêng.

- Thời gian hàng năm giành cho học tập chính trị tại chức của cán bộ chính trị 45 ngày, cán bộ quân sự, hậu cần, chuyên môn kỹ thuật học 25 ngày và chỉ dùng để học 3 môn đã nêu trên theo chương trình quy định.

- Sau mỗi môn học có kiểm tra, sát hạch theo hướng dẫn của Cục Tuyên huấn.

Kèm theo chỉ thị là bản chương trình và thời gian học tập chính trị tại chức của cán bộ trong 2 năm 1974 - 1975 bao gồm: cán bộ chính trị sơ cấp, cán bộ quân sự, chuyên môn kỹ thuật sơ cấp, cán bộ chính trị trung cấp, cán bộ quân sự chuyên môn kỹ thuật trung cấp và cán bộ cao cấp.

Chương trình giáo dục cụ thể (cho cán bộ chính trị sơ cấp).

Học 3 môn gồm 26 bài, thời gian 88 ngày.

1. Môn đường lối (7 bài)

- Đường lối chung của cách mạng Việt Nam.
- Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.
- Đường lối cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- Đường lối xây dựng kinh tế (cả vấn đề kinh tế và quốc phòng).
- Đường lối chiến tranh nhân dân.
- Đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.
- Đường lối, nhiệm vụ quốc tế.

2- Môn công tác chính trị (12 bài)

- Sự lãnh đạo của Đảng và nhiệm vụ công tác chính trị.
- Công tác tuyên truyền văn hóa, văn nghệ ở cơ sở.
- Công tác chi bộ đại đội.
- Công tác cán bộ ở cơ sở.
- Công tác các tổ chức quần chúng ở đại đội.
- Công tác bảo vệ ở cơ sở.
- Một số vấn đề công tác chính sách.
- Công tác quản lý bộ đội và tổ chức đời sống ở cơ sở.
- Phấn đấu trở thành chính trị viên ưu tú.
- Phổ biến kinh nghiệm công tác chính trị.

3 - Môn lý luận (7 bài)

- Chủ nghĩa duy vật Mác - Lênin.
- Phép biện chứng duy vật
- Lý luận nhận thức
- Chủ nghĩa tư bản
- Chủ nghĩa đế quốc
- Chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa
- Một số quy luật kinh tế Xã hội chủ nghĩa.

Đối với cán bộ cao cấp và các cán bộ chính trị cấp trung đoàn đã qua trường thì thời gian học tập tại chức dùng để nghiên cứu một số tác phẩm kinh điển, chủ yếu bằng phương pháp tự học.

- Bệnh ấu trĩ (tả khuynh) trong phong trào cộng sản.

- Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky.
- Một số bài nói về Chủ nghĩa xã hội (Lênin)
- Vì độc lập tự do, vì Chủ nghĩa xã hội (Hồ Chủ tịch)"

Hồ sơ M3 - 1 - MQ - 329

11 tháng 5

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ BÁO CÁO THƯỜNG TRỰC QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH SINH HOẠT CHÍNH TRỊ VỀ TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ MỚI.

I - Mục đích yêu cầu:

"... Trên cơ sở quán triệt những nhận định, đánh giá và phương hướng nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới trong các nghị quyết của Trung ương và qua tình hình thực tế diễn ra trên chiến trường miền Nam trong năm 1973, làm cho cán bộ, chiến sĩ:

1 - Hiểu rõ và nhất trí cao trên những vấn đề cơ bản: đánh giá đúng đắn tình hình địch, ta; bản chất, âm mưu thủ đoạn của địch; chiều hướng phát triển của tình hình; tính chất cuộc chiến tranh ở miền Nam hiện nay; nắm vững những quan điểm của Đảng để hiểu rõ phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng; yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong thời gian tới.

2. Phải đi sâu quán triệt tình hình, nhiệm vụ chung của cả nước, của cả 2 miền Nam - Bắc để thấy rõ và làm tốt nhiệm vụ lực lượng vũ trang ở miền Bắc.

3. Nhất trí cao, tin tưởng, quyết tâm chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và hành động, thấy rõ trách nhiệm thực hiện nghị quyết của Quân ủy Trung ương, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của đơn vị".

...

Hồ sơ M3-1, MQ - 325, tr 43-44

27 tháng 7

CHỦ NHIỆM TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH VỀ NGHIÊN CỨU CHỨC TRÁCH CỤC VĂN HÓA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ

"I - Nhiệm vụ

Cục Văn hóa là cơ quan nghiệp vụ thuộc Tổng cục Chính trị có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng Tổng cục Chính trị:

- Nghiên cứu quán triệt đường lối văn hóa nghệ thuật của Đảng để vận dụng vào quân đội, để đạt các chủ trương, kế hoạch công tác văn hóa, hướng dẫn tổ

chức thực hiện trong lực lượng vũ trang nhân dân trong mọi hoàn cảnh chiến đấu, xây dựng ở tiền tuyến và hậu phương. Giúp Thủ trưởng Tổng cục Chính trị quản lý mọi hoạt động văn hóa trong quân đội.

- Xây dựng ngành nghiệp vụ công tác văn hóa trong quân đội; cùng các cơ quan có liên quan quản lý xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên công tác văn hóa vững mạnh, có chất lượng cao, số lượng đủ, cơ cấu cân đối và hoàn chỉnh.

- Cùng các cơ quan có liên quan nghiên cứu đề đạt phương hướng, xây dựng, cải tiến, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành văn hóa trong quân đội. Trong phạm vi đã được Tổng cục Chính trị quy định, chịu trách nhiệm quản lý, phân phối và thực hiện các tiêu chuẩn, chế độ trong quân đội.

Bồi dưỡng nâng cao trình độ thẩm mỹ, kiến thức và khả năng hoạt động văn hóa, văn nghệ cho cán bộ, chiến sĩ, nhất là cán bộ chủ trì làm công tác chính trị và cán bộ cơ sở.

II. Chức trách:

Điều 1:

Nắm vững đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, phương hướng nghiên cứu công tác chính trị, nghiên cứu đề đạt với Thủ trưởng Tổng cục Chính trị về phương hướng nhiệm vụ, nội dung, kế hoạch công tác văn hóa trên 8 ngành nghiệp vụ: văn hóa, nghệ thuật, mỹ thuật, điện ảnh, xuất bản và in, bảo tồn - bảo tàng, triển lãm, văn hóa quần chúng và câu lạc bộ. Trong 2 lực lượng hoạt động: Lực lượng văn hóa văn nghệ chuyên nghiệp và phong trào văn hóa quần chúng, ở 3 cấp: cơ quan Cục, cơ quan chính trị các cấp, đơn vị cơ sở; trong cả 3 thứ quân; thời bình và thời chiến, trong xây dựng và chiến đấu, ở hậu phương và tiền tuyến.

Điều 2:

Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc sáng tác, nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật, điện ảnh, mỹ thuật về đề tài chiến tranh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân chuyên nghiệp và phong trào.

Điều 3:

Nghiên cứu đề đạt về phương hướng kế hoạch, và hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác xuất bản từng thời kỳ trong quân đội... Quản lý kế hoạch in của toàn quân...

Điều 4:

Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc xây dựng và hoạt động của các đoàn văn công quân đội trong toàn quân, cho hợp lý về tổ chức và nâng cao trình độ nghệ thuật, khả năng biểu diễn phục vụ.

Điều 5:

Phối hợp hướng dẫn công tác giữ gìn và phát huy tác dụng những hiện vật di tích có liên quan đến lịch sử xây dựng và chiến đấu với lực lượng vũ trang... Tổ chức triển lãm toàn quân hoặc tham gia triển lãm với cơ quan ngoài quân đội...

Điều 6:

Hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác thư viện, phong trào đọc sách trong toàn quân.

Điều 7:

Hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phát hành phim và quản lý chiếu bóng trong quân đội...

Điều 8:

Hướng dẫn phong trào văn hóa quần chúng, câu lạc bộ trong quân đội...

...

Điều 14:

Xây dựng, quản lý Cục và các tổ chức trực thuộc do Tổng cục uỷ quyền về mọi mặt: Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Tạp chí văn nghệ quân đội, các đoàn văn công quân đội, Xưởng phim quân đội, thư viện quân đội, phát hành phim và chiếu bóng quân đội Thường xuyên chăm lo bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị tư tưởng, năng lực nghiệp vụ, đời sống tinh thần vật chất cho cán bộ chiến sĩ công nhân viên”.

Hồ sơ CT, MQ-90, tr 192 - 195

2 tháng 12

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ BÁO CÁO BỘ TỔNG TƯ LỆNH VỀ TỔ CHỨC BIÊN CHẾ CƠ QUAN TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ

“...

III - Cục Tuyên huấn:

1 - Tình hình hiện có:

a. Tổ chức: 8 phòng, 1 ban hành chính, 2 bộ phận lâm thời.

- Phòng tổng hợp kế hoạch.

- Phòng giáo dục chính trị.

- Phòng giáo dục văn hóa.

- Phòng tuyên truyền.

- Phòng thông tấn.

- Phòng dân vận.

- Phòng biên tập buổi phát thanh Quân đội nhân dân.

- Phòng biên tập buổi phát thanh Quân giải phóng.

- Ban Hành chính.

Lâm thời:

- Bộ phận biên soạn tâm lý.

- Bộ phận thi đua.

b. Quân số hiện có: Cơ bản: 117 người

Lâm thời: 7 người. Cộng: 124 người

(Gồm 3 cao cấp, 78 trung cấp, 31 sơ cấp, 12 hạ sĩ quan chiến sĩ)

2 - Theo các quyết định tổ chức biên chế mới nhất (1968 và 9/1972).

a. Tổ chức: 10 phòng, 1 ban (tính cả phòng dân vận) (9/1972).

b. Biên chế: cơ bản 112, lâm thời: 16, cộng: 129 người

VII - Cục Văn hóa:

1. Hiện nay có:

a. Tổ chức: 7 phòng, 10 cơ sở trực thuộc, 2 lâm thời,

Cơ quan:

- Phòng tổng hợp kế hoạch, hành chính.

- Phòng văn nghệ.

- Phòng quản lý xuất bản, in và thư viện.

- Phòng văn hóa quần chúng, triển lãm, bảo tồn bảo tàng.

- Phòng nghiên cứu lịch sử quân đội.

- Phòng chính trị.

- Phòng phát hành phim và quản lý chiếu bóng.

Cơ sở trực thuộc:

- Thư viện quân đội

- Nhà xuất bản quân đội.

- Tạp chí văn nghệ quân đội và tổ văn.

- Xưởng phim quân đội.

- Đội sáng tác.

- Đoàn kịch nói Tổng cục Chính trị.

- Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị.

- Trường nghệ thuật quân đội.

- Ban quản trị khu văn công.

Lâm thời:

- Khung đoàn Z...

- Lớp chiếu bóng.

b. Quân số hiện có:

Cơ quan: 99 người (4 cao cấp, 53 trung cấp, 10 sơ cấp, 32 hạ sĩ, chiến sĩ).

Trực thuộc: 745 người (136 trung cấp, 79 sơ cấp, 503 hạ sĩ quan chiến sĩ).

Lâm thời: 83 người (3 trung cấp, 6 sơ cấp, 74 hạ sĩ quan chiến sĩ).

Tổng cộng: 927 người

2. Cục Văn hóa mới tổ chức, chưa có quyết định chính thức.

3. Đề nghị của Cục Văn hóa.

- Tổ chức cơ quan như hiện có - Riêng quản lý in toàn quân giao cho phòng quản lý giáo dục phụ trách...”.

Hồ sơ CT, MQ-90, tr 196 - 209

25 tháng 12

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 23 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO VÀ NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG (TRÍCH)

...

Về công tác tư tưởng nghị quyết xác định như sau:

“... Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng là làm cho cán bộ, đảng viên hiểu sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng, nắm vững các nghị quyết và quan điểm của Đảng, có nhận thức đúng về tình hình và nhiệm vụ, đánh giá đúng thành tích và khuyết điểm, thuận lợi và khó khăn, khắc phục những quan điểm trái với đường lối của Đảng, những biểu hiện giao động, thiếu trách nhiệm, đập tan những thủ đoạn thâm nhập về tư tưởng và những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch, những luận điệu của các phần tử xấu.

Phương hướng công tác tư tưởng trong Đảng là bồi dưỡng tư tưởng cách mạng của giai cấp công nhân, nâng cao giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, quyết tâm chiến đấu cho sự toàn thắng của chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối chính sách của Đảng, chống tư tưởng tiểu tư sản và ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, xóa bỏ tàn tích của tư tưởng phong kiến, ngăn ngừa và tẩy trừ những ảnh hưởng của các loại chủ nghĩa cơ hội...”.

Hồ sơ KV - NQH. TCCT

Năm 1975

19 tháng 2

CHỦ NHIỆM TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH TỔ CHỨC BIÊN CHẾ CỦA CỤC TUYÊN HUẤN

- “ - Cục trưởng 1
- Phó Cục trưởng 2
- Phòng Tổng hợp kế hoạch.
- Phòng Giáo dục chính trị.
- Phòng Tuyên truyền và thông tấn.
- Phòng Dân vận.

- Phòng Biên tập Phát thanh (có Ban biên tập A và B)
- Bộ phận Biên soạn.
- Ban Hành chính.

Quân số 103 người (có 96 sĩ quan và 7 hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên kể cả liên lạc, công vụ.

Hồ sơ CT-MQ-89

Tháng 3

QUÂN ỦY MIỀN CHỈ THỊ VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM NĂM 1975

“Không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy sức mạnh chính trị trong ba thứ quân, tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa đường lối, nhiệm vụ cách mạng, quyết tâm chiến lược của Đảng, nhiệm vụ chiến lược của hai miền, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, nhất là phải quán triệt sâu sắc tình hình nhiệm vụ năm 1975 làm cho mọi người thấy rõ ta đã mạnh hơn hẳn địch, đánh giá đúng mức sự suy yếu mới của chúng, thấy rõ tình thế thời cơ mới, thấy rõ khả năng mới của cách mạng, nhất là của lực lượng quần chúng ở 3 vùng nâng cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng vượt mọi hy sinh gian khổ, phát huy sức mạnh tấn công tổng hợp, quyết giành thắng lợi cao nhất theo ý đồ chỉ đạo của Đảng.

Củng cố và nâng cao hơn nữa quan điểm bạo lực, quan điểm cách mạng triệt để, tư tưởng liên tục tiến công và các quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng, tinh thần cảnh giác cách mạng, chống mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, tự do, co thủ, thỏa mãn dừng lại, cầu an, hòa bình chủ nghĩa v.v... và mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân khác làm giảm sút sức mạnh chiến đấu của quân đội không phù hợp với thế tấn công chiến lược mới của Đảng trong tình hình mới hiện nay”.

Hồ sơ CT-MQ-115

28 tháng 4

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ ĐIỆN GỬ CÁC CHÍNH ỦY, CHỦ NHIỆM CHÍNH TRỊ TOÀN QUÂN VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN NHÂN DÂN Ở CÁC THÀNH PHỐ VÀ VÙNG MỚI GIẢI PHÓNG

Nội dung bức điện của Tổng cục nhắc:

Các đơn vị cần chuẩn bị đầy đủ để làm tốt công tác cụ thể sau:

“... ”

1 - Về nội dung tuyên truyền: nêu rõ thất bại của địch, thắng lợi của ta, các chính sách, thông báo, quy định của địa phương. Chú trọng điều tra để hiểu rõ những thắc mắc của nhân dân để kịp thời giải thích và đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền và chiến tranh tâm lý của địch. Nói và viết phải ngắn, gọn dễ hiểu sát trình độ từng nơi.

2 - Phải được bồi dưỡng về nội dung, có tổ chức lãnh đạo chặt chẽ, phân công phối hợp giữa đơn vị và địa phương. Huy động toàn thể cán bộ, chiến sĩ tham gia bằng nhiều hình thức thích hợp, phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ của từng đơn vị.

3 - Tùy hoàn cảnh cụ thể của đơn vị và địa phương, mỗi trung đoàn và sư đoàn nên lập một số đội vũ trang tuyên truyền.

- Tổ chức mỗi đội gồm một số cán bộ, chiến sĩ có tình độ chính trị, văn hóa khá, tư thế, tác phong tốt, có khả năng tuyên truyền đường lối chính sách cho nhân dân, có trang bị vũ khí để tự vệ, có phương tiện cơ động như: xe ô tô, mô tô, loa phóng thanh, truyền đơn, biểu ngữ, cờ, ảnh và có thể có cả máy chiếu phim...

Hình thức hoạt động của đội rất linh hoạt, hoạt động độc lập hoặc phối hợp với địa phương, tổ chức nói chuyện ở các trường học, rạp hát, ở những nơi tập trung đông người và các cuộc họp của quần chúng, phân phát truyền đơn, cờ, ảnh, sách, báo, có thể chiếu bóng, phát thanh các bài đã ghi âm của Đài phát thanh Hà Nội và Giải phóng.

- Các đội này có nhiệm vụ hoạt động ở các vùng được phân công, nhất là các khu vực chưa ổn định, cơ sở yếu. Phải được lãnh đạo chặt chẽ bồi dưỡng tốt về nội dung, giữ nghiêm kỷ luật tuyên truyền không được nói sai đường lối chủ trương, nói trái với các quy định của trên và của địa phương. Những gì chưa biết phải xin chỉ thị không được tùy tiện giải thích.

- Cần kịp thời rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm về công tác này”.

Hồ sơ M3 - 1, MQ - 314, tr 64 - 65

21 tháng 5

CỤC TUYÊN HUẤN HƯỚNG DẪN TOÀN QUÂN TỔ CHỨC SINH HOẠT CHÍNH TRỊ VỀ THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA DÂN TỘC

Về nội dung sinh hoạt nêu rõ:

"a. Lấy bài của đồng chí Lê Duẩn phát biểu trong dịp mừng chiến thắng 15-5-1975 và bài nói chuyện của đồng chí Trường Chinh nhân dịp kỷ niệm 85 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch làm tài liệu sinh hoạt chính trị.

b. Những nội dung cần tập trung làm rõ:

- *Về thắng lợi vĩ đại:* Nhân dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược và ách thống trị thực dân mới của Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đất nước ta liền một dải, dân tộc ta hoàn toàn độc lập và tự do, mở ra một kỷ nguyên mới phát triển rực rỡ của nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

- *Về ý nghĩa của thắng lợi:* Cần nêu rõ đây là thắng lợi của độc lập dân tộc, của chủ nghĩa xã hội, thắng lợi có ý nghĩa quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc; thắng lợi của đường lối và phương pháp cách mạng, đường lối chiến tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta.

- *Về nguyên nhân thắng lợi:* Nêu rõ và đầy đủ các nguyên nhân: sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, sự hy sinh chiến đấu của nhân dân cả nước và của các lực lượng vũ trang nhân dân, sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ to lớn của quốc tế... trong đó có sự đóng góp của mỗi đơn vị, mỗi người.

- *Nhiệm vụ mới vô cùng vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là thực hiện đầy đủ di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch:*... "đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Phải lao động sáng tạo với một khí thế mới, dân tộc ta có đủ tinh thần và nghị lực, sức mạnh và tài năng để khắc phục mọi khó khăn làm cho nước ta văn minh, giàu mạnh, thành trì bất khả xâm phạm của độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ở Đông Dương và Đông Nam á.

- *Về nhiệm vụ của lực lượng vũ trang:* Phải nắm vững nhiệm vụ chung của lực lượng vũ trang trong tình hình mới, đồng thời phải nắm vững nhiệm vụ trước mắt của đơn vị.

- *Với các đơn vị ở vùng mới giải phóng:* Cần chú trọng làm tốt các nhiệm vụ:

+ Cùng với địa phương lùng quét tàn binh địch, kiên quyết trừng trị và đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá cách mạng của kẻ địch và bọn phản động, tích cực tham gia giữ gìn trật tự an ninh xã hội.

+ Thu hồi, bảo vệ, quản lý và sử dụng tốt mọi vũ khí, trang bị kỹ thuật lấy được của địch.

+ Tham gia xây dựng chính quyền cách mạng, cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang địa phương; tuyên truyền giúp đỡ nhân dân, nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, tích cực tham gia lao động sản xuất, xây dựng vùng mới giải phóng.

+ Ra sức củng cố xây dựng đơn vị vững mạnh về mọi mặt, phát huy bản chất truyền thống cách mạng, chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách và kỷ luật, tăng cường đoàn kết nội bộ, quân dân.

- Với các đơn vị ở hậu phương:

+ Nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ Tổ quốc, tích cực tham gia giữ gìn an ninh xã hội.

+ Không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng đơn vị về mọi mặt, sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ Đảng và Quân đội giao cho.

+ Tích cực tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, xây dựng Chủ nghĩa xã hội.

- Đối với cán bộ, chiến sĩ:

+ Nâng cao lòng phấn khởi tự hào, tin tưởng, quyết tâm phấn đấu đến cùng cho sự nghiệp cách mạng.

+ Nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, giữ nghiêm kỷ luật, nhất là kỷ luật quan hệ với nhân dân trong vùng mới giải phóng chấp hành tốt các chính sách.

+ Nâng cao trách nhiệm chính trị, ra sức học tập nâng cao trình độ mọi mặt, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Với cán bộ cần phát huy vai trò gương mẫu về mọi mặt và nâng cao trách nhiệm quản lý bộ đội, quản lý cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật, giữ nghiêm kỷ luật và chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của đơn vị...".

Hồ sơ M3-1, MQ-325, tr 70 - 74

27 tháng 6

**TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ BÁO CÁO QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG
VỀ TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG BỘ ĐỘI QUA CUỘC
TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY ĐẦU XUÂN 1975 ĐẾN
THÁNG 6 - 1975**

"I - Về chỉ đạo:

... Vừa qua, công tác chính trị đã triển khai toàn diện và liên tục nổi lên là những việc sau đây:

1 - Chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho toàn quân để giành thắng lợi lớn.

2 - Cổ vũ động viên bộ đội liên tục chiến đấu, lập công tập thể và kịp thời phổ biến kinh nghiệm lãnh đạo trong quá trình chiến đấu.

3 - Chỉ đạo công tác chính trị đối với nhiệm vụ tiếp quản các thành phố mới giải phóng, thu hồi, quản lý các vũ khí trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật lấy được của địch.

4 - Sau khi toàn thắng đã nhanh chóng chỉ đạo việc sinh hoạt tư tưởng nhằm nhận rõ ý nghĩa thắng lợi, nguyên nhân, nhận rõ tình hình nhiệm vụ mới, đấu tranh khắc phục những tư tưởng hành động không đúng đã nảy ra sau chiến đấu.

5 - Tổ chức thực hiện các mặt công tác chính trị ở các đơn vị tốt.

Tóm lại: Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, công tác chính trị vừa qua đã quán triệt được nhiệm vụ chính trị của toàn quân và từng đơn vị, triển khai toàn diện các mặt công tác, làm chuyển biến nhận thức tư tưởng cán bộ, chiến sĩ kịp với sự phát triển của tình hình. Công tác tổ chức cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đã cùng các mặt công tác quân sự, hậu cần, kỹ thuật bảo đảm cho lực lượng vũ trang hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chiến đấu Đảng giao cho.

II. Tình hình chính trị tư tưởng bộ đội trong chiến đấu:

Mặt mạnh:

1. Quán triệt sâu sắc tình hình nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân đội trong tình hình mới, quân đội ta đã nêu cao tinh thần trách nhiệm chiến đấu vô cùng anh dũng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cùng toàn dân thực hiện trọn vẹn quyết tâm giải phóng miền Nam của Đảng giao cho.

2. Ý thức tổ chức kỷ luật trong chấp hành nhiệm vụ, chấp hành mệnh lệnh, chỉ thị; chấp hành chính sách, kỷ luật vào vùng giải phóng tốt.

3. Tinh thần đoàn kết hiệp đồng giữa các đơn vị, các quân binh chủng, đoàn kết hiệp đồng với các địa phương nói chung tốt.

4. Trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ trưởng thành nhanh chóng.

Khuyết nhược điểm:

1. Trong chiến đấu 1 số cán bộ tinh thần trách nhiệm chưa cao, hành động chưa táo bạo, chỉ huy thiếu linh hoạt, chần chừ do dự, bỏ lỡ cơ hội giành thắng lợi lớn hơn.

2. Ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao.

III. Tình hình bộ đội từ sau chiến dịch Hồ Chí Minh đến 6/1975:

IV. Phương hướng công tác chính trị trong thời gian tới và một số vấn đề cần đặt ra giải quyết.

1. Tiếp tục và thường xuyên tuyên truyền giáo dục làm cho toàn quân nhận rõ sâu sắc hơn nữa ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của toàn dân ta; nhận rõ tình hình cách mạng nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong tình hình mới...

2. Nhanh chóng điều chỉnh sắp xếp cán bộ, kiện toàn tổ chức...

3. Phải tiếp tục và khẩn trương giải quyết một loạt vấn đề về chính sách sau chiến tranh...

4. Nhanh chóng rút kinh nghiệm tăng cường chỉ đạo công tác lùng quét tàn binh địch, quản lý cải tạo giáo dục tù binh, nghiên cứu chính sách, sử dụng những người có kỹ thuật mà ta cần sử dụng.

5. Thực hiện việc tổng kết công tác chính trị trong chiến đấu, chiến dịch vừa qua và chuẩn bị cho tổng kết công tác chính trị trong xây dựng và chiến đấu của cả cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

6. Lập kế hoạch công tác chính trị dài hạn”.

Hồ sơ CT2. MQ-08, tr 82-96

Bản sao lưu trữ

1. Lực lượng dân quân, tự vệ toàn quốc (1959 – 1975)

Lực lượng DQTV trong từng thời kỳ	Miền Bắc	Tỷ lệ so với dân số chung (%)	Miền Nam	Tỷ lệ so với dân số ta nắm được (%) ¹
Từ 1959 – 1964 ²	1.474.360	7,43	179.000	1,25
Từ 1965 – 1975	2.501.865	10,14		
Từ 1965 – 1968			184.081	3,35
Từ 1969 – 1972			120.948	2,77
Từ 1973 - 1975			296.984	

2. Viện trợ quốc tế cho Việt Nam dân chủ cộng hoà trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Nguồn: Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước – Thắng lợi và bài học, Nxb, Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

(Đơn vị tính: tấn)

Loại hàng	Năm/Số lượng					Tổng cộng
	1955-1960	1961-1964	1965-1968	1969-1972	1973-1975	
* Hậu cần (Bao gồm: lương thực, thực phẩm, quân trang, quân y, xăng dầu, mìn, vật liệu xây dựng...)	4.105	230	105.614	316.130	75.267	1.101.346
* Kỹ thuật (Bao gồm: vũ khí, đạn, khí tài, vật tư)	45.480	70.065	411.879	684.666	49.264	1.261.336
Tổng khối lượng: 2.362.682						
Thành tiền: hơn 7 tỷ rúp						

¹ Tỷ lệ so với dân ta nắm ở vùng giải phóng và tranh chấp.

² Miền Bắc tính từ năm 1960.

THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA QUÂN VÀ DÂN TA TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

(Từ ngày 10 tháng 3 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975)

I. ĐẬP TAN TOÀN BỘ LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ DỊCH

- Số quân:

Chủ lực: 690.000 tên

Địa phương: 353.500 tên.

Cảnh sát: 111.700 tên.

Phòng vệ dân sự: 1.400.000 tên (số có vũ trang: 380.000).

- Về đơn vị chiến đấu:

- Chủ lực: 13 sư đoàn, 15 trung đoàn, 68 tiểu đoàn 15 liên đoàn quân biệt động.

- Bảo an: 367 tiểu đoàn và 84 đại đội.

- Dân vệ: 5.200 trung đội.

- Cảnh sát dã chiến: 75 đại đội.

- Quân cảnh: 12 tiểu đoàn và 11 đại đội.

- Lực lượng yểm trợ:

- Pháo binh: 66 tiểu đoàn và 164 trung đội gồm 1.492 khẩu pháo các loại.

- Pháo phòng không: 7 tiểu đoàn gồm 168 khẩu.

- Thiết giáp: 22 thiết đoàn và 51 chi đoàn gồm 2.074 xe tăng, xe bọc thép.

- Không quân: 66 phi đoàn gồm 1.850 máy bay các loại (có 30 chiếc F5E).

- Máy bay chiến đấu: 22 phi đoàn với 510 chiếc.

- Máy bay lên thẳng: 25 phi đoàn với 900 chiếc.

- Máy bay vận tải: 5 phi đoàn với 80 chiếc.

- Máy bay trinh sát: 14 phi đoàn với 360 chiếc.

- Hải quân: 22 trung đoàn với 1.611 tàu các loại.

II. CÁC PHIÊN HIỆU QUÂN CHỦ LỰC NGỤY BỊ DIỆT VÀ TAN RÃ

Thời gian	Địa điểm	Phiên hiệu các đơn vị địch bị diệt và tan rã
10 đến 20-3	Tây Nguyên	- Sư đoàn bộ binh số 23 - 5 lãnh đạo bảo an số 4, 22, 23, 24, 25. - 4 trung đoàn thiết giáp số 3, số 8, số 19 và số 21. - 8 tiểu đoàn và 6 đại đội pháo binh. - Sư đoàn không quân số 6 mất 2 phần 3: 104 máy bay bị bắn rơi và phá huỷ.
24-3	Gia Nghĩa	- Liên đoàn quân biệt động số 24.
8 đến 26-3	Trị Thiên	- Sư đoàn bộ binh số 1. - Liên đoàn biệt động quân số 15. - 3 thiết đoàn số 7, số 17 và số 20; Quân giải phóng thu gần 1.000 xe. - 13 tiểu đoàn pháo binh, Quân giải phóng thu gần 50 khẩu đại bác từ 105 đến 175 ly.
20-3	Bình Long	- Liên đoàn quân biệt động số 31.
24 đến 31-3	Đồng bằng Trung Trung Bộ	- Sư đoàn bộ binh số 2 ở Quảng Ngãi và Quảng Nam. - Sư đoàn bộ binh số 3 ở Quảng Đà. - Sư đoàn bộ binh số 22 ở Bình Định - 4 liên đoàn quân biệt động số 6, 11, 12, 14. - 2 lữ đoàn lính thủy đánh bộ số 147 và 369. - 3 trung đoàn thiết giáp số 4, 11, 14.
29-3 đến 2-4	Khánh Dương (Khánh Hòa)	- Lữ đoàn lính nhảy dù số 3. - Sư đoàn không quân số 1 ở Đà Nẵng.
10-3 đến 3-4	Từ Trị Thiên đến Khánh Hòa	- Về cơ bản Quân giải phóng đánh tan hai quân đoàn số 1 và 2 ngụy; lực lượng chủ lực, bảo an, dân vệ, không quân và bộ máy ngụy quyền địch bị đập tan cùng với 3 lữ đoàn nhảy dù và lính thủy đánh bộ tăng cường cho hai quân khu này.
14 đến 30-4	Từ Ninh Thuận đến Long An - Hậu Nghĩa	- Sư đoàn bộ binh số 5 ở Thủ Dầu Một. - Sư đoàn bộ binh số 18 ở Xuân Lộc và Biên Hòa. - Sư đoàn bộ binh số 25 ở từ Gò Dầu (Tây Ninh) đến Củ Chi (Hậu Nghĩa). - Hai Liên đoàn quân biệt động số 7 ở Xuân Lộc và Biên Hòa. - Lữ đoàn kỵ binh thiết giáp số 3 ở Xuân Lộc. - Lữ đoàn lính nhảy dù số 1 ở Xuân Lộc. - 4 thiết đoàn số 1, 10, 18 và 22 ở Bến Cát, Trảng Bàng, Biên Hòa và Long Thành.
11 giờ 30 phút ngày 30-4	Thành phố Sài Gòn	- Toàn bộ quân địch còn lại đã đầu hàng không điều kiện
30-4 và 1-5	Đồng bằng Nam Bộ	- 3 sư đoàn bộ binh số 7, số 9 và số 21 cùng các đơn vị pháo binh, thiết giáp thuộc quân đoàn 4 ngụy đầu hàng.
1-5-1975	Toàn miền Nam nước ta	Đã hoàn toàn giải phóng.

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VẬT CHẤT HẬU CẦN, KỸ THUẬT TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH XUÂN 1975

I. BẢO ĐẢM VẬT CHẤT

1. Tổng hợp dự trữ và tiêu thụ

Loại vật chất	Kế hoạch dự trữ (giai đoạn) 26.4 - 30.4		Thực hiện dự trữ 26.4 - 30.4		Tiêu thụ						Tỷ lệ tiêu thụ so với dự trữ giai đoạn 26.4 - 30.4
	Số lượng (tấn)	Tỷ lệ C.lơ ai	Số lượng	Tỷ lệ	Giai đoạn 5.4 - 25.4		Giai đoạn chiến đấu 26.4 - 30.4		Tổng 5.4 - 30.4		
	Số lượng (tấn)	Tỷ lệ C.lơ ai	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Quân nhu	21.000	35%	24.500	40,7	4.444	49,6	1.043	21,6	5.487	39,7	4,2%
Quân y	1.000	1,6	1.200	1,9	14	0,2	93	2,0	107	0,8	7,7%
Vũ khí - đạn	30.000	50	30.000	49,5	783	8,7	1.852	38,4	2.635	19,3	6,2%
Xăng dầu	8.000	13,4	4.800	7,9	3.718	41,5	1.826	38	5.544	40,2	38,0%
Cộng	60.000	100%	60.500	100%	8.959	100%	4.814	100%	13.773	100%	

Tỷ lệ tiêu thụ giai đoạn thực hành chiến dịch so với dự trữ 26.4 - 30.4:
 $4.814/60.500$ tấn = 8%.

Ghi chú:

+ Tiêu thụ về quân nhu là tính theo quân số và số ngày ăn của các đơn vị để dễ so sánh. Số lượng tiêu thụ mới chỉ tính 4 quân đoàn, Đoàn 232 và các lực lượng đặc công biệt động (chưa tính lượng tiêu thụ của các lực lượng khác như Đoàn 559 và Hậu cần Miền cùng các lực lượng hậu cần chiến lược phía sau).

Riêng đạn pháo mặt đất đã tiêu thụ trong giai đoạn tiến công là 43.654 viên, trong đó có 14.515 viên đạn pháo 105 và pháo 155.

+ Lượng đạn pháo tiêu thụ ở Quân đoàn 3 là 333 tấn, chiếm 73% tổng số tiêu hao, tiêu thụ đạn dược của Quân đoàn.

2. Dự trữ vật chất.

a. Dự trữ vật chất chung của toàn mặt trận (giai đoạn 26 tháng 4 đến 30 tháng 4)

Đơn vị tính: Tấn

Loại vật chất	Kế hoạch dự trữ giai đoạn tiến công Sài Gòn 26.4 - 30.4	Kết quả thực hiện dự trữ				Tỷ lệ % so với kế hoạch
		Hậu cần B2 chuẩn bị tại chỗ	Các quân đoàn, binh chủng mang vào	2 Tổng cục và Đoàn 559 chuyên 5.4 - 30.4	Cộng	
Quân nhu	21.000	22.000	2.5000		24.500	116%
Quân y	1.000	1.000	200		1.200	120%
Vũ khí - đạn	30.000	15.000	5.000	10.000	30.000	100%
Xăng dầu	8.000	2.000	1.500	1.300	4.800	60%
Vật chất khác			147		147	
Cộng	60.000	40.000	9.347	11.300	60.647	101%

Ghi chú: Sau khi chiến dịch kết thúc, từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 15 tháng 5, số vật chất của hậu cần chiến lược chi viện tiếp vào đến hậu cần Mặt trận là 2.921 tấn, gồm: 2.358 tấn đạn, 36 tấn xăng dầu và 527 tấn hàng quân nhu.

b. Dự trữ vật chất của các đơn vị (giai đoạn 26 tháng 4 đến 30 tháng 4)

Đơn vị / Loại	Quân đoàn 1	Quân đoàn 2	Quân đoàn 3	Quân đoàn 4	Đoàn 232	Các lực lượng đặc công, bộ đội địa phương	Cộng	Ghi chú
Quân y	40	85	60	50	38	30	303	
Vũ khí - đạn	1.172	2.173	1.807	2.000	2.062	1.482	10.776	
Xăng dầu	631	541	776	580	308		2.756	
Loại khác	76	71					147	
Cộng	2.540	4.047	3.543	4.172	3.693	3.425	21.420	

3. Lượng vật chất do các quân đoàn, binh chủng mang theo vào mặt trận.

Đơn vị tính: Tấn

Loại / Đơn vị	Quân đoàn 1	Quân đoàn 2	Quân đoàn 3	Binh chủng quân chủng	Cộng	Ghi chú
Quân nhu	250	1.177	440	733	2.500	+ Lượng vật chất các quân đoàn, binh chủng mang vào đến vị trí tập kết - tính đến ngày 24 tháng 4 đã trừ số tiêu thụ dọc đường hành quân.
Quân y	40	85	60	15	200	
Đạn	385	1.292	1.256	2.087	5.000	
Xăng dầu	200	541	185	574	1.500	
Hàng khác	76	71			147	
(Vật tư)						+ Riêng Quân đoàn 2 tính đến ngày 30 tháng 4.
Cộng	951	3166	1.921	3.409	9.347	

4. Tiêu thụ vật chất

Thời gian	Loại vật chất	Quân đoàn 1	Quân đoàn 2	Quân đoàn 3	Quân đoàn 4	Đoàn 232	Đ.phương Đ.công	Cộng	Tỷ lệ giữa các loại	Ghi chú
Giai đoạn chuẩn bị 5.4 - 25.4	Quân nhu	808	747	1.003	658	651	577	4.444	49,6%	+ Lượng tiêu thụ về quân nhu và tính theo quân số và số ngày ăn của các đơn vị để dễ so sánh và thống nhất thời gian
	Quân y		12		1	1		14	0,2	
	Đạn		69		434,5	130	1.500	783,5	8,7	
	Xăng dầu	1.182	1.116	1.000	346,5	73		3.717,5	41,2	
	Cộng		1.990	1.944	2.003	1.400	855	727	8.959	
Giai đoạn tiến công Sài Gòn	Quân nhu	192	178	239	143	154	137	1.043	21,6	+ Lượng tiêu thụ thuốc quân y của Quân đoàn 4, Đoàn 232 chỉ tính ở tuyến các sư đoàn, trung đoàn
	Quân y	21	37	30	2	2	1	93	2	
	Đạn	163	647	454	278	160	150	1.825	38,4	
	Xăng dầu	310	286	713	417	100		1.826	38	
	Cộng	686	1.148	1.436	840	416	288	4.814	100%	
Tính chung cả 2 giai đoạn 5.4-30.4	Quân nhu	1.000	925	1.242	801	805	714	5.487	39,7	
	Quân y	21	49	30	3	3	1	107	0,8	
	Đạn	163	716	454	712,5	290	300	2.635,5	19,3	
	Xăng dầu	1.492	1.402	1.713	763,5	173		5.543,5	40,2	
	Cộng	2.676	3.092	3.439	2.240	1.271	1.015	13.773	100%	

II. BẢO ĐẢM KỸ THUẬT

Hệ số bảo đảm kỹ thuật xe - pháo

Đơn vị Loại	Quân đoàn 1	Quân đoàn 2	Quân đoàn 3	Quân đoàn 4	Đoàn 232	Bình quân toàn mặt trận
Tăng - thiết giáp	76%	88%	83%	90%	92%	85%
Xe ô tô tác chiến	80%	81%	83%	84%	90%	84%
Xe vận tải	83%	79%	83%	90%	75%	82%
Pháo		90-92%	90-100%			90-92%

III. BẢO ĐẢM CỨU CHỮA THƯƠNG BINH

Thời gian	Đơn vị	Quân số tham chiến	Thương binh		Phân loại thương binh			Ghi chú
			S.lượng	Tỷ lệ	nặng	vừa	nhẹ	
Giai đoạn chuẩn bị, đánh vòng ngoài 5.4 - 25.4	Quân đoàn 1	35.000	160	0,5	11,8	33,7	54,3	+ Phân loại vũ khí sát thương ở 1 quân đoàn (Quân đoàn 3). Dạn thẳng: 15,2% Bom: 3% Mìn: 10,5% Pháo cối: 48,8% M79: 0,3% Các mảnh khác: 3,7% Bông: 3,1% Sức ép vùi lấp: 5%
	Quân đoàn 2	33.000	407	1,28				
	Quân đoàn 4	21.000	2.210	10,0	14,5	32,4	53,1	
	Đoàn 232	28.000	773	2,7	20,4	29,5	51,1	
	Cộng	117.500	3.550	3,0%	15,5%	31,7%	53,8	
Giai đoạn tiến công 26.4 - 30.4	Quân đoàn 1	35.000	641	1,8	18,9	37,8	43,2	
	Quân đoàn 2	32.500	1.004	3,4	12,7	22,4	64,8	
	Quân đoàn 3	43.500	1.008	2,5	30,0	24,0	46	
	Quân đoàn 4	26.000	975	3,4	20,1	38,5	43,3	
	Đoàn 232	28.000	696	2,5	20,0	30,0	50,0	
	Các lực lượng địa phương	25.000	532	2,0	21,1	27,5	81,4	
Cộng	190.000	4.826	2,5%	20%	30%	50%		
Chung cả 2 giai đoạn			8.376	5,5%	17,8%	31%0	51,2%	

Ghi chú: Tỷ lệ thương tích:

- Đơn vị đánh cứ điểm ở tuyến phòng thủ vòng ngoài quyết liệt: Sư đoàn 304: tỷ lệ chung thương binh 15% quân số - mũi chủ yếu 20% (khi đánh Nước Trong).
Sư đoàn 325: đánh Long Thành, tỷ lệ: 14,5%.

- Đơn vị hành tiến thọc sâu Sài Gòn: Sư đoàn 320 (Quân đoàn 4): Tỷ lệ thương binh 2%.

IV. BẢO ĐẢM SỨC KHỎE

1. Bảo đảm ăn + mặc

Cấp cho các quân chủng, binh chủng:

6.481 tấn gạo 280 tấn muối.

679 tấn lương khô 665 tấn thực phẩm

81.000 bộ quần phục 45.000 ni lông, tăng.

10.000 thau, đĩa.

Bảo đảm định lượng ăn binh quân:

Gạo: 700g (mang 3-5 ngày lương khô, riêng đơn vị thọc sâu, luồn sâu mang 5-7 ngày lương khô).

Muối: 23g Thịt: 26g

Tương cô: 6g Đậu xanh: 6g

Mì chính: 2g

2. Bảo đảm sức khỏe

Tỷ lệ quân số khỏe: Quân đoàn 1: 98,4%, Quân đoàn 2: 97,2%, Quân đoàn 3: 97%, Quân đoàn 4: 97,7%

Đoàn 232: 97,7%, chung mặt trận: 97%.

V. KẾT QUẢ VẬN TẢI

Đơn vị Loại	Quân đoàn 1	Quân đoàn 2	Quân đoàn 3	Quân đoàn 4	Đoàn 232	LL địa phương	Hậu cần mặt trận	Cộng
Chuyển quân (lượt người)	35.000	47.000	43.500	30.000	18.400	2.000		175.000 lượt
Chuyển vật chất (tấn)	2.693	2.301	4.300	6.836	3.690	1.492	15.000	36.312 tấn
Tính ra tấn/km	1.965.100	2.067.100	2.380.000	1.357.200	1.107.000	373.000	4.500.000	13.759.400

Ghi chú: Kết quả vận tải trên chưa tính tuyến chiến lược chuyển vật chất từ miền Bắc và Tây Nguyên vào mặt trận bằng các phương tiện đường không, đường biển, đường bộ (tổng khối lượng chuyển vào là 12.296 tấn = 15.000.000 tấn/km) với số phương tiện sử dụng là 10.000 xe ô tô, 31 toa xe lửa, 32 tàu biển của các quân đoàn và Nhà nước.

Số phương tiện để bảo đảm cơ động 3 quân đoàn + binh chủng vào mặt trận là 7.000 xe các loại (bao gồm cả xe kéo pháo và xe đặc chủng).

- Số phương tiện sử dụng phạm vi hậu cần mặt trận là 3.939 xe vận tải (có 1.989 xe ở tuyến hậu cần các quân đoàn, còn lại 1.950 xe ở tuyến hậu cần mặt trận) + 656 ghe + xuồng máy (ngoài ra sử dụng trên 300 xe bò và 1.736 xe thồ).

- Số dân công huy động phục vụ trực tiếp trên các tuyến vận tải: 63.342 người.

VI. LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, TRANG BỊ KỸ THUẬT THAM GIA CHIẾN DỊCH

Đơn vị / Loại	Quân đoàn 1	Quân đoàn 2	Quân đoàn 3	Quân đoàn 4	Đoàn 232	Đ. phương tiện đặc công	Hậu cần mặt trận, lực lượng khác của Miền	Cộng
Quân số	35.000	32.400	43.500	26.000	28.350	25.000	80.000	270.250
Số pháo cơ giới	165	248	244	206	80			943
Số xe tăng, thiết giáp, xe xích	37	98	102	62	50			349
Số xe tác chiến, phục vụ	540	544	592	384	94			2.114
Số xe vận tải	223	620	557	370	179	20	1.950	3.939
Số ghe xuồng, ca nô					190	285	181	656
Xe thồ				168	368	200	1.000	1.736

Ghi chú:

1. Số xe vận tải của hậu cần mặt trận bao gồm số xe của hậu cần chiến lược tăng cường tới ngày 28 tháng 4 mới vào đủ.

2. Số tăng, thiết giáp và số pháo mới chỉ tính số trực tiếp tham gia chiến dịch, còn lực lượng dự bị chưa tính ở đây.

3. Số quân tham gia chiến dịch chưa tính đầy đủ các lực lượng khác của hậu cần chiến lược và của Bộ tăng cường ở phía sau đang trên đường vào chiến dịch.

Phần thứ hai
DIỄN BIẾN VÀ HỒI ỨC

Bản sao lưu trữ

TẠO THỂ VÀ LỰC MỚI, CHUẨN BỊ CHO TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta sau gần 20 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Paris, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đây là thắng lợi to lớn của quân và dân ta, thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Theo Hiệp định Paris, đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, rút hết quân viễn chinh và chư hầu ra khỏi miền Nam; cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, chấm dứt mọi dính líu quân sự và can thiệp vào nội bộ miền Nam Việt Nam; công nhận ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, ba lực lượng chính trị và hai vùng kiểm soát. Trên chiến trường miền Nam lúc này, sau khi quân Mỹ và chư hầu rút, các đơn vị quân đội nhân dân Việt Nam giữ nguyên lực lượng và thế bố trí trên các địa bàn chiến lược.

Đối với miền Bắc Việt Nam, với Hiệp định Paris, đế quốc Mỹ buộc phải chấm dứt hoàn toàn, không điều kiện chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân. Từ đây, nhân dân miền Bắc có điều kiện khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, từng bước khôi phục và phát triển sản xuất, tập trung dồn sức người, sức của chi viện chiến trường miền Nam, cùng quân và dân miền Nam tiến tới “đánh cho ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trước bước ngoặt quan trọng của cách mạng, đúng vào ngày Hiệp định Paris được ký kết, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân: “Tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”.

Cùng thời gian này, Quân ủy Trung ương đã họp, xác định nhiệm vụ mới của các lực lượng vũ trang nhân dân là nhanh chóng củng cố tổ chức lực lượng, nâng cao sức mạnh chiến đấu, nhằm đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng; tham gia xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa; tích cực tham gia đấu tranh chính trị và xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng căn cứ địa và vùng giải phóng ở miền Nam; sẵn sàng đánh bại các hành động vi phạm Hiệp định, gây lại chiến tranh của địch...

Về phía địch, mặc dù buộc phải ký Hiệp định chấm dứt chiến tranh, rút quân viễn chinh xâm lược ra khỏi miền Nam, nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ mưu đồ thôn tính nước ta; tiếp tục thực hiện “học thuyết Níchxơn”, duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta. Mỹ tiếp tục duy trì một lực lượng quân viễn chinh ở Đông Nam Á làm “lực lượng răn đe”. Đặc biệt trước và sau Hiệp định được ký kết, Mỹ đã gấp rút tăng viện trợ cho chính quyền và quân đội Sài Gòn; đốc thúc quân nguy phá hoại Hiệp định Paris.

Khi rút quân, Mỹ và các nước chư hầu đã bàn giao lại toàn bộ cơ sở vật chất, vũ khí trang bị hiện có (đủ trang bị, bảo đảm cho trên 60 vạn quân) đồng thời đưa gấp vào miền Nam 625 máy bay các loại, 500 khẩu pháo, 400 xe tăng, xe bọc thép và nhiều tàu chiến. Tiếp đó, trong năm 1973, Mỹ tiếp tục viện trợ quân sự, bổ sung trang bị hàng trăm khẩu pháo, máy bay...

Dựa vào viện trợ của Mỹ, chính quyền Sài Gòn tăng cường bắt lính đơn quân, đưa quân chủ lực nguy từ 650.000 (năm 1972), lên trên 720.000 (năm 1973); lực lượng phòng vệ dân sự năm 1973 cũng tăng mạnh, lên trên 1,15 triệu tên, trong đó có trên một phần ba được vũ trang. Dưới sự chỉ huy của sĩ quan, cố vấn quân sự Mỹ khoác áo dân sự, nguy quyền Sài Gòn gấp rút điều chỉnh thế bố trí chiến lược trên toàn miền Nam và từng bước triển khai thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” lấn chiếm vùng giải phóng, đẩy lùi bộ đội chủ lực ta ra sát biên giới; xóa bỏ trạng thái hai vùng: vùng giải phóng của ta xen kẽ vùng tạm chiếm của địch.

Chủ định thực hiện mưu đồ “tràn ngập lãnh thổ”, ngay trong ngày 27 tháng 1 năm 1973 - ngày ký Hiệp định Paris, và trong những ngày sau đó, Mỹ - nguy liên tiếp tấn công ta ở Cửa Việt (Quảng Trị), duyên hải miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ và sau đó là hầu khắp chiến trường miền Nam.

Mỹ - nguy rắp tâm phá hoại Hiệp định Paris, trong khi ở một số nơi trên chiến trường, ta có biểu hiện tư tưởng hòa bình, trông chờ, thụ động... Một số đơn vị, địa phương “lưng chừng, hữu khuynh trong chủ trương đối phó với địch¹. Có nơi “hạ thấp mức độ hoạt động vũ trang, giữ thế ổn định một chiều”, hoặc “chống đỡ bị động, địch đánh nơi nào thì nơi đó đối phó”. Vì vậy, chỉ trong mấy tháng sau khi Hiệp định Paris được ký kết, quân nguy đã lấn chiếm lại nhiều vùng ta mới giải phóng trong năm 1972, như nam - bắc đường số 4 (đồng bằng sông Cửu Long), một số khu vực ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định... Sau đó, địch còn lấn chiếm trên nhiều vùng giải phóng cũ của ta ở Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8... Trong khi đó, ở một số địa phương - đặc biệt là Khu 9 (các tỉnh miền Tây Nam Bộ), địch đã hoàn toàn thất bại trong âm mưu “tràn ngập lãnh thổ”. Bộ đội chủ lực Khu 9 (các trung đoàn 1, 2, 3, 10, 20) phối hợp với bộ đội địa phương đã phản công và chủ động tiến công địch, đánh bại các cuộc hành quân của địch hòng lấn chiếm vùng giải phóng. Vùng giải phóng với thế bố trí lực lượng của ta ở đồng bằng sông Cửu Long cơ bản giữ được như năm 1972 - trước khi Hiệp định Paris được ký kết.

¹. Nghị quyết Hội nghị Quân ủy Trung ương, tháng 6-1973.

Trước tình hình đó, tháng 6 năm 1973 Quân ủy Trung ương họp kết luận: “Địch thực hiện được một phần âm mưu không phải do chúng mạnh mà do ta có khuyết điểm”. Về nhiệm vụ của lực lượng vũ trang ở miền Nam trong thời gian tới, Quân ủy Trung ương chỉ rõ: “Cần nắm vững chiến lược tiến công, đánh bại mọi hành động bình định lấn chiếm của địch, giành dân và giữ dân, giữ vững vùng giải phóng và chính quyền cách mạng. Đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt, nếu địch mở rộng chiến tranh quy mô lớn thì kiên quyết tiêu diệt chúng”²¹.

Quán triệt Nghị quyết của Quân ủy Trung ương và sự chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy Miền, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh các quân khu đã tiến hành tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ quân sự đầu năm 1973, kịp thời rút kinh nghiệm - đặc biệt là khắc phục biểu hiện ảo tưởng, “hòa bình chủ nghĩa”, từ đó đề ra chủ trương mới nhằm củng cố, nâng cao sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân - chủ yếu là bộ đội chủ lực; đẩy mạnh phản công, tiến công địch, làm thất bại kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” của chúng; kiên quyết giữ vững và tiến lên cải thiện thế bố trí chiến lược theo hướng có lợi cho ta.

Thực hiện chủ trương trên, từ đầu mùa thu năm 1973, tình hình chiến trường miền Nam từng bước có chuyển biến tích cực từ Trị - Thiên vào miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Ở Trị - Thiên, các đơn vị bộ đội chủ lực Quân khu Trị - Thiên được rút khỏi các địa bàn trực tiếp tiếp xúc với địch, chuyển lên miền Tây để củng cố. Thế chân các đơn vị chủ lực là bộ đội địa phương. Vừa huấn luyện củng cố thế trận, bộ đội chủ lực Khu vừa từng bước tiến xuống vùng giáp ranh phối hợp cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích đánh chiếm một số vị trí quan trọng mà địch giữ chốt và nhiều cuộc hành quân lấn chiếm của địch ở Tích Tường, Khe Thai, Mỏ Tàu... chủ động đón thời cơ, để tiến xuống đồng bằng.

Ở Khu 5, bộ đội địa phương được huy động làm lực lượng thường xuyên đánh địch; trong khi đó một bộ phận bộ đội chủ lực giữ các địa bàn trọng yếu. Đại bộ phận chủ lực được xây dựng tập trung theo hướng tác chiến hiệp đồng binh chủng. Các tỉnh vận dụng kinh nghiệm chống phá “bình định” những năm trước, nhanh chóng đưa các tiểu đoàn, đại đội bộ đội địa phương trở lại địa bàn phối hợp cùng du kích và nhân dân xây dựng thế trận đánh địch. Sau đó, Sư đoàn 2 và Sư đoàn 3 Khu 5 đưa ra một bộ phận lực lượng xuống đánh địch ở một số huyện thuộc Quảng Đà, Quảng Ngãi, Bình Định; buộc quân ngụy phải rút một phần lực lượng đang lấn chiếm vùng giải phóng về phòng giữ địa bàn phía sau của chúng.

Ở Tây Nguyên, Sư đoàn 10 chủ lực mặt trận đã liên tục phản công và tiến công đánh bật nhiều cuộc hành quân của địch lấn chiếm vùng giải phóng, đẩy chúng ra khỏi các khu vực Trung Nghĩa, bản Ngô Thanh, Công Plây Plo... co về

¹ Nghị quyết Hội nghị Quân ủy Trung ương, tháng 6-1973.

sát thị xã Công Tum. Sư đoàn 320 tiến công tiêu diệt cứ điểm Chư Nghé (Gia Lai), tiếp đó đánh lại các cuộc hành quân phản kích của địch, giữ vững vùng giải phóng.

Ở miền Đông Nam Bộ, một số trung đoàn chủ lực và các đơn vị vũ trang địa phương được Bộ Chỉ huy Miền huy động chặn địch ở các tuyến tiếp xúc và bao vây những vị trí địch nằm sau trong vùng giải phóng của ta như Chơn Thành, An Lộc. Đồng thời, một bộ phận của Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 tiến xuống phía đông và tây đường 13, củng cố thế trận ở vùng trung tuyến. Tại đây, bộ đội ta đã đánh lui hai cuộc hành quân lớn của chiến đoàn 7 và chiến đoàn 9 quân nguy ở Bầu Bàng và Đồng Rùm. Tháng 11 năm 1973, các đơn vị mở đợt hoạt động mới, tiến công chủ yếu khu Bù Bông, chi khu quân sự Kiến Đức và đánh bại nhiều cuộc phản công của địch. Vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là khu vực tiếp nối giữa tuyến chiến lược của Đoàn 559 với các tuyến chiến dịch của các đoàn hậu cần Miền được mở rộng.

Ở Quân khu 9, các đơn vị chủ lực của Quân khu và lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục giữ vững và phát triển thế chủ động tiến công địch, mở thêm nhiều vùng giải phóng ở Long Mỹ, Vĩnh Thuận, Gò Quao...

Đồng thời với hoạt động tác chiến, các lực lượng vũ trang ta trên chiến trường miền Nam đã tranh thủ điều kiện thuận lợi sau khi Hiệp định Paris được ký kết để củng cố lực lượng, bổ sung quân số, trang bị và huấn luyện nâng cao trình độ chiến đấu.

Cùng thời gian này, Trung ương Đảng, Chính phủ tập trung chỉ đạo các ngành, các địa phương trên miền Bắc huy động nhân vật, vật lực đẩy mạnh chi viện chiến trường. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, "từ tháng 1 đến tháng 9 năm 1973, khối lượng hàng vận tải từ miền Bắc vào miền Nam lên tới 140.000 tấn, nhiều gấp bốn lần năm 1972, trong số hàng này có 80.000 tấn hàng quân sự (gồm 27.000 tấn vũ khí, 6.000 tấn xăng dầu, 40.000 tấn gạo) và 45.000 tấn hàng cung cấp cho nhân dân các vùng mới giải phóng. Ngoài ra còn 10.000 tấn vũ khí dự trữ ở các kho trên đường Trường Sơn. Trên 10 vạn cán bộ, chiến sĩ, gồm 2 sư đoàn bộ binh, 2 trung đoàn pháo binh và các đơn vị quân bổ sung đã hành quân từ miền Bắc vào đến các chiến trường miền Nam trong năm 1973"¹.

Cùng với lực lượng tăng cường từ miền Bắc, công tác tuyển quân tại các địa phương ở miền Nam cũng đạt kết quả khá. Đến cuối năm 1973, lực lượng vũ trang ba thứ quân ở miền Bắc đã có bước phát triển mới về số lượng, trang bị và trình độ chiến đấu. Bộ đội chủ lực gồm 31 vạn người, biên chế thành 10 sư đoàn, 24 trung đoàn và 102 tiểu đoàn bộ binh và binh chủng... Bộ đội địa phương có bảy vạn người, biên chế thành tiểu đoàn ở các tỉnh và đại đội ở các huyện... Dân quân du kích ở các thôn, xã có khoảng 12 vạn người"².

Nhìn chung, thế và lực của cách mạng miền Nam từ nửa cuối năm 1973 vững chắc hơn mọi giai đoạn kể từ đầu thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Cục

¹, 2. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử QĐND Việt Nam, tập 2*, NXB QĐND, H, 1994, tr.458. 459.

diện chiến trường và so sánh lực lượng giữa ta và địch từng bước chuyển biến theo hướng có lợi cho ta. Thời cơ chiến lược xuất hiện từ sau khi Hiệp định Paris được ký kết đang ngày càng chín muồi.

Ngày 19 tháng 6 đến ngày 6 tháng 7 năm 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (đợt 1), tập trung phân tích toàn diện tình hình tương quan thế và lực giữa ta và địch; tiếp đó; đầu tháng 10 năm 1973, họp đợt 2, ra Nghị quyết về *Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ và nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới*¹.

Nghị quyết của Trung ương Đảng xác định: để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, “cách mạng miền Nam phải nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, nhưng phải căn cứ vào từng thời kỳ, hoàn cảnh cụ thể từng vùng, thậm chí từng cuộc đấu tranh mà vận dụng hình thức đấu tranh và chiến thuật tiến công hoặc phòng ngự một cách linh hoạt, sắc bén, đồng thời giữ vững và phát triển lực lượng về mọi mặt của ta, làm cho lực lượng so sánh giữa ta và địch ngày càng thay đổi có lợi cho ta”¹. Trung ương Đảng dự kiến: “Cách mạng miền Nam có thể phải trải qua nhiều bước quá độ và chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường bao lực cách mạng, tiến hành khởi nghĩa dựa trên lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, hoặc là trong trường hợp chiến tranh trở lại thì tiến hành chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi hoàn toàn”². Hội nghị Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: “Đoàn kết toàn dân, đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao một cách hết sức chủ động, linh hoạt tùy theo từng lúc, từng nơi mà kết hợp giữa các mặt trận đó cho thích hợp, để buộc địch phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam, không ngừng giữ vững và phát triển lực lượng của cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước và chủ động trong mọi tình huống đưa cách mạng miền Nam tiến lên”³. Nhiệm vụ trước mắt của miền Bắc là: “Phải tranh thủ những điều kiện thuận lợi hiện có, ra sức khôi phục và phát triển nền kinh tế quốc dân, phù hợp với nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới... làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam và tích cực đấu tranh để Hiệp định Paris về Việt Nam được thi hành nghiêm chỉnh...”⁴.

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các chiến trường miền Nam kiên quyết tiếp tục tiến công, phản công địch.

Tháng 8 năm 1973, Sư đoàn 2 Quân khu 5 sử dụng Trung đoàn 31 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương Quảng Nam tiến công tiêu diệt một số chốt điểm của quân ngụy ở phía đông huyện Quế Sơn; khôi phục vùng du kích ở đây. Cùng thời gian, Sư đoàn 3 bộ binh sử dụng một lực lượng hoạt động mạnh ở Bình Định, đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của sư đoàn 22 ngụy, giữ vững vùng giải phóng.

¹ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) lần thứ 21 họp 2 đợt; Đợt 1 từ 19-6 đến 6-7-1973. Đợt 2 từ 1-10 đến 4-10-1973. Kết thúc Đợt 2, có Nghị quyết 21 (ngày 13-10-1973).

^{2, 3, 4} Dẫn theo: Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, tập 2, NXB Sự thật, H, 1991, tr.158.

Ở Tây Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 1973, Trung đoàn bộ binh 48 Sư đoàn 320 được tăng cường binh khí kỹ thuật, tiến công cứ điểm Chư Nghé do tiểu đoàn 80 biệt động quân nguy chốt giữ. Đây là một cứ điểm vững chắc của địch nằm sâu trong vùng giải phóng phía tây Plâycu. Sau ba giờ chiến đấu, ta xóa sổ hoàn toàn cứ điểm Chư Nghé, diệt gọn tiểu đoàn 80 biệt động nguy, diệt 87 tên, bắt 204 tên, thu 205 súng các loại và 50 tấn đạn. Bộ Quốc phòng đánh giá: “Do việc chuẩn bị chu đáo, nên việc đánh Chư Nghé thu được kết quả tốt, đạt được yêu cầu đánh nhanh, diệt gọn. Cần rút kinh nghiệm cho trận đánh sau và báo cáo về Bộ phổ biến cho các chiến trường”¹. Chiến thắng Chư Nghé mở đầu đòn trừng trị đích đáng quân địch lấn chiếm vùng giải phóng.

Ở miền Đông Nam Bộ, đầu tháng 7 năm 1973, Trung đoàn 14 - Bắc Thái đánh bại cuộc càn quét giải tỏa cấp chiến đoàn của địch dọc đường số 14 (đoạn từ Nước Vàng đi bầu Bông Sen), diệt tiểu đoàn 1 thuộc chiến đoàn 9 sư đoàn 5 quân nguy; đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 2 và tiểu đoàn 3 quân nguy; loại khỏi vòng chiến đấu trên ba trăm tên, phá hủy 3 xe M 113, thu 120 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng.

Ngày 29 tháng 9 năm 1973, Tiểu đoàn 14 của Tây Ninh đánh bại trung đoàn 46 và trung đoàn 49, sư đoàn 25 nguy và hai tiểu đoàn bảo an ở ngã ba Đất Sét, loại khỏi vòng chiến đấu 280 tên, bắt 70 tên, thu 150 súng các loại.

Ở miền Trung Nam Bộ, thực hiện Nghị quyết 21 Trung ương Đảng và chấp hành chỉ thị của Bộ Tư lệnh Miền, tháng 8 năm 1973, Bộ Tư lệnh quân khu quyết định mở chiến dịch tổng hợp quy mô vừa và nhỏ nhằm mục đích khôi phục bằng được trạng thái trước ngày 27 tháng 1 năm 1973, trọng điểm là vùng 4 Kiến Tường, mở tuyến kênh Nguyễn Văn Tiếp.

Mở đầu chiến dịch, ngày 6 tháng 8 năm 1973, một bộ phận của Trung đoàn 88 và Trung đoàn 320 diệt, bao vây bức rút 5 đồn dọc kênh Nguyễn Văn Tiếp; sau đó chặn đánh làm thiệt hại nặng lực lượng sư đoàn 9 quân nguy đến cứu viện. Trung tuần tháng 8, Trung đoàn 320 diệt cụm đồn Chà Là, mở tiếp tuyến kênh Băng Dày. Trong tháng 9 - tháng 10, thực hiện quyết tâm, phải liên tục tiến công và phản công trên diện rộng mới đánh bại kế hoạch lấn chiếm của địch, Bộ Tư lệnh Quân khu 8 chủ trương đẩy mạnh tiến công, diệt, bức rút, bức hàng 79 đồn bốt, mở lại các vùng giải phóng Kiến Phong, Kiến Văn và phần lớn vùng 20-7.

Tại miền Tây Nam Bộ, từ đầu tháng 9 năm 1973, Tiểu đoàn 2 bộ đội địa phương Sóc Trăng tiến công căn cứ số 1, đánh tiểu đoàn 482 bảo an đến cứu viện. Trung đoàn 1 Quân khu 9 đánh mạnh các vị trí địch ở khu vực Lái Thiêu và áp sát Vị Thanh. Đầu tháng 10, biết sớm tin địch chuẩn bị hành quân lấn chiếm Long Mỹ, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 lệnh cho các đơn vị pháo binh tập trung hỏa lực đánh mạnh chi khu Gò Quao, làm thiệt hại nặng 4 sở chỉ huy cấp trung đoàn địch.

¹ *Lịch sử Bộ đội chủ lực mặt trận Tây Nguyên - Quân đoàn 3, biên niên sự kiện (1964 - 2000)*, NXB Quân đội nhân dân, H, 2002, tr.312.

Từ thực tiễn các chiến trường sau một thời gian thực hiện Nghị quyết 21 Trung ương Đảng, tháng 10 năm 1973, Quân ủy Trung ương họp đánh giá: “Từ tháng 6 năm 1973, do kịp thời khắc phục những khuyết điểm và cố gắng hoạt động, chúng ta đã tiêu diệt khá nhiều sinh lực địch, giữ vững vùng giải phóng và căn cứ địa rộng lớn của ta, duy trì thế uy hiếp địch về mặt chiến lược, có nơi đã phá được kế hoạch lấn chiếm, giữ vững được các lōm giải phóng ở đồng bằng. Về mặt xây dựng lực lượng, ta đã chấn chỉnh được một bước lực lượng vũ trang, nhất là chủ lực, thực hiện vượt kế hoạch vận chuyển chi viện cho chiến trường. Tuy nhiên, có những chủ trương ta chưa thực hiện được nên còn để mất chân, mất đất, chưa khắc phục được tình trạng mất cân đối giữa bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, giữa lực lượng vũ trang tập trung và dân quân du kích; tốc độ xây dựng bảo đảm mọi mặt của hậu phương chiến lược còn chậm. Về tác chiến chưa kết hợp chặt chẽ giữa đánh phía trước và thọc sau lưng địch, chưa kết hợp tốt với đấu tranh chính trị”¹. Quân ủy Trung ương kết luận: “Nguyên nhân chính là ta có khuyết điểm, chứ không phải địch mạnh”.

Ngược với sự cải thiện về thế và lực của ta theo hướng thuận lợi thì vào cuối năm 1973 những khó khăn mới của địch bắt đầu xuất hiện. Thất bại và tổn thất trong kế hoạch hành quân lấn chiếm “tràn ngập lãnh thổ”, địch buộc phải tăng cường bắt lính đôn quân, bù đắp hao hụt, hy vọng bảo đảm quân số 1,1 triệu. Tuy nhiên, thực tế tổng số quân nguy ngày một sụt giảm. Cùng với thất bại về quân sự, nền kinh tế của nguy quyền Sài Gòn cũng ngày một sa sút. Nạn lạm phát gia tăng. Sản xuất không đủ bù cho chi phí chiến tranh. Đặc biệt, viện trợ của Mỹ - nguồn lực chính bảo đảm cho chiến tranh bị cắt giảm, từ 753 triệu đô la cho tài khóa 1972 - 1973 xuống còn 601 triệu đô la cho tài khóa 1973 - 1974. Mặc dù vậy, Mỹ - nguy vẫn cố gắng theo đuổi thực hiện kế hoạch hiện đại hóa quân đội (1973 - 1974) trên cơ sở hoàn chỉnh việc xây dựng hai lực lượng chiến lược: lực lượng dã chiến (cơ động) và lực lượng lãnh thổ (bảo an - dân vệ); tiếp tục thực hiện kế hoạch lấn chiếm toàn bộ vùng giải phóng của ta. Tiến thêm bước nữa, Mỹ - nguy còn tính tới kế hoạch “hậu chiến” (1973 - 1980), nhằm xây dựng miền Nam có nền kinh tế độc lập, tự cường và thể chế chính trị mạnh để chống phá cách mạng đến cùng.

Trước tình hình đó, ngày 15 tháng 10 năm 1973, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam ra mệnh lệnh: “Chừng nào chính quyền Sài Gòn còn tiếp tục những hành động chiến tranh thì các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng phải kiên quyết đánh trả họ bất cứ ở đâu, bằng các hình thức và lực lượng thích đáng, buộc đối phương phải nghiêm chỉnh và triệt để thi hành Hiệp định Paris”².

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam, cuối năm 1973 Bộ Chỉ huy mặt trận Tây Nguyên đã dùng các

¹ Lịch sử kháng chiến chống Mỹ... Sdd, tr.161.

Viện Sử học - Việt Nam những sự kiện 1945 - 1986, NXB Khoa học xã hội.

phân đội nhỏ kết hợp với dân quân du kích luôn sẵn đánh vào các sở chỉ huy, kho tàng, trạm địa pháo, đường giao thông... buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, tạo điều kiện cho Sư đoàn bộ binh 320 đánh bật các cuộc phản kích của chúng hòng chiếm lại căn cứ Chư Nghệ.

Ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ, từ tháng 11 năm 1973, bộ đội địa phương Bình Thuận đánh phá hai cuộc hành quân của địch ở Xa Ra và Rạng, đánh phá tuyến đường sắt từ Tháp Chàm đi Ma Lâm. Bộ đội Ninh Thuận diệt cứ điểm địch trong cụm chốt Ô Cam và một số vị trí khác; đồng thời bằm đánh làm thất bại kế hoạch của địch hòng lấn chiếm vùng giải phóng của ta.

Trên chiến trường Đông Nam Bộ, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 tiếp tục uy hiếp tuyến giữa và tuyến vùng ven phòng thủ Sài Gòn (Tây Ninh, Bình Dương) của địch, tìm chân các đơn vị của quân đoàn 3 nguy, giữ vững vùng giải phóng.

Đầu tháng 11 năm 1973, Bộ Tư lệnh Miền sử dụng một lực lượng chủ lực mở đợt hoạt động ở khu vực Bù Bông - Tuy Đức (Quảng Đức), gây cho địch nhiều thiệt hại. Ta giải phóng từ Bù Bông đến Tuy Đức, mở thông hành lang chiến lược từ Khu 5 vào tới Lộc Ninh. Cùng thời gian này, pháo binh ta bắn phá sân bay Biên Hòa, gây cho địch nhiều tổn thất.

Đầu tháng 12 năm 1973, tám chiến sĩ Đoàn 18 đặc công Rừng Sắt do đồng chí Hà Quang Vóc¹ chỉ huy, bí mật đột nhập kho xăng Nhà Bè, đốt cháy 11 triệu lít.

Đầu tháng 1 năm 1974, lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ kịp thời chặn đánh các cuộc hành quân đánh phá của địch vào Chiến khu Đ, đường 16, nam - bắc đường số 1 đoạn qua Biên Hòa, Trảng Bàng, Gò Dầu (Tây Ninh), lấn chiếm lại Bù Bông, Tuy Đức... buộc chúng phải co lại dọc các trục đường giao thông và quanh căn cứ. Cùng thời gian, ta đưa ba trung đoàn chủ lực Miền và bộ đội địa phương chặn đánh, bẻ gãy các cuộc hành quân lớn của địch ở bắc Bình Dương hòng lập tuyến ngăn chặn từ đông bắc qua tây bắc Sài Gòn. Ta loại khỏi vùng chiến đấu trên hai nghìn tên địch; diệt gọn 1 tiểu đoàn, 5 đại đội; đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn và một số đại đội khác.

Trên chiến trường miền Tây Nam Bộ, từ giữa tháng 11 năm 1973, địch tập trung lực lượng triển khai kế hoạch hành quân lấn chiếm tây nam Long Mỹ và phong tỏa U Minh. Lực lượng của địch ở miền Tây lúc này lên tới 73 tiểu đoàn.

Ngày 30 tháng 11, cuộc hành quân của địch gồm 1 sư đoàn chủ lực, 1 thiết đoàn, 8 tiểu đoàn bảo an, 4 giang đoàn bắt đầu đánh vào tây nam Long Mỹ. Sau 8 ngày, cuộc hành quân của địch bị chặn lại bởi lực lượng chủ lực Quân khu 9.

Đêm 17 rạng ngày 18 tháng 12 năm 1973, Quân khu 9 bước vào thực hiện đợt 1 kế hoạch mùa khô 1973 - 1974 bằng việc Trung đoàn 10 và Trung đoàn 1 tiến công chi khu Ngã Năm (Sóc Trăng). Sau 3 ngày, Trung đoàn 10 đã diệt các đồn Mỹ Quới và Xà Phiên, đánh bại 2 tiểu đoàn bảo an, chặn đánh 1 tiểu đoàn đến cứu viện, giải phóng 5 ấp thuộc xã Mỹ Quới với hơn 4.000 dân. Trung đoàn 1 tiến công quân địch ở 2 xã Vĩnh Tân, Tân Long, giải phóng xã Tân Long; sau đó

¹ Đồng chí Hà Quang Vóc, sau này được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

tiếp tục tiến công giải phóng xã Long Phú với 3.000 dân. Cùng thời gian này, Trung đoàn 20 tiến công tiêu diệt tiểu đoàn 3 (thuộc trung đoàn 31, sư đoàn 21 ngụy), nhổ 5 đồn, giải phóng xã Ngọc Hòa. Đến hết tháng 12 năm 1973, lực lượng vũ trang Quân khu 9 đã diệt 114 đồn, giải phóng hoàn toàn 1 xã, giải phóng cơ bản 5 xã, mở rộng căn cứ U Minh, loại khỏi vùng chiến đấu gần 5.000 tên địch.

Ở miền Trung Nam Bộ, hoạt động tác chiến của quân và dân Khu 8 tiếp tục giành nhiều thắng lợi. Từ ngày 21 tháng 12 năm 1973 đến ngày 11 tháng 2 năm 1974, ta đã tiêu diệt gần 400 tên địch, mở rộng vùng giải phóng dọc kênh 28 và kênh Nguyễn Văn Tiếp A. Đầu tháng 3 năm 1974, Trung đoàn 320 đánh thiệt hại 2 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 11. Tiếp đó, ngày 21 tháng 3, Trung đoàn 1 - U Minh phục kích đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 85 biệt động ngụy và đánh tiêu hao 2 tiểu đoàn khác.

Riêng chiến trường cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ, đến hết quý I năm 1974, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 39.000 tên địch, nhổ 523 đồn bốt; giải phóng hoàn toàn 5 xã, 142 ấp, 110.000 dân¹.

Thực hiện Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, cùng với đẩy mạnh tiến công địch, để tạo thế lực ở chiến trường miền Nam, Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương chủ trương thành lập các quân đoàn chủ lực trực thuộc Bộ.

Theo đề nghị của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, tháng 10 năm 1973, Bộ Chính trị Trung ương Đảng phê chuẩn việc thành lập các quân đoàn chủ lực.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, ngày 24 tháng 10 năm 1973, Quân đoàn 1 - Binh đoàn Quyết Thắng được thành lập trên miền Bắc. Trong đội hình Quân đoàn 1 có 3 sư đoàn bộ binh: 308, 312, 320B; Sư đoàn 367 phòng không, Lữ đoàn 2002 xe tăng, Lữ đoàn 45 pháo binh, Lữ đoàn 299 công binh, Trung đoàn 40 thông tin.

Thiếu tướng Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng được cử làm Tư lệnh quân đoàn. Thiếu tướng Lê Quang Hòa - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính ủy.

Trên chiến trường miền Nam, ngày 17 tháng 5 năm 1974, Quân đoàn 2 - Binh đoàn Hương Giang được thành lập. Hợp thành Quân đoàn 2 gồm 3 sư đoàn bộ binh: 304, 324, 325, Sư đoàn 673 phòng không, Lữ đoàn 164 pháo binh, Lữ đoàn 203 xe tăng, Lữ đoàn 219 công binh, Trung đoàn 463 thông tin. Tư lệnh quân đoàn là Thiếu tướng Hoàng Văn Thái, Chính ủy là Thiếu tướng Lê Linh.

Khối chủ lực của ta ở mặt trận Tây Nguyên có 2 sư đoàn bộ binh (10 và 320A), 2 trung đoàn bộ binh (95 và 25), 2 trung đoàn phòng không (232 và 272), 2 trung đoàn pháo binh (40 và 675), Trung đoàn 273 xe tăng, 2 trung đoàn công binh (7 và 545). Đây là lực lượng nòng cốt tác chiến trên một địa bàn chiến lược

¹ Lịch sử kháng chiến chống Mỹ... tập 2, Sdd, tr.166.

quan trọng và chuẩn bị cho việc thành lập Quân đoàn 3 - Binh đoàn Tây Nguyên sau này.

Trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, ngày 20 tháng 7 năm 1974, Quân đoàn 4 - Binh đoàn Cửu Long được thành lập. Hợp thành Quân đoàn 4 có 2 sư đoàn bộ binh (7 và 9), Trung đoàn 71 phòng không, Trung đoàn 24 pháo binh, Trung đoàn 429 đặc công và 3 tiểu đoàn thông tin... Tư lệnh quân đoàn là Thiếu tướng Hoàng Cầm.

Các quân đoàn chủ lực cơ động lần lượt ra đời, đứng chân trên những địa bàn chiến lược trọng yếu, đánh dấu bước trưởng thành mới về quy mô tổ chức lực lượng và sự thay đổi về chất của quân đội ta sau gần 30 năm xây dựng, chiến đấu. "Với các quân đoàn binh chủng hợp thành khá mạnh, sức đột kích lớn, sức cơ động cao, sức chiến đấu liên tục, quân đội ta có khả năng mở các chiến dịch tiến công bằng lực lượng binh chủng hợp thành quy mô lớn trên các hướng chiến lược, kết thúc chiến tranh"¹.

Cùng với việc thành lập các quân đoàn chủ lực cơ động, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng chủ trương củng cố, nâng cao sức mạnh chiến đấu của một số sư đoàn, trung đoàn chủ lực làm lực lượng cơ động trực thuộc Bộ và các quân khu ở miền Nam. Đồng thời việc tổ chức chiến trường, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cũng được xúc tiến mạnh.

Ngày 17 tháng 11 năm 1973, Hội đồng Chính phủ phê chuẩn kế hoạch thiết kế xây dựng đường Trường Sơn bao gồm củng cố tuyến Tây Trường Sơn và xây dựng đường Đông Trường Sơn đạt tiêu chuẩn đường cấp 4 miền núi. Thực hiện kế hoạch trên, Bộ Tư lệnh 559 và ngành Giao thông vận tải miền Bắc huy động tối đa lực lượng làm đường, phục vụ vận tải cơ giới quy mô lớn cả hai mùa mưa - nắng, bảo đảm vận chuyển một khối lượng lớn vật chất và lực lượng vào chiến trường.

Như vậy, đến cuối năm 1973 - đầu năm 1974, cục diện chiến trường đã chuyển biến mạnh theo hướng có lợi cho ta, bất lợi cho địch. Cuộc chiến đấu của quân và dân ta chống kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ" lấn chiếm vùng giải phóng của địch, đã giành nhiều thắng lợi. Ngụ quân, ngụ quyền suy yếu toàn diện.

Nắm chắc mọi diễn biến trên chiến trường, tháng 3 năm 1974, Quân ủy Trung ương họp nhận định: "Nhìn chung lại, so sánh lực lượng địch - ta qua năm 1973 càng cho thấy rõ thế và lực cách mạng miền Nam đã tạo nên những chỗ mạnh rất cơ bản, đang trên đà phát triển, có đầy đủ điều kiện và khả năng đưa cách mạng tiến lên từng bước vững chắc. Mỹ - ngụy ngày càng khó khăn hơn và đang trên đà đi xuống, xu thế phát triển của tình hình ngày càng có lợi cho ta hơn"¹.

Từ nhận định đó, Quân ủy Trung ương quyết định "Đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định lấn chiếm phân tuyến của địch, giành dân, giành quyền làm chủ ở vùng đồng bằng và vùng ven đô thị đông dân, nhiều cửa. Từng bước đưa phong trào đấu tranh chính trị ở thành thị tiến lên, đồng thời chuẩn bị

¹. *Lịch sử Quân đội...* tập 2, Sđd, tr.465.

¹, 2. Dẫn theo: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ...* tập 2, Sđd, tr.167, 168.

lực lượng, cơ sở, tạo điều kiện và thời cơ đẩy tới cao trào cách mạng. Chủ lực vừa đánh vừa xây dựng, từng bước nâng dần quy mô đánh tiêu diệt. Củng cố, xây dựng, giữ vững hoàn chỉnh vùng giải phóng căn cứ địa miền Nam. Ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng miền Bắc mạnh cả về kinh tế, quốc phòng và sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của địch”².

Thực hiện nghị quyết của Quân ủy Trung ương, các lực lượng vũ trang ta ở miền Nam đẩy mạnh tiến công địch. Suốt mùa hè năm 1974 (tháng 3 đến tháng 6) Quân khu Trị - Thiên - Huế mở đợt tiến công địch để cải thiện thêm một bước thế trận trong vùng. Trọng tâm tiến công của lực lượng vũ trang Trị - Thiên - Huế đợt này được chọn là nam - bắc đường số 14; đánh chiếm các điểm cao hai bên đường 14, lôi kéo địch, tạo điều kiện cho phát triển ở đồng bằng phát triển. Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1974, lực lượng vũ trang Trị - Thiên đánh hơn ba trăm trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên một nghìn tên địch; bắt nhiều tên; buộc lực lượng của chúng ở tuyến phòng ngự nam Thừa Thiên phải co lại.

Ở Khu 5, để chuẩn bị cho đợt hoạt động xuân - hè 1974, từ đầu năm Thường vụ Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu quyết định điều chỉnh một bước thế bố trí của lực lượng vũ trang ba thứ quân trên toàn chiến trường, tạo thế tiến công mới. Sư đoàn 2 và Sư đoàn 711 bộ binh cùng một số đơn vị binh chủng ưu tiên cho khu vực trọng điểm Quảng Đà, Quảng Ngãi. Sư đoàn 3 bộ binh và lực lượng vũ trang địa phương bố trí ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa... Trong đợt hoạt động xuân - hè 1974, lực lượng vũ trang Khu 5 đã diệt và bức rút 300 đồn bốt, giải phóng khu vực Đức Phú (Quảng Nam), giành thêm trên 60.000 dân.

Trên chiến trường Tây Nguyên, ngày 16 và 17 tháng 3 năm 1974, Trung đoàn 28 Sư đoàn 10 tiến công tiêu diệt tiểu đoàn 95 biệt động quân và 2 đại đội của tiểu đoàn 62 quân ngự ở Com Rấy, bắt 250 tên. Tiếp đó, ngày 24 tháng 4, Trung đoàn 24 tiêu diệt căn cứ Con Rốc, loại hoàn toàn tiểu đoàn 270 bảo an, bảo vệ vững chắc tuyến đường 220. Đặc biệt, ngày 15 tháng 5 năm 1974, Trung đoàn 28 Sư đoàn 10 và Trung đoàn 95 Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 phối hợp với hỏa lực Trung đoàn pháo binh 40 tiêu diệt cứ điểm Đắc - Pét, điểm chốt cuối cùng của địch trên đường 14 trong vùng giải phóng bắc Công Tum. Cả vùng bắc và đông bắc Công Tum sạch bóng quân thù.

Ngày 8 tháng 3 năm 1974, Sư đoàn 320 tiến công tiêu diệt căn cứ Lệ Ngọc nằm trên tuyến bảo vệ vòng ngoài thị xã Plâycu. Tiếp đó, ngày 14 tháng 4, Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 tiến công một loạt các cứ điểm hỗn hợp của địch ở căn cứ 711 và điểm cao 601, diệt tiểu đoàn biệt động số 82 và 1 chi đoàn xe bọc thép, bắn rơi 5 máy bay, bắn cháy 3 chiếc khác, thu 2 pháo 155mm, 1 súng cối 106,7mm... Địch phải công nhận đây là trận đánh ác liệt nhất, và chúng thiệt hại khá nặng từ sau ngày Hiệp định Paris được ký kết...

Ở miền Đông Nam Bộ, tháng 3 năm 1974, ta mở chiến dịch Bà Rịa - Long Khánh. Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33 bộ binh cùng bộ đội địa phương giải phóng khu vực dọc đường số 2 thuộc tỉnh Bà Rịa, đánh bại lực lượng địch phản kích, giữ vững địa bàn.

Tháng 5 năm 1974, Trung ương Cục và Quân ủy Miền quyết định mở chiến dịch đường số 7 ngang (khu vực Bến Cát - Rạch Bắp), nhằm phá vỡ tuyến phòng

ngụ trung gian, ngăn chặn kế hoạch của địch tập trung quân bình định vùng ven Sài Gòn và lấn chiếm căn cứ Lộc Ninh.

Để đánh bại lực lượng cơ động mạnh - trụ cột là quân đoàn 3 ngụ, Bộ chỉ huy Miền sử dụng Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 đảm nhiệm hai hướng của chiến dịch. Chiến dịch kéo dài hai tháng, địch thiệt hại nặng nề: bị thiệt hại 11/26 tiểu đoàn chủ lực cơ động, 4/11 tiểu đoàn biệt động, 4/14 chi đoàn thiết giáp, 85/325 xe tăng, xe thiết giáp. Thắng lợi của chiến dịch đường 7 ngang đã góp phần quan trọng tạo thế chiến lược mới trên chiến trường miền Đông.

Trên chiến trường miền Tây Nam Bộ, trong xuân - hè 1974, Quân khu 9 sử dụng một bộ phận chủ lực kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng. Riêng tỉnh Vĩnh Long, trong 15 ngày đầu tháng 3, ta đã mở được 32 điểm ở nam - bắc sông Măng Thít. Đầu tháng 4, địch huy động một lực lượng lớn hành quân cản quét hòng nối lại trục sông Cái Lớn. Lập tức bị tiểu đoàn của quân khu phối hợp cùng bộ đội địa phương chặn đánh diệt 1 giang đoàn, 1 chi đoàn xe bọc thép 113 (11 chiếc) ở gần Xẻo Rô, đánh thiệt hại một số đơn vị bộ binh, buộc địch phải bỏ dở cuộc hành quân.

Trên đà thắng lợi, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 quyết định phát triển tiến công, nhổ hết đồn bốt của địch ở bờ nam sông Cái Lớn từ xép Ba Tàu đến Xẻo Rô dài chừng 25km. Ở Cần Thơ, Rạch Giá, Cà Mau, ta giải phóng nhiều vùng, kìm chân một bộ phận sư đoàn 21 quân ngụ, không cho chúng chiếm lại vùng ta vừa giải phóng...

Tháng 5 năm 1974, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 quyết định đưa một lực lượng tiến công tiểu khu Bạc Liêu và Phong Dinh (Cần Thơ), giải phóng cơ bản xã Vĩnh Thuận Đông, mở rộng khu giải phóng bắc Long Mỹ.

Tổng hợp trong đợt hoạt động xuân - hè 1974, Quân khu 9 đã diệt 263 đồn. Trung đoàn 1 - U Minh và Tiểu đoàn 309 là hai đơn vị dẫn đầu bộ đội chủ lực Khu và các tỉnh về hiệu quả đánh địch, mở rộng vùng giải phóng, giành dân, giành quyền làm chủ.

Trái ngược với thế tiến công của ta ở Khu 9, trên địa bàn Khu 8, do ta dự kiến sai ý đồ của địch, và sử dụng lực lượng chưa hợp lý, nên đầu năm 1974, địch đã chiếm mất Vùng 4 Kiến Tường - một địa bàn có vị trí vô cùng quan trọng, nối vùng trung tâm Khu 8 với căn cứ Đồng Tháp Mười và phát triển ra biên giới Việt Nam - Campuchia. Trước tình hình đó, tháng 7 năm 1974, Bộ Tư lệnh Quân khu 8 đã điều chỉnh lại lực lượng, đánh địch có hiệu quả. Mặc dù, ta chưa khôi phục được Vùng 4 Kiến Tường, nhưng qua hoạt động mùa khô, ta đã giải phóng được 9 xã, diệt 150 đồn bốt, phá vỡ hệ thống kim kẹp của địch ở kênh 28, kênh Dương Văn Dương, vùng tây Cái Bè; tạo thế để chuẩn bị cho đợt hoạt động mới.

Cùng với đòn tiến công quân sự, mặt trận đấu tranh chính trị có bước chuyển biến mới trên khắp miền Nam; đặc biệt là các thành phố, thị xã. Hàng loạt các tổ chức nhân dân đấu tranh đòi ngưng quân, ngưng quyền thi hành Hiệp định Paris. Mặt trận nhân dân cứu đói... ra đời, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống chế độ Nguyễn Văn Thiệu; đòi ngưng quyền, ngưng quân thi hành Hiệp định Paris, đòi thả tù chính trị... Ủy ban đấu tranh đòi tự do báo chí ra đời, 400 nhà bảo xương đường đấu tranh...

Ngày 18 tháng 6 năm 1974, tại Sài Gòn, 301 linh mục đạo Thiên Chúa đã ra tuyên cáo chống chính quyền Thiệu tham nhũng, gây nhiều tệ nạn xã hội nghiêm trọng. Các linh mục đã tổ chức cuộc họp báo tại nhà thờ Tân Sa Châu (Gia Định) để công bố tuyên cáo trên... Mặc dù chính quyền Thiệu đã dùng mọi sắc luật, hình thức trừng phạt, khủng bố... nhưng vẫn không ngăn cản được làn sóng đấu tranh chính trị ngày càng dâng cao, lan rộng khắp các đô thị ở miền Nam.

Trên mặt trận đấu tranh ngoại giao, ngày 15 tháng 5 năm 1974, Bộ Ngoại giao Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra tuyên bố lên án chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, được Mỹ khuyến khích và ủng hộ, đã phá hoại các cuộc đàm phán giữa hai bên miền Nam Việt Nam. Các đoàn đại biểu của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại hội nghị hiệp thương ở Paris và tại Ban liên hợp quân sự hai bên trung ương buộc phải đình chỉ tham dự các phiên họp của tổ liên hiệp quân sự bốn bên.

Ngày 22 tháng 6 năm 1974, Bộ Ngoại giao Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố đình chỉ vô thời hạn việc tham gia các phiên họp của Ban liên hiệp quân sự hai bên trung ương và của tổ liên hiệp quân sự bốn bên cho đến khi nào Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn chấm dứt mọi hành động phá hoại đàm phán.

Như vậy cả ba đòn tiến công quân sự, chính trị, ngoại giao của ta đã đẩy Mỹ - ngụy ngày càng lún sâu vào thế bị động chiến lược.

Để vượt vát tình thế chính quyền tay sai ở miền Nam Việt Nam, tháng 7 năm 1974, Quốc hội Mỹ được chuẩn y viện trợ kinh tế trong 2 năm 1974 - 1975 cho chính quyền Thiệu là 700 triệu đô la và 400 triệu đô la về quân sự. Cũng trong tháng 7 năm 1974, sau khi lên thay Ních-xơn (buộc phải từ chức do vụ bê bối Oa-tơ-ghết), Giê-rôn Pho - Tổng thống Mỹ cam kết tiếp tục ủng hộ chính quyền Thiệu. Nhưng trên thực tế khả năng viện trợ Mỹ đã giảm 50%.

Về ta, bước vào mùa khô 1974 - 1975, sau khi các quân đoàn cơ động chủ lực ra đời, lực lượng vũ trang ba thứ quân trên khắp các chiến trường miền Nam, cũng có bước phát triển mạnh cả về xung lực, hỏa lực.

Trên hậu phương miền Bắc, thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quân và dân ta đã giành được kết quả tốt trên lĩnh vực khôi phục và phát triển kinh tế. Nhìn chung, sau gần 2 năm kể từ khi Hiệp định Paris được ký kết, đến cuối năm 1974, nền kinh tế miền Bắc đã được khôi phục và phát triển một bước. Đời sống nhân dân ổn định, hơn 80 nghìn quân và một khối lượng lớn vũ khí, vật chất hậu cần, trang bị kỹ thuật được chuyển vào miền Nam.

Để bảo đảm vũ khí, trang bị cho cuộc tổng tiến công chiến lược, ta đã tiến hành điều chỉnh, thu hồi, sửa chữa, khôi phục, dồn lấp các loại vũ khí trang bị cho các đơn vị. Nhờ vậy, sau khi bổ sung, bù hao, kiện toàn biên chế, ta còn dự trữ được 10 - 20%, vũ khí nhẹ; pháo và xe các loại đủ số lượng, chất lượng chiến đấu bảo đảm được từ 76 - 80%, đạn các loại nếu đánh vừa bảo đảm dự trữ được

một năm (từ 1,8 - 2 vạn tấn), các loại đạn B-40, ĐKZ, cối, pháo 85mm... bảo đảm được 50% nhu cầu.

Trong 2 năm 1973 - 1974, ta đã đưa vào chiến trường miền Nam 441 xe tăng, xe thiết giáp; 404 khẩu pháo mặt đất; 844 khẩu pháo phòng không, với lực lượng hỏa lực được tăng cường, đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng chiến đấu của các đơn vị binh chủng kỹ thuật. Cũng nhờ đó, các sư đoàn bộ binh ở miền Nam được trang bị pháo binh cơ giới, xe tăng, xe thiết giáp... Các đơn vị bộ đội địa phương quân khu, tỉnh, huyện được trang bị thêm nhiều loại vũ khí có uy lực lớn. Sức mạnh của bộ đội địa phương được tăng cường.

Về chuẩn bị chiến trường, cấp chiến lược đã tập trung chỉ đạo chuẩn bị hệ thống đường sá. Ngay sau khi Hiệp định Paris đã ký kết và Mỹ ngừng ném bom đánh phá miền Bắc, ta đã mở thêm đường để tăng cường vận chuyển người và cơ sở vật chất và miền Nam.

Đến đầu năm 1975, mạng đường sá của ta trên toàn miền Nam, kể cả hệ thống dọc và hệ thống ngang, có chiều dài 6.000 km, sẵn sàng phục vụ theo yêu cầu của tác chiến chiến lược.

Nhờ nỗ lực vượt bậc của các lực lượng, trước khi bước vào cuộc tổng tiến công chiến lược, hệ thống đường chiến lược, chiến dịch đã tương đối hoàn chỉnh, bảo đảm thuận lợi cho cơ động lực lượng hoặc chuyển hướng tiến công trong quá trình tác chiến. Hệ thống đường cơ động chiến lược đã có thể nối liền từ đường Trường Sơn xuống đồng bằng và tiến sát các mục tiêu chiến dịch.

Cùng với việc chuẩn bị đường sá, cấp chiến lược đã chỉ đạo củng cố căn cứ hậu cần các khu vực, tạo thành thế trận hậu cần liên hoàn, vững chắc trên các chiến trường.

Trong quá trình chuẩn bị kế hoạch chiến lược, ta tiếp tục xây dựng các căn cứ hậu cần tại chỗ ở vùng tây Quảng Nam, bắc Tây Nguyên vòng sang Atôpơ (Lào) và ngã ba biên giới, hình thành một khu vực hậu phương căn cứ, đủ sức chi viện trực tiếp cho chiến trường. Một hệ thống kho trạm dự trữ hậu cần từ đường số 9 vào tới Đông Xoài; hệ thống ống dẫn dầu và kho chứa từ Hạ Lào tới Bù Gia Mập, bảo đảm cho lực lượng dự chiến lược cơ động đánh lớn trên nhiều hướng, được hoàn chỉnh từng bước.

Ở chiến trường Trị - Thiên, ta hợp nhất hậu cần quân khu và hậu cần Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị, xây dựng thêm khu căn cứ dự trữ tổng hợp khoảng 6.000 tấn ở Nam Đông, Khe Tre; tổ chức nông trường sản xuất lương thực, thực phẩm (trên 1.000 người); tổ chức kho xăng (500.000m³) ở Cam Lộ và A Sô.

Trong các năm 1973 - 1975, ta đã chuyển vào Quân khu Trị - Thiên 29.139 tấn vật chất, trong đó có 2.000 tấn vũ khí, đạn dược.

Ở chiến trường Quân khu 5, từ năm 1973 đến đầu năm 1975, lực lượng vũ trang đã nhận được 77.036 tấn hàng (trong đó có 10.689 tấn vũ khí, đạn dược; 5.296 tấn xăng dầu, 36.331 tấn lương thực, thực phẩm. Quân khu tổ chức khai thác tại chỗ 40.331 tấn và tự sản xuất được 4.380 tấn lương thực).

Ở Mặt trận Tây Nguyên, trong 2 năm 1973 - 1974, lực lượng vũ trang đã nhận được 53.609 tấn vật chất, trong đó có 28.600 tấn lương thực, thực phẩm.

Trên chiến trường miền Đông Nam Bộ (B2), trong hai năm 1973 - 1974, hậu cần Miền đã nhận được của đoàn vận tải chiến lược - Bộ đội Trường Sơn 102.276 tấn vật chất; tổ chức khai thác tại chỗ 913,18 tấn; tự sản xuất được 4.305 tấn. Các loại vũ khí, đạn dược dũ trữ đủ để cung cấp cho các hoạt động tác chiến trong 1 năm, thuốc men được 6 tháng.

Bộ Tổng tham mưu cùng Tổng cục Hậu cần huy động các phương tiện vận tải của các đơn vị phía sau, nhất là các phương tiện vận tải của Nhà nước và của nhân dân, các phương tiện vận tải lấy được của địch để cơ động nhanh lực lượng, bảo đảm được các yêu cầu tiếp tế, nhất là việc huy động đạn pháo lớn từ hậu phương, ở các kho chiến lược trên địa bàn Trường Sơn vào phục vụ chiến trường.

Sau này khi giải phóng đến đâu, ta huy động xe vận tải của nhân dân, dùng các phương tiện lấy được của địch, huy động cả tàu biển để vận chuyển đạn dược và lương thực cho bộ đội.

Để chuẩn bị cho chiến dịch quyết chiến chiến lược mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh, tuy thời gian rất ngắn, nhu cầu chiến dịch cần đến 60.000 tấn (trong đó có 30.000 tấn đạn, 8.000 tấn xăng dầu, 21.000 tấn lương thực, thực phẩm) mới đủ bảo đảm cho các lực lượng trên các hướng tiến công đồng loạt, cơ động thọc sâu, tác chiến trong khoảng thời gian 5 - 7 ngày. Khi bước vào chuẩn bị cho chiến dịch, hậu cần Miền đã dự trữ được 40.000 tấn vật chất (trong đó có 15.000 tấn đạn, 2.000 tấn xăng dầu, 22.000 tấn lương thực, thực phẩm). Cấp chiến lược được nhận thấy khối lượng vật chất còn thiếu nhiều, chủ yếu là các loại đạn pháo lớn và xăng dầu. Vì vậy, đã chỉ đạo hậu cần chiến lược khẩn trương vận chuyển những loại còn thiếu vào chiến trường, đôn đốc hậu cần chiến dịch tích cực chuyển đến các căn cứ hậu cần phía trước. Đến 26 tháng 4 năm 1975, ta đã chuyển được 55.000 tấn (trong đó có 25.000 tấn đạn, 4.500 tấn xăng dầu). Chấp hành chỉ thị của Bộ Tư lệnh chiến dịch, hậu cần Quân đoàn 3 dùng ô tô chuyển đạn pháo lớn từ Tây Nguyên đến. Một số quân đoàn dùng ô tô đến kho cấp chiến lược để nhận xăng dầu cho đơn vị. Trong quá trình tiến hành chiến dịch, tuyến vận tải chiến lược đã vận chuyển đạn vào đến Đồng Xoài và Xuân Lộc; Quân khu 5 dùng 100 ô tô chuyển đạn pháo 130mm và bổ sung cho Quân đoàn 1. Đến 30 tháng 4 năm 1975, tổng số vật chất bảo đảm cho chiến dịch đã đạt 60.000 tấn.

Về quân y, hậu cần chiến dịch đã triển khai 15 bệnh viện dã chiến ở tuyến trước, chuẩn bị 17 đội điều trị cơ động, có khả năng cứu chữa từ 8.000 đến 10.000 thương binh.

Về bảo đảm kỹ thuật, đã triển khai 10 trạm sửa chữa ở các căn cứ hậu cần phía trước để cùng với các trạm sửa chữa của các quân đoàn và đơn vị tiến hành sửa chữa gấp súng, pháo, xe, máy sau hành quân, bảo đảm hệ số kỹ thuật cao trước khi bước vào chiến dịch.

Quá trình tác chiến, hậu cần Miền bảo đảm cho Quân đoàn 4 được 1.074 tấn vật chất, gồm 435 tấn đạn, 345 tấn xăng dầu, 292 tấn lương thực, thực phẩm và cứu chữa được 1.228 thương binh...

Trên cơ sở thế và tạo lực được trên chiến trường, từ tháng 7 năm 1974, ta đã tổ chức nhiều trận đánh vào tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch từ Trị - Thiên vào đến Nam Bộ.

Ngày 18 tháng 7 năm 1974, Sư đoàn 2 bộ binh Quân khu 5 được tăng cường pháo binh và pháo cao xạ của quân khu tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Nông Sơn - Trung Phước (Quảng Nam) do hai tiểu đoàn quân biệt động ngụy đóng giữ; tiếp đó, đánh bại các cuộc hành quân phản kích của sư đoàn 3 và liên đoàn 12 biệt động quân ngụy, loại khỏi vòng chiến đấu hai trong số bốn đơn vị tương đương cấp trung đoàn thuộc lực lượng cơ động ngụy ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà. Theo đó, vùng giải phóng ở Quảng Nam mở rộng từ Nông Sơn - Trung Phước qua Sơn Cẩm Hà tiếp giáp với tây Thăng Bình, bắc Tam Kỳ, xuống sát đường số 1.

Cùng thời gian này, Sư đoàn 711 và bộ đội địa phương, du kích Quảng Đà đẩy mạnh tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng từ tây Duy Xuyên đến ngoại ô thành phố Đà Nẵng: Lữ đoàn 52 diệt 11 cứ điểm của địch, hỗ trợ lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương Quảng Ngãi đẩy mạnh tiến công và nổi dậy ở các huyện Nghĩa Hành, Minh Long... Vùng giải phóng phía bắc tỉnh Quảng Ngãi nối liền từ Trà Bồng xuống sát biển, đến vùng ven căn cứ Chu Lai và thị xã Quảng Ngãi. Sư đoàn 3 bộ binh tiêu diệt gần hết các căn cứ điểm của địch còn nằm xen kẽ trong vùng giải phóng của ta ở các huyện khu vực bắc Bình Định, hỗ trợ lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân bức rút các vị trí của địch từ đông Phù Mỹ đến bắc Phù Cát; ta giải phóng cơ bản vùng nông thôn bắc Bình Định. Bộ đội địa phương và nhân dân Phú Yên kết hợp tiến công và nổi dậy, mở rộng vùng giải phóng gồm các huyện Tuy An, Sông Cầu, Đồng Xuân...

Đợt hoạt động quy mô lớn, dài ngày, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang của Quân khu 5 trong hè - thu 1974 đạt kết quả tốt. Kế hoạch lấn chiếm và phân tuyến của địch bước đầu bị đánh bại hệ thống phòng ngự của địch bị phá vỡ ở nhiều khu vực.

Trên đà thắng lợi của đợt hoạt động xuân - hè 1974, Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho Quân khu 5 và Quân đoàn 2 sử dụng một bộ phận lực lượng mở chiến dịch K711 đánh chiếm chi khu quân sự và quận lỵ Thượng Đức. Chiến dịch này nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Thượng Đức, thu hút và giam chân một bộ phận quân chủ lực ngụy, góp phần đẩy mạnh hoạt động của ta ở Khu 5; phối hợp các chiến trường toàn miền Nam và rèn luyện bộ đội.

Thượng Đức nằm ở phía tây tỉnh Quảng Đà, cách thành phố Đà Nẵng 40km. Địch xây dựng nơi đây thành một cứ điểm then chốt trên tuyến phòng thủ vòng ngoài bảo vệ căn cứ liên hợp Đà Nẵng. Từ Thượng Đức, địch tổ chức các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta ở miền Tây Quảng Đà. Lực lượng phòng thủ của địch ở Thượng Đức rất mạnh, gồm: tiểu đoàn 79 biệt động quân, 2 đại đội bảo an, 1 đại đội trinh sát dã chiến, 16 trung đội vũ trang, tổng quân số lên tới 1.600 tên¹. Dựa vào địa hình hiểm yếu, địch đã xây dựng được ở Thượng Đức một hệ thống công sự phòng thủ kiên cố và nếu bị ta tiến công, địch ở

¹. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 2. Sdd. tr.480.

Thượng Đức kịp thời được hỏa lực pháo binh, không quân từ Đà Nẵng và các căn cứ xung quanh chi viện kịp thời.

Sau hơn một tháng chuẩn bị chiến trường và vật chất, ngày 29 tháng 7 năm 1974, Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 và các đơn vị phối thuộc (Tiểu đoàn 1 công binh Lữ đoàn công binh 219, hai đại đội tên lửa A72 và B72, hai tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh Quảng Đà, hai đại đội bộ đội địa phương huyện, một tiểu toàn đặc công Quân khu 5) nổ súng mở màn chiến dịch. Trong ba ngày đầu, chiến sự diễn ra vô cùng quyết liệt. Do chủ quan, coi thường địch, bộ đội không đào công sự ở khu vực đột phá, nên bị thương vong nhiều. Trung đoàn 66 ba lần tổ chức xung phong, nhưng không dứt điểm được mục tiêu, buộc phải tạm dừng trận đánh để rút kinh nghiệm, chuẩn bị cho đợt tiến công mới. Thiếu tướng Nguyễn Chánh - Phó tư lệnh Quân khu 5, đại tá Hoàng Đan - Phó tư lệnh Quân đoàn 2 cùng Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 trực tiếp xuống giúp Trung đoàn 66 tổ chức lại lực lượng, rút kinh nghiệm tìm cách đánh hợp lý, hiệu quả.

Ngày 6 tháng 8 năm 1974, Trung đoàn 66 mở đợt tiến công thứ hai. Trận đánh diễn ra quyết liệt trong ngày và đêm hôm đó. Sáng ngày 7 tháng 8, Trung đoàn 66 mở đợt tiến công cuối cùng, đánh chiếm toàn bộ căn cứ của địch, mang lá cờ cách mạng của Đảng mà Đảng bộ và quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng trao cho Sư đoàn cầm lên chi khu quân sự Thượng Đức¹. Toàn bộ quân địch 1.600 tên bị tiêu diệt và bị bắt, 13 máy bay bị bắn rơi. Ta thu trên 1.000 súng các loại. Quận lỵ Thượng Đức và 4 xã vùng ven với 13.000 dân được giải phóng.

Sau khi làm lay chuyển chi khu quân sự và quận lỵ Thượng Đức, Bộ Tư Lệnh Quân đoàn 2 kịp thời cho củng cố tổ chức lực lượng, xây dựng trận địa phòng ngự kiên cố, chủ động đánh địch phản kích chiếm lại vị trí then chốt này. Vì vậy, trong 4 tháng cuối năm 1974, bộ đội ta liên tiếp đánh bại nhiều đợt “phản kích ào ạt” hoặc “lấn dũi” của địch - đặc biệt là các cuộc phản kích của sư đoàn dù - một sư đoàn được xem là “tinh nhuệ” nhất của địch lúc bấy giờ. Kết quả, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 3 tiểu đoàn, diệt và bắt gần 5.000 tên. Ngày 20 tháng 2 năm 1974, sư đoàn dù buộc phải lạng lẽ rút chạy khỏi Thượng Đức. Vùng giải phóng tỉnh Quảng Đà được mở rộng. Ta có thêm bàn đạp mới để tiến công, uy hiếp trực tiếp căn cứ liên hiệp Đà Nẵng từ hướng tây nam. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa quan trọng về chính trị, quân sự. Cùng với chiến thắng Đắc Pét ở Tây Nguyên, thắng lợi của Quân đoàn 2 và Quân khu 5 ở Thượng Đức góp thêm một thực tế để khẳng định: “Trên chiến trường miền Nam, sức mạnh chiến đấu của bộ đội chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn hẳn quân chủ lực ngụy”².

Trên địa bàn Khu 5, mười ngày sau ta đánh chiếm chi khu - quận lỵ Thượng Đức, ngày 17 tháng 8 năm 1974 Lữ đoàn 52 và 1 đại đội xe bọc thép K63 của Trung đoàn 574 cùng lực lượng địa phương tiến công địch ở chi khu quân sự Minh Long (Quảng Ngãi). Minh Long là một cụm cứ điểm liên hoàn với 18 cứ

¹ Trước khi mở màn chiến dịch, đại diện Tỉnh ủy Quảng Đà trao cho Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 lá cờ Giải phóng với lời chúc đơn vị hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm Thượng Đức, cắm lá cờ này lên căn cứ địch (*Lịch sử Quân đoàn 2 (1974 - 2004)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004).

² *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam...* tập 2, Sdd, tr.481.

điểm. Lực lượng địch có 4 đại đội bảo an, 3 trung đội biệt kích, 1 trung đội cảnh sát, 12 trung đội dân vệ, 1 trung đội pháo 105mm và một lực lượng khá đông ngụy quyền ác ôn. Sau 6 giờ chiến đấu, ta quét sạch địch, giải phóng hoàn toàn huyện Minh Long.

Ngày 19 tháng 9 năm 1974, Lữ đoàn 51 lại cùng với lực lượng vũ trang địa phương tiến công tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Giá Vụt (huyện Ba Tư - Quảng Ngãi), loại khỏi vòng chiến đấu tiểu đoàn 70 biệt động quân (gồm 3 đại đội), 1 trung đội pháo, 1 trung đội thám báo, 1 trung đội dân vệ cùng bốn cảnh sát, thu toàn bộ vũ khí.

Ở Trị - Thiên cùng với thời gian mở chiến dịch K711 giải phóng Thượng Đức, ngày 28 tháng 8 năm 1974, Quân đoàn 2 sử dụng Sư đoàn bộ binh 324 cùng Trung đoàn 6 Quân khu Trị - Thiên và lực lượng vũ trang địa phương mở chiến dịch tiến công tuyến phòng ngự của sư đoàn 1 quân ngụy ở La Sơn - Mỏ Tàu (tây nam thành phố Huế). Trong hơn 40 ngày đêm chiến đấu liên tục, bộ đội ta đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.500 tên địch, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, đánh thiệt hại nặng sư đoàn mạnh nhất của quân khu 1 ngụy. Tuyến phòng thủ của địch ở tây nam Huế bị phá vỡ. Quân và dân Trị - Thiên giải phóng một địa bàn rộng gần 300 kilômét vuông, tạo nên một bàn đạp tiến công trực tiếp thành phố Huế và uy hiếp tuyến giao thông từ Huế đi Đà Nẵng của địch.

Ở miền Đông Nam Bộ, Sư đoàn 9 bộ binh Quân đoàn 4 tiến công một số vị trí địch từ Rạch Bắp đến Kiến Điền, phát triển xuống Phú Thứ, giải phóng một vùng rộng lớn ở phía nam đường số 7, uy hiếp thị xã Bình Dương (Thủ Dầu Một) và căn cứ sư đoàn 25 ngụy ở Đồng Nai. Cùng thời gian, Sư đoàn 7 bộ binh Quân đoàn 4 phối hợp với lực lượng vũ trang miền Đông, tiến công tuyến phòng thủ của địch ở bắc sông Đồng Nai, uy hiếp sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy ở Biên Hòa. Lực lượng đặc công, biệt động thuộc Bộ Tư lệnh Miền và Thành đội Sài Gòn - Gia Định tiến công hàng chục vị trí địch ở vùng ven thành phố - điển hình là các trận tập kích kho xăng Nhà Bè (ngày 2-6-1974), gây cho địch nhiều tổn thất. Ngày 18 tháng 8, pháo binh Biên Hòa và pháo binh Miền pháo kích sân bay Biên Hòa, phá hủy 5 chiếc F.5, đêm 26 tháng 8, một lực lượng của Đoàn đặc công 113 Miền tập kích trường huấn luyện biệt kích của địch ở Nước Trong (Long Thành), diệt 200 tên. Đêm 7 tháng 10 năm 1974, Đoàn đặc công 113 dùng một khối thuốc nổ 700 kilôgam, đánh sập cầu Mới (Biên Hòa). Những trận đánh diễn ra ở vùng ven làm chấn động mạnh nội đô Sài Gòn - Gia Định.

Phối hợp với chiến trường toàn Miền, quân và dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã chuyển hẳn lên thế chủ động tiến công địch, thu hồi các vùng địch lấn chiếm sau Hiệp định Paris, giải phóng thêm một số vùng mới. Quân khu 9 chủ trương đẩy mạnh tiến công địch vào mùa mưa, nhằm tạo thế cho cuộc tiến công lớn trên toàn Miền vào đầu năm 1975. Quân khu 8 sau một thời gian khó khăn đã vươn lên đánh địch, giành lại được Vùng 4 Kiến Tường vào đầu tháng 8 năm 1974.

Từ tháng 7 đến tháng 10 năm 1974, Quân khu 9 diệt và bức rút hàng trăm đồn bốt địch, giải phóng 4.000 ấp với 80 vạn dân. Ở Khu 8, ta mở rộng vùng giải phóng Đồng Tháp Mười, cắt đường số 4, diệt nhiều đồn bốt địch, giải phóng hơn 200 ấp và 13 vạn dân¹.

¹. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ... tập 2, Sđd, tr.177.

Cục diện chiến trường miền Nam những tháng cuối năm 1974 chuyển biến nhanh, ngày càng có lợi cho ta. Thế trận tiến công mới hình thành trên khắp toàn miền Nam, từ Trị - Thiên đến Tây Nguyên, miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Bộ đội chủ lực trên chiến trường tổ chức tới cấp quân đoàn, gồm 16 sư đoàn bộ binh, và các lữ đoàn, trung đoàn binh chủng bố trí đứng chân trên các địa bàn chiến lược trọng yếu. Hệ thống đường chiến lược, chiến dịch mở rộng và ngày càng hoàn chỉnh, đặc biệt là hệ thống đường chiến lược đã đảm bảo hoạt động được cả hai mùa mưa - nắng, đông và tây Trường Sơn. Đồng thời, dự trữ vật chất trên các chiến trường tương đối lớn.

Từ khi chuyển sang phản công địch, các lực lượng vũ trang ở miền Nam đã chặn đứng các cuộc hành quân lấn chiếm, bình định của chúng, giành lại thế chủ động, củng cố bàn đạp tiến công trên các hướng chiến lược, tạo thế áp sát các thành phố lớn Sài Gòn - Gia Định, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ... và các căn cứ trọng yếu của địch, các tuyến giao thông huyết mạch.

Ngược lại, về tình hình địch, quân chiến đấu của Mỹ và chư hầu đã buộc phải rút khỏi miền Nam. Viện trợ của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn cả về kinh tế, quân sự giảm sút. Quân nguy buộc phải chuyển sang xây dựng, tác chiến theo kiểu "con nhà nghèo"; sức chiến đấu rệu rã. Ta tiến công toàn diện, rộng khắp, buộc các đơn vị chủ lực quân nguy phải bị động, phân tán, khả năng chi viện hỏa lực giảm nhiều so với trước khi Hiệp định Paris được ký kết¹. Từ hành quân lấn chiếm quy mô lớn "tràn ngập lãnh thổ" đầu năm 1973, sau gần 2 năm - đến cuối năm 1974, địch buộc phải lui về phòng ngự, chỉ tổ chức những cuộc hành quân lùng sục nhỏ lẻ.

Nhìn chung: Đến mùa thu năm 1974, thắng lợi của quân và dân ta trên hai miền Nam - Bắc đã làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường, ta mạnh lên, địch yếu đi. Cuộc chiến tranh đã đi vào giai đoạn quyết định cuối cùng. Thực tế trên là cơ sở để Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương - Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam vạch kế hoạch, hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976.

¹ Cuối năm 1974, quân nguy Sài Gòn có 69 vạn (34 vạn quân chủ lực), nhưng do số đào ngũ, rã ngũ trong 2 năm 1973 - 1974 rất lớn, nên tiểu đoàn chủ lực nguy chỉ có 200 quân/ 550. Chi viện hỏa lực của địch năm 1974 về không quân chiến thuật và pháo binh giảm 1975% so với năm 1972, máy bay B52 không còn.

TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Những thắng lợi quan trọng trên chiến trường trong xuân - hè năm 1974 phản ánh thế và lực của ta đã mạnh hơn thế và lực của địch. Thực tế đó là nhân tố chủ yếu để khẳng định thời cơ thuận lợi cho phép chúng ta giải phóng hoàn toàn miền Nam trong thời gian ngắn nhất.

Ngày 21 tháng 7 năm 1974, tại Đồ Sơn - Hải Phòng, đã diễn ra một cuộc họp quan trọng giữa đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng với Thượng tướng Hoàng Văn Thái và Trung tướng Lê Trọng Tấn - Tổng tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng chí Bí thư thứ nhất của Đảng và hai đồng chí Tổng tham mưu phó tập trung phân tích, đánh giá tình hình, vạch ra kế hoạch tác chiến giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau khi phân tích, cân nhắc mọi yếu tố, đồng chí Lê Duẩn kết luận:

Chúng ta buộc địch ký Hiệp định Pari, có nghĩa là ta đã mạnh hơn địch, dù sức thắng cả Mỹ lẫn ngụy. Khi còn Mỹ, ta đã giành được thắng lợi như vậy, thì sau khi Mỹ rút hết, ta càng mạnh hơn và nhất định sẽ đánh thắng hoàn toàn quân ngụy. Ta đang ở thế thắng, thế đi lên, địch đang bị thất bại liên tiếp, thế và lực cả về chính trị và quân sự của chúng đang xuống dốc. Điều quan trọng nhất, thắng lợi nhất của ta ở Hiệp định Pa-ri là Mỹ phải rút quân, còn ta thì ở lại, hành lang Nam - Bắc được nối liền¹.

Từ những nhận định trên, phương châm của ta là: phải hành động thật nhanh, gọn, triệt để, nhưng phải khôn khéo. Có như vậy, ta mới tạo được thế bất ngờ, không cho địch kịp trở tay. Phải xây dựng kế hoạch chiến lược sao cho kịp thời và sẵn sàng hành động khi thời cơ xuất hiện.

Ngay sau khi cuộc họp đặc biệt ở Đồ Sơn kết thúc, Đại tướng Văn Tiến Dũng - Tổng tham mưu trưởng, Thượng tướng Hoàng Văn Thái, Trung tướng Lê Trọng Tấn, Thiếu tướng Lê Ngọc Hiến cùng các cán bộ Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu khẩn trương nghiên cứu, soạn thảo kế hoạch tác chiến chiến lược giải phóng miền Nam.

¹. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ.... tập 2, Sdd, tr.178-179.

Ngày 26 tháng 8 năm 1974, bản dự thảo kế hoạch tác chiến chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam đã cơ bản hoàn thành. Điều trùng lặp đặc biệt là Bản kế hoạch ngay sau khi hoàn thành đã bước đầu được khẳng định bằng chiến thắng Thượng Đức của Quân đoàn 2 và Quân khu 5 trên mặt trận Quảng Đà. Từ đó càng tăng thêm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tham mưu trong 2 năm 1975 - 1976.

Mỹ đã rút khỏi miền Nam. Sự viện trợ của Mỹ cho ngụy quyền miền Nam ngày càng giảm. Nước Mỹ đang có khủng hoảng về chính trị nên khả năng quay trở lại miền Nam khó có thể xảy ra. Nhưng dù Mỹ có can thiệp trở lại trong chừng mực nào thì chúng cũng không xoay chuyển được tình thế. Các thế lực xâm lược khác đều có âm mưu rất nguy hiểm đối với Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, nhưng lúc này chưa sẵn sàng. Trong khi đó, về ta, đã mạnh lên gấp nhiều lần. Công tác tổ chức chiến trường đạt kết quả tốt. Lực lượng, dự trữ vật chất, kỹ thuật và phương tiện chiến tranh tăng nhanh; hệ thống giao thông chiến lược, chiến dịch không ngừng được hoàn thiện. Tại các đô thị miền Nam, phong trào đấu tranh đòi hòa bình, dân sinh dân chủ, đòi độc lập dân tộc ngày càng cao... đây là thời cơ thuận lợi để quân và dân ta mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến bước cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân ngụy, đánh chiếm Sài Gòn - sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác; đánh đổ chính quyền trung ương và các cấp của ngụy, giành toàn bộ chính quyền, giải phóng hoàn toàn miền Nam; hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc.

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với kế hoạch tác chiến chiến lược 2 năm do Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị. Nội dung gồm 2 bước:

Bước 1: Tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng và phương tiện, tiến công mạnh mẽ và rộng khắp để tiêu diệt bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng thêm nhiều vùng đất đai (bước 1 thực hiện trong năm 1975).

Bước 2: Thực hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam (thực hiện trong năm 1976).

Kế hoạch cụ thể trong năm 1975 (bước 1) được chia làm 3 đợt:

- *Đợt 1:* Từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 2 năm 1975, thực hiện những đòn tiến công có mức độ, chủ yếu là vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ.

- *Đợt 2:* Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1975, thực hiện nhiều đợt hoạt động chủ yếu, tập trung lực lượng mở chiến dịch tiến công quy mô lớn trên chiến trường Tây Nguyên và một số chiến dịch phối hợp tại chiến trường miền Đông Nam Bộ, Khu 5, Trị - Thiên. Riêng đồng bằng sông Cửu Long, tiếp tục tiến công và nổi dậy chống địch bình định, mở rộng vùng giải phóng.

- *Đợt 3:* Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1975, mở đợt hoạt động nhằm phát huy các thắng lợi đã giành được và sẵn sàng thực hiện phương án thời cơ.

Trọng tâm hoạt động quân sự năm 1975 được Bộ Chính trị xác định là Tây Nguyên. Bộ Chính trị quyết định động viên những nỗ lực lớn nhất, mở cuộc tổng

tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam; hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, thống nhất nước nhà. Từ đó, Bộ Chính trị quyết định: Mọi công việc chuẩn bị phải được tiến hành thật khẩn trương, tạo điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng triệt để trong thời gian 2 năm 1975 - 1976. Đây là thời cơ thuận lợi, không cho phép ta chần chừ, do dự.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương, Bộ Tổng tham mưu nhanh chóng bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến chiến lược, triển khai gấp việc tăng cường cơ sở vật chất, vũ khí, đạn dược, thuốc chiến thương... cho các chiến trường và làm đường cơ động phục vụ cho cuộc tổng tiến công sắp tới.

Những tháng cuối năm 1974 - đầu năm 1975, các mặt chuẩn bị cho kế hoạch chiến lược 2 năm 1975 - 1976 được Trung ương Đảng, Chính phủ chỉ đạo các ngành, các cấp, địa phương đưa lên quy mô mới.

Đối với miền Bắc, trên cơ sở tổng thu nhập quốc dân hai năm khôi phục, phát triển kinh tế, đã xấp xỉ năm 1965, sản lượng nông nghiệp năm 1974 tăng nhanh. Đảng và Chính phủ đã động viên cao nhất nguồn chi viện của miền Bắc cho chiến trường. Hai tháng đầu năm 1975, miền Bắc đã huy động 57.000 (trong tổng số 108.000 quân của kế hoạch động viên năm 1975); gấp rút huấn luyện, bổ sung cho chiến trường. Nhiều đoàn cán bộ của cơ quan Đảng, của Bộ Quốc phòng: Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật và các quân chủng, binh chủng... khẩn trương vào chiến trường để đôn đốc công tác chuẩn bị.

Các quân đoàn, quân khu tiếp tục tập huấn cán bộ về nghệ thuật đánh địch trong thành phố, tổ chức cho bộ đội học tập chính sách đối với vùng giải phóng...

Thời gian này, mạng đường giao thông chiến lược Bắc Nam nhanh chóng được mở rộng và nâng cấp nối 6 trục dọc dài 6.810 ki-lô-mét. Đặc biệt, ta đã xây dựng được hệ thống đường ống xăng dầu với tổng chiều dài trên 5.000 ki-lô-mét, từ hậu phương miền Bắc vào tới Bù Gia Mập - Lộc Ninh.

Về địch, tuy còn đủ 13 sư đoàn, song lực lượng của chúng luôn phải dàn mỏng đối phó với các hoạt động của ta từ Trị - Thiên vào Nam Bộ. Số quân địa phương vốn đã lỏng lẻo, nay càng rệu rã, không còn sức chiến đấu.

Vẫn biết chúng ta chuẩn bị đánh lớn, nhưng Nguyễn Văn Thiệu và Bộ tổng tham mưu nguy cho rằng: năm 1975 ta có thể đánh lớn hơn năm 1974, nhưng không được như năm 1968 và không bằng năm 1972. Ta chưa có khả năng đánh vào thị xã lớn hay các thành phố, và dù có đánh được những thị xã như Phước Long, Gia Nghĩa. Mục tiêu chủ yếu trong năm 1975 là giành cho được 2 triệu dân ở đồng bằng sông Cửu Long và mở rộng vùng giải phóng miền núi. Qua đó buộc chúng phải thi hành Hiệp định Pari. Địch cũng dự đoán hướng tiến công chủ yếu của ta trong năm 1975 là quân khu 3 nguy, chủ yếu là Tây Ninh (nơi xây dựng Thủ đô của chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam); thời gian tiến công trước hoặc sau Tết và kéo dài đến mùa mưa thì dừng lại¹.

¹. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ... tập 2, Sdd, tr.182.

Ngày 28 tháng 10 năm 1974, Quân uỷ Trung ương phê duyệt kế hoạch chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976; đệ trình lên Bộ Chính trị chính thức thông qua.

Ngày 18 tháng 12 năm 1974, Bộ Chính trị tiến hành hội nghị mở rộng, có các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường, các mặt trận, các đồng chí trong Quân uỷ Trung ương và Cục Tác chiến tham dự. Hội nghị khai mạc đúng vào lúc trên chiến trường đang diễn ra cơ sở đợt hoạt động quân sự, giành thắng lợi lớn. Tháng 12 năm 1974, Trung đoàn 16 và Trung đoàn 205 thuộc Bộ Tư lệnh Miền phối hợp với lực lượng vũ trang Tây Ninh đánh chiếm các căn cứ núi Bà Đen, Suối Đá. Sư đoàn bộ binh 5 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt một số vị trí địch nằm sâu trong vùng giải phóng thuộc các tỉnh Long An, Kiến Tường. Bộ đội chủ lực Quân khu 7 tiến công chi khu quân sự Tánh Linh, Hoài Đức. Lực lượng vũ trang Quân khu 8 và Quân khu 9 đẩy mạnh hoạt động, hỗ trợ quần chúng nổi dậy bức hàng, bức rút hàng chục đồn bốt địch, mở thêm vùng giải phóng ở các tỉnh Trà Vinh, Bến Tre, Mỹ Tho... Các đơn vị đặc công, pháo binh ở vùng ven Sài Gòn tập kích và pháo kích tổng kho Long Bình.

Diễn biến của tình hình trên chiến trường đã chứng tỏ: chiến tranh đã bước vào giai đoạn cuối, quân địch tuy còn đông nhưng bị căng kéo, kìm giữ khắp nơi, cho phép ta đẩy mạnh hơn nữa quy mô và cường độ tiến công địch.

Trước tình hình đó, Quân uỷ và Bộ tư lệnh Miền quyết định sử dụng Quân đoàn 4 mở chiến dịch ở khu vực đường 14 - Phước Long, nhằm mục đích tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng đầu cầu tuyến hành lang chiến lược, tạo điều kiện đưa lực lượng xuống vùng trung tuyến.

Phước Long nằm ở phía đông bắc và cách Sài Gòn hơn 100 ki-lô-mét; bắc giáp Campuchia; đông giáp Quảng Đức; nam giáp Bình Dương; tây giáp Bình Long. Phước Long là giao điểm của bốn địa bàn chiến lược quan trọng: Nam Tây Nguyên, Đông Nam Campuchia, Đông Nam Bộ và Khu 6; là cửa ngõ phía tây bắc Sài Gòn.

Sau hai tháng chuẩn bị, đầu tháng 12 năm 1974, Quân đoàn 4 lên đường đi chiến dịch. Các trung đoàn 271, 165, 201 hành quân vượt hàng trăm ki-lô-mét cắt rừng, chiếm lĩnh trận địa trong điều kiện mưa to, đêm tối.

Ngày 14 tháng 12 năm 1974, ta chính thức nổ súng tiến công chi khu quân sự Bù Đăng, yếu khu Bù Na và hệ thống đồn bốt của địch dọc đường 14, mở màn chiến dịch. Trong trận đánh chi khu Bù Đăng, chiến sĩ Đoàn Đức Thái (đại đội 11) đã dùng tay giữ ống bộc phá, phá tan hàng rào thứ sáu là hàng rào cuối cùng bảo vệ căn cứ địch, mở cửa cho mũi thọc sâu của đơn vị đánh chiếm m. Đoàn Đức Thái đã anh dũng hy sinh¹.

Sau 5 ngày chiến đấu liên tục, quyết liệt, ta đã diệt chi khu Bù Đăng, yếu khu Bù Na và hơn sáu chục đồn bốt địch dọc đường 14, diệt và bắt gần 2.000 tên, thu trên 900 súng các loại (trong đó có 4 khẩu pháo 105mm và hơn 7.000 viên

¹. Liệt sĩ Đoàn Đức Thái được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

đạn pháo); giải phóng một khu vực dài hơn 100 ki-lô-mét dọc theo đường 14 (từ ki-lô-mét 11 đến Kiến Đức), gồm 14.000 dân.

Trên đà thắng lợi, ngày 26 tháng 12 năm 1974, Trung đoàn 165 Sư đoàn 7 sử dụng ngay số đạn pháo thu được của địch tiến công bằng hỏa lực, xung lực diệt chi khu Bù Đốp và một số đồn trên đường 311. Trung đoàn 141 và trung đoàn 209 Sư đoàn 7 tiến công chi khu Đồng Xoài, diệt và bắt toàn bộ quân địch, trong đó có tên chi khu trưởng và tên tiểu đoàn trưởng bảo an.

Mất Đồng Xoài, thị xã Phước Long hoàn toàn bị cô lập. Ngày 31 tháng 12 năm 1974, Quân đoàn 4 dưới sự chỉ huy của Thiếu tướng, Tư lệnh Hoàng Cầm và Đại tá, Phó tư lệnh Bùi Cát Vũ tiến đánh thị xã Phước Long. Lực lượng tăng cường có Trung đoàn bộ binh 16 và hai tiểu đoàn pháo binh thuộc Bộ Tư lệnh Miền.

Trung đoàn 165 (Được tăng cường 4 xe tăng), Trung đoàn 141 và tiểu đoàn 79 đặc công hiệp đồng chặt chẽ, tiến công đập tan tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, diệt chi khu Phước Bình, chiếm núi Bà Rá. Mặc cho quân địch trong thị xã tập trung lực lượng phản kích và bộ tư lệnh quân đoàn 3 ngụy huy động tới 80 lần chiếc máy bay oanh tạc trong một ngày ngoại vi thị xã, nhưng kẻ địch không cản nổi sức tiến công của bộ đội ta. Pháo binh của ta được trạm quan sát đặt ở đỉnh núi Bà Rá chỉ định, hiệu chỉnh bắn chính xác, kiểm chế các trận địa pháo địch. Tám tiểu đoàn pháo cao xạ của ta khống chế hoàn toàn bầu trời khu vực diễn ra chiến dịch.

Ngày 6 tháng 1 năm 1975, bộ đội ta mở đợt công kích cuối cùng. Sau khi xốc lại đội hình, bổ sung quân số, trang bị, Quân đoàn 4 cùng lúc nổ súng tiến công thị xã Phước Long từ nhiều hướng. Lá cờ giải phóng được chiến sĩ Nguyễn Văn Hoan (trung đoàn 141) và đồng đội cắm trên nóc dinh tỉnh trưởng Phước Long lúc 10 giờ 20 phút ngày 1 tháng 6 năm 1975. Hơn 2.000 tên địch trong thị xã bị loại khỏi vòng chiến đấu, một số bị bắt làm tù binh. Ta thu hơn mười nghìn viên đạn pháo.

Phối hợp với bộ đội chủ lực, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long.

Kết thúc thắng lợi chiến dịch đường 14 Phước Long, ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.160 tên địch, bắt 2.140 tên, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân.

Ta giải phóng Phước Long khi quân đoàn 3 ngụy lực lượng còn đông, gồm 3 sư đoàn bộ binh (18, 5, 25), lữ đoàn kỵ binh thiết giáp và các đơn vị binh chủng, nhưng bị căng kéo, kìm chân trên các tuyến phòng thủ phía bắc, tây bắc và tây Sài Gòn. Mặc dù, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu hò hét "tái chiếm" Phước Long, nhưng không dám đưa lực lượng dự bị lên và cũng không đủ sức chiếm lại. Chính quyền Mỹ cũng đe dọa đưa quân viễn chinh vào miền Nam và ném bom trở lại miền Bắc, nhưng do tình hình quốc tế và khủng hoảng chính trị trong nước sau vụ "Oa-tơ-ghết", cũng không dám hành động.

Lần đầu tiên trên chiến trường miền Nam và cuộc kháng chiến chống Mỹ, ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh gần Sài Gòn. Chiến thắng đường 14 - Phước

Long, khẳng định khả năng mới của quân và dân ta. Quân đội ta có khả năng mở chiến dịch quy mô quân đoàn, đánh chiếm chi khu, tiểu khu quân sự của địch, giải phóng thị xã, thành phố. *Chiến thắng đường 14 - Phước Long là thắng lợi có ý nghĩa "trình sát chiến lược"*, góp phần củng cố vững chắc quyết tâm chiến lược đã được Bộ Chính trị xác định từ tháng 10 năm 1974. Đồng thời, đòn "trình sát chiến lược" này cũng cho phép ta khẳng định: khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế.

Những ngày cuối năm 1974, sau khi nghe các đồng chí chỉ huy các chiến trường Trị Thiên, Tây Nguyên, Khu 5, Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ báo cáo bước phát triển mới nhất của chiến trường từ khi bước vào đông xuân 1974 - 1975. Bộ Chính trị dự kiến thời cơ chiến lược cụ thể có thể xuất hiện sớm hơn, cho phép ta thực hiện các đòn chiến lược quyết định.

Đòn chiến lược đầu tiên:

CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN

Ngày 6 tháng 1 năm 1975, tin chiến thắng Phước Long làm nức lòng quân và dân cả nước.

Lúc này, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng bắt đầu từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 cũng đã đến thời điểm kết thúc. Ngày 7 tháng 1, tại phiên họp cuối của Hội nghị Bộ Chính trị, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng kết luận:

"Khả năng đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp, hiện nay đang gặp nhiều khó khăn. Nếu nguy có nguy cơ sụp đổ lớn, ta cần đề phòng Mỹ có thể can thiệp bằng không quân, hải quân, nhưng không phải để mở rộng chiến tranh mà để cứu vãn chính quyền Sài Gòn... Dù chúng có can thiệp như thế nào, ta cũng có đầy đủ quyết tâm và điều kiện để đánh thắng và chúng không thể cứu vãn được nguy cơ sụp đổ của chính quyền Sài Gòn.

Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược, chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, để tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc"¹.

Từ thực tế đó, Bộ Chính trị hạ quyết tâm: "Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở cả hai miền trong thời gian 1975 - 1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương hoàn toàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã nguy quân, đánh đổ nguy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam".

¹. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ..., tập 2, Sdd, tr.184.

Bộ Chính trị nhận định: Cả năm 1975 là thời cơ, đòn tiến công quân sự mạnh tạo nên thời cơ, phong trào chính trị thúc đẩy thời cơ, từ bình thường đến vừa, đến cao, đến đột biến với tốc độ “một ngày bằng hai mươi năm”. Do đó, cần phải khẩn trương, phải đánh nhanh hơn, nếu đã có thời cơ mà không kịp thời phát hiện, bỏ lỡ thì có tội lớn đối với dân tộc. Ngoài kế hoạch chiến lược 2 năm 1975 - 1976, Bộ Chính trị còn dự kiến: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương quyết định chọn Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.

Ngay sau Hội nghị Bộ Chính trị, ngày 9 tháng 1 năm 1975, Thường trực Quân uỷ Trung ương họp, bàn nhiệm vụ quân sự trong mùa xuân 1975, thực hiện bước một của kế hoạch chiến lược. Một số đồng chí lãnh đạo, chỉ huy chiến trường Khu 5, Tây Nguyên (Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Hoàng Minh Thảo) và đồng chí Tổng tham mưu phó Lê Trọng Tấn dự hội nghị.

Quân uỷ Trung ương xác định trong mùa khô 1974 - 1975, hướng tiến công chủ yếu của bộ chủ lực và nam Tây Nguyên. Các lực lượng vũ trang ở đây có nhiệm vụ:

- Tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, diệt và làm bị thương từ 4 đến 5 vạn tên, trong đó diệt từ 3 đến 4 trung đoàn, liên đoàn bộ binh, thiết giáp; đánh thiệt hại nặng từ 1 đến 2 sư đoàn chủ lực, diệt nhiều tiểu đoàn bảo an, trung đội dân vệ, làm tụt nhanh quân số của chúng. Mở rộng hành lang tuyến giao thông quân sự chiến lược từ đường 14 qua Gia Nghĩa xuống đường 20 nối với miền Đông Nam Bộ và từ Tây Nguyên xuống ba tỉnh thuộc Khu 5.

- Giải phóng nhân dân và phần lớn vùng đất bằng nam Plâycu và Chèo Reo, xung quanh Buôn Ma Thuột; đánh bại kế hoạch bình định, nong lán và giải tỏa của địch; giữ vững, phát huy quyền làm chủ chiến trường, thực hiện chia cắt chiến lược. Tích cực phối hợp với mặt trận chống bình định ở đồng bằng. Cụ thể, diệt từ 3 đến 4 tiểu khu, chi khu; từ 1 đến 2 tỉnh lỵ (Gia Nghĩa, Chèo Reo).

- Đánh phá giao thông và hậu cứ, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh, làm cho tiềm lực kinh tế địch giảm sút trầm trọng. Khi có thời cơ, thực hiện chia cắt hẳn các tuyến đường 14, 19, 21; trọng điểm là đường 19.

- Phát triển đấu tranh chính trị trong các thị xã. Ra sức xây dựng cơ sở tự vệ mật, các tổ chức biệt động, diệt ác ôn đầu sỏ, tạo thế làm chủ cơ sở.

Tình hình diễn biến hết sức mau lẹ, thời cơ chiến lược giải phóng Tây Nguyên đã đến. Ngày 9 tháng 1 năm 1975, Thường vụ Quân uỷ Trung ương bổ sung nhiệm vụ cụ thể của chiến dịch Tây Nguyên là: Phải diệt trừ 4 đến 5 trung đoàn bộ binh, từ 1 đến 2 trung đoàn thiết giáp; nhiều tiểu đoàn bảo an, dân vệ. Cố gắng đánh quy hoặc tiêu diệt 1 sư đoàn, đánh thiệt hại quân đoàn 2 nguy; giải phóng phần lớn hoặc hoàn toàn các tỉnh Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức, gồm ba thị xã: Gia Nghĩa, Chèo Reo, Buôn Ma Thuột. Trọng điểm là tỉnh Đắc Lắc. Mục tiêu then chốt quyết định là Buôn Ma Thuột. Mục tiêu quan trọng là ba quận lỵ: Đức Lập, Thuận Mẫn, Kiến Đức. Hướng phát triển quan trọng là ba

quận lỵ: Đức Lập, Thuận Mãn, Kiến Đức. Hướng phát triển là Cheo Reo. Gia Nghĩa - Cheo Reo là hướng phát triển chủ yếu¹.

Theo quyết định của Bộ Chính trị, ngày 5 tháng 2 năm 1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam được cử vào mặt trận Tây Nguyên để trực tiếp theo dõi và chỉ đạo chiến dịch. Sau khi chỉ đạo Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên tổ chức cho bộ đội ăn Tết, đón Xuân, tại sở chỉ huy của đại diện Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh ở phía tây nam thị xã Buôn Ma Thuột, đồng chí Văn Tiến Dũng thay mặt Quân uỷ Trung ương công bố quyết định thành lập Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên, gồm các đồng chí:

Trung tướng Hoàng Minh Thảo: Tư lệnh.

Đại tá Đặng Vũ Hiệp: Chính uỷ.

Thiếu tướng Vũ Lăng, Đại tá Phan Hàm, Đại tá Nguyễn Năng, Đại tá Nguyễn Lang: Phó Tư lệnh.

Đại tá Phí Triệu Đàm: Phó Chính uỷ.

Thường vụ Khu uỷ Khu 5 cử đồng chí Bùi San - Ủy viên thường vụ Khu uỷ, cùng một số cán bộ đại diện các ngành ở bên cạnh Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh chiến dịch để chỉ đạo trực tiếp ba tỉnh Gia Lai, Công Tum, Đắc Lắc, huy động nhân tài, vật lực của địa phương phục vụ chiến dịch.

Sau khi có quyết định thành lập, cơ quan Bộ Chỉ huy chiến dịch xây dựng kế hoạch tác chiến cụ thể. Các bộ phận trình sát mục tiêu Buôn Ma Thuột và các mục tiêu khác khẩn trương triển khai nhiệm vụ.

*

Địa bàn Tây Nguyên vào đầu năm 1975 gồm 5 tỉnh: Gia Lai, Công Tum, Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức. Đây là một vùng rừng núi rộng lớn, nằm trên dải cao nguyên thuộc miền Tây Trung Bộ, tiếp giáp với Hạ Lào, Đông Bắc Campuchia, được nối với hậu phương miền Bắc qua tuyến vận tải quân sự chiến lược Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh. Từ Tây Nguyên có thể phát triển xuống miền Đông Nam Bộ theo đường số 14 và phát triển xuống duyên hải miền Trung (phía Đông) theo các đường số 9, 7, 21. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và suốt thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược, Tây Nguyên luôn là địa bàn có tầm quan trọng về chiến lược đối với cả ta và địch.

Về ta, trải qua nhiều năm xây dựng và chiến đấu, lực lượng vũ trang trên chiến trường Tây Nguyên đã trưởng thành về nhiều mặt. Bộ đội chủ lực được rèn luyện, có kinh nghiệm tác chiến tập trung, đánh vận động. Mạng đường chiến lược, chiến dịch, hệ thống bảo đảm hậu cần ngày càng phát triển, có thể đáp ứng yêu cầu tiếp tế và động cơ lực lượng phục vụ bộ đội chủ lực tác chiến trong những chiến dịch quy mô lớn.

¹. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ..., tập 2, Sdd, tr. 186.

Về địch, do những nhận định chủ quan, sai lầm về khả năng và hướng tiến công của ta trong đông - xuân 1974 - 1975, nên bố trí thế phòng thủ trên chiến trường miền Nam theo hướng chú trọng phòng thủ quân khu 1 (Trị - Thiên, Quảng Đà) và quân khu 3 (miền Đông Nam Bộ).

Ở Tây Nguyên (quân khu 2 của địch), trước khi ta mở cuộc tổng tiến công, lực lượng địch có 2 sư đoàn bộ binh, 7 liên đoàn biệt động quân, 86 tiểu đoàn bảo an, 5 thiết đoàn và 12 chi đội thiết giáp, 13 tiểu đoàn và 8 đại đội pháo binh (376) khẩu, 16 phi đoàn không quân (487 máy bay các loại). Số quân và đầu đơn vị tuy đông, nhưng do địa bàn quân khu 2, đồng thời tăng cường phòng thủ ở địa bàn Gia Lai, Công Tum.

Phân tích tương quan thế và lực giữa ta và địch trên chiến trường Tây Nguyên, đồng thời căn cứ vào ý định tác chiến của ta, một mặt Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh chủ trương gấp rút tăng cường lực lượng, vũ khí trang bị kỹ thuật, vật chất hậu cần vào mặt trận Tây Nguyên; mặt khác kịp thời chỉ đạo các chiến trường đẩy mạnh tác chiến, nghi binh thu hút địch.

Thực hiện chủ trương trên, Bộ đội Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh và các đơn vị công binh, thanh niên xung phong khẩn trương hoàn thiện tuyến vận tải chiến lược, chiến dịch. Trong một thời gian ngắn, ta đã mở 141 ki-lô-mét đường mới, khôi phục 226 ki-lô-mét đường cũ, làm 3 bến phà, 13 găm trên đường từ Gia Lai, Công Tum đi Đức Lập, Buôn Ma Thuột... Trên một nghìn xe vận tải quân sự của Bộ Tư lệnh Bộ đội trường Sơn, của các quân khu, Bộ Giao thông vận tải ngày đêm từ hậu phương miền Bắc chuyển quân, chuyển hàng vào chiến trường miền Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng.

Đến cuối tháng 12 năm 1975, Bộ đội Trường Sơn và các lực lượng tăng cường đã thực hiện được 110% kế hoạch vận chuyển cho chiến dịch, bảo đảm đủ cho bộ đội Tây Nguyên hoạt động của năm 1975¹.

Theo sự điều động của Bộ Tổng tư lệnh, từ cuối tháng 12 năm 1974 đến đầu tháng 2 năm 1975, các đơn vị tăng cường cho chiến dịch lặn lội bí mật đến vị trí tập kết đúng quy định: Sư đoàn 968 bộ binh sau một thời gian dài làm nhiệm vụ quốc tế ở chiến trường Hạ Lào, hành quân về Gia Lai, Công Tum làm nhiệm vụ tác chiến nghi binh thay Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320. Sư đoàn 316 bộ binh - đơn vị có nhiều kinh nghiệm công đoàn ở địa hình rừng núi; được bí mật cơ động bằng ô tô từ miền tây Nghệ An vào phía tây Đắc Lắc. Đồng thời, Trung đoàn 95B Sư đoàn 325 Quân đoàn 2, Tiểu đoàn 232 pháo cao xạ, trung đoàn 575 công binh, 5 tiểu đoàn và một số đại đội thông tin, trinh sát, vận tải, công binh, cầu phà..., 8.000 tân binh do Bộ tăng cường đã vào tới mặt trận.

Tới đầu tháng 2 năm 1975, lực lượng tham gia chiến dịch Tây Nguyên lên tới 4 sư đoàn (10, 320, 316, 968), 4 trung đoàn bộ binh (95A, 95B, 25, 271), 5 trung đoàn pháo mặt đất và pháo cao xạ, 1 trung đoàn xe tăng - thiết giáp, 1 trung đoàn đặc công, 2 trung đoàn công binh, 1 trung đoàn thông tin và một số đơn vị

¹. Lịch sử Quân đội nhân dân..., tập 2. Sdd. tr.490, 491.

hậu cần. Các đơn vị tham gia chiến dịch đều được chuẩn bị tốt cả về quyết tâm chiến đấu, biên chế tổ chức, trình độ kỹ thuật - chiến thuật; vũ khí trang bị kỹ thuật, vật chất hậu cần.

Từ ngày 17 đến ngày 19 tháng 2 năm 1975, Bộ Chỉ huy chiến dịch họp phiên mở rộng bàn phương án tác chiến, tập trung giải quyết một số vấn đề trọng tâm như: tổ chức thế trận, công tác nghi binh chiến dịch, cách đánh trận mở đầu...

Căn cứ nhiệm vụ mà Quân uỷ Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh giao cho chiến dịch và các lực lượng tham gia; đồng thời căn cứ lực lượng và thế bố trí của địch trên chiến trường, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định: Tập trung lực lượng chủ yếu của chiến dịch vào khu vực Buôn Ma Thuột, Đức Lập, Thuận Mãn; mục tiêu then chốt quyết định là Buôn Ma Thuột; sau đó phát triển giải phóng Cheo Reo, Gia Nghĩa và các quận lỵ, chi khu trong ba tỉnh Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức, mà Đắc Lắc là trọng điểm.

Cách đánh của chiến dịch là: "Bí mật triển khai lực lượng, cắt đường giao thông 14, 18, 21 ngăn chặn lực lượng cơ động chiến dịch, chiến lược của quân nguy ứng cứu, tăng viện cho Buôn Ma Thuột. Đồng thời, thực hiện hai trận đánh then chốt là Thuận Mãn, Đức Lập, kéo địch ở Buôn Ma Thuột ra để tiêu diệt, làm cho Buôn Ma Thuột sơ hở, suy yếu, cô lập; dùng lực lượng binh chủng hợp thành mạnh đánh trận then chốt quyết định, giải phóng Buôn Ma Thuột".

Bộ Chỉ huy chiến dịch dự kiến 2 phương án tác chiến chiến dịch: *Một là*, đánh địch khi chúng chưa tăng cường lực lượng phòng ngự dự phòng; *hai là*, đánh địch khi chúng đã tăng cường lực lượng phòng ngự dự phòng. Về chỉ đạo, Bộ Chỉ huy chiến dịch nhấn mạnh: Trong công tác chuẩn bị, lấy phương án làm cơ bản; nhưng phải hết sức tranh thủ đánh địch theo đội hình chúng đang bố trí, không có lực lượng tăng cường hoặc tăng cường cũng không làm đảo ngược được tình hình (tinh thần của phương án 1).

Ngày 25 tháng 2 năm 1975, sau khi bổ sung và hoàn chỉnh phương án tác chiến, tại một khu rừng bên bờ sông Đắc Đam, Bộ Chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên chính thức thông qua quyết tâm chiến dịch trước đại diện của Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng. Đại tướng Văn Tiến Dũng ký phê chuẩn quyết tâm chiến dịch và chỉ thị cho các đơn vị phát huy cách đánh của binh đoàn cơ giới thọc sâu, phối hợp với lực lượng đặc công đã ém sẵn từ trước trong thị xã Buôn Ma Thuột.

Buôn Ma Thuột - thị xã của tỉnh Đắc Lắc, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả vùng Tây Nguyên. Về quân sự, Buôn Ma Thuột ở vào vị trí rất quan trọng: nằm ở ngã ba đường chiến lược 21 nối với quốc lộ 1 đi thành phố Nha Trang và đường 14; phía Bắc đi Plâycu, phía Nam đi miền Đông Nam Bộ. Đầu năm 1975, dân số ở Buôn Ma Thuột có 114.035 người.

Địch bố trí ở Buôn Ma Thuột 1 trung đoàn bộ binh, 2 chi đoàn thiết giáp, 2 tiểu đoàn pháo binh, cơ sở chỉ huy sư đoàn 23, liên chi đoàn biệt động 21, lực lượng bảo an, cảnh sát, các căn cứ trung đoàn bộ binh 45, trung đoàn 8 thiết giáp, trung đoàn 232 pháo binh, sân bay thị xã, sân bay Hòa Bình... Tổng quân số của địch ở đây vào khoảng hơn 8.400 tên.

Về ta, nếu giải phóng được thị xã Buôn Ma Thuột, ta sẽ làm đảo lộn thế trận của địch ở Tây Nguyên và có điều kiện thuận lợi để phát triển tiến công xuống các tỉnh đồng bằng Trung Bộ và vào miền Đông Nam Bộ. Trong kế hoạch chiến dịch Tây Nguyên, thị xã Buôn Ma Thuột là mục tiêu then chốt, đánh chiếm Buôn Ma Thuột là trận mở đầu.

Để phục vụ cho chiến dịch, từ đầu xuân năm 1975, nhân dân các dân tộc trong vùng giải phóng ở Tây Nguyên nô nức tham gia sửa đường, tải gạo, tải đạn..., chuẩn bị đón quân giải phóng về giải phóng Plâycu, Công Tum.

Song với việc hoàn thiện mạng đường chiến lược, chiến dịch, Bộ Chỉ huy chiến dịch chỉ đạo, tổ chức hoạt động nghi binh rộng lớn, thu hút địch về hướng Plâycu, Công Tum; giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ cho đến ngày mở màn chiến dịch.

Ở Gia Lai, Sư đoàn 320 tăng cường hoạt động ở phía tây đường 19, cho pháo binh tập kích đồn tâm, Thanh An, Thanh Bình... Một số đơn vị của Sư đoàn cùng dân công địa phương công khai mở đường về Bàu Cạn, La Sơn. Truyền thống 198 đặc công tập kích kho xăng Plâycu. Trung đoàn 95A chặn đánh xe quân sự của địch trên đường 19...

Ở Công Tum, Sư đoàn 10 cho bộ đội tập trung củng cố hệ thống hầm hào, công sự chiến đấu ở khu vực trực tiếp tiếp xúc với địch. Bộ đội địa phương và công dân tăng cường các hoạt động nghi binh khác.

Ngày 7 tháng 3, Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 tiến công tiêu diệt cứ điểm Chư Xê - một cứ điểm do lính bảo an chiếm giữ án ngữ trên đường 14. Cứ điểm này bị diệt sau 40 phút chiến đấu, buộc địch phải đưa một trung đoàn từ Buôn Ma Thuột lên đối phó.

Ngày 8 tháng 3, Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 đánh chiếm Cẩm Ga (quận lỵ Thuận Mẫn). Sau hơn một giờ giao chiến, ta tiêu diệt 1 tiểu đoàn bảo an, loại khỏi vòng công đoàn trên 200 tên địch, bắt 120 tên, thu 200 súng, làm chủ hoàn toàn Thuận Mẫn. Đường 14 từ Plâycu đi Buôn Ma Thuột bị cắt hẳn. Lúc này địch chỉ có thể tăng viện cho Buôn Ma Thuột bằng đường không.

Ngày 9 tháng 3, Sư đoàn 10 kết hợp với Trung đoàn pháo binh 40 tiến công Đức Lập. Đây là tuyến phòng thủ liên hoàn gồm 5 cứ điểm của địch trên đường 14, phía tây nam Buôn Ma Thuột. Với đòn tiến công mạnh mẽ của pháo binh và bộ binh ta, các căn cứ 23, Núi Lửa của địch lần lượt bị diệt. Trước tình thế nguy ngập, địch dồn lực lượng tập trung chống cự. Trong khi đó, ta nắm tình hình địch không chắc, nên Sư đoàn 10 phải tổ chức tiến công hai đợt mới dứt điểm được mục tiêu. Toàn bộ quân địch ở Đức Lập gồm 3 tiểu đoàn bị tiêu diệt. Ta bắt hơn 100 tên, thu 14 khẩu pháo, 20 xe tăng - thiết giáp.

Đến ngày 9 tháng 3 năm 1975, bộ đội ta đã triển khai xong lực lượng, hoàn thành chia cắt và tạo thế chiến dịch. Lực lượng chủ yếu của quân đoàn 2 nguy bị thu hút, kiểm chế ở bắc Tây Nguyên.

Trước tình hình Tây Nguyên hết sức nguy ngập, 11 giờ ngày 9 tháng 3, tướng Phạm Văn Phú - tư lệnh quân đoàn 2, quân khu 2 nguy đã bay lên Buôn Ma Thuột triệu tập cuộc họp bất thường với tư lệnh phó sư đoàn 23 và tỉnh trưởng Đắc Lắc. Phạm Văn Phú nhận định: Tình hình Đắc Lập đã quá xấu, không còn khả năng cứu vãn, nên không tăng viện nữa. Trước mắt, tiểu đoàn 2 trung đoàn 53 cố gắng giữ cho được ngã ba Đắc Lắc, nếu tình hình vào ngày sau khá lên sẽ phản kích lấy lại Đắc Lập. Trường hợp bị ép mạnh, không đứng được, thì tiểu đoàn tự di tản về hậu cứ. Quân giải phóng đánh Quảng Đức, uy hiếp Buôn Ma Thuột chỉ để nghi binh tạo điều kiện cho vài ngày tới sẽ tập trung lực lượng đánh vào Công Tum, Plây Cu. Do vậy, việc chính hiện nay là tăng cường mọi khả năng, đối phó tốt nhất cho trọng điểm là Công Tum và Plâycu¹.

Nhận định trên bộc lộ hoàn toàn sự bất ngờ bị động của địch trước đoàn tiến công chiến lược của ta ở Tây Nguyên. Thực tế là đến trưa ngày 9 tháng 3 năm 1975 - chỉ mấy giờ trước khi ta nổ súng mở màn chiến dịch, quân nguy vẫn không biết ý định và hướng tiến công của ta. Phần thắng trong “cuộc đấu trí tháng ba”, giữa ta và địch trên chiến trường Tây Nguyên đã thuộc về Bộ Thống soái Việt Nam - trực tiếp là Bộ Chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên.

Đêm mừng 9 rạng ngày 10 tháng 3 năm 1975, ta đã hoàn thành việc đưa một lực lượng lớn từ xa và từ nhiều hướng bí mật vào chiếm lĩnh trận địa. Trên tất cả các hướng, bộ đội ta đều phải khắc phục mìn, vượt qua nhiều điểm chốt của địch; có hướng phải qua sông... Với nỗ lực rất lớn của cán bộ, chiến sĩ, các đơn vị đã chiếm lĩnh vị trí xuất phát tiến công đúng yêu cầu của kế hoạch.

Khi quân đoàn 2 nguy đang tập trung đối phó với chủ lực ta ở Công Tum, Plây Cu, đường 21, 14, 19, thì vào 2 giờ sáng ngày 10 tháng 3, Trung đoàn đặc công 198 được tăng cường các phân đội hỏa lực B.72, ĐKZ nổ súng đánh sân bay thị xã, sân bay Hòa Bình, khu kho Mai Hắc Đế, mở màn cuộc tiến công Buôn Ma Thuột. Cùng lúc đó, pháo binh của ta từ các trận địa xung quanh Buôn Ma Thuột bắt đầu bắn phá mãnh liệt hậu cứ sư đoàn 23, sở chỉ huy, tiêu hao một bộ phận lực lượng địch trong thị xã.

Tại sân bay Ngã Sáu, các đại đội 1, 3, 18 thuộc Trung đoàn đặc công 198 nhanh chóng diệt các mục tiêu quan trọng trong sân bay; sau đó cho một bộ phận cơ động qua đường 14, đánh chiếm chi khu cảnh sát, bệnh viện dã chiến, tạo thành hành lang thông suốt ở cửa ngõ đông bắc thị xã. Đại đội 2 nhanh chóng diệt sở chỉ huy khu kho Mai Hắc đế, mở cửa ở hướng Tây Bắc và lập chốt bảo vệ đường tiến công của ta vào căn cứ sư đoàn 23 nguy.

Phối hợp với đặc công và pháo binh, đội hình tiến công binh chủng hợp thành của bộ đội ta từ các hướng ào ạt tiến về thị xã. Rạng sáng ngày 10 tháng 3, hầu hết các đơn vị đã chiếm được vị trí bàn đạp, bắt đầu tổ chức xung phong.

Trên hướng Đông Bắc, vượt qua khu vực sân bay thị xã do Trung đoàn 198 đặc công đã chiếm được, Trung đoàn 95B tràn lên đánh chiếm khu vực Ngã Sáu

¹ . Lịch sử kháng chiến chống Mỹ..., tập 2, Sdd, tr.190.

trung tâm thị xã. Cuộc đọ súng diễn ra ác liệt giữa ta và địch diễn ra ở ngã Sáu, khu hành chính..., đặc biệt là khu vực sở chỉ huy tiểu khu Đắc Lắc. Trung đoàn 95B phải tổ chức tiến công đột phá ba lần, đến 15 giờ ngày 10 tháng 3 mới chiếm được tiểu khu Đắc Lắc.

Cùng lúc, các đơn vị còn lại đánh chiếm các cứ điểm Chư Bua, Chư Duê, điểm cao 491, xóa sạch hệ thống cứ điểm án ngữ vòng ngoài trên ba hướng: Nam, Tây Nam, Tây Bắc; bao vây chặt lực lượng địch trong nội đô thị xã.

Trên hướng Tây Bắc, chớp thời cơ quân địch ở thị xã bị hỏa lực pháo binh, đặc công tiến công gây hỗn loạn, vào lúc 6 giờ 30 phút sáng ngày 10 tháng 3, Trung đoàn 148 Sư đoàn 316 tiến công đánh chiếm khu pháo binh, khu thiết giáp và khu hậu cần của địch. Để chặn ta tiến công, địch dùng hỏa lực pháo binh, xe tăng và không quân bắn phá dữ dội vào đội hình và bịt cửa mở, làm cho các mũi tiến công xe tăng và bộ binh ta bị ùn tắc. Nhưng ngay sau đó, các đội mở cửa đã dùng cảm vượt qua làn đạn bắn thẳng của địch, nhanh chóng diệt các ổ đề kháng, phá toang cửa mở để xe tăng và bộ binh ta tràn lên đánh chiếm mục tiêu.

15 giờ 30 phút ngày 10 tháng 3, Trung đoàn 148 đánh chiếm, làm chủ mục tiêu. Phát triển tiến công, một bộ phận của Trung đoàn tiến theo đường Phan Bội Châu, đập nát cụm phòng ngự của địch ở trường trung học Bồ Đề, phát triển sang Ngã Sáu bắt liên lạc được với Trung đoàn 95B.

Ở hướng Tây - Tây Nam, Trung đoàn 174 Sư đoàn 316 đánh chiếm khu kho Mai Hắc Đế và tiến công tiếp vào khu tiếp liệu. Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 24 Sư đoàn 10 được tăng cường một đại đội xe tăng và một đại đội xe bọc thép nhanh chóng vượt qua các ổ đề kháng vòng ngoài của địch, tiến công khu thông tin, khu vận tải, áp sát căn cứ sư đoàn 23 ngụy. Địch cho máy bay ném bom ngăn chặn và tổ chức phản kích nhiều đợt, và đã chiếm lại khu kho Mai Hắc Đế, cứ điểm Chư Duê. Ta và địch giành giật nhau từng căn nhà, góc phố. Đồng chí Hoàng Đình Thứ - Đại đội trưởng đại đội 10 (Sư đoàn 10) và đồng chí Đoàn Sinh Hưởng - cán bộ trung đội thuộc đại đội 9 Trung đoàn xe tăng 273 đã chỉ huy đơn vị đánh lui nhiều đợt phản kích của địch. Trung đoàn 232 và Trung đoàn 234 pháo cao xạ bám sát, đánh trả máy bay địch, bắn rơi 6 máy bay A37, bảo vệ đội hình tiến công của bộ binh và xe tăng của ta. Chiều ngày 10 tháng 3, Trung đoàn 174 chiếm lại được khu kho Mai Hắc Đế.

Trên hướng Nam Tiểu đoàn 7 và Tiểu đoàn 8 thuộc Trung đoàn 149 đã vượt suối Ia Tam, tiến công khu tiếp vận, sở Thú y, ty Ngân khố và khu cư xá sĩ quan ngụy. Riêng Tiểu đoàn 9 đã cơ động tiến công vào quận lỵ Hòa Bình ở phía Đông.

Đến 17 giờ 30 phút ngày 10 tháng 3, bộ đội ta đã chiếm được hầu hết các mục tiêu trong thị xã. Do không nắm chắc sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy; mặt khác, do cán bộ chỉ huy đơn vị tiến công xử trí tình huống thiếu chính xác và không kịp thời, nên ta vẫn chưa chiếm được mục tiêu quân sự quan trọng này.

Để giành thắng lợi triệt để cho trận đánh mở màn chiến dịch, Bộ Chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên quyết định chốt giữ các mục tiêu đã chiếm được, đồng thời tập trung lực lượng mạnh, nhanh chóng tiêu diệt sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy

và những mục tiêu còn lại. Bộ Chỉ huy chiến dịch cũng quyết định triển khai lực lượng sẵn sàng đánh địch phản kích, đồng thời khẩn trương tiến công làm chủ các căn cứ bàn đạp như: Bảo Đôn, Chư Nga, Buôn Hồ... khống chế chặt lực lượng cơ động bên ngoài ứng cứu. Đưa lực lượng phòng không áp sát thị xã, bảo vệ đội hình tiến công của ta và bảo vệ nhân dân. Điều một lực lượng sang phía Đông Bắc, sẵn sàng đánh địch đổ bộ đường không. Điều Sư đoàn 10 ở Đức Lập sang phía đông thị xã làm lực lượng dự bị, sẵn sàng đánh địch phản kích.

Đến chiều ngày 10 tháng 3, quân địch biết rõ ý định của ta đánh chiếm Buôn Ma Thuột. Tổng thống ngự quyền Nguyễn Văn Thiệu và tư lệnh quân đoàn 2 ngự Phạm Văn Phú lệnh cho binh lính còn lại trong thị xã “tử thủ Buôn Ma Thuột bằng mọi giá” để chờ quân ứng cứu, nhưng đã quá muộn. Các tuyến đường 14, 19, 21 đã bị cắt đứt; bầu trời thị xã đã bị pháo phòng không của ta khống chế. Lực lượng địch ở bắc Tây Nguyên, và các tỉnh Trung Bộ còn đông, nhưng không còn đường lên cứu đồng bọn ở Buôn Ma Thuột.

Sáng sớm ngày 11 tháng 3, sau những đợt cấp tập của hỏa lực pháo binh, các đơn vị binh chủng hợp thành của ta từ ba hướng mở trận công kích vào sở chỉ huy sư đoàn 23 ngự. Địch tập trung sức chống đỡ. Máy bay địch ném bom xuống đường phố. Để bảo vệ đội hình chiến đấu của bộ binh, xe tăng của ta và bảo vệ nhân dân, bộ đội cao xạ bình tĩnh chờ máy bay địch lao xuống tạt thấp mới nhắm đạn. Bộ binh bám sát xe tăng dũng mãnh tiến công diệt các ổ đề kháng; xe tăng phát huy sức mạnh đột kích, mở đường cho bộ binh xung quanh.

11 giờ ngày 11 tháng 3 năm 1975, sở chỉ huy sư đoàn 23 ngự - mục tiêu cuối cùng ở Buôn Ma Thuột bị tiêu diệt. Tên đại tá Vũ Thế Quang - sư đoàn phó sư đoàn 23 và đại tá Nguyễn Trọng Luật - tiểu khu trưởng tiểu khu Đắc Lắc bị bắt.

Sau 32 giờ chiến đấu vô cùng anh dũng, bộ đội ta đã tiêu diệt và bắt toàn bộ quân địch ở Buôn Ma Thuột, giải phóng hoàn toàn thị xã có vị trí đặc biệt quan trọng này. Đây là trận then chốt, quyết định của chiến dịch Tây Nguyên. Chiến thắng Buôn Ma Thuột của ta thực sự là một trận “điểm đúng huyết”, làm cho địch choáng váng, bất ngờ, rối loạn sự chỉ đạo chiến lược và làm đảo lộn thế phòng thủ của địch ở chiến trường Tây Nguyên, mở ra một cục diện mới rất có lợi cho ta.

Chiều ngày 12 tháng 3, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương gửi điện khen ngợi quân và dân Tây Nguyên: “Khen ngợi cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên, anh chị em công nhân viên đã nêu cao tinh thần quyết thắng, anh dũng, mưu trí, sáng tạo, táo bạo và khẩn trương giành nhiều thắng lợi to lớn ngay trong những ngày đầu chiến dịch. Cần nhanh chóng nắm lấy những thời cơ thuận lợi, giành thắng lợi to lớn hơn nữa”¹. Bộ Chính trị và Quân uỷ trung ương còn chỉ thị: ở Buôn Ma Thuột, ta cần nhanh chóng tiêu diệt toàn quân địch, phát triển ra xung quanh thị xã và sẵn sàng đánh quân địch tiếp viện.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương, trong các ngày từ 11 đến 14 tháng 3, Trung đoàn 198 đặc công và Trung đoàn 148 bộ binh tiến

¹. Dẫn theo *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ...*, tập 2, Sđd, tr.194.

hành truy quét tàn binh địch, diệt các vị trí còn lại trong thị xã. Các trung đoàn 25, 95B, 174, 149, 66 có xe tăng phối hợp tiêu diệt và bức hàng nhiều cứ điểm của địch ở ngoại vi Buôn Hồ, Chư Pao, Đạt Lý, Châu Nga, Châu Sơn. Tiểu đoàn 21 Bộ Tư Lệnh Trường Sơn - Đoàn 559, đánh chiếm Bản Đôn...

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc, do đồng chí Y BLock làm Chủ tịch nhanh chóng được thành lập; chỉ đạo quần chúng nhân dân hợp sức cùng bộ đội truy quét tàn binh địch.

Cùng với đòn tiến công "điểm huyết" Buôn Ma Thuật, ở bắc Tây Nguyên và chiến trường Trị - Thiên, Khu 5, bộ đội ta đẩy mạnh tác chiến phối hợp, tạo thế chia cắt, kìm giữ, buộc quân đoàn 2 nguy phải phân tán lực lượng đối phó.

Sư đoàn 968 bộ binh đánh chiếm hai căn cứ quan trọng của địch ở tây nam Plâycu, áp sát quận lỵ Thanh Bình, pháo kích sân bay Cù Hanh, Công Tum. Sư đoàn 3 và Trung đoàn 95A bộ binh chốt giữ các vị trí đã chiếm được trên đường 19, phát triển tiến công ra hướng đèo Mang Yang và hướng Vườn Xoài. Trung đoàn 25 bộ binh chặn đánh diệt một bộ phận quân địch từ Khánh Dương lên giải tỏa, tiếp tục chia cắt đường 21. Trung đoàn 271 bộ binh và tiểu đoàn 14 đặc công đánh chiếm một số ấp vùng ven, áp sát sân bay Nhơn Cơ (Quảng Đức). Bộ đội địa phương hai tỉnh Gia Lai, Công Tum hoạt động mạnh ở đông nam thị xã Plâycu...

Ở Khu 5, Sư đoàn 2, Lữ đoàn 52 bộ binh và lực lượng vũ trang địa phương tiến công tiêu diệt chi khu quân sự Tiên Phước, bức rút quận lỵ Phước Lâm, chuyển hướng tiến công xuống đồng bằng, chia cắt giao thông đường số 1; uy hiếp thị xã Quảng Ngãi và thị xã Tam Kỳ.

Thắng lợi vang dội của ta ở Buôn Ma Thuật và các hoạt động phối hợp đã làm cho kẻ địch bất ngờ, choáng váng. Tuy lực lượng của địch ở Bắc Tây Nguyên và duyên hải miền Trung còn đông, nhưng khi giao thông đường bộ bị ta khống chế, chia cắt, địch chỉ còn duy nhất đường không để ứng cứu Buôn Ma Thuật.

Ngày 12 tháng 3 và trong các ngày 15, 16 tháng 3, sau khi cho hàng trăm chiếc máy bay cường kích ném bom dọn bãi, địch cùng máy bay lên thẳng ở trung đoàn 45, trung đoàn 44 và sư đoàn bộ sư đoàn 23 xuống khu vực điểm cao 581, Phước An, Nông Trại. Lực lượng này có nhiệm vụ liên kết với lãnh đạo 21 biệt động quân phản kích chiếm lại Buôn Ma Thuật.

Tiên liệu được ý đồ của địch, Bộ Chỉ huy chiến dịch chỉ thị cho Sư đoàn 10 cùng một lực lượng xe tăng bí mật di chuyển sang phía đông thị xã, phục sẵn trên đường 21.

Ngày 14 tháng 3, Trung đoàn 24 Sư đoàn 10 và đại đội 5 thiết giáp có pháo binh bắn chi viện, đã đánh bại 2 tiểu đoàn địch ở cao điểm 581, diệt một bộ phận quan trọng lực lượng của chúng; làm chủ đường 21 một đoạn dài 12 ki-lô-mét. Số địch còn lại chạy về đồn điền cà phê Nông Trại kết hợp với tàn quân của lãnh đạo 21 biệt động quân chống cự, bảo vệ phía tây quận lỵ Phước An.

Ngày 16 tháng 3, Trung đoàn 24 và tiểu đoàn 8 Trung đoàn 66 Sư đoàn 10, có xe tăng, xe bọc thép hộ tống tiến công Nông Trại. Sau hơn một giờ chiến đấu,

ta làm chủ hoàn toàn mục tiêu. Địch chạy về Phước An. Trung đoàn 24 và Trung đoàn 28 Sư đoàn 10 tiếp tục tiến công dọc theo đường 21, tiêu diệt trung đoàn 44 ngụy (Thiếu) và 3 tiểu đoàn bảo an; giải phóng Phước An. Lúc này, Trung đoàn 66 và Trung đoàn 149 cùng đặc công đánh chiếm căn cứ 53 Hòa Bình. Trong bước đường cùng, địch dồn mọi khả năng chống cự quyết liệt. Sáng ngày 17 tháng 3, ta làm chủ hoàn toàn căn cứ.

Cuộc phản kích hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột của quân đoàn 2 ngụy bị thất bại thảm hại. Sư đoàn 23 ngụy bị ta xóa sổ.

Như vậy, tiếp theo thắng lợi của đoàn “điểm huyết” Buôn Ma Thuột - trận then chốt quyết định, trận đập tan cuộc phản kích của địch từ ngày 14 đến ngày 17 tháng 3 hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột, đã đẩy nhanh tốc độ phát triển của chiến dịch Tây Nguyên, tạo ra thế chia cắt về chiến lược, đẩy quân địch ở Tây Nguyên đến nguy cơ tan vỡ, mở đầu bước suy sụp không thể cứu vãn nổi của ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn.

Ngày 14 tháng 3 năm 1975, ngụy quyền Sài Gòn quyết định bỏ Tây Nguyên, rút quân thật nhanh theo đường số 7, về giữa miền duyên hải Trung Bộ, hy vọng bảo toàn lực lượng.

Ngày 16 tháng 3, được hàng chục chiếc máy bay ném bom, bắn phá dọc đường, quân địch ở Gia Lai và Công Tum bắt đầu rút chạy. Toàn bộ các liên đoàn biệt động quân số 6, 7, 23, 25; các trung đoàn thiết giáp số 3, 19, 21, một tiểu đoàn cộng hòa, lực lượng cơ quan bộ tư lệnh quân đoàn 2, nhân viên kỹ thuật sư đoàn 6 không quân đều rút theo đường số 7 về Phú Yên.

Chiều ngày 16 tháng 3, nhận được điện của Bộ Tổng tư lệnh: “Địch đã rút chạy theo đường số 7”, Bộ Chỉ huy chiến dịch lập tức điều động lực lượng truy kích.

Lực lượng truy kích gồm Sư đoàn 320A được tăng cường Trung đoàn 95A bộ binh, một tiểu đoàn thiết giáp, một cụm pháo binh chiến dịch và hai tiểu đoàn bộ đội địa phương Phú Yên.

Nhận được lệnh truy kích địch, trong đêm 16, tiểu đoàn 9 Sư đoàn 320A cắt rừng, tới đường số 7, chặn địch ở đông nam Cheo Reo 4 ki-lô-mét, kịp nổ súng vào chiều ngày 17 tháng 3, diệt một số, buộc chúng phải lùi lại Cheo Reo.

Sáng ngày 18, địch củng cố lại đội hình, tiếp tục chạy về Củng Sơn, nhưng bị chặn lại ở khu vực Ea Nu. Lúc này, Sư đoàn 320 đã đuổi kịp đội hình rút chạy của địch và tổ chức tiến công thị xã Cheo Reo. Sau khi dùng pháo binh bắn chế áp các mục tiêu trong thị xã, Trung đoàn 48 đánh vào sân bay, khu hành chính, khu cố vấn, đài phát thanh, tiểu khu Phú Bổn, trại Ngô Quyền... Sau 6 giờ chiến đấu quyết liệt, liên tục, ta giải phóng thị xã Cheo Reo - tỉnh lỵ Phú Bổn.

Mất Cheo Reo, bộ phận còn lại trong lực lượng rút chạy của địch đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn; chúng bỏ lại toàn bộ vũ khí nặng, phương tiện công kênh, mở đường tắt chạy băng rừng.

Phối hợp với các đơn vị chủ lực truy kích địch, tiểu đoàn 13 và tiểu đoàn 96 bộ đội địa phương tỉnh Phú Yên được lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 nhanh chóng chiếm cầu Sơn Hòa ở phía đông Củng Sơn, chặn đường rút của địch.

Ngày 22 tháng 3, Trung đoàn 64 tiêu diệt một bộ phận quân địch ở Phú Túc, làm chủ quận lỵ; tạo điều kiện cho Sư đoàn 320A gấp rút truy kích quân địch về Củng Sơn.

Ngày 24 tháng 3, Trung đoàn 64 phối hợp với hai tiểu đoàn bộ đội địa phương Phú Yên (13, 96) tiến công quốc phòng quận lỵ Củng Sơn, diệt và bắt gần 6.000 tên địch, thu và phá huỷ 40 xe tăng.

Trong 8 ngày truy kích địch, Sư đoàn 320A và một số đơn vị bộ binh, binh chủng và lực lượng vũ trang địa phương đã giành thắng lợi giòn giã. Toàn bộ quân địch rút chạy khỏi Tây Nguyên bị tiêu diệt. Ta diệt, bắt và làm tan rã 4 liên đoàn biệt động quân (số 6, 7, 23, 25), 3 trung đoàn thiết giáp (số 3, 19, 21), 1 tiểu đoàn cộng hòa cùng phần lớn cơ quan chỉ huy quân đoàn 2 và sư đoàn 6 không quân; bắt gần 8.000 tên; thu và phá huỷ 1.400 xe quân sự. Địch chỉ chạy thoát về Tuy Hòa 11 xe M113 và một bộ phận liên đoàn 6 biệt động quân. Âm mưu rút chạy bất ngờ nhằm bảo toàn lực lượng, thực hiện cơ cụm ở đồng bằng duyên hải Trung Bộ của địch hoàn toàn bị đập tan.

Trong khi Sư đoàn 320A và các đơn vị tăng cường truy kích, tiêu diệt tàn quân địch rút chạy theo đường số 7, ngày 18 tháng 3, Trung đoàn 29 Sư đoàn 968 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiến công giải phóng thị xã Công Tum. Cùng ngày, Trung đoàn 95A đang hoạt động ở phía đông đường 19 đã nhanh chóng cơ động lên kết hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích Gia Lai tiêu diệt tàn quân địch ở căn cứ sở chỉ huy quân đoàn 2 ngụy, giải phóng thị xã Plâycu. Tiếp đó, từ ngày 19 đến ngày 24 tháng 3, Trung đoàn 19 Sư đoàn 968 giải phóng quận lỵ Thanh Bình. Ngày 20 tháng 3, Trung đoàn 271 đánh chiếm Kiến Đức, tiếp tục giải phóng Gia Nghĩa. Trung đoàn 12 Sư đoàn 3 và một tiểu đoàn Trung đoàn 95A giải phóng quận lỵ An Khê.

Trên đường 21, Sư đoàn 10 và Trung đoàn 25 tiêu diệt, làm tan rã trung đoàn 40 sư đoàn 22 ngụy và 4 tiểu đoàn bảo an, giải phóng chi khu quân sự, quận lỵ Khánh Dương.

Ở tỉnh Gia Lai, ta giải phóng làng Cồ, Bơ Mái, Đê Mơ Năng, Đê Ngôn, Đê Toan, An Điền, An Cựu...

Ngày 25 tháng 3, toàn bộ Tây Nguyên sạch bóng quân thù.

Phối hợp với Tây Nguyên, lực lượng vũ trang Khu 5 liên tục tiến công giải phóng Tiên Phước, Phước Lâm (Quảng Nam), uy hiếp và bức địch rút khỏi quận lỵ Sơn Hà và Trà Bồng (Quảng Ngãi); phá vỡ kế hoạch bình định cấp tốc của địch ở hai tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi.

Ở Trị - Thiên, Quân đoàn 2 liên tục hoạt động ở khu vực tây nam Huế, tiến công địch ở núi Bông, núi Nghê, hỗ trợ lực lượng vũ trang địa phương chiếm

quận lỵ Mai Lĩnh, làm chủ 11 phân - chi khu khác ở vùng giáp ranh và đồng bằng.

Tại Nam Bộ, Sư đoàn 7 tiến công giải phóng Định Quán, Hoài Đức, Gia Rai và tiếp tục tiến về Lâm Đồng. Cùng thời gian này, triệt để lợi dụng lúc địch hoang mang vì mất Tây Nguyên, Quân khu 7 nhanh chóng cho một lực lượng tiến công đánh chiếm chi khu Dầu Tiếng; tiếp đó, phát triển tiến công giải phóng Bến Củi, Cầu Khởi, suối Ông Hùng, ngã ba Đất Sét...

Nhằm phát triển thế tiến công như vũ bão của lực lượng vũ trang và nhân dân Tây Nguyên, ngày 21 tháng 3, khi Sư đoàn 320A đang truy kích địch trên đường số 7, Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh giao nhiệm vụ bổ sung cho Mặt trận Tây Nguyên: Tiếp tục phát triển chiến đấu trên các trục đường 7, 19, 21; giải phóng Phú Yên, Khánh Hòa; phối hợp với sư đoàn 3 Quân khu 5 giải phóng Bình Định. Mục tiêu chủ yếu là diệt lữ đoàn dù số 3, trung đoàn 40 ở Khánh Dương, Phượng Hoàng và tiến xuống chiếm Nha Trang, Cam Ranh.

Thực hiện nhiệm vụ trên giao, Bộ Chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên lệnh cho các đơn vị chủ lực phát triển tiến công xuống đồng bằng Nam Trung Bộ.

Ngày 29 tháng 3, Trung đoàn 19 Sư đoàn 968 và trung đoàn 95A từ đường 19 tiến xuống Bình Định, phối hợp với Sư đoàn 3 tiến công tiêu diệt các căn cứ Thủ Thiện, Cái Nghi, Phú Phong, Bình Khê; hỗ trợ mạnh mẽ cho nhân dân Bình Định nổi dậy giành chính quyền.

Ngày 30 tháng 3, Sư đoàn 3 tiếp tục tiến công tiêu diệt các cụm quân địch còn lại ở Phú Xuân, Phú Hòa; sau đó, tổ chức lực lượng chốt chặn đường rút của quân địch về Quy Nhơn. Trung đoàn 2 thuộc Sư đoàn 3 diệt sở chỉ huy sư đoàn 22n gụy ở An Sơn và ga Diêu Trì. Cùng thời gian, Trung đoàn 19 Sư đoàn 968 đánh chiếm căn cứ địch ở núi Trà Lam Sơn (tây Gò Quánh), diệt gọn tiểu đoàn 3 trung đoàn 40 gụy. Trung đoàn 95A tiến công, diệt cứ điểm địch ở lãng Mai Xuân Thuồng.

Ngày 31 tháng 3, ta giải phóng thị xã Quy Nhơn. Trung đoàn 19 sau khi đánh chiếm núi Trà đã tiến đánh trung đoàn 47, làm chủ sân bay Gò Quánh.

Sau 3 ngày chiến đấu liên tục, tiến công dũng mãnh quân ta xóa sổ sư đoàn 22 - sư đoàn chủ lực cuối cùng của quân đoàn 2 gụy.

Phát triển thế tiến công, tiểu đoàn 2 Trung đoàn 95A đã huy động tàu thuyền của dân, vượt biển giải phóng các đảo Hòn Tre, Cù Lao Thu...

Trên hướng đường số 7, ngày 31 tháng 3 Sư đoàn 320A được xe tăng, pháo binh trợ lực, tiến công tiêu diệt cứ điểm Hòn Một của địch, chiếm một đoạn đường số 1 từ Phú Khê đến Hòa Xuân. Cùng ngày, bộ đội địa phương và du kích bắc Phú Yên đánh chiếm cầu Ngân Sơn, cắt đường số 1 đoạn phía nam Tuy An, chặn quân địch rút chạy về thị xã Tuy Hòa.

Sáng sớm ngày 1 tháng 4, Sư đoàn 320A nổ súng tiến công quân địch ở Tuy Hòa. Đến 6 giờ sáng, Trung đoàn 48 chiếm xong Ty cảnh sát, tiểu khu Phú Yên. Trung đoàn 64 giải phóng hoàn toàn quận lỵ Phú Lâm, chiếm cầu Bàn Thạch. Tiểu đoàn 96 và đại đội 26 đặc công Phú Yên đánh chiếm căn cứ địch ở núi Sầm,

Quy Hậu, Phước Khánh. Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64 và tiểu đoàn 13 bộ đội địa phương Phú Yên diệt quân địch ở Hiệp Hòa.

Vào lúc 9 giờ ngày 1 tháng 4, ta giải phóng hoàn toàn thị xã Tuy Hòa; bắt đại tá Vi Văn Bình - Chánh thanh tra quân đoàn 2 ngụy.

Trên đường 21, Sư đoàn 10, Trung đoàn 25, Trung đoàn pháo binh 40 và Trung đoàn xe tăng 273 sau khi giải phóng Khánh Dương đã phát triển tiến công diệt và làm tan rã hoàn toàn lực lượng quân sự của địch ở chiến trường Tây Nguyên, giải phóng một địa bàn chiến lược quan trọng, phá vỡ một trong những khu vực phòng thủ chiến lược của địch. Cùng với những thắng lợi khác trên khắp miền Nam, thắng lợi vang dội ở Tây Nguyên đã tạo ra sự sụp đổ đột biến toàn diện của địch, đẩy quân ngụy Sài Gòn vào thế bị tiêu diệt và tan rã không thể cứu vãn nổi.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 đã mở đầu bằng một đòn quyết chiến chiến lược, một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược: "Nó đánh dấu một bước suy sụp mới của Mỹ - Ngụy, một bước ngoặt trong quá trình phát triển của cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam. Với chiến thắng Tây Nguyên, cuộc chiến tranh cách mạng đã bước sang một giai đoạn mới, từ tiến công có ý nghĩa chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam"¹

Đòn chiến lược thứ hai:

CHIẾN DỊCH TRỊ - THIÊN VÀ CHIẾN DỊCH ĐÀ NẴNG

CHIẾN DỊCH TRỊ - THIÊN

Trong kế hoạch tác chiến 2 năm 1975 - 1976, Trị - Thiên và Khu 5 là hướng quan trọng, có nhiệm vụ phối hợp với hướng chủ yếu Tây Nguyên.

Trị - Thiên và khu 5 là chiến trường dài, hẹp, bao gồm cả ba vùng chiến lược quan trọng: rừng núi, đồng bằng và đô thị; có hai thành phố lớn là Huế, Đà Nẵng. Riêng Đà Nẵng, không chỉ là một thành phố mà còn là căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất miền Trung và lớn thứ hai miền Nam (sau Sài Gòn); có hệ thống kho tàng dự trữ chiến lược. Với vị trí quan trọng đặc biệt như vậy, nên Mỹ - ngụy đã bố trí ở quân khu 1 (gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Đà, Quảng Tín và Quảng Ngãi) lực lượng quân rất lớn" 134.000 tên (trong đó quân chủ lực 84.000, quân địa phương: 50.000) và 137.000 bảo an, phòng vệ quân sự. Quân địch ở đây được biên chế thành 4 Sư đoàn (1, 2, sư đoàn dù và sư đoàn thủy quân lục chiến) và 4 liên đoàn biệt động quân (số 11, 12, 14, 15), 56 tiểu đoàn và 5 đại đội bảo an, 6 đại đội cảnh sát dã chiến, 5 thiết đoàn (số 4, 7, 11, 17, 20), 6

¹. Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng: "Cuộc tiến công và nổi dậy đại thắng mùa xuân 1975" - Tạp chí *Quân đội nhân dân*, số tháng 5-1975.

chi đội xe tăng - thiết giáp (449 xe), 21 tiểu đoàn, 4 đại đội và 14 trung đội pháo binh (418 khẩu), 1 sư đoàn không quân (338 máy bay các loại) và 165 tàu thuyền².

Với lực lượng đông đảo kể trên, địch tổ chức phòng ngự thành ba tuyến, có mật danh: Da cam, Lục, Xanh. Tuyến “da cam” tiếp giáp với miền Bắc, nên được bố trí xung lực và hỏa lực mạnh nhằm ngăn chặn nguồn chi viện sức người và vật chất từ miền Bắc vào; tuyến “Da cam” cũng là bàn đạp để địch xuất phát hành quân đánh phá các vùng căn cứ của ta. Tiếp theo tuyến “da cam” là tuyến “lục” và trong cùng là tuyến “xanh” có trọng trách bảo vệ các khu vực xung yếu nhất (cơ quan đầu não của khu); nên lực lượng ở tuyến “xanh” của địch khá mạnh.

Nhìn chung, quân khu 1 của địch là một trong những trung tâm quân sự thuộc vào loại mạnh nhất ở miền Nam Việt Nam; đảm nhiệm việc ngăn chặn mọi cuộc tiến công của chủ lực ta từ miền Bắc vào.

Xuất phát từ vị trí vai trò quan trọng của địa bàn Trị - Thiên, Khu 5, nếu ta tiêu diệt được tập đoàn phòng ngự quân khu 1 của địch, sẽ tạo ra sự thay đổi quan trọng về so sánh lực lượng và thế bố trí chiến lược, tạo điều kiện cho ta tập kết; nhanh chóng cơ động lực lượng, phương tiện vào chiến trường Nam Bộ, thực hiện đòn tiến công chiến lược quyết định giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Thực hiện quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976, Quân uỷ trung ương và Bộ Tổng tư lệnh xác định: Trong năm 1975, chiến trường Trị - Thiên phải tập trung đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định của địch, chuẩn bị cho năm 1976 giải phóng hoàn toàn Trị - Thiên - Huế. Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh cũng giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 2 đang hoạt động trên địa bàn: Trong xuân hè 1975 phải phối hợp với lực lượng của Quân khu Trị - Thiên, khu 5 mở một chiến dịch quy mô vừa tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch - chiến dịch này được xem như một đòn chiến lược thứ hai sau đòn tiến công chiến lược Tây Nguyên - phối hợp với đòn tiến công Tây Nguyên.

Ngày 4 tháng 3 năm 1975, khi các lực lượng tham gia chiến dịch Tây Nguyên chuẩn bị cho trận tiến công mở màn Buôn Ma Thuột thì ở Trị - Thiên và Khu 5, Quân đoàn 2, Quân khu Trị - Thiên và Quân khu 5 cũng đồng loạt nổ súng mở màn chiến dịch Xuân Hè của địa phương, cũng là bước 1 của kế hoạch tác chiến chiến lược 2 năm 1975 - 1976. Đây là những chiến dịch tổng hợp, nhằm tiêu diệt bộ phận sinh lực địch, đẩy lùi các hoạt động bình định lấn chiếm của chúng, chia cắt giao thông, kìm giữ các đơn vị bị cơ động chiến lược, tạo thế mới, lực mới trên địa bàn Trị - Thiên, Quân khu 5 và là đòn tiến công phối hợp với mặt trận Tây Nguyên.

Bước vào chiến dịch Xuân Hè, Quân khu Trị - Thiên có 3 trung đoàn và 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn đặc công của Quân khu, 6 tiểu đoàn bộ binh và 2

² . Lịch sử kháng chiến chống Mỹ..... tập II, Sdd, tr.200.

tiểu đoàn đặc công của 2 tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên. Lực lượng Quân đoàn 2 đứng trên địa bàn có Sư đoàn 325, Sư đoàn 324 bộ binh (thiếu 1 trung đoàn).

Để thống nhất lãnh đạo các lực lượng vũ trang trên địa bàn, Quân uỷ Trung ương quyết định thành lập Đảng uỷ mặt trận gồm đại diện khu uỷ Quân khu Trị - Thiên và Đảng uỷ Quân đoàn 2. Thiếu tướng Lê Tự Đồng được chỉ định làm Bí thư Đảng uỷ mặt trận.

Từ ngày 5 đến ngày 8 tháng 3 năm 1975, bộ đội địa phương Quảng Trị và Thừa Thiên đánh một số trận nhỏ trên các trục giao thông, bao vây uy hiếp địch ở Hải Lăng, Quảng Trị, nhằm thực hiện kế hoạch nghi binh ở hướng Bắc, để chuyển 5 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn đặc công và gần 100 đội vũ trang công tác xuống vùng giáp ranh và đồng bằng chuẩn bị tiến công địch.

Ngày 8 tháng 3, Sư đoàn 324 tiến công quân địch ở núi Bông, núi Nghê trên tuyến phòng ngự của chúng ở tây nam Huế, đánh chiếm một số điểm cao trên đường 14. Chiến sự diễn ra rất ác liệt, liên tục trong các ngày từ 11 đến 16 tháng 3 ở các điểm cao 224, 303. Cùng thời gian này, bộ đội chủ lực Quân khu Trị - Thiên tiến công tiêu diệt cứ điểm Chúc Mao, đánh chiếm điểm cao 300 trên đường 12, uy hiếp thành phố Huế từ phía Tây...

Trước đòn tiến công mạnh mẽ, rộng khắp của lực lượng vũ trang ta trên các địa bàn, đặc biệt là tin thất bại của quân đoàn 2, sư đoàn 23 ngụy... ở Tây Nguyên, nên ngày 18 tháng 3, quân địch ở thị xã Quảng Trị đã bỏ chạy về Huế. Tuyến phòng thủ phía Bắc của địch bắt đầu đổ vỡ. Địch ở Thừa Thiên rối loạn, hoang mang. Thừa thắng, lực lượng vũ trang Quảng Trị kịp thời chuyển sang tiến công truy kích địch, giải phóng phần còn lại của tỉnh trong ngày 19 tháng 3 năm 1975.

Theo dõi mọi diễn biến cụ thể trên chiến trường, nên ngay từ khi bộ phận đầu tiên của quân đoàn 1 ngụy chuẩn bị bỏ Quảng Trị tháo chạy về Huế, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã nhận định: Địch đang thực hiện cơ cụm chiến lược lớn, có thể cơ cụm ở Đà Nẵng và Cam Ranh. Do vậy, cần tập trung lực lượng tiêu diệt quân đoàn 1 ngụy, không cho chúng chạy về Sài Gòn. Đồng thời, Bộ Chính trị hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch giải phóng miền Nam trong năm 1975. Tiếp đó, Bộ Tổng tham mưu điện chỉ thị: "Quân khu Trị - Thiên gấp rút đưa lực lượng xuống đồng bằng. Quân đoàn 2 phải nhanh chóng tiêu diệt quận lỵ Phú Lộc, cắt đứt đường số 1... không cho địch rút bỏ vùng Bắc Huế một cách an toàn về cơ cụm ở Đà Nẵng".

Nhận được mệnh lệnh tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên, Quân khu 5 và Quân đoàn 2 nhanh chóng chuyển hướng sang thực hiện kế hoạch thời cơ.

Ngày 21 tháng 3 năm 1975, trên chiến trường Trị - Thiên và Quảng Nam - Quảng Ngãi, quân ta đồng loạt nổ súng thực hiện chia cắt Huế với Đà Nẵng, tiêu diệt sư đoàn 1 bộ binh ngụy, giải phóng Thừa Thiên - Huế; đồng thời tiêu diệt sư đoàn 2 bộ binh địch, giải phóng thị xã Tam Kỳ (Quảng Nam) và tỉnh Quảng Ngãi. Quân đoàn 2 gồm: Trung đoàn 18, Trung đoàn 101 (Sư đoàn 325), Trung

đoàn 1, Trung đoàn 2 (Sư đoàn 324) cùng lực lượng của Quân khu Trị - Thiên đã chuyển từ thế trực tiếp tiếp xúc với địch sang thế bao vây chia cắt, cô lập tiêu diệt từng bộ phận lực lượng địch.

Ở phía nam Huế, sau khi chiếm một loạt các điểm cao quan trọng và dãy Kim Sắc, ngày 22 tháng 3, Sư đoàn 325 tiến xuống cắt đứt đường số 1 (đoạn từ Bái Sơn đến Bạch Mã, dài 3 ki-lô-mét). Hàng nghìn xe của địch di tản từ Huế vào Đà Nẵng buộc phải quay trở ra Huế, tạo nên cảnh vô cùng hoảng loạn.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 thay đổi cách đánh; không tiếp tục tiến công địch ở núi Bông, núi Nghệ nữa mà chuyển hướng nhanh chóng vòng qua các cứ điểm phòng thủ của địch, tràn ra đường số 1 cùng với Sư đoàn 325 hình thành thế bao vây chia cắt địch. Cùng lúc, Trung đoàn 84 pháo binh được các đơn vị bạn giúp sức đã đưa pháo lên thiết bị trận địa trên dãy núi Lưỡi Hái cao gần 700 mét, ngắm bắn trực tiếp xuống đường số 1, thực hiện chia cắt bằng hỏa lực và chi viện cho bộ binh.

Sau khi tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch ở Phú Thứ, Trung đoàn 1 Sư đoàn 324 vượt quá Tam Giang phát triển theo đường đất sát biển tiến công Kè Sung, Cự Lại, cắt hoàn toàn đường rút lui của địch qua cửa Tư Hiền, quét sạch quân lính thủy đánh bộ đang phòng thủ tại đây. Một mũi tiến công khác của Trung đoàn 1 đánh chiếm cảng Tân Mỹ và bờ nam cửa Thuận An (trước đó, lực lượng vũ trang Quảng Trị đã chiếm bờ Bắc). Trung đoàn 2 phát triển theo bờ tây phá Tam giang, đánh thẳng vào thành phố Huế từ hướng Đông, cùng với Trung đoàn 1 hình thành thế hợp vây quân địch ở Huế, bịt chặt cửa Thuận An.

Cùng thời gian này, trên hướng Bắc và Tây thành phố Huế chủ lực Quân khu Trị - Thiên đồng loạt đẩy mạnh tiến công địch. Ngày 24 tháng 3, các tiểu đoàn 3, 14, 812 bộ đội địa phương Quảng Trị tiến công đánh chiếm quận lỵ Hương Điền, vượt sông Mỹ Chánh, đập tan tuyến phòng thủ của địch vừa mới dựng lên trước đó. Lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến, liên đoàn 14 biệt động quân và trung đoàn 51 sư đoàn 1 nguy buộc phải lui về bờ nam sông Bồ. Ở phía Tây và phía Nam, liên đoàn 15 biệt động quân và hai trung đoàn (1, 54) thuộc sư đoàn 1 nguy cũng buộc phải co về Hòn Vọng và sân bay Phú Bài.

Hướng Tây Bắc thành phố, ngày 22 và 23 tháng 4, Trung đoàn 4 chủ lực Quân khu trị - Thiên tiến công đánh chiếm các vị trí phòng thủ của lính thủy đánh bộ nguy, phát triển về Ngã ba Sinh. Cùng thời gian này, Trung đoàn 6 và Trung đoàn 271 của Quân khu cơ động theo đường số 12 đánh vào Huế, nhưng bị địch ngăn chặn và không có phương tiện vượt sông, phải quay sang hướng sông Tả Trạch, đánh chiếm Đình Môn, Kim Ngọc.

Phối hợp với các mũi tiến công của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương các huyện Phong Điền, Quảng Điền đã đồng loạt tiến công tiêu diệt một số đồn bảo an, dân vệ, chiếm quận lỵ Phò Trạch, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giải phóng nhiều thôn, xã ở nông thôn, đồng bằng. Trong thế thành phố Huế bị hợp vây tứ bề, ngày 22 tháng 3, bộ tư lệnh tiền phương quân đoàn 1 nguy tháo chạy vào Đà

Năng bằng đường hàng không. Trước áp lực tiến công của ta và chỉ huy bỏ chạy, quân địch ở Huế hoảng loạn tột độ.

Bám sát mọi diễn biến trên chiến trường, Bộ Tổng tư lệnh kịp thời ra lệnh cho Quân đoàn 2 và Quân khu Trị - Thiên chuyển toàn bộ sang truy kích địch, chặn đường biển là con đường duy nhất mà địch có thể chọn để thoát thân lúc này; tiêu diệt sư đoàn 1 và lực lượng còn lại của chúng, giải phóng thành phố Huế.

Ngày 22 tháng 3, Lữ đoàn pháo binh 164 Quân đoàn 2 đã đưa một đại đội pháo Đ74 ra bố trí trận địa tại ngã ba La Sơn, chuẩn bị đánh chặn quân địch chạy ra biển theo cửa Tư Hiền và cửa Thuận An.

Từ ngày 23 tháng 3, pháo binh Quân đoàn 2 và Quân khu Trị - Thiên tập trung bắn mãnh liệt vào các khu căn cứ của sư đoàn 1 ngự (đồn Mang Cá), sư đoàn thủy quân lục chiến, sân bay Phú Bài..., và bắn chặn con đường rút chạy của địch. Toàn bộ quân địch tháo chạy ra biển bị hỏa lực pháo của ta làm tan tác. Hàng nghìn tên bị bắt tại chỗ.

Đêm 24 tháng 4, từ phía Nam, lực lượng tiến công đánh chiếm thành phố Huế, dẫn đầu là Trung đoàn 101 Sư đoàn 325 đã đến Phú Bài. Để nhanh chóng mở đường tiến vào thành phố Huế, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 lệnh cho Trung đoàn 101 sử dụng một tiểu đoàn vòng ra sau căn cứ Phú Bài, đánh chiếm quận lỵ Hương Thủy. Vừa bị đánh vỡ mặt, vừa bị mất chỗ dựa phía sau, quân địch ở Phú Bài hoảng hốt tháo chạy. Trung đoàn 1 nhanh chóng phát triển lên An Cựu và tiến vào nội bộ thành phố. Đại đội 4 xe tăng Lữ đoàn 203 bổ sung vào đội hình của mình một số xe tăng, xe bọc thép vừa chiếm được của địch ở Phú Bài, dẫn đầu đội hình Trung đoàn 3 Sư đoàn 324 tiến về Mang Cá. Cùng lúc, lực lượng đặc công - biệt động thành phố Huế vận động nhân dân ở quận 1, quận 2 và huyện Phú Vang nổi dậy phá bỏ chính quyền địch; dẫn đường, giúp bộ đội đánh chiếm các mục tiêu quan trọng.

Sáng ngày 25 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 101 - Trung đoàn Cao Vân, đưa con chủ lực đầu tiên của Thừa Thiên - Huế cùng Trung đoàn 3 Sư đoàn 324 từ phía Nam, các đơn vị của Quân khu Trị - Thiên từ phía Bắc đồng loạt tiến vào trung tâm thành phố Huế.

Thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên được giải phóng trong ngày 25 tháng 3 năm 1975.

Với thắng lợi của Chiến dịch Trị - Thiên, ta đã tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch ở chiến trường Trị - Thiên gồm sư đoàn 1 bộ binh - một trong những sư đoàn mạnh nhất của quân ngự, lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến, 2 tiểu đoàn (14 và 15) biệt động quân, các chi đoàn, thiết đoàn xe tăng, thiết giáp; các tiểu đoàn pháo binh và hàng chục nghìn bảo an, dân vệ. Trong số hơn 40 nghìn quân địch ở Trị - Thiên chỉ chạy được vào Đà Nẵng 16.000 tên. Ta thu và phá huỷ 140 xe tăng, thiết giáp; 800 xe quân sự các loại.

Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng địa bàn chiến lược gồm hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, quân và dân ta đã phát triển nhanh

cuộc Tổng tiến công, nổi dậy, đẩy nhanh quá trình đổ vỡ, suy sụp của quân ngụy, tạo bàn đạp trực tiếp trên hướng Bắc để tiến đánh Đà Nẵng, tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 1, quân khu 1 của địch.

CHIẾN DỊCH ĐÀ NẴNG

Một ngày sau khi ta kết thúc thắng lợi chiến dịch Trị - Thiên, giải phóng hoàn toàn Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Bộ Quốc phòng- Tổng tư lệnh quyết định mở chiến dịch Đà Nẵng. Ngày 26 tháng 3, đồng chí Cao Văn Khánh - Tổng tham mưu phó, thay mặt Bộ Tổng tham mưu gửi bức điện thượng khẩn, giao nhiệm vụ tiếp theo cho Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2: Sau khi tiêu diệt hết các bộ phận quân địch còn chống cự, phải nhanh chóng tập trung quân chuẩn bị sẵn sàng chuyển vào đánh hướng Đà Nẵng, tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 1, quân khu 1 của địch.

Về phía địch, mặc dù bị mất Trị - Thiên - Huế gần như trong khoảnh khắc, nhưng những kẻ cầm đầu chính quyền, quân đội Sài Gòn vẫn cho rằng ta phải mất ít nhất 1 tháng chuẩn bị mới có thể đánh vào Đà Nẵng. Đây là thời gian đủ để chúng củng cố lực lượng để "tử thủ" Đà Nẵng.

Nhưng kẻ địch đã tính nhầm. Để tạo thế cho việc giải phóng thành phố Đà Nẵng, ngay từ khi chiến dịch Tây Nguyên mở màn, bộ đội địa phương các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Đà đã diệt các mục tiêu lẻ, nhỏ; cắt giao thông, phá kho tàng, tiêu hao lực lượng và phương tiện chiến tranh của địch. Các tiểu đoàn 403, 406 đặc công hoạt động mạnh ở sân bay Quảng Ngãi.

Ngày 21 tháng 3, trên chiến trường Khu 5, lực lượng vũ trang Quân khu nổ súng mở màn đợt hai chiến dịch Xuân - Hè.

Ngày 21 tháng 3, Lữ đoàn 52 và Trung đoàn 36 Sư đoàn 2 bộ binh tiến công một loạt cứ điểm của địch: chợ Cây Xanh, Dương Huê, Dãy Thám, Dương Bồ...; tiếp đó, đập tan lực lượng phản kích của địch, đánh thiệt hại nặng trung đoàn 5 sư đoàn 2 và một tiểu đoàn thuộc lãnh đạo 12 biệt động quân, phá vỡ một mảng trên tuyến phòng thủ của địch ở phía tây thị xã Tam Kỳ.

Nhận rõ thời cơ thuận lợi hơn sau khi ta giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên, đang truy kích tàn quân địch chạy về duyên hải miền Trung, ngày 23 tháng 3 Thường vụ Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 họp phiên mở rộng, dưới sự chủ trì của đồng chí Võ Chí Công, quyết định: Phấn đấu trong thời gian ngắn giải phóng hoàn toàn địa bàn quân khu. Nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là tập trung toàn bộ lực lượng đẩy nhanh nhịp độ tiến công tiêu diệt sư đoàn 2 ngụy, giải phóng thị xã Tam Kỳ và tỉnh Quảng Ngãi, tạo thế chia cắt và cô lập hoàn toàn quân địch, tạo bàn đạp cho trận tiến công quyết định tiêu diệt tập đoàn phòng ngự co cụm cuối cùng của quân đoàn 1 ngụy ở Đà Nẵng.

Thị xã Tam Kỳ (tỉnh Quảng Nam) trước đây là một căn cứ quân sự của quân viễn chinh Mỹ, có hệ thống hầm hào, công sự bố phòng kiên cố. Từ khi Trị - Thiên - Huế bị thất thủ, địch đã tăng cường cho Tam Kỳ trung đoàn 4 rút từ Chu Lai và một tiểu đoàn của trung đoàn 6 đưa từ Quảng Ngãi ra; cùng nhiều trang thiết bị, hỏa lực.

Qua nghiên cứu thực địa. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 nhận thấy: đối với một căn cứ như vậy, bộ đội chủ lực Khu 5 chưa đủ sức đánh chiếm bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng. Phương thức tác chiến được Quân khu thực thi là: Tiến công tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, kéo sư đoàn 2 nguy^{ta} ứng cứu, để ta dễ bề tiêu diệt, sau đó sử dụng các mũi thọc sâu vào thị xã từ nhiều hướng, phối hợp với lực lượng tại chỗ đánh chiếm các vị trí then chốt.

Ngày 23 tháng 3, Trung đoàn Ba Gia được tăng cường tiểu đoàn 8 Trung đoàn 31, tiểu đoàn 5 trung đoàn 38 và 10 xe tăng, xe bọc thép tiến công trên hướng chủ yếu, đột phá tuyến ngăn chặn của địch từ Suối Đá đến bờ bắc sông Tam Kỳ. Chỉ sau ít phút chiến đấu, bộ đội ta đã tiêu diệt nhiều vị trí phòng thủ của sư đoàn 2 nguy, chiếm ngã ba Trường Xuân, ngã ba Chienu Đản, cầu sắt Tam Kỳ..., là cửa ngõ quan trọng để tiến vào thị xã, đồng thời tiến về sân bay Kỳ Bích. Trên hướng thứ yếu, Trung đoàn 38 Sư đoàn 2 tiêu diệt tiểu đoàn 37 và tiểu đoàn 39 biệt động quân nguy, chiếm khu vực Cấm Khê 2, Khánh Thọ Đông...

Trước sức tiến công dũng mãnh, áp đảo của ta, chỉ huy sư đoàn 2 và liên đoàn 12 biệt động quân và chính quyền nguy tiểu khu Quảng Tín hoang hốt tháo chạy. Từ các hướng, bộ đội ta nhanh chóng phát triển vào trung tâm thị xã.

10 giờ 30 phút ngày 24 tháng 3 năm 1975, thị xã Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam được giải phóng.

Tại khu vực phía nam thị xã Tam Kỳ, Trung đoàn 36 Sư đoàn 2 đánh chiếm cầu Bà Bàu, tiến xuống An Xuân, giải phóng quận lỵ Lý Tín; cắt đứt đường rút chạy của quân nguy vào căn cứ Chu Lai.

Ở phía bắc thị xã, Trung đoàn 38 được tăng cường xe tăng đã làm chủ đường số 1 ở bắc Chiên Đản, tiến xuống giải phóng Tuần Dương.

Trên hướng đông, tiểu đoàn 70 và tiểu đoàn 72 bộ đội địa phương Quảng Nam cùng lực lượng vũ trang tại chỗ và nhân dân kết hợp tiến công với nổi dậy, giải phóng các xã ven biển.

Ở Quảng Ngãi, từ ngày 21 tháng 3, bộ đội tỉnh đã chiếm một đoạn đường số 1, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá bỏ chính quyền nguy, truy bắt bọn ác ôn. Quân địch trong thị xã Quảng Ngãi hoang mang, rối loạn. Mặc dù địch đã điều một lực lượng lớn ở địa bàn xung quanh về phòng thủ bảo vệ thị xã, nhưng tình hình đã trở nên vô vọng.

7 giờ sáng ngày 24 tháng 3, được Trung đoàn 576 pháo binh chi viện đặc lực, tiểu đoàn 6 và tiểu đoàn 7 thuộc Lữ đoàn 52 cùng các tiểu đoàn đặc công 406, 403, tiểu đoàn 7 bộ đội địa phương Quảng Ngãi; có xe tăng, xe bọc thép yểm trợ, đồng loạt đánh vào thị xã Quảng Ngãi.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt, toàn bộ lực lượng địch co cụm ở thị xã Quảng Ngãi, gồm hơn 4.000 tên, lợi dụng đêm tối (đêm 23 tháng 3) đã bỏ căn cứ tháo chạy. Đội hình địch gồm hơn 200 xe chạy theo đường số 1 về hướng Chu Lai, đã bị Trung đoàn 94 và lực lượng vũ trang địa phương tổ chức trận địa mai phục diệt gọn. Ta bắt gần 3.500 tên, diệt hơn 500 tên, thu và phá huỷ 206 xe quân sự.

Từ nhiều hướng, bộ đội ta tiến vào lần lượt đánh chiếm các mục tiêu trong thị xã; đến chiều tối ngày 24, ta hoàn toàn làm chủ thị xã Quảng Ngãi.

Cũng trong chiều và đêm 24, rạng ngày 25 tháng 3, quân và dân các huyện trong tỉnh đồng loạt kết hợp tiến công, nổi dậy đánh chiếm quận lỵ, giải phóng địa bàn.

7 giờ sáng ngày 25 tháng 3 năm 1975, tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn giải phóng.

Sau 5 ngày đêm chiến đấu liên tục, quyết liệt, quân và dân Quân khu 5 và đơn vị bạn đã thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ của chiến dịch Xuân - Hè 1975, tiêu diệt và làm tan rã sư đoàn 2, hai liên đoàn biệt động quân, nhiều đơn vị binh chủng của địch, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh. Tuyến phòng thủ phía Nam Đà Nẵng của địch hoàn toàn bị phá vỡ. Quân địch ở Chu Lai tháo chạy. Căn cứ liên hợp Đà Nẵng bị bao vây cả ba phía: bắc, tây, nam.

Trước bước phát triển mới của tình hình sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Trị - Thiên và việc giải phóng các tỉnh phía nam Đà Nẵng, ngày 25 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị họp nhận định: "Thời cơ chiến lược đã tới. Trong suốt 20 năm chống Mỹ, cứu nước, chưa bao giờ thuận lợi bằng lúc này", do đó cần nắm vững thời cơ chiến lược mới, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào hướng chủ yếu, hành động táo bạo bất ngờ, làm cho địch không kịp dự kiến và không kịp trở tay", quyết tâm giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam trước mùa mưa 1975. Bộ Chính trị chủ trương: Trước mắt tập trung lực lượng Quân đoàn 2 và Quân khu 5 tiêu diệt sư đoàn thủy quân lục chiến và lực lượng còn lại của quân đoàn 1 nguy, giải phóng Đà Nẵng.

Nhằm dồn toàn lực cho quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa năm 1975, ngày 25 tháng 3, Bộ Chính trị ra Nghị quyết (số 241 - NQ/TW) thành lập Hội đồng chỉ viện miền Nam ở Trung ương. Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng chính phủ Phạm Văn Đồng. Các Phó chủ tịch gồm: Phó thủ tướng chính phủ Lê Thanh Nghị, Bộ trưởng Bộ Giao thông Phan Trọng Tuệ.

Cũng trong ngày 15 tháng 3, Bộ Quốc phòng quyết định điều động một bộ phận lớn Quân đoàn 1 vào tham gia giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Riêng Sư đoàn 308 - Quân Tiên Phong làm nhiệm vụ dự bị chiến lược của Bộ và bảo vệ miền Bắc.

Ngày 27 tháng 3, Quân ủy Trung ương ra quyết định (số 140/QU-QTA) thành lập Bộ Tư lệnh mặt trận Quảng Đà, mang phiên hiệu: Bộ Tư lệnh 475, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng. Trung tướng Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng được cử làm Tư lệnh mặt trận. Thượng tướng Chu Huy Mân - Tư lệnh Quân khu 5 làm Chính ủy. Bộ Tư lệnh mặt trận Quảng Đà có nhiệm vụ:

1. Lãnh đạo và chỉ huy tác chiến tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch ở Đà Nẵng và trong phạm vi tỉnh Quảng Đà.

2. Lãnh đạo và chỉ đạo phối hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và công tác binh vận, thực hiện tiến công và nổi dậy ở Quảng Đà, đặc biệt ở Đà Nẵng.

3. Đoạt lại toàn bộ cơ sở vật chất và phương tiện chiến tranh của địch ở căn cứ liên hiệp Đà Nẵng.

4. Lãnh đạo và chỉ huy công tác bảo đảm hậu cần, hậu phương với các lực lượng vũ trang hoạt động ở Quảng Đà.

5. Lãnh đạo và tổ chức thực hiện tốt chính sách tiếp quản tỉnh Quảng Đà, đặc biệt là thành phố Đà Nẵng sau khi được giải phóng.

Lúc này, lực lượng của địch phòng ngự trên địa bàn chiến dịch có sư đoàn 1 thủy quân lục chiến, sư đoàn 3, hai chiến đoàn (11 và 20), bảy tiểu đoàn pháo, sư đoàn 1 không quân và tàn quân từ Trị - Thiên - Huế vừa kéo vào. Tổng quân số của địch gồm 75.000 tên, 373 máy bay, 114 khẩu pháo, 70 xe tăng - xe bọc thép.

Với quân số và trang bị như trên, địch tổ chức phòng thủ Đà Nẵng thành hai tuyến: Tuyến vành đai do sư đoàn thủy quân lục chiến, sư đoàn 3 bộ binh cùng một số đơn vị bảo an phụ trách; tuyến trong do các đơn vị địa phương quân cùng các lực lượng binh chủng đảm nhiệm.

Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh huy động lực lượng của ta tham gia chiến dịch Đà Nẵng gồm: Quân đoàn 2 và các đơn vị chủ lực, địa phương Quân khu 5.

Phân tích cục diện chiến trường và tình hình khu vực Đà Nẵng, Quân uỷ Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh dự kiến hai khả năng sẽ xảy ra khi ta tiến công giải phóng Đà Nẵng.

Trường hợp thứ nhất: Địch co cụm phòng thủ Đà Nẵng có tổ chức và tương đối vững chắc. Trong tình huống này, ta phải sử dụng Quân đoàn 2 và nhanh chóng đưa Quân đoàn 1 vào cùng với lực lượng của Quân khu 5 tổ chức một trận tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, giải phóng Đà Nẵng theo phương án có chuẩn bị.

Trường hợp thứ hai: Địch bị tan rã, bị tiêu diệt nặng, Đà Nẵng bị cô lập. Ta cần chớp thời cơ nhanh chóng phát triển tiến công đánh chiếm Đà Nẵng với lực lượng tại chỗ là chính.

Theo mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng - Bộ Tổng tư lệnh. Quân đoàn 2 và Quân khu 5 gấp rút chuẩn bị đánh địch theo tình huống thứ nhất, đồng thời hết sức linh hoạt, sẵn sàng chuyển sang đánh địch trong tình huống thứ hai khi thời cơ cho phép.

Cũng theo mệnh lệnh của Bộ, Sư đoàn 320B và một số đơn vị binh chủng thuộc Quân đoàn 1 xuất phát từ miền Bắc ngày 19 tháng 3 vào tăng cường cho Quân đoàn 2 trong chiến dịch giải phóng Thừa Thiên - Huế, gấp rút hành quân theo đường số 1 tiến vào Đà Nẵng. Trung đoàn 18 (Sư đoàn 325 Quân đoàn 2) đang truy kích địch ở nam Phú Lộc, chuyển sang tiến công địch trong vận động, tiến về nam đèo Phước Tường, Lăng Cô, Lữ Đoàn 29 công binh Quân đoàn 2 khẩn trương sửa chữa cầu Thừa Lưu và những cầu khác mà địch phá sau khi rút chạy, bảo đảm cho xe tăng - thiết giáp, pháo binh của Quân đoàn kịp cơ động phối hợp chiến đấu với bộ binh Trung đoàn 9 Sư đoàn bộ binh 304 được tăng

cường một tiểu đoàn xe tăng - thiết giáp, một tiểu đoàn công binh, một tiểu đoàn pháo mặt đất và một tiểu đoàn cao xạ, nhanh chóng cơ động từ Cồn Tiên vào tập kết tại Động Truôi (ngày 27 tháng 3); tiếp đó theo đường 14, vượt qua các chốt phòng thủ của địch, vào chiếm bàn đạp tiến công Đà Nẵng từ hướng Tây Bắc.

Trung đoàn 66 và Trung đoàn 24 (Sư đoàn 304) tiến đánh Đà Nẵng từ hướng Tây Nam.

Sư đoàn 2 và Trung đoàn 572 pháo mặt đất, Trung đoàn 573 cao xạ, Trung đoàn 574 xe tăng thiết giáp của Quân khu 5 chuyển hướng tiến công ra phía Bắc, đánh vào Đà Nẵng từ hướng Nam và Đông Nam. Lữ đoàn 52 sau khi tham gia giải phóng Quảng Ngãi cũng được lệnh quay lại Quảng Nam sẵn sàng tham chiến.

*

Những ngày cuối tháng 3 năm 1975, sau khi Đà Nẵng nằm trong thiết bị bao vây từ ba phía: bắc, tây, nam, Mỹ quyết định đưa một số tàu chiến tới vùng biển Đà Nẵng vừa để “răn đe” lực lượng ta, vừa để di tản quân nguy ở đây vào Nam Bộ.

Ngày 26 tháng 3, Mỹ lập cầu hàng không di tản cơ quan lãnh sự quán của Mỹ và gia đình một số sĩ quan, nhân viên nguy quyền vào Sài Gòn.

Ngày 27 tháng 3, hơn 2.000 binh sĩ nguy thuộc trung tâm huấn luyện Hòa Cầm đã bình biển; nhiều đơn vị địch tự động bỏ trận địa phía trước, rút về phía sau. Cả ba lữ đoàn của sư đoàn thủy quân lục chiến đều tự động bỏ vị trí chiến đấu (lữ đoàn 148 rút về Phú Lộc, lữ đoàn 258 bỏ về sân bay Nước Mặn, lữ đoàn 369 chạy về Hiếu Đức). Trung đoàn 57 sư đoàn 3 bộ binh chạy về gần trung tâm huấn luyện Hòa Cầm. Chiều ngày 27 tháng 3, địch bỏ quân lỵ Thăng Bình, vào 1 giờ sáng ngày 28 tháng 3, chúng rút khỏi căn cứ Núi Quế. Đặc biệt, trung tướng Ngô Quang Trưởng - tư lệnh quân khu 1 nguy, người từng hô hào “tử thủ” Đà Nẵng, đã vội vàng chạy ra bán đảo Sơn Trà, sau đó lên tàu chiến Mỹ vào Sài Gòn.

Trước thời cơ quân địch rối ren, hoảng loạn, ngày 27 tháng 3, Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho Quân đoàn 2 và Quân khu 5: “Tình hình Đà Nẵng rất khẩn trương. Cần có những biện pháp đặc biệt nhanh chóng tiến công địch, bỏ qua những mục tiêu dọc đường, đánh thẳng vào Đà Nẵng nhanh nhất, kịp thời nhất, tạo bạo nhất với những lực lượng có thể chuyển sớm nhất”¹.

Mặc dù Bộ Tư lệnh mặt trận 475 được thành lập gấp, chưa gặp nhau, nhưng khi nhận được mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, đã nhanh chóng hiệp đồng qua điện thoại để chỉ huy các lực lượng đánh vào Đà Nẵng.

5 giờ 30 phút sáng ngày 28 tháng 3, từ tất cả các hướng, bộ đội ta mở trận công kích vào thành phố. Các cỡ pháo 130mm, Đ74, ĐKB, đặt ở dèo Mũi Trâu, Hải Vân và tây nam Đà Nẵng bắn cấp tập, mãnh liệt vào Hòn Bàng, Trà Kiệu, Vĩnh Điện, sân bay Đà Nẵng, Cảng Sơn Trà, sân bay Nước Mặn và các mục tiêu quan trọng khác. Đòn tập kích hỏa lực của pháo binh ta đã làm cho địch vô cùng

¹. Điện số 3 của ĐB/TK của Bộ Tổng tư lệnh, ngày 27 tháng 3 năm 1975.

hoảng loạn. Sân bay Đà Nẵng mặc dầu chưa bị thiệt hại nặng vẫn phải đóng cửa. Con đường rút chạy duy nhất của địch ở Đà Nẵng lúc này là đường biển; nhưng trước sức tiến công ào ạt của các đơn vị bộ binh, xe tăng của ta, chúng cũng không kịp chạy thoát.

Từ hướng Bắc, Trung đoàn 18 và Trung đoàn 101 (sư đoàn 325, Quân đoàn 2) có xe tăng dẫn đầu, bộ binh ngồi trên xe tăng và xe bánh hơi tiến theo đường số 1, đánh địch trong hành tiến, phát triển về Hải Vân, Đà Nẵng. Sáng ngày 29 tháng 3, bộ đội ta đã vượt đèo Hải Vân, đập tan các chốt phòng thủ của hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến thuộc lữ đoàn 258, chiếm kho xăng Liên Chiểu. 10 giờ sáng ngày 29 tháng 3, bộ phận đi đầu cánh quân phía Bắc đã đến ngã ba trung tâm thành phố. Được tự vệ thành Đà Nẵng hướng dẫn, tiểu đoàn 8 Trung đoàn 18, do thượng úy Trần Minh Thiết - tiểu đoàn trưởng chỉ huy, nhanh chóng tiến ra bán đảo Sơn Trà, cấm cờ giải phóng lên căn cứ chỉ huy địch trên đảo, vào lúc 11 giờ ngày 29 tháng 3.

Từ hướng Tây Bắc, Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 (Quân đoàn 2) hành quân bằng cơ giới theo trục đường 14, phá vỡ tuyến phòng ngự của sư đoàn 3 ngụy, vượt qua núi Phước Tường, Hòa Khánh, chiếm tòa thị chính Đà Nẵng vào lúc 13 giờ ngày 29 tháng 3; tiếp đó tiến vào chiếm sân bay Đà Nẵng.

Ở hướng Nam và Đông Nam, Sư đoàn 2 bộ binh Quân khu 5, Trung đoàn 96 bộ đội ở địa phương Quảng Đà nhanh chóng chiếm các vị trí bàn đạp ở phía nam sông Thu Bồn và phát triển vào thành phố. Ở hướng này, do địch cho máy bay ném bom làm sập cầu Cầu Lâu và cầu Bà Rén, bộ đội phải vượt sông bằng thuyền, nên tốc độ tiến quân hơi chậm hơn các hướng khác. Khi bộ binh đã vượt sông, xe tăng, pháo cơ giới vẫn còn ở bờ nam sông Thu Bồn.

Trước tình hình đó, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 2 - Nguyễn Chơn quyết định đánh chiếm thị xã Vĩnh Điện không chờ binh khí kỹ thuật. Trung đoàn Ba Gia và Trung đoàn 31 nhanh chóng vượt sông đánh vào thành phố, đánh chiếm căn cứ bộ tư lệnh quân đoàn 1 ngụy, bộ tư lệnh sư đoàn không quân, Trung đoàn 38 chiếm sân bay Nước Mặn và tiếp tục phát triển ra gặp Trung đoàn 18 Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 tại bán đảo Sơn Trà lúc 15 giờ ngày 29 tháng 3. Cùng thời gian, Trung đoàn 93 và Trung đoàn 96 tỉnh Quảng Đà tiến vào giải phóng thị xã Hội An, các khu Non Nước, An Đôn, căn cứ hải quân ngụy và cùng Trung đoàn 38 đánh chiếm sân bay Nước Mặn.

Trong nội thành, từ ngày 26 tháng 3, Tỉnh ủy Quảng Đà đã lập kế hoạch khởi nghĩa và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ sở, quận, huyện, nhà máy... phát động quần chúng nổi dậy phối hợp với đòn tiến công quân sự, giành chính quyền. Khi bộ đội ta từ các hướng tiến vào giải phóng thành phố, lực lượng tự vệ mật, biệt động đã dẫn đường, phối hợp đánh chiếm một số mục tiêu chính trị, kinh tế, quân sự như: cầu Trịnh Minh Thế, ty cảnh sát, tòa thị chính thành phố... Cán bộ và đồng bào bị địch giam giữ ở nhà lao Non Nước, nổi dậy phá nhà lao. Công nhân, viên chức, học sinh tham gia chiếm lĩnh và bảo vệ bến cảng, nhà máy điện, nhà máy nước, bệnh viện, trường học...

15 giờ ngày 29 tháng 3 năm 1975, trận tiến công giải phóng căn cứ liên hợp quân sự Đà Nẵng kết thúc thắng lợi. Sau 33 giờ chiến đấu quyết liệt, liên tục, ta đã tiêu diệt và làm tan rã bộ chỉ huy quân đoàn 1, sư đoàn thủy quân lục chiến, sư đoàn 3, liên đoàn 15 biệt động quân, một lực lượng khá đông bảo an - phòng vệ dân sự và hơn 16.000 quân nguy chạy từ Trị Thiên vào; thu và phá hủy 69.000 khẩu súng các loại, 138 xe tăng - xe bọc thép, 115 máy bay...; giải phóng hoàn toàn các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng - căn cứ liên hợp quân sự lớn thứ hai của Mỹ - nguy ở miền Nam.

Tiếp theo thắng lợi to lớn của chiến dịch Tây Nguyên, với thắng lợi của chiến dịch Trị - Thiên và chiến dịch Đà Nẵng, quân và dân ta đã thực hiện đòn quyết chiến chiến lược thứ hai, làm thay đổi hẳn cục diện và so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo điều kiện rất thuận lợi cho chiến dịch quyết chiến chiến lược giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ KẾT HỢP TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY DIỆT ĐỊCH, TẠO THỂ, TẠO LỰC CHO TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC CUỐI CÙNG

Đồng bằng sông Cửu Long là một địa bàn có vị trí chiến lược, với diện tích khoảng 40.000 ki-lô-mét vuông, thuộc địa bàn Quân khu 8 và Quân khu 9, chạy dài từ Long An đến Cà Mau - U Minh.

Với Mỹ - nguy, đồng bằng sông Cửu Long được xem là nơi co cụm lực lượng cuối cùng để tiến hành các đợt phản công khi mất Sài Gòn. Địch bố trí ở đây 175.000 quân, trong đó quân chủ lực 66.000 tên (gồm 3 sư đoàn 7, 9 và 21).

Hòa chung với đòn tiến công ở Tây Nguyên, thực hiện chủ trương của Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền, đêm 10 tháng 3 năm 1975, đòn tiến công nổi dậy đồng loạt của quân và dân đồng bằng sông Cửu Long bắt đầu.

Bộ Tư lệnh Quân khu 9 sử dụng Trung đoàn 3 tiến công tiêu diệt phân chi khu Hữu Thành, vây lấn yếu khu Thủy Phó; sau đó, phối hợp với Trung đoàn 1 - diệt gọn hai tiểu đoàn địch đến tăng viện, giải phóng chi khu Thuận Hới, đồn Cầu Sắt. Trước sức tiến công vây ép của ta, quân địch trong yếu khu Thủy Phó tháo chạy. Phát huy thắng lợi, ta tiếp tục phát triển tiến công lên hướng Tam Bình, diệt phân chi khu Ba Kê, làm chủ một đoạn sông Măng Thít. Tiếp đó, Trung đoàn 3 nhanh chóng diệt hàng chục đồn bốt ở Tam Bình, kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương, giải phóng khu trù mật Cái Sơn, làm chủ đường số 16, uy hiếp đường số 4, áp sát thị xã Vĩnh Long.

Ở Trà Vinh, được bộ đội chủ lực hỗ trợ, bộ đội tỉnh và du kích tiến công bẻ gãy nhiều cuộc càn quét của địch, giải phóng các huyện Càng Long, Châu Thành, Cái Ngang, Trà Cú, Cầu Kè, Duyên Hải. Tỉnh ủy và Tỉnh đội Trà Vinh thành lập thêm ba tiểu đoàn tập trung, tổ chức lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận, bí mật đưa cán bộ và vũ khí vào thị xã, chuẩn bị giành chính quyền.

Ngày 21 tháng 4, Trung đoàn 1 tiến công chi khu Ba Càng, Trung đoàn 3 đánh địch ở chi khu Bình Minh, diệt và bức rút 13 đồn, giải phóng vùng bắc sông

Hậu. Tiếp đó, Trung đoàn 3 kết hợp với bộ đội tinh diệt phân chi khu Mỹ Thuận; pháo binh Quân khu tập kích hóa lực sở chỉ huy quân đoàn 4 ở Cần Thơ và sân bay Trà Nóc.

Tại Cần Thơ, Trung đoàn 20 Sư đoàn 4, do Tư lệnh Quân khu 9 trực tiếp chỉ huy diệt đồn Ông Tháp, đánh chiếm căn cứ Bà Đầm, giải phóng các xã Trường Xuân, Trường Thành, Kênh Xáng, Thị Đới, Ô Môn; sau đó tổ chức lực lượng vây ép Ô Lai - Ô Môn, buộc địch phải đưa sư đoàn 21 về bảo vệ Cần Thơ.

Ngày 6 tháng 4, Quân khu 9 tập trung Sư đoàn 4 và Trung đoàn 161 tiến công sân bay Trà Nóc và Cần Thơ.

Ngày 8 tháng 4, pháo binh và lực lượng biệt động đánh mạnh vào sân bay, tạo điều kiện cho Sư đoàn 4 biến công địch ở Cần Thơ. Tuy nhiên, do sự chuẩn bị chưa bảo đảm, nên Bộ Tư lệnh Miền quyết định hoãn trận đánh vào Cần Thơ.

Ở Cà Mau, Tỉnh uỷ quyết định phát triển nhanh lực lượng vũ trang tập trung để chủ động, kịp thời giải phóng tỉnh.

Trên địa bàn Quân khu 8, ngày 11 tháng 3, Sư đoàn 8 đã tiến công căn cứ Ngã Sáu, diệt hai tiểu đoàn của sư đoàn 7 nguy, phá vỡ hệ thống đồn bốt phòng thủ của địch ở khu vực kênh Mới và kênh Nguyễn Văn Tiếp B. Tiểu đoàn 283 đặc công bất ngờ tập kích diệt các đồn địch ở đông bắc Ngã Sáu, ngã ba Hậu Mỹ, mở rộng vùng giải phóng từ huyện Cái Bè (Mỹ Tho) đến Mỹ An, Kiến Văn (Sa Đéc). Trung đoàn 88 bộ binh diệt một số đồn ở bắc Cai Lậy và cùng với tiểu đoàn 341 công binh cắt lộ 12, hình thành thế vây chặt thành phố Mỹ Tho.

Trên tuyến biên giới Kiến Tường - Long An, Bộ Tư lệnh Miền sử dụng Sư đoàn 5 và Sư đoàn 3 được tăng cường một số đơn vị binh chủng và bộ đội địa phương Kiến Tường, Long An, Tây ninh đánh thông hành lang từ Tây Ninh xuống Đồng Tháp Mười, thực hiện chia cắt đường số 4, tạo bàn đạp tiến công vào Sài Gòn từ hướng Tây.

Từ đêm 11 đến sáng ngày 14 tháng 3, bộ đội ta tiến công tiêu diệt đồn Bến Cầu, Trà Cao (Tây Ninh), ngày 20 tháng 3, diệt đồn Quéo Ba, phát triển xuống An Ninh, Lộc Giang, Hòa Khánh, làm chủ một vùng rộng lớn thuộc tả ngạn sông Vàm Cỏ Đông.

Tình hình phát triển mau lẹ và thuận lợi. Bộ Tư lệnh Miền lệnh cho các đơn vị bỏ qua mục tiêu Mộc Hóa, đưa lực lượng cắt và làm chủ đường số 4 nhiều đoạn từ Tân An, Thủ Thừa đến Mỹ Thuận. Đường số 4, kênh Chợ gạo, Măng Thít bị khống chế hoàn toàn

Ngày 6 tháng 4, Trung đoàn 88, Trung đoàn 24 và 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương Long An phối hợp tiến công, nhổ 50 đồn, bốt, giải phóng hoàn toàn 12 xã thuộc địa bàn phía nam Long An.

Đầu tháng 4 năm 1975, Đoàn 232 được bổ sung lực lượng, tương đương cấp quân đoàn, gồm các sư đoàn 3, 5, 9, Khu 8 và được tăng cường một số đơn vị xe tăng, pháo binh, công binh..., do Trung tướng Lê Đức Anh chỉ huy, chuẩn bị vượt sông Vàm Cỏ Đông tiến vào Sài Gòn từ hướng Tây và Tây Nam.

*

Trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, từ ngày 16 tháng 3, các đội biệt động, các đoàn đặc công, đội công tác bí mật đã áp sát các vị trí trọng yếu trong thành phố Sài Gòn, nổ súng tiêu diệt địch ở Phú Hòa Đông, Tân Thạnh Tây, Tổng Thôn, Thới Mỹ, sở chỉ huy tiểu đoàn 86 biệt động quân ở Tân Túc, phá sập cầu Chùa ở Tân Kiên, đồng thời bức rút hàng chục đồn bốt dọc hành lang vào nội đô. Lực lượng biệt động đã tiêu hủy kho chất độc hóa học Si-cô-na Thủ Đức và kho xăng Vũng Bèo.

Ngày 20 tháng 3, ta phục kích diệt đoàn xe chở đạn của địch gồm 51 xe GMC và 2 xe tăng đi hộ tống, pháo kích sân bay Biên Hòa, căn cứ Đồng Dù, hỗ trợ cho bộ đội chủ lực đánh vào Dầu Tiếng, đường 20.

Tại khu vực Dầu Tiếng - đường 13, đêm 10 tháng 3, Sư đoàn 9 được tăng cường Trung đoàn 16, một tiểu đoàn xe tăng, hai tiểu đoàn pháo cao xạ tiến công vào chi khu quân sự Tri Tân. Đến ngày 13, ta giải phóng toàn bộ quận Dầu Tiếng, Bến Củi (khu tả ngạn sông Sài Gòn). Ngày 11 tháng 3, Trung đoàn 16 diệt cứ điểm suối Ông Hùng, đánh bại lực lượng địch thuộc lữ đoàn 3 kỵ binh và một bộ phận sư đoàn 25 đến phản kích. Tiếp đó, ngày 17 tháng 3, Trung đoàn 16 chiếm Cầu Khởi. Sau 1 tuần tiến công địch, Sư đoàn 9, Trung đoàn 16 và các đơn vị phối thuộc đã diệt và làm bị thương trên 3.000 tên địch, phá huỷ và thu hồi 61 xe quân sự, 6 khẩu pháo, trên 1.000 súng các loại... giải phóng khu vực Dầu Tiếng và hữu ngạn sông Sài Gòn, tạo bàn đạp vững chắc cho các quân binh chủng hợp thành tiến đánh Sài Gòn từ hướng Tây Bắc.

Ngày 18 tháng 3, trên đường 20, Sư đoàn 7 cùng một bộ phận Sư đoàn 341 - Sư đoàn Sông Lam vừa hành quân từ miền Bắc vào, đã cùng lực lượng địa phương đánh chiếm chi khu quân sự Định Quán; tiếp đó tiêu diệt yếu khu Giá Rai (ngày 20 tháng 3); khống chế đường 20 từ La Ngà đến Phương Lâm. Tiếp đó, một trung đoàn trang bị nhẹ của Sư đoàn 7 đã bí mật áp sát thị xã Lâm Đồng.

Ngày 28 tháng 3, Sư đoàn 7 dùng xe cơ giới cơ động theo đường 20, bỏ qua các mục tiêu dọc đường, phối hợp với lực lượng ém sẵn nhanh chóng giải phóng thị xã Lâm Đồng; sau đó phát triển lên phía Bắc, cùng với bộ đội Khu 6 đánh chiếm cao nguyên Di Linh, phá vỡ âm mưu của địch co cụm về Lâm Đồng - Đà Lạt.

Trung đoàn 812 Quân khu 6 sau khi phối hợp với Sư đoàn 7 giải phóng cao nguyên Di Linh, đã phát triển lên Đà Lạt, phối hợp với Trung đoàn 198 đặc công vừa từ Buôn Ma Thuột sang đánh chiếm thành phố. Bị đánh mạnh, bất ngờ, quân địch ở Đà Lạt hoảng loạn tháo chạy. Trung đoàn 812 được lệnh truy kích địch, làm chủ đường 11 từ Đà Lạt đến sân bay Thành Sơn, tạo điều kiện thuận lợi để Sư đoàn 10 từ Cam Ranh, xuyên qua Bác Ái, theo đường 11 và đường 20 tiến vào miền Đông Nam Bộ.

Ở hướng Bình Tuy - Long Khánh, đêm 15 tháng 3, Sư đoàn 6 Quân khu 7 cùng bộ đội địa phương và du kích tiến công giải phóng đường số 4 từ Hoài Đức

đến giá Rai; ngày 20 tháng 3 tập kích ngã ba Ông Đôn, diệt đồn 52 và phát triển tiến công địch dọc đường số 1 từ Suối Cát đến căn cứ 10 Rừng Lá (Bình Tuy).

Như vậy đến cuối tháng 3 năm 1975, trên địa bàn miền Đông Nam Bộ, ta đã mở một vùng giải phóng rộng lớn kề cạnh Sài Gòn, kéo dài từ bắc Tây Ninh, qua Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Chơn Thành; từ Mỏ Vẹt đến La Ngà qua Hoài Đức, Tánh Linh; từ đường số 1 đến nam đường số 2, Bà Rịa.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam diễn ra được một tháng; ta đã tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn, hai quân khu mạnh của địch gồm 35 phần trăm sinh lực địch, tiêu diệt 40 phần trăm lực lượng binh chủng kỹ thuật, thu và phá hủy 43 phần trăm cơ sở vật chất kỹ thuật của địch; giải phóng các tỉnh đồng bằng miền Trung, Tây Nguyên và nhiều vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, hình thành thế hợp vây Sài Gòn - Gia Định từ nhiều hướng.

Đòn chiến lược thứ ba:

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH KẾT THÚC THẮNG LỢI TRỌN VẸN CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Thắng lợi của các chiến dịch Tây Nguyên, Trị - Thiên, Đà Nẵng và hoạt động phối hợp của chiến trường miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long... đã tạo thời cơ rục rịch, cho phép quân và dân tiến hành trận quyết chiến chiến lược cuối cùng kết thúc chiến tranh.

Qua ba chiến dịch lớn toàn thắng đã khẳng định bước trưởng thành mới, toàn diện của quân đội ta. Các đơn vị bộ đội chủ lực tích lũy được nhiều kinh nghiệm về tổ chức chỉ huy và thực hành tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn... Lực lượng vũ trang các địa phương phát triển cả về số lượng và chất lượng, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu tại chỗ, tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực cơ động phát triển tiến công trên các hướng chiến lược. Quân chúng nhân dân ở cả nông thôn, đô thị sôi sục khí thế đấu tranh, sẵn sàng theo sự lãnh của cấp bộ Đảng và chính quyền cơ sở vùng dậy giành chính quyền.

Trong khi đó, quân nguy bị tổn thất nặng nề cả về quân số, trang bị kỹ thuật; ý chí bị suy sụp nghiêm trọng. Nguy quyền và quân đội Sài Gòn ra sức tập hợp tàn quân của quân đoàn 1, quân đoàn 2; củng cố quân đoàn 3, quân đoàn 4. Tới đầu tháng 4, quân địch còn 7 sư đoàn bộ binh, 5 liên đoàn biệt động quân, 33 tiểu đoàn pháo binh, 12 thiết đoàn xe tăng, 1.360 máy bay, 1.496 tàu xuồng. Với lực lượng trên, địch bố trí thành nhiều tuyến phòng thủ hy vọng ngăn chặn ta từ xa, trong đó Tây Ninh, Xuân Lộc, Phan Rang là những tuyến phòng thủ then chốt. Mặt khác, địch vẫn cho rằng ta còn phải củng cố những vùng mới giải phóng và chuẩn bị từ 1 đến 2 tháng mới có thể đánh Sài Gòn.

Để đối phó với đòn tiến công của ta vào Sài Gòn mà lúc này chỉ còn là vấn đề thời gian, cùng với xây dựng các tuyến phòng thủ từ xa, Mỹ đã cấp tốc lập cầu hàng không chuyên vũ khí hạng nặng gồm xe tăng, pháo hạng nặng sang Sài Gòn và lệnh cho tàu sân bay *Hen-cốc* cùng 300 lính thủy đánh bộ Mỹ đến Biển Đông.

Tuy nhiên, lúc này mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn đã lên tới đỉnh điểm. Thượng nghị viện do Nguyễn Văn Thiệu lập ra đòi thay đổi giới lãnh đạo nhà nước và quân đội để "cứu vận quốc gia". Nguyễn Cao Kỳ móc nối với Cao Văn Viên và Lê Minh Đức chuẩn bị tiến hành đảo chính lật đổ Thiệu. Trong khi đó, Nguyễn Văn Thiệu và nhiều quan chức cao cấp thuộc quyền bắt đầu tìm cách chuyển tài sản ra nước ngoài... Đặc biệt, khi chính quyền Mỹ đánh tiếng: Cuộc chiến tranh Việt Nam đối với người Mỹ đến đây coi như chấm dứt, thì tình hình nội các chính quyền Thiệu càng thêm phức tạp.

Ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta họp, nhận định: Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, mà thời điểm chiến lược để tiến hành tổng tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch đã chín muồi.

Từ nhận định đó, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt, giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975, không thể để chậm.

Nhiệm vụ của quân đội ta lúc này được Bộ Chính trị chỉ rõ: Phải gấp rút tăng lực lượng vào hướng Tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, cắt hẳn đường số 4, áp sát Sài Gòn; đồng thời nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng Đông và Đông Nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây cô lập Sài Gòn từ phía Bà Rịa, Long Khánh, Vũng Tàu; tổ chức sẵn sàng những đơn vị binh chủng hợp thành chủ động sẵn sàng khi thời cơ tới, lập tức đánh chiếm các mục tiêu quan trọng nhất ở trung tâm thành phố.

Để động viên mọi nguồn lực của cả nước cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giành toàn thắng, sau khi quyết định thành lập Hội đồng chỉ viện chiến trường ở Trung ương, Bộ Chính trị quyết định phân công ba đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị: Văn Tiến Dũng, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng làm đại diện của Bộ Chính trị tại mặt trận. Đồng thời, Bộ Chỉ huy mặt trận Sài Gòn - Gia Định được thành lập, do Đại tướng Văn Tiến Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam làm Tư lệnh; đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị làm Chính ủy; các đồng chí: Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Lê Đức Anh, Trung tướng Đinh Đức Thiện làm Phó tư lệnh. Ngày 22 tháng 4, Bộ Chính trị bổ sung Trung tướng Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng làm Phó tư lệnh, Trung tướng Lê Quang Hòa - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Phó Chính ủy.

Bộ Chính trị cũng quyết định cử đồng chí Nguyễn Văn Linh phụ trách công tác nổi dậy của quần chúng và đồng chí Võ Văn Kiệt chỉ đạo công tác tiếp quản sau khi giải phóng thành phố.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam theo dõi sát sao tình hình miền Nam và cùng Bộ Chính trị chỉ đạo Tổng tiến công, nổi dậy.

Ngày 1 tháng 4 năm 1975, đồng chí Võ Nguyên Giáp điện cho các đồng chí Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà, nói rõ ý kiến của Bộ Chính trị về nhận định tình hình, về so sánh lực lượng và thời cơ; đồng thời, nêu phương án giải phóng Sài Gòn - Gia Định để chiến trường kịp nghiên cứu và hành động.

Bức điện viết: "giữa hai phương án cơ bản, một là bao vây dài ngày, tạo điều kiện rồi mới dứt điểm; hai là tiến công táo bạo từ đầu, đánh nhanh dứt điểm nhanh thì nay nên chọn phương án 2, tức là làm thật nhanh, thật táo bạo; đồng thời có sự chuẩn bị trong điều kiện nào đó nếu cần thì chủ động chuyển sang phương án 1 cũng nhằm giành thắng lợi cuối cùng trong một thời gian ngắn. Vì vậy, bất ngờ hiện nay là ở khâu khẩn trương. Một mặt, cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc; mặt khác, sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ lực lượng đông đủ mới làm ăn. Theo ý nghĩa đó mà Bộ Chính trị khẳng định từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược Sài Gòn bắt đầu... Thời gian hiện nay phải tính từng ngày. Phải thần tốc, *"thần tốc toàn thắng, nhất định toàn thắng"*.¹

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, quân và dân ta trên mọi miền đất nước sống trong không khí vô cùng sôi động. Cả nước bừng bừng khí thế ra trận, với tinh thần: Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng. Toàn bộ lực lượng vận tải quân sự gồm 12.000 người (bằng 80% lực lượng hậu cần chiến dịch), 6.300 xe vận tải của Bộ Tư lệnh Bộ đội Trường Sơn - Đoàn 559; hơn 2.100 xe ô tô của Cục Vận tải Tổng cục Hậu cần và hàng trăm xe ô tô của các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng được huy động chuyển quân, chuyển hàng phục vụ chiến dịch. Đồng thời, thực hiện lệnh của Hội đồng chỉ viện Trung ương, một lực lượng vận tải lớn của Nhà nước gồm trên một nghìn xe ô tô, 32 tàu biển (5.000 tấn phương tiện), 130 toa xe lửa (9.000 tấn phương tiện) và hàng trăm lần chiếc máy bay vận tải được huy động ngày đêm đưa người và vũ khí, vật chất hậu cần vào chiến trường.

Với vai trò tuyến chi viện chiến lược, từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh Bộ đội Trường Sơn - Đoàn 559 đã đưa vào Nam Bộ được trên 115.000 quân và 90.000 tấn hàng (trong đó có 37.000 tấn vũ khí và 9.000 tấn xăng dầu). Riêng trong 11 ngày chuẩn bị "nước rút" (từ 15 đến 26 tháng 4), hậu cần chiến lược đã khai thác, vận chuyển được 24.000 tấn vũ khí, 25.000 tấn lương thực, thực phẩm, 1.000 tấn thuốc, 1.000 tấn xăng dầu; tổ chức 5 trạm trung tu, 10 trạm sửa chữa pháo và xe tăng phục vụ cơ động cho chiến dịch.

Ở miền Nam hậu cần Miền huy động lực lượng vận chuyển hàng hóa, vũ khí vào các kho, trạm của chiến dịch và tập trung sửa chữa, mở đường, bắc cầu - tập trung ưu tiên cho những tuyến đường trọng yếu. Trục đường 14 từ Đồng Xoài đi Cây Gáo, Bến Bầu được gấp rút thi công... Các đoàn hậu cần của Miền, như:

¹. Trích điện văn số 957-TK, 18 giờ ngày 1-4-1975. Lý tên: Văn.

Đoàn 814 ở hướng Đông và Đông Nam; Đoàn 210 ở hướng Bắc và Đông Bắc; Đoàn 2401 ở hướng Tây; đoàn 325 ở hướng Tây Bắc; đoàn hậu cần tiền phương Quân khu 8 ở Nam - Tây Nam,... trong vòng nửa tháng đã củng cố và mở rộng tuyến đường chiến dịch trên các hướng với tổng chiều dài trên 1.700 ki-lô-mét. Đặc biệt, trong những ngày chuẩn bị sát nút chiến dịch, hậu cần Miền đã đưa 10.000 người từ tuyến sau lên chia thành 8 tiểu đoàn cơ động và huy động gần 4.000 xe vận tải các loại, 656 thuyền máy, ca nô, 1.736 xe đạp thô, 63.342 dân công hỏa tuyến, thành lập 15 bệnh viện dã chiến, 17 đội điều trị, với trên 10.000 giường, để phục vụ bộ đội chiến đấu.

Cùng với việc tổ chức bảo đảm hậu cần - kỹ thuật chiến dịch, đưa khối lượng lớn vật chất, kỹ thuật, lực lượng bổ sung cho mặt trận; Bộ Tổng tư lệnh đã quyết định đưa các quân đoàn chủ lực cơ động, có sức đột kích mạnh, khả năng cơ động cao vào tham gia chiến dịch cuối cùng.

Sau những chiến thắng giòn giã ở Tây Nguyên và phát triển truy kích địch, giải phóng các tỉnh phía Nam Quân khu 5, ngày 4 tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 3 - Binh đoàn Tây Nguyên được lệnh hành quân vào Nam Bộ. Sư đoàn bộ binh 316 và sở chỉ huy nhẹ của Quân đoàn xuất phát từ thị xã Buôn Ma Thuột, theo đường số 14 tiến về Nam. Sư đoàn 320A sau khi duổi địch xuống tham gia giải phóng Tuy Hòa đã nhanh chóng trở lại Tây Nguyên để theo đường 14 vào Nam Bộ. Sư đoàn 10 sau khi truy quét địch ở Nha Trang, Cam Ranh nhanh chóng thu quân theo đường số 2, lên đường 20. Hai trung đoàn công binh (7,575) có nhiệm vụ đi trước bắc cầu, mở đường, bảo đảm giao thông. Trên 3.000 xe ô tô của Sư đoàn vận tải cơ giới 471 - Bộ Tư lệnh Trường Sơn được giao nhiệm vụ cơ động Quân đoàn 3. Mặc dù dọc đường hành quân, địch đã cho máy bay oanh kích ngăn chặn, gây cho ta một số thương vong, nhưng không thể cản nổi những "chiến mã Trường Sơn", và những người lính Binh đoàn Tây Nguyên tiến ra phía trước.

Ngày 15 tháng 4, Sư đoàn 316 và các đơn vị đi đầu của Quân đoàn 3 đã có mặt ở khu vực Dầu Tiếng vừa giải phóng, chiếm lĩnh bàn đạp tiến công giải phóng Sài Gòn từ phía Tây Bắc theo đúng kế hoạch của Bộ Chỉ huy mặt trận.

Từ miền Bắc, ngày 31 tháng 3 năm 1975, Quân đoàn 1 được lệnh nhanh chóng đưa lực lượng (để Sư đoàn 308 ở lại làm nhiệm vụ dự bị chiến lược của Bộ và bảo vệ miền Bắc) vào Đông Xoài - miền Đông Nam Bộ. Lúc này, Sư đoàn 320B và một số đơn vị xuất phát hành quân từ ngày 19 tháng 3 (tăng cường cho Quân đoàn 2 giải phóng Đà Nẵng) đã vào tới Đà Nẵng. Ngày 1 tháng 4, Sư đoàn 312 bộ binh và các đơn vị binh chủng và sở chỉ huy cơ bản của Quân đoàn xuất phát hành quân với phương tiện cơ giới của Quân đoàn và 1.053 xe vận tải của tổng cục Hậu cần, và Sư đoàn 571 - Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Đến Đông Hà, Quảng Trị, đội hình hành quân của Quân đoàn theo đường số 9 và sau đó tiếp theo đường Tây Trường Sơn và Nam Bộ.

Ngày 7 tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 nhận được bức điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

"Thần tốc, thần tốc hơn nữa.

Táo bạo, táo bạo hơn nữa.

*Tranh thủ từng giờ từng phút
Xóc tới mặt trận, giải phóng miền Nam.
Quyết chiến và toàn thắng”¹*

Mệnh lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thúc giục bộ đội hành quân thần tốc ra mặt trận.

Ngày 13 tháng 4, Sư đoàn 320B và sở chỉ huy nhẹ của Quân đoàn 1 đến Đồng Xoài. Hai ngày sau đó, toàn bộ lực lượng của Quân đoàn tới vị trí tập kết. Tại Đồng Xoài, Quân đoàn 1 được Tỉnh uỷ Bình Dương cùng lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương cung cấp lương thực, địa bàn... giúp đơn vị nhanh chóng củng cố lực lượng chuẩn bị tham gia chiến dịch từ hướng Bắc Sài Gòn.

Ngày 7 tháng 4, sau khi cùng lực lượng vũ trang và nhân dân Khu 5 giải phóng thành phố Đà Nẵng, Quân đoàn 2 (trừ Sư đoàn 324 được giao nhiệm vụ ở lại bảo vệ Huế, Đà Nẵng), được tăng cường Sư đoàn 3 - Tiểu đoàn 3 thiết giáp Quân khu 5, hình thành cánh quân Duyên Hải bắt đầu hành quân theo đường số 1 tiến vào Nam. Đội hình hành quân của Quân đoàn rải ra dài hàng trăm ki-lô-mét, gồm 2.276 xe chở bộ đội và hàng, 89 xe tăng - thiết giáp, 223 xe kéo pháo.

Với tinh thần “thần tốc, đánh địch mà đi, mở đường mà tiến”, Quân đoàn 2 bố trí đội hình hành quân và tiến công trong hành tiến bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng. Khối đi trước có sức đột phá mạnh gồm bộ binh, xe tăng, pháo binh, cao xạ; đủ sức đập tan các tuyến phòng thủ của địch; đồng thời có lực lượng công binh mạnh (Lữ đoàn 219 công binh quân đoàn và công binh Bộ Tư lệnh Trường Sơn - Đoàn 559) kịp thời khắc phục những trở ngại dọc đường tiến quân. Khối đi giữa có trung tâm chỉ huy, hỏa lực chi viện và các đơn vị tăng cường. Khối đi cuối cùng là lực lượng dự bị khá hùng hậu gồm bộ binh và các đơn vị binh chủng.

Theo quyết định của Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, cánh quân Duyên Hải có nhiệm vụ hành quân theo đường số 1 vào miền Đông Nam Bộ, nhanh chóng phá vỡ tuyến phòng thủ từ xa của địch ở Phan Rang, sau đó phát triển đánh chiếm Bà Rịa, Ô Cáp, khóa chặt sông Lòng Tàu và tiếp tục tiến công Sài Gòn từ hướng Đông Nam. Khi vào đến miền Đông Nam Bộ, cánh quân Duyên Hải thuộc quyền chỉ huy của Bộ Tư lệnh mặt trận Sài Gòn.

Ngày 11 tháng 4, bộ phận đi đầu của Quân đoàn vào tới Cam Ranh. Ngày 16 tháng 4, quân đoàn tới cửa ngõ Phan Rang - tuyến phòng thủ ngăn chặn từ xa của địch để bảo vệ Sài Gòn.

Thị xã Phan Rang (thủ phủ tỉnh Ninh Thuận) nằm ở ngã ba đường số 1 và đường số 11 đi Đà Lạt. Lực lượng địch ở tuyến phòng thủ này có lữ đoàn dù 2, sư đoàn 2 bộ binh, liên đoàn 31 biệt động quân và sư đoàn 6 không quân. Nguyễn

¹. Điện số 157-H-TK gửi Bộ Tư lệnh 559, tiền phương Đoàn 559, các sư đoàn, các đoàn binh khí kỹ thuật trên đường hành quân. (Đoàn 559 chuyển). Quân đoàn 1, Quân đoàn 2, Anh Lê Trọng Tấn - Điện gửi lúc 9 giờ 30 phút, ngày 7-4-1975. Số lưu 450/ĐB. Cục Cơ yếu Bộ Tổng tham mưu.

Vinh Nghi - trung tướng, tư lệnh tiền phương quân đoàn 3 ngay trực tiếp chỉ huy lực lượng phòng thủ ở Phan Rang.

Ngày 14 tháng 4, Sư đoàn 3 bộ binh (Quân khu 5) và Trung đoàn 25 bộ binh (mặt trận Tây Nguyên) được hỏa lực pháo binh chi viện tiến công thị xã Phan Rang, nhanh chóng phá vỡ cụm phòng ngự của địch ở phía bắc thị xã, áp sát sân bay Thành Sơn. Quân ngự được không quân và pháo từ tàu bắn chi viện đã chống trả quyết liệt.

Đề nhanh chóng dập nát tuyến phòng thủ của địch, mở đường đưa đại quân tiến vào Nam Bộ, một phân Quân đoàn 2 vừa tới Phan Rang được lệnh triển khai chiến đấu.

Ngày 16 tháng 4, Trung đoàn 101 Sư đoàn 325 tổ chức lực lượng thọc sâu binh chủng hợp thành tiến theo đường số 1 đánh thẳng vào thị xã từ hướng Bắc. Dẫn đầu đội hình tiến công là tiểu đoàn 1 bộ binh ngồi trên 20 xe tăng - thiết giáp. Tiểu đoàn 2 và tiểu đoàn 3 ngồi trên ô tô tiếp cận phía sau. Pháo nòng dài 85mm và pháo cao xạ 37mm cơ động trong đội hình sẵn sàng bắn ngắm trực tiếp vào mục tiêu trên mặt đất và máy bay địch. Lữ đoàn 164 pháo binh đi sau làm nhiệm vụ chi viện hỏa lực cho đội hình thọc sâu. Lúc này, Sư đoàn 3 và Trung đoàn 25 có nhiệm vụ đánh địch, phối hợp với mũi đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2.

Trước đòn tiến công dũng mãnh của ta, quân địch hoảng loạn, không đủ sức chống cự. Sau hai giờ chiến đấu, ta làm chủ hoàn toàn thị xã. Tiếp đó, Trung đoàn 101 và lực lượng hỏa lực tăng cường tiến ra chiếm cảng Tân Thành, Ninh Chữ, bịt chặt đường rút chạy ra biển của địch. Một bộ phận tiến xuống phía nam thị xã theo đường số 1 chiếm cầu Đạo Long và quận lỵ Phú Quý, khóa chặt đường bộ, không cho địch chạy về phía Nam,

Được tin thị xã Phan Rang bị thất thủ, tướng Nguyễn Vinh Nghi vẫn hy vọng dùng không quân, pháo binh chặn đứng đội hình phía sau của Quân đoàn 2 tiến vào thị xã, sau đó bao vây, tiêu diệt lực lượng của ta ở trong thị xã. Địch đã huy động hàng chục lần chiếc máy bay ném bom vào phía sau đội hình của Sư đoàn 325; đồng thời đưa quân dù từ sân bay Thành Sơn ra phản kích. Trung đoàn 101 Sư đoàn 325 và Sư đoàn 3 đã chiến đấu dũng cảm, đánh lui các đợt phản kích của địch, chiếm sân bay Thành Sơn. Toàn bộ quân địch ở Phan Rang tan rã. Tối ngày 16, trung tướng Nguyễn Vinh Nghi, chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang cùng nhiều sĩ quan của bộ chỉ huy tiền phương quân khu 3 đang chui lủi trốn ở khu vực bãi mía xã Mỹ Đức (nằm giữa sân bay Thành Sơn và thị xã Phan Rang) bị các lực lượng Sư đoàn 3 truy quét tàn binh tóm gọn. Trận tiến công Phan Rang trong hành tiến bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng của cánh quân Duyên Hải thắng lợi giòn giã. Ta tiêu diệt và bắt gọn bộ tư lệnh tiền phương quân đoàn 3 ngự, bộ tư lệnh sư đoàn 6 không quân, bộ tư lệnh sư đoàn 2 bộ binh; tiêu diệt và làm tan rã lữ đoàn 2 dù, liên đoàn biệt động 31, một trung đoàn của sư đoàn 2, toàn bộ lực lượng các tiểu khu Ninh Thuận; bắt gọn chỉ huy đầu só và hàng nghìn sĩ quan, binh lính; thu 40 máy bay, 60 khẩu pháo cùng nhiều trang bị kỹ thuật của địch; giải phóng hoàn toàn thị xã Phan Rang và tỉnh Ninh Thuận; góp

phần đập tan âm mưu của Mỹ - lập nguy tuyến phòng thủ từ xa để củng cố thế trận của chúng ở Sài Gòn - Gia Định.

Kịp thời biểu dương thắng lợi lớn của ta ở Phan Rang, ngay trong đêm 16 tháng 4, Bộ Tổng tư lệnh đã gửi điện vào tuyên dương thành tích của Quân đoàn 2 và các đơn vị tăng cường; đồng thời nhắc nhở các đơn vị nhanh chóng truy kích địch, phát triển tiến công thần tốc, táo bạo bất ngờ, khẩn trương giải phóng Bình Tuy, Bình Thuận, mở đường đưa lực lượng vào kịp thời tham gia giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Hai ngày sau (ngày 18 tháng 4) Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 gửi thư khen cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 3; động viên bộ đội lập nhiều chiến công mới xứng đáng với vinh dự được thay mặt lực lượng vũ trang Quân khu 5 tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

*

Tuyến phòng thủ từ xa tại Phan Rang bị đập nát bởi sức tiến công của cánh quân Duyên Hải làm cho kẻ thù càng thêm hoảng loạn. Để cản bước tiến của Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 Quân khu 5 thần tốc tiến về Nam, địch đã cho tàu chiến chở một lực lượng biệt kích tập kích lên quận Tuy Phong (bắc Phan Thiết); cho nhiều máy bay ném bom và pháo từ hạm tàu đậu trên biển bắn mạnh dọc theo đường số 1. Tuy nhiên sự chống cự yếu ớt của địch lúc này không thể cản bước chân thần tốc của bộ đội ta. Quân đoàn 2 cho pháo xe kéo, pháo cao xạ hạ nòng bắt mãnh liệt vào tàu chiến địch đậu ven bờ, làm cháy 4 chiếc, bắn rơi tại chỗ 1 máy bay cường kích F5, bắn cháy 1 chiếc khác.

Ngày 18 tháng 4, một bộ phận của Sư đoàn 325 và các đơn vị binh chủng tiến công trong hành tiến, phối hợp với Trung đoàn 812 chủ lực Quân khu 6 và tiểu đoàn 15 bộ đội địa phương tỉnh Bình Thuận giải phóng thị xã Phan Thiết và toàn tỉnh Bình Thuận.

Bị đánh bất ngờ, tên tỉnh trưởng Bình Thuận không kịp lên máy bay trực thăng, bỏ mặc quân lính, theo ngõ hẻm ra bờ sông, lên một chiếc thuyền con chạy ra biển tẩu thoát.

Sau khi ổn định tình hình và tổ chức truy quét tàn binh địch ở Phan Thiết, Quân đoàn 2 nhanh chóng bàn giao địa bàn cho chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương, để tiếp tục hành tiến.

Sáng ngày 19 tháng 4, Quân đoàn 2 rời khỏi Phan Thiết, ào ạt vượt qua Bình Tuy, tiến vào Xuân Lộc.

Lúc này Xuân Lộc đang là điểm nóng bỏng nhất trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Sau khi các tuyến phòng thủ từ xa bị vỡ, địch tập trung củng cố các tuyến phòng thủ xung quanh Sài Gòn, đặc biệt là những khu vực then chốt như Xuân Lộc, Biên Hòa, Tây Ninh...

Xuân Lộc là tỉnh lỵ tỉnh Long Khánh, nằm trên ba trục giao thông quan trọng là đường số 1, đường 20 (từ Sài Gòn đi Đà Lạt) và đường 15 (Sài Gòn đi Vũng Tàu). Đây là cửa ngõ trọng yếu của Sài Gòn, được quân địch mệnh danh là "cánh cửa thép". Lực lượng địch chốt giữ ở Xuân Lộc có sư đoàn 18 bộ binh - sư đoàn được xem là "thiện chiến" nhất của quân đoàn 3 ngụy, liên đoàn biệt động

quân. 1 trung đoàn thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an của tiểu khu Long Khánh. Địch ở Xuân Lộc thường xuyên được chi viện nhanh chóng bởi lực lượng dự bị chiến lược của quân ngụy (lính dù, thủy quân lục chiến), hỏa lực pháo binh của quân đoàn 3 ngụy, lực lượng không quân khổng lồ ở sân bay Tân Sơn Nhất và sân bay Biên Hòa.

Về ta, trước sự chuyển biến hết sức mau lẹ của tình hình chiến sự, ngày 7 tháng 4 năm 1975, Thường vụ Trung ương Cục và Quân uỷ Miền thông qua kế hoạch tiến công quân sự trên mặt trận Sài Gòn. Theo đó, Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn 9 đã tăng cường cho Đoàn 232 ở hướng Tây Nam) cùng với Sư đoàn 6 chủ lực Quân khu 7 được giao nhiệm vụ tiến công thị xã Xuân Lộc.

5 giờ 40 phút sáng ngày 9 tháng 4, Quân đoàn 4 nổ súng đánh chiếm thị xã Xuân Lộc. Sư đoàn 341 vừa từ miền Bắc vào tăng cường cho Quân đoàn 4, có nhiệm vụ tiến công địch trên hướng thứ yếu tây bắc thị xã. Chiến trường tuy rất mới lạ, nhưng cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 341 - Sông Lam đã nhanh chóng nắm bắt tình hình địch, khẩn trương hoàn tất công tác chuẩn bị, nổ súng đúng kế hoạch.

Sau một ngày đêm chiến đấu vô cùng quyết liệt, Sư đoàn 341 đã chiếm được khu cố vấn Mỹ, trung tâm thông tin, ty cảnh sát, khách sạn bến xe Xuân Lộc; tiếp đó đập tan cuộc phản kích của ba tiểu đoàn địch, giữ vững các vị trí đã chiếm được.

Trên hướng chủ yếu - phía đông thị xã, Sư đoàn 7 gặp hệ thống phòng thủ khá mạnh của địch. Trong khi pháo binh ta chưa chế áp được hỏa lực của địch, tạo điều kiện cho bộ binh phát triển tiến công, thì máy bay địch oanh tạc dữ dội, làm cho các đợt tiến công của Sư đoàn 7 vào căn cứ sư đoàn 18 và lữ đoàn 52 ngụy đều không thành công. Trận đánh diễn ra vô cùng quyết liệt. Bộ đội ta giành giật với địch từng căn nhà, đoạn chiến hào, góc phố. Bộ Tư lệnh quân đoàn 3 ngụy gấp rút điều lữ đoàn dù số 1, trung đoàn 8 thuộc sư đoàn 5 bộ binh, liên đoàn 2 biệt động quân, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng - bọc thép từ Sài Gòn, Tây Ninh lên tăng cường cho sư đoàn 18, quyết "tử thủ" Xuân Lộc.

Lúc này, để giữ bằng được Xuân Lộc, địch đã phải huy động 50 phần trăm quân chủ lực, 60 phần trăm lực lượng pháo binh và hầu hết xe tăng - thiết giáp của quân đoàn 3 cùng với lực lượng dự bị chiến lược tương đương một sư đoàn, dồn sức chống trả quyết liệt. Địch huy động máy bay từ các sân bay Tân Sơn Nhất, Biên Hòa, Trà Nóc (Cần Thơ) oanh tạc dữ dội xuống Xuân Lộc, gây cho ta nhiều tổn thất. Riêng Sư đoàn 341, chỉ trong 2 ngày (9 và 10 tháng 4) đã có tới hơn 1.000 cán bộ, chiến sĩ hy sinh và bị thương. Hơn một nửa số xe tăng của ta bị bắn hỏng. Dạn pháo tiêu hao lớn.

Trong khi trên toàn chiến trường miền Nam, kẻ địch đang hoang mang, rệu rã, thậm chí tan rã từng mảng lớn, thì ở miền Đông Nam Bộ - đặc biệt là cửa ngõ phía bắc Sài Gòn, địch đang dồn sức để giữ sào huyệt cuối cùng của chúng.

Trước tình hình địch ngoan cố "tử thủ" Xuân Lộc, Bộ Tư lệnh Miền và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 thống nhất nhận định: Đối với địch, Xuân Lộc chỉ có giá trị phòng thủ khi được kết nối liên hoàn với Biên Hòa. Nếu ta vô hiệu hóa sự kết

nổi đó, Xuân Lộc ất bại vỡ. Từ nhận định đó, Bộ Tư lệnh Miền và Quân đoàn 4 quyết định thay đổi cách đánh, từ tiến công thẳng vào thị xã, ta chuyển sang đánh các đơn vị địch đến phản kích, đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, chia cắt Xuân Lộc với Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa. Trung đoàn 95 Sư đoàn 325 vừa từ Tây Nguyên vào cùng với 1 đại đội xe tăng được tăng cường cho mặt trận. Cùng lúc, pháo của Quân đoàn 4 bắn mãnh liệt vào các vị trí đóng quân của sư đoàn 18 ngụy và lữ đoàn dù; chi viện đặc lực cho bộ binh ta tiêu diệt từng bộ phận quân địch khi chúng nống ra cứu nguy cho đồng bọn ở vòng ngoài. Pháo binh ta còn bắn phá sân bay Biên Hòa, phá hủy nhiều máy bay của địch. Được hỏa lực pháo binh yểm trợ, Sư đoàn 6 Quân khu 7 và Trung đoàn 95 Sư đoàn 325 lần lượt đánh chiếm chi khu Túc Trưng, Kiện Tân, diệt trung đoàn 52 sư đoàn 18. sau đó phát triển theo đường 20 đánh lui lữ đoàn 3 kỵ binh từ Biên Hòa ra phản kích, chiếm được ngã ba Dầu Dây. Đến đây, đường số 1 từ Biên Hòa đi Xuân Lộc bị ta cắt đứt. Địch ở Xuân Lộc bị tổn thất nặng và bị cô lập hoàn toàn.

Ngày 20 tháng 4, lực lượng đi đầu của Quân đoàn 2 thuộc cánh quân Duyên Hải tiến vào khu vực Rừng Lá, cách Xuân Lộc gần 20 ki-lô-mét.

Trong thế bị bao vây cô lập và trước nguy cơ bị tiêu diệt, đêm 20 tháng 4, quân địch ở Xuân Lộc vội vàng tháo chạy theo liên tỉnh lộ 2 về Bà Rịa. Do chậm phát hiện địch rút chạy và tổ chức lực lượng chặn đánh không thích hợp, nên Quân đoàn 4 và các đơn vị của Quân khu 7 chỉ diệt được một phần quân địch ở đây.

Thị xã Xuân Lộc được giải phóng. Cánh “cửa thép” phía Đông trên đường tiếng vào Sài Gòn được mở toang. Quân đoàn 4, Quân đoàn 2, Sư đoàn 3, Quân khu 5 và các lực lượng vũ trang địa phương đã hình thành mũi vu hồi chiến dịch vô cùng lợi hại ở phía Đông và Đông Nam Sài Gòn.

Ở phía Tây Nam Sài Gòn, để thực hiện chia cắt chiến lược giữa đồng bằng sông Cửu Long với Sài Gòn và tạo thế, đưa lực lượng áp sát Sài Gòn, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, từ đầu năm 1975, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền đã đưa một số đơn vị chủ lực xuống hoạt động ở chiến trường Khu 8. Tiếp đó, Đoàn 232 được thành lập tương đương cấp quân đoàn đứng chân ở địa bàn này. Đoàn 232 gồm Sư đoàn 3, Sư đoàn 5 bộ binh, các đơn vị binh chủng kỹ thuật và được tăng cường Sư đoàn 9 Quân đoàn 4. Trung tướng Lê Đức Anh là Tư lệnh, Thiếu tướng Lê Văn Tường là Chính ủy.

Đầu tháng 4 năm 1975, để chia lửa với mặt trận Xuân Lộc, Sư đoàn 5 tiến công khu vực phòng thủ của địch ở Thủ Thừa - Bến Lức, nhưng do chuẩn bị chưa tốt, hỏa lực hạn chế, trong khi địch ở đây chưa tan rã hẳn, nên sư đoàn không dứt điểm được mục tiêu. Cùng thời gian, Sư đoàn 3 và Sư đoàn 9 tổ chức đội hình chiến đấu thành từng phân đội nhỏ, khéo léo vượt qua địa hình sinh lầy, trống trải, đánh địch rất hiệu quả. Trung tuần tháng 4, hai sư đoàn (3 và 9) đã giải phóng khu vực An Ninh - Lộc giang, tạo bàn đạp chuẩn bị tiến công Sài Gòn từ hướng Tây Nam.

Lúc này, các lực lượng vũ trang Khu 8 gồm Sư đoàn 8 chủ lực quân khu và hai trung đoàn (24, 88) do Bộ Tư lệnh Miền tăng cường xuống, cùng bộ đội địa phương Long An, đẩy mạnh tiến công địch, nhổ hàng chục đồn bốt và chi khu quân sự, giải phóng 12 xã thuộc các huyện Châu Thành, Cần Đức... của Long An, uy hiếp Sài Gòn từ hướng Nam.

Trên chiến trường Khu 9, Sư đoàn 4 và bộ đội địa phương ngày càng áp sát thành phố Cần Thơ; bộ đội đặc công liên tục đánh phá, khống chế sân bay Trà Nóc.

Trong nội thành Sài Gòn - Gia Định, thời gian này 6 trung đoàn đặc công, 4 tiểu đoàn và 11 đội biệt động bí mật, khẩn trương triển khai lực lượng ở vùng ven, dần dần áp sát mục tiêu ở nội thành, chuẩn bị chiếm giữ, bảo vệ các cầu lớn ra vào thành phố, bảo đảm giao thông cho các binh đoàn chủ lực đánh vào nội đô.

Nắm vững sự chuyển biến mau lẹ của tình hình, trên cơ sở xây dựng lực lượng từ trước, Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định, do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư đã điều động hơn 1.700 cán bộ vào các quận nội thành vào vùng ven làm nòng cốt, chuẩn bị tổ chức, sẵn sàng phát động quần chúng nổi dậy phối hợp với đòn tiến công của bộ đội chủ lực từ ngoài vào để giải phóng thành phố. Lực lượng vũ trang thuộc Bộ Tư lệnh thành phố gồm 2 trung đoàn, 5 tiểu đoàn và các đại đội bộ đội huyện ngoại thành sẵn sàng chiến đấu... Quần chúng nhân dân hồ hởi, in truyền đơn, may cờ, viết biểu ngữ..., nóng lòng chờ đón Quân giải phóng vào cùng hợp sức giải phóng thành phố.

Như vậy vào giữa tháng 4 năm 1975, ta đã tạo được thế trận bao vây thành phố Sài Gòn - Gia Định từ nhiều mặt, một thế hợp vây, chia cắt địch; thế tiến công mạnh và hiểm, kết hợp cả tiến công bên ngoài của lực lượng quân sự và nổi dậy bên trong của đông đảo quần chúng nhân dân.

Trước khi tiến hành đòn tiến công quyết chiến chiến lược cuối cùng, thể theo nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ trên chiến trường, ngày 13 tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh chiến dịch thống nhất đề nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định được mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh.

19 giờ ngày 14 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị gửi điện số 37/TK cho Bộ Tư lệnh chiến dịch: "Đồng ý chiến dịch Sài Gòn là Chiến dịch Hồ Chí Minh"¹.

Bộ Chính trị khẳng định: "Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, có kết hợp với nổi dậy của quần chúng kết thúc chiến tranh. Đó là chiến dịch quyết chiến chiến lược lịch sử"².

Thấm nhuần tư tưởng chỉ đạo: "Táo bạo, bất ngờ, chắc thắng" của Bộ Chính trị, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh xác định cách đánh của chiến dịch như sau: "Dùng một bộ phận lực lượng thích hợp, trên từng hướng, đủ sức hình thành bao vây chia cắt, chặn giữ quân địch lại không cho chúng rút chạy về Sài Gòn;

^{1, 2}. Dẫn theo Lịch sử Quân đội..., tập II, Sdd, tr.551.

tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn chủ lực của địch phòng thủ vòng ngoài; đồng thời dùng đại bộ phận lực lượng của ta nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn đột kích cơ giới mạnh đã được tổ chức chặt chẽ, tiến nhanh theo các trục đường lớn đánh thẳng vào năm mục tiêu đã được chọn lựa trong nội thành”¹.

Sài Gòn - Gia Định là một trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự và là dinh lũy cuối cùng của Mỹ - ngụy. Vào tháng 4 năm 1975, thành phố có gần 4 triệu dân. Nhân dân Sài Gòn - Gia Định có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, đi đầu chống Mỹ:

Về phía địch, sau những thất bại ở Tây Nguyên, Trị - Thiên - Huế, Đà Nẵng và tiếp đó là thất thủ ở Phan Rang, Xuân Lộc, kế hoạch phòng thủ từ xa bị phá sản; chính quyền, quân đội Sài Gòn hoang mang tột độ, phòng thủ bị động.

Ngày 23 tháng 4, Tổng thống Mỹ - G. Pho tuyên bố “cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ”. Tiếp đó, Mỹ quyết định di tản người Mỹ ta khỏi Sài Gòn. Về phía chính quyền ngụy, ngày 21 tháng 4, Nguyễn Văn Thiệu từ chức tổng thống, bỏ chạy ra nước ngoài, Trần Văn Hương lên thay.

Lực lượng phòng thủ Sài Gòn của địch lúc này còn khá đông. Ở vòng ngoài, có các sư đoàn: 5, 18, 25, 22, được bố trí thành tuyến phòng thủ cách trung tâm Sài Gòn từ 30 - 50 ki-lô-mét, từ Long An qua Tây Ninh, Biên Hòa đến Long Bình. Địch hy vọng dựa vào các căn cứ và các cụm cứ điểm lớn, vững chắc để ngăn và đẩy lùi các cuộc tiến công của ta.

Ở vùng ven Sài Gòn, lực lượng địch có 3 lữ đoàn dù và thủy quân lục chiến, 3 liên đoàn biệt động quân được bố trí ở Hóc Môn, Tân Sơn Nhất, Bình Chánh, Gò Vấp, Nhà Bè, làm nhiệm vụ bảo vệ khu vực và sẵn sàng cơ động ứng cứu cho vòng ngoài.

Ở nội thành, địch tổ chức thành 5 liên khu; lực lượng chủ yếu là cảnh sát và phòng vệ dân sự.

Về ta, lực lượng tham gia chiến dịch có 4 quân đoàn, Đoàn 232 (tương đương quân đoàn), hầu hết các đơn vị binh chủng kỹ thuật thuộc lực lượng dự bị chiến lược cộng với lực lượng quân sự, chính trị của Quân khu 7 và thành phố Sài Gòn - Gia Định. Tổng lực lượng của ta tham gia chiến đấu gồm hơn 270.000 quân (trong đó có 250.000 bộ đội chủ lực, 20.000 bộ đội địa phương) và 180.000 người thuộc lực lượng hậu cần chiến dịch, chiến lược.

Căn cứ tương quan thế, lực giữa ta và địch, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định từ năm hướng: Tây Bắc, Bắc - Đông Bắc, Đông - Đông Nam, Tây và Tây Nam.

Dảm nhiệm hướng Tây Bắc là Quân đoàn 3 - Binh đoàn Tây Nguyên do Thiếu tướng Vũ Lăng làm Tư lệnh, đại tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính uỷ, có 3 sư đoàn bộ binh và các đơn vị binh chủng (tổng quân số khoảng 46.000); ngoài ra có Trung đoàn Gia Định 1, Trung đoàn Gia Định 2, các đội đặc công, biệt động của

¹. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa xuân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tr.229.

Thành đội Sài Gòn, lực lượng pháo binh, phòng không chiến dịch chi viện. Nhiệm vụ của lực lượng ta ở hướng này là đánh chiếm Đồng Dù (Tây Ninh), tiêu diệt sư đoàn 25 ngụy, đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và cùng Quân đoàn 1 (hướng bắc - Đông Bắc) đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy.

Ở hướng Bắc - Đông Bắc, Quân đoàn 1 - Binh đoàn Quyết Thắng (thiếu Sư đoàn 308), do Thiếu tướng Nguyễn Hòa làm Tư lệnh, Thiếu tướng Hoàng Minh Thi làm Chính ủy, có 2 sư đoàn và các đơn vị binh chủng kỹ thuật (tổng quân số khoảng 30.000), được tăng cường Trung đoàn 95 Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 và một trung đoàn pháo cao xạ tự hành, có nhiệm vụ đánh chiếm căn cứ Phú Lợi (Bình Dương), tiêu diệt sư đoàn 5 ngụy, tiếp đó phát triển đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy và căn cứ bộ tư lệnh các binh chủng của chúng ở khu vực Gò Vấp.

Trên hướng Đông và Đông Nam, lực lượng ta đã bố trí gồm Quân đoàn 2 và quân đoàn 4.

Quân đoàn 4 do Thiếu tướng Hoàng Cầm làm Tư lệnh, Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện làm Chính ủy, có 3 sư đoàn và các đơn vị binh chủng kỹ thuật (khoảng 30.000 quân) được tăng cường Lữ đoàn 52 bộ binh Quân khu 5, một tiểu đoàn pháo 130mm, ba tiểu đoàn xe tăng - thiết giáp, một trung đoàn và một tiểu đoàn pháo cao xạ hỗn hợp; có nhiệm vụ tiêu diệt sở chỉ huy Bộ Tư lệnh quân đoàn 3 ngụy và sư đoàn 18 ngụy ở Biên Hòa, sau đó thọc sâu đánh chiếm dinh Độc Lập.

Trên hướng Tây và Tây Nam, đoàn 232, do Trung tướng Lê Đức Anh làm Tư lệnh, Thiếu tướng Lê Văn Tường làm Chính ủy, có ba sư đoàn bộ binh, ba tiểu đoàn xe tăng - thiết giáp, một đại đội thiết giáp, một tiểu đoàn pháo 130mm, một trung đoàn và năm tiểu đoàn pháo cao xạ, cộng với bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương Quân khu 8 (tổng số khoảng 42.000 quân); có nhiệm vụ tiêu diệt sư đoàn 25 ngụy, cắt đứt đường số 4, rồi phát triển thọc sâu đánh chiếm biệt khu Thủ đô ngụy, tổng nha cảnh sát.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh chiến dịch, đến ngày 26 tháng 4, các đơn vị tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh đã vào đến vị trí tập kết, sẵn sàng đợi lệnh tiến công vào Sài Gòn - Gia Định.

Cùng với chỉ đạo các đơn vị làm công tác chuẩn bị, sẵn sàng nổ súng mở màn chiến dịch, được Bộ Tổng tư lệnh nhất trí, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định sử dụng một số máy bay mà ta mới thu được của địch đánh phá sân bay Tân Sơn Nhất làm rối loạn, suy sụp hơn nữa tinh thần của địch, ngăn cản việc di tản của chúng. Đồng thời, từ đầu tháng 4, sau khi giải phóng Đà Nẵng và các tỉnh duyên hải miền Trung, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh chủ trương sử dụng một lực lượng không quân phối hợp với Quân khu 5 và Quân chủng Hải quân tiến ra giải phóng các đảo ven bờ và quần đảo Trường Sa.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Tư lệnh chiến dịch, các quân đoàn, cánh quân đã nhanh chóng phổ biến tình hình nhiệm vụ cho từng đơn vị, làm tốt công tác chính trị - tư tưởng, động viên xây dựng quyết tâm chiến đấu cho từng cán bộ, chiến sĩ; xác định vinh dự, tự hào được tham gia chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Đúng 17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, trận tổng công kích vào Sài Gòn bắt đầu.

Trên hướng Đông - Đông Nam, gần hai chục tiểu đoàn pháo binh của Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 đồng loạt nổ súng dội bão lửa vào khu vực Trảng Bom, Hố Nai, Biên Hòa, Nước Trong, Long Thành, Đức Thạnh, Bà Rịa... Lợi dụng lúc pháo binh phát huy hỏa lực “gìm” đầu quân địch, bộ binh và xe tăng khẩn trương vận động vào chiếm lĩnh bàn đạp, chuẩn bị xung phong.

Sau 45 phút pháo bắn chuẩn bị, từ các cánh rừng cao su, các vườn trái rậm rạp, các sườn đồi, thê đội 1 của Quân đoàn 2 gồm bộ binh, xe tăng đồng loạt tiến công các cụm phòng thủ của địch trên hướng chính diện tiến công. Sư đoàn bộ binh 325 tiến công chi khu Long Thành, nhanh chóng tiêu diệt 3 tiểu đoàn địch, bắt 500 tên; sau đó vượt đường 15, giải phóng Phước Tường, bao vây Long Tân. Sư đoàn 3 Quân khu 5 dưới sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 nhanh chóng đánh chiếm quận lỵ Đức Thạnh và thị xã Bà Rịa. Phối hợp với bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương Phước Tuy tiến công giải phóng các huyện Xuyên Mộc, Long Lễ, Đất Đỏ. Đến trưa ngày 27 tháng 4, thị xã Bà Rịa và toàn tỉnh Phước Tuy được giải phóng.

Ở hướng tiến công chủ yếu của Quân đoàn 2, Sư đoàn 304 có nhiệm vụ tiêu diệt căn cứ Nước Trong, trường thiết giáp, trường bộ binh của quân ngụy. Tại đây, một lực lượng lớn học viên sĩ quan bộ binh, thiết giáp ngụy đã cùng lữ đoàn 468 lính thủy đánh bộ và trung đoàn 318 thiết giáp dồn sức chống cự quyết liệt suốt ngày 27 tháng 4. Bộ đội ta quyết đánh chiếm được mục tiêu, trong khi ngoài sức phản kích của bộ binh, địch còn cho hàng trăm lần chiếc máy bay ném bom vào đội hình của ta. Trời đầu hè nóng như rang, bộ đội thiếu nước uống trầm trọng. Sư đoàn 304 phải cho xe vượt dưới làn lửa đạn chờ nước tiếp tế cho bộ đội.

Tại khu vực Nước Trong, trong ngày 27 tháng 4, khi Sư đoàn 304 lần thứ hai nổ súng tiến công địch ở trục đường 15 thì địch cũng bắt đầu phản kích đánh vào trường thiết giáp - vị trí ta đánh chiếm được trong lần phản kích thứ nhất. Trung đoàn 9 phải chuyển sang đánh địch. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng quyết liệt. Ở đây đã nổi lên tinh thần chiến đấu vô cùng dũng cảm, mưu trí của trung đội 2 mang tên trung đội Mai Quốc Ca anh hùng. Đến chiều ngày 27 tháng 4, Trung đoàn 9 đã bẻ gãy đợt phản kích quy mô lớn nhất và cũng là đợt phản kích cuối cùng của địch trong ngày, làm thất bại mưu đồ chiếm lại trường thiết giáp của địch. Tuy nhiên, ta vẫn chưa phát triển tiến công được.

Sau một đêm tổ chức lại lực lượng và nghiên cứu kỹ tình hình địch, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 quyết định không đánh “võ mặt” mà tập trung lực lượng xe tăng vào cạnh sườn, phía sau địch. Chính lối đánh này đã phát huy hiệu quả. Đến 17 giờ ngày 28 tháng 4, toàn bộ quân địch ở căn cứ Nước Trong bị tiêu diệt. Quân đoàn 2 làm chủ hoàn toàn căn cứ này.

*

Thực hiện nhiệm vụ Bộ Tư lệnh chiến dịch giao, đội hình Quân đoàn 4 nhanh chóng phát triển theo trục đường số 1. Do đã có được kinh nghiệm của

trận đánh vào Xuân Lộc, Sư đoàn 341 - Sông Lam nhanh chóng đập nát khu vực phòng thủ của địch, làm chủ chi khu Trảng Bom do sư đoàn bộ binh 18 và trung đoàn 5 thiết giáp ngự chốt giữ, vào lúc 10 giờ ngày 27 tháng 4. Tiếp đó, Quân đoàn 4 nhanh chóng phát triển tiến công địch ở Hồ Nai - ngoại vi thị xã Biên Hòa, do lữ đoàn 3 kỵ binh thiết giáp và lữ đoàn 4 quân dù chốt giữ. Mặc dù địch dồn binh lực chống cự, nhưng trước sức tiến công dũng mãnh của bộ binh và sự chi viện tích cực, hiệu quả của hỏa lực pháo binh chiến dịch, làm tê liệt sân bay Biên Hòa; chiều ngày 28 tháng 4, địch phải di tản máy bay về sân bay Tân Sơn Nhất và sơ chỉ huy quân đoàn 3 ngự bỏ Biên Hòa tháo chạy về Gò Vấp.

Trên hướng Nam và Tây Nam, Sư đoàn 5 Đoàn 232 đánh thiệt hại nặng sư đoàn 22 ngự, nhanh chóng làm chủ đường số 4 đoạn từ Bến Lức đi Tân An. Sư đoàn 8 Quân khu 8 và lực lượng công binh quân khu cùng bộ đội địa phương, du kích đánh chiếm ngã ba Trung Lương đi Tân Hiệp, Long Định và làm chủ đường số 4 đoạn Cai Lậy đi An Hữu. Như vậy, đường số 4 - con đường huyết mạch của địch nối Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long hoàn toàn bị cắt đứt. Cùng thời gian, Sư đoàn 3 đánh chiếm đầu cầu, bảo đảm cho lực lượng đột kích - chủ yếu là Sư đoàn 9 bộ binh và lực lượng binh khí kỹ thuật vượt sông Vàm Cỏ Đông sang chiếm khu vực tây Vĩnh Lộc và Mỹ Hạnh. Trung đoàn 24 và Trung đoàn 28 đánh địch, mở rộng hành lang, phát triển lên phía Bắc.

Ở hướng Bắc, Sư đoàn 312 Quân đoàn 1 có tiểu đoàn 2 bộ đội địa phương Bình Dương phối hợp tiêu diệt một số trận địa pháo của địch, làm chủ đường 16 một quãng khá dài, bao vây căn cứ Phú Lợi và làm chủ toàn bộ khu vực phía bắc thị xã Thủ Dầu Một; khống chế không cho sư đoàn 5 ngự co cụm lực lượng về Sài Gòn.

Ở hướng Tây Bắc, Quân đoàn 3 tập trung hỏa lực pháo binh tiêu diệt 11 trong số 18 trận địa pháo của địch trong khu vực tác chiến, bảo đảm cho các đơn vị triển khai đội hình tiến công địch. Sư đoàn 316 chốt chặn dọc đường số 1 và đường 22, kiềm chế sư đoàn bộ binh 25 ngự, không cho chúng từ Tây Ninh rút về Đồng Dù và Hóc môn. Sư đoàn 320A đưa lực lượng áp sát, chuẩn bị tiến đánh căn cứ Đồng Dù.

Trong khi các binh đoàn chủ lực cơ động tiến sát Sài Gòn, bộ đội đặc công biệt động vùng ven đô nhanh chóng đánh chiếm các cầu trên các trục đường hướng vào nội đô, chuẩn bị cho các binh đoàn chủ lực tiến vào đánh chiếm sào huyệt cuối cùng của địch. Ngày 27 và 28 tháng 4, Trung đoàn 113 đặc công đánh chiếm cầu Rạch Chiếc và cầu Rạch Cát. Trung đoàn 115 đặc công cùng với một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn Gia Định chiếm cầu Bình Phước, làm chủ xa lộ Đại Hàn đoạn từ cầu Bình Phước đến Quán Tre. Trung đoàn 116 đặc công chiếm cầu xa lộ Biên Hòa. Tiếp đó bộ đội đặc công đã chiến đấu kiên cường, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, bảo vệ cầu cho đến khi các binh đoàn chủ lực tiến vào nội đô. Chiến công của bộ đội đặc công Rừng Sắt và biệt động, tự vệ Thành Sài Gòn đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của Đoàn chiến dịch.

Phối hợp với cuộc tiến công của các binh đoàn chủ lực, bộ đội không quân cũng được lệnh tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh.

Đúng 15 giờ 40 phút ngày 28 tháng 4, một phi đội máy bay A37 - phi đội “Quyết Thắng” do phi công Nguyễn Văn Lục chỉ huy, trong đó có phi công Nguyễn Thành trung (người đã lái máy bay ném bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất ngày 8 tháng 4) dẫn đường, cất cánh từ sân bay Thành Sơn - Phan Rang bay vào Sài Gòn. Phi đội đã ném bom trúng khu vực để máy bay của địch ở sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy 24 máy bay, diệt 200 binh lính và nhân viên sân bay. Tiếng bom của máy bay ta ném xuống sân bay Tân Sơn Nhất trong chiều ngày 28 tháng 4 càng gây thêm bàng hoàng, khiếp đảm cho kẻ địch.

Đến chiều ngày 28 tháng 4, sau gần hai ngày đêm chiến đấu, các binh đoàn chủ lực cơ động của ta được bộ đội địa phương phối hợp chiến đấu đã phá vỡ các khu vực phòng thủ vòng ngoài của địch, cắt đứt đường số 4 - con đường huyết mạch nối Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó, ta đã hình thành thế hợp vây Sài Gòn - Gia Định từ các hướng, bao vây ngăn chặn không cho các sư đoàn chủ lực của địch co cụm về vùng ven và nội thành. Bộ tổng tham mưu và các cơ quan chỉ huy quân đoàn 3 ngụy bỏ chạy. Mất chỉ huy về chiến lược, chiến dịch, địch đã rối loạn càng hỗn loạn đến đỉnh điểm. Trần Văn Hương từ chức Tổng thống chính quyền Sài Gòn, trao quyền cho Dương Văn Minh. Trong cơn giãy chết, Tổng thống mới Dương Văn Minh hô hào quân ngụy “không buông vũ khí”, “bảo vệ lãnh thổ”.

Diễn biến tình hình cho phép Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh khẳng định: Thời cơ mở trận tổng công kích trên toàn mặt trận đã đến. Từ nhận định đó, đêm 28 tháng 4, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh cho các cánh quân đồng loạt tiến công vào sáng ngày 29 tháng 4; đồng thời Quân khu 8 và Quân khu 9 cũng được lệnh phối hợp tiến công nổi dậy giải phóng miền Tây Nam Bộ.

Trước khi các cánh quân của ta thực hành Tổng tiến công, 5 giờ sáng ngày 29 tháng 4, Bộ Chính trị gửi điện nhiệt liệt khen ngợi toàn thể các đơn vị lập được nhiều chiến công lớn trong những ngày qua; đồng thời kêu gọi đồng bào, đồng chí, cán bộ, chiến sĩ... nhanh chóng đánh thẳng vào sào huyệt cuối cùng của địch, đập tan mọi sức đề kháng của địch, kết hợp tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định. Bộ Chính trị cũng nhắc các đơn vị phải giữ nghiêm kỷ luật, triệt để chấp hành mọi chỉ thị, mệnh lệnh, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, nâng cao bản chất cách mạng và truyền thống quyết thắng của quân đội, giành thắng lợi hoàn toàn cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại.

Kiên quyết thực hiện đúng ý đồ của Bộ Chính trị là: “Phải công kích thật mạnh và liên tục, dồn dập cho tới toàn thắng, vừa tiến công vừa phòng ngự ngoại vi, vừa nắm kịp thời cơ thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn từ nhiều hướng... Thực hiện từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra, tạo điều kiện cho đồng bào nổi dậy”¹,

¹ . Lê Duẩn - Thư vào Nam, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.389-390.

ngày 29 tháng 4, quân ta phát triển tiến công đánh chiếm bàn đạp, chuẩn bị cho tổng công kích vào nội đô.

Ở hướng Đông, sáng sớm ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 nhanh chóng đánh chiếm chi khu Nhơn Trạch, khu kho Thành Tuy Hạ, phát triển đến Cát Lái. Sau khi Sư đoàn 325 đánh chiếm làm chủ chi khu Nhơn Trạch, Bộ Tư lệnh chiến dịch chỉ thị cho Quân đoàn 2 ra lệnh cho Lữ đoàn pháo 164 nhanh chóng đưa pháo 130mm vào xây dựng trận địa tại Nhơn Trạch để bắn vào Tân Sơn Nhất và một số mục tiêu khác.

Thực hiện mệnh lệnh của Quân đoàn, đêm 28 tháng 4, các khẩu đội pháo tầm xa 130mm gồm 36 khẩu và 24 khẩu cao xạ 57mm, 37mm của Lữ đoàn 164 rầm rập tiến vào Nhơn Trạch, tổ chức trận địa bắn chuẩn bị đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất và các mục tiêu khác trong thành phố: Cảng Cát Lái, cảng Sài Gòn..., sẵn diệt tàu chiến địch trên sông Lòng Tàu, sông Đồng Nai, cắt đứt đường thủy từ Sài Gòn ra biển và sẵn sàng đánh máy bay địch, bảo vệ đội hình tiến công của Sư đoàn 325.

Trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đây là lần đầu tiên ta đặt toàn bộ khu vực “thú đô” của địch trong tầm không chế của pháo tầm xa của ta. Việc tổ chức thành công một cụm pháo tầm xa sát nội đô Sài Gòn trước giờ tổng công kích, thể hiện tài thao lược của Bộ Chỉ huy chiến dịch và quyết tâm cao độ của cán bộ, chiến sĩ ta; đồng thời khẳng định thế áp đảo hoàn toàn của ta trong trận đánh cuối cùng.

Rạng sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch, Tư lệnh Quân đoàn 2 chỉ thị cho các trận địa pháo 130mm ở Nhơn Trạch bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, mở màn tổng công kích.

4 giờ 30 phút, khẩu đội của Nguyễn Văn Biên vinh dự bắn quả đạn đầu tiên. Tiếp sau đó, chỉ trong một thời gian ngắn, tiểu đoàn 3 đã bắn hơn 300 quả đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Phối hợp với pháo tầm xa của Quân đoàn 2, các súng phóng hỏa tiễn của bộ đội đặc công đặt ở các khu vực xung quanh sân bay cũng dồn dập bắn vào sân bay.

Tiếng pháo nổ rung chuyển đường phố Sài Gòn, báo hiệu đã đến giờ cáo chung của chế độ ngụy quyền tay sai Mỹ. Đồng thời tiếng pháo rền vang từ trận địa Nhơn Trạch cũng là “pháo hiệu” mở màn tổng công kích của quân và dân ta trên toàn mặt trận Sài Gòn - Gia Định. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh chiến dịch, các lực lượng đột kích thọc sâu vào năm cánh quân đồng loạt vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, ào ạt đánh vào nội đô, cùng các lực lượng giải phóng thành phố.

Để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ thọc sâu vào nội đô Sài Gòn, đánh chiếm những cơ sở trọng yếu của địch, ngay từ đầu chiến dịch, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 đã tổ chức một lực lượng cơ giới mạnh, gồm bộ binh, xe tăng - thiết giáp đóng vai trò nòng cốt. Toàn bộ lực lượng này đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh Quân đoàn. Đây là nghệ thuật tác chiến và hình thức tổ chức chiến đấu phù hợp mà Quân đoàn đã thực hành có hiệu quả khi đánh chiếm Đà Nẵng, Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân...

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng đột kích thọc sâu vào Quân đoàn 2 gồm: Lữ đoàn 203 xe tăng, thiết giáp, Trung đoàn 66 bộ binh, hành quân bằng 50 ô tô bánh hơi, một đại đội bộ binh của Trung đoàn 18 Sư đoàn 325 ngồi trên xe thiết giáp, tiểu đoàn 4 pháo tầm xa Lữ đoàn 164 pháo binh và một số khẩu đội pháo 85mm bắn thẳng thuộc Trung đoàn 68 Sư đoàn 304, tiểu đoàn 7 Trung đoàn 284 Sư đoàn phòng không 673, tiểu đoàn 2 công binh Lữ đoàn công binh 219...

Đi cùng lực lượng đột kích thọc sâu có sở chỉ huy tiền phương của Quân đoàn, do Tư lệnh quân đoàn Nguyễn Hữu An trực tiếp chỉ huy.

Sáng ngày 29 tháng 4, tiếng pháo cấp tập vào sân bay Tân Sơn Nhất vừa dứt, lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 ào ạt tiến tới đông bắc cầu sông Buông, phát hiện cầu sông Buông bị địch phá hỏng, Quân đoàn lệnh cho Lữ đoàn công binh 219 nhanh chóng khắc phục; đồng thời cho 2 trung đoàn của Sư đoàn 304 vượt sông đánh vào hai bên sườn địch ở cầu sông Buông, tổng kho Long Bình, yểm trợ cho Lữ đoàn 219 bắc lại cầu. Sau 2 giờ thông cầu, lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn ào ạt qua cầu, băng qua những lô cao su, rừng tre, bãi chuối ra đường 15, tiến về phía nội đô Sài Gòn. Tối nửa đêm 29 tháng 4, tiểu đoàn 1 Lữ đoàn xe tăng 203 dẫn đầu đội hình đã phát triển đến bắc cầu Xa Lộ trên sông Đồng Nai, bắt liên lạc với Trung đoàn 116 đặc công đang giữ vững cầu sau nhiều lần đánh lui các đợt phản kích của địch. Cán bộ, chiến sĩ đặc công ngồi trên xe tăng dẫn đường và cùng các chiến sĩ bộ binh truy quét các ổ phục kích của địch, bảo đảm cho xe tăng vượt qua cầu, tiếp tục tiến vào nội đô.

Cùng thời gian, ở hướng tiến công chủ yếu bên cánh phải của Quân đoàn, Sư đoàn 304 sau khi giải quyết xong khu vực ngã ba đường 15 và khu vực cầu sông Buông, nhanh chóng đánh vào khu căn cứ Long Bình, làm chủ mục tiêu quan trọng này.

Bên cánh trái Quân đoàn 2, sáng 29 tháng 4, Sư đoàn 325 giải quyết nốt phần còn lại của chi khu Nhơn Trạch và đánh sang khu vực Thành Tuy Hạ.

16 giờ ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 325 mở đợt tiến công quyết định. Sau gần 2 giờ chiến đấu, mục tiêu Thành Tuy Hạ được giải quyết xong.

Cùng ở hướng Đông, sáng ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 341 Quân đoàn 4 và Sư đoàn 6 bộ binh Quân khu 7 cơ động vòng qua Hồ Nai, đánh vào Biên Hòa. Đội hình đột kích thọc sâu của Quân đoàn 4 gồm Trung đoàn 141 và Trung đoàn 165 bộ binh (Sư đoàn 7), và một số tiểu đoàn xe tăng, pháo cao xạ, tiến công theo đường số 1. Quân địch tại sân bay Biên Hòa và căn cứ Hốc Bà Thúc chống cự quyết liệt. Do phải đột phá nhiều khu vực phòng thủ của địch, nên cho đến tối 29 tháng 4, Quân đoàn 4 chưa vượt qua thị xã Biên Hòa.

Trên hướng Bắc, Sư đoàn 312 Quân đoàn 1 tiến công căn cứ Phú Lợi. Trung đoàn 209 Sư đoàn 312 chốt chặn trên đường 13 và liên tỉnh lộ 14, diệt cánh quân địch từ Lai Khê- Bến Cát rút chạy về Bình Dương, bắt 200 tên. Bị ta chặn đánh, hầu hết sư đoàn 5 quân nguy phải quay lại vị trí cũ. Lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 1 gồm Trung đoàn 27 và trung đoàn 48 bộ binh (Sư đoàn 320B)

và một số tiểu đoàn binh chủng, nhanh chóng đánh chiếm chi khu Tân Uyên, căn cứ Lái Thiêu, mở đường tiến xuống Gò Vấp.

Ở hướng Tây Bắc, đêm 28 rạng ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 320A (thiếu) được tăng cường một tiểu đoàn (thiếu) xe tăng, một tiểu đoàn pháo 155mm, Trung đoàn phòng không 593 bí mật triển khai đội hình tiến công căn cứ Đồng Dù.

Đồng Dù là căn cứ quân sự hỗn hợp quy mô lớn, có vị trí rất quan trọng, nằm trên đường số 1, án ngữ tây bắc Sài Gòn. Đây vốn là căn cứ của sư đoàn 25 - "Tia chớp nhiệt đới" của Mỹ. Khi Sư đoàn 320A tiến công, địch ở căn cứ Đồng Dù gồm: Bộ Tư lệnh sư đoàn 25, ban chỉ huy trung đoàn 50, tiểu đoàn 2 bộ binh, một tiểu đoàn pháo hỗn hợp, một chi đoàn xe tăng - thiết giáp và hậu cứ trung đoàn 10 thiết giáp, các tiểu đoàn công binh, thông tin... chỉ huy căn cứ Củ Chi. Tổng quân số địch trên 3.000 tên, trang bị 34 xe tăng - bọc thép, gần 5.000 khẩu súng các loại, trong đó có 18 khẩu pháo lớn. Cậy quân đông, vũ khí trang bị mạnh, hệ thống công sự kiên cố, nên chuẩn tướng Lý Tông Bá - sư đoàn trưởng sư đoàn 25 ngụy hô hào binh lính "tử thủ".

Đúng 5 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4, pháo binh Sư đoàn 320A đồng loạt bắn vào căn cứ Đồng Dù. Hỏa lực pháo cấp tập trong 2 giờ. Trong tiếng gầm dữ dội của đạn đại bác và xe tăng, pháo phòng không, bộ binh Sư đoàn 320 dũng mãnh tiến công tiêu diệt căn cứ Đồng Dù. Địch dùng xe tăng đặt trong công sự bắn chặn các cửa mở và cho bộ binh đánh vòng phía sau đội hình ta. Kết hợp đột kích thọc sâu với vu hồi bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, Sư đoàn 320A đã làm chủ căn cứ Đồng Dù sau 5 giờ chiến đấu liên tục, quyết liệt. Vào lúc 11 giờ ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 320A làm chủ hoàn toàn căn cứ Đồng Dù. Lá cờ truyền thống của Đoàn Đồng Bằng pháp phối bay tại trung tâm chỉ huy sư đoàn 25 ngụy, báo hiệu trận đánh thắng lợi. Thắng trận này, sư đoàn 320A đã đập tan Bộ Tư lệnh sư đoàn 25 ngụy và các lực lượng địch trong căn cứ Đồng Dù, diệt trên 500 tên, bắt 2.269 tên, thu 4.909 khẩu súng các loại (có 9 khẩu đại bác 175mm, 155mm, 105mm), 100 máy thông tin, 2 máy bay, 423 xe quân sự (có 23 xe tăng, xe bọc thép). Chuẩn tướng Lý Tông Bá - tư lệnh sư đoàn 25 ngụy và đại tá Trần Thắng Chúc - tư lệnh phó sư đoàn chạy trốn bị du kích Củ Chi bắt ngày 30 tháng 4.

Căn cứ Đồng Dù bị đánh chiếm, cánh cửa thép án ngữ tây bắc Sài Gòn đã mở toang, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 3 đánh thẳng vào nội đô và Sư đoàn 316 tiêu diệt những lực lượng địch còn lại trên hướng tây bắc Sài Gòn.

Nắm chắc thời cơ địch ở Trảng Bàng, Gò Dầu Hạ hoang mang dao động mạnh khi biết căn cứ Đồng Dù thất thủ, Sư đoàn 316 kịp thời chuyển từ vây ép và đánh phản kích sang tiến công tiêu diệt các cụm địch. 11 giờ ngày 29 tháng 4 tiểu đoàn 4 Trung đoàn 148 tiến công làm chủ hoàn toàn khu vực Trà Võ, rồi đánh chiếm Bến Mương, truy kích địch về hướng Gò Dầu Hạ, Bến Đền, diệt và bắt hàng trăm tên địch, thu và phá hủy 4 khẩu pháo 105mm, 3 xe tăng. Trung đoàn 149 tiến công làm chủ sở chỉ huy chi khu Trảng Bàng lúc 17 giờ 15 phút, sau đó phát triển đánh chiếm trận địa pháo, chặn đánh liên đoàn 32 biệt động

quân rút chạy, diệt 76 tên, bắt 668 tên trong đó có tên liên đoàn trưởng Lê Khai Toàn, thu 2 khẩu pháo 155mm, 6 khẩu cối 106,7mm và hàng trăm súng các loại. Trên hướng Gò Dầu Hạ, Trung đoàn 174 liên tục tiến công, làm chủ toàn bộ khu vực Lào Táo, Phước Hiệp, Cây Trôm, Suối Sâu, diệt 100 tên địch, bắt 700 tên, thu toàn bộ vũ khí, kho tàng¹. Đến 17 giờ 30 phút Sư đoàn 316 cùng lực lượng vũ trang Tây Ninh xuất bản tiêu diệt và làm tan rã trung đoàn 46, 49, 50 liên đoàn biệt động quân 32, bảo an, dân vệ và sẵn sàng cơ động lực lượng vào phát triển tiến công các mục tiêu địch trong thành phố Sài Gòn.

Phối hợp chặt chẽ với Sư đoàn 320A và Sư đoàn 316 tiến công tiêu diệt địch trên tuyến phòng ngự vòng ngoài, Sư đoàn 10 - lực lượng thọc sâu binh chủng hợp thành của Quân đoàn do sư đoàn trưởng Đoàn Hồng Sơn và chính uỷ Lê Ngọc Châu chỉ huy, được tăng cường Trung đoàn 64 Sư đoàn 320A, Trung đoàn đặc công 198, Trung đoàn phòng không 234, trung đoàn xe tăng 273 (thiếu), 1 tiểu đoàn pháo 155mm, 6 cơ cấu A72 được hai cụm pháo binh số 4 và 6 chi viện, đánh vào tuyến phòng thủ ngoại vi Sài Gòn từ rất sớm. Phương châm tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Sư đoàn là: "Mạnh bạo, chắc thắng, đánh mạnh, nắm vững thời cơ thọc sâu phát triển nhanh, đánh hiểm, đánh trúng dứt điểm nhanh". Để mở đường cho chủ lực Sư đoàn cơ động đánh thọc sâu vào sân bay Tân Sơn Nhất, đêm 28 rạng sáng ngày 29 tháng 4 Trung đoàn đặc công 198 và Trung đoàn 64 thực hành luôn sâu áp sát mục tiêu cầu Bông (trên đường số 1), cầu Sáng (trên đường số 15) và một số mục tiêu khác dọc hai tuyến đường huyết mạch này. Hướng cầu Bông, lúc 3 giờ 30 phút ngày 29, Tiểu đoàn 20 đặc công Trung đoàn 198 với lối đánh luồn lốt sơ trường bất ngờ tập kích quân địch ở khu vực cầu Bông. Sau những phút đầu choáng váng, tiểu đoàn 81 biệt kích dù ngoan cố chống trả và tổ chức phản kích. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 10 kịp thời đưa đại đội 10 tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64 vào tiếp sức. Trận đánh kéo dài 50 phút, ta làm chủ hoàn toàn cầu Bông. Trên hướng cầu Sáng, do đường xa lại phải luồn lách tránh địch tuần phục nên đến 5 giờ sáng ngày 29 chỉ có một trung đội đặc công vào được vị trí triển khai và nổ súng. Bọn địch giữ cầu Sáng bị dồn về phía nam cầu nhưng ra sức chống cự. Chủ động phối hợp chiến đấu, đại đội 3 tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64 đang đến cách cầu hơn 1 ki-lô-mét đã vận động nhanh, bất ngờ đánh vào cụm địch, cùng lực lượng đặc công làm chủ cầu Sáng. Sau khi làm chủ hai cây cầu quan trọng trên đường số 1 và số 15, Trung đoàn đặc công 198 có đại đội 10 tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64 phối hợp triển khai lực lượng phòng giữ, khẩn trương gỡ các khối thuốc nổ địch gài dưới chân cầu và phát triển đánh chiếm Thành Quan Năm. Trung đoàn 64 sử dụng cả ba tiểu đoàn đánh vào các mục tiêu: Tiểu đoàn 7 phát triển theo đường 15 liên công quận lỵ Hóc Môn, cùng đơn vị bạn làm chủ hoàn toàn căn cứ này lúc 12 giờ; tiểu đoàn 8 và đại đội 11 tiểu đoàn 9 tiêu diệt tiểu đoàn 99 biệt động, 10 giờ 20 phút làm chủ Ấp Chợ, sau đó đánh tan một đoàn xe địch từ hướng Hậu Nghĩa về cầu Bông.

¹. Trích điện số 38 (ngày 7-5-1975) báo cáo "Tóm tắt kết quả và diễn biến chiến đấu của Sđ2" và Lịch sử sư đoàn 316, tập II, NXb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1986, tr.314, 315.

Trên hướng Tây Nam, Sư đoàn 3 Đoàn 232 phối hợp với bộ binh và xe tăng phối thuộc đánh chiếm quận lỵ Đức Hòa, giải phóng thị xã Hậu Nghĩa, bức địch rút khỏi Đức Huệ và căn cứ Trà Cú, nối thông hành lang trên sông Vàm Cỏ Đông. Sư đoàn 9 Đoàn 232 tiến công quân địch ở Mỹ Trạch, Vĩnh Lộc. Sư đoàn 5, Sư đoàn 8 Quân khu 8 tiếp tục cắt và khống chế đường số 4, đánh bại nhiều cuộc phản kích của địch. Trung đoàn 24 và Trung đoàn 88 bộ binh phát triển tiến công đến Cần Giuộc, Hưng Long...

Sau khi Sư đoàn 3 đánh chiếm Hậu Nghĩa, tàn quân địch tháo chạy theo hướng liên tỉnh lộ 8, bị Trung đoàn Gia Định 1 chặn đánh, bắt hơn 1.000 tên. Lực lượng đột kích thọc sâu của Đoàn 232 gồm Sư đoàn 9 và một số đơn vị binh chủng nhanh chóng tiến đến vùng ven thành phố.

Phối hợp với các mũi tiến công của các binh đoàn chủ lực cơ động, bộ đội đặc công, biệt động và lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục đánh lùi các đợt phản kích của địch, giữ vững các cầu trên hướng tiến của ta; đánh chiếm các chi khu Tân Túc, Tân Hòa, căn cứ ra đa Phú Lâm..., chặn tàn binh địch từng vùng ven chạy về nội thành.

Như vậy, trên toàn mặt trận Sài Gòn - Gia Định, sau ba ngày đêm chiến đấu quyết liệt, bộ đội ta đã đánh chiếm nhiều căn cứ, vị trí quan trọng của địch, đập tan hoàn toàn tuyến phòng thủ vòng ngoài của chúng, tiêu diệt và làm tan rã phần lớn các sư đoàn 5, 25, 22, 18, 7 của địch. Lực lượng đột kích thọc sâu của các quân đoàn trên các hướng đã tiến sát thành phố, chỉ cách trung tâm Sài Gòn chưa đầy 20 ki-lô-mét. Các lực lượng vũ trang tại chỗ hoạt động mạnh, chiếm giữ và bảo vệ vững chắc các cầu trên đường tiến của ta vào thành phố.

Hoảng sợ trước sức tiến công như vũ bão của ta, tướng Cao Văn Viên - tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn và nhiều tướng tá ngụy bỏ chạy. Tổng thống Mỹ, G. Phơ ra lệnh di tản người Mỹ ở Sài Gòn bằng máy bay lên thẳng. Cuộc di tản được mang tên "người liễu mạng" bắt đầu từ 11 giờ 15 phút ngày 29 tháng 4 năm 1975 đã đưa gần 5.000 người Mỹ còn lại ra khỏi miền Nam Việt Nam. Sáng ngày 30 tháng 4, đại sứ Mỹ tại Sài Gòn là Ma-tin cũng chuẩn nốt.

*

5 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, từ các hướng, bộ đội ta - mà nòng cốt là lực lượng đột kích thọc sâu ào ạt tiến vào Sài Gòn.

Trên hướng Tây Bắc, sau loạt pháo bắn chuẩn bị dội bão lửa vào sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu ngụy, đội hình đột kích thọc sâu của Quân đoàn 3 nhanh chóng vượt qua ngã tư Bảy Hiền, tiến vào sân bay Tân Sơn Nhất. Địch trong sân bay chống trả quyết liệt. Cùng lúc, máy bay của chúng từ sân bay Trà Nóc - Cần Thơ lên ném bom xuống đường phố, làm một số cán bộ chiến sĩ ta hy sinh. Nhưng lúc này không một trở lực nào có thể cản được bước tiến của ta. Đến 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, Quân đoàn 3 đã chiếm được Bộ Tư lệnh không

quân và Bộ Tư lệnh sư đoàn dù ngụy; bắt liên lạc được với phái đoàn ta trong Ủy ban liên hiệp quân sự bốn bên ở trại Đa-vít; làm chủ sân bay Tân Sơn Nhất.

Cùng thời gian này, Trung đoàn 28 và tiểu đoàn 2 xe tăng thuộc Trung đoàn 273, hai đại đội công binh và trinh sát, một tiểu đoàn cao xạ đi cùng, diệt các ổ đề kháng của địch, đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu ngụy. Vượt qua cổng chính, chiếc xe tăng mang số hiệu 927 và xe thiết giáp có số hiệu 001 đã vọt lên chắn trước thềm nhà Bộ Tổng tham mưu, chỉ viện cho xe tăng 819 và 872 tiến công. Trần Lưu và Nguyễn Duy Tuân đã kéo cờ Giải phóng lên cột cờ của tổng hành dinh quân ngụy đúng vào 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Từ hướng Bắc, Sư đoàn 312 Quân đoàn 1 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương nhanh chóng tiêu diệt và bức hàng quân địch ở căn cứ Phú Lợi; sau đó phát triển tiến công giải phóng thị xã Bình Dương. Theo dõi sát sao tình hình, biết tàn quân sư đoàn 5 của địch đang chạy từ Bến Cát về Bình Dương, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 nhanh chóng bố trí đội hình chốt chặn liên tỉnh lộ 14 tại khu vực An Lai, bắt gọn 36 xe và 1.200 tên; tiếp đó đánh thẳng lên căn cứ Lai Khê. Toàn bộ quân địch ở đây đầu hàng. Tư lệnh sư đoàn 5 - chuẩn tướng Lê Nguyên Vĩ không chịu được nổi nhục thất trận, đã tự sát.

Thừa thắng, đội hình đột kích thọc sâu của Quân đoàn 1 phát triển đánh chiếm Lái Thiêu. Tiến đến cầu Bình Triệu, gặp lữ đoàn 3 kỵ binh ngụy đang lập tuyến ngăn chặn mới, lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 1 tổ chức đột phá dũng mãnh, toàn bộ quân địch phải đầu hàng. Ta thu 140 xe tăng - thiết giáp; sau đó, bắt tù binh lái xe tăng của chúng dẫn đường để đội hình ta vượt cầu Bình Triệu, nhanh chóng tiếp cận mục tiêu được giao đảm trách là bộ Tổng tham mưu ngụy.

Như vậy từ các hướng, các binh đoàn chủ lực cơ động của ta được lực lượng tại chỗ phối hợp chiến đấu và phát triển khá thuận lợi.

Đội hình thọc sâu của Đoàn 232 từ hướng Tây Nam tiến theo đường số 4. Sau khi tiêu diệt tiểu đoàn dù của địch ở Bà Quẹo, Sư đoàn 9 nhanh chóng vượt qua ngã tư Bảy Hiền, chiếm Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ Đức của quân ngụy lúc 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4; bắt tướng Lâm Văn Phát - tư lệnh biệt khu Thủ Đức và nhiều sĩ quan thuộc hạ. Cùng lúc, Sư đoàn 5 tiến theo đường số 4, đánh chiếm thị xã Tân An và Thủ Thừa, diệt và bức hàng sư đoàn bộ binh 22 ngụy, liên đoàn 6 biệt động quân. Trung đoàn 24 và Trung đoàn 88 bộ binh phối hợp với Trung đoàn 429 đặc công đánh chiếm trụ sở tổng nha cảnh sát, Bộ Tư lệnh hải quân, kho xăng Nhà Bè...

Từ hướng Đông, đội hình đột kích thọc sâu của Quân đoàn 4 tiến công giải phóng thị xã Biên Hòa, quận lỵ Thủ Đức và đánh chiếm căn cứ Tam Hiệp. Tốc độ tiến quân của lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 4 đang phát triển tốt, nhưng khi đến cầu Ghềnh phải dừng lại. Cầu yếu, binh khí kỹ thuật - đặc biệt là xe tăng - thiết giáp không qua được. Trước tình thế đó, Bộ Tư lệnh Quân đoàn lập tức lệnh cho đội hình quay lại để vượt xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn, qua sông Đồng Nai để tiến vào dinh Độc Lập.

Trước tình hình hướng phát triển theo trục đường số 1 của Quân đoàn 4 gặp khó khăn, lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 càng nhận thấy trách nhiệm nặng nề của mình; quyết tâm tiến công địch mạnh hơn nữa theo trục xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn, để kịp thời đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu của Bộ Tư lệnh chiến dịch đã giao cho cánh quân phía Đông.

Xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn là tuyến giao thông chiến lược nối Sài Gòn với khu liên hợp quân sự Biên Hòa - Long Bình. Đây là con đường cao tốc hiện đại; mặt đường rộng, hai bên đường là cả một hệ thống kho tàng, công trình quân sự và các căn cứ của địch. Đánh bằng đội hình bộ binh cơ giới vào Sài Gòn theo xa lộ, thuận lợi cơ bản đối với Quân đoàn 2 là đường rộng, tốt; nhưng khó khăn là lực lượng của địch đông; nếu địch chống cự quyết liệt sẽ gây cho ta nhiều thương vong trước khi phát triển vào nội đô; mặt khác, nếu ta đánh chậm, địch có điều kiện phá cầu thì đội hình cơ giới của quân đoàn sẽ gặp khó khăn lớn trong thực hiện nhiệm vụ.

Nắm vững tình hình đó, vào lúc 4 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, tại một địa điểm cạnh cầu sông Buông, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 nhóm họp, hạ quyết tâm và thống nhất cách đánh, bảo đảm hậu cần - kỹ thuật.

Sáng 30 tháng 4, bầu trời Sài Gòn như vỡ ra bởi tiếng nổ của đạn pháo các cỡ, tiếng gầm rú của hàng nghìn động cơ xe máy của ta tiến vào nội đô và kẻ thù cuống cuồng tháo chạy.

Tuy nhiên, trước giờ cáo chung, quân địch vẫn hy vọng dựa vào lực lượng còn lại để chống cự, đồng thời trông chờ giải pháp "thương lượng" với ta của Dương Văn Minh¹.

Không chấp nhận "thương lượng" - một thủ đoạn mới của địch, quân và dân ta trên toàn mặt trận được lệnh: "Tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng"².

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương trên tất cả các hướng, các binh đoàn đột kích thọc sâu của ta tiếp tục đánh địch trong hành tiến, phát triển vào nội đô.

Trên hướng tiến của Quân đoàn 2, khi lực lượng đột kích thọc sâu của ta vào đến Thủ Đức thì bị địch chặn lại. Sở chỉ huy tiền phương của Quân đoàn điều hai khẩu pháo 85mm lên bắn thẳng vào trận địa địch, một đại đội pháo cao xạ cũng triển khai trận địa ngay trên xa lộ, hạ nòng pháo 57mm bắn sập một đài quan sát, tiêu diệt hai trận địa cối và nhiều binh lính địch. Đặc biệt lực lượng xe tăng

¹. Trước tình thế không thể cứu vãn nổi thất bại, Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh xin ngừng bắn để "thảo luận về việc bàn giao chính quyền". Đây là một thủ đoạn hòng ngăn chặn bước tiến và làm giảm ý nghĩa thắng lợi của ta.

². Điện số 149-TK của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương gửi Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh. Điện đi lúc 10 giờ ngày 29-4-1975. Số lưu 215/ĐB. Cục Cơ yếu Bộ Tổng tham mưu.

của Lữ đoàn 203 đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, dùng mìn đột phá, chọc thủng nhiều trận địa phòng ngự của địch. Trong trận chiến đấu trước cửa ngõ Sài Gòn, một số cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 2 đã anh dũng hy sinh.

9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, xe của Tư lệnh Quân đoàn 2 vào tới Thủ Đức. Thấy xe tăng của tiểu đoàn 5 Lữ đoàn 203 đang tập trung đột phá cụm phòng ngự của địch ở Thủ Đức, Tư lệnh Quân đoàn 2 lệnh cho tiểu đoàn 5 lập tức bám đội hình Lữ đoàn 203 đánh vào mục tiêu chính. Nhiệm vụ đánh quân địch ở Thủ Đức được giao lại cho Trung đoàn 18 Sư đoàn 325.

Lúc này, bộ phận đi đầu lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 đã tiến tới cầu Sài Gòn. Cũng như cầu Xa Lộ, cầu Sài Gòn đã được bộ đội đặc công chiếm giữ, bảo vệ từ trước, không cho địch phá hoại. Tuy nhiên trên mặt cầu và dọc đường tiến của ta, địch còn bố trí sẵn lực lượng để ngăn chặn, gây cho ta một số tổn thất.

Để đập tan sự kháng cự của địch trên cầu Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 lập tức lệnh cho Sư đoàn 304 tập trung binh - hóa lực tiến công lực lượng của địch co cụm ở hai bên đường và chỉ thị cho pháo binh tầm xa bắn 100 quả đạn, chế áp địch, chi viện cho bộ binh, xe tăng đột phá qua cầu.

Sau khi tràn qua cầu Sài Gòn, lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 chia thành hai mũi tiến theo đại lộ Thống nhất và đại lộ Hồng Thập Tự tiến vào dinh tổng thống chính quyền Sài Gòn. Xe tăng mang số hiệu 843 do đại đội trưởng Bùi Quang Thận trực tiếp làm trưởng xe luôn luôn dẫn đầu; kíp xe gồm: Thái Bá Minh, Nguyễn Văn Kỳ, Lưu Văn Thái. Tiếp sau là xe tăng 390, do chính trị viên đại đội Vũ Đăng Toàn chỉ huy, kíp xe gồm: Lê Đình Phương, Nguyễn Văn Tập, Ngô Sĩ Huyền, riêng pháo thủ Đỗ Cao Trường bị thương phải ở lại tuyến sau. Xe tăng 843 tiến đến trước hàng rào dinh Độc Lập, húc thẳng vào cổng phụ, bên trái cổng chính; nhưng xe bị mắc kẹt, dừng lại. Ngay lúc đó, xe tăng 390 lao lên húc đổ cổng chính dinh Độc lập. Trung úy đại đội trưởng Bùi Quang Thận cầm lá cờ Giải phóng chạy lên cắm trên tầng thượng dinh tổng thống chính quyền Sài Gòn. Lúc đó là 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Cùng thời gian, Trung đoàn phó Trung đoàn 66 Phạm Xuân Thệ cùng một số cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng đột kích, thọc sâu của Quân đoàn 2 và biệt động Thành Sài Gòn tiến vào dinh Độc Lập bắt Tổng thống Dương Văn minh - Tổng thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi quân lực cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn, giao chính quyền từ trung ương đến địa phương lại cho Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam".

Tiếp đó, đại diện các đơn vị Quân giải phóng đánh chiếm dinh Độc Lập, tuyên bố: "... Chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của Tổng thống chính quyền Sài Gòn... Thành phố Sài Gòn - Gia Định đã hoàn toàn giải phóng".

Từ Đài phát thanh Sài Gòn vừa được giải phóng, tiếng nói của đội quân chiến thắng được truyền tới khắp mọi miền của Tổ quốc và trên toàn thế giới, báo tin

vui sự nghiệp giải phóng miền Nam hoàn thành; cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã toàn thắng.

Tuy nhiên, để có được chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng, trong quá trình tiến hành chiến dịch đã có 1.447 cán bộ, chiến sĩ quân đội và hàng trăm du kích, tự vệ và nhân dân đã ngã xuống trước ngày toàn thắng.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng gửi điện khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định: “Khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội đặc biệt tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc ngụy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, đưa chiến dịch mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng”.¹

Bộ Chính trị chỉ thị: “Toàn thể các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng, cùng đồng bào tiếp tục tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc”².

*

Sài Gòn - Gia Định được giải phóng, ngụy quyền trung ương đầu hàng không điều kiện, tạo điều kiện quyết định để quân và dân ta tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân đoàn 4 ngụy và toàn bộ lực lượng bảo an, dân vệ, đập tan chính quyền tay sai các cấp của địch, giải phóng hoàn toàn các địa phương, còn lại ở miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, với phương châm: “Tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã”.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, khi các quân đoàn chủ lực đồng loạt đánh vào Sài Gòn từ các hướng Đông, Đông Bắc, Bắc, Tây Bắc, Tây và Tây Nam, thì ở hướng Nam, Sư đoàn 8 nhanh chóng cắt đường số 4 (đoạn từ Long Định đến Tân Hiệp). Tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh Mỹ Tho phối hợp với lực lượng vũ trang huyện chiếm đoạn từ Long Định đến Bưng Môn. Tiểu đoàn 263 đặc công, tiểu đoàn 291 công binh cùng du kích huyện Cái Bè chiếm đoạn từ Hòa Khánh đến bắc Mỹ Thuận. Mấy đêm liền, hàng nghìn đồng bào thuộc các huyện Cái Bè, Cai Lậy tràn lên đường số 4 lập các chướng ngại vật để ngăn chặn không cho xe của địch chạy từ miền Tây về Sài Gòn. Đường số 4 hoàn toàn bị cắt đứt. Quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã thực hiện xuất sắc việc chia cắt, giữ gìn địch ở khu vực phía Nam của chiến dịch; đồng thời đưa lực lượng phối hợp cùng các binh đoàn chủ lực đánh vào Sài Gòn theo hướng số 4. Lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng đấu tranh chính trị ở các tỉnh, huyện nhanh chóng áp sát các thị xã, thị trấn...

Ngày 30 tháng 4 và 1 tháng 5, cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt của quân và dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long giành thắng lợi hết sức mau lẹ.

^{1, 2}. Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 36, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.177-178.

Tại Mỹ Tho, trưa ngày 30 tháng 4, đội biệt động thành và các cơ sở bí mật phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh buộc lực lượng cảnh sát, bảo an, dân vệ ở các phường, xã bỏ vũ khí, ra hàng. Một số học sinh các trường Lê Ngọc Hân, Nguyễn Đình Chiểu dùng xe máy, xe lam chạy trong các tuyến phát loa báo tin Dương Văn Minh đầu hàng. Quân địch ở bên Chương Dương xả súng bắn, làm một số học sinh bị thương, bị chết. Đến chiều ngày 30 tháng 4, khi hai tiểu đoàn bộ đội địa phương của tỉnh tiến vào phối hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ chiếm ty công an, tiểu khu Định Tường, và sau khi Trung đoàn 1 Sư đoàn 8 Quân khu 8 diệt lực lượng còn lại của thiết đoàn 6 ở chợ Cù, quân địch trong thị xã Mỹ Tho và căn cứ Đồng Tâm mới đầu hàng. Toàn tỉnh Mỹ Tho được giải phóng đêm 30 tháng 4 năm 1975.

Ở Gò Công, do tỉnh lỵ nằm ở vùng sâu, lực lượng địch yếu và ngay từ đầu tháng 4, cán bộ binh vận của ta đã móc nối được với nhiều cơ sở trong các đơn vị bảo an, dân vệ; nên khi nhận được tin Sài Gòn giải phóng, Dương Văn Minh đầu hàng, các mũi tiến công quân sự và chính trị của ta đã kịp thời hành động, giải phóng thị xã Gò Công lúc 15 giờ ngày 30 tháng 4; sau đó huy động phương tiện vận tải tư nhân (xe ca, xe lam) lên Vĩnh Hậu đón hai đại đội bộ đội địa phương tỉnh về tiếp quản các cơ sở chính trị, quân sự trong thị xã.

Vĩnh Long là căn cứ mạnh của địch. Quân khu 4 của địch huy động trung đoàn 18 sư đoàn 9 và một chi đoàn thiết giáp khổng lồ chế đường số 4 - đoạn từ Phú Quới đến thị xã Vĩnh Long. Nắm chắc tình hình, Quân khu 9 đưa hai tiểu đoàn của Trung đoàn 1 từ Ba Càng lên phối hợp với Trung đoàn 3 vào ếm sẵn trong thị xã. 15 giờ ngày 30 tháng 4, ta đánh chiếm sân bay thị xã và gọi hàng trung đoàn 18 ngụy. Cùng lúc, trong nội thị, Tỉnh uỷ kêu gọi nhân dân nổi dậy chiếm các trụ sở của ngụy quân, ngụy quyền. Tỉnh trưởng Vĩnh Long đầu hàng. Toàn tỉnh Vĩnh Long được giải phóng ngày 1 tháng 5 năm 1975.

Tại Trà Vinh, chiều ngày 29 tháng 4, lực lượng vũ trang của tỉnh bắt đầu xuất phát từ vườn cây Me. Đến 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4, từ nhiều hướng, lực lượng vũ trang tỉnh tiến vào thị xã, phối hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ và nhân dân bức hàng bọn bảo an, dân vệ, chiếm sân bay... Tàn quân địch bảo vệ dinh tỉnh trưởng chống cự quyết liệt. Nhưng trước khí thế áp đảo của cách mạng, vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, quân địch buộc phải đầu hàng. Trà Vinh hoàn toàn được giải phóng.

Tại Cần Thơ - thủ phủ miền Tây, căn cứ của Bộ Tư lệnh quân khu 4 và quân đoàn 4 ngụy, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 sử dụng Sư đoàn 4 lần lượt đánh chiếm sân bay Trà Nóc, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 4 không quân ngụy; sau đó nhanh chóng tiến vào khu trung tâm thành phố, chiếm các mục tiêu quân sự, gồm: Bộ Tư lệnh quân đoàn 4, quân khu 4, các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh hải quân ngụy... Cùng lúc, hai tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh đánh địch rất quyết liệt ở lộ Vòng Cung và rạch Cái Sơn (đêm 29 tháng 4), chiếm dinh tỉnh trưởng Phong Dinh (lúc 15 giờ ngày 30 tháng 4). Lực lượng biệt động thành phối hợp với quần chúng nổi dậy phá trại giam, giải thoát gần 1.000 cán bộ và đồng bào ta bị địch bắt giam giữ, chiếm đài phát thanh. Thành phố Cần Thơ hoàn toàn được giải phóng ngày 30 tháng 4.

Cùng ngày 30 tháng 4, trên đà thắng lợi của toàn Miền, nhân dân và lực lượng vũ trang các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Sa Đéc, Long An phối hợp tiến công và nổi dậy tự giải phóng.

Ngày 1 và 2 tháng 5, các tỉnh còn lại là Chương Thiện, Cà Mau, Long Xuyên, Châu Đốc, Kiến Tường, Bến Tre hoàn toàn được giải phóng.

Ở đảo Phú Quốc, các chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, giam giữ đã cùng với lực lượng vũ trang nhân dân trên đảo nổi dậy chiếm đảo, tự giải phóng vào ngày 30 tháng 4.

Như vậy, bằng lực lượng bản thân, được xây dựng và trưởng thành qua mấy chục năm chiến đấu liên tục, bộ đội chủ lực Quân khu 8, Quân khu 9 và lực lượng vũ trang các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đã chủ động nắm bắt thời cơ lớn, kết hợp tiến công với nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã quân đoàn 4, quân khu 4 ngụy và hệ thống bảo an, dân vệ; giải phóng hoàn toàn, nhanh, gọn toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long. Đây là sự phối hợp rất nhịp nhàng với cuộc tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định, góp phần tạo nên thắng lợi hoàn toàn, nhanh chóng và trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi oanh liệt. Trong gần 60 ngày đêm, với sức mạnh áp đảo về quân sự và chính trị, quân và dân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân đội ngụy gồm hơn một triệu tên, đập tan bộ máy ngụy quyền, xóa bỏ ách thống trị thực dân mới của Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam nước ta.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta toàn thắng, "mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Nó kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc bắt đầu từ Cách mạng tháng Tám, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, làm cho Tổ quốc ta vĩnh viễn độc lập, thống nhất và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi ấy đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới quy mô lớn nhất và dài ngày nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của tên đế quốc đầu sỏ, đẩy Mỹ vào tình trạng khó khăn chưa từng thấy"¹

¹ . Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam.

HỒI ỨC CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

(Trích)

CHƯƠNG VI

CHUYỂN CUỘC TIẾN CÔNG THÀNH TỔNG TIẾN CÔNG

CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN PHÁT TRIỂN THẮNG LỢI

Đúng như dự đoán của Bộ Tổng tư lệnh, trong hai ngày 12 và 13 tháng 3, địch đổ quân xuống đông Buôn Ma Thuột. Phước An và tây sơn bay Hòa Bình. Chúng sa ngay vào một cái bẫy đã giăng sẵn. Các trung đoàn 45, 44, Sở chỉ huy nhẹ sư đoàn 23 ngay cùng với tàn quân của liên đoàn biệt động số 21 lần lượt bị tiêu diệt. Số còn lại chạy tán loạn, bỏ lại nhiều vũ khí, xe cộ và quân trang, quân dụng. Cuộc phản kích của địch hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột bị dập tan.

Cùng đúng như dự đoán, ngày 16 tháng 3, địch bỏ Kon Tum, và 17 tháng 3, bỏ Plâycu, theo đường số 7 rút chạy về hướng ven biển. Theo tin trinh sát, đường số 7 bị bỏ từ lâu cầu hỏng, phà qua sông không có. Được tin quân địch rút chạy theo con đường ấy, anh Văn Tiến Dũng kiên quyết ra lệnh cho Sư đoàn 320 chặn ngay đường rút lui của địch, lệnh cho Bộ chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên huy động thêm xe bọc thép, xe vận tải, thêm pháo và vật chất để bảo đảm cho Sư đoàn 320 khẩn trương truy kích địch. Giao nhiệm vụ cho đồng chí Kim Tuấn, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 320, anh Dũng đã nghiêm khắc nhấn mạnh: “Lúc này do dự một chút, sơ hở một chút là hỏng việc. Nếu để địch chạy thoát là một tội lớn...”

Sau khi nhận mệnh lệnh, Sư đoàn 320 tích cực, khẩn trương vượt mọi khó khăn, cấp tốc hành quân trong đêm 16 tháng 3. Mờ sáng hôm sau, một đơn vị đã nhanh chóng băng rừng ra cắt đường số 7, chặn địch ở đông Phú Bổn, tiêu diệt địch và đánh xuống Củng Sơn. Trong lúc đó, hai tiểu đoàn bộ đội địa phương tiến ra cắt cầu Sơn Hòa và cùng Sư đoàn 320 tiến công giải phóng Củng Sơn.

Quân địch đã hoàn toàn tan rã. Ta tiêu diệt và bắt sống gần 6.000 tên, thu hàng trăm khẩu pháo các loại, xe tăng, xe công binh, xe vận tải...

Báo chí và đài phát thanh phương Tây đổ thêm chất xúc tác vào quá trình sụp đổ của ngụy quân, ngụy quyền. Đài BBC tường thuật chi tiết cuộc rút chạy, tô đậm hình ảnh thảm bại với những cảnh rừng rợn ở Plâycu, Kon Tum và trên đường số 7. Đài Tiếng nói Hoa Kỳ loan tin Quốc hội Mỹ bác bỏ viện trợ thêm về quân sự cho ngụy quyền Sài Gòn với đa số áp đảo; 49 phiếu thuận trên 189 phiếu chống tại Hạ nghị viện và 6 phiếu thuận trên 36 phiếu chống tại Thượng nghị viện.

Đã đến lúc phải chạy đua với thời gian.

Bộ Chính trị quyết định sẽ họp vào ngày 18 tháng 2. Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị tình hình và đề xuất ý kiến.

Đêm ngày 15 tháng 3, Cục Quân báo phát hiện một hoạt động đáng chú ý của địch ở Trị - Thiên: Liên đoàn biệt động quân 14 chuyển ra Quảng Trị thay thế sư đoàn lính thủy đánh bộ chuyên phần lớn vào Đà Nẵng. Hiện tượng này giúp tôi khẳng định thêm một nhận xét đang hình thành trong suy nghĩ từ sau chiến thắng Buôn Ma Thuột: qua cuộc đổ sức lớn đầu tiên ở Tây Nguyên và những diễn biến tiếp theo, có thể thấy rõ quân nguy còn yếu hơn nhiều so với sự đánh giá của ta trước lúc mở cuộc tiến công. Chúng không hy vọng giữ được Trị - Thiên. Có thể chúng sẽ tập trung lực lượng về giữ Đà Nẵng, nơi có vị trí chiến lược quân sự xung yếu. Như vậy, khả năng phát triển tiến công của ta rất lớn. Kế hoạch hai năm có thể rút ngắn. Giải phóng miền Nam có thể sớm hơn. Trước mắt, đã có thể mở cuộc tiến công giải phóng thành phố Huế và toàn bộ hai tỉnh Quảng Trị - Thừa Thiên.

Tôi đem những suy nghĩ của mình trao đổi với các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Cao Văn Khánh, Lê Hữu Đức và một số đồng chí khác trong Bộ Tổng tham mưu. Các anh rất đồng tình.

Tôi định đi ngay vào Vinh Linh, ở đó sẽ mời anh Lê Tự Đồng, Chính ủy kiêm Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên ra bàn chủ trương và kế hoạch tác chiến. Trực thăng đã sẵn sàng. Thế nhưng cân nhắc kỹ, thấy rằng trong lúc tình hình các chiến trường phát triển nhanh quá, tôi cần có mặt tại nơi Tổng hành dinh; hơn nữa, mặc dù đi bằng máy bay, nhưng tính toán thời gian không kịp về họp Bộ Chính trị, lại vừa có tin địch rút Plâycu - Kon Tum, nên cuối cùng tôi quyết định không đi nữa. Thay vào đó tôi điện ngay cho Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2: "... Đã có khả năng chuyển sang kế hoạch thời cơ¹, tổ chức thực hiện giải phóng Huế. Tình hình phát triển nhanh và thời cơ lớn đang đến sớm hơn ta dự kiến. Địch đang phải đối phó với Nam Tây Nguyên, Khu 5, Nam Bộ và *bắt đầu có cụm chiến lược*. Trị - Thiên cần đẩy mạnh hoạt động về mọi mặt. Cụ thể là đẩy mạnh tiến công của chủ lực từ phía tây, thực hành chia cắt chiến lược giữa Huế - Đà Nẵng, mạnh dạn đưa lực lượng xuống đồng bằng phát động quần chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích, áp sát các tuyến ngăn chặn của địch, kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích ở đồng bằng với tiến công của chủ lực từ phía tây xuống".

Đồng thời, tôi chuẩn y kế hoạch của Bộ Tổng tham mưu ra chỉ thị tổ chức những trận địa pháo tầm xa khống chế đường số 1 từ Trị - Thiên trở vào, ngăn chặn địch chuyển quân. Để thực hiện nhiệm vụ này, một đoàn cán bộ pháo binh được cử vào Trị - Thiên tăng cường cho các đơn vị tại chỗ, đánh địch dọc đường số 1 từ Quảng Trị đến Thừa Thiên.

Hạ tuần tháng 3 năm 1975, chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng. Hơn 10 vạn quân địch bị loại khỏi vòng chiến đấu. Hơn 60 vạn dân thuộc các dân tộc Tây Nguyên được giải phóng. Hệ thống bố trí chiến lược của Mỹ - nguy ở miền Nam đứng trước nguy cơ bị chia cắt hẳn làm đôi. Tuyến phòng ngự của địch dọc ven biển miền Trung bị uy hiếp trực tiếp. Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và

¹ Kế hoạch tiến công giải phóng toàn bộ Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế.

bước phát triển của nó đánh dấu một bước suy sụp mới của Mỹ - ngụy, một bước ngoặt trong quá trình phát triển của cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam.

Ngày 18 tháng 3 năm 1975, tại "Nhà con rồng", Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp. Đồng chí Cục trưởng Tác chiến báo cáo tổng hợp tình hình chiến sự từ khi chiến dịch mở màn. Mọi người vui mừng thấy cuộc tiến công phát triển nhanh hơn dự kiến.

Trên cơ sở những suy nghĩ về khả năng phát triển của cách mạng miền Nam từ sau trận Buôn Ma Thuột, tổng hợp những ý kiến đã trao đổi tập thể, tôi phát biểu: Tình hình đang chuyển biến rất nhanh. Mở đầu tiến công mới 10 ngày, đã tiêu diệt đại bộ phận quân đoàn 2 ngụy, giải phóng Tây Nguyên. Đã xuất hiện hành động co cụm lớn của địch. Quân ngụy suy yếu rõ rệt. Lực lượng so sánh đã thay đổi. Do ngụy suy sụp nhanh, Mỹ cũng không dám liều lĩnh, ít khả năng can thiệp trở lại. Ta đang sung sức, lực lượng tập trung, khí thế mạnh mẽ. Quân ủy Trung ương đề nghị Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975, không chờ đến năm 1976.

Để thực hiện quyết tâm ấy, kiến nghị của Quân ủy Trung ương là: Hướng chiến lược chủ yếu là Sài Gòn. Trước mắt, Trị - Thiên - Đà Nẵng là hướng chiến lược quan trọng. Khẩn trương tiến công giải phóng Huế - Đà Nẵng, giải phóng đồng bằng Khu 5. Tạo cho được bất ngờ về hướng tiến công, về thời gian, về lực lượng. Cần nhanh chóng đưa các sư đoàn ở mặt trận Tây Nguyên vào hướng Sài Gòn, tăng cường cho B2 thêm hai trung đoàn xe tăng, hai trung đoàn pháo và ba trung đoàn ca xạ. Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 khẩn trương thực hiện kế hoạch thời cơ như Bộ đã chỉ thị. Cho ngay Quân đoàn 1 lên đường. Hoạt động của các hướng tiến công đồng thời hay trước, sau đều phải rất linh hoạt, nhằm bao vây, chia cắt, tiêu diệt địch. Trước mắt, phải đập tan âm mưu co cụm lớn của địch, tạo biến động trong cục diện chiến lược. Phương châm tác chiến chiến lược là "táo bạo, bất ngờ, kịp thời, chắc thắng". Đồng bằng sông Cửu Long đánh mạnh, tích cực phá "bình định", giành đất, giành dân. Thành lập thêm các tiểu đoàn của huyện, tỉnh, khẩn trương huấn luyện để tác chiến và bổ sung cho các chiến trường...

Hội nghị thảo luận sôi nổi.

Đánh giá khả năng can thiệp trở lại của Mỹ, anh Lê Đức Thọ phân tích những khó khăn Mỹ đang gặp phải, sự suy sụp nhanh chóng của ngụy, đi đến khẳng định Mỹ không còn khả năng trở lại can thiệp. Anh tán thành đề nghị của Quân ủy Trung ương: "Như anh Văn nói, ta có cơ sở để dứt điểm trong năm 1975. Vấn đề là tổ chức, là hậu cần, là cán bộ..."

Anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng và các anh khác trong Bộ Chính trị lần lượt phát biểu ý kiến, phân tích thêm về thế đi xuống của địch, về cách đánh chiến lược của ta. Tất cả đều thống nhất: ta đang đứng trước thời cơ chưa từng có, và đồng ý với kiến nghị của Quân ủy Trung ương cần giành thắng lợi hoàn toàn trong năm 1975, kiên quyết nắm bắt thời cơ, thắng càng nhanh càng tốt.

Hội nghị cũng quan tâm đến tình hình Nam Bộ. Theo báo cáo của B2, bắt đầu từ ngày N (10-3-1975) tích cực phối hợp với Tây Nguyên, toàn chiến trường đồng loạt tiến công và nổi dậy. Từ Khu 6 đến Cà Mau, kể cả vùng ven các đô thị,

bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích phối hợp với phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân, giành thắng lợi giòn giã. Ở khu vực Sài Gòn - Gia Định, lực lượng của thành đội và các đội đặc công, biệt động bắt đầu hoạt động mạnh. Ở đồng bằng sông Cửu Long, quân và dân ta sôi nổi đánh phá kế hoạch "bình định" của địch, đạt nhiều kết quả.

Hội nghị làm việc khẩn trương, hào hứng, phấn khởi, kể cả trong giờ nghỉ. Đồng chí Bí thư thứ nhất khẳng định địch đã bị mấy cái bất ngờ: bất ngờ vì không phá được Hiệp định Paris mà còn bị ta kiên quyết đánh lại; bất ngờ về kế hoạch và quy mô tác chiến của ta; bất ngờ về hướng tiến công chiến lược; bất ngờ trước sự suy yếu của chúng. Về bước phát triển tiếp theo, đồng chí nêu ý kiến phải đánh cho địch chủ yếu ngay trong quá trình cơ cụm, ngay khi chúng còn bị phân tán trên các hướng Khu 5, miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Phải tạo được ba quả đấm: chủ lực, nông thôn và đô thị. Đánh Sài Gòn là khó, phải tạo được bất ngờ, phải sử dụng nhiều sư đoàn chủ lực để tiêu diệt quân chủ lực địch. Đồng chí không quên nhắc đến mũi tiến công binh vận, phải tạo cho được binh biến.

Bộ Chính trị hạ quyết tâm chuyển cuộc tiến công chiến lược thành cuộc Tổng tiến công chiến lược, hoàn thành kế hoạch hai năm (1975 - 1976) ngay trong năm 1975. Phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu được xác định là Sài Gòn. Trước mắt, nhanh chóng tiến công tiêu diệt bằng được toàn bộ lực lượng địch trong Vùng 1 chiến thuật, từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, giải phóng Huế - Đà Nẵng. Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết tâm chiến lược ấy.

Một lần nữa, tư duy quân sự khoa học của Bộ thống soái tối cao đưa đến một quyết định chiến lược dũng cảm và chính xác. Trong tình hình quân ta đánh mạnh, đẩy địch vào thế bị động, thất bại, liên tiếp phạm sai lầm về chiến lược và suy sụp nhanh chóng, thế chiến tranh nhân dân của ta mạnh lên toàn diện từng giờ, từng phút, thì thời gian ấn định trong kế hoạch hai năm không còn phù hợp nữa. Lợi dụng thời cơ, đẩy mạnh tiến công trong khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng là một vấn đề đã trở thành truyền thống của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Hội nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ngày 18 tháng 3 đã quyết định rất kịp thời, *khẩn trương chuyển hẳn sang phương án thời cơ.*

Ngay chiều hôm ấy, tôi vào Ninh Bình trực tiếp giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 1. Cùng đi có đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó tổng tham mưu trưởng và đồng chí Lê Quang Hòa, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Hai bên đường số 1, cảnh lao động sản xuất rộn rã, tấp nập. Nông dân chăm bón ruộng đồng, góp sức cùng tiền tuyến đánh giặc, hứa hẹn một vụ Xuân - Hè thắng lợi.

Công nhân ra sức sửa chữa cầu đường, khôi phục các nhà máy bị tàn phá trong chiến tranh phá hoại. Bức tranh lao động trong khí thế tổng tiến công phản ánh đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam, như hai câu thơ đã trở thành quen thuộc:

Rộn ràng thay cảnh quê hương

Nửa công trường, nửa chiến trường xông xáo¹

Các đồng chí Nguyễn Hòa, Tư lệnh và Hoàng Minh Thi, Chính ủy Quân đoàn 1 đón đoàn tại Sở chỉ huy. Tôi ngạc nhiên khi nghe báo cáo một số đơn vị trong quân đoàn đang bận đi đắp đê. Việc sử dụng lực lượng dự bị chiến lược của Bộ trong lúc này như vậy là không đúng. Hơn nữa, qua việc này, có thể thấy không phải mọi người, mọi cấp đều đã quán triệt tinh thần các nghị quyết và quyết tâm của lãnh đạo tối cao.

Tôi ra lệnh cho quân đoàn kiểm tra mọi mặt chuẩn bị lên đường chiến đấu, để lại Sư đoàn 308 sẵn sàng ứng phó với tình hình địch phản ứng quân sự đối với miền Bắc, điều ngay các đơn vị đang đắp đê về. Bộ sẽ tăng cường hỏa lực cho quân đoàn. Quân đoàn 1 là quả đấm chủ lực mạnh, gồm những đơn vị có bề dày truyền thống, sẽ góp phần cùng với các đơn vị chủ lực khác của Bộ và các quân khu, quyết định chiến trường trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh.

Về kế hoạch hành quân, phải bảo đảm tuyệt đối bí mật, tổ chức kiểm tra đôn đốc, bảo đảm bộ đội đi nhanh đến đủ, có lệnh là tác chiến được ngay.

Sau đó, tôi và anh Tấn đến các đơn vị trực tiếp động viên cán bộ, chiến sĩ trước giờ xuất trận. Cảnh quan hùng vĩ của vùng Tam Điệp lịch sử, nơi quân đoàn đóng quân gợi nhớ cuộc hành quân thần tốc của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ 200 năm trước. Tôi truyền đạt quyết tâm của Đảng, nêu rõ vinh dự và trách nhiệm của mỗi người, mỗi đơn vị trong thời điểm lịch sử này.

Toàn quân đoàn sôi nổi chuẩn bị ra quân trong khí thế quyết chiến quyết thắng. Hầu như không có biểu hiện tiêu cực. Chỉ có một thắc mắc phổ biến trong cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 308 là phải ở lại bảo vệ hậu phương, không được sát cánh cùng quân và dân miền Nam trực tiếp lập công trong thời cơ nghìn năm có một.

Sau khi trao đổi với anh Tấn, tôi điện cho Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 truyền đạt quyết tâm của Bộ Chính trị, ra lệnh khẩn trương chuyển sang kế hoạch thời cơ.

Cũng trong chuyến đi này, tôi điện triệu tập đồng chí Đàm Quang Trung, Tư lệnh Quân khu 4, ra tại Sở chỉ huy Quân đoàn 1 để làm việc. Trong khi nghe báo cáo tình hình, tôi hỏi kỹ và kiểm tra mức độ quán triệt quyết tâm của Đảng trong bộ đội và nhân dân ở Quân khu 4, và giao nhiệm vụ cho Bộ tư lệnh Quân khu 4 chuyển các lực lượng vũ trang và nhân dân từ Thanh Hóa đến Quảng Trị vào tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, ra sức chi viện sức người, sức của cho miền Nam trong cuộc Tổng tiến công chiến lược. Vốn là một trong những trung đội trưởng rồi đại đội trưởng của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân từ những ngày đầu gian khổ, đồng chí Tư lệnh Quân khu 4 phấn khởi đón nhận nhiệm vụ mới, hứa quyết tâm hoàn thành vượt mức, xứng đáng là quân khu hậu phương tiếp giáp trực tiếp với miền Nam. Đồng chí Đàm Quang Trung nay không còn nữa, nhưng thái độ sôi nổi, nhiệt tình của đồng chí còn đọng mãi trong tôi.

¹ Thơ Tố Hữu

Về tới Tổng hành dinh, tôi gửi ngay cho anh Văn Tiến Dũng một bức điện mà nội dung đã hình thành sẵn trong đầu từ trên đường đi, thông báo nhận định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của ta, về ý đồ cơ bản chiến lược của địch, âm mưu của chúng tập trung lực lượng tạo thế bố trí phòng ngự ở vùng Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, trước mắt có thể ở Đà Nẵng và Cam Ranh, hy vọng nấn ná chờ một giải pháp chính trị hoặc một giải pháp chia cắt một phần lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Vì vậy, ta cần tranh thủ thời gian cao độ, khẩn trương hành động hết sức bất ngờ, hết sức táo bạo, đồng thời bảo đảm chắc thắng. Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị đã cân nhắc mọi mặt và hạ quyết tâm thực hiện *Phương án 1*. Đây là phương án đã dự kiến từ trước, dựa phần lớn lực lượng ở Tây Nguyên phát triển vào hướng chủ yếu là miền Đông Nam Bộ, đồng thời mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng Khu 5 với lực lượng hiện có của Quân khu 5, có thể tăng cường Sư đoàn 968 và binh khí kỹ thuật. Bức điện cùng thông báo: anh Tấn sẽ gặp anh Dũng, anh Năm Công và các anh ở B2 ra đề báo cáo cụ thể quyết tâm mới của Bộ Chính trị và góp thêm ý kiến để xây dựng kế hoạch thực hiện¹.

Sáng 20 tháng 3 do có tin Trung đoàn kỹ thuật 75 vừa thu được: hồi 13 giờ 30 phút ngày 19 tháng 3, Thiệu gửi cho Ngô Quang Trưởng bức điện nội dung như sau: "Vì eo hẹp về phương tiện không - hải quân, chỉ cho phép yểm trợ được một enclave². Vậy hãy mener³ trì hoãn chiếm về tuyến Hải Vân". Thế là địch đã quyết định bỏ Trị - Thiên - Huế để về giữ Đà Nẵng.

Cục Tác chiến báo cáo: ngày 19 tháng 3, quân ta tiến công giải phóng thị xã và toàn bộ tỉnh Quảng Trị. Tuyến phòng thủ phía bắc của địch bị phá vỡ một mảng lớn. Địch co về giữ phòng tuyến sông Mỹ Chánh. Sau khi trao đổi với các anh Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn, tôi hạ quyết tâm mở trận tiến công lớn, tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên - Huế. Tôi chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu đôn đốc Quân khu Trị - Thiên gấp rút đưa lực lượng xuống đồng bằng, lệnh cho Quân đoàn 2 nhanh chóng cắt đứt đường số 1, không cho địch rút về cơ cụm ở Đà Nẵng. Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 phải khẩn trương đánh chặn, chia cắt, tiêu diệt cho được toàn bộ sư đoàn 1 nguy và các lực lượng khác, thu toàn bộ trang bị của chúng, giải phóng toàn Trị - Thiên - Huế, chiếm lĩnh đèo Hải Vân. Tiểu đoàn 5 hải quân rải mìn và đưa lực lượng xuống bịt cửa Thuận An. Phải bao vây đánh mạnh trên tất cả các hướng, không cho địch rút chạy.

Chiến trường Trị - Thiên - Huế tương đối gần, nên việc liên lạc với Tổng hành dinh có nhiều thuận lợi. Một đường điện thoại hữu tuyến nối liền Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh với Quân đoàn 2 và Quân khu 4. Tôi và các đồng chí Tổng tham mưu phó, Cục trưởng Tác chiến thường trực tiếp nói chuyện với các anh ở chiến trường mỗi ngày ít nhất hai lần. Nhiều trường hợp, Bộ ra lệnh bằng điện thoại.

¹ Do tình hình khẩn trương, sau này anh Tấn không đi.

² Chốt.

³ Tiến hành.

Ngày 22 tháng 3, anh Lê Tự Đông, Chính ủy kiêm Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên và anh Nguyễn Hữu An, Tư lệnh Quân đoàn 2 báo cáo đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 1, bao vây Huế. Đường số 1 đã bị cắt đứt giữa Huế và Đà Nẵng. Hàng trăm xe cơ giới đang trên đường rút chạy về Đà Nẵng bị ùn lại. Pháo tầm xa của ta bắt đầu bắn phá sân bay Phú Bài. Quân địch không còn con đường nào khác là rút chạy ra biển theo hướng cửa Thuận An và cửa Tư Hiền.

Quân ủy Trung ương điện tới khẩn cho anh Nguyễn Hữu An: “Quân đoàn điều ngay lực lượng ra bịt cửa Thuận. Ký tên: Văn”.

Mệnh lệnh được thi hành tức khắc. Trung đoàn 1 thuộc Sư đoàn 324 cấp tốc hành quân ra chặn địch. Sự xuất hiện của quân chủ lực ở đây có tác dụng rất lớn về chiến thuật cũng như về tâm lý. Hàng chục ngàn quân ngụy cùng với hàng trăm xe tăng, xe bọc thép nhanh chóng bị tiêu diệt và tan rã. Cảnh thảm bại trên đường số 7 ở Tây Nguyên, một lần nữa lại diễn ra trên đường từ Huế xuống cửa Thuận An. Thành phố Huế trở nên hỗn loạn. Đã xảy ra nhiều vụ cướp phá do tàn quân ngụy chạy loạn gây ra. Triệu chứng tan rã lớn trong lực lượng địch ở Thừa Thiên - Huế xuất hiện.

Trước tình hình ấy, Quân ủy điện cho anh Văn Tiến Dũng về hướng phát triển của chiến dịch Tây Nguyên: “địch bộc lộ ý định rút lui chiến lược lớn về giữ Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long. Đang rút bỏ Huế, khả năng rút Đà Nẵng... Bộ Chính trị quyết định hành động táo bạo, bất ngờ, nhanh chóng thực hiện quyết tâm chiến lược ở hướng trọng điểm. Tôi đã bàn với anh Lê Đức Thọ, đã hỏi ý kiến anh Ba, rất nhất trí với kế hoạch phát triển và sử dụng lực lượng trong điện của anh.

Động viên cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm thật lớn, truy kích tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng các tỉnh ven biển, kể cả Nha Trang và Cam Ranh. Cần tăng cường cán bộ và trang bị, nhanh chóng phát triển các lực lượng tại chỗ, tập trung lực lượng lại càng sớm càng tốt, khẩn trương triển khai tiến công ở hướng trọng điểm. Ký tên: Chiến”.

Ngày 15 tháng 3 năm 1975, theo đề nghị của Tổng cục Chính trị, Bộ Chính trị điện gửi Trung ương Cục, Khu ủy Trị - Thiên và Khu 5: “Kết hợp chặt chẽ binh, địch vận với tác chiến tiêu diệt và làm tan rã lớn quân ngụy, tạo ra những vụ đầu hàng tập thể lớn, khoét sâu mâu thuẫn, phân hóa cao độ hàng ngũ địch, tập trung mũi nhọn đánh đổ Thiệu. Nắm và khai thác những nhóm, cá nhân sĩ quan tiến bộ phục vụ cho yêu cầu quân sự, chính trị, binh địch vận”.

Theo lời khai của tù binh và các tư liệu được công bố sau này, tình hình nội bộ ngụy lúc này thực sự là một màn kịch mang tính bi hài.

Trước thảm họa ở Tây Nguyên và nguy cơ Huế, Đà Nẵng bị uy hiếp, ngày 18 tháng 3, Nguyễn Văn Thiệu triệu tập các cố vấn thân cận ra Đà Nẵng họp cấp tốc, nói là để bàn giải quyết vấn đề người tị nạn. Thực ra, cuộc họp đã chuyển sang đối phó với vấn đề khủng khiếp hơn: nên bỏ hay nên giữ Quân khu 1.

Nghe Ngô Quang Trưởng báo cáo cuộc tiến công của “Việt cộng” vào Huế và Đà Nẵng sắp nổ ra, cử tọa đều sồn tóc gáy! Đất đã nóng bỏng dưới chân. Thế là

sau những lời hứa hẹn chung chung, Thiệu cùng “ê-kíp” vội vã chuẩn ngay, nói là vào Sài Gòn để bàn bạc cho được an toàn.

Cuộc họp lại tiếp tục tại dinh Độc Lập. Trần Thiện Khiêm nêu ý kiến: khó có thể giữ Huế và Đà Nẵng cùng một lúc. Tốt hơn hết là bỏ một trong hai. Trần Văn Hương cho rằng không thể giữ cả Huế và Đà Nẵng vì quá tốn kém. Còn Ngô Quang Trưởng thì đề nghị: vì đường số 1 đã bị cắt, không thể khai thông được, cần tổ chức ba điểm phòng thủ để cầm cự với “Việt cộng” là Huế, Đà Nẵng và Chu Lai.

Kế hoạch của Trưởng được Thiệu chấp nhận, vì không có cách nào khác, Trưởng bay về sở chỉ huy Quân khu 1.

Hôm sau, ngày 20 tháng 3, Trưởng ra Huế. Đài phát thanh Huế đưa tin: “Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh phòng thủ thành phố Huế bằng mọi giá”. Trưởng cũng thề thốt: “Tôi sẽ chết với cố đô xưa. Việt cộng phải bước qua xác tôi mới vào được Huế”. Y không quên họp các nhân sĩ để trấn an dư luận. Và y điện xin Bộ Tổng tham mưu ngụy triển khai lữ đoàn không quân số 1...

Mọi việc hoàn tất đúng theo bài bản.

Thế nhưng, khi vừa đặt chân xuống Đà Nẵng, Trưởng không tin ở mắt mình nữa khi đọc bức điện của Cao Văn Viên chuyển lệnh của tổng thống: “Quân đoàn 1 triển khai lực lượng để phòng thủ Đà Nẵng mà thôi. Lữ đoàn không quân số 1 đã được lệnh chuyển vào Sài Gòn!”.

Choáng váng và thất vọng, Trưởng gọi điện cho Viên đề nghị giải thích, thì được trả lời vắn tắt: “Hỏi tổng thống Thiệu”. Hoang mang cực độ, Trưởng mở đài. Sài Gòn vẫn ra rả phát đi tin tổng thống kêu gọi “giữ Huế bằng mọi giá!”. Lúc này, các viên chức ngụy quyền không ai còn bụng dạ nào chạy đến đài Sài Gòn để thay đổi nội dung!

Những ngày này, tôi ở luôn tại Tổng hành dinh, không về nhà riêng, dù hai nơi chỉ cách nhau vài trăm mét. Trong phòng làm việc, các đồng chí công vụ đã kê thêm một chiếc giường con. Ngoài các tấm bản đồ treo trên tường, tôi đặt thêm một tấm bản đồ quân sự miền Nam ngay dưới tấm kính rộng trên mặt bàn để tiện theo dõi, suy nghĩ.

Các buổi, nhất là lúc tình hình chiến sự khẩn trương, các đồng chí trong Bộ Chính trị thường vào Tổng hành dinh nghe tình hình và trao đổi ý kiến. Lúc này, tin tức báo về dồn dập. Chỉ sau vài tiếng đồng hồ, tình hình đã thay đổi. Cục Tác chiến phải tăng thêm một bản thông báo hàng ngày nữa để Bộ Chính trị nắm tình hình chiến sự được kịp thời và suy nghĩ về những bước tiếp theo. Báo cáo từ Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 đẩy các mũi tên đỏ trên bản đồ áp sát Huế. Pháo tầm xa của quân ta đã rót đạn vào sân bay Phú Bài và cửa Thuận An. Ở Quân khu 5, Sư đoàn 2 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt các quận lỵ Tiên Phước, Trà My, mở rộng căn cứ ở miền tây Quảng Đà. Theo kế hoạch, sư đoàn sẽ tiến về giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi, hoặc nếu có thời cơ sẽ đánh xuống Tam Kỳ, phối hợp với chủ lực của Bộ tiến công thẳng vào Đà Nẵng từ phía nam lên.

Ngày 24 tháng 3 năm 1975. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp. Điềm lại tình hình từ cuộc họp ngày 18 tháng 3, hội nghị mừng thấy tình hình các mặt trận đang phát triển tốt. Thay mặt Bộ Tổng tham mưu, anh Lê Trọng Tấn báo cáo: Ở chiến trường Trị - Thiên ta sẽ dứt điểm nhanh. Quân địch đang rút chạy về co cụm ở Đà Nẵng. Trong tháng 4, ta cần nhanh chóng tiến công Đà Nẵng, diệt từ hai đến ba sư đoàn địch, không cho chúng thực hiện ý đồ rút về tăng cường cho Sài Gòn.

Anh Tấn báo cáo xong, tôi phát biểu về tình hình Đà Nẵng và nêu ra các bước tiếp theo. Tôi nói: Theo tin nhận được, địch kêu gọi “tứ thủ” Đà Nẵng, chúng có ý định thực hiện co cụm lớn, tăng cường căn cứ quân sự liên hợp này hòng ngăn chặn, làm chậm bước tiến của quân ta, tranh thủ thời gian củng cố các tuyến phía nam của chúng, trông chờ sự can thiệp của Mỹ. Thế nhưng ngay từ bây giờ, ta cần dự kiến trước những chuyển biến mới, địch có thể rút chạy khỏi Đà Nẵng. Nếu chúng thoát được vào phía nam thì cuộc Tổng tiến công của ta ở chiến trường trọng điểm sẽ gặp khó khăn. Vậy ta cần nhanh chóng đánh chiếm Đà Nẵng, tiêu diệt sinh lực của địch ở đây, tạo thuận lợi phát triển tiến công trong các bước sau. Chúng có thể “tứ thủ”, cũng có thể rút, rút nhanh hay rút chậm, nhưng ta thì phải chuẩn bị đánh trong tình huống địch rút nhanh, nhất thiết phải đánh nhanh. Không chờ giải phóng xong Huế, mà ngay từ bây giờ, phải bắt đầu mở cuộc tiến công vào Đà Nẵng. Nhanh chóng đánh chiếm các điểm cao, cho xe tăng thọc sâu ngay, tận dụng tối đa khả năng của pháo binh để tiến công Đà Nẵng.

Hướng Sài Gòn, trước đây ta dự tính dùng bảy sư đoàn, vậy mà nay đã có chín sư đoàn. Sau Đà Nẵng, có thể lên tới 15 sư đoàn. Nếu ta chiếm được Đà Nẵng trong tháng 4, tinh thần quân nguy sẽ suy sụp lớn. Như vậy, ta phải đặt yêu cầu cao hơn, *giải phóng Sài Gòn trong tháng 5*, trước mùa mưa. Để chuẩn bị cho trận quyết chiến cuối cùng, đi đôi với việc tập trung cao độ lực lượng từ phía bắc đánh xuống, B2 phải cắt đường số 4, cô lập Sài Gòn và gây sức ép mạnh từ phía tây nam. Ở hướng tây bắc, cần tập trung lực lượng mạnh hơn, hết sức tranh thủ thời gian, hành động khẩn trương hơn, tốc độ phát triển nhanh hơn.

Sau giờ nghỉ, mọi người đều thấy phải đánh nhanh, thắng nhanh. Mới có một tuần lễ mà thế và lực của ta và của địch đã khác hẳn. Phải nghĩ đến tiến công Sài Gòn từ bây giờ, kết hợp chặt chẽ tiến công và nổi dậy, thực hiện một bước nhảy vọt về chiến lược.

Không khí phấn khởi bao trùm phòng họp. Bộ Chính trị khẳng định thời cơ chiến lược đã tới. Chưa bao giờ thuận lợi bằng lúc này, kể từ 20 năm qua. Cách mạng miền Nam đã có những bước nhảy vọt, nhưng đây là bước nhảy vọt lớn có ý nghĩa quyết định. Hội nghị dự kiến có thể giành toàn thắng sớm hơn nhiều so với kế hoạch trước. Kéo dài sẽ không có lợi, mùa mưa đã tới gần.

Bộ Chính trị khẳng định: “Cuộc Tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu với chiến dịch Tây Nguyên. *Thời cơ chiến lược mới đã đến gần*”. Một quyết tâm được quyết nghị: Nắm vững thời cơ chiến lược, tranh thủ thời gian cao độ, tập trung nỗ lực của cả nước, tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật và vật chất vào phương hướng chủ yếu, *hành động nhanh chóng, táo bạo, bất ngờ*

đánh cho địch không kịp trở tay, *giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa*. Trước mắt kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Huế, Đà Nẵng và tiếp theo là trận quyết chiến chiến lược giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Quyết tâm đã hạ. Phương hướng đã rõ.

Trong không khí phấn khởi, quyết tâm, thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi đứng lên báo đảm bộ đội ta nhất định tiêu diệt căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng, và *đề nghị mở mặt trận Quảng Đà*, cử Bộ tư lệnh mặt trận do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân làm Chính ủy. Đề nghị trên được Hội nghị nhất trí tán thành. Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Quân đoàn 3 gồm các đơn vị vừa tác chiến ở Tây Nguyên; Tư lệnh là đồng chí Vũ Lăng, Chính ủy là đồng chí Đặng Vũ Hiệp.

Hội nghị kết thúc. Vừa lúc đó, có tin quân ta đã tiến vào thành phố Huế hồi 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 3 năm 1975. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, các lực lượng vũ trang Quân khu Trị - Thiên và bộ đội Quân đoàn 2 từ ba hướng đồng loạt tiến công, vượt qua các tuyến phòng thủ của địch, hình thành nhiều mũi bao vây Huế. Ở hướng nam, Quân đoàn 2 kịp thời chuyển hướng tiến công, nhanh chóng thọc sâu cắt đường số 1, đánh chiếm quận lỵ Phú Lộc, triệt đường rút lui của địch về Đà Nẵng. Sư đoàn 1, sư đoàn mạnh nhất của quân ngụy, bị đánh thiệt hại nặng. Từ hướng bắc, quân ta tiến về cửa Thuận An. Một lực lượng địa phương tiến ra chặn cửa Tư Hiền. Những cánh quân khác của ta, từ hướng tây qua đường số 1, vượt sông Tả Trạch, nhanh chóng bao vây địch. Đêm ngày 24 tháng 3, quân ta tiến công khu cảng Tân Mỹ - Thuận An, tiêu diệt và đánh tan rã toàn bộ các lực lượng địch rút chạy đang đồn tá ở đây. Các mũi tiến công khác của quân chủ lực, quân địa phương tiến vào thành phố. Phối hợp với quần chúng nổi dậy, ngày 26/3, quân ta giải phóng hoàn toàn cố đô Huế. Lá cờ cách mạng nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh tung bay trên đỉnh cột cờ trước Ngọ Môn.

Thắng lợi nhanh, gọn của trận Trị - Thiên - Huế, trận then chốt tiêu diệt và làm tan rã sư đoàn 1 từng được coi là sư đoàn thiện chiến của quân ngụy, giải phóng cố đô, là một chiến thắng vang dội, giáng một đòn nặng vào âm mưu co cụm chiến lược của địch ở vùng ven biển miền Trung, uy hiếp nghiêm trọng Đà Nẵng đẩy quân ngụy vào thế nguy khốn, suy sụp không gì cứu vãn nổi.

Quân ủy Trung ương gửi điện khen bộ đội Quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2:

“Việc đánh chiếm và giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược và chính trị rất lớn. Chiến công đó làm cho nhân dân cả nước nức lòng phấn khởi, làm cho địch suy yếu thêm một bước mới hết sức nghiêm trọng. Các đồng chí đã góp phần làm rạng rỡ truyền thống đấu tranh anh dũng của quân và dân cả nước ta”...

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, ngày 26 tháng 3, Bộ Tổng tư lệnh cử anh Giáp Văn Cương làm phái viên của Bộ vào hướng Đà Nẵng trước để chuẩn bị. Tôi triệu tập các đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh mặt trận Quảng Đà vừa được chỉ định, Nguyễn Bá Phát, Tư lệnh Hải Quân, Cao Văn Khánh, Phó tổng

tham mưu trưởng, Phan Bình, Cục trưởng Quân báo, Lê Hữu Đức, Cục trưởng Tác chiến và một số đồng chí khác bàn kế hoạch tiến công Đà Nẵng.

Vốn là một cán bộ chỉ huy giàu kinh nghiệm, anh Tấn đã chuẩn bị sẵn một phương án tác chiến.

Vào cuộc họp, tôi hỏi:

- Đánh Đà Nẵng, có thể diễn ra một trong hai tình huống: một là địch rút chạy, hai là chúng co cụm, “tử thủ”. Vậy ta nên đánh như thế nào?

Anh Tấn trả lời:

-- Hiện nay, địch bố trí phòng ngự chuẩn bị “tử thủ” ở đây. Ta phải tổ chức hiệp đồng binh chủng để tiến công, bảo đảm chắc thắng. Cần có năm ngày để họp đảng ủy, tập kết bộ đội và tổ chức hiệp đồng binh chủng, chuẩn bị chiến đấu.

Anh Tấn trải lên bàn một tấm bản đồ lớn, trên đó đã lên kế hoạch tiến công theo phương án chuẩn bị năm ngày, với những mũi tên rất to màu đỏ thể hiện các hướng tiến công, những trận địa hỏa lực được khoanh từng cụm hướng vào các mục tiêu quân sự trong thành phố và vùng lân cận.

Trong khi mọi người đứng quanh bàn đồ sôi nổi mạn đàm, trao đổi, tôi lại suy nghĩ khác hẳn. Địch kêu gọi “tử thủ”, nhưng tình hình chính trị diễn biến đột ngột, khả năng địch rút vẫn tồn tại. Vậy phải có phương án đánh thật nhanh, thực hiện đúng phương châm “*khẩn trương, táo bạo, bất ngờ*”.

Tôi quay sang anh Tổng Trần Thuật, Cục phó Cục Quân báo:

- Nếu địch rút Đà Nẵng thì nhanh nhất có thể rút trong mấy ngày? Các đồng chí nghiên cứu kỹ đêm nay, sáng mai báo cáo sớm.

6 giờ sáng ngày 27 tháng 3, mọi người đã có mặt tại Sở chỉ huy.

Anh Thuật báo cáo:

- Địch có thể rút nhanh nhất là trong ba ngày.

Còn anh Nguyễn Thanh, Trưởng phòng nghiên cứu địch tình, lại nói:

- Độ bốn, năm ngày ạ!

Không thể đồng ý với đề nghị của anh Tấn chuẩn bị chiến đấu năm ngày cũng như cách tính toán của anh Thanh, tôi phân tích ngắn, gọn, nêu rõ trong tình huống địch “tử thủ”, ta có thể chuẩn bị năm ngày, bảy ngày hoặc hơn nữa. Nhưng phải dự kiến tình hình đột biến, cần có kế hoạch đánh thật nhanh. Tôi chỉ thị làm kế hoạch đánh địch theo tình huống chúng rút trong ba ngày.

Anh Tấn vẫn giữ ý kiến, và trình bày:

- Đánh như vậy không thể chuẩn bị kịp.

Tôi nói, giọng có phần gay gắt:

- Tư lệnh mặt trận là anh nên tôi để anh ra lệnh. Nếu là người khác, thì tôi ra lệnh: Đánh Đà Nẵng theo phương án chuẩn bị ba ngày. Nếu chuẩn bị năm ngày, địch rút mất cả thì sao? Huế đã giải phóng rồi. Mặc dầu pháo binh và hải quân địch có thể bắn phá, cứ cho bộ đội hành quân theo đường số 1 tiến công thẳng vào Đà Nẵng. Từ phía nam cũng theo đường số 1 tiến công lên. Không họp đảng ủy, chỉ trao đổi bằng điện.

Đây là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất tôi tỏ ra không bằng lòng với anh Lê Trọng Tấn, một trong những tư lệnh xuất sắc nhất của quân đội ta mà tôi luôn quý mến.

Anh Tấn không phát biểu thêm, nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh. Sau này, anh đã đến gặp tôi, thân tình, cởi mở nhắc lại cuộc tranh cãi về phương án năm ngày và phương án ba ngày, rồi vui vẻ nhận khuyết điểm. Đúng là một con người trung thực, thẳng thắn, cương trực, đáng quý biết bao!

Tiếp đó, Thường trực Quân ủy Trung ương gặp và giao nhiệm vụ cho Tư lệnh mặt trận Quảng Đà. Nhân danh Bí thư Quân ủy, tôi chỉ thị: Chiến tranh đã chuyển sang giai đoạn phát triển nhảy vọt. Bố trí của địch ở Đà Nẵng tuy chưa đảo lộn, mặc dù chúng kêu gọi “tử thủ”, nhưng tinh thần quân lính đang suy sụp, cần nắm vững phương châm “táo bạo, bất ngờ, kịp thời, chắc thắng”, khẩn trương tiến công, bao vây tiêu diệt địch, không chể sên bay, hải cẩu, chú ý làm tốt việc tiếp quản thành phố một triệu dân này, thực hiện tốt chính sách tù, hàng binh và chính sách chiến lợi phẩm. Nhanh chóng tổ chức tăng cường lực lượng phát triển vào phía nam. Tôi nhắc anh Tấn báo cáo đều đặn về Bộ, và chúc anh giành thắng lợi lớn.

Ngay lập tức, anh Tấn cấp tốc lên đường. Đi bằng máy bay lên thẳng vào Gio Linh, từ đó đi ô tô theo đường Trường Sơn đến Sở chỉ huy Quân đoàn 2, anh và các đồng chí cùng đi vào đặt sở chỉ huy ở phía tây Đà Nẵng.

Anh Chu Huy Mân lúc này đang ở Quảng Ngãi. Tôi điện cho anh Mân (đồng điện anh Võ Chí Công) thông báo quyết định của Bộ Chính trị thành lập mặt trận Quảng Đà, cử Bộ tư lệnh mặt trận. Anh Mân, Chính ủy của mặt trận, giao lại nhiệm vụ đánh các mục tiêu ở Quân khu 5 cho bộ đội địa phương giải quyết, nhanh chóng tập trung bộ đội chủ lực theo đường số 1 đánh thẳng vào Đà Nẵng nhanh nhất, kịp thời nhất, táo bạo nhất như tôi đã có điện từ sau ngày địch rút Plâycu. Tư lệnh và chính ủy mặt trận Quảng Đà làm việc với nhau bằng điện đài. Bộ Tổng tham mưu được lệnh triển khai phương tiện thông tin liên lạc bám sát từng bước các lực lượng đã được điều động về mặt trận, giúp Bộ tư lệnh mặt trận Quảng Đà lãnh đạo, chỉ huy các hướng.

Trong bức điện số 1 ĐBTK đánh đi hồi 8 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 gửi anh Chu Huy Mân, anh Lê Trọng Tấn viết: “Đánh Đà Nẵng nên:

- Hướng An¹ sẽ tiến công phía bắc và tây bắc theo đường số 1 qua đường 14.
- 711² từ tây nam lên, trước mắt diệt lữ 369.
- Đề nghị anh chuẩn bị cho Sư 2 và Lữ 52 đánh theo đường số 1 về Mỹ Khê (đông Đà Nẵng) bịt đường rút lui bằng đường thủy của địch”.

Điện trả lời của anh Mân viết:

“1. Nhất trí với ý định của “cậu Vũ”³”.

¹ Hướng Quân đoàn 2 (Tư lệnh Nguyễn Hữu An)

² Phiên hiệu mặt của Sư đoàn 304.

³ Mật danh của Bộ Tổng tư lệnh.

2. Chúng tôi đã chuẩn bị cho Sư 2 và Lữ 52 tiến công từ hướng nam ra, đánh chủ yếu theo hướng núi Quế ra Vinh Điện, cánh thứ yếu theo đường Đèo Le qua núi Mạc ra đường 100 để phối hợp với lực lượng “cậu Vũ” từ ngoài đánh vào tiêu diệt địch ở Đà Nẵng.

3. Đang tích cực chuẩn bị, chậm nhất là 29 tháng 3 có một trận địa pháo có thể bắn vào núi Quế”.

Ngày hôm sau, 27 tháng 3, anh Tấn điện cho anh Mân:

“Phúc điện số 320 hồi 16 giờ của anh.

1. Hoàn toàn đồng ý về hướng tiến công, mục tiêu tiến công của Sư 2 và Lữ 52.

2. Lực lượng của An và một số sư của Hòa¹ tiến công theo hai trục:

- Mũi thứ nhất theo đường 14, Mũi Trâu, Lệ Mỹ vào sân bay chính.

- Mũi thứ hai từ Lăng Cô đến Hải Vân, Liên Chiểu, Nam Ô. Đồng thời có đánh từ Mỹ Lộc lên đỉnh đèo Hải Vân diệt Lữ 258.

3. Lực lượng của 711 tiến công Trung đoàn 57 ở Đại Lộc và vòng dăng sau Lữ 369.

4. Pháo binh triển khai được một trận địa ở Mũi Trâu bắn vào sân bay chính, cảng Sơn Trà và tàu biển. Đề nghị cho triển khai nhanh một trận địa pháo nòng dài bắn vào sân bay Nước Mặn, nếu có pháo 85 càng tốt để đánh tàu biển bốc quân ở Mỹ Khê”.

Trong thời gian này, Thường vụ Khu ủy và Bộ tư lệnh Quân khu 5 họp mở rộng dưới sự chủ tọa của anh Võ Chí Công, quyết định phấn đấu trong thời gian ngắn là giải phóng hoàn toàn địa bàn quân khu. Nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là tập trung toàn bộ lực lượng đẩy mạnh tốc độ tiến công tiêu diệt sư đoàn 2 nguy, giải phóng thị xã Tam Kỳ và tỉnh Quảng Ngãi, tạo thế chia cắt và cô lập hoàn toàn quân địch, tạo bàn đạp vững chắc cho trận tiến công quyết định tiêu diệt tập đoàn phòng ngự cuối cùng của quân đoàn 1 nguy ở Đà Nẵng.

Sau hội nghị ngày 25 tháng 3 năm 1975, anh Lê Đức Thọ đề nghị và được Bộ Chính trị đồng ý vào chiến trường B2 cùng các anh Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng trực tiếp chỉ đạo chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Anh Thọ lên đường vào ngày 28 tháng 3. Bằng mọi phương tiện máy bay, ô tô, kể cả xe ôm, anh khẩn trương vào chiến trường càng nhanh càng tốt. Trước lúc anh lên đường, tôi tranh thủ trao đổi về phương án thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị giải phóng hoàn toàn miền Nam trước khi mùa mưa tới.

Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Hội đồng chỉ viện miền Nam do anh Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch.

Hơn hai mươi năm trước đây, anh Đồng cũng đã chủ trì một hội đồng như vậy, huy động lực lượng cả nước chỉ viện chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi lịch sử.

Sự kiện ấy nay được lặp lại ở một trình độ cao hơn: động viên và tổ chức sức mạnh to lớn của toàn dân, dốc sức của, sức người của hậu phương lớn miền Bắc

¹Quân đoàn 1 (Tư lệnh Nguyễn Hòa)

khẩn trương chi viện tiền tuyến lớn miền Nam trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh, giành thắng lợi trọn vẹn.

18 giờ ngày 25 tháng 3 năm 1975, Quân ủy Trung ương gửi điện cho anh Trần Văn Trà và Quân ủy miền Nam, đồng gửi anh Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục:

“Trên thực tế, cuộc Tổng tiến công chiến lược của ta bắt đầu với chiến thắng Tây Nguyên và các chiến trường khác. Cuộc chiến đấu đã vào giai đoạn phát triển nhảy vọt như đã thông báo: Chiến thắng trên chiến trường Huế - Đà Nẵng và Nam Bộ làm cho địch suy sụp nhanh, tạo bước phát triển mới về quân sự, chính trị, đặc biệt trên chiến trường trọng điểm sẽ sớm hơn nhiều so với dự kiến của ta. Thời cơ lớn về chiến lược đã đến.

Cần tranh thủ thời gian cao độ, tập trung lực lượng vào hướng trọng điểm, hành động táo bạo, bất ngờ, hoàn thành càng sớm càng tốt quyết tâm chiến lược lớn mà Bộ Chính trị đã đề ra.

Đã có chỉ thị cho anh Tuấn. Tình hình rất mới, trong cán bộ ta, nhiều khi nhận thức chưa chuyển biến kịp yêu cầu. Cần làm cho các cấp thông suốt hơn, tập trung lực lượng vào các mục tiêu chủ yếu. Thực hiện chiến lược ba quả dấm. Ký tên: Văn”.

19 giờ, Quân ủy điện ủy gửi anh Văn Tiến Dũng: “... Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương vừa họp đánh giá tình hình, nhận định: chiến dịch B3 đại thắng, cuộc Tổng tiến công chiến lược đã bắt đầu. Đây là bước ngoặt trong cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam. Chiến tranh cách mạng đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Tình hình ở trọng điểm sẽ có bước phát triển mới nhanh hơn dự kiến nhiều, nhất là trong trường hợp ta tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở Huế và Đà Nẵng, đồng bằng sông Cửu Long... Thời cơ chiến lược lớn đã đến. Cần nhanh chóng tập trung lực lượng vào phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ... hoàn thành nhiệm vụ trong trọng điểm càng sớm càng tốt, có thể sớm hơn rất nhiều so với kế hoạch. Thời tiết đang tốt, kéo dài không có lợi. Bộ Chính trị quyết định:

a. Nhanh chóng tập trung ba sư đoàn chủ lực, các đơn vị binh khí, kỹ thuật chủ yếu về địa bàn Buôn Ma Thuật, sẵn sàng cơ động vào hướng trọng điểm.

b. Giải phóng Bình Định (hướng đường 19), phát triển xuống Phú Yên, Khánh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh. Hướng đường số 7 chỉ dùng lực lượng địa phương phát triển xuống Tuy Hòa. Hướng đường 21, phát triển ra phía đông, tùy theo khả năng, nếu có thuận lợi mới thì xuống Nha Trang, Cam Ranh.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở mặt trận Đà Nẵng, thành lập Bộ tư lệnh Quảng Đà.

Đã thành lập Hội đồng chi viện miền Nam do anh Tô¹ làm chủ tịch. Chúc anh Đình² chóng hồi phục. Ký tên: Văn”.

¹ Đồng chí Phạm Văn Đồng.

² Đồng chí Đinh Đức Thiện.

Trở lại chiến trường Đà Nẵng.

Trong buổi giao ban tối hôm ấy, tôi thấy cần tận dụng mọi lực lượng tiến công địch. Sư đoàn 304 sau khi đánh xong Thượng Đức, lực lượng bị tiêu hao, đang củng cố ở đây. Tôi điện trực tiếp cho sư đoàn: "... Sư đoàn 304 phải bằng mọi cách tiến vào giải phóng Đà Nẵng. Lúc này mọi sự chậm trễ đều có tội".

Bức điện vừa chuyển xong, tôi gọi dây nói chỉ thị cho anh Văn Cao Khánh điện ngay cho Quân đoàn 2 sau khi tiêu diệt các bộ phận địch còn chống cự, nhanh chóng tập trung lực lượng tiến công Đà Nẵng. Tôi cũng yêu cầu theo dõi, kiểm tra cuộc hành quân của Quân đoàn 1 (trừ Sư đoàn 308). Việc sử dụng Sư đoàn 308 ở lại miền Bắc làm nhiệm vụ dự bị chiến lược có gây thắc mắc trong các chiến sĩ Quân tiên phong. Ngày 26 tháng 3, đồng chí Hoàng Kim, Chính ủy sư đoàn lên Bộ đề đạt nguyện vọng của sư đoàn xin được đi chiến đấu. Hiểu rõ tâm trạng của anh em 308, tôi thân mật căn dặn

- Sư đoàn đang làm một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Hãy giải thích cho anh em hiểu thế nào là một sư đoàn cận vệ của cách mạng trong lúc này. Hãy chuẩn bị thật tốt để sẵn sàng hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì khi Tổ quốc cần đến. Sư đoàn 308 đang phụ trách một hướng trọng yếu của trận quyết chiến chiến lược đó. Tiếp theo Buôn Ma Thuột, Tây Nguyên, trận Huế - Đà Nẵng là đòn tiến công chiến lược thứ hai của ta đánh vào quân ngụy. Huế đã giải phóng xong. Còn lại mục tiêu chủ yếu: Đà Nẵng.

Đà Nẵng là thành phố lớn thứ hai ở miền Nam Việt Nam. Đây là một căn cứ quân sự liên hợp rất mạnh, nơi đặt sở chỉ huy ở Vùng 1 chiến thuật, của quân đoàn 1 ngụy. Sân bay Đà Nẵng là một căn cứ không quân lớn. Đà Nẵng còn là một hải cảng có ý nghĩa quân sự và kinh tế quan trọng. Tháng 3 năm 1965, những đơn vị đầu tiên của Mỹ đã đổ bộ vào Đà Nẵng, mở đầu thời kỳ Mỹ thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ" xâm lược miền Nam.

Tại đây, địch hiện có khoảng 10 vạn tên, trong đó có 15 tiểu đoàn chủ lực thuộc sư đoàn 3 bộ binh, sư đoàn thủy quân lục chiến và tàn quân của các sư đoàn 1, 2 của liên đoàn biệt động quân, cùng với hàng chục tiểu đoàn bảo an, hàng trăm trung đội dân vệ, phòng vệ dân sự và 5.000 cảnh sát; sư đoàn 1 không quân với 373 máy bay các loại, 7 tiểu đoàn pháo binh, thiết đoàn 11 kỵ binh 7, một lực lượng hải quân ngụy đóng ở quân cảng Đà Nẵng và vùng biển phụ cận.

Sau khi mất Huế, Nguyễn Văn Thiệu lệnh cho Ngô Quang Trưởng cố thủ Đà Nẵng bằng mọi giá, hòng chặn bước tiến của quân ta, hy vọng biến nơi đây thành bãi đổ bộ khi quân Mỹ quay lại ứng cứu. Tất nhiên, đối với Trưởng, mệnh lệnh "tử thủ" của Thiệu lần này không còn thiêng như trước nữa!

Từ đầu tháng 3 năm 1975, trên chiến trường Khu 5, quân ta bắt đầu hoạt động có tác dụng kiểm chế, nghi binh: tiến công kho đạn Sùng Mây, đánh bãi xe Xuân Thiều, phá cầu Trắng ở gần Đà Nẵng. Sang trung tuần tháng 3, chấp hành lệnh của Bộ, Thường vụ Khu ủy và Đảng ủy Quân khu 5 chủ trương tập trung lực lượng tiêu diệt sư đoàn 2 ngụy, giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi, giải phóng đại bộ phận nông thôn tỉnh Quảng Đà. Các lực lượng vũ trang và nhân dân Quân khu 5 dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của các anh Võ Chí Công, Chu Huy Mân đây

mạnh tiến công và nổi dậy ở phía bắc quân khu, nhanh chóng tiến xuống đường số 1, khẩn trương chuẩn bị phát triển theo hướng từ Quảng Ngãi đến Đà Nẵng. Trước sức uy hiếp của quân ta, địch rút khỏi Sơn Hà, Trà Bồng. Vùng giáp ranh của tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn giải phóng. Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, phối hợp với bộ đội giải phóng thị xã Quảng Ngãi, thị xã Tam Kỳ, căn cứ Tuấn Dương, đánh chiếm căn cứ Chu Lai, tiêu diệt sư đoàn 2 nguy, mở rộng vùng giải phóng ở tỉnh Quảng Đà, tạo điều kiện thuận lợi uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

Ngày 27 tháng 3, ở phía bắc Đà Nẵng, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, Quân đoàn 2 và một sư của Quân đoàn 1 phát triển tiến công trên hai hướng: từ đèo Mũi Trâu theo đường 14 tiến xuống phía tây bắc; từ Phú Lộc, theo đường số 1 đánh chiếm Thừa Lưu, Cầu Hai, Lăng Cô, đèo Hải Vân, áp sát thành phố từ phía bắc. Riêng Sư đoàn 304 được lệnh trực tiếp của Bộ Tổng tư lệnh và của quân đoàn khẩn trương chuyển sang tiến công Đà Nẵng từ hướng tây nam.

Cùng thời gian này, theo lệnh của Bộ, Sư đoàn 2, các lực lượng pháo binh, cao xạ, tăng thiết giáp của Quân khu 5 dưới sự chỉ huy trực tiếp của anh Chu Huy Mân, bỏ qua các mục tiêu dọc đường, tiến thẳng về Đà Nẵng. Pháo binh của quân ta bắt đầu nã đạn, khống chế hải cảng và sân bay.

Trước tình hình nguy khốn, Ngô Quang Trưởng hủy bỏ kế hoạch rút sư đoàn thủy quân lục chiến về Sài Gòn, thu thập binh lính cố thủ Đà Nẵng. Nhưng đã quá muộn! Đà Nẵng đã rơi vào tình trạng hỗn loạn. Tuy quân số địch còn đông, nhưng binh lính đã mất tinh thần. Tân binh đào ngũ từng mảng. Bọn chỉ huy hốt hoảng, chỉ lo đưa vợ con tìm đường trốn chạy. Hàng vạn dân từ Huế ào vào càng làm cho thành phố thêm hỗn loạn.

Sau khi nghe Cục Quân báo, báo cáo tình hình mới nhất, tôi điện tiếp cho Quân đoàn 2: “Địch ở Đà Nẵng đang rối loạn. Cảnh sát thôi làm việc. Chúng đã ra lệnh rút trung đoàn ở núi Quế, phá công sự. Cần nhanh chóng tiến đánh Đà Nẵng. Nếu có hiện tượng địch rút thì phải lập tức đánh tràn tới. Nếu chúng co cụm và cố thủ thì bao vây thật chặt, đánh ghìm chân không cho rút. Đồng thời tập trung lực lượng theo hướng đường 14 và đường 1, tiêu diệt địch, chiếm khu vực tây và tây bắc thành phố, thọc sâu vào cầu Trịnh Minh Thế, chặn đường rút của địch qua bán đảo Sơn Trà. Ký tên: Văn”.

Cũng trong ngày 27 tháng 3, đồng chí Bí thư thứ nhất điện cho các anh Võ Chí Công và Chu Huy Mân: “... Chiến thắng oanh liệt ở Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên đã tạo ra thời cơ giải phóng Đà Nẵng. Ta phải tập trung lực lượng từ hai phía, từ Thừa Thiên - Huế đánh vào và từ Nam - Ngãi đánh ra, nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch ở Đà Nẵng, không cho chúng rút chạy để co cụm về giữ Sài Gòn.

Trong lúc này, thời gian là lực lượng. Phải hành động hết sức táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay. Các anh cần sử dụng ngay lực lượng của quân khu và của tỉnh đánh thẳng vào Đà Nẵng. Phải có biện pháp đặc biệt để hành quân nhanh nhất, kịp thời khống chế, chiếm lĩnh các sân bay, bến cảng, bao vây, chia cắt để tiêu diệt địch.

Phải nhanh chóng phát động quần chúng vũ trang nổi dậy, đập tan các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, chiếm lĩnh các công sở, kho tàng, nhà máy, thành lập chính quyền cách mạng và sáp vào vận động binh lính địch bỏ súng đầu hàng, làm tan rã các đơn vị quân nguy.

Các binh đoàn chủ lực phía Bắc có kế hoạch hành quân nhanh nhất để kịp thời hiệp đồng với cánh quân phía nam. Các anh hành động ngay, không chậm trễ... Ký tên: Ba¹".

Các chỉ thị, mệnh lệnh trên đây đều được chấp hành triệt để và nhanh chóng.

Tại Tổng hành dinh, các cán bộ tác chiến, quân báo, thông tin, cơ yếu... làm việc suốt ngày đêm. Tin chiến thắng dồn dập báo về cổ vũ mọi người làm việc hăng say, quên ăn, quên ngủ.

Sáng ngày 28 tháng 3, tôi triệu tập đồng chí Doãn Tuế, Tư lệnh pháo binh, lúc này là phái viên của Bộ Tổng tham mưu, kiểm tra tình hình triển khai sử dụng hỏa lực. Tôi hỏi:

- Pháo của ta đã đến đâu rồi?

Đồng chí Tuế báo cáo:

- Mới có một tiểu đoàn của Quân khu 5 bắn vào sân bay Đà Nẵng. Pháo của Quân đoàn 2 mới có hai đại đội vào đến đèo Mũi Trâu.

Việc triển khai pháo binh chiến dịch như vậy là chậm.

Tôi chỉ thị bố trí ngay pháo ở đèo Mũi Trâu để chế áp sân bay Đà Nẵng, đưa tiếp pháo của của Quân đoàn 2 lên đèo Hải Vân để bắn sang Sơn Trà. Điều ngay toàn bộ lực lượng pháo binh mặt trận lên tham gia tiến công. Kết quả là đến 17 giờ ngày hôm ấy, tất cả các đơn vị pháo của Quân đoàn 2 và Quân khu 5, sau khi tổ chức xong trận địa, bắt đầu nã đạn vào Đà Nẵng. Trận pháo kích lớn diễn ra vào sáng hôm sau, 29 tháng 3: 30 khẩu pháo cỡ lớn của ta dồn dập bắn vào sở chỉ huy quân đoàn 1 nguy, sân bay Đà Nẵng, cảng Mỹ Khê, bán đảo Sơn Trà, sân bay Nước Mặn, từ 5 giờ đến 10 giờ sáng. Sau đó, pháo chuyển làn bắn ra mép nước, ngăn chặn không cho tàu địch vào bốc bọn tàn quân.

Bộ tư lệnh Mặt trận Quảng Đà báo cáo: ngày 29 tháng 3 năm 1975, quân ta tiến công vào Đà Nẵng từ nhiều hướng: Quân đoàn 2 trên các hướng bắc, tây bắc và tây nam, Sư đoàn 2 Quân khu 5 trên các hướng nam và đông nam. Được các lực lượng biệt động, tự vệ, du kích bí mật và quần chúng hỗ trợ, cả hai cánh quân cùng tiến công vào thành phố. Một số cán bộ, đảng viên, chiến sĩ ta bị địch bắt giam ở Non Nước phá nhà lao thoát ra ngoài, tham gia đánh địch. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Đà và Thành ủy Đà Nẵng, quần chúng nổi dậy. Đồng bào tự động đưa xe đò, xe lam, xe máy chở bộ đội ta tiến nhanh vào thành phố, mang cơm nước, quà bánh tiếp tế cho bộ đội. Bộ đội chủ lực không quen thuộc địa hình thì đã có các chiến sĩ tự vệ dẫn đường. Nơi nào mà chủ lực chưa tới kịp, thì các lực lượng biệt động, tự vệ và du kích kết hợp với cơ sở bí mật đã kịp thời đánh

¹. Lê Duẩn. *Thư vào Nam*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1985, tr.381-382.

chiếm. Công nhân bảo vệ sân bay, bến cảng, nhà máy... nhân dân phối hợp cùng bộ đội kêu gọi binh sĩ địch ra hàng.

Có tin Tổng thống Mỹ tuyên bố đưa hải quân đến cứu viện Đà Nẵng. Qua phân tích tình hình, tôi điện cho anh Tấn, anh Mân, anh Phạm Hùng và Quân đoàn 2: “Pho tuyên bố dùng tàu LST vào Đà Nẵng để trấn an dư luận, cũng có thể để cứu bọn ngụy ở bán đảo Sơn Trà. Khả năng hành động của không quân ngụy ít. Khả năng không quân Mỹ can thiệp càng ít hơn. nhưng ta vẫn phải đề phòng”.

Thực tế đã diễn ra đúng như vậy. Tàu Mỹ đến cứu bọn ngụy chạy trốn, nhưng đậu cách xa bờ, gây cản chèn chúc hỗn loạn, nhiều người rơi xuống biển. Máy bay trực thăng Mỹ đến đón cố vấn Mỹ và những tên đầu sỏ, bị hàng ngàn binh lính và dân di tản ủa lên, phải cất cánh bay đi, nhiều người bám ở bên ngoài máy bay rơi từ trên không xuống.

Chỉ trong vòng 32 giờ, quân ta lần lượt đánh chiếm các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế trong căn cứ liên hợp, giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng và thị xã Hội An, tiêu diệt và làm tan rã hơn 10 vạn tên trong bộ máy quân sự và hành chính của ngụy ở đây. Trưa ngày 29 tháng 3, anh Nguyễn Thanh vào báo cáo tình hình địch. Nhớ lại buổi giao nhiệm vụ cho anh Lê Trọng Tấn, tôi nói vui:

- Đáng lẽ tôi cho cậu 5 điểm¹ nhưng chỉ cho 3 điểm thôi, vì đánh Đà Nẵng chỉ mất có ba ngày.

Đòn tiến công chiến lược thứ hai đã được hoàn thành xuất sắc.

Lại một bước nhảy vọt mới của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong mùa Xuân lịch sử.

Cuộc tiến công giải phóng Huế - Đà Nẵng do Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy được hình thành trong quá trình thực hiện cuộc Tổng tiến công chiến lược, nhanh chóng phát triển thành một chiến dịch quy mô lớn có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng. Tiếp theo chiến thắng Tây Nguyên, chiến thắng vang dội Huế - Đà Nẵng đã đập tan ý định co cụm chiến lược của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực chủ yếu của chúng, làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng hoàn toàn có lợi cho ta, đẩy quân ngụy sụp đổ nhanh chóng, mở ra triển vọng rất thuận lợi cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Qua chiến đấu, bộ đội ta trưởng thành vượt bậc. Rất nhiều tấm gương tích cực chấp hành mệnh lệnh, chiến đấu anh dũng, mưu trí, táo bạo xuất hiện trong bán bộ, chiến sĩ nhất là ở cánh quân phía bắc của các đồng chí Nguyễn Hữu An, Lê Linh, Hoàng Đan và cánh quân phía nam của đồng chí Nguyễn Chơn.

Ngày 1 tháng 4, Quân ủy gửi điện khen bộ đội trên mặt trận Quảng Đà: “Quân ủy Trung ương nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên các lực lượng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, bộ đội đặc biệt tinh nhuệ, tự vệ* mặt trận Quảng Đà cũng triệt để chấp hành mệnh lệnh, hành động

¹ Theo cách cho điểm của Liên Xô

táo bạo và kịp thời, phối hợp với nhân dân, trong một thời gian rất ngắn, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, giải phóng toàn tỉnh Quảng Đà, đặc biệt thành phố Đà Nẵng là một căn cứ quân sự quan trọng bậc nhất của địch ở miền Nam Việt Nam.

Quân ủy Trung ương tuyên dương công trạng của các đồng chí trong toàn quân về chiến công chói lọi đã lập được. Ký tên: Văn”.

Chiến thắng Huế - Đà Nẵng cổ vũ mạnh mẽ hậu phương lớn và tiền tuyến lớn. Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ nhiệt liệt khen ngợi và tặng thưởng bộ đội và nhân dân vừa lập chiến công lớn nhiều huân chương cao quý.

Khí thế tiến công trào dâng từ Bắc chí Nam.

Bao giờ cũng vậy, như đã thành thói quen, mỗi lần thắng lớn, tôi lại nhớ tới lời dạy của Bác Hồ: *“Thắng lợi tuy lớn, nhưng mới chỉ là bước đầu. Các chú không được chủ quan, khinh địch”*.

Cuộc chiến đấu giải phóng hoàn toàn miền Nam đang còn ở phía trước. Càng đến gần sào huyệt, quân địch tất sẽ càng phản ứng quyết liệt hơn. Ngay ngày hôm sau, 30 tháng 3, một đoàn cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, được cử ngay vào Đà Nẵng nghiên cứu rút kinh nghiệm tại chỗ về cách đánh của bộ đội chủ lực kết hợp với quần chúng nổi dậy ở một thành phố lớn, chuẩn bị cho trận đánh quyết định sắp diễn ra.

Khí thế tiến công, nổi dậy của quân và dân ta trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh càng sôi động bao nhiêu, thì các tư liệu được công bố sau này cho thấy cảnh tượng của phía đối phương lúc này càng ảm đạm bấy nhiêu.

Vào đúng thời điểm nguy kịch nhất, Nguyễn Văn Thiệu nhận được bức thư đề ngày 22 tháng 3 năm 1975 của người đứng đầu Nhà Trắng ở Hoa Thịnh Đốn:

“Ngài Tổng thống Thiệu thân mến,

Cuộc tiến công của quân Bắc Việt hiện nay đối với đất nước ngài là một điều vô cùng phiền phức và là nỗi đau khổ của mọi người.

Đối với Hoa Kỳ, vấn đề cũng không kém phần nguy ngập... Người Mỹ cũng bị thử thách khi họ quyết tâm giúp đỡ một người bạn đang bị các lực lượng vũ trang hiện đại tấn công... Riêng tôi, tôi quyết định rằng người Mỹ sẽ bảo vệ Việt Nam trong giờ phút quyết định này với ý định thực hiện đúng trách nhiệm của Hoa Kỳ trong hoàn cảnh này. Tôi vẫn theo dõi những diễn biến một cách sát sao và bàn bạc khẩn cấp với các cố vấn của tôi về những việc làm mà hoàn cảnh đòi hỏi và pháp luật cho phép... Ký tên: Giê-rôn Pho¹”.

Cũng vẫn cái giọng chung chung, mơ hồ, không có gì cụ thể! Giữa lúc dầu sôi lửa bỏng, mà lá thư đánh đi bằng điện mật, sau khi giải mã, vẫn lạnh như tiền! Hơn nữa, cụm từ “pháp luật cho phép” gợi thêm một gáo nước lạnh vào chính quyền Thiệu, vì ai cũng biết, ngay từ hồi Nixon-xơn còn ngồi tại Nhà Trắng, mối quan hệ giữa Tổng thống và Quốc hội về cuộc chiến tranh Việt Nam không lấy gì

¹ Nguyễn Tiến Hưng và Jérolde Schecter. *Từ Tòa Bạch ốc đến dinh Độc Lập*. NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr.381.

làm suôn sẻ! Ngày 30 tháng 11 năm 1974, đạo luật về *Quyền hạn của tổng thống trong thời gian chiến tranh* (viết tắt là WPA) đã ra đời, quy định rõ tổng thống phải thảo luận trước với Quốc hội về bất cứ hành động quân sự nào sắp tiến hành và trong vòng 48 giờ, phải tường trình chi tiết về hành động quân sự ấy.

Lúc này, rõ ràng Tổng thống Pho không thể hành động mà không được sự chấp nhận của Quốc hội. Mà Quốc hội thì đang chuẩn bị nghị lễ phục sinh, mọi công việc đều gác lại!

Mặc dù chán nản và tuyệt vọng, Thiệu vẫn gửi đi vào tối hôm sau một lời kêu cứu:

“... Thưa ngài Tổng thống.

Vào giờ phút quyết định này, khi Nam Việt Nam đang lâm nguy và hòa bình đang bị đe dọa nghiêm trọng, vì lẽ đó tôi trân trọng khẩn cầu Chính phủ Hoa Kỳ hãy thực hiện lời hứa... Một là, hạ lệnh tiến hành một cuộc oanh tạc ngắn hạn bằng máy bay B.52 tập trung vào những điểm đóng quân và căn cứ hậu cần của kẻ thù trong khu vực thuộc Nam Việt Nam. Hai là, khẩn cấp viện trợ những phương tiện cần thiết để ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tấn công...

Kính thưa ngài Tổng thống,

Một lần nữa, tôi xin khẩn cầu ngài, khẩn cầu chữ Tín trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ, và đặc biệt khẩn cầu lương tâm của nước Mỹ... Tôi xin đa tạ quyết tâm thực hiện trọn vẹn lời hứa đó bằng hành động cụ thể của ngài...

Trân trọng kính chào,

Nguyễn Văn Thiệu¹.

Tất nhiên, lời van xin của Thiệu rơi vào im lặng. Bức thư ngày 22 tháng 3 là bức thư cuối cùng của Pho gửi Thiệu. Tác dụng của nó cũng giống như một liều thuốc an thần đã quá hạn, không còn giúp gì những bệnh nhân đang thập tử nhất sinh.

Mặc dù, bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Sơ-lét-xinh-giơ nêu lên giải pháp duy nhất còn lại lúc này là ném bom nguyên tử, vị tổng thống được đưa lên sau vụ bê bối Oa-tơ-ghết ở vào một tình thế khó xử: Ném bom bằng B52 thì bị Quốc hội cấm. Dùng bom nguyên tử thì lại càng không dám nghĩ tới. Pho không thể làm gì hơn là bỏ đi đánh “gôn” suốt cả tuần.

Đà Nẵng thất thủ đúng vào dịp lễ phục sinh.

Đối với Mỹ, Đà Nẵng không còn là vị trí chiến lược quan trọng nữa. Tuy nhiên, cũng có một “hạm đội” được gửi tới Đà Nẵng. Đó là một mớ hỗn tạp gồm 20 chiếc tàu vận tải và tàu kéo của Nhật cùng ba tàu chiến nhỏ của Mỹ đến để di tản cố vấn Mỹ, viên chức nguy và những người hoảng loạn đang tháo chạy lấy thân, trong đó có tướng Ngô Quang Trưởng.

¹ Nguyễn Tiến Hùng và Jérôld Schecter. *Từ Tàu Bạch ốc đến dinh Độc Lập*, Sdd, tr.391.

CHƯƠNG VII

TRẬN SÀI GÒN BẮT ĐẦU

Những tấm lá chắn của địch ở phía Bắc đã bị phá toang. Con đường chiến thắng dẫn tới sào huyệt cuối cùng của chế độ Sài Gòn đang mở rộng.

Ngay trước khi giải phóng hoàn toàn Đà Nẵng, chiều 29 tháng 3 năm 1975, đồng chí Bí thư thứ nhất gửi điện cho Trung ương Cục miền Nam: "...Tình hình biến chuyển mau lẹ. Cuộc cách mạng miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt... Trên thực tế, có thể coi chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu từ đây"¹.

Chiến thắng lớn, dồn dập, như một phản ứng dây chuyền, nhanh chóng lan ra, càng làm suy yếu bộ máy ngụy quân, ngụy quyền từ trung ương đến cơ sở. Bài toán thời gian lúc này không dừng lại ở đáp số tính bằng tháng, mà phải tính bằng ngày. Thế trận chiến tranh nhân dân, với lực lượng bố trí sẵn tại chỗ trên từng chiến trường, từng khu vực, tỏ rõ khả năng chủ động tiến công của quân ta, còn nhanh hơn cả "trục thăng vận" và "cầu hàng không" của Mỹ. Địch ở đâu cũng đánh, bị bao vây chia cắt. Chiến lược tổng hợp của ta kết hợp đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và binh vận, căng địch ra mà tiêu diệt và đánh rã.

Sáng ngày 31 tháng 3, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp mở rộng. Đây là cuộc họp lịch sử bàn về đòn chiến lược thứ ba, đòn cuối cùng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy.

Không khí phấn khởi tràn ngập "Nhà con rồng". Những nét mặt rạng rỡ, những ánh mắt sáng ngời, những cái bắt tay hứa hẹn.

Bắt đầu cuộc họp, anh Ba nêu những vấn đề cần bàn. Thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi báo cáo tổng quát tình hình chiến trường một tháng qua, đặc biệt nêu rõ diễn biến chiến sự trong hạ tuần tháng 3. Từ Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng đến Cục Nam Trung Bộ và Nam Bộ, quân và dân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn chủ lực mạnh của quân ngụy và khoảng 40% các binh chủng kỹ thuật hiện đại, thu và phá hủy trên 40% cơ sở vật chất và hậu cần của chúng; giải phóng địa bàn hai quân khu gồm 12 tỉnh với gần một nửa số dân ở miền Nam. Âm mưu cơ cụm chiến lược của địch đã bị phá sản. Chúng đang lâm vào tình trạng hoang mang, bế tắc. Tuy vậy, địch vẫn ngoan cố lập tuyến phòng ngự từ xa, từ Phan Rang trở vào. Chúng hy vọng ngăn chặn và đẩy lùi cuộc tiến công của ta, giữ thế cầm cự cho tới mùa mưa sau, sau đó sẽ củng cố những lực lượng còn lại, phân công tái chiếm các vùng đã mất.

Địch tập trung ở Phan Rang một lực lượng khoảng hai sư đoàn gồm sư đoàn 2 bộ binh vừa được khôi phục, lữ đoàn 2 dù, liên đoàn 31 biệt động quân, có sư

¹ Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, tr.383.

đoàn 6 không quân đóng ở sân bay Thành Sơn yểm trợ. Đồng thời, chúng tập trung mọi cố gắng thu nhập tàn quân, chấn chỉnh các đơn vị còn lại, điều chỉnh thế bố trí nhằm tăng cường phòng thủ khu vực Sài Gòn - Gia Định và đồng bằng sông Cửu Long.

Về phía ta, với trận Huế - Đà Nẵng, ta đã bắt đầu chuyển sang Tổng tiến công chiến lược. Quân ta đang trong thế thừa thắng xông lên. Ta hoàn toàn có khả năng tập trung lực lượng cả nước đến mức cao nhất, áp đảo địch trên chiến trường trọng điểm là Sài Gòn. *Thời cơ lớn đã xuất hiện.* Chắc chắn ta sẽ giành toàn thắng trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này. Tôi đề nghị cần khẩn trương xây dựng kế hoạch tác chiến, thực hiện bao vây chiến lược ở phía đông và phía tây Sài Gòn - Gia Định, sử dụng nắm đấm chủ lực, bất ngờ thọc sâu tiêu diệt địch. Đánh một trận là thắng. Phương châm là *"thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng"*.

Các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị phát biểu ý kiến, đồng ý với đề nghị của Quân ủy Trung ương. Anh Trường Chinh tâm đắc với phương án thọc sâu mà anh gọi là "percée stratégique" (thọc sâu chiến lược).

Hội nghị nhất trí nhận định những nhân tố mới đã xuất hiện rõ nét trong trận Đà Nẵng. Ta hơn hẳn địch cả về thế chiến lược vẫn lực lượng quân sự, chính trị. Dù Mỹ có tăng viện cũng không thể cứu vãn nguy sụp đổ. Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm *thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất.*

Phương thức tác chiến chiến lược của ta là phát huy sức mạnh của ba đòn chiến lược (chủ lực, nông thôn và thành thị), từ ngoài đánh vào, kết hợp với lực lượng tại chỗ từ trong đánh ra, lấy chủ lực từ ngoài đánh vào là quyết định, tập trung lực lượng tiến công địch, nhanh chóng lợi dụng thời cơ, dồn dập phát triển thắng lợi.

Về bố trí lực lượng chiến lược, Bộ Chính trị chủ trương gấp rút tăng thêm lực lượng ở hướng tây Sài Gòn, chia cắt và bao vây chiến lược ở hướng tây nam, triệt đường số 4, cô lập Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long. Các lực lượng phía đông đánh chiếm các mục tiêu quan trọng, bao vây Sài Gòn từ hướng Bà Rịa - Vũng Tàu. Quả đấm chủ lực phải thật mạnh, kể cả binh khí kỹ thuật, sẵn sàng đánh thẳng vào các mục tiêu hiểm yếu và quan trọng nhất của địch ở trung tâm Sài Gòn khi thời cơ xuất hiện. Ở đồng bằng sông Cửu Long, các lực lượng quân sự, chính trị hoạt động mạnh, giải phóng các địa phương, phối hợp với mặt trận trọng điểm.

Ngay từ bây giờ, cần có kế hoạch hành động với lực lượng sẵn có trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Các lực lượng của ta ở Tây Nguyên cần nhanh chóng tiến vào chiến trường trọng điểm. Bộ Tổng tham mưu đôn đốc cho Quân đoàn 1 khẩn trương vào kịp thời gian.

Cuộc họp kết thúc.

Đồng chí Bí thư thứ nhất điện ngay vào chiến trường: "... Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ "một ngày bằng hai mươi năm". Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện

Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất.

Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động “*thần tốc, táo bạo, bất ngờ*”. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc”¹.

Từ cuộc họp ngày 31 tháng 3 năm 1975, số phận của chế độ Sài Gòn đã được định đoạt. Quyết tâm của Bộ Chính trị cổ vũ mạnh mẽ nhiệt tình cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Tất cả cho ngày toàn thắng.

Chiến trường Nam Bộ, Cục Nam Trung Bộ đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, chuẩn bị đón thời cơ lịch sử. Trên các trục đường chiến lược, các cánh quân lớn thần tốc đổ vào chiến trường trọng điểm. Từ núi rừng Tây Nguyên vừa giải phóng. Quân đoàn 3 cùng các binh khí kỹ thuật tiến về hướng Sài Gòn với khí thế chiến thắng. Từ hậu phương lớn miền Bắc, Quân đoàn 1 tiến vào miền Nam không kể ngày đêm. Cánh quân phía đông mới được thành lập, ngoài dự kiến ban đầu, khẩn trương tiến dọc miền duyên hải theo đường số 1. Hậu phương lớn huy động tối đa sức người, sức của, chi viện tiền tuyến. Các cơ quan Tổng hành dinh luôn mất luôn tay, khẩn trương, phấn khởi. Lúc này, ai cũng thấm thía về giá trị của thời gian. Kim đồng hồ như chạy nhanh hơn, ngày tháng như ngắn lại.

Ngay sau Hội nghị Bộ Chính trị, tôi suy nghĩ nhiều về trận chiến đấu sẽ diễn ra trên chiến trường trọng điểm là Sài Gòn - Gia Định. Sau khi nghiên cứu, trao đổi với Tổng tham mưu phó Cao Văn Khánh và Cục trưởng Tác chiến Lê Hữu Đức, ngày 1 tháng 4, tôi điện vào B2: “Đúng như Bộ Chính trị đã nhận định, chiến tranh cách mạng ở miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Hiện nay ta đã có đầy đủ lực lượng và khả năng để giành thắng lợi hoàn toàn trong một thời gian ngắn hơn dự kiến rất nhiều.

Vấn đề quyết định là phải kịp thời nắm lấy thời cơ, tranh thủ vào trung tuần tháng 4 thì bắt đầu cuộc tiến công quy mô lớn vào Sài Gòn. Làm được như vậy là thuận lợi nhất, bảo đảm thắng lợi giòn giã nhất. Bất ngờ hiện nay không còn ở phương hướng lớn nữa. Địch biết nhất định ta sẽ đánh Sài Gòn nhưng chúng cho rằng ta cần chuẩn bị một - hai tháng. Vì vậy, bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở khâu thời gian. Một mặt cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc, mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng đông đủ mới làm ăn. Chính theo ý nghĩa đó mà Bộ Chính trị đã khẳng định từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược Sài Gòn đã bắt đầu.

... Giữa hai phương án cơ bản, một là bao vây dài ngày tạo điều kiện rồi dứt điểm, hai là tiến công táo bạo từ đầu, đánh nhanh, dứt điểm nhanh, thì nay nên chọn phương án 2, tức là làm thật nhanh, thật táo bạo; đồng thời có sự chuẩn bị trong điều kiện nào đó nếu cần thì chủ động chuyển sang phương án 1 cũng

¹ Lê Duẩn. *Thư vào Nam*, tr.387.

nhằm giành thắng lợi cuối cùng trong một thời gian ngắn... Với lực lượng sẵn có, cần hành động kịp thời để lợi dụng mọi thời cơ cụ thể do địch hoang mang và lúng túng đưa lại, tiến công liên tiếp, giành thắng lợi liên tiếp, làm đảo lộn mọi mưu đồ chấn chỉnh lực lượng hoặc tăng cường viện trợ của Mỹ.

Thời gian hiện nay phải tính từng ngày. Phải *"thần tốc, thần tốc, toàn thắng, nhất định toàn thắng"*.

Ngày 2 tháng 4, trong buổi giao ban, trên cơ sở phân tích tình hình các mặt trận, Quân ủy Trung ương điện khẩn cho Quân ủy Miền và Bộ tư lệnh B2: "... Trong lúc chuẩn bị kế hoạch lớn, ta cần có kế hoạch tức khắc tập trung pháo lớn, phần nào xe tăng và bộ binh nhân lúc địch hoang mang diệt bọn bại binh mới chạy về, tiêu diệt một bộ phận F18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa. Không chế được sân bay Biên Hòa thì không quân mất tác dụng, địch ở Sài Gòn sẽ hoang mang to...". Ngoài các nguồn tin kỹ thuật của Cục Quân báo, tin tức công khai do các phóng viên nước ngoài ở miền Nam đánh đi từ Sài Gòn mà Thông tấn xã Việt Nam thu được cung cấp thêm nhiều tình hình sốt dẻo.

Quân ủy Trung ương điện tiếp cho anh Phạm Hùng, đồng điện của anh Văn Tiến Dũng và anh Trần Văn Trà:

"2. Sài Gòn hiện nay bắt đầu hoảng loạn, có thể xảy ra biến động chính trị trong nội bộ địch. Mặt trận Cam Ranh - Phan Rang vỡ, bọn tàn quân chạy về sẽ gây rối lớn.

3. Theo tinh thần hành động táo bạo, kịp thời của Bộ Chính trị, chúng tôi có ý kiến Trung ương Cục và Quân ủy Miền cần có một kế hoạch hành động ngay với lực lượng sẵn có, dựa vào kế hoạch bước 1 của anh Tư¹, nhưng nay làm nhanh và mạnh, không điều động xáo trộn.

4. Cụ thể:

a. Phía đông tập trung lực lượng tăng, pháo thật mạnh đánh ngay bọn F18, tiêu diệt Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, triển khai ngay pháo nặng không chế sân bay Biên Hòa, có điều kiện tốt hay lực lượng mới sẽ đánh chiếm Ô Cấp², cắt sông Lòng Tàu.

b. Phía tây, với lực lượng hiện có, nên giao bộ đội địa phương bao vây Mộc Hóa, còn chủ lực Miền và khu thì tập trung đánh xuống đường số 4 nhanh hơn, thực hiện nhanh chia cắt và bao vây chiến lược. Nghiên cứu kế hoạch tăng lực lượng tiếp.

c. Hiện nay, tình hình có thể chuyển biến mau lẹ. F9 cần nằm trong tay Trung ương Cục, sẵn sàng hành động khi có thời cơ, chưa nên điều đi hướng khác trong khi lực lượng mới chưa vào.

5. Trong lúc đó, tiếp tục nghiên cứu kế hoạch hành động tiếp với lực lượng và binh khí kỹ thuật được tăng thêm".

Biết các anh ở Miền đang rất cần thêm lực lượng cho chiến trường trọng điểm, tôi thông báo cho anh Trà biết Quân ủy Trung ương đã điện cho anh Văn

¹ Đồng chí Trần Văn Trà.

² Vũng Tàu

Tiến Dũng tranh thủ thời gian đưa lực lượng từ Tây Nguyên xuống càng nhanh càng tốt; Quân đoàn 1 và các đơn vị kỹ thuật cũng đang khẩn trương tiến vào tăng cường cho B2.

Các nguồn tin cho biết:

Trong khi quân ta thần tốc từ các hướng tiến về Sài Gòn, thì Bộ Tổng tham mưu ngụy tính toán: đối phương chỉ có khả năng tăng cường cho miền Đông Nam Bộ nhiều nhất là một quân đoàn, và muốn đưa lực lượng ấy vào tới chiến trường, phải mất ít nhất là hai tháng! Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Sơ-lét-xinh-giơ thì coi việc mất Đà Nẵng là “một trận chiến chính, nhưng tương đối nhỏ”. Còn Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho sau này đã viết hồi ký về thời đó: “Mọi người đều biết rằng những vấn đề ở Việt Nam rất nghiêm trọng, nhưng dường như không ai biết được nguy kịch đến mức nào!”.

Kiểm lại lực lượng, Thiệu chủ trương giữ toàn bộ Quân khu 3 và Quân khu 4, lập tuyến phòng thủ từ Phan Rang trở vào, giữ chặt Tây Ninh, lấy Tây Ninh làm hướng phòng thủ chính ngăn chặn quân ta thọc vào Sài Gòn, trừ trực đường 13, giữ trị trấn Xuân Lộc, ngăn không để “Việt cộng” áp sát đường 15, Nhơn Trạch để pháo kích vào Sài Gòn.

Ngày 2 tháng 4, Cao Văn Viên, tổng tham mưu trưởng quân ngụy hò hét: “Cố thủ từ Phan Rang trở lại”. Viên tướng phụ trách hậu cần Đồng Văn Khuyên hùng hổ tuyên bố: “Bằng bất cứ giá nào, phải cố thủ từ Ninh Thuận trở vào, nếu cần sẽ đem hết lực lượng đánh xả láng tại đó!”.

Thiệu cử Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh quân đoàn 3 ra trấn giữ Phan Rang, đồng thời ra lệnh gấp rút khôi phục một số tàn quân từ phía bắc chạy vào, cũng cố tuyến phòng ngự chung quanh Sài Gòn. Trong khi đó, Thiệu bí mật chở vàng bạc, đá quý sang Đài Loan và Ca-na-da. Toàn lại chỉ thị cho Nguyễn Vĩnh Nghi thành lập sở chỉ huy tiền phương ở Phan Rang, còn mình lui về phía sau, nói là “để tăng cường cho Xuân Lộc!”.

Tổng thống Mỹ cử tham mưu trưởng lục quân Hoa Kỳ đến Sài Gòn để nắm tình hình, mang theo một liều thuốc an thần cuối cùng gồm một số súng cỡ lớn được bốc dỡ ở sân bay Tân Sơn Nhất trước ống kính camera giữa thanh thiên bạch nhật, và chiếu ngay trên màn ảnh truyền hình.

Thế nhưng lần này, trò lừa mị vụng về xem ra không còn tác dụng, vì con bệnh đang hấp hối đã quen thuốc mất rồi! Thật ra, quân ngụy lúc này cần đạn hơn cần súng. Và các khẩu pháo đâu có thể thay được việc ném bom bằng B52 như Thiệu đã van xin? Phrê-đê-rích Uây-oen viên tướng bốn sao đã phải cuốn cờ rút khỏi miền Nam Việt Nam tháng 3 năm 1973, không thể làm gì hơn trước sự thất vọng của Thiệu. Ông ta chỉ có nhiệm vụ “xem xét những khả năng mà Mỹ có thể làm để ủng hộ Nam Việt Nam”, và sẽ trở về Mỹ tường trình với Tổng thống Pho lúc này đang còn đi nghỉ mát!

Trở lại với chiến trường Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ.

Từ khi mở màn chiến dịch Tây Nguyên, nhất là sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, tình hình phát triển rất nhanh.

Báo cáo của Quân ủy Miền và Bộ tư lệnh B2 cho biết: Thực hiện kế hoạch đợt hai mùa khô 1974 - 1975 của Bộ tư lệnh Miền đã được Trung ương Cục thông qua, từ đêm ngày 9 rạng ngày 10 tháng 3 năm 1975, phối hợp với các chiến trường toàn miền Nam, quân và dân ta từ núi rừng Khu 4 đến đồng bằng sông Cửu Long tiến công và nổi dậy, đồng loạt xông lên diệt địch, giành thắng lợi giòn giã.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, quân và dân Quân khu 9 tiêu diệt phân chi khu Hựu Thành, vây lấn yếu khu Thủy Phó, diệt gọn hai tiểu đoàn địch đến tăng viện, giải phóng chi khu Thuận Thới, đồn Cầu Sắt. Trước sức tiến công của ta, quân địch ở yếu khu Thủy Phó tháo chạy. Ta tiếp tục tiến công lên hướng Tam Bình, diệt phân chi khu Ba Kè, làm chủ đoạn sông Măng Thít, tiếp đó phát triển tiến công diệt 50 đồn địch, làm chủ đường 16, uy hiếp đường 4, áp sát Vĩnh Long. Được quân chủ lực hỗ trợ, bộ đội và du kích Vĩnh Trà tiến công giải phóng Càng Long, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải, Cầu Kè. Tỉnh ủy và tinh đội Trà Vinh lập thêm được ba tiểu đoàn tập trung, tổ chức lực lượng chính trị, binh vận, đưa vũ khí và cán bộ vào thị xã phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12 tháng 3, quân và ta đánh chiếm chi khu Bình Minh, diệt phân chi khu Mỹ Thuận, giải phóng vùng bắc sông Hậu, đặt pháo 105mm ở bắc Cai Vồn bắn vào sở chỉ huy Quân đoàn 4 ngự và sân bay Trà Nóc. Sư đoàn 4 diệt đồn Ông Thập, đánh chiếm căn cứ Bà Đầm, vây ép Ô Nai, Ô moan, chuan bị tiến công Cần Thơ. Ở Quân khu 8, quân ta diệt hai tiểu đoàn địch ở căn cứ Ngã Sáu, phá vỡ hệ thống đồn bốt địch ở khu vực kênh mới và kênh Nguyễn Văn Tiếp B, mở vùng giải phóng rộng lớn từ huyện Cái Bè (Mỹ Tho) đến Mỹ An, Kiên Văn (Sa Đéc), diệt địch ở bắc Cai Lậy, cắt đường 12, vây ép Mỹ Tho. Trên hướng Kiến Tường - Long An, quân ta tiến công đánh thông hành lang Tây Ninh xuống Đồng Tháp Mười, làm chủ một vùng rộng lớn ở bờ tây sông Vàm Cỏ Đông, cắt đứt đường 4, tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn từ hướng tây Đoàn 232 được anh Lê Đức Anh, Phó tư lệnh Miền trực tiếp chỉ huy, chuẩn bị tiến công Sài Gòn từ hướng tây và hướng nam.

Ở miền Đông Nam Bộ, các đội biệt động, đội công tác bí mật và bộ đội đặc công áp sát các vị trí xung yếu xung quanh thành phố Sài Gòn, diệt địch ở Phú Hòa Đông, bốt đường 8, Tân Thạnh Tây, Tổng Thôn, Thới Mỹ, sở chỉ huy tiểu đoàn địch ở Tân Túc, bực hàng, bực rút hàng loạt đồn bốt dọc hành lang vào nội đô, tiêu hủy kho chứa chất độc hóa học ở Thủ Đức, kho xăng Vũng Bèo. Sư đoàn 9 tăng cường tiến công chi khu quân sự Tri Tâm, giải phóng quận Dầu Tiếng, Bến Củi, diệt cứ điểm Suối Ông Hùng, đánh chiếm Cầu Khởi, diệt và làm bị thương trên 3.000 tên địch, phá hủy và thu 61 xe quân sự, 6 khẩu pháo, 1.000 súng các loại... giải phóng Dầu Tiếng, thị xã An Lộc và toàn tỉnh Bình Long, tạo địa bàn đứng chân cho quân ta tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch từ hướng tây bắc. Miền Đông Nam Bộ đã mở được một vùng giải phóng kéo dài từ bắc Tây Ninh qua Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Chơn Thành, từ Mỏ Vẹt đến La Ngà qua Hoài Đức, Tánh Linh, từ đường số 1 đến nam đường số 2, Bà Rịa.

Như vậy là trong vòng một tháng, quân và dân Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ tích cực phối hợp với chiến trường Tây Nguyên và chiến trường Trị - Thiên - Huế, Quảng Đà đã tiêu diệt và làm tan rã nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Quân khu 4, hình thành bao vây, tạo thế cho các cánh quân trên các hướng tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Các hoạt động chống phá “bình định” của đồng bào và chiến sĩ phát triển nhanh chóng. Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận lên mạnh. Khắp miền sông Tiền, sông Hậu, liên tiếp nổ ra hàng nghìn cuộc đấu tranh trực diện với địch. Đồng bào nổi dậy tố cáo tội ác của địch, trừng trị bọn ác ôn có nhiều nợ máu... Nhân dân đắp cà, ngăn sông, chặn tàu chiến địch, cắt đứt những con đường thủy huyết mạch như kênh Măng Thít ở Vĩnh Long, kênh xáng Xẻo Rô ở nam Rạch Giá. Thanh niên hăng hái tòng quân, lực lượng vũ trang ở đồng bằng phát triển rất nhanh. Đông đảo quần chúng phục vụ bộ đội, tham gia các tổ chức cách mạng ở địa phương.

Trên cơ sở tình hình chung do Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông báo, căn cứ vào các bức điện chỉ đạo của đồng chí Bí thư thứ nhất, của Quân ủy Trung ương và tình hình thực tế của chiến trường trọng điểm, ngày 29 tháng 3 năm 1975, Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết 15-TWC nêu rõ: “... Cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam không những đã bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt mà thời cơ chuẩn bị để tiến hành cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch cũng đã chín muồi. *Từ giờ phút này, trận quyết chiến quyết lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu*, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà”. Nghị quyết nêu rõ cần tăng cường lãnh đạo đôn đốc của quần chúng làm hậu thuẫn cho đôn đốc tiến công quân sự và nhấn mạnh: “Phải thật tập trung từng giờ, từng ngày, từng tháng, từ đầu tháng 4 năm 1975 này”. Đây là một nghị quyết phù hợp với tinh thần các nghị quyết của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, chứng tỏ sự sáng suốt, nhạy bén của các đồng chí lãnh đạo B2, được các địa phương chấp hành tích cực và có hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền vạch kế hoạch tiến công Sài Gòn với lực lượng bản thân hiện có. Kế hoạch dự kiến tiến công vào nội đô trên năm hướng: hướng đông do Quân đoàn 4 đảm nhiệm; hướng tây bắc do Sư đoàn 9 và các trung đoàn 16, 271b; hướng tây do Đoàn 232 gồm Sư đoàn 5, Sư đoàn 3/B2 và các lữ đoàn binh chủng; hướng nam do các trung đoàn 88 và 21 của Quân khu 8 phụ trách; hướng bắc được giao cho Trung đoàn Gia Định, sẽ được tăng cường thêm lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng của trung ương điều vào, nếu có. Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền chủ trương tiến công diệt địch ở Xuân Lộc, áp sát Biên Hòa, Đoàn 232 chuẩn bị chiếm Mộc Hóa, đưa lực lượng xuống cắt đường số 4 kết hợp với chủ lực Quân khu 8 diệt sư đoàn 7 và sư đoàn 9 ngụy. Thực hiện thắng lợi bước này, sẽ gây biến động lớn về quân sự, chính trị trong ngụy quân, ngụy quyền. Nắm lấy thời cơ ấy, sẽ phát động nhân dân nổi dậy, kết hợp công kích quân sự với khởi nghĩa của quần chúng, trong đánh ra ngoài đánh vào, nhằm nắm mục tiêu chủ yếu là sân bay Tân Sơn Nhất,

Bộ Tổng tham mưu ngụy, Biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát và dinh Độc Lập. Kế hoạch được Trung ương Cục nhất trí và báo cáo ra Trung ương.

Hạ tuần tháng 3 năm 1975.

Ngay sau chiến thắng Tây Nguyên, Bộ tư lệnh chiến dịch ra lệnh cho các đơn vị chủ lực thừa thắng phát triển tiến công về hướng đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ theo các trục đường số 19, số 7 và số 21. Sư đoàn 10 tiến theo đường 21, tiêu diệt lữ đoàn dù trên đèo Phượng Hoàng, giải phóng quận lỵ Khánh Dương. Sư đoàn 320 sau khi giải phóng Củng Sơn, theo đường số 7 tiến xuống Tuy Hòa. Sư đoàn 3 Quân khu 5 tiêu diệt căn cứ địch ở An Khê, sau đó phối hợp với Sư đoàn 968 tiêu diệt phần lớn sư đoàn 22 ngụy trong một trận từ Phú Phong đến sân bay Gò Quánh. Bọn tàn quân của sư đoàn 22 bị quân và dân Bình Định tiến công làm tan rã hoàn toàn.

Ngày 27 tháng 3, tại cuộc họp với Bộ tư lệnh Tây Nguyên, trong không khí phấn khởi, quyết tâm, anh Văn Tiến Dũng công bố thành lập Quân đoàn 3 gồm các sư đoàn 10, 320 và 316 theo quyết định của Bộ Tổng tư lệnh. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới, càng đánh càng mạnh của quân đội ta trong quá trình cuộc tiến công chiến lược.

Với khí thế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, quân và dân ta đã tích cực đánh địch trên khắp các tỉnh ven biển miền Trung, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch còn lại, liên tiếp giải phóng các tỉnh, thành phố thuộc vùng Quân khu 2 ngụy. Ngày 1 tháng 4, hai tỉnh Bình Định, Phú Yên với thành phố Quy Nhơn và thị xã Tuy Hòa được giải phóng. Từ ngày 2 đến ngày 3 tháng 4, tỉnh Khánh Hòa với thành phố Nha Trang và quân cảng Cam Ranh được giải phóng. Trước đó, ngày 24 tháng 3, tỉnh Quảng Đức với thị xã Gia Nghĩa đã giải phóng.

Lúc này có một sự kiện đáng ghi nhớ. Đó là việc điều động sử dụng Sư đoàn 10 của Quân đoàn 3. Như trên đã nói, sau ngày giải phóng Đà Nẵng, chủ trương của Quân ủy trung ương được sự nhất trí của Bộ Chính trị là tập trung toàn bộ lực lượng ở Nam Tây Nguyên nhanh chóng tiến thẳng xuống miền Đông Nam Bộ. Trên đường vào B2, anh Lê Đức Thọ cũng đã phổ biến cho Bộ tư lệnh Tây Nguyên về chủ trương này. Nhưng trước đó, trong tình hình bộ đội ta đang truy kích tiêu diệt địch, anh Văn Tiến Dũng và Bộ tư lệnh Tây Nguyên đã lệnh cho Sư đoàn 10 tiến ra hướng biển, xuống Nha Trang, Cam Ranh. Khi biết chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, các anh băn khoăn đến mất ngủ, lo lắng, như vậy có trái với ý định của cấp trên hay không. Cuối cùng các anh xác định là báo cáo lên Trung ương và chịu trách nhiệm. Ngay sau đó, anh Văn Tiến Dũng điện ngay cho tôi trình bày về vấn đề này, nói rõ cuộc tiến quân đang phát triển thuận lợi, Nha Trang, Cam Ranh là hai mục tiêu chiến lược quan trọng, tính toán thời gian sư đoàn có thể hoàn thành nhiệm vụ giải phóng hai nơi này, sau đó quay lên đường 11 rồi theo đường 20 tiến xuống vị trí tập kết ở miền Đông, thời gian cũng không chậm là bao.

Nhận điện của anh Dũng, lại có tin ta đã giải phóng Quy Nhơn, địch đang rút khỏi Tuy Hòa, chuẩn bị bỏ Nha Trang, Cam Ranh, tôi lập tức trả lời bằng bức điện số 940 ngày 20 tháng 3 năm 1975: "Chúng tôi bàn với anh Ba nhất trí cho

rằng ta cần có chủ trương thật linh hoạt để lợi dụng thời cơ cụ thể này, tức là tập trung Sư đoàn 10 nhanh chóng tiêu diệt quân dù và bọn địch còn lại, đánh chiếm Nha Trang, Cam Ranh rồi tiến về phía nam...”.

Bức điện làm cho các anh rất yên lòng. 8 giờ sáng ngày 31 tháng 3, anh Dũng điện ngay cho tôi: “Tôi mừng quá. Thật là tâm đầu ý hợp giữa lãnh đạo và người ở chiến trường...”.

Thực tế đã cho thấy việc điều động và xây dựng Sư đoàn 10 như vậy là đúng. Sau khi giải phóng Nha Trang, Cam Ranh, sư đoàn đã từ Ba Ngòi nhanh chóng xuyên qua căn cứ Bác Ái sang đường 11, lên Tuyên Đức rồi theo đường 20 tiến về vị trí tập kết của Quân đoàn 3 trên hướng Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong khi Quân đoàn 3 tiến công địch trong hành tiến, ào ạt tiến quân vào chiến trường trọng điểm, thì Quân đoàn 1 từ miền Bắc theo đường số 1 rồi theo tuyến Đông Trường Sơn, Tây Trường Sơn và đường 14, khắc phục mọi khó khăn về cầu đường, thời tiết, thần tốc tiến như một dòng thác mạnh đổ xuống phía nam. Trên đường tiến quân, quân đoàn tổ chức thành từng khối, hành quân bằng cơ giới, có pháo xạ bảo vệ. Núi rừng Trường Sơn sôi động. Các đoàn xe, pháo nối đuôi nhau chạy suốt ngày đêm, quyết tâm đến vị trí tập kết ở Đồng Xoài đúng thời gian vào trung tuần tháng 4, kịp tham gia chiến đấu. Binh đoàn dự bị chiến lược ra quân với khí thế hào hùng, phấn khởi mang theo cả niềm tin quyết thắng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, tăng cường thêm một “quả đấm thép” cho chiến trường trọng điểm trong trận quyết chiến cuối cùng.

Trong thời gian này, Sư đoàn 7 cùng một bộ phận Sư đoàn 341 và lực lượng địa phương đánh chiếm chi khu quân sự Định Quán, diệt yếu khu Gia Ray, khống chế đường 20. Ngày 28 tháng 3, sư đoàn dùng xe cơ giới theo đường 20, phối hợp với các lực lượng ém sẵn, tiến công giải phóng thị xã Lâm Đồng, sau đó cùng bộ đội Khu 6 đánh chiếm cao nguyên Di Linh, ngày 4 tháng 4 phát triển lên đánh chiếm thành phố Đà Lạt. Trung đoàn 812 truy kích địch từ Đà Lạt đến sân bay Thành Sơn, tạo điều kiện cho Sư đoàn 10 từ Cam Ranh xuyên qua Bác Ái theo đường 11 và đường 20 tiến vào miền Đông Nam Bộ. Ở hướng Bình Tuy, Long Khánh, Sư đoàn 6 cùng bộ đội địa phương và du kích tiến công giải phóng đường số 4, phát triển tiến công địch trên đường số 1 từ Suối Cát đến Rừng Lá (Bình Tuy).

Đến lúc này, quân ta đã tiêu diệt và làm tan rã hai quân đoàn, hai quân khu mạnh của địch, giải phóng các tỉnh đồng bằng miền Trung, Tây Nguyên, nhiều vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, hình thành thế bao vây Sài Gòn - Gia Định.

Ngày 3 tháng 4, anh Văn Tiến Dũng cùng Đoàn A.75 vào đến Sở chỉ huy Miền. Anh Đinh Đức Thiện đến liền sau đó. Mấy hôm sau, anh Lê Đức Thọ cũng vào đến nơi. Với tinh thần tích cực, khẩn trương, ngày 7 tháng 4 năm 1975, Trung ương Cục duyệt kế hoạch tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Tư liệu này cho biết: anh Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục chủ trì cuộc họp. Kế hoạch tác chiến chiến dịch do anh Lê Ngọc Hiền trình bày gồm hai

bước: trước mắt, từ ngày 8 tháng 4 tiến công chia cắt chiến lược và bao vây, đánh trận “rúng động”, đánh vùng ven và 8 mục tiêu trong nội thành, chuẩn bị cho tổng tiến công. Nếu thuận lợi, địch tan rã, thì phát triển thọc sâu ngay, phối hợp với quần chúng nổi dậy đánh chiếm thành phố.

Bước hai dự kiến từ ngày 15 đến 20 tháng 4, thực hiện đột kích Sài Gòn trên năm hướng. Lực lượng sử dụng từ ba đến năm sư đoàn chủ lực, bảy đoàn đặc công, 60 tổ biệt động, cùng với lực lượng du kích và khoảng 50 ngàn quần chúng nổi dậy tại chỗ. Anh Trần Văn Trà báo cáo thêm về địa hình vùng phụ cận Sài Gòn, vẽ bố trí của địch trong nội thành, lực lượng không quân và hải quân nguy, và nêu rõ tiêu diệt được sư đoàn 18 nguy, thực hành bao vây cô lập Sài Gòn, sẽ làm “rúng động” toàn bộ và nảy ra thời cơ mới. Nếu địch co cụm thì chuẩn bị thêm lực lượng, nhưng phải giải quyết xong trong tháng 4. Các anh Ba Trần¹, Trần Lương, Hai Xó², Hai Văn³, Đồng Văn Cống, Lê Văn Tường, Đinh Đức Thiện biểu thị nhất trí với kế hoạch, đề nghị cần tranh thủ bất ngờ, bảo đảm hậu cần, đẩy mạnh binh vận, chú trọng tổ chức quân quần thành phố. Anh Võ Văn Kiệt tin tưởng nhất định thắng, nhấn mạnh cần đưa ngay chủ lực vào sâu trong thành phố, vận động quần chúng bung ra, giành thắng lợi thật nhanh, thật kịp thời, đỡ vất vả. Anh Nguyễn Văn Linh thấy cần tiến công liên tục, không nên có khoảng cách, làm cho địch không kịp trở tay. hào hứng, phấn khởi, đầy trách nhiệm, các anh phân tích sâu sắc tình hình, đề ra nhiều ý kiến đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể.

Kết luận hội nghị, anh Phạm Hùng nêu rõ sự nhất trí, phấn khởi đối với kế hoạch tiến công. Nếu cắt được đường số 4 và diệt được sư đoàn 18 thì đột kích ngay, không chờ lực lượng vào đủ. Cần tổ chức hiệp đồng, tập trung lãnh đạo bảo đảm các mặt để giành chiến thắng. Về tổ chức chỉ huy, sẽ bàn thêm với anh Lê Đức Thọ.

Anh Văn Tiến Dũng thay mặt cơ quan tiền phương Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh phát biểu ý kiến. Rất mừng trước việc Trung ương Cục, Quân ủy Miền biểu thị sự nhất trí về kế hoạch tiến công Sài Gòn, anh nhấn mạnh ta có ưu thế về lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, cần dứt điểm càng nhanh càng tốt. Anh nói đã điện ra đề nghị Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đốc thúc tăng cường lực lượng vào chiến trường trọng điểm.

Ngày hôm sau, trong buổi làm việc với Trung ương Cục và Quân ủy Miền, anh Lê Đức Thọ phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình chiến sự, âm mưu của địch, chủ trương của ta, công bố quyết định ngày 6 tháng 4 của Bộ Chính trị thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch Sài Gòn - Gia Định: Anh Văn Tiến Dũng là Tư lệnh; anh Phạm Hùng, Chính ủy; các anh Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiện, Phó tư lệnh; anh Lê Quang Hòa, Phó chính ủy kiêm Chủ nhiệm chính trị; anh Lê Ngọc Hiền, quyền Tham mưu trưởng. Anh

¹ Đồng chí Trần Văn Danh.

² Đồng chí Nguyễn Văn Xó.

³ Đồng chí Phan Văn Đáng.

Lê Đức Thọ tham gia Trung ương Cục và Đảng ủy Mặt trận. Trong dịp này, Trung ương Cục phân công anh Nguyễn Văn Linh, Phó bí thư Trung ương Cục, đặc trách phong trào nổi dậy của quần chúng, nhất là Sài Gòn. Anh Võ Văn Kiệt, Ủy viên Thường trực Trung ương Cục, chỉ đạo việc tiếp quản thành phố.

Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch khẩn trương bắt tay vào việc. Đầu tiên, các anh nhất trí điện ra Trung ương đề nghị đặt tên của Bác Hồ kính yêu cho chiến dịch quyết định sắp diễn ra.

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, thể theo đề nghị của Bộ chỉ huy chiến dịch và nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước, trong bức điện số 37 TK, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị đã đáp ứng kịp thời ý nguyện thiết tha và thiêng liêng ấy: *“Đồng ý chiến dịch Sài Gòn lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh”*.

Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm được vinh dự mang tên vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Theo kế hoạch đã định, ngày 9 tháng 4, những trận đánh cắt đường số 4 ở phía tây Sài Gòn và trận tiến công Xuân Lộc bắt đầu.

Sư đoàn 5 tiến công địch ở thị trấn Thủ Thừa và thị xã Tân An không thành công. Tuy vậy, sư đoàn đã đánh thiệt hại nặng một trung đoàn bộ binh của sư đoàn 7 ngụy và một trung đoàn thiết giáp, diệt 80 đồn bốt lớn nhỏ, giải phóng một vùng rộng, uy hiếp đường số 4. Lực lượng vũ trang Quân khu 8 tiến công làm chủ từng thời gian đường Tân Hiệp - Cái Bè (Mỹ Tho). Các lực lượng vũ trang Quân khu 9 tiến công địch ở Cái Vồn, Ba Càng (Vĩnh Long).

Trên hướng đông, Quân đoàn 4 dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của các anh Hoàng Cầm, Tư lệnh và Hoàng Thế Thiện, Chính ủy, mở cuộc tiến công vào Xuân Lộc, “cánh cửa thép” trên tuyến phòng ngự Sài Gòn và Vùng 3 chiến thuật. Nơi đây, địch bố trí một lực lượng khá mạnh gồm sư đoàn 18 và một số tiểu đoàn bảo an, cảnh sát phòng ngự trong công sự kiên cố. Tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ, tướng Phrê-đê-rích Uây-oen cho rằng: “Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Lê Minh Đảo, sư đoàn trưởng sư đoàn 18 hò hét “tử thủ” bằng mọi giá.

Trận đánh diễn ra quyết liệt và phức tạp.

Theo báo cáo, trong đêm 9 rạng ngày 10 tháng 4, bằng nhiều mũi tiến công, quân ta chọc thủng tuyến phòng ngự thị xã, chiếm được nhiều mục tiêu, cấm cờ cách mạng lên dinh tỉnh trưởng ngụy. Tuy bị thiệt hại nặng, địch vẫn cố thủ. Ngày 10 tháng 4, chúng dùng trực thăng đổ bộ một lữ đoàn dù xuống ven thị xã, tiếp đó, tăng viện thêm hai lữ đoàn thủy quân lục chiến, một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn bộ binh của sư đoàn 8, tám tiểu đoàn pháo binh và hai chiến đoàn xe tăng, thiết giáp. Dựa vào quân tăng viện và sự chi viện của không quân, địch điên cuồng phản kích, gây cho ta nhiều tổn thất. Nhiều vị trí ta đã chiếm được phải lần lượt rút bỏ, hoặc thay đổi chủ nhiều lần. Chúng đã dùng đến các loại bom có sức sát thương và hủy diệt lớn.

Trận đánh chưa dứt điểm.

Tình hình hết sức khẩn trương.

Sau ngày Đà Nẵng giải phóng, theo lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, anh Lê Trọng Tấn, Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà, bay ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới.

Trong buổi giao ban sáng ngày 2 tháng 4, Bộ Tổng tham mưu báo cáo: Dịch hoang mang cực độ. Chiến sự ở ven biển Nam Trung Bộ diễn biến rất nhanh, rất có lợi cho ta.

Anh Tấn nêu ý kiến cần hình thành cánh quân ven biển, gồm các lực lượng vừa giải phóng Đà Nẵng, nhanh chóng tiến quân đánh địch trong hành tiến, tiêu diệt địch và làm chủ các địa bàn chiến lược từ Nha Trang trở vào, không cho địch co cụm về Sài Gòn. Đây cũng là ý kiến đề nghị của Thường vụ và Bộ tư lệnh Quân khu 5 và của Thường vụ và Bộ tư lệnh Quân đoàn 2 vừa lập chiến công ở Đà Nẵng.

Tôi tán thành đề nghị này và cứ ngay anh Tấn sang trình bày với anh Ba. Sau khi trao đổi thêm với tôi, anh Ba hoàn toàn đồng ý.

Ngay lập tức, Thường trực Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh lập cánh quân phía đông, gồm Quân đoàn 2 (thiếu Sư đoàn 324 ở lại Huế), Sư đoàn 3 (Quân khu 5) và các đơn vị pháo binh, cao xạ, xe tăng, công binh. Nhiệm vụ là vừa đánh địch, vừa mở đường với tốc độ thật nhanh, khẩn trương đến kịp thời gian cùng với các đơn vị bạn tham gia giải phóng Sài Gòn. Anh Lê Trọng Tấn được cử làm Tư lệnh. Ban cán sự Đảng lâm thời do anh Lê Quang Hòa làm Bí thư. Khi vào đến miền Đông Nam Bộ, cánh quân này sẽ thuộc quyền lãnh đạo, chỉ huy của Đảng ủy và Bộ tư lệnh Mặt trận Sài Gòn; đồng thời thường xuyên báo cáo với Bộ Tổng tư lệnh.

Trước khi anh Tấn lên đường, thay mặt Thường trực Quân ủy Trung ương, tôi giao nhiệm vụ cho cánh quân phía đông nhanh chóng tiến theo đường số 1 chọc thủng phòng tuyến địch ở Phan Rang, tiếp đó cùng với các lực lượng B2 đánh chiếm Bà Rịa, Ô Cáp, khống chế sông Lòng Tàu, đặt pháo tầm xa ở Nhơn Trạch hoặc Thành Tuy Hạ chế áp các mục tiêu quan trọng ở Sài Gòn, có phương án vượt sông thọc sâu vào trung tâm thành phố. Vì đường dài, cần tổ chức hành quân tốt, cho đơn vị nhẹ đi trước, bảo đảm đi thật nhanh, dọc đường chú ý phòng tránh pháo trên tàu chiến của địch. Bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân, lãnh đạo bộ đội giữ kỷ luật dân vận, đối xử nhân đạo với tù, hàng binh. Vào đến nơi bắt liên lạc ngay với anh Dũng.

Cuộc tiến quân lịch sử của Quang Trung - Nguyễn Huệ lại hiện về trong ký ức. Ngày 4 tháng 4, tôi gửi điện cho cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 2 đang hành quân: "... Các đồng chí lên đường làm nhiệm vụ rất vẻ vang. Cần hành động *thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*".

Ngày 6 tháng 4, điện của Quân ủy Trung ương gửi Bộ tư lệnh Đoàn 559 nêu rõ: "... Cần chú trọng coi công tác bảo đảm chi viện và bảo đảm cơ động lực lượng ta vào B2 là công tác trung tâm số 1. Vì vậy, cần có kế hoạch tổ chức thật tốt công tác này, nhất là bảo đảm việc hành quân của các đơn vị, binh khí, kỹ thuật và các nhu cầu đạn dược theo đúng thời gian đã định". Tôi chỉ thị cho anh Đồng Sĩ Nguyên bố trí sở chỉ huy ở Quy Nhơn và anh Hoàng Minh Thảo ở Nha Trang,

tổ chức bảo đảm, đôn đốc các đơn vị hành quân theo đường số 1, tuyệt đối không để ảnh hưởng đến việc bảo đảm hậu cần cho các đơn vị đang tiến quân.

Bức điện của Quân ủy Trung ương gửi anh Đông Sĩ Nguyên và Thường vụ Đảng ủy 559, đánh đi hồi 22 giờ ngày hôm ấy lại nhấn mạnh: "... Yêu cầu của mặt trận hết sức gấp, từng ngày, từng giờ. *Thời gian lúc này là lực lượng, là sức mạnh.* Các đồng chí dùng mọi biện pháp tổ chức và đôn đốc các đơn vị hành quân hết sức nhanh, chi viện hết sức gấp, hoàn thành xuất sắc chiến dịch chi viện thần tốc này".

Trên hai trục chính là đường số 1 và đường Trường Sơn, với sự tổ chức khẩn trương của Đoàn 559, sự hỗ trợ tích cực của Quân khu 5, bằng đôi chân vạn dặm và mọi phương tiện có thể có được, các đơn vị khắc phục khó khăn đánh địch mà đi, mở đường mà tiến. Đường sạt lở thì nhân dân quanh vùng ra góp công sửa chữa. Cầu bị địch phá thì ngoài cầu, phà tự hành của công binh, còn có thuyền bè lớn nhỏ của dân. Xe hỏng thì tìm mọi cách sửa chữa, cứu kéo...

Ngày 7 tháng 4, tôi ra lệnh cho ác đơn vị đang đổ vào chiến trường:

"Mệnh lệnh: 1. *Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa.* Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng.

2. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sĩ".

Tốc độ hành quân nâng lên không ngừng. Tuy vậy, vẫn còn thấy chậm! Công tác bảo đảm hậu cần hầu như không gặp khó khăn. Đoàn 559 có kế hoạch chu đáo, lại có thêm gạo, đạn, xăng, dầu chiếm được của địch. Quân no, xe pháo đủ nhiên liệu, đạn dược, bộ đội được nhân dân ven đường động viên, giúp đỡ, tốc độ hành quân lại càng tăng.

Ngày 10 tháng 4, điện của cánh quân phía đông báo cáo: Các anh Lê Trọng Tấn và Lê Quang Hòa đã đến Nha Trang, đang chuẩn bị đánh Phan Rang.

Phan Rang, nơi cất rốn chôn rau của Nguyễn Văn Thiệu, là thị xã của tỉnh Ninh Thuận, cách Sài Gòn 315km về phía bắc. Ở đây có hải cảng Tân Thành và Ninh Chữ, có sân bay Thành Sơn với lực lượng một sư đoàn không quân. Đường số 1 và đường sắt chạy qua thị xã nối liền Sài Gòn với các tỉnh miền Trung vừa được giải phóng. Theo sự đạo diễn của Uây-oen, tham mưu trưởng lực lượng Mỹ, địch điều lực lượng dự bị chiến lược ra lập ở đây tuyến phòng thủ từ xa: Phan Rang - Xuân Lộc - Tây Ninh. Với hơn một vạn quân tổ chức phòng ngự trên địa hình có lợi, được sự chi viện của cả hải quân và không quân, chúng hy vọng ngăn chặn, cầm chân các binh đoàn chủ lực của ta ở đây cho đến hết mùa mưa; lúc đó, thời tiết sẽ khó khăn, ta không thể tổ chức đánh lớn ở Sài Gòn và Nam Bộ ít nhất là trong sáu tháng nữa.

Ngày 11 tháng 4, có tin địch tăng cường lực lượng cho Phan Rang. Bộ Tổng tham mưu điện cho anh Tấn hết sức chú ý đến tốc độ tiến quân, nếu thấy đánh Phan Rang không thuận lợi, lại mất thời gian, thì chỉ để một lực lượng bao vây thị xã, còn đại bộ phận tìm cách vòng qua, khắc phục khó khăn về hậu cần và đường sá, tiến nhanh vào miền Đông Nam Bộ.

Ngày 18 tháng 4, anh Tấn diện ra báo cáo về hướng phát triển và kế hoạch tác chiến của cánh quân phía đông, về tình hình hậu cần của bộ đội đang tiến quân. Dự kiến giải quyết xong Phan Rang thì phát triển đánh chiếm Bà Rịa, Vũng Tàu, cắt đường Biên Hòa - Vũng Tàu, khống chế sông Lòng Tàu, nhanh chóng đưa pháo 130mm vào Nhơn Trạch bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Nếu địch co cụm về phòng thủ Biên Hòa thì tùy tình hình cụ thể, có thể tiến công vòng về đông và đóng nam Sài Gòn, vượt sông đột phá vào trọng điểm.

Sáng ngày 14 tháng 4, quân ta nổ súng đánh Phan Rang. Trận tiến công diễn ra quyết liệt. Với ý thức sâu sắc về giá trị của thời gian, bộ đội ta nêu cao tinh thần quyết thắng, dũng mãnh xung phong đánh chiếm các mục tiêu trong thị xã. Quân địch được phi pháo yểm hộ, dựa vào hệ thống công sự và địa hình có lợi, ngoan cố chống cự.

Hai ngày đầu, ta chỉ mới chiếm được một số mục tiêu ở ngoại vi Phan Rang. Sáng ngày 16 tháng 4, Tư lệnh Quân đoàn 2 Nguyễn Hữu An đưa Sư đoàn 325 bước vào chiến đấu. Phương án tác chiến là tổ chức một đội hình thọc sâu mạnh, dùng xe bánh hơi kết hợp với xe tăng vận chuyển lực lượng, đánh thẳng theo đường số 1 vào chiếm thị xã Phan Rang rồi tỏa ra tiến sang phía đông chiếm cảng Tân Thành và cảng Ninh Chữ, vít chặt đường biển; đồng thời theo đường số 11 đánh ngược lên phía tây bắc, vu hồi vào sườn phía tây của địch, chiếm sân bay Thành Sơn, khóa nút đường bộ, phối hợp cùng quân và dân địa phương nhanh chóng bao vây, tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân địch.

Kết quả, ta đã đập tan tuyến phòng ngự từ xa của địch ở Phan Rang, tiêu diệt bộ tư lệnh tiền phương quân khu 3 ngụy, bộ tư lệnh sư đoàn 6 không quân, bộ tư lệnh sư đoàn 2 bộ binh, lữ đoàn 2 dù, liên đoàn biệt động 31, một trung đoàn của sư đoàn mới khôi phục, toàn bộ lực lượng của tiểu khu Ninh Thuận, làm chủ cảng Tân Thành và cảng Ninh Chữ, chiếm sân bay thành Sơn, thu gần 40 máy bay còn nguyên vẹn. Bọn chỉ huy đầu sỏ và hàng nghìn sĩ quan, binh lính bị bắt sống trong đó có viên trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi và viên chuẩn tướng không quân Phạm Ngọc Sang. Quân ta giải phóng hoàn thành thị xã Phan Rang và tỉnh Ninh Thuận.

Được tin chiến thắng, Quân ủy Trung ương điện gửi lời chào quyết thắng đến toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên Quân đoàn 2, Quân khu 5, thăm hỏi đồng bào vùng mới giải phóng, kêu gọi tiếp tục anh dũng tiến lên giành toàn thắng cho chiến dịch lịch sử. Bộ chỉ thị dùng máy bay đưa ngay Nguyễn Vĩnh Nghi và Phạm Ngọc Sang ra Hà Nội.

Tin chiến thắng từ mặt trận dồn dập báo về: Các đơn vị thuộc Quân đoàn 2 đánh chiếm quận lỵ Tuy Phong, vừa đánh chiếm tàu địch, bắn rơi máy bay địch, vừa tác chiến tiêu diệt bộ binh địch, giải phóng các vùng đất trên đường tiến quân, trong đó có các quận lỵ Phan Rí, Hòa Đa và Sông Mao. Thừa thắng, bộ binh và xe tăng của quân đoàn chia thành nhiều mũi xông thẳng vào trung tâm thị xã Phan Thiết, đánh chiếm sở chỉ huy tiểu khu Bình Thuận, giải phóng quận lỵ Hàm Tân. Sáng ngày 20 tháng 4, bộ phận đầu tiên của cánh quân phía đông gồm Sư đoàn 325 của binh khí, kỹ thuật vào đến Rừng Lá, gần Xuân Lộc. Anh

Tấn và anh Hòa cũng đến liền sau đó, và nhanh chóng bắt liên lạc với Bộ chỉ huy Mặt trận Sài Gòn. Với tư cách Phó tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, anh Tấn quyết định tăng cường cho Quân đoàn 4 Trung đoàn 95b (Sư đoàn 325) và pháo, đạn thu được của địch để tiến công dứt điểm Xuân Lộc.

Cuộc tiến quân thần tốc của cánh quân phía đông với hơn 32.000 quân và 2.276 xe, pháo, tăng, thiết giáp qua gần một nghìn kilômét, vượt lên khó khăn, trở ngại, đánh địch trong hành tiến, là một đòn chiến lược sáng tạo, kịp thời, tạo bất ngờ lớn cho quân địch, đập tan ý định co cụm lớn của chúng trên dọc miền duyên hải, đánh thông tuyến đường số 1 từ miền Bắc vào tận cửa ngõ phía đông và đông bắc Sài Gòn, mở thêm một đường tiếp tế hậu cần chiến lược, góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, tạo điều kiện hết sức quan trọng và một thế chiến lược rất thuận lợi cho cuộc tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Trước tình hình quân địch ở Xuân Lộc còn ngoan cố chống cự, Đảng ủy và Bộ chỉ huy Miền chỉ thị cho Quân đoàn 4 rút kinh nghiệm. Anh Trần Văn Trà đến trực tiếp chỉ đạo tác chiến. Xuất phát từ nhận định Xuân Lộc chỉ có thể cố thủ khi được nối liền với Biên Hòa, Bộ chỉ huy Miền quyết định thay đổi cách đánh: từ tiến công thẳng vào thị xã chuyển sang đánh các lực lượng tiếp viện của địch mới được điều đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài, thực hiện chia cắt Xuân Lộc và Biên Hòa, cắt đường số 2 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa, chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích.

Thực hiện quyết tâm mới, Quân đoàn 4 vừa được tăng cường lực lượng bộ binh và pháo cỡ lớn, tiến công tiêu diệt chiến đoàn 52 ngụy và một chi đoàn thiết giáp, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đường số 1 từ Xuân Lộc đến Bàu Cá, làm chủ đoạn cuối cùng của đường 20 từ Túc Trưng đến Dầu Giây, chiếm Núi Thị, Túc Trưng, Kiệm Tân, tiêu diệt quân địch phản kích từ Trảng Bom ra. Hai chiến đoàn 43 và 48 của sư đoàn 18 ngụy cùng với lữ đoàn 3 thiết giáp bị đánh thiệt hại nặng. Bộ đội địa phương và du kích diệt và bức rút một số đồn địch trên các trục đường giao thông và ven thị xã.

Không chiếm lại được ngã ba Dầu Giây, lực lượng bị tổn thất nặng, trước nguy cơ bị bao vây, bị tiêu diệt và sức uy hiếp của cánh quân lớn từ phía đông mới tới, ngày 20 tháng 4, địch phải rút chạy khỏi Xuân Lộc.

Chiến thắng Xuân Lộc làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần của quân ngụy càng thêm suy sụp.

Tin chiến thắng làm nức lòng nhân dân cả nước.

Ngày 6 tháng 4, trong khí thế chiến thắng, 98,26% trong số mấy chục triệu cử tri trên hậu phương lớn phấn khởi đi bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa V, củng cố thêm vững chắc chế độ dân chủ cộng hòa. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta trúng cử với tỷ lệ phiếu cao nhất.

Tất cả cho tiến tuyến.

Cả nước vào trận cuối cùng với niềm tin tất thắng.

Hậu phương lớn tổng động viên nhân, tài, vật lực chi viện cho tiền tuyến lớn. Hầu như toàn bộ lực lượng vận tải trên miền Bắc đều được huy động trong một chiến dịch chi viện lớn nhất từ trước đến nay. Anh Phan Trọng Tụ, Bộ trưởng Giao thông vận tải, Phó chủ tịch Hội đồng chi viện miền Nam ngày đêm lo lắng cùng các ngành, các địa phương điều động hàng chục ngàn xe vận tải, hàng trăm toa xe lửa, hơn 30 tàu biển, hàng trăm lần chiếc máy bay vận tải đưa cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kỹ thuật cùng hàng vạn tấn vũ khí, phương tiện vào chiến trường.

Từ Hà Nội, Nam Định, từ đoàn xe lửa chở đầy bộ đội và vũ khí, đạn dược, hối hả chạy thẳng vào Vinh. Từ đây bằng các phương tiện ô tô, tàu thủy, người vùng súng đạn dược chuyển tiếp vào miền Đông Nam Bộ.

Các cảng sông, cảng biển ở miền Bắc khẩn trương nhận nhện. Tàu thuyền của hải quân, của ngành giao thông vận tải liên tục chở xe tăng, pháo lớn và bộ đội vào Đà Nẵng, từ đó cơ động bằng đường bộ theo đường số 1 vào địa điểm tập kết của hậu cần Miền ở khu vực Dầu Giây.

Các loại máy bay vận tải, máy bay lên thẳng cũng được huy động để chở quân, chở đạn vào chiến trường trọng điểm.

Tại Tổng hành dinh, anh Hoàng Văn Thái, Phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất, theo dõi lực lượng ở chiến trường, nắm chắc đến từng kho đạn, kho xăng dầu, kho lương thực, chỉ đạo chặt chẽ và ráo riết việc tổ chức hành quân và đảm bảo hậu cần.

Trên các trục đường vào Nam, các anh Đồng Sĩ Nguyên, Hoàng Minh Thảo đêm ngày lo đủ đạn dược, nhiên liệu, lương thực, thuốc men cho bộ đội hành quân. Anh Phùng Thế Tài, Phó tổng tham mưu trưởng, luôn có mặt trên các đỉnh đèo Tây Nguyên, đôn đốc bộ đội đi nhanh, đến đủ.

Từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1975, Đoàn vận tải Trường Sơn vận chuyển vào Nam Bộ 115.000 quân và 90.000 tấn hàng (trong đó có 37.000 tấn vũ khí, 9.000 tấn xăng dầu). Riêng trong những ngày “chuẩn bị nước rút” từ ngày 5 đến ngày 26 tháng 4, vừa khai thác vận chuyển, ta đã đưa vào chiến trường 10.100 tấn đạn, 2.300 tấn lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, 2.600 tấn xăng dầu... Nhiều trạm sửa chữa ô tô, sửa chữa pháo và tăng được bố trí dọc đường, phục vụ cơ động của chiến dịch.

Ở Khu 5, Khu ủy và Bộ tư lệnh Quân khu dưới sự lãnh đạo của anh Võ Chí Công và anh Chu Huy Mân, mặc dù đang phải tiếp quản các tỉnh, thành phố, ổn định đời sống cho hàng triệu nhân dân vùng mới giải phóng, vẫn đặt lên hàng đầu nhiệm vụ vận chuyển chi viện cho phía trước. Một đoàn xe vận tải hơn một trăm chiếc do anh Võ Thứ, Phó tư lệnh quân khu trực tiếp chỉ huy, mang đạn pháo 130mm hành quân không nghỉ vào tới B2.

Bảo đảm hậu cần để thực hiện phương châm “thần tốc” trong điều kiện của ta lúc này không phải là chuyện dễ. Đường sá sụt lở, cầu cống bị phá hỏng, địch ở dọc đường, địch ngoài biển ra sức ngăn chặn, thời tiết khắc nghiệt, mưa gió đầu mùa... Phải vượt qua tất cả, bằng sức mạnh của chiến tranh toàn dân, của lòng dũng cảm và trí thông minh, sáng tạo. Nhân dân vùng mới giải phóng ủng hộ

hết mình. Chỉ cần một mảnh giấy có chữ ký và con dấu đỏ của Ủy ban quân quan là có thể huy động được hàng chục, hàng trăm xe tải và cả lái xe chuyển bộ đội, vũ khí, đạn dược ra phía trước.

Trên đường hành quân, có đơn vị do không nắm được tình hình, đã báo cáo về Bộ Tổng tư lệnh là bộ đội thiếu gạo. Lo lắng tốc độ hành quân có thể bị ảnh hưởng, Thường trực Quân ủy Trung ương dành gần một ngày bàn cách giải quyết. Sau khi kiểm tra lại, anh Hoàng Văn Thái báo cáo gạo không thiếu, các kho đã được bố trí ở dọc đường và điện ngay cho các đơn vị hành quân, nói rõ ở Cam Ranh đã có từ hai đến ba nghìn tấn gạo, xăng dầu cũng đã có ở Quy Nhơn, Nha Trang và Cam Ranh.

Trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh, nổi lên tác dụng to lớn của hậu cần tại chỗ. Ở miền Nam, được sự hỗ trợ tích cực của anh Đinh Đức Thiện, hậu cần Miền do anh Bùi Phùng chỉ huy đã huy động mọi lực lượng vận chuyển vũ khí vào các kho, trạm của chiến dịch, tập trung sửa chữa xe máy, mở đường, bắc cầu. Trục đường 14 từ Đồng Xoài đi Cây Gáo, Bến Bầu được gấp rút thi công. Các đoàn quân hậu cần ở các hướng củng cố và mở rộng tuyến đường chiến dịch với tổng chiều dài hơn 3.000km. Đặc biệt, trong những ngày hạ tuần tháng 4, hậu cần Miền đã đưa 10.000 cán bộ, chiến sĩ từ tuyến sau lên thành lập 8 tiểu đoàn cơ động, huy động gần 4.000 xe vận tải, hơn 600 thuyền máy, ca nô, hàng nghìn xe đạp thồ và hơn 60 nghìn dân công hỏa tuyến, lập 15 bệnh viện dã chiến, 17 đội điều trị với tổng số 10 nghìn giường, phục vụ bộ đội tiến công Sài Gòn - Gia Định.

Lúc này, việc vận chuyển đạn dược và xăng dầu đến ngay các cửa ngõ vào Sài Gòn còn là một vấn đề lớn. Ngày 20 tháng 4, Quân ủy Trung ương điện khẩn cho Bộ tư lệnh 559:

“Ưu tiên vận chuyển đạn dược: đạn 130mm, 100mm, Đ74, ĐKZ 75 và ĐKZ 82, đạn cối 120mm; pháo 85mm, lựu 122mm. Ưu tiên về xăng dầu thì trước hết là ma dút và dầu mỡ phụ. Chậm nhất 29 tháng 4 có ở Đồng Xoài”.

Mệnh lệnh được truyền đạt ngay đến từng kho tàng, binh trạm. Một khối lượng lớn đạn dược, nhiên liệu khẩn trương chuyển vào chiến trường đúng kỳ hạn.

Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng được bảo đảm hậu cần, kỹ thuật mạnh mẽ và hết sức khẩn trương.

CHƯƠNG VIII

GIẢI PHÓNG TRƯỜNG SA

Trong những ngày này, một sự kiện đặc biệt đã diễn ra ngoài kế hoạch chiến lược ban đầu. Đó là sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa do quân ngụy Sài Gòn đóng giữ, một vùng lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế và quân sự.

Ngay sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, Quân ủy Trung ương kiến nghị với Bộ Chính trị Trung ương Đảng: “... Vừa chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, vừa tiến hành giải phóng các đảo và quần chúng quân ngụy đang chiếm giữ”. Kiến nghị này đã được ghi vào Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 25 tháng 3 năm 1975.

Cũng những ngày ấy, Quân ủy điều anh Hoàng Trà, Chính ủy Hải quân về làm việc cạnh Bộ Tổng tham mưu, giúp theo dõi tình hình địch trên biển, kiến nghị về nhiệm vụ của Hải quân trong trận tổng giao chiến cuối cùng. Tôi cũng yêu cầu Bộ Tổng tham mưu, Bộ Ngoại giao cung cấp tài liệu về các đảo, quần đảo thuộc vùng biển của Việt Nam, đồng thời chỉ thị cho Cục Quân báo nắm tình hình địch ở biển Đông.

Nhìn vào bản đồ quân sự và hải đồ Việt Nam, biển Đông là một vùng biển có độ sâu từ 2.000 đến 4.000m, nổi lên hai quần đảo lớn: Hoàng Sa ở phía bắc và Trường Sa ở phía nam.

Từ thế kỷ XVII, Nhà nước phong kiến Việt Nam đã thực hiện chủ quyền một cách liên tục và hòa bình đối với hai quần đảo này, hồi đó được gọi là Đại Trường Sa, không gặp sự tranh chấp của quốc gia nào. Trong *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (bản đồ nước Đại Nam thống nhất) được biên vẽ vào thời Nguyễn sau 1838 là năm quốc hiệu Việt Nam đổi thành Đại Nam, hai quần đảo ở biển Đông được vẽ thành một dải song song với bờ biển miền Trung Việt Nam, ngang với tỉnh Quảng Nam ở phía bắc và tỉnh Khánh Hòa ở phía nam với tên gọi “Hoàng Sa” và “Vạn lý Trường Sa”.

Từ 1920, chính quyền Pháp ở Đông Dương đã tuyên bố khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa, Trường Sa và tổ chức quản lý về mặt nhà nước trên hai quần đảo.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, cuộc tranh chấp chủ quyền diễn ra đối với cả hai quần đảo ở biển Đông. Tháng 2 năm 1946, Pháp cho quân ra kiểm soát cụm phía tây quần đảo Hoàng Sa. Tháng 11 năm 1946, quân Tưởng đổ bộ lên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa, và tháng 12 năm ấy đổ bộ lên I-tu A-ba thuộc quần đảo Trường Sa. Năm 1950, quân Tưởng rút khỏi hai quần đảo.

Song năm 1951, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra tuyên bố bảo lưu chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này. Từ năm 1956, tranh chấp diễn ra giữa Trung Quốc với chính quyền Nam Việt Nam. Năm 1961, chính quyền Sài Gòn sáp nhập các đảo thuộc quần đảo Trường Sa vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.

Trong khi điều trị tại Liên Xô, tôi được ở nhà điện sang cho biết: ngày 19 và ngày 20 tháng 1 năm 1974, nhân lúc quân ngụy Sài Gòn đang gặp khó khăn, Trung Quốc dùng hàng chục tàu chiến và một phi đội máy bay tiêm kích tiến công chiếm cụm đảo phía tây quần đảo Hoàng Sa (còn gọi là Nguyệt Thiềm) do quân Nam Việt Nam đồn trú, bắt các binh sĩ quân đội Sài Gòn làm tù binh.

Nhớ lại đầu những năm sáu mươi, khi Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 khẳng định cách mạng miền Nam phải tiến lên bằng con đường bạo lực, cùng với sự ra đời của Đoàn vận tải Trường Sơn - 559, Quân ủy Trung ương đã tổ chức một bộ phận đặc biệt chi viện miền Nam bằng đường biển. Từ năm 1964 trở về trước, ta dùng các tàu nhỏ xuất phát từ Đồ Sơn dọc theo ven biển đi vào Nam. Từ năm 1965, ta mở đường đi trong hải phận quốc tế, qua Hải Nam, Lôi Châu, Đông Hoàng Sa đến Song Tử Tây rồi qua Na Tu Na vào đến Cà Mau. Ta đã sử dụng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa làm nơi tạm dừng trên “đường mòn Hồ Chí Minh trên biển”, dựa vào chướng ngại thiên nhiên là các bãi san hô ngầm dưới nước.

Tuy gian nan, vất vả, nhưng kết quả vận chuyển vẫn khá quan. Tổng cộng đã đi được 169 chuyến, đến nơi 100 chuyến, 60 chuyến phải quay về, tổn thất 19 chuyến, vận chuyển được 5.677 tấn hàng, mất gần 700 tấn. Ta hy sinh 76 đồng chí, 51 đồng chí bị thương.

Cũng như đối với Đoàn Trường Sơn, công việc vận chuyển trên biển cho miền Nam chiến đấu được Bác Hồ đặc biệt quan tâm khích lệ. Nhớ mãi câu nói vui của Người khen ngợi chiến công độc đáo của thuyền trưởng Bông văn Dĩa, người thủy thủ đi từ Nam ra Bắc bằng thuyền gỗ thô sơ: “Đi biển kiểu ấy thì xưa nay chỉ có Cri-xtốp Cô-lông và chú!”. Ôi, ký ức còn tươi rói về những ngày đầy gian khổ ấy! Trong khóm mắt long lanh ướt của Bác, tôi thấy cả miền Nam đau thương, anh dũng đang vẫy gọi, hậu phương đau tiếc sức mình.

Sự kiện Trung Quốc tiến công quân ngụy, đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa ở phía bắc ngày 20 tháng 1 năm 1974, càng cho thấy tầm chiến lược của những mảnh đất xa xôi, chập chờn trên sóng gió Biển Đông. Nhân quan chiến lược quân sự của Bộ thống soái tối cao đã nhìn rõ vấn đề. Cần tổ chức giải phóng kịp thời phần đất này. Nếu chậm, để quân đội nước khác xâm chiếm nơi đây, tình hình sẽ rất phức tạp. Khó khăn lớn nhất là phải đánh chiếm các đảo với lực lượng hải quân nhỏ bé lúc bấy giờ. Trên mặt trận biển Đông, hành động cũng phải “*thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*”.

Ngày 2 tháng 4, tại Tổng hành dinh, sau khi nghe báo cáo về trận Đà Nẵng, tôi trực tiếp chỉ thị cho anh Lê Trọng Tấn: Ngoài nhiệm vụ truyền đạt mệnh lệnh cho Quân khu 5 và Bộ tư lệnh Hải quân, *tổ chức tiến công giải phóng các đảo, đặc biệt là quần đảo Trường Sa*. Vùng này có thể có tàu chiến của hạm đội

7 và hải quân các nước khác hoạt động. Hải quân nguy được được trang bị các loại tàu lớn. Do đó, nghệ thuật tác chiến phải kiên quyết, táo bạo, đồng thời phải hết sức mưu trí, sáng tạo, bất ngờ. Các đơn vị có nhiệm vụ sẵn sàng, có thời cơ là đánh được ngay, bảo đảm chắc thắng. Đánh phải đúng lúc. Nếu có hiện tượng chúng rút, phải tranh thủ đánh chiếm ngay. Nếu tình hình chung địch bị nguy khốn, nhất là ở Sài Gòn, Bộ sẽ thông báo để kịp thời đánh chiếm. Nếu quân nước ngoài đã chiếm đảo thì ta kiên quyết chiếm lại. Nếu có khó khăn thì xin chỉ thị của Bộ.

Tôi cũng chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu điều ngay Sở chỉ huy tiền phương của Bộ tư lệnh Hải quân vào Đà Nẵng, vừa tiếp quản căn cứ hải quân của địch ở đây, vừa chuẩn bị sẵn sàng phát triển chiến đấu trên mặt biển.

Trước đó, ngày 30 tháng 3, Quân ủy Trung ương điện cho các anh Võ Chí Công và Chu Huy Mân: "... Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Thường vụ giao cho Khu ủy và Bộ tư lệnh B1¹ nhiệm vụ nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện gấp rút, nhằm thời cơ thuận lợi nhất đánh chiếm các đảo hiện do quân nguy miền Nam chiếm đóng thuộc quần đảo Nam Sa². Trong việc này, anh Nguyễn Bá Phát, phái viên của Bộ Tổng tham mưu và các cán bộ Hải quân cùng đi sẽ do Khu ủy và Quân khu ủy chỉ đạo để thực hiện kế hoạch".

Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng vì vùng quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Theo thăm dò, triển vọng ở đây có dự trữ dầu lửa lớn. Với tầm nhìn chiến lược, có thể thấy biển và đại dương sẽ là nguồn tài nguyên chủ yếu của nhân loại kể từ thế kỷ XXI.

Chiều 4 tháng 4, Quân ủy Trung ương điện tiếp cho Quân khu 5:

"Thực hiện kịp thời đánh chiếm các hòn đảo ở vùng Nam Hải, đặc biệt là các đảo Nam Sa. Việc này *phải chuẩn bị gấp và bí mật*, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết".

Mệnh lệnh được thi hành tức khắc. Quân khu 5 cùng Bộ tư lệnh Hải quân triển khai kế hoạch tác chiến. Các lực lượng của Quân khu 5 cùng một biên đội tàu và lực lượng đổ bộ của Hải quân được tổ chức lại gồm: Các tàu vận tải của Đoàn 125 vừa từ Hải Phòng vừa tiếp quản Đà Nẵng; những con tàu không số này vốn từng quen với "đường mòn Hồ Chí Minh trên biển", nhiều lần qua lại khu vực quần đảo Trường Sa nên đã quen nhận dạng, phân biệt các đảo, và cũng có kinh nghiệm tránh đá ngầm; đội 1 Đoàn 126 đặc công là đơn vị có bề dày thành tích với cách đánh bí mật, bất ngờ, đã đánh chìm nhiều tàu địch ở chiến trường Cửa Việt. Chỉ huy trưởng là đồng chí Mai Năng.

Ngày 9 tháng 4, Cục Quân báo phát hiện địch rút quân khỏi các đảo ở biển Nam Hải. Quân ủy Trung ương điện "tối khẩn" cho các anh Võ Chí Công, Chu Huy Mân, đồng điện cho anh Hoàng Hữu Thái, Phó tư lệnh Hải quân ở Đà Nẵng:

"Có tin quân nguy chuẩn bị rút khỏi đảo Nam Sa. Các anh cho kiểm tra lại ngay và chỉ thị cho lực lượng ta hành động kịp thời theo phương án đã định. Nếu

¹ Quân khu 5.

² Trung Quốc và chính quyền Sài Gòn gọi Trường Sa là Nam Sa.

đề chậm, có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước ngoài đang có ý đồ xâm chiếm”.

Ngày 13 tháng 4. Quân khu 5 điện về Bộ Tổng tham mưu báo cáo kế hoạch đánh chiếm các đảo. Tôi điện ngay cho anh Mân:

“... Các anh đã tích cực tổ chức thực hiện quyết định của Quân ủy Trung ương về việc đánh chiếm các đảo. Ý kiến của tôi:

1. *Việc đánh chiếm các đảo cần làm đúng thời cơ.* Nếu có thời cơ cụ thể mà không kịp đánh chiếm thì các nước ngoài có thể chiếm trước. Nếu địch chưa rút mà ta đã chiếm trước thì tình hình có thể trở nên phức tạp, vì lực lượng ta có hạn và việc tăng viện có gặp khó khăn...

2. Do đó, *thời cơ cụ thể đánh chiếm là:*

a. Nếu địch đã rút toàn bộ hoặc rút đại bộ phận thì đánh chiếm ngay. Nếu quân nước ngoài đánh chiếm trước thì đánh chiếm lại.

b. Nếu địch mới có triệu chứng hoặc bắt đầu rút thì theo dõi, kịp thời đánh chiếm khi địch rút đại bộ phận.

c. Khi tình hình chung của địch nguy khốn, nhất là tình hình địch ở trọng điểm, thì đánh chiếm ngay.

Hai thời cơ cụ thể trên do anh theo dõi và quyết định. Thời cơ cụ thể thứ ba, tôi sẽ kịp thời báo anh khi xuất hiện...”

Thời cơ đánh chiếm là như vậy, nhưng cách đánh chiếm thì sao, trong tình hình vũ khí, phương tiện của ta còn kém hơn địch cả về số lượng và trình độ hiện đại?

Nhớ lại dịp kỷ niệm 15 năm thành lập Hải quân nhân dân Việt Nam, phát biểu về chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông, biển, tôi đã nhấn mạnh việc đánh địch ở ven biển, ở biển gần và ở các quần đảo của Việt Nam cần được hết sức coi trọng, và cần dẫn cán bộ, chiến sĩ cần vận dụng tư tưởng lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều trong tác chiến của Hải quân. Biểu dương các “con tàu không số” và các đơn vị “đặc công nước”, tôi khái quát nghệ thuật đánh giặc của Hải quân ta là biết lấy số lượng trang bị ít hơn, kém hiện đại hơn địch mà vẫn đánh thắng được địch. Muốn vậy, *phải tích cực, chủ động, kiên quyết, linh hoạt, mưu trí, sáng tạo, bí mật, bất ngờ.*

Ngày hôm sau, một nguồn đáng tin cậy báo về: Có triệu chứng quân nguy chuẩn bị rút khỏi quần đảo Trường Sa. Sau khi kiểm tra lại nguồn tin, tôi điện tiếp cho Quân khu 5: “... *Thời cơ đánh các đảo thuộc khu vực Nam Sa lúc này rất thuận lợi.* Chỉ đánh các đảo quân nguy miền Nam chiếm đóng. Các anh ra lệnh đánh tiếp ngay. Theo dõi, đôn đốc kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên báo cáo về Bộ”.

Nhận các chỉ thị, mệnh lệnh của Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh, anh Hoàng Hữu Thái ra lệnh cho các tàu hải quân nguy trang giả giăng tàu đánh cá, xuất phát vào lúc trời chưa sáng.

Bằng phương tiện nhỏ và ít, đối mặt với tàu chiến lớn của địch và đại dương mênh mông, quân ta đánh theo kiểu của mình: bí mật tiếp cận, nhanh chóng đổ

bộ, bất ngờ chiếm mục tiêu. Đúng 4 giờ 30 phút sáng ngày 14 tháng 4, sau hơn 1 giờ tổ chức đổ bộ, ta nổ súng tiến công, nhanh chóng tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, giải phóng đảo Song Tử Tây, kéo lá cờ Tổ quốc lên đỉnh cột cờ trên đảo. Tiếp đó, ngày 25 tháng 4, quân ta tiến công đánh chiếm đảo Sơn Ca. Ngày 27 tháng 4, ta giải phóng đảo Nam Yết và đảo Sinh Tồn. Ngày 28 tháng 4, quân ta giải phóng đảo Trường Sa, đảo An Bang, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong vòng nửa tháng với những cố gắng lớn nhất.

Ngay trong ngày 28 tháng 4, quân ta trên các đảo, trên các tàu chiến nhận được điện khen: "... Quân úy Trung ương rất phấn khởi được tin quân ta đã chiếm các đảo thuộc Trường Sa. Nhiệt liệt khen ngợi các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược".

Sức mạnh tiến công và nổi dậy của chiến trường trọng điểm cùng với sự chi viện to lớn của hậu phương làm cho thế và lực của quân và dân ta lớn mạnh vượt bậc. Tuyến phòng ngự từ xa của địch đã bị phá vỡ. Một vùng biển rộng lớn giàu tài nguyên với những đảo và quần đảo có vị trí chiến lược hết sức quan trọng đã thuộc chủ quyền của Tổ quốc. Các cánh quân lớn dày dặn kinh nghiệm chiến đấu sẵn sàng đi vào trận tiến công hang ổ cuối cùng của địch.

CHƯƠNG IX

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Thời cơ giành toàn thắng đã đến.

Tại Tổng hành dinh, tám bản đồ toàn miền Nam nhanh chóng trở thành cũ so với tốc độ phát triển của chiến sự. Các đồng chí cán bộ tham mưu đã thay vào đó một bản đồ Nam Bộ tỷ lệ 1/200.000 chỉ chít những ký hiệu xanh, đỏ, thể hiện tình hình ta, địch mới nhất trên chiến trường trọng điểm, và một bản đồ Sài Gòn - Gia Định tỷ lệ 1/50.000.

Hàng mấy tháng liên tục chỉ đạo tác chiến kể từ chiến dịch Tây Nguyên, địa hình và thế trận của ta và địch, tôi gần như đã thuộc lòng. Các bản đồ Nam Bộ và thành phố Sài Gòn - Gia Định trải ra trước mắt, ngày đêm gợi lên những suy nghĩ về cách đánh chiến lược trong trận quyết định cuối cùng.

Đi quanh bàn làm việc, nhìn vào tám bản đồ từ mọi phía, tôi nhớ lại năm xưa đứng trước sa bàn Điện Biên Phủ, suy nghĩ về cách đánh đập toàn cứ điểm. Hai sự kiện lịch sử có khoảng cách hơn 20 năm, nhưng giống nhau ở sự động não cao độ trong trận quyết chiến lược cuối cùng, góp sức tìm ra cách đánh tối ưu nhằm giành thắng lợi lớn nhất với tổn thất ít nhất.

Đã thành thói quen, mỗi lần gặp một bài toán khó và quan trọng trong lãnh đạo, chỉ huy ở tầm vĩ mô, tôi thường tham khảo ý kiến của nhiều cán bộ, nhất là những đồng chí có kinh nghiệm công tác tham mưu và các cán bộ chỉ huy từng trải trong chiến tranh. Dân chủ quân sự bao giờ cũng mang lại những gợi ý tốt, những ý kiến hay. Lúc này, anh Hoàng Văn Thái, Phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất phụ trách tác chiến và hậu cần phải dành hầu hết thời gian động viên, tổ chức chi viện chiến trường, tình hình lại phát triển rất nhanh, tôi quyết định lập một tổ thường trực giúp tôi chỉ đạo tác chiến. Mỗi ngày bốn lần, sau buổi giao ban, tôi trực tiếp nghe tổ báo cáo, đề đạt ý kiến. Đồng chí Cao Văn Khánh, Phó tổng tham mưu trưởng, ở trong tổ này. Là một trí thức yêu nước, tham gia cách mạng từ những ngày tháng Tám năm 1945, anh Khánh là một cán bộ quân sự chỉ huy Đại đoàn 308 đánh những trận lớn trong kháng chiến chống thực dân Pháp, từng là Tư lệnh Mặt trận B70 (Trị - Thiên) trong kháng chiến chống Mỹ, một con người hăng hái, trung thực, có nhiều kinh nghiệm chỉ huy tác chiến hiệp đồng binh chủng, được bộ đội tin yêu.

Sau khi phổ biến quyết tâm của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh tập trung tất cả cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, tôi yêu cầu các đồng chí trong tổ khẩn trương nghiên cứu đề đạt ý kiến về phương án tác chiến chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định trong tình huống chiến dịch diễn ra nhanh và cả trong tình huống chiến dịch phải kéo dài đến hết mùa mưa.

Tôi gợi ý một số điểm để tổ di sâu nghiên cứu như phương án hình thành thế bao vây, chia cắt địch về chiến lược, chiến dịch; khả năng tiêu diệt địch ở vòng ngoài không cho chúng co cụm vào nội địa; trận then chốt là ở đâu? Thọc sâu vào thành phố từ hướng nào? Biện pháp khống chế sông Lòng Tàu, kênh Chợ Gạo, sân bay Biên Hòa, sân bay Tân Sơn Nhất; sử dụng máy bay của địch đánh các mục tiêu trong thành phố và chặn đường địch chạy ra biển...

Phòng họp của tổ thường trực được bố trí ngay tại Sở chỉ huy. Tôi thường xuyên chủ trì các cuộc thảo luận, ghi lại những ý kiến tốt.

Lời khai của Nguyễn Vinh Nghi cũng mang lại nhiều thông tin quan trọng. Sau khi bị bắt ngày 16 tháng 4 tại Phan Rang, viên trung tướng này được đưa ngay ra miền Bắc. Trước thái độ đối xử khoan hồng, nhân đạo của cách mạng, Nguyễn Vinh Nghi đã tiết lộ nhiều điều, cho thấy lực lượng phòng thủ của địch đã bị căng ra rất mỏng, lực lượng dự bị còn rất ít. Trong nội đô, địch chỉ dựa vào lực lượng cảnh sát và phòng vệ dân sự. Hướng hiểm yếu nhất, theo y, là tiến công từ Gò Dầu Hạ - Trảng Bàng. Trên hướng đông, địch có thể phá các cầu để chặn bước tiến của quân ta. Địch bố trí các kho đạn chính ở Nhà Bè và Cát Lái. Long Bình chỉ là kho tiếp liệu. Do địch dựa chủ yếu vào lực lượng không quân, nên các sân bay Tân Sơn Nhất, Biên Hòa và Cần Thơ giữ vai trò quan trọng, đặc biệt là sân bay Biên Hòa, nơi đậu các máy bay cường kích F5 và A37...

Khi được hỏi về thất bại của y tại Phan Rang, Nghi đổ lỗi cho binh lính tinh thần sa sút, không chịu chiến đấu. Như còn nuôi tiếc một hy vọng đã trở thành ảo tưởng, y nói:

- Chúng tôi thiếu tiếp liệu và thiếu thời gian. Nếu các ông đánh chậm một tháng nữa thì chưa biết sẽ ra sao!

Các thành viên hai phái đoàn quân sự Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở trại Đa-vít trong sân bay Tân Sơn Nhất cũng cung cấp nhiều tình hình đáng chú ý. Thái độ ngoan cố, ngang ngược của địch giảm dần, tỷ lệ nghịch với đà tiến công và nổi dậy của quân và dân ta. Không còn những lời nói cục cằn, thô lỗ, những hành động cắt điện, cắt nước. Thay vào đó đối phương đã hạ giọng trên bàn hội nghị, tỏ ra biết điều trong giao tiếp, tìm cách thăm dò thái độ ta, thậm chí ngỏ ý muốn có cuộc nói chuyện để hoãn binh, cố tránh một cuộc tiến công lớn vào Sài Gòn, cứu nguy quyền khởi nguy cơ sụp đổ. Cũng có thể coi đây là một hàn thư biểu báo thời tiết chính trị - quân sự lúc này, đặt ngay trong lòng địch.

Ngày 16 tháng 4, sau khi nghe báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận, tôi gợi ý thêm: Hướng tiến công nào có lợi nhất, bất ngờ nhất? Làm sao có thể bao vây chặt, tiến công tiêu diệt nhanh các sư đoàn địch ở vòng ngoài? Làm sao tổ chức thọc sâu nhanh vào thành phố? Trong trận này, khả năng tan rã của địch có diễn ra như ở Tây Nguyên và Đà Nẵng không? Địch sẽ đối phó như thế nào khi chúng phát hiện lực lượng ta xung quanh Sài Gòn, nhất là trên hướng đông? Nếu căn cứ Biên Hòa và Tân Sơn Nhất bị khống chế, không quân địch còn khả năng hoạt động nữa không? Nếu Mỹ bó cuộc hoặc thay Thiệu, ta cần chớp thời cơ

giành toàn thắng ra sao? Nếu không dứt điểm được trong tháng 4, thì ta đánh trong mùa mưa như thế nào?

Tổ thường trực khẩn trương hoàn chỉnh phương án tác chiến vào ngày hôm sau.

Về thế bố trí của địch trên từng hướng, tổ kết luận: Hướng đông và tây - tây bắc là nơi địch có lực lượng mạnh. Ở các hướng tây và tây nam, địch bố trí phòng thủ yếu hơn. Địch đang dồn lực lượng ra đối phó với ta ở vòng ngoài, nên trong nội đô rất yếu. Riêng ở Sài Gòn - Gia Định, ta có thế mạnh của chiến lược tổng hợp, trong và ngoài cùng đánh, quân chúng bên trong nổi dậy, địch rất khó chống đỡ. Nếu ta đánh cho chúng thiệt hại nặng ở vòng ngoài, thì ở bên trong rất có thể có tình hình đột biến.

Tổ trưởng trực đề nghị chọn hướng tây bắc là hướng tiến công chủ yếu. Hướng đông là hướng quan trọng. Hướng đông nam là hướng thọc sâu. Hướng nam là hướng hiểm yếu, cũng cần được tận dụng. Về cách đánh, cần bao vây, chia cắt, tiêu diệt các cụm phòng thủ vòng ngoài, kết hợp tiến công, đột kích thật mạnh từ bên ngoài với tác chiến, phá hoại và nổi dậy từ bên trong, không cho địch co cụm vào nội đô, nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế chủ yếu, làm chủ tình hình.

Để thực hiện cách đánh trên, cần dồn đốc các cánh quân vào vị trí tập kết sớm, khoảng từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 4, nhất là ở những hướng chủ yếu. Cánh quân phía đông phải nhanh chóng đánh chiếm Bà Rịa, phát triển xuống Vũng Tàu, Nhơn Trạch, từ Nhơn Trạch đặt pháo bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Quân đoàn 4 đón đánh quân địch ở Xuân Lộc. Đoàn 232 cắt đường số 4 theo kế hoạch. Trên các hướng, bộ đội phải nhanh chóng áp sát pháo kích các mục tiêu quân sự. Ở hướng Khu 9, cần khống chế sân bay Trà Nóc (Cần Thơ), không cho địch sử dụng để chi viện cho Sài Gòn. Bộ đội đặc công phải chiếm giữ các cầu dẫn vào thành phố tạo điều kiện cho các lực lượng thọc sâu.

Tổ cũng chuẩn bị một phương án tác chiến trong mùa mưa. Trong trường hợp này, cần động viên bộ đội giữ vững quyết tâm, liên tục chiến đấu, tạo điều kiện để dứt điểm trong mùa khô sắp tới. Cần có thêm lực lượng bổ sung, thay thế, chuẩn bị thêm phương án tác chiến và cách đánh trong mùa mưa ở địa hình vùng ven Sài Gòn và miền Tây Nam Bộ. Đẩy mạnh phong trào tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long, phối hợp chặt chẽ với mặt trận Sài Gòn...

Anh Khánh báo cáo xong. Tới nhất trí về cơ bản với kết quả nghiên cứu của tổ, và chỉ thị mấy điểm:

1. Tình hình phát triển rất nhanh: Địch đang ở thế thất bại, thế đi xuống và đang đứng trước nguy cơ sụp đổ, các tình huống có thể thay đổi. Phải dự kiến những tình hình đột biến khi thời cơ xuất hiện. Phải nhanh chóng bao vây, chia cắt, tập trung lực lượng thật mạnh đánh đòn quyết định, tiêu diệt các sư đoàn của địch ở vòng ngoài, không cho chúng co cụm vào Sài Gòn, đồng thời tổ chức những binh đoàn mạnh nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong nội đô.

2. Chú trọng công tác binh vận. Cần kịp thời khai thác tù binh, hàng binh để nắm được tình hình mới nhất. Cần nắm thêm tình hình chính trị, xã hội ở Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long.

3. Cần nắm vững chủ trương của Bộ Chính trị là Tổng tiến công và nổi dậy, kết hợp tiến công với nổi dậy. Dự kiến cho hết sức mạnh nổi dậy của quần chúng và sự tham gia của nhân dân trong tác chiến và cơ động của bộ đội.

4. Tranh thủ giành thắng lợi hoàn toàn trước những cơn mưa đầu mùa trút xuống. Đồng thời tính toán thêm về sử dụng lực lượng, về hậu cần chiến lược, chiến dịch nếu phải đánh kéo dài. Trong mọi tình huống đều phải đảm bảo chắc thắng.

5. Dù sao cũng chỉ là những ý kiến nghiên cứu bước đầu. Cần tiếp tục suy nghĩ thêm. Nhược điểm là chưa có được tình hình toàn diện mới nhất của chiến trường, nêu ý kiến của tổ là để tham khảo. Quyết định là ở các cấp lãnh đạo, chỉ huy tại chỗ. Bộ Tổng tham mưu cử ngay cán bộ và trao đổi với các anh ở mặt trận.

Buổi làm việc kết thúc, nhưng ai cũng thấy công việc chỉ mới bắt đầu. Mọi ý nghĩ đều quay về một hướng: Đánh vào sào huyệt của địch, một nơi đông dân, được phòng thủ vòng trong vòng ngoài. Làm sao giành được thắng lợi nhanh nhất, không cho địch co cụm, tiết kiệm được xương máu của bộ đội, tránh thiệt hại cho dân... Những bộ óc tham mưu động não đến cao độ để tìm ra đáp số.

Từ sau Hội nghị Bộ Chính trị ngày 31 tháng 3 năm 1975, quyết tâm chiến lược của Đảng nhanh chóng biến thành hành động thực tiễn, từ tiền tuyến đến hậu phương.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tập trung chỉ đạo chiến trường trọng điểm. Vấn đề đầu tiên là bảo đảm cho các lực lượng của ta từ phía Bắc đến chiến trường nhanh nhất, đủ nhất, sung sức nhất. Một chiến dịch chi viện chiến trường đã mở màn.

Các đoàn cán bộ tham mưu, hậu cần được lệnh vào ngay đường Trường Sơn đôn đốc bộ đội hành quân và theo dõi việc vận chuyển đạn lớn cho pháo và xe tăng, đẩy nhanh tốc độ chi viện cho B2, bất luận trong tình huống nào cũng không được vì điều động lực lượng chậm mà để lỡ thời cơ chiến lược.

Điện vào điện ra tới tấp.

Những câu hỏi hầu như không thay đổi: Tất cả xoay quanh bước chân hành quân của bộ đội: Cánh quân ven biển đã tiến đến đâu. Bao giờ thì Quân đoàn 1 vào tới nơi? Các sư đoàn 341, 316, các sư đoàn của Tây Nguyên đang ở nơi nào? Đoàn xe chở đạn khi nào đến? Trong khi đó những câu trả lời lại mỗi ngày, mỗi giờ một khác, không câu nào giống câu nào, đẩy nhanh các mũi tên đỏ trên bản đồ tiến dần xuống phía Nam.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương rất mừng được biết lực lượng quần chúng đã và đang được phát động. Thành ủy Sài Gòn - Gia Định lập các đội tuyên truyền xung phong rải hàng vạn tờ truyền đơn. Các cơ sở của ta trong thành phố đã chuẩn bị hàng trăm xe ô tô, loa phóng thanh, may nhiều cờ và biểu

ngữ... Các anh Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt trực tiếp lãnh đạo việc tổ chức, chỉ đạo quân chúng nổi dậy. Lực lượng lãnh đạo của Đảng và chính quyền cách mạng đã về ở ngoại thành, nhiều thành ủy viên và cán bộ cấp tương đương đã vào hẳn nội đô. Dự kiến ta có khả năng huy động hàng vạn người xuống đường khi cần thiết... Lực lượng vũ trang Sài Gòn - Gia Định với hai trung đoàn Gia Định 1, Gia Định 2, các đơn vị biệt động thành... được Bộ chỉ huy chiến dịch bố sung nhiều trung đoàn và một lữ đoàn đặc công thiện chiến.

Đoàn cán bộ Bộ Tổng tham mưu và các tổng cục có nhiệm vụ giúp Bộ tư lệnh chiến dịch trên các mặt tổ chức chỉ huy, công tác chính trị, công tác hậu cần, kỹ thuật đã vào chiến trường. Các anh điện ra báo cáo đang khẩn trương triển khai công tác. Nhớ lại hôm nào, trước lúc lên đường, thay mặt Quân ủy trung ương, tôi giao nhiệm vụ cho đoàn với tất cả sự tin cậy. Tôi yêu cầu các đồng chí nhận rõ tầm quan trọng của chiến dịch sắp tới, một chiến dịch quy mô lớn với lực lượng 4 - 5 quân đoàn tham chiến, có nhiều binh khí kỹ thuật, tiến công địch trong một thành phố lớn, kết hợp với quân chúng nổi dậy từ bên trong, cần có sự phối hợp hiệp đồng rất cao, trên một không gian rất rộng... Nhiều vấn đề mới được đặt ra, phải giải quyết thật tốt trong một thời gian ngắn, không để lỡ thời cơ, giành thắng lợi lớn nhất về chiến lược, chiến dịch. Phải nắm thật vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nắm vững tư tưởng và nghệ thuật quân sự Việt Nam, vận dụng những tình huống, nhiệm vụ cụ thể, từ việc cơ động bộ đội, cơ động vũ khí, khí tài trên địa hình đồng bằng phức tạp, việc chi viện hỏa lực pháo binh có hiệu quả mà không gây tổn thất cho dân, đến việc tiếp quản một thành phố mấy triệu dân, quản lý, giáo dục hàng triệu tù binh và nhân viên nguy quyền.

Tôi bắt tay từng người, gửi cả niềm tin vào trong ánh mắt các anh Nam Long, người chiến sĩ Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân năm xưa, lúc này là Phó giám đốc Học viện Quân sự, Doãn Tuế, Tư lệnh pháo binh, Nguyễn Chí Diễm, tư lệnh đặc công, Lê Xuân Kiện, Phó tư lệnh thiết giáp, Hoàng Niệm, Phó tư lệnh Thông tin, Phan Khắc Hy, Phó tư lệnh đoàn 559... là những cán bộ chỉ huy đầu ngành, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, các anh hăng hái ra đi, hứa sẽ cố gắng hoàn thành nhiệm vụ ở mức cao nhất.

Với sự cố mặt đầy đủ các đồng chí trong Đảng ủy và Bộ tư lệnh Mặt trận Sài Gòn - Gia Định, trên cơ sở các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, B2 được tăng cường các cán bộ của Đoàn A75 và đoàn cán bộ của Bộ Tổng tư lệnh, Sở chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh nhanh chóng hình thành.

Thời cơ lúc này đối với ta thuận lợi về nhiều mặt, cho phép nhanh chóng bắt đầu cuộc tổng công kích vào Sài Gòn. Tuy vậy, trong tình hình các đơn vị chủ lực lớn chưa vào hết chiến trường, Bộ Chính trị điện chỉ thị cho Bộ tư lệnh chiến dịch chuẩn bị thêm trong ít ngày, chờ các quân đoàn vào đủ để có ưu thế tuyệt đối về lực lượng so với địch, bảo đảm đánh chắc thắng. Bức điện do đồng chí Bí thư thứ nhất ký tên, nói rõ: "Tôi đã bàn với anh Văn, nhận thấy cần chuẩn bị thêm mấy ngày nữa, đến khi phần lớn lực lượng của Quân đoàn 3 và Quân đoàn

1 (cả bộ binh và binh khí kỹ thuật) đến nơi sẽ bắt đầu cuộc tiến công lớn, chưa nên làm ngay bây giờ.

Dù sao, thời gian mở màn chiến dịch chậm nhất là vào hạ tuần tháng 4 năm 1975. Từ nay đến đó, cần đẩy mạnh hoạt động của các cánh quân, đặc biệt là cánh quân phía tây và tây nam, cắt đường số 4, bao vây chia cắt địch, làm cho chúng hoang mang, rối loạn, tạo điều kiện cho trận quyết định cuối cùng”.

Báo cáo của Bộ Tổng tham mưu cho biết các anh ở chiến trường đồng ý với những ý kiến đề xuất của Tổ thường trực về phương án tác chiến giải phóng Sài Gòn. Sự nhất trí giữa phía trước và phía sau về vận dụng nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời điểm quyết định của chiến tranh làm tăng thêm niềm tin tất thắng. Trên tinh thần đó, bức điện của Bộ Chính trị nhấn mạnh: “Kế hoạch tiến công toàn diện cần bảo đảm một khi đã phát động thì phải tiến công thật mạnh và liên tục, dồn dập đến toàn thắng, vừa phát động tiến công ở ngoại vi, vừa có lực lượng sẵn sàng nắm thời cơ thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn từ nhiều hướng, thực hiện từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào, tạo điều kiện cho đồng bào nổi dậy. Trong tình hình hiện nay, thần tốc, táo bạo, bất ngờ là ở chỗ đó. Cần có dự kiến và chuẩn bị đối phó với tình huống cuộc chiến đấu có thể kéo dài một thời gian”.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh khẩn trương hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến trên cơ sở phương án cũ đã được Trung ương Cục thông qua. Tinh thần là tránh những xáo trộn không cần thiết, các lực lượng B2 vốn quen thuộc chiến trường đảm nhiệm các hướng có địa hình phức tạp, dành những hướng gần nhất ở phía bắc và phía đông cho các lực lượng từ xa đến. Mặt khác, lệnh cho các đơn vị của Quân khu 8, Quân khu 9, các đơn vị đặc công, biệt động vùng ven và trong nội thành liên tiếp đánh địch, áp át thành phố Cần Thơ và các con đường huyết mạch nhất là đường số 4 từ Sài Gòn xuống đồng bằng sông Cửu Long. Quân và dân Nam Bộ hừng hực khí thế tiến công, phát huy sức mạnh tổng hợp của ba mũi quân sự, chính trị và binh vận cùng giáp công, giải phóng một số khu vực quan trọng, nối liền các căn cứ “lõm” ở Long An, Gò Công, Bến Tre, Mỹ Tho, mở ra những hành lang từ Đông Nam Bộ sang Tây Nam Bộ, làm chủ các đường giao thông quan trọng. Vừa tác chiến vừa xây dựng lực lượng, một số tỉnh và huyện thành lập được thêm nhiều tiểu đoàn, đại đội địa phương, nhiều xã có đội du kích. Đặc biệt ở phía tây nam Sài Gòn, nơi có địa hình sinh lầy, trống trải, bộ đội và nhân dân đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn, đánh thông hành lang Tây Ninh - Kiến Tường, làm chủ một phần sông Vàm Cỏ Tây, mở ra một vùng giải phóng, lót sẵn lương thực, đạn dược, tạo thế rất thuận lợi cho một bộ phận của Đoàn 232 tiến công vào Sài Gòn. Ở hướng tây nam, Bộ tư lệnh quyết định tiến công vào thị trấn Thủ Thừa và thị xã Tân An, không đánh chiếm Mộc Hóa như trong kế hoạch cũ. Trận đánh không thành công vì quân địch đã phòng bị sẵn. Quân ta chuyển sang đánh quân địch phản ứng, quét hệ thống đồn đốt của địch ở bắc đường số 4, gây cho địch nhiều thiệt hại. Ở phía tây bắc, sư đoàn 25 ngụy bị đánh mạnh, buộc phải phân tán đối phó, không có được về giữ ven đô.

Thế trận tại chỗ đã bày xong.

Ngày 22 tháng 4, lần cuối cùng, kế hoạch tiến công Sài Gòn - Gia Định được Đảng và Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh thông qua và phê duyệt.

Tuyến phòng ngự Xuân Lộc sụp đổ. Tia hy vọng sau chót của ngụy quân, ngụy quyền cũng tắt ngấm.

Theo “gợi ý” của Mỹ, Nguyễn Văn Thiệu từ chức tổng thống. Mỹ hy vọng “thay ngựa” để đội cho tay sai một lót mới, hồng trì hoãn cuộc tiến công của ta vào Sài Gòn. Đài Sài Gòn trưa ngày 22 tháng 4 phát đi tiếng nói buồn bã, rời rạc và cay đắng của Thiệu trách móc quan thầy Mỹ đã bỏ rơi mình: “... Mỹ đã yêu cầu chúng ta thực hiện điều không thể làm được. Vì vậy, tôi đã báo họ: Các ông đòi hỏi chúng tôi làm điều mà các ông đã thất bại với nửa triệu binh lính tinh nhuệ và sĩ quan có tài với gần 300 tỷ đô la chi phí trong sáu năm trời. Nếu tôi không nói rằng các ông bị cộng sản Việt Nam đánh bại, thì tôi cũng phải nói một cách khiêm tốn là các ông cũng không thể chiến thắng. Nhưng các ông đã tìm đường rút lui trong danh dự. Hiện nay, khi quân đội chúng tôi thiếu vũ khí, đạn dược, máy bay trực thăng, máy bay B52, các ông lại đòi hỏi chúng tôi làm một điều không thể làm được giống như việc dùng đá lấp đầy đại dương, giống như các ông đưa cho tôi chỉ có 3 đô la mà thúc giục tôi đi bằng máy bay ghế hạng nhất, mượn phòng 30 đô la một ngày ở khách sạn, ăn 3 - 4 miếng bít-tết và uống 7 - 8 ly rượu một ngày. Đó là điều kỳ quặc!...”

Thói quen ăn chơi ẩm thực của viên tổng thống ngụy xen cả vào khẩu khí, ngay cả trong tuyên bố cuối cùng.

Hạ tuần tháng 4 năm 1975, các lực lượng lớn của quân ta lần lượt vào vị trí triển khai.

Ở hướng bắc, Quân đoàn 1 đã có mặt ở khu vực nam Sông Bé.

Ở hướng tây bắc, Quân đoàn 3 tiến về Dầu Tiếng.

Ở hướng tây, Đoàn 232 áp sát tuyến sông Vàm Cỏ Đông và Hậu Nghĩa.

Ở hướng nam, Trung đoàn 88 và Trung đoàn 24 được tăng cường Trung đoàn 271b đứng chặn ở Cần Giuộc. Sư đoàn 5, Sư đoàn 8 áp sát đường số 4 từ Tân An đến Cai Lậy, áp sát Mỹ Tho. Đồng chí Lê Đức Anh, Phó tư lệnh Miền, Phó tư lệnh Bộ chỉ huy chiến dịch, trực tiếp chỉ huy hướng tây và hướng nam.

Ở hướng đông, Quân đoàn 4, sau khi giải phóng Xuân Lộc, áp sát Trảng Bom. Quân đoàn 2, Sư đoàn 3 và Lữ đoàn 52 (Quân khu 5) tiến sát Long Thành, Vũng Tàu, Nước Trong, Bà Rịa. Đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh cánh quân phía đông, nay là Phó tư lệnh chiến dịch chỉ huy hướng này.

Tất cả sáu trung đoàn đặc công và hàng chục đội biệt động đã sẵn sàng từ vùng ven đến nội thành.

Các phi đội của không quân ta ở sân bay Thành Sơn đã sẵn sàng cất cánh.

Tại Tổng hành dinh, trên tấm bản đồ chiến dịch Hồ Chí Minh, các mũi tên lớn màu đỏ vít chặt lấy hang ổ cuối cùng của địch.

Lúc này, quân và dân Campuchia đã từng phá vỡ sức đề kháng của quân đội Lon Non ở ngoại vi thủ đô Phnôm Pênh. Được ta trợ giúp đạn súng lớn, bạn đã

nã pháo vào trung tâm thành phố. Ngày 12 tháng 4, Mỹ tổ chức cuộc hành quân mang “Điều hòa”, di tản cố vấn và binh lính Mỹ ra khỏi thủ đô bằng đường không. Ngày 17 tháng 4, Phnôm Pênh được giải phóng.

Các cơ quan Bộ Tổng tư lệnh làm việc ngày đêm. Đặc biệt Phòng 70 thuộc Cục Quân báo, chuyên theo dõi tin địch bằng phương tiện kỹ thuật, bám máy từng phút từng giờ.

Tin về cho biết: Sài Gòn hỗn loạn. Binh lính và nhân viên ngục quyền từ các tỉnh phía bắc, nhất là từ Phan Rang, Xuân Lộc chạy về, mang theo tâm trạng hốt hoảng và những điều mắt thấy tai nghe, càng làm cho tình hình thêm bi đát. Dân chúng bắt đầu di tản. Các sứ quán phương Tây ra đi. Trần Văn Hương, một ông già bị bệnh thấp khớp và mù lòa, lên thay Thiệu, kêu gào “tử thủ”, nhưng chẳng mấy ai nghe! Ngày 23 tháng 4, tại Trường đại học Tu-lan (Tulane) ở Niu Oóc-lê-ân (New Orleáns), Tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho tuyên bố: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ”.

Thời cơ đã đến. Tôi điện cho các cánh quân đôn đốc khẩn trương chuẩn bị tiến công, đặc biệt là cánh quân phía đông phải cố gắng đảm bảo đánh Biên Hòa theo đúng kế hoạch.

Sáng ngày 22 tháng 4, Bộ Chính trị hội ý. Có tin Mỹ sẽ loại bỏ Trần Văn Hương bất lực, thay vào đó bằng một người “dễ tiếp xúc” hơn với Mặt trận Dân tộc giải phóng, định dùng thủ đoạn ngoại giao để ngăn chặn cuộc Tổng tiến công của ta. Cũng có tin Pháp muốn đứng ra làm trung gian liên lạc với Mặt trận Dân tộc giải phóng và Hà Nội hòng cứu vãn tình thế.

Sau khi xem xét tình hình, anh Ba điện khẩn vào chiến trường: “Mỹ - ngục tìm cách trì hoãn cuộc tiến công của ta vào Sài Gòn, lập chính phủ mới, đưa ra đề nghị ngừng bắn đi đến giải pháp chính trị cứu vãn tình thế khỏi thất bại hoàn toàn. Thời cơ quân sự, chính trị để mở cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi... Ra chỉ thị ngay cho các hướng hành động kịp thời, kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng.

Quân ủy Trung ương cũng điện gấp cho anh Văn Tiến Dũng, truyền đạt ý kiến của Thường trực Quân ủy Trung ương: “... Địch không có quyết tâm cố thủ Sài Gòn khi bị tiến công mạnh... Chúng trì hoãn để tìm cách đề nghị ngừng bắn, kéo dài sang mùa mưa... Sài Gòn không giữ nổi thì chúng rút về đồng bằng sông Cửu Long, lấy Cần Thơ làm trọng tâm... Hướng tây nam và đường số 4 sẵn sàng ngăn chặn, tiêu diệt địch trong tình huống chúng rút từ Sài Gòn về Cần Thơ”.

Ngày 23 tháng 4, hãng thông tấn Pháp AFP đưa tin Mỹ - ngục dùng máy bay C.130 ném bom Ê-xi Cút-lơ (Daisy Cutler) và bom CBU xuống các mục tiêu giữa Biên Hòa và Xuân Lộc, có hàng trăm xác chết. Bom Ê-xi Cút-lơ chuyên dùng để phá từng mảng cây rừng, dọn mục tiêu làm bãi đậu cho máy bay lên thẳng. CBU (Cluster Bomb Units) là loại bom khi nổ gây ra một đám cháy với nhiệt độ lớn, tạo ra một khoảng chân không thiêu hủy mọi thứ và làm chết ngạt mọi sinh vật trong vùng. Tôi điện ngay vào mặt trận, hồi 19 giờ hôm ấy: “Có thể đây là loại bom CB 455 mà Uây-oen đã đề nghị sử dụng. Cũng có thể địch tung tin để uy hiếp tinh thần... Phải thực sự đề phòng. Anh Ba và Thường trực Quân ủy có ý

kiến: Phát động sớm Tổng tiến công làm cho hình thái ta và địch xen kẽ. Đơn vị ở xa nguy trang cho tốt. Chú ý phòng địch... Pháo 130mm và Đ1974 đánh mạnh vào Tân Sơn Nhất và căn cứ không quân Biên Hòa, gây tổn thất nặng cho không quân địch. Các sân bay Cần Thơ, Vũng Tàu, dùng pháo cối và đặc công đánh mạnh”.

Ngày 26 tháng 4, Bộ Chính trị họp, giữa lúc công việc chuẩn bị mọi mặt từ Bộ thống soái tới cao đến Bộ tư lệnh và các đơn vị ở chiến trường trọng điểm cơ bản đã hoàn thành. Anh Trường Chinh, vốn rất quan tâm cách đánh chiến lược, theo dõi chặt chẽ trận tổng công kích và nổi dậy cuối cùng mà anh gọi là “coup descisi”¹.

Bộ Tổng tham mưu báo cáo: Các binh đoàn chủ lực của ta đã triển khai trên các hướng. Các đơn vị chủ lực tại chỗ của B2 cũng đã vào vị trí, sau khi tác chiến tạo thế ở phía nam và tây nam Sài Gòn. Các lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng của Thành đội Sài Gòn đã đứng sẵn ở ven đô, áp sát các mục tiêu được phân công. Hàng trăm cán bộ và đội viên vũ trang vào đứng chân tại các “lôm” ở vùng ven và nội đô, chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy khi chủ lực tiến công. Quân ta đang ở thế áp đảo. Lực lượng lãnh đạo ở cơ sở và lực lượng chính trị quần chúng đều đã sẵn sàng.

Năm mục tiêu quan trọng đã được Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh xác định là: sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu ngụy, dinh Tổng thống ngụy quyền, Biệt khu Thủ đô và Tổng nha Cảnh sát.

Về cách đánh, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương hình thành thế bao vây, cô lập địch trong thành phố, sử dụng lực lượng thích hợp trên từng hướng chia cắt, tiêu diệt địch ở bên ngoài, đồng thời sử dụng một bộ phận quan trọng lực lượng tổ chức thành những mũi đột kích mạnh, thọc sâu đánh thẳng vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm năm mục tiêu đã được xác định. Từ đó, tỏa ra phối hợp các đơn vị đặc công, biệt động, tự vệ thành phố và quần chúng nổi dậy, đánh chiếm tất cả các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế trong thành phố. Một số lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng vũ trang tại chỗ được giao nhiệm vụ đánh chiếm và làm chủ các cầu, tham gia cùng các đơn vị hỏa lực khống chế sân bay và các trận địa pháo của địch.

Phương châm là hiệp đồng chặt chẽ, tiến công nhanh, hạn chế đến mức thấp nhất thương vong của bộ đội và tổn thất về tính mạng, tài sản của nhân dân.

Bộ Chính trị nghe đọc bức điện dài của anh Lê Đức Thọ đề ngày 24 tháng 4, nói rõ tình hình ta và địch từ khi đánh Xuân Lộc đến lúc này. Mười sư đoàn đưa vào chiến trường vừa mới tới nơi. Chiến trường có một số khó khăn về hậu cần, nhưng quyết tâm của mặt trận là vừa đánh vừa bổ sung, hết sức cố gắng bảo đảm những điều kiện tối thiểu để mở màn chiến dịch. Địch chưa phán đoán được cách đánh của ta. Chúng bố trí ngăn chặn từ xa, có kế hoạch phá cầu nếu không giữ nổi. Ta không chuẩn bị khẩn trương cho kế hoạch tiến công và nổi dậy. Dự kiến,

¹ Đòn quyết định.

trong tình huống xấu, như địch phá cầu, quân ta có kế hoạch khắc phục, làm cầu, hoặc tác chiến trong điều kiện không có xe tăng và pháo binh...

Sau khi kiểm tra lại lần cuối việc chuẩn bị cho trận đánh quyết định, cuộc họp kết thúc trong không khí náo nức, phấn khởi, quyết tâm, sẵn sàng đón tin chiến thắng.

Giờ phút quyết định đã đến.

Chiến trường Nam Bộ bùng lên như cơn lốc.

Các hàng thông tấn trong nước và nước ngoài hoạt động hết tốc lực. Tin tức dồn dập bay về, dồn hầu hết sự chú ý của dư luận thế giới vào một điểm nóng: Sài Gòn.

Thông tấn xã Việt Nam, Thông tấn xã Giải phóng, các cơ quan thông tin đại chúng của cả hai miền liên tục loan tin chiến thắng. Trên báo và đài, hầu như không còn chỗ cho các vấn đề nào khác ngoài tình hình cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Các cuộc thông báo thời sự lan đến từng nhà, từng thôn xóm. Tiền tuyến càng sôi động, hậu phương càng náo nức, đợi chờ.

Ở Hà Nội, các cơ quan Bộ Tổng tư lệnh thường trực 24 trên 24 giờ. Đối với các cơ quan thông tin, báo chí, Tổng hành dinh ở khu vực "Nhà con rồng" là nơi cung cấp tin chiến sự sốt dẻo nhất, nhanh chóng nhất, chính xác nhất. Cục Tác chiến phải dành riêng một số thời gian hiếm hoi để cùng Cục Tuyên huấn phát tin cho báo và đài.

Các đồng chí Tổng tham mưu phó Hoàng Văn Thái và Cao Văn Khánh cùng tôi thường trực ở Sở chỉ huy. Anh chị em thông tin, cơ yếu thay phiên nhau làm việc suốt đêm ngày. Cơm nước được mang đến tận nơi.

Tối ngày 27 tháng 4, Cục Tác chiến báo cáo tình hình chiến sự vùng ven Sài Gòn. Quân ta cơ bản thực hiện kế hoạch tác chiến chiến dịch trên các hướng.

Hướng bắc, Sư đoàn 312 (Quân đoàn 11) chuẩn bị tiến công Bình Cơ, Bình Mỹ, tạo thế cho quân đoàn triển khai lực lượng ở vùng ven.

Hướng tây bắc, anh Vũ Lăng, Tư lệnh Quân đoàn 3 sử dụng pháo cối diệt các trận địa của địch. Sư đoàn 316 chặn địch ở Phú Mỹ và đông Trảng Bàng.

Hướng tây nam, anh Lê Đức Anh cho quân áp sát đường số 10, chuẩn bị tiến công địch trên đường số 4, chia cắt Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long, mở đầu cầu vượt sông Vàm Cỏ Đông, chiếm lĩnh vùng ven.

Hướng đông, cánh quân của anh Lê Trọng Tấn tiến công căn cứ Nước Trong, chi khu quân sự Long Thành và thị xã Bà Rịa. Ở Nước Trong, địch chống cự, dùng máy bay bắn phá bờ bãi, phản kích liên tục suốt cả ngày. Sư đoàn 304 mở nhiều đợt tiến công mà vẫn chưa dứt điểm. Quyết tâm của quân ta là phải thực hiện bằng được nhiệm vụ đánh chiếm căn cứ Nước Trong, nhất là việc triển khai trận địa pháo ở Nhơn Trạch để bắn vào căn cứ không quân Tân Sơn Nhất đúng thời điểm đã định.

Qua tình hình diễn biến chiến sự, Bộ Tổng tham mưu nhận xét hướng đông, tuy địch chống cự ngoan cố, nhưng nhìn chung có nhiều thuận lợi. Hướng bắc và hướng tây bắc chậm hơn một chút. Hướng tây nam có thể tiến kịp các mũi khác.

Hoạt động của quân ta trên đường số 4 đạt hiệu quả tốt, nếu phát triển mạnh hơn, sẽ tạo thêm điều kiện cho hướng bắc và tây bắc phát triển tiến công.

Tôi điện ngay cho anh Tấn: “Cho biết ngay dự kiến thời cơ phát triển vào nội đô, cả trong trường hợp đến mục tiêu sớm hơn thời gian quy định. Khi có thời cơ cụ thể thuận lợi, bảo đảm chắc thắng thì tranh thủ phát triển: Nếu trận địa pháo 130 đặt xong ở Nhơn Trạch và bắn được vào Tân Sơn Nhất thì Sài Gòn sẽ rung động lớn”.

Tối ngày 28 tháng 4, các đài phương Tây đưa tin: Hồi 16 giờ 40 phút 5 chiếc máy bay A37 do Mỹ chế tạo đã giội bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất ở độ cao 5.000 bộ. Một số máy bay của “không lực Việt Nam cộng hòa” và của Hoa Kỳ bị phá hủy, trong đó có 3 chiếc AC119 và nhiều chiếc C47. Trận ném bom đã thúc giục Mỹ phải “thực hiện tối đa” việc di tản nhân viên quân sự và dân sự của họ. Hồi 20 giờ cùng ngày, 2 chiếc C130, mỗi chiếc chở 180 người, đã mạo hiểm cất cánh trên đường băng vừa bị ném bom...

Sự kiện này nằm trong ý định của Bộ Tổng tư lệnh trong việc dùng không quân chiến đấu trước và trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn, đã được trao đổi nhiều lần với các anh ở B2. Sang thượng tuần tháng 4, anh Lê Ngọc Hiền điện ra báo cáo: ta thu được một số máy bay chiến đấu, và đề nghị cho người vào nghiên cứu sử dụng. Ngay sau đó, lại nhận được tin Nguyễn Thành Trung, cơ sở binh vận của ta hoạt động bí mật trong hàng ngũ địch, sau khi ném bom dinh Tổng thống nguy, đã hạ cánh an toàn xuống sân bay Phước Long. Bộ Tổng tham mưu nhất trí đề bạt với Quân ủy Trung ương cần sử dụng số phi công được Mỹ đào tạo, huấn luyện các sĩ quan lái máy bay chiến đấu của ta, sử dụng số máy bay vừa thu được tham gia chiến dịch, gây cho địch một bất ngờ lớn.

Anh Văn Tiến Dũng cũng điện ra đề nghị cho không quân ta dùng máy bay vừa thu được của địch ném bom vào sào huyệt quân nguy ở Sài Gòn đúng vào ngày 28 tháng 4.

Tôi cầm máy trực tiếp báo cáo với đồng chí Bí thư thứ nhất. Anh Ba vui vẻ đồng ý.

Bộ triệu tập ngay anh Lê Văn Tri, Tư lệnh Phòng không - Không quân lên “Nhà con rồng”.

Tôi hỏi:

- Hiện đã thu được bao nhiêu máy bay A37 có thể dùng được?
- Báo cáo: ở Đà Nẵng có 1 chiếc, phi công ta dùng để học chuyển loại. Ở sân bay Phù Cát, ta thu được 5 chiếc còn nguyên, nhưng chưa bay thử.
- Thế là tốt. Bộ Chính trị đã đồng ý cho không quân ta ném bom Sài Gòn. Giao nhiệm vụ cho đồng chí trực tiếp tổ chức thực hiện trận đánh này thắng lợi. Thời gian đúng vào ngày 28 tháng 4 như anh Dũng đã điện ra. Việc chọn thời cơ và mục tiêu cho máy bay tiến công sẽ do anh Dũng chỉ thị trực tiếp. Về cách đánh, sẽ do Bộ Tổng tham mưu và tiền phương Phòng không - Không quân quyết định. . .

Chiều ngày 26 tháng 4, anh Tri vào tới Phù Cát. Anh Hoàng Ngọc Diệu, Phó tư lệnh quân chủng cũng đã có mặt. Việc huấn luyện chuẩn bị người và máy bay được tiến hành rất khẩn trương. Chỉ trong mấy ngày, ta đã có một phi đội A37 sẵn sàng hoạt động. 17 giờ ngày 28 tháng 4, phi đội mang tên Quyết Thắng do Nguyễn Thành Trung chỉ huy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phá hủy 20 máy bay địch trên sân bay Tân Sơn Nhất.

Cuộc công kích bất ngờ của ta bằng máy bay của Mỹ đạt hiệu quả chiến đấu lớn, nhưng hiệu quả về tinh thần, tâm lý lại còn lớn hơn nhiều.

Sau hai ngày mở màn cuộc tổng công kích, tối 28 tháng 4, Bộ Tổng tham mưu tổng hợp và báo cáo tình hình chiến trường trọng điểm:

Bộ đội ta trên các hướng cơ bản đã thực hiện được kế hoạch tiến công, bao vây cô lập Sài Gòn, chia cắt tuyến ngoài thành phố. Ta đã cắt đường số 15 (Sài Gòn - Vũng Tàu) và đường số 4 (Sài Gòn - đồng bằng sông Cửu Long), chiếm đã một số mục tiêu quan trọng như Trảng Bom, Long Thành, Đức Thạnh, thị xã Bà Rịa, làm chủ căn cứ Nước Trong. Các sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất bị tê liệt. Lực lượng vũ trang và nhân dân vùng ven Sài Gòn phối hợp với bộ đội chủ lực, tiến công và nổi dậy, giải phóng các căn cứ của địch ở xung quanh thành phố. Ở hướng đồng bằng sông Cửu Long, bộ đội Quân khu 8 và Quân khu 9 áp sát các thị xã Cần Thơ, Mỹ Tho, khống chế sân bay Bình Thủy...

Hệ thống chỉ huy của quân ngụy, từ Bộ Tổng tham mưu đến các quân đoàn đều rối loạn. Trần Văn Hương phải từ chức để Dương Văn Minh lên thay. Nhiều nhân vật lai to mặt lớn trong ngụy quyền, ngụy quân đã chuẩn ra nước ngoài. Dương Văn Minh là con bài cuối cùng Mỹ - ngụy đưa ra dàn xếp với ta để hòng đạt tới “ngừng bắn”.

Như vậy là qua hai ngày chiến đấu, tình hình diễn biến tốt. Ngày hôm sau, 29 tháng 4, bộ đội ta trên năm hướng có thể nổ súng tiến công vào nội thành Sài Gòn, theo đúng kế hoạch đã đề ra.

22 giờ đêm hôm ấy, tôi điện gửi các anh Lê Đức Thọ và Phạm Hùng: “... Chiến dịch đã bắt đầu thắng lợi giòn giã. Chúng tôi tất cả đều phấn khởi, gửi lời chúc các anh khỏe và toàn thắng. Nhắc các cơ quan tham mưu chính trị: đi đôi với mệnh lệnh tác chiến, cần có chỉ thị cụ thể về nhiệm vụ, phạm vi quản lý thành phố của từng đơn vị, xúc tiến kế hoạch phát triển thắng lợi, tiêu diệt và làm tan rã quân địch ở đồng bằng sông Cửu Long. Có dự kiến điều chỉnh lực lượng sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng nhất là những việc cần làm trước mùa mưa...”

22 giờ 30 phút, tôi lại điện tiếp, gửi anh Tuấn, anh Tư Nguyễn, đồng điện anh Sáu, anh Bảy: “... Chuyển lời Bộ Chính trị và Bộ Tổng tư lệnh gửi lời chào quyết thắng đến toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên. Các đồng chí hãy anh dũng tiến lên giành thắng lợi cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại”.

Đêm ngày 28 tháng 4 năm 1975, một đêm thức trắng của cơ quan Tổng hành dinh. Các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cũng không ai ngủ được. Những người nắm được kế hoạch cụ thể của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy

đều cùng thức với chiến trường, đón giờ “G” của trận Tổng công kích vào Sài Gòn như đón phút giao thừa của lịch sử.

Sáng sớm hôm sau, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp tại Sở chỉ huy.

Một tấm bản đồ Sài Gòn - Gia Định trải rộng trên bàn. Các đồng chí lãnh đạo ngồi và đứng xung quanh, theo dõi tình hình chiến sự đang diễn biến.

Cơ quan tham mưu chiến lược phát huy hết mọi năng lực của bộ máy chỉ huy, theo dõi sự phát triển của cuộc Tổng công kích và nổi dậy từng phút, từng giờ. Anh Lê Hữu Đức kịp thời báo cáo những tin mới nhận được từ các nguồn khác nhau, không chậm hơn thực tiễn đang diễn ra ở chiến trường là mấy.

Các mũi tên đỏ được tô đậm thêm, kéo dài thêm, tiến về hướng nội đô. Những nét gạch chéo lần lượt đánh dấu các mục tiêu đã bị đánh chiếm. Hầu như mỗi giờ, mỗi khác đều có tin mới đưa về. Nhiều chức sắc ngụy quân, ngụy quyền bỏ chạy ra nước ngoài, gồm nghị sĩ, cựu thủ tướng, tổng tham mưu trưởng. Sài Gòn hỗn loạn. Quân địch như rấn mất đầu. Các nhân viên quân sự và dân sự Mỹ tháo chạy máy bay lên thẳng từ sân thượng một số nhà cao tầng trong cuộc hành quân *Cơn lốc*. Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn, cử đại diện đến trại Đa-vít ở Tân Sơn Nhất xin gặp phái đoàn trong Ban liên hiệp đình chiến để “thương lượng”.

Không khí phấn khởi, sôi nổi, hào hùng bao trùm cuộc họp. Vừa nghe báo cáo vừa trao đổi ý kiến. Mỗi tin tức là một sự kiện, một tình huống, cần được xử lý kịp thời.

10 giờ đồng chí Bí thư thứ nhất gửi một điện khẩn vào chiến trường:

“1. Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng.

2. Công bố đặt thành phố Sài Gòn - Gia Định dưới quyền của Ủy ban quân quản do tướng Trần Văn Trà làm Chủ tịch... Ký tên: Ba”.

Tin về đồn dập. Các cán bộ tác chiến, quân báo, thông tin, cơ yếu... quên nghỉ, quên ăn. Đang làm việc cách Sài Gòn gần 2.000 km mà ai cũng thấy mình như đang ở ngay mặt trận, cùng đồng đội, đồng bào tiến công và nổi dậy, góp sức giành toàn thắng.

Tối ngày 29 tháng 4.

Tôi chủ trì buổi giao ban, nghe đồng chí Cục trưởng Tác chiến báo cáo tổng hợp tình hình. Các cánh quân của ta trên năm hướng đã đồng loạt nổ súng, hiệp đồng chiến đấu, đánh chiếm các mục tiêu quan trọng chủ yếu, mở cửa thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn.

Hướng tây bắc, Quân đoàn 3 tiêu diệt căn cứ Đồng Dù, bắt sống viên tư lệnh sư đoàn Lý Tông Bá. Nhân dân vùng đất thép Củ Chi nổi dậy chiếm quận lỵ.

Ở hướng bắc, Quân đoàn 1 đánh chiếm thị trấn Tân Uyên, bao vây Phú Lộc và tiến xuống Lái Thiêu.

Hướng tây nam, Đoàn 232 chiếm thị xã Hậu Nghĩa, chi khu quân sự Đức Hòa, thị xã Tân An, thị trấn Bến Lức. Nhân dân vùng Hóc Môn, Bà Điểm và xã Phú thọ Hòa nổi dậy.

Hướng đông, địch ngoan cố chống cự. Quân đoàn 4 tiến chậm. Quân đoàn 2 phát triển thuận lợi hơn. Đơn vị thọc sâu của Quân đoàn 2 đã vòng qua căn cứ Long Bình, đang phát triển theo xa lộ.

Ở ven đô, các lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng nổi dậy, phối hợp với các binh đoàn chủ lực. Bộ đội phát triển đến đâu, vùng giải phóng mở rộng đến đó. Nhìn chung, địch đối phó yếu ớt, tan rã nhanh. phần lớn rút chạy hoặc đầu hàng khi bị tiến công.

Theo kế hoạch, 5 giờ 30 phút sáng 30 tháng 4 năm 1975, các hướng đồng loạt đánh vào Sài Gòn.

Riêng cánh quân phía đông, anh Lê Trọng Tấn đề nghị cho nổ súng trước từ 18 giờ ngày 29 tháng 4. Lý do là các lực lượng ta còn cách vùng ven từ 15 đến 20 km, phải vừa đánh địch vừa tiến quân, lại phải vượt sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, nếu cùng nổ súng sẽ không đến kịp.

Điện của anh Tấn đến vào lúc nửa đêm. Cục Tác chiến đánh thức tôi dậy. Nửa giờ sau, tôi và anh Lê Hữu Đức tới nhà anh Ba.

Sau khi anh Đức đọc bức điện, tôi đề nghị chuẩn y cho cánh quân phía đông đánh vào 18 giờ chiều ngày 29 tháng 4, sớm hơn giờ G mười hai tiếng.

Anh Ba đồng ý và nói:

- Đánh, đánh, đánh thôi anh ạ! Lúc này, cánh quân nào phát triển thắng lợi là tạo thắng lợi chung cho toàn chiến dịch.

Tôi hỏi:

- Điện ký tên anh chứ?

- Không! Anh là Tổng Tư lệnh, ký tên anh.

Một thoáng sau, anh Ba nói thêm:

- Ký thêm tên tôi cũng được, hoặc nói rõ đã trao đổi với anh Ba và anh Ba nhất trí.

Về tới Tổng hành dinh, tôi viết ngay điện trả lời anh Tấn, đồng điện cho anh Dũng. Bộ tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh cũng đồng ý để cánh quân phía đông nổ súng sớm hơn kế hoạch.

Như vậy, trên thực tế từ 18 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, trận tiến công Sài Gòn - Gia Định đã bắt đầu.

Trời đã về khuya. Cục Quân báo vừa nắm được tình hình địch mới nhất. Anh Cao Văn Khánh điện gấp cho các chiến trường: "Có tin địch ra lệnh cho các tàu hải quân ở Cần Thơ, Đồng Tâm và Phú Quốc tập trung ở một địa điểm, và một số tàu đổ bộ chuẩn bị đi sang đảo Gu-am. 78 máy bay của ngụy đã chuyển đến U-ta-pao... Theo dõi xem tàu hải quân có chở bộ binh theo không và có kế hoạch đánh cho kịp".

Lại một đêm nữa, cả Tổng hành dinh cùng thức với chiến trường, vì miền Nam, vì cả nước.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Gần ba mươi năm qua, mà ngày lịch sử ấy vẫn hiện lên đậm nét trong ký ức, như mới hôm nào.

“Nhà con rồng” hôm nay hình như rạng rỡ hơn trong gió xuân ấm áp. Ngôi nhà cũ, thêm sân rộng và cả bốn con rồng đá chầu ở bậc lên xuống như tươi tắn hơn mọi ngày. Những cây ngọc lan tán lá sum xuê, tỏa hương thơm ngát.

Sớm hơn thường lệ, tôi ngồi vào bàn làm việc ở Sở chỉ huy. Trên tấm bản đồ ở mặt bàn, các mũi tên đỏ đã tiến vào trung tâm thành phố. Tôi phác họa trong đầu một chương trình cho ngày hôm ấy, với bao nhiêu công việc phải làm: hội ý Bộ Chính trị, nắm thêm phản ứng của Mỹ, dự kiến các hoạt động quân sự, chính trị trong trường hợp chưa dứt điểm được ngay, chỉ đạo tác chiến và nổi dậy ở phần đất còn lại sau khi Sài Gòn giải phóng, điện động viên bộ đội, nhắc nhở chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách vào thành...

Bất giác, tôi nhớ lại ngày toàn thắng ở Điện Biên Phủ, ngày 7 tháng 5 năm 1954. Lễ tất nhiên ở đây có rất nhiều điểm khác. Thế nhưng, cũng cái không khí phấn khởi sôi nổi ở Sở chỉ huy, cũng những giờ phút nao nức đón tin vui từ phía trước điện về, những suy nghĩ về công việc ở cuối và sau chiến dịch... Và nhất là cũng cái cảm giác lâng lâng khó tả, vừa khẩn trương, sôi nổi, vừa dang hoàng, chủ động, vừa lo lắng chờ đợi, vừa vui sướng, tự hào, lúc này không còn là của riêng ai trong ngày toàn thắng của dân tộc.

Anh Ba, anh Trường Chinh, anh Đồng cũng đến đây sớm hơn thường lệ. Các anh khác trong Bộ Chính trị lần lượt đến sau, đông đủ. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp theo dõi tình hình chiến trường Sài Gòn - Gia Định, thảo luận công việc và đón tin toàn thắng. Anh Cao Văn Khánh, trực ban ngày hôm ấy, túc trực tại phòng tác chiến chốc chốc lại sang báo cáo tình hình mới nhất. Các mặt tiến công của quân ta phát triển rất nhanh về hướng trung tâm thành phố. Mục tiêu cuối cùng của chiến dịch đã tới rất gần, chỉ còn tính từng giờ. Tin đến thường cắt ngang cuộc họp, đang phát biểu phải dừng lại giữa chừng, nhưng mọi người đều vui vẻ chấp nhận.

Anh Khánh báo cáo: Đại sứ Mỹ Ma-tin chuẩn khởi Sài Gòn lúc 4 giờ 15 phút sáng. Hy vọng của ông ta thỏa hiệp, đàm phán với “Việt cộng” tan vỡ như bọt xà phòng.

Binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn 2 trong cánh quân phía đông của anh Lê Trọng Tấn đang vượt cầu xa lộ trên sông Đồng Nai, diệt ổ đề kháng của địch ở Thủ Đức, phía bắc cầu Rạch Chiếc. Trận địa pháo của ta ở Nhơn Trạch đã bắn hơn 300 viên đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Các đơn vị đầu tiên đang tiến từ cầu Tân Cảng vào Sài Gòn. Quân đoàn 4 tiến về Hồ Nai. Địch liều mạng chống giữ. Ta tiêu diệt Hồ Nai, đang tiến công sở chỉ huy Quân đoàn 3 ngụy, chuẩn bị tiến vào nội đô.

Sư đoàn 10 Quân đoàn 3 đang tiến vào ngã tư Bảy Hiền.

Quân đoàn 1 đánh vào Lai Khê, Phú Lộc, Lái Thiêu, đang tiến vào Gò Vấp; một cách quân khác đánh địch từ cầu Bình Phước đến cầu Bình Triệu.

Đoàn 232 đang tiến về hướng Biệt khu Thủ đô và Tổng nha Cảnh sát ngục.

Trên đường số 4, quân ta đã chiếm Thủ Thừa, thị xã Tân An.

Trung đoàn 1 và Trung đoàn 2 Gia Định áp sát bắc sân bay Tây Sơn Nhất, mở hành lang vào ngã tư Bảy Hiền. Bộ đội đặc công chiếm giữ cầu Rạch Chiếc, cầu xa lộ Biên Hòa.

Lực lượng vũ trang Biên Hòa phối hợp với bộ đội chủ lực giải phóng Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ.

Ở vùng ven đô và nội đô, nhân dân nổi dậy phối hợp với bộ đội tiến công địch. Ở nhiều quận, nhiều xóm, đồng bào vùng lên chiếm đồn bốt địch, trụ sở ngục quyền. Cờ cách mạng đã tung bay ở phường Tây Nhi, quận Phú Nhuận từ trưa ngày 29 tháng 4.

Một cảnh tượng điển hình của chiến tranh nhân dân Việt Nam diễn ra hết sức hào hùng. Tiến công kết hợp với nổi dậy. Quân sự, chính trị, binh vận giáp công. Sức mạnh tổng hợp của cách mạng áp đảo ngục quân, ngục quyền đang tan rã.

Trên hướng đồng bằng sông Cửu Long, các lực lượng vũ trang ta đã ém sẵn quanh các mục tiêu quan trọng. Ở Bạc Liêu, quân ta đã vào thị xã. Ở Sóc Trăng, ta đang tiến công thị xã và sân bay.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương trao đổi về công việc cấp thiết. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi điện vào chiến trường: "... Ủy ban quân quản công bố ngay trên đài phát thanh mệnh lệnh đầu tiên. Nội dung:

a. Quân giải phóng tiến vào để giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam.

b. Quân đội ngục quyền Sài Gòn phải lập tức hạ vũ khí đầu hàng.

c. Tuyên bố giải tán chính quyền các cấp.

d. Kêu gọi đồng bào đứng dậy, cùng Quân giải phóng đập tan mọi sự chống cự của địch, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, hoàn thành công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam thân yêu".

Vừa theo dõi tin kỹ thuật của Cục 2, tôi vừa liên lạc bằng vô tuyến điện thoại tiếp sức với Bộ tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh. Các cánh quân của ta đang tiến rất nhanh. Địch đang trong tình trạng vô cùng nguy khốn. "

10 giờ sáng. Đồng chí Nguyễn Thanh, Trưởng phòng 70 vào báo cáo tin vừa nhận được: Theo Đài phát thanh Nhật bản, Quân giải phóng miền Nam có xe tăng dẫn đầu đang tiến vào Sài Gòn. Mấy phút sau, có tin thêm; Dương Văn Minh đề nghị ngừng bắn để thương lượng.

Mọi người cùng nói: "Chỉ có đầu hàng vô điều kiện. Còn gì đâu mà thương lượng?!"

Tôi viết ngay một bức điện, lệnh cho các cánh quân tiếp tục tiến công. Nội dung bức điện được đọc lên, tất cả đều nhất trí. Cùng lúc đó, Bộ tư lệnh chiến

dịch Hồ Chí Minh cũng điện cho các quân đoàn và Đoàn 232 không vì có tin ấy mà dừng lại.

10 giờ 50 phút. Cục 2 báo cáo quân ta đã vào dinh Tổng thống ngay. Ngay sau đó, các đài phát thanh phương Tây cũng đưa tin này.

11 giờ 30 phút. Đồng chí Nguyễn Duy Phê, Cục phó Cục Cơ yếu mang vào phòng họp một bức điện của anh Lê Trọng Tấn báo cáo: một đơn vị thuộc cánh quân phía đông đã cấm cờ lên dinh Độc Lập.

Mọi người vây quanh tấm bản đồ chiến sự. Tin từ các hướng tới tấp điện về. Năm cánh quân của ta hợp điểm giữa Sài Gòn. Quân đoàn 2 chiếm dinh Tổng thống; Quân đoàn 4 chiếm Bộ Quốc phòng, cảng Bạch Đằng và Đài phát thanh; Quân đoàn 1 chiếm Bộ Tổng tham mưu và khu vực các bộ tư lệnh các binh chủng; Quân đoàn 3 chiếm sân bay Tân Sơn Nhất; Đoàn 232 chiếm Biệt khu Thủ đô và Tổng nha Cảnh sát. Kế hoạch tác chiến chiến dịch Hồ Chí Minh đã hoàn thành thắng lợi.

Trong không khí hân hoan, hội nghị sôi nổi trao đổi về những biện pháp cuối cùng. Tôi điện ngay vào chiến trường thông báo ý kiến của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương: "... Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí, nhưng không phải với tư cách tổng thống mà với tư cách một người đã sang hàng ngũ nhân dân. Đã nhận tin ta cấm cờ lên dinh Độc Lập lúc 11 giờ. Các anh trong Bộ Chính trị rất vui, rất vui".

Bức điện gửi đi lúc 12 giờ 25 phút.

Hội nghị ngừng họp.

Các đồng chí lãnh đạo ra cả ngoài hành lang. Tiếng cười nói rộn ràng, vui vẻ. Phấn khởi, nghẹn ngào, xúc động đến trào nước mắt.

Anh Ba, các anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, ai nấy đều nhớ đến Bác hồ. Ước mơ nước nhà độc lập, thống nhất mà Bác hằng mong đã thành sự thật, nhưng Người đã đi xa! Đồng bào, chiến sĩ miền Nam không còn được đón Bác vào thăm mọi người, nghĩ đến biết bao đồng chí, đồng đội, đồng bào đã ngã xuống; không được thấy giờ phút khai hoàn. Ngay trong chiến dịch cuối cùng, bao nhiêu cán bộ, chiến sĩ đã vĩnh viễn ra đi trước ngày toàn thắng.

Tôi chỉ thị cho Cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục Chính trị điện ngay cho Việt Nam Thông tấn xã và Đài Tiếng nói Việt Nam kịp thời truyền tin thắng lợi và chuẩn bị viết thông cáo chiến thắng. Chỉ mười lăm phút sau, đài đã ngừng buổi phát thanh thường lệ, phát đi phát lại những dòng tin phấn khởi mà muôn vạn con tim Việt Nam đón đợi: chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Lẫn vào tiếng loa phóng thanh, tiếng reo hò, hoan hô chiến thắng vang dậy khắp phố phường.

12 giờ 50 phút.

Tại Sở chỉ huy, có mặt Thiếu tướng Cao Văn Khánh, Phó tổng tham mưu trưởng, đại tá Lê Hữu Đức, Cục trưởng Cục Tác chiến, đại tá Nguyễn Trọng Yên và thượng tá Phạm Chí Nhân, Cục Trưởng và Phó cục trưởng Cục Tuyên huấn. Không ai chú ý đến nghỉ ngơi, cơm nước. Được sống trong giờ phút lịch sử của dân tộc, ai cũng muốn được ghi lại hình ảnh kỷ niệm vô giá này. Trước tấm bản đồ thành phố Sài Gòn - Gia Định, mọi người đứng dậy, chăm chú nhìn theo

hướng tay tôi chỉ. Thượng úy Nguyễn Tiến Trữ, cán bộ bảo vệ thường xuyên đi với tôi, nhà nhiếp ảnh nghiệp dư với chiếc máy ảnh hiệu Ki-ép, đã bấm liền ba kiểu ở góc độ thích hợp nhất.

Buổi chiều, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tiếp tục họp.

Mở đầu, Hội nghị nghe qua dây ghi âm tiếng nói đầu hàng của Tổng thống ngụy Dương Văn Minh: “Tôi là Dương Văn Minh, tổng thống của chính quyền Sài Gòn. Tôi kêu gọi bỏ vũ khí đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng, giải tán cơ cấu chính quyền từ trung ương đến địa phương và giao quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam”.

Tiếp đó là đại biểu Quân giải phóng chấp nhận sự đầu hàng của Dương Văn Minh.

Hội nghị tiếp tục thảo luận về công việc sắp tới và nêu lên những vấn đề sẽ bàn trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 3 tháng 5, chuẩn bị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị toàn thể.

Gần cuối buổi họp, mọi người nghe đọc hai bức điện của các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng vừa nhận được, trong đó các anh nói rõ: Dương Văn Minh đã đầu hàng, các cánh quân của ta tiếp tục phát triển theo kế hoạch. Ta kêu gọi quân địch nộp vũ khí. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long sôi sục nổi dậy, lật đổ ngụy quyền, lập chính quyền cách mạng...

Hội nghị nhất trí gửi ra phía trước bức điện khen: “... Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội đặc biệt tinh nhuệ, dân quân tự vệ và chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc ngụy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, đưa chiến dịch mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng.

Toàn thể các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng, cùng đồng bào tiếp tục tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc”¹.

Các anh trong Bộ Chính trị ra về. Các đồng chí trong Thường trực Quân ủy ngồi lại trao đổi, chuẩn bị cho cuộc họp của Quân ủy Trung ương dự định tiến hành vào ngày 2 tháng 5. Tôi nhắc thêm một số công tác cần chú ý làm thật tốt, nhất là việc quản lý vùng mới giải phóng, đặc biệt các thành phố lớn, vừa xây dựng chính quyền cách mạng vừa truy quét tàn binh, bắt giữ bọn phản động đầu sỏ, giữ vững trật tự trị an, bảo vệ tài sản, tính mạng của dân và tài sản công cộng, ổn định đời sống.

Mỗi cán bộ, chiến sĩ phải là một cán bộ dân vận, biết phát động nhân dân cùng với bộ đội và các lực lượng cách mạng làm chủ địa bàn... Tôi cũng lưu ý Bộ Tổng tham mưu giải quyết số quân địch ở đồng bằng sông Cửu Long và các đảo

¹ Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, tr.395.

Côn Sơn, Phú Quốc, đón anh chị em tù chính trị trở về. Việc xây dựng và điều chỉnh lực lượng trong điều kiện đất nước thống nhất và số lượng rất lớn trang bị kỹ thuật của địch vừa thu được cũng phải khẩn trương nghiên cứu đề xuất với Bộ Chính trị và Quân ủy.

Mặt trời đã khuất bóng sau rặng cây xà cừ trên đường Hoàng Diệu, Hà Nội đã lên đèn.

Còn lại một mình trong phòng làm việc với niềm vui náo nức, mà sao nước mắt tôi cứ trào ra.

“Giá như còn Bác...”

Tư tưởng cách mạng và tư tưởng quân sự của Bác đã mang về thắng lợi trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Câu thơ xuân “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” đã vạch đường đi nước bước để có thắng lợi hôm nay.

Tôi lên xe đi một vòng quanh Hà Nội. Cả một rừng cờ hoa dậy lên tự lúc nào. Người đi chật phố, chật đường, vui như trẻ hội. Đêm nay, Thủ đô đốt pháo hoa mừng toàn thắng. Đêm nay, Hà Nội, cả nước vui với Sài Gòn, vui với miền Nam.

Trở lại cửa tây, tôi vào Sở chỉ huy tiếp tục làm việc. Hình ảnh các anh lãnh đạo, chỉ huy bộ đội ở chiến trường lúc này hiện về rõ nét. Chắc các anh đã nhiều đêm không ngủ. Chắc các anh cũng hân hoan, xúc động như chúng tôi ở ngoài này. Dưới sự chỉ huy của các anh, quân ta đã “tiến vào Sài Gòn” ca vang câu hát: “Đồng bào ơi, ta đã về đây” của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, như ngày nào bộ đội ta từ năm cửa ô tiến về giải phóng Thủ đô Hà Nội, ca vang bài hát của nhạc sĩ Văn Cao.

Trong điện gửi anh Văn Tiến Dũng và các đồng chí trong Bộ tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, thay mặt Quân ủy Trung ương, tôi tuyên dương công trạng các lực lượng vũ trang ta đã cùng đồng bào Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giành thắng lợi vang dội, làm nức lòng quân và dân cả nước và bè bạn năm châu.

Một khuôn mặt triu mến, thân quen chợt hiện lên trong tôi: Trung tướng Lê Trọng Tấn, người chỉ huy cánh quân đầu tiên tiến vào dinh Tổng thống ngụy quyền. Tôi viết ngay một bức điện vượt ra ngoài khuôn phép thông thường về quân sự: “18 giờ 30 phút. Anh Tấn ơi! Làm ăn tốt quá! Phấn khởi quá! Chúc các anh rất khỏe và chuyển lời mừng chiến thắng của mình cho các tướng trong đó. Ký tên: Văn”.

Sau này được biết: Khi nghe báo cáo quân ta đã chiếm dinh Độc lập, Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng, cả Sở chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh reo mừng trong niềm vui chiến thắng. Không còn là chuyện bất ngờ mà ai nấy đều giằng giụa nước mắt, siết chặt tay nhau, phấn khởi, tự hào. Các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng xúc động ôm hôn mọi người. Anh Đinh Đức Thiện, vui tính là thế, mà giờ lại là người khóc ra tiếng to nhất. Anh Trần Văn Trà, đôi mắt đỏ hoe, nghẹn ngào sung sướng. Riêng anh Phạm Hùng, mở phanh chiếc áo bà ba, vừa cười to, vừa bình luận sáng khoái, vừa ra lệnh chuẩn bị tiếp quản Sài Gòn.

Sáng ngày 1 tháng 5 năm 1975.

Ngày Quốc tế Lao động mang thêm ý nghĩa ngày chiến thắng. Tình giai cấp hòa quyện trong tình dân tộc, làm nổi bật một vẻ đẹp trong tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh.

Tại Sở chỉ huy, Bộ Tổng tham mưu báo cáo tình hình đồng bằng sông Cửu Long và các đảo còn lại. Khi biết tin Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, ở phần lớn các tỉnh, lực lượng vũ trang ta đã kết hợp với quần chúng nổi dậy, số lượng có nơi ước tới hàng vạn người như ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau... tiến công mạnh vào ngục quản, ngục quyền ở cơ sở, buộc chúng phải đầu hàng. Ở Cần Thơ, đêm ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 4 tiến công hai sân bay Bình Thủy và Trà Nóc, tiểu đoàn Tây Đô, tiểu đoàn 303 kết hợp tác chiến với binh vận tiến công sở chỉ huy địch trong thành phố. Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh Vùng 4 chiến thuật tự sát. Chiều ngày 30 tháng 4, tỉnh Cần Thơ được giải phóng.

Ở Vĩnh Long, Trà Vinh, mặc dù bị quân và dân ta tiến công, uy hiếp, đêm ngày 29 và sáng ngày 30 tháng 4, một bộ phận quân địch ở đây còn chống trả quyết liệt. Đến 17 giờ chiều ngày 30 tháng 4, tỉnh trưởng Vĩnh Long và sư đoàn trưởng sư đoàn 9 nguyện phải đầu hàng. Với hai tiểu đoàn và lực lượng quần chúng có các sư sãi tham gia rất đông đảo, ta đã giải phóng Trà Vinh trong ngày 30 tháng 4.

Sau khi chiếm được các thành phố, thị xã quan trọng, ta đã kịp thời đưa lực lượng tiến sâu vào các vùng đồng bào các tôn giáo như Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc, bức hàng nhiều đồn bốt địch. Ở các vùng nông thôn Nam Bộ, hàng trăm chi khu, phân chi khu quân sự, hàng ngàn đồn bốt của địch tan rã, đầu hàng trước làn sóng tiến công và nổi dậy của quân và dân các địa phương... Cả vùng châu thổ sông Tiền, sông Hậu được giải phóng.

Tại Côn Sơn, ngày 30 tháng 4 và ngày 1 tháng 5 năm 1975, những người cách mạng bị địch giam cầm ở đây đã nổi dậy phá nhà lao, giải phóng đảo. Các lực lượng tại chỗ ở Phú Quốc kết hợp với anh em tù chính trị trong các trại giam tiến công và nổi dậy giải phóng đảo trước khi lực lượng ta từ đất liền ra tới nơi. Cho đến ngày 2 tháng 5 năm 1975, trên toàn miền Nam đã sạch bóng quân thù.

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta toàn thắng.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là kết quả rực rỡ của việc thực hiện ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh, kết hợp với các mũi tiến công quân sự, chính trị, binh vận sôi nổi của quân và dân miền Nam ngay từ đầu và trong cả quá trình Tổng tiến công và nổi dậy. Còn phải kể đến hai mũi tiến công ngoài kế hoạch: Đó là sự hình thành và chiến đấu dũng mãnh, thần tốc của cánh quân phía đông, thúc đẩy tình hình chiến trường phát triển mau lẹ, kịp thời tăng cường lực lượng cho trận chiến đấu quyết định diệt địch ở sào huyệt cuối cùng. Đó là mũi tiến công sắc bén trên vùng lãnh hải, nhanh chóng giải phóng quần đảo Trường Sa và các đảo ven biển hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Ở đây, các đòn tiến công

quân sự mạnh mang ý nghĩa quyết định. Các cuộc nổi dậy của nhân dân sôi nổi, rộng khắp, muôn hình muôn vẻ là đòn chiến lược hết sức lợi hại, tiến công địch khắp nơi, làm cho thắng lợi đến nhanh.

Một sự trùng hợp lịch sử thú vị đã diễn ra: Hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc trong thế kỷ XX cùng kết thúc bằng cuộc chiến đấu 55 ngày đêm. Nếu như ở Điện Biên Phủ, 55 ngày đêm là thời gian cần thiết cho một trận tiền công dài ngày vào một tập đoàn cứ điểm kiên cố theo phương châm: “đánh chắc tiến chắc”, thì 55 ngày đêm Tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam lại là bước kết thúc chiến tranh không ngừng rút ngắn, khẩn trương, “thần tốc”, nhanh đến không ngờ! Dù ngắn hay dài, thời gian vẫn là lực lượng. Chiều ngày 1 tháng 5, tôi tranh thủ thăm Cục Tác chiến, cơ quan trực tiếp phục vụ chỉ huy quân sự, trong không khí tung bừng, phấn khởi. Hầu như tất cả mọi người trong cơ quan đều có mặt. Một tràng pháo dài nổ vang chào mừng tin toàn thắng. Tôi hỏi thăm các anh Hoàng Văn Thái, vì bận không đến dự, ôm hôn anh Cao Văn Khánh, các cán bộ tham mưu, các nhân viên mật mã, đánh máy, thông tin... Tôi hỏi: Qua 30 năm lãnh đạo, chỉ huy quân đội, lần này tôi thấy công tác tham mưu có tiến bộ vượt bậc. Từ kế hoạch tác chiến đến nắm địch, nắm ta, truyền đạt mệnh lệnh... đều chính xác, kịp thời. Xin cảm ơn tất cả các đồng chí. Tiếp đó, tôi sang thăm Cục Tuyên huấn, cơ quan giúp Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh trong công tác lãnh đạo, động viên, giáo dục tư tưởng cho bộ đội và tuyên truyền, báo chí. Anh Lê Quang Đạo, thay mặt Tổng cục Chính trị và toàn cơ quan tuyên huấn đón tiếp rất nồng nhiệt. Ở đây, sau khi khen ngợi những kết quả thu được trên mặt trận tư tưởng và dư luận, tôi nhắc lại tinh thần lời dạy của Bác Hồ: Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là một bước trên con đường vạn dặm của cách mạng, tuyệt đối không được tự mãn, chủ quan.

Vì thời gian có hạn, tôi chỉ thăm được hai cơ quan giúp việc thường xuyên cho Bộ Tổng tư lệnh và Quân ủy Trung ương. Công việc chuẩn bị cho cuộc họp Quân ủy và cuộc họp của Bộ Chính trị trong các ngày tiếp theo không cho phép đi nhiều. Trong thâm tâm, tôi muốn đến thăm tất cả các cơ quan Tổng hành dinh, vì trong chiến công tập thể vĩ đại này, tổ chức nào, cá nhân nào cũng có góp phần đóng góp. Tôi muốn ôm tất cả các đồng chí vào lòng.

Mấy ngày sau, tôi cùng anh Ba vào thăm miền Nam hoàn toàn giải phóng. Quên sao được niềm vui mừng phấn khởi khi đặt chân trở lại trên thành phố mang tên Bác, xúc cảm trước cảnh hân hoan mừng chiến thắng của đồng bào, đồng chí trên phố phường còn nguyên vẹn, tưởng như được đón Bác trở về từ nơi Người đã ra đi.

Chúng tôi về thăm các cơ sở cách mạng ở Sài Gòn, Biên Hòa, Cần Thơ, Rạch Giá... những chiếc nôi đã nuôi dưỡng, chở che cho bao cán bộ kiên trung đi làm cách mạng không hện có ngày về. Vui mừng, xúc động, anh Ba giới thiệu các ba, các má đã nuôi anh những ngày hoạt động bí mật trong lòng địch. Trước cảnh cũ người xưa, tôi bồi hồi nhớ lại những lần vào Nam thực hiện các nhiệm vụ cách mạng được giao. Năm 1929, với tư cách phái viên của Tổng bộ Tân Việt và nhóm

cộng sản trong Tân Việt, tôi đến Sài Gòn với nhiệm vụ chuyển Kỳ bộ Tân Việt sang hàng ngũ cộng sản. Sau đó, năm 1935, tôi lại gặp nhóm đảng viên hoạt động nửa công khai, nhận tài liệu của Đông Dương Đại hội mang ra Hà Nội. Tìm đến các cơ sở cũ thì hầu hết đã không còn nữa. Nhiều ân nhân của cách mạng không còn được thấy ngày khai hoàn của dân tộc.

Tiếp đó, tôi đến thăm các binh đoàn chủ lực, các đơn vị đặc công, biệt động, các đơn vị bộ đội địa phương. Những “anh bộ đội Cụ Hồ” vừa làm nên kỳ tích, nhưng hết sức giản dị, thân tình. Tôi khen ngợi chiến công của cán bộ, chiến sĩ, lòng bù ngùi thương tiếc bao đồng chí, đồng đội vừa ngã xuống để Tổ quốc trường tồn.

Tôi cũng đã đến quan sát Bộ Tổng tham mưu quân đội nguy. Tại phòng làm việc của tổng tham mưu trưởng, tôi chú ý đến tờ lịch ngày 28 tháng 4 còn bóc dở. Trong phòng triển lãm vũ khí, nhiều loại vũ khí trang bị hiện đại đều được trưng bày. Trên một tấm bản đồ Đông Dương chỉ chít những dấu chấm xanh, đỏ, đánh dấu những nơi mà vũ khí, trang bị điện tử phát hiện các căn cứ của ta, nhất là trên đường vận chuyển chiến lược Trường Sơn. Cảm tưởng sâu sắc nhất của tôi là: vũ khí kỹ thuật Mỹ dù hiện đại đến đâu cũng không thể cứu kẻ thù khỏi thất bại. Quyết định thắng lợi là con người Việt Nam yêu nước, dũng cảm, thông minh.

HỒI ỨC CỦA ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

(Trích)

XIV

TÁO BẠO, BẤT NGỜ, CHẮC THẮNG

Những ngày còn ở Tây Nguyên, khi được biết Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm đánh vào Sài Gòn trước mùa mưa với tư tưởng chi đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, chúng tôi bắt đầu suy nghĩ về cách đánh Sài Gòn. Lúc đó tuy chưa nắm được tình hình cụ thể về địch, về địa hình, về tổ chức và phong trào cách mạng trong thành phố nhưng trên cơ sở nhiệm vụ đã biết, những vấn đề cần thiết đã sơ bộ chuẩn bị những kinh nghiệm đã được rút ra, trước sự rối loạn chiến lược và suy sụp tinh thần của địch, chúng tôi cố hình dung ra một cách đánh có thể tựa như cách đánh Buôn Ma Thuột không, nhưng chắc chắn trong điều kiện mới tình hình sẽ phức tạp hơn, quy mô chiến dịch sẽ lớn hơn đòi hỏi một trình độ tổ chức cao hơn. Do vai trò quyết định của chiến dịch đối với cuộc chiến tranh cách mạng, do sự thay đổi về so sánh lực lượng giữa ta và địch, do những yếu tố mới nảy ra cho nên công tác chuẩn bị sẽ phải làm nhiều mặt và vô cùng khẩn trương, nhất là công tác tổ chức chỉ huy, tổ chức hiệp đồng mọi lực lượng tham gia tiến công phải thật chặt chẽ thì mới bảo đảm chắc thắng. Tất nhiên lần này đánh vào Sài Gòn không phải cứ rập khuôn máy móc mà nghệ thuật phải phát triển hơn, sáng tạo hơn. Nhưng sáng tạo như thế nào, phát triển như thế nào, tổ chức ra làm sao thì còn phải căn cứ vào nhiều mặt cụ thể của tình hình mới quyết định được.

Những câu hỏi đó, những suy nghĩ đó, những tìm tòi đó bắt đầu dính chặt vào đầu óc chúng tôi, nhất là từ hôm có tấm bản đồ Sài Gòn lấy được ở kho bản đồ của địch ở Buôn Ma Thuột.

Nhớ lại những báo cáo hàng tuần, hàng tháng của Bộ Tư lệnh Miền và các thành ủy Sài Gòn trước đây nói về tình hình quân sự, chính trị, kinh tế, tình hình đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đòi dân sinh, dân chủ, đòi hòa bình thống nhất, v.v... nhớ lại những báo cáo của đơn vị đã đánh vào Sài Gòn 1968 và mới biết đây đồng chí thượng tá Vũ Long, cán bộ của Bộ tham mưu Miền, ra Tây Nguyên báo cáo cho biết kế hoạch chiến dịch Xuân hè của Bộ chỉ huy Miền, chúng tôi càng có thêm những cơ sở hiểu biết cần thiết về Sài Gòn để tiếp tục dựng dần trong đầu một kế hoạch giải phóng Sài Gòn.

Trên đường vào B.2, ngồi trên xe, suy nghĩ về cách đánh, gặp một vấn đề gì chưa nhớ ra, tôi bất chợt hỏi luôn đồng chí Hoàng Dũng, ví dụ về các con sông quanh Sài Gòn rộng, sâu như thế nào, số dân đến nay đã lên đến 4 triệu chưa, sư đoàn 25 ngụy do tên tướng ngụy nào chỉ huy và nhắc điện cho Khu 6 cho ngay người đến Nha địa dự Đà Lạt lấy bản đồ Sài Gòn gửi nhanh nhất vào B.2 cho Đoàn A.75.

Vào đến B.2, sau 3 ngày nghe Bộ tham mưu Miền báo cáo khá cụ thể về tình hình các mặt của Sài Gòn, của quân khu 3 ngụy và nhất là sau thời gian dự họp với Trung ương Cục và Quân ủy Miền, nghe các đồng chí phân tích toàn diện, sâu sắc những đặc điểm của Sài Gòn, chúng tôi có thêm những căn cứ vững chắc hơn để bàn định kế hoạch tổng công kích.

Trong những lúc thảo luận chung với các đồng chí trong bộ chỉ huy và cán bộ phụ trách các ngành ở phòng họp cũng như những lúc làm việc một mình, hoặc trước khi ngủ, khi thức giấc trong đêm, v.v... địa hình Sài Gòn - Gia Định luôn luôn hiện lên trong đầu óc chúng tôi. Hình ảnh Sài Gòn - Gia Định với những hệ thống đường sá, sông ngòi, kênh rạch, cầu cống, kho tàng, vị trí các cơ quan quân sự và dân sự của ngụy quân, ngụy quyền in dấu, in dần vào trí nhớ. Tôi và nhiều đồng chí trong sở chỉ huy từ trước đến nay chưa đặt chân đến Sài Gòn lần nào. Nhưng qua một thời gian nghe nhiều, nhìn nhiều, và sau nhiều ngày “dán mắt” vào các tấm bản đồ Sài Gòn - Gia Định, trong đó có cả những tấm in để bán cho những khách du lịch, chúng tôi đã thuộc được tên nhiều đường phố, tên các cầu, các khu nhà nhiều tầng, kho tàng, bến cảng, bến cảng, tuy chưa biết được cảnh trí, màu sắc, đường nét, kiến trúc cụ thể nhưng lại nhớ được cự ly, chiều rộng, diện tích, v.v... của những nơi đó. Chúng tôi đã có thể nói chuyện và làm việc với nhau về tình hình Sài Gòn mà không phải trải bản đồ như lúc mới đến B.2 nữa.

Khi nghiên cứu hệ thống bố trí phòng ngự của địch ở vùng Sài Gòn trên bản đồ, kết hợp với báo cáo hàng ngày của các đồng chí tham mưu, quân báo, những sư đoàn bộ binh của địch như các sư đoàn 5, 25, 7, 18, và 22 (sư đoàn này vừa mới khôi phục sau trận đại bại ở Bình Định) các lữ dù, lữ 468 thủy quân lục chiến, lữ 3 kỵ binh thiết giáp, các vị trí của bộ tổng tham mưu ngụy, biệt khu thủ đô, sân bay Tân Sơn Nhất, v.v... tuy chỉ là những ký hiệu màu xanh, màu đen ghi trên bản đồ cứ ám ảnh trong đầu, dần dần hiện rõ và hình dung được cả hình thù, trạng thái tinh thần của địch, hiểu được cả tiểu sử và cá tính của những tướng, tá ngụy chỉ huy những đơn vị đó.

Thảo luận và quyết định kế hoạch đánh Sài Gòn là một quá trình lao động trí óc căng thẳng của Bộ chỉ huy chiến dịch vì thời gian còn quá ít, tình hình chuyển động nhanh quá, có rất nhiều vấn đề không chỉ đơn thuần là quân sự mà có quan hệ đến nhiều mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tâm lý v.v... cần được suy nghĩ kỹ càng, cân nhắc, tính toán thật đầy đủ.

Hai vấn đề nổi bật nhất của toàn bộ kế hoạch đánh Sài Gòn là cách đánh và mục tiêu phải đánh. Các đồng chí trong Bộ Chính trị cũng điện cho chúng tôi về những vấn đề đó và chúng tôi ở cạnh Sài Gòn chịu trách nhiệm trước Bộ chính trị Trung ương Đảng, cũng ngày đêm suy nghĩ về hai vấn đề đó.

Chúng tôi biết rằng Sài Gòn - Gia Định có hơn ba triệu rưỡi đồng bào đang nghẹt thở dưới chế độ tàn bạo của Mỹ - Thiệu mong chờ ngày giải phóng. Không nhiều thì ít đồng bào chịu ảnh hưởng của cuộc sống dưới chế độ thực dân kiểu mới. Không nhiều thì ít đồng bào có người thân của mình trong hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền, đang lo lắng, đang có nhiều tâm tư trước thời cuộc, đang suy nghĩ rất nhiều cho số phận của mình và người thân trước sự lung lay, tan rã của

chế độ Mỹ, nguy. Và cũng do bị Mỹ, nguy tuyên truyền, xuyên tạc, lừa bịp, che giấu, nhiều đồng bào chưa phân biệt được đúng sai, lo lắng về tính mạng của chính mình và gia đình, chưa hiểu rõ cách mạng và các chính sách đúng đắn của cách mạng mà bọn đầu sỏ Mỹ, nguy ra sức xuyên tạc trong những ngày tàn của chế độ chúng với những luận điệu về “tắm máu”, “trả thù”, “khổ sai”, “tấy não”.

Đánh vào Sài Gòn như thế nào cho nhanh, chắc thắng, làm sụp đổ cả chế độ phản động, đập tan cả hệ thống tổ chức nguy quân, nguy quyền từ trung ương đến tận cơ sở, phá tan cái bộ máy chiến tranh, với bản chất phản động hiếu chiến, ngoan cố của bè lũ tay sai, dè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Nhưng lại phải đánh vào Sài Gòn như thế nào để thành phố ít bị tàn phá nhất, giải phóng được mấy triệu đồng bào mà không dẫn tới chỗ làm cho đồng bào bị thiệt hại nhiều về tính mạng, mất mát nhiều tài sản và cuộc sống mau trở lại bình thường.

Còn một vấn đề nữa là mấy trăm nghìn binh lính nguy đều là người Việt Nam. Họ là những thanh niên, học sinh, những công nhân, nông dân, thợ thủ công, phần lớn là con em các gia đình lao động. Họ có gia đình, có cuộc sống, nhưng do bọn đầu sỏ phản động lừa bịp, cưỡng bức mà đại đa số bị dồn vào con đường cầm súng chống lại đồng bào, chống lại cách mạng. Họ đang muốn có hòa bình. Đang muốn thoát khỏi cảnh làm lính đánh thuê, chết mướn. Họ đang muốn về với gia đình, đoàn tụ với người thân, tiếp tục học hành và sản xuất.

Lúc còn sống, Bác Hồ đã nói: “Nguy binh cũng là con dân nước Việt Nam, nhưng vì đại mà đi lầm đường, cho nên chính phủ và tôi sẵn sàng tha thứ những người sớm biết lỗi và quay về với đại gia đình kháng chiến”.

Vậy đánh thế nào để một đội quân nguy to lớn ấy phải tan rã về mặt tổ chức, suy sụp về mặt tinh thần, không còn khả năng chống lại cách mạng theo lệnh bọn đầu sỏ ngoan cố. Phải kiên quyết tiêu diệt một cách không thương tiếc bọn đầu sỏ ngoan cố, có ý thức chống lại cách mạng đến cùng. Nhưng, với số đông quân chúng binh sĩ nguy, ta lại mở cho họ con đường sống, không tiêu diệt sinh mạng họ một khi họ đã buông súng đầu hàng, thoát khỏi sự kìm kẹp của bọn đầu sỏ tay sai Mỹ. Chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng họ sẽ nhận thức được chính nghĩa, tiếp thụ được sự giáo dục của Đảng và chính quyền cách mạng, và mấy trăm nghìn người lính đó lại trở về quê hương, gia đình, trở lại làm người công dân của nước Việt Nam độc lập, thống nhất, góp phần lao động của họ vào công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh, bảo đảm cho họ và gia đình họ hạnh phúc riêng.

Lực lượng của ta trong cuộc tổng công kích vào Sài Gòn - Gia Định lần này không có sức mạnh nào ngăn cản nổi. Đánh vào Sài Gòn - Gia Định lần này ta sử dụng 5 quân đoàn chủ lực, tinh nhuệ với mấy trăm nghìn quân chưa kể các lực lượng dự bị chiến lược khác, các lực lượng địa phương của Nam Bộ đã lớn mạnh hơn bao giờ hết, chưa kể các sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn thuộc các quân chủng và binh chủng với nhiều vũ khí hiện đại và trình độ kỹ thuật, chiến thuật thành thạo, với mấy nghìn khẩu pháo và súng cối các cỡ, hàng nghìn khẩu pháo và

súng máy cao xạ, hàng trăm xe tăng, xe bọc thép, với hàng chục nghìn tấn đạn pháo, cối. Đó là chưa tính đến số lượng lớn bom và tên lửa của bộ đội phòng không và không quân, và các loại vũ khí của bộ đội hải quân tham gia chiến dịch. Cán bộ và chiến sĩ ta, những người con yêu quý nhất của nhân dân, thân yêu nhất của từng gia đình, đã trải qua hàng trăm trận chiến đấu trước đây, không khó khăn nguy hiểm nào làm chùn bước, nay trong chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ kính yêu, một chiến dịch mà các đồng chí chúng ta đều nhận thức là sẽ kết thúc đấu tranh để trở về với cuộc sống độc lập, tự do, hòa bình, xây dựng đất nước. Tất cả từ trên xuống dưới đều sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ vinh quang này không tính toán, do dự, sẵn sàng hy sinh thân mình cho sự nghiệp cách mạng, cho ngày toàn thắng của dân tộc.

Với sức mạnh tinh thần đó và khả năng vật chất đó, cần phải chọn phương hướng và mục tiêu nào để mau chóng đánh ngã địch, sử dụng lực lượng thế nào cho thích hợp, cách đánh, tổ chức chỉ huy, tổ chức hiệp đồng ra sao, tổ chức các mặt bảo đảm thế để phát huy đầy đủ nhất sức mạnh tổng hợp, hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất của ta trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh mà lại giành được thắng lợi nhanh chóng và to lớn nhất.

Chọn cách đánh, xác định các mục tiêu còn liên quan đến cả vấn đề thời cơ và thời gian để bắt đầu tiến công và thời gian kết thúc chiến dịch. Nếu cách đánh không bất ngờ, không táo bạo, không thích hợp thì thời gian sẽ kéo dài, thế trận giằng co, mùa mưa sẽ đến. Và như chúng tôi đã nắm được thì những con rối chính trị của Mỹ - nguy, trong nước và trên thế giới, sẽ xúi giục, dàn xếp, thọc gậy bánh xe, "mở đường cho hươu chạy", "móc ngoặc" bằng đô la hoặc ngòi thứ, sẽ đưa ra một giải pháp nào đây để cứu vớt cho chế độ của tập đoàn phản động Nguyễn Văn Thiệu do Mỹ dựng lên đang lung lay đến tận gốc rễ. Nhưng với cách đánh thích hợp nhất, chuẩn bị đầy đủ nhất, thì một khi đã phát động tổng công kích sẽ là liên tục, dồn dập và kết thúc thắng lợi nhanh nhất, không những phù hợp về thời cơ quân sự mà cả về thời điểm chính trị, ngoại giao cũng ăn khớp, nhịp nhàng.

Thật ra, đến trung tuần tháng 4, khi toàn bộ Tây Nguyên và miền Trung đã giải phóng, quân ta đã đánh vào Xuân Lộc và áp sát vào quanh Sài Gòn thì địch cũng đã phát hiện được một số sư đoàn chủ lực của ta mới vào và đang vào miền Đông Nam Bộ. Chúng cũng biết hướng tiến công của ta sẽ là Sài Gòn. Ngay cả một số phóng viên nước ngoài có mặt tại miền Nam Việt Nam trong những ngày đó cũng đã phán đoán - còn đúng hơn bộ tổng tham mưu Sài Gòn - về lực lượng và hướng tiến công của ta. Sự bất ngờ về hướng tiến công, bất ngờ về lực lượng tiến công tuy có giảm đi, nhưng ta sẽ tạo nên những bất ngờ khác, những bất ngờ quan trọng hơn: đó là *cách đánh và thời gian đánh*.

Các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, v.v... trong quá trình thảo luận về kế hoạch chiến dịch do đồng chí Lê Ngọc Hiền trình bày, đều có phân tích sâu sắc vấn đề nói trên, đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể và cân nhắc một cách toàn diện. Thật là một sự lao động trí óc tập thể hào

hứng nhưng cũng rất gian khổ, căng thẳng vì tình hình diễn biến rất khẩn trương, công tác chuẩn bị rất phức tạp, thời cơ xuất hiện rất nhanh.

Cả Sài Gòn - Gia Định, một thành phố rộng lớn nhất Việt Nam, quân nguy bố trí phòng ngự vòng trong vòng ngoài mấy trăm nghìn quân mà chúng tôi chỉ chọn có 5 mục tiêu lớn nhất để nhanh chóng đánh chiếm bằng được. Đó là bộ tổng tham mưu nguy, “dinh Độc Lập”, biệt khu thủ đô, tổng nha cảnh sát và sân bay Tân Sơn Nhất.

Những mục tiêu này là những cơ quan đầu não quan trọng nhất của nguy quân, nguy quyền Sài Gòn, là những bộ phận chính trong guồng máy chiến tranh và kìm kẹp nhân dân do Mỹ điều khiển, nơi tập trung đầy đủ nhất tính chất phản nước hại dân của bọn đầu sỏ tay sai Mỹ, nơi chúng bàn mưu tính kế tiếp tục chiến tranh, tiếp tục đàn áp quần chúng cách mạng yêu nước và tiến bộ, tiếp tục “chống cộng” đến cùng và tiếp tục phục vụ hết lòng âm mưu và chủ trương xâm lược Việt Nam bằng chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ. Tân Sơn Nhất là căn cứ lớn nhất cuối cùng liên lạc với bên ngoài bằng đường không của địch.

Đánh đúng vào 5 mục tiêu đó thì toàn bộ chế độ nguy sẽ rung chuyển. Đó là những cái “huyết trọng” nhất trong cơ chế đang suy nhược của chế độ Mỹ - Thiệu. Đập trúng 5 mục tiêu đó thì nguy quân, nguy quyền như rấn mất đầu, toàn bộ hệ thống phòng ngự và kìm kẹp còn lại sẽ tan rã, quần chúng sẽ nổi dậy, không một thế lực nào, không một “vi nhân” nào dựng lại nổi, với bất cứ âm mưu gì. Trận quyết chiến chiến lược sẽ mau kết thúc, Sài Gòn mau giải phóng.

Và chỉ có đánh vào đây thì hơn ba triệu rưỡi đồng bào Sài Gòn - Gia Định sẽ được bảo toàn tính mạng, tất cả các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ không bị đổ nát.

Đó là 5 mục tiêu ở sâu trong Sài Gòn được Bộ chỉ huy chiến dịch chọn lựa và quyết định đánh. Nhưng muốn chiếm được 5 mục tiêu đó thì phải đánh như thế nào khi địch đã có 5 sư đoàn bố trí ở vòng ngoài, đang đối diện trực tiếp với các binh đoàn chủ lực của ta và có sẵn kế hoạch lui dần, lui dần trên các tuyến phòng thủ để có cụm về Sài Gòn và “tử thủ” Sài Gòn.

Hồi đánh Buôn Ma Thuột, ta nghi binh thu hút chủ lực lớn của địch về phía Công Tum - Plâycu, ta cài thế chiến dịch cắt các con đường ứng cứu, để cho Buôn Ma Thuột sơ hở, cô lập, rồi là bảo an, dân vệ để bất ngờ đánh thẳng vào hai cơ quan đầu não của chúng ở sâu trong thị xã. Đánh xong bên ngoài ta mới tỏa ra diệt nốt những vị trí ở vòng ngoài.

Còn bây giờ đánh vào Sài Gòn, quân chủ lực mạnh của địch lại đứng ở vòng ngoài, chủ yếu là muốn ngăn chặn ta từ xa 30 đến 50 ki-lô-mét cách trung tâm thành phố khi ta tiến công, địch cả bên trong lẫn bên ngoài đều có sự chuẩn bị. Nếu ta bỏ qua các lực lượng địch bên ngoài, không đánh mà bất ngờ thọc thẳng ngay vào bên trong bằng binh lực lớn hiệp đồng binh chủng của ta thì khó trót lọt, hoặc có vào được thì 5 sư đoàn bộ binh nguy ấy kéo về ứng cứu, thế trận sẽ giằng co. Nhưng nếu ta tập trung lực lượng diệt xong 5 sư đoàn bộ binh của địch ở vòng ngoài rồi mới đánh vào 5 mục tiêu trong thành phố, thì nhất định sẽ kéo

dài thời gian. Do đó chắc chắn sẽ tổn thất xương máu, hao phí vật chất hơn và cũng khó tránh được sự thiệt hại về tính mạng và nhà cửa của đồng bào. Cho nên, nếu để các sư đoàn địch lui về được trong nội thành, phá các cầu lớn trên sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và các cầu khác, chiếm giữ các nhà cao tầng hoặc các khu phố đông dân mà cầm cự thì sự tàn phá, đổ nát, chết chóc sẽ khó tránh khỏi.

Muốn tạo được bất ngờ về cách đánh phải hết sức táo bạo. Có đồng chí nói một cách dễ nhớ là “có táo bạo mới tạo được bất ngờ”. Mà càng tạo được bất ngờ thì lại càng chắc thắng.

Táo bạo phải trên cơ sở tư tưởng cách mạng tích cực tiến công, trên sự phân tích và quyết định sự việc một cách thực sự khoa học, giải quyết đúng đắn mối quan hệ và những mâu thuẫn đã nảy sinh trong thực tế thì mới đem lại bất ngờ và chắc thắng.

Vì táo bạo, xét cho cùng cũng là sự nhiệt tình, lòng hăng hái quyết tâm cao, xốc tới bất chấp khó khăn và gian nguy.

Nhưng để tạo nên cái kết quả chắc thắng thì lại còn phải nắm vững và thúc đẩy quy luật khách quan phát triển có lợi cho ta, chỉ nhiệt tình thôi chưa đủ.

Nhưng hình thức, biện pháp chiến đấu, cách đánh của ta mang tính quy luật của chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Lịch sử cách mạng Việt Nam 45 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng là một lịch sử cực kỳ phong phú về các hình thức và phương pháp cách mạng, về cách đánh độc đáo không trận nào giống trận nào, không chiến dịch nào giống chiến dịch nào.

Trong những giờ phút sôi động này, thiên tài sáng tạo cách mạng của quần chúng nhân dân về hình thức, phương pháp cách mạng, về huy động các lực lượng, về cách đánh lại càng vô cùng phong phú.

Đây là một bước phát triển ở giai đoạn chín muồi cuối cùng trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nó kế thừa và phát triển những kinh nghiệm, truyền thống tốt đẹp của cho ông ta đánh giặc trước kia, của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và gần đây qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, qua nhiều năm chống Mỹ cứu nước. Nó cũng là kết quả hợp thành của tất cả các lực lượng, tất cả sức mạnh của cả nước được động viên vào trận chiến đấu cuối cùng ngay tại sào huyệt của địch, tạo nên một thế mạnh và lực áp đảo để đánh bại quân địch giành thắng lợi hoàn toàn trong trận quyết chiến chiến lược này.

Phải có cách đánh có hiệu lực nhất để phát huy được hết sức mạnh của tất cả các lực lượng. Tất nhiên đòn chủ yếu để kết thúc chiến tranh cách mạng phải là đòn quân sự.

Trước tình hình về địch, địa hình, nhiệm vụ, dựa vào ưu thế binh lực của ta bao gồm chất lượng, số lượng, tinh thần và chỉ huy, căn cứ vào yêu cầu của trận quyết chiến cuối cùng và về sự chuyển hóa mới về chất của tình hình khách quan, Bộ chỉ huy chiến dịch đã đi tới nhất trí về cách đánh của chiến dịch lịch sử này là: *dùng một bộ phận lực lượng thích hợp, trên từng hướng, đủ sức hình*

thành bao vây, chia cắt, chặn giữ quân địch lại và không cho chúng rút chạy về Sài Gòn, tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn bộ binh chủ lực của địch phòng thủ vòng ngoài, đồng thời dùng đại bộ phận lực lượng của ta nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn đột kích cơ giới hóa mạnh đã được tổ chức chặt chẽ, tiến nhanh theo các trục đường lớn đánh thẳng vào 5 mục tiêu đã được chọn lựa trong nội thành. Để phối hợp với các binh đoàn đột kích đó, tạo điều kiện cho các binh đoàn tiến nhanh vào đúng các mục tiêu, các lực lượng đặc công, các đội biệt động, các lực lượng an ninh vũ trang và tự vệ thành phố, các lực lượng chính trị của quần chúng Sài Gòn - Gia Định sẽ đánh chiếm trước các cầu qua sông, các bàn đạp cho bộ đội chủ lực tiến quân, dẫn đường cho các đơn vị, trừ gian và phát động quần chúng nổi dậy.

Toàn bộ hỏa lực pháo binh của chiến dịch sẽ được sử dụng tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự cần đánh chiếm như sân bay Tân Sơn Nhất hoặc khu vực bộ tổng tham mưu nguy. Không quân lúc cần sẽ được sử dụng để ném bom góp phần làm tê liệt nốt sân bay Tân Sơn Nhất. Tên lửa, pháo cao xạ triển khai thành một lưới lửa phòng không Sài Gòn không chế bầu trời, bảo vệ đội hình của chiến dịch.

Cách đánh như vậy rõ ràng là rất thích hợp. Ta không để cho địch ngăn chặn và làm chậm bước tiến của ta ở vòng ngoài và cũng không cho địch lui dần về Sài Gòn co cụm để cùng lực lượng bên trong tiếp tục chống cự. Ta tập trung sức mạnh để đánh vào các mục tiêu chủ yếu kết hợp với tiêu diệt địch ở vòng ngoài không để quân địch trong ngoài ứng cứu cho nhau, không cho địch lẫn vào trong các khu dân cư để phòng ngự, làm chết lây đồng bào. Và cái chính, cái quan trọng nhất, nhanh nhất, chắc chắn nhất của chiến dịch mang tên Bác Hồ là giải phóng Sài Gòn - Gia Định, đánh đổ nguy quyền trung ương, giải phóng hoàn toàn miền Nam, theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị là táo bạo, bất ngờ, chắc thắng để thực hiện lời Bác Hồ dạy là đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đi đôi với việc xác định kế hoạch tổng công kích giải phóng Sài Gòn - Gia Định, Bộ chỉ huy chiến dịch cũng xây dựng một kế hoạch nổi dậy của quần chúng để phối hợp chặt chẽ tiến công quân sự là lực lượng chính trị nổi dậy. Trong tình hình thực tế của Sài Gòn - Gia Định lúc bấy giờ, công tác chuẩn bị cho quần chúng nổi dậy phải tính toán thật kỹ lưỡng, tiến hành thật khẩn trương mà lại phải hết sức giữ bí mật, nhất là kế hoạch này phải phổ biến xuống tận phường khóm, đến các cơ sở chính trị, binh vận của ta trong thành phố. Chúng tôi biết rằng bộ máy kìm kẹp của nguy quyền Sài Gòn vô cùng độc ác, nham hiểm. Các tổ chức mật vụ, tình báo Mỹ - nguy trong nước và nước ngoài thuê tuyến hàng chục nghìn tên ác ôn, chỉ điểm bằng tiền của Mỹ, đội lốt đủ hạng người trà trộn vào trong nhiều ngành, nghề đang ngày đêm rình mò, bắt giam, đánh giết đồng bào yêu nước và tiến bộ của cả miền Nam nói chung và Sài Gòn - Gia Định nói riêng. Chưa kể hàng chục nghìn cảnh sát và cảnh sát dã chiến, quân cảnh trong

đó một số cũng vì tình thế, vì miếng cơm manh áo đang cầm súng, dùi cui thì hành lệnh của bọn ác ôn đầu sỏ, chống lại nhân dân, chống lại cách mạng.

Đồng bào Sài Gòn - Gia Định từ lâu sống trong hoàn cảnh ngặt nghèo và éo le đó đang suy nghĩ nhiều về những diễn biến dồn dập gần đây và những gì sắp xảy đến liên quan đến bản thân từng người, từng gia đình, liên quan đến hiện tại và tương lai, đến đời sống tinh thần và vật chất. Chúng tôi rất tin là, với truyền thống đấu tranh từ trước đến nay, với những uất ức, căm hờn Mỹ - Thiệu sẵn có, lại có thời cơ thuận tiện, có sự dìu dắt của những đồng bào chí cốt, những đồng chí trung kiên, đồng bào sẽ đứng dậy tham gia đấu tranh khi quân ta đánh vào Sài Gòn. Chưa kể đến mấy trăm nghìn đồng bào từ các tỉnh mới dồn về Sài Gòn gần đây, đang sống đợi chờ tình thế ngã ngũ để trở về với làng xóm quê hương đã được giải phóng.

Những bộ máy kìm kẹp và bộ máy chiến tranh tâm lý của Mỹ- ngụy vẫn còn đem hết sức tàn cường lấy chế độ đã rữa nát và trong những ngày này bọn đầu sỏ hiếu chiến phản động nhất cùng lũ tay chân ngoan cố vì quyền lợi giai cấp ích kỷ của chúng, có thể gây thêm nhiều tội ác hơn.

Chúng tôi phải tính đến khả năng thực tế mới đó mà hướng dẫn hình thức nổi dậy, thời điểm nổi dậy cho thích hợp để huy động lực lượng quần chúng xông ra đấu tranh trước mũi súng của quân địch, phối hợp chặt chẽ, kịp thời với cuộc tổng công kích để giành thắng lợi nhanh chóng cho chiến dịch và lấy tiến công quân sự làm đòn quyết định, đi trước một bước tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được phân công chỉ đạo công tác này, ngày đêm làm việc với thành ủy Sài Gòn - Gia Định, với các cơ quan có liên quan.

Công tác vận động binh sĩ và nhân viên ngụy quyền cũng được triển khai khẩn trương trước ngày nổ súng tổng công kích. Các đồng chí của ta có trách nhiệm về việc này trong Sài Gòn và vùng ven từ trước đến nay rất kiên trì, khôn khéo, chịu đựng gian khổ, trước tình hình mới này lại càng linh hoạt, khẩn trương và rất dũng cảm. Các đồng chí tiếp xúc với địch, chỉ đạo cho họ con đường tự cứu lấy gia đình đau khổ của họ, con đường đưa những người lầm đường lạc lối về với chính nghĩa, về với dân tộc. Một số đồng chí của ta đã bị địch bắt, giết chết, nhưng tinh thần hy sinh vì cách mạng của các đồng chí chúng ta đã thức tỉnh, cảm hóa được biết bao nhiêu người đang cầm súng cho địch. Nay họ đang chờ thời cơ. Vậy trong khi ta tổng công kích Sài Gòn, ta cần tạo điều kiện cho số đông binh sĩ, cảnh sát, nhân viên ngụy quyền đứng về phía cách mạng, phía nhân dân để đánh lại bọn đầu sỏ ngoan cố. Những chính sách của chính quyền cách mạng đối với tù binh, hàng binh cần được phổ biến gấp trước và trong khi tổng công kích.

Việc chuẩn bị tiếp quản thành phố Sài Gòn - Gia Định là một công tác toàn diện, đòi hỏi có nhiều lực lượng và triển khai gấp, Trung ương Cục phân công có đồng chí trực tiếp chỉ đạo việc này. Trung ương lại cử thêm đồng chí Nguyễn Văn Trân, Bí thư Trung ương Đảng, vào tăng cường và phái nhiều cán bộ, nhân viên kỹ thuật ở các Bộ, các ngành đi gấp vào kịp trước ngày Tổng công kích Sài Gòn - Gia Định. Công tác này không chỉ đơn thuần về mặt hành chính và kỹ thuật mà

kết hợp toàn diện cả quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội, đòi hỏi một sự lãnh đạo chặt chẽ, kịp thời, một sự giáo dục sâu rộng trong tất cả các lực lượng tiến vào thành phố. Một loạt chính sách của Đảng, chính quyền cách mạng đối với tôn giáo, tư sản, ngoại kiều, đối với ngụy quân và nhân viên ngụy quyền cần được kịp thời phổ biến trong các tầng lớp nhân dân.

Sau khi bàn bạc, thảo luận rất kỹ lưỡng, lại được Bộ Chính trị chỉ thị hướng dẫn và tăng cường thêm các cán bộ từ Trung ương vào, đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Phạm Hùng trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra công tác chuẩn bị tiếp quản thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Quân ủy Trung ương cùng cử đồng chí thiếu tướng Giáp Văn Cương, Phó Tổng tham mưu trưởng, dẫn một đoàn cán bộ và nhân viên kỹ thuật quân sự kịp vào gặp chúng tôi trước ngày bắt đầu tổng công kích để nhận nhiệm vụ tổ chức tiếp quản các cơ sở quân sự.

Trong những ngày này, các đồng chí Trần Văn Trà, Đồng Văn Cống, Lê Ngọc Hiền và tôi tập trung sức giải quyết vấn đề tổ chức hiệp đồng, thông qua các kế hoạch hành động và kế hoạch bảo đảm của các hướng, các quân khu, các binh đoàn, các quân chủng, binh chủng và tổ chức công tác kiểm tra. Sở chỉ huy chiến dịch thật là nhộn nhịp. “Khách” từ các nơi đến Sở chỉ huy để nhận nhiệm vụ, để báo cáo tình hình, để hợp đồng kế hoạch.

Đồng chí nào cũng muốn đóng góp được tốt nhất, nhiều nhất và kịp thời nhất phần mình và đơn vị mình vào thắng lợi của chiến dịch lịch sử, gặp khó khăn thì tìm cách khắc phục, biểu hiện một sự nhất trí cao về quyết tâm, tư tưởng và tác phong giữa trên và dưới, giữa các binh chủng, quân chủng. Khi gặp đồng chí Doãn Tuế và đồng chí thượng tá Nguyễn Tám, Trưởng phòng pháo binh Quân khu 7 để giao nhiệm vụ cho pháo binh, thấy trận địa pháo 130 mi-li-mét bắn vào Tân Sơn Nhất và các mục tiêu khác đã lựa chọn trong thành phố chưa được, các đồng chí có đưa ra một phương án là dùng một sư đoàn bộ binh đánh xuống Bình Dương, giải phóng trước một khu vực để đưa pháo tầm xa vào đây trước khi bắt đầu tổng công kích. Đánh vào thì chắc chắn là được, trận địa pháo chắc chắn sẽ phát huy tác dụng rất tốt. Nhưng nhìn thế trận chung và các yêu cầu của chiến dịch là táo bạo, bất ngờ, chắc thắng thì phải dành “hy sinh” cái táo bạo, bất ngờ của riêng pháo binh, mặc dù đề nghị đó rất hấp dẫn và cũng rất táo bạo.

Hôm kiểm tra việc bảo đảm cơ động cho các hướng, đồng chí Phan Khắc Hy, Phó tư lệnh Đoàn 559 cho chúng tôi biết, đã sửa xong các cầu bị địch phá trên các đường số 1 và số 20. Riêng cầu Nha Bích nằm trên đường số 14 từ Đồng Xoài đi Chợ Thành rất quan trọng đối với việc cơ động của các quân đoàn từ phía bắc tiến về Sài Gòn và đông Sài Gòn cũng như việc bảo đảm hậu cần của toàn chiến dịch. Lòng sông sâu, bờ rất đứng mà địch thì dùng không quân quyết phá, hiện chưa sửa xong, đang làm trở ngại lớn cho ta, cho nên chúng tôi tăng cường bộ đội cao xạ và đã giao nhiệm vụ cho đồng chí Phan Khắc Hy trực tiếp đi chỉ huy việc sửa chữa cây cầu này.

Chúng tôi cũng tính đến chuyện là địch đã có kế hoạch phá các cầu qua sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và các cầu khác khi ta tiến vào Sài Gòn. Vì vậy khi làm

việc với đồng chí thượng tá Trần Bá Tông, Chính ủy công binh của Miền, ngoài việc phải chuẩn bị để sửa chữa những cầu hỏng, bắc cầu tạm, dùng phà, chúng tôi đã tính đến việc huy động các tàu, thuyền, sà lan dọc các sông nói trên để đưa một phần bộ đội tiến theo dọc sông Sài Gòn hoặc đưa bộ đội và binh khí kỹ thuật sang sông. Các đồng chí trong Trung ương Cục, nhất là đồng chí Nguyễn Văn Xô, rất tích cực tham gia bảo đảm cho kế hoạch này.

Việc bố trí tên lửa phòng không trong chiến dịch Hồ Chí Minh là một cố gắng lớn của bộ đội phòng không. Các đơn vị tên lửa này có mặt hồi chiến dịch giải phóng Tây Nguyên nay đã nằm trong đội hình chiến dịch Hồ Chí Minh. Việc khắc phục vô vàn khó khăn để bảo đảm cơ động, bảo đảm kỹ thuật cho các đơn vị này đi theo đường Trường Sơn và được đến Nam Bộ đã là một thắng lợi. Sau khi làm việc với đồng chí Quang Hùng và đồng chí thượng tá Phạm Xã, Phó chính ủy cao xạ của Miền, trước khi bắt tay tạm biệt chúc thắng lợi, chúng tôi nói đùa là không quân địch sắp hết vốn liếng rồi mà cao xạ các loại của ta lại nhiều, đứng gần Sài Gòn hơn các đồng chí tên lửa rồi đó, phải nhanh tay, nhanh mắt không thì bộ đội tên lửa “Thất nghiệp” đấy.

Ngoài ra, hôm làm việc với đồng chí Trần Văn Danh (Ba Trần) về nhiệm vụ của bộ đội đặc công, chúng tôi có bàn thêm một kế hoạch khác đặc biệt là khi đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất sẽ cho một lực lượng nhanh chóng tiến về khu vực gọi là “trạm Đê-vít”, nơi phái đoàn quân sự của ta đang ở, phối hợp với các đồng chí trong đó và đưa các đồng chí ra.

Những ngày cuối cùng chuẩn bị cho cuộc tổng công kích rất khẩn trương và căng thẳng. Nhiều đoàn cán bộ đã xuống các hướng, các cánh, các quân chủng, các binh chủng để kiểm tra việc chuẩn bị các mặt. Cũng nhờ hệ thống thông tin của chiến dịch ngày càng ổn định và thông suốt, tinh thần phục vụ của cán bộ, chiến sĩ thông tin và cơ yếu rất tốt, cho nên chúng tôi nắm được kịp thời tình hình của các hướng và hàng ngày làm việc đều đặn với Hà Nội. Đồng chí đại tá Nguyễn Xuân Thăng, Tư lệnh kiêm Chính ủy thông tin của Miền đã cùng với đồng chí Hoàng Niên khẩn trương triển khai các mặt công tác thông tin.

Công tác hậu cần, khâu đầu tiên và cũng là khâu cuối cùng của tất cả mọi cuộc chiến đấu, mọi chiến dịch, thường được gọi là đi trước về sau, được đôn đốc nhiều nhất, được đòi hỏi gấp nhất và cũng được hậu phương miền Bắc đáp ứng đầy đủ nhất mọi yêu cầu. Các đồng chí phụ trách hậu cần của chiến dịch khi báo cáo là mọi việc chuẩn bị đã xong, vui vẻ nói:

“B.2 chưa lúc nào đông vui, giàu có như lúc này và cũng chưa lúc nào được vinh dự đón tiếp một “đoàn khách” mấy trăm nghìn người như thế này. Mà “khách” thì đi toàn xe hơi, máy bay, tàu thủy, mang theo đủ thứ, “chủ nhà” thật đỡ lo hơn trước nhiều”.

Các mẫu chuyện do các đồng chí mới ở Hà Nội vào kể làm cho chúng tôi hình dung được cả miền Bắc xã hội chủ nghĩa vừa xây dựng, vừa chiến đấu, tiếp tục khắc phục những hậu quả nặng nề do cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ tiến hành gần như liên tục từ 1965 đến hết năm 1972 gây ra, chỉ trong một thời gian

nấn, đã tổ chức, động viên ngay một khối lượng sức người, sức của to lớn cho tiền tuyến để đánh thắng.

Hội đồng chi viện chiến trường, từ ngày thành lập làm việc rất khẩn trương, không kể giờ giấc, giải quyết nhiều việc quan trọng và các đồng chí trong Bộ Chính trị, trong Ban Bí thư Trung ương Đảng thường xuyên đến góp ý kiến với hội đồng để đẩy mạnh công tác chi viện chiến trường. Chúng tôi biết, trong những ngày vừa qua, các đồng chí phụ trách cơ quan của Đảng và Nhà nước, các thành phố, các tỉnh ở miền Bắc làm việc suốt ngày đêm nhằm đáp ứng đầy đủ nhất, nhanh chóng nhất, ưu tiên nhất những yêu cầu của chiến dịch Hồ Chí Minh. Chúng tôi rất xúc động khi được tin đồng bào các dân tộc Tây Bắc và Việt Bắc đã đề nghị với Trung ương xin dừng kế hoạch vận chuyển gạo, muối về cho địa phương mình mà dành cả đoàn xe với các thứ hàng quý đó quay vào Nam Bộ cho kịp kế hoạch tổng công kích, hoặc nhiều công trường, nhà máy, cơ quan rút bớt đến 30-50 phần trăm số người trong biên chế để tham gia các mặt bảo đảm cho chiến dịch Hồ Chí Minh.

Quân và dân Khu 5 cũng hết lòng hết sức chi viện cho mặt trận Sài Gòn. Hội đồng chi viện tiền phương của Khu 5 được thành lập do đồng chí Võ Chí Công làm Chủ tịch. Đồng chí Võ Chí Công chỉ thị cho toàn khu “tất cả cho tiền tuyến Sài Gòn”, “tất cả để phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh”. Quân khu 5 còn tổ chức một bộ phận tiền phương gồm các đồng chí trung tướng Hoàng Minh Thảo, thiếu tướng Võ Thư, thiếu tướng Lư Giang, chuyên lo phục vụ cánh quân hướng đông và tây của chiến dịch, tập trung phần lớn lực lượng và phương tiện vật chất của quân khu và các tỉnh trong quân khu phục vụ các binh đoàn cơ động vào Mặt trận, đã huy động gần 2.000 lượt xe vận chuyển bộ đội và 4.000 tấn hàng cho mặt trận Sài Gòn.

Vùng mới giải phóng từ Trị Thiên đến Phan Thiết đang dần dần ổn định, nhân dân vừa được giải phóng cũng đang cố gắng góp công, góp của cho chiến dịch Hồ Chí Minh. Và các ngành y tế, nội thương, văn hóa, giáo dục, tuyên huấn... từ miền Bắc đã vào các vùng đó để giúp địa phương khắc phục những khó khăn về đời sống vật chất và tinh thần do địch để lại. Đặc biệt là nhiều lực lượng an ninh của miền Bắc với đồng chí Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn, đang trên đường số 1 vào Nam để tăng cường kịp thời, cùng với quân đội và lực lượng an ninh địa phương, làm tốt việc bảo vệ trật tự trị an, trấn áp những nhóm ngoan cố còn sót lại để không những bảo đảm cuộc sống yên lành cho nhân dân mà còn tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang an toàn tiến vào giải phóng Sài Gòn. Hậu phương lớn vừa được giải phóng ở miền Nam đã tăng thêm sức mạnh cho tiền tuyến.

Chúng tôi biết rõ những cố gắng và công lao to lớn của đồng bào, đồng chí hậu phương, đang làm việc với khí thế không phải một người làm việc bằng hai mà bằng nhiều hơn thế để thay thế chúng tôi được vinh dự phải đi trước ra mặt trận và chắc rằng rất nhiều đồng chí cũng muốn được ra tiền tuyến trong giờ phút lịch sử này.

Riêng đối với các đồng chí cán bộ, chiến sĩ và nhân viên ở cơ quan Bộ tổng tham mưu, do đã hơn hai chục năm làm việc bên nhau trong suốt hai cuộc chiến tranh, chúng tôi hình dung được rõ nét nhất sự bận rộn, căng thẳng tính chính xác, chu đáo trong công tác của các đồng chí, nhất là trong các Cục Tác chiến, quân báo, cơ yếu, Bộ Tư lệnh Thông tin, v.v... để theo dõi nắm tình hình, báo cáo kịp thời và đề đạt những ý kiến với Quân ủy Trung ương và Bộ Chính trị.

Dưới sự lãnh đạo, giáo dục và tổ chức của Đảng, cả một dân tộc anh hùng, cả một quân đội anh hùng như một guồng máy vĩ đại đang chuyển động nhịp nhàng với số vòng quay cao nhất, với công suất phát ra lớn nhất để trong một thời gian ngắn nhất, làm ra một sản phẩm cao đẹp của thời đại: *Chiến dịch Hồ Chí Minh*.

Bản sao lưu trữ

XV

GIỜ TÀN CỦA ĐỊCH

Trong quá trình cuộc tổng tiến công chiến lược, Đảng ta theo dõi rất sát sự suy yếu của địch, phát hiện kịp thời những biểu hiện tan rã của chúng để tích cực tạo thời cơ và kịp thời tận dụng thời cơ. Đánh đúng thời cơ thì lực lượng nhỏ cũng thành sức mạnh lớn, lực lượng lớn sẽ thành sức mạnh lớn hơn rất nhiều. Thời cơ chính là lực lượng và là sức mạnh.

So sánh lực lượng quân sự và tình thế chính trị chuyển biến đưa đến một bước ngoặt hoàn toàn bất lợi cho địch. Rốc-pheo-lơ, phó tổng thống Mỹ, ngay từ ngày 2 tháng 4 đã phải thú nhận: “đã quá muộn để có thể làm bất cứ việc gì nhằm lật ngược tình thế”. Nhưng ngoan cố và xảo quyệt vốn là bản chất của đế quốc Mỹ và bọn tay sai. Bọn cuồng chiến Mỹ - nguy vẫn còn cố sức bày mưu lập kế hòng cứu vãn tình hình, ngăn chặn “một trận Oa-téc-lô thứ hai” có thể chôn vùi uy danh của tên trùm số đế quốc Mỹ.

Thời gian càng trôi qua, chiến trường càng thu hẹp, quân lính, tướng tá địch thua trận, chạy trốn về Sài Gòn càng làm cho bọn còn lại hoảng hốt, lo sợ. Pho và Kít-xinh-giơ vừa lâm ly, thống thiết với bè lũ Thiệu: “Xin chia sẻ nỗi niềm không vui, tiếc hận cho những cuộc rút lui bất buộc”, vừa động viên hứa hẹn: “Mỹ sẽ đứng vững đằng sau Việt Nam cộng hòa”!

Pho và Kít-xinh-giơ ra sức thúc ép quốc hội Mỹ tăng khối lượng viện trợ khẩn cấp lên 722 triệu đô la, yêu cầu quyền sử dụng lực lượng quân sự gọi là để “di tản và bảo vệ di tản”.

Được quan thầy hà hơi cổ vũ, bè lũ Thiệu ra lệnh cố thủ phần đất còn lại kể từ Phan Rang trở vào. Đến ngày tận số, chúng còn nuôi ảo tưởng coi đế quốc Mỹ như ông chủ đáng tin cậy, sẵn sàng đưa tay ra dắt chúng bước khỏi vùng lầy. “Đại sứ” Mỹ Ma-tin như người thầy thuốc ngồi bên con bệnh nặng là Thiệu, giữ Thiệu sống trong cái ảo tưởng đó.

Nhưng quân nguy “chẳng có mấy thời gian để thực hiện kế hoạch tử thủ, cũng như ổn định đại phòng thủ cho một phần ba Nam Việt Nam còn lại”. Đó là những lời bàn tán trong nội bộ chúng. cuộc tổng tiến công chiến lược của ta phát triển rất nhanh về tốc độ, đang tiến tới đỉnh cao mới. Quân giải phóng Cam-pu-chia đã áp sát vào Phnôm Pênh. Lon Non bỏ cả Phnôm Pênh, chỉ kịp mang theo một tay nải chạy theo chủ Mỹ. Lầu Năm Góc mở cuộc hành quân “điều hậu” để rút lui. Giôn Đin, “đại sứ” Mỹ ở Phnôm Pênh cũng tranh lên một chiếc máy bay chạy sang Thái Lan, tay xách túi nhựa đựng lá cờ Mỹ vừa hạ ở xứ quán. Bọn cố vấn Mỹ và bọn tay sai đầu sỏ tranh nhau chạy khỏi Phnôm Pênh. Ngày 17 tháng 4, quân giải phóng tiến vào thành phố, bọn nguy Cam-pu-chia đầu hàng không

điều kiện. Mỹ tỏ ra hoàn toàn không còn khả năng tham chiến trở lại và cứu bọn ngụy tay sai. Không phải là do chúng thiếu lực lượng mà chính là do chúng thấy rằng, dù chúng có tung vào bao nhiêu vũ khí, dồ là, hoặc liều lĩnh dùng lực lượng quân sự trở lại xâm lược Campuchia và miền Nam Việt Nam thì cũng không sao đảo ngược được tình thế mà chỉ chuốc lấy thất bại lớn hơn. Dư luận thế giới cho rằng cuộc rút lui của Mỹ ở Campuchia là cuộc diễn tập của chúng để chuẩn bị rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Giải phóng Phnôm Pênh, giải phóng Campuchia là chiến thắng vĩ đại, là một bản anh hùng ca của quân và dân Campuchia. Sự kiện đó cho thấy thế suy yếu thảm hại của đế quốc Mỹ ở bán đảo Đông Dương. Điều đó báo trước sự thất bại hoàn toàn của chúng và bọn tay sai ở miền Nam Việt Nam. Ngụy quyền Sài Gòn nhìn vào tình hình Cam-pu-chia với nỗi lo sợ, hoang mang rờ rệt và mối nghi ngờ bọn chủ Mỹ.

Trong khi đó, tình hình cách mạng Lào đang phát triển tốt đẹp, càng cổ vũ cán bộ, chiến sĩ ta ngoài mặt trận. Bọn phản động cực hữu Lào bị nhân dân Lào ở nhiều nơi lên án và trừng trị. Quân chúng hướng về cách mạng, về Đảng nhân dân cách mạng Lào và mặt trận Lào yêu nước, đòi hỏi thành lập một chính quyền dân chủ nhân dân.

Mỹ - ngụy trong bước đường cùng, bề ngoài tiếp tục gào thét tử thủ, bên trong dao động hốt hoảng. “Dinh Độc Lập” của Thiệu trở thành một cứ điểm phòng thủ được tăng cường gấp ba lần so với trước đây, cứ 30 đến 40 mét lại có một lô cốt nhỏ, mũi súng liên thanh chia ra ngoài, ngay trước dinh một máy bay lên thẳng lúc trực sẵn sàng trên bãi cỏ, xe tăng bố trí dưới những rặng cây.

Trần Văn Đôn, bộ trưởng quốc phòng ngụy, trong báo cáo ngày 18 tháng 4, sau khi đi kiểm tra một số khu vực phòng thủ, đã bi đát nêu lên: “Quốc gia đang trong tình trạng nguy ngập thật sự. Sự sống còn chỉ có thể tính từng ngày, từng tuần, không thể tính từng tháng”.

Ma-tin “dại sứ” Mỹ ngày 19 tháng 4, cũng mật báo tình hình tuyệt vọng về Oa-sinh-tơn “Các đơn vị đối phương đang cùng lúc hội tụ về khu vực Sài Gòn từ mọi hướng với một lực lượng hậu bị to lớn hơn lực lượng chính phủ (ngụy quyền) rất nhiều, có khả năng bao vây thành phố và cô lập thành phố này trong vòng một hay hai tuần nữa. Mặc dù phía chính phủ! Có thể tăng viện một hoặc hai mặt trận bằng cách rút lực lượng từ khu vực Cần Thơ hoặc Mỹ Tho trong châu thổ, nhưng việc này cũng không thể làm gì hơn là kéo dài thêm sự tồn tại của Sài Gòn khoảng 1 tuần, bởi vì quân đối phương hầu như ngay tức khắc sẽ có khả năng loại trừ những lực lượng tăng cường này với lực lượng gấp bội của họ”.

Ở Đà Nẵng, Quy Nhơn Nha Trang... Mỹ từng chạy trước và chạy nhanh hơn ngụy, đến giờ phút đen tối này, quan thầy Mỹ lại càng nhanh chân phát huy “sở trường”. Chính quyền Phò - Kít-xinh-giơ mang trong đầu óc biết bao nhiêu tham vọng nhưng không thể tính toán khác được, vì có liều lĩnh cũng không cứu vãn được mà còn chui đầu trở lại con đường hầm không lối thoát và thất bại sẽ càng lớn hơn. Ba mươi sáu chước, chước “chuồn” là hơn.

Ngày 18 tháng 4, chính quyền Pho - Kít-xinh-giơ ra lệnh di tản gấp bọn Mỹ ở Sài Gòn và cử Đin Brao phụ trách lực lượng đặc nhiệm dưới quyền chỉ đạo của Pho - Kít-xinh-giơ để điều khiển di tản. Một lực lượng lớn không quân, hải quân Mỹ gồm 35 tàu chiến có bốn chiếc tàu sân bay, chiếm một phần ba tổng số loại đó của Mỹ, và hàng trăm máy bay các loại hoạt động nhộn nhịp trong một cuộc hành quân rút chạy hốt hoảng bắt đầu từ ngày 21 tháng 4. Trong cơn lốc kinh hoàng của cuộc di tản mà ngày cuối cùng được mệnh danh là cuộc hành quân “người liều mạng”, máy bay lên thẳng Mỹ nhào lộn rồi rít trên bầu trời Sài Gòn, đổ xuống sân thượng sứ quán Mỹ và một số sân thượng khác trong thành phố để bốc đi những người Mỹ đang chen chúc chờ trên nóc nhà. Binh sĩ ngụy tuyệt vọng trước cảnh Mỹ tháo chạy. Không còn những cuộc hành quân diễn võ dương oai để “tìm diệt”, chỉ còn cuộc hành quân “liều mạng” tháo chạy lịch sử của đế quốc Mỹ.

Trước khi cao chạy xa bay, Mỹ còn gây ra cho nhân dân ta biết bao thảm cảnh đầy máu và nước mắt. Chúng bắt cóc hàng nghìn trẻ em đưa về nước Mỹ và nước ngoài, với mục đích trước mắt nhằm gây xúc động dư luận, xin thêm viện trợ cho bọn ngụy Sài Gòn, về lâu dài định làm cho các em này quên Tổ quốc, chống lại Tổ quốc sau này. Những linh hồn bé bỏng, nạn nhân trò bịp lớn của Mỹ - ngụy, đã phải rời gia đình và Tổ quốc trong tiếng gào thét thảm thiết. Hàng trăm em đã chết khi một máy bay vừa rời sân bay bị hồng đám nhào xuống đất. Sự tàn bạo của đế quốc Mỹ chỉ làm chúng tôi ở chiến trường thêm căm phẫn và thêm quyết tâm đánh thắng nhanh nhất, gọn nhất.

Chúng di tản, tháo chạy, nhưng lại dùng chiến tranh tâm lý lừa bịp, xuyên tạc, khủng bố để còn lừa hàng chục nghìn người gọi là “tị nạn” theo chúng. Đây là những tội ác vô cùng thâm độc, rạch sâu vết thương phân ly trong biết bao gia đình. Cuộc di tản do Mỹ chủ trương nhằm mục đích: tuyên truyền rằng nhân dân không theo cách mạng, tận dụng “chất xám” cả một số trí thức và nhân viên kỹ thuật, sử dụng những người làm việc cho chúng vào âm mưu đen tối sau này. Đáng thương cho những con người bị lừa bịp và căm ghét thay những kẻ cố tình theo Mỹ quên hết mọi đạo lý của người Việt Nam, quên mất Tổ quốc của mình.

Báo tiền tuyến của quân đội ngụy nêu đầu đề suốt tám cột: “cộng hòa Việt Nam không bao giờ đầu hàng cộng sản”. Nhưng Uây-en ngày 21 tháng 4 đã than thở: “Tình hình quân sự là tuyệt vọng”. Và trong một bài diễn văn ở trường đại học Niu O-li-ân ngày 23 tháng 4, Pho đã ngậm ngùi nói: “chiến tranh đã kết thúc đối với người Mỹ, không thể giúp đỡ người Việt Nam được nữa, họ phải đương đầu với số phận nào đang đợi họ”.

Nội bộ quan thầy bi đát, rối ren; nội bộ bọn tay sai ở Sài Gòn cũng lâm vào khủng hoảng cực kỳ nghiêm trọng. Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ thường thực hiện chính sách dùng nhiều ngựa. Trong tình hình bình thường, chính sách này có tác dụng kiềm chế lẫn nhau giữa bọn tay sai, vừa tạo ra bộ mặt dân chủ giả hiệu lừa mị quần chúng, vừa che đậy sự thống trị của Mỹ. Song, trong cơn nguy khốn, chính sách này lại sinh ra phản tác dụng. Các tập đoàn tay sai không chỉ hoạt động theo chiều hướng câu kết để kêu gào “chống cộng” ngăn chặn thất bại,

mà còn biến thất bại thành một thứ vũ khí chống lại nhau, thanh toán lẫn nhau, tranh nhau làm “ngựa nòi” cho Mỹ, làm cho bộ máy ngụy quyền càng suy yếu. Trước sự bất lực của Thiệu, Trần Thiệu Khiêm vốn từ lâu mâu thuẫn với Thiệu, vận động “hội đồng tướng lĩnh” ra nghị quyết ép Thiệu từ chức. Nguyễn Cao Kỳ, tên tướng cao bồi, bị Thiệu gạt ra từ lâu, cũng nhảy ra với Cao Văn Viên định làm đảo chính lật Thiệu. Mâu thuẫn trong bọn cầm đầu tác động đến tinh thần tướng tá, binh lính ngụy vốn đang suy sụp, tan rã. Chúng bắt giết lẫn nhau, như tên trung tướng ngụy Nguyễn Văn Toàn - tư lệnh quân đoàn 3 ngụy bắn chết tên thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu, tư lệnh phó, và “không chấp nhận một mệnh lệnh nào khác ngoài mệnh lệnh di tản”.

Chúng tôi hết sức chú ý theo dõi sát tình hình địch, nhất là tin tức Mỹ di tản. Bộ Chính trị chỉ thị cho chúng tôi chuẩn bị khẩn trương, làm việc hết sức nhanh, đốc các cánh quân sửa soạn gấp, và nhắc chúng tôi chú ý sẵn sàng nắm thời cơ để hành động.

Đúng lúc các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng và tôi vừa họp xong để soát lại lần cuối cùng công tác chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh thì chiều 21 tháng 4 Nguyễn Văn Thiệu sụt sùi tuyên bố rút khỏi cái gọi là “Tổng thống Việt Nam cộng hòa”.

Thế là kết thúc cuộc đời chính trị xấu xa của một tên việt gian hết sức tội tệ làm tay sai cho Mỹ, đã gây biết bao tội ác đẫm máu đối với đồng bào ta trong cả nước. Hấn than thân trách phận và oán thầy, chửi tớ bằng một giọng lính tầy. Hấn tiếc nhất là không có đủ viện trợ, không có sự can thiệp của Mỹ để kéo dài chiến tranh và thách Mỹ có giỏi thì vào một lần nữa để đánh “Việt cộng”.

Thiệu đổ là sự tan vỡ một ảo tưởng của Mỹ mưu toan dùng tập đoàn Thiệu làm công cụ tiếp tục chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh”. Thiệu đổ không phải vì năm mèo, hấn cầm tinh con Chuột, cũng không phải do sét đánh đổ tảng đá nhọn như dao (núi Dao hay núi Đá Chồng ở Phan Rang) gần ngôi chùa lộng lẫy trên lưng chừng núi hấn đã dùng một tiểu đoàn công binh để xây dựng và một đại đội bảo an thường xuyên canh gác cho mẹ hấn ở đó “tu nhân tích đức”. Hấn đổ vì chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ hoàn toàn đi ngược lại với ý chí độc lập, tự do của nhân dân ta và thất bại hoàn toàn.

Mỹ đưa Trần Văn Hương, một tay sai đắc lực khác của Mỹ, lên thay Thiệu. chỗ khác nhau giữa Thiệu so với Hương chỉ là giữa một tên Việt gian quân phiệt tàn bạo với một tên Việt gian dân sự rất nham hiểm. Cả hai đều ngoan cố, tiếp tục chiến tranh, chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân. Chính quyền Hương chỉ là một chính quyền Thiệu không có Thiệu.

Ai cũng biết là Thiệu đã bị Mỹ vớt vào sọt rác nhưng phe Thiệu vẫn nắm quyền ở Sài Gòn, Thiệu vẫn còn ngồi ở Sài Gòn sau Hương để chỉ huy bọn đàn em. Bọn này động viên nhau: “Chuyện mười mấy sư đoàn Việt cộng bao vây Sài Gòn là con ngoáo ộp do phe đối lập bịa ra”, hoặc “làm gì có chuyện mười mấy sư đoàn Việt cộng đã vào tới Sài Gòn, mà dù có đi nữa, không quân ta cũng đủ sức san bằng tất cả. Hiện ta có lại bom CBU đủ sức diệt một lúc cả một sư đoàn”.

Một tay chân của Thiệu huênh hoang ở quốc hội bù nhìn: “nhứt quyết không trao quyền cho một chính phủ đầu hàng”.

Cho đến ngày 26 tháng 4, khi Thiệu và gia đình hắn đem 16 tấn vàng bạc, đô la, của cải vội vã chạy sang Đài Loan, bọn chúng mới tỉnh giấc mơ rồi chúng lục tục chạy theo Thiệu.

Nhiều tên ác ôn, tay sai Mỹ, nhiều kẻ có nợ máu với nhân dân thu vén của cải chạy. không quên mang theo những chứng chỉ, vản bằng, và huân chương do Mỹ cấp. Các chi nhánh ngân hàng ở Sài Gòn đông nghẹt người đòi rút tiền ra và trong 48 giờ đã rút tới 40 tỷ đồng, tức là khoảng 60 triệu đô la. Phần lớn các hãng hàng không quốc tế đã hủy bỏ các chuyến bay đến Sài Gòn. Tổng đài điện thoại Sài Gòn bị ứ nghẹt, do số người gọi nhau hỏi han về tình hình khá nhiều. Một số máy bay địch cất cánh bỏ chạy sang Thái Lan hoặc người lái tự ý lái về quê trốn.

Ma-tin, “đại sứ” Mỹ và những nhân vật ngoại giao phương Tây khác, hoạt động tấp nập ở hậu trường sân khấu chính trị Sài Gòn. Nhiều sức ép, kể cả của Mỹ đòi Trần Văn Hương từ chức, thay bằng một người “dễ tiếp xúc hơn mặt trận dân tộc giải phóng”. Hương chỉ muốn nhường ngôi cho người của phe Thiệu, và Hương cố bám ghế “tổng thống” để cho các đàn em đủ thời gian bán hộ chiếu chạy ra nước ngoài với giá rất cao và có thời giờ vun vén của cải. Chúng tôi biết rõ có một con bài mới ngấp nghé sau màn chờ ngày ra thay Hương. Nhiều hoạt động ngoại giao phức tạp rộ lên từ nhiều phía. Mỹ - ngụy dùng mọi thủ đoạn, kể cả những thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt, hòng chặn bước tiến quân của ta và hòng cứu chúng khỏi thất bại hoàn toàn.

Bọn CIA Mỹ ở Sài Gòn, như con rắn độc, luôn lách rình mò mới nhiều âm mưu quỷ quyệt, bắn tin “Hương làm tổng thống chỉ là tạm thời, sẵn sàng đi đến thỏa thuận, Mỹ chờ đợi sự đáp lại, v.v...”

Viên tướng Va-nuy-xem, thầy cũ của Thiệu và cũng là thầy của nhiều tên cai đội khổ đờ trước đây nay là tướng tá ngụy quân, vội vã từ Pháp đến Sài Gòn. Trong chiến tranh Đông Dương hắn chỉ huy binh đoàn cơ động số 3, thoát chết trong nhiều trận đánh. Hắn đến Sài Gòn làm thầy dùi cho bọn ngụy trong giờ phút nguy cấp nhất của chúng. Hắn tưởng có một “thời cơ” nào sắp đến với hắn. Toàn là một bọn người mê ngủ, ngu muội đến thế là cùng!

Tình hình diễn ra đúng như nhận định của Bộ chính trị ngay từ cuộc họp tháng 1 năm 1975. Mỹ đã suy yếu rõ rệt và không còn khả năng cứu vãn sự sụp đổ hoàn toàn của ngụy quyền Sài Gòn.

Tất cả những tin tức nhận được cho thấy Mỹ đang công khai xúc tiến việc di tản người Mỹ, bỏ bọn ngụy Nam Việt Nam như đã bỏ bọn ngụy Cam-phu-chia. Tình hình này làm rung động chiến lược của bọn ngụy quyền và buộc chúng phải có sự đối phó mới. Có thể chúng đã tính đến khả năng: một là co cụm lực lượng để giữ Sài Gòn; hai là giữ Sài Gòn không nổi thì co lực lượng về giữ quân khu 4.

Ta nhận được tin từ hàng ngũ địch cho biết chúng ráo riết chuẩn bị để có thể rút về cố thủ ở Cần Thơ (quân khu 4), nếu ta giải phóng Sài Gòn. Chúng cho

rằng ở Cần Thơ nhiều sông rạch, ta không thể sử dụng được xe tăng, xe bọc thép, pháo binh hạng nặng được, tiếp tế hậu cần khó khăn.

Ngày 21 tháng 4, tên tướng Oen-xơn, tùy viên quân sự Mỹ ở Sài Gòn cùng một số cố vấn không quân Mỹ về tận sân bay Bình Thủy cùng tên sư đoàn trưởng sư đoàn 4 không quân nguy hiểm cứu chỗ di tản cho máy bay ở Biên Hòa và Tân Sơn Nhất, tăng thêm thiết bị cho sân bay này nhằm sử dụng vào việc yểm trợ Sài Gòn trong trường hợp sân bay Biên Hòa bị tê liệt. Chúng còn dự kiến cả trường hợp phải di chuyển bộ tư lệnh không quân về Bình Thủy để phục vụ kế hoạch yểm trợ lâu dài khi phải rút về cố thủ ở Cần Thơ.

Nhưng chúng ta nhất định rằng, khi ta đã đánh đòn mạnh nhất, quyết định nhất, giải phóng Sài Gòn - Gia Định thì toàn bộ quân địch còn lại ở vùng đồng bằng sông Cửu Long sớm muộn cũng sẽ phải hạ vũ khí đầu hàng.

Sau những buổi giao ban ở sở chỉ huy trở về lán ngủ, thức dậy trong đêm, hoặc những lần nghe báo cáo một tin tức mới nhất về địch, nhiều ký ức, nhiều hình ảnh; nhiều sự việc lần lượt hiện về. Chúng tôi nhớ đến đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, hơn mười năm trước đây được Bác Hồ và Bộ Chính trị Trung ương Đảng cử vào Nam Bộ cùng với các đồng chí trong Trung ương Cục lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Lúc đó, trước nguy cơ thất bại trong cuộc “chiến tranh đặc biệt”, bọn tay sai Mỹ đang hoang mang dao động, đế quốc Mỹ một mặt ồ ạt đưa quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam, mặt khác tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ở miền Bắc. Để thực hiện tích cực chủ trương đó, Mỹ tìm những tên tay sai ngoan ngoãn, trung thành nhất. Một cuộc thay đầy tớ, thay ngựa giữa dòng liên tục xảy ra trong nội bộ tập đoàn tay sai của Mỹ ở miền Nam.

Đồng chí Nguyễn Chí Thanh ngày đêm lăn lộn trên chiến trường miền Nam, nhìn thấy rất rõ ràng, trực tiếp thế địch, thế ta, và suy nghĩ về cách đánh Mỹ.

Khi ra Hà Nội để báo cáo với Hồ Chủ tịch và Bộ chính trị về toàn bộ tình hình của miền Nam, đồng chí thay mặt toàn thể Đảng bộ miền Nam, toàn thể lực lượng vũ trang miền Nam, toàn thể đồng bào miền Nam, hứa với Bác, với Trung ương là quyết tâm đánh thắng cuộc “chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Với cái nhìn sâu sắc, sâu rộng, với lòng tin tưởng vô hạn của quần chúng cách mạng, về sự chi viện to lớn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng chí trình bày dự án kế hoạch chiến lược với Bộ chính trị.

Bản nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 của Trung ương Đảng - phần trong nước - cách đây 11 năm khẳng định rằng đế quốc Mỹ dù có đưa bao nhiêu quân vào Việt Nam, dù có tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo đến mức nào đi nữa, cuối cùng cũng thất bại.

Đến nói chuyện ở một lớp nghiên cứu nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 của Trung ương Đảng ở trường Nguyễn Ái Quốc hồi tháng 9 năm 1964, đồng chí phân tích:

“Ta thường nói: một con ngựa đau thì cả tàu ngựa không ăn cỏ. Đó là ngựa thật. Chứ bọn ngựa người trong miền Nam này, càng được chủ Mỹ cho ăn no bao nhiêu - ăn đồ la chứ không phải ăn cỏ - thì lại càng đá hăng bấy nhiêu. Để rồi các đồng chí xem, Mỹ mới vào chúng tranh nhau ăn mà đá nhau huỳnh huých - hàng chục cuộc đảo chính trong khoảng hơn một năm rồi đó. Sau này, khi ta đánh mạnh lên, đánh thẳng to lên thì chúng sẽ phi nước rút - nước rút lui ấy mà - thì không những chỉ ngựa đá nhau, cắn nhau, mà cả chủ ngựa và đoàn ngựa nòi của chúng lúc đó sẽ loạn xạ, hí hét om sòm, phá chuồng mà chạy, không phải chạy thi về đích - mà chạy trốn trước đòn trừng phạt của cách mạng”.

Những lúc làm việc với nhau, đồng chí thường tâm sự: “nguyện vọng của Bác Hồ cũng như ước vọng của đồng bào miền Nam là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, để Bác vào Nam gặp đồng bào, đồng chí, Bác đã mấy lần muốn đi, Bác đã chuẩn bị tập luyện đi bộ rồi đó. Nhưng Bộ chính trị Trung ương Đảng không muốn Bác đi trong lúc này. Vậy chúng mình phải làm sao đây, đánh thế nào đây cho thật tốt, thắng cho được đế quốc Mỹ thì mới làm Bác vui”.

*“Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
miền Nam mong Bác nỗi mong cha”*

Hôm nay Bác Hồ và đồng chí Nguyễn Chí Thanh không còn nữa.

Lòng ham muốn tốt cùng của Bác, lời tâm sự của đồng chí Nguyễn Chí Thanh, nguyện vọng của hơn 20 triệu đồng bào miền Nam giờ đây đang được thực hiện với một quyết tâm cao nhất.

Chúng tôi làm theo lời Bác và chúng tôi đi tiếp bước chân đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã đi trên những khu rừng Trị Thiên, Tây Nguyên, trên những đôn điền cao su Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Chơn Thành.

Khi hành quân vào Nam Bộ, chúng tôi mắc võng trên những rừng cây đồng chí từng nằm suy nghĩ cách đánh Mỹ, và chỉ mấy hôm nữa thôi, chúng tôi nhất định sẽ vào Sài Gòn, nơi năm 1911 Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, và nơi 11 năm trước đây đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã mặc bộ quần áo bà ba Nam Bộ, quần chiếc khăn rằn, đội nón lá, ngồi thuyền đến làm việc với các đồng chí thành ủy Sài Gòn, bên cạnh một căn cứ địch, chung quanh có cả một lưới dày cảnh sát, mật vụ.

Ngay từ những ngày đầu giáp mặt với đế quốc Mỹ, Đảng ta đánh giá đúng âm mưu, bản chất và khả năng của Mỹ, hạ quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ.

Đảng ta biết bắt đầu cuộc chiến tranh, một cuộc chiến tranh chính nghĩa, vì độc lập, tự do của Tổ quốc và nhân dân, vì hòa bình và chủ nghĩa xã hội cho mình và cho chung anh em bầu bạn. Chúng ta có niềm tin chắc thắng ngay trong lúc chúng ta còn nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Đảng ta biết tiến hành chiến tranh, biết giành thắng lợi từng bước, trước một kẻ thù giàu mạnh vào bậc nhất thế giới tư bản chủ nghĩa, biết động viên sức mạnh của toàn dân, dựa vào sức mạnh mình là chính, biết tranh thủ sự giúp đỡ của những lực lượng ghét Mỹ, chống Mỹ, ủng hộ, đồng tình với ta. Ta đi từ thắng

lợi này đến thắng lợi khác, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đi từ thất bại này đến thất bại khác.

Và đã đến lúc rồi, Đảng ta biết kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài, Mỹ đã cút, ngụy phải nhào. Tổ quốc ta sẽ hoàn toàn độc lập, tự do. Đất nước ta sẽ thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Nhân dân ta sẽ cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

Ngày 22 tháng 4, đồng chí Lê Duẩn thay mặt Bộ chính trị Trung ương Đảng điện cho chúng tôi.

“Thời cơ quân sự và chính trị để mở cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày, kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng, không để chậm. Nếu để chậm thì không có lợi cả về chính trị và quân sự. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn.

Các anh ra chỉ thị ngay cho các hướng hành động kịp thời, chú trọng kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Sự hiệp đồng giữa các hướng cũng như giữa tiến công và nổi dậy sẽ được thực hiện trong quá trình hành động. Hiện nay thời cơ thúc đẩy chúng ta phải có hành động nhanh nhất. Năm vững thời cơ lớn chúng ta nhất định toàn thắng”.

Ngày 22 tháng 4, Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lại lần cuối cùng kế hoạch chính thức của chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bản đồ quyết tâm chiến dịch mang nét vẽ màu đỏ tươi chỉ hướng tiến công của các binh đoàn vào Sài Gòn - Gia Định, được trải rộng ra trên địa bàn.

Với sự có mặt của đồng chí Lê Đức Thọ, Đại diện Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta tại mặt trận và các đồng chí khác trong Bộ chỉ huy tác chiến, đồng chí Phạm Hùng, Chính ủy và tôi, Tư lệnh chiến dịch cùng ký vào bản quyết tâm đó.

Chúng tôi vô cùng vinh dự được thay mặt cho tất cả các đồng bào và đồng chí thân yêu, thay mặt cho hàng trăm nghìn cán bộ, chiến sĩ trên mặt Sài Gòn - Gia Định này, và vô cùng vinh dự nhận lấy trách nhiệm mà Bộ Chính trị đã trực tiếp giao cho chúng tôi trong chiến dịch này.

Quyết tâm đó là quyết tâm của dân tộc Việt Nam anh hùng, của Đảng lao động Việt Nam vinh quang, của quân đội nhân dân Việt Nam bách chiến bách thắng. Quyết tâm đó định đoạt số phận tập đoàn phản động bán nước Nguyễn Văn Thiệu và bọn đế quốc xâm lược Mỹ.

Bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhất là từ khi có Đảng ta lãnh đạo, dân tộc Việt Nam có kinh nghiệm và có năng lực phân biệt rõ ràng hai hạng người đó và cũng đã có truyền thống và tài năng để đối phó, xử lý với hai hạng người đó.

Hạng người thứ nhất, bằng nhiều hình thức, nhiều mưu mô, nhiều sức mạnh, dù tàn ác đến thế nào đi nữa và dù với thời cơ nào đi nữa cũng không thể thắng được dân tộc Việt Nam. Đế quốc Mỹ giàu mạnh nhất, hiếu chiến nhất của thế giới tư bản chủ nghĩa ngày nay, hơn 20 năm qua, hết chủ trương này, học thuyết

no, leo hết nấc thang này đến nấc thang khác, đưa phần lớn lực lượng quân sự của bản thân nước Mỹ và kéo theo quân của các nước chư hầu, sau khi nếm đủ mùi thất bại, đã âm thầm cuốn cờ rút về nước với cái gọi là “hòa bình trong danh dự”. Xâm lược Việt Nam không được, Mỹ lại chịu một hậu quả to lớn, làm suy yếu nước Mỹ về mọi mặt trong một thời gian dài nữa.

Số phận của kẻ đi cướp nước đã được định đoạt rõ ràng. Thật là hẩm hiu, chua chát, đắng cay.

Hạng người thứ hai là những kẻ bán nước, những kẻ bán mình cho đồng đô la, bán linh hồn cho bọn ngoại bang. Ngày trước có Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống, v.v... và ngày nay có những Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ. Số phận của chúng lại càng ô nhục, xấu xa hơn. Có tên đã thay thầy đổi chủ đến ba lần, cuối cùng lại bị chính chủ giết. Có tên vì tranh nhau mưu đồ bá vương, tranh nhau đô la mà hất nhau, hại nhau. Cũng có những tên cực kì ngoan cố trước đòn trừng phạt của nhân dân cuối cùng phải đầu hàng hoặc chạy trốn.

Bọn chúng không có Tổ quốc, không phải vì Tổ quốc, không vì một lý tưởng gì mà chỉ vì đô la. Tất cả những gì chúng ta làm từ trước đến nay, đều là tội ác đối với dân tộc: rước Mỹ vào, dâng mảnh đất miền Nam yêu quý này cho Mỹ, đem mấy triệu thanh niên của ta làm bia đỡ đạn cho Mỹ, hiến dâng hàng chục nghìn chị em làm đồ chơi cho Mỹ, để di họa nhiều mặt xã hội miền Nam vốn có thuần phong mỹ tục, đầy tự hào về truyền thống dân tộc, đầy vinh quang về lịch sử và văn minh.

Tất cả những gì bọn chúng đã nói đều là lừa phỉnh, dối trá, mỉa dân, phản động.

Chúng là tội phạm chứ không phải là nạn nhân.

Giờ cáo chung của chế độ chúng đã diễn.

XVI TIẾN VÀO SÀI GÒN

Sau khi đã hoàn thành mọi công tác tổ chức hiệp đồng giữa các hướng, các quân chủng, binh chủng, chúng tôi sắp xếp lại Bộ chỉ huy chiến dịch thành hai bộ phận: tôi và đồng chí Trần Văn Trà đi với Sở chỉ huy tiền phương để xuống sát các hướng quan trọng, nắm trặc tình hình kịp thời và tiện chỉ huy; các đồng chí Lê Đức Thọ và Phạm Hùng ở lại Sở chỉ huy cơ bản để nắm toàn diện các vấn đề quân sự, chính trị, ngoại giao có liên quan đến chiến dịch và giải quyết những vấn đề chung của chiến trường B.2.

Lúc này một vấn đề còn làm cho chúng tôi băn khoăn là việc triển khai trận địa pháo ở Nhơn Trạch để khống chế sân bay Tân Sơn Nhất. Sân bay Biên Hòa thì đã bị trận địa pháo của ta ở Hiếu Liêm khống chế, địch phải di chuyển máy bay về sân bay Tân Sơn Nhất và sân bay Bình Thủy (ở Cần Thơ). Như vậy là ta đã rút ngắn tầm hoạt động của máy bay địch lùi về phía nam 150 kilômét nếu chúng cất cánh từ Bình Thủy. Nhưng tại sân bay Tân Sơn Nhất còn đang để đủ loại máy bay địch vận tải các loại đang nhận nhíp ra nước ngoài.

Trong mệnh lệnh gửi cho cánh quân phía đông đã ghi rõ. Ngày 27 hoặc chậm là ngày 28 tháng 4 phải chiếm được Nhơn Trạch để triển khai trận địa pháo 130 milimét bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất hơn 20 kilômét theo đường chim bay. Ta phải giải quyết được căn cứ Nước Trong, quận lỵ Long Thành mới có đường vào đánh chiếm quận lỵ Nhơn Trạch và kéo được pháo vào triển khai ở đó. Nếu thực hiện được đúng ý định này thì chẳng những làm tê liệt được sân bay mà còn khóa được sông Lòng Tàu. Nhưng, nếu có “trục trặc” gì, việc triển khai trận địa pháo bị chậm lại, sẽ có ảnh hưởng đến kế hoạch hiệp đồng chiến dịch.

Chiều ngày 25 tháng 4, sau khi nghe đồng chí đại tá Hoàng Ngọc Diệu, Phó tư lệnh bộ đội Phòng không - Không quân báo về tình hình tiếp quản các sân bay địch ở Thành Sơn (Phan Rang) trở ra, nhất là việc các chiến sĩ lái và thợ máy của ta ở căn cứ không quân Đà Nẵng, dưới sự chỉ huy của đồng chí thượng tá Trần Mạnh, Tham mưu phó quân chủng, trong một thời gian ngắn đã học xong cách lái và bảo quản máy bay A.37 lấy được của địch, chúng tôi quyết định: dùng máy bay của địch do anh em ta lái để đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất. Đây là hành động khống chế sân bay tích cực và chủ động nhất. Nó có tác dụng thúc đẩy sự rối loạn hơn nữa tinh thần vốn đã rối loạn của địch, không cho bọn đầu sỏ chúng dễ dàng chạy trốn, báo hiệu cho chúng biết không quân ta bắt đầu xuất trận thì bầu trời toàn miền Nam đã thuộc về ta. Và đây cũng là cách không cho địch mang đi những máy bay hiện có để ở sân bay Tân Sơn Nhất, mặt khác, cũng tạo thời cơ và điều kiện cho chiến sĩ không quân ta được tham gia trực tiếp

chiến dịch lịch sử này, từ đó có thêm kinh nghiệm cho việc huấn luyện, xây dựng và chiến đấu của không quân ta trong tương lai.

Trước đó, chúng tôi cũng đã gặp, nghe báo cáo kỹ tình hình không quân ta. Bàn vấn đề sử dụng ba sân bay lớn còn lại ở Nam Bộ sau giải phóng với đồng chí đại tá Đào Đình Luyện, Phó tư lệnh bộ đội phòng không - không quân kiêm Tư lệnh Không quân. Đồng thời đề ra nhiệm vụ cho binh chủng gấp rút chuẩn bị về tổ chức bảo đảm cho không quân của ta triển khai mau chóng vươn lên làm chủ vùng trời miền Nam, vùng trời cả nước bao gồm vùng trời trên hải phận và hệ thống các đảo ngoài khơi.

Vấn đề cho anh em lái của ta tập để có thể dùng máy bay lấy được của địch đã được đặt ra từ khi ta chiếm được một số máy bay và sân bay thuộc quân khu 2 và quân khu 1 của địch. Chúng tôi đã nhiều lần trao đổi ý kiến với Bộ Tổng tham mưu và các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân. Bộ Tổng tham mưu đã chỉ thị cho Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân về vấn đề này và được chấp hành rất khẩn trương.

Tôi hỏi đồng chí Hoàng Ngọc Diệu: “Thời gian để chuẩn bị rất gấp, phải đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất trong vài ba ngày tới, liệu có làm được không?”.

Đồng chí trả lời: “Chúng tôi xin kiên quyết chấp hành bằng được. Xin phép cho tôi lên đường ra Phan Rang ngay tối nay và đề nghị điện lệnh này cho đồng chí Lê Văn Tri, Tư lệnh quân chủng Phòng không - Không quân lúc này đang ở Hà Nội để cho chuyển ngay người lái, thợ máy và máy bay từ Đà Nẵng vào sân bay Thành Sơn”.

Những trận mưa đầu mùa ở miền Đông Nam Bộ đã bắt đầu, ngoài trời mưa gió mù mịt. Đồng chí Hoàng Ngọc Diệu đứng dậy chào tôi để đi. Bắt tay đồng chí, tôi dặn thêm: “Đồng chí phải khẩn trương, thật khẩn trương, chỉ còn ba ngày, nên đến ngày 28 tháng 4 không đánh được thì các đồng chí không còn thời cơ nữa đâu. Không quân chiến đấu của các đồng chí chỉ còn một ngày, chỉ còn một lần này để lập công thôi”.

Phải quy định ngày đánh cụ thể là vì, theo kế hoạch chiến dịch, ngày 28 tháng 4 pháo binh tầm xa của ta chắc chắn từ trận địa Nhơn Trạch sẽ bắn được vào Tân Sơn Nhất rồi cũng là ngày các hướng tấn công của ta đánh vào nội thành. Còn nếu đánh sớm hơn trước ngày 28 tháng 4 thì chắc là không thể chuẩn bị kịp.

Mờ sáng ngày 26 tháng 4, chúng tôi lên xe đi đến Sở chỉ huy tiền phương của chiến dịch đóng trong một căn cứ cũ của một đơn vị biệt động Sài Gòn, ở tây bắc Bến Cát. Chính từ căn cứ này các chiến sĩ biệt động ta trong nhiều năm đã tổ chức nhiều cuộc tiến công vào giữa Sài Gòn, làm cho Mỹ - ngụy thiệt hại nặng nề. Sở chỉ huy là một khu lán lợp lá sơ sài, gió thổi bốn bề và ngồi trong nhà, nhìn qua mái thấy những mảnh trời xanh. Hai hôm sau, ngày 28 tháng 4, các đồng chí Lê Đức Thọ và Phạm Hùng cùng tới sở chỉ huy tiền phương vì chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ chiều 26 tháng 4, tình hình rất khẩn trương, ngồi phía sau cách chúng tôi ba tiếng đồng hồ đi xe hơi, các đồng chí sốt ruột, thấy

cần tập trung vào một mối để nhanh chóng nắm bắt tình hình, nhanh chóng cùng nhau xử trí các tình huống xảy ra.

Thế là sau 24 ngày đêm làm việc căng thẳng kể từ hôm chúng tôi từ Tây Nguyên vào đến Bộ Tư lệnh B.2, hồi 17 giờ ngày 26 tháng 4, tiếng súng đầu tiên của chiến dịch Hồ Chí Minh đã nổ ở hướng đông. Cùng cần nhắc lại là theo kế hoạch đã định, sáng ngày 27 tháng 4 đồng loạt các hướng đánh vào vùng ven Sài Gòn. Riêng hướng tây nam phải cắt đứt được đường số 4 trên nhiều đoạn từ cầu Bến Lức đến phà Mỹ Thuận. Từ ngày 29 tháng 4 sẽ đồng loạt đánh vào nội thành.

Muốn đảm bảo tiến công đúng thời gian quy định, trên cả 5 hướng đều phải khắc phục rất nhiều khó khăn. Hướng tây bắc, bắc và tây nam phải đưa lực lượng, nhất là binh khí kỹ thuật nặng vượt Sông Bé và sông Vàm Cỏ Đông, bao vây hoặc tiêu diệt, bức hàng hệ thống đồn bốt và lực lượng địch ở Hậu Nghĩa, Củ Chi, Phú Lợi, để nhanh chóng đưa được các binh đoàn thọc sâu binh chủng hợp thành triển khai trên các cửa ngõ tiến vào nội thành. Hướng đông và đông nam phải đánh chiếm được Biên Hòa, Bà Rịa, Vũng Tàu, Long Thành, đặt được trận địa pháo ở Nhơn Trạch để thực hiện bao vây và chia cắt chiến dịch trước khi đồng loạt ngày 29 tháng 4 đánh vào nội thành.

Cần nói thêm rằng, ngày 24 tháng 4, lúc còn ở Sở chỉ huy cơ bản, chúng tôi nhận được điện báo của đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó tư lệnh chiến dịch, chỉ huy cánh quân phía đông gồm 2 quân đoàn, cho biết: về nhiệm vụ, về cách đánh, các đồng chí hoàn toàn nhất trí và sẽ nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch. Riêng về thời gian, nếu ngày 27 tháng 4 cánh phía đông đánh cùng với các hướng thì không thể cùng lúc đồng loạt đánh vào nội thành từ ngày 29 tháng 4 vì lực lượng của cánh quân phía đông còn cách vùng ven từ 15 đến 20 kilômét. Địch lại tập trung đông ở đây, và phải tiến công vượt hai sông lớn là sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, cho nên đồng chí Lê Trọng Tấn đề nghị cho hướng đông được nổ súng trước từ 17 giờ ngày 26 tháng 4. Và để trình bày được cặn kẽ hơn, cánh quân phía đông đã cử đồng chí trung tá Lê Phi Long, đêm 25 tháng 4 về đến Sở chỉ huy gặp Bộ Tư lệnh chiến dịch để báo cáo.

Thấy đề nghị đó không ảnh hưởng đến kế hoạch chung và để bảo đảm được sức mạnh đồng loạt đánh vào nội thành, sau khi nghe đồng chí Lê Phi Long trình bày, chúng tôi điện trả lời đồng ý với đề nghị của đồng chí Lê Trọng Tấn. Đồng thời, Bộ chỉ huy chiến dịch cũng nhắc lại cho các hướng khác về thời gian thống nhất chung của chiến dịch và thời gian của hướng đông để biết mà hành động.

Trong đêm 26 tháng 4 và ngày 27 tháng 4, một mặt chúng tôi tập trung theo dõi, chỉ huy hoạt động của hướng đông, mặt khác đôn đốc hướng bắc, tây bắc tập trung hỏa lực diệt các trận địa pháo của địch và khẩn trương tổ chức các lực lượng thọc sâu. Còn hướng tây nam chủ yếu là tổ chức đưa xe tăng và pháo nặng 130 milimét vượt sông Vàm Cỏ và thực hiện triệt để cắt đường số 4.

Tối ngày 27 tháng 4, qua một ngày đêm chiến đấu, tại Sở chỉ huy chiến dịch tình hình được tổng hợp như sau:

Ở hướng đông Quân đoàn 2 nổ súng đúng vào 17 giờ ngày 26 tháng 4. Gần chục tiểu đoàn pháo binh trút bão lửa vào đầu giặc. Tiếng pháo vừa dứt, quân ta từ các rừng cao su ào ào xông lên theo tiếng kèn đồng vang khu rừng. Trong vòng chưa đầy 2 giờ, sư đoàn 304 chiếm được trường huấn luyện thiết giáp, một phần căn cứ Nước Trong. Ở đây lúc này có bọn hạ sinh sĩ quan thiết giáp và sĩ quan Thủ Đức của ngụy đến thực tập. Chúng ngoan cố chống cự và phản kích suốt cả ngày 27. Ta tổ chức liên tiếp nhiều đợt tiến công nhưng chưa giải quyết được. Quân ta vừa đánh lại quân địch trên mặt đất, vừa phải đánh trả máy bay địch lông lộn trên không oanh tạc bừa bãi. Trời nắng gắt, đất khô nóng như rang, các chiến sĩ ta khát đến rất cổ. Các đơn vị phải cho xe vận chuyển nước uống đến cho bộ đội đang chiến đấu.

Phối hợp với sư đoàn 304, các chiến sĩ sư đoàn 325 đánh chiếm chi khu Long Thành, vượt đường 15 giải phóng Phước Thường và bao vây Long Tân. Sư đoàn 3 của Quân khu 5 lúc này thuộc quyền chỉ huy của Quân đoàn 2 có pháo hạng nặng và xe tăng trực tiếp chi viện tiến công như vũ bão, sau 3 giờ chiến đấu chiếm chi khu Đức Thạnh rồi, 15 giờ ngày 27 tháng 4 giải phóng hoàn toàn thị xã Bà Rịa, đang phát triển về hướng Vũng Tàu thì địch đánh sập cầu Cổ May. Sư đoàn 3 phải dừng lại để chờ sửa cầu. Phối hợp với bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân Bà Rịa đánh chiếm các đồn bốt, quận lỵ, chi khu, giải phóng một phần rộng lớn tỉnh Bà Rịa.

Quân đoàn 4 tác chiến theo trục đường số 1 dùng sức mạnh binh chủng hợp thành đánh chiếm chi khu Trảng Bom, phát triển về hướng Biên Hòa nhưng bị địch chặn lại. Địch lập tại đây một tuyến phòng thủ và củng cố tại đây lần đầu trong lịch sử chiến tranh Đông Dương, địch cấu trúc các tuyến hào chống tăng.

Các đơn vị đặc công đã chiếm cầu Rạch Chiếc, Rạch Cát, cầu Ghềnh, cầu xa lộ sông Sài Gòn để đón chủ lực vào. Địch ngoan cố phản kích liên tục. Có nơi như cầu Rạch Cú, cầu xa lộ Đồng Nai, ta và địch giằng co quyết liệt, đánh đi chiếm lại mấy lần, cuối cùng các chiến sĩ đặc công của ta giữ chắc được chiếc cầu đó. Chiến công oanh liệt của các chiến sĩ đặc công góp phần đáng kể vào việc mở đường cho các đơn vị chủ lực tiến vào Sài Gòn được thuận lợi. Cũng trong những ngày này pháo tầm xa của ta ở Hiếu Liêm đánh tê liệt sân bay Biên Hòa. Địch phải di chuyển máy bay về Tân Sơn Nhất và sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy chiều 28 tháng 4 phải chạy về Gò Vấp.

Ở hướng tây nam, ta cắt đứt đường số 4 từ cầu Bến Lức đến ngã ba Trung Lương về phía bắc phà Mỹ Thuận và đoạn từ Cai Lậy đến An Hữu, ngăn chặn và thu hút lực lượng các sư đoàn 7, 9, 22 ngụy, tạo điều kiện thuận lợi cho các hướng khác hoạt động. Đoàn 232 đã sử dụng một sư đoàn mở cửa đánh chiếm đầu cầu ở An Ninh, Lộc Giang trên sông Vàm Cỏ để đưa lực lượng đột kích chủ yếu là sư đoàn 9 và binh khí kỹ thuật qua sông. Cái khó của hướng này phải tập trung giải quyết là vấn đề bảo đảm binh khí kỹ thuật vượt sông đang còn chậm so với kế hoạch đề ra. Các trung đoàn độc lập 24 và 88 đang tiến lên phía nam quận 8.

Ở hướng bắc, quân đoàn 1 diệt được một số trận địa pháo địch và làm chủ đoạn đường số 16 để đưa lực lượng vào triển khai thọc sâu, đã vào cách phía bắc Thủ Dầu Một 7 kilômét.

Ở hướng tây bắc, Quân đoàn 3 trong một ngày đêm diệt 11 trong số 18 trận địa pháo địch, cắt các đường số 22 và số 1, chặn các trung đoàn của sư đoàn 25 ngay từ Tây Ninh co về Đồng Du và bức một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 50 ngụy đầu hàng.

Một đơn vị đặc công và trung đoàn Gia Định đánh chiếm và làm chủ con đường vành đai Sài Gòn đoạn từ cầu Bình Phước đến Quán Tre và mở cửa qua các vật chướng ngại phía bắc sân bay Tân Sơn Nhất chuẩn bị cho bộ đội chủ lực tiến công.

Chúng tôi đánh giá chung là các hướng đã cơ bản thực hiện được kế hoạch, riêng hướng đông và đông nam có gặp một số khó khăn phải tập trung giải quyết bằng được trong ngày 28 tháng 4, nhất là việc triển khai trận địa pháo ở Nhơn Trạch.

Trên các hướng đông và tây bắc, địch đánh trả và phản kích quyết liệt hòng không cho ta đánh chiếm căn cứ Nước Trong và Hố Nai để mở đường triển khai lực lượng thọc sâu vào nội thành và chúng cố không cho ta cắt đứt sự liên hệ của sư đoàn 25 giữa Tây Ninh và Sài Gòn. Nhưng đã đến lúc những cố gắng của quân ngụy không sao ngăn được sự tan vỡ toàn bộ hệ thống phòng thủ của chúng. Một số đồng chí cán bộ tác chiến đã nói một câu so sánh thú vị: “Ngày 28 tháng 4 của địch ở Sài Gòn như là ngày 9 tháng 3 của địch ở Buôn Ma Thuột”.

Chiều ngày 28 tháng 4, ngụy quyền Sài Gòn diễn màn kịch cuối cùng: sau nhiều sự tranh chấp, làm điệu, mặc cả và dưới sức ép của các quan thầy nước ngoài, Trần Văn Hương từ chức, nhường ghế tổng thống ngụy cho Dương Văn Minh. Tổng thống ngụy quyền mới kêu gọi ngay quân đội ngụy “bảo vệ lãnh thổ”, “không buông vũ khí”. Vào lúc này tại sở chỉ huy, khi chúng tôi đang nghe đồng chí Kim Tuấn, Phó tư lệnh Quân đoàn 3, báo cáo bằng điện thoại kết quả chuẩn bị và triển khai đánh Đồng Dù, thì đồng chí cán bộ tác chiến nét mặt rạng rỡ bước bào báo cáo: lúc 15 giờ 40 phút, một biệt đội 5 chiếc A.37 các đồng chí ta lái do Nguyễn Thành Trung dẫn đường, đã cất cánh từ sân bay Thanh Sơn đi đánh Tân Sơn Nhất.

Một trận phối hợp tuyệt đẹp, một trận đánh hiệp đồng quân chủng binh chủng đầy đủ nhất từ trước đến nay của quân đội ta vào một thời điểm hết sức quan trọng có tác động lớn đến diễn biến chiến dịch. Nhớ tới câu nói với đồng chí Hoàng Ngọc Diêu chiều ngày 25 tháng 4, nhớ tới lời hứa của đồng chí trước khi chia tay, thật đúng là “chỉ có một ngày, chỉ có một lần”. Các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân đã quán triệt sâu sắc và tích cực thực hiện quyết tâm này. Chính đồng chí Lê Văn Tri, Tư lệnh quân chủng Phòng không - Không quân đã đến ngay sân bay Thanh Sơn cùng các đồng chí tại đó tổ chức kiểm tra và động viên anh em trước khi cất cánh đi làm nhiệm vụ.

Khi máy bay ta tới vùng trời Tân Sơn Nhất thì đài chỉ huy địch ngỡ ngàng hỏi: “A.37 của phi đoàn nào? Phi đoàn nào? Phi đoàn nào?”. Các chiến sĩ ta trả lời:

- Máy bay của Mỹ chế tạo đây!

Tiếp theo là một loạt, hai loạt và nhiều loạt bom trút xuống dãy máy bay địch. Tiếng nổ rung chuyển Sài Gòn và những cột khói lớn bốc cao. Trận ném bom táo bạo của ta xuống sân bay Tân Sơn Nhất phá hủy một số máy bay địch, trong đó có cả máy bay của Mỹ đang làm nhiệm vụ di tản, đẩy địch vào cơn hoảng loạn mới. Địch không còn một chỗ nào an toàn và không còn chỗ nào để tránh đòn trừng phạt của ta.

Trong hàng ngũ địch có những tên biết ta dùng máy bay của chúng đánh chúng, nhưng cũng có những tên còn hoang mang cho là bọn không quân của chúng làm đảo chính. Ngay trong sở chỉ huy của ta, một số đồng chí không được phổ biến việc này, khi được tin Tân Sơn Nhất bị ném bom cũng cho rằng đây lại là “một Nguyễn Thành Trung thứ hai”.

Lúc này, chúng tôi cũng được báo cho biết những hoạt động của quân ta trên biển thu được kết quả tốt.

Sau khi đất liền Khu 5 được giải phóng, được sự chỉ đạo kịp thời của Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương, Thường vụ khu ủy và Bộ Tư lệnh quân khu 5 đề ra nhiệm vụ trung tâm số 1 cho các lực lượng vũ trang quân khu là tiếp tục phát triển tiến công ra phía các đảo thuộc hải phận của ta. Vùng biển đẹp và thiêng liêng này của Tổ quốc ta là đề tài cho nhiều áng thơ văn hay của ông cha ta và đã chứng kiến nhiều chiến công hiển hách của chiến sĩ và đồng bào ta trong hai cuộc kháng chiến. Vùng biển này là nơi đi lại thường xuyên của những đoàn tàu, thuyền của ta chở vũ khí, đạn dược, lương thực, cán bộ từ Bắc vào Nam và từ Nam Bộ ra Trung Bộ, với những căn cứ trú quân và trung chuyển hàng hóa là những hòn đảo xinh đẹp. Vùng biển giàu yến, cá và nhiều loại hải sản này chính là một đoạn của “Đường Hồ Chí Minh trên biển Đông”.

Chấp hành chỉ thị của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 5, ngày 30 tháng 3 bộ đội địa phương Hội An và du kích phối hợp với nhân dân nổi dậy giải phóng đảo Cù Lao Chàm. Cùng ngày chi bộ Đảng đảo Cù Lao Sơn (Cù Lao Ré) lãnh đạo nhân dân trên đảo nổi dậy giải phóng đảo và đón bộ đội ra tiếp quản. Ngày 1 tháng 4 nhân dân đảo Cù Lao Xanh cũng nổi dậy giải phóng đảo. Ngày 10 tháng 4, một đơn vị đặc công tỉnh Khánh Hòa và một tiểu đoàn thuốc sư đoàn 968 giải phóng đảo Hòn Tre.

Trước tình hình chung phát triển thuận lợi, đến ngày 9 tháng 4, Bộ Tư lệnh ra lệnh cho Bộ Tư lệnh Quân khu 5 phối hợp với Bộ Tư lệnh Hải quân dùng lực lượng thích hợp bất ngờ tiến đánh và giải phóng các đảo thuộc Song Tử Tây, Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn, An Bang, Trường Sa. Ngày 27 tháng 4 ta sử dụng một lực lượng đặc công và một đơn vị bộ binh của sư đoàn 968 giải phóng Cù Lao Thu, tiến hành giải phóng phần lớn các đảo ven biển và ngoài khơi Trung Bộ.

Việc giải phóng các đảo là một chiến công đặc biệt của các lực lượng vũ trang nhân dân Quân khu 5 và lực lượng hải quân với lối đánh hết sức mưu trí, táo bạo, bất ngờ, với một nghệ thuật chỉ đạo và chỉ huy tài giỏi, nắm vững thời cơ hành động thần tốc, kiên quyết và giành được thắng lợi lớn.

Tối ngày 28 tháng 4, sau khi phân tích tình hình chung Bộ chỉ huy chiến dịch thấy địch đang hết sức hoang mang, chỉ huy rối loạn, Bộ Tư lệnh quân khu 3 nguy ở Biên Hòa tan biến dần. Trong hai ngày đêm đầu của chiến dịch, các cánh quân ta thực hiện đúng kế hoạch, cho nên Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận vào sáng ngày 29 tháng 4 để tiến vào Sài Gòn.

5 giờ sáng ngày 29 tháng 4, khi các cánh quân ta đồng loạt nổ súng tiến công thì chúng tôi nhận được điện của Bộ chính trị gửi lời kêu gọi và những chỉ thị sau đây:

1. Nhiệt liệt khen ngợi toàn thể các đơn vị đã lập được chiến công lớn trong những ngày qua, đập tan tập đoàn phòng ngự phía đông, bắc, tây bắc và tây nam, cắt đứt đường số 4, tiến công các sân bay lớn của địch, hoạt động tốt ở ven Sài Gòn và nội thành Sài Gòn.

Kêu gọi toàn thể các cán bộ chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, với quyết tâm lớn nhất, hãy nhanh chóng đánh thẳng vào sào huyệt cuối cùng của địch với khí thế hùng mạnh của một quân đội trăm trận trăm thắng, đập tan mọi sức đề kháng của địch, kết hợp tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Đồng thời phải giữ kỷ luật nghiêm, triệt để chấp hành mọi chỉ thị mệnh lệnh; bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân; nêu cao bản chất cách mạng và truyền thống quyết thắng của quân ta, hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, giành thắng lợi hoàn toàn cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại.

2. Trong khi tập trung chỉ huy và chỉ đạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn - Gia Định, cần có sự phân công kiểm tra kế hoạch và công tác chuẩn bị nhằm nhanh chóng phát triển thế lợi, tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn các lực lượng địch còn lại ở các khu vực khác, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long và các đảo Côn Sơn, Phú Quốc, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Cần động viên tinh thần cách mạng triệt để và chiến đấu liên tục cho đến thắng lợi hoàn toàn, khắc phục mọi tư tưởng thỏa mãn.

3. Vào thành phố, cán bộ các cấp phải chú ý ngay đến đời sống nhân dân lao động. Do chính sách bóc lột của chế độ cũ và sự lũng đoạn của bọn tư sản mại bán, trong các tầng lớp công nhân và nhân dân lao động, nhiều gia đình không còn gạo hoặc không đủ tiền mua gạo. Cần lấy ngay gạo trong các kho của địch để phát cho những gia đình thiếu ăn, nếu cần, bộ đội phải san sẻ phần gạo của mình cho nhân dân.

Chúng tôi biết lúc này các cánh quân của ta đang chấp hành đúng chỉ thị với lời kêu gọi của Bộ chính trị.

Chúng tôi cũng biết rằng lúc này Trung ương đang chỉ đạo tăng cường cho miền Nam một đội ngũ cán bộ đông đảo của nhiều ngành để kịp phục vụ sự phát triển nhanh chóng của tình hình và đồng chí Lê Văn Lương, Trưởng Ban Tổ chức của Trung ương Đảng cùng các đồng chí phụ trách công tác này đang làm việc rất khẩn trương để đưa cán bộ vào nhanh.

Cán bộ và chiến sĩ trên toàn mặt trận Sài Gòn - Gia Định nhận thức sâu sắc rằng đây là trận chiến đấu quyết liệt nhất, trong giai đoạn cuối của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975 để kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước. Trước mắt là dinh lũy cuối cùng của bè lũ tay sai ngoan cố, phản động nhất của đế quốc Mỹ xâm lược, là kẻ thù cần phải tiêu diệt. Mấy ngày vừa qua, gian khổ, nguy hiểm, thương vong không làm các đồng chí chần chừ, không làm cho tốc độ tiến công bị chậm và kế hoạch của chiến dịch đến giờ phút này được thực hiện một cách tốt đẹp.

Công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng trong các lực lượng vũ trang từ trước đến nay được tiến hành một cách liên tục, sáng tạo với những nội dung sâu sắc và hình thức phong phú, làm cho các đồng chí cán bộ, chiến sĩ trở thành những con người toàn diện có thể chất và tâm hồn lành mạnh, có ý chí chiến đấu cao, có trình độ chiến thuật, kỹ thuật vững vàng. Bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh, công tác chính trị giữ một vị trí hết sức quan trọng. Lúc này đồng chí Lê Quang Hòa, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị được điều động từ cánh quân phía đông về giúp đồng chí Phạm Hùng chuyên lo công tác chính trị. Đồng chí xông xáo, đi sát các đơn vị và ngay buổi đầu về nhận công tác ở Bộ chỉ huy chiến dịch, đồng chí cùng cán bộ Cục chính trị khởi thảo ngay bản chỉ thị được tập thể Bộ chỉ huy thông qua, đồng chí lại cùng với các phái viên của Tổng cục chính trị trực tiếp đi phổ biến tới từng cánh quân.

Tham gia chiến dịch lần này, tuy có nhiều lực lượng, phạm vi chiến trường rộng, nhiệm vụ cụ thể có khác nhau, thành tích, truyền thống đơn vị có những nét khác nhau, nhưng trên cơ sở đã chuẩn bị tốt từ trước, cộng thêm những bước tiến hành rất linh hoạt và khẩn trương, với hình thức thích hợp, toàn thể mọi người chỉ có một nguyện vọng, một ý chí, một mục tiêu thống nhất: "Giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam".

Ngoài những nội dung, hình thức công tác chính trị mà tất cả các cấp ủy, các đảng viên, các chi đoàn thanh niên, các đồng chí chính ủy, chính trị viên tiến hành từ khi nhận nhiệm vụ cho đến trước ngày nổ súng, Bộ chỉ huy chiến dịch còn gửi một "lệnh động viên" cho tất cả mọi người. Lệnh động viên này do các đồng chí ở cục chính trị dự thảo cùng đồng chí Phạm Hùng thông qua. Lệnh này được in phát kịp thời xuống các đơn vị.

Lời kêu gọi của Bộ chính trị Trung ương Đảng và lệnh động viên của Bộ chỉ huy chiến dịch cổ vũ, giục giã mọi người bước vào trận đánh với một quyết tâm rất cao.

Đã hơn ba ngày đêm rồi, hàng trăm nghìn chiến sĩ, cán bộ ta vượt qua nhiều khó khăn nguy hiểm thừa thắng xông tới. Kể từ khi tiếng súng mở màn chiến dịch Tây Nguyên đến nay, có nhiều người con yêu quý của đất nước hy sinh cho

thắng lợi. Và lúc này, trước cửa ngõ Sài Gòn, lại có những đồng chí ngã xuống dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng cao cả, có những đồng chí bị thương phải rời tay súng.

Khi gặp các đồng chí lãnh đạo địa phương, cũng như khi giao nhiệm vụ cho các Quân khu, Quân đoàn và các đơn vị, chúng tôi luôn luôn nhắc đến việc phải thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, chăm sóc chu đáo các đồng chí thương binh.

Cần nói rằng, trong công tác này, các bác sĩ và nhân viên ngành quân y đã đóng góp một phần rất quan trọng. Các đồng chí quân y luôn luôn bám sát bộ đội trong những cuộc hành quân và chiến đấu thần tốc và đã có những bước tiến bộ đáng kể. Bên cạnh những thành tựu về khoa học, nổi lên những tấm gương tận tụy phục vụ của người “Lương y kiêm từ mẫu”.

Ngồi trong Sở chỉ huy, chúng tôi đặc biệt theo dõi mấy điểm “gút” của từng cánh:

Ở hướng đông, sư đoàn 325 đã làm chủ chi khu Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ và đã phát triển đến phà Cát Lái, đang chuẩn bị cho bộ đội vượt sông đánh vào quận 9.

Trận địa pháo tầm xa đặt ở Nhơn Trạch bắn một chập hơn 300 viên xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Tiếng pháo nổ lay chuyển cả đường phố Sài Gòn ấy là lời tuyên cáo kết liễu chế độ ngụy quyền. Pháo binh bắn rất chính xác, phối hợp có súng phong hỏa tiến của bộ đội đặc công; ta chưa dùng máy bay để hướng dẫn cho pháo binh bắn nhưng với sự giúp đỡ của nhân dân địa phương, ta đã đưa được các đài quan sát luôn vào cạnh địch để chỉ dẫn cho pháo binh từ xa bắn trúng đích.

Tiếng nổ của 304 viên đạn pháo hạng nặng vừa dứt ở sân bay Tân Sơn Nhất, thì binh đoàn thọc sâu của quân đoàn 2 đã tiến tới đông bắc cầu xa lộ Đồng Nai bắt liên lạc được với đoàn 116 bộ đội đặc công đang còn giữ vững đầu cầu sau nhiều lần đánh lui các đợt phản kích của một tiểu đoàn địch.

Ở cánh phải của quân đoàn 2, sư đoàn 304 từ mờ sáng tổ chức một đợt tấn công quyết liệt vào quân địch còn lại ở trường bộ binh tại căn cứ Nước Trong. Đến gần trưa quân ta làm chủ hoàn toàn trận địa và phát triển ra đường số 15 và chập tới đến phía nam căn cứ Long Bình. Phía Vũng Tàu, chiều ngày 29 tháng 4 ta đã làm chủ phần lớn thị xã.

119

Trong lúc đó binh đoàn thọc sâu gồm 1 lữ đoàn xe tăng và 1 trung đoàn bộ binh tập kết bí mật trong rừng cao su phía nam Dầu Giây chờ lệnh tiến vào Sài Gòn. Các chiến sĩ ta ngồi sẵn trên xe, mặc bộ quần áo mới, chỉnh tề, ai cũng đeo băng đỏ trên cánh tay để dễ nhận nhau khi vào thành phố. Cành lá ngụy trang trên người, trên xe, toàn đơn vị rừng rùng rùng chuyển đi vào lúc 15 giờ theo lệnh của Bộ Tư lệnh quân đoàn, xe nối xe từng dãy rất dài, hùng dũng tiến đánh về phía nội thành Sài Gòn. Cảnh tượng uy nghi và hào hùng ấy của buổi xuất kích kết thúc cuộc chiến tranh thật là chưa từng thấy.

Ở phía Quân đoàn 4, chiến sự diễn ra ác liệt. Sau khi chiếm một số mục tiêu dọc đường số 1, bằng ba mũi, quân ta phát triển tiến công về Hồ Nai, ngoại vi Biên Hòa và Bộ Tư lệnh quân đoàn 3 nguy và sân bay Biên Hòa nhưng bị chặn lại. Đây là điểm yết hầu ở phía đông liên quan đến tuyến phòng thủ của địch ở Sài Gòn cho nên địch liều mạng giữ. Tại đây đã diễn ra nhiều trận chiến đấu vô cùng ác liệt.

Tiến theo sau quân đoàn 4 có lữ đoàn 52 thuộc quân khu 5 mới từ Quy Nhơn hành quân cấp tốc bằng cơ giới và để kịp tham gia chiến dịch làm đội dự bị cho quân đoàn 4 và cả cánh quân phía đông. Đây là một đơn vị thiện chiến đã lập nhiều chiến công ở Tây Nguyên, ở địa phương thuộc Quân khu 5 như Ba Tơ, Suối Do, Tiên Phước, Phước Lâm, Quảng Yên, v.v... Quân của lữ đoàn cũng đã ngồi sẵn trên gần 100 chiếc xe ca lớn vận chuyển hành khách đường dài, đỗ sát nhau trên đường số 1, chờ lệnh tiến về Sài Gòn.

Trên hướng bắc và tây bắc, một đơn vị của quân đoàn 1 đã bao vây căn cứ Phú Lợi, một bộ phận đánh chiếm luôn cả Tân Uyên trên đường tiến vào Lái Thiêu để thọc vào Sài Gòn. Việc đánh chiếm quận lỵ Tân Uyên thực hiện trong quá trình phát triển tiến công tạo điều kiện cho binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn 1 tiến vào hướng bộ tổng tham mưu nguy và khu các binh chủng nguy ở Gò Vấp.

Quân đoàn 3 đã tiến công quyết liệt và đánh bại các đợt phản kích của địch, đến 14 giờ ngày 29 tháng 4 làm chủ căn cứ Đồng Dù, căn cứ Trảng Bàng, sư đoàn nguy số 25 tan rã và bị tiêu diệt. Tên chuẩn tướng Lý Tông Bá sư đoàn trưởng sư đoàn 25 nguy bị bắt.

Ngay trong đêm 28 tháng 4, bộ đội đặc công đã đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng trên đường số 1, nhờ đó binh đoàn thọc sâu của quân đoàn 3 nhanh chóng vượt qua Hóc Môn, buộc toàn bộ trung tâm huấn luyện Quang Trung của địch đầu hàng rồi binh đoàn tiến một mạch xuống đến Bà Quẹo. Dọc đường quân ta tiêu diệt nhiều xe tăng, xe bọc thép và bộ binh địch ở bắc Củ Chi, cầu Bông, Hóc Môn. Nghe tiếng pháo ta còn nổ trong Tân Sơn Nhất và theo kế hoạch hiệp đồng chung, binh đoàn chưa đánh ngay trong đêm, tạm dừng lại và khẩn trương chuẩn bị trận đánh vào sân bay.

Trên hướng tây nam, ta đánh chiếm xong thị xã Hậu Nghĩa, diệt quận lỵ Đức Hòa, bức rút Đức Huệ, Trà Cú, mở đường hành lang trên sông Vàm Cỏ Đông. Tàn quân địch từ Hậu Nghĩa chạy về Củ Chi. Ta chặn bắt trên 1.000 tên.

Binh đoàn thọc sâu của Đoàn 232 với các loại vũ khí nặng đã vượt sông Vàm Cỏ Đông, tập kết ở vùng Mỹ Hạnh, một trung đoàn đến khu vực Ba Hòn.

Các lực lượng vùng ven, các đội biệt động, các đơn vị đặc công đánh chiếm cầu qua sông, tiến công căn cứ ra-đa Phú Lâm đồng thời bắn hỏa tiễn vào sân bay Tân Sơn Nhất, bảo đảm sẵn sàng cho quân chủ lực tiến vào Sài Gòn.

Các lực lượng an ninh vũ trang trên nhiều hướng đã cùng nhân dân trừ gian, truy quét tàn binh địch, phối hợp với bộ đội và chuẩn bị sẵn người, phương tiện

để dẫn bộ đội vào nội thành. Trên đường số 4, ta tiếp tục cắt đường, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch.

Chúng tôi nghe báo cáo tổng hợp tình hình diễn ra trong ngày 29 tháng 4, đều thấy rằng sau một ngày thực hành tổng công kích trên toàn mặt trận, tình huống diễn ra tốt, đúng như kế hoạch chiến dịch đã vạch ra. Các binh đoàn trên các hướng đều tích cực phát triển, đánh chiếm các căn cứ, vị trí của địch ở vòng ngoài; cô lập, bao vây, ngăn chặn, tiêu diệt, làm tan rã phần lớn các sư đoàn số 5, số 25, số 18, số 22 và số 7 bố trí ở vòng ngoài và đã chuẩn bị xong các địa bàn ven nội thành, chiếm được các cầu quang trọng quanh Sài Gòn.

Cao Văn Viên, đại tướng tổng tham mưu trưởng ngụy, ký chưa ráo mực lệnh "tử thủ bảo vệ đến cùng những phần đất còn lại" thì đã bỏ chạy. Vĩnh Lộc, trung tướng ngụy lên thay hắn. Tối 29 tháng 4, bọn đầu sỏ chỉ huy ngụy quân họp tại bộ tổng tham mưu ngụy thấy bọn tướng tá bỏ chạy nhiều quá định dùng đài phát thanh kêu gọi chúng trở về trình diện. Tên sư đoàn trưởng sư đoàn 18 ngụy cho biết sư đoàn hắn thương vong quá nặng, tình hình sư đoàn rối ren không thể giữ được quá 8 giờ sáng hôm sau. Tên lữ trưởng lữ 3 kỵ binh ngụy thì cho biết, đơn vị thiết giáp hết đạn, hết xăng không thể chống cự được nữa. Tên tư lệnh quân đoàn 3 ngụy và tên chuẩn tướng sư đoàn trưởng sư đoàn 22 ngụy cũng đã bỏ đơn vị chạy. Chỉ có quân đoàn 4 ngụy, các sư đoàn chưa bị tổn thất nhiều còn giữ được hệ thống chỉ huy. Trong thành phố Sài Gòn, chỉ còn hai tiểu đoàn dù ngụy giữ Ngã tư Bảy Hiền. Tổng thống ngụy ra lệnh cho quân ngụy giữ bằng được trung tâm vô tuyến điện Phú Lâm và Quán Trê nhưng chúng không còn đủ quân để giữ.

Sở chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh hoạt động nhộn nhịp trong đêm 29 tháng. Ánh đèn pin, đèn bão, đèn pha lóe sáng trong các lán và trên các đường đi. Ánh đèn điện rực sáng trong phòng tác chiến. Những mái đầu bạc xem lẫn những mái tóc xanh cắm cùi trên tấm bản đồ, nhìn những mũi tên sắc nét màu đỏ đang được vẽ kéo dài, chỉ thẳng vào các mục tiêu lớn đã chọn sẵn trong Sài Gòn. Phía sau phòng tác chiến, một dãy máy điện thoại đã chiến làm việc không ngừng.

Các máy vô tuyến điện đang truyền vào không trung những tín hiệu. Đó là chỉ thị bổ sung của Bộ chỉ huy chiến dịch gửi xuống tất cả các đơn vị trước 00 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1975:

- Cho pháo 130 milimét đặt ở Nhơn Trạch thôi bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất.
- Phổ biến lại và kiểm tra kỹ các kí hiệu, tín hiệu hiệp đồng khi đánh trong nội thành.
- Giao thêm nhiệm vụ cho quân đoàn 3 khi đánh vào Tân Sơn Nhất thì cho một cánh đánh sang bộ tổng tham mưu ngụy phối hợp với quân đoàn 1.
- Tất cả các binh đoàn thọc sâu tiến gấp, tiến thẳng vào các mục tiêu đã quy định, bỏ qua những mục tiêu khác trên dọc đường, không để bị vướng mắc làm chậm tốc độ tiến quân.

Đến 24 giờ 00 ngày 29 tháng 4 năm 1975 toàn thể lực lượng tiến công vào Sài Gòn sẵn sàng như một chiếc búa thần đã vung lên, kẻ địch sắp bị trừng phạt co rúm lại, run sợ nhìn biếc búa thần đang bổ xuống.

XVII TOÀN THẮNG

Lịch sử có những khi lập lại trong quá trình phát triển. Cũng như ông cha ta trong đêm trước những cuộc tổng công kích chiến lược cuối cùng chống ngoại xâm, các chiến sĩ ta trên mặt trận Sài Gòn đêm 29 rạng sáng 30 tháng 4 sục sôi khí thế quyết thắng thần tốc. Trong giờ phút thiêng liêng này, trong ngày cuối cùng này của thời hạn giải phóng Sài Gòn do Bộ Chính trị ấn định, các chiến sĩ viết trên mũ, trên tay, trên băng súng lời hịch bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!

Tiếng súng âm vang toàn mặt trận. Nhìn những chớp sáng từ các cánh quân ta đang tiến, những ánh lửa hắt lên từ các căn cứ địch quanh Sài Gòn bốc cháy, mọi người đã thấy hừng đông của ngày toàn thắng đang đến. Đồng chí Lê Ngọc Hiền đang phiên trực chỉ huy nghe điện từ các đơn vị báo về: mũi tiến sâu nhất trong đêm của Quân đoàn 3 đã tới Bà Quẹo; của quân đoàn 1 đã tiến sát Lái Thiêu; của quân đoàn 2 tới sát cầu xa lộ sông Đông Nai; của quân đoàn 4 là vùng ven Biên Hòa; của Đoàn 232 là vùng Bà Hom. Như vậy các mũi đột kích của ta chỉ còn cách trung tâm Sài Gòn một cự ly ngắn từ 10 đến 20 kilômét. Đây là những cây số cuối cùng để nối đất nước lại liền một dải, nối đường Hồ Chí Minh đến trung tâm thành phố mang chính tên người. Những đường tiến quân ấy diễn ra rất đúng với kế hoạch chiến dịch và đang thực hiện cách đánh mưu trí của chúng ta mà đến những ngày cuối cùng vẫn còn dành nhiều sự bất ngờ cho địch.

Chúng vẫn hy vọng dựa vào những sư đoàn còn lại của chúng để chặn quân ta, hy vọng con bài chính trị mới lại lên có khả năng “thương lượng” với ta hòng duy trì cơ cấu chính quyền và quân đội của chúng. Một số tướng tá ngụy đã về hưu lúc này cũng nhảy ra để bày mưu, bày kế hoạch cho ngụy quyền cứu vãn tình hình. Vào lúc 2 giờ sáng, phái đoàn quân sự của ta ở trại Đêvít trong Tân Sơn Nhất điện về Bộ chỉ huy chiến dịch báo cáo: “Có 3 người do chính quyền Sài Gòn cử đến gặp chúng tôi thăm dò việc ngừng bắn. Đồng chí Võ Đông Giang tiếp họ và nói rõ lập trường, quan điểm của ta trong Tuyên bố của Chính phủ ngày 26 tháng 4. Sau đó họ xin ra về. Ta nói pháo của quân ta đang bắn mạnh vào sân bay, rất nguy hiểm, không nên về. Cuối cùng, cả ba người đồng ý ở lại. Hiện giờ họ đang ở hầm với chúng tôi”. Lúc này những người cầm đầu ngụy quyền nóng ruột ngồi chờ ba “Sứ giả” của họ mãi không thấy về, gọi hỏi nhau rất bối rối, lúng túng. Vài giờ trước khi cho ba người nói trên đến gặp ta ở Tân Sơn Nhất, họ đã cử bốn “sứ giả” khác đến thăm dò phái đoàn ta cũng về việc “ngừng bắn”. Cán bộ ta mời họ ăn chuối của anh em ta tự trồng rồi giới thiệu cho họ biết Tuyên bố của Chính phủ ta ngày 26 tháng 4.

Phái đoàn quân sự ta những ngày cuối tháng tư này chứng kiến sự tất tưởi, bối rối cùng đường của Mỹ - ngụy. Trước đây, trụ sở phái đoàn ta nhiều lần bị chúng vây hãm, khiêu khích, gây nhiều khó khăn như cắt điện, cắt nước, không cho tiếp xúc với người ngoài... Vào những ngày này, đây là nơi chúng đến cầu cạnh nhiều nhất. Matin, “đại sứ” Mỹ, xin được gặp đại diện phái đoàn ta. Ta từ chối. Ngụy quyền còn xin phái đoàn ta cho phép chúng cử người đáp máy bay ra Hà Nội để “Thương lượng” ngừng bắn. Ta cũng bác.

Bức điện của đồng chí Nguyễn Duy Trinh gửi chúng tôi cho biết những thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt của Mỹ - ngụy đang diễn ra dồn dập đi đôi với những lời bắn tin dọa dẫm ta nhằm ngăn chặn cuộc công kích của quân ta vào Sài Gòn, càng cho thấy chúng ta phải chiến đấu kiên cường hơn, đánh nhanh hơn, tranh lấy từng giờ, từng phút cho toàn thắng.

Vào lúc gần sáng, các hãng thông tấn Mỹ tin: Matin, “đại sứ” Mỹ, đã chuẩn khởi Sài Gòn bằng máy bay lên thẳng. Viên quan thái thú, viên toàn quyền Mỹ cuối cùng ấy ở miền Nam Việt Nam chạy trốn khá hấp tấp và thảm hại. Số là cho đến ngày hấn rời Sài Gòn, Matin vẫn đinh ninh rằng ngụy quyền có thể tồn tại, một cuộc “ngừng bắn” có thể dàn xếp được, cho nên y lưng chừng trong việc di tản, ngồi chờ xem tình hình. Ma-tin ra tận sân bay Tân Sơn Nhất quan sát. Trận ném bom và các pháo kích dữ dội của quân ta làm cho sân bay yết hầu này gần như tê liệt, máy bay có cánh cố định dùng để di tản không hoạt động được nữa. Vòng vây Sài Gòn ngày càng thắt chặt. Con bài Dương Văn Minh đưa ra quá muộn không có tác dụng. Những tình hình đó Ma-tin báo về Oa-sinh- tôn. Tổng thống Mỹ Giê-ron-Pho bèn ra lệnh mở cuộc di tản bằng máy bay lên thẳng thay phiên nhau bay liên tục 18 giờ chớ hơn 1.000 người Mỹ và hơn 5.000 người Việt Nam tay sai Mỹ cùng người trong gia đình chúng ra khỏi miền Nam. Pho còn bắt Ma-tin phải di tản ngay “không được chậm trễ phút nào”.

Cuộc di tản của Mỹ tiến hành tại 13 nóc nhà cao được Mỹ chọn là sân đỗ máy bay. Số sân này mỗi buổi thu hẹp dần do lưới lửa quân ta tiến đến gần. Ở “sứ quán” Mỹ, nơi đáp máy bay di tản là một cảnh tượng hết sức hỗn loạn, bọn tay sai Mỹ chen lấn, phá cửa, leo tường, trèo giậu, giằng co, xô xát, đạp lên nhau để tìm đường chạy. Đến nỗi Ma-tin muốn về nhà riêng lấy vali để chạy phải đi ngách cửa sau của sứ quán.

“Cốt-tu” mật danh của Ma-tin và “Lê-di.09”, tên chiếc máy bay lên thẳng chớ Ma-tin, rời sứ quán Mỹ ra biển đông, đánh dấu thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ sau 30 năm can thiệp vào phiêu lưu quân sự ở Việt Nam. Mỹ đã sử dụng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam lúc cao nhất là 60 phần trăm bộ binh của toàn nước Mỹ, 58 phần trăm lực lượng thủy quân lục chiến, 32 phần trăm lực lượng không quân chiến thuật, 50 phần trăm lực lượng không quân chiến lược, 15 trong số 18 tày sân bay, 800.000 quân Mỹ (kể cả số quân Mỹ đóng ở các nước phụ thuộc Mỹ tham chiến ở Việt Nam), hơn một triệu lính ngụy tay sai, động viên tới sáu triệu lượt binh sĩ Mỹ, ném hơn 10 triệu tấn bom, tiêu hơn ba trăm tỷ đô la... mà cuối cùng “đại sứ” Mỹ phải bò lên sân thượng để tìm đường chạy. Hôm nay, nhìn lại những lực lượng khổng lồ mà địch đã huy động, xem lại

những ý đồ nham hiểm mà chúng đã thú nhận, nhớ lại những tình huống cực kỳ éo le và phức tạp mà con thuyền cách mạng đã vượt qua, chúng ta càng thấy chiến dịch giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam là vô cùng vĩ đại.

Trời hừng sáng, trong mát và đẹp một cách lạ thường. Buổi phát tin sớm nhất của Đài tiếng nói Việt Nam đọc xã luận trong ngày 30 tháng 4 của báo Nhân dân:

“Quân và dân Sài Gòn - Gia Định đang gánh vác trước lịch sử một sứ mạng vô cùng nặng nề nhưng hết sức vẻ vang là đẩy mạnh tiến công và nổi dậy đập tan trung tâm đầu não và hang ổ cuối cùng của ngụy quyền tay sai Mỹ, hoàn thành sự nghiệp giải phóng đất nước.

Đồng bào cả nước ta hướng về Sài Gòn - Gia Định, chờ đón tin thắng trận oanh liệt và tỏ lòng tin tưởng vững chắc rằng quân và dân thành phố anh hùng này nhất định làm tròn nhiệm vụ vẻ vang đối với Tổ quốc”.

Buổi họp giao ban của Bộ chỉ huy chiến dịch hôm nay đông đủ, náo nhiệt, không ai bảo ai, mọi người đều phòng họp từ sớm và tất cả những đồng chí nào có máy thu thanh đều mang theo người. Chúng tôi nhìn nét vẽ đường tiến quân của ta trên bản đồ chiến dịch: 5 cánh quân như 5 cánh sao lớn hợp điểm ở thành phố mang tên Bác. 5 quân đoàn không chỉ là con số cộng đơn giản mà đã thành một chất lượng khác rất mới, rất mạnh. Chúng tôi biết các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy trung ương, các đồng chí đã lãnh đạo và chỉ đạo rất sát và tài tình cuộc chiến đấu hơn 50 ngày qua, lúc này chắc cũng đang tập trung theo dõi mọi diễn biến trên tám bản đồ Sài Gòn. Chúng tôi cũng được biết trên khắp đất nước ta, vào giờ này, nhân dân các địa phương đang quây quần bên tám bản đồ Tổ quốc chờ đón tin thắng lợi để trân trọng tô màu cờ cách mạng lên thành phố Hồ Chí Minh.

Chúng tôi nghe một số tin của địch vừa thông báo cho nhau. Biệt khu thủ đô ngụy báo cho địch ở Long An như sau: “Thủ Đức đã bị quân Cộng sản tràn ngập. Quân cộng sản, có cả xe tăng T-54 đang từ Hóc Môn tiến về Sài Gòn. Tại sao mình không thấy lệnh gì của bên trên cả”. Chúng tôi chưa biết tên tổng tham mưu trưởng của chúng đã bỏ chạy từ sáng sớm rồi. Hạm đội ngụy báo cáo cho các đài trực thuộc của chúng là Bộ Tư lệnh hải quân đã chạy rồi, đừng liên lạc gì nữa, có gì thì liên lạc trực tiếp với hạm đội ngoài khơi.

Tình hình diễn biến càng cho thấy thế trận ta bày ra rất hiểm mà địch thì hoàn toàn ờ vào thế chết. Chúng có biết hướng tiến công chủ yếu của ta là bắc và tây bắc Sài Gòn cho nên chúng đặt ở đây 2 sư đoàn ngụy số 5 và số 25. Địch loay hoay với hai ý định: phòng ngự bên ngoài Sài Gòn từ xa hay có cụm lực lượng về Sài Gòn? Giữ bên ngoài thì bên trong sơ hở vì không còn lực lượng. Còn bỏ bên ngoài lui về giữ bên trong thì bài học Tây Nguyên cho chúng thấy, sẽ là một sự hỗn loạn và chóng đến chỗ diệt vong. Đàng nào cũng chết, không cách gì gỡ được, cái thế của địch là thế chết. Nhưng thế trận sáng 30 tháng 4 là các sư đoàn 5 và 25 ngụy dù muốn có về Sài Gòn cũng không được nữa rồi, vì ta đã vây chặt chúng ở vòng ngoài trong khi đó ta phóng những mũi đột kích rất mạnh thọc

thăng vào Sài Gòn. Sư đoàn 25 ngụ đóng ở căn cứ Củ Chi, còn gọi là Đồng Dù. Căn cứ này do sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới” từ Haoai đến lập ra năm 1966 để chặn đường tiến quân của ta vào Sài Gòn và phá các cơ sở địa bàn đứng chân của ta ở đây. Bọn chỉ huy sư đoàn 25 dùng dây thép gai chặn các cổng ra vào đã khóa chặt để ngăn bọn lính ngụ trốn và đeo khẩu hiệu “Tử thủ”. Từ sáng 29 tháng 4 quân đoàn 3 dùng xe tăng đánh thẳng vào vị trí, xông thẳng về phía căn hầm tên tư lệnh sư đoàn. Bọn tham mưu địch bỏ chạy toán loạn. Cổng chính đã mở và sĩ quan, binh lính địch nhảy qua mọi vật chướng ngại, kể cả dây thép gai và bãi mìn để chạy. Quân ta bắn chỉ thiên để buộc chúng đứng lại đầu hàng. Tên tư lệnh sư đoàn lẩn trốn nhưng rồi cũng bị bắt.

Mất Đồng Dù địch rất hoang mang dao động. Lực lượng địch án ngữ phía tây bắc không có đường rút về Sài Gòn. Nắm vững thời cơ đó, sư đoàn 316 của quân đoàn 3 bố trí chốt chặt các đường, bao vây địch từng đoạn kịp thời chuyển sang tiến công, đánh chiếm trận địa pháo Lập Tảo, phát triển đánh Phước Hiệp, Suối Sâu, Trà Vô, Bến Muồng, Bầu Nâu, Cẩm Giàng, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ trung đoàn 46 ngụ, bắt 600 tên.

Sư đoàn 10, sư đoàn thọc sâu của quân đoàn 3, ngày 29 tháng 4 đánh chiếm Hóc Môn, trại Quang Trung, Bà Quẹo, thừa thắng sáng 30 tháng 4 đánh thẳng tới Ngã tư Bảy Hiền, chiếm cổng số 5 của sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tư lệnh dù địch.

Sáng ngày 30 tháng 4, sư đoàn 10 bắt đầu tiến công sân bay Tân Sơn Nhất và một bộ phận lực lượng phối hợp với quân đoàn 1 đánh sang bộ tổng tham mưu ngụ. Từ 8 giờ 30 phút, pháo ta bắn cấp tập vào sân bay. Lửa khói bốc ngút trời. Tiếng pháo vừa dứt, bộ binh trong đoàn 24 ngồi trên xe tăng, xe bọc thép nhanh chóng xông lên đánh chiếm ngã tư Bảy Hiền, thừa thắng phát triển vào cổng số 5 của sân bay. Ở đây địch chống cự quyết liệt, dùng cả máy bay oanh tạc vào đội hình chiến đấu của ta. Quân ta tăng thêm lực lượng đột kích liên tục, đến 9 giờ 30 phút thì chiếm được cổng sân bay. Cùng thời gian đó một cánh quân khác đánh chiếm Bộ Tư lệnh sư đoàn dù ngụ, bắt liên lạc với phái đoàn quân sự ta ở trại Đêvít. Một cánh quân thứ ba đánh thẳng vào khu truyền tin, Bộ Tư lệnh sư đoàn 5 không quân và Bộ Tư lệnh không quân ngụ.

Phối hợp chặt chẽ với trung đoàn 2, lúc 9 giờ 30 phút trung đoàn 28 cũng bắt đầu đánh thẳng vào cổng chính của bộ tổng tham mưu ngụ.

Sư đoàn 5 ngụ giữ căn cứ Lai Khê trên đường số 13 cách Sài Gòn hơn 50 kilômét về phía bắc cũng bị quân đoàn 1 tiến công dữ dội. Đây cũng là một căn cứ do sư đoàn 1 “anh cả đỏ” của Mỹ lập ra năm 1965. Khi mất liên lạc với sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụ và thấy tình hình chung ở Sài Gòn hết sức nguy ngập, tên chuẩn tướng ngụ Lê Nguyên Vỹ, tư lệnh sư đoàn 5 ra lệnh tập trung xe cộ để chuyển toàn bộ sư đoàn về Sài Gòn. Nhưng đường đi Sài Gòn ta đã chiếm giữ, hấn cùng đơn vị bị chôn chân trong căn cứ.

Một bộ phận quân đoàn 1 ta đánh thẳng vào căn cứ Lai Khê. Lê Nguyên Vỹ tự sát, tên phó của hấn chạy trốn, cơ quan tham mưu sư đoàn 5 ngụ bị ta bắt gọn.

Một cánh quân khác, sư đoàn 312 thuộc quân đoàn 1, từ 5 đến 10 giờ ngày hôm đó tiêu diệt và bức hàng toàn bộ quân địch ở căn cứ Phú Lợi gồm lực lượng của tiểu khu Bình Dương và một bộ phận sư đoàn 5 ngụy.

Dự đoán đúng đường rút lui của địch, quân ta bố trí chốt tại khu vực An Lợi trên đường số 14 nên đã bắt gọn 36 xe và 1.200 tên địch đầu hàng. Tại khu vực Bùng trên đường số 13 quân ta bắt 7.000 tên thuộc sư đoàn 5 địch chạy về Lái Thiêu.

Trong khi đó sư đoàn 320 với sự phối hợp của các binh chủng của quân đoàn 1 đánh chiếm Lái Thiêu tiến về cầu Bình Phước đã được bộ đội đặc công chiếm giữ từ tờ mờ sáng. Trên đường tiến, lúc 8 giờ 30 phút đơn vị này đã tiêu diệt, phá hủy và bắt 180 xe các loại của lữ đoàn 3 kỵ binh ngụy, sau đó phát triển về khu Bộ Tư lệnh các binh chủng của địch ở Gò Vấp. Một cánh khác cũng của sư đoàn thọc sâu triển khai đánh địch từ ngã tư Cầu Bình Phước đến cầu Bình Triệu diệt và làm tan rã mọi lực lượng còn lại của lữ đoàn 3 kỵ binh, bắt xe tăng địch dẫn đường cho ta tiến về bộ tổng tham mưu ngụy.

Trên bản đồ tác chiến của ngụy ở bộ tổng tham mưu, địch ghi một câu hỏi: “Còn sư đoàn 308 ở đây?”. Sư đoàn 308 là một trong những sư đoàn chủ lực thiện chiến và anh hùng của ta mà địch chưa thấy xuất hiện ở mặt trận. Trong những sự sợ hãi của địch, có một cái sợ theo học thuyết quân sự tự sản: “Sợ nhất là sự im lặng của đối phương”.

Sư đoàn 18 ngụy trên đường rút chạy về Thủ Đức, rất hoảng sợ khi thấy quân ta đã đứng chặn ở phía trước. Tên tư lệnh sư đoàn và bộ sĩ quan tham mưu ngụy cải trang đi lẫn vào đám tàn quân hỗn loạn lén lút chạy trốn về Sài Gòn.

Quân đoàn 4 từ 7 đến 9 giờ sáng tập trung lực lượng đánh chiếm sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy, Hốc Bà Thúc sát sân bay Biên Hòa, đánh tan quân địch chống cự ở Hồ Nai, Tam Hiệp, chuẩn bị và Sài Gòn.

Cánh quân đoàn 2, sau một đêm điều chỉnh đội hình bổ sung hiệp đồng, sáng 30 tháng 4 cho binh đoàn thọc sâu, dưới sự chi viện của 3 trận địa hỏa lực, có đặc công, biệt động dẫn đường, bắt đầu vượt sông Sài Gòn mà tiến. Dọc đường quân đoàn dùng hỏa lực trong hành tiến diệt các ổ đề kháng địch ở Thủ Đức, phía bắc cầu Rạch Chiếc.

9 giờ 30 phút bộ phận đi đầu đến cầu Rạch Chiếc. Cầu này đã được quân biệt động ta đánh chiếm trước và giữ cho đến lúc quân chủ lực tới.

Những bộ phận đi đầu của đoàn 232 trên hai hướng tây nam, đang tiến gần về phía biệt khu thủ đô và tổng nha cảnh sát ngụy.

Trên đường số 4, ta vận động tiến công tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ sư đoàn 22 ngụy mới khôi phục, liên đoàn 6 biệt động quân, giải phóng thị xã Tân An, đánh chiếm chi khu Thủ Thừa.

Cũng trong sáng 30 tháng 4, để hòng vớt vát được chút gì, ngụy quyền Sài Gòn triệu tập một cuộc họp các “tổng trưởng” ngụy ở “Dinh Độc Lập” để làm lễ ra mắt “tân nội các” vào lúc 10 giờ sáng.

Nhưng đã quá muộn. Đúng 9 giờ 25 phút, chúng được tin đã mất bốn sư đoàn: 5, 18, 22 và 25m các lữ đoàn thủy quân lục chiến, thiết giáp bị đánh tan nát, quân ta đánh vào Tân Sơn Nhất và bộ tổng tham mưu, các xe tăng ta đã vượt qua các cầu trên sông Sài Gòn, thành phố bị chia cắt hẳn với quân đoàn 4 địch ở đồng bằng sông Cửu Long. Trước tình thế đó chúng thấy: thế là hầu như không còn gì nữa và buộc phải đưa ra một tuyên bố của "Tổng thống" ngụy xin ngừng bắn. Bản tuyên bố ấy được viết, thu tiếng nói vào băng ghi âm tại "dinh Độc Lập" và đưa đi phát thanh.

Giữa lúc cả "triều đình" cuối cùng của chế độ Mỹ dựng lên ngôi trong "Dinh Độc Lập" thì cửa phòng mở. Họ đứng cá dẫy, tưởng là quân giải phóng tới. Người bước vào là tên tướng Va-nuy-xem. Tên tướng này một mình đi vào "Dinh Độc Lập". Hắn xộc lên chỗ phòng "nội các" ngụy đang ngồi, ngăn đem cuộn băng ghi âm của "Tổng thống" ngụy đi phát thanh. Rồi hắn gặp "Tổng thống" ngụy để bày kế chặn cuộc tổng công kích của ta vào Sài Gòn.

Mưu ma chước quỷ của Va-nuy-xem thật là nực cười, hành động thật là thô bạo, trắng trợn, nói nhiều ra chưa tiện, nhưng cũng không giúp được ngụy quyền đảo ngược tình thế. Cuộn băng ghi âm tiếp tục được đi phát thanh. "Tổng thống" ngụy đề nghị "ngừng bắn"... để cùng thảo luận về bàn giao chính quyền". Đến lúc này địch còn dùng thủ đoạn hòng ngăn chặn bước tiến quân của ta đến toàn thắng!

Trước tình hình đó, Bộ chính trị đã chỉ thị ngay cho mặt trận như sau:

"Tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của địch".

Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh, sau khi thảo luận tập thể, đã ra mệnh lệnh sau đây gửi ngay cho các quân khu, quân đoàn, các đơn vị:

1. Các quân khu, quân đoàn, đơn vị tiếp tục phát triển tiến công thật nhanh vào các khu vực và mục tiêu đã quy định trong thành phố và địa phương.

2. Kêu gọi quân địch đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí, bắt giữ và tập trung các sĩ quan địch từ cấp tá trở lên.

3. Nếu chỗ nào địch chống cự thì lập tức tiến công tiêu diệt ngay"

Khi chưa nhận được lệnh nói trên của Bộ chỉ huy chiến dịch và ngay sau khi nghe tin địch yêu cầu ngừng bắn, các đơn vị trên toàn mặt trận vẫn tiến quân nhanh vào các đường phố Sài Gòn. Bộ đội ta nói với nhau: "Không có chuyện ngừng bắn. Cứ tiếp tục tiến công. Thời cơ nghìn năm có một là đây". Chúng tôi rất mừng thấy cán bộ và chiến sĩ ta quả là trưởng thành nhiều và hết sức nhạy bén về chính trị, có ý chí quyết thắng rất cao, có tinh thần kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đối với vận mệnh dân tộc, quán triệt đầy đủ quyết tâm chiến lược của Bộ chính trị.

Điều mới lạ nhất của chiến dịch lịch sử này chính là cái đã nảy ra trong tâm hồn cán bộ và chiến sĩ ta. Cái gì đã làm nên khí thế bộ đội ta ra quân hùng dũng nhất, kiên quyết nhất trong chiến dịch năm nay? Cái gì đã làm cho bộ đội ta ai

cũng hiểu rõ quyết tâm lớn của Đảng, của dân tộc, hiểu rõ thời cơ vô cùng quý giá này và hiểu rõ cách đánh chưa từng thấy này? Cái gì đã làm cho bộ đội ta dũng cảm, khẩn trương một cách lạ thường, thông minh về chính trị một cách xuất sắc vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh này?

Ý chí và bản lĩnh ấy của quân đội ta không phải ngày một ngày hai mà có được. Đây là kết quả cả một quá trình liên tục tiến hành công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng trong các lực lượng vũ trang. Và trong 30 năm chiến đấu vừa qua, có chiến dịch nào mà Bác Hồ chẳng cùng bộ đội ta hành quân. Ra trận năm nay, toàn quân ta có sức mạnh phi thường chưa từng có khi trận quyết chiến chiến lược này mang chính tên Người: Hồ Chí Minh, đối với mỗi cán bộ, mỗi chiến sĩ ta mang niềm tin, là sức mạnh và lẽ sống. Trong những cánh quân trùng trùng điệp điệp tiến lên phía trước, mỗi chiến sĩ ta mang tới thành phố Hồ Chí Minh hy vọng của dân tộc và tình yêu đất nước. Sức bật của Tổ quốc tích lũy nhiều năm hôm nay chính mắt anh chiến sĩ được thấy và sức bật của chính anh không thứ gì, không thù đoạn nào của kẻ thù ngăn lại được.

Các cánh quân tiến nhanh về năm mục tiêu chủ yếu để rồi từ đó tỏa ra.

Nhìn trên bản đồ tác chiến, năm cánh quân của ta như năm bông sen nở tung ra từ năm mục tiêu tiến công chủ yếu quân đoàn 1 đã chiếm bộ tổng tham mưu ngụy và khu bộ tư lệnh các binh chủng địch. Quân đoàn 3 chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và đã gặp một cánh quân trụ sẵn ở đây: phái đoàn quân sự của ta ở trại Đê-vít, một cánh gặp nhau lý thú đầy xúc động. Quân đoàn 4 chiếm bộ quốc phòng ngụy, cảng Bạch Đằng và đài phát thanh. Quân đoàn 232 chiếm “đình Độc Lập”, nơi bọn ngụy đầu sỏ tay sai Mỹ bán độc lập, buôn máu người và buôn lậu. Bộ đội ta xông ngay lên gác, nơi “nội các” ngụy đang họp và bắt giữ ngay tại chỗ toàn bộ đầu sỏ ngụy quyền trung ương, kể cả “Tổng thống” ngụy. Bộ đội ta xử trí linh hoạt, tuyên bố vùng vàng, biểu hiện khí thế một quân đội chiến thắng. Cờ cách mạng tung bay trên “Đình Độc Lập” trở thành hợp điểm của cánh quân giải phóng Sài Gòn.

Tại cơ sở chỉ huy mặt trận, chúng tôi mở các máy thu thanh để nghe. Tiếng của “Tổng thống” ngụy quyền nói xin hạ vũ khí đầu hàng quân đội không điều kiện. Sài Gòn hoàn toàn giải phóng! Toàn thắng! Chúng ta toàn thắng rồi! Tất cả chúng tôi trong sở chỉ huy đều nhảy lên, reo lên, ôm hôn nhau, công kênh nhau. Tiếng vỗ tay, tiếng cười ran, tiếng nói vui, náo nhiệt, ríu rít, tung bừng như cả mùa xuân ập đến. Một cảnh tượng mừng vui không gì tả được. Các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng ôm chầm lấy tôi và tất cả các cán bộ, chiến sĩ có mặt. Tất cả chúng tôi nghẹn ngào, xúc động vì sung sướng. Tôi châm một điếu thuốc lá hút. Đồng chí Đinh Đức Thiện mắt đỏ hoe nói: “Bây giờ nếu có nhắm mắt cũng yên lòng”. Cái giây phút lịch sử thiêng liêng này, sáng khoái và hả hê này, cả một đời người, cả nhiều đời người mới có. Đời chúng ta đã biết nhiều buổi sớm mai thắng lợi, nhưng không buổi sớm mai nào tươi đẹp, rục rờ, trong mát, ngát thơm như buổi sớm mai toàn thắng hôm nay, buổi sớm mai em bé lớn thêm, cụ già trẻ lại.

Điện của Bộ chính trị gửi cho chúng tôi: “Đã nhận được tin ta đã cắm cờ trên “đỉnh Độc Lập”, gửi các anh lời chúc mừng đại thắng. Bộ chính trị rất vui”. Và có cả tiếng nói từ trái tim Tổ quốc qua máy điện thoại truyền đến chúng tôi: “Chúc mừng đại thắng. Các anh trong ấy có nghe thấy tiếng pháo nổ không? Hà Nội đang ran tiếng pháo đây”.

Cả Hà Nội đổ ra đường, đốt pháo, tung hoa, vẫy cờ. Hà Nội thủ đô của cả nước, Hà Nội anh hùng, nơi có Bác Hồ và bộ óc vĩ đại của Đảng ta, đã cùng toàn quốc làm nên chiến thắng này. Rừng người, biển người tràn đi các phố trong tiếng reo ca. Cả nước ta ra đường hít sâu bầu không khí ngày vui trọn vẹn. Cả nước nháy mừng ngày hòa bình thật sự sau 30 năm chiến tranh, ngày xóa họa chia cắt và kết thúc nỗi khổ phân ly.

Tất cả nhân dân ta, trừ bọn bán nước, dào dạt tự hào, phấn chấn, cất cao tiếng hát toàn thắng. Khuôn mặt nhân dân ta chưa bao giờ đẹp bằng hôm nay. Nhân dân anh hùng chúng ta xứng đáng với chiến công vĩ đại này và chính thắng lợi lịch sử này mang nặng công sức trời biển và những hy sinh to lớn của nhân dân ta. Từ nay đất nước liền một dải, non sông về một mối, hòa bình thật dứt khoát, độc lập thật hoàn toàn. Gia đình đoàn tụ mà dân tộc cũng đoàn viên.

Đồng chí Võ Xuân Sáng, cán bộ bảo vệ của tôi, là người chụp ảnh không chuyên nhưng đã ghi được quang cảnh hồ hởi của sở chỉ huy vào phút toàn thắng đầu tiên. Chúng tôi vui quên ăn, quên ngủ. Và chúng tôi đã khóc. Phải, nước mắt chỉ để dành cho ngày toàn thắng hôm nay mà cả mấy thế hệ đã chiến đấu trọn nghĩa, trọn tình và đã ký gửi cuộc đời mình vào đó.

Ý nghĩ và ý nghĩ đầu tiên của chúng tôi vào giây phút đầu tiên của toàn thắng là nghĩ về Bác Hồ kính yêu, mà tên tuổi gắn liền với chiến dịch lịch sử vĩ đại này, gắn liền với mọi thắng lợi của nhân dân ta. Nhân dân và quân đội ta sung sướng báo cáo với Bác đã thực hiện được hết sức tốt đẹp. Hôm nay vẫn có tiếng chuông reo trên nhà sàn của Bác báo tin thắng trận, vẫn có tiếng kèn toàn thắng tràn qua song cửa lọt vào trang thơ trên bàn của Bác, vẫn có cánh tay triu mến vẫy gọi đến Bác ôm hôn, vẫn có dáng hình Bác trong ngày hội toàn thắng về vang, bắt nhịp cho chúng ta hát.

Các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng và tôi tựa ghế nhìn bản đồ thành phố Hồ Chí Minh trải rộng trên bàn. Chúng tôi nghĩ đến nhiều công việc bề bộn đang đặt ra. Điện, nước ở Sài Gòn có tiếp tục hoạt động được không? Ngụy quân tan rã tại chỗ đông gần một triệu, nên giải quyết như thế nào? Làm cách nào cứu đói cho dân và tìm công ăn việc làm cho hàng triệu người thất nghiệp? Cần xin trung ương gửi gấp vào những vật tư gì để nuôi sống các nhà máy ở Sài Gòn? Làm sao xây dựng được nhanh chóng chính quyền cách mạng cơ sở? Chính sách đối với giai cấp tư sản nên như thế nào? Và làm thế nào để đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội cùng cả nước? Sự kết thúc cuộc chiến đấu này là sự mở đầu một cuộc chiến đấu khác, phức tạp và gian khổ không kém. Khó khăn có nhiều nhưng thuận lợi không ít, Sài Gòn và miền Nam đi trước về sau xứng đáng được hưởng cuộc sống hòa bình, ấm no, hạnh phúc.

Đến đây tôi thấy có nghĩa vụ phải nói thêm đôi điều về vai trò nổi dậy của nhân dân miền Nam trong trận quyết chiến cuối cùng này. Đó cũng còn là sự thôi thúc của tình cảm đối với đồng bào miền Nam, những anh hùng đã điểm tô những nét tươi sáng tuyệt vời làm nổi bật vẻ hoành tráng của bức tranh chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Trong lịch sử các cuộc chiến tranh giải phóng, thật hiếm có trường hợp một thủ đô của địch “bão hòa” về lực lượng vũ trang và bộ máy kìm kẹp, nhưng lại luôn luôn bất ổn về chính trị, nhiều lần rung chuyển, lung lay vì các cuộc đấu tranh bên bí, quyết liệt của quần chúng như trường hợp thành phố Sài Gòn.

Ở giai đoạn kết thúc của cuộc chiến tranh cứu nước, do tác động của bước chuyển biến quan trọng về lực lượng so sánh chưa bao giờ hai mặt đấu tranh quân sự, chính trị có điều kiện thuận lợi để kết lại thành cao trào tiến công như bây giờ. Và các đồng chí lãnh đạo địa phương đã nhạy bén nắm bắt vận hội, tiến hành công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức sâu rộng, đẩy khí thế, đưa quần chúng lên trận tuyến diệt thù, giành lại quyền làm chủ quê hương. Những ngày cuối tháng tư này đã trở thành những ngày hội thực sự của nhân dân lao động Sài Gòn nói riêng và của miền Nam nói chung. Sau khi đòn tiến công quân sự đã đập tan cái vỏ cứng bao quanh thành phố trong ngày và đêm 29 tháng 4 năm 1975, cùng nhịp bước vui đà tiến của đại quân đã có hơn một trăm điểm nổi dậy của quần chúng, hợp sức với các đội đặc công, biệt động đánh chiếm các mục tiêu đã quy định, giành chính quyền ở cơ sở, chiếm xưởng, chiếm sở, giữ gìn hồ sơ, máy móc không cho địch phá hoại. Có thể nói toàn bộ những cơ sở kinh tế lớn trong nội thành đều được nhân dân chiếm giữ, bảo vệ, giao lại cho cách mạng.

Quân ta vào tới đâu, được giúp sức bởi quy mô, cường độ và thắng lợi của đòn quân sự, nhân dân đã dấy lên một phong trào làm binh vận góp phần thúc đẩy sự tan rã hoàn toàn của hơn nửa triệu quân nguy gồm quân tại chỗ và tàn quân bị đại quân ta đánh đòn vào Sài Gòn. Đồng bào khuyên giải, kêu gọi binh lính nguy “cởi áo, tháo giầy, vứt súng” đầu hàng, bỏ ngũ, chỉ nơi lẫn trốn của chúng cho bộ đội ta lùng bắt, giữ gìn trật tự an toàn trên các đường phố.

Như các thông tấn nước ngoài đã thuật lại, ngay khi Dương Văn Minh đang nhậm chức tổng thống nguy, nạn cướp bóc đã lan rộng khắp thành phố, kỷ luật đã tan vỡ hoàn toàn. Hàng ngàn thường dân và lính đảo ngũ đã tấn công các kho lương thực, thực phẩm của Mỹ trong những phút cuối cùng của chế độ cũ, cuộc sống cũ. Phương Tây tiên đoán một cuộc “tắm máu” những thành phố bị tan nát như ở châu Âu trong chiến tranh thế giới thứ II khi Việt cộng vào thành phố. Họ không thể ngờ và không hết ngạc nhiên khi thấy cuộc chiến đã kết thúc “gọn gàng” và “sạch sẽ” đến như vậy. Ngay trong ngày giải phóng, một thành phố đông tới trên 3 triệu dân vẫn có điện, nước sinh hoạt bình thường, sinh mạng, của cải của dân chúng được bảo đảm không hề có cảnh “hỗn quân, hỗn quan” như mấy ngày “rã đám” của nguy quyền.

Quả là một kỳ tích chỉ có thể có khi đại nghĩa dân tộc, chính sách của cách mạng đã đi vào lòng người khiến họ vùng lên, giành quyền làm chủ vận mệnh của mình, hòa nhịp với đòn sấm sét của binh đoàn chủ lực. Đó là gì, nếu không

phải là một dạng nổi dậy trong chiến tranh, một nét độc đáo trong thể trận tiến công tổng hợp của chiến tranh cách mạng miền Nam.

Sài Gòn và Gia Định được giải phóng đã tạo điều kiện nhất định cho việc giải phóng nốt các tỉnh còn lại ở đồng bằng sông Cửu Long. Theo sự chỉ đạo của Bộ chính trị và quân ủy trung ương, Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh dự kiến sẽ dùng một bộ phận quân chủ lực và binh khí kỹ thuật tiến công về đồng bằng sông Cửu Long tiêu diệt nốt quân đoàn 4 nguy nếu chúng còn ngoan cố chống cự. Nhưng phương án này đã không phải thực hiện vì lực lượng tại chỗ của quân dân hai quân khu 8 và 9 đã hoàn thành mục tiêu ấy một cách chủ động và sáng tạo với nhiều hình thức đấu tranh rất phong phú.

Ngày từ đầu tháng 4 năm 1975 trung ương cục và Bộ chỉ huy Miền đã ra chỉ thị cho mặt trận đồng bằng sông Cửu Long chuẩn bị gấp cho tổng công kích và tổng khởi nghĩa phối hợp với mặt trận Sài Gòn - Gia Định. Chỉ thị quy định đồng loạt tiến công và nổi dậy từ ngày 29 tháng 4 theo phương châm đã nêu là tỉnh giải phóng lính, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã bằng lực lượng bản thân mình.

Khu ủy và Bộ Tư lệnh quân khu 8 và 9 đã tổ chức 4 mặt trận.

- Mặt trận cắt đường số 4.
- Mặt trận vành đai bao vây tiến công Cần Thơ (gồm Bộ Tư lệnh vùng 4 nguy và hai sân bay Trà Nóc, Lộ Tè).
- Tham gia cánh quân phía nam giải phóng Sài Gòn.
- Huy động lực lượng vũ trang và quần chúng địa phương nổi dậy tự giải phóng.

Quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ chia cắt, kìm giữ địch trên khu vực phía nam của chiến dịch, đồng thời đưa lực lượng tiến theo đường số 4 cùng các quân đoàn chủ lực tiến công Sài Gòn. Cánh quân này đến đêm 29 tháng 4 đã tiến đến cầu chữ Y, sang ngày 30 tháng 4 vượt cầu, đánh chiếm Bộ Tư lệnh cảnh sát nguy, biệt khu thu đô, sau đó đánh chiếm khu Nhà Bè.

Ngày 30 tháng 4 và mùng 1 tháng 5 cuộc tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn đồng bằng sông Cửu Long đã diễn ra đồng loạt theo kế hoạch với nhịp độ dồn dập, mạnh mẽ, nhấn chìm căn cứ cố thủ cuối cùng cũng là niềm hy vọng cuối cùng của địch.

Lực lượng địch ở đây có ba sư đoàn 7, 9, 21 với các đơn vị thiết giáp, pháo binh, giang đoàn và bảo an dân vệ cùng với Bộ Tư lệnh không quân nguy từ Tân Sơn Nhất chuyển về Bộ Tư lệnh quân đoàn 4 và quân khu 4 địch chống cự quyết liệt ở tuyến vòng cung ngoài, song tình thế của chúng đã tuyệt vọng. Sư đoàn 4 chủ lực của Quân khu 9 đã đánh chiếm sân bay Trà Nóc, sau đó nhanh chóng tiến vào khu trung tâm thành phố. Lực lượng biệt động phối hợp với quần chúng nổi dậy phá trại giam, giải thoát gần 1.000 cán bộ và đồng bào bị địch giam giữ, chiếm dài phát thanh và làm chủ các phường, khóm. Thiếu tướng nguy Nguyễn Khoa Nam - Tư lệnh quân đoàn 4 kiêm tư lệnh quân khu 4 vẫn ngoan cố ra lệnh

chống trả mặc dù lúc này tổng thống ngự đã tuyên bố đầu hàng. Đến chiều ngày 30 tháng 4 Nguyễn Khoa Nam triệu tập chuẩn bị đến họp để bàn mưu tính kế đối phó với ta. Nhưng dưới sức ép áp đảo của ta các trung đoàn 31, 32, 33 ngự cùng phần lớn cơ quan chỉ huy sư đoàn 21 đã tự động vứt bỏ vũ khí cởi áo lính, trốn chạy về nhà. Nguyễn Khoa Nam tự kết liễu đời mình, chỉ còn một số sĩ quan cao cấp ngự ở lại xin đầu hàng ta vào lúc 20 giờ cùng ngày.

Tại Mỹ Tho, trưa ngày 30 tháng 4 đội biệt động của thành đoàn thanh niên lao động phát động quần chúng ở một số phường trong thị xã nổi dậy, kêu gọi binh lính, cảnh sát, phòng vệ dân sự nộp súng cho cách mạng. Một số học sinh dùng xe máy, xe lam chạy qua các phố gọi loa báo tin Dương Văn Minh đã đầu hàng. Quân địch ở Bến Chương Dương xả súng vào các xe này làm một số em hy sinh, bị thương. Đến chiều ngày 30 tháng 4 lực lượng bộ đội địa phương tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang quần chúng tại chỗ chiếm ty công an, tiểu khu Định Tường, trung đoàn 1 (sư đoàn 8, quân khu 8 của ta) diệt thiết đoàn 6 ở Chợ Cù. Chuẩn tướng ngự Trần Văn Hai tư lệnh sư đoàn 7 ngự phụ trách bảo vệ Mỹ Tho và căn cứ Đồng Tâm triệu tập bọn sĩ quan thuộc quyền đến họp nhưng thuộc hạ đã lũ lượt bỏ trốn chẳng còn ai. Chán nản và tuyệt vọng, Trần Văn Hai tự sát lúc 3 giờ sáng ngày mùng 1 tháng 5. Sư đoàn 7, sư đoàn mạnh nhất của quân đoàn 4 ngự như vậy là đã bị xóa sổ.

Tại Gò Công ngay từ đầu tháng 4 cán bộ binh vận của ta đã móc nối được với nhiều cơ sở trong các đơn vị bảo an dân vệ nên khi nhận được tin Sài Gòn giải phóng, các lực lượng chính trị của ta đã kịp thời hành động, nổi dậy chiếm thị xã hồi 15 giờ ngày 30 tháng 4. Sau đó họ đón 2 đại đội địa phương tỉnh về tiếp quản thị xã.

Tại Trà Vinh, sáng ngày 30 tháng 4 lực lượng vũ trang tỉnh từ nhiều hướng tiến về thị xã, phối hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ và nhân dân bức hàng các đồn bảo an, chiếm sân bay, trận địa pháo binh. Bộ phận còn lại của địch chạy về dinh tỉnh trưởng chống trả quyết liệt. Nhưng trước khí thế áp đảo của cách mạng đến 10 giờ 30 phút cùng ngày chúng đã buộc phải đầu hàng. Đây là tỉnh được giải phóng sớm nhất ở đồng bằng sông Cửu Long.

Còn ở Long An, sư đoàn 9 ngự cho chuẩn tướng Huỳnh Văn Lạc làm tư lệnh đảm nhiệm giải tỏa đường số 4 tại khu vực này. Được tin ngự quyền trung ương sụp đổ, sĩ quan, binh lính địch trong sư đoàn hoang mang cực độ, mất hết tinh thần, nhất loạt bỏ trốn, toàn tỉnh được giải phóng trong khí thế triều dâng thác đổ của đòn tiến công tổng hợp của cách mạng.

Cùng ngày 30 tháng 4 lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Sa Đéc được giải phóng. Ngày 1 tháng 5 các tỉnh còn lại: Chương Thiện, Long An, Châu Đốc, Kiến Tường, Bến Tre, Cà Mau lần lượt giành chiến thắng.

Bằng lực lượng của bản thân được xây dựng, tôi luyện và trưởng thành qua mấy chục năm liên tục chiến đấu, lực lượng vũ trang và nhân dân vùng đồng bằng sông Cửu Long kết hợp tiến công và nổi dậy, hòa nhịp với cuộc Tổng tiến

công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn góp phần hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam Tổ quốc.

Thiết tưởng đến đây câu hỏi về nguyên nhân của sự kết thúc “gọn gàng”, “sạch sẽ” của cuộc kháng chiến thần thánh đã nhận được lời giải đáp thuyết phục. Chính những cuộc nổi dậy của nhân dân miền Nam dưới những hình thức khác nhau ở hầu khắp các địa phương trong Mùa Xuân 1975 đã góp phần có ý nghĩa quyết định vào “tốc độ thần tốc” của cả trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, cũng như nhịp độ tiến công vũ bão của các binh đoàn chủ lực.

Ta cũng bắt đầu đưa xe tăng và pháo binh xuống tàu để cùng hải quân và không quân chuẩn bị tiến đánh đảo Côn Sơn, một trận hiệp đồng hải lục không quân đầu tiên của ta. Nhưng lúc tàu sắp rời bến thì được tin các chiến sĩ yêu nước ở Côn Sơn đã nổi dậy tự giải phóng đảo. Riêng đảo Phú Quốc thì Bộ Tư lệnh Quân khu 9 có kế hoạch tăng cường lực lượng để giải phóng. Các tàu hải quân được lệnh đi đón các chiến sĩ yêu nước trên các đảo vừa thoát khỏi nhà giam địch.

Ngày 1 tháng 5, sở chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh mừng chiến thắng hoàn toàn giải phóng miền Nam và kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Kẹo, bánh, nước ngọt bày trên bàn. Và khi thấy có chai rượu, đồng chí Phạm Hùng ngạc nhiên hỏi rượu ở đâu ta, thì đồng chí Đinh Đức Thiện nói “lộ bí mật.”

- Hôm nay nhân tiện cũng là ngày sinh đồng chí Văn Tiến Dũng, rượu này là của “hậu phương” gửi vào cho đồng chí. Tôi cũng đã uống rượu này ngày 1 tháng 5 năm 1972 ở Quảng Trị.

Trong cánh rừng mật trận im tiếng súng báo hiệu thời đại Tổ quốc ta đã sang xuân, đồng chí Phạm Hùng vui vẻ mời mọi người nâng cốc chúc mừng ngày toàn thắng. Vinh quang này thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh! Vinh quang này thuộc về Đảng anh hùng, về trung ương Đảng ta, về Bộ Chính trị! Vinh quang này thuộc về các lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng tuyệt vời của cả nước ta! Vinh quang này thuộc về nhân dân vĩ đại và anh hùng cả nước ta! Vinh quang này thuộc về các anh hùng, liệt sĩ đã ngã xuống vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội của Tổ quốc ta!

Chúng tôi lên xe đi vào Sài Gòn qua những vùng địa bàn chỉ cốt với sự nghiệp giải phóng Sài Gòn: Trảng Bàng, Củ Chi và những vùng vẫn cứ cách mạng lâu năm từ thời xây dựng Đảng: Hóc Môn, Bà Điểm. Trên đường, trong xóm, ngoài phố, không có biển máu mà chỉ có biển người ấy hòa vào dòng xe của bộ đội dài dằng dặc, tự nó báo tin toàn thắng. Dọc đường còn ngổn ngang quần áo, lon ngù, súng đạn, giày, mũ, xe pháo của ngụy quân thua trận bỏ lại. Ở đây phơi ra không những vết tích của một lực lượng quân sự bị đánh sập mà còn các vết tích của một học thuyết chính trị phản động tan vỡ, học thuyết của một bọn đế quốc hợm của và súng bái vũ khí đến mù quáng. Điều mỉa mai là căn cứ nào, doanh trại nào của địch cũng đắp nổi, sơn vẽ dòng chữ rất to: “Danh dự - Trách nhiệm - Tổ quốc” cái mà địch không có, chúng thường phải hô to nhiều nhất. Đường chính vào Sài Gòn rất tốt, trước địch làm để phục vụ các cuộc hành quân. Các căn cứ, kho tàng địch rộng và lớn. Những nhà ngân hàng, những cư xá Mỹ,

những khách sạn... nhiều tầng cao, đồ sộ, quảng cáo cho chủ nghĩa thực dân mới với ngụ ý nó sẽ đứng vững chãi ở đây, nó sẽ đứng lâu dài không thời hạn. Năm 1968, Oét-mo-len huênh hoang: “Chúng ta (Mỹ) sẽ ở Việt Nam mãi mãi. Bom đạn của chúng ta sẽ chứng minh điều đó”. Nhưng sự thật chứng minh đều hoàn toàn ngược lại. Chúng tôi vào bộ tổng tham mưu ngụy. Ở đây cũng như ở tổng nha cảnh sát ngụy, các hồ sơ tài liệu tối mật của bọn chỉ huy ngụy vẫn còn. Chiếc máy tính điện tử hiện đại của địch có bộ nhớ tên tuổi, lai lịch từng tên sĩ quan, tên lính trong số hơn một triệu quân của chúng vẫn còn chạy. Máy tính điện tử Mỹ không thắng trong cuộc chiến tranh này. Trí tuệ và ý chí của dân tộc ta đã toàn thắng.

Từ bộ tổng tham mưu ngụy chúng tôi đến trại Đê-vít ở sân bay Tân Sơn Nhất. Trong phòng họp báo trước kia của phái đoàn ta, đồng chí Hồ Xuân Anh “đăng cai” cuộc họp đầu tiên của Bộ chỉ huy chiến dịch sau toàn thắng với các Tư lệnh và Chính ủy các Quân đoàn 1, 2, 3, 4, Đoàn 232, và Đoàn 559 để giao nhiệm vụ cụ thể cho các binh đoàn phải làm trong thời kỳ quân quản thành phố và phân công tiếp quản các cơ sở quân sự của địch.

Mới cách đây 17 ngày, khi giao nhiệm vụ cho từng quân đoàn tiến công vào Sài Gòn và phân công tiếp quản thành phố, chúng tôi chỉ bàn với nhau trên bản đồ. Hôm nay ngồi giữa Sài Gòn đã giải phóng, chúng tôi đã nhìn tận mắt, đến tận nơi để bàn bạc và giao nhiệm vụ “trên thực địa”. Có đồng chí thốt lên: “Nhanh quá. Đẹp hơn cả giấc mơ”.

Ít hôm sau, đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Võ Nguyên Giáp từ Hà Nội đáp máy bay vào Sài Gòn hạ cánh ở sân bay Tân Sơn Nhất. dưới ánh nắng tháng 5 rực sáng của thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Bí thư thứ nhất kính yêu của chúng ta bước xuống máy bay, tay cầm khăn chấm giọt nước mắt. Nhiều năm hoạt động gian khổ trên chiến trường miền Nam, đồng chí hiểu sâu sắc giá trị của chiến thắng vĩ đại hôm nay. Gặp các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Trần Quốc Hoàn, các đồng chí trung ương Cục và tôi cùng nhiều đồng chí khác ra đón, đồng chí Lê Duẩn ôm hôn thấm thiết, biểu dương việc làm đã qua và nhắc tới nhiều việc quan trọng mới phải làm.

Hôm Chủ tịch Tôn Đức Thắng dẫn đầu đoàn đại biểu miền Bắc vào thành phố Hồ Chí Minh dự lễ chiến thắng, các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, các đồng chí trong trung ương Cục, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Huỳnh Tấn Phát, các vị trong Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam và nhiều vị khác cùng hàng nghìn nhân dân Sài Gòn đủ lứa tuổi cầm cờ hoa ra đón bác Tôn tại sân bay Tân Sơn Nhất. Các đồng chí Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt và tôi lại là thành viên của đoàn miền Bắc. Máy bay vừa dừng bánh giữa tiếng reo mừng của nhân dân, chúng tôi lên máy bay đến chào bác Tôn tại chỗ Bác ngồi. Tôi đứng nghiêm báo cáo với Bác Tôn:

- Báo cáo đồng chí Chủ tịch nước, các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam.

Tôi ghen ngào không nói được hơn. Thấy Bác Tôn lại nhớ Bác Hồ. Đất nước quang vinh, miền Nam thân yêu hoàn toàn giải phóng thì lại vắng Bác Hồ. Miền Nam luôn trong trái tim người. Tôi bỗng nhớ đến một ngày năm 1969, trước khi tôi đi sang một nước xã hội chủ nghĩa anh em, Bác Tôn dặn tôi nhớ đến thăm hai cháu du kích gái quê ở miền Nam, trong đó có cháu Kiện bị địch bắt chặt một chân, đang nằm chữa trị ở nước bạn. Tôi về nước và ngày 7 tháng 8 năm 1969, trong bữa cơm chiều với Bác Hồ và Bác Tôn, tôi báo cáo với Bác Hồ tình hình sức khỏe hai cháu, đưa bác tấm ảnh chụp với hai cháu và đưa thư của hai cháu gửi lên Bác Hồ, Bác tỏ ra yên tâm. Người thường ăn không ngon, ngủ không yên khi đồng bào miền Nam còn đau khổ. Đêm qua, trời lại sáng mà đồng bào miền Nam không được đón Bác vào. Nhưng ý chí và tư tưởng của Người sống mãi ngàn thu với dân tộc, với đất nước, và với mỗi con người Việt Nam.

Sau lễ chiến thắng trước “Dinh Độc Lập” trở thành trụ sở Ủy ban quân quản thành phố lúc đó, và mừng kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể các đồng chí trong Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh, các cán bộ cao cấp chỉ huy các đơn vị, các cơ quan, các ngành tham gia chiến dịch cùng về Đà Lạt dự hội nghị sơ kết chiến dịch. Tiết trời Đà Lạt tháng 5 làm nhớ đến Hà Nội sang thu. Tính từ khi Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đến nay vừa tròn 5 tháng.

Hội nghị họp tại khách sạn Pa-lát, tòa nhà lớn nhất Đà Lạt nhìn xuống hồ Xuân Hương và cả một vùng trung tâm thành phố. Đây là nơi 29 năm về trước, trong cuộc đàm phán giữa ta và Pháp, thực dân Pháp ngoan cố đòi tách Nam Bộ khỏi Việt Nam và lập lại ách thống trị cũ dưới một hình thức mới. Hôm nay, tại đây, có đông đủ đại diện các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam đã giành toàn thắng cho chiến dịch Hồ Chí Minh, đã giành lại hòa bình, độc lập, thống nhất trọn vẹn cho dân tộc. Anh em đồng chí hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ bên nhau từ mọi hướng chiến dịch, từ mọi mặt trận của cuộc tổng tiến công và nổi dậy toàn thắng, người phía trước, người phía sau, lần đầu gặp nhau đông đủ, tay bắt mặt mừng. Nhìn những khuôn mặt thân yêu, chúng tôi nhớ đến giọng nói, dòng chữ, qua đài, qua điện, bao nhiêu phút giây nghiêm trang hoặc căng thẳng, sáng khoái hay hồi hộp của mấy tháng trường chiến dịch đánh không nghỉ.

Đồng chí Phạm Hùng, Chính ủy thay mặt Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, khai mạc hội nghị:

“Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng là đỉnh cao cuộc Tổng tiến công và nổi dậy long trời lở đất của quân và dân ta từ đầu tháng 3 đến ngày 30 tháng 4 đã nhanh chóng đập tan hang ổ cuối cùng của địch, giải phóng thành phố Hồ Chí Minh trong một thời gian rất ngắn, diệt, làm tan rã và bắt toàn bộ lực lượng của địch ở các quân khu 3 và 4, bao gồm các lực lượng tổng dự bị, các quân chủng, binh chủng, các đơn vị chủ lực và địa phương, thu toàn bộ vũ khí, chiếm lĩnh toàn bộ các hải cảng, sân bay, kho tàng, đánh đổ toàn bộ hệ thống chính quyền tay sai từ trung ương đến địa phương, kết thúc toàn thắng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của toàn miền, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Nếu trước đây, với chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta đã đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ, thì ngày nay với chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, chúng ta đã kết thúc chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở nước Việt Nam ta, thực hiện trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu.

Kể từ khi có Đảng, qua gần nửa thế kỷ liên tục đấu tranh, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để nay đã hoàn thành trong cả nước. Thắng lợi này tạo ra đầy đủ những điều kiện cơ bản thuận lợi để nhân dân ta xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới”.

Đồng chí Lê Đức Thọ, thay mặt Bộ chính trị, biểu dương chiến công vĩ đại của quân và dân ta, phân tích một cách sâu sắc, đầy đủ ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân nói chung và đặc biệt của chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh toàn thắng. Đồng chí nói đại ý:

Chúng ta thắng do nhiều nguyên nhân. Cái chính nhất mọi thắng lợi là sự lãnh đạo đúng đắn và tài tình của Đảng. Thắng lợi còn do những nguyên nhân về truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của nhân dân ta, tinh thần chiến đấu anh dũng của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của bè bạn trên thế giới.

Khi nói đến sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta cần thấy rằng sự lãnh đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy trung ương, trong quá trình cuộc tổng tiến công và nổi dậy này là rất chính xác và rất sắc bén. Thắng lợi hôm nay là kết quả một quá trình lâu dài 30 năm kháng chiến. Cả nước ta kháng chiến 30 năm và 30 năm ấy rèn luyện con người chúng ta, rèn luyện bộ đội chúng ta, cho ta nhiều kinh nghiệm quý. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám tạo điều kiện cho chúng ta kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi tạo điều kiện cho chúng ta xây dựng miền Bắc thành căn cứ cách mạng vững chắc của cả nước để thắng Mỹ. Ta đuổi được quân Mỹ ra mới tạo điều kiện đánh cho ngụy nhào. Ngay trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy này cũng có sự liên tục chiến đấu để giành toàn thắng. Chúng ta giải phóng Buôn Ma Thuột mở ra đột phá khâu chiến lược, và giải phóng Tây Nguyên tạo ra cái thế đánh thắng địch ở Huế, Đà Nẵng, và toàn bộ Khu 5, đập tan ý đồ cơ bản chiến lược của địch. Thắng lợi Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Khu 5 cùng với cùng với những cuộc tiến công và nổi dậy có tính chất dây chuyền ở các vùng rừng núi, nông thôn Nam Bộ đã tạo ra tiền đề vô cùng thuận lợi cho trận quyết chiến cuối cùng - chiến dịch Hồ Chí Minh đi đến toàn thắng.

Trong quá trình nhiều năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chúng ta đã làm cho chúng bị bất ngờ nhiều lần. Sau khi ký xong Hiệp định Pari, Kít-xinh-giơ nói với ta rằng: Mỹ bị hai cái bất ngờ. Thứ nhất là, lúc Mỹ đánh đường 9 Nam Lào năm 1971, chúng không ngờ ta điều bộ đội tới đây nhanh đến như thế và lực lượng phòng không của ta ở đây mạnh đến như thế. Thứ hai là, năm 1972 Mỹ không ngờ ta đưa xe tăng vào tới tận An Lộc, vào xa đến như thế. Nhưng không phải chỉ có ở An Lộc, mà trên chiến trường miền Nam năm 1972, ta còn đánh trên một số mặt trận khác cũng bằng xe tăng. Mỹ không phải chỉ bị bất ngờ đó.

Cuộc tiến công tết Mậu Thân cũng là một bất ngờ với Mỹ làm cho chúng thiệt hại lớn và buộc chúng phải thay đổi chiến lược. Miền Bắc đánh thắng máy bay chiến lược B.52 cũng là một bất ngờ đối với chúng. Mỹ định hủy diệt ta nhưng lại bị ta đánh cho thua đậm. Đây là một trận thắng tiếp sức rất lớn cho đoàn đại biểu ta ở bàn đàm phán Pari. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 của ta, địch cũng lại bị nhiều cái bất ngờ lớn hơn. Nhưng điều bất ngờ lớn nhất đối với Mỹ chính là việc đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam. Đây là bất ngờ cơ bản nhất và là sai lầm chiến lược của chúng.

Đế quốc Mỹ luôn luôn ngoan cố và chúng phải gánh lấy hậu quả việc làm sai trái của chúng. ngay sau khi ký xong Hiệp định Pari về Việt Nam và trong tháng 6 năm 1973, tại Pari, ta đã nói thẳng với Kít-xinh-giơ như sau:

- Chính Mỹ đã vi phạm nghiêm trọng Hiệp định Pari về Việt Nam, tiếp tục chiến tranh xâm lược thực dân mới. Mỹ cứ cố tình và trắng trợn vi phạm Hiệp định mà lại đòi chúng tôi tôn trọng hiệp định thì thật là hết sức vô lý. Chúng tôi không bao giờ khoan tay ngồi nhìn các ông vi phạm hiệp định, không để cho các ông muốn làm gì thì làm đâu. Chúng tôi không bao giờ chịu phòng ngự một cách bị động. Chúng tôi giành cho mình quyền tự do hành động trước việc Mỹ vi phạm hiệp định.

Đây là điều ta đã cảnh báo Mỹ từ lâu. Nhưng Mỹ và bè lũ tay sai cứ một mực ra sức phá hoại hiệp định một cách có hệ thống và ngày càng đẩy mạnh chiến tranh, tăng cường các cuộc hành quân khủng bố, đàn áp nhân dân miền Nam. Để bảo vệ thành quả cách mạng và đập tan những cuộc hành quân lấn chiếm của chúng, chúng ta chỉ có một con đường là bạo lực cách mạng dựa trên lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, kiên quyết phản công và tiến công địch, để đi tới hoàn toàn giải phóng miền Nam.

Lê-nin từng dạy: Tránh nhất là khi thắng lợi rồi, thì say sưa với thắng lợi. Say sưa thì dễ đi đến chỗ tự mãn và mất cảnh giác. Đế quốc Mỹ thất bại ở Việt Nam nhưng âm mưu đen tối của chúng chưa hết. Chúng cùng với những lực lượng phản động luôn luôn tìm cách phá hoại thành quả cách mạng của chúng ta. Chúng luôn xen vào rất dữ, phá rất dữ. Cho nên chúng ta phải nâng cao cảnh giác, xây dựng một nền quốc phòng vững mạnh, một quân đội hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu và luôn luôn có ý chí quyết thắng cao để bảo vệ Tổ quốc của chúng ta.

Ngoài ra, chúng ta phải hết sức tránh tư tưởng công thần, địa vị. Như đồng chí Lê Duẩn đã nói, chiến thắng này thuộc về Đảng ta, thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, thuộc về nhân dân và các chiến sĩ anh hùng chúng ta, thuộc về các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc. Thắng lợi này là của cả nước, không thuộc riêng người nào, đơn vị nào, địa phương nào. Sức mạnh của toàn thắng là sức mạnh của cả nước, của mọi người và mọi gia đình, sức mạnh của tinh thần yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí Lê Đức Thọ còn phân tích rất sâu sắc nghệ thuật quân sự độc đáo của Việt Nam, đặc biệt nghệ thuật chiến dịch trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Tôi trình bày báo cáo sơ kết chiến dịch Hồ Chí Minh. Rõ ràng chiến dịch lần này, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta sáng tạo rất nhiều kinh nghiệm độc đáo. sau này tổng kết đầy đủ sẽ làm giàu thêm gấp bội khoa học quân sự, xây dựng một quân đội cách mạng, chính quy, hiện đại để bảo vệ nền độc lập, hòa bình lâu dài và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Tổ quốc, sẵn sàng làm tròn nghĩa vụ quốc tế của một quân đội cách mạng, của một đảng Mác-xít- Lê-nin-nít chân chính là Đảng lao động Việt Nam bách chiến bách thắng của chúng ta.

Thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975 là một thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, mở ra một kỷ nguyên mới đầy hứa hẹn cho Tổ quốc ta.

Thắng lợi có tính lịch sử và thời đại lại quá nhanh. Phải chăng do đế quốc Mỹ đã nhảm lẫn, ngẫu nhiên bỏ cuộc một cách dễ dàng một cuộc chiến tranh đầy tham vọng để chịu lấy những hậu quả tai hại lâu dài về nhiều mặt cho chúng? Phải chăng do bọn cầm đầu nguy quân, nguy quyền ngẫu nhiên phạm những sai lầm để cho bộ máy chiến tranh đồ sộ với một đội quân hơn một triệu tên xây dựng nên trong hai mươi năm trời phải bị tiêu diệt, tan rã và đại bại trong vòng chưa đầy hai tháng? Không phải như thế. Thất bại của địch có tính tất yếu không tránh khỏi và thất bại của chúng do chính chúng đã tạo ra. Chiến lược và chiến thuật của ta, thế trận và cách đánh mà ta đã bày ra, dồn địch vào thế tiến thoái lưỡng nan, đằng nào chúng cũng phải thua, không có cách gì xoay lại được tình thế.

Quyết tâm chiến lược của Bộ chính trị từ đầu là giải phóng miền Nam càng sớm càng tốt. Bộ chính trị đã khẳng định: Nếu Mỹ có vào lại, ta cũng kiên quyết đánh, đánh mạnh hơn, và nhất định phải đánh thắng lợi hơn. Ta đã chuẩn bị đầy đủ lực lượng và có sẵn kế hoạch, biện pháp để giáng cho Mỹ những đòn nặng nề hơn. Mỹ đã huy động lực lượng quân sự khổng lồ trong chiến tranh xâm lược trên đất nước ta, cuối cùng thất bại thảm hại, phải rút ra khỏi Việt Nam; nếu chúng trở lại thì liệu có hy vọng gì đảo ngược được thế trận? Và điều chắc chắn là nhất định chúng sẽ chuốc lấy những thất bại to lớn hơn và nhục nhã hơn. Tình hình so sánh lực lượng cho phép chúng ta khẳng định như vậy. Mỹ không viện trợ thêm vũ khí, đồ la cho bọn nguy, không phải vì chúng hết lực lượng hoặc vì chúng sai lầm mà cái chính là đứng trước sức mạnh tiến công của ta, trong tình hình chung của nước Mỹ và thế giới, chúng thừa biết rằng, dù chúng viện trợ cho bọn nguy nhiều đến bao nhiêu đi nữa, cũng không cứu được bọn tay sai của chúng. Dù Mỹ năm 1975 tiếp tế thêm vũ khí, đạn dược cho bọn nguy lớn đến bao nhiêu đi nữa, chắc chắn bọn nguy vẫn sụp đổ mà quân ta càng thu được nhiều chiến lợi phẩm hơn.

Cách đánh của chúng ta cũng dồn quân nguy vào thế bế tắc hoàn toàn, đằng nào chúng cũng chết. Không phải chúng ngẫu nhiên rút khỏi Tây Nguyên và phải chăng chúng chưa rút ở đây thì chúng chưa thua?

Sau khi ta giải phóng Buôn Ma Thuột và tiêu diệt quân nguy đến phản kích, ta chuẩn bị tiến đánh Plâycu và Công Tum, vì kế hoạch chiến lược từ đầu năm

1975 của Bộ chính trị là quyết tâm giải phóng Tây Nguyên trong tháng 3, địch biết nếu chúng còn ở lại Plâycu, Công Tum thì nhất định sẽ bị tiêu diệt lớn, cho nên chúng đã tính toán nhiều mặt rồi chúng mới quyết định rút để bảo toàn lực lượng. Khi chúng rút là ta chặn lại và tiêu diệt gần hết lực lượng này. Nhưng dù chúng không rút đi nữa thì chỉ ít ngày sau, ta cũng sẽ tiến công Plâycu, Công Tum, đều bị tiêu diệt, và Tây Nguyên nhất định được giải phóng. Đây là do sức mạnh và thế chủ động của quân ta, hoàn toàn không phải sự sai lầm của địch là nhân tố duy nhất quyết định thất bại của chúng. Chỉ có chúng mới ngạc nhiên về sự thua trận và sụp đổ nhanh chóng của chúng, còn chúng ta thì chúng ta tính ra được và biết trước quy luật tất yếu của chiến tranh. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của trung ương Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại rèn luyện và lãnh đạo từ sự chỉ đạo già dặn, nhạy bén, sáng tạo và kiên quyết của Bộ Chính trị và Quân ủy trung ương, từ cố gắng phi thường của quân và dân cả nước ta.

Trên cơ sở những thành quả đạt được qua quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ của quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ta đã tạo nên thời cơ lớn. Bộ Chính trị và Quân ủy trung ương vận dụng nhuần nhuyễn các quy luật của chiến tranh cách mạng, nắm vững quy luật chiến tranh xâm lược của địch trong thời kỳ cuối của chiến tranh, thúc đẩy tình hình phát triển nhảy vọt, chuyển sang chiến lược thần tốc, tổng tiến công và nổi dậy, giữ quyền chủ động chiến lược thần tốc và chỉ phối quân địch từ đầu chí cuối, làm cho chúng bị bất ngờ và phạm sai lầm thất bại dồn dập, đi đến sụp đổ hoàn toàn.

Sức mạnh phối hợp của cả nước, trí tuệ và tài tổ chức đã làm nên cuộc toàn thắng lịch sử, chắc chắn cũng sẽ làm nên những kỳ tích trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước ta.

Tôi đã thay mặt Bộ chỉ huy chiến dịch biểu dương thành tích xuất sắc của các quân khu, các quân đoàn, quân chủng, binh chủng, sư đoàn, tất cả những đơn vị, cơ quan tham gia trực tiếp chiến dịch cũng như các đơn vị bảo vệ sự vững chắc ở miền Bắc, cảm ơn tất cả sự chi viện, giúp đỡ, phối hợp của các ngành, các cơ quan dân chính, các lực lượng, các địa phương đối với quân đội.

Chúng ta có sức mạnh tổng hợp của quân và dân cả nước, của hậu phương và tiền tuyến, của vật chất và tinh thần, của con người và vũ khí, của lòng dũng cảm, trí thông minh, làm chủ được mình và làm chủ được kỹ thuật để đi đến làm chủ được chiến trường, làm chủ được vận mệnh của dân tộc.

Với sức mạnh tổng hợp đó, Mùa Xuân năm 1975, quân và dân cả nước ta đã hái bó hoa toàn thắng tươi ngát sắc hương nở trong ánh hào quang chân lý "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Xin kính dâng lên Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, Người đã dìu dắt quân đội và nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Xin kính dâng lên Đảng mến yêu, một Đảng Mác- Lê-nin vững mạnh trải qua nhiều thử thách trăm trận trăm thắng, một đội ngũ kiên cường của phong trào Cộng sản quốc tế.

Xin kính dâng lên các đồng chí, đồng đội và đồng bào thân yêu đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, đã đi trước mở đường cho thắng lợi hôm nay.

Xin chuyển bó hoa toàn thắng đến tất cả đồng bào trong cả nước, đến những công dân yêu nước, những anh hùng vô danh của cuộc kháng chiến, đến các cụ và các cháu, đến nhân dân ta nhiều năm thất lưng buộc bụng, bát gạo chia đôi, mỗi người làm việc bằng hai để góp công, góp của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến toàn thắng hôm nay.

Xin chuyển đến những người mẹ, người chị Việt Nam dũng cảm, dịu hiền, trung hậu, đảm đang đã tiễn chồng, tiễn con và tiễn cháu đi đánh giặc, hy sinh hết mực, chịu đựng vô bờ.

Xin chuyển đến những người lao động chân tay và trí óc đã sản xuất, sáng tạo, phát minh dưới tầm bom đạn để tăng thêm sức mạnh vật chất và tinh thần cho toàn dân và toàn quân ta đánh giặc.

Xin chuyển đến tất cả cán bộ, chiến sĩ, các lực lượng vũ trang nhân dân trong Nam, ngoài Bắc, đến những chàng trai, cô gái đáng yêu đã già từ ruộng đồng, xưởng máy, trường học và gia đình, cầm súng đánh giặc, vượt qua bao nhiêu gian khổ, hiểm nguy, chịu đựng bao nhiêu khó khăn, thiếu thốn, đến mấy lớp người liên tục và mấy màu tóc, cha và con, anh và em, ông và cháu, vợ và chồng đã đi suốt hơn 30 năm, từ Tân Trào, Cao Lạng qua Điện Biên Phủ vào tới thành phố Hồ Chí Minh cho đến Cà Mau.

Xin chuyển đến anh em, bầu bạn khắp năm châu, những người đã coi việc chống Mỹ của dân tộc Việt Nam như của chính mình, đã đứng cùng chiến hào với nhân dân Việt Nam, đã chi viện cả tinh thần và vật chất cho Việt Nam đánh thắng Mỹ.

Và cũng xin chuyển đến toàn thể các bạn đọc một Mùa Xuân đại thắng mà tôi không thể kể lại được thật đầy đủ.

Từ chân trời, đã ánh lên vùng dương sáng hồng như chân lý cách mạng và Mùa Xuân đại thắng mà dân tộc ta đã sống.

HỒI ỨC CỦA ĐẠI TƯỚNG HOÀNG VĂN THÁI (Trích)

TRẬN QUYẾT CHIẾN CUỐI CÙNG

Sau buổi giao ban sáng ngày 27 tháng 4, chúng tôi tổ chức cuộc hội nghị cán bộ trong phòng họp của Cục Tác chiến. Ngoài số cán bộ tham mưu có trách nhiệm giúp Quân uỷ Trung ương theo dõi chiến dịch, chúng tôi mời cả đại biểu các Tổng cục đến dự. Anh em đã có mặt đông đủ. Có lẽ không ai nghĩ rằng hôm đó là ngày chủ nhật. Nét mặt hân hoan của mọi người cho thấy nỗi lo lắng trong những ngày chuẩn bị chiến dịch đã qua. Bộ đội trên các hướng đã sẵn sàng. Chiều hôm trước, cánh quân hướng đông đã nổ súng. Đường tiếp cận nội đô từ hướng đông xa hơn các hướng khác, Quân uỷ đã chấp nhận đề nghị của anh Tấn và Bộ Tư lệnh chiến dịch, cho bộ đội hướng này nổ súng trước.

Sau khi bàn, anh Khánh và tôi thấy cần có cuộc họp chung hôm nay để phổ biến những vấn đề liên quan đến chiến dịch mà anh em cần nắm vững để theo dõi và giúp trên chỉ đạo.

Mở đầu cuộc họp, anh Khánh chính thức trình bày: Ngày 13 tháng 4, Bộ Tư lệnh chiến dịch thể theo nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ trên chiến trường nhất trí gửi điện đề nghị Bộ Chính trị cho được đặt tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn là *chiến dịch Hồ Chí Minh*. Hôm sau, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đã thay mặt Bộ Chính trị điện trả lời, chấp nhận đề nghị của chiến trường. Anh Khánh vừa dứt lời, anh em vỗ tay hoan hô. Nét mặt mọi người rạng rỡ hẳn lên.

Hơn 60 năm trước Sài Gòn là nơi Bác Hồ tạm biệt quê hương, bôn ba đi tìm đường cứu dân, cứu nước. Sài Gòn cũng đã từng được vinh dự mang tên Thành phố Hồ Chí Minh từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Sài Gòn và cả miền Nam đã đi trước, về sau, trong suốt 30 năm kháng chiến lâu dài. Giờ đây, tên Bác gắn với một sự kiện lịch sử trọng đại sắp diễn ra, cho thấy tầm vóc to lớn của chiến dịch, tính triệt để và tất thắng của nó. Các chiến sĩ cháu con của Bác, vinh dự có mặt trong chiến dịch lịch sử mang tên Người, sẽ dũng mãnh xốc tới, đập tan sào huyệt cuối cùng của địch, giành thắng lợi lớn nhất, nhanh nhất. Tiếng vỗ tay vừa biểu thị lòng tin tất thắng, vừa chia sẻ vinh dự với các chiến sĩ ở phía trước.

Cục Tình báo báo cáo những tin mới nhất về địch.

Thái độ phải ngậm đắng nuốt cay ra đi của Mỹ đã rõ rệt. Nếu tuần trước, cả tổng thống Pho và ngoại trưởng Kít-xinh-gơ còn gây sức ép, đòi Quốc hội viện trợ bổ sung khẩn cấp cho Thiệu thì vừa qua, trước nguy cơ sụp đổ của nguy quyền Sài Gòn, họ đều buộc phải “lăng ra”. Sau lệnh di tản của Pho (18 tháng 4) là lời tuyên bố của Kít-xinh-gơ trong cuộc họp báo hôm sau, nói rằng: “Tình hình chính trị ở Nam Việt Nam phát triển như thế nào là tùy thuộc vào bản thân người Nam Việt Nam; Mỹ sẵn sàng chấp nhận bất kỳ giải pháp nào do họ thông qua”. Cùng ngày, trong bức thư gửi cho Thiệu, đại sứ Ma-tin nói: Không thể làm gì hơn là kéo dài sự tồn tại của Sài Gòn trong 1 - 2 tuần. Thành phố có thể rơi vào tay Bắc Việt và Việt cộng trong vòng mấy tuần nữa.

Cùng với việc Thiệu ra lệnh rút chạy khỏi Xuân Lộc là việc Mỹ bắt đầu thực hiện kế hoạch di tản. Ba tàu sân bay Mỹ đến vùng biển Nam Việt Nam để thực hiện kế hoạch này.

Được Mỹ bật đèn xanh, các tướng lĩnh nguy và các nhóm đối lập tăng sức ép, buộc Thiệu từ chức, trao quyền cho Trần Văn Hương. Nhưng chỉ hai ngày sau, nội các Nguyễn Bá Cẩn đệ đơn từ chức, khi lời tuyên bố của tổng thống Pho bay tới Sài Gòn. Ngày 23, đọc diễn văn tại trường đại học Ô-li-ân, Pho nói: “Cuộc chiến tranh ở Nam Việt Nam đã kết thúc đối với Mỹ. Không thể giúp người Nam Việt Nam (ngụy Sài Gòn) được nữa. Họ phải đương đầu với bất cứ số phận nào đang chờ đợi họ...”.

Từ ngày 24, nhiều sứ quán phương Tây ở Sài Gòn đóng cửa. Các công ty hàng không quốc tế ở Tân Sơn Nhất ngừng hoạt động. Ngày 26, Trần Văn Hương yêu cầu “quốc hội” trao quyền cho tướng Dương Văn Minh, gọi là để “thương lượng với Mặt trận” (!). Cùng ngày, Thiệu đã chuẩn ra nước ngoài. Cuộc di tản người Mỹ và bọn tay sai “có chọn lọc” đang diễn ra khẩn trương.

Có nhiều triệu chứng cho thấy Pháp muốn đứng ra “dàn xếp”, nhằm đạt tới một cuộc ngừng bắn và “thương thuyết để chấm dứt chiến tranh”. Paris đã cử người đến Nam Việt Nam tìm cách liên lạc với Chính phủ Cách mạng lâm thời...

Sau khi nghe báo cáo của Cục Tình báo và dựa vào những nhận định cơ bản của Bộ Chính trị, tôi tóm tắt, rút ra mấy kết luận: 1- Tiếp theo sự kiện ngày 17 tháng 4 ở Phnôm Pênh, thái độ Mỹ bỏ rơi bọn ngụy Sài Gòn là điều khẳng định; 2- Cuộc khủng hoảng chính trị ở Sài Gòn đã sâu sắc đến cực độ, đây là tình hình mà Bộ Chính trị đã từng dự kiến; 3- Cần theo dõi sát ý đồ của Pháp trong những ngày chiến dịch diễn biến.

Dựa vào hình thái địch, ta đã được ghi trên tám bản đồ chiến sự treo trên tường, anh Cao Văn Khánh trình bày tình hình mọi mặt của mặt trận Sài Gòn trước khi chiến dịch mở màn.

Sau khi buộc phải rút khỏi Xuân Lộc, địch củng cố lực lượng, hình thành ba tuyến phòng thủ Sài Gòn.

1. Ở tuyến ngoài, 5 sư đoàn ngụy giữ từ Long An đến Tây Ninh xuống Biên Hòa, Long Bình.

2. Ở ngoại vi Sài Gòn, 2 lữ đoàn dù và 3 liên đoàn biệt động quân bố trí trên bốn khu vực: Khu bắc, từ Hóc Môn, Cầu Bông vào đến Tân Sơn Nhất; khu tây, từ Vĩnh Lộc, Châu Hiệp, Bà Hom, Bình Chánh trở vào; khu đông, từ Gò Vấp đến quận 9; khu nam, từ Nhà Bè trở vào.

3. Nội đô được tổ chức thành 5 liên khu, lực lượng chủ yếu là cảnh sát và phòng vệ dân sự.

Đặc điểm bố trí phòng thủ của địch ở Sài Gòn và vùng chung quanh là ngoài mạnh, trong yếu. Chúng dồn các sư đoàn mạnh và binh khí kỹ thuật ra vòng ngoài hòng ngăn chặn và đẩy lùi các mũi tiến công của ta. Lực lượng dù và biệt động quân ở tuyến ngoại vi Sài Gòn yếu vì đã bị tổn thất nặng, tổ chức xộc xệch, binh lực bị phân tán để đối phó trên nhiều hướng, dễ bị cô lập, bao vây, chia cắt. Nhìn vào thế chung, địch đang trong quá trình bị thiệt hại nặng, tan rã lớn, tình hình và sức chiến đấu đã bị sa sút nghiêm trọng. Nhưng trên chiến trường Nam Bộ và riêng trên mặt trận Sài Gòn - Gia Định, hai quân đoàn 2 và 4 ngụy chưa bị đánh đau nên chưa bị hỗn loạn, tan rã. Căn cứ kiến chúng còn có khả năng ngoan cố chống cự hòng kéo dài đến mùa mưa.

Về phần ta, trước hết anh Khánh giới thiệu tóm tắt đội hình các binh đoàn chủ lực đã triển khai trên các hướng.

Trên hướng tây - bắc, hướng tiến công chủ yếu, từ ngày 25, Quân đoàn 3 đã chuyển các sư đoàn và binh khí kỹ thuật sang phía tây sông Sài Gòn.

Trên hướng bắc, Quân đoàn 1 đã triển khai xong lực lượng ở nam Sông Bé. Trên hướng đông, từ trưa ngày 26, Quân đoàn 2 đã hoàn toàn chiếm lĩnh trận địa. Quân đoàn 4, sau khi giải phóng Xuân Lộc, đã khẩn trương triển khai đội hình chiến đấu ở nam, bắc đường số 1. Ở hướng tây và tây nam, mặc dù gặp khó khăn trong việc đưa lực lượng vào vị trí tập kết, Đoàn 232 (được tăng cường sư đoàn 9, trung đoàn độc lập 16 của Miền và được Sư đoàn 6 của Quân khu 7 phối thuộc), đã đưa các đơn vị vào khu vực tập kết.

Tiếp đó, anh Khánh đi sâu giới thiệu các đơn vị chủ lực tại chỗ tham gia chiến dịch.

Trong thế chung của cuộc tiến công chiến lược, từ đầu tháng 4, Bộ Tư lệnh B2 đã điều chỉnh bố trí theo yêu cầu tác chiến tạo thế trước mắt và theo phương án tiến công vào Sài Gòn. Về tác chiến tạo thế ở phía nam và tây nam, chủ lực của Miền và của Quân khu 8 đã áp sát đường 4 và các huyện ven đô; ở phía bắc và tây - bắc, ta đã áp sát Tân Uyên, Gò Dầu, Củ Chi; ở phía đông, áp sát Trảng Bom, Hồ Nai và căn cứ Nước Trong.

Các lực lượng đặc công, biệt động và lực lượng thành đội Sài Gòn đã đứng sẵn ở ven đô, áp sát các mục tiêu được phân công. Đó là 6 đoàn đặc công (tương đương 6 trung đoàn), từ trước vẫn bám vững địa bàn vùng ven và liên tục hoạt động trong vùng sau lưng địch; là 4 tiểu đoàn và nhiều đội biệt động ở ngoại thành, 60 tổ hoạt động ở nội thành; ngoài ra còn khoảng 300 quần chúng vũ trang và lực lượng quần chúng đông đảo do các đội biệt động tổ chức và chỉ huy; là các đại đội, tiểu đoàn tập trung của thành đội và hai trung đoàn 1 và 2 Gia Định, bố trí ở tây và tây bắc thành phố; là các đơn vị lực lượng vũ trang các tỉnh miền Đông Nam Bộ đang bám sát và tiến công bao vây địch trên các địa bàn chung quanh Sài Gòn, sẵn sàng phối hợp với chủ lực để giải phóng địa phương mình.

Hàng trăm cán bộ, kể cả cán bộ quận, thành và hàng trăm đội viên vũ trang đã vào đứng chân ở các lùm chính trị để cùng với các tổ chức Đảng chỉ đạo hướng

dẫn Đoàn thanh niên và các đoàn thể khác, chuẩn bị cho chúng vùng ven và nội đô nổi dậy phối hợp khi chủ lực tiến công.

Thế đứng của lực lượng vũ trang tại chỗ của ta ở Sài Gòn và vùng chung quanh là thế bao vây, cô lập Sài Gòn, chia cắt lực lượng địch ở bên trong với bên ngoài, sẵn sàng cùng với các binh đoàn cơ động thọc vào nội đô. Thế đứng đó có được là do thế chung của cuộc tổng tiến công chiến lược tạo nên. Thế đứng đó của lực lượng vũ trang cũng chính là chỗ dựa cho quần chúng sẵn sàng nổi dậy.

Tóm lại, lực lượng ta ở vào thế áp đảo địch. Ta vừa có các quân đoàn chủ lực mạnh, sung sức (so sánh: địch 1, ta 3), vừa có lực lượng tại chỗ dồi dào đều khắp, bố trí áp sát địch từ nội đô ra tuyến ngoài. Lực lượng lãnh đạo ở cơ sở và lực lượng chính trị quần chúng đều đã sẵn sàng.

Bộ Tư lệnh chiến dịch đã cân nhắc và chọn 5 mục tiêu quan trọng nhất mà ta phải nhanh chóng đánh chiếm bằng được: Sân bay Tân Sơn Nhất là căn cứ không quân lớn nhất cuối cùng của ngụy, là đầu mối giao thông đường không cuối cùng giữa Sài Gòn với bên ngoài, bốn mục tiêu khác trong thành phố (bộ Tổng tham mưu ngụy, dinh tổng thống, biệt khu thủ đô, tổng nha cảnh sát) đều là những cơ quan đầu não quan trọng nhất của bộ máy chiến tranh, là những cái "huyệt" hiểm yếu nhất trong cơ thể đã suy nhược cao độ của chế độ tay sai ở Sài Gòn. Mất 5 vị trí đó, quân ngụy sẽ như rấn mất đầu, toàn bộ hệ thống phòng ngự và bộ máy kìm kẹp của chúng sẽ tan rã. Quần chúng sẽ nổi dậy phối hợp với chủ lực. Chiến dịch sẽ kết thúc nhanh chóng với thắng lợi trọn vẹn.

Về cách đánh, Bộ Tư lệnh chiến dịch chú trọng: Trước hết hình thành thế bao vây, cô lập triệt để bọn địch trong thành phố Sài Gòn và vùng chung quanh, cả về đường bộ, đường không và đường thủy. Sau đó, trên từng hướng, sử dụng lực lượng thích hợp, đủ sức bao vây, chia cắt, tiêu diệt địch ở bên ngoài, đồng thời sử dụng một bộ phận quan trọng lực lượng hình thành những mũi đột kích mạnh của binh chủng hợp thành, thọc sâu, đánh thẳng vào trung tâm thành phố, đánh chiếm ngay 5 mục tiêu đã được xác định. Từ đó tỏa ra phối hợp với các đơn vị đặc công, biệt động, các lực lượng an ninh chính trị, tự vệ thành phố và quần chúng nổi dậy, đánh chiếm tất cả các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế trong thành phố. Phối hợp với các mũi đột kích của chủ lực, bộ đội đặc công, biệt động và lực lượng vũ trang tại chỗ sẽ đánh chiếm và làm chủ các cầu, tham gia khống chế sân bay và các trận địa pháo địch, cùng quần chúng nổi dậy đánh chiếm các mục tiêu đã được phân công, giữ vững các lôm chính trị trên đường tiến công của chủ lực.

Bị ta phối hợp trong ngoài cùng đánh, cả bằng tiến công và nổi dậy, địch sẽ không thể ngăn chặn và làm chậm bước tiến của ta ở vòng ngoài, không kịp phá các cầu lớn trên sông Đồng Nai và sông Sài Gòn trên hướng đông và các cầu trên các hướng khác. Chúng cũng không thể co cụm về giữ các mục tiêu, các nhà cao tầng và các khu phố đông dân để cùng lực lượng của chúng trong thành phố kéo dài chống cự với ta. Chiến dịch sẽ kết thúc nhanh và ta sẽ hạn chế đến mức thấp nhất những tổn thất về tính mạng và tài sản của nhân dân trong thành phố...

Buổi chiều, hội nghị nghe đồng chí đại biểu Tổng cục Chính trị trình bày kế hoạch công tác chính trị trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này, công tác chính trị có vai trò quan trọng đặc biệt. Lần đầu tiên, nửa triệu quân ta tham gia một chiến dịch, tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, tiến công vào một thành phố lớn nhất của miền Nam, sào huyệt cuối cùng của địch. Công tác chính trị phải làm cho toàn quân quán triệt sâu sắc quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị là tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, trên cơ sở đó mà xây dựng cho toàn quân một ý chí quyết chiến quyết thắng, một tinh thần đoàn kết nhất trí cao độ.

Bộ Tư lệnh chiến dịch đã ra bản chỉ thị về công tác chính trị. Bản chỉ thị đã được phổ biến xuống từng cánh quân, nói rõ ý nghĩa chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng, những nhân tố thắng lợi của chiến dịch mang tên Bác, nhằm động viên trách nhiệm và lòng tin tưởng của cán bộ và bộ đội, xây dựng quyết tâm thi đua giành thắng lợi lớn nhất, nhanh nhất, giáo dục tinh thần đoàn kết hiệp đồng giữa các đơn vị, các quân chủng, binh chủng, giữa chủ lực và địa phương, giữa lực lượng vũ trang với đảng bộ và chính quyền địa phương, giữa bộ đội và nhân dân. Bản chỉ thị nêu rõ yêu cầu khắc phục mọi biểu hiện do dự, chần chừ, ý lại hóa lực, ý lại vào đơn vị bạn cũng như biểu hiện chủ quan, đơn giản, dẫn đến những tổn thất đáng tiếc và mọi biểu hiện cục bộ địa phương, thiếu khiêm tốn, tranh công đổ lỗi. Chỉ thị cũng nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm chấp hành tốt kỷ luật chiến trường và các chính sách, nhất là chính sách chiến lợi phẩm, chính sách thương binh, tử sĩ, chính sách tù hàng binh.

Cuối cùng, đồng chí đại biểu Tổng cục Chính trị đọc lời động viên của Quân uỷ Miền đối với bộ đội, ghi ở cuối bản chỉ thị công tác chính trị.

“Chúng ta phải mang lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* của Bác cắm lên thành phố quang vinh mang tên Bác, lấy thành tích chào mừng kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Người”.

Được biết, kèm theo bản chỉ thị công tác chính trị, cơ quan tuyên huấn mặt trận còn cho phát hành rộng rãi “7 lời dạy của Bác Hồ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968”¹ và lời dạy của Người năm 1954 khi bộ đội vào tiếp quản các thành phố ở miền Bắc.

Tiếp đến là báo cáo về công tác chuẩn bị bảo đảm vật chất kỹ thuật cho chiến dịch.

Các đồng chí đại biểu hai Tổng cục Hậu cần và Kỹ thuật cho biết: Điểm nổi lên là ngay trong quá trình chuẩn bị chiến dịch, ta đã phát huy sức mạnh của cả ba nguồn bảo đảm: chi viện của hậu phương lớn miền Bắc, hậu cần tại chỗ và tận dụng chiến lợi phẩm.

¹ . - Ý chí phải kiên quyết
- Kế hoạch phải thật tỉ mỉ
- Kiểm tra phải thật kỹ càng
- Phối hợp phải thật ăn khớp
- Chấp hành phải thật chu đáo
- Cán bộ phải thật gương mẫu
- Bí mật phải giữ triệt để.

Với hai trục đường vận chuyển chiến lược Đông và Tây Trường Sơn được củng cố và mở rộng, bảo đảm vận chuyển bằng xe cơ giới với tốc độ nhanh, với đường ống dẫn dầu đã kéo dài thêm về phía nam, với việc khôi phục và sử dụng các đường 14 và đường 1, với lực lượng và phương tiện vận tải tăng cường cho các binh đoàn xe thuộc Bộ Tư lệnh 559, với việc tận dụng đường biển và đường không... chỉ trong một thời gian ngắn, 10 vạn tấn hàng đã từ hậu phương lớn được đưa cấp tốc vào chiến trường.

Hậu cần Miền, sau khi được tăng cường về lực lượng, tổ chức và phương tiện, đã mở thêm hành lang về các hướng (hướng đông: Long Khánh, Bà Rịa; hướng tây: Bến Cầu, Kiến Tường, bắc lộ 4). Quá trình tiếp nhận chi viện của hậu phương lớn và huy động lực lượng tại chỗ cũng là quá trình hình thành hệ thống kho tàng trên các hướng cơ động. Cán bộ và chiến sĩ hậu cần Miền đã mưu trí “lót ổ” hàng ngàn tấn lương thực, đạn dược, rải ra trong các lùm du kích trên các địa bàn cơ động theo hướng tiến công vào Sài Gòn. Thuốc nổ, súng đạn đã được cất giấu ở các vùng ven đê, sát các sân bay, bến cảng, kho tàng của địch và cả ở ngay nội thành, gắn các mục tiêu quan trọng, sẵn sàng bảo đảm cho các lực lượng biệt động, đặc công hoạt động.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, ở miền Đông Nam Bộ và cả vùng chung quanh Sài Gòn, từ vùng giải phóng đến vùng còn do địch kiểm soát, nhân dân đã góp sức người, sức của chi viện cho bộ đội. Gần 10 ngàn tấn lương thực, thực phẩm được huy động tại chỗ đã bảo đảm quá nửa nhu cầu của các cánh quân tham gia chiến dịch. Trên những địa hình ruộng lầy hoặc có nhiều sông rạch bao quanh, từ phía tây đến phía nam và đông nam Sài Gòn, hàng vạn dân công và hàng trăm ghe, thuyền, ca nô đã được huy động phục vụ chiến dịch.

Số chiến lợi phẩm thu được của địch trên chiến trường Nam Bộ trong mùa mưa, cũng như các loại trang bị kỹ thuật thu được ở Tây Nguyên và các tỉnh ven biển miền Trung được khẩn trương đưa vào, làm tăng thêm sức mạnh về trang bị của các binh đoàn chủ lực và các quân chủng, binh chủng kỹ thuật tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Kết thúc bản báo cáo, đồng chí đại biểu Tổng cục Hậu cần vui vẻ nói:

- Xin báo cáo thêm với các anh, nổi băn khoăn của chúng ta về đạn lớn đến nay đã được giải quyết. Đạn thu được trong tháng qua rất nhiều, trước mắt đã đủ cho trận quyết chiến. Đó chưa kể số đạn ta sẽ thu được trong quá trình diễn biến chiến dịch, cũng chưa kể số đang được tiếp tục đưa vào bằng cả đường biển và đường bộ để bảo đảm liên tục chiến đấu nếu chiến dịch kéo dài.

Hội nghị trao đổi ý kiến về các hiệp đồng giữa Bộ Tổng tham mưu và các Tổng cục để cùng nhau theo dõi và giúp trên chỉ đạo trong quá trình diễn biến chiến dịch.

Do có ý kiến hỏi và tôi thấy cũng nhân cuộc họp đông đủ này mà thông báo để anh em nắm được tình hình đoàn cán bộ của Bộ Tổng tư lệnh cử vào chiến trường và về việc sử dụng không quân trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Ngoài số cán bộ đi với Đoàn A.75 đã anh dũng từ Tây Nguyên và B2 từ đầu tháng 1, mới đây, để giúp Bộ Tư lệnh chiến dịch chỉ đạo công tác chuẩn bị chiến đấu, thêm một đoàn cán bộ được Bộ cử vào chiến trường. Ngoài số cán bộ đầu ngành hoặc có kinh nghiệm công tác của Bộ Tổng tham mưu và các Tổng cục,

trong đoàn còn có nhiều cán bộ chỉ huy các quân chủng, binh chủng. Đó là các anh Đoàn Tuế, Tư lệnh pháo binh; Lê Xuân Kiện, Phó tư lệnh thiết giáp; Nguyễn Chí Diễm, Tư lệnh đặc công.

Nhớ lại hôm gặp và trao nhiệm vụ cho đoàn, anh Văn đã thay mặt Quân uỷ Trung ương nói rõ quy mô to lớn của chiến dịch và những nội dung cần nghiên cứu để thiết thực giúp đỡ Bộ Tư lệnh chiến dịch trên các mặt tổ chức chỉ huy, công tác chính trị, hậu cần kỹ thuật. Chiến dịch quy mô 4 - 5 quân đoàn với nhiều binh khí kỹ thuật, tiến công địch trong một thành phố lớn, yêu cầu hiệp đồng rất cao, trên một không gian rất rộng, rất nhiều vấn đề mới được đặt ra và phải được giải quyết trong một thời gian ngắn để không lỡ thời cơ chiến lược, chiến dịch. Từ việc cơ động binh khí, khí tài, cơ động bộ đội trên địa hình nhiều sông ngòi, kênh rạch, việc chi viện hỏa lực của pháo binh trên nhiều hướng, đến việc tiếp quản một thành phố mấy triệu dân đã trải qua nhiều năm dưới chế độ Mỹ - ngụy... tất cả những vấn đề đó yêu cầu phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, nắm vững khoa học và nghệ thuật quân sự và vận dụng trong từng tình huống cụ thể của từng binh chủng, quân chủng để giúp Bộ Tư lệnh chiến dịch trong chỉ đạo chuẩn bị và thực hành chiến dịch...

Đến nay, trước khi mở màn chiến dịch, qua tin tức chúng tôi nhận được, Đoàn cán bộ của Bộ đã "miệng nói tay làm", cùng các đồng chí cán bộ các ngành của B2 vượt lên mọi khó khăn, góp phần vào công tác chuẩn bị để bộ đội sẵn sàng nổ súng.

Việc dùng máy bay chiến đấu trước và trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn là vấn đề được chúng tôi ở cơ quan Bộ trao đổi ý kiến nhiều lần với các anh ở B2 để cùng nhau thực hiện. Vừa qua, Hải quân đã cùng bộ đội Khu 5 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng một số đảo trên quần đảo Trường Sa. Còn Không quân nên sử dụng thế nào, đó là vấn đề được đặt ra để suy nghĩ.

Với một lực lượng không quân không lớn, những năm vừa qua, máy bay chiến đấu của ta tập trung chủ yếu vào việc đánh trả máy bay địch để bảo vệ hậu phương lớn miền Bắc. Nhưng đến nay, tình hình đã khác.

Ngày 7 tháng 4, anh Lê Ngọc Hiền điện ra cho biết: Ở Nha Trang, Cam Ranh, ta thu được một số máy bay chiến đấu. Anh đề nghị cho người vào tiếp thu và nghiên cứu sử dụng. Hôm sau, có tin trung úy phi công Nguyễn Thành Trung, một đảng viên của ta hoạt động bí mật trong không quân ngụy, lái máy bay F.5E của địch, ném bom dinh tổng thống ngụy rồi hạ cánh an toàn xuống sân bay Phước Long.

Chúng tôi trong Bộ Tổng tham mưu trao đổi ý kiến và nhất trí để đạt với Quân uỷ: Ta đã giải phóng được nhiều sân bay, thu được nhiều máy bay địch, đã có những sĩ quan không quân ra hàng ta, nhưng trường hợp viên trung tá ở Đà Nẵng. Cần nghiên cứu sử dụng số phi công này vào việc huấn luyện các sĩ quan lái của ta cũng như việc bảo quản máy bay, quản lý sân bay và dùng máy bay địch tham gia chiến dịch sắp tới. Chúng tôi nghĩ, nhân lúc địch đang rối loạn này mà ta dùng máy bay của chúng đánh vào một số mục tiêu ở Sài Gòn, nhất là đánh căn cứ Tân Sơn Nhất, sẽ tác động lớn đến tinh thần quân địch.

Anh Thọ và anh Dũng cũng đề cập vấn đề này. Các anh đề nghị giao cho Nguyễn Thành Trung chỉ huy số phi công ngụy đã sang hàng ngũ ta hướng dẫn

các chiến sĩ lái của ta dùng máy bay A.37 và F.5E của địch đánh địch. Ở Đà Nẵng, ta thu được một số F.5E còn tốt, có thể tổ chức thành một phi đội để sử dụng ngay.

Sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Quân uỷ, anh Khánh chỉ thị cho Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân cho chiến sĩ lái và nhân viên kỹ thuật vào Đà Nẵng. Chỉ trong mấy ngày, ta đã huấn luyện được 8 chiến sĩ lái và kiểm tra kỹ thuật được 4 máy bay A.37. Ngày 26 tháng 4, Bộ Tổng tham mưu cho một tổ chỉ huy do anh Lê Văn Tri, Tư lệnh Phòng không - Không quân dẫn đầu, vào sân bay Thành Sơn để chuẩn bị cho một phi đội A.37 xuất kích trong vài ngày tới. Trong khi đó, ở Đà Nẵng, ta tiếp tục huấn luyện các phi đội cường kích A.37 và tiêm kích F.5E, tiếp tục kiểm tra kỹ thuật số máy bay còn lại để sớm đưa vào sử dụng.

Việc chọn thời cơ và chọn mục tiêu cho máy bay sẽ do anh Dũng và các anh trong đó chỉ thị trực tiếp cho anh Tri và bộ phận tiền phương của Phòng không - Không quân ở Thành Sơn. Bộ Tổng tham mưu đã cho đưa đài vô tuyến điện và một tổ cơ yếu để anh Tri liên lạc với Bộ Tư lệnh chiến dịch.

Về cách đánh, Bộ Tổng tham mưu đã thảo luận với Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân. Mỗi lần xuất kích, chỉ nên dùng một biên đội với số lượng giống đội hình của không quân địch. Trước hết, nên đánh vào bộ Tổng tham mưu của địch và sân bay Tân Sơn Nhất. Từ sân bay Thành Sơn, bay thấp độ 300m, vào đến Xuân Lộc sẽ nâng độ cao vào đánh đúng mục tiêu. Đánh xong, bay ra hướng bắc để đánh lạc hướng địch rồi mới quay về Thành Sơn.

Thế là đến hôm nay, 27 tháng 4, một chủ trương mới, khá táo bạo đã được hình thành, với sự nhất trí giữa các anh trong Bộ Tư lệnh chiến dịch và Bộ Tổng tham mưu. Với trí thông minh và trình độ kỹ thuật vốn có, các chiến sĩ lái của ta đã nhanh chóng nắm được kỹ thuật máy bay địch và chắc chắn sẽ tạo nên một bất ngờ đối với quân địch, cũng như đã từng làm cho giặc lái Mỹ bị bất ngờ khi chúng lao ra miền Bắc mấy năm trước.

Trong cuộc họp hôm nay, khi nói về chủ trương dùng máy bay địch đánh địch, tôi chắc Cục Tác chiến thông báo cho bộ đội ở phía trước, nhất là những đơn vị phòng không ven biển và cánh quân hướng đông, chú ý phân biệt máy bay của ta bay từ Phan Rang vào; nhắc Cục Cơ yếu và Thông tin bảo đảm việc liên lạc với đài của cơ quan chỉ huy tiền phương Phòng không - Không quân.

Cuộc họp bế mạc, tôi mời anh Nguyễn Duy Phê, Cục trưởng Cơ yếu ở lại báo cáo tóm tắt công việc của Cục và riêng tổ cơ yếu thường trực trong Khu A. Cục mới họp kiểm điểm đợt hoạt động trong hai tháng qua. Tôi muốn gặp anh chị em hai tổ cơ yếu và thông tin thường trực trước khi chiến dịch mở màn.

Từ tháng 3, Văn phòng bố trí cho tổ làm việc ngay trong phòng của đồng chí Tổng tham mưu trưởng, gần phòng họp của Quân uỷ Trung ương. Anh Dũng đang ở trong chiến trường. Phòng làm việc của anh vẫn bài trí như trước đây. Văn chiếc bàn to, trên có tấm bản đồ Đông Dương trải rộng. Văn mấy hàng ghế và hai tấm bản đồ thế giới và Đông Nam Á treo trên tường.

Trời đã về chiều, một buổi chiều chủ nhật. Trừ các phòng trực ban còn mở cửa, trong khu "Nhà con rồng" đã vắng bóng người.

Khi tôi và anh Phê đến, một số cán bộ và chiến sĩ cơ yếu, thông tin đã có mặt đông đủ. Tổ cơ yếu thường trực có 5 người thì hai là nữ, Đặng Thị Muôn và Vũ Thị Trọng. Cô Trọng đã có một cháu nhỏ.

Anh chị em cho biết: Công việc hết sức khẩn trương, từ khi chiến dịch Tây Nguyên bắt đầu. Những bức điện luôn kèm theo những chữ “dịch ngay”, “hóa tốc”. “ưu tiên 1”... cái ký hiệu “TK” (thượng khẩn) đã bị đẩy lùi. Không còn ngày nào làm việc 10 giờ mà 14 giờ, 18 giờ và trực 24/24. Tôi mang cơm về ăn tại chỗ để tranh thủ thời gian làm việc. Trả lời câu hỏi của tôi, các đồng chí nói chân thật:

- Báo cáo thủ trưởng, mệt thì mệt thật, nhưng rất vui. Tin chiến thắng dồn dập, càng dịch điện càng phấn khởi, quên cả mệt.

Tôi thâm nghĩ: Đối với người lính, chiến đấu cho mục đích cao cả - vì độc lập tự do của Tổ quốc - thì tin chiến thắng luôn là một nguồn động viên vô giá.

Phòng làm việc của tổ ở cùng dãy với phòng họp của Quân uỷ. Trong những ngày qua, như đã thành lệ, cứ buổi sáng anh chị em lại thấy những chiếc xe qua cổng A, thấy các đồng chí lãnh đạo của Đảng, của quân đội đi vào vào căn phòng giữa. Và cũng đã thành lệ, cứ sau cuộc họp thường có những bức điện gửi vào chiến trường, bức điện chứa đựng trí tuệ tập thể Bộ Tổng soái tối cao - Bộ Chính trị. Đã có sự phân công chuẩn bị sẵn trong tổ cơ yếu có sự phối hợp giữa hai tổ thông tin và cơ yếu thường trực, làm sao có điện là dịch được ngay và thông tin chuyển được ngay. Phân đoạn thế nào, xử lý kỹ thuật thế nào để bảo đảm bí mật, nhất là khi gặp những bức điện dài, có khi 15 - 20 trang.

Có lúc đang dịch, anh chị em nghe tiếng giày bước chậm rãi, đi đi lại lại ngoài hành lang. Rồi đồng chí Tổng tư lệnh bước vào. Đồng chí chữa một chữ, thêm một đoạn vào bức điện đang dịch.

Tôi ngồi nghe anh chị em nói về tâm tư và công việc của mình một cách rất tự nhiên, thoải mái. Một đồng chí kể lại câu chuyện mới xảy ra cách đây ít ngày mà tổ cơ yếu ở cánh quân hướng đông vừa biên thư về cho biết.

Bữa đó, một bức điện của đài “VF73” (đài chỗ anh Dũng) vừa chuyển đến. Cơ yếu dịch xong mang sang anh Tấn mà không biết rằng đó chính là bức điện mà Bộ Chính trị cánh đông đang chờ đọc. Đọc xong bức điện, anh Tấn reo lên: “Hay lắm, rất tốt, rất kịp thời”. Rồi anh bảo đồng chí Vũ Văn Cảnh, người vừa trao bức điện.

- Cậu đưa sổ đây, tớ ghi mấy chữ.

Cảnh giở trang cuối của cuốn sổ chuyên điện. Anh Tấn viết: “Hoan nghênh các đồng chí cơ yếu, thông tin. Rất kịp thời. - Ký tên: Tấn”.

Tôi hỏi:

- Thế sắp tới, các đồng chí mong được dịch bức điện mang nội dung gì?

Hầu như mọi người đều trả lời thống nhất:

- Báo cáo, điện nói quân ta cắm cờ trên “đỉnh Độc Lập” ở Sài Gòn.

Một sự mong đợi như sự mong đợi của mọi người, thật là chính đáng, tôi thâm nghĩ.

Tôi nói tóm tắt về hoạt động vừa qua của Bộ Tổng tham mưu đã góp phần vào thắng lợi chung của cả nước, về thành tích của các tổ cơ yếu hoạt động độc

lập phục vụ phái đoàn quân sự bốn bên và các đoàn của anh Dũng, anh Thọ, anh Tấn và của cả tổ cơ yếu và thông tin thường trực trong Khu A, về yêu cầu phục vụ chỉ đạo, chỉ huy trong chiến dịch sắp tới. Phải làm sao để yêu cầu phục vụ chỉ đạo, chỉ huy trong chiến dịch sắp tới. Phải làm sao để Bộ Chính trị và Quân ủy kịp thời nắm từng bước phát triển của các cánh quân, của từng mũi tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch.

Cuộc gặp gỡ thân mật, ngắn gọn, kết thúc. Bắt tay anh chị em, tôi vui vẻ nhắc lại:

- Bức điện trong Khu A đã bật sáng.

Tôi đi qua phòng trực ban tác chiến. Anh em đã tổng hợp xong tình hình nhận được trong ngày. Anh Khánh đang dùng điện thoại báo cáo tóm tắt tình hình với các anh trong Bộ Chính trị và Thường trực Quân ủy. Từ 17 giờ ngày 26, cánh quân anh Tấn bắt đầu nổ súng tiến công khu căn cứ Nước Trong, các chi khu Long Thành, Đức Thạnh và thị xã Bà Rịa.

Hướng tây - bắc, anh Vũ Lăng đang cho dùng pháo cối diệt các trận địa pháo địch và cho Sư đoàn 316 chốt chặn ở Phú Mỹ, ở đông Trảng Bàng và cắt một số đoạn trên đường 22. Hướng tây - nam, anh Lê Đức Anh đã cho quân áp sát đường 10, chuẩn bị tiến công địch trên đường 4, chia cắt Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long và mở đầu cầu qua sông Vàm Cỏ Đông, đưa lực lượng đột kích thọc sâu vào chiếm lĩnh vùng ven. Trên hướng bắc, Sư đoàn 312 Quân đoàn 1 đang chuẩn bị tiến công địch ở Bình Cơ, Bình Mỹ, tạo thế cho toàn quân đoàn đánh chiếm Lai Khê - Bến Cát và đưa lực lượng đột kích vào triển khai ở vùng ven. Dự kiến sáng 29, tất cả các hướng sẽ tiến công đồng loạt vào nội thành Sài Gòn.

Anh Khánh chuyển điện của đồng chí Bí thư Quân ủy Trung ương cho cánh quân hướng đông: 1 - Thường xuyên báo cáo diễn biến tình hình hàng ngày để báo cáo với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương; 2 - Trước mắt, cho biết mấy vấn đề sau: Đánh giá thắng lợi bước đầu; dự kiến thời cơ phát triển vào nội đô, cả trường hợp hiệp đồng chung với các hướng và trường hợp đến mục tiêu trước mắt sớm hơn thời gian quy định và khi có thời cơ cụ thể thuận lợi, bảo đảm chắc thắng thì tranh thủ phát triển vào, không nên chờ các cánh khác; 3- Nếu trận địa pháo 130 đặt xong ở Nhơn Trạch và bắn được vào Tân Sơn Nhất thì Sài Gòn sẽ rung động lớn.

Tình hình ngày 27 cho thấy hướng đông có nhiều thuận lợi. Hướng bắc và tây - bắc có thể chậm hơn một chút, nhưng hướng tây - nam có thể phát triển kịp với các hướng khác. Máy hôm nay, quân ta hoạt động trên đường 4 (Tân An) có kết quả. Nếu hướng tây - nam phát triển nhanh và mạnh sẽ tạo điều kiện rất thuận lợi cho hướng bắc và tây - bắc.

Trong buổi giao ban sáng hôm sau, 28 tháng 4, anh Khánh và trực ban tác chiến cho biết chưa nắm được tình hình các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Chiến sự vùng chung quanh Sài Gòn đã được thể hiện trên bản đồ.

- Trên hướng đông, ta đã đột phá được các tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, làm chủ được đường 22 và phần lớn đường 15, áp sát Bà Rịa, chia cắt Bà Rịa với Vũng Tàu, giải phóng gần hết tỉnh Phước Tuy và phần lớn tỉnh Biên Hòa, nhưng chưa chiếm được Biên Hòa, Nhơn Trạch theo kế hoạch, do đó cũng

chưa đặt được trận địa pháo tầm xa ở Nhơn Trạch để bắn vào Tân Sơn Nhất và khóa sông Lòng Tàu.

- Trên hướng bắc, Sư đoàn 312 đã chiếm lĩnh xong trận địa; một bộ phận của Sư đoàn 320B đã vượt sông sang phía tây đường 16, chuẩn bị bàn đạp cho sư đoàn thọc sâu. Lực lượng vũ trang và quần chúng tỉnh Bình Dương đã nổi dậy phối hợp với chủ lực. Công tác binh vận được đẩy mạnh.

- Trên hướng tây - bắc, Sư đoàn 316 cùng lực lượng vũ trang Tây Ninh đã tổ chức chốt chặn ở Phú Mỹ và đông Trảng Bàng, cắt nhiều đoạn trên đường 22. Quân ta đã liên tục đánh địch phản kích, giữ thế bao vây chia cắt từng cụm quân địch trên đường 22 và đường 1. Phối hợp với Quân đoàn 3, lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân Trảng Bàng, Hiếu Thiện, Khiêm Hạnh, Phước Ninh đã bao vây, bức hàng, bức rút nhiều đồn bốt, giải phóng nhiều xã ấp vùng nông thôn Tây Ninh. Lực lượng vũ trang vùng ven đã giải phóng một số ấp trên đường 7 (bắc Củ Chi). Lực lượng đặc công bám sát cầu Bình Phước trên sông Sài Gòn và các mục tiêu từ cầu Bình Phước đến Quán Tre, đồng thời đã có lực lượng chuẩn bị thọc sâu vào bắc sân bay Tân Sơn Nhất.

- Trên hướng tây và tây - nam, quân ta đang khắc phục khó khăn để đưa binh khí kỹ thuật vượt sông Vàm Cỏ Đông vào chiếm lĩnh tuyến xuất phát tiến công. Hai trung đoàn thuộc Quân khu 8, trên hướng nam, đã đứng chân ở bắc Cần Giuộc, chiếm lĩnh tỉnh đường 5, sẵn sàng thọc sâu vào quận 8 và Nhà Bè.

Buổi chiều, qua đài phương Tây, chúng tôi được tin: Hồi 16 giờ 40 phút, 5 chiếc A.37 của ta đã ném bom sân bay Tân Sơn Nhất. Tin cho biết nhiều máy bay bị phá hủy, kể cả máy bay Mỹ túc trực để thực hiện kế hoạch "di tản". Sài Gòn náo động vì đòn bất ngờ này.

Bộ Tổng tham mưu nhận được tin này gần như đồng thời với tin Trần Văn Hương trao ghế tổng thống cho Dương Văn Minh, một việc mà Bộ Chính trị đã từng dự kiến. Viên tổng thống mới kêu gọi quân đội ngụy "bảo vệ những vùng đất đai còn lại và muốn hoàn thành nhiệm vụ đó, mọi người phải giữ vững vị trí" (!).

Buổi tối, Bộ Tổng tham mưu tổng hợp tình hình, báo cáo Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương sau hai ngày chiến dịch mở màn.

Bộ đội trên các hướng đã cơ bản thực hiện được kế hoạch tiến công bao vây cô lập Sài Gòn, chia cắt địch giữa tuyến ngoài và nội đô. Quân ta đã cắt đường 15 từ Sài Gòn đi Vũng Tàu và đường 4 từ Sài Gòn về đồng bằng sông Cửu Long. Trên hướng đông, mặc dù địch ra sức chống đỡ, Quân đoàn 4 (anh Hoàng cầm, Tư lệnh và anh Hoàng Thế Thiện, Chính ủy) và Quân đoàn 2 (Anh Nguyễn Hữu An, Tư lệnh; anh Lê Linh, Chính ủy) đã chiếm được một số mục tiêu quan trọng như Trảng Bom, Long Thành, Đức Thạnh, thị xã Bà Rịa và về cơ bản đã làm chủ căn cứ Nước Trong. Lực lượng của ta trên hướng bắc và tây - bắc đã triển khai, hình thành thế bao vây, chia cắt địch ở vòng ngoài, đã làm các sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất bị tê liệt. Sài Gòn bị bao vây và hoàn toàn bị cô lập cả về đường bộ, đường không và đường thủy. Phối hợp với chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân vòng ngoài và vùng ven đô đã kịp thời tiến công và nổi dậy, giải phóng được nhiều vùng nông thôn rộng lớn bao quanh các chi khu quận lỵ, các tiểu khu và các căn cứ lớn chung quanh Sài Gòn.

Điều đáng quan tâm lúc này là chỉ đạo các đơn vị đặc công đánh chiếm và giữ các cầu, nhất là trên hướng đông, để đảm bảo tốc độ tiến quân của các quân đoàn và việc đưa binh khí kỹ thuật của Đoàn 232 sang sông để kịp phối hợp với các hướng khác tiến công vào nội đô.

Trên hướng đồng bằng sông Cửu Long, tin tức đầu tiên cho biết lực lượng vũ trang của hai quân khu 8 và 9 đã áp sát các thị xã Cần Thơ, Mỹ Tho, tìm chân các sư đoàn của quân đoàn 4 ngụy, không chế sân bay Bình Thủy. Lực lượng chính trị và vũ trang của tỉnh, huyện đã áp sát các chi khu quận lỵ, thị xã, thị trấn. Việc đánh và cắt đường 4 xúc tiến khẩn trương.

Chỉ mới sau hai ngày tiến công của ta, hệ thống chỉ huy của địch, từ bộ Tổng tham mưu đến bộ chỉ huy quân đoàn 3 đều đã rối loạn. Nhiều tên cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền tiếp tục di tán theo Mỹ. Việc Dương Văn Minh thay Trần Văn Hương nói lên thế chính trị và quân sự của ngụy đã sắp sụp đổ, nhưng chúng vẫn hy vọng con bài cuối cùng có thể đứng ra dàn xếp với ta nhằm đạt tới “ngừng bắn”.

Sau khi nghe báo cáo, đồng chí Tổng tư lệnh đã thay mặt Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương gửi điện động viên toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên “anh dũng tiến lên giành toàn thắng cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại”.

Tiếp đó, bức điện viết:

“1. Chiến dịch đã bắt đầu với những thắng lợi giòn giã. Chúng tôi tất cả đều rất phấn khởi, gửi lời chúc các anh khỏe và giành được toàn thắng.

2. Các anh nhắc cơ quan tham mưu và chính trị: a) Đi đôi với mệnh lệnh tác chiến, cần có chỉ thị cụ thể về nhiệm vụ, phục vụ quản lý thành phố của từng đơn vị; b) Xúc tiến kế hoạch phát triển thắng lợi, tiêu diệt và làm tan rã quân địch ở đồng bằng sông Cửu Long; c) Có dự kiến về việc chấn chỉnh lực lượng sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nhất là những việc điều chỉnh cần làm trước mùa mưa.

3. Nhận được điện, các anh trả lời để chúng tôi hướng dẫn cơ quan nghiên cứu”.

Từ sáng sớm ngày 29, những chiếc xe con lần lượt vào Khu A. Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương họp bàn những việc lớn cần phải làm ngay sau ngày toàn thắng.

Trong phòng trực ban tác chiến, anh Khánh và một số cán bộ Cục Tác chiến, Cục Tình báo giành hầu hết thời gian bám sát diễn biến từng giờ của mặt trận Sài Gòn. Mỗi khi nhận được tin mới, anh Khánh lại sang phòng họp của Quân uỷ để báo cáo. Một cán bộ tác chiến thường đi theo để tác nghiệp những bước tiến của từng cánh quân trên tấm bản đồ Sài Gòn trải rộng trên chiếc bàn lớn trong phòng họp.

Khoảng 9 giờ, anh Ba cho gọi một cán bộ Cục Tình báo sang. Anh muốn nghe những tin tức mới nhất về địch.

Qua đài phương Tây, được biết có thêm nhiều tên tay sai ở Sài Gòn bỏ chạy ra nước ngoài, trong đó có 60 nghị sĩ, tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên, thủ trưởng Nguyễn Bá Cần mới từ chức... Tại trung tâm Sài Gòn, cuộc di tản đang diễn ra trong cảnh hỗn loạn, hốt hoảng. Sau khi sân bay Tân Sơn Nhất bị ném

bom, một số máy bay Mỹ đang làm nhiệm vụ di tản bị phá hủy, Mỹ phải tổ chức chiến dịch di tản bằng máy bay trực thăng trên sân thượng một số nhà cao tầng ngay trung tâm thành phố, làm cho quang cảnh nội đô càng thêm hỗn loạn. Các đài Anh, đài Úc, đài Nhật đều nói nhiều đến không khí náo động trong thành phố Sài Gòn, nhất là từ chiều 28. Dương Văn Minh gặp một số sĩ quan cao cấp còn lại ở Sài Gòn. Quá nửa số tướng ngụy được mời đến chủ trương ngừng bắn. Viên tổng thống mới cố vớt vát bằng cách cử “đại diện chính phủ” đến Tân Sơn Nhất xin gặp phái đoàn ta, hòng “thương lượng cho một cuộc ngừng bắn”. Hấn rất hy vọng cuộc gặp gỡ sẽ đạt kết quả mong muốn vì “Hà Nội chưa chắc đã có một bộ máy hành chính đủ để quản lý toàn quốc, vì vậy rất có thể họ sẽ sẵn sàng chấp nhận một chế độ quá độ”... Có tin lệnh ngừng bắn đã được ngụy ban ra.

Sau khi trao đổi ý kiến với các anh có mặt trong phòng, anh Ba đọc một bức điện đề chuyển gấp vào chiến trường:

“Gửi các anh Sáu, anh Bảy, anh Tuấn, anh Tư, đồng điện anh Tuấn¹.”

Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đang họp thì được tin Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn. Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương chỉ thị:

1. Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch: tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng.

2. Công bố đặt thành phố Sài Gòn - Gia Định dưới quyền của uỷ ban Quân quản do tướng Trần Văn Trà làm chủ tịch.

3. Sẽ có điện tiếp, nhận được điện trả lời ngay.

“Ba

Điện viết lúc 10 giờ sáng ngày 29 tháng 4.

Tối hôm ấy, trong buổi giao ban của tham mưu, có anh Văn dự, chúng tôi nghe anh Lê Hữu Đức, Cục trưởng Tác chiến báo cáo tình hình tổng hợp sau ba ngày đêm liên tục chiến đấu. Riêng trong ngày 29, tình hình diễn ra đúng như kế hoạch. Các sư đoàn, quân đoàn đã chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh chiến đấu và kế hoạch hiệp đồng. Mọi khó khăn, trở ngại đã được khắc phục với tinh thần nỗ lực, khẩn trương, linh hoạt và sáng tạo. Mặc dù tốc độ phát triển khác nhau, nhưng các mũi, các hướng đều đã đánh chiếm được các mục tiêu quy định. Ta đã tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân địch ở vòng ngoài, mở được cửa thọc sâu trên các hướng. Trên hướng tây - bắc, tây và tây - nam, lực lượng thọc sâu đã vào tới địa bàn quy định. Trên hướng đông, địch ngoan cố chống cự, Quân đoàn 4 phát triển chậm, nhưng Quân đoàn 2 phát triển thuận lợi hơn, lực lượng thọc sâu đã vòng qua căn cứ Long Bình và đang phát triển trên xa lộ. Các lực lượng ven đô đã phối hợp đặc lực với các cánh quân, kịp thời đánh chiếm, giữ các cầu quan trọng và các mục tiêu được phân công, chuẩn bị tốt các địa bàn vùng ven trên hướng tiến của các binh đoàn, đồng thời chặn đánh, diệt và bắt tàn quân địch từ ngoài chạy vào Sài Gòn. Lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng nổi dậy trên các hướng tiến công của chủ lực đã kịp phối hợp chặt chẽ,

¹ . Tức các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà, Lê Trọng Tấn.

tích cực tiến công địch. Lực lượng ba mũi trong vùng sâu đã chủ động nổi dậy tự giải phóng địa phương mình, tạo nên một thế chung là chủ lực phát triển đến đâu thì diện giải phóng đều mở rộng đến đó.

Trong ba ngày qua, nhất là ngày 29, sự đối phó của địch chỉ có mức độ. Hiện tượng chung là mau chóng tan rã, rút chạy hoặc dẫu hàng. Thực tế cho thấy hệ thống chỉ huy của địch đã bị rối loạn không còn phát huy được tác dụng. Bộ máy nguy quyền, nhất là ở cơ sở, đã sụp đổ. Cuộc di tán của Mỹ và bọn tay sai đang xúc tiến với tốc độ khẩn trương nhất và sắp đến lúc kết thúc.

Các cánh quân trên các hướng đã nhận lệnh của Bộ Tư lệnh chiến dịch chuyển sang tổng công kích vào nội đô, hiệp đồng đánh thẳng vào trung tâm thành phố, chiếm các mục tiêu đã định...

Chúng tôi đang nghe báo cáo thì một nhân viên cơ yếu gõ cửa xin vào mang theo bức điện mới nhận.

Anh Tấn báo cáo: Đã ra lệnh cho hai quân đoàn đánh vào nội đô 16 giờ hôm nay. Nếu có khó khăn sẽ đánh vào 4 giờ sáng mai, 30 tháng 4.

Anh Văn cầm điện thoại trao đổi với anh Ba. Sau đó, anh đọc bức điện gửi ngay cho anh Dũng:

“... Anh Ba và chúng tôi thấy tình hình các hướng đang phát triển thuận lợi. Hướng anh Tấn hành động càng nhanh càng tốt...”.

Và một bức điện gửi anh Tấn:

“Anh căn cứ chỉ thị về thời gian của anh Tuấn mà hành động. Nếu anh Tuấn không có chỉ thị thì hành động với thời gian nhanh nhất. Giờ cụ thể, anh căn cứ vào tình hình mà quyết định”.

Những bức điện ra khỏi phòng trực ban tác chiến lúc 22 giờ 15 phút ngày 29 tháng 4.

Đêm hôm đó, anh Cao Văn Khánh nghỉ lại trong phòng trực ban tác chiến. Chừng quá nửa đêm, nghe Cục Tình báo báo cáo xong, anh gọi điện thoại cho tôi. Sau khi trao đổi ý kiến, anh điện thông báo cho các anh trong chiến trường: Có tin lúc 1 giờ ngày 30 tháng 4, địch ra lệnh cho các tàu hải quân ở Cần Thơ, Đồng Tâm và Phú Quốc tập trung ở một địa điểm (chưa rõ ở đâu) và một số tàu (tin đầu tiên có 8 chiếc) chuẩn bị chuyển qua đảo Gu-am. Trước đó có tin 78 máy bay của ngụy đã chuyển qua U-ta-pao. Chưa rõ đây là tổng số máy bay địch chuyển đi hay mới là đợt đầu tiên... “Báo cáo các anh rõ và ra lệnh cho đơn vị theo dõi xem tàu hải quân có chở bộ binh theo không và có kế hoạch đánh cho kịp”.

Sáng 30 tháng 4, anh Ba, anh Trường Chinh và anh Đồng vào khu “Nhà con rồng” từ sớm. Anh Văn cũng đã có mặt. Các anh khác trong Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương tiếp tục đến sau.

Sau khi nghe anh Khánh báo cáo, các anh trao đổi ý kiến đánh giá tình hình. Khoảng 8 giờ, một bức điện của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương viết xong và cho địch gửi đi:

Nhiệt liệt khen ngợi toàn thể các đơn vị đã lập được chiến công lớn trong những ngày qua, đập tan tập đoàn phòng ngự và các cứ điểm phòng ngự phía đông, bắc, tây bắc và tây nam, cắt đứt đường 4, tiến công các sân bay lớn của địch, hoạt động tốt ở ven Sài Gòn và nội thành Sài Gòn.

Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương kêu gọi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, với quyết tâm lớn nhất, hãy nhanh chóng đánh thắng vào sào huyệt cuối cùng với địch với khí thế hùng mạnh nhất của một quân đội trăm trận trăm thắng, đập tan mọi sự dè kháng của địch, kết hợp tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định. Phải giữ kỷ luật thật nghiêm, triệt để chấp hành mọi chỉ thị, mệnh lệnh; bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân; nêu cao truyền thống và bản chất cách mạng của quân đội ta, hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc giành thắng lợi hoàn toàn cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại...

Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương nhắc Quân uỷ và Bộ Tư lệnh Miền về việc quản lý thành phố; tiếp tục phát triển thắng lợi, tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn các lực lượng địch còn lại ở các khu vực khác, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, các đảo Côn Sơn và Phú Quốc; động viên tinh thần cách mạng triệt để và chiến đấu liên tục cho đến thắng lợi hoàn toàn, khắc phục mọi hiện tượng thỏa mãn, dừng lại. Để tiếp tục phát triển thắng lợi ngay sau khi giải phóng Sài Gòn, Quân uỷ Trung ương nhắc việc chuẩn bị sân bay Tân Sơn Nhất để sử dụng không quân vào kế hoạch mới. Bộ Tư lệnh Phòng không - không quân đã chuẩn bị hai đại đội chiến sĩ lái A.37 ở Phan Rang. Các phi đội *Mich* cũng được lệnh chuẩn bị, sẵn sàng cất cánh khi có lệnh.

Cuộc họp của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương vẫn tiếp tục.

10 giờ, đồng chí Nguyễn Thanh, trưởng phòng 70¹ chạy vào báo cáo: đài phát thanh của Nhật loan tin quân giải phóng, có xe tăng dẫn đầu, đang tiến vào Sài Gòn.

Tôi đề nghị hội nghị tạm dừng ít phút để nghe tình hình. Anh Khánh được mời lên báo cáo. Cả đêm qua, hầu như anh không ngủ.

Anh trình bày: các anh trong Bộ Tư lệnh chiến dịch đã trao thêm nhiệm vụ cho Quân đoàn 3: Khi đánh vào Tân Sơn Nhất thì cho một cánh phát triển vào hướng bộ Tổng tham mưu nguy, phối hợp với Quân đoàn 1. Từ nửa đêm, các binh đoàn thọc sâu đã khẩn trương thi hành lệnh tiến gấp, chọc thẳng vào mục tiêu được giao, bỏ qua những mục tiêu khác trên dọc đường để nâng tốc độ tiến quân.

Cuộc di tản của người Mỹ diễn ra dồn dập từ chiều 29, đã kết thúc mờ sáng nay với chuyến bay của đại sứ Mỹ Ma-tin, rời Sài Gòn lúc 4 giờ 45 phút.

Theo tin mới nhận được sáng nay, Sư đoàn 10 (Quân đoàn 3) đang tiến vào Ngã tư Bảy Hiền; các cánh quân của Quân đoàn 1 đánh vào căn cứ Lai Khê, Phú Lợi, Lái Thiêu, đang phát triển về Gò Vấp. Một cánh khác đang đánh địch từ cầu Bình Phước đến cầu Bình Triệu. Sau khi đánh tan quân địch chống cự ở Hố Nai, Tam Hiệp, Quân đoàn 4 đang tiến công sở chỉ huy quân đoàn 3 nguy, chuẩn bị thọc vào Sài Gòn. Binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn 2 vượt qua cầu xa lộ trên sông Đồng Nai, đã diệt ổ dè kháng của địch ở Thủ Đức, phía bắc cầu Rạch Chiếc. Trên hướng nam và tây nam, các đơn vị phía trước của Đoàn 232 đang tiến về hướng biệt khu Thủ Đức và tổng nha cảnh sát nguy. Trên đường 4, ta đã đánh chiếm chi khu Thủ Thừa, giải phóng thị xã Tân An.

¹. Phòng 70 thuộc Cục Tình báo, chuyên theo dõi tin địch bằng phương tiện kỹ thuật.

Để chuẩn bị cho các mũi thọc sâu của chủ lực tiến quân vào nội đô, từ 27 đến 29 tháng 4, các đơn vị đặc công của biệt động đã kịp thời đánh chiếm các cầu lớn, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch và giữ vững cầu. Có những cầu ta phải giành giật với địch 2 - 3 lần như cầu Rạch Chiếc, cầu Bình Phước. Trước đó, từ cuối trung tuần tháng 4, các trung đoàn 1 và 2 Gia Định đã đẩy mạnh hoạt động: Tiến công trạm ra-đa Phú Lâm; đưa lực lượng vào áp sát phía bắc sân bay Tân Sơn Nhất; mở hành lang tiến công cho chủ lực vào Ngã tư Bảy Hiền; phối hợp với đặc công đánh chiếm và giữ cầu Rạch Chiếc, cầu xa lộ Biên Hòa; đưa quân vào tiếp cận các mục tiêu theo kế hoạch hiệp đồng trên các cán h, các hướng. Lực lượng vũ trang Biên Hòa, sau khi phối hợp với chủ lực giải phóng các đường 25, 19, các khu Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ, đã tiến xuống giải phóng và tiếp quản các mục tiêu ở huyện Duyên Hải, một huyện hẻo lánh sát biển.

Khi các đơn vị đầu tiên của cánh quân hướng đông tiến từ cầu Tân Cảng vào Sài Gòn, đông đảo nhân dân đã đổ ra hai bên đường tiến quân, hoan hô bộ đội. Nhiều nhà báo trong và ngoài nước đón đường quay phim, chụp ảnh bộ đội tiến vào nội đô. Trên hướng bắc, lực lượng vũ trang địa phương và giải phóng các chi khu quận ly Châu Thành, Dĩ An, bức hàng bọn địch trong căn cứ Sóng Thần. Nhân dân các xã ấp được lực lượng vũ trang hỗ trợ đã nổi dậy, xóa chính quyền địch, xây dựng chính quyền tự quản.

Trong vùng ven đô và nội đô, khi quân ta sắp tiến quân vào, nhân dân nhiều nơi, được sự chỉ đạo của cơ sở cách mạng và lực lượng biệt động đã kịp thời nổi dậy phối hợp. Ngay trong đêm 29, ở nhiều phường, quận, quần chúng đã chiếm bắt địch, chiếm trụ sở, cướp chính quyền ở phường, xóm. Có nơi như ở phường Tây Nhì (nay là phường 12), quận Phú Nhuận, ở sát Bộ Tổng tham mưu nguy, cờ cách mạng được treo ở trụ sở phường từ trưa ngày 29, tự vệ và quần chúng phường Bình Thới, quận 11, đã chiếm trụ sở khóm 5 và 6 từ đêm hôm đó, trong khi quần chúng ở phường Khánh Hội cũng nổi dậy chiếm chi khu cảnh sát và làm chủ phường...

Trên hướng đông bằng sông Cửu Long, Bộ Tổng tham mưu vừa nhận được tin tức mới nhất của một số tỉnh.

Từ chiều 29, các lực lượng vũ trang Trà Vinh đã tập kết cơ quan thị xã 1km và ém sẵn quân gần các mục tiêu sâu như sân bay, trận địa pháo địch. Ở Bạc Liêu, ta đã vận động và cuối cùng đưa tối hậu thư buộc tỉnh trưởng đầu hàng. Hấn vẫn chần chừ do dự, viện cớ chờ lệnh trên. Các ban khởi nghĩa của các huyện đã bí mật đưa lực lượng vào thị xã và đang hoạt động tích cực chuẩn bị cho quần chúng nổi dậy. Ở Sóc Trăng, lực lượng vũ trang đã tiến công vào thị xã và sân bay, bức hàng chi khu Khánh Hưng.

Sau khi Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương nghe báo cáo và trao đổi ý kiến về tình hình và những công việc cấp thiết trước mắt, anh Văn đã thay mặt Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương gửi điện vào chiến trường, nói về "một số ý kiến đã nhất trí để các anh kịp thời thi hành".

1. Ủy ban quân quản công bố ngay trên đài phát thanh mệnh lệnh đầu tiên. Nội dung đại thể: a) Quân giải phóng tiến vào để giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam; b) Quân đội nguy quyền Sài Gòn phải lập tức hạ vũ khí đầu hàng; c) Tuyên bố giải tán chính quyền các

cấp; d) kêu gọi đồng bào đứng dậy cùng Quân giải phóng đập tan mọi sự chống cự của địch, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, hoàn thành công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam thân yêu.

2. Đã kiểm tra lại công tác chuẩn bị của không quân. Các đơn vị *Mich 17*, *Mich 21* đã sẵn sàng. Sẽ tùy tình hình, nếu thật cần thiết thì sẽ quyết định sử dụng theo kế hoạch dự kiến...

Bức điện vừa gửi đi được nửa giờ thì Cục Tình báo báo cáo: đài phương Tây đưa tin quân ta đã vào dinh tổng thống ngay.

Thêm một bức điện được gửi gấp vào Nam nói rõ ý kiến của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương: “Có thể dùng Dương Văn Minh để kêu gọi các đơn vị của địch hạ vũ khí nhưng không phải với tư cách tổng thống mà chỉ với tư cách một người đã sang hàng ngũ nhân dân”.

Bức điện nhắc lại tin quân đã cắm cờ trên “dinh Độc Lập” và kết thúc bằng câu: “Các anh Bộ Chính trị rất vui, rất vui...”.

Cầm bức điện, chưa kịp dịch để gửi đi, mấy anh chị em trong tổ cơ yếu thường trực hỏi nhau:

- Các “Cụ” nhận được tin ở đâu mà nhanh thế nhỉ?

Thắc mắc là đúng, vì tin này do đài anh Tấn ở hướng đông trực tiếp báo về, cơ yếu của cục địch và anh Phê đích thân mang lên báo cáo gần như đồng thời với tin Cục Tình báo thu được của đài phương Tây.

Gặp tôi ở sân “nhà con rồng”, anh Phê phấn khởi ôm lấy tôi, xúc động nói:

- Toàn thắng, toàn thắng rồi anh ạ! Quân ta cắm cờ trên “dinh Độc Lập” rồi!

Tôi báo anh vào báo cáo các anh trong phòng họp. Ngay sau đó, hành lang phòng họp của Quân uỷ bỗng trở nên chật hẹp hẳn lại, không biết từ lúc nào, các anh trong Bộ Chính trị và chúng tôi đã từ phòng họp ra cả hành lang. Anh Khánh, một số cán bộ các Cục và Văn phòng, trực ban tác chiến, tổ cơ yếu thường trực, mấy chiến sĩ công vụ, vệ binh... tất cả chỉ trong chốc lát bỗng nhiên hình thành một cuộc mít tinh, già, trẻ, thường phục, quân phục, cấp trên, cấp dưới... mọi người đều hân hoan, xúc động. Các anh trong Bộ Chính trị cười nói rất vui.

Đồng chí trực ban tác chiến được phép thông báo tin chiến thắng đến các Tổng cục, các Cục. Trước đó, ít nhiều cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan Bộ Tổng tư lệnh đã biết. Vậy mà khi tiếng loa chính thức báo tin vừa dứt, nơi nơi vang lên tiếng vỗ tay reo hò. Đâu đó có tiếng pháo nổ vang. Một không khí phấn khởi, náo nhiệt bao trùm cơ quan Tổng hành dinh.

Tin chiến thắng cũng được thông báo cho Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam và cho cơ quan thông tin Hà Nội.

Một đồng chí cán bộ vừa đi vừa Bờ Hồ qua ngã tư Cửa Nam về, kể lại: Tiếng loa trên các đường phố vang lên báo “tin đặc biệt”. Dòng người, dòng xe đạp đang chuyển động trên các ngã đường bỗng chậm hẳn lại. Người người lắng nghe và cuối cùng, tiếng reo hò vang lên. Một sự kiện bao năm chờ đợi, nay đã đến. Từ các nhà, các dãy phố, người ta đổ ra đường. Quanh Bờ Hồ, dưới các loa phóng thanh, người chật ních. Ai cũng muốn nghe tiếng phát thanh viên đọc đi, đọc lại tin chiến thắng mới nhận được. Nét mặt mọi người hân hoan, rạng rỡ. Chẳng

đường dài chiến đấu liên tục 30 năm đã đến đích cuối cùng. Lời tiên tri của Bác năm 1960 đã thành hiện thực: “Toàn quân ta đoàn kết nhất trí, bền bỉ đấu tranh, thì chậm lắm là 15 năm nữa. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc Nam nhất định sẽ sum họp một nhà”.

Mặt trời đã đứng bóng, nhiều anh trong Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương lên xe ra về. Niềm vui còn thể hiện rõ trên nét mặt các anh. Hơn hai mươi năm qua, các anh đã bao lần trải qua những giây phút ưu tư, với trách nhiệm nặng nề, nhiệm vụ to lớn đè trĩu lên vai. Thắng lợi đến không đột ngột nhưng quá nhanh, khiến tâm tư, tình cảm tràn ngập một niềm vui động mạnh.

Anh Văn chưa về, dù đã 12 giờ trưa. Anh cho gọi tổ cơ yếu thường trực sang phòng họp. Trên bàn đã bày sẵn mấy chai bia Trúc Bạch, kẹo Hà Nội, thuốc lá Điện Biên. Anh muốn chia vui và thưởng riêng cho anh chị em cơ yếu thường trực sau những ngày làm việc hết sức khẩn trương, căng thẳng, phục vụ đặc lực cho việc chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương.

Mới hơn 13 giờ, đã thấy những chiếc xe con trở lại Khu A. Buổi trưa nay, 30 tháng 4, hình như nhiều anh trong Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương không nghỉ. Các anh vào phòng họp, vẫn với vẻ mặt hân hoan, xúc động.

Buổi họp chiều chưa bắt đầu thì đồng chí trưởng phòng 70 đã chạy vào phòng họp, mang theo bản tin mới thu được của đài Sài Gòn. Bản tin nói về lời chấp nhận đầu hàng với viên tổng thống ngụy quyền Sài Gòn.

“Tôi là Dương Văn Minh, tổng thống của chính quyền Sài Gòn. Tôi kêu gọi bỏ vũ khí đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng, giải tán cơ cấu chính quyền từ trung ương đến địa phương và giao quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam”.

Tiếp đến là lời đại biểu Quân giải phóng:

“Tôi đại diện Quân giải phóng chấp nhận sự đầu hàng của...”.

Anh không ghi tiếp nữa. Anh xúc động quá, bỏ máy chạy ngay lên phòng họp của Quân uỷ. Trong phòng mới có anh Ba, anh Đồng, anh Văn, một số anh trong Thường trực Quân uỷ và tôi. Nghe xong, anh Ba hỏi lại:

- Có đúng nó tuyên bố *đầu hàng vô điều kiện không?* Phải bắt nó tuyên bố như vậy.

Đồng chí trưởng phòng 70 đọc lại. Đúng là nó đầu hàng vô điều kiện.

Các anh cùng cười, vui, rất vui.

Nửa giờ sau, anh Trần Lâm ở Đài phát thanh vào và cũng mang theo tin nói trên. Các anh dặn anh Lâm về phương hướng tuyên truyền trong những ngày sắp tới. Cần nói nhiều hơn, rõ hơn về chiến dịch Hồ Chí Minh, về các trận chiến đấu, về phong trào nổi dậy và tin đồng bào nhiệt liệt hoan nghênh Quân giải phóng, nhất là ở Sài Gòn, về việc đầu hàng vô điều kiện của tổng thống ngụy. Cần đưa nhiều tin về các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và công việc của Ủy ban Quân quản. Chú trọng động viên nhân dân giúp đỡ lực lượng vũ trang truy quét tàn binh địch và góp sức vào việc xây dựng chính quyền mới, kêu gọi quân đội và cảnh sát địch còn lại nhanh chóng đầu hàng...

Cuộc họp buổi chiều bắt đầu muộn. Các anh vừa trao đổi ý kiến về những công việc lớn trước mắt, vừa có ý đợi báo cáo chính thức của chiến trường.

Khoảng 16 giờ, hai bức điện cùng đến một lúc, một của anh Lê Đức Thọ, một của anh Phạm Hùng và anh Văn Tiến Dũng, được viết hồi 13 giờ 30 ngày 30 tháng 4. Các anh nói về lời tuyên bố đầu hàng của Dương Văn Minh, về lệnh cho các cánh quân tiếp tục phát triển tiến công thật nhanh vào các khu vực và mục tiêu đã quy định; về lời kêu gọi quân địch còn lại đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí; về chỉ thị bắt đầu và tập trung các sĩ quan địch từ cấp tá trở lên, nếu nơi nào địch chống cự thì lập tức tiến công tiêu diệt ngay. Các anh cũng đã chỉ thị cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long chớp thời cơ nổi dậy, đánh đổ toàn bộ chính quyền của địch, lập chính quyền cách mạng, lập ủy ban quân quản ở địa phương...

Sau khi nghe điện báo cáo của các anh trong chiến trường, anh Ba tóm tắt những vấn đề đã được trao đổi ý kiến hôm nay và nhắc lại một số việc dự kiến bàn trong cuộc họp chính thức của Bộ Chính trị vào ngày 3 tháng 5, để chuẩn bị hội nghị Ban Chấp hành Trung ương sắp tới. Anh chỉ thị Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị báo cáo tổng hợp diễn biến của chiến trường từ trưa ngày 30 tháng 4, cả ở Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, để báo cáo trong cuộc họp của Bộ Chính trị. Quân ủy Trung ương cần họp trước, bàn về một số công tác trước mắt mà đồng chí Bí thư Quân ủy đã nêu lên: Vấn đề chỉ đạo tác chiến, hoàn thành giải phóng toàn bộ lãnh thổ (kể cả các đảo); vấn đề quản lý vùng giải phóng; kế hoạch (sơ bộ) bố phòng đất nước, làm cơ sở để kiện toàn và điều chỉnh lực lượng; vấn đề thu hồi toàn bộ vũ khí trang bị, phương tiện chiến tranh, cơ sở vật chất và kỹ thuật của một đội quân trên một triệu tên địch vừa bị tiêu diệt và tan rã hoàn toàn. Đây là một nhiệm vụ rất lớn, ta đã làm một bước, nay phải có kế hoạch toàn diện, trong phạm vi toàn chiến trường miền Nam và cả nước. Cần bàn cả công thức ra tuyên bố về việc giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, các đảo Côn Sơn, Phú Quốc, Cù Lao... Một vấn đề cụ thể cần làm sớm là tổ chức lễ mừng chiến thắng, vào khoảng từ 10 đến 12 tháng 5, không nên để chậm. Ngoài công tác ngoại giao, hội nghị Bộ Chính trị sắp tới sẽ tập trung bàn phương hướng tiến lên của cách mạng nước ta sau ngày toàn thắng. Đảng là một, dân tộc là một, quân đội là một. Đương nhiên phải có chuẩn bị, nhưng tình hình đã chín muồi để thực hiện thống nhất đất nước. Chúng ta sẽ có nhiều điều kiện cơ bản để đưa cách mạng tiến lên mạnh mẽ xây dựng đất nước giàu mạnh. Phải làm sớm vấn đề cơ bản này mới có cơ sở để giải quyết các vấn đề cụ thể khác.

Trước khi ra về, anh Ba còn nhắc tôi:

- Dặn anh em chú ý tin tức về tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long. Thông tin chỉ huy của tham mưu nặng về tiến công của chủ lực, nhẹ về nổi dậy của quần chúng đấy!

Có tiếng cười vui!

Thật ra thì vừa qua, Bộ Tổng tham mưu nhận được ít tin tức về phong trào nổi dậy. Đã có lần báo cáo, chúng tôi phải xin "khất".

Chúng tôi trong Thường trực Quân ủy ngồi nán lại. Đồng chí Bí thư nhắc chúng tôi những nội dung cần chuẩn bị cho cuộc họp của Thường trực Quân ủy, dự định vào ngày 2 tháng 5. Ngoài những việc anh Ba vừa gợi ý, anh Văn nhắc thêm một số công tác quân sự trước mắt.

Một là, trong việc quản lý các vùng mới giải phóng, nhất là các thành phố lớn, phải chỉ đạo các uỷ ban quân quản phối hợp với các ngành, các đoàn thể, vừa xây dựng chính quyền cách mạng, vừa thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết như truy quét bọn tàn binh, bắt giữ bọn đầu sỏ phản động, giữ vững trật tự trị an, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và tài sản công cộng, ổn định đời sống của nhân dân. Phải làm cho mỗi cán bộ biết vận động nhân dân, phát động quần chúng làm chủ địa bàn mới giải phóng.

Hai là, nghiên cứu kế hoạch giải quyết bọn địch còn lại ở đồng bằng sông Cửu Long và các đảo Côn Sơn, Phú Quốc. Trong việc giải quyết các đảo, anh nhắc lại chủ trương trước đây của Bộ Chính trị về việc giải phóng và đưa các anh chị em tù chính trị của ta ở ngoài đó trở về.

Ba là, nghiên cứu kế hoạch xây dựng và điều chỉnh lực lượng trong điều kiện đất nước thống nhất và ta mới thu hồi được một số lớn trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của địch.

Tôi xuống phòng trực ban tác chiến. Đã khá muộn, nhưng cả anh Khánh và anh Đức còn ở đó. Các anh đang nắm lại tình hình. Tôi nói lại ý định của Bộ Chính trị và Quân uỷ về nội dung các hội nghị sắp tới và những việc Bộ Tổng tham mưu cần làm. Riêng về báo cáo chiến sự, chúng tôi trao đổi ý kiến và nhất trí rằng trong những ngày này, các anh trong kia còn rất bận, mọi công việc sau chiến thắng rất bề bộn, chờ điện báo cáo tổng hợp thì chậm, nhất là tình hình diễn biến ở đồng bằng sông Cửu Long. Phải dùng cả điện thoại và vô tuyến điện và dựa vào sự giúp đỡ của các phái viên của Bộ Tổng tham mưu ở trong đó, nắm lại diễn biến chiến sự từ ngày 30 tháng 4, trong đó chú ý phong trào tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long. Cơ quan tham mưu nắm vấn đề này chưa vững, chưa kịp thời, vì vừa qua chúng ta tập trung nhiều vào việc theo dõi mặt trận Sài Gòn. Cần có báo cáo kịp thời để Bộ Chính trị và Quân uỷ chỉ đạo giải phóng tiếp các địa bàn còn lại.

Đường Hoàng Diệu đã sáng đèn. Có tiếng loa phóng thanh từ xa vẳng đến. Phát thanh viên đang đọc tin chiến thắng trong bản tin buổi tối. Một ngày đã trôi qua, ngày 30 tháng 4, với những sự kiện liên tiếp diễn ra. Những sự kiện lịch sử của ngày 30 tháng 4 sẽ được ghi đậm nét trên chặng đường 30 năm giải phóng dân tộc.

Hôm sau, ngày 1 tháng 5. Những người lao động bốn biển, năm châu chia vui với dân tộc Việt Nam đúng vào một ngày lịch sử quốc tế. Tự hào biết bao đối với Đảng ta, dân tộc ta, quân đội ta, đã giành thắng lợi trọn vẹn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc đúng vào ngày kỷ niệm trọng đại của giai cấp cần lao thế giới.

Tại cơ quan Bộ Tổng tham mưu chiều hôm đó, tất cả cán bộ cao cấp, trung cấp đều có mặt ở hội trường để mừng ngày lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân và mừng chiến thắng mà quân và dân cả nước mới giành được.

Thay mặt thủ trưởng Bộ, phát biểu ý kiến trong cuộc mít tinh trọng thể này, tôi trình bày vắn tắt một số vấn đề về quá trình hình thành và phát triển quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị từ sau Hiệp định Pari đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vừa qua; khái quát quá trình diễn biến của ba chiến dịch - chiến lược

trong hai tháng 3 và 4 năm 1975; ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi, trong đó đi sâu phân tích sự lãnh đạo của Trung ương, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương.

Trong ngày lịch sử huy hoàng này, tôi đặc biệt nhấn mạnh đến sự lãnh đạo tài tình của Đảng trong 20 năm chống Mỹ, cứu nước, nhất là trong 3 năm cuối của cuộc chiến tranh. Từ những dự kiến ban đầu sau hành hiệp định, đến từng bước phát triển của cục diện chiến trường. Đảng ta đã kiên trì tạo thế mới, lực mới và trong hai tháng qua đã nhạy bén chớp thời cơ chiến lược, hạ quyết tâm liên tiếp đánh những đòn quyết định, giành thắng lợi trọn vẹn. Trong thắng lợi chung đó, mỗi người, mỗi bộ phận trong cơ quan tham mưu chiến lược, từ các đồng chí phái viên ở phía trước, các cán bộ trực tiếp giúp việc chỉ đạo, chỉ huy ở phía sau, đến các chiến sĩ công vụ, vệ binh, lái xe, nấu ăn, v.v... tất cả đều đã làm tròn nhiệm vụ của mình, góp phần cùng toàn quân, toàn dân hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam thân yêu.

Sau khi nêu lên yêu cầu nhận thức đúng về tình hình mới và nhiệm vụ mới của cơ quan tham mưu chiến lược, thay mặt thủ trưởng Bộ, tôi kêu gọi anh em tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm và bản chất của người cán bộ cách mạng, người sĩ quan tham mưu trong điều kiện mới. Với thắng lợi vĩ đại và trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất. Trong giờ phút đáng ghi nhớ của mùa Xuân đại thắng này, để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ của Bộ Tổng tham mưu trong giai đoạn mới, chúng ta càng ghi sâu lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước"...

Cuộc mít tinh thống nhất kết thúc, sau khi bài hát *Giải phóng miền Nam* và bài *Quốc tế ca* vang lên, trang nghiêm, hùng tráng. Niềm vui dào dạt thể hiện trên nét mặt hân hoan của mọi người.

Ngay sau buổi lễ chào mừng chiến thắng, chúng tôi thông qua bản báo cáo diễn biến chiến sự trong ngày chót của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - Thực ra, đến lúc này, Cục Tác chiến chỉ mới nắm được những điểm chính, nhất là trên các hướng tiến quân của các binh đoàn chủ lực. Sau ngày Sài Gòn giải phóng, các phái viên được cử vào làm việc với cơ quan tham mưu chiến dịch và thành đội Sài Gòn, Bộ Tổng tham mưu mới xây dựng được bản báo cáo đầy đủ hơn về diễn biến của mặt trận Sài Gòn cũng như cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân đồng bằng sông Cửu Long, đệ trình lên Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương. Kèm theo bản báo cáo lần này là tấm bản đồ thành phố Sài Gòn khổ rộng, trên đã ghi diễn biến ngày 30 tháng 4 của cuộc tiến công và nổi dậy từ vùng ven vào nội đô.

Chúng tôi nhất trí báo cáo diễn biến của các cánh quân trên từng hướng, đánh vào các mục tiêu chủ yếu ở nội đô; vấn đề nổi dậy nói riêng ở mặt trận Sài Gòn rồi đến đồng bằng sông Cửu Long; tập trung vào diễn biến ngày 30 tháng 4 như Bộ Chính trị đã chỉ thị, vì tình hình những ngày trước đó, các anh đã nắm được.

Tại mặt trận Sài Gòn, ngày 30 tháng 4, trên cả 5 hướng, các cánh quân đồng loạt tiến vào đánh chiếm các mục tiêu trong thành phố.

Trên hướng đông:

Từ 5 giờ sáng, binh đoàn thọc sâu của Quân đoàn 2, được một phân đội đặc công phối hợp và dẫn đường, bắt đầu vượt cầu xa lộ sông Đồng Nai, tiến về Sài Gòn. Sau khi tiêu diệt địch ở trường huấn luyện Thủ Đức, bộ phận đi đầu liên lạc được với Tiểu đoàn 81 biệt động (đang giữ cầu Rạch Chiếc) rồi tiến về cầu xa lộ Sài Gòn (cầu Tân Cảng, cũng do biệt động đánh chiếm và giữ từ 29 tháng 4). Sau khi tiêu diệt địch ở cầu Thị Nghè, binh đoàn thọc sâu đã mở được đường tiến về hướng “đình Độc Lập”. Tổ đặc công đã dẫn đường cho xe tăng tiến vào cơ quan đầu não của chính quyền địch. Dương Văn Minh đầu hàng, cờ cách mạng được treo lên lúc 11 giờ 30. Trong khi đó, các cánh quân khác của binh đoàn thọc sâu nhanh chóng tỏa ra chiếm đài phát thanh, nhà ngân hàng, trụ sở Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh hải quân và quân 4.

Lực lượng còn lại của Quân đoàn 2 ở bên ngoài tiếp tục truy quét địch ở khu Long Bình, chiếm và làm chủ thị xã Vũng Tàu, sau đó phát triển ra giải phóng đảo Cần Giờ.

8 giờ sáng, sau khi tiêu diệt địch ở tuyến phòng thủ tây Hồ Nai, Sư đoàn 7, đơn vị thọc sâu của Quân đoàn 4, theo hướng 1 phát triển vào Biên Hòa, Cầu Mới qua sông Đồng Nai bị địch phá sập, cầu Ghềnh quá yếu, xe tăng không qua được, quân ta phải quay lại cầu xa lộ sông Đồng Nai để tiến vào thành phố Sài Gòn. 13 giờ, bộ phận đi đầu tới “đình Độc Lập” và đến 16 giờ 30, đã chiếm lĩnh xong các mục tiêu quy định và nhận sự bàn giao “đình Độc Lập” của Quân đoàn 2. Lữ đoàn 52 tiến sau đội hình Sư đoàn 7, cũng là đánh chiếm Bộ Tư lệnh biệt động quân.

Các đơn vị còn lại của Quân đoàn 4 tiếp tục phát triển tiến công khu quân sự Biên Hòa: Sư đoàn 6 đánh chiếm sở chỉ huy quân khu 4, Bộ Tư lệnh sư đoàn 3 ngụy và sân bay Biên Hòa; Sư đoàn 341 đánh chiếm căn cứ Hóc Bà Thúc và các thị xã Biên Hòa, Thủ Đức, rồi sau đó phát triển vào nội đô.

Trên hướng bắc:

Sáng 30 tháng 4, Sư đoàn 320B thuộc Quân đoàn 1 được lệnh tăng tốc độ tiến quân. Đến Lái Thiêu, sư đoàn theo đường 13 tiến thẳng về cầu Bình Triệu, bắt cả Lữ kỵ binh 3 và Thiết đoàn 6 ngụy đầu hàng (bọn này đang rút chạy về Sài Gòn), thu 140 xe tăng, thiết giáp. Trung đoàn 48 dùng 8 xe địch, bắt tù binh lái dẫn đường qua cầu Bình Triệu, theo đường Bạch Đằng - Chi Lăng tiến thẳng về bộ Tổng tham mưu ngụy, bắt liên lạc với đội biệt động Z.28. Anh em biệt động cho biết: Từ sáng, nhiều tướng tá ngụy đã bỏ chạy nhưng biệt kích dù vẫn ngoan cố giữ các cổng và chống cự quyết liệt. Từ 9 giờ sáng, một tổ biệt động 17 người đã cải trang làm lính ngụy, bất ngờ đánh chiếm cổng số 3 rồi thọc thẳng vào khu làm việc trong bộ Tổng tham mưu. Một tổ khác của Z.28 diệt khu trung tâm điện toán, bắt viên đại tá phụ trách trung tâm này cùng 30 sĩ quan, hạ sĩ quan và giao nhiệm vụ cho họ phải bảo vệ phương tiện khí tài để bàn giao cho quân đội giải phóng. Một tổ thứ 3 của Z.28, sau khi tiến công bào cổng số 2 không thành công, chuyển sang cổng số 3 thì gặp Trung đoàn 48. Trung đoàn trưởng cho tổ biệt động lên xe dẫn các mũi đánh thẳng vào bên trong bộ Tổng tham mưu. 11 giờ 30, Trung đoàn 48 và biệt động đã làm chủ các cơ quan thuộc bộ Tổng tham mưu ngụy (trừ khu vực do Trung đoàn 28 Sư đoàn 10 đã chiếm giữ), với đầy đủ hồ sơ tài liệu, máy móc và phương tiện làm việc.

Ở bên ngoài, Trung đoàn 27 Sư đoàn 320B, phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương, đánh chiếm trung tâm huấn luyện Sư đoàn 5 ngụy và chi khu quận lỵ Lái Thiêu; đánh quân địch từ Thủ Dầu Một chạy về, bắt tù binh dẫn đường tiến về cầu Bình Phước (do đặc công chiếm lại lần thứ 2 lúc 7 giờ 30). Sau khi qua cầu, quân ta đánh chiếm khu Bộ Tư lệnh các binh chủng ngụy và chi khu quận lỵ Gò Vấp, đồng thời cho một bộ phận tiến về “đình Độc Lập”.

Trong khi đó, Sư đoàn 312 tiến công tiêu diệt và làm rã một bộ phận sư đoàn 5 ngụy, tiến công căn cứ Phú Lợi, diệt lực lượng chính của địch ở tiểu khu Bình Dương và lực lượng còn lại của sư đoàn 5 ngụy. Bọn này gồm 1.200 tên cùng 36 xe đang rút từ Lai Khê, Bến Cát về An Lợi. Sau đó, Sư đoàn 312 phát triển lên đánh chiếm chi khu quận lỵ Bến Cát, bắt toàn bộ hệ thống kìm kẹp của địch.

Từ sáng, nhất là sau khi Dương Văn Minh kêu gọi ngừng bắn, cán bộ chính trị địa phương và lực lượng biệt động đã kịp thời phát động quần chúng nổi dậy, kết hợp với lực lượng vũ trang từ ngoài tiến công vào, nhanh chóng làm chủ thị xã Thủ Dầu Một.

Trên hướng tây bắc:

Từ 6 giờ sáng, một phân đội thuộc Sư đoàn 10 Quân đoàn 3 tiến công Tiểu đoàn dù 8 của địch và làm chủ Ngã tư Bảy Hiền. Pháo binh cấp tập vào sân bay Tân Sơn Nhất khi phân đội này phát triển vào Lăng Cha Cả rồi đánh chiếm cổng số 5 của sân bay. Nhưng cả ba lần tiến công, xe tăng đều bị hỏa lực địch chặn lại. Quân ta tổ chức lại đội hình tiến công và đưa pháo 85 lên ngắm bắn trực tiếp, diệt hỏa điểm chống tăng của địch. Vượt qua cửa số 5, phân đội đánh thẳng vào chiếm Bộ Tư lệnh sư đoàn 5 không quân và khu truyền tin trong sân bay. Trong khi đó, một phân đội khác của Sư đoàn 10 đánh chiếm Bộ Tư lệnh quân dù và lực lượng với phái đoàn quân sự của ta ở “trại Đa-vít”. Đến 11 giờ, phân đội thứ ba tiến công Bộ Tư lệnh không quân. Đến 14 giờ, các Tiểu đoàn 4, 5 và 6, Trung đoàn 24 thuộc Sư đoàn 10 đã hoàn toàn làm chủ sân bay Tân Sơn Nhất.

Trong khi Trung đoàn 24 tiến công sân bay, Trung đoàn 28 Sư đoàn 10 được lệnh đánh thẳng vào bộ Tổng tham mưu ngụy, phối hợp với Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B. Dọc đường tiến quân, Trung đoàn 28 liên tiếp diệt quân dù ngoan cố chống cự. 11 giờ, Tiểu đoàn 3 của trung đoàn đến cổng số 1 của bộ Tổng tham mưu, diệt một lô cốt và bắn cháy hai xe thiết giáp. Bọn Biệt kích dù giữ cổng bỏ chạy. Quân ta nhanh chóng đánh thẳng vào trong và vùng Trung đoàn 48 và lực lượng biệt động làm chủ cơ quan bộ Tổng tham mưu ngụy.

Cũng trong thời gian trên, theo lệnh của quân đoàn, Trung đoàn 64 cho một tiểu đoàn bộ binh, có xe tăng dẫn đầu, tiến về “đình Độc Lập”.

Trên hướng tây:

Từ 4 giờ 30 sáng, Trung đoàn 1 Sư đoàn 9 Quân đoàn 232 đánh chiếm Ngã ba Bà Queo rồi phát triển về Ngã tư Bảy Hiền, ngay sau đội hình thọc sâu của Quân đoàn 3. Mặc dù máy bay địch ném bom dọc đường tiến quân, Trung đoàn vẫn khẩn trương vượt lên theo đường Lê Văn Duyệt tiến về Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ Đức. Nhân dân đổ ra đường hoan hô bộ đội. Đến cổng biệt khu, thấy địch bỏ chạy, trung đoàn chỉ dùng một tiểu đoàn đánh vào mục tiêu, bắt tướng ngụy Lâm Văn Phát, tư lệnh biệt khu; hai tiểu đoàn còn lại được lệnh tiến về “đình Độc Lập”.

Trong khi đó, Trung đoàn 2 của Sư đoàn 9 nhanh chóng vượt qua Ngã tư Bảy hiền rồi theo đường Phan Thanh Giản tiến về “dinh Độc Lập”. Thấy đơn vị bạn đã đánh chiếm và làm chủ mục tiêu, trung đoàn quay về Biệt khu thủ đô và tỏa ra chiếm các khu vực thuộc hai quận 2 và 10.

Trung đoàn 3, sau khi giải phóng toàn bộ khu Bà Hom - Tân Tạo, diệt bọn địch từ Đức Hòa chạy về Sài Gòn, sau đó phát triển về hướng trường đua Phú Thọ, bức địch hàng, thu 18 khẩu pháo và hai kho súng trên 2.000 khẩu.

Trên hướng nam:

Từ 5 giờ 30 sáng, Trung đoàn 24 (Quân khu 8) và Trung đoàn 429 đặc công phối hợp tiến công tiêu diệt địch ở Ngã ba Bình Hưng Đông, đánh chiếm bốt cảnh sát quận 8 và cầu Nhị Thiên Đường rồi phát triển lên cầu chữ Y. 10 giờ 30 phút quân ta tiến vào chiếm tổng nha cảnh sát, thu toàn bộ hồ sơ, tài liệu của địch. Sau đó, một bộ phận của Trung đoàn 24 tiến về “dinh Độc Lập”.

Cùng lúc đó, sau khi vượt qua cầu Ông Thìn và Ngã ba An Phú, chiếm lĩnh tuyến đường 5, Trung đoàn 88 (Quân khu 8) chia thành hai mũi đánh chiếm Bộ Tư lệnh hải quân, cảng Bạch Đằng và chi khu quận lỵ Nhà Bè.

Trên hướng đường 4, Sư đoàn 5, Đoàn 232, diệt và bức hàng toàn bộ Sư đoàn 22 ngụy, Liên đoàn 6 biệt động quân và một liên đoàn bảo an, đánh chiếm các thị xã Tân An, Thủ Thừa. Quân địch ở Tân An chống trả quyết liệt. Trận đánh kéo dài từ 10 giờ đến 12 giờ mới kết thúc. Quân ta thu 9 khẩu pháo và 3 xe M.113. Sau đó, Sư đoàn 5 nhanh chóng tiến công tiêu diệt Sư đoàn 22 ngụy trên đường 22, thu 10 xe M.113.

Như vậy là ngay trong buổi sáng 30 tháng 4, các binh đoàn đột kích thọc sâu đã từ các hướng đồng loạt tiến công vào nội đô và đến trưa đã chiếm xong 5 mục tiêu đã được xác định là “dinh Độc Lập”, bộ Tổng tham mưu, biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát và sân bay Tân Sơn Nhất, sau đó đã nhanh chóng tỏa ra đánh chiếm các mục tiêu và khu vực khác trong thành phố. Một điểm nổi lên trong sự hiệp đồng giữa các hướng là sau khi đánh chiếm mục tiêu chủ yếu được giao, các mũi đột kích đều cho bộ phận tiến về “dinh Độc Lập” để hỗ trợ cho đơn vị bạn có trách nhiệm đánh chiếm mục tiêu quan trọng hàng đầu này.

Đến buổi chiều, ta đã hoàn toàn làm chủ thành phố Sài Gòn.

Về phong trào nổi dậy của quần chúng vùng ven đô và nhất là nội bộ, qua báo cáo của Thành đội, sau này Bộ Tổng tham mưu mới nắm được tình hình cụ thể hơn. Dưới sự chỉ đạo của các cơ sở cách mạng, của cán bộ chính trị do Thành ủy phái vào và của các lực lượng biệt động thành, nhân dân ở nhiều nơi đã kịp thời nổi dậy phối hợp với cuộc tiến công của bộ đội trên các hướng, tạo nên một khí thế cách mạng rầm rộ, sôi nổi, áp đảo quân địch ngay từ đêm 29 tháng 4.

Hoạt động phối hợp và hỗ trợ của quần chúng, trong quá trình bộ đội tiến công vào nội đô, diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú: Tổ chức đón và dẫn đường cho bộ đội; sử dụng các loại xe chở bộ đội nhanh chóng tiếp cận và đánh chiếm các mục tiêu; dùng loa kêu gọi, giải thích, hù dọa, buộc địch đầu hàng; hướng dẫn bộ đội bắt bọn cảnh sát ác ôn và sĩ quan ngụy ngoan cố chạy trốn; cao hơn cả là xóa bỏ chính quyền địch, lập chính quyền tự quản ở phường, khóm. Đường phố được giải phóng đến đâu, rừng cờ cách mạng lan nhanh đến đó, nhiều nhất là ở Hạnh Thông, Bình Hòa, Phú Nhuận, Bàn Cờ, Vườn Chuối, nhiều nhất

là ở Hạnh Thông, Bình Hòa, Phú Nhuận, Bàn Cờ, Vườn Chuối, đường Trần Quốc Toản, cư xá Lữ Gia, Ngã tư Bảy Hiền, Tân Phú. Phú Lâm...

Hoạt động nổi bật của quần chúng nội thành đêm 29 và sáng 30 tháng 4 là có nơi như ở nhà máy sợi Khánh Hội, nhân dân nổi dậy phá kho lấy súng của địch trang bị cho tự vệ phường: bao vây trụ sở phường, kêu gọi địch đầu hàng, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, như ở phường Bình Tây, quận 6 (Chợ Lớn), phường Trần Quang Khải, quận 1, phường Bến Thành, quận 2, phường Trương Minh Giảng, Bàn Cờ, quận 3, v.v... Anh chị em tù chính trị ở nhà lao Chí Hòa, quận 10, nổi dậy phá ngục tự giải phóng, bung ra phát động nhân dân phường Chí Hòa đứng lên giành chính quyền. Khi Sư đoàn 9 tiến vào, lực lượng tự vệ Chí Hòa và cùng anh em tù chính trị và quần chúng phối hợp đánh chiếm trại quân cụ, viện quân y 115, trại Trần Nguyên Hãn. Ở nhiều phường khác, khi bộ đội tiến vào thành phố, hoạt động phổ biến của nhân dân là nổi dậy chiếm trụ sở phường, khóm, thu vũ khí của cảnh sát và phòng vệ dân sự, tiêu diệt bọn tề điệp, giải tán chính quyền địch.

Công nhân, viên chức đã chấp hành chỉ thị của Thành ủy và Ủy ban khởi nghĩa nhanh chóng chiếm và làm chủ nhà máy, xí nghiệp, công sở của nguy quyền trung ương và thành phố, không cho địch và những phần tử xấu phá hoại, lấy cắp hoặc tẩu tán máy móc, vật liệu sản xuất, kho tàng, hồ sơ tài liệu. Đặc biệt là các nhà máy điện và nhà máy nước Thủ Đức, ngay trong ngày 30 tháng 4 vẫn cung cấp đầy đủ điện nước cho thành phố (nguồn điện chỉ gián đoạn chừng hai giờ). Tại hầu hết các nhà máy dệt, thực phẩm, cơ khí, công nhân đã bảo vệ an toàn máy móc, nguyên vật liệu, kho tàng. Hồ sơ, tài liệu và phương tiện làm việc của các công sở nguy quyền đều được bảo vệ để bàn giao cho ủy ban quân quản.

Nhìn chung, trong hai ngày 29 và 30 tháng 4, trong tổng số 160 phường, đã có khoảng 60 phường nội thành nổi dậy giành chính quyền trước và trong khi chủ lực từ các hướng tiến công vào. Sau khi bộ đội đã vào thành phố, chính quyền địch trong 100 phường, khóm còn lại đều tan rã hết. Kết quả của các đòn tiến công quân sự trong quá trình của cuộc tổng tiến công đã tạo nên một thế hết sức thuận lợi cho phong trào quần chúng nổi dậy. Sự phối hợp kịp thời của lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và quần chúng từ vùng ven vào nội đô, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cánh quân chủ lực tiến công nhanh chóng, đã tiêu diệt lớn lực lượng địch, thúc đẩy nhanh đà tan rã, sụp đổ của nguy quân, nguy quyền, thực hiện được việc đánh chiếm và làm chủ thành phố còn nguyên vẹn nhanh, gọn, tạo điều kiện để đời sống nhân dân trong thành phố sớm trở lại bình thường.

*

Về tình hình đồng bằng sông Cửu Long, báo cáo của các quân khu 8 và 9 cho thấy: trong những ngày chiến dịch Hồ Chí Minh đang diễn biến thuận lợi thì phong trào chuẩn bị tiến công và nổi dậy của lực lượng vũ trang và nhân dân hết sức khẩn trương. Quân và dân vùng đồng bằng sông Cửu Long đã phối hợp kịp thời và đặc lực với chiến trường trọng điểm Sài Gòn, thực hiện xuất sắc chủ trương đón thời cơ của Trung ương Cục là từng địa phương tự giải phóng với lực lượng của chính mình.

Từ sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Cục đến khi mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh, ở đồng bằng sông Cửu Long, ta đã phát triển được 36 ngàn dân quân tự vệ, du kích, đã tuyển thêm được gần 14 ngàn tân binh, đã đưa du kích lên phát triển được thêm 30 tiểu đoàn bộ đội địa phương. Lực lượng chính cũng phát triển mạnh. Quân chúng được động viên, tổ chức thành đội ngũ mạnh mẽ. Tất cả đã sẵn sàng chuyển lên cao trào tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng địa phương.

Đường 4, con đường huyết mạch cuối cùng của địch nối liền Sài Gòn với miền Tây đã bị cắt đứt hoàn toàn. Bọn địch ở đồng bằng sông Cửu Long không những không chỉ viện được cho đồng bọn ở Sài Gòn mà còn bất lực trước các hình thức nổi dậy tự giải phóng của nhân dân trên toàn địa bàn chiến lược quan trọng đồng người, nhiều của này.

Khi chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu, trong lúc chủ lực Quân đoàn 8 cắt đường 4 và có một bộ phận phối thuộc cho Đoàn 232 tiến vào Sài Gòn từ hướng nam, chủ lực Quân khu 9 vừa tham gia cắt đường 4 vừa tiến công địch ở Cần Thơ, thì lực lượng vũ trang các tỉnh, huyện và xã cùng quần chúng thực hành tổng tiến công và nổi dậy đều khắp.

Quân khu 4 nguy bị cô lập với Sài Gòn, tiếp đến là việc Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, bọn địch ở đồng bằng sông Cửu Long hoang mang, dao động cao độ, không còn ý chí đề kháng. Các cấp lãnh đạo địa phương đã nhạy bén chớp thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy, xóa bỏ chính quyền địch, giành quyền làm chủ của từng địa phương. Với kinh nghiệm sẵn có về vận dụng chiến lược tổng hợp, kết hợp chặt chẽ hai chân, ba mũi, cấp uỷ các khu, tỉnh, huyện, xã động viên hàng chục vạn quần chúng xuống đường biểu dương khí thế cách mạng bao vây đồn bốt, quản lý chi khu để làm áp lực, đẩy mạnh hoạt động binh vận của hàng ngàn, hàng vạn gia đình, binh sĩ, kêu gọi anh em trong hàng ngũ địch hạ vũ khí đầu hàng cách mạng.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân đồng bằng sông Cửu Long diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú. Bước đầu, do tài liệu chưa thật đầy đủ, chúng tôi tạm thời khái quát thành ba hình thức dưới đây:

Trước hết là *hình thức tiến công của lực lượng quân sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng tại chỗ* như ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Vị Thanh... Lực lượng vũ trang đánh chiếm các mục tiêu trong thị xã và quần chúng nổi dậy bao vây bức hàng, bức rút hàng loạt đồn bốt. Gia đình quân nguy xuống đường kêu gọi con em, tranh thủ cô lập bọn sĩ quan, tạo thế cho tiến công quân sự. Khi bọn địch ở Sài Gòn đầu hàng thì quần chúng tràn vào tòa hành chính, buộc tỉnh trưởng đầu hàng. Ba mũi giáp công áp đảo, buộc các đơn vị bảo an địch phải hạ vũ khí. Khi bọn địch ở sân bay Sóc Trăng phản kích, lực lượng vũ trang đánh lui địch, bao vây bức hàng thì quần chúng nổi dậy chiếm thị xã. Cũng có nơi như ở Vị Thanh, khi địch ở Sài Gòn đã đầu hàng nhưng quân địch ở đây vẫn chống cự quyết liệt, lực lượng vũ trang bắn pháo vào hậu cứ địch, đoạt xe M.113 tiến công 33 vào 3 dinh tỉnh trưởng, cuối cùng đã làm chủ thị xã.

Một hình thức khác là *khi lực lượng vũ trang tiến công áp sát các mục tiêu ở ngoài vi, quần chúng nắm thời cơ nổi dậy giành chính quyền* như ở Cần Thơ, Mỹ Tho, Rạch Giá, Vĩnh Long, Bến Tre, Sa Đéc, Gò Công. Ở Cần Thơ khi nghe tin

địch ở Sài Gòn đã đầu hàng, Thành uỷ lãnh đạo quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở các địa phương, mở khám giải phóng tù chính trị và thanh niên bị bắt. Quần chúng xuống đường chiếm đài phát thanh, gây áp lực, làm tan rã bọn địch ở sân bay Trà Nóc, trong khi đó bộ đội từ các hướng tiến công vào thị xã. Ở Vĩnh Long, sau khi đã cắt đường 4, ta gọi địch đầu hàng, chúng ngoan cố chống cự, lực lượng vũ trang tiến công các vị trí trong thị xã, quần chúng nổi dậy vây dinh tỉnh trưởng buộc phải đầu hàng. Nhân dân làm chủ thị xã sáng 1 tháng 5. Ở Gò Công, ta không có lực lượng tiến công địch từ ngoài vào mà huy động quần chúng tập trung các loại xe nhanh chóng tiến vào thị xã bằng nhiều hướng, cùng nhân dân tại chỗ bức đầu hàng địch. Ta làm chủ thị xã đồng thời với các huyện.

Hình thức thứ ba là *công tác binh vận đi trước một bước, kết hợp với quần chúng nổi dậy buộc địch đầu hàng trước khi lực lượng vũ trang tiến công địch* như ở Bạc Liêu, Châu Đốc. Do ta cử người gặp trước, buộc tỉnh trưởng (hoặc phó tỉnh trưởng) phải đầu hàng, ta lấy xe cấm cờ Mặt trận đưa quần chúng kéo vào dinh tỉnh trưởng, nơi đã có hàng vạn quần chúng tại chỗ tập trung từ trước. Tỉnh trưởng tuyên bố đầu hàng cách mạng. Ta tiếp nhận bàn giao chính quyền, 6 tiểu đoàn của ta ở Bạc Liêu không phải ra quân chiến đấu.

Như vậy là, trừ một số nơi địch ngoan cố chống lại, còn nhìn chung, chỉ trong hai ngày 30 tháng 4 và 1 tháng 5, cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân các tỉnh, huyện, xã ở khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long đã giành thắng lợi nhanh chóng, trọn vẹn và ít tổn thất.

Bằng tiến công đồng loạt, nổi dậy đồng loạt, ta đã làm chủ toàn bộ các thành phố, thị xã, thị trấn, đã chiếm các căn cứ quân sự lớn, các chi khu quận lỵ, các sân bay, đã tiêu diệt, bức hàng và làm tan rã toàn bộ lực lượng quân đoàn 4 ngụy, đánh đổ toàn bộ chính quyền địch từ tỉnh, huyện đến cơ sở, giải phóng hoàn toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long và các đảo Côn Sơn, Phú Quốc, kết thúc thắng lợi trọn vẹn sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Sau khi được bổ sung và chỉnh lý bước đầu, bản báo cáo được trình bày trong cuộc họp ngày 2 tháng 5 của Thường trực Quân uỷ. Các anh góp nhiều ý kiến quan trọng, nhất là những kết luận rút ra về chỉ đạo vận dụng các phương châm, phương thức trong quá trình chuẩn bị và thực hành đòn quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Trong hội nghị lần này, Thường trực Quân uỷ tập trung thảo luận một số vấn đề quân sự trước mắt đã được Bộ Chính trị nêu lên trong cuộc họp ngày 30 tháng 4.

Trong việc củng cố vùng mới giải phóng, nhất là quân quản các thành phố lớn, phải phát động nhân dân giúp quân đội và các lực lượng an ninh kiên quyết truy quét bọn tàn quân còn lẩn trốn, nhất là bọn chỉ huy, bọn cầm đầu ác ôn ngoan cố không chịu ra trình diện, trốn tránh cải tạo. Phải nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, trật tự xã hội, dể sớm trở lại cuộc sống bình thường. Riêng đối với bọn fulro đang lén lút hoạt động phá hoại ở vùng Tây Nguyên, phải chỉ đạo địa phương tiếp tục giúp đỡ bộ đội tiêu diệt bọn cầm đầu và kêu gọi những người còn lầm đường theo chúng mau tình ngộ trở về với gia đình, với buôn làng đã giải phóng. Đây là một công việc khó khăn, phức tạp, phải có kế hoạch phối

hợp giữa các ngành, các cấp, để cùng nhân dân địa phương tiến hành kiên trì, vì nó có quan hệ đến các mặt quân sự, chính trị, xã hội và đoàn kết dân tộc.

Việc thu hồi các phương tiện chiến tranh của địch là công tác lớn. Bộ Tổng tham mưu và các tổng cục cần có kế hoạch kiểm tra lại các kho tàng và khối lượng rất lớn chiến lợi phẩm còn rải rác khắp nơi, để thống kê, bàn giao, bảo quản chu đáo và có kế hoạch điều chỉnh sử dụng đối với từng loại ở từng địa phương đơn vị.

Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu kế hoạch điều chỉnh bước đầu các đơn vị chủ lực của Bộ. Không nên để nhiều lực lượng trong thành phố, mà nên lui ra ngoài theo một kế hoạch sơ bộ về bố phòng trên cả hai miền, cả ở đô thị và nông thôn, biên giới và hải đảo. Cần điều chỉnh một bước, sau sẽ căn cứ vào kế hoạch phòng thủ chung mà bố trí lại cho phù hợp. Dù ở nông thôn hay thành phố, cần chỉ đạo các đơn vị tăng cường giáo dục bộ đội chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và chính sách vùng mới giải phóng, giữ gìn bản chất tốt đẹp của quân đội cách mạng.

Đối với những nhân viên nguy quân, nguy quyền, nhất là các sĩ quan và viên chức cao cấp, phải tổ chức tốt việc giáo dục, cải tạo, để họ có thể trở thành những công dân tốt của chế độ xã hội mới.

Ngoài ra, Thường trực Quân uỷ cũng đề cập đến một số công việc cụ thể như tổ chức lễ mừng chiến thắng trên cả hai miền, việc chuẩn bị tổng kết kinh nghiệm chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và trước mắt là kinh nghiệm chỉ đạo chuẩn bị và thực hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy vừa qua.

Thắng lợi to lớn của hơn 20 năm chống Mỹ, cứu nước và riêng hơn 2 năm cuối chiến tranh, đã cho chúng ta những bài học vô cùng quý báu về lãnh đạo chiến tranh, về chỉ đạo, chỉ huy các chiến dịch, về công tác tham mưu chiến lược. Cần nhanh chóng tổng kết, rút ra những kết luận chính xác để vận dụng trong chỉ đạo chiến lược trong giai đoạn cách mạng mới, giai đoạn xây dựng và bảo vệ đất nước trong điều kiện Tổ quốc đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thực tế cuộc sống và chiến đấu mấy chục năm qua cho thấy âm mưu và thủ đoạn của bọn đế quốc và các thế lực phản động vô cùng thâm độc. Mặc dù đã phải chịu những thất bại cay đắng, nhưng bản chất phản động không cho chúng có khả năng tiếp thu những bài học của lịch sử.

Chủ động đi trước một bước trong việc tổng kết kinh nghiệm, làm cơ sở để nghiên cứu phương hướng xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng trong điều kiện mới là một yêu cầu vừa rất cơ bản vừa rất cấp bách, để trong bất kỳ tình huống nào, quân và dân ta cũng luôn chủ động trước âm mưu của mọi kẻ thù xâm lược.

HỒI ỨC CỦA ĐẠI TƯỚNG CHU HUY MÂN

(Trích)

Sau mùa Xuân năm 1971, quân ngụy mất khả năng tiến công, buộc phải đi vào phòng ngự chiến lược trên toàn chiến trường. Trong lúc đó, lực lượng ta lớn mạnh về mọi mặt, thế chiến lược phát triển có lợi cho ta. “Ta đang ở thế thắng, thế chủ động, thế thuận lợi, thế đi lên; địch đang ở thế thua, thế bị động, thế khó khăn, thế đi xuống”. So sánh về thế và lực trên chiến trường lúc đó rất thuận lợi cho ta mở cuộc tiến công chiến lược quy mô lớn vào Xuân - Hè năm 1972, nhằm đánh bại căn bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, tạo nên so sánh lực lượng mới, cục diện mới, dẫn đến một bước ngoặt trong chiến tranh, đưa cuộc cách mạng tiến lên những bước phát triển cao hơn, buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận những điều kiện có lợi cho ta ở Hội nghị Paris. Đảng ta chủ trương mở một cuộc tiến công chiến lược lớn vào năm 1972. Đến đây, tôi lại nhớ đến nguyên tắc: đấu tranh ngoại giao và quân sự đều quan trọng, nhưng quyết định là người cầm súng ở chiến trường.

Theo kế hoạch chung, cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam sẽ tiến hành bằng ba đòn chiến lược. Đòn chiến lược của bộ đội chủ lực trên những phương hướng chiến lược và chiến trường có lợi, tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân ngụy miền Nam, phá vỡ từng bộ phận thế bố trí phòng ngự của địch, mở rộng vùng giải phóng. Đòn tiến công và nổi dậy ở các vùng nông thôn đồng bằng quan trọng, kết hợp tiến công quân sự, chính trị và binh vận, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh và phong trào nổi dậy của quần chúng. Đòn đấu tranh chính trị của nhân dân các đô thị, kết hợp đấu tranh cách mạng của quần chúng với khoét sâu và lợi dụng mâu thuẫn nội bộ địch chuẩn bị khi có thời cơ cụ thể đẩy mạnh cuộc đấu tranh thành cao trào cách mạng.

Đòn tiến công của bộ đội chủ lực tập trung trên ba hướng: Hướng chủ yếu là chiến trường Trị - Thiên, nhằm tiêu diệt lớn quân địch, mở rộng vùng giải phóng góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, thay đổi cục diện chiến trường miền Nam, đưa cuộc kháng chiến lên một bước mới. Hướng thứ hai là bắc Tây Nguyên, tiêu diệt địch giải phóng vùng Đắc Tô - Tân Cảnh, có điều kiện thì giải phóng thị xã Kon Tum, hướng phát triển có thể là hướng Plây Cu. Hướng thứ ba, Đông Nam Bộ, trọng điểm là đường 13.

Khu 5 - một trong ba hướng tiến công của bộ đội chủ lực; đồng thời là một hướng tiến công và nổi dậy quan trọng ở nông thôn. Tiến công tiêu diệt địch ở Tây Nguyên là để hỗ trợ mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng ven biển. Mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng ven biển là đánh một đòn nặng vào kế hoạch “bình định” của địch, tạo nên thế cô lập, chia cắt địch trên chiến trường, tạo nên những khả năng mới để phát triển lực lượng.

Đến đầu năm 1972, lực lượng địch ở chiến trường Khu 5 chỉ còn 307 nghìn tên (80 nghìn quân Mỹ, 40 nghìn quân Nam Hàn, 187 nghìn quân ngụy). Quân Mỹ còn đông, nhưng bộ binh Mỹ đã căn bản chấm dứt vai trò chiến đấu. Quân cơ động ngụy còn khá đông và tập trung ở hai trọng điểm: Ba tỉnh Quảng Đà, Quảng Nam thuộc phía nam quân khu 1 của địch, có Sư đoàn 2 và Liên đoàn biệt

động số 1. Ba tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Bình Định thuộc phía Bắc quân khu 2, địch có Sư đoàn 22 (4 trung đoàn), Sư đoàn 23 và Liên đoàn quân biệt động số 2.

Từ cuối tháng 12 năm 1971, phương án tiến công Xuân - Hè năm 1972 của Khu 5 được chính thức thông qua: Ở Tây Nguyên, tập trung toàn bộ khối chủ lực gồm Sư đoàn 320, Sư đoàn 2 (thiếu), các trung đoàn bộ binh 24, 66, 28, 95, các trung đoàn pháo 40, 675, Trung đoàn công binh 7, 1 tiểu đoàn xe tăng, 1 tiểu đoàn pháo cao xạ tự hành tiến công tiêu diệt toàn bộ tập đoàn phòng ngự Đắc Tô - Tân Cảnh, tiêu diệt lực lượng dự bị quân khu 2 và tổng dự bị quân nguy đến cứu viện. Khi có thời cơ, tiến công giải phóng thị xã Kon Tum. Ở bắc Bình Định, Sư đoàn 3 và 2 tiểu đoàn đặc công cơ động 403 và 406 của quân khu tiến công tiêu diệt trung đoàn 40 sư đoàn 22 nguy, đánh vỡ một bộ phận phòng tuyến cơ bản của địch, giải phóng các huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn hỗ trợ cho lực lượng địa phương Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa tiến công và nổi dậy đánh bại "bình định nông thôn" của địch, tạo ra một vùng giải phóng rộng từ nam Quảng Ngãi đến Bắc đường 19 và liên hoàn với vùng căn cứ hai tỉnh Gia Lai, Kon Tum. Ở Quảng Nam, Sư đoàn 711 (thiếu) và tiểu đoàn đặc công cơ động 409 của quân khu tiến công tiêu diệt một bộ phận quân cơ động của Sư đoàn 2 nguy, kết hợp với lực lượng vũ trang các tỉnh Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi tiến công và nổi dậy đập tan hệ thống kìm kẹp, đánh bại "bình định nông thôn" của địch, giành dân, giải phóng khu vực Quế Sơn, Tiên Phước, tây Thăng Bình, Nông Sơn, Trung Phước (Quảng Nam) và Đức Phổ, Ba Tơ, Minh Long, Giá Vực ở nam Quảng Ngãi.

Cả Mỹ và nguy biết ta chuẩn bị tiến công lớn, nhưng chúng không dự đoán được hướng, thời điểm, quy mô, cường độ tiến công của ta. Theo hướng, chúng tiến công chủ yếu của ta có thể là Kon Tum, hướng phối hợp là đường 9 và miền Đông Nam Bộ, cuộc tiến công sẽ vào dịp Tết Nhâm Tý. Phán đoán sai thời gian, lại chờ đợi lâu ngày nên mặc dù đã chủ động đề phòng, quân địch vẫn bộc lộ nhiều sơ hở.

11 giờ trưa ngày 30 tháng 3 năm 1972, cuộc tiến công chiến lược của bộ đội chủ lực ta trên hướng chủ yếu Trị - Thiên bắt đầu. Sau 5 ngày chiến đấu, đến ngày 4 tháng 4, ta đã tiêu diệt một loạt căn cứ cấp trung đoàn địch, bức hàng một trung đoàn, đánh thiệt hại nặng nhiều trung đoàn khác, phá vỡ phòng tuyến mạnh của chúng dọc theo đường số 9, giải phóng hoàn toàn hai huyện Gio Linh và Cam Lộ. Chủ lực ta đã chiếm lĩnh các bàn đạp phía bắc và tây Quảng Trị, áp sát và uy hiếp trực tiếp khu vực Đông Hà - Ái Tử, thị xã Quảng Trị - La Vang và tăng sức ép ở phía tây Huế.

Ở miền Đông Nam Bộ, từ ngày 1 đến ngày 5 tháng 4, ta phá vỡ tuyến phòng ngự biên giới của địch, tiêu diệt 3 Chiến đoàn bộ binh (thiếu) và 2 Trung đoàn thiết giáp (thiếu), giải phóng ba huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Thiện Ngôn. Ta đã chiếm lĩnh tuyến bàn đạp ở biên giới miền Đông Nam Bộ, chia cắt đường 13, bao vây tiến công thị xã An Lộc.

Ở Tây Nguyên, do phán đoán hướng tiến công chủ yếu là Kon Tum, đầu tháng 2 năm 1972, địch phát hiện Sư đoàn 320 đã có mặt ở chiến trường. Tiếp đến, địch lại phát hiện Sư đoàn 2 của ta từ đường 9 Nam Lào cũng có mặt ở Kon

Tum, chúng càng tin chắc hướng tiến công chủ yếu của ta là ở đây. Những người chỉ huy quân Mỹ, ngụ ở Sài Gòn vội vã điều đoàn Dù (thiếu) và Liên đoàn biệt động quân số 6 từ Đông Nam Bộ ra Kon Tum để tổ chức tuyến phòng ngự dự phòng ở tây sông Pô Kô.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 26 tháng 3 năm 1972, Trung đoàn 95 bắt đầu cắt đường 14 ở đoạn Chư Thoi, phía nam thị xã Kon Tum. Tiếp đến, ngày 1 tháng 4, Trung đoàn 12 (thiếu) Sư đoàn 3 tổ chức chốt chặn đường 19 ở đông An Khê. Bộ đội, địa phương và dân quân, du kích hai tỉnh Gia Lai và Bình Định kết hợp bom mìn, vật chướng ngại với các trận địa phục kích nhỏ, lẻ liên tục quấy rối, tiêu hao, góp phần làm tê liệt hoàn toàn việc vận chuyển tiếp tế của địch trên đường 19.

Quân đoàn 2 ngưng vội vã điều động các trung đoàn 45 và 53 cùng 2 chi đoàn xe bọc thép của Sư đoàn 23 và Trung đoàn 24 cùng 2 Chi đoàn xe bọc thép của Sư đoàn Mạnh Hồ - lính đánh thuê Nam Hà ra phản kích. Cán bộ, chiến sĩ hai Trung đoàn 95 và 12 kiên cường giữ vững trận địa, đánh bại tất cả các đợt phản kích, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng hơn chục đại đội, phá hủy gần 100 xe quân sự của địch.

Giữa lúc quân địch đang tập trung đối phó với các đơn vị đánh chia cắt của ta trên đường 19 và đường 14 thì bộ đội ta bất ngờ nổ súng đánh vào tuyến phòng ngự dự phòng của chúng ở phía tây sông Pô Kô. Đêm 30 tháng 3, Trung đoàn 52 và 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 bắt đầu vây ép Tiểu đoàn dù số 2 ở điểm cao 1049.

Đến ngày 2 tháng 4, ta đã đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn dù 2 ở đây. Bọn địch thấy nếu để mất khu vực này thì từ đây đối phương có thể chọc thẳng sang đường 14, cắt đôi thế trận phòng ngự ở bắc Kon Tum, cô lập cụm phòng ngự Tân Cảnh và uy hiếp trực tiếp thị xã Kon Tum. Chỉ huy quân ngưng điều tiếp Lữ đoàn dù số 3 cùng sở chỉ huy nhẹ của Sư đoàn dù ra khu vực Kon Tum. Lữ đoàn dù 3 tung lực lượng ra phía tây sông Pô Kô thay thế cho tiểu đoàn 3 (Trung đoàn 47) và Tiểu đoàn 2 (Lữ đoàn dù số 2).

Ngày 14 tháng 4, ta tiếp tục tiến công tiêu diệt hoàn toàn Tiểu đoàn 11 ở điểm cao 1015. Địch vội cho Tiểu đoàn 3 lên phản kích. Tiểu đoàn vừa mò ra khỏi vị trí Đak Keng Pleng, đã bị ta đánh thiệt hại nặng phải tháo chạy. Chỉ huy sở của Lữ đoàn dù số 2 và Lữ đoàn dù số 3 đều bị pháo binh ta bắn phá. Thừa thắng, Sư đoàn 320 đưa một trung đoàn vượt sông Pô Kô tiến thẳng ra đường 14. Vừa qua sông, trung đoàn phối hợp cùng Trung đoàn 28, tập kích tiêu diệt trận địa pháo địch ở Kông Trang Lang Loi, đánh thiệt hại Tiểu đoàn 23 quân Biệt động ngưng, diệt 2 chi đội xe bọc thép, cắt đứt đường 14 ở bắc thị xã Kon Tum.

Thời gian này trên chiến trường toàn Miền, quân và dân Trị - Thiên đã đập tan tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch ở Quảng Trị, đánh chiếm và làm chủ các căn cứ Ái Tử, La Vang, Đông Hà, thành Quảng Trị buộc địch phải lùi về phía nam sông Mỹ Chánh.

Ở miền Đông Nam Bộ, quân và dân ta đã giải phóng huyện Lộc Ninh và đang tiến công vào thị xã An Lộc, cửa ngõ tây bắc Sài Gòn. Chương trình “bình định” của chúng bị quét sạch khỏi nhiều vùng rộng lớn và phá sản ngay trên những khu vực chúng đã chà đi xát lại nhiều lần trong suốt mấy năm trời. Địch đã nhận ra hướng tiến công chủ yếu của chủ lực ta không phải là Tây Nguyên, sở chỉ huy nhẹ Sư đoàn dù và Lữ đoàn dù số 2 vội vã về tăng cường cho đồng bọn ở Đông Nam Bộ.

Qua bước một của chiến dịch, địch đã bị tiêu diệt và tiêu hao một lực lượng. Quân Dù lại bị rút đi một nửa. Lực lượng còn lại bị phân tán, dàn mỏng. Khả năng phản kích của địch hầu như không còn nữa. Thời cơ chiến dịch đã xuất hiện, điều kiện đột phá đã đến lúc chín muồi, ta nhanh chóng thực hiện tiến công giải phóng vùng Đắc Tô - Tân Cảnh.

Trung đoàn 66 do anh Phùng Bá Thường - Trung đoàn trưởng, anh Lưu Quý Ngũ - Chính ủy chỉ huy nhanh chóng áp sát hàng rào chuẩn bị mở cửa. Đại đội 7 xe tăng từ vị trí tạm dừng tiến ra đường 14, lướt qua thị trấn Tân Cảnh lao về phía đông căn cứ 42. Quân địch bất ngờ vị sự xuất hiện của một lực lượng lớn bộ binh ở hướng đông càng thêm hoảng loạn khi xe tăng ta xuất hiện. Chúng cố sức chống cự. Từng tốp xe tăng địch liêu chết lao vào phản kích. Chiến sĩ B40 của ta bắn trúng ngay chiếc xe tăng đầu tiên của địch vừa tiến đến mở cửa. Các chiến sĩ lái xe tăng của ta lao lên phối hợp chiến đấu.

Đúng 11 giờ ngày 24 tháng 4 năm 1972, Trung đoàn 66 làm chủ hoàn toàn căn cứ 42. Tên Lê Đức Đạt - Sư đoàn trưởng Sư đoàn 22 bị bắt chết. Tên Sư đoàn phó Vi Văn Bình chạy trốn cũng bị bắt sống cùng với số sĩ quan tham mưu và hơn 400 binh lính của hắn.

Cùng lúc, ở Đắc Tô 2, Tiểu đoàn đặc công 10 và Tiểu đoàn 60 Trung đoàn Ba Gia (Sư đoàn 2) được lệnh đánh thẳng vào sào huyệt của Trung đoàn 47 ngụy.

Bốn xe tăng T 54 và 1 pháo cao xạ tự hành 57 ly từ căn cứ 42 được lệnh ra phối hợp chiến đấu. Sức chống cự của địch nhanh chóng bị đè bẹp. Quân ta hoàn toàn làm chủ căn cứ Đắc Tô 2. Ngay trong ngày 24 tháng 4, ta tập kích căn cứ Diên Bình, diệt 2 Liên đội bảo an, thu nguyên vẹn 6 khẩu pháo lớn, 7 ô tô và 2 máy bay lên thẳng.

Hai căn cứ trụ cột (căn cứ 42 và căn cứ 47) bị diệt gọn, cụm phòng ngự ở phía bắc tỉnh Kon Tum của địch bị sụp đổ rất nhanh. Bọn địch ở hai căn cứ Ngọc Bờ Biêng và Ngọc Rinh Rua bị cô lập phải rút về Plây Cản. Bọn địch ở Trí Lễ, quận lỵ Đắc Tô và trên dãy điểm cao ở bờ tây sông Pô Kô bị uy hiếp phải chạy về khu vực thị xã Kon Tum. Toàn bộ hệ thống kim kẹp của địch dọc hai bên đường 14 và đường 18 hoàn toàn tan rã.

Như vậy, trong vòng 10 tiếng đồng hồ quân ta đánh quy toàn bộ lực lượng tương đương 1 sư đoàn của địch, phá vỡ toàn bộ một trung tâm phòng ngự mạnh, giải phóng một vùng tương đối rộng. Chiến thắng Đắc Tô - Tân Cảnh đã mở ra cho các lực lượng vũ trang nhân dân niềm tin vào khả năng đánh tiêu diệt lớn. Việc giải phóng Tây Nguyên đã trở thành một khả năng thực tế.

Trên chiến trường đồng bằng Khu 5, để phối hợp với cuộc tiến công của chủ lực Mặt trận Tây Nguyên, Sư đoàn 3 cùng với Đặc công quân khu, lực lượng địa phương và nhân dân đã mở chiến dịch tiến công tổng hợp phá vỡ tuyến phòng ngự cơ bản của địch ở bắc Bình Định, giải phóng hai huyện Hoài Ân và Hoài Nhơn.

Đêm 8 tháng 4, Tiểu đoàn đặc công 40 tiến công cứ điểm Gò Lồi. Trong vòng 20 phút, Tiểu đoàn 40 đã tiêu diệt và làm chủ căn cứ Gò Lồi. Cũng trong đêm đó ta còn quét sạch một loạt 7 cứ điểm khác, mở rộng bàn đạp chuẩn bị cho trận đánh then chốt của chiến dịch.

Ngày 12 tháng 4, địch điều Chiến đoàn đặc nhiệm 40 và một Chi đoàn xe bọc thép của Sư đoàn 22 ngự tử nam Bình Định ra giải tỏa. Trưa ngày 13 tháng 4, toàn bộ đội hình của địch đã nằm gọn trong thế trận bày sẵn của ta. Tối 14 tháng 4, bộ đội áp sát quanh các vị trí đóng quân của địch, nhất là dây cao điểm Hòn Bô.

Mở sáng ngày 15 tháng 4, ta nổ súng tiến công. Đạn cối, đạn ĐK 2 của ta trùm lên trận địa địch. Bộ đội xung phong, quân ta vừa nổ súng vừa truy kích, nhiều tên vứt súng chạy tháo thân. Thời cơ tiêu diệt toàn bộ quân địch đã đến. Từ các hướng, chiến sĩ ta đồng loạt xung phong. Cả Chiến đoàn 40 địch bị cắt rời từng mảnh và nhanh chóng bị tiêu diệt.

Đêm 15 tháng 4, hai Tiểu đoàn đặc công 403 và 406 tiến công đánh thiệt hại nặng chi khu Tam Quan và sở chỉ huy Trung đoàn 40 Sư đoàn 22 ngự ở căn cứ Đệ Đức. Ở sau lưng địch, các Tiểu đoàn 50, 52 và Tiểu đoàn 8 cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích các huyện Bình Khê, An Nhơn, Tuy Phước... tiêu diệt hàng loạt chốt bảo an, dân vệ, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy giải phóng hoàn toàn 5 xã ở huyện Bình Khê, 30 thôn ở huyện Tuy Phước.

Trước tình hình phát triển thuận lợi, Bộ tư lệnh Quân khu lệnh cho Sư đoàn 3 tiến công giải phóng quận lỵ Hoài Ân. Tỉnh ủy Bình Định chỉ thị cho huyện Hoài Ân phát động nhân dân hợp đồng với chủ lực nổi dậy giải phóng toàn huyện.

Ngày 18 tháng 4, quân ta đồng loạt nổ súng vào hệ thống phòng ngự vòng ngoài của địch. Bị đánh mạnh, lại không có quân cứu viện, tên quận trưởng Hoài Ân liền cho hủy kho tàng rồi mở đường máu thoát chạy. Gần 1.000 tên địch và 11 xe bọc thép M113 bị ùn lại trên một đường độc đạo, rồi chạy tung tóe ra khắp cánh đồng nước. Quân địch hoàn toàn tan rã.

11 giờ ngày 19 tháng 4, quận lỵ Hoài Ân sạch bóng quân thù. Hơn 3 vạn nhân dân bị địch kìm kẹp suốt 18 năm được giải phóng.

Lúc này hầu hết lực lượng cơ động của Quân đoàn 2 ngự đang bị quân và dân Tây Nguyên vây hãm. Ở Bình Định, địch chỉ còn Trung đoàn 41 ở Phù Mỹ. Đây là thời cơ thuận lợi để ta phát triển tiến công giành thắng lợi lớn hơn nữa.

Sau khi phân tích tình hình, ta ở Bình Định, chúng tôi quyết định:

Trước hết, bao vây Bồng Sơn, tiêu diệt cụm quân địch ở Bình Dương làm suy yếu Trung đoàn 41 ngự, hình thành thế chia cắt chiến dịch giữa Bồng Sơn và Phù Mỹ.

Tiếp theo, tập trung lực lượng tiêu diệt lần lượt các cụm quân địch ở Bồng Sơn, Tam Quan, Đệ Đức, giải phóng toàn bộ bắc Bình Định.

5 giờ ngày 25 tháng 4, quân ta đồng loạt nổ súng tiến công Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 41 ngự ở cứ điểm Bình Dương và 20 vị trí khác trên một tuyến dài từ bắc đèo Nhông đến phía nam Bồng Sơn. Chỉ sau hai ngày chiến đấu, ta đã tiêu diệt Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 41 ngự). Ngụy quân, ngụy quyền ở bắc Phù Mỹ tan vỡ. Nửa phía bắc huyện Phù Mỹ được hoàn toàn giải phóng. Trung đoàn 41 - lực lượng cơ động duy nhất của địch ở Bình Định đã mất sức chiến đấu. Thời cơ giải phóng hoàn toàn huyện Hoài Nhơn đã đến.

Ngày 28 tháng 4, bộ đội ta bắt đầu đánh chiếm thị trấn Bồng Sơn. Thị trấn Bồng Sơn được giải phóng. Quân địch ở thị trấn Tam Quan vội vàng tháo chạy. Căn cứ Đệ Đức - nơi đặt sở chỉ huy Trung đoàn 40 ngự trở nên trở ngại giữa vùng giải phóng của ta. Lực lượng địch ở đây còn khoảng 1.200 tên, phần lớn là tàn quân ở Bồng Sơn, Tam Quan chạy về.

5 giờ 30 ngày 2 tháng 5, ta nổ súng tiến công Đệ Đức. Trận đánh kéo dài đến 17 giờ 40, quân ta hoàn toàn làm chủ trận địa.

Toàn bộ nửa phía bắc Bình Định gồm ba huyện Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão và nửa phía bắc huyện Phù Mỹ rộng hơn 1.500km², với 20 vạn dân hoàn toàn được giải phóng.

Tại mặt trận Quảng Nam, đêm 8 tháng 4 năm 1972, Sư đoàn 711 (thiếu) cùng với Tiểu đoàn đặc công 409 và lực lượng địa phương cùng một lúc nổ súng tiến công hai cứ điểm Liệt Kiêm và Chia Gan. Ở cả hai cứ điểm trận đánh diễn ra trong vòng 40 phút, quân ta làm chủ toàn bộ chiến trường, thu nguyên vẹn 4 pháo 105 ly. Chiếm xong cứ điểm ta liền quay vòng 4 pháo bắn phá các vị trí địch ở Hiệp Đức.

Để đẩy mạnh cuộc tiến công, từ giữa tháng 4 Bộ tư lệnh Quân khu chỉ thị cho Sư đoàn 711 sử dụng Trung đoàn 38 vây ép Hiệp Đức và cho Trung đoàn 31 phát triển tấn công về hướng đường số 1. Cuộc tiến quân này càng làm cho quân địch hoảng loạn, nhân dân nổi dậy giải phóng hai xã Bình Lâm, Bình Trị.

Ở Hiệp Đức, sau nửa tháng vây ép và tiến công, ta đã tiêu diệt các cứ điểm ngoại vi. Ngày 28 tháng 4, Trung đoàn 38 bắt đầu đánh vào trung tâm quận lỵ. Thấy không thể cố thủ được nữa, đêm 29 tháng 4, tên quận trưởng Hiệp Đức cùng binh lính bỏ đồn tháo chạy. Nhưng lực lượng này bị bộ đội địa phương và du kích vây đánh, diệt và bắt gần hết.

Sau 20 ngày đêm liên tục vây ép và tiến công, ta đã giải phóng huyện Hiệp Đức và nhiều xã dọc theo đường 16 của hai huyện Thăng Bình và Quế Sơn.

Ở Quảng Đà, đêm 13 tháng 4 ta bắn ĐKB vào sân bay Đà Nẵng, sân bay Nước Mặn và các trận địa pháo cối của địch. Bộ đội địa phương tỉnh tiến công tiêu diệt sở chỉ huy Thiết đoàn 17 ở Hầm Xê, công binh và du kích đánh sập các cầu Thủy Tú, Cầu Lâu. Đêm 14 tháng 5 ta đánh quận lỵ Duy Xuyên, làm chủ thị trấn Nam Phước.

Quân và dân Quảng Ngãi tiến công và nổi dậy khắp các địa phương trong

tỉnh. Ngày 13 tháng 4, Tiểu đoàn 48 của ta tiêu diệt cứ điểm An Sen. Tiếp theo, Tiểu đoàn lại cùng bộ đội địa phương huyện và du kích tiêu diệt lại một cụm ba chốt ở Đá Mú, Phú Quý, đởi Ông Hậu hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy phá tan 6 thu đồn. Toàn bộ hệ thống kìm kẹp ở khu vực Ba Làng An đã bị phá tan.

Ở Phú Yên, sau khi tiến công tiêu diệt 2 liên đội bảo an ở Núi Sấm và Xuân Phước, lực lượng địa phương và nhân dân tiếp tục tiến công vào bao vây bức rút một loạt 20 cứ điểm địch ở ba huyện Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân, Du kích và công binh phá giao thông, đánh sập cầu Ngân Sơn làm tê liệt vận chuyển của địch trên đường số 6 đoạn La Hai đi Chí Thạnh và đường số 1 đoạn Ngân Sơn đi Sông Cầu.

Ở Khánh Hòa, Tiểu đoàn đặc công 407 mở màn đợt hoạt động Xuân - Hè vào đêm 8 tháng 4 bằng trận tập kích phá hủy 35 nghìn tấn bom ở khu kho dự trữ chiến lược Cam Ranh. Để phối hợp với Tây Nguyên, ngày 13 tháng 4, ta chặn đánh một đoàn xe 200 chiếc ở kilômét 34-36. Tiếp theo, ta tiến công tiêu diệt gần hết tiểu đoàn quân biệt động "Cọp đen" ở ngã ba Đồng Xuân - Dục Mỹ, quân địch ở Ninh Thân, Ninh Thượng hoang mang bỏ chạy. Du kích và nhân dân các xã Ninh Thọ, Ninh Ích, Ninh Diêm, Ninh Hà, Ninh Hương, Ninh Quang... nổi dậy diệt địch.

Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân - Hè 1972 của quân và dân miền Nam đã giáng một đòn nặng vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ. Ta đã tiêu diệt được 2 sư đoàn, 9 trung đoàn và 38 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 1 sư đoàn, 10 trung đoàn, 31 tiểu đoàn bộ binh, tiêu diệt 12 trung đoàn thiết giáp, 17 tiểu đoàn pháo binh, phá vỡ ba tuyến phòng ngự kiên cố của địch ở Quảng Trị, bắc Kon Tum, đường 13 Đông Nam Bộ. Toàn bộ khối chủ lực của ta không những đứng vững trên những địa bàn chiến lược ở rừng núi mà nhiều trung đoàn, sư đoàn đã thọc sâu được vào đồng bằng Khu 5, đồng bằng sông Cửu Long tạo nên so sánh lực lượng mới có lợi cho ta, tạo nên thế tiến công mới và khả năng mới để đánh bại âm mưu "bình định nông thôn" - biện pháp chiến lược chủ yếu của "Việt Nam hóa chiến tranh". Ta đã giải phóng toàn tỉnh Quảng Trị, phần lớn tỉnh Kon Tum, nửa phần phía bắc tỉnh Bình Định và một khu vực rộng lớn ở miền Đông Nam Bộ thuộc các tỉnh Tây Ninh, Bình Long, Phước Long. Ta cũng giành được quyền làm chủ trong nhiều vùng quan trọng ở Quảng Đà, Quảng Ngãi (ven biển Khu 5) và Đồng Tháp Mười, nam - bắc quốc lộ số 4, U Minh, Cà Mau..

Lúc này ở Khu 5, sau khi đưa Sư đoàn dù và Sư đoàn lính thủy đánh bộ ra tăng cường cho Trị - Thiên, Quân đoàn 1 ngụy đưa Trung đoàn 4 Sư đoàn 2 và Liên đoàn quân biệt động 1 về lại Quảng Nam, Quảng Ngãi và đưa Sư đoàn 3 tiêu diệt ở Quảng Trị vừa mới khôi phục lại vào Quảng Đà. Ở phía nam, Quân đoàn 2 ngụy lợi dụng mùa mưa ở Tây Nguyên, đưa Sư đoàn 22 vừa mới khôi phục và 2 Liên đoàn quân biệt động số 2 và số 6 từ Kon Tum xuống đồng bằng để phản kích chiếm lại bắc Bình Định.

Bắc Bình Định được giải phóng. Để phối hợp có hiệu quả trên hướng tây Quảng Nam và nam Quảng Đà, bộ đội ta đã đánh địch giải phóng huyện lỵ Hiệp Đức và khu đởi Liệt Kiếm. Sau một thời gian không phát triển, tôi xin phép

Thường vụ Khu ủy ra sở chỉ huy tiền phương khu vực nói trên thay cho anh Nguyễn Chánh - Phó tư lệnh quân khu và Tham mưu trưởng quân khu về sở chỉ huy sở. Trước khi đi tôi đã đề xuất quyết tâm và phương án đánh quân cơ động của ngụy ra phản kích, giữ vững vùng giải phóng bắc Bình Định, tạo thời cơ trực tiếp, giải phóng huyện lỵ Phù Mỹ có thể phát triển xa hơn. chúng tôi dự đoán Sư đoàn 22 ngụy sẽ được khôi phục, sớm muộn chúng cùng từ phía nam ra phản kích, chiếm lại hai huyện Hoài Ân, Hoài Nhơn ta vừa giải phóng. Để thực hiện quyết tâm và phương án trên, Sư đoàn 3 dùng công binh và một bộ phận bộ binh nhanh chóng xây dựng các cụm chốt trên dãy đồi sát đường A1, bắc huyện Phù Mỹ, đồng thời chuẩn bị kế hoạch tiến công địch giải phóng Phù Mỹ, trong khi làm những công việc trên phải thay phiên cho bộ đội nghỉ mấy ngày khôi phục sức khỏe. Khi Sư đoàn 22 ngụy phản kích ra phía bắc, bộ đội ta dùng chiến thuật "vận động tiến công kết hợp chốt" kiên quyết tiêu diệt, tiêu hao và làm tan rã lực lượng cơ động ngụy khi chúng rút chạy là thời cơ trực tiếp giải phóng huyện lỵ Phù Mỹ, tiếp đến là thị trấn Đập Đá, xa hơn nữa về phía nam Bình Định.

Tôi ra sở chỉ huy tiền phương được mấy ngày, các đồng chí phụ trách chỉ huy cơ sở cho rằng: Lúc này chỉ có tiến công và tiến công mới khuếch trương được thắng lợi. Phòng ngụy là bị động. Với tinh thần đó đồng chí phụ trách chỉ huy sở cơ bản đã ra lệnh điều Sư đoàn 3 từ bắc Bình Định ra đánh địch và giải phóng nam Quảng Ngãi, nối liền với vùng giải phóng bắc Bình Định. Nhận lệnh hành quân cấp tốc, Sư đoàn 3 ra đến tây Đức Phổ (Quảng Ngãi) chuẩn bị chiến đấu, vừa lúc Sư đoàn 22 ngụy từ nam Bình Định phản kích ra đã chiếm lại huyện Hoài Nhơn. Sư đoàn 3 lại lệnh quay trở về, chỉ còn giữ được huyện Hoài Ân với 3 vạn dân. Tôi nhận được báo cáo của chỉ huy sở cơ bản gửi cho thì sự việc đã rồi.

Nhân sự việc này tôi muốn nói đôi nét về kinh nghiệm: Một cán bộ chỉ huy chiến đấu táo bạo và dũng cảm là vốn quý. Nhưng đi vào thực tế một sự việc nào đó không nên chỉ vì ý muốn cá nhân mà quyết định.

Về phía ta, sau Xuân - Hè cũng có sự điều chỉnh lại lực lượng. Sư đoàn 2 trở về đồng bằng, Sư đoàn 320 thọc sâu vào khu vực tây nam thị xã Plây Cu cùng với một số đơn vị độc lập đang đứng chân ở đây mở một mặt trận mới trên đường 19 kéo dài về phía tây và vùng nông thôn thuộc huyện 4 và huyện 5 Gia Lai.

Cũng thời gian này, Bộ tăng cường cho Khu 5 hai tiểu đoàn pháo 130 ly, 1 tiểu đoàn xe tăng thiết giáp, 1 tiểu đoàn pháo cao xạ. Quân khu thành lập thêm 2 trung đoàn đặc công 459 và 493¹.

Mùa hè năm 1972, yêu cầu phối hợp giữa chiến trường với bàn Hội nghị ở Paris trở nên khẩn trương, bức thiết. Mâu thuẫn giữa yêu cầu về chính trị, ngoại giao và khả năng thực tế của lực lượng vũ trang trên chiến trường Khu 5 trở nên gay gắt. Do đó, quyết tâm cao phải đi đôi với sự tính toán đảm bảo thắng lợi. Ta quyết định chọn chi khu Quế Sơn làm điểm tấn công.

¹ Trung đoàn 459 gồm các tiểu đoàn đặc công 403, 406 và tiểu đoàn bộ binh 5; Trung đoàn 493 gồm các tiểu đoàn đặc công 404, 409 và Tiểu đoàn bộ binh 80.

Sau khi rút chạy khỏi quận lỵ Hiệp Đức, quân địch lui về củng cố tuyến phòng thủ cơ bản ở thung lũng Quế Sơn. Tháng 6 năm 1972, địch có thêm lực lượng từ Trị - Thiên về tăng cường cho tuyến phòng thủ này gồm trung đoàn bộ binh 6 và Trung đoàn thiết giáp 4 (thiếu), Tiểu đoàn biệt động biên phòng 71, 3 Liên đội và hàng chục đại đội bảo an, trung đội cận vệ. Có thêm lực lượng, địch từng bước mở rộng hệ thống cứ điểm, tăng cường củng cố công sự phòng ngự ở các điểm cao Hòn Chiêng, Bàn Thông, Đồng Đá Hàm và xây dựng Cấm Dơi - một căn cứ lớn của quân Mỹ trước đây thành cứ điểm then chốt của tuyến phòng ngự.

Nếu vị trí Hòn Chiêng bị ta diệt và chiếm thì quân cơ động chủ lực nguy nhất định phải lao vào ứng cứu để bảo vệ Quế Sơn. Quả đúng như vậy. Sau khi ta dùng đặc công tiêu diệt 1 đại đội địch trên Hòn Chiêng và cho 1 đại đội bộ binh của ta chiếm đóng, quân nguy thay nhau đánh chiếm lại. Trong 10 ngày đầu tháng 8, hai Trung đoàn 31 và 38 Sư đoàn 711 của ta liên tiếp tập kích, phục kích, vận động tiến công tiêu diệt Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 5 và gần 10 Đại đội khác của sư đoàn 2 nguy, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn biên phòng số 77. Trong lúc đánh địch phản kích chiếm lại Hòn Chiêng thì đại bộ phận Sư đoàn 711 khẩn trương chuẩn bị mọi mặt giải phóng chi khu quận lỵ Quế Sơn. Lúc này anh Nguyễn Chơn từ Sư đoàn 2 về thay anh Lê Kích làm sư đoàn trưởng Sư đoàn 711.

Tôi bàn với anh Nguyễn Chơn dùng 2 khẩu 130 ly, 1 tiểu đoàn xe tăng, thiết giáp tạo điều kiện bất ngờ tiêu diệt địch giải phóng chi khu Quế Sơn. Trước khi tiến công vào Quế Sơn xảy ra hai việc mà tôi cho là quan trọng:

Một là, Bộ Tổng tham mưu điện cho tôi (tiền phương quân khu) không nên đánh Quế Sơn vì lực lượng ta quá ít không đảm bảo.

Bức điện đến trong lúc các đơn vị đánh Quế Sơn đã bắt đầu xuất phát. Tôi hỏi lại anh Cao Phát - Tham mưu trưởng tiền phương:

- Địch đánh giá ta thế nào?

Anh Cao Phát trả lời:

- Mới đây Ngô Quang Trưởng (Tư lệnh quân khu 1) có nhận định: Việt cộng đã mệt mỏi, các đơn vị chủ lực của chúng sẽ lui về nghỉ ngơi.

Thế là đã rõ. Chúng tôi thống nhất với nhau giấu kín điện của Bộ Tổng tham mưu, tiếp tục cho bộ đội tiến công giải phóng chi khu, quận lỵ Quế Sơn. Mấy tháng sau tôi ra Hà Nội, Cục trưởng Cục Tác chiến đến xin lỗi. Tôi cười và trả lời: Trong chiến tranh có trường hợp trên chiến trường tự quyết định và chịu trách nhiệm là việc bình thường.

Sự việc thứ hai, trước khi đánh Quế Sơn ba ngày, chỉ huy sở cơ bản quân khu điện cho tôi không được sử dụng pháo 130 ly và xe tăng.

Mặc dù xảy ra hai sự việc trên, tôi, anh Nguyễn Chơn và anh Cao Phát vẫn kiên quyết đánh không cần có pháo 130 ly và xe tăng. Anh Nguyễn Chơn, một cán bộ chỉ huy rất dũng cảm, sát địch, sát địa hình và các đơn vị cơ sở, có nhiều sáng tạo, nghệ thuật trong cách đánh, trong trường hợp này dễ dàng thống nhất.

Đêm 17 rạng ngày 18 tháng 8 năm 1972, bộ đội với vũ khí đi cùng đã ém sát, bắt đầu nổ súng vào đồi Cấm Dơi (có hang đá) binh lính địch đã mất tinh

thần. Trong đêm ta làm chủ Cẩm Dơi, Trung đoàn 31 nhanh chóng phát triển đánh chiếm quận lỵ Quế Sơn, bao vây tiêu diệt các Tiểu đoàn 2 và 3, Trung đoàn 5, tiêu diệt Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 4 thiết giáp ngụy. Hai trung đoàn 9 và 38 bao vây tiến công Trung đoàn 6 và các Tiểu đoàn bảo an. Bộ đội địa phương Quảng Nam và dân quân du kích hai huyện Quế Sơn, Thăng Bình tiêu diệt cụm chốt ngã ba Vinh Huy.

Trận Quế Sơn thắng lợi tương đối lớn, có lẽ trận cuối mùa của năm tấn công quân địch. Chỉ huy sở cơ bản quân khu với ý định sẵn có: dùng pháo 130 ly, xe tăng và toàn bộ lực lượng hiện có do anh Nguyễn Chơn chỉ huy hình thành ba mũi nhanh chóng tiến công giải phóng Đà Nẵng. Anh Nguyễn Chơn cho bộ đội tiến xuống đường số 1A ngã ba Phước Chi. Sau mấy ngày chiến đấu chưa tới đường 1A, Sư đoàn 711 của ta đã bị thương vong gần 100, cao hơn số thương vong trong trận đánh Quế Sơn. Do đó, lực lượng của ta không đủ khả năng nên quay vào đánh địch giải phóng huyện lỵ Tiên Phước.

Lúc này, trên cho tôi biết: Anh Lê Đức Thọ và anh Xuân Thủy từ Paris điện về, yêu cầu chiến trường miền Nam và Khu 5 đánh mạnh để thúc đẩy tiến triển trên bàn thương lượng. Thật đúng là giữa ngoại giao và chiến trường, trách nhiệm của người cầm súng trên chiến trường rất lớn, riêng chiến trường Khu 5 đã chiến đấu từ mùa Xuân, thắng lợi lớn nhưng bị tiêu hao mệt mỏi. Sau trận Quế Sơn, các đại đội bộ binh chiến đấu của ta chỉ còn 15 - 20 tay súng, hầu hết là cán bộ. Quân ngụy sau thất bại lớn đã cố gượng lại, các chiến trường khác có lẽ cũng như thế. Thời cơ sôi động có lợi cho ta đã nguội dần. Tiêu diệt bộ phận lớn quân địch giải phóng Đà Nẵng trong hành tiến vào lúc này không đảm bảo chắc thắng. Một quyết tâm có tầm chiến lược thiếu cơ sở thực tế sẽ trở thành phiêu lưu; trong chiến tranh, diễn biến trên chiến trường cũng có lúc cần táo bạo, phiêu lưu để vượt lên, nhưng đó là phiêu lưu trong động tác chiến đấu của phân đội.

Suốt 10 tháng lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu liên tục tôi đã bị sốt rét. Năm thời cơ và dùng ý chí để bỏ hút thuốc lá là một kỷ niệm đáng quý của riêng tôi.

Trong lúc cuộc tiến công vào Quế Sơn đang bắt đầu, thì tôi nhận được bức thư của anh Ba Duẩn. Toàn văn như sau:

Gửi anh Bảy Cường đồng gửi anh Năm Công, anh Hai Mạnh¹...

Ngày 13 tháng 8 năm 1972

Các anh thân mến,

Phương hướng chiến lược của ta là tiến công và nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã quân ngụy. Hơn bốn tháng hoạt động vừa qua, mặc dù ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân chủ lực ngụy, nhưng lực lượng dân vệ, bảo an, "nhân dân tự vệ" vẫn chưa tan rã lớn. Ta tiến công quân khá mạnh, nhưng quân chúng vẫn

¹ Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1985, tr.311-314.

Anh Bảy Cường, tức đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị. Bí thư Trung ương Cục miền Nam; anh Năm Công tức anh Võ Chí Công - Ủy viên Trung ương Đảng. Bí thư Khu ủy Khu 5; anh Hai Mạnh tức Chu Huy Mân - Ủy viên Trung ương Đảng. Thiếu tướng. Phó bí thư Khu ủy Khu 5, Tư lệnh Quân khu 5.

chưa nổi dậy, phá vỡ từng mảng lớn hệ thống kìm kẹp của địch ở nông thôn. Địch tuy bị thiệt hại nặng, nhưng đã bắt lính, dôn quân trên 10 vạn tên, khôi phục nhanh những đơn vị đã bị tiêu diệt, tiêu hao nặng.

Tình hình nông thôn miền Nam hiện nay khác nhiều so với lúc “đồng khởi” hoặc trong dịp Tết Mậu Thân. Trong hơn ba năm ráo riết thực hiện kế hoạch “bình định”, địch đã kìm kẹp quần chúng tương đối chặt” đã cưỡng ép phần lớn các tầng lớp nhân dân tham gia các tổ chức chính trị hoặc vũ trang, nửa vũ trang của chúng từ “nhân dân tự vệ”, dân vệ, bảo an đến quân chủ lực. Có địa phương 70 - 80% gia đình có người nhà bị cưỡng ép tham gia các tổ chức của địch. Bằng những biện pháp phát xít, địch đã lập được một lực lượng quân địa phương khá đông vừa để giữ địa phương, vừa để đưa lên bổ sung cho quân chủ lực. Do đó, về lực lượng so sánh giữa ta và địch, nếu tính riêng quân chủ lực thì ta hơn địch, nhưng về quân địa phương tại chiến trường miền Nam thì địch có ưu thế hơn ta. Trong khi đó các cấp ủy đảng cũng như các lực lượng quân sự, chính trị của ta ở cơ sở chưa nhận rõ tầm quan trọng có ý nghĩa chiến lược của việc làm tan rã lực lượng quân sự địa phương của địch, đồng thời chưa đề ra khẩu hiệu, biện pháp thích hợp để thực hiện nhiệm vụ mấu chốt đó...

Nguyện vọng sâu xa nhất, bức thiết nhất hiện nay của các tầng lớp nhân dân ta, đặc biệt là trong vùng tranh chấp, vùng địch tạm thời kiểm soát là đòi vãn hồi hòa bình, chấm dứt chiến tranh, chống dôn quân, bắt lính. Ta cần thấu hiểu nguyện vọng này nêu lên thành khẩu hiệu hành động để tiến công làm tan rã hàng ngũ địch, nhất là lực lượng quân sự địa phương của chúng. Khẩu hiệu đòi hòa bình, chống bắt lính, dôn quân trong giai đoạn này là một cuộc vận động chính trị lớn, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng như là cuộc vận động cải cách ruộng đất khi gần kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây. Phải lấy những khẩu hiệu này mở những chiến dịch tuyên truyền, vận động các gia đình có người thân trong các tổ chức vũ trang, nửa vũ khí của địch, gây thành những đợt đấu tranh công khai, quy mô lớn, chống bắt lính, khôn quân, đòi chồng con bỏ ngũ trở về, đòi trả súng, không đi chiến đấu v.v... (Trong từng vùng, từng thời gian, từng đối tượng có thể nêu những khẩu hiệu cụ thể, thích hợp hơn nữa). Tuyên truyền, vận động không chỉ chủ trọng bề rộng mà phải đi sâu vào từng thôn, xã, từng gia đình, đối tượng khác nhau, như tổ chức cho “bố mẹ, vợ con bình lính, cựu chiến binh, thương binh, phế binh v.v... vận động binh sĩ địch tại ngũ...

Làm tan rã lực lượng quân sự địch là rất quan trọng và cấp bách. Phải có một phong trào quần chúng làm binh vận thật rộng rãi và mạnh mẽ. Các cấp ủy đảng phải phổ biến nhanh chóng chỉ thị này xuống tận cơ sở và làm quán triệt trong tất cả các cấp, các ngành, các tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang, đồng thời phải có kế hoạch tổ chức thực hiện từng ngành, từng cấp, từng đơn vị và mỗi cấp phải có cán bộ phụ trách, có tổ chức chuyên nghiên cứu, theo dõi, giúp cấp ủy chỉ đạo cụ thể và chặt chẽ.

Trong khi chấp hành, có ý kiến gì thì các anh điện ra cho Trung ương biết.

BA

Thời gian này, trên mặt trận ngoại giao chúng ta lại giáng tiếp một đòn tiến công quyết liệt bằng cách đưa ra bản dự thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Phía Mỹ đã thừa nhận đây là một văn kiện

rất quan trọng, mở đường cho Hội nghị Paris về Việt Nam mau đi tới một giải pháp cơ bản. Nhưng ngay sau đó, phía Mỹ đã trì hoãn việc ký kết rồi lật lọng đòi thay đổi nhiều vấn đề cơ bản mà các bên tham dự hội nghị đã thỏa thuận. Trong lúc đó, ở chiến trường, chúng ồ ạt đưa vũ khí vào cho quân ngụy, ráo riết bắt lính, đôn quân, tăng cường càn quét, "bình định", khống chế kìm kẹp nhân dân vùng do chúng kiểm soát vùng tích cực tổ chức các cuộc lấn chiếm quy mô lớn ra các vùng giải phóng. Những việc làm đó đã bộc lộ rõ Mỹ vẫn nuôi tham vọng xâm chiếm miền Nam nước ta.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta đã phát triển mạnh mẽ với triển vọng vô cùng tốt đẹp. Mỹ đang gặp khó khăn chồng chất, càng kéo dài chiến tranh càng khó giành được thắng lợi mà còn có thể bị thất bại to lớn hơn. Tình hình kinh tế, chính trị và nội bộ nước Mỹ đòi hỏi phải giải quyết vấn đề Việt Nam. Tương quan trong cuộc đấu tranh giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng cũng như các nước lớn trên thế giới cũng đòi Mỹ phải chấm dứt dính líu về quân sự ở Việt Nam. Vì vậy khả năng kết thúc chiến tranh sớm có thể xảy ra. Ta tập trung mọi cố gắng làm cho khả năng này trở thành hiện thực.

Quán triệt tinh thần trong thư của anh Ba, đồng thời theo chỉ thị của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, ngày 15 tháng 9 năm 1972, Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân khu 5 đề ra chủ trương hoạt động trong những tháng cuối năm là: Tranh thủ thời cơ có lợi, tập trung mọi lực lượng mở một chiến dịch tổng hợp quy mô lớn, đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị, chủ yếu là địa phương quân, giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn, giành cho được những địa bàn quan trọng.

Thực hiện chủ trương trên, Sư đoàn 2 cùng Trung đoàn đặc công 459 tiến công giải phóng quận lỵ Ba Tơ, mở rộng căn cứ rừng núi phía tây nam Quảng Ngãi và hỗ trợ cho lực lượng địa phương đánh địch, giải phóng đại bộ phận vùng nông thôn hai huyện Mộ Đức và Đức Phổ.

Mỹ - ngụy đã xây dựng quận lỵ Ba Tơ thành một cụm cứ điểm mạnh gồm 10 cứ điểm ngoại vi và hai trung tâm là chi khu quân sự - quận lỵ và trại biệt kích Đá Bàn.

Từ đêm 16 tháng 9 đến 30 tháng 10 năm 1972 quân ta giải phóng toàn huyện Ba Tơ. Ta giành thắng lợi nhưng hiệu suất chiến đấu thấp. Do đánh giá tình hình địch không sát, tưởng có thể giành được thắng lợi dễ dàng nên đã phân tán lực lượng, tiến công trên nhiều hướng. Ở mỗi hướng cũng phân tán lực lượng đánh nhiều mục tiêu. Lực lượng dự bị không có nên từ chủ động tiến công ta phải dần dần chuyển sang bị động đối phó với các cuộc phản kích của địch.

Ở Tây Nguyên, ngày 12 tháng 10, Trung đoàn 66 và Tiểu đoàn đặc công 37 tiêu diệt cứ điểm Plây Cẩn. Tiếp đến, ngày 29 tháng 10, ta lại tiến công tiêu diệt cứ điểm Đắc Xiêng, mở thông đường hành lang Bắc - Nam dọc theo đường 18. Ngày 1 tháng 11, Sư đoàn 320 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt căn cứ Đắc Cơ. Tiếp theo, Sư đoàn 20 lại cùng với lực lượng địa phương tiêu diệt ở căn cứ 43.

Đến tháng 11, hầu hết 5 huyện Gia Lai (trừ một số làng nhỏ xung quanh Thanh An) đã hoàn toàn được giải phóng. Ta đã tạo được một bàn đạp vững chắc để phát triển tiến công về hướng thị xã Plây Cu.

Thắng lợi rất to lớn của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên chiến trường miền Nam, đặc biệt là chiến công xuất sắc của quân và dân ta ở miền Bắc, đã đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và các nơi khác cuối cùng đã buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam, rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi nước nhà. Hiệp định Paris được ký kết là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta. Nhưng đế quốc Mỹ và ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu đã phá hủy hiệp định một cách hệ thống. Chúng vẫn tiếp tục dùng quân ngụy đẩy mạnh kế hoạch “bình định”, lấn chiếm các vùng giải phóng. Âm mưu của chúng là cố thắng ta dần từng bước bằng sức mạnh quân sự như hạn chế ở mức độ không gây ra chiến tranh lớn buộc quân Mỹ phải trực tiếp trở lại tham chiến.

Đầu tháng 1 năm 1973, Hội nghị Thường trực Quân ủy trung ương bàn về tình hình miền Nam Việt Nam khi có giải pháp chính trị đã chỉ rõ. Ý đồ chiến lược của đế quốc Mỹ là chấm dứt mọi sự tham chiến trực tiếp về quân sự ở miền Nam, đồng thời giữ vững và tăng cường ngụy quân, ngụy quyền, tìm cách làm cho cách mạng nước ta dần dần yếu đi, hòng tiếp tục thực hiện “học thuyết Ních-xơn”, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới lâu dài ở nước ta. Trong tình hình mới, chúng ta sẽ cố gắng giữ cục diện miền Nam như hiện nay để làm cơ sở tìm cách tiến lên. Chúng ta sẽ ra sức củng cố ngụy quân, ngụy quyền, phá hoại hiệp định, phá hoại hòa bình. Từ đó hội nghị đề ra: Chúng ta phải luôn luôn cảnh giác và sẵn sàng đối phó với khả năng xấu nhất, địch gây chiến tranh trở lại.

Đúng như nhận định trên, từ sáng ngày 28 tháng 1 năm 1973, ngày Hiệp định Paris có hiệu lực, Nguyễn Văn Thiệu trắng trợn tuyên bố không tôn trọng lệnh ngừng bắn và ra lệnh cho quân ngụy thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” ào ạt lấn chiếm vùng giải phóng của ta. Tuy quân Mỹ và quân chư hầu đã rút, mật độ hỏa lực của địch nhìn chung giảm, nhưng do địch chỉ tập trung lực lượng đánh phá lấn chiếm từng khu vực một, nên ở những nơi diễn ra chiến đấu, mật độ hỏa lực còn cao hơn trước khi ký Hiệp định Paris. Trong lúc đó, sau hơn 10 tháng chiến đấu liên tục, lực lượng vũ trang. Khu 5 có thể nói là đã đuối sức. Tôi cùng một số cán bộ cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần quân khu đi vào nam Quảng Ngãi, bắc Bình Định xem xét khả năng của Sư đoàn 3 chống “tràn ngập lãnh thổ” của địch. Sư đoàn này mỗi đại đội bộ binh chỉ còn 12 đến 15 tay súng (kể cả cán bộ). Cả sư đoàn chỉ còn 180 quả đạn súng cối. Bộ đội thiếu ăn, sức khỏe giảm sút.

Chiến tranh có quy luật của nó. Chiến tranh du kích có vai trò hết sức quan trọng trong việc tiêu hao, căng kéo giam chân buộc địch phải sa lầy trong một thế trận “thiên la địa võng”, trực tiếp hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh. Nhưng muốn tiêu diệt lớn sinh lực địch, muốn làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, muốn tạo ra cục diện mới của chiến trường cần phải có những quả đấm của bộ

đội chủ lực, với những chiến dịch tác chiến tập trung hiệp đồng binh chủng quy mô ngày càng lớn.

Do chưa nhận thức được yêu cầu chiến lược của giai đoạn chiến tranh mới, lại bị bức xúc do việc địch tập trung sức lực lấn chiếm thành vùng giải phóng, nên trong một số cán bộ, có cả cán bộ chủ chốt lãnh đạo muốn phân tán các sư đoàn chủ lực để tăng cường cho các tỉnh.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân - Hè 1972, lực lượng địa phương các tỉnh đã tự lực mở từng hướng hoạt động, phá vỡ hệ thống kìm kẹp, đánh bại quân địa phương của địch, mở từng mảng, liên mảng từ 8-10 xã. Nhưng khi địch đưa lực lượng cơ động đến phản kích, lực lượng địa phương của ta chưa đủ sức đánh bại. Phần lớn vùng mới mở lại địch lập lại. Do đó, muốn đánh bại lần chiếm của địch thì phải đánh bại lực lượng cơ động phản kích của chúng.

Quân Mỹ và chư hầu rút khỏi miền Nam Việt Nam đã tạo ra sự thay đổi có lợi cho ta trong so sánh lực lượng giữa ta và quân ngụy. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đã bước vào giai đoạn cuối. Tiêu diệt lớn quân ngụy, trước hết là các sư đoàn chủ lực ngụy, đánh bại hoàn toàn quân ngụy để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh đã trở thành nhiệm vụ bức xúc trước mắt của lực lượng vũ trang. Từ nhận định đó, Thường vụ Khu ủy và Đảng ủy - Bộ tư lệnh Quân khu đã chủ trương: Vừa tác chiến kết hợp với đấu tranh của quần chúng, giữ vững và cải thiện thế chiến trường vừa nỗ lực xây dựng nhanh chóng nâng cao chất lượng chiến đấu của lực lượng vũ trang, khẩn trương xây dựng mạnh đường cơ giới, tổ chức thiết bị chiến trường, dự trữ vật chất cho tác chiến tập trung hiệp đồng binh chủng vừa và lớn.

Năm 1974, các tuyến đường ngang nối từ đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam vào đến đồng bằng Khu 5 đã cơ bản thông xe. Nhờ đó năm tuyến đường cơ giới chiến trường ven biển miền Trung đã tiếp nhận một khối lượng trang bị kỹ thuật, lương thực và các cơ sở vật chất khác xấp xỉ với số lượng của 4 năm trước đó. Hệ thống kho dự trữ trải dài theo hai tuyến bắc Kon Tum đến nam Đắc Lắc, Tổng kho Làng Hối (Quảng Nam) đến Bình Định. Đường thông tin dây trần và thông tin tiếp sức đã nối thông với Hà Nội.

Đầu tháng 5 năm 1973, anh Võ Chí Công và tôi ra Hà Nội dự hội nghị Bộ Chính trị mở rộng. Tham dự hội nghị có các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, các đồng chí Ủy viên Trung ương ở các chiến trường; anh Nguyễn Văn Linh, anh Hoàng Văn Thái, anh Võ Văn Kiệt, anh Trần Văn Trà (ở Nam Bộ), anh Võ Chí Công và tôi (ở Khu 5), anh Trần Hữu Dực (ở Trị - Thiên). Bộ Chính trị đã dự thảo một báo cáo để hội nghị nghiên cứu và thảo luận những vấn đề quan trọng.

Mở đầu cuộc họp, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu một số vấn đề mà hội nghị cần đi sâu nghiên cứu, thảo luận và quyết định những vấn đề đường lối của cách mạng miền Nam hiện nay. Đồng chí nêu rõ: Trải qua 18 năm, cách mạng miền Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thực tế chứng minh Nghị quyết 15 là đúng đắn, do đó mà cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ. Địch tiến hành chiến lược "chiến tranh đặc biệt", ta đã đánh giá đúng tình hình địch, ta đề ra đường lối đúng đắn, do đó từng bước

đánh thắng “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy. Tiếp đến, dịch tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” cũng như chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” cũng đều thất bại. Đồng chí Lê Duẩn kết luận: Đế quốc Mỹ đã thua, đã rút ra thì không bao giờ trở lại nữa. Hiện nay Mỹ muốn lập thế cân bằng ở Đông Nam Á và Việt Nam. Mỹ đang biến chính quyền tay sai thành một chính quyền lệ thuộc.

Đồng chí Lê Duẩn yêu cầu các anh ở chiến trường phát biểu trước. Lần lượt các anh có mặt đều phát biểu, nêu những nét lớn về tình hình địch, ta ở từng chiến trường; đồng thời bổ sung nhiều ý kiến cho dự thảo báo cáo.

Hội nghị nhất trí khẳng định địch còn những chỗ mạnh nhưng chỗ mạnh đó nằm trong thế thất bại, thế đi xuống chứ không phải thế thắng và thế đi lên. Trước đây quân Mỹ vào ta đã đánh thắng, nay Mỹ đã thua, đã rút hết quân chiến đấu của chúng. Trên chiến trường, chỉ còn quân ngụy chắc chắn ta sẽ thắng. Tuy nhiên, ngụy vẫn còn được Mỹ viện trợ. Nhưng ta có nhiều điều kiện thuận lợi rất lớn và nhất định sẽ thắng.

Hội nghị thảo luận dân chủ, sôi nổi, kéo dài hơn một tuần. Với trí tuệ tập thể của hầu hết các đồng chí dự hội nghị, đã phân tích đầy đủ tình hình và nhất trí cao những vấn đề nêu lên.

Những vấn đề quan trọng trong cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng trở thành nội dung chủ yếu của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và thành Nghị quyết 21 tháng 10 năm 1973.

Sáng thứ ba, sau hai ngày làm việc, tôi chuẩn bị ăn sáng ở nhà nghỉ Quảng Bá thì Văn phòng Trung ương điện báo anh Ba Duẩn lên thăm. Anh Ba đến và bảo tôi: Anh cứ ăn sáng, tôi ngồi đây nói chuyện không sao.

Anh bắt đầu phân tích tình hình Mỹ và các nước lớn sau Hiệp định Paris về Việt Nam, tình hình miền Nam và miền Bắc, những thuận lợi khó khăn trong bước giành thắng lợi quyết định. Sau khi phân tích tình hình các mặt, anh nhấn mạnh:

- Chúng ta phải nỗ lực phi thường để giải phóng miền Nam trong hai năm, sớm hơn thì rất tốt, dài hơn thì rất phức tạp. Lấy hai năm làm mốc, nhưng phải nỗ lực chủ quan giành thắng lợi sớm hơn. Chỉ có như vậy mới đập tan được ý đồ của chúng - không cho Việt Nam thắng “trọn”.

Đó là những ý lớn, anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần và nói với tôi:

- Anh vào chiến trường Khu 5, một mặt tích cực chống bình định, nhưng mặt khác rất quan trọng là phải rèn luyện nâng cao sức chiến đấu, trước hết là quả dấm chủ lực; đồng thời chuẩn bị mọi mặt cho đòn quyết định. Ở ngoài này, Trung ương sẽ cố gắng bổ sung tân binh, vũ khí và lương thực, nhưng tại chỗ ở chiến trường phải nỗ lực lớn. Chất lượng và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang là quyết định, nhất là những trường hợp chiến đấu gay go, quyết liệt.

Trên đường quay trở lại chiến trường Khu 5, tôi suy nghĩ về những ý kiến chỉ đạo chiến lược của đồng chí Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương là hoàn toàn đúng. Hai năm, sớm hơn thì tốt, kéo dài sẽ phức tạp. Với ý định chiến lược dứt khoát ấy, tôi tính toán về yêu cầu tạo lực, tạo thế và việc giải phóng căn cứ liên hiệp quân sự Đà Nẵng một trọng điểm của chiến trường Khu 5. Phải làm thế

nào để vừa chống bình định có kết quả vừa xây dựng được quả đấm của chiến trường, chuẩn bị lương thực, đạn dược để bắt đầu tiến công chỉ có thắng lợi. Đối với căn cứ liên hiệp quân sự Đà Nẵng, ta tranh thủ tạo điều kiện để thắng địch trong hành tiến nhưng phải tính đến có trận đột phá gay go và ác liệt. Từ suy nghĩ và sắp xếp sẵn trong đầu, về đến quân khu tôi đưa ra phương án:

Chống bình định giành dân giữ thế chiến trường, ta dùng toàn bộ lực lượng dân quân du kích, hai phần ba lực lượng địa phương tỉnh, huyện; pháo cối, đặc công của quân khu để đánh trả quân địch.

Chuẩn bị để đánh một số quận lỵ, chi khu mở màn và nhất là đánh những đồn quyết định cùng các chiến trường miền Nam thực hiện mục tiêu giải phóng miền Nam trong thời gian đã định. Về thực lực, ngoài lực lượng trên bổ sung phải nuôi dưỡng anh em thương binh nhẹ nhanh chóng trở về đơn vị chiến đấu, giảm quân số ở cơ quan và đơn vị trực thuộc, tăng cường cho đơn vị chiến đấu. Mức đặt ra là từ 12 đến 15 tay súng một đại đội hiện nay, phải đạt tới khoảng 50 tay súng khi bắt đầu cuộc tiến công chiến lược.

Kế hoạch làm đường đảm bảo vận chuyển nói chung, nhất là các con đường sắt mục tiêu chủ yếu trong cuộc tiến công và nổi dậy sắp tới là một phần rất quan trọng trong kế hoạch chuẩn bị. Từ con đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam, Khu 5 mở đường mới xuống giáp ranh đồng bằng vào mục tiêu đã định. Đến đầu năm 1974 thì đường ngang đã xuống đến tây Đà Nẵng, thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Bình Định. Con đường dọc từ Trao di vào Thạch Mỹ, dọc theo vùng giáp ranh Quảng Nam vào sông Rơ, vượt đỉnh Ba Nhà vào Ba Tư (Quảng Ngãi) đến An Lão (Bình Định).

Quyết tâm, kế hoạch nói trên được Thường vụ Quân khu và Thường vụ Khu ủy hoàn toàn nhất trí. Về sử dụng lực lượng và cách đánh:

Bộ đội địa phương, dân quân du kích và nhân dân kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công đánh địch cả phía trước và phía sau:

Bộ đội chủ lực, một bộ phận phòng ngự bảo vệ các địa bàn xung yếu, đại bộ phận tập trung huấn luyện theo phương hướng tác chiến tập trung hiệp đồng binh chủng quy mô lớn. Từng thời gian và theo yêu cầu cụ thể của chiến trường, ta sử dụng từng trung đoàn đánh những trận tiêu diệt gọn ở những hướng trọng điểm để hỗ trợ cho phong trào địa phương.

Mặc dù thu được những thành tích tốt trong 6 tháng cuối năm, nhưng do ta có nhiều sơ hở trong 6 tháng đầu năm, nên đến tháng 12 năm 1973 địch vẫn còn lấn chiếm được nhiều vùng giải phóng cũ ở các tỉnh Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Số dân vùng giải phóng từ 918 nghìn cuối tháng 1 năm 1973 chỉ còn lại 564 nghìn vào tháng 12 năm 1973.

Địch dùng toàn bộ lực lượng cơ động ra càn quét bình định. Trong lãnh đạo Quân khu và Khu ủy, một số đồng chí cho rằng địch tung toàn bộ lực lượng để càn quét bình định, ta cũng cần tung toàn bộ lực lượng để chống bình định. Có vài đồng chí lại cho rằng, nếu ta diệt kim kẹp giành dân, phá 50% "ấp chiến lược" thì miền Nam khắc tự giải phóng; kết thúc chiến tranh chiến trường bị thu

hẹp, nguy quân, nguy quyền không thể tồn tại. Từ Hà Nội, anh T. điện về nên biến tất cả các tiểu đoàn chủ lực thành đội công tác đi phá ấp giành dân. Nếu làm như thế thì chủ lực quân khu có 3 sư đoàn. 1 lữ đoàn có thể chia ra được 25 đội công tác.

Một đồng chí phó tư lệnh cho rằng: Để mất dân trong lúc hai phần ba chủ lực lo huấn luyện, công binh làm đường để làm gì? Tôi cố gắng thuyết phục trong Thường vụ và Bộ tư lệnh: địch tung hết lực lượng ra lấn chiếm, ta cũng tung hết lực lượng ra chống đỡ là bị động. Nếu cho chủ lực chia ra làm đội công tác, khi cần tập trung về thì đội ngũ chiến đấu sẽ loạc choạc khó thành quả đảm mạnh. Do vậy, nhất thiết không tung hết chủ lực ra chống càn, không biến các tiểu đoàn chủ lực thành đội công tác và không dùng xe tăng, pháo 130 ly vào những trận đánh vụn vặt. Địch lấn chiếm 20 xã, 30 xã hoặc hơn nữa là đáng tiếc, nhưng không kiên trì xây dựng lực lượng có tầm chiến lược thì không thể có những trận đánh quyết định.

Cuối năm 1973, Bộ tư lệnh Quân khu 5 chỉnh huấn cho 300 cán bộ chủ trì các trung đoàn, sư đoàn, tỉnh đội và cơ quan về nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21, tổng kết kinh nghiệm năm 1972 và nghiên cứu một số vấn đề cơ bản của nghệ thuật chiến dịch. Ở Tây Nguyên, cũng tổ chức học nghị quyết, tập huấn và nghiên cứu về chiến thuật, chiến dịch.

Địch không thi hành Hiệp định Paris, tiếp tục tiến hành “Việt Nam hóa chiến tranh”. Ta không còn con đường nào khác là phải tiến hành chiến tranh cách mạng, tiêu diệt chúng để giải phóng miền Nam.

Ở Khu 5, quân nguy đã bị tiêu hao, mệt mỏi trong các cuộc hành quân càn quét lấn chiếm liên miên suốt năm 1973. Bước sang năm 1974, chiều hướng chung của địch là co lại để củng cố các tuyến chốt đối diện với các khu phòng giữ của bộ đội chủ lực ta. Trong các vùng địch đang kiểm soát, chúng mở các cuộc hành quân đánh phá dai dẳng với ý đồ tạo ra hình thái phân tuyến hai vùng rõ rệt.

Trên chiến trường đồng bằng ven biển, ta và địch trong thế giằng co. Ở vùng giáp ranh, ta vẫn giữ vững ba khu vực: Hiệp Đức (Quảng Nam), Ba Tư (Quảng Ngãi), Hoài Ân (Bình Định). Đây là ba bàn đạp quan trọng không cho địch thọc sâu vào vùng căn cứ, đánh phá các tuyến đường cơ giới và kho tàng của ta. Ở đây chủ lực ta và chủ lực địch tiếp xúc với ta. Cả hai bên đều bố trí phòng ngự vững chắc. Trong khu vực này, có Thượng Đức - một vị trí trọng yếu của tây nam Đà Nẵng, trực tiếp uy hiếp tuyến đường cơ giới phía tây Quảng Đà của ta.

Ở Tây Nguyên, cũng giống như ở đồng bằng, chủ lực ta và chủ lực địch trực tiếp tiếp xúc nhau ở bắc Kon Tum, Thanh An và Đức Cơ (Gia Lai). Địch đang còn một số cứ điểm ở Đắc Pét, Măng Đen, Măng Bút, Kon Rẫy (bắc Kon Tum), Ia Súp (tây bắc Đắc Lắc).

Tháng 1 năm 1974, Thường vụ - Bộ tư lệnh Quân khu quyết định mở một đợt hoạt động quân sự mạnh nhằm: Đánh bại một bước kế hoạch lấn chiếm của địch, mở rộng vùng giải phóng ở nông thôn, tiêu diệt các cứ điểm địch còn chốt lại

trong khu căn cứ. Tạo thế cho quân chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị trong hậu phương địch, nhất là ở các thành thị, đồng thời rèn luyện bộ đội.

Trước hết, trong Xuân - Hè chỉ xây dựng một bộ phận chủ lực cùng lực lượng địa phương tiến công tiêu diệt một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh, đánh bại thủ đoạn “chốt điểm” của địch, hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh mở tra vùng địch và vùng tranh chấp, cải thiện thế chiến trường.

Ở Tây Nguyên, Sư đoàn 320 sau khi đánh bại cuộc phản kích của 27 tiểu đoàn bộ binh, pháo binh và thiết giáp của quân đoàn 2 địch liền chuyển sang tiến công. Ngày 8 tháng 3, Sư đoàn 320 tiêu diệt căn cứ Lệ Ngọc - một điểm chốt quan trọng của tuyến bảo vệ vòng ngoài thị xã Plây Cu của địch. Tiếp theo, sư đoàn lại tiêu diệt các cứ điểm 711 và 631, tiêu diệt gọn tiểu đoàn quân biệt động 82 và một chi đoàn xe tăng, xe bọc thép, thu 2 pháo 155 ly và 1 súng cối 106,7 ly.

Ngày 30 tháng 5, Trung đoàn 25 tiêu diệt cụm cứ điểm Ia Súp ở Đắc Lắc, diệt gọn tiểu đoàn bảo an số 211. Vùng giải phóng tây nam Gia Lai và tây tây bắc Đắc Lắc được nối liền nhau. Đường hành lang chiến lược mở thông từ tây nam Gia Lai vào đến Quảng Đức.

Khi phát hiện con đường vu hồi chiến dịch của ta đang vươn dài và chọc thẳng xuống phía tây đèo Măng Giang, quân đoàn 2 ngay liền cho tiểu đoàn 95 và 2 đại đội của tiểu đoàn quân biệt động biên phòng 62 nống ra cắm chốt ở Kon Rẫy. Để giữ tiến độ thi công và bảo vệ vững chắc con đường cơ động quan trọng này, ngày 16 tháng 3, Sư đoàn 10 (thiếu) nổ súng đánh vào cụm quân của 2 tiểu đoàn địch ở phía đông Kon Rốc. Ta vây đánh diệt một số lớn, bắt 250 tù binh.

Ngày 24 tháng 4, ta lại tiêu diệt tiểu đoàn bảo an số 270 ở trong căn cứ Kon Rốc. Quân địch ở khu vực Kon Rẫy bị quét sạch. Con đường cơ động của ta tiếp tục vươn dài về hướng bắc đèo Măng Giang.

Tiếp tục phát triển tiến công quét sạch quân địch ở các cứ điểm trong khu vực căn cứ của ta, ngày 15 tháng 5, Trung đoàn 66 Sư đoàn 10 tiến công cụm cứ điểm Đắc Pét - cứ điểm cuối cùng của địch còn chốt lại trên đường 14 ở bắc Kon Tum. Tháng 9 năm 1974, Trung đoàn 28 tiến công tiêu diệt chi khu quân sự, quận lỵ Măng Đen và quận lỵ Măng Bút. Ở Kon Tum, địch chỉ còn giữ được vùng ven và thị xã Kon Tum.

Cùng thời gian này, Tổng tham mưu trưởng cử anh Lê Trọng Tấn - Phó tổng tham mưu trưởng và một số cán bộ và Quân khu 5 kiểm tra tình hình, sau đó anh Tấn ở lại thay tôi làm tư lệnh Quân khu 5.

Bộ tư lệnh Quân khu và các cơ quan báo cáo với anh Tấn và các đồng chí trong đoàn: Hai năm nay, sau biện pháp chiến lược “tràn ngập lãnh thổ”, địch tung hầu hết lực lượng ra lấn chiếm vùng giải phóng của ta, chúng đã bị tiêu hao một mỗi, thế chiến trường đã có lợi cho ta. Từ đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam, các đường ngang xuống địa bàn quân khu hướng vào trọng điểm khu liên hiệp quân sự Đà Nẵng, vào tây Bình Định đã thông xe. Quân số chiến đấu mỗi đại đội của chủ lực đã từ 15, 20 tay súng tăng lên trên dưới 50 tay súng, mỗi đại đội chiến đấu của bộ đội địa phương khoảng 30, 40 tay súng, sức khỏe bộ đội tốt,

được huấn luyện chiến thuật, kỹ thuật hơn 2 tháng. Cán bộ được bồi dưỡng qua tổng kết kinh nghiệm. Quyết tâm và kế hoạch của quân khu là mở đợt tấn công Hà - Thu trên toàn bộ chiến trường nhằm tiêu diệt địch giành dân mở mang tạo thế chiến trường nông thôn chuẩn bị cho Đông - Xuân tới. Qua đợt chiến đấu rèn luyện trong thực tế để nâng cao sức chiến đấu của các thứ quân, nhất là bộ đội chủ lực quân khu. Trên hướng Quảng Nam, Quảng Đà sẽ tiêu diệt và làm chủ cụm cứ điểm Đức Phú, Nông Sơn, Trung Phước và Thượng Đức. Khó khăn lớn nhất của quân khu là quân số bổ sung trong và sau đợt hoạt động để phát triển thắng lợi.

Sau khi nghe quân khu báo cáo anh Tấn phát biểu: Tình hình vừa rồi rất phức tạp, quân khu đã giữ được lực lượng, nâng được quân số chiến đấu, quyết tâm và kế hoạch tới là đúng, cần kiểm tra để đảm bảo chắc thắng.

Quân khu triệu tập một số cán bộ để nghe Phó tổng tham mưu trưởng nói chuyện, đại ý: Tình hình và công tác chuẩn bị của quân khu như thế là tốt; quyết tâm và phương hướng đúng. Tôi giao cho Chính ủy và Tư lệnh phải hoàn thành nhiệm vụ, yêu cầu gì Bộ sẽ đáp ứng.

Buổi chiều hôm đó trong bữa cơm thân mật, anh Tấn nói riêng với tôi: Công việc như thế không có vấn đề gì lớn, ngày mai tôi sẽ ra Hà Nội. Anh Mân cứ ở lại làm việc, chúc anh khỏe và thắng lợi, chúng ta còn nhiều dịp gặp nhau.

Anh Tấn và đoàn cán bộ đi được một ngày thì Bộ Tổng tham mưu thúc giục anh Tấn quay lại thực hiện ý định trước, nhưng anh Tấn và đoàn vẫn ra Hà Nội.

Khi anh Tấn vào tôi đã biết được ý định của cấp trên. Tôi có điện đề nghị với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương: Sau khi anh Tấn thay, cho tôi xuống một đơn vị nào đó chiến đấu cho đến khi miền Nam hoàn toàn giải phóng...

Ở đồng bằng ven biển, trong những năm gần đây, kẻ địch đã quen thấy ta thường mở đầu các hoạt động vũ trang bằng một cuộc tiến công đồng loạt vào hàng trăm mục tiêu ở khắp các đô thị và nông thôn. Sau đó, cường độ tiến công yếu dần đi. Lần này Bộ tư lệnh Quân khu chủ trương sẽ tổ chức một đợt hoạt động mạnh trên toàn chiến trường. Các khu chiến của chủ lực sẽ đánh địch theo một lược đồ nối tiếp nhau trên những khu vực cách xa nhau nhưng lại liên quan chặt chẽ với nhau, nhằm tạo một cường độ tăng dần từ thấp đến cao và mở rộng không gian tiến tới từ một khu vực rộng dần ra khắp các địa phương khiến cho quân địch bất ngờ và bị động đối phó.

Cuối tháng 6 năm 1974, theo quyết tâm và kế hoạch, quân khu dùng hầu hết các đơn vị chủ lực, không dùng pháo 130 ly và xe tăng tiêu diệt địch và giải phóng các quận lỵ chi khu mở rộng địa bàn làm chủ từng mảng. Đợt 1, tiêu diệt địch giải phóng khu Phú Đức, một chi khu được giải phóng trên 3 vạn dân, ta thương vong ít. Riêng quận lỵ, chi khu Minh Long do anh Vương Tuấn Kiệt - Phó tư lệnh chi huy. Anh Kiệt biết ý tôi không dùng pháo 130 ly và xe tăng để giữ bí mật bất ngờ; đồng thời không cho bộ đội ỷ lại vào hỏa lực nên nhân lúc tôi đi chỉ huy phía bắc, anh Kiệt điện về xin anh Võ Chí Công cho sử dụng pháo 130 ly bắn máy chục viên mới giải phóng được chi khu Minh Long.

Đợt 2, tiêu diệt căn cứ Nông Sơn và Thượng Đức. Tham mưu quân khu đắp sa bàn hai vị trí nói trên và mời cán bộ sư đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn của Sư đoàn 304 và Sư đoàn 2 thông qua quyết tâm và kế hoạch tác chiến (Sư đoàn 304 đánh Thượng Đức do Bộ tư lệnh Quân khu chỉ huy).

Trong cuộc họp, Sư đoàn trưởng 304 báo cáo quyết tâm, kế hoạch tác chiến và khẳng định: Chúng tôi sẽ dùng hỏa lực mạnh đợt đầu mấy chục tấn đạn lớn, nếu địch không hàng chúng tôi sẽ cho chúng mấy chục tấn nữa và cứ thế trút lên đầu chúng, nhất định nó phải hàng.

Trong giờ nghỉ, anh Võ Chí Công hỏi nhỏ tôi: Anh ấy rất háng hái nhưng hình như chủ quan, anh thấy có thể thắng không? Tôi trả lời: Sẽ thắng nhưng trả giá đắt.

Nông Sơn - Trung Phước và cụm cứ điểm với trên 10 vị trí lớn nhỏ. Toàn bộ cụm cứ điểm rải ra trên một khu vực dài hơn 4km và rộng gần 3km. Nông Sơn là căn cứ then chốt của cụm cứ điểm được xây dựng kiên cố trên một mỏm núi đứng, có ba tầng hỏa lực và chỉ có một đường độc đạo có thể lên đến cứ điểm. Lực lượng địch khoảng 2.000 tên, trong đó có tiểu đoàn biệt động biên phòng 78. Điều bất ngờ đối với địch là chúng cho rằng ta chưa có đủ sức tiến công tiêu diệt một cụm cứ điểm mạnh lại bố trí trên một chính diện rộng như vậy.

Sư đoàn 2 được lệnh tiến công cụm cứ điểm Nông Sơn - Trung Phước. Bộ đội pháo binh khiêng 2 khẩu sơn pháo 75 ly bí mật đặt cách Nông Sơn khoảng 800m. Dự kiến thời gian tiến công là 17 giờ, nhưng 1 giờ cùng ngày quân địch cho lên Nông Sơn Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 56 Sư đoàn 3 để thay phiên Tiểu đoàn 78. Như vậy, trong căn cứ lúc này có 2 tiểu đoàn địch. Anh Nguyễn Chơn đề nghị với chỉ huy sở tiền phương quân khu, nếu buổi chiều địch không rút 1 tiểu đoàn thì đến giờ ta vẫn cứ nổ súng. Tôi nói lại với anh Nguyễn Chơn phạm vi căn cứ Nông Sơn không rộng lắm, chúng ở đó 2 tiểu đoàn khá dày đặc, ta nổ súng tiến công 2 tiểu đoàn trong một căn cứ có thể thời gian ngắn hơn dự kiến khởi phải đi tìm tiểu đoàn thứ hai. Quả đúng như vậy, khi ta nổ súng tiến công, pháo bắn thẳng đã bắn tan 38 trong số 41 lô cốt và hỏa điểm của địch. Pháo binh ta bắn tập trung chính xác, tạo ra uy lực mạnh phá tan hệ thống công sự và hỏa lực của cụm cứ điểm. Bộ đội mở đợt phá khẩu rất nhanh, địch trong căn cứ nhốn nháo, không đủ công sự ẩn nấp, bị thương vong lớn. Sau 4 giờ chiến đấu ta đã tiêu diệt và bắt toàn bộ 2 tiểu đoàn địch. Ta thương vong trên 40 người.

Trong khi đó ở Thượng Đức, Sư đoàn 304 sau hai ngày đêm tiến công, bộ đội không mở được cửa, thương vong trên 300 người. Đêm thứ ba, anh Nguyễn Chánh - Phó tư lệnh Quân khu ra Thượng Đức giúp anh em chặn chính lại đội ngũ và đưa pháo vào ngắm bắn trực tiếp. Đêm thứ tư, pháo bắn mấy chục quả phá hủy lô cốt, lô châu mai của địch, bộ đội Sư đoàn 304 mở cửa thuận lợi, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ tiểu đoàn quân Biệt động biên phòng số 79 và 10 trung đội bảo an, dân vệ, giải phóng chi khu quân sự và quận lỵ Thượng Đức. Ngày 14 tháng 8, Sư đoàn 304 lại phát triển tiến công đánh chiếm tuyến Ba Khe, Bàn Tân, Lâm Phụng, đẩy lui quân địch về sát ven quận lỵ Ái Nghĩa.

Phối hợp với Nông Sơn - Trung Phước, Thượng Đức, đêm 17 tháng 7, lực lượng địa phương Quảng Nam tiêu diệt các chốt điểm Đá Bàn, Đá Đen tập kích quân địch ở đồn Kỳ Bích, đánh sập cầu Bà Bàu, đánh thiệt hại đồn Dương An. Trong các đêm 18 và 20 tháng 7 ta liên tiếp pháo kích vào tiểu khu Quảng Tín và sở chỉ huy sư đoàn 2 ngự ở Chu Lai.

Lực lượng địa phương và nhân dân Quảng Ngãi tập kích địch trong thị xã Quảng Ngãi, quận lỵ Bình Sơn, quận lỵ Tư Nghĩa, tiến công, nổi dậy tiêu diệt và bức rút trên 40 cứ điểm, giải phóng một mảng 8 xã ở các huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh. Vùng giải phóng phía bắc của tỉnh nối liền từ vùng rừng núi Trà Bồng xuống đến sát biển.

Ở Bình Định, ngày 26 tháng 7. Sư đoàn 3 (thiếu) tiến công vào tuyến phòng thủ của địch trên đường số 1 ở phía bắc quận lỵ Phù Mỹ. Chỉ sau một giờ chiến đấu quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Trục Đạo và các cứ điểm ở núi Nùng.

Ở Phú Yên, lực lượng vũ trang tỉnh tiêu diệt các vị trí của địch ở hai xã Xuân Quang và Quán Phước, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn bảo an. Ta tiếp tục tiến công, nổi dậy giải phóng và giành quyền làm chủ phần lớn các xã ở ba huyện Tuy An, Sông Cầu, Đồng Xuân.

Ở Khánh Hòa, đêm 21 tháng 7, Tiểu đoàn đặc công 407 tiến công khu căn cứ Hải quân ngự ở Nha Trang và tập kích vào quân cảng Cam Ranh làm nổ 3 vạn tấn bom đạn, đốt cháy 1 triệu tấn xăng dầu.

Bị tổn thất nặng, lại phải phân tán đối phó trên các khu chiến của chủ lực ta nên lực lượng cơ động của Quân đoàn 1 ngự đã mỏng nay càng trở nên suy yếu. Chúng buộc phải đưa Sư đoàn dù từ Trị - Thiên về tái chiếm Thượng Đức.

Cuộc chiến đấu giữa bộ đội chủ lực cơ động của ta và quân Dù - lực lượng bị chiến lược của địch diễn ra liên tục hơn 100 ngày đêm, cuối cùng ta đã thắng. Chiến thắng Thượng Đức chứng tỏ khả năng chiến đấu của chủ lực cơ động đã hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch.

Quân địch đã bất ngờ trước đòn tiến công phối hợp dài ngày trên một diện rộng, có hiệu suất chiến đấu cao của ta. Kế hoạch lấn chiếm để thực hiện âm mưu phân tuyến ở vùng đồng bằng ven biển của địch đã bị đánh bại. Hệ thống phòng ngự cơ bản của địch ở vùng đồng bằng ven biển cũng bị đánh vỡ từng khu vực. Thượng Đức - điểm then chốt của tuyến phòng ngự vòng ngoài, chỉ cách căn cứ liên hiệp quân sự Đà Nẵng 40km đã bị ta đánh chiếm. Tuy nhiên, lúc này đang là mùa mưa, lực lượng ta ở các chiến trường miền Nam chỉ hoạt động nhỏ. Địch có thể cơ động lực lượng từ nơi khác đến để phản kích. Ta đã giành thắng lợi lớn, đang có điều kiện để phát triển thắng lợi. Bộ tư lệnh Quân khu cho rằng nếu kéo dài hoạt động sẽ ảnh hưởng đến việc chuẩn bị cho nhiệm vụ năm 1975. Vì vậy, chỉ sử dụng một bộ phận bộ đội chủ lực phối hợp với lực lượng địa phương tiếp tục đánh địch. Đại bộ phận chủ lực lui về củng cố.

Điểm nổi bật trong thời gian này là ta đã nhận thức đúng xu thế phát triển của tình hình nên đã khẩn trương xây dựng lực lượng, xây dựng thế trận, chuẩn bị chiến trường. Khi kẻ địch không thực hiện Hiệp định Paris, đưa hầu hết lực lượng cơ động vào kế hoạch "lấn chiếm", "tràn ngập lãnh thổ", ta đã kiên quyết

giữ vững chủ trương: Chỉ sử dụng lực lượng địa phương và một phần chủ lực chống lấn chiếm. Đại bộ phận lực lượng chủ lực tiếp tục tập trung xây dựng (tuy nhiên, chủ trương này trong lãnh đạo Khu ủy cũng có ý kiến chưa thống nhất). Gần một năm trời chiến đấu giằng co giữa ta và địch, tuy địch có lấn chiếm một số dân, một số vùng ta mới mở ra và một số vùng giải phóng cũ, gây cho ta một số khó khăn, nhưng lực lượng địch bị tiêu hao mệt mỏi. Chủ trương đúng đắn này là nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của đợt hoạt động trong Hè - Thu năm 1974.

Với một thế trận đã được xây dựng, với một sức mạnh đã được tăng cường, quân và dân đã tạo ra thế mới, lực mới, khả năng mới. So sánh lực lượng ta và địch trong phạm vi chiến trường đã thay đổi. Ta mạnh lên, địch yếu đi. Thế chủ động của ta ngày một phát triển, thế bị động của địch ngày một lộ rõ. Đây là những điều kiện hết sức thuận lợi để ta giành thắng lợi hơn, thực hiện ý định chiến lược của lãnh đạo.

Cuối mùa Thu năm 1974, anh Võ Chí Công và tôi ra Hà Nội tham dự cuộc họp Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, thời gian từ ngày 30 tháng 6 đến 8 tháng 10. Tham gia hội nghị có các đồng chí ở chiến trường như anh Phạm Hùng, anh Trần Văn Trà (Nam Bộ), anh Võ Chí Công và tôi (Khu 5). Đánh giá tình hình, Bộ Chính trị thấy rằng, từ đầu năm 1974, bằng những cố gắng nhiều mặt, ta đã thu được những kết quả to lớn trong công tác chuẩn bị chiến lược. Ta đã giữ vững và phát triển mạnh mẽ thế chủ động tiến công, đẩy địch vào thế bị động trên toàn chiến trường. Ta đã tăng thêm sức mạnh của lực lượng vũ trang, đặc biệt là khối chủ lực, làm căng mỏng và suy yếu một bước quan trọng quân ngụy, nhất là đội quân chủ lực cơ động của chúng.

Mỹ ngày càng gặp khó khăn trong chính nước Mỹ và trên thế giới. Do đó, Mỹ chẳng những phải giảm bớt chi viện cho quân ngụy mà còn khó có khả năng nhả vào lại miền Nam và dù chúng có can thiệp thế nào đi nữa cũng không cứu vãn được ngụy quyền Sài Gòn khỏi sụp đổ.

Chúng ta đã thúc đẩy thời cơ chiến lược chín muồi, đã tạo nên những yếu tố chiến lược quan trọng để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Bộ Chính trị đã nhất trí thông qua phương án thực hiện giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976 và đã chọn chiến trường Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu trong cuộc tiến công và nổi dậy rộng khắp trong năm 1975. Ở Tây Nguyên, địch tương đối yếu và ta có nhiều lợi thế để có thể phát triển lực lượng về phía nam, chia cắt miền Trung; ở đây lại tiện cho ta phát huy hết sức mạnh của các binh chủng kỹ thuật. Như vậy, Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng.

Kết luận hội nghị, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương đã phân tích ý nghĩa của quyết tâm chiến lược lịch sử này, đại ý: Bây giờ đã đến lúc chúng ta hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Đây là một điều hết sức trọng đại, hết sức quan trọng. Trọng đại, quan trọng là vì 30 năm nay, từ khi giành được chính quyền, chúng ta làm cách mạng liên miên, chiến tranh liên miên. Qua mấy thời kỳ chống đế quốc, cuộc chiến tranh cách mạng của chúng ta đã có ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa thời đại sâu sắc,

nó tập hợp cả một lực lượng to lớn, ở trên một vị trí chiến lược, đương đầu với tên đế quốc mạnh nhất, hung ác nhất. Bây giờ chúng ta hoàn thành cuộc cách mạng, thực hiện nhiệm vụ của thời đại trong cả nước. Nó ảnh hưởng không phải chỉ ở trong nước mà cả toàn Đông Nam Á và toàn thế giới.

Đồng chí nói tiếp: Nói như vậy để thấy hết tầm quan trọng của nó; đồng thời cũng thấy hết những khó khăn phức tạp của nó. Nhưng chúng ta đã thấy hết khả năng, thấy rõ so sánh lực lượng, thấy tất cả mọi cái để hạ quyết tâm này, với tri thức, sự hiểu biết, kinh nghiệm của 30 năm nay cộng lại, không phải của từng người mà của tất cả chúng ta.

Khi thảo luận, câu hỏi đầu tiên đặt ra là nếu ta tiến công mạnh, nguy quân, nguy quyền có nguy cơ sụp đổ, Mỹ có dám nhảy vào tham chiến không? Đây là vấn đề hóc búa, rất nhiều ý kiến thảo luận sôi nổi, gay gắt. Tuyệt đại đa số ý kiến khi phân tích khả năng can thiệp của Mỹ, cho rằng Mỹ không còn khả năng đưa quân trên bộ, hơn nữa hành động đó cũng không cứu vãn được nguy cơ sụp đổ của nguy.

Anh Phạm Văn Đồng có nói một câu rất hay: Cứ dằng hoàng mà tiến, quân Mỹ đã vui mừng được rút ra khỏi chiến trường thì rồi đây cho ăn kẹo cũng không dám trở lại can thiệp vào miền Nam Việt Nam.

Bộ Chính trị quan tâm rất nhiều đến vấn đề thời cơ chiến lược. Cả năm 1975 là thời cơ, dồn tiến công quân sự mạnh tạo nên thời cơ, phong trào chính trị thúc đẩy thời cơ, tình hình thế giới và nội tại nước Mỹ là thời cơ từ bình thường đến vừa, đến cao, đến đột biến với tốc độ "1 ngày bằng 20 năm", do đó cần phải khẩn trương, phải đánh nhanh hơn, nếu đã có thời cơ mà không kịp thời phát hiện, bỏ lỡ thì có tội lớn với dân tộc.

Do đó, ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm 1975 - 1976, cần phải có kế hoạch lợi dụng thời cơ đến vào đầu hoặc giữa năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Muốn lợi dụng thời cơ, phát triển thuận lợi, cần luôn có lực lượng, có kế hoạch dự bị, sẵn sàng ở những địa bàn cơ động, vì thực lực của ta là nhân tố quyết định.

Sau cuộc họp, anh Phạm Văn Đồng mời tôi sang nhà riêng cùng ăn bữa cơm thân mật, anh nói:

- Thời gian qua Khu 5 làm như thế là khôn khéo, nhờ kiên trì chỉ đạo thực hiện nên hiện nay có cả lực mới và thế trận mới. Làm như Khu 5 là một kinh nghiệm rất tốt, tiêu diệt địch giải phóng từng quận lỵ, chi khu, mở từng mảng, giành từng khối dân, lại hiểu được sức địch, sức ta, làm như rồi là đúng bài bản.

Bữa cơm đạm bạc, có mấy củ khoai lang tráng miệng. Tôi thật sự vui và tự suy diễn, có lẽ anh Đồng thấy được trách nhiệm thay Bác về tình cảm cách mạng để giữ vững lòng tin và sự thoải mái của lớp học trò kế cận của Bác. Củ khoai lang nếu có thêm bát nước chè xanh thì Nghệ An và Quảng Ngãi đậm đà giống nhau.

Sau hai năm chiến đấu, quân và dân miền Nam đã giáng cho địch những đòn thất bại nặng ở Trị - Thiên, Tây Nguyên, đồng bằng miền Trung, Đông Nam Bộ.

Đến cuối năm 1974, tuy địch vẫn còn trên 1 triệu quân trong đó có 13 Sư đoàn quân cộng hòa và 18 Liên đoàn quân biệt động, hơn 2.000 xe tăng, xe bọc thép, 1.500 khẩu pháo lớn, 6 Sư đoàn không quân nhưng chúng vẫn buộc phải rút lui về phòng ngự để giữ những phần đất do chúng kiểm soát, nhất là các đô thị và vùng đông dân nhiều cửa. Quốc hội Mỹ cắt bỏ viện trợ bổ sung tháng 6 năm 1974. Nguyễn Văn Thiệu phải đề ra chủ trương “đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo”, điều không thể nào làm được với một quân đội tay sai.

Giữa tháng 12 năm 1974, ta mở chiến dịch Phước Long. Trong hơn 20 ngày (12-12-1974 đến 6-01-1975) ta đã diệt và bắt trên 3.000 tên địch, thu trên 3.000 súng các loại, giải phóng đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long - tỉnh đầu tiên ở miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Rõ ràng so sánh lực lượng giữa ta và địch đã chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ ta tiến công áp đảo quân địch để giành thắng lợi hoàn toàn.

Chiến trường Khu 5, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa ba vùng chiến lược vùng có mối liên quan chặt chẽ với nhau trong từng khu vực.

Ở phía bắc, sau thắng lợi Hè - Thu 1974, ba tỉnh miền Trung: Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi đã nối liền với bắc Kon Tum, tạo thành một khu căn cứ rộng lớn kéo dài từ rừng núi đến đồng bằng. Từ vùng giáp ranh xuống đồng bằng ven biển, thế trận của ta vững chắc và uy hiếp về thế trận của địch.

Do nhận định sai lầm về chiến lược và lệ thuộc và thế bố trí “nhẹ ở giữa nặng hai đầu”, lực lượng địch ở Khu 5 cũng bố trí theo thế “nặng ở phía bắc nhẹ ở phía nam”.

Cuối năm 1974, căn cứ vào mệnh lệnh sơ bộ của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, Tổng tư lệnh, Thường vụ Khu ủy, Đảng bộ - Bộ tư lệnh Quân khu 5 và Đảng ủy - Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên sơ bộ hình thành và kế hoạch chiến dịch.

Ở Tây Nguyên, tiến công và nổi dậy tiêu diệt từ 3 đến 4 Trung đoàn bộ binh, thiết giáp, đánh thiệt hại nặng từ 1 đến 2 Sư đoàn chủ lực ngụy, diệt nhiều đơn vị bảo an, dân vệ, làm tụt nhanh quân số của địch; mở rộng đường hành lang chiến dịch từ đường 14 qua Gia Nghĩa xuống đường 20 nối ba tỉnh đồng bằng phía nam Khu 5; diệt từ 3 đến 4 chi khu, từ 1 đến 2 tỉnh lỵ (Gia Nghĩa, Cheo Reo).

Giải phóng phần lớn vùng đất bằng phía nam Plây Cu và Cheo Reo, xung quanh Buôn Ma Thuột, đánh bại kế hoạch “bình định” lấn chiếm của địch, giữ vững và phát huy quyền làm chủ chiến trường, thực hiện chia cắt chiến lược, tích cực phối hợp với mặt trận đánh phá “bình định” của địch ở đồng bằng.

Đánh phá giao thông và hậu cứ, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm cho tiềm lực kinh tế của địch giảm sút nghiêm trọng. Khi có thời cơ, thực hiện chia cắt hẳn các đường 14, 19, 21 trọng điểm là đường 21.

Phát triển đấu tranh chính trị trong các thị xã, ra sức xây dựng cơ sở tự vệ mật, các tổ chức biệt động, diệt ác ôn đầu sỏ, tạo thế làm chủ ở cơ sở.

Xây dựng ba thứ quân, xây dựng vùng giải phóng, xây dựng đường chiến dịch, chiến lược, hoàn thành mọi công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp theo.

Trên chiến trường đồng bằng ven biển: Đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị kết hợp ba mũi giáp công, ba quả dấm trên ba vùng chiến lược, tiêu diệt, bắt sống một bộ phận lực lượng quân sự của địch (sinh lực và phương tiện chiến tranh), phá vỡ bộ phận quan trọng hệ thống kim kẹp, phá vỡ từng khu vực, từng đoạn hệ thống phòng ngự cơ bản của địch, đẩy mạnh du kích chiến tranh nhất là ở vùng sâu, đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định" của địch, giành đại bộ phận nông thôn, tạo nên một chuyển biến cơ bản trong so sánh lực lượng có lợi cho ta là điều kiện cơ bản nhất để tiến lên tổng tiến công và nổi dậy mạnh hơn giành thắng lợi hoàn toàn. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phải theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến cụ thể của thế trận chung toàn miền Nam, kịp thời tận dụng thời cơ khách quan đẩy nhanh tốc độ tiến công để giành thắng lợi cao hơn.

Trung tuần tháng 12 năm 1974, anh Võ Chí Công và tôi ra Hà Nội dự cuộc họp Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở rộng. Cuộc họp bắt đầu ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến ngày 8 tháng 1 năm 1975. Chủ trì cuộc họp là Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn. Bộ Chính trị gồm có các đồng chí: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Phạm Hùng, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn. Thành phần mở rộng gồm: Trần Văn Trà (chiến trường Nam Bộ); Võ Chí Công, Chu Huy Mân (Khu 5). Cơ quan Bộ gồm: anh Song Hào - Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần và mấy đồng chí thư ký. Trong 20 ngày hội nghị đi sâu vào mấy vấn đề lớn: đánh giá tình hình địch, ta trên chiến trường miền Nam từ năm 1973 - 1974; quyết tâm mở cuộc tổng tiến công chiến lược và nổi dậy đều khắp, giải phóng miền Nam trong Xuân Hè - 1975, tốt nhất là hoàn toàn trước mùa mưa. Sở dĩ thời gian hội nghị kéo dài 20 ngày vì anh Ba muốn để tập thể cân nhắc chín chắn, dự kiến các tình huống, chiến lược thật kín, đảm bảo thắng nhanh, gọn tạo thời cơ phát triển nhanh và nhanh chóng làm chủ sào huyệt cuối cùng của Mỹ - ngụy. Hội nghị cân nhắc mấy phương án, cuối cùng chọn Buôn Ma Thuột, giải phóng cao nguyên trung phần trước. Từ nóc nhà Trung Đông Dương này tạo thời cơ lớn tỏa đi các hướng chủ yếu, cuối cùng là tiêu diệt và làm tan rã quân địch; dứt điểm giải phóng Sài Gòn. Sau Buôn Ma Thuột, Huế, Đà Nẵng phải giải phóng nhanh mở đường vận chuyển chiến lược (đường 1A). Mọi vấn đề lớn nêu ra được hội nghị thảo luận, hoàn toàn nhất trí cao.

Trên đường trở lại chiến trường, ngồi trên chiếc xe com-măng-ca đường rừng lắc lư để thực hiện quyết tâm lịch sử, tôi xúc động nhớ công ơn trời biển của Bác Hồ. Gần một nửa thế kỷ bôn ba quên mọi gian khổ, dám nhận hy sinh, Bác đã làm rạng rỡ non sông đất nước, Bác ra đi đã để lại một tập thể kế cận trung kiên tuyệt đối, có tầm nhìn xa, sáng tạo, dám đương sứ mạng lịch sử của Tổ quốc và nhân dân, thực hiện lời căn dặn của Bác: Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, giành lại trọn vẹn cả non sông gấm vóc. Qua cuộc họp lịch sử, tôi thấy một bộ não lớn, những tinh hoa sáng ngời tiêu biểu của dân tộc Việt Nam quy tụ lại trở thành sức mạnh to lớn. Tôi nghĩ chiến trường Tây Nguyên sẽ trở thành chiến

trường lịch sử. Trên 10 năm, quân và dân Tây Nguyên đã bất chấp hy sinh gian khổ, bám trụ đánh địch, giành dân, sáng tạo chiến trường để có ngày hôm nay và sắp tới. Từ cao nguyên này, nóc nhà Trung Đông Dương, đột phá mở màn, cuộc tấn công chiến lược: giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Về đến Khu 5, chúng tôi khẩn trương triệu tập hội nghị Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy để quán triệt quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị; thông qua phương án của quân, dân Khu 5 đã được chuẩn bị. Cuộc họp này cũng bàn thảo, lựa chọn một trong hai phương án để đi vào tổ chức thực hiện nắm quyền chủ động.

Phương án 1, mở đầu tiến công tiêu diệt quận lỵ chi khu Tiên Phước và căn cứ Phước Lâm. Làm công sự chốt chặt các điểm cao phía đông, kéo máy trung đoàn cơ động ngụy vào ứng cứu, tiêu diệt chúng ở vùng giáp ranh. Khi quân địch không còn sức chiến đấu phải rút lui thì ta cho lực lượng dự bị có xe tăng phối hợp bất ngờ tiến công vào thị xã Tam Kỳ. Sau khi giải phóng Tam Kỳ, Sư đoàn bộ binh 2 của ta theo đường 1 tiến thẳng vào Đà Nẵng. Theo phương án này, căn cứ Chu Lai, thị xã Quảng Ngãi bị chia cắt. Ta chỉ dùng 1 trung đoàn bộ binh, 1 đại đội pháo và 1 đại đội xe tăng cùng lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng nổi dậy để giải phóng.

Phương án 2, Sư đoàn bộ binh 2 của ta, mở đầu tiêu diệt địch giải phóng quận lỵ chi khu Sơn Hà, sau đó nhanh chóng tiến công giải phóng thị xã Quảng Ngãi rồi chuyển vào phía nam nối liền với bắc Bình Định. Ý định then chốt trong phương án này là trong mùa Xuân năm 1975, đồng bằng Khu 5 ăn chắc từ thị xã Quảng Ngãi đến trung Bình Định. Một vài anh em thường nói: Giải phóng vùng này "bỏ túi trước", Quảng Ngãi, Bình Định, sang Hè sẽ chuyển ra bắc giải phóng Đà Nẵng.

Hai phương án nói trên đều có lý lẽ và đã tranh luận mấy tháng. Vì vậy, trước Tết Nguyên đán tôi xin phép Thường vụ khu ủy và Thường vụ Quân ủy được kết luận: Theo phương án 1, để tập trung mọi lực lượng, tinh thần, vật chất chuẩn bị có chất lượng đảm bảo chắc chắn. Theo phương án này thì lực lượng ta quá thấp phải cố gắng nhiều. Nhưng phương án 1, đứng về chiến lược cao hơn, chủ động hơn. Có thể nói, thực hiện phương án 1 tự mình nỗ lực chủ quan, tạo thời cơ trực tiếp, lợi dụng thời cơ chung, kín đáo và sắc bén hơn về tư tưởng chiến lược và tâm lý.

Sư đoàn 3 trước có ý định điều ra Quảng Nam, Đà Nẵng, để thực hiện phương án này, song nửa chừng, Bộ giao nhiệm vụ cho Sư đoàn đánh địch cắt đứt đường 19. Phương án 1 thiếu Sư đoàn 3, nhưng quyết tâm của quân khu thì nhiệm vụ, mục tiêu không giảm.

Trong lúc các đơn vị đang khẩn trương chuẩn bị thì ngày 21 tháng 1 năm 1975, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên nhận được chỉ thị bổ sung của Thường vụ Quân ủy Trung ương. Theo chỉ thị bổ sung, nhiệm vụ của hướng tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, phải tiêu diệt từ 4 đến 5 trung đoàn bộ binh, 1 đến 2 trung đoàn thiết giáp, cố gắng tiêu diệt hoặc đánh quy 1 sư đoàn, đánh thiệt hại nặng Quân đoàn 2 ngụy, giải phóng phần lớn hoặc hoàn toàn ba tỉnh

Đắc Lắc, Quảng Đức, Phú Bổn bao gồm các thị xã Cheo Reo, Gia Nghĩa, Buôn Ma Thuột. Trọng điểm là tỉnh Đắc Lắc, mục tiêu quyết định là thị xã Buôn Ma Thuột, hướng phát triển là Cheo Reo và Gia Nghĩa. Cheo Reo là hướng phát triển chủ yếu.

Nhằm phối hợp với Tây Nguyên đánh thiệt hại nặng quân đoàn 2 ngụy. Tổng tư lệnh giao nhiệm vụ cho Khu 5 sử dụng Sư đoàn 3 (thiếu) và Tiểu đoàn công binh 19 mở chiến dịch tiến công địch trên đường 19 trong phạm vi hai huyện Bình Khê và An Khê, tiêu diệt từ 1 đến 2 chiến đoàn bộ binh và 1 đến 2 chi đoàn cơ giới, cắt đứt đường 19, thực hiện chia cắt chiến lược quân địch giữa đồng bằng và Tây Nguyên.

Để tăng cường lực lượng cho hướng tiến công chiến lược chủ yếu. Bộ lần lượt đưa vào Tây Nguyên Sư đoàn 968, Sư đoàn 316, Trung đoàn 95b của Sư đoàn 325, Trung đoàn cao xạ 232, Trung đoàn công binh 575, một tiểu đoàn đặc công, 1 tiểu đoàn cầu phà, 1 tiểu đoàn thông tin, 1 tiểu đoàn vận tải, 1 đại đội trinh sát, 1 trung đội khí tượng, 3 trạm sửa chữa xe pháo, 1 đội điều trị và 8 nghìn quân bổ sung.

Ở các tỉnh đồng bằng Quảng Đà, Quảng Ngãi, Bình Định lần lượt thành lập các trung đoàn địa phương 96, 94, 93. Các tỉnh Quảng Nam, Phú Yên, Khánh Hòa chưa tổ chức trung đoàn nhưng cũng hình thành khối chủ lực tập trung mấy tiểu đoàn.

Do ý nghĩa quan trọng của chiến dịch Tây Nguyên, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cử anh Văn Tiến Dũng - Ủy viên và dự khuyết Bộ Chính trị, Tổng tham mưu trưởng làm đại diện Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh và tổ chức sở chỉ huy tiền phương của Bộ để trực tiếp chỉ đạo chiến dịch.

Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên hình thành trên cơ sở lấy Bộ tư lệnh và cơ quan Mặt trận Tây Nguyên làm nòng cốt do anh Hoàng Minh Thảo làm tư lệnh, anh Đặng Vũ Hiệp làm chính ủy. Ngoài ra còn có các đồng chí cán bộ cao cấp và trung cấp do Bộ phái đến tăng cường để tăng sức mạnh và khả năng giải quyết tốt các vấn đề tác chiến cũng như các vấn đề hậu cần, vận tải.

Bên cạnh Bộ tư lệnh chiến dịch, Thường vụ Khu ủy Khu 5 cử anh Bùi San - ủy viên Thường vụ Khu ủy cùng một bộ phận cơ quan giúp việc. Đi sát với các hướng chiến dịch có các đại diện của các tỉnh uy Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum.

Đêm 3 rạng ngày 4 tháng 3, Trung đoàn 95a được lệnh cắt đứt đường 19, nhanh chóng tiêu diệt một số chốt giao thông làm chủ hoàn toàn đoạn đường dài 20km từ ngã ba Plây Pôn đến ấp Phù Yên. Cùng đêm, một bộ phận của Sư đoàn 320 cắt đường 14 ở đoạn bắc Cẩm Ga. Ngày 4 tháng 3, Sư đoàn 3 Quân khu 5 tuy gặp nhiều khó khăn về quân số và hậu cần cũng đã tích cực phối hợp đánh cắt đường 19 từ đèo Thượng An đến cầu số 13 chiếm 9 chốt giao thông, diệt 2 Đại đội và Tiểu đoàn bộ tiểu đoàn 1 trung đoàn 47, làm chủ hoàn toàn đoạn đường trên. Tiếp đó, đêm 4 rạng ngày 5 tháng 3, Trung đoàn 25 hoạt động trên đường 21 đoạn Chư Cúc đã đánh chiếm một đoạn đường về phía đông Chư Cúc.

Thế là quân ta cơ bản đã cài xong thế trận chia cắt chiến dịch. Quân địch ở thị xã Buôn Ma Thuột về đường bộ đã bị hoàn toàn cô lập với Quy Nhơn, Plây

Cu, Nha Trang; đồng thời thế chia cắt đó cũng đã có lập Tây Nguyên với các tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung.

6 giờ ngày 8 tháng 3, Trung đoàn 48 Sư đoàn 320 và một bộ phận pháo cơ giới đã nổ súng tiến công Cẩm Ga (quận lỵ Thuận Mỹ) về phía thị xã Buôn Ma Thuột. Đến 7 giờ 20 phút ta làm chủ trận địa, tiêu diệt toàn bộ quân địch. Ngày 9 tháng 3, Trung đoàn 64 Sư đoàn 320 đã tiêu diệt hoàn toàn quân địch trong quận lỵ Buôn Hồ.

Trận Cẩm Ga và trận Buôn Hồ đã làm cho đường 14 hoàn toàn bị cắt đứt, thị xã Buôn Ma Thuột càng cô lập và bị uy hiếp dữ dội. Để cứu vãn tình hình, ngày 8 tháng 3, địch vội vã điều Liên đoàn biệt động quân số 21 (thiếu) xuống sân bay Hòa Bình và đưa lên Buôn Hồ, hòng phản kích chiếm lại đường 14.

Trên hướng Đức Lập, căn cứ này nằm về tây nam thị xã Buôn Ma Thuột khoảng 60km trên đường 14 đi Gia Nghĩa. Trận đánh do Sư đoàn 10 (thiếu) và một bộ phận pháo cơ giới của Trung đoàn 40 và Tiểu đoàn đặc công thực hiện. 5 giờ 35 phút ngày 9 tháng 3, pháo binh bắt đầu bắn vào Đức Lập. 8 giờ 20 phút, Trung đoàn 66 Sư đoàn 10 đánh chiếm căn cứ 23, Trung đoàn 28 đánh chiếm căn cứ Núi Lửa, hình thành hai mũi phát triển tiến công vào thị trấn. Riêng quận lỵ Đức Lập vì ta nắm tình hình không chặt và tổ chức tiến công không tốt nên đánh đợt 1 không thành. Sáng ngày 10 tháng 3, ta tổ chức tiến công đợt 2 mới giải quyết xong. Chiều ngày 10 tháng 3 ta diệt luôn vị trí Đắc Xắc, Đức Minh và giải phóng hoàn toàn Đức Lập.

Tại Buôn Ma Thuột, quân địch lúc này ở trong thị xã có sở chỉ huy tiền phương Sư đoàn 23, Trung đoàn 53 (thiếu), 1 Tiểu đoàn pháo binh, 1 Tiểu đoàn xe tăng, 2 Tiểu đoàn bảo an. Quân số khoảng 8.000 tên.

2 giờ sáng ngày 10 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn đặc công 198 tiến công 3 vị trí: sân bay Hòa Bình, sân bay thị xã, cụm kho Mai Hắc Đế.

Cùng giờ, hỏa tiễn H12 và ĐKB của ta đánh vào sư đoàn bộ sư đoàn 23, chỉ huy sở tiểu khu và khu pháo binh, thiết giáp. Địch vẫn đinh ninh rằng cũng như năm 1968, ta chỉ dùng đặc công và pháo binh đánh rồi sáng sẽ rút.

Cùng lúc, khi pháo bắt đầu bắn, lợi dụng tiếng nổ các mũi tiến công của ta tập kết cách thị xã 10 - 15km, xe tăng 20 - 25km, có bộ phận 40km, bắt đầu vượt sông Sê Rê Pốc tiến vào tuyến xuất phát tiến công. Một cuộc tiến công gồm 12 trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 316, các trung đoàn 24, 95b và các trung đoàn binh chủng trên 5 mũi khác nhau đã được điều khiển nhịp nhàng, chặt chẽ. Một cuộc tiến công quân binh chủng phối hợp tuyệt đẹp. 5 giờ ngày 10 tháng 3 năm 1975, toàn bộ đội hình đã chiếm lĩnh vị trí xuất phát tiến công, hình thành thế bao vây sát thị xã.

5 giờ 30 phút pháo binh bắn thử, 7 giờ 15 phút pháo binh bắt đầu trút bão lửa xuống các mục tiêu quy định. Pháo cao xạ đã tiến sát đội hình bộ binh. 9 giờ ngày 10 tháng 3 các mũi bộ binh và cơ giới bắt đầu tiến công.

Trải qua một ngày chiến đấu quyết liệt, đến chiều ngày 10 tháng 3, quân ta đã đánh chiếm Sở chỉ huy tiểu khu, khu Liên hợp pháo binh - thiết giáp, một

phần khu Sư đoàn bộ Sư đoàn 23. Trên tất cả các hướng quân địch đều chóng trả quyết liệt.

Đêm 10 tháng 3, Liên đoàn biệt động quân 21 được lệnh từ Buôn Hồ tiến về thị xã để cứu nguy cho Sở chỉ huy sư đoàn 23, nhưng đến khu vực suối Ia Tam vấp phải quân ta. Bọn này đã chuyển ra phía đông thị xã ẩn nấp. Trong đêm 10 tháng 3 ta nắm được tình hình, tổ chức hiệp đồng lại với các mũi, hội quân ở Sư đoàn bộ sư đoàn 23. 6 giờ sáng ngày 11 tháng 3, quân ta lại mở đợt tiến công mới. Với sức mạnh áp đảo, các loại hỏa lực và xe tăng của ta đã nhanh chóng đè bẹp địch, chỉ viện cho bộ binh xung phong. 9 giờ sáng 11 tháng 3 quân ta đánh chiếm sở chỉ huy sư đoàn 23. Mục tiêu chủ yếu của trận đánh đã hoàn thành, cơ quan đầu não của địch ở Buôn Ma Thuột đã bị đập tan.

Đến 11 giờ trưa ngày 11 tháng 3 năm 1975, ngọn cờ chiến thắng của bộ đội Tây Nguyên đã phất cao trên nóc hầm chỉ huy sư đoàn 23 nguy. Sau đó, quân ta đã nhanh chóng phát triển thắng lợi tiêu diệt địch ở các vùng phụ cận như Hậu cứ 45, Trường huấn luyện, Căn cứ 53, ấp Châu Sơn.

Trận đánh thị xã Buôn Ma Thuột là một trận tiến công xuất sắc. Chỉ trong vòng 33 giờ, bằng nghệ thuật chiến đấu tài giỏi, bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng quy mô lớn và bằng tinh thần chiến đấu của cán bộ, bộ đội ta đã lập nên chiến công Tây Nguyên đại thắng vang dội, làm đòn mở đầu cho cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975.

Theo kế hoạch, sau khi tiêu diệt xong Đức Lập, Sư đoàn 10 sang đứng chân ở đông bắc Buôn Ma Thuột sẵn sàng đánh quân phản kích.

7 giờ ngày 14 tháng 3, Trung đoàn 24 được pháo binh và xe tăng chi viện đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 45 sư đoàn 23 quân nguy, diệt 210 tên, bắt 180 tên, thu 4 pháo 105 ly, số địch còn lại chạy về Nông Trại - Phước An. Ngày 15 và 16 tháng 3, địch đổ tiếp trung đoàn 44 và sư đoàn bộ 23 nhẹ xuống Phước An, cộng với số bảo an ở đây, quân địch ở khu vực này lên đến 5.600 tên.

7 giờ 15 phút ngày 16 tháng 3, Sư đoàn 10 dùng pháo bắn vào Nông Trại, sau đó xe tăng chở bộ đội ta đột kích vào trận địa địch. 8 giờ 15 phút ta làm chủ Nông Trại, tiêu diệt hoàn toàn các lực lượng còn lại của Trung đoàn 45. Trung đoàn 24 tiếp tục tiến công địch chiếm ngã ba Phước An. Trung đoàn 28 và xe tăng, xe bọc thép phát triển theo đường 21 xuống Chư Cúc diệt các lực lượng của Trung đoàn 44. Trong hai ngày 17 và 18 tháng 3 ở khu vực Phước An, ta đã diệt gần 500 tên, bắt 1.600 tên, thu hơn 1.800 súng có 6 pháo 105 ly.

Ngày 18 tháng 3, Trung đoàn 28 và Trung đoàn 25 đã chặn đánh lực lượng còn lại của Trung đoàn 44 diệt 500 tên, giải phóng Chư Cúc. Sư đoàn 23 quân nguy hoàn toàn bị xóa sổ.

Ngày 15 tháng 3 năm 1975, Bộ Tổng tư lệnh nhận định: Sau khi mất Buôn Ma Thuột có khả năng sẽ diễn ra hai tình huống: thứ nhất, địch sẽ bỏ Kon Tum lui về giữ Plây Cu; thứ hai, bỏ Tây Nguyên, rút về đồng bằng.

Ngày 14 tháng 3, Nguyễn Văn Thiệu đến Nha Trang. Sau khi xem xét tình hình, Thiệu quyết định rút bỏ Tây Nguyên cơ về giữ đồng bằng, củng cố một thời

gian chờ đợi thời cơ phản kích chiếm lại Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên. Lần đầu tiên trong lịch sử 30 năm chiến tranh của nhân dân ta, một quân đoàn địch đã rút chạy, một cuộc rút chạy có ý nghĩa chiến lược.

Đến ngày 15 tháng 3, ta đã phát hiện được ý định rút chạy của địch. Cũng ngày đó, Phạm Văn Phú - tư lệnh quân đoàn 2, tư lệnh quân khu 2 và sở chỉ huy ở Plây Cu chuẩn bị bằng máy bay về Nha Trang. Tiếp đó là cuộc tháo chạy lớn bằng đường bộ. Vì đường 19, đường 21 và đường 14 đã bị cắt đứt, nên địch phải liều mạng rút theo đường số 7, từ Plây Cu qua Cheo Reo về Củng Sơn - Tuy Hòa.

Để bảo đảm an toàn cho cuộc rút chạy, quân khu 2 ngụy không báo cho các lực lượng địa phương biết "cứ để cho chúng chóng giữ, khi chủ lực rút xong ai biết thì biết".

16 giờ ngày 17 tháng 3, Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64 Sư đoàn 320 ra cắt đường 7 ở đông nam Cheo Reo 4km. Ngày 18 tháng 3, Trung đoàn 64 (thiếu) ra cắt đường 7 đông Cheo Reo 10km. Cùng ngày, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 cắt đường 7 giữa Cheo Reo và Phú Thiện, làm cho chúng bị nghẽn lại tại thị xã Cheo Reo gần 10 nghìn tên. Tuy nhiên, một số ít quân địch cũng đã vượt qua trước ngày Trung đoàn 64 ra cắt đường ra, đã chạy về Phú Túc, Củng Sơn.

Ngày 18 tháng 3, Trung đoàn 48 (thiếu) được pháo binh chi viện tiến công đánh chiếm thị xã Cheo Reo gồm khu hành chính, tiểu khu tiêu diệt một số lớn quân địch rút chạy của quân đoàn 2 ngụy ùn ở đây. Từ ngày 17 tháng 3 đến ngày 19 tháng 3, Trung đoàn 9 Sư đoàn 320 tiến công tiêu diệt địch ở quận lỵ Phú Nhơn, Mỹ Trạch, Phú Thiện.

Ngày 21 tháng 3, quân ta diệt địch đồn về ở Phú Túc và ngày 23 tháng 3 bộ đội ta tiến sát đến Củng Sơn. Ở Củng Sơn địch tụ lại khoảng 6.000 tên, 40 xe tăng, xe thiết giáp và hàng trăm xe vận tải. Đoạn đường Củng Sơn về Tuy Hòa bị hư hỏng nặng nên quân địch đã ùn lại đây để chờ sửa đường.

Tại Củng Sơn, lực lượng của ta chỉ có Trung đoàn 64 (thiếu) với 2 tiểu đoàn địa phương tỉnh Phú Yên nhưng vẫn kiên quyết tiến công. Ngày 24 tháng 3, quân ta mở đợt tiến công dồn dập vào Củng Sơn, tự điểm cuối cùng của địch, tiêu diệt và bắt sống gần hết quân địch. Chúng chỉ chạy thoát được 11 xe M113 và một bộ phận của liên đoàn biệt động quân 6.

Ngày 18 tháng 3, Trung đoàn 29 và tinh đội Kon Tum giải phóng thị xã Kon Tum, Trung đoàn 95 giải phóng thị xã Plây Cu, Trung đoàn 19 giải phóng Thanh Bình. Ngày 22 tháng 3, Sư đoàn 3 (thiếu) giải phóng An Khê. Cùng ngày, Sư đoàn 10 và Trung đoàn 25 chiếm Khánh Dương. Ngày 20 tháng 3, Trung đoàn 271 (thiếu) chiếm Kiến Đức, địch ở Gia Nghĩa rút chạy, quân ta vào tiếp quản thị xã này.

Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng. Từ trên cao nguyên quân ta đã tỏa ra thành ba mũi tiến công xuống các tỉnh đồng bằng nam Khu 5. Mũi thứ nhất, gồm có Sư đoàn 968 và Trung đoàn 95A từ Plây Cu theo đường 19 tiến xuống Bình Định, phối hợp cùng Sư đoàn 3 và các lực lượng vũ trang tỉnh Bình Định đánh

một trận lớn từ Phú Thông đến sân bay Gò Quánh, tiêu diệt sư đoàn 22, góp phần giải phóng tỉnh Bình Định.

Mũi thứ hai, do Sư đoàn 320 và các lực lượng tăng cường theo đường số 7 tiến xuống phía đông, phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Phú Yên giải phóng thị xã Tuy Hòa.

Mũi thứ ba, do Sư đoàn 10 và các lực lượng tăng cường đã tiêu diệt Lữ dù 3, trung đoàn 40 Sư đoàn 22 quân ngự và tiến xuống giải phóng thành phố Nha Trang (2 - 4), quân cảng Cam Ranh (3 - 4).

Sau 1 tháng liên tục tiến công, chiến dịch Tây Nguyên kết thúc vào ngày 4 tháng 4 năm 1975.

Chiến thắng Tây Nguyên, chiến thắng mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã tạo ra một bước ngoặt chiến lược.

Thắng lợi của chiến dịch mở đầu cuộc Tổng tiến công diễn ra ở Tây Nguyên, một địa bàn chiến lược vô cùng quan trọng của Tổ quốc. Từ địa bàn đó ta đã phát triển tiến công xuống đồng bằng, cắt đứt hệ thống bố phòng của địch, đẩy quân địch đến khởi điểm bắt đầu của quá trình tan rã và suy sụp về chiến lược. Chiến thắng Tây Nguyên đã tạo ra cho thế và lực mới, mạnh toàn diện, có điều kiện tiếp tục đẩy mạnh cuộc tiến công tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn. Chiến thắng Tây Nguyên đã tạo ra bước nhảy vọt trong chiến tranh, làm cho so sánh lực lượng giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta. Địch mất 1 quân đoàn, mất 7 tỉnh, bị chia cắt về chiến lược khiến chúng phải rút bỏ và chịu thua nhiều nơi khác. Chiến thắng Tây Nguyên đã cổ vũ, động viên khí thế cả nước ta quyết tâm đẩy mạnh cuộc tiến công tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Hướng Quảng Nam - Đà Nẵng, nổ súng cùng lúc với Buôn Ma Thuột, đúng như quyết tâm và kế hoạch đã định. Sư đoàn 2 của ta tiến công tiêu diệt địch trong quận lỵ chi khu Tiên Phước - Phước Lâm là hai huyện vùng giáp ranh tỉnh Quảng Nam; cách Tam Kỳ về hướng tây nam chừng 10km. Đây là thung lũng rộng khoảng 200km², làng mạc xen kẽ với đồi núi, sông suối, bao quanh là những dãy núi cao. Tiên Phước - Phước Lâm bị mất, Tam Kỳ và tuyến phòng thủ dọc đường số 1 sẽ bị ta uy hiếp. Quân địch phòng giữ cụm then chốt này có trên 3.000 quân, gồm 6 tiểu đoàn bảo an, 2 đại đội biệt lập, 41 trung đội dân vệ, 2 pháo đội tổ chức thành 3 cụm phòng ngự: chi khu quân sự - quận lỵ Tiên Phước, chi khu quân sự - quận lỵ Phước Lâm và dãy điểm cao Suối Đá. Tiên Phước là cụm then chốt. Cụm Suối Đá có những dãy điểm cao giữ mối liên hệ giữa Tam Kỳ và Tiên Phước. Sư đoàn 2 Lữ đoàn 52 của ta dùng sức mạnh tiến công tiêu diệt đồng loạt các cứ điểm then chốt của cụm phòng ngự Tiên Phước, kết hợp với bao vây bức hàng, bức rút các cứ điểm lẻ.

4 giờ 30 phút ngày 10 tháng 3, cùng lúc với trận Buôn Ma Thuột, ta nổ súng đánh chiếm Suối Đá. Trận đánh diễn ra quyết liệt giữa Lữ đoàn 52 với quân địch ở đây. Đến 16 giờ ta làm chủ trận địa. Cùng lúc, Trung đoàn 31 đánh vào hệ thống phòng thủ của địch ở quận lỵ Tiên Phước, quét sạch quân địch ở Dương Con, Hồ Bạch, núi Vú Chì, núi Vú Em. Chớp thời cơ, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 2 cho đơn vị đánh ngay vào điểm cao 211. Từ điểm cao 211 ba mũi quân ta tiến về

quận lỵ Tiên Phước. Quân ta đi đến đâu quân địch tan rã đến đó, 16 giờ cùng ngày, ta hoàn toàn làm chủ quận lỵ Tiên Phước.

Ở Phước Lâm, ngay từ sáng sớm, ta đã đánh cứ điểm Hàn Thôn. Hốt hoảng trước sức tiến công của ta, quân địch ở đây bị đánh đã tan. 16 giờ, ta đã kiểm soát toàn bộ quận lỵ Phước Lâm.

Ở Quảng Ngãi, Trung đoàn địa phương 94 và lực lượng địa phương huyện Bình Sơn tiêu diệt cụm chốt bảo an ở tây bắc quận lỵ Bình Sơn, cắt đường số 1 ở bắc Châu Ổ. Nhân dân nổi dậy giải phóng một mảng lớn các xã dọc theo hai bên quốc lộ 1.

Lực lượng địch giảm sút, nhưng chủ yếu là bị động bối rối về chiến lược, hoang mang dao động về tư tưởng, từ ý định giải tỏa đánh lui ta, đã buộc phải chuyển sang phòng ngự. Ngày 20 tháng 3, toàn bộ lực lượng phản kích của địch lui về chiếm giữ tuyến điểm cao Dương Huệ, Dãy Thám, đông Suối Đá, đông Dương Con... Ở Quảng Ngãi, địch rút bỏ hai quận lỵ Trà Bồng, Sơn Hà đưa quân về tăng cường phòng ngự tuyến đường số 1.

Địch ở Trà Bồng, Sơn Hà tháo chạy, Tiểu đoàn 6 Lữ đoàn 52, Tiểu đoàn đặc công 403 và lực lượng địa phương Quảng Ngãi kịp thời đánh tiêu diệt gần hết Tiểu đoàn quân biệt động 69 và Tiểu đoàn 1 trung đoàn 4 ngụy. Nhân dân nổi dậy giải phóng hoàn toàn vùng tây Sơn Tịnh và 6 xã của huyện Bình Sơn. Quảng Nam căn bản giải phóng vùng đông đường số 1 của huyện Thăng Bình. Quân và dân Quảng Đà diệt địch mở mang hai huyện Điện Bàn và Hòa Vang. Quân cơ động ngụy buộc phải dàn mỏng trên một tuyến dài từ Đà Nẵng vào đến Quảng Ngãi. Thế trận của địch không có chiều sâu, có nhiều quăng hở, đang bị lực lượng địa phương và nhân dân bao vây, uy hiếp. Từng cụm quân địch không đủ sức đối phó với các đòn tiến công của ta.

Ngày 21 tháng 3, Sư đoàn 2 của ta bắt đầu tiến công tuyến ngăn chặn của địch ở đông Suối Đá. Tuyến ngăn chặn này bị phá vỡ, thị xã Tam Kỳ sẽ bị trực tiếp uy hiếp. Chỉ huy Sư đoàn 2 ngụy liên tục hô hét sĩ quan cấp dưới cố sức chống đỡ. Lực lượng dự bị của địch từ thị xã Tam Kỳ ngoan cố lao lên phản kích. Đến trưa ngày 21 tháng 3, ta đã tiêu diệt 2 tiểu đoàn, đánh quy trung đoàn 5, tiêu diệt 1 tiểu đoàn và đánh tiệt hại các tiểu đoàn khác của liên đoàn quân biệt động 12. Tuyến ngăn chặn phía tây thị xã Tam Kỳ của địch bị phá vỡ. Chỉ huy Sư đoàn 2 ngụy buộc phải đưa

Trung đoàn 4 từ Chu Lai ra cùng với lực lượng còn lại tổ chức tuyến ngăn chặn mới dọc theo tuyến Cẩm Khê - Chà Gió - Chóp Chài - Tâm Lợi.

Ngày 20 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị điện cho các chiến trường: Địch đã bắt đầu thời kỳ suy sụp và đã bắt đầu thực hiện việc co cụm chiến lược của chúng. Dự kiến nơi địch có thể co cụm là Đà Nẵng, Cam Ranh và xung quanh Sài Gòn. Nhưng địch đang hoang mang dao động mạnh, nên phải tận dụng thời cơ rất thuận lợi này, vận dụng sức mạnh tổng hợp của ta kiên quyết mạnh bạo liên tục tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, nhằm chia cắt bao vây và tiêu diệt địch, ngăn chặn không cho chúng rút lui để co cụm "tử thủ".

Thực hiện đúng tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị, ngày 23 tháng 3, Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy hạ quyết tâm đẩy nhanh tốc độ tiến công, giải phóng toàn khu trong thời gian ngắn nhất. Trước tiên tiêu diệt sư đoàn 2 ngụy, đánh chiếm Tam Kỳ, Quảng Ngãi, hình thành thế chia cắt chiến dịch có ý nghĩa chiến lược. Tiếp theo, phát triển tiến công đánh chiếm căn cứ liên hợp quân sự Đà Nẵng, giải phóng ba tỉnh Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Thời gian lúc này là lực lượng. Toàn bộ lực lượng dự trữ của quân khu đều đưa ra sử dụng. Các đơn vị pháo binh, xe tăng, xe bọc thép dự bị im lặng náu mình từ đầu chiến dịch nhanh chóng hành quân ra trận. Cơ quan quân khu, cơ quan các đơn vị, địa phương, cá guồng máy chỉ đạo tác chiến từ khu đến cơ sở khẩn trương làm việc suốt ngày đêm. Trận tiến công giải phóng thị xã Tam Kỳ bắt đầu từ sáng sớm ngày 24 tháng 3 năm 1975.

Trung đoàn Ba Gia được giữ nguyên vẹn từ đầu chiến dịch, được tăng cường Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 31, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 38 và 10 xe tăng, xe bọc thép đột phá trên hướng chủ yếu Suối Đá đến giáp bờ bắc sông Tam Kỳ. Cuộc tiến công dũng mãnh, sự phối hợp nhịp nhàng giữa bộ binh, pháo binh, xe tăng và xe bọc thép của ta đã nhanh chóng đè bẹp được sự kháng cự của địch. Thị xã Tam Kỳ được hoàn toàn giải phóng.

Chỉ huy sở cơ bản quân khu mời anh Đoàn Khuê - Phó chính ủy Quân khu về trao đổi và thống nhất kế hoạch rồi nhanh chóng vào chỉ huy bộ đội giải phóng thị xã Quảng Ngãi và đơn đốc lực lượng vũ trang địa phương quét sạch tàn quân.

Ở Quảng Ngãi, từ ngày 21 tháng 3, lực lượng địa phương đã cắt đứt hoàn toàn đường số 1 từ bắc Châu Ổ đến Dốc Sỏi. Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động nhân dân nổi dậy bất ác ôn, giải phóng xóm làng còn bị địch kiểm soát. Quân địch bắt đầu hỗn loạn. Theo lệnh của quân khu, Lữ đoàn 52 của ta nhanh chóng di chuyển về Quảng Ngãi. 7 giờ ngày 24 tháng 3. Trung đoàn pháo 576 nổ súng đánh địch trong thị xã. Bộ binh ta gồm Lữ đoàn 52, các tiểu đoàn đặc công 403. 406 của quân khu, Tiểu đoàn 7 địa phương được xe tăng, xe bọc thép của Trung đoàn 574 chi viện đồng loạt tiến công. Ta tiến vào làm chủ thị xã Quảng Ngãi lúc 23 giờ 30 phút ngày 24 tháng 3.

Trên đường số 1, một đoàn hơn 200 xe các loại chở trung đoàn 6 Liên đoàn biệt động quân 11, chỉ huy tiểu khu Quảng Ngãi và Thiết đoàn 4 tiến lên chậm chạp. Giữa lúc đó các chiến sĩ ta bất ngờ xuất hiện. Toàn bộ đội hình rút chạy của địch bị tiêu diệt trên 500 tên và bị bắt làm tù binh 3.500 tên, thu 206 xe cơ giới các loại.

Trưa ngày 25 tháng 3 năm 1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp điện cho tôi: Bộ Chính trị quyết định thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Đà Nẵng do anh Lê Trọng Tấn làm tư lệnh, tôi (Chu Huy Mân) làm chính ủy. Bộ chỉ huy chiến dịch không có điều kiện họp bàn nhưng giữa hai chúng tôi đã nhiều lần phối hợp chiến đấu, đã hiểu nhau, sẵn có nhân tố thống nhất. Anh Tấn vào tôi trao đổi với nhau qua điện đài thống nhất từ cánh bắc Quân đoàn 2 tiến công vào. Cánh nam lực lượng Quân khu 5 tiến công ra nhanh chóng đập tan quân ngụy, không cho chúng "tử thủ", không cho chúng chạy về Sài Gòn.

18 giờ ngày 27 tháng 3 năm 1975, anh Ba Duẩn gửi bức thư cho anh Võ Chí Công và tôi, toàn văn như sau:

Gửi anh Năm Công và anh Hai Mạnh¹.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương họp ngày 25 tháng 3 năm 1975 đã thông qua kế hoạch giải phóng Đà Nẵng và quyết định lập Bộ tư lệnh Mặt trận Đà Nẵng. Anh Văn đã điện cho các anh. Tôi chỉ nhấn mạnh một vài điểm.

Chiến tranh oanh liệt ở Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên đã tạo ra thời cơ giải phóng Đà Nẵng. Ta phải tập trung lực lượng từ hai phía. Từ Thừa Thiên - Huế đánh vào và từ Nam - Ngãi đánh ra, nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch ở Đà Nẵng, không cho chúng rút chạy để co cụm về giữ Sài Gòn.

Trong lúc này, thời gian là lực lượng. Phải hành động hết sức táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp nổ súng. Các anh cần sử dụng ngay lực lượng của quân khu và của tỉnh đánh vào Đà Nẵng. Phải có biện pháp đặc biệt để hành quân nhanh nhất, kịp thời khống chế, chiếm lĩnh các sân bay, bến cảng, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và làm tan rã địch.

Phải nhanh chóng phát động quần chúng vũ trang nổi dậy, đập tan các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, chiếm lĩnh các công sở, kho tàng, nhà máy, thành lập chính quyền cách mạng và sáp vào vận động binh sĩ địch bỏ súng đầu hàng, làm tan rã các đơn vị quân nguy.

Các binh đoàn chủ lực phía bắc đã có kế hoạch hành quân nhanh nhất để kịp thời hợp đồng với cánh quân phía nam. Các anh hành động ngay, không chậm trễ.

Bộ Chính trị khen ngợi những chiến công giòn giã của quân, dân Khu 5 và chờ tin đại thắng của Mặt trận Đà Nẵng.

BA

Đà Nẵng là thành phố đồng thời là căn cứ liên hợp quân sự lớn thứ hai ở miền Nam Việt Nam, đây là nơi tập trung những cơ quan quân sự đầu não; sở chỉ huy Quân khu 1 - Quân đoàn 1 nguy, bộ tư lệnh dã chiến 3 và căn cứ tiền tuyến của không quân Mỹ. Trong một vòng cung với bán kính 5km, địch đã cho xây dựng 3 sân bay, 4 cảng lớn với hàng dãy kho đồ sộ đủ sức chứa hàng vạn tấn bom đạn, hàng hóa, phương tiện chiến tranh. Khi ta đã giải phóng Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Huế, tàn quân địch chạy cả về Đà Nẵng. Tổng số quân địch tại đây lên 75 nghìn tên (không kể nhân viên nguy quyền). Lực lượng có 15 tiểu đoàn cơ động, 15 tiểu đoàn bảo an, 7 tiểu đoàn pháo binh (114 khẩu), 70 xe tăng xe bọc thép, 373 máy bay các loại. Dự kiến trận giải phóng Đà Nẵng sẽ có hai tình huống:

- Ta đánh nhanh, địch chưa kịp co cụm "tử thủ". Ta kéo quân cơ động của địch ra tiêu diệt và làm tan rã lớn ở vòng ngoài. Sau đó, phát triển tiến công trong hành tiến giải phóng nhanh.

¹ Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.381-382.

- Ta đánh chậm, địch đã co vào trong thành phố. Nếu diễn ra tình huống này, ta phải tập trung lực lượng ưu thế hơn địch, bao vây đánh lấn trong một thời gian nhất định, khi địch bị tiêu hao mệt mỏi, dao động sẽ phát triển tiến công dứt điểm.

Ta chuẩn bị cho cả hai tình huống, nhưng phải tận dụng mọi thời cơ thuận lợi do cục diện chung tạo ra để đánh địch theo phương án giải quyết nhanh.

Quân khu lệnh cho Sư đoàn 2, Lữ đoàn 52, Trung đoàn pháo binh 572, Trung đoàn cao xạ 573, Trung đoàn tăng - thiết giáp 574 tiến về Đà Nẵng. Tỉnh ủy Quảng Đà động viên nhân dân vùng lên phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch giải phóng quê hương.

Ở phía bắc, Quân đoàn 2 của ta vượt đèo Hải Vân đánh vào phối hợp với lực lượng Quân khu 5 từ phía nam đánh ra.

5 giờ 30 phút ngày 28 tháng 3, pháo binh ta bắt đầu bắn phá sân bay Đà Nẵng, Sở chỉ huy Quân đoàn 1 ngụy. Trung đoàn 38 Sư đoàn 2 và Trung đoàn 98 địa phương đánh chiếm các khu vực Bà Rén, quận lỵ Duy Xuyên, thị trấn Nam Phước.

9 giờ, máy bay địch ném bom đánh sập cầu Bà Rén và hư hỏng cầu Cầu Lâu. Đảng bộ, chính quyền địa phương huy động nhân dân đem thuyền chèo bộ đội qua sông. Nhưng pháo, xe tăng phải dừng lại ở phía nam sông. Buổi chiều 28 tháng 3, bốn khẩu pháo 130 ly của ta đặt ở nam cầu Bà Rén bắn từ nam bán đảo Sơn Trà dọc theo bờ biển đến dãy Ngũ Hành Sơn. Một đoàn xe 40 chiếc của quân ngụy từ Đà Nẵng ra sân bay Nước Mặn bị pháo ta chặn lại.

Vừa vượt sông Trung đoàn 38 vừa tổ chức đánh chiếm ngay thị trấn Vĩnh Điện. Trung đoàn Ba Gia và Trung đoàn 31 thọc nhanh qua tuyến phòng ngự của địch, bỏ qua các mục tiêu bên ngoài tiến nhanh về hướng Đà Nẵng. Lúc này Mặt trận 4 Quảng Đà cho anh Phan Hoan làm tư lệnh theo kế hoạch hiệp đồng của quân khu đưa các mũi thọc sâu áp sát Đà Nẵng.

Từ ba hướng nam, tây nam và tây, 2 tiểu đoàn của Trung đoàn Ba Gia và Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 31 đánh vào và làm chủ sân bay Đà Nẵng lúc 12 giờ ngày 29 tháng 3 năm 1975.

Tiểu đoàn 40 của ta vượt sông Cẩm Lệ, phát triển về phía đông, gặp chốt chặn 1 Tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, nhưng trước sức tiến công của quân ta địch hoàn toàn tan vỡ. Ta bắt 310 tên, thu 1 xe bọc thép. Sử dụng xe bọc thép vừa thu được, Tiểu đoàn 40 tiến nhanh về hướng sở chỉ huy Quân đoàn 1 ngụy. Địch đã bỏ chạy. Đúng 12 giờ ngày 29 tháng 3 năm 1975 lá cờ chiến thắng của ta tung bay trên đỉnh cột cờ giữa trung tâm chỉ huy Quân đoàn 1 ngụy.

Phối hợp tiến công với Sư đoàn 2, Trung đoàn 961, Tiểu đoàn 491 và đội biệt động Lê Độ đánh chiếm tòa thị chính, quân vụ thị trấn, đài phát thanh... Ở phía đông, Trung đoàn 97 địa phương đánh chiếm thị xã Hội An, Non Nước, sân bay Nước Mặn. Trung đoàn 38 Sư đoàn 2 sau khi đánh chiếm thị trấn Vĩnh Điện, cắt đường về hướng Mỹ Khê, phối hợp cùng Trung đoàn 97 tiêu diệt các đơn vị lính thủy đánh bộ ngụy đồn về đây để tháo chạy bằng tàu thủy.

Phối hợp với cánh quân phía nam, ngày 28 tháng 3, Quân đoàn 2 - lực lượng cơ động của Bộ do anh Nguyễn Hữu An - Tư lệnh và anh Lê Linh - Chính ủy, anh Hoàng Đan - Phó tư lệnh chỉ huy đánh chiếm đèo Hải Vân và tổ chức trận địa pháo khống chế một số mục tiêu của địch trong thành phố Đà Nẵng. Ngày 29 tháng 3, cùng lúc với cuộc tiến công của Sư đoàn 2 và lực lượng vũ trang Quảng Đà ở phía nam, quân đoàn nhanh chóng chiếm Thủy Tú, Nam Ô, cảng Phú Lộc. Mũi xe tăng - xe bọc thép thọc sâu tiến đến ngã ba Huế và phát triển đến ngã ba Cái Lân. Nhận thấy các mục tiêu chủ yếu ở trung tâm thành phố đã có quân ta chiếm giữ, cánh quân này tiến thẳng qua cầu Trịnh Minh Thế, phát triển đánh chiếm bán đảo Sơn Trà và bắt liên lạc với Trung đoàn 38 Sư đoàn 2 cùng lực lượng Quảng Đà đánh chiếm khu hải quân ngụy. Cuộc hội quân giữa hai cánh quân phía bắc và phía nam trên bán đảo Sơn Trà diễn ra vào lúc 15 giờ ngày 29 tháng 3 năm 1975.

Ở phía tây, Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 từ Thượng Đức đánh chiếm dãy Sơn Gà, thị trấn Ái Nghĩa, theo đường 14 đánh chiếm quận lỵ Hiếu Đức, trường huấn luyện tân binh Hòa Cẩm và hội quân với Trung đoàn Ba Gia tại sân bay Đà Nẵng lúc 13 giờ ngày 29 tháng 3.

Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng. Chiều ngày 29 tháng 3 năm 1975, tôi điện về Bộ. Nhưng qua một số câu hỏi, tôi cảm thấy hình như Bộ Tổng tham mưu cho rằng chiến dịch diễn ra quá nhanh. Mờ sáng ngày 30 tháng 3, tôi và một số cán bộ chạy xe hăm vào Đà Nẵng kiểm tra sân bay, tòa thị chính, sân bay Nước Mặn và gặp mấy cán bộ của Quân đoàn 2 từ bán đảo Sơn Trà đi xuống, bảo đảm chắc chắn Đà Nẵng đã giải phóng. Tôi điện báo cáo về Bộ một cách rõ ràng.

Từ đầu tháng 4 năm 1975, trong quá trình giải phóng hoàn toàn các tỉnh ven biển miền Trung và Nam Trung Bộ, Bộ Chính trị đã quyết định nhanh chóng giải phóng các đảo do quân ngụy Sài Gòn đóng giữ thuộc quần đảo Trường Sa, coi đó là nhiệm vụ rất quan trọng. Ngày 4 tháng 4 năm 1975, Quân ủy Trung ương đã giao nhiệm vụ này cho Bộ tư lệnh Quân khu 5 và Bộ tư lệnh Hải quân thực hiện.

Quân khu điều động lực lượng bộ binh, công binh cùng vũ khí, lương thực, hải quân dùng tàu và chịu trách nhiệm chỉ huy. Tôi gửi cho anh em bốn hòn đá hoa cương lấy ở núi Ngũ Hành Sơn, chùa Non Nước và quyển sách kháng chiến chống Nguyễn Mông với mấy câu:

*Đá hoa Non Nước cạnh san hô
Vững gốc cây xuân đẹp bốn mùa
Cho đảo bồi cao thành điểm tựa
Chim, cá, trời, mây thỏa hẹn hò.*

Tranh thủ thời cơ thuận lợi, đêm 13 rạng 14 tháng 4 năm 1975, lực lượng của Quân khu 5 và hải quân đã giải phóng đảo Song Tử Tây và đêm 28 rạng 29 tháng 4, giải phóng xong các đảo Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn, Trường Sa và An Bang. Thắng lợi này tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

HỒ ỨC CỦA THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÁ

(Trích)

CHƯƠNG BẢY

TRẦN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC QUYẾT ĐỊNH CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

Trong những ngày đầu tháng 4 trở đi, sân khấu chính trị Sài Gòn hoạt động sôi nổi khẩn trương. Nhân dân thì đòi hạ bệ Thiệu để có hòa bình theo yêu cầu của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Uây-en và Mác-tin thì muốn vẫn giữ Thiệu, tránh xáo trộn chính trị, nhưng mở rộng chính phủ có nhiều thành phần kể cả phe đối lập để có thể đàm phán với Mặt trận giải phóng hồng cứu vãn sự thất bại hoàn toàn của “Việt Nam cộng hòa”. Cái gọi là “Thượng nghị viện” của miền Nam cũng ra nghị quyết, tuy biết rằng nghị quyết này không có giá trị gì cả, đòi thay đổi lãnh đạo để “cứu vãn quốc gia!”. Khiêm thì nịnh bợ Mỹ, hoàn toàn tán thành ý kiến của Mỹ, còn Nguyễn Cao Kỳ thì rủ rê Cao Văn Viên, Lê Minh Đảo - sư trưởng sư 18 ở Xuân Lộc và một số khác làm đảo chính. Như ta đã biết, mọi sự việc diễn ra ở Sài Gòn từ kế hoạch quân sự, kế hoạch “Phượng hoàng” giết người Việt Nam, chính sách đối nội, đối ngoại cho đến cả việc đánh lộn nhau giữa bầy tay sai đều phải do Mỹ quyết định. Vì vậy Kỳ phải xin phép Mỹ, và Pôn-ga, trùm CIA ở Sài Gòn đã nghiêm khắc cấm không cho đảo chính. Thế là tướng không quân anh hùng rơm Nguyễn Cao Kỳ đành nằm im ở nhà riêng của mình trong sân bay Tân Sơn Nhất chờ ngày chạy trốn. Tất nhiên là được Mỹ đỡ đầu, Thiệu vẫn ngồi vững. Y cho rằng Khiêm cùng phe với Kỳ nên liền truất Khiêm khỏi chức thủ tướng và bộ trưởng quốc phòng, đưa tay chân là Nguyễn Bá Cần lên cầm đầu chính phủ gọi là đã cải tổ, mệnh danh: “Chính phủ chiến đấu và đoàn kết dân tộc” và cho Trần Văn Đôn làm phó thủ tướng kiêm bộ trưởng bộ quốc phòng. Thật là “đánh chết, nết không chữa”. Giờ tận số của chúng đã sát đến nơi rồi, thế mà những tên tham quyền thế cố bám chắc lấy địa vị, còn những tên cơ hội thì vẫn ra sức nịnh bợ chủ hoặc chồi đạp để ngoi lên. Thế nhưng chúng cứ rêu rao nào “quốc gia”, nào “dân tộc”.

Đến lúc này, Mác-tin đã thấy rằng chỉ còn độc nhất giải pháp đàm phán là may ra cứu vãn được tình hình, tranh thủ được thời gian cứu được hàng vạn người Mỹ và những tay sai đắc lực lâu nay, khởi kẹt ở Sài Gòn.

Trong lúc đại sứ Mỹ Mác-tin cùng trùm CIA, Pôn-ga kết hợp với các nhà ngoại giao, các nhà chính trị khác cố tìm mọi cách đi đến một cuộc đàm phán

nóng lòng mong đợi ấy thì phái đoàn của ta trong Ban Liên hiệp quân sự hai bên ở trại Đa-vít trở nên quan trọng hết sức. Tỉnh thoảng lại có những nhân vật Sài Gòn đến xin tiếp xúc thăm dò về tình hình quân sự, về thái độ của Chính phủ Cách mạng lâm thời, về khả năng và điều kiện để nói chuyện, để tránh một cuộc tiến công thẳng vào Sài Gòn. Chuyện này cũng dễ hiểu thôi. Chính phái đoàn ta là những người duy nhất ở cái “Thủ đô” đang run sợ từng ngày này bình tĩnh tự tin như những người đã làm chủ thực sự, am hiểu tình hình chiến sự thực tế hơn ai hết và hiểu ý kiến rõ ràng của Chính phủ cách mạng. Trong những ngày này, chúng tôi vẫn liên lạc thường xuyên với phái đoàn chúng ta và theo sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Chính trị, trả lời nhanh chóng các bức điện, hướng dẫn mọi ý tứ và hành động cho phù hợp với không khí ngoại giao cũng như diễn biến của chiến trường.

Cũng chính trong những ngày này, Nhà Trắng hết sức sốt ruột, “mấy ngày qua kể từ khi Uây-en đi Sài Gòn, Nhà Trắng không dám bình luận trực tiếp về tình hình khủng hoảng ở Đông Dương. Nhưng đến ngày 3 tháng 4, khi cuộc chiến đấu dữ dội xảy ra quanh Sài Gòn, tổng thống Pho đã không giữ được im lặng nữa. Trong chuyến đi nghỉ ở Pam Xprinh, Pho đã tuyên bố với các nhà báo, tỏ ý chê trách Thiệu đã quá vội rút quân từ Tây Nguyên về và nói là việc di tản 6.000 người Mỹ khỏi Việt Nam, đang được xem xét tới. Đề cập đến một trong những vấn đề tế nhị nhất, ông cũng nói rõ rằng theo ý ông hiểu về đạo luật quyền hạn chiến tranh, ông được quyền dùng sức mạnh để giúp di tản những người Mỹ đi khỏi bất cứ khu vực chiến tranh nào trên thế giới¹.

“Những nhận xét của ông về vấn đề này không phải là một sự ngẫu nhiên. Vì thêm vào tình hình căng thẳng ở vùng quanh Sài Gòn, chính quyền còn phải đương đầu với tai họa xảy ra đến nơi ở Campuchia. Thực tế tình hình quân sự của Phnôm Pênh trở nên nguy nan trong khoảng vài ngày qua. Nhà Trắng cuối cùng, đã quyết định tiến hành việc rút toàn bộ quân Mỹ ở đó”.

Thế là Đin, đại sứ Mỹ ở Phnôm Pênh ngày 12 tháng 4 đã cấp nịch cờ Mỹ bước lên máy bay, chuẩn trước Mác-tin, trong khi Lon-non tên đầu sỏ ngụy quyền Cam-pu-chia thì ngụy trang một chuyến công du ra nước ngoài để trốn qua Mỹ từ đầu tháng. Ngày 17 tháng 4 toàn bộ đất nước Campuchia được lực lượng cách mạng của nhân dân Khơ-me anh hùng giải phóng. Thật là sự hiệp đồng đẹp đẽ giữa hai chiến trường gắn bó với nhau từ lâu, trong thế chiến lược ba nước Đông

¹ Chú thích của Phran Xnép:

“Những ngày vừa qua, các luật gia của Nhà Trắng đã chuẩn bị một bản tường trình để báo cáo với Pho về cuộc chiến tranh. Ngoài các vấn đề khác, họ chỉ ra rằng khi đạo luật được thảo luận trong ủy ban và ở hội trường quốc hội, ngày cả những người đề xướng ra nó cũng đồng ý có thể sử dụng vũ lực để cứu những người công dân Mỹ ở nước ngoài một cách khẩn cấp. Không có quyền hạn nào tốt hơn nên bây giờ Pho quyết định dùng điểm này để biện luận cho việc dùng lính thủy đánh bộ được túc trực trên tàu ngoài bờ biển Đông Dương”.

²Sách đã dẫn của Phran Xnép, phần III “*Sự đổ*”.

Dương dựa vào nhau mà tồn tại và xây dựng lớn mạnh, một thể chiến lược vững chắc không gì lay chuyển được dãy Trường Sơn và dòng sông Mê Kông hùng vĩ.

Trong lúc người Mỹ thực hiện “cuộc rút lui đại bàng” bằng trực thăng ra khỏi Phnôm Pênh thì ở Sài Gòn cuộc di tản cũng ngày càng tăng tốc độ. “Cho đến ngày 7 tháng 4 số lượng những máy bay vận tải Mỹ đến và rời sân bay Tân Sơn Nhất đã tăng vọt lên - Gần một tá máy bay vận tải C-141 di về trong một ngày cùng với số lượng ít hơn máy bay C-130 hạ cánh ban đêm để chuyên chở hàng hóa”¹.

“Ngay từ lúc bắt đầu, những chuyến chuyên chở đi về như con thoi đến căn cứ Clac chủ yếu là phục vụ cho nhân viên cơ quan DAO và gia đình của họ.

Những nhân viên không thiết yếu của sứ quán sẽ phải rời khỏi nước này bằng những máy bay thương mại để cho việc di tản được tiến hành nhanh chóng. Nhân viên Bộ ngoại giao đã liên hệ với hãng PANAM vào ngày 7 tháng 4 và yêu cầu hãng này bổ sung thêm những chuyến bay đến Sài Gòn. Nhân viên hãng hàng không này không muốn nghe theo, vì làm như vậy có nghĩa là họ phải tăng thêm tiền bảo hiểm cho những chuyến bay đến Đông Dương. Nhưng họ đã đồng ý cho mở thêm chỗ ngồi trong những máy bay 747 cho cuộc rút chạy của Sài Gòn”².

Còn tại Oasinhton thì các nhà chức trách chóp bu đang cãi nhau về việc viện trợ khẩn cấp ngay cho Thiệu 722 triệu đôla coi như liều thuốc hồi sinh trong chốc lát. Kíp Kit-xing-gơ, Bộ trưởng ngoại giao thì muốn viện trợ tối đa, còn Slé-xing-gơ, Bộ trưởng quốc phòng Mỹ thì phản đối vì theo ông Nam Việt Nam xem như đã thất thủ rồi.

Trong bối cảnh như vậy, cuộc bao vây chiến lược Sài Gòn bắt đầu thực hiện theo kế hoạch đã định. Ngày “N” ngày 9 tháng 4, những trận đánh cắt đường số 4 phía tây Sài Gòn và trận tiến công vào Xuân Lộc, cứ điểm then chốt số 1 trận tuyến phòng ngự sống còn cho Sài Gòn và vùng 3 chiến thuật, bắt đầu.

Ở phía Tây, trước đây, kế hoạch dự kiến dùng lực lượng Đoàn 232 đánh chiếm thị trấn Mộc Hóa rồi theo đường 12, hình thành một đơn vị binh chủng hợp thành tiến về làm chủ con đường số 4 từ Cai Lậy lên Tân Hiệp phối hợp với Sư đoàn 8 Quân khu 8 tiêu diệt sư đoàn 7 và sư đoàn 9 của ngụy. Nhưng vì tình hình tiến triển quá nhanh chóng, Bộ Tư lệnh Miền ngại rằng lực lượng ta không nhiều, dễ bị kẹt dài ngày tại Mộc Hóa nếu địch tập trung lực lượng cố giữ và cũng theo gợi ý của trên nên thay đổi kế hoạch. Trong lúc đang kìm giữ ở biên giới Campuchia, Sư đoàn 5 với pháo mang vác đã cấp tốc băng đồng, vượt sông xuống cắt đường 4 trong khu vực Tân An - Bến Lức. Ngày 9 tháng 4, Sư đoàn 5 tiến công vào thị trấn Thủ Thừa và thị xã Tân An không thành công vì sư đoàn 7 và 22 của ngụy đã có phòng bị sẵn trong công sự kiên cố và ra sức chống cự, còn sư đoàn ta thì chỉ có bộ binh và được chi viện yếu. Bộ chỉ huy Đoàn 232 lệnh cho Sư đoàn chuyển ra đánh tiêu diệt quân địch phản ứng và quét hệ thống đồn

¹, 2. Phan Xép kể trong sách “*Khoảng cách thời gian và phải*”. Sđd.

bốt của địch phía bắc đường số 4, tạo bàn đạp khống chế đường này và cắt từng thời gian cần thiết. Trong một số ngày hoạt động tiếp theo, sư đoàn đã đánh thiệt hại nặng 1 trung đoàn bộ binh của sư đoàn 7 ngụy và một trung đoàn thiết giáp, diệt 80 đồn bốt lớn nhỏ, giải phóng một vùng rộng lớn dọc bờ sông vàm Cỏ Tây và kinh Bo Bo ngay phía bắc đường 4 uy hiếp trực tiếp đường này. Lực lượng Quân khu 8 làm chủ từng thời gian đường 4 trên đoạn Tân Hiệp - Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; còn lực lượng Quân khu 9 tiến công đoạn Cái Vồn - Ba Càng, tỉnh Vĩnh Long.

Về hướng Đông, đêm 9 rạng 10 tháng 4, Quân đoàn 4 gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 1 (Sư đoàn 341 cũ) và Sư đoàn 6 (thiếu) của Quân khu 7 tiến công Xuân Lộc, thị xã tỉnh Long Khánh. Cuộc tiến công dùng mãnh đã chọc thủng tuyến phòng ngự thị xã bằng nhiều mũi, nhanh chóng phát triển vào trung tâm. Đến 7 giờ 40 phút ngày 10 tháng 4 ta đã cắm cờ trên dinh linh trưởng và làm chủ một loạt các căn cứ vị trí khác như ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, khu tình báo CIA, khu biệt động, nhà ga xe lửa... Địch còn giữ được tiểu khu liên tập trung 2 trung đoàn của sư đoàn 18 cùng số tàn quân của các tiểu đoàn bảo an, biệt động và thiết giáp cố thủ và liên tục phản kích. Ngay trong ngày 10, địch đã dùng trực thăng đổ bộ 1 lữ đoàn dù xuống ven thị xã để chi viện gấp và giữ tinh thần cho sư đoàn 18. Cho đến ngày 15 tháng 4 chúng đã điều về đây thêm 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn của sư đoàn 5, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng thiết giáp. Như vậy là chúng đã tập trung vào đây đến 50 phần trăm chủ lực, cỡ 60 phần trăm pháo, gần hết tăng thiết giáp của quân đoàn 3 và tương đương 1 sư đoàn lực lượng tổng trừ bị dù và thủy quân lục chiến trong vòng mấy ngày đầu chiến sự. Chúng cũng sử dụng không quân với mật độ cao chi viện trực tiếp cho các mũi phản kích của bộ binh và thiết giáp của chúng, đồng thời oanh tạc những nơi ta đã chiếm, đánh vào đội hình quân ta, cũng như tuyến tiếp tế, phía sau của ta. Chúng đã dùng 2 loại bom có uy lực mạnh nhất, loại "Daisy Cutler" và "CBU"¹ là loại dùng để phá rừng dọn bãi cho trực thăng và sát thương hàng loạt mà quân đội Mỹ đã từng dùng nhiều năm rồi ở Việt Nam và khi rút về Mỹ thì lén lút để lại vũ khí cả các loại bom nói trên cho không quân ngụy sử dụng (sau ngày giải phóng ta còn chiếm được một kho bom CBU và nay đang triển lãm ở nhà trưng bày tội ác Mỹ - ngụy ở đường Võ Văn Tần, thành phố Hồ Chí Minh). Từ 1973 đến nay đây là lần đầu máy bay

¹ Lời chú thích về 2 loại bom này của sĩ quan cao cấp CIA Mỹ Phran Xnép trong sách "*Khoảng cách thời gian vừa qua*" như sau: "Daisy Culter là loại bom dùng để phá các cây tron rừng làm bãi đậu cho máy bay lên thẳng. Bom ấy nổ trên không ở địa điểm mục tiêu, dọn sạch một khoảng đất rộng tới một trăm thước vuông. Còn CBU là loại khủng khiếp hơn, nổ ở độ cao đã định trước, tạo ra một đám mây lỏng có đường kính đến 100 mét và dày đến hơn 2 mét. Gặp lửa, đám mây này tỏa ra một nhiệt lượng lớn và áp lực mạnh, thốc xuống mặt đất nặng tới hàng tấn trên một centimet vuông có thể phá tan mọi thứ. Con người đầu có thoát vòm lửa này, cũng vẫn bị chết ngạt sau tiếng nổ của trái bom, tạo ra một khoảng chân không lớn. Trong kho vũ khí của Mỹ, bom CBU là một trong các loại sát thương tàn ác nhất ngoài vũ khí hạt nhân".

ngụy mang bom này trút xuống mục tiêu. Có thể nói là quân ngụy đã dùng đến mọi thứ có thể có, mọi sức mạnh có thể tập hợp được để cố giữ cho được Xuân Lộc. Phải chăng chúng rất sợ câu nói quái gở của quan thầy Uây-en của chúng khi vạch ra kế hoạch phòng thủ cuối cùng: “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Không những ngụy cố đem hết sức lực vào để giữ cho được Xuân Lộc, điểm trung tâm then chốt cho tuyến phòng ngự chiến lược cuối cùng, mà còn mong giành được một thắng lợi tâm lý và chính trị lớn ở thời điểm nguy nan này. Lúc đó, báo chí ngụy và ngoại quốc tuyên truyền rùm beng về khả năng chiến đấu của quân ngụy đã hồi phục, rằng quân ngụy chưa đến nỗi nào, vẫn còn đủ mạnh để giữ vững cho chế độ v.v... Hãng UPI của Mỹ ngày 12 tháng 4 tưởng đã chắc ăn, liền nêu là ngụy chọn Xuân Lộc “làm nơi thí nghiệm khả năng chiến đấu của quân Nam Việt Nam”. Có lẽ cũng đúng một phần, kết quả trận Xuân Lộc sẽ quyết định số phận của ngụy quân, ngụy quyền. Lúc này Thiệu rất cần một chiến thắng như vậy để kêu gọi Mỹ tin tưởng và viện trợ tối đa cho y, để ra sức giúp đỡ xây dựng lại quân ngụy và cũng để củng cố lại tinh thần sĩ quan và binh lính chúng, chủ yếu là giữ vững địa vị của Thiệu đang bị lung lay dữ dội. Mỹ thì mong ngụy trụ lại được một thời gian để có cái gì còn lại mà trả giá trong một cuộc đàm phán nếu có.

Tại Sở chỉ huy của Miền, chúng tôi chăm chú theo dõi từng diễn biến của trận đánh. Các báo cáo ngày 9, 10 có nhiều phần khởi. Các mũi tiến triển tốt, ta chiếm được nhiều mục tiêu. Nhưng vào cuối ngày 10 trở đi tình hình trở nên căng thẳng. Địch phản kích điên cuồng tuy chúng bị thiệt hại nặng. Máy bay địch đánh phá ác liệt có tính chất hủy diệt các mục tiêu chúng đã bị mất. Quân đoàn đã kêu thiếu đạn các loại, nhất là Sư đoàn 1 và 6. Sư đoàn 7 thì thiếu quân số vì đã chiến đấu liên tục trên đường 20 cho đến thời điểm đó. Rồi báo cáo từng vị trí ta chiếm được phải bỏ lần lượt. Có vị trí thay đổi chủ vài lần. Số thương vong của Sư đoàn 1 cao hơn các đơn vị khác vì kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều ở chiến trường ác liệt. Tình hình rất gay go.

Các anh Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Lê Đức Thọ rất lo lắng khi thấy địch ngày càng tập trung thêm lực lượng và ta có vẻ chững lại, chiếm mục tiêu không nhanh gọn, hoặc bị đẩy lùi. Trận đánh quá ác liệt e rằng các đơn vị ta bị thương vong nặng trong thời điểm này không lợi. Vì vậy các anh gợi ý có thể cho anh em rút ra khỏi thị xã và đánh diệt quân địch bên ngoài, tập trung diệt từng bộ phận. Tôi đề nghị cho tôi đến tận nơi, nắm rõ tình hình cụ thể tại chỗ và cùng anh em nghiên cứu cách đánh thắng lợi. Các anh đều đồng ý.

Thế là chiều ngày 11 tháng 4, chúng tôi lên đường đến thẳng chỉ huy sở của Quân đoàn 4. Xe chúng tôi vượt sông Đồng Nai bằng phà tại bến Tà Lài và ra gặp đường 20 ở Phương Lâm. Chỉ huy sở Quân đoàn đóng trên bờ sông La Ngà, địa danh này đã đi vào lịch sử với trận thắng lớn La Ngà hồi 9 năm chống Pháp. Trận đánh hồi ấy do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ và đồng chí Bùi Cát Vũ chỉ huy. Bây giờ đồng chí Vũ lại là Phó tư lệnh Quân đoàn 4. Khi gặp đồng chí Vũ trên

bờ sông La Ngà, tôi vui vẻ nhắc đồng chí hãy cố gắng làm nên chiến công La Ngà một lần nữa. Thực tình tôi tin tưởng như vậy.

Sau khi nghe báo cáo kỹ tình hình diễn biến trận đánh, quan sát thực địa trên một số hướng, theo dõi hoạt động không quân và pháo binh địch, kiểm điểm lại tình hình quân địch và nắm chắc lại thực lực của ta, ngày 13 tháng 4 chúng tôi bàn quyết tâm mới. Lần này Quân đoàn được tăng cường thêm Trung đoàn 95B vừa mới từ ngoài vào, 1 đại đội xe tăng, 1 số pháo và cao xạ, đồng thời đã gấp rút bổ sung quân số, đạn dược nên sức chiến đấu vẫn còn tốt. Quân địch hiện đang ra sức phản kích cố chiếm lại các vị trí đã mất hòng khôi phục lại toàn bộ thị xã Xuân Lộc, mật độ pháo cao và hoạt động không quân của chúng rất lớn.

Đồng chí Hoàng Nghĩa Khánh - Tham mưu trưởng Quân đoàn phân tích gọn tình hình rồi đề nghị:

- Bỏ Long Khánh, toàn bộ lực lượng ta vòng qua diệt Trảng Bom rồi đánh chiếm luôn Biên Hòa.

Đồng chí Hoàng Cầm - Tư lệnh Quân đoàn có ý kiến khác:

- Tiêu diệt trung đoàn 52 ngự ở ngã ba Dầu Giây và núi Thị. Sau đó đánh chiếm Xuân Lộc. Đánh Biên Hòa là khi hiệp đồng chung với các hướng.

Nhiều ý kiến đồng chí như đồng chí Hoàng Cầm, chỉ đề nghị sử dụng lực lượng có khác nhau.

Sau khi nghe tất cả ý kiến, tôi đã phân tích một số điểm và kết luận dứt khoát:

Xuân Lộc là điểm then chốt hết sức quan trọng trong tuyến phòng ngự của địch, nên chúng đã tập trung nhiều lực lượng cố giữ. Hiện nay lực lượng chúng đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Vì vậy tiếp tục đánh vào Xuân Lộc là không lợi.

Ta có được con đường 20 cho đến Túc Trưng là rất có thể, địch từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây (ngã ba đường 20 và đường số 1) không mạnh. Ta phải tận dụng lợi thế này của đường 20 và sơ hở này của địch ở khu vực quanh Dầu Giây.

Nếu ta chiếm ngã ba Dầu Giây và giữ vững luôn - điều này ta làm được, vì địch ở đây yếu và bị bất ngờ - thì Xuân Lộc tự nhiên mất hết tác dụng của một cứ điểm then chốt, vì nó nằm ngoài tuyến phòng thủ rồi. Còn Biên Hòa thì lập tức bị uy hiếp.

Khi ta chiếm giữ Dầu Giây rồi thì địch ở Xuân Lộc sẽ bối rối hỗn loạn vì bị cắt đứt với hậu phương, bị bao vây cô lập, quân đoàn 3 sẽ hoảng sợ vì kẹt lực lượng lớn bên ngoài tuyến - bởi trong tuyến yếu. Vậy chúng sẽ có 2 hành động: Một là tập trung sức đánh vào Dầu Giây từ hai phía Xuân Lộc và Trảng Bom; hai là rút chạy khỏi Xuân Lộc về Bà Rịa Biên Hòa. Vì vậy ta không được để lơ là đối với lực lượng địch ở Xuân Lộc mà phải kèm kỹ và diệt khi chúng phản kích hay rối loạn rút chạy.

Căn cứ vào những phân tích ấy, quyết định:

- Trước tiên dùng 1 sư đoàn diệt trung đoàn 52 ở Dầu Giây và núi Thị - một cao điểm khống chế ở đây, giải phóng và chốt giữ cho được ngã ba Dầu Giây, một điểm trở thành trọng yếu cho ta cũng như cho địch. Chặn và diệt cho được quân địch từ Trảng Bom ra phản kích.

- Lực lượng mạnh của Quân đoàn kèm chặt và diệt từng bộ phận quân địch ở Xuân Lộc chủ yếu là hướng giữa Xuân Lộc và ngã ba Dầu Giây để hỗ trợ cho chốt Dầu Giây.

- Cho 1 lực lượng phục kích ở đường số 2 sẵn sàng khóa đường diệt địch rút chạy theo đường độc nhất này về Bà Rịa.

- Bố trí hợp lý hỏa lực phòng không để đánh có kết quả máy bay địch, đồng thời trận địa pháo Hiếu Liêm cùng với Đoàn 113 khống chế cho có hiệu lực sân bay Biên Hòa. Chính từ đây máy bay địch trang bị bom có uy lực mạnh để cất cánh đánh ta.

Tất cả mọi người đều nhất trí với phương án tác chiến này và khẩn trương chuẩn bị thực hiện theo quyết tâm cụ thể của quân đoàn.

Tôi chuyển qua bàn với Quân đoàn 4 và Quân khu 7 về phương hướng tác chiến sau khi giải quyết xong Xuân Lộc: hành động của hướng đông đánh vào Sài Gòn khi có lệnh thống nhất. Khi chúng tôi bàn vấn đề này, chưa tính đến lực lượng của ta do đồng chí Lê Trọng Tấn chỉ huy đang tiến vào theo ven biển miền Trung. Chúng tôi vẫn theo kế hoạch tiến công Sài Gòn với lực lượng bản thân B2 hiện có.

Tôi phân tích cận kê: thị xã Biên Hòa kết hợp với sân bay và chỉ huy sở quân đoàn nguy có nhiều kiến trúc và công sự phức tạp. Địch sẽ dựa vào đây ra sức kháng cự ngăn chặn ta tiến về Sài Gòn. Xuân Lộc mất rồi thì Biên Hòa là điểm quan trọng nhất ở hướng này. Đánh vào đây là ta đánh vào nơi cứng nhất trên tuyến ngăn chặn của địch, sẽ không lợi và chậm. Hướng địch yếu và cũng bất ngờ là theo đường 15 cặp sườn khu kho Long Bình lên gặp xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa và theo xa lộ thênh thang ấy mà nhanh chóng về chiếm mục tiêu chủ yếu là dinh Độc Lập. Đánh theo hướng này, ta hành quân cơ giới có xe tăng dẫn đầu sẽ tiến triển rất nhanh và được chi viện tốt khi ta đặt được trận địa pháo 130 ly tại Nhơn Trạch. Trong lúc đó cho một bộ phận lực lượng kèm chân địch tại Biên Hòa rồi sẽ giải quyết về sau.

Mọi người đều nhất trí với các phân tích trên đây. Sau đó chúng tôi thống nhất kế hoạch và quyết tâm: Sư đoàn 6 của Quân khu 7 quen thạo địa phương được tăng cường pháo và xe tăng, bí mật hành quân, bất ngờ giải phóng 1 đoạn trên đường 15, chọc qua tình lộ 19 chạy quanh lòng chảo Nhơn Trạch, nhanh chóng giải phóng Nhơn Trạch, đặt cho được trận địa pháo 130 ly tại đây. Từ trận địa pháo này, trước khi có lệnh thống nhất tiến công vào Sài Gòn thì bắn khống chế sân bay Tân Sơn Nhất. Khi các hướng tiến vào nội đô thì không được bắn vào các mục tiêu trong nội thành nữa mà chỉ viện đặc lực cho cánh quân phía đông.

Để hiệp đồng ở hướng này, dùng Đoàn 10 đặc công khóa chặt sông Lòng Tàu không để bất cứ sự lưu thông ra vào nào được tiến hành và một bộ phận lực lượng vượt sông Đồng Nai kết hợp với địa phương vào giải phóng quận 9 Sài Gòn.

Sư đoàn 1 có trách nhiệm kim giữ và diệt địch ở Biên Hòa, giữ sườn phải cho Quân đoàn.

Lực lượng chủ yếu của Quân đoàn. Sư đoàn 7, có Trung đoàn 95B làm dự bị vòng qua Biên Hòa tiến lên đường 15 rồi theo xa lộ đánh thẳng về Sài Gòn chiếm cho được dinh Độc Lập là mục tiêu chính của Quân đoàn.

Các đồng chí trong Quân đoàn đều tán thành và phấn khởi tin tưởng vào thắng lợi. Các đồng chí Lê Văn Ngọc - Tư lệnh Quân khu 7 và Đặng Ngọc Sĩ - Phó tư lệnh kiêm sư trưởng Sư đoàn 6 hăng hái nhận cả nhiệm vụ diệt trung đoàn 52, chiếm và chốt ngã ba Dầu Giây trước mắt và sau này chiếm Nhơn Trạch, đặt trận địa pháo 130 ly quan trọng khống chế sân bay Tân Sơn Nhất và chi viện cho Quân đoàn tiến về Sài Gòn.

Chúng tôi chia tay nhau trong niềm tin chiến thắng. Đoàn tôi gấp rút trở về trong lúc các đồng chí thì người nào việc ấy khẩn trương triển khai trận tác chiến có giá trị lớn lao này. Trong lúc đó quân nguy hút vào Xuân Lộc, cố xây dựng một chiến thắng Xuân Lộc "nổi tiếng thế giới" không hề biết rằng chúng lại sắp thành bầy "chuột mắc bẫy".

Trong những ngày giữa tháng 4 này, mọi người chúng tôi đều sốt ruột theo dõi từng bước hành quân của Quân đoàn 3, Quân đoàn 1, các đơn vị binh chủng vào tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Các đoàn cán bộ được phái đi hướng dẫn các hướng. Mỗi đơn vị có đường hành quân khác nhau, ngày lên đường khác nhau. Quân đoàn 1 xuất phát từ bờ sông Hồng, Quân đoàn 3 thì có sư đoàn từ Tây Nguyên lại có sư đoàn từ ven biển quật lên theo đường 11 đi Đà Lạt rồi theo đường 20 vào. Còn Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 của Quân khu 5 thì vừa hành quân vừa tác chiến dọc ven biển. Có đơn vị vào tới thì đạn dược chưa tới, có xe tăng đến nơi nhưng xăng dầu hết, đạn pháo chỉ còn 1, 2 viên, cần phải bổ sung chấn chỉnh. Cán bộ tham mưu và hậu cần bù đắp với công việc. Mỗi người làm việc gấp mấy lần ngày thường, không kể ngày hay đêm. Tinh thần phơi phới, sức lực như được tăng lên bội phần, công việc được giải quyết sáng suốt và nhanh chóng.

Trừ cánh quân ven biển, mỗi quân đoàn đều có đoàn cán bộ phái đi trước do đồng chí tư lệnh quân đoàn cầm đầu đến chỉ huy sở chiến dịch nhận nhiệm vụ. Đoàn phải đi nghiên cứu trước nơi tập kết, tuyên xuất phát tiến công của đơn vị mình phải chiếm lĩnh, đơn vị địch mà mình phải diệt, tìm hiểu đường tiến quân, địa hình, mục tiêu chủ yếu mà đơn vị phụ trách. Rồi lại tổ chức hiệp đồng giữa các hướng, các cánh, giữa các binh chủng, giữa chủ lực và địa phương v.v... Các cán bộ tham mưu của Miền do đồng chí Đồng Văn Cống chỉ huy và phân phối

cùng với Đoàn A.1975 do đồng chí Lê Ngọc Hiền điều khiển đã trao đổi mọi chi tiết của kế hoạch tác chiến, trả lời mọi câu hỏi cho các đoàn một cách cặn kẽ. Đồng chí Trần Văn Danh thì tổ chức hiệp đồng giữa các quân đoàn, các hướng với các cánh đặc công biệt động, bàn giao cho từng quân đoàn, từng sư đoàn thọc sâu, cán bộ và đơn vị đặc công, biệt động hướng dẫn đường tiến công, mục tiêu phải tiến công. Mọi người đều cố làm hết sức mình, đóng góp tất cả những gì hiểu biết của mình để góp phần vào thắng lợi.

Do tình hình cần thiết, do các quân đoàn đã lần lượt vào chiến trường nên Trung ương Cục và Bộ chỉ huy chiến dịch có anh Sáu Thọ tham mưu đã quyết định nên chờ các quân đoàn vào đủ để ta có ưu thế tuyệt đối hơn địch, đánh trận chắc thắng và nhanh mạnh vào hang ổ cuối cùng của Mỹ - ngụy, giữ vẹn toàn cho thành phố. Quyết định này được Bộ Chính trị đồng ý.

Chúng tôi lo hoàn chỉnh lại kế hoạch chiến dịch. Trên cơ sở của kế hoạch đánh vào Sài Gòn với lực lượng bản thân mà Bộ Tư lệnh B2 đã vạch, được Trung ương Cục thông qua và các anh Văn Tiến Dũng và Lê Đức Thọ đã xem xét đồng ý trước đây; trên cơ sở các lực lượng đã triển khai sẵn ở các hướng, tránh những điều động xáo trộn không cần thiết mất thì giờ, với tinh thần là lực lượng B2 quan trọng chiến trường phải đảm nhận các hướng mà địa hình phức tạp và có nhiều khó khăn; cần phải dành những hướng gần nhất cho lực lượng từ xa đến kịp thì giờ triển khai. Kế hoạch đã điều chỉnh bố trí và phân công các lực lượng như sau:

Hướng tây bắc xuất phát từ Củ Chi, bến Cát đánh vào sư đoàn 25 ngụy, theo trục đường số 1 là chính, chiếm mục tiêu chủ yếu là sân bay Tân Sơn Nhất do Quân đoàn 3 đảm nhiệm. Trước đây dự định Sư đoàn 9, Trung đoàn 16 và Trung đoàn 271B chịu trách nhiệm đánh hướng này thì nay các đơn vị này chuyển qua tăng cường cho Đoàn 232.

Đoàn 232 như kế hoạch cũ đánh theo hướng tây, lấy trục đường 10 làm chính và mục tiêu cần chiếm là Biệt khu thủ đô. Trung đoàn 271B chuyển xuống hướng nam.

Hướng nam vẫn là Trung đoàn 88 và Trung đoàn 24 nay được tăng cường Trung đoàn 271B, do Quân khu 8 chịu trách nhiệm tổ chức và Quân khu chỉ huy Bộ chỉ huy hướng này là đồng chí Ba Thắng tức Thiếu tướng Võ Văn Thạnh làm Tư lệnh, đồng chí Tư Thân tức Thiếu tướng Huỳnh Văn Mến làm Phó tư lệnh và đồng chí Chín Phẩm - Thường vụ Khu ủy Khu 8 làm Chính ủy. Từ Long An lại được tăng cường đồng chí Tư Chiếu, Tỉnh đội trưởng, làm chỉ huy phó cho cánh. Trục đường chính của hướng này là đường số 5 từ Cần Giộc tiến lên và mục tiêu chủ yếu là Tổng nha cảnh sát.

Đồng chí Lê Đức Anh - Phó tư lệnh Miền và là Phó tư lệnh chiến dịch và đồng chí Lê Văn Tường - Phó chính ủy Miền được chỉ định trực tiếp chỉ huy tấn công cả hướng tây và nam.

Hướng bắc đánh vào sư đoàn 5 và theo trục đường 13 đánh chiếm Bộ tổng tham mưu nguy do Quân đoàn 1 đảm nhận, Trung đoàn Gia Định phụ trách ở vùng ven hướng này.

Hướng đông trước chỉ Quân đoàn 4 chịu trách nhiệm nay được tăng thêm Quân đoàn 2 thiếu và Sư đoàn 3 Quân khu 5. Đồng chí Lê Trọng Tấn - Phó tư lệnh chiến dịch được chỉ định trực tiếp chỉ huy cả 2 quân đoàn và hạ quyết tâm cụ thể lại cho hướng này.

Như vậy là cả 5 hướng đều được tăng cường lực lượng rất mạnh cả bộ binh và các binh chủng, trừ công binh thiếu nhiều về đơn vị và phương tiện, đặc biệt là phương tiện vượt sông. Riêng có hướng đông, tây và nam được tăng cường chỉ huy mạnh vì gồm nhiều lực lượng và có nhiều phức tạp.

Chỉ huy sở tiền phương của chiến dịch nằm trên khu vực Ván Tám tây nam Chơn Thành, bắc Bến Cát, ngay sau đội hình Quân đoàn 3 và Bộ Tham mưu Miền đã bố trí trước.

Ngày 18 tháng 4, đồng chí Sáu Thọ, đại diện Bộ Chính trị đã cùng Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lại lần cuối cùng quyết tâm chiến dịch. Tất cả đều nhất trí cao là thực hiện đúng phương châm của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đề ra là “Thần tốc - Táo bạo - Bất ngờ - Chắc thắng”. Với riêng chủ lực, ưu thế của ta đã gấp ba lần so với địch về số lượng và gấp nhiều lần về chất lượng. Ta phải bố trí có lực lượng tiêu diệt quân địch phòng thủ bên ngoài, đồng thời cùng lúc có lực lượng mạnh thọc thẳng nhanh vào mục tiêu chủ yếu bên trong. Phải đánh nhanh, mạnh từ ngoài vào kết hợp chặt với tiến công và nổi dậy từ bên trong để địch không kịp trở tay, không kịp phá hoại, bộ đội kết hợp với lực lượng cách mạng quần chúng nổi dậy chiếm lĩnh ngay mọi cơ sở, mọi phố phường trong toàn thành trong một thời gian ngắn nhất. Đây là nội dung và ý nghĩa của thần tốc. Quyết tâm quy định năm cánh quân phải hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ, năm mục tiêu chủ yếu phân chia cho năm cánh phải được chiếm gần như cùng một thời gian nhưng lấy mục tiêu dinh Độc Lập làm mục tiêu trung tâm cuối cùng, cánh nào đã chiếm xong mục tiêu chủ yếu của mình rồi thì phải tiến ngay về dinh Độc Lập. Nếu chưa có lực lượng nào chiếm thì phải đánh chiếm và treo cờ chiến thắng của ta lên, nếu đã có lực lượng ta chiếm rồi thì lui ngay về dải tiến công của mình.

Ngày N tiến công vào Sài Gòn chủ yếu dựa vào việc Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1 đã đến nơi phần lớn chưa. Trước đây trong điện số 07, anh Ba (đồng chí Lê Duẩn) đã chỉ đạo: “Tôi đã bàn với anh Văn, nhận thấy cần chuẩn bị thêm mấy ngày nữa, đến khi phần lớn lực lượng của Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1 (cả bộ binh và binh khí kỹ thuật) đến nơi sẽ bắt đầu cuộc tấn công lớn, chưa nên làm ngay bây giờ”¹. Căn cứ vào chỉ đạo này chúng tôi một mặt theo dõi từng giờ, từng ngày, cuộc hành quân của từng đơn vị thuộc các quân đoàn. Nhất là Quân đoàn 1 đường hành quân xa nhất. Mặt khác chúng tôi đã phái từng đoàn cán bộ

¹ Tư liệu Bản Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

tham mưu hậu cần, túc trực ở các nơi tập kết để giúp các quân đoàn kiểm điểm thực lực, chấn chỉnh tổ chức, bổ sung đạn dược, hậu cần. Công binh Miền phải chuẩn bị sẵn các ngầm Bến Bầu qua sông Bé ở tây bắc Tân Uyên cho Quân đoàn 1, đảm bảo qua cầu Nha Bích đã sập và sông Sài Gòn cho Quân đoàn 3... Thật là chạy đua không kịp với thời gian. Tình hình chung thúc đẩy, cấp trên cũng thúc đẩy. Ngày 22 tháng 4, anh Ba đã điện có đoạn:

"Thời cơ quân sự và chính trị để mở cuộc tiến công vào Sài Gòn đã chín mùi. Ta cần tranh thủ từng ngày kịp thời phát động tấn công địch trên các hướng không để chậm. Nếu để chậm thì không có lợi cả về chính trị và quân sự. Kịp thời hành động lúc này là đảm bảo chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn.

"Các anh ra chỉ thị ngay cho các hướng hành động kịp thời, chú trọng kết hợp tấn công quân sự và nổi dậy của quần chúng, sự hợp đồng giữa các hướng cũng như giữa tiền công và nổi dậy sẽ thực hiện trong quá trình hành động.

Nắm vững thời cơ lớn, chúng ta nhất định giành toàn thắng"⁴.

Đó là lúc mà toàn quân địch đã bị tiêu diệt, tan rã và rút chạy khỏi Xuân Lộc và Thiệu đã buộc phải từ chức tổng thống ngụy quyền.

Đêm 13 rạng ngày 14 tháng 4, theo quyết tâm mới của Quân đoàn 4, Sư đoàn 6 đã tiêu diệt gọn một tiểu đoàn của trung đoàn 52 thuộc sư đoàn 18 và một chi đoàn thiết giáp, giải phóng ngã ba Dầu Giây. Tiếp theo hôm sau đã chiếm núi Thị, chiếm Túc Trưng, Kiệm Tân, những điểm cuối cùng trên đường 20, diệt nốt toàn bộ trung đoàn 52. Sư đoàn 6 chuyển qua bố trí phòng thủ vững chắc khu vực quan trọng này và đánh diệt quân địch phản kích liên tục từ Trảng Bom ra. Các sư đoàn 7 và 1 của Quân đoàn 4 cũng lần lượt tiêu diệt từng bộ phận của lực lượng địch ở Xuân Lộc thuộc các trung đoàn 48, lữ dù và thiết giáp.

Không chiếm lại nổi ngã ba Dầu Giây lại mất toàn bộ đường 20, Biên Hòa trở thành điểm tiền tiêu mà lại không còn mấy lực lượng để phòng giữ. Ngày 18 tháng 4 quân đoàn 3 ngụy đã phải dùng trực thăng bốc một số lực lượng từ Xuân Lộc về Biên Hòa - Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới và ngày 20 tháng 4 thì tàn quân còn lại rút chạy khỏi Xuân Lộc theo đường số 2 qua Bà Rịa về Biên Hòa. Ta chỉ tiêu diệt một bộ phận của quân địch rút chạy, vì đơn vị do Bộ chỉ huy quân sự Bà Rịa chịu trách nhiệm khóa đường 2 đã sơ hở, không kịp chặn lại từ đầu.

Phran Xnép trong sách đã dẫn kể lại:

"... Rạng ngày 21, các tuyến phòng thủ cuối cùng của chính phủ tại Xuân Lộc sụp đổ. Bốn tiểu đoàn còn sống sót của sư đoàn 18 quân đội Việt Nam cộng hòa với viên tư lệnh, tướng Đảo được kéo chạy khỏi thành phố đổ nát bằng máy bay lên thẳng".

Cùng ngày 21, buổi trưa, Thiệu triệu tập cựu thủ tướng Khiêm và phó tổng thống Hương đến văn phòng và buồn rầu nói với họ là ông ta từ chức. Thiệu nói:

⁴ Tư liệu Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

“Vì tình hình quân sự, ông ta diễn tả là “tuyệt vọng” (Khiêm và Hương đồng ý) mà ông ta cứ tiếp tục tại chức thì không có mục đích gì cả và việc này chỉ cản trở một giải pháp mà thôi”¹.

Chiều tối hôm đó Thiệu tuyên bố từ chức và giao quyền cho phó tổng thống Hương. “Trong lễ tuyên thệ nhậm chức của mình, Trần Văn Hương 71 tuổi, bị bệnh thấp khớp và gán bị mù, đã hứa sẽ giữ vững cho đến khi “quân đội chết hết hoặc đất nước bị mất”.

Các nhà thông thái ở tòa đại sứ Mỹ cười khẩy các tuyên bố cứng rắn này: Họ cho là “đây chỉ là cả vú lấp miệng Kỳ và cánh hữu để giữ họ đừng có nhảy vào...”².

“Vài tháng sau ông ta (Thiệu) đã nói với một người bạn ở Đài Loan rằng: “Vâng, việc quyết định thời gian của tôi vừa đúng. Tôi đã đợi con bệnh cho đến khi anh ta liệt giường. Không ai có thể vượt tôi trong các việc tôi đã làm cho đất nước mình”³.

Đúng là khâu khí và tư tưởng của một tổng thống nguy quyền.

Trong lúc chờ đợi lực lượng Quân đoàn 3 và 1 vào tới thì chúng tôi lo điều khiển cho ăn khớp cánh quân như Quân khu 8 đánh từ hướng nam vào Sài Gòn. Như trên đã nói hướng này là hướng khó khăn nhất vì địa hình rất phức tạp, căn cứ bàn đạp ta lại rất xa, đường hành quân đi bộ phải qua các vùng địch chiếm đóng lâu ngày. Có những đoạn phải hành quân bí mật ban đêm, có những đoạn phải diệt cho được đồn bốt địch, diệt quân địch phản kích để tiến đến ven Sài Gòn. Con đường dài nhưng đều qua các vùng dân cư đông đúc mà ở đó cơ sở cách mạng không phải chỗ nào cũng đông hơn gia đình binh sĩ nguy chưa được giác ngộ. Đây là một cuộc hành quân vừa đánh vừa đi, mở đường mà tiến. Phải giỏi vận động quân chúng, phải biết cách làm binh vận. Những sơ hở có thể làm thất bại ngay cuộc hành quân chưa nói đến việc tham gia tiến công Sài Gòn. Tính toán thì giờ không chính xác, bố trí trận đánh không chắc thắng đều có thể làm vỡ kế hoạch, muộn ngày N tiến công. Còn nếu sớm quá thì lộ ý đồ chung, hại cho cả chiến dịch.

Cân nhắc kỹ lưỡng, tuần đầu tháng 4 chúng tôi đã ra lệnh cho Quân khu triển khai cánh quân này rồi. Quân khu đã nhận nhiệm vụ từ tháng 2, chuẩn bị sẵn tổ chức, chỉ huy, lực lượng và kế hoạch nhưng vẫn giữ bí mật đến khi có lệnh trên.

Tôi được phép trích vào đây một ít trang nhật ký của đồng chí Trần Hàm Ninh - trợ lý tác chiến là bí thư của đồng chí Ba Thắng tức Thiếu tướng Võ Văn Thạnh, chỉ huy trưởng cánh này.

¹, ² Trích trong sách “Khoảng cách thời gian vừa phải”, Sdd.

³ Trích trong sách “Khoảng cách thời gian vừa phải”, Sdd.

Qua những dòng ngắn gọn của mấy trang nhật ký tuy chưa tả rõ nổi nhưng cũng giúp ta có thể hình dung được phần nào cách tổ chức và thực hiện một hướng tiến công nhỏ của Chiến dịch Hồ Chí Minh. Nói nhỏ vì hướng nam này ta buộc phải sử dụng lực lượng nhỏ hơn các hướng khác: chỉ 3 trung đoàn và 2 tiểu đoàn bộ binh nhẹ chính thức trong đội hình của cánh. Không có xe tăng thiết giáp rầm rầm rộ rộ, cũng không có pháo to, cao xạ lớn. Nói đơn vị chính thức trong đội hình cánh vì còn bao nhiêu đơn vị khác, tổ chức khác kể cả nhân dân không tham gia vào cánh nhưng giúp khá nhiều cho thành công của cánh. Các lực lượng hướng này để mở đường hành quân đã phải diệt 45 đồn bốt địch, giải phóng 12 xã đánh diệt địch bên ngoài và chọc thẳng vào trung tâm thành phố, chiếm lĩnh đúng thời gian quy định 1 trong 5 mục tiêu chủ yếu nhất để đồng loạt đánh ngã quân thù một cách thần tốc. Mục tiêu chủ yếu nó phải đập tan và chiếm lấy là cơ quan cầm đầu cánh sát, lực lượng phòng thủ trong cùng, một vế trong chiến lược tổng tiến công và nổi dậy của ta.

Đồng chí Trần Hàm Ninh ghi:

“... Ngày 6-4-1975

+ 23 giờ 30, cả nhà đã ngủ. Tại sao tôi trần trờ mãi mà chưa ngủ được.

+ Từ phía ngoài ruộng có ánh đèn pin đi vào. Tôi ngồi dậy, vắn đèn lên. Đồng chí liên lạc bên cơ yếu đến. Lúc đó đã 12 giờ khuya.

+ Điện gì mà gấp thế?

+ Điện ZN.

+ Em về nghe anh Sáu (tức Ninh).

Tôi xé bao thư, rút bức điện ra, lướt nhanh trên tờ giấy. Nhiều quy ước quá. Cuối bức điện ký tên Bảy Hồng¹, Tư Nguyễn². Chỉ bấy nhiêu đó cũng biết được tầm quan trọng của bức điện này.

Đẩy cái đèn vào một góc để ánh sáng bớt tỏa ra ngoài. Mở các chỗ quy ước.

- Lại có một sự thay đổi lớn.

Tôi bấm đèn pin đi lại chỗ anh Hai Phát ngủ (trưởng phòng tác chiến), khẽ lay anh dậy.

- Điện thay đổi nhiệm vụ.

Chỉ bấy nhiêu tiếng cũng làm anh bật ngồi dậy, chui ra khỏi mùng. Sau khi đọc đi đọc lại bức điện mấy lượt, anh vội vã xách đèn pin đi ngay vào Bộ chỉ huy. Lúc ấy là 1 giờ sáng.

Ngày 9-4-1975:

Lại từ giã vùng 20 tháng 7 thân yêu (vùng thuộc 2 huyện Cái Bè và Cai Lậy của tỉnh Mỹ Tho nằm giữa lộ 4 và sông Cửu Long) không biết đây là lần thứ mấy. Nhưng sao lần này thấy lưu luyến quá. Mới tuần trước đã có lần từ giã.

¹ Đồng chí Phạm Hùng.

² Đồng chí Trần Văn Trà.

Nhưng sau mấy ngày lại trở lại. Hôm nay đi, bao giờ trở lại? Chưa biết được. Túi hột giống (rau cải) gửi lại anh Ba Lạc.

Ngồi trên xuồng đi ngang căn cứ Mỹ Long. Một tiểu đoàn địch vừa bỏ chạy cách đây 2 ngày. Lá cờ nửa đỏ nửa xanh bay phấp phới trông đẹp quá. Dòng nước vẫn lặng lẽ trôi, hình như không cần biết là ở một góc căn cứ này còn lại xác một tên lính đánh thuê.

Đến Nhị Quý mặt trời chưa lặn. Du kích bao vây bốt Bờ Keo nên pháo cối địch bắn lung tung. Bộ binh địch trên lộ 4 chưa rút. Chưa qua lộ được. 21 giờ bắt liên lạc được với tỉnh đội. Tổ chức qua lộ. Như vậy đã xa vùng 20 tháng 7, 12 giờ khuya, chỗ ăn, chỗ ở tạm đủ.

Ngày 10-4-1975:

Tân Hội, một mảnh đất kiên cường. Căn cứ bất khả xâm phạm của Tỉnh đội Mỹ Tho. Hôm nay trong Ban chỉ huy chỉ còn anh Tám Công ở nhà. Chỉ huy 2 tiểu đoàn hẹn gặp Bộ chỉ huy đã ở đây, chờ mãi chỉ gặp tham mưu trưởng Edwin Barns.

15 giờ lên đường qua Tam Hiệp, đến Tam Hiệp gặp E3 (E88) các anh đã sẵn sàng.

19 giờ lại vượt qua lộ 4. Bên phải là ngã ba Trung Lương, bên trái là cầu Bến Chùa. Trong lòng dân đoàn quân vượt qua lộ an toàn.

Qua vùng Bảo Định, gặp người quen. Không nói gì được vì đoàn quân lại tiếp tục tiến lên. Cốn - bạn quen, nhiệm vụ ở lại bám giữ đất này. Đi bên ngoài hè của nhiều ngôi nhà. Trong nhà hoàn toàn im lặng. Nhưng chắc chắn rằng những người mẹ, người chị, người em trong ấy không thể nào ngủ được. Bởi vì những bàn chân, tuy đi rất nhẹ nhàng, vẫn dội vào tận đáy lòng. Tất cả nằm đó mà trần trở, mà nhớ thương.

Do hợp đồng không chặt, cả đoàn đi xuống Lương Hòa Lạc không gặp ai hết. Quá khuya tạm ngủ lại dưới mấy gốc cây keo.

Ngày 11-4-1975:

Sáng sớm dậy, trở lên Song Bình gặp tất cả ở đây.

Báo về J10 (Bộ chỉ huy Quân khu 8) báo lên Đoàn 232, Bộ chỉ huy cánh Nam đã đến nơi an toàn. Chiều tối, Bộ chỉ huy vượt lộ Ông Văn, dời xuống Quơn Long (Chợ Gạo). Đến nơi tìm chỗ đất bằng để trải tấm ni lông ngủ thật là khó. Nhưng không sao, mọi việc rồi đâu cũng vào đó.

Ngày 12-4-1975:

Quơn Long, hết một ngày rồi mà tình hình hành quân của E2, E4 (tức Trung đoàn 24) vẫn chưa nắm được. Vị trí đứng chân và tình hình hoạt động của E3 cũng không nắm được. Sốt ruột chờ đợi.

Báo cáo quyết tâm của cánh Nam về R, Đoàn 232 và J10: quyết tâm mở đường và đến vị trí tập kết đúng thời gian quy định.

Ngày 13-4-1975:

Đoàn cán bộ của E2, E4 đến. Nhưng vị trí đứng chân của E3 và anh Tư Thân vẫn chưa nắm được.

Hai tiểu đoàn Mỹ Tho hoạt động mạnh ở kinh Chợ Gạo. Dịch đối phó quyết liệt. Chúng bị thu hút vào đây để ta được yên.

Đêm nay hướng Đoàn (Sư đoàn 5) nổ súng. Bọn nổ súng ta sẽ thuận lợi hơn.

Đôn đốc E3 cố gắng đêm 14 tháng 4 nổ súng vào Tân Trụ.

Ngày 14-4-1975:

Do hợp đồng không chặt, đoàn cán bộ E4 đã đến Rạch Tràm không có người đón, không vượt lộ 21 được, phải trở lại Quơn Long.

E2 được lệnh trở lại, có sự thay đổi sử dụng lực lượng. Ai thay E2 vào đội hình cánh Nam?

Tiểu đoàn 279 diệt đồn Ông Bái, mở rộng đường đi.

Toàn bộ E4 đến.

Đoàn anh Hai Phát đến. Như vậy cơ quan chỉ huy của cánh đến hôm nay mới tập hợp được. Về lực lượng hôm nay đã có được 2E và 3d (tức 3 tiểu đoàn). còn d10, d14 và một E nữa (E nào?) chừng nào mới tới.

Ngày 15-4-1975:

Hôm nay rời Quơn Long. 17 giờ ra đồng. Sắp xếp đội hình và thời gian hành quân.

Rời Quơn Long. Sinh lầy quá, tưởng không xiết. Nào ngờ sinh nước lên quá bụng. Lăn theo những bụi lá dừa nước đi ra Rạch Tràm. Qua lộ 21 xong thì đã gần đến 24 giờ. Không có ghe qua sông Vàm Cỏ Tây. Nằm ngoài đồng chờ. Kế kia là bốt Thuận Mỹ. Xa hơn một chút là Thanh Vĩnh Đông. Bên kia sông là Chợ Dinh. Gan quá. Thế mà đã 15 năm rồi chưa đi tới. Hôm nay mới gần tới thôi. Nhớ thương quá. Mẹ đã ra đi và nằm bên đó. Anh làm tròn nhiệm vụ hồi kháng chiến chống Pháp. Em mới hy sinh hồi năm kia. Còn một mình và ba. Không! Còn cả một dân tộc.

Ngày 16-4-1975:

Nhật Ninh. 4 giờ sáng mới qua sông được. Đến chỗ nghỉ thì mặt trời đã mọc. Quần áo bùn sinh bê bết. Bộ đội đi lại coi sao thanh bình quá.

Ngày 22-4-1975:

Sở chỉ huy vẫn ở Tân Phước. Thiệu đã từ chức.

Bộ chỉ huy có điện số 72/ZN gửi E3-E4 chỉ đạo vừa đẩy mạnh tiến công, vừa làm tốt công tác binh dịch vận. E3 phát triển thuận lợi ở Cần Giuộc (diệt 4 đồn), E4 cũng diệt được 4 đồn ở Cần Đức.

Các mặt đảm bảo hậu cần gặp khó khăn một tuần rồi. Việc chuyển hàng cho phía trước quá ít. Trong ngày Bộ chỉ huy cánh đã có 5 điện ZN về công tác hậu cần.

Sở chỉ huy đã liên lạc với anh Tư Chiêu (Tinh đội trưởng Long An, chỉ huy phó cánh Nam) qua E3.

Ngày 23-4-1975:

Vàm Rạch Cá (Tân Phước). Bộ chỉ huy giao nhiệm vụ cho E4: "Hướng phát triển của E là Phước Hậu, Long Thượng (Cần Giộc, giáp Bình Chánh), để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu.

Về mặt hậu cần rất khó khăn. Được biết J10 cũng gặp khó khăn nhưng để đảm bảo cho thắng lợi, đề nghị J10 (anh Ba Đào) cho anh Năm Trị hoặc anh Ba Thi sang thay anh Ba Cảnh (không hoàn thành nhiệm vụ) và đề nghị J10 thông báo tình hình cho J50 (Bộ chỉ huy cánh Nam) biết.

Trong ngày, E4 đã giải phóng Long Cang (Cần Đức) và đang vây đánh d2/E42.

Anh Tư Thân đã đi 232.

Báo cáo tình hình của cánh Nam về R, 232, J10.

Ngày 24-4-1975:

Các đơn vị tạm ngưng mở nhanh... củng cố tại chỗ, báo cáo về R, 232 và J10 vị trí đứng chân của các E và d.

Quân bổ sung cho J50 chưa thấy. Đề nghị anh Ba Đào (J10) don đốc.

Đề nghị anh Tư Chiêu và E3 cho một cán bộ của Cần Giuộc về đón Sở chỉ huy.

Bộ chỉ huy hỏi anh Tư Chiêu đã liên lạc được huyện ủy và huyện đội Nhà Bè và Bình Chánh chưa?

Theo lệnh của R, anh Ba Thắng phải đến 232 nhận nhiệm vụ. Điện cho Long An liên lạc tại lộ 4 (Bình Đức) 18 giờ lội qua sông Nhựt Tảo sinh lầy và muỗi, bù mất cần quá.

Ra gần lộ 4, lúa đã gặt xong, ruộng khô, cảm thấy dễ chịu quá. Nằm chờ đến 22 giờ, tình hình động nên không liên lạc được với Long An. Phải trở lại sở chỉ huy.

Ngày 25-4-1975:

Long Sơn. Đồng khô, lúa đã gặt xong.

Nhận được điện 111/ZN của 232 về ngày N của chiến dịch lập lại ngày N. Ngày chờ đợi đã đến.

Chỉ đạo E3 kết hợp thật tốt giữa tác chiến và binh dịch vận trong tình hình hiện tại. Bộ chỉ huy đồng ý để d4/E4 ở lại, E3 mở Long Thượng.

Điện hợp đồng với anh Tư Chiêu và Bốn Độ (E3) đón Sở chỉ huy tại khu vực Chợ Mỹ. D1 Long An đã đánh sập cầu Rạch Đào.

Ngày 26-4-1975:

Long Sơn. Điện đi từ ngày nay, lấy lại từ số 01. Điện 01ZN là điện gửi 232 lập lại ngày N lần thứ 2 (trả lời điện 44ZN của 232).

Báo cáo về R, 232 và J110, việc đi họp gấp trở ngại đề nghị 232 thông báo nhiệm vụ bằng điện. Cả anh Tư Thân cũng không đi được.

Nhận điện số 45ZN của anh Sáu Nam (232) giao nhiệm vụ cho cánh. Cánh hạ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Vẫn chưa liên lạc với Nhà Bè và Cần Giuộc.

Bộ chỉ huy nhắc anh Phong, E trưởng E271B nên tổ chức một khối hành quân vì thời gian gấp rút.

Nhắc anh Năm Nghi cho dl Long An chốt giữ bót Chợ Đào 1km, để bảo đảm cho Sở chỉ huy hành quân.

18 giờ, Sở chỉ huy rời Long Sơn lên hướng Cần Giuộc. Hành quân giữa lòng dân. Đại bộ phận đồng bào ở nguyên.

22 giờ, đến Phước Lâm (Cần Giuộc).

23 giờ, Bộ chỉ huy cánh Nam họp, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của E3, kiểm điểm ưu, khuyết. Có anh Tư Đỏ (E trưởng) và Năm Tư (chính ủy) E3 dự.

Nhận xét: hoàn thành nhiệm vụ, mở được hành lang tiến quân, chuẩn bị nhanh, đánh nhanh.

Nhấn mạnh: giáo dục quan điểm quần chúng cho đơn vị: chiến đấu vì nhân dân, bảo vệ dân, giải phóng dân, phát động quần chúng tham gia cách mạng, làm hầm cho dân tránh đạn. Chú ý hơn công tác binh, địch vận.

Ngày 27-4-1975:

Phước Lâm

Đề nghị 232 và R cho liên lạc với E117 (đặc công)

7 giờ 30 phút, Bộ chỉ huy cánh Nam họp bàn kế hoạch tấn công và sắp xếp tổ chức.

Nhận điện số 53ZN của 232 cho biết:

- 232 đã chỉ đạo cho anh Năm Mân (Thành đội Sài Gòn) cho Bình Chánh và Nhà Bè liên lạc với cánh Nam.

- Hiện có 1d/E429 (Chín Mây) ở khu vực cầu Nhị Thiên Đường.

9 giờ 20 phút, Bộ chỉ huy cánh giao nhiệm vụ cho E4, do đồng chí Ba Thuyên, E trưởng: Hai Ván, chính ủy E nhận:

- Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng thành phố Sài Gòn.

- Mục tiêu chủ yếu: Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia.

- Thời gian:

Đêm 27-4, tiền trạm lên Bình Đăng.

Đêm 28-4, toàn E lên Bình Đăng.

Đêm 29-4, hành quân chiếm lĩnh, tấn công.

- Chỉ huy sở Bộ chỉ huy cánh Nam: nam Cầu Mật. Quân y triển khai gần chỉ huy sở.

- Từ 27-4 trở đi E4 hành quân không nổ súng cho đến khi tấn công, Đà Nẵng Long An là dự bị của E.

- Các mục tiêu của E3, là tấn công Quy Đức, Hưng Long, Phong Đức, Bình Đăng.

- Khẩu hiệu:

Hỏi: Hồ Chí Minh.

Đáp: Muôn năm.

- Mật hiệu:

+ Mang cờ Giải phóng.

+ Mang băng đỏ ở tay trái.

Ngày 28-4-1975:

E271B hành quân đến đâu, Bộ chỉ huy vẫn chưa biết, kể ra một E mới xuống đồng bằng mà hành quân kiểu này cũng khó khăn thật. Bộ chỉ huy một mặt điện cho E271B, một mặt cho J10 đề nghị cho biết về E271B.

Điện báo cáo J10 và 232 biết là hàng còn lại rất ít đề nghị chi viện.

Đã cử người liên lạc với anh Chín Mây.

Đêm, Sở chỉ huy từ Phước Lâm - Thuận Thành cùng các đơn vị hành quân vượt qua sông Quán Cơm, tiến về Hưng Long. Lặn lội suốt đêm mới đến, triển khai công sự xong, trời đã sáng tỏ.

Ngày 29-4-1975:

Hưng Long

Quần chúng nhân dân sau một đêm, sáng dậy thấy bộ đội giải phóng ở khắp nơi, phấn khởi vô cùng. Có một mẹ già ra đồng đào lên một lá cờ đỏ sao vàng không biết má chôn giấu từ bao giờ mà lá cờ còn mới quá.

Điện số 15ZN, gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam, Tám Phương, báo cáo Sở chỉ huy cánh Nam, E4, E2, d10 đã đến Hưng Long trong đêm 28-4, E4 sẽ chiếm quận 8 (cầu Chữ Y), E3 chiếm lộ 5. Bộ chỉ huy cánh sử dụng cả 2d của Long An.

Bộ chỉ huy điện cho E271B: "Thời gian thực hiện nhiệm vụ đã đến, cho hành quân thần tốc".

Điện số 16ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu nam, Tám Phương báo cáo sử dụng 1d/E3 tấn công phân chi khu Hưng Long.

Bộ chỉ huy họp bàn kế hoạch tấn công. Anh tư Chiêu báo cáo tình hình địa hình đông lộ 5; tình hình ta, địch khu vực Bình Chánh, Nhà Bè.

Ở khu vực rạch Cây Khô rất hoang vu, không ta không địch, sinh lầy không đi được.

Do việc bố trí E4 có thay đổi một ít. Thay vì toàn bộ E4, đêm 29-4 vượt qua đông lộ 5, từ rạch Cây Khô tiến vào cầu Chữ Y, thì chỉ sử dụng 1d/E4 thực hiện phương án này, còn 2d/E4 sẽ đánh dọc lộ 5 đến cầu Nhị Thiên Đường, quẹo sang bến Phạm Thế Hiển về cầu Chữ Y.

E3 vẫn như cũ:

Điện số 18ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam, Tám Phương báo cáo đã giải phóng Hưng Long, báo cáo nhận được điện 731 và báo cáo kế hoạch tấn công.

19 giờ, Sở chỉ huy hành quân ra Đa Phước, các E hành quân theo kế hoạch.

21 giờ đến Đa Phước. Các bộ phận đều đào công sự. Quân chúng lúc đầu không cho đào có lẽ sợ "động" đất. Sau khi giải thích việc đào công sự vừa cho bộ đội chiến đấu, vừa cho đồng bào núp bom đạn. Khi biết có bộ đội ta về, địch sẽ ném bom, bắn pháo. Không có công sự làm sao tránh được nguy hiểm cho bộ đội, cho nhân dân. Sau cùng không những cho đào mà đồng bào còn cho cây làm nắp, nắm cơm nếp cho bộ đội ăn.

Quá 24 giờ, đào xong công sự. Tất cả công sự đều đầy nước. Có vài cái đào xong đã sụp lở.

Ngày 30-4-1975:

Đa Phước. Sáng sớm dậy đã nghe rõ tiếng xe ngoài lộ 5. Sở chỉ huy cách đường 500m.

Đài phát thanh giải phóng phát đọc bản thông cáo của Chính phủ Cách mạng lâm thời và bản thông báo của Bộ chỉ huy Mặt trận Sài Gòn nghe giục giã quá.

Bộ chỉ huy điện chỉ đạo E3, E4 ghi 2 bản thông cáo, điện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

8 giờ, điện số 23ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam. Tám Phương báo cáo E3, E4 đã chiếm lĩnh đúng thời gian và đã nổ súng.

10 giờ E4 báo cáo đã phát triển qua cầu chữ Y. Sau đó một báo cáo khác: đang tiến chiếm mục tiêu chủ yếu của cánh Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia, đúng 10 giờ 30 phút.

Hơn 10 giờ, đồn tam giác Đa Phước mới đầu hàng. Toàn bộ Sở chỉ huy ra lộ 5.

Từ Đa Phước, quân chúng dùng xe đò, xe hàng chở toàn bộ cơ quan chỉ huy đến đầu cầu chữ Y, lúc bấy giờ là 11 giờ 30 phút.

12 giờ, Sở chỉ huy cánh Nam đến tại Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia, sau E4 một tiếng rưỡi.

Bức điện cuối cùng mang số 24ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam, Tám Phương báo cáo đã tiếp quản Nha cảnh sát đô thành và Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia...".

Một vấn đề hóc búa nhất vào những ngày chuẩn bị cuối cùng cho Chiến dịch Hồ Chí Minh là vấn đề công binh vượt sông cho các hướng tiến quân vào nội đô, đó là lúc mà chúng tôi phải giải quyết cho Đoàn 232 vượt sông Vàm Cỏ Đông để đưa toàn bộ đội hình của mình tới tuyến xuất phát tiến công. Đoàn 232 được tăng cường thêm lực lượng bộ binh, pháo và cao xạ, cả pháo nặng 130 ly, có đến một trung đoàn xe tăng và thiết giáp, trong đó một phần ba là tăng T.54. Tất cả xe, pháo các loại gần 800 chiếc. Thế mà từ lâu nay Miền chỉ có một phần hai bộ cầu phà nặng (TPP của Liên Xô). Đã xin Trung ương cho thêm nửa bộ nữa nhưng chưa vào. Tất cả các hướng khác lực lượng công binh cũng thiếu. Tham mưu kiểm điểm lại lúc ấy Bộ Tổng tư lệnh đã tăng cường cho Mặt trận Sài Gòn các lực lượng công binh như sau:

- Trung đoàn 279 công binh công trình đã vào đến nơi.
- Trung đoàn 574 làm đường của Đoàn 559 đã vào và sẽ giao cho Cục Hậu cần sử dụng.
- Trung đoàn 249 cầu phà có 4 đại đội và $\frac{1}{4}$ bộ cầu phà nặng TPP khác, ước khoảng ngoài 20-4 tời, nhưng chưa thấy.

Chúng tôi dự tính đơn vị cầu phà nào tới nơi sẽ đưa ngay cho Đoàn 232 vì lực lượng Đoàn 232 phải vượt sông sớm nhất và có lẽ duy nhất nếu địch phá hoại, không còn cầu nào. Quân đoàn 1 phải qua sông Bé nhưng mùa này sông Bé cạn nước, công binh Miền đã làm sẵn ngầm vượt ở bến Bầu rồi. Trước mắt, Đoàn 232 phải dựa vào lực lượng hiện có và huy động phương tiện tại chỗ mà vượt Vàm Cỏ Đông.

Chính vì vậy một vấn đề đặt ra lúc ấy là nếu địch ngoan cố rút nhanh vào nội thành và phá hoại các cầu trên các trục đường tiến vào Sài Gòn thì sao? Cái gì cũng có thể xảy ra cả, ta phải dự kiến để có kế hoạch sẵn. Ta đã biết rằng Sài Gòn nằm giữa một vùng mà quanh nó bao nhiêu là sông rạch kinh mương. Các sông rạch đều sâu và lầy. Lòng sông lầy mà cả hai bên bờ cũng đều lầy, lên bờ rồi có khi phải qua một cánh đồng lầy nữa. Địch có đủ thuốc nổ, có đủ kỹ thuật phá hoại. Trước giờ chết, chúng cũng có đủ âm mưu thâm độc.

Đây là một trở ngại rất lớn cho binh chủng hợp thành với binh khí kỹ thuật nặng triển khai sức mạnh tiến công của mình. Hướng nào của ta cũng phải vượt qua ít là từ bốn năm cầu. Nếu cầu bị phá, xe pháo bị chặn lại từ vùng ven? Rồi ta cũng sẽ khắc phục được từng bước thôi nhưng địch sẽ có thì giờ xây dựng công sự, vật cản, tổ chức phòng thủ như thế biệt động ta đánh mục tiêu bên trong bị cô lập, nhân dân không nổi dậy được ta lại phải đánh từng tuyến, từng đường phố, căn nhà thì đâu còn là bất ngờ, thần tốc và thành phố đâu còn nguyên vẹn.

Quân ta lúc ấy không có khả năng như những quân đội hiện đại khác, phải các đơn vị nhảy dù hoặc đổ bộ trực thăng bất ngờ đánh chiếm các cầu trước khi đại quân tiến vào. Nhưng không đơn giản khi phải đánh giữ hàng chục cầu một lúc ở nhiều hướng.

Ta lại đánh theo cách đánh độc đáo của ta: dùng đặc công và biệt động tiêu diệt địch chiếm và giữ cho kỳ được các cầu trọng yếu trên các hướng tiến quân.

Chúng ta có tất cả sáu trung đoàn đặc công cộng với hàng chục đội biệt động đang sẵn sàng từ vùng ven đến nội thành. Đây là những đơn vị tinh nhuệ đã được rèn luyện thử thách từ nhiều năm đánh Mỹ, đã lập được nhiều chiến công hiển hách, nhiều đơn vị đã được tặng danh hiệu Anh hùng. Quân đoàn 3 lại có riêng một trung đoàn đặc công nữa. Như vậy là ta có đủ sức làm nhiệm vụ giữ không cho địch phá cầu, đảm bảo cho các quân đoàn tiến thẳng vào mục tiêu không bị trở ngại.

Nhưng phải thay đổi nhiệm vụ của các cánh đặc công biệt động. Trước đây Bộ Tư lệnh Miền đã giao nhiệm vụ chính là đánh các mục tiêu được phân công, từ năm mục tiêu chủ yếu cho đến các mục tiêu quan trọng khác cùng lúc các quân đoàn vào để kết hợp tiến công từ bên trong và tấn công từ ngoài vào. Bây giờ phải chuyển thành nhiệm vụ chính là đánh chiếm và giữ các cầu quan trọng ở các hướng cho tới khi quân đoàn tiến qua. Tuy vậy vẫn còn nhiều biệt động và một số đơn vị đặc công vẫn phụ trách đánh mục tiêu bên trong nhưng những đơn vị mạnh phải chuyển qua nhiệm vụ mới. Việc chuyển nhiệm vụ chính lại quá gấp rút, chỉ trong vòng bốn đến năm ngày vừa hành quân, vừa điều tra nghiên cứu vừa làm kế hoạch chiến đấu. Hơn nữa khó khăn là chiếm rồi lại phải giữ, đánh địch phản kích, đó là chiến thuật mà đặc công ít khi sử dụng, mà nay không còn thì giờ để huấn luyện lại. Tuy vậy tin ở khả năng và truyền thống của đặc công, biệt động, tin ở ý chí cao và lòng dũng cảm của anh em, ngày 25 tháng 4 chúng tôi quyết định chuyển nhiệm vụ. Các cầu phải được chiếm và giữ ngay trước giờ "G" và ngày "N", đồng loạt tiến công vào nội thành. Muộn sẽ trở ngại cho tiến quân, cho thành công của cả chiến dịch, nhưng sớm quá, nhiều khi rất nguy hiểm. Vì lẽ các đơn vị đặc công với chiến thuật tiến công bất ngờ chứ không phải phòng ngự và không được trang bị để tiến công bằng sức mạnh công khai vì vậy khó mà giữ cầu lâu ngày, hay đánh chiếm lại lần thứ hai, thứ ba. Hơn nữa địch có thể đánh trả lại mạnh khi quân đoàn ta chưa đến và nhân đó có thể phá luôn cầu. Tính toán lúc nào nên chiếm giữ cầu là phải ăn khớp với hành động của các quân đoàn. Bộ chỉ huy chiến dịch giao cho Bộ chỉ huy các hướng quyết định ngày giờ cho đặc công.

Hướng có nhiều cầu lớn là hướng đông. Ngoài các cầu qua sông Đồng Nai như cầu xã lộ Đồng Nai, cầu Ghềnh; qua sông Sài Gòn như cầu xa lộ Tân Cảng, cầu Bình Lợi, lại còn các cầu nhỏ hơn nhưng không kém quan trọng như cầu Rạch Chiếc... các hướng khác cầu không lớn lắm, nhưng nhiều và nếu bị phá cũng gặp trở ngại không nhỏ.

Đoàn 232 vượt sông Vàm Cỏ Đông trước khi chiến đấu, nhưng đã gặp rất nhiều khó khăn. Và chính vì trước khi chiến đấu nên phải giữ bí mật đối với địch, phải tiến hành vượt sông ban đêm và chiếm lĩnh tuyến xuất phát tiến công

cùng vào ban đêm trong một khu vực địch còn kiểm soát; khu Mỹ Hạnh ở gần ngã ba đường 9 và đường 10 (Đức Hòa, Long An). Đoạn sông Vàm Cỏ Đông phải vượt nằm trên xã An Ninh, cách Bào Trai (tức Khiêm Hạnh tỉnh ly tỉnh Hậu Nghĩa của ngụy) trên 10km về phía tây bắc. Đoạn sông dự bị sẵn sàng khi cần thì vượt bằng sức mạnh, qua thẳng thị trấn Hiệp Hòa rồi lên đường 10. Sông Vàm Cỏ Đông ở những đoạn này cả hai bên bờ đều sinh lầy, tìm được một nơi đất cứng, thật là khó khăn. Bên bờ tây sông là vùng ta đã giải phóng từ đầu đợt; vùng "Mỏ Vẹt", một bộ phận của Đồng Tháp Mười, chủ yếu là bung sinh, chỉ có một số giồng đất cao có dân cư nhưng không đông đúc. Ở đây cây củi thật là hiếm. Trong chiến tranh, cả trong chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, bộ đội ta về đây, đồng bào có thể giúp ta gạo và nhất là cá nhiều nhưng củi đốt thì chớ có đựng đến, của quý đấy. Mỗi người một bó củi nhỏ mang theo mà dùng. Dọc bờ sông là vùng địch kiểm soát xen kẽ có những căn cứ du kích của ta. Xã An Ninh là một xã có truyền thống cách mạng, năm Tết Mậu Thân, Sư đoàn 9 của ta cũng về đóng quân ở xã này để rồi tiến về Sài Gòn trong đợt 2 tiến công và nổi dậy.

Địa hình ở đây tương đối tốt, có rẽ đất giồng liền ra đường 10, xuống ấp Bào Công rồi đến xã Mỹ Hạnh, xã căn cứ đầu tiên của "Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa" năm 1954 chống Pháp, xã của anh hùng quân giải phóng trong chiến tranh chống Mỹ: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. Nvh là đoạn sông vượt từ vùng của ta, vùng bung sinh và đổ bộ lên vùng đất tương đối cao ở phía của địch kiểm soát, có thể triển khai chiến đấu ngay được. Đường từ hậu phương ra tới bến vượt rất lầy lội, không có biện pháp khắc phục thì khó mà hành quân cơ giới nổi. Cán bộ của Đoàn 232 đã cùng cán bộ các địa phương lân cận vận động nhân dân chặt và bó hàng nghìn bó chà, phân tán cất giấu nhiều nơi. Như đã nói, ở đây cây, củi hiếm nên phải vận động nhân dân từ trước và trong một vùng rộng thì mới đủ và kịp thời gian. Thế mà mọi việc đều kết quả mỹ mãn, đặc biệt là địch không hề hay biết tí gì.

Đồng chí Bảy Triết (Võ Minh Triết) - Chủ nhiệm công binh Miền được chỉ định làm Chủ nhiệm công binh Đoàn 232 đã kể lại:

"... Ngày trước hôm vượt sông, một trận mưa đầu mùa trút xối xả xuống một vùng rộng. Đường càng bị ngập bị sinh. Đêm bộ đội hành quân ra bờ sông, ngồi trên bờ từ anh Năm Ngà đến cán bộ tham mưu, công binh, pháo binh, xe tăng đều lo lắng hồi hộp. Tiếng xe âm ì suốt một đoạn đường dài mấy chục kilô mét, chiếc xe đầu đã đến bến, chiếc xe cuối còn tận nơi xuất phát ở ven biên giới Việt Nam - Campuchia. Trong bóng tối, đồng bào từ mọi hướng thôn ấp đổ ra đường, đặt xuống những đoạn lầy từng bó chà vác trên vai. Mỗi chiếc xe, mỗi khẩu pháo nhất là tăng T54, pháo 130 ly nòng dài vượt qua là đường đi càng nhào ra, đoạn lầy càng trũng xuống. Chà lại được bỏ thêm vào, chất thêm lên, xe pháo lại cứ vượt.

"Dễ trăm lần, không dân cũng chịu

Khó vạn lần, dân liệu cũng xong".

Câu ấy đúng cả với tình huống chiến thuật cũng như chiến lược, đúng cả trong chiến tranh cũng như trong xây dựng hòa bình.

Trên đường đất còn như vậy, xuống sông nước còn gay go hơn. nếu có cầu phà hiện đại đủ thì còn nói gì. Đồng chí Sáu Nhân (Bùi Hữu Trữ) - Phó phòng công binh Miền, chịu trách nhiệm về phà vượt sông hôm đó cho biết: "Tất cả xe pháo đều được đưa qua sông trên phà ứng dụng, giữa là khoang thuyền hiện đại, hai bên là vật nổi tự tạo. Trong đời công binh mấy chục năm chưa bao giờ tôi lo đến muốn vỡ tim như hôm lực lượng 232 qua sông Vàm Cỏ. Hôm ấy anh Năm Ngà đến tận nơi đứng kiểm tra. Chiếc tãng từ từ lặn xích xuống phà, phà chìm đến đâu tôi thất lại đến đó. May quá, đúng như tính toán, phà chỉ chìm đến chấn nước quy định và nổi hẳn. Có lẽ nếu chiếc tãng chìm nghiêm theo phà thì tim tôi cũng ngừng đập luôn".

"Cầu phà, đến giờ quy định xe chở đến cách sông 5km, hạ xuống nước. Lợi dụng con rạch nhỏ dùng sào và sức người chống từng khoang thuyền ra sông rồi nhanh chóng ghép lại thành phà ứng dụng. Phải đảm bảo bí mật và khẩn trương, đòi hỏi kỹ thuật thao tác của từng chiến sĩ, động tác chỉ huy của từng cán bộ hết sức thành thạo. Còn sức đẩy nữa chứ. Sông rộng, gió to, máy đẩy "Hải Âu" của công binh không đủ sức, phà dễ trôi. Đoàn hậu cần 230 đã tiếp sức cho chúng tôi máy thuyền máy có sức đẩy 50 mã lực mới đảm bảo được an toàn".

Một lần vượt sông không chiến đấu đã như vậy, nếu phải vượt sông nhiều lần, nhiều hướng và trong chiến đấu thì thật là nan giải. Các quân đoàn, các lữ đoàn xe tăng và pháo binh tiến nhanh qua các cầu và hội tụ rục rờ ở trung tâm thành phố không thể không nhớ đến chiến công của các đơn vị đặc công góp phần. Và mỗi chiến công của một đơn vị nào đó, binh chủng nào đó làm nên mà lại không có sự đóng góp bằng cách này hay cách khác của nhân dân.

Trong kế hoạch tiến công vào Sài Gòn, Quân ủy Miền còn một vấn đề phải lo nghĩ. Đó là trách nhiệm đối với cán bộ và chiến sĩ ta trong phái đoàn quân sự ở trại Đa Vít, ngay giữa vòng vây quân địch. Đã nhiều lần quân nguy giờ những thủ đoạn thô bạo hăm dọa tính mệnh của anh em ta. Ngay những ngày đầu mới vào (Tết Quý Sửu), lúc tôi ở trong ấy, chúng đã dùng xe thiết giáp bao vây uy hiếp, dùng trực thăng vũ trang gắm rú trên nóc nhà, đe dọa, chỉ vì phái đoàn quân sự Việt Nam dân chủ cộng hòa treo cờ ăn Tết dân tộc. Quanh trại Đavít đều là căn cứ của nguy, chúng có 12 chòi gác cao luôn luôn hướng nòng súng máy vào anh em ta. Còn nhiều hành vi xấu xa khác. Như vậy khi ta tiến công vào, quân nguy có thể yên tâm cho anh em ta? Điều này khó mà tin được. Để trả thù và cho là anh em ta không bao nhiêu người mà phần lớn là cán bộ, chúng dám giờ thủ đoạn tiến công tàn sát một cách đê hèn lắm. Chúng tôi thấy có trách nhiệm bảo vệ anh em ta trong ấy.

Vào cuối tháng 3, mời đồng chí Ba Trần và Bùi Thành Khiết bàn về vấn đề này và đi đến kết luận là trước khi ta nổ súng tiến công vào Sài Gòn, cần phái một đơn vị đặc công giỏi và thạo khu vực quanh sân bay Tân Sơn Nhất, vào để

đưa tất cả anh em ra khu giải phóng. Kế hoạch đã được bàn tỉ mỉ và đơn vị đã được chọn, tôi giao cho hai đồng chí ấy phụ trách chỉ đạo thực hiện.

Kế hoạch được triển khai khẩn trương và anh em phái đoàn ta đã được phổ biến để hiệp đồng trong hành động. Nhưng trong quá trình thực hiện, chúng tôi vẫn suy nghĩ và không yên tâm. Vì rằng thành phần phái đoàn chủ yếu là cán bộ, rất ít chiến sĩ, vũ khí chiến đấu không đủ, dù đơn vị đặc công ta có thiện chiến thì vẫn là một đơn vị nhỏ để tiến công chớ không phải để bảo vệ. Kế địch quanh sân bay Tân Sơn Nhất đông đặc được trang bị mạnh, có máy bay, thiết giáp yểm trợ. Cuộc chiến đấu thoát vòng vây này rất không cân sức trong một chiến trường bất lợi cho ta, dễ xảy ra thương vong đáng tiếc. Vì vậy, cuối cùng chúng tôi đã hủy bỏ kế hoạch cũ. Nhất là khi đã có quyết tâm đợi các quân đoàn tới tương đối đầy đủ, ta tiến công nhanh mạnh từ ngoài kết hợp với nổi dậy từ bên trong thì chúng tôi dự đoán chắc chắn cuộc chiến đấu sẽ không kéo dài. Anh em ta trong trại Đavít nếu có chuẩn bị chu đáo sẽ có khả năng chiến thắng trong tự vệ cho đến khi Sài Gòn hoàn toàn giải phóng.

Chúng tôi liền cho liên lạc với các đồng chí có trách nhiệm trong trại David, phổ biến ý kiến cho Quân ủy Miền là phái đoàn phải có kế hoạch chiến đấu tự bảo vệ mình trong suốt thời gian trận tiến công của ta vào Sài Gòn. Kế hoạch chiến đấu tại chỗ kiên cường phải dựa vào một hệ thống hầm hào tự tạo hết sức bí mật. Phải là hầm hào chiến đấu chắc chắn, chịu được sức công phá của pháo địch và pháo 130 ly của ta. Công việc phải tiến hành khẩn trương, toàn phái đoàn tổ chức thành một đơn vị chiến đấu được chỉ huy chặt chẽ.

Đồng chí Mười Sương (Thượng tá Ngô Văn Sương), phụ trách chính trị của phái đoàn lúc ấy, đã kể lại như sau:

“... Khi được phổ biến có đơn vị đặc công vào đón trước ra vùng giải phóng, toàn thể cán bộ, chiến sĩ đều rất cảm động thấy rằng Đảng đã luôn quan tâm tới anh em, tuy là một bộ phận nhỏ so với bao đoàn quân lớn. Nhưng mọi người không ai bảo ai đều có chung một ý nghĩ: trong lúc các cánh quân của ta từ ngoài ào ạt tiến công vào nội thành, chúng ta xem như một đơn vị sẵn trong này, sao không tham gia chiến đấu mà lại ra ngoài? Ta cứ xem như một đơn vị đặc công biệt động tại chỗ có được không? Chúng tôi đã định điện xin được tình nguyện ở lại chiến đấu cho đến phút cuối cùng. Cho nên khi được lệnh ở lại chiến đấu, từ cán bộ đến chiến sĩ rất phấn khởi, ai nấy đều thức trắng đêm để đào hầm. Để khỏi bị lộ bí mật, đêm đào ngày nghỉ, đào nhẹ nhàng tránh tiếng động lớn. Đất đào lên một phần giấu dưới các sàn nhà kín đáo, một phần dồn và các tủ bằng tôn sắt rồi để nằm lên nắp hầm, hầm thêm kiên cố. Chỉ hơn một tuần anh em đã xây dựng được một địa đạo dài hàng mấy trăm mét, có hầm trú ẩn, hầm hào chiến đấu, nối liền từ chỗ anh Hoàng Anh Tuấn (Trưởng phái đoàn) đến các đơn vị, đến cả bộ phận hậu cần, nối thông với đoàn miền Bắc còn lại, có cả nơi họp và nơi để thương binh. Chính tại hầm này vào giờ chót của chiến tranh, mấy sứ giả *ngụy quyền* Sài Gòn đến thương lượng vớt vát đã cùng chúng tôi tránh đạn, cho đến khi Sài Gòn giải phóng “họ đã được bảo vệ an toàn”.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, phái đoàn ta ở trại Đavit đã đóng góp xương máu vào chiến thắng lịch sử: hy sinh một đại úy kỹ sư và một thượng sĩ, bị thương năm, sáu đồng chí khác, trong đó có một trung tá!

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, một số xe con đưa anh Văn Tiến Dũng và tôi cùng cơ quan di chuyển xuống phía nam; sở chỉ huy tiền phương bắt đầu làm việc.

Hai ngày sau anh Sáu Thọ và anh Phạm Hùng cùng tới đó để nhanh chóng quyết định tập thể những vấn đề lớn.

Đến lúc này tình hình đã ngã ngũ rõ rệt.

Sài Gòn vẫn hoàn toàn bị vây hãm.

Ở phía tây từ ngày 26 tháng 4, Sư đoàn 5 của đoàn 232 bắt đầu tiến công vào sư đoàn 22 của địch, diệt lần lượt từng trung đoàn và làm chủ hoàn toàn đường số 4 từ Tân An lên đến Cầu Voi. Trung đoàn 16 thì đánh chiếm cầu Bình Điền và cầu An Lạc. Hai trung đoàn đặc công 115 và 117 chiếm Phú Lâm. Xa hơn về phía tây, lộ 4 lại bị cắt một đoạn khác ở khu vực Đầm Hy - Nhị Quý - Nhị Bình thuộc huyện Cai Lậy. Đó là do lực lượng tinh Mỹ Tho trong đó có tiểu đoàn Ấp Bắc được tuyên dương Anh hùng Quân giải phóng, đồng chí Lê Quang Công dẫn đầu lên chiếm lộ vào đêm 26 rạng ngày 27 tháng 4. Cũng từ ngày 26 tháng 4, Sư đoàn 8 Quân khu 8 đã cắt hoàn toàn lộ 4 đoạn từ ngã ba Trung Lương lên giáp Tân An. Lực lượng Quân khu 9 cũng khống chế hẳn đoàn Cái Vồn - Ba còng. Con đường chiến lược độc nhất xuyên suốt đồng bằng sông Cửu Long bị bãm nát.

Về phía đông, ngày 26 tháng 4 Quân đoàn 2 cũng nổ súng tiến công căn cứ huấn luyện thiếp giáp Nước Trong, đánh chi khu Long Thành, ngày 27 tháng 4, chiếm thị xã Bà Rịa. Đường 15 bị cắt đứt hoàn toàn. Cùng đêm 26 tháng 4, Trung đoàn đặc công 116 bắt đầu đánh cầu xa lộ Đồng Nai. Tàu địch trên sông Lòng Tàu bị chặn đánh quyết liệt từ ngày 26 tháng 4 do lực lượng Trung đoàn 10 đặc công, trên đoạn từ Phước Khánh đến ngã ba sông Đồng Tranh và khóa chặt đường sông khi đánh chìm 1 tàu vào hôm sau.

Sân bay Biên Hòa bị bắn phá bằng pháo 130 ly của trận địa Hiếu Liêm từ ngày 15 tháng 4, nhiều máy bay bị phá hủy, sân bay bị rối loạn. Đến ngày 18 tháng 4 địch đã phải chuyển máy bay E5 về sân bay Tân Sơn Nhất và A37 về sân bay Lộ Tẻ, Cần Thơ. Và ngày 23 tháng 4 sân bay Biên Hòa bị đóng cửa hẳn cùng lúc với tòa lãnh sự Mỹ ở thị xã Biên Hòa. Địch chỉ còn 2 sân bay cuối cùng: Lộ Tẻ và Tân Sơn Nhất. Sân bay Tân Sơn Nhất cũng bị tên lửa 122 ly của Trung đoàn đặc công 117 ở phía tây và của cánh Bắc đặc công từ Quới Xuân bắn phá từng lúc gây khó khăn cho địch, nhưng mãi đến khi trận địa pháo nòng dài 130 ly Nhơn Trạch của Quân đoàn 2 đặt xong vào cuối ngày 28 tháng 4 bắn phá và trận tiến công độc đáo của không quân Việt Nam cũng ngày hôm ấy, dùng 5 chiếc A37 lấy của địch do đồng chí Nguyễn Thành Trung hướng dẫn thì sân bay Tân Sơn Nhất không còn phục vụ cho địch nữa. Sân bay Lộ Tẻ do pháo của Quân

khu 9 không chế từ ngày 28 tháng 4 nhưng do vùng địch kiểm soát có khó khăn nên mãi đến ngày 30 tháng 4 địch vẫn còn sử dụng được, tuy bị hạn chế.

Mỹ và ngụy đều đã thấy tình hình là tuyệt vọng.

“Từ trong các tường thành bao bọc cuộc sống của mình, chính Thiệu cũng bắt đầu nhìn thấy cái không thể tránh khỏi. Ông ta khó có thể tránh được nó. Trước rạng đông ngày 18, một tiểu đoàn đặc công sản đã tiến đánh trạm radar Phú Lâm ở ngoại ô phía tây của Sài Gòn. Như vậy là đã đưa chiến sự đến ngưỡng của thành phố. Khoảng 1 giờ sau, tướng Toàn, tư lệnh quân khu 3, từ chỉ huy sở của mình ở Biên Hòa bay về báo cáo Thiệu là: thực tế, cuộc chiến tranh đã thất bại, quân đội đã hỗn loạn và bị áp đảo về số lượng một cách tuyệt vọng. Không thể hy vọng sẽ giữ được thêm hai hoặc ba ngày nữa”¹.

Mác-tin là con người xa thực tế nhất, chủ quan hạng nặng, đến bây giờ cũng phải nhận ra sự thất bại không tránh đi đâu được và ra sức vận động Thiệu rút lui để mơ tưởng một âm mưu chính trị may ra cản bước tiến của quân ta. Từ xa rời thực tế này đến xa rời thực tế khác, Mác-tin quả là một con người chuyên sống bằng ảo vọng.

“Mác-tin đánh xe đến Phủ tổng thống gặp Thiệu, sáng ngày 20, sau khi gặp Mê-ri-ông (đại sứ Pháp), về cùng một chủ đề, cho cùng một mục đích. Y đã nói với Thiệu: “Tôi đã nói rằng kết luận của tôi là hầu hết các tướng lĩnh, mặc dù họ có thể tiếp tục chiến đấu, tin rằng sự phòng thủ là vô hy vọng trừ phi có một cuộc ngưng bắn nhờ thương lượng và họ không tin là thương lượng có thể bắt đầu được trừ phi tổng thống từ chức hoặc có các bước làm cho thương lượng bắt đầu được ngay”².

Ngày 21 tháng 4, Thiệu từ chức không biết có phải công của Mác-tin không.

Cũng trong ngày 28 tháng 4, Trần Văn Hương - Tổng thống ngụy quyền một tuần lễ, sức đã mòn, trí đã cạn, lại tưởng mình có “số trời cho” lăm le lấp biển vá trời, đã bưng tỉnh hay buộc phải tính, nhường “ngai vàng” lại cho Dương Văn Minh. Còn Minh, có lẽ do bản chất có phần thật thà, tin vào phù phép của tả phò Mác-tin và hữu trợ Mê-ri-ông, nên đã bị chúng gạt ra rìa từ lâu mà đến giờ chót còn cố vờn vai gánh chịu cái đầu hàng vô điều kiện.

Lại cũng chính trong ngày ấy, sở chỉ huy của quân đoàn 3 ngụy ở Biên Hòa hoàn toàn tan vỡ, rút chạy về Gò Vấp để qua ngày hôm sau tên tư lệnh của nó, tướng Toàn chạy theo tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên trốn qua Mỹ. Chỉ huy quân sự của chế độ Sài Gòn đã mất đầu.

Về phía sáng tác, chúng tôi chuyển gấp đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ trên Mặt trận Sài Gòn bức điện động viên sau đây để 22 giờ ngày 28 tháng 4 năm 1975:

¹ Phran Xnép, Sdd.

² Phran Xnép, Sdd.

“Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương gửi lời chào quyết thắng đến toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, các đồng chí hãy anh dũng tiến lên giành toàn thắng cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại”

CHƯƠNG TÁM

GIỜ TẬN SỐ CỦA MỘT CHẾ ĐỘ; CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH TOÀN THẮNG

Giờ “G” ngày “N” đã điểm. Đó là 00 giờ 00 ngày 29 tháng 4 năm 1975, giờ quy định hiệp đồng cho tất cả các cánh quân ta từ năm hướng nổ súng đồng loạt tiến công vào nội thành Sài Gòn, tiêu diệt quân địch phòng thủ, chọc thủng vào 5 mục tiêu trọng yếu nhất. Đó là giờ quy định cho tất cả các tổ biệt động, các đơn vị đặc công, từ nơi ém quân, đứng dậy cho nổ tung địch từ bên trong, chiếm lĩnh các mục tiêu được giao và bắt liên lạc với các cánh quân từ ngoài vào. Đó cũng là giờ quy định cho cán bộ Đảng, cán bộ chính trị, từ trong lòng nhân dân, vùng lên dẫn dắt đồng bào yêu nước nổi dậy diệt ác ôn, phá rã nguy quyền, vận động nguy quân bỏ súng đầu hàng, giành chính quyền vào tay nhân dân, làm cuộc đổi đời long trời dậy đất, xóa sạch kim kẹp áp bức, bất công, nô dịch.

Giờ “G” ngày “N” này là gốc mà Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh phát ra cho toàn mặt trận Sài Gòn. Hãy lấy đó mà tính toán từng công việc, từng hành động của anh, dù anh xa hay gần, dù anh khó hay dễ, anh gặp trở ngại hay thuận lợi, mà hành động trước hay sau, sớm hay muộn, đến giờ đó tất cả phải sẵn sàng ở tư thế của hổ sắp vồ mồi. Và tất cả từ đó nhất tề chồm lên dùng mãnh nhất, nhanh nhất vồ lấy mồi của mình nguyên vẹn và về hội sư ở điểm trung tâm: dinh Tổng thống nguy quyền.

Giờ “G” ngày “N” đó cũng là giờ quy định cho toàn B2 mà Bộ Tư lệnh Miền đã phát ra cho tất cả các quân khu, các tỉnh, các đơn vị, những nơi còn địch, để đồng loạt đứng lên tiến công tiêu diệt và đánh ngã quân thù, để đồng thời nổi dậy nắm lấy chính quyền, định đoạt số phận của mình. Xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện và tỉnh giải phóng tỉnh.

Đã có mấy giờ “G” mà hàng triệu trái tim rộn ràng, hồi hộp lo lắng vừa sung sướng đợi chờ. Đã có giờ “G” nào mà ta mong đợi từ mấy chục năm khói lửa ngất trời. Đã có ngày “N” nào mà hàng triệu người ngã xuống từng ngày, từng ngày, trong suốt hơn một vạn ngày cam go, chiến đấu, anh hùng hy sinh, để quyết định ra nó.

Ngồi trong Sở chỉ huy chiến dịch, mọi người chúng tôi lẳng lặng đợi. Tự nhiên tôi cảm thấy tinh thần thư thái lạ lùng. Vào giờ đó không còn gì mà lo nữa. Kiểm tra tất cả các cánh quân đều báo cáo thuận lợi và sẵn sàng. Các quân khu, các đơn vị xã cũng đã lập lại đúng giờ “G” ngày “N” không nhầm lẫn. Tất cả các mệnh lệnh đều đã phát đi và đã được trả lời nhận đúng. Còn công việc sắp tới? Hãy chờ súng nổ giống hệt như chờ pháo giao thừa. Giờ phút thư thái như vậy rất ngắn thôi, nhưng quý vô cùng. Nó giúp ta thái nốt khí độc nhọc nhằn còn lại của giờ trước và hút khí mới trong lành cho giờ sau của công việc khẩn trương sắp tới.

Đúng như giờ giao thừa, ầm vang tiếng pháo từ mọi hướng.

Hướng tây bắc, Quân đoàn 3 ta đã tiến công diệt Đồng Dù, căn cứ của sư đoàn 25 nguy, bắt tên tướng tư lệnh sư đoàn Lý Tông Bá, cho trung đoàn đặc công của mình đánh chiếm và giữ trước cầu Bông trên đường số 1 và cầu Xáng trên đường 15. Quân đoàn đánh vào nội thành theo 2 đường, đường chính là đường số 1 và đường phụ là đường 15 nhưng khi qua cầu Xáng, cầu bị sập, 2 xe tăng rớt xuống nước nên cánh quân đường 15 lại chuyển đi đường 1 tiến về Hóc Môn. Lực lượng tỉnh Tây Ninh phối hợp chặn diệt quân của sư đoàn 25 không cho chúng từ Tây Ninh rút về và lần lượt cùng nhân dân giải phóng tỉnh mình. Bộ đội địa phương quận Củ Chi đã phối hợp với chủ lực đánh Đồng Dù và chiếm chi khu. nhân dân vùng Củ Chi do má Bảy (má Nguyễn Thị Lánh), một đảng viên 76 tuổi đã có 3 con trai hy sinh cho Tổ quốc, dẫn đầu chiếm chi khu cảnh sát rồi cả quận lỵ Củ Chi, giữ nguyên vẹn giao cho bộ đội địa phương quận. Chính má Bảy đã tự leo lên cấm cờ tại chi cảnh sát trong lúc địch còn ở đây. Chúng đã run sợ trước ánh mắt căm thù của một mẹ già tóc bạc, trước lực lượng tay không của nhân dân nổi dậy, vút súng bỏ chạy.

Trước mặt Quân đoàn 3, trong ngày 29 tháng 4, Tiểu đoàn 14 đặc công đã chiếm cầu Chợ Mới, đài phát thanh Quán Tre, chi khu cảnh sát và trường huấn luyện Quang Trung ở Hóc Môn tan rã bỏ chạy. Trung đoàn 1 Gia Định giải phóng 1 xã Tân Thới Nhất và Xuân Thới Thượng, chiếm cầu Tham Lương. Tiểu đoàn 4 Trung đoàn Gia Định cùng Trung đoàn đặc công 115 giải phóng xã Tân Thới Hiệp và mở hai cửa mở phía bắc sân bay Tân Sơn Nhất chờ lực lượng quân đoàn tới để đột phá tiến công. Tăng sáng ngày 30 tháng 4, Quân đoàn 3 từ Hóc Môn tiến chiếm mục tiêu chủ yếu của mình, đánh bại các cuộc phản kích và làm chủ toàn bộ sân bay lúc 14 giờ trong ngày.

Hướng bắc, Quân đoàn 1 đánh chiếm thị trấn Tân Uyên, bao vây căn cứ Phú Lợi và chọc thẳng xuống Lái Thiêu để tiến công vào nội đô. Toàn bộ sư đoàn 5 nguy bị bao vây cô lập giữa 2 cánh quân của ta - Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1. Không còn đường chạy và bị bộ đội địa phương phối hợp với quân đoàn tiến công, sư đoàn 5 nguy liền treo cờ trắng đầu hàng. Cả ba trung đoàn (7, 8, 9) đều hạ súng đầu hàng tại chỗ. Tiểu khu Bình Dương cũng treo cờ trắng vào sáng ngày 30 tháng 4, Quân đoàn 1 vượt qua cầu Bình Phước tiến về mục tiêu chủ yếu: Bộ tổng tham mưu. Cầu Bình Phước đã do Trung đoàn đặc công 115 đánh chiếm từ

sáng ngày 29 tháng 4, bị địch phản kích chiếm lại. Từ Sở chỉ huy được tin địch gài mìn định phá cầu Bình Phước, chúng tôi liền điện gấp cho Trung đoàn 115: "Đánh chiếm và giữ cho được cầu Bình Phước... Cắt đứt ngay dây mìn địch đã gài sẵn ở cầu...". Rạng sáng ngày 30 tháng 4, trung đoàn đánh lại và giữ cầu luôn đến lúc Quân đoàn 1 vượt qua. Phía trước Quân đoàn 1, Tiểu đoàn 80 đặc công đã cùng các đội biệt động đêm 28 tháng 4 tiến công căn cứ pháo Cổ Loa ở Gò Vấp đến sáng ngày 30 tháng 4 mới chiếm được. Cùng sáng hôm ấy lúc 9 giờ 20 phút, tiểu đoàn đã chiếm căn cứ thiết giáp "Phù Đổng". Tại Bộ tổng tham mưu địch, sáng ngày 30 tháng 4, không còn chỉ huy, quân nguy đã mất hết tinh thần, có bọn đã bỏ trốn. Nhưng tại các cửa vào, bọn biệt kích dù 81 vẫn còn ngoan cố giữ. 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, đội biệt động Z28 do đồng chí Bẩy Vinh chỉ huy đã đánh vào cổng 1 không thành công liền chuyển qua cổng 3. Ở đây có một số xe tăng bỏ không, địch trên xe đã chạy. Tổ liền lấy súng địch trang bị đầy đủ, lên một xe jeep đột thẳng vào trung tâm diện toán. Tên đại tá Hồ phụ trách ở đây đã giao nguyên vẹn cơ sở này cho tổ. Hệ thống máy IBM và toàn bộ băng từ quản lý nhân sự và trang bị nguy còn đầy đủ. Lúc ấy là 10 giờ. Tổ liền lên xe chạy đến tòa nhà chính của Bộ tổng tham mưu. Tất cả quân nguy đã chạy trốn, còn lại một số hạ sĩ đón tổ bàn giao chum chìa khóa với toàn bộ văn kiện và tài sản còn nguyên. Hạ sĩ nguy ấy là đồng chí Ba Minh - tình báo Miền cài vào làm việc ở Bộ tổng tham mưu nguy từ lâu (sau này là cán bộ tại Bộ Tham mưu Quân khu 7). Lá cờ Giải phóng được treo lên cột cờ chính và nóc nhà chính ở đây vào hồi 10 giờ 30 phút. Đúng 12 giờ ngày 30 tháng 4, đồng chí Vinh (sau này là Trung tá Lê Văn Vinh - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Phó tham mưu trưởng Tỉnh đội Tây Ninh) đã đón lực lượng của Quân đoàn vào và chuyển giao lại mục tiêu cho bạn. Trên cánh này nhân dân đã nổi dậy phối hợp với biệt động, đặc biệt là ở xã An Phú Đông, diệt cơ quan tề, cảnh sát xã và xây dựng ngay chính quyền mới. 9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng tại chỗ, nhân dân đã chiếm phường 2 thị trấn Gò Vấp. Sớm hơn nữa chiều 29 tháng 4, đồng chí Thuần cán bộ quận đã lãnh đạo quần chúng chiếm và treo cờ ở trụ sở phường 1 quận Phú Nhuận.

Hướng tây, Đoàn 232 sáng ngày 29 tháng 4 đã chiếm thị xã Hậu Nghĩa, chi khu Đức Hòa bảo đảm sườn trái, một bộ phận diệt sư đoàn 22 nguy chiếm thị xã Tân An, thị trấn Bến Lức, cầu Bình Điền sau đó tiến vào Sài Gòn theo lộ 4 bảo đảm sườn phải. Bộ phận chủ yếu thọc sâu, Sư đoàn 9, từ Mỹ Hạnh, Vĩnh Lộc đánh chiếm thẳng vào ngã tư Bảy Hiền, tiến chiếm mục tiêu chủ yếu, Biệt khu thủ đô nguy, lúc 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4. Trên khu vực ngã tư Bảy Hiền địch đã cố sức chống cự, dùng cả 1 tốp A37 đánh bom và đội hình quân ta gây một số thiệt hại.

Trung đoàn đặc công 429 và Trung đoàn 117 phối hợp với cánh tây trong hai ngày 29 và 30 đã chiếm một số mục tiêu then chốt như đài ra đa Phú Lâm, khu Tân Tạo, khu ngã 5 Vĩnh Lộc, trung tâm phát tín Phú Thọ, cầu Bà Hom, cầu Nhị Thiên Đường.

Nhân dân các xã vùng Hóc Môn, Bà Điểm đặc biệt là ở xã Phú Thọ Hòa, đã nổi dậy vận động địch hạ súng đầu hàng, phá rã nguy quyền, treo cờ giải phóng. Nhiều xã xây dựng chính quyền cách mạng. Tại quận 11, chị Út Vân và anh Sáu Hoàng - cán bộ Đảng tại chỗ đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy chiếm chính quyền phường 8, lúc 9 giờ ngày 30 tháng 4 và chiếm luôn tòa hành chánh quận lúc 9 giờ 15 phút trước khi quân ta tiến vào.

Hướng nam, như phần trên đã nói, tuy có nhiều khó khăn, cũng về tới đích đúng thời gian quy định và nhanh chóng chiếm được mục tiêu chủ yếu: Tổng nha cảnh sát. Các kho tài liệu hồ sơ, văn kiện tư liệu đang làm việc dờ dề trên bàn giấy còn y nguyên ở đó.

Hướng đông, Quân đoàn 4 theo đường số 1, đánh thẳng vào sân bay Biên Hòa, thị xã Biên Hòa và chỉ huy sở bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy. Lực lượng còn lại của sư đoàn 18, lữ đoàn 3 thiết giáp, thủy quân lục chiến nguy ra sức ngăn chặn liên tục phản kích, tất cả các mũi đều phải tiến chậm. Lực lượng thọc sâu gồm Sư đoàn 7 và dự bị là Lữ đoàn 52, sáng sớm ngày 30 tháng 4 bộ phận đi đầu đã đến cầu Ghềnh nhưng thấy cầu yếu sợ xe tăng không qua được, phải quay đội hình trở lại xa lộ Biên Hòa, theo sau Quân đoàn 2 về Sài Gòn chiếm trụ sở Bộ quốc phòng nguy, căn cứ hải quân và đài phát thanh.

Nhân dân quận Bình Thạnh được chị Ba Liễu phát động và chỉ huy, đã chiếm trụ sở phường 13 lúc 9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4.

Quân đoàn 2, một cánh chiếm Bà Rịa, Vũng Tàu (Sư đoàn 3 Quân khu 5) một cánh đánh Long Thành, qua chiến khu Nhơn Trạch, đặt trận địa pháo 130 ly ở đây và chuẩn bị cho một bộ phận vượt sông Đồng Nai phối hợp với đặc công biệt động tiến vào Quận 9. Cánh chủ yếu đánh vào Sài Gòn đi đầu là lữ đoàn xe tăng 203. Đến sông Buông, cầu bị đánh sập. Cả ngày 29 tháng 4, Lữ xe tăng 203 qua không được. Đến giữa đêm mới qua khỏi cầu sông Buông và tiến thẳng lên xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn. Ở đây, Lữ xe tăng 203 tiếp xúc được với lực lượng ta đang giữ cầu. Một bộ phận của Trung đoàn 116 làm nhiệm vụ chiếm giữ cầu Đồng Nai, đã mở rộng chiếm luôn một góc kho Long Bình (giải phóng 2 xã An Hòa và Long Hưng). Trung đoàn 116 liền tổ chức công sự phòng giữ ở đây. Vào lúc quá nửa đêm, Lữ xe tăng 203 ta vừa tiến vừa bắn dữ dội về phía trước. Tưởng địch, chiến sĩ đặc công chốt giữ đã dùng B40, B41 bắn trả lại. May mà không trúng. Nhưng nhờ anh lửa của đạn, anh em nhận ra cờ Mặt trận cắm trên xe tăng (lúc đó là 03 giờ ngày 30 tháng 4) liền hỏi khẩu hiệu:

- Hồ Chí Minh?
- 19 tháng 5 - trả lời (chiến sĩ xe tăng nhớ lầm khẩu hiệu lúc ở Khu 5).
- Hồ Chí Minh? - Hỏi lại lần thứ hai.
- Muôn năm - trả lời.

Đúng rồi. Thôi bắn. Anh em mừng rỡ, phát cờ nhận nhau.

Trên xa lộ này có ba cầu trọng yếu nhất, đó là cầu Đồng Nai, cầu Rạch Chiếc và cầu Tân Cảng.

Đêm 26 tháng 4, Trung đoàn đặc công 116 đã bắt đầu đánh chiếm cầu Đồng Nai nhưng ngày 27 địch phản kích chiếm lại. Đêm 28 tháng 4 đơn vị lại chiếm lại đầu cầu phía đông, đánh sang đầu cầu phía tây và tổ chức chốt giữ phòng ngự. Chiều 29 tháng 4 có tiếng của nhiều xe di chuyển trên đường 15 từ Long Thành về Sài Gòn. Trinh sát báo cáo tất cả có 15 xe địch, đi đầu là 5 xe tăng và thiết giáp, nhưng xe sau đây lính có cả phụ nữ, trẻ em và có cả bộ binh đi hai bên đường. Mở máy bộ đàm PRC-25 của Mỹ, chỉ huy trung đoàn đã nghe một đoạn nói chuyện ngắn vội vã:

- Khi xe máy qua cầu dứt đuôi thì dùng 5 tấn thuốc nổ phá sập luôn cầu.
- Còn đơn vị sau làm sao?
- Không đi đường này nữa. Đó là lệnh chỉ huy. Việt cộng đang đuổi sau lưng mây. Nó sập cầu ngay!

Bộ đội ta vẫn giữ kín được trận địa phục kích. Đoàn xe không hay biết tiến đến cách cầu khoảng 1km (đoạn ngã ba Bến Gỗ). Lập tức súng B40, B41 và các loại cùng nổ. 5 chiếc xe đầu bị diệt. Một số bỏ xe, leo qua hàng rào kho Long Bình chạy bộ, những xe sau quay đầu chạy tất về hướng Biên Hòa.

Thừa thắng, đơn vị phát triển chiếm luôn một góc kho Long Bình (hướng tây tây nam). Cầu được giữ nguyên vẹn cho đến cuối cùng.

Còn ở cầu Rạch Chiếc, cuộc chiến đấu cũng xảy ra rất ác liệt. Đội biệt động Z23 cùng tiểu đoàn 81 đặc công do đồng chí Nguyễn Hoàng Ân - chỉ huy trưởng, Trần Kim Thi - chỉ huy phó và Nguyễn Văn Tư - chính trị viên, chỉ huy chung có trách nhiệm chiếm giữ cầu này. Ba giờ ngày 27 tháng 4 nổ súng, sau 1 giờ chiến đấu, anh em đã làm chủ toàn bộ cầu, cẩn thận cắt tất cả dây điện giăng dưới cầu. Cả ngày 27, bộ binh địch kết hợp với tàu dưới sông đã phản kích lại quyết liệt. Mãi đến 15 giờ ngày 28 tháng 4, Z23 kiên cường đã có 20 đồng chí hy sinh. Lực lượng ta phải tạm lui vào rạch nhỏ dựa nước và ô-rô cách đường khoảng 500 mét. Lo trách nhiệm, đêm 28 tháng 4, Z23 lại tổ chức tiến công lại. Nhưng không thành công. Đến đêm 29 tháng 4, toàn bộ đơn vị mới đánh chiếm được cầu lần thứ hai và giữ cho đến khi xe tăng ta vượt cầu vào 9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4.

Buổi sáng 30 tháng 4, ở dinh Độc Lập, Dương Văn Minh đang chủ trì cuộc họp các tổng trưởng của chính quyền Sài Gòn để chuẩn bị cho lễ ra mắt "tân nội các" dự định sẽ tiến hành vào 10 giờ sáng. Nhưng khi nhận được tin các đơn vị nòng cốt bảo vệ vòng ngoài đều bị tiêu diệt và tan rã, các binh đoàn, quân đoàn của ta từ nhiều hướng đã tràn vào nội đô, Dương Văn Minh buộc phải đưa ra một bản tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn xin "ngừng bắn... để cùng thảo luận về việc bàn giao chính quyền".

Nhưng khi các cánh quân của ta từ nhiều hướng dũng mãnh đè bẹp mọi sự kháng cự cuối cùng của địch, đang ồ ạt tiến vào nội đô Sài Gòn, thì mọi tính toán của chính quyền Sài Gòn đã quá muộn!

Cũng trong sáng ngày 30 tháng 4, từ Hà Nội, Bộ Chính trị điện chỉ thị cho mặt trận như sau:

“Tiếp tục tiến vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của địch”.

Nhận được điện chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã lệnh cho các quân khu, quân đoàn, đơn vị tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh.

1. Các quân khu, quân đoàn, đơn vị tiếp tục phát triển tiến công thật nhanh vào các khu vực và mục tiêu đã quy định trong thành phố và địa phương.

2. Kêu gọi quân địch đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí, bắt giữ và tập trung các sĩ quan địch từ cấp tá trở lên.

3. Nếu chỗ nào địch chống cự thì lập tức tiến công tiêu diệt ngay.

Khi nghe đài phát thanh Sài Gòn thông báo tổng thống chính quyền Sài Gòn yêu cầu ngừng bắn thì cán bộ, chiến sĩ ta hiểu rằng giờ toàn thắng đã đến và càng quyết tâm tiến nhanh vào chiếm dinh Độc Lập, bắt toàn bộ bọn đầu xỏ chính quyền Sài Gòn.

Đoàn xe tăng, cơ giới của Quân đoàn 2 tiến vào tới trước cửa dinh Độc Lập. Xe tăng 843 do đại đội trưởng Bùi Quang Thận trực tiếp làm trưởng xe luôn luôn dẫn đầu; kíp xe gồm: Thái Bá Minh, Nguyễn Văn Kỳ và Lữ Văn Thái. Tiếp sau là xe 390 do chính trị viên đại đội Vũ Đăng Toàn chỉ huy; kíp xe gồm: Lê Đình Phương, Nguyễn Văn Tập và Ngô Sĩ Nguyên; riêng pháo thủ Đỗ Cao Trường bị thương phải ở lại tuyến sau. Xe 843 tiến đến trước hàng rào dinh Độc Lập húc thẳng vào cổng phụ, bên cạnh cổng chính, xe bị mắc kẹt, dừng lại. Ngay lúc đó, xe 390 lao lên, húc đổ cổng chính dinh Độc Lập. Trung úy đại đội trưởng Bùi Quang Thận từ xe 843 cầm lá cờ Giải phóng chạy lên cắm trên đỉnh nóc dinh Tổng thống ngay quyền Sài Gòn. Lúc ấy là 11 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Cùng thời gian, Trung đoàn phó Trung đoàn 66 Phạm Xuân Thệ và một số cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn và biệt động thành Sài Gòn tiến vào dinh Độc Lập bắt tổng thống Dương Văn Minh cùng toàn bộ những nhân vật chủ chốt của các nội các chính quyền Sài Gòn¹.

¹ Nội các chính quyền Sài Gòn bị bắt gồm có Dương Văn Minh - Tổng thống, Nguyễn Văn Huyền - phó tổng thống, Vũ Văn Mẫu - thủ tướng chính phủ, Bùi Tường Huân - phó thủ tướng, Nguyễn Văn Hảo - phó thủ tướng kiêm bộ trưởng kinh tế, Lý Quang Trung - bộ trưởng thông tin, Nguyễn Văn Diệp - bộ trưởng thương mại, Lê Quang Trưởng - bộ trưởng bộ tài chính, Nguyễn Văn Ba - thứ trưởng thông tin, Bùi Thế Dung - thứ trưởng quốc phòng, Nguyễn Hữu Hành - chuẩn tướng phụ tá tổng thống, Vũ Quang Chiêm - đại tá chánh văn phòng phủ thủ tướng.

Ngay sau đó, đồng chí Phạm Xuân Thệ cùng một số cán bộ, chiến sĩ áp giải tổng thống Dương Văn Minh đến đài phát thanh. Trong lúc đồng chí Thệ và các đồng chí cán bộ Trung đoàn 66 soạn thảo nội dung lời tuyên bố đầu hàng, thì đồng chí Bùi Văn Tùng - Chính ủy Lữ đoàn xe tăng 203 đến, mọi người cùng bàn bạc soạn thảo tiếp.

Dương Văn Minh buộc phải tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn: “Tôi: Đại tướng Dương Văn Minh - tổng thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi quân lực cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện Quân giải phóng miền Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ Trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn, giao lại cho Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam”. Tiếp đó đồng chí Bùi Văn Tùng vinh dự thay mặt các đơn vị Quân giải phóng đánh chiếm dinh Độc Lập, đồng dạc tuyên bố: “... Chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của Tổng thống chính quyền Sài Gòn... Thành phố Sài Gòn - Gia Định đã hoàn toàn giải phóng”.

Từ đài phát thanh Sài Gòn vừa được giải phóng, tiếng nói của đội quân chiến thắng được truyền tới khắp mọi miền Tổ quốc và tới khắp năm châu, bốn biển, báo tin vui sự nghiệp giải phóng miền Nam đã hoàn thành, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã toàn thắng.

Tại Sở chỉ huy, chúng tôi chăm chú theo dõi từng giờ các mũi tiến quân của từng hướng. Trên bản to trải bản đồ vùng Sài Gòn và xung quanh, mọi người nhìn theo vạch bút chì đỏ mà cán bộ tham mưu, từng lúc, căn cứ vào báo cáo của các cánh, vẽ, đánh dấu nơi quân ta đến, mục tiêu ta đã chiếm. Bỗng một đồng chí cán bộ vừa reo mừng vừa xách máy ghi âm vào để lên bàn: tiếng nói của Dương Văn Minh trên đài phát thanh xin đầu hàng vô điều kiện và lệnh cho quân ngụy hạ súng đầu hàng. Tất cả đổ xô đến, im lặng, lắng nghe.

Mọi người nhảy lên reo mừng. Các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng đều xúc động mạnh, ôm hôn mọi người, bắt tay nhau thật chặt. Có mấy phút giây trong đời ta mà sung sướng đến nghẹn ngào, mừng vui trào nước mắt. Tự nhiên tôi cảm thấy như tâm hồn mình trong suốt, nhẹ lâng lâng, mọi thứ như đọng xuống tận đáy sâu. Chiến tranh sắp chấm dứt hoàn toàn rồi. Một cuộc chiến tranh dài ngày, khốc liệt mà biết bao nhiêu đồng chí, đồng bào không còn trong giờ phút này để cùng hả hê vui sướng. Đồng chí, đồng bào đã ngã xuống cho ta có giờ phút hôm nay.

Sài Gòn, ngày 30 tháng 4 rực rỡ nắng vàng. Khắp phố phường, cờ giải phóng nửa đỏ nửa xanh, xen kẽ với cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió. Nhân dân cả thành phố đổ ra đường, hạ cờ ngụy, treo cờ ta kêu gọi binh sĩ ngụy buông súng đầu hàng, giải tán ngụy quyền, xây dựng chính quyền cách mạng. Tất cả thành phố đứng lên, giữ trật tự, bảo vệ các nhà máy, cơ sở, cho cách mạng, cho bản thân. Bao nhiêu năm mới có ngày nay. Nhớ ngày 25 tháng 8 năm 1945 cũng tương tự như thế này, rầm rập bước chân cách mạng. Mừng mừng, tủi tủi nhìn

anh bộ đội giải phóng, bộ đội Cụ Hồ, nhìn những chiếc xe tăng khổng lồ, những khẩu pháo lớn quá cỡ. Có con ta, có anh mình cùng về trong đoàn quân chiến thắng? Có chú ta, có cô ta ngồi trên xe tăng hay xe kéo pháo hùng dũng tỏa khắp nơi? Từng đám đông, phố nào cũng có, vây quanh các anh giải phóng, hỏi han trò chuyện. À, không giống lính ngự chút nào. Các anh hiền quá, đẹp quá. Các con trẻ quá, thương quá.

Sài Gòn một ngày hành động. Đúng ra là đã hành động từ mấy ngày nay. không phải chỉ là hoan hô, reo mừng, tiếp đón như một đôi ngày lịch sử trước đây. Ngày 31 tháng 1 năm 1975, ngày Tết Kỷ Dậu, nhân dân kinh thành Thăng Long đã đổ ra đường mừng vui, tự hào, tin tưởng, nghênh đón đoàn quân chiến thắng của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ tiến vào giải phóng kinh thành. Nhà thơ Ngô Ngọc Du đã tả không khí tung bừng ngày chiến thắng năm ấy:

"Mây tạnh, mù tan, trời lại sáng

Đầy thành già trẻ, mặt như hoa".

Ngày nay, ở thành phố Sài Gòn, một thành phố lớn nhất trong cả nước, một thành phố đã chiến đấu từ nhiều năm nay dưới sự lãnh đạo của Đảng, không khí tung bừng cũng giống như vậy. nhưng còn hơn như vậy, một không khí sục sôi nổi dậy hào hùng, mà mỗi người có góp phần của mình vào chiến công hiển hách giữ cho thành phố thân yêu nguyên vẹn, cho nhân dân hạnh phúc trọn lành.

Sinh hoạt bình thường ở Sài Gòn có gì khác, trước và sau 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4? Khác là trước khi súng đạn nổ vang, nhà nhà lo lắng, người người hành động. Còn sau đó thì cờ, biểu ngữ phấp phới bay, phố phường bỗng trở thành ngày hội. Đông chật khắp nẻo nhưng trật tự vui tươi. Điện nước, mọi nhà vẫn đầy đủ, dòng đời không ngừng một phút. Có cuộc chiến tranh nào kết thúc ở một thành phố cỡ ba triệu rưỡi dân như vậy không? Hay đây là một kỳ công lịch sử hiếm có. Kỳ công đó chính là trí tuệ lãnh đạo của Đảng ta: kết hợp tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, kết hợp đánh từ ngoài vào và đánh từ trong ra. Khác đi thì trạng thái không như vậy được và cũng sẽ không thắng được. Và kết quả thực tế đã rõ.

Nhà máy cung cấp nước cho thành phố nằm ở Thủ Đức đã được Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Nguyễn Văn Muống đứng đầu, phát động quần chúng, hò dọa đuổi địch, chiếm lĩnh làm chủ nhà máy nhiều giờ trước khi quân ta tiến vào thành phố. Ở đây trong và xung quanh nhà máy, địch đã đóng một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, một tiểu đoàn cao xạ, một đại đội bảo an, và đến ngày 28 tháng 4 địch lại kéo về đây thêm khoảng 40 xe tăng và thiết giáp. Địch lại trang bị cho phòng vệ dân sự tại nhà máy 30 súng, nhưng số súng này phần lớn nằm trong tay của quần chúng có tổ chức của ta. Đồng chí Muống rất lo lắng. Công đoàn quận Thủ Đức, do đồng chí Thành Đô đại diện đã giao nhiệm vụ cho đồng chí Muống phải tổ chức cho được công nhận và bằng mọi cách bảo vệ nhà máy được nguyên vẹn.

Ngày 30 tháng 4, khi nghe xe tăng ta từ Biên Hòa tiến về gần đến, đồng chí Muống đã lãnh đạo quần chúng công nhân tung tin tác động hù dọa quân ngụy và tự mình trèo lên nóc nhà treo cờ thật lớn đã chuẩn bị từ trước. Quân ngụy hoảng hốt tưởng quân giải phóng đã tiến vào nhà máy, liền tan rã bỏ chạy, có bọn bỏ cả xe chạy bộ. Đồng chí Muống đã tổ chức đội vũ trang bảo vệ và Ban tự quản nhà máy, tiếp tục điều hành hoạt động bình thường cung cấp nước cho thành phố không một giờ gián đoạn.

Còn nhà máy điện ở Thủ Đức là do đội biệt động Z23 đánh chiếm. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở cầu Rạch Chiếc, Z23 được lệnh chiếm Nhà máy xi măng Hà Tiên, khu tôn trữ, Nhà máy Zét-cô (nay là Liên hợp công trình 4) và nhà máy điện, tổ chức bảo vệ an toàn và điều khiển công nhân tiếp tục điều hành công việc. Điện ở thành phố Sài Gòn thực sự chỉ gián đoạn trong vòng 2 tiếng đồng hồ trong ngày 30 tháng 4. Tất cả các đêm và sau đó liên tục đèn vẫn sáng trưng mọi nhà, công sở và đường phố.

Hầu như ở tất cả các nhà máy, từ những nhà máy dệt, nhà máy thực phẩm đến các nhà máy cơ khí... công nhân đều tham gia bảo vệ nhà máy, giữ an toàn máy móc, phương tiện cho đến khi có ban quân quản chính thức đến quản lý. Ở tất cả các công sở của trung ương cũng như của thành phố, nhân viên công chức đều giữ nguyên hồ sơ, tài liệu, phương tiện làm việc để sẵn sàng giao nộp cho chính quyền cách mạng.

Thật là một cuộc chuyển tiếp vô cùng đẹp đẽ từ một chế độ qua một chế độ. Không một đổ vỡ nặng nề nào. Không một cuộc trả thù hèn mọn rối loạn nào. Chỉ có cách mạng chân chính, chiến tranh nhân dân thực sự, toàn dân phục tùng nghĩa lớn của Đảng ta thì mới được như vậy. Lực lượng vũ trang nhân dân ta, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh anh hùng xứng đáng được khen ngợi vì chiến công rực rỡ.

Chúng tôi sung sướng, chuyển ngay đến cán bộ, chiến sĩ đảng viên, đoàn viên, nhân dân Sài Gòn bức điện khen của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta ngay trong ngày 30 tháng 4:

"Bộ Chính trị nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, thuộc các đơn vị chủ lực, địa phương, bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ, đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc chúng phải đầu hàng không điều kiện giải phóng Thành phố Hồ Chí Minh, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng.

Toàn thể các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng cùng đồng bào tiếp tục tấn công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc.

Bộ Chính trị"¹.

¹ Tư liệu Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

*

Trong lúc cuộc tiến công và nổi dậy ở Sài Gòn và miền Đông Nam Bộ như vậy thì ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, cả ở hải đảo xa xôi như Phú Quốc, Côn Đảo, làn sóng cách mạng của nhân dân dâng lên cuộn cuộn. Quân và dân hiệp đồng tiến công và nổi dậy rất chặt chẽ, lần lượt quét sạch quân thù, giải phóng hết tỉnh này đến tỉnh khác. Phong trào đã được chuẩn bị và phát động từ rất sớm, từ sau tháng 10 năm 1974 là lúc có chỉ thị của Trung ương Cục, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện và tỉnh giải phóng tỉnh, cán bộ và nhân dân đều nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương đúng đắn này. Hàng vạn thanh niên đã dẫu quân tham gia lực lượng vũ trang chiến đấu. Hàng chục vạn quần chúng đi tham gia dân quân tảo điền, tảo thương. Tất cả các đoàn thể dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp uỷ Đảng địa phương, huy động lực lượng mình sẵn sàng tham gia đồng khởi. Truyền thống cách mạng của đồng bằng sông Cửu Long đã chứng tỏ qua nhiều phong trào từ cách mạng tháng Tám 1945, qua thời chống Pháp, tới “Đồng khởi” năm 1960 và suốt thời gian chống Mỹ. Ngày nay hàng triệu tấm lòng mang ơn Đảng, có đất ruộng cày, có đời sống khá khá, đang chờ ngày giải phóng quê hương mình.

Tỉnh được giải phóng sớm nhất là “Tỉnh dẫn đầu hai tháng chiến dịch mùa khô 1974 - 1975”, như khu Tây Nam Bộ khen tặng, tỉnh được tặng thưởng Huân chương Thành đồng hạng nhất của chính phủ Cách mạng lâm thời, là tỉnh Trà Vinh, thuộc Quân khu 9.

15 giờ ngày 28 tháng 4 mệnh lệnh của Ban chỉ huy chiến dịch tổng hợp tỉnh ban hành. Từ thị xã đến các huyện nô nức ra quân. Đêm 29 tháng 4 toàn tỉnh nổ súng.

Đến 7 giờ ngày 30 tháng 4 tại thị xã, các đồn bảo an, trận địa pháo, sân bay đều đã được giải phóng. Nhân dân từ trong và ngoài thị xã có trên 30.000 đồng bào gốc Việt, gốc Khơ-me sát cánh xuống đường tước súng ngụy, giải tán các tế ấp, tế xã, phường khóm. Kế cả các huyện thì có đến 180.000 quần chúng tham gia nổi dậy cướp chính quyền. Đến giờ đó chỉ còn lại dinh tỉnh trưởng ngụy quyền. Cuộc chiến đấu hết sức ác liệt của lực lượng tỉnh gồm cả bộ đội địa phương, đặc công, công an vũ trang do anh Mười (Nguyễn Tấn Tài) và anh Hai Trị chỉ huy. Có tới 50 đồng chí ta hy sinh tại hàng rào dinh tỉnh trưởng. Anh Hai Trị - người chỉ huy kiên cường cũng đã ngã xuống tại đây. 8 giờ ngày 30 tháng 4 cuộc chiến đấu vẫn ác liệt, bao vây chặt bốn phía. Ngay lúc ấy Lục cả Sơn Xốt ở chùa Xôn Rôm đã tình nguyện vào thuyết phục tên đại tá tỉnh trưởng ngoan cố, mở cho nó con đường thoát, chuộc tội với đồng bào. Đến 10 giờ 30 phút toàn bộ lực lượng ngụy đã chịu hạ súng đầu hàng, 11 giờ, cách mạng đã pháp phối bay trên dinh tỉnh trưởng. Tỉnh lỵ Trà Vinh được giải phóng sớm hơn Sài Gòn một ít.

Tiêu biểu là điểm nổi dậy nữa trong tỉnh là tại đồn Mỹ Khê huyện Càng Long. Ở đây, đồng bào tay không đã bao vây và tiến vào đồn. Một tên trung úy

cảnh sát nguy cho nổ một trái mìn Clây-mo giết chết 4 người dân và bị thương 12 người khác. Lập tức hàng trăm đồng bào tràn vào cướp đôn, bắt sống toàn bộ lính nguy. Tên trung úy cảnh sát đã bị xử tử trước mặt đông đảo nhân dân.

Nơi sau cùng giải phóng trong tỉnh là huyện Duyên Hải. Lúc đó là 20 giờ ngày 30 tháng 4.

Một tỉnh có vị trí quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long, không xa Sài Gòn bao nhiêu, là bàn đạp để từ đồng bằng chi viện cho trung tâm đầu não nguy quyền, nguy quân nếu chúng có khả năng, đó là tỉnh Tiền Giang, bao gồm tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Ở đây địch đã tập trung gần đủ cả 2 sư đoàn 7 và 9 của chúng với lực lượng thiết giáp và pháo binh mạnh. Chúng cố giữ cho được con đường số 4 là con đường sống còn của chúng nhưng ngay từ 26 tháng 4 như phần trên đã nói, đường số 4 đã bị chiếm từ đoạn cắt đứt địch ra nhiều mảnh. Về giao thông chiến lược đi ngang qua tỉnh còn có kênh Chợ Gạo, một đường nước vận tải nội địa nối liền từ vùng Cà Mau đến Sài Gòn, con đường lúa gạo hết sức quan trọng từ xưa đến nay. Đồng bào Tiền Giang đã từng tham gia biết bao phong trào chống ngoại xâm từ những ngày đầu quân Pháp mới đến, rồi quân Xiêm mà Nguyễn Ánh đã “công rấn cắn gà nhà” ở Rạch Ngầm, có một phần Đồng Tháp Mười nổi tiếng, có phong trào từ năm 30, 40 cho đến ngày nay. Riêng trong tháng 4 đã có đến 40.000 người tham gia cắt đường và đắp cản trên kênh Chợ Gạo. Đã có hàng vạn người xuống đường tham gia tiến công và nổi dậy giải phóng tỉnh nhà.

Nơi chiếm lược chính quyền sớm nhất trong tỉnh là ở quận Chợ Gạo. Lực lượng bộ đội địa phương cùng an ninh vũ trang, biệt động đã tiêu diệt địch, giải phóng hoàn toàn thị trấn vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4. Từ đó bộ đội đã phát động quần chúng lan ra giải phóng toàn huyện.

Ở Gò Công sự việc diễn biến có khác. Tỉnh lỵ nằm ở vùng sâu, bộ đội tỉnh không nhiều và phải ở xa phía tây. Khi nghe nguy quân, nguy quyền trung ương ở Sài Gòn đã đầu hàng. Quần chúng nhân dân đã rùng mình kéo ra thị xã Gò Công dùng loa tay và cả loa điện kêu gọi binh lính địch buông súng trở về quê cũ làm ăn. Gia đình binh sĩ ứa vào trong đôn bốt, lôi con em ra bắt vút mọi thứ về với cha mẹ anh em. Cán bộ đảng, cán bộ chính trị tại chỗ đã khéo léo lãnh đạo bà con giải tán tổ nguy, phá bốt canh, thu gom súng đạn. Cả một tỉnh lỵ của địch tan nát rã rời. Nhân dân đã làm chủ hoàn toàn vào lúc 13 giờ ngày 30 tháng 4. Sau đó nào xe lam, xe hàng từ thị xã chạy về đến Vĩnh Hựu chở bộ đội về cho nhanh để tiếp quản. Toàn quận lỵ Gò Công được giải phóng lúc 14 giờ 30 phút cùng ngày.

Gò Công đã có truyền thống dùng sức mạnh đồng khởi của nhân dân chống địch. Năm 1954, trước ngày ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, chỉ một đại đội bộ đội địa phương cùng dân quân và đồng bào, mỗi đêm tiêu diệt bực hàng hàng loạt 30-40 đôn bốt và đến ngày ngừng bắn hầu như chỉ còn có thị xã là địch còn kiểm soát. Sự việc như vậy lại diễn lại nhiều lần, năm đồng khởi 1960, rồi phá tổ, phá

mảng ấp chiến lược thời Diệm và mới năm 1974 đây, cũng mở rộng quyền làm chủ của nhân dân trong nhiều vùng cho đến nay tự mình giải phóng lấy tỉnh mình.

Tại thị xã Mỹ Tho, một đội biệt động của Thành đoàn thanh niên lao động đã dựa vào các cơ sở cách mạng phát động quần chúng nổi dậy ở các phường, buộc phòng vệ dân sự, cảnh sát, giao súng cho cách mạng, kêu gọi lính ngụy hạ vũ khí đầu hàng. 16 giờ ngày 30 tháng 4 một lá cờ giải phóng lớn được kéo lên cột cờ cao chót vót tại trường trung học Nguyễn Đình Chiểu. Các phường 1, 2, 4, 5, 6 được giải phóng trước. Nhưng địch ở khu quân sự gần sân bay vẫn còn. Anh em đã ngồi trên 6 chiếc xe jeep giương cờ cách mạng chạy vòng xuống cặp bờ sông, dùng loa kêu gọi địch đầu hàng. Ngang qua Chương Dương bị địch bắn dữ dội vào xe. Một xe bị trúng đạn. Anh Trần Văn Trầm hy sinh. Họ vừa chống trả lại bằng súng ngắn và lựu đạn vừa tiếp tục cuộc hành trình, chiếm luôn cầu Bắc để liên lạc với Bến Tre. Đến 24 giờ ngày 30 tháng 4 thì Trung đoàn 1 Sư đoàn 8 của Quân khu 8 mới tiến vào đến, chiến đấu diệt thiết đoàn 6 ngụy còn kháng cự ở Chợ Cũ. 5 giờ ngày 1 tháng 5 thị xã Mỹ Tho được hoàn toàn giải phóng.

Sáng 30 tháng 4, nhân dân đổ ra đường số 4 rất đông. Trong lúc lực lượng vũ trang của tỉnh diệt địch, chiếm cầu đúc Bưng Môn thì phía trên Bình Phú dân đã hù dọa lính ngụy chiếm được 6 chiếc M113 còn nguyên vẹn và cả trận địa pháo ở Thuộc Nhiên gồm 2 pháo 155 ly và 4 pháo 105 ly. Chính đơn vị tỉnh đã dùng xe M113 này chạy về giải phóng thị trấn Cai Lậy. Trung đoàn 12 sư đoàn 7 ngụy hoàn toàn tan rã tại đây.

Tỉnh Mỹ Tho còn có căn cứ quân sự lớn của địch ở Bình Đức. Đây là căn cứ cũ của sư đoàn bộ binh số 9 Mỹ. Sau khi Mỹ rút đi thì giao căn cứ này lại cho quân ngụy. Mỹ đã đổ nhiều công sức, tiền của, đưa nhiều máy móc tới đây, cướp đoạt các ruộng đất phì nhiêu, san bằng nhà cửa vườn tược của dân trên bờ sông Cửu Long này để xây dựng căn cứ. Chiếm đoạt tài sản và bắn giết vô tội vạ người dân lương thiện địa phương để biến ruộng nương thành chiến trường, căn cứ quân sự. Tên tướng Mỹ, Oét-mo-len không những không thấy y là một tên tội phạm chiến tranh còn vênh váo khoe khoang về công trình này:

... Công trình của hải quân và lục quân (Mỹ) đã tạo ra một hòn đảo cát mà trong mùa khô đã trở thành một nơi có nhiều cát nhất trên trái đất...

... Các ruộng lúa đã được đào xới để có chỗ cho tàu đậu, còn các máy nạo vét thì xúc cát ở lòng sông để lấp một khu ruộng lúa ngập nước ruộng tới 60 ác-rơ (1 dặm vuông)...

... Tôi đã đích thân chọn cái tên đặt cho căn cứ để tiêu biểu cho sự hợp tác giữa Mỹ và Việt Nam: "Đồng Tâm"¹.

Không những thế, tên tướng này còn thú nhận hắn đã dùng chiến tranh hóa học chống lại nhân dân ta. Y nói:

¹ Trích hồi ký của Oét-mo-len "Một quân nhân tường trình".

“... Hóa chất phát hoang còn được dùng để triệt phá thóc lúa của địch ở các vùng xa xôi bị Việt cộng kiểm soát. Mặc dầu ranh giới vùng chánh phủ kiểm soát và vùng chịu ảnh hưởng của Việt cộng không được phân định rõ ràng, loại thuốc phát hoang này vẫn thường được dùng. Thuốc phát hoang có gây ra sự thiệt hại về sinh thái học, gây ra bao nhiêu và hậu quả của nó dài bao lâu thì chưa ai rõ...”.

Chính tại các căn cứ “Đồng Tâm” này, sáng 30 tháng 4 cuộc họp khẩn cấp giữa Bộ Tư lệnh sư đoàn 7 ngụy và các tiểu khu lân cận để bàn “tử thủ”. Chúng tưởng các công sự kiên cố, các rào dây thép gai phức tạp của Mỹ có thể cứu sống chúng. Đến trưa chúng đã ra lệnh cho cải cách trung đoàn còn ở phía Bắc Cai Lậy và Châu Thành rút hết về đây. Thiết giáp được dàn ra lộ 4 đón đón quân. Thế nhưng dọc đường rút về căn cứ, lính tráng đã bỏ trốn một mớ. Về đến căn cứ thấy tình trạng hỗn quan hôn quân chúng lại bỏ trốn một mớ nữa. Đồng bào suốt từ lộ 4 dài đến lộ cống 2, ai ai gặp lính còn mang súng cũng hỏi: “Bộ muốn chết để hồng còn được hưởng hòa bình hay sao mà giờ này còn mang súng mang ống kình kình vậy đó?!”; hoặc: “Sài Gòn thua tất rồi, bộ mấy chú, mấy em hồng hay hay sao? Trời đất! Sức mấy mà cái “Đồng Tâm” này chống nổi với giải phóng? Thôi, về nhà lo làm ăn đi cho nó yên chuyện!”... Và, khi lính kéo về đây, đồng bào cũng ùa theo vô căn cứ. Bọn lính lại lần lượt bỏ trốn. Đến 7, 8 giờ tối thì du kích đã lọt vô căn cứ. Đến 12 giờ đêm thì bộ đội tỉnh, bộ đội Khu cũng đã ở ngay trong căn cứ rồi. Toàn bộ sĩ quan, binh lính, số tan rã, số bị bắt. 00 giờ ngày 1 tháng 5 căn cứ “Đồng Tâm” hoàn toàn được giải phóng.

Tất cả các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long đều diễn ra tiến công và nổi dậy tương tự như các vùng nói trên, nhịp độ sôi sục nhất trong các ngày 29. 30 tháng 4 và 1 tháng 5. Tuy Sài Gòn đã phải đầu hàng vô điều kiện vào trưa ngày 30 tháng 4 và Bộ Tư lệnh vùng 4 chiến thuật hay Quân đoàn 4 ngụy đầu hàng vào cuối ngày này nhưng bọn cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền ở các tỉnh vẫn ngoan cố chống cự. “Cố thủ” trông chờ sự chi viện cuối cùng của Mỹ. Nhưng trước sức tiến công và nổi dậy như vũ bão của lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng, một số bị diệt, số khác phải đầu hàng, tan rã và hầu hết các tỉnh đều được giải phóng hoàn toàn vào ngày 30 tháng 4 và 1 tháng 5.

Từ Sở chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng một lực lượng hùng hậu bộ binh, xe tăng, pháo binh, cao xạ, để tiến về đồng bằng, giúp đỡ một tay với quân, dân hai quân khu (8 và 9) diệt nốt nhanh chóng quân địch nào còn ngoan cố chống cự. Chúng tôi biết rất rõ ràng khi đầu não ngụy quân, ngụy quyền ở Sài Gòn đã bị đập nát, Mỹ đã phải trèo lên nóc nhà “đằng vân đá vũ” trốn thoát, thì đó là đòn quyết định để giải phóng toàn bộ miền Nam Việt Nam. Nhưng không phải đơn giản là Sài Gòn giải phóng thì tự khắc các nơi khác cũng được giải phóng, ta không phải hành động gì, ngồi đó mà đợi cho trái chín rụng vào bị.

Đến những ngày chót mà Thiệu còn bàn với những thủ hạ tâm phúc của hắn: “Nếu như bị mất miền Đông và Sài Gòn, thì bằng mọi giá gom hết sức lực còn lại

của Nam phần Việt Nam, lui về đồng bằng sông Cửu Long, số thủ ở đó... Phải giữ chặt các hòn đảo ở phía nam.

... Cần Thơ là thủ phủ của Việt Nam cộng hòa.

Rồi thực tế là Sài Gòn đã đầu hàng mà quân nguy còn định cố thủ ở Đồng Tâm, ở Cần Thơ và ngay khi Cần Thơ đã đầu hàng, bọn nguy ở một số địa phương vẫn mong cố thủ. Nếu ta không có những biện pháp sớm từ trước phá tan âm mưu co cụm về đồng bằng, nếu ta không có một chiến lược cách mạng tổng hợp đồng loạt tiến công và nổi dậy bằng lực lượng tổng hợp chính trị và quân sự thì chắc chắn tình hình đã diễn ra phức tạp hơn nhiều. Quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã nhận thức sớm được trách nhiệm lịch sử tự mình đứng lên giải phóng quê hương mình, đã đóng góp xương máu không nhỏ vào những trận chiến đấu sau cùng. Theo sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng, hiệp đồng chiến đấu với mặt trận Sài Gòn, các tỉnh đồng bằng đều đã đồng loạt tiến công và nổi dậy, có tỉnh giải phóng trước Sài Gòn, có nơi cùng một lúc và khi nguy quyền trung ương phải đầu hàng vô điều kiện thì lợi dụng thời cơ quý giá ấy hàng triệu người, quân cũng như dân đã nhất tề xông lên mạnh hơn, chỉ trong 2 ngày 30 tháng 4 và 1 tháng 5 giải phóng hầu hết các tỉnh vùng châu thổ.

Đoàn quân binh chủng hợp thành chuẩn bị sẵn của chúng tôi từ miền Đông Nam Bộ, đã không cần thiết phải xuất quân chiến đấu. Cả Quân khu 8 và 9 đều điện về Miền: "Chúng tôi tự lực được", mà thực tế đồng bằng đã tự lực gọn ghẽ quét sạch quân thù, tự giải phóng.

Quân khu 9 tự mình giải quyết đầu não vùng 4 chiến thuật, giải phóng "Tây Đô" mà còn phối hợp kịp thời với Chiến dịch Hồ Chí Minh trong nhiệm vụ cắt đường sông Măng Thiét, đường 4 chiến lược và khống chế sân bay lớn ở Cần Thơ.

Ngày 25 tháng 4, Quân khu nhận được điện của Bộ Tư lệnh Miền (điện số 693/ZN/24 tháng 4);

"Bắt đầu từ 28 tháng 4 trở đi, Quân khu phải kiên quyết đánh phá cắt đường 4 ở nhiều đoạn quan trọng đã quy định. Cũng từ 28 tháng 4 trở đi, dùng đặc công đánh nhỏ và lớn liên tục sân bay Trà Nóc, đi đôi với dùng cối pháo, khống chế vào các đường băng, đài chỉ huy, không cho địch cất cánh và hạ cánh ở sân bay. Tối 29 rạng 30 tháng 4, dùng tất cả lực lượng của Quân khu, đánh chiếm hoàn toàn sân bay Trà Nóc làm chủ và giữ luôn sân bay. Sau đó khi có điều kiện thì đánh chiếm thị xã Cần Thơ"¹

Ngày 28 tháng 4, Quân khu đã tổ chức pháo kích và tiến công liên tục và sân bay theo lệnh của Miền và sáng 30 tháng 4 khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, Trung đoàn 20 chủ lực của Khu lập tức đánh thẳng vào và chiếm sân bay Trà Nóc lúc 14 giờ trong ngày. Toàn bộ quân địch ở đây đầu hàng gồm có Bộ Tư

¹ Tư liệu của Phòng khoa học quân sự Quân khu 9.

lệnh sư đoàn 21 bộ binh, Bộ Tư lệnh sư đoàn 4 không quân. Ta thu 113 máy bay các loại.

Trong khi đó, tại thị xã Cần Thơ, cán bộ chính trị đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy chiếm các phường ở trung tâm thị xã: Phường An Cư, An Nghiệp, An hòa thuộc quận 1; phường An Hội, An Thạnh thuộc quận 2 và ấp Bình Dị, xã Long Tuyên thuộc quận 3... cơ sở binh vận của ta kết hợp với nhân dân chiếm đài phát thanh vào lúc 14 giờ trong ngày. Toàn bộ quân địch ở đây đầu hàng gồm có Bộ Tư lệnh sư đoàn 21 bộ binh, Bộ Tư lệnh sư đoàn 4 không quân. Ta thu 113 máy bay các loại.

Trong khi đó, tại thị xã Cần Thơ, cán bộ chính trị đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy chiếm các phường ở trung tâm thị xã: Phường An Cư, An Nghiệp, An hòa thuộc quận 1; phường An Hội, An Thạnh thuộc quận 2 và ấp Bình Dị, xã Long Tuyên thuộc quận 3... cơ sở binh vận của ta kết hợp với nhân dân chiếm đài phát thanh vào lúc 14 giờ và 15 giờ đã phát đi tiếng nói của cách mạng kêu gọi binh lính ngưng đầu hàng.

15 giờ ngày 30 tháng 4, lực lượng vũ trang quân khu 9 xiết chặt vòng vây và tiến công thẳng vào chỉ huy sở quân đoàn 4 ngụy. Trước tình hình tuyệt vọng không còn lối thoát, tên tướng ngụy Nguyễn Khoa Nam - tư lệnh vùng 4 chiến thuật phải đầu hàng. Vài giờ sau y tự sát, kết liễu một cuộc đời tay sai nhơ nhuốc. Ta làm chủ toàn bộ thành phố Cần Thơ trong đêm 30 tháng 4.

Sau đó Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đã sử dụng 24 xe M113 vừa lấy của địch cùng một số xe vận tải chở Trung đoàn chủ lực 101 chạy thẳng lên hướng Long Xuyên, Châu Đốc nơi giải phóng cuối cùng ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng không phải chỉ có lực lượng quân đội mạnh đã đơn độc giải quyết được tình hình phức tạp ở khu vực này mà ở đây lại thể hiện thêm rõ sự kết hợp giữa tiến công và nổi dậy, giữa lực lượng quân sự và chính trị của quần chúng. Chính ở đây nói lên rõ sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân, nói lên rõ sức mạnh của chính nghĩa cách mạng.

Cũng không phải tất cả khu vực này đều được giải phóng muộn. Ngay từ ngày 25 tháng 4, huyện Thanh Bình trên bờ đông sông Tiền đã được giải phóng. Tiếp theo đó tất cả bọn địch ở khu vực đông sông này đều bị quét sạch, bọn chúng rút chạy về cụm ở Hồng Ngự nhưng chúng cũng phải đầu hàng trước sức ép của ta vào 8 giờ ngày 1 tháng 5.

Tại thị xã Châu Đốc, tối ngày 30 tháng 4, địch ở tiểu khu được lệnh rút về tử thủ ở vùng "thánh địa Hòa Hảo". Trước khi rút đi chúng đã đốt kho bạc và tài liệu hồ sơ, nhưng đồng bào tại chỗ đã kịp thời dập tắt ngọn lửa, cứu được 11 thùng bạc và các giấy tờ hồ sơ cần thiết cho cách mạng.

Như vậy là bọn tàn quân ngụy từ các nơi đổ về "thánh địa" co cụm tại đây với số quân có trên một vạn, bố trí thành trận địa.

Sau khi ta giải phóng Tân Châu gần biên giới với Cam-pu-chia thì bộ đội địa phương của tỉnh, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 cùng bộ đội huyện tiến xuống

“thánh địa” theo hai mũi: bờ đông sông Tiền và bờ đông sông Hậu. Khi tiểu đoàn 2 tiến đến gần kinh sáng An Long định vượt sang Cù Lao Tây thì bị địch bắn ngăn chặn quyết liệt, lại không đủ phương tiện sang sông. Đồng bào đã huy động xuồng ghe cho bộ đội. Một mặt đồng bào phái một số ông bà già cùng với gia đình binh sĩ đi trước, đâm xuồng thẳng vào trận địa địch kêu gọi chúng đầu hàng. Trận địa địch tan rã, rút chạy. Bộ đội ta tràn sang an toàn. Cánh Tiểu đoàn 2 cũng xuồng đến An Phú, tiêu diệt một số địch và bắt liên lạc giữa hai cánh để tiến hành vào nơi co cụm chính. Lúc đó đã là 14 giờ ngày 2 tháng 5. Đang tổ chức lại đội hình tiến công thì chị Út Nhung, Tỉnh uỷ viên phụ trách vận động bà con các tôn giáo, thường xuyên ở vùng này, đến báo: “Địch đang hoang mang. Các anh phải đánh gấp nội trong chiều nay”. Song chị đi trước, vận động bà con hưởng ứng kết hợp với bộ đội lấn áp địch và vận động lính ngụy ra hàng.

Trước khi giải quyết điểm co cụm này ta đã giải phóng thị xã Long Xuyên, một thành phố đẹp có nhiều kiến trúc mới trên bờ sông Hậu. Ở đây, có vai trò nổi bật của giới giáo chức và học sinh trong phong trào nổi dậy chiếm chính quyền.

Trưa 30 tháng 4, đông đảo giáo chức và học sinh chiếm trường học, trừng trị bọn ác ôn đã từng kim kẹp, bắt bớ anh chị em trong bao năm trước. Sau đó, dựa vào cơ sở đã có sẵn, chiếm Đài truyền tin, chiếm kho bạc và cả trận địa pháo địch. Cờ cách mạng cất giấu từ trước được tung ra theo các nơi và vận động bà con may thêm nhiều cờ mới. Họ tổ chức ngay lực lượng vũ trang của mình trang bị bằng một ít súng lấy được của địch.

Long Xuyên được hoàn toàn giải phóng hồi 9 giờ ngày 2 tháng 5.

Còn ở Tây An cổ tự. Chúng đã có âm mưu từ trước nếu khi các nơi bị ta đánh chiếm, giải phóng thì chúng liền quy tụ về “thánh địa” và về đây. Khi “thánh địa” bị mất nữa thì chúng coi đây là nơi cố thủ cuối cùng. Ước lượng số quân ngụy đồn về đây có đến 14.000 tên võ trang đầy đủ. Ngoài ra không biết bao nhiêu là tàu chở vũ khí trang bị, lương thực... đậu đầy dưới sông. Khu chùa trở thành quá hẹp không đủ đất, đủ nước để chứa nữa. Chúng vội vã tổ chức “tự thủ”.

Nhưng Ban trị sự chùa lúc ấy gồm các cụ cao tổ, các bậc đạo chính tông, không chấp nhận việc làm sai trái như vậy. Các cụ đã nói: “cơ hội lập lại hòa bình đã đến rồi. Chính đây là nguyện ước thái bình mà Thầy hồi sinh tiên đã ôm ấp và chỉ giáo cho bốn đạo hàng bốn phương. Cho nên tiếp tục gây cảnh núi xương sông máu là trái với lòng Thầy”. Đồng bào hòa Hảo đã nhất trí với các cụ. Vả lại khi đám tàn quân ô hợp kéo về đây thì bao tai nạn cướp bóc, hiếp đáp, bắn giết đổ lên đầu nhân dân còn tệ hơn những kim kẹp, đàn áp của ngụy quyền trước kia nữa. Quân chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của cán bộ cách mạng vùng xung quanh đã đứng dậy phá tề, giải tán phòng vệ dân sự, thu vũ khí, trưng cờ cách mạng, treo khẩu hiệu “chính quyền về tay nhân dân”, vận động bọn chúng bỏ súng về nhà làm ăn tránh chết chóc. Và tin lan rộng lực lượng

quân giải phóng từ Sa Đéc, Long Xuyên, từ Cần Thơ đang tiến đến bằng cả hành quân bộ, bằng xe tăng, bằng tàu hái quân... Bọn đầu sỏ hoảng hốt, hoang mang cao độ. Thực tế chúng cũng không còn chỉ huy được cái đám quân dã rã rời, đã chán chường không còn một chút tinh thần gì. Thế là mạnh ai nấy tìm đường mà thoát, nhân dân giúp đỡ tích cực chỉ lối cho mà trốn đi. Không mấy chốc cả một đám người hổ lớn ấy tan rã như bọt nước.

Ngày 6 tháng 5 năm 1975 cờ giải phóng đã rực đỏ tòa Tây An cổ tự, đã phấp phới bay trước gió trong lành khắp cả vùng, mảnh đất cuối cùng của B2 của miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

Trong đất liền đã tấn công và nổi dậy, ở hải đảo cũng nổi dậy và tiến công. Hai hòn đảo ở phía nam này lớn nhất, quan trọng nhất là Côn Đảo và Phú Quốc. Mỹ, ngụy ỷ vào lực lượng hải quân và không quân của chúng mạnh, nên xem các đảo này là nơi an toàn nhất của chúng. Chúng đã biến cả hai hòn đảo này thành những trại tù khổng lồ. Hàng vạn chiến sĩ yêu nước đã bị giam cầm, hành hạ, nhiều người đã hy sinh ở đây. Nơi non xanh nước biếc, tài nguyên thiên nhiên phong phú, gió biển trong lành, từ nhiều năm đã trở thành nơi chôn cất uất hận căm thù, chỉ mong có ngày phá tung ngục tù, đập tan xiềng xích.

Tại Côn Đảo cũng như Phú Quốc, những ngày tháng 4 năm 1975, không thiếu những tin tức phấn khởi dồn dập từ đất liền. Trong các trại tù chính trị, anh chị em đã giấu được máy thu tin nhỏ, thường xuyên theo dõi từng chiến thắng của ta, từng nơi được giải phóng. Rồi chính những bàn luận nhỏ to của bọn sĩ quan và binh lính ngụy gác tù cũng là những nguồn động viên tin tưởng: "Giải phóng đã chiếm tỉnh Phước Long rồi"; "Tây Nguyên thất thủ rồi"; "tỉnh Lâm Đồng cũng mất rồi"... "Họ mạnh quá, pháo họ bắn rất xa và rất trúng, một quả đạn phá một tòa nhà...; còn xe tăng họ đi tới đâu càn nát ở đó, xe tăng Mỹ không loại nào chống lại nổi... Nghe nói toàn là vũ khí của nga khéo không thì tàu ngầm họ ra đến đây bây giờ..."

Ngày 30 tháng 4, ở Côn Đảo, trong trại tù chính trị số 7, một số anh em chụm đầu lại nghe đài phát thanh Hà Nội:... Sài Gòn đã được giải phóng... Dương Văn Minh - tổng thống ngụy quyền đã xin đầu hàng vô điều kiện... Tức thì tin loan trong toàn trại. Những cuộc hội ý chớp nhoáng, phán đoán, xác minh hư thực, bàn luận phương thức hành động. Bỗng, cửa mở, vài sĩ quan ngụy ló đầu vào khúm núm, hết cả vẻ hách dịch thường ngày, nói: "Các ông đã biết giải phóng chiếm Sài Gòn chưa? Thôi các ông còn ở trong đó làm gì nữa". Tức thì, quyết định dứt khoát. Toàn trại tung cửa, ùa cả ra ngoài. Cờ Mặt trận giải phóng và cờ đỏ sao vàng bí mật chuẩn bị lâu nay được tung ra, kéo lên cột cờ, treo lên trước trại. Anh em kéo qua trại 1 mở tung cửa trại rồi lần lượt hết trại này đến trại khác. Rừng người bật dậy, rừng cờ tung bay. Toàn đảo bừng lên niềm hân hoan chiến thắng, ánh lên màu tươi sáng thanh bình.

Côn Đảo hoàn toàn được giải phóng vào khoảng 16 giờ ngày 30 tháng 4.

Ủy ban giải phóng được lập nên để tạm thời quản lý đảo, chờ liên lạc với đất liền.

Trong lúc đó đoàn tàu bộ đội hải quân của ta, được phái ra giải phóng đảo, đang mở tốc độ vượt biển Đông.

Đảo Phú Quốc thì gần đất liền hơn, rộng hơn và cũng có đông dân cư sinh sống hơn. Đảng bộ địa phương từ nhiều năm đã xây dựng căn cứ kháng chiến, liên tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch, có tổ chức vũ trang gần một đại đội, đa tích cực hoạt động phối hợp tiến công địch trong đợt Xuân 1972. Ở Đông Dương đã pháo kích và tiến công nhiều đồn bốt giặc, đã bức rút một đồn và diệt một bốt canh. Nơi đây địch giam giữ chủ yếu là số anh em chiến đấu của ta, cán bộ và chiến sĩ sa cơ bị bắt khắp các mặt trận. Anh em ta nhiều phen đã đánh trả lại lính ngụy tàn ác, nhiều toán đã vượt ngục ra rừng, tổ chức thành đội vũ trang chiến đấu, liên lạc với địa phương. Đã có số anh em đốn gỗ, đóng thuyền, vượt biển về đất liền, xin được chỉ đạo, được tiếp tế, trang bị. Có lần Bộ Tư lệnh Miền đã tổ chức cho một số cán bộ thoát ngục về gặp tại căn cứ, nghe báo cáo rõ tình hình trại giam, đề ra phương châm hoạt động, tạo phương tiện và cho trở lại đảo chỉ đạo công tác và giữ mối liên lạc với cấp trên. Tuy nhiên địch vẫn coi thường phong trào đấu tranh ở đây, có lẽ chúng cho là nhỏ yếu, cô lập, dễ đàn áp. Vì vậy chúng vẫn xem đây là nơi an toàn cuối cùng. Ngày 20 tháng 4 khi Sài Gòn đã bị uy hiếp mạnh, CIA lập tức di chuyển toàn bộ nhân viên, gia đình và các đài phát thanh bí mật do CIA điều khiển lấy bí danh "nhà số 7" ra đảo Phú Quốc. Đó là 5 đài phát thanh cả bằng tiếng Khơ-me và tiếng Việt, trong đó có đài "Tiếng nói gươm thiêng" và "Mẹ hiền Việt Nam" đại tại nhà số 7 đường Hồng Thập Tự (nay là đường Xô viết Nghệ Tĩnh). Vì vậy mà có bí danh "nhà số 7". Những đài này rất phản động, chống cộng, theo nội dung và hình thức của CIA, nhằm lung lạc tinh thần những người Việt Nam yêu nước, là một vũ khí thêm vào những âm mưu thâm độc của Kít-xinh-giơ, nhằm giành toàn thắng giữ miền Nam Việt Nam mãi mãi là một thuộc địa kiểu mới của Mỹ? Chính Kít-xinh-giơ đã ra lệnh lập ra các đài này ngay sau khi ký xong Hiệp định Pa-ri. Điều này nữa nói lên sự giả dối khi ký kết hòa bình của Kít-xinh-giơ - ních-xơn và cũng nói lên sự phá bỏ Hiệp định Pa-ri của Mỹ - ngụy là tất nhiên.

Nhưng các đài này và hàng nghìn người vừa di chuyển ra đây đã phải lên tàu Mỹ chạy về đảo Gu-am vào cuối tháng tư.

Trưa 30 tháng 4, lực lượng trong trại giam cùng anh em vũ trang ngoài trại giam, kết hợp với địa phương và nhân dân nổi dậy, diệt tháp canh, phá trại, đánh tan quân ngụy, giành chính quyền trên toàn đảo. Chính quyền cách mạng đã quản lý đảo vào khoảng 17 giờ ngày 30 tháng 4.

Như vậy là cả đảo, tách rời với đất liền cũng đã tự mình tiến công và nổi dậy tự giải phóng cho mình, rất sớm, ngay chiều ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Thế là toàn bộ chiến trường B2 đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình. Quân và dân B2 đã tin tưởng và theo sát sự lãnh đạo của Đảng giữ vững truyền

thống đấu tranh cách mạng 2 chân, 3 mũi, tiến công và nổi dậy, từ rừng núi đến đồng bằng, hải đảo, từ nông thôn đến thành thị, ngay cả tại Sài Gòn. Quân và dân B2 luôn giữ vẹn nghĩa tình chung thủy, đi trước về sau, luôn đáng tự hào là Thành đồng Tổ quốc.

Bản sao lưu trữ

HỒI ỨC CỦA THƯỢNG TƯỚNG NGUYỄN TRỌNG XUYỀN

(Trích)

...

Trở lại với chiến trường Khu 6 những năm 70, nhằm đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ, Bộ Tư lệnh Miền có chỉ thị số 136 nêu rõ: “Khẩn trương đẩy mạnh tổng tiến công toàn diện, tạo thêm thế và lực đánh bại “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ, mở ra cục diện mới để giành thắng lợi quyết định”. Thực hiện chỉ thị 136 của Trung ương Cục miền Nam, tháng 1 năm 1970, hội nghị Khu ủy Khu 6 đã đề ra chủ trương nhiệm vụ như sau: “Ra sức đẩy mạnh tiến công và xây dựng lực lượng nhằm làm chuyển biến cho được một bước cục diện chiến trường, đồng thời ráo riết chuẩn bị điều kiện để tiến tới một cao trào tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, dồn dập, quyết liệt tạo một sự chuyển biến có tính chất nhảy vọt”. Phối hợp với chiến dịch “CD” của Miền, chiến dịch “TK” (tiến công) của Khu phát triển thuận lợi. Khu 6 đã quyết tâm bám trụ địa bàn đánh địch, dựa vào sức mạnh lòng dân, dựa vào núi rừng trùng điệp, dựa vào năm triệu gốc sắn để bám chặt địch, nắm chắc từng động thái nhỏ của chúng để liên tục tiến công tiêu diệt địch theo sát ý kiến chỉ đạo của Miền.

Bộ tư lệnh Miền thấy Khu 6 hoạt động tốt nên chỉ đạo kéo dài chiến dịch, yêu cầu tiến công vào thành phố Đà Lạt, buộc địch phải đối phó.

Đợt hoạt động này, đơn vị được Huân chương Quân công hạng Nhì cho trận Sông Mao lần thứ năm và đánh Đà Lạt.

Cuối tháng 5 năm 1970, nhận được chỉ thị của Miền đánh phối hợp với chiến trường Campuchia. Quân khu chủ trương mở chiến dịch tiến công đồng loạt vào thị xã Đà Lạt. Lực lượng của ta gồm hai tiểu đoàn bộ binh thiết là Tiểu đoàn 810 và Tiểu đoàn 145 cùng Tiểu đoàn 200c đặc công, các đội biệt động thị xã, lực lượng du kích mật và cơ sở tại chỗ. Cấp trên yêu cầu phải chiếm giữ một số mục tiêu quan trọng then chốt trong thị xã, làm chủ thị xã ít nhất hai ngày.

Thực tế diễn ra như dự kiến. Sau khi đánh chiếm các vị trí quan trọng ta liên tục đánh phản kích ở đồi Đất Đỏ, đồi Bạch Đằng và Lãnh địa Đức Bà... Ta bám trụ đánh lui tám đợt phản kích của địch, diệt một đại đội và đánh thiệt hại một đại đội khác. Ở trường đại học Giáo hoàng Chúng viện, ta đã đánh địch phản kích suốt ngày 29 tháng 5, diệt một Đại đội và đánh thiệt hại nặng một đại đội

khác. Sau ngày 30 tháng 5, ta chuyển ra đứng chân tại ấp Đa Thiện tiếp tục đánh phản kích, đến sáng ngày 31 tháng 5 năm 1970 ta mới rút ra. Kết quả trong đợt này, ta diệt ba đại đội (Trung đoàn 53), phá trụ sở Vô tuyến viễn thông, đánh chiếm dinh 2, cao điểm Picrobin, Lãnh địa Đức Bà, đồi Đất Đỏ và đánh thiệt hại nặng dinh Thị trưởng, trận địa pháo Tân Lạc. Cùng với chủ lực du kích và biệt động đã phối hợp diệt một bớt cảnh sát, diệt một số ác ôn và phá trạm biến thế điện. Lực lượng quần chúng đã hưởng ứng, nổi dậy truy lùng bọn tề ác trong một số khu phố, treo cờ khẩu hiệu, tiếp tế cơm nước cho bộ đội, chăm sóc thương binh, huy động cuộc xẻng cho bộ đội đào hầm. Ở trường đại học, học sinh, sinh viên hăng hái đưa bàn ghế, giường tủ ra làm chướng ngại vật.

Trong đợt tiến công này, bộ đội ta đã làm tốt chính sách dân vận, khi vào vùng Công giáo ở Lãnh đạo Đức Bà, Giáo hoàng Chúng viện, bộ đội vừa chiến đấu đánh địch, vừa phân công cán bộ làm công tác tuyên truyền, giải thích chính sách cho quần chúng giáo dân, trong đó có một số cha cố của Chúng viện. Địch đã dùng đạn có chất độc hóa học bắn vào Chúng viện. Ta đã giúp dân phòng tránh và cứu chữa những người bị ngạt, gây được ảnh hưởng tốt. Vì thế sau khi ta rút, địch đến tuyên truyền xuyên tạc, đã bị giáo dân ở đây phản bác thẳng thừng, nói lên những việc làm đúng đắn, tốt đẹp của Bộ đội Cụ Hồ. Chiến công này của quân và dân Khu 6 đã làm được Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền gửi điện khen ngợi và tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba.

Dư luận báo chí Sài Gòn lúc bấy giờ gồm các báo như “Công luận”, “Chính luận”, “Tiền tuyến”, “Đuốc nhà Nam” xuất bản tại Sài Gòn đầu tháng 6 năm 1970 đều đăng trên trang nhất dòng tít lớn sự kiện này và đánh giá: “Đây là cuộc tiến công lớn nhất vào một thành phố ở miền Nam Việt Nam sau Tết Mậu Thân”.

Năm 1970, khi chuẩn bị đánh Sông Mao lần thứ năm, chúng tôi hành quân từ phía đông sang phía tây Sông Mao. Sau khi hành quân qua một dãy núi cao xuống dãy đồi thấp gần bìa làng có một bãi cỏ tranh bị địch đốt cháy trụi, chúng tôi lặng lẽ đi tiếp trong đêm tối chừng một cây số, thấy được thế thuận lợi cho việc phòng tránh và đánh trả địch tốt, chúng tôi tạm nghỉ để lấy sức, 2 giờ sáng lại thức dậy nấu ăn sáng và trưa luôn. Lúc 4 giờ sáng, chúng tôi vừa đi được một lúc thì gặp một đại đội của ta đi lấy gạo về. Tôi hỏi một đồng chí:

- Dưới làng có tin tức gì không? (ý hỏi có địch không?).

Một đồng chí của đại đội đi lấy gạo hỏi:

- Dưới ấy bình thường.

Ta tiếp tục hành quân, còn anh em đi ngược vào rừng. Đi được khoảng 15 phút thì có tiếng súng rộ lên ở phía sau. Anh em gặp địch liền đặt bao gạo xuống làm công sự đánh địch ngay giữa vạt đồi tranh bằng phẳng. Một đại đội ta đánh một đại đội địch, nên sau phút bất ngờ ta đã giành lại thế chủ động bao vây chia cắt địch, sau trận đánh chúng phải bỏ lại năm xác chết cùng súng đạn. Anh em tiếp tục vác gạo vào núi. Ta bị hy sinh một, bị thương hai đồng chí.

Một lát sau máy bay địch dùng bom, pháo đánh phá vào khu vực bãi trống rồi đưa trực thăng xuống lấy xác lính chết. Đến trưa địch im hẳn, tôi cho sở chỉ huy hành quân tiếp, 6 giờ tối thì đến vị trí tập kết. Theo thói quen thường xuyên nắm địch, hề có điều kiện là tôi cho anh em ở bộ phận kỹ thuật bật máy thông tin PRC-25 (chiến lợi phẩm thu được của địch) để dò sóng nghe tin tức địch. Chỗ ta tạm nghỉ chân gần một bệnh xá của bắc Bình Thuận. Bệnh xá này có đôi vợ chồng tôi quen là cô Nga - bác sĩ, bệnh xá trưởng người Hà Nội. Cô Nga lấy anh Nhật Hùng làm bác sĩ. Cả hai vợ chồng cùng xung phong vào miền Nam công tác. Riêng đối với anh Nhật Hùng thì phải nói là về quê hương công tác mới đúng, bởi anh quê ở miền Nam, được ra Bắc học trường thiếu sinh quân từ nhỏ. Khi còn ở Khu 10, tôi đã đón cả hai vợ chồng trẻ cùng một đoàn bảy người từ miền Bắc vào, nên biết cả hai vợ chồng từ hồi nhỏ. Lần này chúng tôi đến, nghe tin cô Nga mới sinh cháu nhỏ khoảng năm sáu tháng tuổi. Tôi mừng lắm, chưa kịp thăm cháu thì nghe bộ phận kỹ thuật báo cáo:

- Thưa thủ trưởng chúng tôi vừa nghe được tin của địch, chúng nói với nhau: "Sáng mai trời mưa lúc 6 giờ tại tọa độ x, y".

Tôi cùng các đồng chí tổ trình sát xem lại tọa độ trên bản đồ thì đúng là bệnh xá mà chúng tôi đang trú quân gần đó. Với kinh nghiệm nắm địch nhiều năm, tôi biết đây là thông tin đáng tin cậy. Thấy tình hình không thể chậm trễ, tôi lệnh cho một tiểu đoàn ở gần nhất huy động được 150 người đến di chuyển bệnh xá ra khỏi khu vực tọa độ nguy hiểm, đồng thời báo cho cô Nga biết:

- Bệnh xá đã bị lộ, khả năng địch sẽ dùng máy bay hoặc pháo binh đánh phá trạm xá vào 6 giờ sáng ngày mai. Sau khi đánh phá bằng bom pháo, địch có thể đổ quân càn quét. Bây giờ phải lập tức sơ tán bệnh xá. Không được chậm trễ.

Lúc này trong bệnh xá có khoảng 40 thương bệnh binh và 20 nhân viên cùng các dụng cụ y tế, nổi niêu xoong chảo đều được anh em di chuyển ra khỏi tọa độ nguy hiểm ngay trong đêm.

Đúng là chẳng có cuộc chuyển nhà nào được gọn gàng cả, nhất là lại chuyển gấp trong đêm khi mối đe dọa của bom đạn địch đang treo lơ lửng ở trên đầu.

Tôi gặp mẹ con cô Nga lúc gần sáng, khi anh em đang cùng cô thu dọn đồ để mang đi. Nhà cửa tanh bành, cháu bé vẫn nằm ngủ trên võng, phấn rôm vãi đầy trên nền nhà. Thấy tôi, cô Nga vừa mừng vừa tủi nói:

- Khổ quá anh ơi, anh đến đây em chưa kịp nấu nướng gì cho anh ăn, đã phải lo di chuyển...

- Cô cho con đi mau, nấn ná làm gì, bom pháo nó chụp xuống bây giờ - Tôi nói rồi bế cháu bé lên đưa cho cô và giục anh em khẩn trương thu dọn để rời khỏi khu vực nguy hiểm.

Anh em yếu thì chuyển đồ đi một chuyến. Anh em khỏe thì quay lại di chuyển nữa. Bộ phận cuối cùng tận 5 giờ 30 phút mới rời khỏi bệnh xá.

Đúng 6 giờ sáng, trời chưa tan sương, lữ L.19 đã lên quần đảo tại khu vực trạm xá. Mười phút sau khi bắn pháo khói vào đúng bệnh xá, cột khói trắng bốc lên khói tán cây xanh thì các trận địa pháo cấp tập bắn vào bệnh xá của bắc Bình Thuận. Đến khoảng 7 giờ sáng, địch cho hàng đàn trực thăng lên đổ quân xuống lục soát, đốt sạch những lán trại còn sót lại, đến gần trưa trực thăng lên bốc quân đi. Anh em ta ở cách đó không xa nên quan sát và nghe rất rõ những hoạt động của địch. Sau giải phóng, cô Nga về làm ở bệnh viện Hà Nội, anh Nhật Hùng chồng cô sau làm chuyên viên văn phòng Chính phủ. Gặp tôi anh rất xúc động nhớ lại chuyện cũ. Anh thường nói với bạn bè: “Anh Sáu đã cứu vợ con tôi, cứu cả bệnh xá...”. Thực ra thì trong hoàn cảnh đó, ai cũng làm như vậy cả. Mà bài học cảnh giác, thường xuyên nắm địch mới là quan trọng.

Nói đến mảnh đất cực Nam Trung Bộ, không thể không nói đến căn cứ nổi tiếng của ta, đó là căn cứ Lê Hồng Phong. Căn cứ Lê Hồng Phong phía tây giáp thị xã Phan Thiết, phía đông giáp cửa Phan Rí, phía bắc giáp quốc lộ số 1. Đây là một vị trí rất tiện lợi cho việc trú quân và xuất quân của ta từ thời chống thực dân Pháp đến thời chống đế quốc Mỹ. Căn cứ Lê Hồng Phong còn được anh em gọi với một cái tên khác, đó là cánh rừng “nô lệ”. Đây là một cánh rừng thấp, chủ yếu là những cây thấp như ô rô và các cây có gai khác cao ngang đầu người mọc trên vùng đất cát. Để tránh máy bay và các phương tiện quan sát từ xa của địch, khi đi trong cánh rừng này, anh em ta thường phải so vai cúi đầu bước đi trông rất khổ sở nên cánh rừng này được anh em ta đặt cho cái tên cánh rừng “nô lệ”.

Căn cứ Lê Hồng Phong đã có từ thời chống Pháp. Trên đường từ Nam ra Bắc, đồng chí Lê Duẩn đã qua căn cứ này. Sau khi nghe các đồng chí lãnh đạo tỉnh Bình Thuận báo cáo tình hình đánh địch ở địa phương, đồng chí Lê Duẩn đã để ba đồng chí đặc công đi bảo vệ đồng chí ở lại huấn luyện cách đánh mới cho tỉnh Bình Thuận và cho Khu. Đó chính là cách đánh mật tập kiểu đặc công đã làm cho kẻ địch kinh hồn bạt vía trên các chiến trường sau này.

Năm 1968, khi đánh Phan Thiết, một cánh quân của ta đã xuất phát từ cánh rừng này. Cánh quân do đồng chí Lê Du làm tiểu đoàn trưởng chỉ huy. Trước khi bước vào chiến dịch, một cô giao liên tên là Mai được giao nhiệm vụ lần tìm đơn vị đồng chí Lê Du để truyền đạt mệnh lệnh. Cô Mai có đặc điểm là người rất gầy nhưng lại nhanh nhẹn thoăn thoắt ẩn hiện trong rừng trong vai một cô gái thành thị đã lọt vào cánh rừng để tìm cách liên lạc với tiểu đoàn anh Lê Du truyền đạt mệnh lệnh tiến công và kế hoạch hiệp đồng của trên cho tiểu đoàn đánh vào Phan Thiết.

Tôi được tới cánh rừng “nô lệ” này lần đầu khi xuống công tác tại đội vũ trang công tác của huyện mùa khô năm 1971. Tới nơi chỉ thấy phía trên là những bụi cây thấp, phía dưới là cát, vậy mà chỉ một lúc sau đã có cơm nóng, nước sôi. Thì ra tất cả gạo, nước, xoong nồi của anh em ta đều vùi trong cát, khi đi vùi giấu xuống cát, khi về lại lấy lên dùng. Chỉ có những chiến sĩ đã từng sống rất lâu ở đây mới không bị lạc trong một cánh rừng vốn bằng phẳng mênh mông

lại không có đường đi này. Đêm đến, anh em ta có người mắc võng, có người rải ni lông xuống cát nằm ngủ. Cánh rừng này đã có lúc chứa hàng tiểu đoàn bộ đội, cùng trung đoàn bộ, cả cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban tỉnh Bình Thuận.

Trong cánh rừng này có hai nguồn thức ăn đặc sản mà chiến sĩ ta coi là được ăn theo chế độ tự do. Nguồn thứ nhất là dưa hấu của dân trồng để lấy hạt xuất khẩu sang Đài Loan. Tất nhiên ăn xong phải để gọt hạt lại cho dân. Nguồn thứ hai là con giông, trông giống như con tắc kè, nặng khoảng ba đến bốn lạng, thậm chí con con nặng tới năm lạng. Giông này bỏ ruột đi, nướng hoặc rán lên, chấm muối ăn ngon như thịt chim. Ngoài hai cách ăn trên, con giông còn có thể bỏ ruột, băm viên nấu với dưa ăn rất ngon. Muốn bắt con giông có hai cách, một là làm bẫy thông lọng treo ở cửa hang, hai là dùng que nhỏ từ từ luồn vào hang giả làm rắn khiến giông ta vọt lên, anh em ta phục sẵn tóm gọn. Chính vì vậy ở đây mới có câu ca: “Bức mấu, dò giông, nuôi ong, đuổi thỏ, đeo đòn gánh”.

Mấu là loại vỏ cây rừng có thể dùng để ăn trâu. Còn giông, ong và thỏ thì mọi người đều biết.

Nhưng ở đây có một thứ quan trọng nhất thì lại thiếu, đó là nước. Lần đầu tiên cháu Lê con gái tôi lên chiến khu này, được nghe thông báo tiêu chuẩn mỗi người được một ca nước vừa đánh răng vừa rửa mặt buổi sáng thì cháu rất lấy làm lạ. Lúc đó cháu mới ở Nha Trang lên, đâu có hiểu được đó vẫn còn là tiêu chuẩn ưu tiên.

Toàn bộ khu rừng rộng hàng chục cây số vuông nằm ở phía đông bắc Phan Thiết này chỉ có hai hồ nước nhỏ được gọi là hồ Ông và hồ Bà. Hồ Ông dài chừng hai cây số chỗ rộng khoảng ba trăm mét, chỗ hẹp chừng một trăm mét. Hồ Bà nhỏ bằng hơn nửa hồ Ông. Địch biết ta hoạt động trong khu rừng này nên chúng tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng của ta. Chúng hay đánh vào khu vực quanh hai hồ nước này được. Mỗi lần đi lấy nước, anh em ta phải đi mất một tiếng đồng hồ, khi về phải mang nước nặng nên thường đi mất hai tiếng đồng hồ. Đó là điều kiện bình thường, nếu gặp địch phục hoặc bị lạc thì có thể phải mất một ngày mới có thể lấy được một chuyến nước, mà số nước mang về cũng không còn bao nhiêu vì bị đạn bắn rách túi hoặc gai cào thủng túi ni lông, nước rò rỉ mất khá nhiều.

Một lần anh em đi lấy nước, trong đoàn có một chiến sĩ nữ trong nhóm trinh sát, tên là cô D. Lúc đó cô đã mười tám tuổi nhưng người rất nhỏ và gầy. Bố cô là người miền Bắc, mẹ cô quê ở Phan Thiết. Bộ phận đi lấy nước không may lọt vào ổ phục kích của địch, cô D bị địch bắn gãy chân ngay từ loạt đạn đầu. Biết là không có cách nào chạy thoát được vòng vây của địch, hoặc cho máu chảy đầm đìa, cô nằm lăn ra úp mặt xuống đất giả chết. Bọn địch tưởng thật liền rút dao găm cắt một bên tai của cô mang về đồn lĩnh thưởng: Dù đau buốt đến tận cùng, nhưng với sức chịu đựng phi thường, cô đã lừa được bọn địch. Khi chúng rút đi, lực lượng của ta đã quay lại cứu thoát. Sau ngày đất nước thống nhất, một chiến sĩ ta do khâm phục sự dũng cảm ngoan cường đã đem lòng yêu thương cô D, họ

đã nên duyên chồng vợ. Hiện nay vợ chồng con cái cô D đang sống hạnh phúc ở thị xã Phan Thiết.

Trong cánh rừng này không chỉ có bộ đội mà còn có các xã: Hồng Liêm, Hồng Kiệm, và Hồng Chính... Trong đó xã Hồng Liêm là xã đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Sau này, quân Mỹ dùng xe ủi những đường ô vuông cách nhau năm trăm mét, rộng một trăm mét hông kiểm soát sự hoạt động của ta trong cánh rừng này, nhưng chúng mới ủi được một số đường thì ta giải phóng hoàn toàn miền Nam. Sau hai năm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy liên tục lực lượng của ta ở Khu 6 bị tiêu hao, giảm sút đáng kể. Địch bị tổn thất nhiều, chúng kịp thời bổ sung, chi viện để cố giành giật quyết liệt với ta tại địa bàn xã, ấp và ra sức ngăn chặn ta từ bên ngoài với kế hoạch "bình định đặc biệt", đến tháng 4 năm 1971 thì chuyển sang kế hoạch "bình định phát triển" giai đoạn 1. Nội dung chủ yếu của giai đoạn này là tăng cường khả năng tự vệ, tự quản, tự túc, củng cố và mở rộng vùng an ninh, mở rộng lấn chiếm ra vùng tranh chấp, vùng giải phóng, gom hết số dân còn lại vào vùng kiểm soát của chúng; tăng cường xây dựng nguy quân, nguy quyền tổ chức các đoàn thể phản động để chống lại ta. Đồng thời, chúng khôi phục tuyến đường sắt để chuyển quân, chuyển hàng, và cũng để tạo phòng tuyến ngăn chặn ta từ vùng núi xuống đồng bằng ở hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận.

Về phía ta nhiệm vụ đánh phá kế hoạch bình định trên toàn Miền gặp không ít khó khăn. Trung ương Cục và Quân ủy Miền tiếp tục ra nhiều chỉ thị về nhiệm vụ đánh phá bình định bằng cách đẩy mạnh tiến công trên ba mũi, xây dựng thực lực trên ba vùng, trước hết, đánh sập lực lượng kìm kẹp của địch ở cơ sở, giành quyền làm chủ ở cơ sở, ấp ở nông thôn, mở rộng phong trào đến thành thị, giữ vững các địa bàn căn cứ, các trục đường hành lang, làm thất bại kế hoạch bình định của địch.

Đầu năm 1971, theo quyết định của Thường vụ Trung ương Cục, tôi được chuyển lên thành Khu ủy viên chính thức của Khu ủy Khu 6.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, đầu tháng 3 năm 1971, Quân khu 6 đã mở một đợt tiến công đồng loạt vào các mục tiêu của địch nhằm phối hợp với các chiến trường chung của toàn Miền, với Mặt trận Đường 9 - Nam Lào, đông bắc Campuchia.

Tại trọng điểm Bình Thuận, các tiểu đoàn 840, 842 và một tiểu đoàn của Trung đoàn 33 phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương đã đánh nhiều trận, diệt và đánh thiệt hại nặng 5 đại đội và 12 trung đội địch. Ở Thuận Phong, Tiểu đoàn 186 đột nhập vào ấp Gò, đánh quân giải tỏa diệt nhiều bộ binh và cơ giới địch. Đêm 22 tháng 3, đặc công Quân khu đánh vào căn cứ sông Mao lần thứ bảy, diệt 150 tên địch.

Tại Lâm Đồng, ta đánh tiêu diệt hậu cứ liên đội bảo an Quang Trung, phá khu ấp Việt kiều ở sát thị xã Blao, đánh địch ở các ấp Tân Lạc, Liên Đầm, Đồng Lạc trên đường 20.

Tại Ninh Thuận, ta đánh diệt một đoàn bình định ở Nhuận Đức, đánh phá giao thông trên đoạn đường 11 Tháp Chàm.

Tại Tuyên Đức, Bình Tuy ta vừa diệt ác, phá ấp, diệt viện vừa tuyên truyền, móc nối cơ sở cách mạng. Ngoài việc tiến công tiêu diệt địch, từ tháng 4 đến tháng 10 năm 1971, toàn Khu đã xóa được 63 ấp trắng và nối lại hàng trăm cơ sở bị đứt liên lạc, tạo một chất lượng mới cho phong trào ở cấp cơ sở.

Thời kỳ này ta đánh mạnh ở Đường 9 - Nam Lào. Ở Campuchia, cuộc hành quân Chen La 1 và Chen La 2 của địch cũng bị bẻ gãy, khiến địch phải căng ra chống đỡ đã tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh ở cơ sở phát triển mạnh.

Ở Sài Gòn, chế độ ngụy quyền tổ chức bầu cử hạ nghị viện và tổng thống ngụy. Để đấu tranh chống phá cuộc bầu cử này, từ đầu tháng 8 năm 1971, phong trào đấu tranh vũ trang và chính trị của ta đã diễn ra rất sôi nổi từ nông thôn đến thành thị.

Đến thời điểm này ta đã làm chủ được một vùng dân cư rộng lớn với 50.662 dân, vùng tranh chấp gồm 77.673 người, vùng lòng kim gồm 122.423 người, vùng còn bị kìm kẹp là 235.000 người.

Năm 1972, Miền tăng cường hai tiểu đoàn bộ binh cho Quân khu là Tiểu đoàn 15 và Tiểu đoàn 17 từ miền Bắc và cùng một khung trung đoàn bộ. Trên cơ sở hai tiểu đoàn và số cán bộ đã qua chiến đấu này, Khu thành lập Trung đoàn 211 (thiếu).

Để thực hiện quyết tâm chung của Miền và Nghị quyết tháng 12 năm 1971 của Khu Ủy, Thường vụ Khu ủy và Đảng ủy Quân khu chủ trương mở chiến dịch tổng hợp. Yêu cầu của chiến dịch là: đánh phá bình định ở trọng điểm Bình Thuận, tiêu hao và làm tan rã lực lượng bảo an cơ động, dân vệ, cảnh sát, phá lỏng, phá rã bộ máy kìm kẹp, bung dân về khôi phục vùng giải phóng cũ, mở thêm những lōm giải phóng mới, nâng thế làm chủ nhiều mức trên đại bộ phận nông thôn còn lại, phát triển cơ sở và đưa phong trào thị xã, thị trấn lên một bước mới, cắt giao thông... góp phần chia lửa với các chiến trường trong toàn Miền.

Trong hai tháng 6 và 7 năm 1972, ta liên tiếp có những trận tập kích vào Camp Êsépíc, vào thị xã Phan Thiết, căn cứ Sông Mao và các chi khu Hải Ninh, Hòa Đa, Thiện Giáo, tiến công phá rã một số ấp chiến lược, đưa 32.000 dân lên làm chủ, phá lỏng rã kìm 65.000 dân, vận động rã ngũ 560 bảo an, dân vệ, 350 phòng vệ dân sự. Ở Tuyên Đức Tiểu Đoàn 810 và Đại đội 816 tiến công địch ở các ấp Phú Hội, Tùng Nghĩa và trục đường 21 kéo dài, hỗ trợ nhân dân phá kìm ở các ấp Phú Sơn, Gia Thanh, Đa Huỳnh; mở rộng đường hành lang từ căn cứ

tỉnh Lâm Đồng qua đường 21 kéo dài đến Nam Ban, vùng bàn đạp tây nam thị xã Đà Lạt; trong thành phố, biệt động và tự vệ mật diệt được một số ác ôn.

Trên toàn miền Nam, địch bị thua đau trong cuộc chiến công chiến lược và bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, nên từ mùa thu năm 1972, đế quốc Mỹ đã buộc phải chuẩn bị để ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam.

Ở chiến trường Khu 6, từ giữa tháng 7 năm 1972, địch đã điều một số lực lượng cơ động, tăng cường cho lực lượng tại chỗ và bắt đầu phản kích. Lực lượng Quân khu tuy được Bộ Tư lệnh Miền tăng cường cho hai tiểu đoàn bộ binh (15, 17) và trung đoàn bộ nhẹ ghép thành Trung đoàn 211 (thiếu), nhưng quân số và vũ khí trang bị đều rất nhiều.

Tháng 10 năm 1972, được hướng dẫn của trên, Quân khu đã động viên các lực lượng đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, mở rộng vùng giải phóng nông thôn; đồng thời khẩn trương xây dựng các mặt chuẩn bị cho kế hoạch thời cơ khi có giải pháp chính trị.

Sau thời gian này, trọng điểm hoạt động của ta chuyển về phía nam (từ khu vực Tam Giác của Bình Thuận qua Tánh Linh - Hoài Đức của Bình Tuy và lên đường 20 phía nam đèo Blao của Lâm Đồng), nhằm mở rộng vùng giải phóng toàn tuyến hành lang từ Miền về Quân khu. Ta còn điều Tiểu đoàn 840 từ bắc Bình Thuận vào địa bàn đường số 8 Tam Giác, Tiểu đoàn 186 vào Tánh Linh - Hoài Đức, Tiểu đoàn 200c từ Bình Thuận lên khu vực Đa Oai (Lâm Đồng), Trung đoàn 211 (thiếu) đứng chân hoạt động ở đoạn nam đèo Blao trên đường 20 của Lâm Đồng.

Đêm 14 tháng 10 năm 1972, Tiểu đoàn 200c đặc công (thiếu) tập kích tiêu diệt chi khu Đa Oai, một cứ điểm khá kiên cố từ lâu khống chế đoạn đường 20 và bảo vệ cầu Đa Oai. Ta đã đánh sập cầu Đa Oai. Sáng 15 tháng 10, Trung đoàn 211 (thiếu) đánh địch tiếp viện từ tiểu khu Lâm Đồng vào. Trận đánh diệt viện diễn ra ngay tại chân đèo Blao. Ta đã tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng đại đội bảo an, làm chủ đoạn đường 20 từ nam đèo Blao đến nam cầu Đa Oai trong nhiều ngày. Ta thực hiện đúng ý đồ "đánh điểm diệt viện".

Trước ngày ngừng bắn, địch cũng liên tục phản kích quyết liệt. Chúng bắt dân sơn cờ ba sọc của ngụy lên bờ tường, nóc nhà hồng xác định chủ quyền. Ta chủ trương đánh đến đâu treo cờ tới đó. Lực lượng chủ lực Khu 6 đánh vào Bình Tuy để diệt địch ở Hoài Đức, Tánh Linh. Một số bộ phận của cơ quan Khu bộ và các đơn vị nhỏ, rút một số cán bộ chiến sĩ trong các cơ quan ra hình thành tổ chức đơn vị mới để tham gia chiến đấu. Lực lượng tăng gia sản xuất cũng được khẩn trương điều về chiến đấu giành đất, giành dân, cấm cờ giữ đất. Ta chiếm được nhiều xóm, ấp trên đường số 8 như các ấp Bình Lâm, Bình An, Lệ Hòa, Đại Thiện, thị trấn MƯỜNG MÁN. Cho đến khi ký hiệp định, ta không những vẫn giữ được vùng giải phóng mà còn mở rộng thêm. Ta và địch tranh chấp nhau từng tấc đất. Máu chiến sĩ ta vẫn đổ khi mà hòa bình dường như đang ở trong tầm tay. Có đoạn ta cấm cờ ngay giữa cánh đồng, anh em ta đào hầm hố trụ lại để

bảo vệ cờ. Bọn địch điên cuồng tung quân lấn chiếm nhưng lấn đến đâu đều bị ta đánh đến đó. Không những chúng không lấn thêm được mà lại bị mất thêm khá nhiều đất.

Cuối tháng 12 năm 1972, hòng ép ta phải ký Hiệp định Paris theo những điều khoản do phía Mỹ quy định, đế quốc Mỹ ồ ạt tiến hành cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B.52 tập trung đánh phá hủy diệt Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng. Nhưng ta đã thắng, địch đã thua. Đế quốc Mỹ đã phải xuống thang ngồi vào bàn đàm phán ký kết Hiệp định Paris, rút hết quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Cuối tháng 1 năm 1973, theo tinh thần Hiệp định Paris, hai bên Mỹ và Việt Nam tổ chức Ban Liên hợp quân sự bốn bên. Đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa ở cấp Trung ương do Thiếu tướng Lê Quang Hòa làm trưởng đoàn, Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam do Trung tướng Trần Văn Trà làm trưởng đoàn. Đoàn của Hoa Kỳ do một thiếu tướng làm trưởng đoàn. Đoàn của chính quyền Sài Gòn do một trung tướng ngụy làm trưởng đoàn. Dưới đoàn của Trung ương còn tổ chức các đoàn ở khu vực. Dưới khu vực còn có tổ, mỗi tổ bao quát địa bàn từ một đến hai tỉnh, tùy theo địa bàn từng khu vực.

Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở cấp Trung ương triển khai khá đầy đủ. Trong khi đó ở cấp khu vực chỉ có Quân khu 6 tổ chức ra được đến Phan Thiết. Địch dùng máy bay, pháo binh đánh thẳng vào các vị trí đón các đoàn của ta từ căn cứ ra, nên phần lớn các đoàn của ta không ra được. Vì vậy duy nhất Khu 6 có đoàn ra được và Ban Liên hợp khu vực 4 ở Phan Thiết được thành lập, đây cũng là đoàn duy nhất ở cơ sở được thành lập. Khu vực 4 lúc đó gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Tuyên Đức, Bình Tuy, Quảng Đức.

Đoàn của Khu 6 xuống Phan Thiết gần năm mươi người, theo đúng quân số mà hiệp định quy định cho cấp khu vực. Ta chọn một tráng trống làm sân bay trực thăng. Tráng trống này to hơn một sân bóng đá, bốn góc sân cắm cờ đỏ, ta đốt khói ở một góc sân, giữa sân căng hai tấm vải trắng hình chữ thập để làm hiệu cho máy bay hạ cánh.

Tôi lúc đó cấp bậc thượng tá, Tư lệnh Khu 6 làm trưởng đoàn. Anh Võ Thọ Sơn lúc đó là một sĩ quan mới từ miền Bắc vào cùng trung tá Đinh Sĩ Uẩn - Chủ nhiệm chính trị Quân khu làm phó đoàn. Ngoài ra còn có một số cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần, phiên dịch, thông tin, điện đài, cơ yếu cảnh vệ đi cùng. Chúng tôi xác định lần này đi là vào chốn sào huyệt của địch nên phải chuẩn bị chu đáo cả về tư tưởng cũng như lực lượng để sẵn sàng tác chiến độc lập.

Theo đúng hiệp đồng, Mỹ đưa liền bốn trực thăng xuống vị trí giữa bãi trống đón đoàn của ta ra Phan Thiết. Một máy bay đón trưởng đoàn ta có viên sĩ quan Mỹ ngồi sẵn trên đó. Đi cùng tôi có Trung tá Võ Thọ Sơn là phó đoàn, một đồng chí phiên dịch, một sĩ quan liên lạc và bốn chiến sĩ mang theo một khẩu B40 và

ba khẩu AK. Chúng tôi phải chuẩn bị như vậy vì rút kinh nghiệm một số đoàn đã bị địch đánh; nếu không có vũ khí sẽ không chống trả được. Tôi đã chuẩn bị sẵn một bài phát biểu chào mừng chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang các tỉnh thuộc Khu 6 để báo cáo bà con biết đoàn Khu 6 bắt đầu ra làm nhiệm vụ đấu tranh với địch.

Khi máy bay đáp xuống, tranh thủ các nhà báo đang đứng chen chúc xung quanh cách chúng tôi khoảng hai chục mét, có quân cảnh của ngụy giữ trật tự, tôi lấy bài phát biểu ra đọc luôn. Trong khi đó anh em ta đã chuẩn bị sẵn ba mươi bản liên tung cho các nhà báo. Đứng bảo vệ sát bên tôi là ba đồng chí chiến sĩ đã triển khai sẵn AK và B40. Trong số phóng viên đang chăm chú ghi chép và ghi hình, tôi thấy có nhiều nhà báo nước ngoài.

Lúc đó tôi đang đọc bài phát biểu thì đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa cũng chuẩn bị sẵn sàng ứng phó, các anh đưa ô tô ra đón. Không chờ quân ta xuống hết, khi tôi đọc xong, anh Sơn dẫn tôi ra ô tô đi thẳng vào trụ sở. Ra đón đoàn chúng tôi có ba mươi đồng chí của đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa, anh em nhanh chóng mang đồ đạc về trụ sở của đoàn.

Đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa do đồng chí Trung tá Tạ Viết Quý làm trưởng đoàn. Về trang phục của ta lúc đó, anh em đội mũ kê pi, mặc trang phục đồng, đeo quân hàm, cầu vai, đi giày đen, trên cánh tay trái đeo băng màu da cam, trên mặt băng có số "4". Trước ngực mỗi người còn đeo một tấm phù hiệu có chữ ký của cả bốn trưởng đoàn. Riêng hai trưởng đoàn ta, ở cấp Trung ương, mỗi người có một chiếc cặp da màu đen do đồng chí Nguyễn Thị Bình lúc đó đang đàm phán ở Paris gửi tặng.

Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam mặc quần áo hè miền Bắc màu xanh, áo sơ mi dài tay bỏ trong quần, đầu đội mũ "cối" có đeo sao "Giải phóng", chân đi giày đen, không đeo quân hàm, cánh tay trái đeo băng màu da cam có chữ số "4" của Ban Liên hợp bốn bên.

Đoàn Mỹ ở khu vực 4 do Đại tá Phóc-man làm trưởng đoàn. Đoàn ngụy quyền Sài Gòn do Đại tá Nguyễn Mạnh Đĩnh làm trưởng đoàn. Đại tá Đĩnh khoảng bốn mươi hai tuổi, tức là trẻ hơn tôi khoảng năm tuổi, hẳn ta là dân công giáo di cư vào Nam năm 1954. Theo nguồn tin anh em cung cấp thì tên này là một tên "chống cộng" khét tiếng. Cả sĩ quan Mỹ và ngụy đều mặc đồ ka ki dã chiến, trên ve áo thêu hoa mai màu đen, cánh tay trái đeo băng của Ban Liên hợp bốn bên như quy định.

Về đảm bảo ăn uống cho đoàn ta, Mỹ thuê một nhà thầu mua thức ăn cung cấp cho các đoàn với hợp đồng sau đợt công tác, các đoàn có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu. Ta đặt nhà thầu mua các loại thực phẩm như: gà, vịt, cá tươi, rau xanh... về tự nấu lấy. Nước uống và nước dùng, ta chứa vào bể, bỏ con cá nhỏ còn sống và nuôi để kiểm tra, nếu cá chết phải đổ hết nước đi ngay. Rau xanh được ngâm muối, thuốc tím và nấu chín. Đường để pha nước cũng được kiểm tra kỹ lưỡng. Những việc này chúng tôi giao cho đồng chí quân y phụ trách. Đoàn

Mỹ và ngụy ở căn cứ tại Phan Thiết. Đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa và đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ở trong Camp Êsépíc có hàng rào bao bọc, cảnh vệ ta gác trong hàng rào, quân cảnh ngụy gác ngoài hàng rào. Ban ngày hai đoàn ta có việc gì cần trao đổi thì đi qua cửa chính. Ban đêm cửa chính đóng, ta vạch rào sang với nhau, lính gác không thấy được.

Nơi họp của bốn đoàn ở Phan Thiết nguyên là một nhà thờ của đạo Thiên Chúa. Phòng họp được đặt ở chính giữa nhà. Bốn góc nhà có bốn buồng riêng cho bốn đoàn, phòng họp có hai cửa ra vào ở hai đầu.

Buổi sáng họp từ 8 giờ, cứ sau một giờ lại nghỉ ba mươi phút. Buổi chiều có hôm nghỉ.

Trước khi họp, ban tổ chức cho đo bốn cạnh chiếc bàn vuông xem có bằng nhau không. Ghế của các đoàn cũng phải giống nhau, bốn trưởng đoàn ngồi ghế đỏ. Ngồi bên tay phải tôi là đồng chí phiên dịch, tay trái là phó đoàn, phía sau là năm đồng chí sĩ quan trong đó có một đồng chí ghi chép và ghi âm.

Hôm khai mạc, các phóng viên nhà báo được quay phim chụp ảnh trong vòng mười phút, sau đó các đoàn lần lượt phát biểu ý kiến theo chiều kim đồng hồ. Chủ tịch hội nghị cũng lần lượt luân phiên nhau từng ngày Đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa ngồi đối diện với đoàn Mỹ, đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ngồi đối diện với đoàn chính quyền Sài Gòn. Khi bước vào phòng họp, ai vào trước đứng dậy bắt tay người vào sau. Nhưng điều đó chỉ thực hiện với đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa và đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sau ba phiên họp, đoàn Mỹ chủ động đến bắt tay hai đoàn của ta trước, sau đó mới vào ghế ngồi. Không có đoàn nào bắt tay đoàn ngụy.

Khi đọc diễn văn khai mạc, các trưởng đoàn ngồi tại chỗ đọc diễn văn, đọc xong để bài phát biểu tại bàn. Không có ai vỗ tay cho ai. Nội dung bài diễn văn chủ yếu xoay quanh danh tính của mình... rồi hứa "đem hết sức mình thực thi hiệp định, đem lại hòa bình...", rồi "chúng tôi kêu gọi các đoàn nghiêm chỉnh thực hiện hiệp định...". cuối cùng là "chúc các vị trưởng đoàn, các vị đoàn viên mạnh khỏe...".

Khu vực đoàn chúng tôi ở là một khu nhà một tầng gồm nhiều phòng do Pháp xây dựng từ trước. Trưởng đoàn ở riêng một phòng, còn anh em hai người ở một phòng.

Lúc đầu anh em ta chưa hiểu tình hình nên bàn nhau cố gắng nắm chắc hiệp định, giữ uy tín, thái độ lời nói mềm dẻo để giữ vững hòa bình. Nhưng sau ba phiên họp, tôi thấy tình hình không ổn vì những vấn đề lớn có tính xây dựng ta đưa ra bàn, các đoàn đối phương không quan tâm xem xét mà chỉ tập trung vu cáo ta nổ súng chỗ này, đánh chỗ kia... Cách thức đó không giải quyết được gì, mà chỉ khiến không khí hội nghị rất căng thẳng.

Ngay sau phiên họp thứ ba, chúng tôi về họp cán bộ chủ chốt của đoàn thống nhất nhận định: “Những điểm dịch nêu ra chủ yếu nhằm phá rối hội nghị”.

Trong khi đó nét mặt trưởng đoàn Mỹ lạnh tanh, thỉnh thoảng lại cố ý khiêu khích hai đoàn ta. Một lần, khi tôi phát biểu xong, anh Quý nói hơi khác, đoàn Mỹ liền chêm luôn:

- Tại sao các ngài nói (ý nói Việt Nam Dân chủ cộng hòa và đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam) lại nói khác nhau?

Tôi nói luôn:

- Thưa ngài, ngài xem chúng tôi đây là một đoàn hay hai đoàn? Đây rõ ràng là hai đoàn chứ không phải là một đoàn mà buộc chúng tôi phải nói giống nhau.

Sau ba cuộc họp thì kẻ địch đã lộ rõ ý đồ phá hoại. Chúng luôn tìm cách khiêu khích ta không chỉ ở trên bàn hội nghị mà cả quanh khu vực ta ở. Có sáng ngủ dậy, chúng tôi thấy địch cho khoảng ba chục tên đầu trâu mặt ngựa cưỡi trần, lưng ngực và cánh tay đứa nào cũng thấy xăm trổ những hình thù rất quái đản, đánh võ cách chỗ đoàn ta đóng khoảng tám chục mét, chỗ quân nguy đóng.

Hôm sau, ngồi uống cà phê lúc giải lao, tôi nói với Nguyễn Mạnh Đĩnh trưởng đoàn nguy:

- Hôm qua tôi có nhìn thấy quân của ngài đánh võ, xem ra động tác không thành thực, so với đặc công của chúng tôi còn kém xa.

Nguyễn Mạnh Đĩnh không nói gì, nhưng từ sáng hôm sau chúng tôi không thấy lũ đầu trâu mặt ngựa đó nữa, mà lại thấy đám con gái ăn mặc lố lăng tới ăn bánh, uống bia, nhảy đầm. Tôi lại gặp Nguyễn Mạnh Đĩnh nói:

- Quân đội chúng tôi doanh trại ra doanh trại, chơi phố ra đi phố, chứ không như chỗ chúng tôi nhìn thấy.

Hôm sau địch lại dẹp luôn trò mới này. Cũng từ hôm đó, chúng tôi dọn nhà thầu mua những thanh củi dài, chắc để đốt được lâu. Củi được nhà thầu đem tới, chúng tôi chọn những thanh dài tám chục phân, chắc chắn, gói đầu giường để khi cần thì tự vệ, dưới chân thường là chiếc can 20 lít đựng nước để phòng địch cắt nước. Ngoài các thứ trên, mỗi người còn dự trữ năm ngọn nến để phòng địch cắt điện.

Địch còn tìm mọi cách thăm dò ta. Không chỉ thăm dò ở ngoài, một hôm có một tên nhân danh nhà thầu đến phun thuốc chống muỗi để thăm dò tình hình bên trong. Buồng ở của cán bộ và anh em ta phải luôn thay đổi. Anh em đục một lỗ trên trần nhà chuẩn bị thang để đưa điện đài, tài liệu và người lên để liên lạc với anh Trần Văn Trà ở đoàn Trung ương và các đoàn Ba Lan, Hungari để ứng cứu khi có tình huống.

Khi Hiệp định Paris có hiệu lực, Nguyễn Văn Thiệu được đế quốc Mỹ tiếp tay trắng trợn tuyên bố chống phá hiệp định đến cùng. Chúng nêu khẩu hiệu “bốn không” là: không có hòa bình, không có ngừng bắn, không có giải pháp chính trị,

không có tổng tuyển cử. Chúng còn lệnh cho quân nguy phải thực hiện “tràn ngập lãnh thổ”, phải lấn chiếm vùng giải phóng của Việt cộng.

Ngày 10 tháng 3 năm 1973, địch cho Tiểu đoàn 202 bảo an (thiếu) của tiểu khu ra lấn chiếm xóm Bầu (tam giác Bình Thuận).

Xóm Bầu là một xóm nằm ven rừng bên đường số 8, cách thị xã Phan Thiết bốn cây số. Đêm đó, anh em ta kéo nhau lên bìa rừng ngủ cho yên tâm, chỉ để lại một vọng gác giữa đồng. Trong số anh em ở lại gác có đồng chí y tá. Lúc 3 giờ sáng, địch ở Phan Thiết mò ra đứng lù lù ngay cạnh cửa hầm của đồng chí y tá. Đồng chí y tá của ta biết địch đông nên bình tĩnh hỏi:

- Các anh đi đâu đấy?

- Chúng tôi vô chiếm lại xóm Bầu do các anh chiếm sau ngày ngừng bắn.- Bọn địch cậy mình đông nên chủ quan.

Giai đoạn này, ta và địch thường đấu lý với nhau. Đồng chí y tá của ta nói:

- Các anh đã vi phạm hiệp định, đây là vùng đất do chúng tôi quản lý, mời các anh rút ngay.

Hai bên cãi nhau một hồi, chúng bảo: “Đi một rồi, nghỉ đã”. Ngồi một lúc, khoảng 5 giờ sáng, chúng bảo nhau lấy cơm túi ra ăn. Đồng chí y tá vẫn ngồi trên miệng hầm. Thấy chúng chỉ có túi cơm gạo sậy ăn với cá khô, đồng chí y tá bảo:

- Các anh chỉ có cơm với cá khô thôi à?

- Chúng tôi chỉ có thế thôi. - Một tên trả lời.

- Hôm qua chúng tôi về làng, đồng bào cho chúng tôi nôi cá kho to lắm.

Nói rồi đồng chí y tá lôi nôi cá kho mới ăn một ít ra cho bọn chúng ăn. Chúng rối rít khen ngồi rồi ăn hết nôi cá với cơm sậy mang theo.

Mờ sáng, bộ đội ta ngủ dậy nhìn xuống cánh đồng thấy địch đội mũ sắt lố nhố trên trận địa. Ta kiên trì giải thích và yêu cầu địch rút để thi hành đúng hiệp định. Nhưng chúng không chịu, còn dùng phi pháo đáp lại. Ta lập tức dùng đại liên, trung liên và cối đánh thẳng vào trận địa khiến địch phải bỏ chạy tán loạn. Ta diệt gọn một đại đội bảo an, bắt tù binh, thu vũ khí. Bộ đội ta xuất kích về chiếm lấy trận địa, sau đó dùng bộ đàm báo cho địch tới mang bọn chết và bị thương về.

Hai ngày sau, địch đưa vụ này ra tố cáo tại Ban Liên hợp bốn bên. Tôi trả lời:

- Xóm Bầu thuộc về vùng giải phóng của cách mạng, quân đội Sài Gòn đưa quân vào lấn chiếm, bộ đội của chúng tôi phải đánh trả để bảo vệ chủ quyền.

Trưởng đoàn nguy yêu cầu tổ chức điều tra tại chỗ để có kết luận. Tôi nói:

- Hiệp định Paris đã quy định có hai vùng đất đai. Mảnh đất này là của Quân giải phóng, quân đội Sài Gòn đã đưa quân ra lấn chiếm nên đã bị đánh, đó

là sự thật, không có gì phải điều tra cả. Các ngài muốn điều tra cứ tự đến mà điều tra, còn đoàn chúng tôi không đi.

Sau ý kiến của tôi, trung tá Tạ Viết Quý - trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa phát biểu, anh nói:

- Việc Quân giải phóng bảo vệ vùng giải phóng, chống lấn chiếm là hành động tự vệ chính đáng theo đúng tinh thần của hiệp định, không cần điều tra. Chúng tôi không tham gia đi điều tra.

Chiều về, tôi gọi điện thoại cho các trưởng đoàn Hungari, Ba Lan nói các đồng chí không nên đi. Hai đoàn Canada và Indonêxia lúc này không có ý kiến gì. Sau đó cả bốn bên không ai nhắc đến vụ xóm Bầu nữa.

Trong phái đoàn Mỹ có một viên thiếu tá, tay này đọc và nói tiếng Việt khá sõi. Mỗi khi đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa và đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam phát biểu, viên thiếu tá này rất chăm chú nghe và hiểu ngay. Đặc biệt là trên tay viên thiếu tá này lúc nào cũng có cuốn văn bản Hiệp định Paris.

Một hôm trong cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị, trưởng đoàn ngụy vẫn đưa vấn đề xóm Bầu ra bàn. Tôi nói:

- Vấn đề xóm Bầu họp mấy phiên rồi không có kết quả. Chúng tôi khẳng định chúng tôi tự vệ là chính đáng, quân ngụy Sài Gòn đã vi phạm hiệp định, cho quân lấn chiếm xóm Bầu và chúng tôi đã đánh bật ra. Từ này về sau, bất cứ lúc nào quân ngụy Sài Gòn còn tiến vào xóm Bầu thì lại phải rút ngay.

Đến giờ nghỉ giải lao uống cà phê, ăn bánh ngọt, viên thiếu tá Mỹ đến bên bàn của tôi, nói:

- Thưa ngài trưởng đoàn, tôi xin hỏi ngài một câu. Khi này ngài phát biểu quân "cộng hòa" vào xóm Bầu các ngài đánh bật đi rồi, tại sao ngài lại đòi quân "cộng hòa" phải rút khỏi xóm Bầu?

Tôi bảo:

- Đúng, quân "cộng hòa" vào lấn chiếm xóm Bầu và đã bị chúng tôi đánh bật ra rồi. Nhưng từ nay về sau nếu quân "cộng hòa" còn tiếp tục đưa quân vào lấn chiếm thì chúng tôi lại đánh, buộc chúng phải rút ra.

Viên thiếu tá gật đầu:

- Thưa ngài, tôi rõ rồi.

Nhân thế, tôi hỏi thăm viên thiếu tá luôn:

- Ngài đã từng ở những đâu?

Viên thiếu tá nói:

- Tôi đã học ở Nhật, đã tham gia "chống cộng" ở Philipin, Mã Lai, bây giờ tham gia đoàn Mỹ ở Việt Nam.

Trong cuộc họp, viên thiếu tá này thường ngồi đằng sau trưởng đoàn Mỹ, đôi lúc viên thiếu tá lại chồm qua vai trưởng đoàn Mỹ chia tận mắt ông ta cuốn hiệp định, chỉ chỉ trỏ trỏ các điều khoản để mách nước cho trưởng đoàn.

Hiệp định Paris là kết quả đấu tranh của ta ở miền Nam và cũng là một sự chấp nhận thất bại về chiến lược của đế quốc Mỹ. Quân Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, sự viện trợ của Mỹ giảm, thực lực kinh tế của ngụy hoàn toàn dựa vào Mỹ bị cắt giảm mạnh khiến ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn rất hoang mang, dao động. Trước khi Mỹ hạ bút ký Hiệp định Paris, ngụy quyền Sài Gòn đã xác định sẽ phá hoại hiệp định, chỉ những điều khoản nào có lợi cho chúng thì chúng mới thi hành. Âm mưu của chúng phải đạt ba mục đích: “An ninh lãnh thổ. Cũng cố chính quyền Sài Gòn. Ổn định và phát triển kinh tế”.

Về phía ta, ta xác định thi hành hiệp định và đấu tranh với địch thực hiện hiệp định trên cơ sở nắm vững tư tưởng và chiến lược tiến công của Đảng ta.

Một hôm đoàn ngụy quyền Sài Gòn đến chậm ba mươi phút. Đến lúc giải lao uống cà phê, Nguyễn Mạnh Đĩnh hỏi tôi:

- Thưa ngài, ngài có biết vì sao hôm nay tôi đi họp muộn không?

Tôi chưa kịp trả lời thì Đại tá Đĩnh nói luôn:

- Hôm nay, trước khi chúng tôi đi họp, đã có một đoàn dân đến chỗ chúng tôi đòi gặp đoàn các ngài để đấu tranh.

Tôi nói ngay:

- Tôi nói cho các ngài biết, những người Việt Nam chân chính và yêu nước không bao giờ đến gây rắc rối cho chúng tôi, còn những người cần gặp chúng tôi để gây rắc rối là loại người nào thì các ngài biết rồi đấy.

Một lần khác, Đại tá Đĩnh lại tranh thủ lúc giải lao nói với tôi:

- Tôi và ngài đều đã có tuổi, chúng ta đều muốn đem lại hòa bình cho đất nước, cho con cháu mai sau.

Tôi nói:

- Chúng tôi cũng luôn mong muốn như ngài, song điều quan trọng bây giờ là yêu cầu người Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Còn lại người Việt Nam chúng ta với nhau, chắc chắn sẽ sớm có hòa bình. (Ý tôi muốn cho ông ta biết, Mỹ rút quân đi rồi thì quân ngụy sẽ nhanh chóng bị đè bẹp và tất nhiên hòa bình - niềm ao ước khát khao của toàn dân Việt Nam - sẽ nhanh chóng được thiết lập).

Nhân một lần địch tố cáo ta vi phạm hiệp định, tôi liền đưa ngay dẫn chứng của đoàn ta ra đấu tranh. Tôi nói:

- Thưa các ngài, chúng tôi đã báo các ngài thời gian, địa điểm để đón tổ Lâm Đồng, tại sao các ngài không đón lại đưa máy bay đến ném bom? Đó chẳng phải là hành động phá hoại hiệp định hay sao? Tôi yêu cầu các ngài phải chấm dứt ngay các hành động ném bom, bắn pháo và vùng giải phóng.

Đến giờ nghỉ, trưởng đoàn ngụy báo:

- Thưa ngài, ngài thông cảm. Ngài là trưởng đoàn, đồng thời còn là Tư lệnh của đơn vị. Ngài ra lệnh cho đơn vị được còn tôi chỉ là người do cấp trên cử đi họp, nên mọi việc phải xin ý kiến cấp trên giải quyết, tôi không có quyền gì với Đại tá tỉnh trưởng ở đây cả.

Quả thật, khi quan sát trên bàn hội nghị, ta mới càng thấy thái độ của bọn ngụy quân bị lệ thuộc hoàn toàn vào Mỹ. Chúng đi lại lom khom, đầu cúi thấp, đang phát biểu mà thấy sĩ quan Mỹ trừng mắt là ngồi im luôn, không dám ho he. Ta không thèm bắt tay chúng, chúng cũng không dám bắt tay ta mỗi khi vào bàn hội nghị.

Khi nhiệm vụ ở Ban Liên hợp đã hoàn thành, chúng tôi mổ lợn liên hoan. Anh em dọn một mâm cơm mời một số người phục vụ cho đoàn ta. Trong số khách mời có cả tay phun thuốc diệt muỗi mấy hôm trước cũng đến. Tay này sau khi ăn no uống say mới dốc bầu tâm sự:

- Đã từ lâu, tôi biết các ông là những người vì nước vì dân mà đi làm cách mạng. Chúng giao cho tôi theo dõi các ông để hàng ngày báo cáo cho chúng. Tôi nói lung tung, không có gì thật cả. Các ông cứ tin tôi đi, tôi nói thật mà. Các ông cứ tin tôi đi.

Trước khi bế mạc Hội nghị Liên hợp bốn bên tại Camp Êsépíc, trưởng đoàn Mỹ đề nghị:

- Ban Liên hợp quân sự bốn bên khu vực 4 Phan Thiết chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ, sắp giải tán theo quy định của Hiệp định. Tôi đề nghị nhân dịp này chúng ta nên đi chào các ông tỉnh trưởng các tỉnh và các ông chủ tịch mặt trận giải phóng trong phạm vi khu vực 4, ý các ngài thế nào?

Sau khi đoàn Mỹ tuyên bố, Nguyễn Mạnh Đĩnh trưởng đoàn ngụy cũng tuyên bố tán thành luôn. Địch chủ trương sẽ kéo đoàn ta đến Phan Thiết chào tên Đại tá Nghĩa tỉnh trưởng trước. Theo kịch bản chúng đã dàn dựng sẵn thì tại đây sẽ có những màn chiêu đãi, quay phim, chụp ảnh; sau đó sẽ đến màn trưng bày vũ khí và những chiến tích của quân ngụy nhằm tố cáo ta lấn chiếm, vi phạm hiệp định; có thể chúng sẽ đưa cả bọn người xấu đến phá rối ta để quay phim chụp ảnh tuyên truyền. Thực hiện xong ý đồ này thì chúng sẽ không đi nữa. Mục đích của chúng là để các đoàn thừa nhận tính hợp pháp của chính phủ ngụy quyền, hạ thấp uy tín của ta; vì lúc đó không chỉ có ta và địch, mà còn có đại biểu một số nước làm nhiệm vụ quan sát. Thấy tình hình bất lợi, tôi tuyên bố luôn:

- Theo ý kiến của ngài trưởng đoàn Mỹ, kể cả chúng ta đi chào các tỉnh cũng tốt, song có điều đoàn chúng tôi phải về Sài Gòn học tập để nhanh chóng triển khai Ban Liên hợp hai bên (giữa ta và ngụy quyền Sài Gòn) bước hai. bây giờ đi sáu ông tỉnh trưởng, sáu ông chủ tịch mặt trận thì ta không có thời gian. Hơn nữa, khi đến đây chúng ta có chào ai đâu, bây giờ ra đi cũng không cần chào ai cả. Cho nên, tốt nhất là bế mạc theo tinh thần của hiệp định để các đoàn tiếp tục làm nhiệm vụ do chính phủ của mình đề ra.

Thế là âm mưu của chúng bị phá vỡ.

Trước hôm bế mạc, buổi trưa, phiên dịch của đoàn Mỹ gọi điện cho đoàn yêu cầu cho biết họ tên của phiên dịch đoàn ta. Đồng chí phiên dịch hỏi tôi, tôi bảo hỏi lại xem họ cần biết để làm gì. Người phiên dịch của đoàn Mỹ nói:

- Để chúng tôi khắc tên ông ta vào tặng phẩm.

Tôi mời anh Quý đến hội ý. Tôi nói:

- Như vậy là đoàn Mỹ đã chuẩn bị tặng phẩm, ta không ra phố được thì lấy đâu ra tặng phẩm để tặng lại?

May quá, đoàn miền Bắc mang vào mấy bức tranh, có bức tranh cô gái Mèo đang xòe ô múa, lại có bức tranh chiến sĩ đang ngồi thổi sáo bên một cô gái, phía sau là một đoàn Quân giải phóng đang hành quân. Đoàn miền Bắc chọn bức tranh cô gái Mèo đang múa. Còn chúng tôi lấy bức tranh anh chiến sĩ thổi sáo, phía sau có đoàn Quân giải phóng đang hành quân. Những bức tranh rất có ý nghĩa đó được để gọn trong xe.

Phiên bế mạc, tôi làm chủ tịch. Tôi đọc diễn văn xong, trao tặng phẩm luôn. Đoàn ngụy không chuẩn bị trước nên không có gì làm tặng phẩm, vội áp úng thanh minh:

- Đoàn chúng tôi chuẩn bị tặng phẩm rồi... nhưng đi họp vội quá nên không kịp mang theo, xin gửi đến các đoàn sau.

Viên Thiếu tá Mỹ nhanh chóng ra cửa tháo lá cờ của Ban Liên hợp đưa cho đoàn ngụy cho ta để phạm vi báo chí quay phim chụp ảnh. Sau đó đoàn Mỹ đưa ra mấy chiếc bật lửa Zíp-pô để tặng cho các trưởng đoàn và phiên dịch. Sau này, tôi tặng lại chiếc bật lửa Zíp-pô đó cho anh Trần Lê.

Buổi chiều, đoàn ngụy ra phố mua bức tranh cô gái đứng ở bãi biển Phan Thiết tặng các đoàn.

Chương trình họp Ban Liên hợp quân sự bốn bên đã kết thúc, nhưng chưa biết khi nào chúng tôi mới ra vùng giải phóng được. Đúng lúc ấy, Trung ương cử một đồng chí ra gặp chúng tôi nói:

- Đoàn về Sài Gòn để tập huấn, chuẩn bị triển khai Ban Liên hợp quân sự hai bên ngay. Trước khi đi phải chuẩn bị một số thực phẩm để sẵn ở Camp Êsépíc để sau khi tập huấn ở Sài Gòn xong, đoàn sẽ trở lại họp tiếp.

Tôi hiểu đây là sách lược nghi binh của ta để đưa anh em ta rút ra khỏi hang ổ của địch khi cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị đã đi vào hồi kết. Đã đến lúc chúng ta phải giáng cho địch những đòn quân sự quyết định để kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài mấy chục năm qua nhằm đem lại cuộc sống hòa bình, độc lập cho dân tộc ta, chấm dứt ách đô hộ của bọn thực dân đế quốc.

Sau gần năm mươi ngày đêm trực diện đấu tranh với địch ở Ban Liên hợp quân sự bốn bên tại Camp Êsépíc, tháng 4 năm 1973, hai phái đoàn của ta là Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền

Nam Việt Nam ở khu vực 4 Phan Thiết rút về sáp nhập với phái đoàn quân sự tại Ban Liên hợp quân sự Trung ương ở sân bay Tân Sơn Nhất (Sài Gòn).

Sau khi về Sài Gòn, đoàn ta ở đó tiếp một tháng và tìm cách cho anh em ra dân.

Sau này, khi ta giải phóng hoàn toàn miền Nam năm 1975, trong số quân ngũ ra trình diện có cả sĩ quan ngũ trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên xin gặp ban chỉ huy quân sự tỉnh Bình Thuận nộp vũ khí, tài liệu. Có một bà béo là chủ nhà thầu đã cung cấp thực phẩm cho đoàn ta ở Ban Liên hợp quân sự bốn bên đến xin gặp tỉnh để nộp số tiền, nói là tiền trước đây ta gửi mua hàng dự trữ còn thừa (mấy chục nghìn). Sau khi ta giải phóng Phan Thiết, Nguyễn Mạnh Đĩnh chạy sang Mỹ, còn bảy sĩ quan ở Phan Thiết đem hai xe Jeep và vũ khí đến ủy ban quân quản trình diện ta.

Cùng với đòn tiến công quân sự trên chiến trường, trên bàn hội nghị và đấu tranh binh dịch vận, Khu 6 còn đặt vấn đề xây dựng căn cứ theo quy mô lớn nhằm không chỉ đáp ứng nhu cầu của địa phương, mà còn đủ sức đảm bảo cho các lực lượng của Bộ. Ngoài sản xuất tự túc của các lực lượng tại chỗ, Khu 6 đã được ba khu sản xuất lớn dưới dạng nông trường gọi là “công danh”, khu vực lớn nhất là Đạ Tẻ (vùng 3 Lâm Đồng) vỡ hoang được gần một nghìn mẫu đất đồi rừng, sử dụng hai mươi máy cày, chủ yếu trồng cây lương thực sắn, mía, bắp; làm được ba trăm héc-ta lúa nước. Ban kinh tế Khu vận động lạc quyên trong vùng tranh chấp, vùng địch kiểm soát và thu thuế trên các đường giao thông, các đồn điền, các nơi khai thác gỗ... Riêng năm 1974, ta đã thu được 436 triệu đồng, ngoài ra còn mua dự trữ gần năm nghìn lạng vàng. Trường học, nhà y tế được xây dựng thêm. Đường hành lang vận tải vũ khí từ biên giới Campuchia về Khu được củng cố và tăng cường, các cung đoạn được tổ chức lại.

Cuối tháng 8 năm 1974, Khu ủy họp Hội nghị mở rộng. Trong hội nghị này, Khu ủy cũng nhận được thư của đồng chí Trần Lê, lúc này đang ra miền Bắc để chữa bệnh. Bức thư đề ngày 7 tháng 5 năm 1974. Nội dung tóm tắt chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về nhiệm vụ và công tác cấp bách của Khu 6 trong hai năm 1974 - 1975, trong đó có đoạn viết: “Xác định rõ vị trí của miền núi Khu 6 nối liền với miền rừng Đông Nam Bộ là một địa bàn căn cứ chiến lược chung cho cả chiến trường B2 (từ Khu 6 vào), nơi triển khai những binh đoàn chủ lực để từ đây tiến đánh Sài Gòn, thắng địch tại đây để cuối cùng thắng địch trên toàn chiến trường B2. Trước mắt cuộc chiến đấu đòi hỏi Khu 6 phải khẩn trương nỗ lực vươn lên, mở rộng và hoàn chỉnh thế làm chủ núi rừng, phối hợp với Khu 7 xây dựng căn cứ chiến lược chung - để trong một vài năm tới có đủ sức chứa một đội quân chủ lực lớn. Riêng Khu 6 có thể tiếp thu thêm một vài sư đoàn...”.

Đồng thời Khu ủy cũng nhận được điện của đồng chí Trần Lê nói về việc chuyển cơ quan Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu lên đứng chân phía bắc đường

20 của Lâm Đồng, để có điều kiện gắn với cục diện chiến trường chung khi thời cơ xuất hiện. Đồng chí Trần Lê còn nhắc lại, trong buổi làm việc với đồng chí, ngày 4 tháng 5 năm 1974, khi nhận định về thời cơ đối với cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Duẩn nói: “Hai mươi năm qua ta mới đi một bước, nhưng thời gian tới, một ngày có thể bằng hai mươi năm, nên ta phải rất khẩn trương”.

Qua ý kiến chỉ đạo của trên, liên hệ với tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Cục miền Nam, Hội nghị Khu ủy nhận định: “Tình hình hết sức khẩn trương, thời cơ lớn có thể đến”. Do đó, mặc dù tình hình trong Khu có nhiều khó khăn, nhưng hội nghị vẫn quyết tâm phấn đấu trong những tháng cuối năm 1974 và đầu năm 1975, đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định lần chiếm của địch, giành cho được một bước thắng lợi mới, toàn diện cả phía trước lẫn phía sau, cả tiến công và xây dựng, làm thay đổi so sánh lực lượng hoàn toàn có lợi cho ta...

Đây là quyết tâm có căn cứ, đồng thời cũng là truyền thống tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên của đảng bộ và quân dân Khu 6, trước những thời cơ chiến lược trong suốt quá trình kháng chiến lâu dài.

Tháng 10 năm 1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đánh giá tình hình và hạ quyết tâm chiến lược. Hội nghị khẳng định, ta đang đứng trước thời cơ lớn để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà. Đồng thời hội nghị cũng đề ra kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm 1975 - 1976 sẽ giành thắng lợi hoàn toàn. Năm 1975 tranh thủ thế bất ngờ, ta tiến công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện đầy đủ để sang năm 1976 thực hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.

Căn cứ quyết tâm và kế hoạch chiến lược của Bộ Chính trị, sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Quân ủy Miền và Bộ Chỉ huy Miền cũng tổ chức Hội nghị Chính ủy khẳng định là chưa bao giờ địch yếu như hiện nay, chưa bao giờ ta mạnh như ngày nay, vì vậy mà ta đang đứng trước thời cơ lớn giành thắng lợi nhảy vọt.

Từ mùa khô năm 1973 - 1974, Quân khu 6 được bổ sung thêm lực lượng vào tổ chức thành Trung đoàn 812 gồm Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 145 bộ binh và một tiểu đoàn hỏa lực, ngoài ra còn có Tiểu đoàn đặc công 200c và một đại đội trinh sát, một đại đội thông tin.

Công tác bảo đảm hậu cần, vũ khí đạn dược được chuẩn bị một cách khẩn trương, tích cực từ đầu mùa mưa. Tuyến hành lang vận tải H50 vẫn giữ vững, thông suốt từ cửa khẩu Bù Đốp ở biên giới về Bến Cầu (sông Đồng Nai) và nam sông Đa Oai. Lúc này, ô tô, thuyền máy chạy ngược xuôi ngày đêm liên tục. Từ bên sông Đa Oai vượt sang nam đường 20, phải dùng lực lượng vận tải bộ, xe đạp thồ, phần lớn do nữ chiến sĩ H50 đảm nhận. Để kịp phục vụ cho chiến dịch, mặc dù, thời tiết mưa rét, lầy lội, địch thường xuyên phục kích, nhưng có những đêm đoàn xe đạp thồ phải vận chuyển vượt đường 20 hai chuyến liền. Sáu tháng cuối

năm 1974, ta đã đưa qua nam đường 20 được 104 tấn hàng (vượt chỉ tiêu kế hoạch 15 tấn) và chuyển tận chiến trường 40 tấn vũ khí, đạn dược, kịp cho Trung đoàn 812 bước vào chiến đấu đợt một của mùa khô. Tinh thần phục vụ của anh chị em trên tuyến vận tải của đoàn H50 là một hình ảnh tiêu biểu cho ý chí tự lực tự cường, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ của quân và dân Khu 6 trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước.

Từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến ngày 8 tháng 1 năm 1975, Bộ Chính trị họp mở rộng. Tình hình miền Nam lúc này đang chuyển biến rất nhanh. Sau khi xem xét tình hình các mặt về địch, ta ở miền Nam, nhất là sau chiến thắng Phước Long, Bộ Chính trị hạ quyết tâm: “Tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt tạo điều kiện chín muồi để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân; giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam”. Ngoài kế hoạch chiến lược hai năm 1975 - 1976, Bộ Chính trị còn dự kiến: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Bộ Chính trị đã thông qua quyết định chọn Buôn Ma Thuột là mục tiêu chủ yếu của chiến dịch Tây Nguyên; vì đánh chiếm Buôn Ma Thuột sẽ gây rung động mạnh về chiến lược, tạo sự chấn động lớn và nhanh, ảnh hưởng đến toàn cục.

Căn cứ vào quyết tâm của Bộ Chính trị, phát huy thắng lợi trong đợt một, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền (B2) đề ra kế hoạch cụ thể cho đợt hai với quyết tâm chung là hoàn thành trong mùa khô này những chỉ tiêu còn lại của năm 1975. Đồng thời Miền cũng có dự kiến: “Nếu ở hướng Tây Nguyên thắng lợi, tình hình chung có đột biến sẽ thực hiện kế hoạch một cách khẩn trương tích cực, sẵn sàng đón thời cơ chiến lược mới”.

Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho Quân khu 6, Quân khu 7 và chủ lực Miền ra sức tiêu diệt sinh lực địch, hoàn chỉnh khu giải phóng, mở thông hành lang xuống phía đông Sài Gòn, tạo bàn đạp áp sát lộ 26, Đồng Dù, Củ Chi.

Khi nhận nhiệm vụ này, tôi bỗng nhớ tới buổi làm việc với đồng chí Lê Duẩn ở Hà Nội trước đây, càng thấy tầm nhìn xa rộng của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, càng tin tưởng vào thắng lợi đang đến gần.

Theo lệnh của Bộ Tư lệnh Miền, cuối năm 1974, Sư đoàn 6 của Quân khu 7 được điều ra phối hợp với Khu 6. Sư đoàn 6 có nhiệm vụ tiêu diệt chi khu Hoài Đức, giải phóng huyện Hoài Đức. Trung đoàn 812 của Khu 6, Tiểu đoàn đặc công 200c tiêu diệt chi khu Tánh Linh, giải phóng huyện Tánh Linh. Qua ba ngày đêm tiến công, Khu 6 tiêu diệt được cứ điểm trên đỉnh núi Lồ Ổ, tiêu diệt chi khu Tánh Linh và giải phóng toàn huyện Tánh Linh, Sư đoàn 6 đánh đi đánh lại vẫn không tiêu diệt được chi khu Hoài Đức. Theo lệnh của Bộ Tư lệnh Miền, Sư đoàn 6 giao chi khu Hoài Đức lại cho Khu 6 đánh, còn Sư đoàn 6 rút về lại Quân khu 7.

Sau đợt hoạt động này, đồng chí Trần Văn Trà - Tư lệnh Miền triệu tập tôi vào Bộ Tư Lệnh để nhận nhiệm vụ bổ sung. Đồng chí Trần Văn Trà nói:

- Để thực hiện kế hoạch hai năm 1975 - 1976, Miền sẽ bổ sung năm nghìn quân cho Khu 6. Nhiệm vụ của Khu 6 là phải tiêu diệt chi khu Hoài Đức, giải phóng toàn huyện Hoài Đức, sau đó đưa lực lượng lên đường 20 phối hợp cả Sư đoàn 7 của Quân đoàn 4 giải phóng thị xã Blao và giải phóng cả tỉnh Lâm Đồng. Tiếp theo Khu 6 sẽ tiến lên giải phóng thành phố Đà Lạt và toàn tỉnh Tuyên Đức; sau đó tiến quân theo đường 11 xuống giải phóng tỉnh Ninh Thuận, phối hợp với chủ lực của Bộ giải phóng tỉnh Bình Thuận và tỉnh Bình Tuy.

Sau khi nghe đồng chí Trần Văn Trà giao nhiệm vụ, tôi rất lo vì sức của Khu 6 có hạn mà liên tục giải phóng một số tỉnh như vậy liệu có kham nổi không? Biết tôi lo, đồng chí Tư lệnh Miền hỏi:

- Anh có đề nghị gì?

Tôi vội nói:

- Trước mắt cho tôi xin gấp hai nghìn quân để bổ sung cho trung đoàn. cho tôi xin hai tiểu đoàn pháo binh và một tiểu đoàn xe tăng.

Đồng chí Tư lệnh nói:

- Trước mắt bổ sung ngay hai nghìn quân, còn pháo binh và xe tăng, đánh xong Blao sẽ bổ sung để Khu 6 tự lực đánh lên Đà Lạt.

Tôi về báo cáo mệnh lệnh với Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu. Bộ Tư lệnh Quân khu họp soát xét lại tình hình và hạ quyết tâm đánh địch đợt hai, mùa khô 1974 - 1975 như sau: dùng lực lượng Trung đoàn 812 cùng với lực lượng tỉnh Bình Tuy, nhanh chóng đánh tiêu diệt chi khu Hoài Đức trong thời gian ngắn nhất, sau đó chuyển lên hướng Di Linh, đường 20 để phối hợp với lực lượng chủ lực Miền, giải phóng tỉnh Lâm Đồng, hướng phát triển tiếp theo là Đức Trọng và toàn bộ tỉnh Tuyên Đức khi thời cơ thuận lợi; các tỉnh tiếp tục đánh mở rộng địa bàn, nhằm vào các khu đông dân, các khu lấn chiếm bình định của địch, mở rộng vùng tranh chấp và vùng giải phóng. Trong hội nghị, tôi đề nghị:

- Đã có anh Ba Mỳ - Phó tư lệnh và anh Sáu Nam - Phó chủ nhiệm chính trị đang chỉ huy ở Hoài Đức, anh Ba Mỳ viết thư yêu cầu tôi xuống để giải quyết chi khu Hoài Đức, sau đó tôi và cơ quan Quân khu lên đường 20 gặp anh Trần Lê để phối hợp với Sư đoàn 7 giải phóng tỉnh Lâm Đồng.

Hội nghị nhất trí cử tôi và cơ quan Quân khu xuống Hoài Đức, tiếp tục chuẩn bị chiến trường và trực tiếp kiểm tra lần cuối.

Tối 19 tháng 3 năm 1975, nắm vững thời cơ, ta ra lệnh tiến công chi khu Hoài Đức. Mấy ngày trước, ta đã "bóc vớ" diệt gọn các cứ điểm nhỏ xung quanh chi khu, nên thực tế chi khu đã bị bao vây. Lúc 3 giờ sáng ngày 20 tháng 3 năm 1975, sau gần một giờ pháo bắn chuẩn bị, công binh, đặc công mở cửa, các mũi tiến công nhanh chóng thọc sâu vào sở chỉ huy chi khu. Đến 6 giờ sáng, ta làm chủ đại bộ phận chi khu, tiếp tục diệt các ổ đề kháng và tàn quân còn chống cự.

Đến 6 giờ 40 phút, ta làm chủ hoàn toàn trận địa bắt tù binh, thu vũ khí, trong đó có hai khẩu pháo 105 ly còn nguyên vẹn. Cùng ngày, ta giải phóng hết các ấp chiến lược thuộc huyện Hoài Đức. Sáng sớm, ngày 20 tháng 3 năm 1975, địch đổ quân một tiểu đoàn hùng chiếm lại chi khu. Lực lượng này đã bị quân ta tiêu diệt gọn một đại đội, số còn lại chạy tán loạn về phía Đồng Nai.

Giải quyết xong chi khu Hoài Đức, ô tô đưa tôi và một số cán bộ Quân khu bộ lên đường 20 để gặp đồng chí Trần Lê - Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu. Đồng chí Trần Lê mới đi ra Bắc nhân nhiệm vụ ở Trung ương, sau đó qua làm việc với Trung ương Cục và Tư lệnh Miền về. Đồng chí Trần Lê phổ biến cho chúng tôi về nhiệm vụ của Khu 6, quyết định thành lập sở chỉ huy tiền phương của Khu 6 gồm có đồng chí Trần Lê - Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu; tôi là Tư lệnh; đồng chí Nam Thắng - Thường vụ Khu ủy; đồng chí Ba Mỳ - Phó tư lệnh; đồng chí Nguyễn Thông - Phó tham mưu trưởng; đồng chí Võ Đức Nhi - Phó chủ nhiệm chính trị và một số cán bộ hậu cần Quân khu.

Đồng thời, đồng chí Trần Lê phổ biến nhiệm vụ Khu 6 phối hợp với Sư đoàn 7 Quân đoàn 4 giải phóng tỉnh Lâm Đồng. Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập Bộ chỉ huy giải phóng tỉnh Lâm Đồng gồm có: đồng chí Hoàng Cẩm - Tư lệnh; đồng chí Trần Lê - Chính ủy; tôi - Phó tư lệnh; đồng chí Bùi Cát Vũ - Phó tư lệnh, Tham mưu trưởng; đồng chí Lê Thanh - Chủ nhiệm chính trị.

Họp xong, đồng chí Trần Lê cử tôi đi tìm anh Hoàng Cẩm để thống nhất kế hoạch đánh Blao. Tôi lấy xe Uoát đi đúng một ngày, đến 12 giờ đêm mới gặp được anh Hoàng Cẩm. Tôi báo cáo với anh Hoàng Cẩm và đề nghị:

- Ta có cánh quân xe tăng chở bộ binh tiến công theo đường 20 lên là rất thuận lợi bảo đảm nhanh, bí mật, bất ngờ đánh vào thị xã Blao. Tuy địch còn trên đường 20, nhưng buôn làng hai bên đường ta đã giải phóng cả rồi, nên đề nghị anh cho một cánh quân đánh từ hướng bắc vào thị xã, ngay từ phút đầu đánh thẳng vào tiểu khu, tỉnh.

Anh Cẩm nói:

- Ý kiến ấy đúng. Tôi đã bố trí một trung đoàn được tăng cường hỏa lực đi theo hướng ấy rồi!

Trận đánh giải phóng Blao diễn ra theo đúng kế hoạch. Thực tế đúng 4 giờ sáng ngày 18 tháng 3 năm 1975, cối 82 ly và ĐKZ của ta bắn phá tỉnh đường trước, đến 5 giờ sáng thì bộ binh ta xung phong. Lúc 8 giờ sáng xe tăng của ta xuất hiện, 10 giờ trưa ta đã chiếm xong thị xã, sau đó giải quyết tiếp những vùng còn lại. Tiếp theo lực lượng Khu 6 độc lập lên giải phóng Đà Lạt.

Sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 812 có xe tăng hỗ trợ tiến công đánh tan cuộc phản kích của địch ở chi khu Di Linh. Địch rút chạy theo đường 20 lên Đà Lạt, gặp một bộ phận của Trung đoàn 812 chặn đánh, chúng phải bỏ lại ba khẩu pháo và ba xe chở đầy đạn dược. Đến 11 giờ 30 phút, ta tiếp tục truy kích diệt thêm 30 tên, thu thêm hai khẩu pháo và hai xe đạn. Tỉnh Lâm Đồng

hoàn toàn giải phóng. Khi địch rút chạy, chúng phá cầu Đại Ninh trên đường 20, nên năm khẩu pháo của ta không đưa lên đánh Đà Lạt được.

Rạng sáng ngày 1 tháng 4 năm 1975, được tin địch ở Đà Lạt chuẩn bị rút chạy, tranh thủ thời cơ. Bộ chỉ huy lệnh cho Trung đoàn 812 hành quân gấp, vừa đi vừa đánh thẳng lên Đà Lạt. Lúc 8 giờ sáng ngày 3 tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 840 vào tiếp quản thành phố. Đà Lạt hoàn toàn giải phóng.

Khi Tiểu đoàn 186 và đại đội 810 vào thành phố, hàng nghìn người dân đổ ra đường reo hò chào đón, hăng hái giúp đỡ bộ đội, nhanh chóng triển khai chiếm lĩnh các khu vực then chốt (tiểu khu, tòa hành chính quốc gia, khu chợ Hòa Bình, Chi Lăng, Trung tâm nguyên tử lực, Nha Địa dư, Trường Võ bị quốc gia...); tổ chức bảo vệ các kho tàng, điện, nước; truy bắt và kêu gọi tàn quân ra trình diện, nộp vũ khí. Đến chiều ngày 3 tháng 4, trong nội đô đã thu trên bốn nghìn súng các loại.

Tối 3 tháng 4 năm 1975, tại căn nhà số 15 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đà Lạt, tôi và đồng chí Trần Lê - Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu cùng các đồng chí trong Bộ chỉ huy tiền phương Quân khu và một số đồng chí địa phương họp bàn kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, khôi phục điện, nước, đài phát thanh, giải quyết đời sống nhân dân để sớm ổn định tình hình. Cuộc họp cũng phân công cán bộ lập Ban quân quản thành phố, thảo ra một số mệnh lệnh, quy định liên quan đến việc giữ gìn trật tự an ninh của thành phố.

Họp xong, chúng tôi đi kiểm tra phố phường. Khi xe đi ngang qua hội trường Hòa Bình, thấy có đám đông, tôi bảo đồng chí lái xe dừng lại. Thấy ô tô của chúng tôi đi ngang qua, mấy người dân chạy lại nói:

- Mô phật, xin mời xuống dự mít tinh.

Tôi hỏi:

- Ai tổ chức cuộc mít tinh này?

Họ bảo:

- Phật giáo.

Tôi bảo:

- Xin phép, chúng tôi đang bận.

Nói rồi tôi bảo lái xe chạy luôn về báo cho cơ quan chính trị của ta tới hội trường Hòa Bình để nắm tình hình, giải thích cho họ và sớm giải tán ngay cuộc mít tinh này để đảm bảo an toàn.

Khoảng 4 giờ sáng hôm sau, chúng tôi đến Đài phát thanh Đà Lạt thấy máy móc còn nguyên. Chúng tôi nhờ cơ sở mặt nhanh chóng tìm người điều khiển hệ thống truyền thanh, người phát thanh, cho xe đón ngay về đài. Chỉ một tiếng sau, tức 5 giờ sáng, Đài phát thanh Đà Lạt đã phát đi lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc giải phóng và mệnh lệnh của quân quản tỉnh Tuyên Đức. Ta đã tiếp quản nhiều cơ sở còn nguyên vẹn trong đó có Trung tâm nguyên tử Đà Lạt.

Sáng ra ở một số nơi trong thành phố địch còn bắn cối đi đùng và bắn đại liên vào một vị trí do ta kiểm soát. Khi đi kiểm tra tình hình, tôi thấy trên phố xuất hiện cảnh một nhà sư đi trước, một người cầm khẩu súng cạc bin đi bảo vệ phía sau. Thấy tình hình số vũ khí do tàn quân ngụy ở trong dân còn nhiều, tôi ra Mệnh lệnh số 2 với nội dung như sau: “Đà Lạt đã giải phóng. Quân ngụy đã đầu hàng vô điều kiện, lính ngụy phải ra trình diện, nộp vũ khí tại ủy ban quân quản gần nhất. Nhân dân tự do mở cửa hàng làm ăn buôn bán, tuyệt đối không được chứa chấp quân ngụy. Chợ búa họp lại, mọi người đều có trách nhiệm tham gia chống bạo loạn, cướp giết, phá rối trật tự trị an. Ai còn vũ khí đều phải nộp cho ủy ban quân quản. Không ai được mang vũ khí ra đường”.

Gần trưa, tôi đứng trên nhà gác thấy hai cháu bé, một cháu gái tám tuổi và một cháu trai sáu tuổi, hai đứa kéo lê hai khẩu súng AR15 của Mỹ. Anh em ta hỏi hai cháu bé:

- Các cháu mang súng đi đâu?

Các cháu nói:

- Ba cháu bảo mang súng đi nộp.

Anh em ta bảo các cháu:

- Không phải các cháu đi nộp, mà ba các cháu phải đến trình diện và ký tên.

Trong đợt hai của cuộc tiến công mùa khô 1974 - 1975, từ tháng 3 năm 1975 đến đầu tháng 4 năm 1975, trên toàn Miền, ta đã giành thắng lợi dồn dập, giải phóng Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, toàn bộ Khu 5 và một số tỉnh huyện trên chiến trường B2 từ Khu 6 đến Khu 9. Quân đoàn 1 và gần hết quân đoàn 2 của địch bị diệt và tan rã nhanh chóng.

Ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị họp và quyết định: “Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam ta đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, thời cơ chiến lược để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt địch đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân ta bắt đầu!”. Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược: “Với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng có quyết tâm lớn, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa, trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không thể để chậm”.

Chấp hành quyết định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền chuẩn bị phương án đánh thẳng vào Sài Gòn. Thường vụ Trung ương Cục ra Nghị quyết đặc biệt số 15 chỉ đạo các địa phương nắm thời cơ, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa, theo phương châm tự lực tự cường: “Xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh”. Đài phát thanh Giải phóng miền Nam phát đi nhiều lần lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc giải phóng, thúc giục mọi người tranh thủ thời cơ đứng lên hành động.

Quán triệt tình hình và nhiệm vụ lịch sử, Khu ủy và Quân ủy đã chỉ đạo các địa phương và đơn vị khẩn trương tận dụng thời cơ, nỗ lực hoạt động để tự giải

phóng què hương. Điện số 152 của Khu ủy gửi các tỉnh ủy đã nêu rõ: “Tình hình diễn biến hết sức thuận lợi cho ta, các tỉnh trong Quân khu không được trông chờ ỷ lại vào chủ lực, mà phải nỗ lực, khắc phục mọi khó khăn, khẩn trương với mức cao nhất, bám chắc tình hình, mạnh bạo xốc tới tiêu diệt địch, tự giải phóng địa phương mình...”.

Lúc này, tình hình trong khu chuyển biến hết sức nhanh chóng và sôi động. Những ngày đầu tháng 4 năm 1975, khi địch ở Đà Lạt - Tuyên Đức rút chạy về Phan Rang và địch ở Cam Rang cũng rút chạy theo đường số 1, thì bọn đầu sỏ ngụy quân, ngụy quyền ở Ninh Thuận - Bình Thuận cũng hoảng hốt kéo nhau chạy ra biển, bỏ ngổ thị xã Phan Rang - Phan Thiết trong những ngày 2 và 3 tháng 4 năm 1975. Đến ngày 4 và 5, chúng phát hiện lực lượng ta chưa đến và cũng do cấp trên thúc ép nên chúng đã quay trở lại. Đồng thời để ngăn chặn cuộc tiến quân của ta, cứu vãn tình hình nguy kịch, theo kế hoạch của tên tướng Mỹ Uây-en, ngụy quyền Sài Gòn cho lập tuyến phòng thủ bảo vệ Sài Gòn từ xa, lấy Phan Rang làm một vị trí tiền tiêu quan trọng.

Địch nhập hai tỉnh Ninh Thuận - Bình Thuận của quân khu 2 vào quân khu 2, thành lập Bộ tư lệnh tiền phương của quân đoàn 3, do tên Trung tướng Vĩnh Nghi làm tư lệnh, chốt tại căn cứ không quân Thành Sơn - Phan Rang. Chúng tăng cường ở đây Lữ đoàn 2 dù (Trung đoàn 4 Sư đoàn 2 mới khôi phục lại), Liên đoàn 31 Biệt động quân, Sư đoàn không quân số 6 (có khoảng một trăm máy bay các loại) và một Tiểu đoàn pháo. Chúng đưa đến Phan Thiết Liên đoàn 24 Biệt động quân, Trung đoàn 3 thuộc Sư đoàn 2, Tiểu đoàn 330 bảo an và một Tiểu đoàn pháo binh, tập hợp bọn tàn quân của Sư đoàn 23 về Bình Tuy để giữ đường số 1 và trục lộ Hàm Tân - Lagi.

Trung đoàn 812 của Khu sau khi chiếm lĩnh Đà Lạt - Tuyên Đức, để lại Tiểu đoàn 186 tiếp tục truy quét tàn binh địch, còn đại bộ phận nhanh chóng chuyển về Bình Thuận để tiến công địch trên trục lộ số 8, đông bắc đường số 1 và vây ép thị xã Phan Thiết, sẵn sàng phối hợp với chủ lực của trên giải phóng các tỉnh còn lại của Khu 6. Đồng thời trung đoàn này cũng điều một đại đội bộ binh, một đại đội trinh sát tăng cường cho Ninh Thuận.

Lúc này, trên địa bàn Khu 6, các cánh quân của Bộ và của Quân khu 5 đang rầm rập tiến vào phía Nam với khí thế thần tốc để kịp thời bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn. Trong Quân khu, các địa phương cùng các đơn vị cũng tranh thủ thời gian đẩy mạnh tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng, chuẩn bị sẵn sàng phối hợp với quân chủ lực tiến công giải phóng hoàn toàn Quân khu.

Thừa thắng, lực lượng vũ trang của ta tiến theo đường 11 xuống Krông Pha, nơi có Nhà máy thủy điện Đa Nhim. Lúc 3 giờ chiều ngày 5 tháng 4, địch đánh một trận bom kéo dài suốt một giờ đồng hồ vào sở chỉ huy hòng chặn đường tiến quân của ta. Dứt bom, ta lại tiến quân bằng ô tô xuống Phan Rang. Trên đường

lính ngự đào rã ngũ với đủ kiểu trang phục và cả cỡi trần mặc đồ lót vác súng hoặc đi không từng đoàn dài.

Chúng tôi xuống đến Tháp Chàm lúc 6 giờ tối. Khi còn cách Tháp Chàm mười lăm cây số, thấy một chiến sĩ đứng gác bên đường, tôi hỏi:

- Cơ quan nào ở đây?

- Báo cáo đồng chí, chỉ huy tỉnh ở đây - đồng chí gác nói.

- Đồng chí vào nói với các đồng chí lãnh đạo và chỉ huy tỉnh, báo các đồng chí ở tỉnh đi theo Khu luôn.

- Báo cáo đồng chí, anh em còn đang mổ bò.

- Đồng chí cứ vào gọi ra, báo các đồng chí đi ngay, không chậm trễ.

Lúc này, tôi và đồng chí Trần Lê cùng sở chỉ huy tiền phương của Khu đã có mặt ở Ninh Thuận để chỉ đạo các hoạt động của địa phương.

Ở Ninh Thuận, từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4 năm 1975, lực lượng của tỉnh, bộ đội huyện và du kích Bác Ái - Anh Dũng đã tích cực bám địch trên đường 11 từ cầu Tân Mỹ đến Krông Pha, nhiều lần tập kích địch trong các khu tập trung Quảng Thuận - Sông Mỹ - Tà Giang và trụ lại đánh địch phản kích, diệt nhiều tên, thu vũ khí. Đêm 31 tháng 3 rạng ngày 1 tháng 4 năm 1975, phát hiện đoàn xe địch từ Đà Lạt rút chạy xuống Phan Rang, ta đã chặn đánh diệt ba xe. Lực lượng vũ trang đã kết hợp với quần chúng nổi dậy phá ấp, phá kìm. Từ ngày 1 đến ngày 5 tháng 4 năm 1975, ta đã giải phóng gần hết các khu, ấp dọc đường 11, từ thị trấn Krông Pha đến Đồng Mé. Huyện Krông Pha được hoàn toàn giải phóng (Nhà máy thủy điện Đa Nhim được bảo vệ an toàn) mở ra thế uy hiếp và bao vây căn cứ không quân Thành Sơn về phía tây nam, lối liên đường 11 với vùng giải phóng hai tỉnh Tuyên Đức - Lâm Đồng.

Trước những đòn sấm sét của pháo binh và lối đánh thọc sâu, táo bạo của các đơn vị thiết giáp kết hợp với chủ lực của Bộ, quân địch hoảng loạn bỏ chạy. Những đại đội xe tăng thọc sâu có cán bộ và chiến sĩ trinh sát Quân khu 6 dẫn đường, chỉ mục tiêu, đã mở hết tốc độ lao nhanh về phía trước trong khói bụi của hỏa pháo chuẩn bị của ta. Đến 8 giờ ngày 16 tháng 4 năm 1975, lực lượng ta bất ngờ xuất hiện trước tiểu khu, Tòa hành chánh tỉnh và chiếm lĩnh thị xã Phan Rang - cảng Ninh Chữ. Lúc 9 giờ 30 phút ngày 16 tháng 4, cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc dinh tỉnh trưởng tỉnh Ninh Thuận.

Từ đây, xe tăng ta ngược đường 11, tiến lên Tháp Chàm hiệp đồng với Trung đoàn 25 tiến công vào sân bay Thành Sơn. Bị thêm một đòn tiến công mạnh, táo bạo, bất ngờ của ta, địch không kịp chống cự, hoảng hốt bỏ lại tất cả máy bay, xe pháo và toàn bộ trang bị kho tàng. Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Phạm Ngọc Sang cùng toàn bộ cơ quan tiền phương không kịp lên máy bay đã chuẩn bị sẵn, phải lủi trốn vào một ruộng mía của dân. Đến 10 giờ ngày 16 tháng 4 năm 1975, ta kiểm soát và làm chủ hoàn toàn sân bay Thành Sơn.

Khoảng 8 giờ tối ngày 16 tháng 4, nghe tiếng súng AR15 của Mỹ nổ, du kích đi tuần theo con đường ven làng nghe thấy tiếng ho trong ruộng mía, một bộ phận ở lại bao vây, một tổ về báo bộ đội chủ lực ra bắt được Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang và Trung tướng Nguyễn Vinh Nghi của ngụy. Ta đưa hai tướng ngụy về sư đoàn, rồi đưa lên quân đoàn khai thác. Ta hỏi tướng Sang:

- Tại sao không chạy vô Sài Gòn?

Tướng Sang nói:

- Tôi được lệnh chỉ huy sân bay, chiến hữu của tôi còn đang chiến đấu nên tôi không chạy.

Thực tế là tướng Sang không chạy được. Hắn đã lên trực thăng nhưng quân ngụy bắn không cho lên.

Phối hợp với quân chủ lực, đại đội 311 ở núi Cà Đú đã nổ súng đánh vào các đội hình bọn địch đang tháo chạy trên đường số 1 và dẫn đường cho các đơn vị chủ lực tiến công vào Phan Rang - Tháp Chàm - Thành Sơn. Tiểu đoàn 610 chặn đánh địch phía tây đường 11 giải phóng những vùng nông thôn còn lại, đến 17 giờ cùng ngày hợp điểm với chủ lực tại Tháp Chàm. Thị xã Phan Rang - Tháp Chàm hoàn toàn giải phóng. Đến 20 giờ cùng ngày, tôi và đồng chí Trần Lê cùng với các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy vào thị xã họp bàn lập Ban quân quản của tỉnh nhằm thiết lập trật tự, ổn định tình hình tại thị xã và trong toàn tỉnh.

Đến 23 giờ ngày 16 và 17 tháng 4 năm 1975, tỉnh Ninh Thuận hoàn toàn giải phóng. Chiến thắng Phan Rang - Tháp Chàm là một tiến bộ mới của quân đội ta về sức mạnh và nghệ thuật tiến công tập đoàn phòng ngự địch bằng lực lượng binh chủng hợp thành của quân chủ lực.

Chiếm xong Phan Rang, tôi và đồng chí Trần Lê đóng ở Phan Rang hai hôm thì đồng chí Lê Trọng Tấn - Tư lệnh cánh quân Duyên Hải và đồng chí Lê Quang Hòa - Chính ủy cánh quân Duyên Hải vào đến Phan Rang. Tôi báo cáo tình hình Khu 6 với đồng chí Lê Trọng Tấn và đồng chí Lê Quang Hòa.

Đồng chí Lê Trọng Tấn chỉ thị:

- Đồng chí Trần Lê đưa tôi và đồng chí Lê Quang Hòa tiếp tục tiến vào phía Nam qua địa bàn Khu 6. Còn đồng chí Nguyễn Trọng Xuyên cùng sở chỉ huy ở lại Phan Rang. Nhiệm vụ của đồng chí Nguyễn Trọng Xuyên là: Thứ nhất, bảo đảm an ninh cho các lực lượng của Bộ tiếp tục tiến qua Khu 6 giải phóng Sài Gòn. Thứ hai, tiếp nhận số thương bệnh binh vào điều trị tại Phan Rang. Thứ ba, cấp lương thực, thực phẩm, xăng dầu cho quân vào (lúc này ta thu được nhiều xăng và gạo tại các kho của địch). Thứ tư, sẵn sàng cung cấp phương tiện vận tải cơ giới đưa quân chủ lực của Bộ vào vị trí tập kết. Thứ năm, giữ vững liên lạc, báo cáo thường xuyên với mặt trận; giữ liên lạc với đồng chí Hoàng Minh Thảo tại sở chỉ

huy Khu 5 ở Ba Ngòi, Cam Ranh. (Lúc đó đồng chí Hoàng Minh Tháo là Phó tư lệnh Khu 5).

Khu 6 tổ chức sở chỉ huy tiền phương do đồng chí Đỗ Phú Đáp - Tham mưu trưởng làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Nguyễn Quý Đôn - Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận làm Chính ủy, Sở chỉ huy có nhiệm vụ tiếp tục phối hợp với bộ đội chủ lực giải phóng Bình Thuận. Sau đó, đồng chí Đỗ Phú Đáp và đồng chí Phạm Hoài Chương chỉ huy lực lượng của Khu phối hợp với lực lượng chủ lực của Bộ và lực lượng tiền phương của tỉnh Bình Tuy giải phóng tỉnh Bình Tuy.

Lúc 20 giờ ngày 18 tháng 4 năm 1975, lữ đoàn xe tăng của Quân đoàn 2 có cán bộ tác chiến và chiến sĩ trinh sát của Quân khu 6 cùng ngồi trên xe dẫn đường cùng bộ đội chủ lực của Bộ tiến công thị xã Phan Thiết. Khi xe tăng ta xuất hiện trước cổng tiểu khu, Tòa hành chính tỉnh, bọn chỉ huy chỉ kịp hốt hoảng kêu lên: "Xe tăng Cộng sản" rồi nháo nhào bỏ chạy tán loạn. Tên Chuẩn tướng, tỉnh trưởng, tiểu khu trưởng Ngô Tấn Nghĩa không kịp lên trực thăng đã nổ máy chờ sẵn trước Tòa tỉnh trưởng, mà phải lùi xuống bờ sông Cà Ty theo một thuyền con trốn ra biển.

Đến 22 giờ 30 phút ngày 18 tháng 4 năm 1975, ta làm chủ hoàn toàn thị xã Phan Thiết, chiếm lĩnh Tòa tỉnh trưởng, tiểu khu Camp Êsépíc Lầu Ông Hoàng và các huyện trong tỉnh. Sau đó, lực lượng địa phương của Khu 6 kết hợp với quân chủ lực của Bộ tiếp tục giải phóng tỉnh Bình Tuy và đảo Phú Quý.

Vậy là trong điều kiện có nhiều khó khăn, lực lượng có hạn, các lực lượng vũ trang và nhân dân Khu 6, với quyết tâm tranh thủ thời cơ tiến lên giành thắng lợi lớn, đã phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực, tiến công và nổi dậy liên tục trong ba mươi tám ngày đêm (từ ngày 17 tháng 3 đến ngày 23 tháng 4), giải phóng hoàn toàn năm tỉnh, góp phần phá vỡ tuyến phòng thủ Sài Gòn từ xa của địch, tiêu diệt và làm tan rã hơn bảy vạn tên địch, thu toàn bộ cơ sở vật chất, kho tàng và phương tiện chiến tranh kể cả căn cứ không quân lớn ở Phan Rang, các cơ sở nghiên cứu khoa học ở Đà Lạt như Trung tâm nguyên tử, Nha Địa dư, Viện Paxtơ...

Khu 6 được giải phóng đã mở rộng đường tiến vào Sài Gòn từ hướng đông và đông bắc cho các binh đoàn chủ lực trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Trục đường số 1 từ Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết vào đến Rừng Lá, Xuân Lộc, ngày đêm không ngớt các đoàn xe nối đuôi nhau lao nhanh về hướng Long Khánh - Biên Hòa (xe chuyển quân, chuyển nhiên liệu, lương thực, xe tăng, xe kéo pháo). Từ sân bay Thành Sơn, biên đội máy bay A.37 do phi công Nguyễn Thành Trung chỉ huy cất cánh đánh bom làm tê liệt sân bay Tân Sơn Nhất. Bệnh viện Đoàn Mạnh Hoạch ở Camp Êsépíc mới tiếp quản đã được nhanh chóng sửa sang và mở rộng để đón thương binh, bệnh binh của cánh quân Duyên Hải. Nha Địa dư ở Đà Lạt đã khẩn trương in hàng nghìn tấm bản đồ phục vụ cho bộ đội ta trên đường tiến vào Sài Gòn. Nhân dân dọc các đường hành quân hằng hái sửa chữa đường sá để cuộc tiến quân được nhanh chóng. Cả cực Nam Trung

Bộ được huy động tối đa phục vụ cho trận quyết chiến chiến lược giải phóng Sài Gòn và thực tế đã trở thành hậu phương cho những cánh quân phía đông, đông bắc Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đi đôi với phục vụ tiền tuyến, nhân dân Khu 6 từ rừng núi đến đồng bằng, bắt tay ngay vào việc giữ gìn an ninh trật tự, ổn định nơi ăn ở và sản xuất, khôi phục sinh hoạt bình thường. Một không khí sôi nổi, phấn khởi tự hào bao trùm khắp làng mạc, phố phường. Cái không khí náo nức của những ngày sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 như lại trở về, nhưng hoành tráng gấp hàng chục lần khiến tôi vô cùng xúc động trước sự đổi thay rất lớn lao trên khắp dải đất miền Nam cũng như mảnh đất Khu 6 biết bao ơn sâu nghĩa nặng.

Suốt chặng đường lịch sử chín năm chống Pháp và hai mươi một năm chống Mỹ, cứu nước, Khu 6 đã tỏ rõ là một miền đất kiên trung của Tổ quốc. Quân và dân Khu 6 trước sau vẫn một lòng một dạ theo Đảng, theo Bác Hồ, luôn sát cánh cùng cả nước, bền bỉ dũng cảm chiến đấu, tự lực tự cường vượt qua bao gian khổ hy sinh, giành thắng lợi từng bước cho đến thắng lợi hoàn toàn.

Đây là địa bàn nằm giữa và nối liền miền Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và miền Trung Trung Bộ, và cũng là cửa ngõ hướng tiến công chính của ta vào Sài Gòn (sào huyệt cuối cùng của địch) từ phía đông và đông bắc, nên có vị trí chiến lược rất quan trọng. Đây còn là một chiến trường mà đại bộ phận là rừng núi, đất rộng, người thưa, nhiều dân tộc, tôn giáo khá phức tạp, đồng bằng thì nhỏ hẹp, kinh tế còn mang tính tự cung, tự cấp, giao thông và điều kiện cơ động rất hạn chế, điều kiện để xây dựng lực lượng cách mạng rất khó khăn.

Nhưng với truyền thống bất khuất của các dân tộc trong Khu, lòng trung thành vô hạn với Đảng và Bác Hồ kính yêu với ý chí kiên cường bất khuất, tự lực tự cường vượt qua mọi gian khổ hy sinh, quyết đánh và quyết thắng, quân và dân Khu 6 đã hỗ trợ, đùm bọc lẫn nhau vươn lên cùng toàn quân, toàn dân miền Nam, quân và dân cả nước giành thắng lợi hoàn toàn, góp phần cùng cả nước ghi thêm vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc một trang vàng chói lọi.

Trong niềm vui chung vô cùng lớn lao đó của toàn dân tộc, tôi cũng có niềm vui riêng, đó là niềm vui đoàn tụ gia đình sau hai mươi một năm trời dang dẵng chờ đợi. Kể từ buổi sáng chia ly hôm đó ở Phú Yên, vợ tôi bụng mang dạ chửa dắt đứa con trai lớn lúc đó mới có bốn tuổi lên tàu của Na-uy tập kết ra Bắc tháng 7 năm 1954, đến tận năm 1975, tôi mới có dịp ghé qua nhà ba ngày thăm vợ con. Con lớn của tôi đã thành chàng trai hai mươi lăm tuổi, đứa con trong bụng vợ tôi hôm ấy giờ đã là cô gái hai mươi một tuổi. Vợ tôi giờ đây mái tóc đã điểm bạc. Tôi đã giữ đúng lời hứa với vợ trước khi lên tàu đi tập kết.

Phần phụ lục

TRÍCH HỒI KÝ CỦA CỰU TỔNG THỐNG MỸ – R. NIXON VÀ ĐẠI SỨ CHLB XÔ VIẾT TẠI MỸ – A. ĐÔBRUNHIN

(Để giúp bạn đọc phần nào hiểu sâu thêm những diễn biến về sự sa lầy của nước Mỹ trong cuộc hiến tranh ở Việt Nam, chúng tôi lược trích một số đoạn quan trọng trong hai cuốn hồi ký, của Richard Nixon, tổng thống Mỹ, và Anatôli Đôbrunhin, đại sứ Liên bang Xô viết tại Mỹ. Qua những sự kiện và chi tiết trong hai cuốn hồi ký này, tính chất vừa phức tạp vừa quan trọng của cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta được bộc lộ rõ và vì thế mà chiến thắng mùa xuân năm 1975 càng trở nên vinh quang hơn, sâu sắc hơn.)

Bản sao lưu trữ

HỒI KÝ RICHARD NIXON

(Trích)

Tổng thống đắc cử

...Người ta nói cái chìa khóa để giải quyết vấn đề Việt Nam đang ở Moscow và Bắc Kinh hơn là ở Hà Nội. Không có sự giúp đỡ to lớn và thường xuyên của hai nước cộng sản khổng lồ thì những người lãnh đạo Bắc Việt Nam không thể tiến hành chiến tranh dù chỉ trong một vài tháng. Nhờ vào sự bất hòa Trung - Xô, lúc này những người Bắc Việt Nam đã khôn khéo chơi cái trò dùng người này chống lại người kia. Với một sự nỗ lực trong chiến đấu, họ muốn trở thành viên đá thử chủ nghĩa cộng sản chính thống và điều kiện cần thiết là sự không liên kết của Bắc Việt Nam với nước này, nước kia trong khi hai nước đang trong cuộc tranh giành ngôi thống trị thế giới cộng sản. Hoàn cảnh rất nặng nề nhất là đối với những người Xô Viết. Đó là ý muốn ngăn trở Hà Nội ngã sang Bắc Kinh đã được đọc lên ở Moscow: không có gì khác... Hơn nữa, những người Xô viết ý thức được cuộc chiến tranh này bao giờ cũng tác động lâu dài chống lại những lợi ích của Hoa Kỳ. Tôi biết rõ những người Xô viết không phải lúc nào cũng làm chủ những hành động của mình trong vai trò là chỗ dựa mà họ đã thỏa thuận với Bắc Việt Nam. Tôi đã có những dự kiến gây ảnh hưởng tối đa tới họ để giải quyết cái áp lực nặng nề trong lĩnh vực này.

Vấn đề đối ngoại rất cấp thiết khi tôi trở thành Tổng thống đó là cuộc chiến tranh Việt Nam. Trong thời kỳ chuyển tiếp, Kissinger đã kê ra tất cả những chính sách có thể đối với Việt Nam từ những cuộc leo thang quân sự đến cuộc rút lui song phương ngay lập tức. Mỗi giải pháp đều có những luận chứng rõ ràng.

Ngay từ đầu chúng tôi đã loại trừ việc leo thang chiến tranh. Những cuộc thăm dò đã chỉ rõ chỉ một yếu tố quan trọng của một số người mong muốn chiến thắng bằng quân sự. Nhưng hầu hết họ hiểu rằng chiến thắng bằng quân sự là một "cú nốc ao" kết thúc cuộc chiến tranh và bảo đảm thắng lợi. Vấn đề là chỉ có hai giải pháp để bảo đảm cái đó. Một là ném bom xuống các đập bảo đảm sự tươi tiêu nước của Bắc Việt Nam. Những trận lũ lụt sẽ là hậu quả giết chết hàng trăm ngàn dân thường. Hai là dùng vũ khí hạt nhân. Ngoài hai giải pháp đó, một cuộc leo thang đòi hỏi phải có sáu tháng chiến đấu ác liệt và tổn thất của chúng ta sẽ tăng lên rất lớn trước khi những người Cộng sản phải từ bỏ cuộc chiến đấu và chấp nhận những nguyên tắc hòa bình. Sự bất bình trong nước và trên thế giới có thể kèm theo những "cú nốc ao" cho chính phủ của tôi cuộc xuất phát tồi tệ nhất. Nếu leo thang chiến tranh thì tôi không thể có cách nào giữ được sự thống nhất trong nước trước những tổn thất mà chúng ta phải gánh chịu. Nếu sự leo

thang ấy được để chậm lại hoặc bị huỷ bỏ thì chúng ta có nhiều may mắn tạo ra những quan hệ mới với Liên Xô và Trung Hoa cộng sản.

Mặt khác có sự chọn lựa kết thúc chiến tranh bằng cách ra lệnh cho các lực lượng võ trang Mỹ rút quân nhanh chóng. Người ta nói nếu làm như vậy thì những người Cộng sản đáp ứng bằng cách trả lại những tù binh sau khi người Mỹ cuối cùng rời khỏi đây.

Có một vài luận chứng tin chắc vào kết quả của giải pháp này. Như một người bạn trong Quốc hội đã nói với tôi: “Không phải ông là người dẫn đưa chúng tôi vào cuộc chiến tranh này. Nếu ông kết thúc nó bằng một nền hòa bình không bảo đảm, ông có thể đổ trách nhiệm cho Kennedy, Johnson và những người Dân chủ. Ông chỉ cần đến đài truyền hình và nhắc lại chính Kennedy đã gửi sang đó mười sáu nghìn người Mỹ và Johnson đã nâng con số đó lên năm trăm bốn mươi nghìn. Ông tuyên bố là ông mang tất cả số người Mỹ ấy về nước và ông là một vị anh hùng”.

Nhưng tôi đã loại trừ luật chứng đó từ lâu. Một sự rút lui vội vàng sẽ đưa đến sự thống trị của những người Cộng sản với mười bảy triệu người Nam Việt Nam, trong đó có nhiều người đang làm việc cho chúng tôi và chúng tôi đã là chỗ dựa cho họ.

... Tôi mở đầu hoạt động của mình với ba điểm căn bản về vấn đề Việt Nam. Trước hết tôi phải chuẩn bị cho dư luận ý nghĩ rằng một thắng lợi quân sự là không thể có được. Thứ hai, tôi phải hành động theo lương tâm, kinh nghiệm và sự phân tích những sự kiện chính xác về sự cần thiết giữ đúng những cam kết của mình. Bỏ rơi Nam Việt Nam thì chúng ta phải trả một giá rất lớn trong sự tìm kiếm một nền hòa bình bền vững và lâu dài. Cuối cùng, tôi phải đặt một thời hạn cho cuộc chiến tranh càng kết thúc nhanh càng tốt và kết thúc trong danh dự nếu có thể.

Vì tôi đã loại trừ sự chiến thắng bằng quân sự một cách nhanh chóng, nên một giải pháp duy nhất để tìm những nguyên tắc thương lượng trang danh dự bảo đảm nền độc lập của Nam Việt Nam. Về lý thuyết, cuộc chiến tranh có thể kết thúc sau một vài tháng nếu những người Bắc Việt Nam muốn hòa bình. Nhưng trong thực tế, tôi đã phải chuẩn bị những nguyên tắc trong phần lớn năm đầu nhiệm kỳ của mình.

Vào giữa tháng chạp, tôi nói với Kissinger rằng ông muốn gửi một thông điệp cho Bắc Việt Nam. Chúng tôi muốn gửi qua một người trung gian là ông Jean Sainteny, một nhà kinh doanh Pháp đã sống nhiều năm ở Đông Dương và biết khá nhiều các nhà lãnh đạo miền Bắc cũng như miền Nam Việt Nam kể cả ông Hồ Chí Minh. Tôi đã gặp ông Sainteny tại miền Trung nước Pháp vào năm 1956 và Kissinger cũng hiểu rất rõ về ông ta.

Bản thông điệp thứ nhất của tôi mà Sainteny chuyển cho người Việt Nam ở Paris đề xuất một cách hòa giải những nguyên tắc thương lượng. Mười một ngày sau đó, câu trả lời đã đến với chúng tôi là từ chối để Chính phủ Sài Gòn tham dự cuộc nói chuyện ở Paris và chê trách chúng tôi là đã ủng hộ “những yêu cầu vô

lý” của những nhà lãnh đạo Nam Việt Nam. “*Nếu Hoa Kỳ muốn cái đó*” - đoạn kết luận của bức thư viết: - *Họ có thể thông báo những ý kiến nói chung và những ý kiến chi tiết của họ để giải thích những điểm cụ thể đã biết và chúng ta sẽ cùng nhau xem xét*”.

Tôi để hai ngày sau mới trả lời rằng: “*Chính phủ Nixon muốn thương lượng một cách thiện chí và nghiêm chỉnh*”.

Câu trả lời của Bắc Việt Nam vẫn còn nặng nề, nhưng tôi không mấy ngạc nhiên cũng như thất vọng: tôi không bao giờ hy vọng cuộc chiến tranh kéo dài này lại kết thúc một cách nhanh chóng và dễ dàng. Trong bài diễn văn nhậm chức, tôi nói lại những nguyên tắc hòa bình trong danh dự nhưng không quên nêu quyết tâm thực hiện những cam kết đã thỏa thuận: “*Với tất cả những ai yêu đuổi muốn khác đi - Tôi tuyên bố một cách dứt khoát - Chúng tôi không nghi ngờ gì rằng chúng tôi cũng rất mạnh nếu có thể theo đuổi lâu dài nếu cần thiết*”.

Cuộc chiến tranh Việt Nam bị phức tạp hóa thêm bởi những hiện tượng chưa từng xảy ra trong sự điều khiển một cuộc chiến tranh của nước Mỹ. Một số người theo chủ nghĩa tự do nổi tiếng trong hai đảng đã từng ủng hộ việc tham gia chiến tranh Việt Nam dưới thời Kennedy và Johnson đang tìm cách quay ngược lại sự cam kết của họ. Những Thượng nghị sĩ, nghị sĩ, một số thành viên trong các bộ và các nhà báo trước kia tán thành cuộc chiến tranh thì bây giờ lại theo hàng ngũ những người chống đối. Năm 1969, khi tôi đang ở Quốc hội thì một số lớn đã bỏ phiếu cho cuộc chiến tranh, nhưng tôi biết cái đó họ sẽ không giữ được lâu dài. Một phương diện bất thường khác của cuộc chiến tranh này là những phương tiện thông tin của Mỹ trung cầu ý kiến của công chúng về mục đích và sự lãnh đạo cuộc chiến tranh và tính chất của kẻ thù. Các báo và đài của chúng ta tập trung trước hết vào tội lỗi của những người miền Nam Việt Nam và các lực lượng vũ trang của ta. Đài thu hình mỗi buổi sáng, báo chí mỗi buổi chiều đều truyền đi hết trận đánh này đến trận đánh khác nhưng không bao giờ, hoặc rất hiếm khi, họ giải thích lý do của từng trận đánh. Cái đó đã góp phần vào việc hình thành cảm giác việc chúng ta chiến đấu là không có lý do chính đáng, đứng về phương diện đạo đức và quân sự, và đây cũng không phải là một mục tiêu quan trọng xứng đáng với những cố gắng của chúng ta.

Hơn bao giờ hết đài truyền hình chiếu lên những cảnh đau đớn khủng khiếp của nhân loại và những hy sinh của chiến tranh. Dù là ý định đúng đắn, một sự mô tả thường xuyên và thực tế như vậy của cuộc chiến tranh đã mang lại kết quả đây là một sự bại hoại đạo đức sâu xa ở trong nước và yêu cầu nước Mỹ không bao giờ nên đánh lại kẻ thù ở bên ngoài tuy có sự thống nhất về sự cần thiết ở bên trong. Kenneth Crawford viết trên tờ *Newsweek* rằng đây là cuộc chiến tranh đầu tiên trong lịch sử mà những phương tiện thông tin lại là bạn bè với kẻ thù hơn là với đồng minh của chúng ta...

Châu Âu và De Gaulle

... Chúng tôi trở về Paris vào buổi chiều, và lần này tôi thiết tiệc De Gaulle.

... Trong cuộc gặp gỡ cuối cùng trước khi tôi rời khỏi đây, chúng tôi nói về Việt Nam. Nước Mỹ đã hứa hẹn quá nhiều với Việt Nam, bỏ qua những lời báo trước của De Gaulle, và không đợi ông ta hỏi ý kiến của tôi, tôi hỏi ngay ông: *“Thưa ngài Tổng thống, Ngài sẽ làm gì với Việt Nam?”*.

De Gaulle suy nghĩ rất lâu trước khi trả lời: *“Ngài muốn tôi phải nói gì, thưa Ngài Tổng thống? Ngài hỏi nếu tôi ở địa vị Ngài thì tôi phải làm gì ư? Nhưng tôi không phải là Ngài”*.

Ông ta nói theo ông cách duy nhất để kết thúc chiến tranh là phải lãnh đạo đồng thời các kế hoạch thương lượng chính trị và quân sự và lập một lịch rút quân đội Mỹ. *“Tôi tin rằng Ngài phải rút quân ngay lập tức”*. - Ông nói thêm.

Sau đó De Gaulle đặt hai bàn tay to lớn trên mặt bàn, đầu cúi thấp và nói: *“Tôi thừa nhận nước Pháp có một trách nhiệm nào đó trong việc này vì nó đã sớm cho Việt Nam được tự do và cho phép những người Cộng sản giữ ngôi vô địch trong việc giành lại độc lập cho nước này, trước tiên để chống lại chúng tôi, sau đó chống lại các ngài. Nhưng là người Mỹ, ngài có thể nắm được nguyên tắc ấy và có thể thực hiện nó một cách có phẩm cách”*.

Khi ông ta gợi ý về những cuộc nói chuyện trực tiếp với những người Bắc Việt Nam là phương pháp tốt hơn cả để tiến lên, tôi nói mình đã đặc biệt chú ý đến vấn đề này. De Gaulle không nói thêm gì nữa và cuộc nói chuyện của chúng tôi kết thúc, nhưng tôi tin rằng thông điệp này sẽ được chuyển đến sứ quán Bắc Việt Nam.

Nơi đến thăm cuối cùng của chuyến đi của chúng tôi là Vatican, nơi tôi đã gặp Giáo hoàng Paul VI. Chúng tôi đề cập đến một loạt vấn đề chính trị thế giới, nhưng Giáo hoàng đặc biệt quan tâm đến những dự kiến của tôi về Việt Nam. Ngài nói về tầm quan trọng của việc chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản xuống vùng Đông Nam Á với một giọng cảm động, ngài thừa nhận những người Mỹ đã trở hành chống cộng ở Nam Việt Nam...

Mặt khẩu “bữa ăn sáng”

Chúng tôi đã tự hỏi một Tổng thống mới và một sự mở màn cho hòa bình nghiêm chỉnh có thể gây ra một sự đột phá để kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam không. Vào tháng hai, những người Bắc Việt Nam trả lời cho chúng tôi khi họ tiến hành một cuộc tiến công trên những nấc thang nhỏ nhưng rất ác liệt ở Nam Việt Nam. Đây là một quả bóng tung ra để thử ngay từ đầu thái độ của tôi và của Chính phủ.

Tôi có quyết định tức thời. Kissinger và tôi, cả hai, đều hiểu rằng nếu chúng tôi để những người Cộng sản điều khiển ngay từ đầu thì chúng tôi không thể

thương lượng một cách bình đẳng với họ, và ít nhất là bằng vũ lực. Johnson đã phạm sai lầm này và đã không thể lấy lại thế chủ động được nữa.

Quan điểm đó được Đại tướng Creighton Abrams, Tổng chỉ huy lực lượng Mỹ tại Việt Nam và Đại sứ ở Sài Gòn Ellsworth Bunker chia sẻ. Khi những người Cộng sản đẩy mạnh cuộc tiến công thì Abrams và Bunker thực hiện việc ném bom bằng máy bay B52 xuống những con đường tiếp tế và nơi ẩn náu của họ ở Campuchia.

Bill Rogers và Med Laird thì phản đối việc này. Họ sợ sự tức giận của giới báo chí nếu tôi tiến hành cuộc chiến tranh nữa ở Campuchia. Nhưng Kissinger cãi lại: *"Liệu cái đó có thể làm cho tờ New York Times làm sụn lưng chúng ta, có thể giúp chúng ta chấm dứt cuộc chiến tranh này không?"*. Tôi đồng ý với ông ta nhưng tôi hoãn ra quyết định về vấn đề ném bom đến sau khi đi thăm Châu Âu về vì nếu ném bom Campuchia có thể có nguy cơ có những cuộc biểu dương lực lượng để phản đối ở nước ngoài... Tôi gửi một bức điện cho Bunker bằng điện thường nói rằng mọi cuộc tranh cãi về ném bom đều phải ngừng lại. Cùng lúc tôi viết một bức thư mật cho Abrams, bằng một con đường đặc biệt bảo ông ta bỏ qua những mệnh lệnh của Bunker và tiếp tục các cuộc ném bom bằng máy bay B52 để chuẩn bị sẵn đôi với các tình huống có thể xảy ra, kể cả khi tôi phải dời chuyển đi kết thúc để ra lệnh đồng ý.

Khi tôi đang ở Châu Âu thì cuộc tiến công của những người Cộng sản được đẩy mạnh hơn. Trong một cuộc họp báo hai ngày sau chuyến đi ấy, người ta hỏi về sự phản ứng của tôi trước tình hình này. *"Chúng ta không thể hành động một cách vội vàng - Tôi trả lời - Nhưng việc mà chúng ta đã làm là biểu hiện của sự kiên nhẫn và sự bao dung chứ không phải là một sự yếu đuối... Một sự phản ứng mạnh mẽ sẽ được tiến hành nếu những sự việc đó cứ tiếp diễn"*.

Mười ngày sau, trong một cuộc họp báo tiếp theo, những người Cộng sản lại tiến công. Khi trả lời câu hỏi những sự khiêu khích ấy liệu có làm nhụt sự kiên nhẫn của tôi không, tôi phản bác: *"Nếu các vị không quên thì ngày 4 tháng ba, tôi đã trả lời một câu hỏi tương tự tôi đã nói một lời báo trước. Là Tổng thống, tôi chỉ báo trước một lần và hôm nay tôi không nhắc lại nữa. Tất cả những gì phải làm cho tương lai sẽ được thực hiện"*.

Chủ nhật, ngày 16 tháng ba, tôi có cuộc gặp với Rogers, Laird, Kissinger và tướng Earle Wheeler, Tổng tham mưu trưởng liên quân trong hai tiếng đồng hồ để kiểm điểm tình hình chính trị và quân sự ở Việt Nam.

Tôi hỏi những tổn thất mới nhất. Vì có sự tiến công của cộng sản nên những con số ấy đều khá cao. Đã có 351 người Mỹ bị chết trong tuần lễ trước, 453 trong tuần lễ vừa qua so với 336 trong tuần lễ trước nữa.

Những báo cáo của các cơ quan tình báo cho biết trên bốn mươi nghìn người trong lực lượng cộng sản đã tập trung cách biên giới Campuchia ít nhất là mười sáu, nhiều nhất là hai mươi tư kilômét. Chúng tôi tôn trọng sự trung lập của Campuchia - nhưng những người Cộng sản đã vi phạm điều này một cách lén lút để tấn công Nam Việt Nam rồi lại rút lui vào trong rừng rậm.

“Thưa các Ngài - Tôi nói - Chúng ta đã đến thời điểm mà quyết định đòi hỏi: ném bom hay không ném bom”.

Tôi biết trước mọi người đã hiểu rõ vấn đề và những hậu quả của các cuộc ném bom.

“Nhưng chúng ta phải xem xét cái mà chúng ta sẽ phải đối mặt - Tôi nói thêm - Ván bài mình chúng ta đang chơi ở Paris là hoàn toàn vô bố. Tôi cho rằng để cho cuộc thương lượng thoát khỏi ngõ cụt là phải làm một việc gì đó về mặt quân sự. Đây là việc mà những người Cộng sản sẽ hiểu ra”.

Tôi nói để bảo vệ những người Mỹ và thúc đẩy việc thương lượng, việc ném bom Bắc Việt Nam là hành động quân sự duy nhất mà chúng ta có thể làm. Và tôi kết luận: *“Tôi ra lệnh ném bom khi cần thiết. Ngày mai, nếu thời gian cho phép”.*

Thời tiết đẹp. Và ngày 17 tháng ba, những máy bay B52 ném bom xuống những nơi ẩn nấp của những người Cộng sản trên đất Campuchia. Lầu Năm Góc đặt mật danh cho các cuộc ném bom ấy là Menu, còn những mục tiêu khác mang tên các bữa ăn. Vùng thứ nhất được gọi là *“bữa ăn sáng”*. Đây là bước ngoặt thứ nhất của Chính phủ của tôi trong việc điều khiển cuộc chiến tranh.

Vì nhiều lý do đã có những đảm bảo tối đa để giữ bí mật cho những cuộc ném bom. Chúng tôi biết rằng Thái tử Sihanouk, người lãnh đạo nước Campuchia, đã phản đối sự có mặt của quân đội Việt Nam trên đất nước mình. Từ 1968, ông ta đã yêu cầu Liên Hợp Quốc có những trừng phạt đối với Bắc Việt Nam hoặc trên đất liền, hoặc ném bom. Chúng tôi cũng hiểu, vì là nước trung lập nên Sihanouk không thể công khai ủng hộ những cuộc ném bom ấy. Nếu là những cuộc ném bom bí mật Sihanouk sẽ không nói gì; nếu quá lộ liễu thì ông ta mới lên tiếng phản đối.

Chúng tôi cũng thấy trước khi những cuộc ném bom giữ được bí mật thì Bắc Việt Nam rất khó phản đối về mặt công khai họ nói không có quân ở Campuchia.

Những cuộc biểu dương lực lượng chống Việt Nam trong nước cũng là một lý do phải giữ bí mật. Chính phủ của chúng tôi mới dựng lên được hai tháng và tôi không muốn có những xáo động trong buổi ban đầu.

Cuối cùng để giữ bí mật, chúng tôi chỉ báo trước công việc này cho Richard Russel và John Srennis, Chủ tịch và thành viên của Đoàn Thượng nghị sĩ trong quân đội. Lúc đầu Russel có những hoài nghi về chiến tranh nói chung, nhưng cả hai đều cho rằng ném bom là một quyết định tốt và họ đều hứa hẹn sẽ ủng hộ chúng tôi khi bí mật này bị lộ ra ngoài.

Sau chiến dịch *“bữa ăn sáng”*, những tổn thất của Mỹ ở Việt Nam giảm bớt một cách rõ ràng.

Việt Nam: tặng phẩm công khai, cởi mở bí mật

Trong những tháng đầu tiên, mặc dù có cuộc tiến công vào tháng hai của những người Cộng sản và sự bế tắc trong cuộc thương lượng ở Paris, tôi vẫn tin

vào hiệu quả tổng hợp của những cuộc ném bom bí mật và những lời kêu gọi hòa bình của mình là những sức ép mạnh mẽ khiến những người Cộng sản phải suy nghĩ lại. Vào tháng ba, tôi đã loan báo ở Nhà Trắng một cách đầy tin tưởng rằng hòa bình sẽ được lập lại sau đây một năm. Ở Paris, chúng tôi đã nêu ra sáng kiến khôi phục lại khu phi quân sự như là biên giới giữa miền Bắc với miền Nam Việt Nam và nói bóng gió đến việc rút những đơn vị quân đội Mỹ về nước và quân đội Bắc Việt Nam rút ra khỏi Nam Việt Nam. Về phần mình, Tổng thống Thiệu sẽ tiếp tục thương lượng với Bắc Việt Nam để có được một thỏa ước chính trị và tự do bầu cử.

Nhưng Bắc Việt Nam không chịu nhượng bộ một điểm nào. Trong các cuộc họp họ nhắc đi nhắc lại rằng những vấn đề chính trị và quân sự là không thể tách rời, rằng quân đội Mỹ phải rút lui ngay lập tức và Thiệu phải bị lật đổ.

Vào giữa tháng tư, chúng tôi gây sức ép về mặt ngoại giao. Kissinger đưa cho Dobrynine một trang giấy có ba điểm tự tay tôi viết ra. Trong thủ tục ngoại giao cái đó có nghĩa là tôi đã coi đây là vấn đề đặc biệt quan trọng. Bản thông điệp là rất rõ ràng:

Phủ Tổng thống 1969.

1. Ngài Tổng thống lập lại một cách tin chắc một nền hòa bình công bằng là có thể thực hiện được.

2. Ngài Tổng sẵn sàng khảo sát những con đường khác nhau trên bàn thương lượng trong khuôn khổ hiện nay. Ví dụ như Ngài có thể mong muốn Mỹ và Bắc Việt Nam có những cuộc thương lượng tách riêng ở Paris để thảo luận những nguyên tắc chung cho cuộc hòa giải. Hoa Kỳ và Việt Nam dân chủ cộng hòa có thể đạt được một hiệp định nguyên tắc, sau đó là những cuộc đàm phán chung luân phiên ở Paris.

3. Chính phủ Hoa Kỳ tin chắc rằng các bên sẽ có được bước ngoặt theo cách xử lý đặc biệt này để thực hiện lời hứa đảo ngược xu thế chiến tranh.

Richard Nixon

Kissinger nói với vị đại sứ rằng những quan hệ Mỹ - Xô đang được thử thách vì nếu chúng ta muốn nói đến những tiến bộ trong các lĩnh vực khác thì hiệp ước về Việt Nam là chìa khóa của mọi lĩnh vực.

Dobrynine trả lời rằng chúng tôi phải hiểu ảnh hưởng của Liên Xô đối với Hà Nội là có giới hạn và nói thêm Liên Xô chưa bao giờ đe dọa cắt viện trợ cho đồng minh của mình là Bắc Việt Nam. Lúc này ông ta hứa là chuyển giao những ý kiến của chúng tôi cho Hà Nội trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Sau nhiều tuần lễ chờ đợi câu trả lời, chúng tôi có một sáng kiến mới. Trong buổi đọc diễn văn có thu hình ngày 14 tháng năm, chúng tôi giới thiệu kế hoạch thứ nhất mang lại hòa bình cho Việt Nam. Tôi đề nghị phần lớn quân đội nước ngoài, kể cả Mỹ và Bắc Việt Nam, rút khỏi Nam Việt Nam trong năm nay theo hiệp định được ký kết. Một tổ chức quốc tế sẽ kiểm soát việc rút quân và bầu cử

ở Nam Việt Nam. Tôi báo trước cho kẻ thù của chúng tôi không nên nhầm lẫn giữa mềm dẻo và yếu đuối, và tôi tuyên bố: *"Những báo cáo từ Hà Nội chỉ rõ kẻ thù của chúng ta đang có hy vọng chiến thắng bằng quân sự ở Nam Việt Nam, nhưng đang tính đến sự chạm trán với Hoa Kỳ. Người ta không nên xét đoán một cách sai lầm như vậy"*.

Đề nghị ngày 14 tháng năm của chúng tôi không nhận được một câu trả lời nghiêm chỉnh nào của những người Bắc Việt Nam, kể cả ở Hà Nội cũng như ở Paris. Không bao giờ tôi nghĩ việc đem lại hòa bình cho Việt Nam là dễ dàng, nhưng đây là lần đầu tiên tôi cho rằng điều đó là không thể.

Tôi quyết định phải đi tiếp con đường mà chúng tôi đã bắt đầu trong hy vọng là kẻ thù sẽ nghiên cứu đề nghị của chúng tôi và tới gặp chúng tôi để tìm một nội dung của bản hiệp định.

Ngay từ khi mới nhậm chức, chúng tôi đã nghĩ rằng việc rút về nước một số lớn quân đội Mỹ đã chỉ rõ cho Hà Nội thấy chúng tôi đang tìm ra những nguyên tắc ngoại giao và cái đó sẽ là quan điểm chung của nhân dân Mỹ muốn kết thúc cuộc chiến tranh.

Từ lâu Mel Laird nói Mỹ có thể *"Việt Nam hóa"* cuộc chiến tranh bằng cách huấn luyện và tổ chức những người Nam Việt Nam để họ có thể chiến đấu khi lực lượng Mỹ rút đi. Vào tháng ba, ông ta đã từ Nam Việt Nam về Mỹ với một bản báo cáo lạc quan về khả năng huấn luyện những người Nam Việt Nam để họ có thể tự bảo vệ lấy mình. Đó là căn cứ để chúng tôi đề ra chính sách Việt Nam hóa. Quyết định đó là một bước ngoặt nữa trong chiến lược về Việt Nam của tôi.

Tổng thống Thiệu là một trong những người phản đối kế hoạch rút quân Mỹ về nước. Qua con đường riêng và qua Đại sứ Bunker, tôi bảo đảm sẽ hết lòng ủng hộ Nam Việt Nam. Cuối cùng để cụ thể hóa lời hứa, tôi đề nghị hai chúng tôi sẽ gặp nhau tại đảo Midway ở giữa Thái Bình Dương. Thiệu hoan hỉ chấp nhận và ngày gặp mặt sẽ là ngày 8 tháng sáu.

Sau cuộc họp chúng tôi gặp mặt các nhà báo. Tôi thông báo, theo yêu cầu của ông Thiệu và sau khi nghiên cứu ý kiến của các vị chỉ huy tại chỗ, tôi đã quyết định đưa về nước khoảng 25.000 người của chúng tôi. Việc này phải thông qua con đường ngoại giao vì Thiệu và Abrams, cả hai đều không tán thành cuộc rút lui này.

Tôi nói những tháng trong thời gian tới, tôi hình dung ra còn những cuộc rút lui khác căn cứ vào ba tiêu chuẩn: những tiến bộ trong việc huấn luyện và tổ chức quân đội Nam Việt Nam, tiến bộ của cuộc hòa đàm ở Paris và mức độ hoạt động của kẻ thù.

Thiệu đã yên tâm hơn sau cuộc họp ở Midway, nhưng vẫn còn bối rối. Ông ta biết rằng việc về nước của một số quân nhân Mỹ là màn mở đầu cho việc rút lui của tất cả những người Mỹ tại Nam Việt Nam.

Để xem phản ứng của Hà Nội với những tuyên bố của tôi ở Midway, tôi nhắc lại những điều đó khi trở về Nhà Trắng. Tôi nói với những người đón tiếp tôi là

phải kết hợp kế hoạch hòa bình đề ra vào ngày 14 tháng năm với việc quyết định ở Midway về việc rút về nước một số quân và cái đó đã mở rộng cửa cho hòa bình. *“Và, bây giờ - tôi nói - Xin mời những nhà lãnh đạo Bắc Việt Nam cùng chúng tôi đi qua cánh cửa đó”*.

Cuối tháng sáu, hình như chúng tôi nhận được một cử chỉ mơ hồ của Hà Nội. Những trận đánh giảm bớt và những tin tức tình báo cho biết một số đơn vị quân Bắc Việt Nam rút khỏi Nam Việt Nam. Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, Cố vấn đặc biệt của phái đoàn Bắc Việt Nam trong cuộc hòa đàm ở Paris, bất chợt quay về Hà Nội và người ta giả thiết rằng ông ta về để nhận những chỉ thị mới liên quan đến cuộc thương lượng.

Sự lảng dụi của các hoạt động quân sự kéo dài đến đầu tháng bảy. Tất cả là không có gì, tôi quyết định thử lại một lần nữa để làm tiêu tan những nghi ngờ và hiểu nhầm đang níu chân Hà Nội trong khi họ đang muốn họ *“được ăn cả, ngã về không”*, với ý nghĩa ấy tôi muốn chấm dứt chiến tranh thì phải qua hoặc con đường thương lượng, hoặc con đường sức mạnh.

Một trong những lý do khiến tôi có quyết định ấy là nếu tôi không cố gắng theo con đường hòa bình trong vài tuần lễ tới thì nó sẽ thất bại theo lịch thời gian. Cuối mùa hè, khi cuộc hội đàm trở về từ kỳ nghỉ vào tháng 10, một cơn hồng thủy chống chiến tranh dâng lên trên khắp đất nước. Và sắp đến mùa khô ở Việt Nam, cuộc tiến công của cộng sản chắc chắn sẽ nổ ra vào dịp Tết, tháng hai. Đầu mùa xuân, sức ép của các cuộc bầu cử năm 1970 sẽ không thể bỏ qua những đòi hỏi rút quân của Quốc hội.

Sau sáu tháng gửi những dấu hiệu hòa bình cho những người Cộng sản, tôi sẵn sàng dùng sức ép quân sự cần thiết để chống lại việc xâm nhập và chiếm đóng Nam Việt Nam của họ. Sau nhiều cuộc họp, Kissinger và tôi chuẩn bị một dàn hợp xướng của những sức ép ngoại giao, quân sự và báo chí đối với Hà Nội.

Tôi quyết định lấy ngày 1 tháng một năm 1969, một năm sau ngày ra lệnh ngừng ném bom của Johnson, là thời điểm giới hạn để đưa ra một tối hậu thư cho Bắc Việt Nam.

Từ nay tới đó chỉ còn ba tháng rưỡi nữa, không nên để mất thời gian. Ngày 15 tháng bảy, tôi viết một bức thư cá nhân cho Hồ Chí Minh. Một lần nữa, Jean Sainteny là một người đưa thư giúp chúng tôi. Tôi tiếp ông ta ở Nhà Trắng để ông ta có thể hiểu rõ lý do mong muốn hòa bình của tôi. Nhưng tôi yêu cầu ông nếu không có trận đánh lớn nào xảy ra thì thư cần đưa trước ngày 1 tháng một, nếu không tôi sẽ mang tiếng là người *“cứu vãn tình thế trước sức mạnh”*.

Ngày 16 tháng bảy bức thư đến tay Xuân Thủy, trưởng phái đoàn của Bắc Việt Nam ở Paris, để ông này chuyển về Hà Nội. Tôi cố gắng nhấn mạnh sự chân thành cũng như sự khẩn cấp trong mong muốn của mình:

“Tôi hiểu rõ rất khó thư từ một cách vô ích vì hố sâu ngăn cách của bốn năm chiến tranh. Nhưng chính vì cái hố ấy mà tôi nắm lấy hoàn cảnh này để long

trọng khẳng định lại một lần nữa ý muốn làm việc cho một nền hòa bình công bằng.

Như tôi thường nhắc lại, không ai có thể chiến thắng trong chờ đợi.

Ngài sẽ thấy cớ mở và chân thành trong một cố gắng chung để mang lại những cái tốt đẹp cho hòa bình cho nhân dân Việt Nam dũng cảm. Vào giờ phút quyết định này, lịch sử đòi hỏi hai bên đều phải hướng về hòa bình hơn là xung đột và chiến tranh”.

Tôi cho rằng với bức thư này, tôi đã đi quá xa hơn là cần thiết để chờ đợi Bắc Việt Nam cũng mong muốn một sự thỏa thuận. Bây giờ chúng tôi phải đợi câu trả lời của Hồ Chí Minh. Đối với tôi, bức thư ấy đặt vào tay ông sự lựa chọn hòa bình hoặc chiến tranh.

Một vài ngày sau, chúng tôi nhận được tin Bắc Việt Nam muốn có sự gặp mặt bí mật giữa Kissinger và Xuân Thủy.

... Roumanie có quan hệ ngoại giao tốt với Bắc Việt Nam và tôi biết rằng những gì tôi nói ở đây sẽ được nhắc lại ở bên kia. Trong câu chuyện tôi đã nói với Ceausescu như để gửi cho Hà Nội một bản thông điệp: *“Chúng tôi không thể tiếp tục nhìn thấy hai trăm người Mỹ chết mỗi tuần lễ và sợ giảm chân tại chỗ trong cuộc hội đàm ở Paris. Ngày 1 tháng một năm nay, một năm sau ngày ngừng ném bom, sau khi đã đưa hàng trăm binh sĩ Mỹ về nước và đã có nhiều ý kiến hợp lý trong cuộc thương lượng hòa bình, nếu không có tiến bộ nào nữa, chúng tôi buộc lòng phải xem lại chính sách của mình”.*

Tôi nói với ông ta rằng để thực hiện hòa bình chúng ta phải mở một kênh thông tin mới giữa hai phe. Ceausescu nói với tôi là ông ta sẽ làm mọi việc để có thể giúp vào việc thúc đẩy cuộc thương lượng.

Câu chuyện về những cuộc gặp bí mật giữa Kissinger và những người Bắc Việt Nam bắt đầu từ ngày 4 tháng tám và tiếp diễn trong ba năm, thật là lạ lùng, có những thời kỳ chỉ còn thanh gươm làm kế mưu sống, những cảnh trên màn ảnh trong đó Kissinger di chuyển bằng cách nằm trên ghế chiếc xe DS đang chạy hết tốc độ, để tránh các nhà báo và các tùy viên sứ quán quá tò mò.

Cuộc gặp đầu tiên diễn ra ở phố Rovoli, trong căn hộ của Jean Sainteny giữa Kissinger, Xuân Thủy và Mai Văn Bộ.

Kissinger khai chiến bằng cách tuyên bố ông ta muốn thay mặt tôi gửi một bức thông điệp. Thông điệp nhắc lại với họ rằng ngày 1 tháng một sẽ là ngày kỷ niệm một năm ngày ngừng ném bom. Từ bấy đến nay Hoa Kỳ đã có những bước đi trước nghiêm chỉnh: chúng tôi đã thôi tiếp viện và đã đưa hai mươi lăm ngàn chiến binh về nước, và chấp nhận kết quả của cuộc bầu cử tự do. Theo chúng tôi biết, đã không có một phản ứng nào có ý nghĩa cả. Lúc này, để đẩy nhanh việc thương lượng, tôi sẵn sàng mở một con đường gặp gỡ với họ. *“Nhưng đồng thời - Kissinger nói thêm - người ta yêu cầu tôi long trọng nói với các ông nếu ngày 1 tháng một tới, không có một sự tiến bộ đáng kể nào thì chúng tôi coi đây là một sự xung đột, chúng tôi buộc lòng phải, điều mà chúng tôi rất lấy làm tiếc, có*

những biện pháp với hậu quả rất nghiêm trọng". Ông ta lưu ý, trong tuyên truyền cũng như trong các cuộc thương lượng, những người Bắc Việt Nam vẫn muốn xung đột bằng cách nói "cuộc chiến tranh của Nixon", và ông ta báo trước: "Chúng tôi không nghĩ đây là lợi ích của các ông vì nếu đây là cuộc chiến tranh của Nixon thì ông ấy nhất định sẽ không cho phép".

Xuân Thủy cãi lại với sự gay gắt tương ứng rằng mong muốn tối thượng của Hà Nội là buộc phải rút về nước một cách hoàn toàn tất cả các lực lượng Mỹ và thực hiện mười điểm của Mặt trận giải phóng dân tộc miền Nam Việt Nam. Ông ta nói một cách mơ hồ rằng không có bộ đội Bắc Việt Nam ở Nam Việt Nam. Ông ta cũng đòi hỏi phải lật đổ Tổng thống Thiệu trước khi đạt được một thỏa thuận nào đó.

Cuối cùng Kissinger cho rằng mình đã nói hết những điều cần nói với những người đại diện không có quyền thương lượng. Với sự khôn khéo đặc biệt của mình, ông ta lái câu chuyện sang một bình diện thân mật hơn bằng cách nói: *"Chúng tôi muốn coi những người Việt Nam là bạn. Tôi cho rằng chúng ta phải cố gắng để có một giải pháp trước ngày 1 tháng một".*

Ba người bắt tay nhau và ra về một cách riêng rẽ để tránh khỏi bị chú ý.

Câu trả lời của Hồ Chí Minh cho bức thư gửi hồi tháng bảy của tôi để ngày 25 tháng tám. Ông Hồ ám chỉ: *"Cuộc chiến tranh xâm lược của Hoa Kỳ chống lại dân tộc chúng tôi"* và nói rằng mình *"cảm động một cách sâu sắc về số lượng thanh niên Mỹ chết ở Việt Nam ngày càng tăng do sai lầm về chính trị trong Chính phủ Mỹ"*.

Trả lời câu tuyên bố của tôi rằng chúng tôi sẵn sàng thảo luận bất cứ chương trình nào hoặc bất cứ một đề nghị nào, ông Hồ nói rằng đây là chương trình mời điếm của Mặt trận giải phóng dân tộc miền Nam Việt Nam đã *"được sự đồng tình và ủng hộ của các dân tộc trên thế giới"*. Hồ Chí Minh kết luận:

"Trong thư Ngài bày tỏ lòng mong muốn hành động cho một nền hòa bình công bằng. Muốn vậy, Mỹ phải chấm dứt một chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam và dân tộc Việt Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài".

Cũng theo cách nói như trong thư của tôi, đồng thời khư khư giữ cách nói của cộng sản. Đây là một sự cự tuyệt thẳng thừng và lạnh lùng mà không cần bàn thêm gì nữa.

Sau khi nhận được câu trả lời không mấy hứa hẹn, tôi hiểu là mình phải chuẩn bị khi đứng trước những lời chỉ trích nặng nề và những áp lực mạnh mẽ đòi tiếp tục cuộc chiến tranh.

Ngày 3 tháng chín, Hồ Chí Minh qua đời. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nổi lên như nhân vật thứ nhất trong Bộ Chính trị của Hà Nội. Những nhà quan sát lâu năm về Việt Nam tự hỏi sự kiện này có ảnh hưởng gì đến việc thoát ra khỏi cuộc chiến tranh.

Vào giữa tháng chín, tôi báo tin việc rút 35.000 quân nữa bắt đầu từ ngày 15 tháng chạp. Trong lời tuyên bố cho đến nay việc rút 60.000 người là một bước đi quan trọng và không chờ đến khi có kết quả của cuộc thương lượng. Bản tin này muốn cho những người lãnh đạo mới của Bắc Việt Nam, không liên quan đến câu trả lời của Hồ Chí Minh, biết rõ.

Hai ngày sau, trong một cuộc họp của Hội đồng khối O.T.A.N., tôi nói *“giờ của hòa bình đã đến. Và nhân danh hòa bình, tôi khẩn cầu tất cả các Ngài có mặt ở đây, đại biểu cho các nước trong khối thực hiện những cố gắng ngoại giao để tin chắc những cuộc thương lượng tiến lên một cách nghiêm chỉnh nhằm chấm dứt chiến tranh”*.

Ngày 20 tháng chín, Kissinger nhận được một bức thư của Sainteny nói ông ta đã đi Hà Nội để dự lễ tang của Hồ Chí Minh và đã có cuộc nói chuyện khá lâu với ông Phạm Văn Đồng. Thủ tướng Đồng nói đã nghiên cứu kỹ những ám chỉ của Hoa Kỳ. Khi Sainteny nói mình đã thấy rõ Tổng thống Nixon mong muốn hòa bình như thế nào. Ông Đồng trả lời: *“Tôi thấy rõ là họ đã làm cho ông tin rồi. Nhưng chúng tôi thì không thể tin vào lời nói; chỉ có những hành động mới làm chúng tôi tin được”*.

Nhưng câu chuyện nói trên xảy ra trước khi tôi tuyên bố rút thêm quân. Tôi biết rõ việc này sẽ được thực hiện đúng như tôi đã nói. Một lần nữa, Hà Nội là người phải chọn lựa.

Chúng tôi tiếp tục gây áp lực ngoại giao đối với những người Xô viết. Kissinger nói với Dobrynine: việc chúng tôi yêu cầu họ giúp đỡ để kết thúc chiến tranh đã thất bại, chúng tôi không thể tiếp tục theo con đường ngoại giao làm cơ sở trong quan hệ giữa hai nước được nữa.

Tôi gọi điện thoại trong một vài phút cho Kissinger khi hai người đang nói chuyện. Trước khi nói tiếp câu chuyện với Dobrynine, Kissinger tuyên bố: *“Tổng thống vừa nói với tôi qua điện thoại, đây là những vấn đề về Việt Nam, rằng xe lửa đã rời khỏi ga và đang chạy nhanh trên đường ray”*.

Dobrynine cố gắng làm thay đổi bầu không khí bằng cách nói theo kiểu ngoại giao: *“Tôi hy vọng là máy bay hơn là xe lửa, vì máy bay mới có thể thay đổi hướng trong khi đang chạy”*.

Kissinger cãi lại: *“Tổng thống là người rất cẩn thận trong việc dùng câu chữ. Tôi đã nghe rõ những gì ông ấy nói. Tổng thống nói “xe lửa”*.

Để gây sức ép mạnh hơn nữa với Hà Nội, tôi ra lệnh có một sự nghiên cứu quan hệ giữa các nước không phải là cộng sản có quan hệ buôn bán với Bắc Việt Nam. Chúng tôi được biết Hy Lạp, Malte, Singapo và Somalie là một số trong những nước có cờ trên tàu lui tới bến cảng của Bắc Việt Nam. Khi hai nước Hy Lạp và Malte từ chối hợp tác với chúng tôi, tôi ra lệnh gây sức ép bằng cách dọa cắt viện trợ. Cuối cùng hai nước đó hạ cờ và cho tàu về nước.

Tôi gặp những lãnh tụ Đảng Cộng hòa trong Quốc hội và nói với họ rằng sáu chục ngày tiếp theo có thể xảy ra sự kiện chấm dứt những hành động thù nghịch.

“Hơn lúc nào hết, chúng tôi thấy cần thiết có sự thống nhất. Chúng tôi không thể nói với các ngài những gì chúng tôi sẽ làm vì nếu chúng tôi có may mắn thành công thì phải giữ bí mật. Tôi chỉ có thể nói với các ngài điều này: tôi sẽ làm cho cả thế giới này chấm dứt chiến tranh. Tôi đề cập vấn đề này dựa vào hai nguyên tắc: tôi không gây khó khăn cho Bắc Việt Nam nếu họ chấp nhận một nguyên tắc; nhưng tôi không phải là vị Tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ bị thất bại trong một cuộc chiến tranh”.

Cùng ngày, tôi gây một sức ép táo bạo hơn đối với Hà Nội khi tôi tập hợp chín thượng nghị sĩ của Đảng Cộng hòa và kể cho họ câu chuyện về một bí mật quốc gia mà tôi biết rõ. Tôi không phải chờ đợi lâu. Tám ngày sau, Rowland Evans và Robert Novak đăng một bài báo nói tôi đã hình dung ra cái lô-cốt Hà Nội và việc thâm nhập vào Bắc Việt Nam. Tôi muốn tin đồn ấy sẽ làm cho Bắc Việt Nam phải chú ý. Không bao giờ tôi cho rằng chuyện ấy được làm thực, nhưng nó đã lôi kéo sự chú ý của Mel Laird, Bill Rogers và ông ta không kêu ca ngay lập tức trước khi có những con số hùng hồn về tổn thất trong những tháng gần đây của chúng ta ngày càng thấp và việc huấn luyện và tổ chức quân đội Nam Việt Nam ngày càng có nhiều tiến bộ. Đây là kết quả của việc Việt Nam hóa chiến tranh.

Việt Nam: sự gia hạn

Những lực lượng chống chiến tranh Việt Nam trong các trường đại học, trong Quốc hội, trên báo chí tập trung vào sự gia hạn cho Việt Nam đã nói vào ngày 15 tháng mười, ở Washington. Kế hoạch là tổ chức các cuộc biểu dương lực lượng vào ngày mười lăm hàng tháng cho đến khi cuộc chiến tranh kết thúc trong các thành phố lớn.

Trong tuần lễ đầu tiên của tháng mười, sự tức giận đã lên đến đỉnh điểm. Có những bài diễn văn, những cuộc họp, những cuộc tập hợp trên một địa điểm đã định trước để chống chiến tranh. Cuộc tranh luận về việc chỉ định tôi tại Tòa án tối cao của chánh án Clement Haynsworth, những cuộc hội thảo về cái cách xã hội, sự thất bại của người Cộng hòa trước một người Dân chủ trong cuộc bầu cử từng phần ở bang Massachusetts, sự thiếu kiên nhẫn của một số lãnh tụ về quyền dân sự trong chính sách đối nội của chúng tôi, tất cả những cái đó được nêu lên trong một tờ báo, đã tạo ra hình ảnh một Chính phủ đang nghiêng ngã và đang bị vây hãm. Các báo coi đây là một cuộc khủng hoảng về quyền lực. Tờ Newsweek có hàng tít *“Ông Nixon đang lo lắng”*, tờ Times có bài *“Tuần lễ tồi tệ của ông Nixon”* viết: *“Không cần phải là một kẻ phao tin hãi hùng tâm cơ như Chicken Little cũng có thể nói rằng bầu trời đang vỡ vụn từng mảnh xuống Chính phủ của Nixon”*.

Những lời tuyên bố về việc rút quân và những lời tiên đoán về nền chính trị tê liệt ngày càng sinh sôi, nảy nở. Ngày 7 tháng mười, David Broder viết trên tờ Washington Post rằng ông ta *“ngày càng tin chắc những người và những phong*

trào đã bóp nát quyền lực của Lyndon Johnson năm 1968 sẽ bóp nát Richard Nixon năm 1969. Tất cả đều cho thấy họ sẽ lại thành công một lần nữa". Một vài ngày sau, Dean Acheson tuyên bố cần đề phòng "những âm mưu từ nhiều nguồn để loại trừ Nixon". Trong một cuộc phỏng vấn của tờ New York Times, ông ta nói: "Tôi cho rằng chúng ta đang chạm trán với cuộc khủng hoảng về thể chế nếu chúng ta vẫn muốn đánh đổ Tổng thống".

Sự lảng tránh của tôi trước những lời tiên đoán tự nó trở thành một yếu tố của sự khủng hoảng giả định. Tờ Times viết: "Hình như ông Nixon có thái độ khác về tất cả những cái đó", và ông chủ bút của tờ báo này, Hugh Sidey nói thái độ của tôi là: "đang lo lắng trước những sự kiện trong thời điểm khó khăn nhất từ ngày nhậm chức đến nay".

Sự bận tâm lớn nhất của tôi là tình trạng lộn xộn cho rằng tôi bị ép buộc phải chấm dứt cuộc chiến tranh mà không biết tôi vẫn bí mật hoạt động cho mục đích ấy. Vài tuần lễ sau, trong một lần gặp gỡ Cabot Lodge, Đại sứ Mỹ tại miền Nam Việt Nam, ông ta cho tôi biết những lời tuyên bố của phái "điều hòa" trong Thượng nghị viện. Tờ New York Times kể lại rằng Lê Đức Thọ đã nói với "nụ cười cởi mở" với một vị khách người Mỹ về lời tuyên bố của Thượng nghị sĩ Fulbright nói tôi đang muốn kéo dài chiến tranh với chính sách "Việt Nam hóa". Bỏ qua cuộc tranh luận hòa bình, tôi thấy lời tuyên bố ấy đã làm hỏng bức tối hậu thư mà tôi đã trao cho Hà Nội.

Ngày 13 tháng mười. Ron Zeigler loan báo rằng tôi sẽ có lời tuyên bố về Việt Nam với dân chúng Mỹ vào ngày thứ hai, ngày 3 tháng một tới.

Lời loan báo đó như một sự phá hoại ngầm việc gia hạn đến 15 tháng mười. Tôi cũng hy vọng lời loan báo về một tuyên bố quan trọng xảy ra hai ngày trước thời hạn sẽ làm cho Hà Nội phải suy nghĩ về những hiểm họa của việc câu cá trong nước đục đối với nước Mỹ.

Ngày 14 tháng mười, tôi tin chắc bức tối hậu thư của tôi đã thất bại khi Kissinger báo tin Đài phát thanh của Hà Nội đã truyền đi lời tuyên bố của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi nhân dân Mỹ. Ông ta nói:

"Mùa thu này, tại nhiều vùng dân chúng Mỹ được những nhân vật Mỹ mong muốn hòa bình và công bằng khuyến khích và bảo vệ đã tấn công mạnh trên khắp Hoa Kỳ đòi hỏi Chính phủ Nixon chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và đưa quân đội Mỹ về nước..."

Chúng tôi rất biết ơn sự đoàn kết và can đảm của nhân dân hai nước chúng ta và với sự tán thành và giúp đỡ của tất cả những người yêu chuộng hòa bình trên khắp thế giới, cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam và nhân dân Mỹ tiến bộ chống lại sự xâm lược của Hoa Kỳ sẽ kết thúc bằng sự thắng lợi hoàn toàn.

Chắc chắn cuộc chiến đấu mùa thu sẽ đi đến toàn thắng".

Tôi coi sự can thiệp ngang nhiên vào công việc nội bộ của đất nước chúng tôi là rất nghiêm trọng nên đã yêu cầu Agnew tổ chức một cuộc họp báo tại Nhà Trắng. Tôi nói bức thư của ông Đồng thật "khó tưởng tượng nổi" và tôi đã tuyên

bố trước camera: *"Những nhà lãnh đạo và những người bảo vệ sự hoãn lại này, những việc có chức trách và những người lãnh đạo các cuộc biểu dương lực lượng đã gạt bỏ sự ủng hộ Chính phủ đương quyền của họ đang nắm trong tay máu của bốn chục ngàn người Mỹ"*.

Tôi coi những câu hỏi đề ra cho Angew là đáng xấu hổ cho những nhà báo phao tin tại Nhà Trắng. Hỏi chúng ta có trách nhiệm gì về bức thư của ông Đồng không, một nhà báo nêu: *"Thưa Ngài Phó Tổng thống, hãy nắm lấy sừng con bò mộng. Có phải những vấn đề nêu lên trong bức thư là ý đồ trong phút cuối của Chính phủ để hủy bỏ sự gia hạn không?"*.

Nhìn chung, việc báo chí nói rất ít đến bức thư của ông Đồng hoặc để mặc Chính phủ nói thì đây là sức ép của một cách đối lập hợp pháp.

Tôi cần phải có một quyết định về bức tối hậu thư. Tôi biết rằng nếu tôi không có lý do để đe dọa bằng sức mạnh khi bức thư này đã hết hạn vào ngày 1 tháng một, thì những người Cộng sản sẽ coi thường chúng tôi và sẽ rất khó khăn để làm việc với họ. Tôi biết rằng sau tất cả những lời phản kháng và sau khi gia hạn, quan điểm của dân chúng Mỹ sẽ chia rẽ trong những cuộc leo thang quân sự của chiến tranh...

Trung Quốc

... Gần giữa cuộc nói chuyện, Chu uống mấy viên thuốc trắng. Tôi cho đó là thuốc dùng cho cơn tăng huyết áp của ông ta. Tôi có ấn tượng mạnh về trí lực và về nghị lực của ông. Mấy người trẻ tuổi ở cả hai bên một lúc một mệt xỉu khi buổi chiều càng kéo dài trong tiếng ù ù của các lời dịch, nhưng Chu Ân Lai dù đã ở tuổi ngoại bảy mươi thì vẫn hoạt bát và tập trung tư tưởng trong suốt buổi họp bốn giờ liền.

- Vấn đề quan trọng nhất bây giờ là vấn đề Đông Dương. Chính ở đó mà toàn thế giới đang chờ đợi chúng ta - Ông ta nói - Đảng Dân chủ có mưu toan làm khó dễ ngài bằng cách khẳng định rằng ngài đến Trung Quốc để giải quyết vấn đề Việt Nam. Tất nhiên, điều đó không thể. Chúng ta không có khả năng giải quyết vấn đề này qua các cuộc đàm thoại.

Tôi đồng ý: tôi biết rất rõ nhưng giới hạn của các cuộc nói chuyện của chúng tôi ở Bắc kinh. *"Đây đơn giản chỉ là một cuộc xung đột mà Liên Xô duy nhất có lợi nếu nó kéo dài - Tôi nói - Họ muốn thấy chúng ta bất đồng ở đó để có thể càng ngày càng ảnh hưởng nhiều đến Bắc Việt Nam. Theo tất cả tin tức tình báo của chúng tôi thì hình như họ gây áp lực với Bắc Việt Nam, để cho nước này tiếp tục chiến đấu và không đàm phán"*.

Chu vạch rõ rằng, theo ý ông nếu chúng ta càng chậm rút ra khỏi Việt Nam thì cuộc rút lui của chúng ta càng khó khăn càng bất lợi. Ông ta biết tính bền bỉ của người Bắc Việt Nam. *"Hồ Chí Minh là một trong những bạn lâu đời của tôi"* - Ông nhấn mạnh về sự kiện mà tôi đã thừa nhận rằng De Gaulle đã hành động khôn ngoan trong việc rút lui khỏi Algérie; mặc dù những khó khăn chính trị nội bộ mà một quyết định tương tự sẽ có thể gây ra cho tôi, ông ta vẫn cho rằng đó

là điều phải làm ở Việt Nam. Ông bổ sung: “*Lập trường của chúng tôi như sau: dù ngài có tiếp tục chính sách Việt Nam hóa, Lào hóa, Campuchia hóa cuộc chiến tranh lâu dài bao nhiêu đi nữa và nếu họ còn tiếp tục chiến đấu thì chúng tôi không thể làm khác hơn là tiếp tục chi viện cho họ*”.

Chính do những lời lẽ ấy, tôi tóm tắt lập trường của Mỹ: “*Hãy vứt bỏ các kế hoạch tám điểm, năm điểm và mười ba điểm và tất cả những điểm trên thế giới và hãy đạt tới điều chúng ta thật sự đưa ra. Nếu như tôi được gặp người đứng đầu Bắc Việt Nam dù ông ta là ai, và nếu chúng tôi có thể đàm phán cho một cuộc ngừng bắn và hồi hương các tù binh của chúng tôi, thì toàn bộ người Mỹ sẽ rút ra khỏi Việt Nam trong vòng sáu tháng. Nhưng tôi xin phép được nhấn mạnh rằng khi dự án này được gợi ý cho người Bắc Việt Nam từ giữa năm ngoái, họ đã bác bỏ nó và họ đã đòi hỏi, để đi đến một giải pháp là chúng tôi phải chịu một giải pháp chính trị hoàn toàn như một sự giải thể quân đội. Tôi biết rằng có nhiều ý kiến trái ngược nhau, nhưng khi một quốc gia ở địa vị nước chúng tôi, khi trên toàn thế giới còn có những quốc gia phụ thuộc vào nước chúng tôi để giúp họ phòng thủ nếu chúng tôi không xử sự theo danh dự thì chúng tôi không còn là một quốc gia xứng đáng, là một nước đồng minh mà nhân dân thế giới có thể tin cậy...*”.

Bắc Việt Nam - Nam Việt Nam

Những ngày tôi dự kiến chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam bây giờ đã thuộc về quá khứ xa xôi.

Ngày 16 tháng tám năm 1971, chúng tôi đề nghị rút lui hoàn toàn các lực lượng Mỹ và Đồng minh trong vòng chín tháng theo một hiệp ước. Ngày 13 tháng chín, họ bác bỏ đề nghị này và tiếp tục đòi phế truất Thiệu, họ đặt điều đó làm điều kiện tiên quyết để ký kết một hiệp ước. Trong khi đó họ lợi dụng các phiên họp công khai ở Paris để trách móc chúng ta là không muốn thương lượng nghiêm chỉnh.

Chính đó là một thủ đoạn tuyên truyền rất khéo nên nhiều người Mỹ phản đối kéo dài chiến tranh đã bị mắc mồi. Chẳng hạn, trong tháng 9 năm 1971 Mc Govern trong chuyến sang Pháp đã nói chuyện sáu giờ liền với Xuân Thủy. Sau đó ông nói với các nhà báo rằng ông đã nhận được sự cam kết rằng người Bắc Việt Nam sẽ trả hết tù binh ngay sau khi chúng ta ấn định một thời gian biểu cho việc rút quân đội chúng ta. Đây đúng là điều mà chúng ta đưa ra ngày 31 tháng 5 năm 1971 và là điều mà họ đã bác bỏ ngày 26 tháng sáu năm 1971. Tại cuộc họp tiếp sau, khi Kissinger đặt trước mặt Xuân Thủy bản sao lời ông ta, thì Xuân Thủy lạnh lùng đáp: “*Điều Thượng nghị sĩ Mc Govern kể chỉ liên quan tới ông ấy*”.

Tôi muốn chứng minh một cách chắc chắn rằng chúng tôi đã không lơ là điều gì cả để đi tới một hiệp ước có khả năng đạt được, cho nên tôi quyết định thực thi một mưu đồ mới để thoát ra khỏi ngõ cụt. Vì thế trong tháng mười, chúng ta

đã đạt được từ Thiệu điều ông ta tán thành một kế hoạch tổng thể, kế hoạch này dự kiến một cuộc triệt thoái các lực lượng Mỹ và Đồng minh trong sáu tháng từ lúc ký hiệp ước, việc trao đổi tù binh cho nhau, và một cuộc ngừng bắn trong toàn cõi Đông Dương. Thiệu cũng tỏ ý tán thành một cuộc bầu cử Tổng thống dưới sự giám sát quốc tế tại miền Nam Việt Nam trong sáu tháng tiếp theo hiệp ước, và ông ta cũng sẽ chấp nhận từ chức cùng với Phó Tổng thống Kỳ một tháng trước khi bước vào cuộc bầu cử để sao cho mọi ứng cử viên có thể đua tranh một cách bình đẳng.

Được vũ trang bằng kế hoạch đặc biệt mới này, chúng tôi đề nghị một phiên họp kín vào ngày 1 tháng mười một năm 1971. Những người Bắc Việt Nam phản công lại bằng cách đề nghị họp vào ngày 20 tháng mười một, việc đó được chấp nhận. Ngày 17 tháng mười một, họ hủy phiên họp, nói rằng Lê Đức Thọ bị ốm. Chúng ta đề nghị gặp họ ngay sau khi ông ta bình phục hoặc là gặp một nhân vật cao cấp khác.

Không một tin tức nào từ Hà Nội đến cả, nhưng chúng tôi nhận được nhiều tin tức tình báo về những cuộc tập trung lớn của bộ đội miền Bắc tại vùng phi quân sự cũng như tin tức về sự tăng cường hoạt động quân sự ở miền Nam. Khi Sài Gòn bị pháo kích, trong vụ vi phạm quả tang các lời lẽ hiệp định năm 1968 về ngừng oanh tạc, tôi ra lệnh phục hồi các cuộc ném bom không kích trên miền Bắc Việt Nam. Trong nước ta, biện pháp này lập tức gây nên một làn sóng phản nộ mạnh mẽ.

Ngày 13 tháng giêng năm 1972, tôi chuẩn y một đợt rút quân mới 70.000 binh sĩ Mỹ trong ba tháng. Ngày hôm trước khóa họp Quốc hội mới, và ngay trước khi bắt đầu các cuộc vận động bầu cử Tổng thống, tôi cảm thấy rằng số binh sĩ phải rút lui về nước phải thật cao để làm rõ phương hướng rút quân trong chính sách của tôi. Bốn tháng sau ngày 1 tháng năm, chỉ còn lại ở Việt Nam 69.000 người Mỹ và chính những người này cũng sắp sửa ra đi. Cũng chính vào lúc tôi công bố tin này tôi không khỏi đùng đầu với viễn cảnh đáng sợ về một cuộc xâm nhập thành công của cộng sản vào miền Nam Việt Nam: điều này làm nguy hại nghiêm trọng đến quân lực giảm dần của bộ đội chúng ta đang còn lại ở đây.

Việc để lộ bí mật tài liệu mà biên tập viên Jack Anderson đã lợi dụng được trong thời gian chiến tranh giữa Ấn Độ và Pakistan lại cộng thêm một vụ rắc rối mới. Viên thư ký hạ sĩ Hải quân mà chúng tôi ngờ là nguồn lộ bí mật này đã được tiếp xúc với những tài liệu liên quan tới các cuộc thương lượng bí mật của Kissinger và chúng tôi không thể chắc chắn là không có một tin tức tình báo nào về các cuộc thương lượng đó đã bị tiết lộ cho Anderson hay cho những kẻ khác. Nếu nhân dân Mỹ biết được những cuộc thương lượng bí mật qua sự tiết lộ của báo chí thì có lẽ đây là cuộc họp đàm phán chính trị và ngoại giao mất trật tự nhất. Tôi cũng lo lắng về một trợ lý của Kissinger đã từ chức trong lúc có vụ rắc rối về Campuchia và bây giờ làm việc bên cạnh Muskie với tư cách là cố vấn đối ngoại cho chiến dịch tranh cử Tổng thống của ông này. Người đàn ông này đã rất

am hiểu các cuộc thương lượng bí mật tại Paris, chúng tôi không thể tin chắc về tính thận trọng kín đáo của anh ta đối với Muskie.

Vì thế tôi quyết định tuyên bố công khai. Tôi xin công khai vạch trần kế hoạch hòa bình ra, mà những người miền Bắc Việt Nam đã biểu lộ ít bận tâm đến nó và tôi cũng tiết lộ rằng có các cuộc thương lượng bí mật.

Trong bài phát biểu phát đi từ Phòng Bầu Dục ngày 25 tháng giêng năm 1972, tôi nói rằng Kissinger đã có những cuộc hội đàm bí mật giữa người miền Bắc Việt Nam từ tháng tám năm 1969. Tôi giải thích rằng trong ba mươi tháng qua, Kissinger và tôi, chúng tôi đã điều chỉnh kỹ càng những bài công bố của chúng ta để bảo vệ bí mật của các cuộc hội đàm đó bởi vì chúng tôi đã quyết định không làm điều gì có thể phương hại đến kết quả. Nhưng chúng ta không đạt kết quả gì hết nên đã đến lúc phải thay đổi phương pháp.

Cũng như những cuộc thương lượng bí mật đôi khi có thể đi vào khỏi ngõ cụt - tôi nói - hiện nay tôi nghĩ rằng tiết lộ công khai có thể giúp thoát ra khỏi một tình trạng bí mật mà không có lối ra. Tôi liệt kê những điểm chính trong kế hoạch mới rất ấn tượng của tôi mà Hà Nội đã không dám đón nhận.

Chúng tôi vẫn luôn trăn trở - tôi tiếp tục - nghĩ tới mọi dự kiến về hiệp định hòa bình, gần như bất kỳ dự kiến nào, nhưng tôi nhắc lại rằng loại kế hoạch duy nhất mà chúng tôi không thể chú ý tới là phương án đòi hỏi chúng tôi phải thực hiện các ý đồ của kẻ thù bằng cách lật đổ bạn đồng minh của chúng ta ở miền Nam Việt Nam. Cuối cùng tôi đưa ra một lời cảnh cáo: *"Nếu kẻ thù đáp lại đề nghị hòa bình của chúng ta bằng cách tăng cường các cuộc tấn công quân sự thì tôi sẽ làm hết trách nhiệm của mình với tư cách là Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang, để bảo vệ những người của chúng ta còn ở lại Việt Nam"*. Tôi kết luận bằng những lời lẽ sau đây: *"Đã chín năm, những người Mỹ yêu nước và trung thực đã biểu lộ sự bất đồng về nguyên tắc cam kết của chúng ta, và cũng đã có những bất đồng về cách điều hành chiến tranh. Đề nghị hòa bình mà tôi đã phát biểu chiều nay mong rằng sẽ được sự đồng thuận của mọi người"*.

Trong khi con đường dẫn đến cuộc họp thượng đỉnh của Trung Quốc đã không gặp nhiều trở ngại đáng kể, thì con đường đến cuộc gặp thượng đỉnh của Liên Xô lại có lắm chông gai. Đầu năm 1972, Cục Tình báo đã cho chúng tôi biết rằng một số lượng lớn vũ khí Liên Xô đã đến miền Bắc Việt Nam.

Khi Kissinger biết tin, ông nói: *"Tôi cho rằng điều làm chúng ta bức mình nhất từ phía Liên Xô là sự vô cùng thiếu tế nhị của họ. Đúng là họ đang tát vào mặt người Trung Quốc vì lý do cuộc viếng thăm của ngài. Họ muốn gia tăng ảnh hưởng của họ với Hà Nội, nhưng họ không thấy sự nguy hiểm vì tặng những đồ chơi mới cho những kẻ cuồng tín Bắc Việt Nam"*.

Ngày 25 tháng giêng, tôi viết cho Brejnev một bức thư để thông báo cho ông ta về bài phát biểu cùng ngày của tôi. Tôi tuyên bố với ông ta: *"Liên Xô phải hiểu rằng Hoa Kỳ không có lựa chọn nào khác hơn là chống lại bằng vũ lực các hành động do người Bắc Việt Nam đã làm để hạ nhục chúng tôi. Nhưng cách*

làm kiểu này không thể có ích cho ai mà chỉ phức tạp rắc rối". Do Brejnev giả vờ kinh ngạc bằng một phản ứng cũng khá tiêu cực, và thư trả lời của Brejnev vài ngày sau thì vừa ngắn ngủi vừa khó chịu.

Ngày 30 tháng ba, tôi đang nói chuyện với Kissinger tại Phòng Bầu dục thì một cộng tác viên của ông ta đưa cho ông một thông điệp. Đọc xong ông nói: *"Người Bắc Việt Nam đã tấn công qua khu phi quân sự, có thể đây là bước khởi đầu của cuộc tấn công mà chúng ta đã trông đợi".*

... Chúng tôi quyết định thi hành đối với Bắc Việt Nam toàn bộ áp lực quân sự và đối với những kẻ cung cấp vũ khí cho họ là Liên Xô toàn bộ áp lực ngoại giao mạnh nhất có thể có. Tôi ra lệnh cho Lầu Năm Góc tiến hành chuẩn bị một cuộc tấn công ô ạt bằng các hàng không mẫu hạm, tuần dương hạm, khu trục hạm cho các cuộc pháo kích của hải quân, các B-52 được dành cho các cuộc không kích vào Bắc Việt Nam. Ngày 4 tháng tư, Quốc vụ Viện thông báo rằng cuộc tấn công của Bắc Việt Nam có được sự trợ lực của các vũ khí Liên Xô. Khi vừa mới gặp Dobrynine, Kissinger đã hăm ông này vào thế hai ngã đường: hoặc Liên Xô đã vạch kế hoạch cho cuộc xâm lược này, hoặc họ đã cho phép nó do sơ ý.

... Không nói lời hứa hẹn cụ thể, Dobrynine cam đoan rằng người Bắc Việt Nam tỏ ra rất biết điều khi quay trở lại, các cuộc hội đàm bí mật ở Paris vào ngày 24 tháng tư. Ông ta lại một lần nữa gợi ý rằng Kissinger nên đi bí mật đến Moscou và để thảo luận với Brejnev về vấn đề Việt Nam và những vấn đề khác trong chương trình của chúng ta trước Hội nghị thượng đỉnh. Tôi đã đồng ý với Kissinger để cho ông ta chấp nhận lời mời đó.

... Chúng tôi hoàn toàn nhất trí về tầm quan trọng là phải duy trì một áp lực quân sự đối với miền Bắc Việt Nam kể cả bằng những cuộc ném bom. Mọi dấu hiệu yếu đuối của bên ta, có thể khuyến khích những người Xô viết cung cấp nhiều vũ khí hơn nữa cho Bắc Việt Nam để cho họ giành lợi thế quân sự. Tôi cũng muốn rằng người Nam Việt Nam phải tin tưởng vào giải pháp ủng hộ họ của chúng ta. Tinh thần của Chính phủ và của các lực lượng vũ trang của Nam Việt Nam là cốt yếu để họ chống lại cuộc tấn công.

Cuộc tấn công của Bắc Việt Nam, theo tôi đang đưa cuộc chiến tranh đến giai đoạn cuối cùng. Có hai khả năng: hoặc là người Nam Việt Nam với sự yểm trợ đường không của Mỹ sẽ đẩy lùi hoặc chặn đứng cuộc tấn công (trong trường hợp này chúng ta coi như chiến thắng và một giải pháp đàm phán có lợi sẽ đi tới kết quả); hoặc là bộ đội Bắc Việt Nam đánh đâu thắng đấy và hợp lại với lực lượng Việt Cộng đánh cho quân lực Nam Việt thua chạy tơi bời rồi chiếm lấy Sài Gòn (khi ấy chiến tranh sẽ thất bại và 69.000 người Mỹ còn đương ở đó sẽ rơi vào đại họa).

Kissinger hoàn toàn đồng ý. Có lẽ để an ủi tôi, ông nói rằng cho dù điều xấu nhất có thể xảy ra và nếu chúng ta phải rút đi trước sự chiến thắng của kẻ thù, tôi còn có thể đòi quyền tự hào là đã ra khỏi cuộc chiến tranh bằng cách rút năm trăm nghìn binh sĩ trong danh dự và an ninh trọn vẹn. Nhiều người sẽ biết ơn

tôi về việc này, và mọi người sẽ vui mừng vì chiến tranh đã chấm dứt để có thể đối mặt với tình hình nội bộ.

Những viễn cảnh ấy dường như với tôi quá đen tối nên tôi không chú ý tới nó. *“Trong trường hợp thất bại, tôi cóc cần những phản ứng nội bộ - Tôi nói - Vì trong trường hợp này sẽ không còn cần giữ chức vụ này của tôi nữa. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sẽ bị tiêu diệt và người Xô viết sẽ có bằng chứng để có thể đi tới cũng bằng cách sử dụng sức mạnh vũ khí trong các nước thế giới thứ ba”.* Tôi khẳng định mạnh mẽ rằng thất bại không phải là một sự lựa chọn mà cũng không nên nghĩ tới.

Tôi ghi lại các điều tôi suy nghĩ về sự tiến triển của các sự kiện ở Việt Nam.

“Trích từ Nhật ký:

Đó là một sự mỉa mai của số mệnh: số phận chúng tôi lại có thể ở trong tay những người Nam Việt Nam mới lạ chứ.

Nếu chúng ta thất bại, điều đó xảy ra là vì cách giúp đỡ của các nước ngoài của Mỹ không hiệu quả bằng cách làm của cộng sản. Tôi thực đau lòng nhận ra điều đó. Chúng ta đã cho họ vũ khí hiện đại nhất, chúng ta nhấn mạnh rằng vật chất thắng tinh thần và có thể vì vậy chúng ta đã làm cho họ nhu nhược đi thay vì phải làm cho họ cứng rắn lên trong chiến đấu.

Còn ở bên kia, họ lại nhấn mạnh đến sự cần thiết của một lối sống khắc khổ, đến tinh thần hy sinh v.v... mà rất ít nhấn mạnh đến vật chất như chúng ta. Nhưng đồng thời khi Liên Xô viện trợ cho họ một lượng khổng lồ đạn dược, đại bác và mọi phương tiện khác thì họ đã có nhiều lợi thế trên thực địa.

Có thể hôm nay tôi đã quá nài ép và tàn nhẫn đối với Henry, nhưng tôi cũng chán ngấy sự bất tài của các nhà quân sự đến mức tôi phải buộc tội ai đó. Và còn Henry, với tất cả tâm trí luôn luôn lo tập trung chuẩn bị con đường đi tới những cuộc đàm phán với những người Xô viết. Nhưng dụng dẫu với công việc, ông ta mới hiểu ra rằng không một cuộc đàm phán nào với Moscou có thể đạt được kết quả nếu chúng ta không đi ra khỏi vấn đề Việt Nam cho thật đẹp.

Điều quan trọng thật sự hôm nay là cách thức để mọi sự đi đến kết thúc. Haldeman và Henry nghĩ, có lẽ cả hai cùng nghĩ tôi cho là sai - rằng chúng ta có thua ở Việt Nam thì chúng ta sẽ có thể vẫn sống mãi về mặt Chính trị. Nhưng tôi không còn có chính sách đối ngoại nào đáng tin nữa và tôi sẽ phải nhận trách nhiệm về sự tiến triển này và về mọi mặt thiệt hại”.

... Những tuần lễ tiếp theo, chúng tôi tiếp tục chính sách áp lực phối hợp quân sự với Bắc Việt Nam, áp lực ngoại giao với Liên Xô. Trong thời gian ấy những dự kiến về cuộc gặp thượng đỉnh vẫn tiếp tục, tôi đã quyết định dứt khoát không chấp nhận sự hư cấu của người Xô viết rằng họ không thể coi như không có trách nhiệm về những việc Bắc Việt Nam đã làm.

Để có sức nặng quân sự cần thiết, tôi tin chắc rằng những cuộc ném bom trước đây mới chỉ đánh vào phần phía nam của Bắc Việt Nam thì nay Hải Phòng

- Nguy cơ tổn thất nhân lực vật lực và số tù binh bị bắt ở những vùng được phòng thủ đặc biệt mạnh này là rất lớn. Laird bày tỏ nỗi lo lắng của mình vì biết chắc rằng Quốc hội sẽ nổi cơn lôi đình do đợt ném bom ô ạt mới trong khi Roger lại sợ rằng người đứng đầu Liên Xô sẽ không nhượng bộ về chuyện này. Nhưng tôi lại nghĩ rằng phải làm, thế nên tôi đã chuẩn y các kế hoạch của chiến dịch: "*Freedom Porch Bravo*" một ngày cuối tuần không tập ô ạt bằng B-52 nhằm triệt phá các kho xăng ở ngoại vi Hà Nội và Hải Phòng, nguồn cung cấp chất đốt cho cuộc tấn công miền Nam. Chiến dịch không tập đã thành công trọn vẹn và ngày chủ nhật 16 tháng 4, tôi nói với Haldeman: "*Thế là, chúng ta đã thực sự để lại cho họ tám danh thiếp của chúng ta vào ngày cuối tuần đấy*".

Trong thời gian nghỉ họp, ngày 15 tháng tư bỗng xảy ra một tình huống nghiêm trọng: những người Bắc Việt Nam đã tuyên bố hủy bỏ phiên họp ở Pari đã được dự kiến vào ngày 24. Đây chính là phiên họp mà những người Xô viết đã cho biết là phiên này có thể quyết định con đường đi tới giải pháp. Tôi nói với Kissinger rằng ông ta phải hoãn chuyến đi Moscou cho tới khi chúng ta tìm ra được trò gì họ đang diễn đây.

Kissinger phàn nàn với Dobrynine là chúng tôi đã tin tưởng vào ông ta về cuộc hội đàm này mà việc họ hủy bỏ nó đã tạo nên nhiều khó khăn nghiêm trọng cho chuyến đi trước Hội nghị thượng đỉnh này của ông ta. Kissinger còn nói thêm: "*Tổng thống bản khoản không biết tôi có thể đạt được những tiến bộ gì ở Moscou nếu chính Liên Xô cũng không thể bảo đảm được một cuộc họp với người Bắc Việt Nam vào ngày đã thỏa thuận*".

Tối hôm đó, tôi ghi lại những phỏng đoán của mình:

Trích nhật ký

Rõ ràng Henry nhận xét rằng đây là một cuộc khủng hoảng rất nghiêm trọng. Về hình thức tôi cảm ông ta đi Moscow vì các kiểu tình huống như thế này. Điều người Nga mong muốn chính là dụ ông ta đến Moscow để thảo luận về Hội nghị thượng đỉnh. Điều chúng ta muốn lại ông ta đi Moscow để thảo luận về Việt Nam. Tôi biết được rằng ông ta phật ý vì ông rất nóng lòng muốn đi Moscow vì lý do này hoặc lý do kia. Ông đã vui lòng tuân theo. Lúc ấy tôi bảo ông rằng chúng ta phải xem xét lựa chọn kế hoạch thiết lập một cuộc phong tỏa. Ông đã theo tôi đến tòa nhà Hành pháp. Chúng tôi đã đi một đường vòng rộng quanh bãi cỏ bởi vì có nhiều toán du khách mà tôi thì không có hào hứng nói chuyện với bất kỳ ai.

Buổi chiều tôi đã có một cuộc nói chuyện rất cởi mở với Henry về viễn cảnh tương lai của chúng ta. Tôi đã nói chuyện với ông ta rằng chúng ta sẽ hủy bỏ Hội nghị thượng đỉnh và chúng ta sẽ nện mạnh Việt Nam, kể cả phong tỏa".

... Sau bữa tiệc chào mừng tổ chức các nước Châu Mỹ một sĩ quan tùy tùng đến báo cho tôi biết có một cú điện thoại của Kissinger, ông ta nói với tôi rằng Dobrynine nóng lòng muốn ông đi Moscou còn nói Việt Nam sẽ là đề tài số một

trong chương trình nghị sự, cũng nói thêm việc Bộ trưởng Ngoại giao Bắc Việt Nam đã có mặt.

Tôi nói với Kissinger rằng tôi đã cân nhắc lại tình hình nên tôi nghĩ rằng chúng ta phải giữ một cái nhìn hướng về Hội nghị thượng đỉnh. Cần phải có trong tay mọi con chủ bài để đàm phán trong những điều kiện tốt nhất có thể có. Vậy thì Kissinger phải đi Moscow.

Ngày hôm sau các máy bay ném bom của ta vô tình đánh trúng bốn tàu vận tải Liên Xô đang neo đậu trong cảng Hải Phòng. Ngay lập tức người Xô viết phản đối các "hành động kẻ cướp" của chúng ta. Một trong các phụ tá của Dobrynine trao cho một trợ lý của Kissinger một công hàm báo cho biết rằng người Xô viết sẽ dùng "mọi biện pháp thích hợp" để bảo vệ các con tàu của họ "bất kỳ chúng ở đâu". Một kháng nghị bằng miệng được đưa ra, rồi một tương tự được trao cho đại sứ của chúng ta ở Moscow. Trên quan điểm ngoại giao, thật là thú vị và quan trọng là những kháng nghị này lại tương đối ôn hòa.

Tôi ra chỉ thị duy trì lập trường tuyệt đối cương quyết của chúng ta. Vũ khí Xô viết đã làm cho cuộc tấn công của Bắc Việt Nam thành khả năng và tôi không sẵn sàng để cho người Nga thoát khỏi khó khăn bằng cách giữ thế thủ trong tình trạng này.

Trước khi đi Moscow, Kissinger đã gửi cho tôi một cuốn sổ tay ghi chép các chiến lược mà ông ta định tuân theo trong những cuộc hội đàm. Khi đọc cuốn sổ tôi có cảm giác rằng vấn đề này không phản ánh giống như những chỉ thị của tôi là phải nhấn mạnh về sự cần thiết của một giải pháp về Việt Nam là tiên quyết trong toàn bộ cuộc thảo luận. Ở cuộc hội kiến cuối cùng trước lúc ông ra đi, tôi cũng nói với Kissinger rằng nếu người Nga không khoan nhượng về điểm này, thì ông ta phải cầm lấy mũ và bỏ đi.

Trong cuộc nói chuyện đầu tiên của họ, Brejnev cam đoan rằng Chính phủ Xô viết không có ảnh hưởng quá nhiều đến Hà Nội như chúng ta tưởng. Người Xô viết đã từ chối giải quyết mọi vấn đề mới nào về dụng cụ quân sự từ Bắc Việt Nam mang vào. Khi Kissinger nhắc ông ta về hàng ngàn tấn dụng cụ người Nga đã chuyển vào thì ông ta khẳng định rằng nước ông ta chưa hề cung cấp nhiều đến thế. Rốt cuộc, Brejnev khước từ tác động với Hà Nội một áp lực nhỏ nhất nào nhằm giảm bớt dần các trận đánh hoặc đi tới một thỏa thuận cuối cùng. Nhiều nhất thì ông ta chỉ có thể nói với Hà Nội nên tuân theo những đề nghị cuối cùng của chúng ta, mặc dầu ông ta chờ mong một phản ứng chối từ. Chúng ta không mong gì có được những bảo đảm trước của người Xô viết theo đó cuộc gặp dự kiến tại Paris vào ngày 24 tháng tư hẳn là sẽ đạt thành công trong công cuộc đàm phán của chúng ta.

... Hai ngày sau khi Kissinger về nước, tôi quyết định đọc một bài phát biểu ngắn trên ti vi thông báo một đợt rút quân tại Việt Nam. Tôi nghĩ rằng một cuộc giảm lực lượng mới của ta làm cho nguyện vọng hòa bình của chúng ta trở nên rõ ràng. Vì lẽ đó tôi đã thông báo rằng hai mươi nghìn người sẽ rời khỏi Việt Nam

trong vòng hai tháng tới, giảm số quân của chúng ta xuống bốn mươi chín nghìn người vào ngày 1 tháng bảy năm 1972.

Tôi mô tả tình hình tại Việt Nam bằng những lời lẽ đơn giản nhất. Tôi cũng tuyên bố rằng những cuộc ném bom Bắc Việt Nam sẽ tiếp diễn cho tới khi ngừng cuộc tấn công quân sự. *"Tôi đã dứt khoát không chịu đề nghị nói lại đàm phán và quyết không ngừng ném bom. Năm 1968 người ta đã chơi trò lừa này với chúng ta, năm 1972 này chúng ta nhất định không mắc lại trò ấy một lần nữa"*.

Đây là một bài diễn văn kiên quyết. Nhưng sau đó tôi tiếc là đã không kiên quyết nhiều hơn nữa!... Người Bắc Việt Nam chấp nhận ngày 2 tháng năm cuộc gặp đã dự kiến vào ngày 24 tháng tư. Ngày 30 tháng tư, Pat và tôi đến dự một cuộc liên hoan thịt nướng tại trại chăn nuôi John Connally ở Texas. Tôi nói vài câu và trả lời vài câu hỏi. Một ông khách hỏi tôi rằng tôi có nghĩ đến việc giới bom xuống các con đê ở Bắc Việt Nam không. Tôi đáp, tất nhiên là nghĩ tới, nhưng vì việc đó có thể dẫn đến vô số nạn nhân dân thường. Tôi nói tiếp: *"Chúng ta đã sẵn sàng dùng các lực lượng quân sự và hải quân đánh vào một mục tiêu quân sự ở Bắc Việt Nam, và chúng ta tin rằng người Bắc Việt Nam sẽ có nguy cơ rất lớn nếu họ tiếp tục tấn công vào miền Nam. Tôi sẽ dừng lại ở đó và tôi để cho họ lựa chọn con đường của họ"*.

Tháng 5 năm 1972

Ngày 1 tháng năm, khi Kissinger sắp đi Paris thì tôi nhận được một lá thư của Brejnev, thư này làm gia tăng nỗi lo sợ của tôi: tôi đã không thuyết phục nổi ông ta về ý chí bất di bất dịch của chúng ta về tình hình Việt Nam. Ông ta chỉ một mực yêu cầu tôi tránh nói tới bất kỳ hành động quân sự nào mới bởi vì nó sẽ gây nguy hại cho các cơ hội thành công của Hội nghị thượng đỉnh của hai chúng tôi.

Kissinger tập trung hoàn toàn vào các kế hoạch chiến lược cho cuộc hội kiến với Lê Đức Thọ ngày 2 tháng năm. Tôi dành nhiều giờ để cố đạt tới một thỏa thuận cùng với ông ấy về đường lối ông ta phải chấp nhận.

Cuối buổi chiều, sau cuộc họp một giờ rưỡi về vấn đề S.A.L.T, Kissinger quay lại văn phòng tôi, tại đây tôi vừa mới tiếp Haldeman. Ông vừa mới nhận được một thông điệp. *"Đó là của Abrams - Ông nói - Quảng Trị đã rơi vào tay cộng sản. Trận đánh chiếm Huế đang bắt đầu"*.

Chúng tôi yên lặng một lúc lâu, trong khi đó ông ta đọc văn kiện *"Abrams thông báo cho chúng tôi rằng mất Quảng Trị không quan trọng ngoại trừ do tác động rõ rệt mà nó có thể có đối với tinh thần người Việt Nam, nhưng thất thủ Huế sẽ là một đòn hết sức nghiêm trọng"*.

- Ông ta còn nói gì nữa?

- Ông ta cho rằng phải báo cáo cho chúng ta biết (Kissinger dọn giọng) rằng rất có thể là những người Nam Việt Nam đã mất hết ý chí chiến đấu hoặc cũng nói rằng có lẽ tất cả đều tuyệt vọng.

Tôi gần như không thể tin vào tai mình. Tôi cầm lấy bức điện và đọc.

Làm sao điều đó có thể xảy ra được?

- Những người Nam Việt Nam thật kỳ lạ - Kissinger liên tưởng - Họ rất háng hái trong vòng một tháng rồi thì họ buông trôi tất cả. Khủng hoảng tích lũy lại trong vòng một tháng và bây giờ họ mỗi giờ một thua thêm.

- Theo ý kiến tôi dù bất kỳ việc gì xảy ra, thì trong các cuộc đàm phán vẫn không được thay đổi gì cả - Tôi nói - Tôi không muốn nhượng bộ người Bắc Việt Nam chút nào. Do những tin tức như thế này, họ sẽ bốc lên như diều. Ông sẽ phải kéo họ xuống đất bằng cách ứng xử của mình. Không đa cảm, không nhả nhận, không lịch sự. Vậy chúng ta sẽ cho các ông bạn Xô viết của chúng ta biết rằng tôi đã sẵn sàng bỏ rơi Hội nghị thượng đỉnh, nếu như đó chính là cái giá họ muốn bắt ta phải trả. Trong bất kỳ trường hợp nào, tôi cũng sẽ không đến Hội nghị thượng đỉnh nếu như chúng ta vẫn còn gặp những khó khăn ở Việt Nam.

Vì vậy tôi nghĩ tới một khả năng bị thảm. Có thể tưởng tượng đường rằng toàn bộ miền Nam Việt Nam bị sụp đổ. Lúc đó chúng ta sẽ không còn một lựa chọn nào khác là áp đặt một cuộc phong tỏa đường biển để đòi trả các binh sĩ của ta bị địch bắt.

- Và trong trường hợp này chúng ta cũng sẽ bị thất bại - Tôi nói với Haldeman và Kissinger.

- Và trong trường hợp ấy - Kissinger rầu rĩ bổ sung - thì chúng ta sẽ phải chuẩn bị đón nhận điều tệ hại nhất.

... Trong khi chúng tôi đang bàn về việc kế nhiệm của J. Edgar Hoover đã mất ngày 2 tháng năm, thì tôi nhận được một báo cáo của Kissinger về cuộc hội kiến cùng ngày của ông với những người Bắc Việt ở Paris. Những người Cộng sản ấy lạnh nhạt và gây gổ. Sau ba giờ liền Kissinger kết thúc phiên họp.

Trích nhật ký

Tôi đã nhận thấy không chút ngạc nhiên rằng người Bắc Việt không hề nhượng bộ và chuyển đi này là chuyển bất lợi nhất trong các chuyển đi mà Henry đã tiến hành. Đây là một trong các điểm yếu về thái độ của ông đối với một số các vấn đề như thế. Ông rất dễ bị ám ảnh bởi một ý tưởng là có thể có ở đó một giải pháp qua thương lượng và chúng ta có thể giành được kết quả thương lượng với tất cả những gì mà chúng ta đã khởi động, ông ta không sao hiểu được tại sao phía bên kia lại không quan tâm đến đàm phán trong lúc này. Tôi đã nói chuyện rất lâu với Henry. Chúng tôi đã đi tới kết luận rằng có lẽ tốt hơn là nên có các cuộc không tập liên tục trong hai ngày liền còn hơn là suốt hai ngày như Henry đã khuyến khích công việc đàm phán vào đầu tuần. Chúng ta có rất ít con bài để chơi vào lúc này.

Tôi gửi cho Henry một bức thư khuyên ông ta phải suy nghĩ kỹ càng trong khi đi đường về nước để báo hủy bỏ Hội nghị thượng đỉnh trước khi người Nga địch thân làm việc đó.

Đối với Haig điều còn quan trọng hơn những gì sẽ xảy ra ở Việt Nam là hành động thế nào để đảm bảo cho tôi giữ nguyên chức vụ. Tôi không tin chắc là điều đó có thể làm được. Dù thế nào đi nữa tôi đã hoàn toàn bị gắn vào một nguyên tắc: tốt hơn hết là ra đi như Johnson đã làm, tôi phải có những lựa chọn cần thiết cho dù chúng khó khăn thế nào và phải nhận lấy mọi rủi ro cần thiết để giữ vững địa vị của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Rõ ràng mất xích yếu nhất trong chuỗi dây chuyền là vấn đề phải biết Nam Việt Nam có ý chí chiến đấu hay không. Abrams chắc chắn đã bị dao động về tình hình này như một sự so sánh giữa bản báo cáo ngày 1 tháng năm và báo cáo tuần trước đó của ông ta đã chứng minh điều đó. Tôi đã nói điện thoại với Thiệu để giữ vững hy vọng vì tôi cho rằng chúng ta không chịu trách nhiệm về sự suy sụp tinh thần của ông ta vào lúc hết sức khó khăn này, khi mà những tin tức xấu sẽ ảnh hưởng tới mặt trận. Về vấn đề đích thực là kẻ địch thì sung sướng hy sinh để chiến thắng còn người Nam Việt Nam lại không sẵn sàng trả cùng một giá như thế để tránh thất bại. Như Haig nhận xét, tất cả những cuộc tập kích đường không trên thế giới và tất cả các cuộc không tập tại Hà Nội và Hải Phòng sẽ không cứu nổi Nam Việt Nam, nếu quân đội nước này không thể đứng vững trên thực địa.

Khi từ Paris trở về chiều hôm đó, Kissinger rất chán nản trước thái độ của Lê Đức Thọ. Ông ta cho rằng không còn cơ hội nào để cho Hội nghị thượng đỉnh có thể diễn ra và ông cũng đã đồng ý với ý kiến của tôi là chúng ta phải hủy bỏ ngay lập tức hội nghị này trước khi người Nga làm việc đó.

Chúng tôi thảo luận vấn đề chủ yếu: Phải chắc chắn việc hủy bỏ Hội nghị thượng đỉnh sẽ là biện pháp để thắng chiến tranh? Liên Xô có vì việc hủy bỏ ấy mà bị tác động đi tới gây áp lực với Bắc Việt Nam? Việc hủy bỏ ấy có cho phép chúng ta vứt bỏ mọi hạn chế và ném bom Bắc Việt cho đến lúc họ phải nhượng bộ? Chúng tôi đồng ý với nhau là điều đó ít khả năng. Như vậy thì tôi kết luận, phải xem xét kỹ những vấn đề nảy sinh do việc hủy bỏ đó.

... Tôi quyết định mạo hiểm hoãn quyết định của tôi lại vài ba ngày. Trong khi chờ đợi tôi quyết tâm giữ vững một thái độ mạnh, bất chấp mọi thất bại. Tôi bắt đầu gửi cho Brejnev một bức thư trả lời thô bạo cho bức thư ngày 1 tháng năm của ông ta trong đó có kể về việc ông ta đã chống lại các sáng kiến về Việt Nam của tôi, điều đó có thể bất lợi cho các cơ hội của Hội nghị thượng đỉnh. Tôi nói rằng người Bắc Việt Nam đã lường gạt chúng tôi và họ mong muốn cuộc tấn công của họ sẽ buộc chúng tôi phải nhượng bộ họ.

"Nhưng thưa ngài Tổng Bí thư, điều đó sẽ không xảy ra và bây giờ tôi phải quyết định sử dụng các biện pháp trong tình hình do họ đã gây ra. Qua những biến cố mới đây có lẽ chúng ta không thể mong chờ vào một kết quả, nên phải báo tin cho ngài biết về những điều nhận xét khác: không có bất kỳ lý do nào để tin rằng những điều này có thể có một tác động tích cực đến tình hình. Như ông Lê Đức Thọ đã giải thích rõ ràng, Hà Nội giải quyết vấn đề bất chấp mọi thông

tin do phe thứ ba truyền cho họ. Vấn đề tồn tại là trang bị quân sự của Nga cung cấp cho Cộng hòa dân chủ miền Bắc lý do của các sáng kiến của họ và ảnh hưởng to lớn của Liên Xô trong chừng mực được vận dụng là uống công vô ích”.

... Theo ý tôi, điều cốt tử là phải có các biện pháp quyết định để làm tê liệt cuộc tấn công của Bắc Việt Nam: phải ngăn cấm việc tiếp tế nhiên liệu và nhu yếu phẩm cho Bắc Việt Nam, không để chúng tiếp tục tiến công vào miền Nam Việt Nam. Tôi hạ lệnh chuẩn bị một cách thích đáng và ngay lập tức những kế hoạch để đặt mìn phá cảng Hải Phòng và oanh tạc các mục tiêu quân sự của Hà Nội chủ yếu là đường sắt dùng để vận chuyển hàng quân sự.

Tôi đến Trại David để chuẩn bị bài diễn văn thông báo quyết định của tôi.

... Sáng thứ hai, tôi thông báo cho Hội đồng An ninh Quốc gia rằng tôi đã quyết định cứ thẳng mà tiến bằng các trận ném bom và đánh mìn phong tỏa, tôi cũng còn thông báo quyết định của tôi qua một bài phát biểu trên truyền hình cũng chiều hôm đó!

... Dấu hỏi lớn nhất về phản ứng của Liên Xô. Sáng thứ hai tôi gửi một bức thư bốn trang cho Brejnev giải thích điều tôi đã quyết định thực hiện và tại sao làm thế. Tôi khẳng định lại rằng tôi đã rất quan tâm phát triển các quan hệ mới có lợi cho hòa bình của hai nước, nhưng tôi quyết không cho phép Bắc Việt Nam buộc chúng tôi phải rời bỏ con đường mà hai nước chúng ta đã chọn.

... Kissinger đã mời Dobrynine đến Nhà Trắng trước khi tôi đọc lời phát biểu ít lâu. Khi Kissinger báo cho ông khách biết vấn đề tôi sắp nói thì Dobrynine trở nên vô cùng bối rối: *“Tại sao các ông chống lại chúng tôi trong khi chính Hà Nội mới là kẻ thách thức các ông?”* - Ông ta hỏi.

Kissinger vẫn hoàn toàn im lặng.

Dobrynine nói rằng ông ta không hiểu tại sao mà việc nói chuyện lại trở nên tồi tệ nhiều đến thế...

Tôi đọc bài phát biểu của tôi lúc chín giờ tối. Sau khi đã mô tả tình hình quân sự và sự bế tắc của các cuộc đàm phán, tôi nói: *“Chỉ có một cách ngừng chém giết, đó là ngăn vũ khí chiến tranh không cho đến tay Bắc Việt Nam. Tôi đã hạ lệnh sử dụng các biện pháp sau đây, và đang được thi hành trong lúc tôi đang nói chuyện với các bạn. Mọi đường vào các cảng của Bắc Việt Nam sẽ bị đặt thủy lôi để chặn đường đi vào đó và cấm mọi hoạt động của các tàu thuyền của Bắc Việt Nam từ các cảng đó đi ra. Các lực lượng Hoa Kỳ sẽ dùng mọi biện pháp thích hợp tại các vùng nước nội thủy và các vùng đất của Bắc Việt Nam để cấm giao mọi hàng tiếp tế. Giao thông bằng đường sắt hoặc các đường khác sẽ bị cắt đứt tối đa. Các cuộc đột kích và tấn công của không quân và hải quân Mỹ chống các mục tiêu quân sự của Bắc Việt Nam sẽ được tiếp tục”.*

Tiếp đó tôi đưa ra một kế hoạch hòa bình mới. Nó trở thành văn kiện tham khảo cho các điều kiện về giải pháp cuối cùng sẽ xảy ra vào tháng giêng như sau:

“Trước tiên, mọi tù binh Mỹ phải được phóng thích”.

“Tiếp đó, phải có một cuộc ngừng bắn dưới sự kiểm soát quốc tế trên toàn cõi Đông Dương”.

“Một khi các tù binh được trao trả và sau khi bắt đầu ngừng bắn dưới sự kiểm soát quốc tế, chúng tôi sẽ chấm dứt mọi hoạt động vũ lực trên toàn Đông Dương, và chúng tôi sẽ tiến hành việc rút hoàn toàn khỏi Việt Nam toàn bộ các lực lượng Mỹ trong một thời hạn là bốn tháng”.

Đó là những điều kiện hào phóng, những điều kiện không đòi hỏi đầu hàng hoặc sỉ nhục ai cả... Chúng đáng được chấp nhận thỏa thuận ngay lập tức của Bắc Việt Nam”.

Tôi kết thúc bằng bức thông điệp - bằng lời lẽ rất nặng cân - mà tự tay tôi đã thảo ra gửi đến địa chỉ Liên Xô.

“Chúng tôi đang chờ xem các ngài giúp đỡ đồng minh của các ngài, và ngài cũng không thể làm khác là chờ xem chúng tôi ủng hộ đồng minh của chúng tôi... Hai nước chúng ta đã có nhiều tiến bộ quan trọng trong các cuộc đàm phán trong mấy tháng qua. Chúng ta đã ký kết được nhiều hiệp ước quan trọng về hạn chế vũ khí hạt nhân, về thương mại, và nhiều vấn đề khác nữa. Chúng ta đừng quay lại với cái bóng đen của một thời đại đã qua. Chúng tôi không yêu cầu các ngài phải hy sinh các nguyên tắc của mình hoặc bạn bè mình, nhưng các ngài không nên cho phép Hà Nội thủ tiêu không khoan nhượng mọi triển vọng mà chúng ta đã cùng nhau dày công chăm chút”.

Hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất

... Kissinger và tôi ngồi ở một bên bàn cùng với Winston Lord và John Negroponte của Hội đồng An ninh Quốc gia đối diện với Brejnev, Kosyguine, Podgorny và Sukhodrev. Trong suốt ba giờ liên tục, những người Xô viết giội bom xuống tôi bằng lời lẽ trách móc cay đắng và bực bội về vấn đề Việt Nam. Tôi thoáng nghĩ tới Tiến sĩ Jekull và ngài Hyde khi Brejnev vừa mới vỗ lưng tôi cười đùa xong, đã bắt đầu lớn tiếng giận dữ nói rằng đáng lẽ tôi phải thành thực cố gắng chấm dứt chiến tranh thì tôi lại sử dụng người Trung Quốc làm lý do để bắt buộc người Xô viết phải can thiệp giúp người Bắc Việt Nam. Họ bản khoán tự hỏi phải chăng ngày 8 tháng năm tôi đã hành động do ảnh hưởng của một cơn nổi giận thiếu suy nghĩ, vì không nghi ngờ gì nữa, nếu tôi thật sự mong muốn hòa bình thì tôi có thể đã có được một giải pháp mà không cần sự giúp đỡ của ai cả. *“Rất đáng ngờ là tất cả những người Mỹ lại là những kẻ tán thành chiến tranh tại Việt Nam - Ông ta nói tiếp - Tôi không cho rằng các gia đình những người bị giết, bị thương hoặc bị tàn phế suốt đời sẽ ủng hộ cuộc chiến tranh này”.*

Lúc Brejnev có vẻ sắp hết hơi thì Kosyguine tiếp lời:

- Thưa ngài Tổng thống, tôi cảm thấy rằng ngài đánh giá quá cao khả năng giải quyết vấn đề Việt Nam trong điều kiện hiện nay xuất phát từ một quan điểm dùng bạo lực. Có thể đi tới một lúc quyết định đối với người Bắc Việt Nam, buộc họ chấp nhận sự chi viện của quân đội nước ngoài ở bên cạnh họ.

Họ nói về điều đó mạnh - quá mạnh. Do đó lần đầu tiên, tôi trở nên danh thếp: *"Kiểu đe dọa này không làm chúng tôi sợ đâu! Cứ tiếp tục đi! Nói nữa đi nào!"*.

- Đừng nghĩ là ngài có lý để tin rằng điều chúng tôi nói là một lời đe dọa còn điều các ngài nói lại không phải như thế - Kossyguine lạnh lùng vặn lại - Đây là một sự phân tích về những điều có thể xảy ra và nó còn nghiêm trọng hơn một lời đe dọa rất nhiều.

Kossyguine dường như huy động hết sức mình để tập trung lòng khinh miệt vào Tổng thống Thiệu mà ông gọi là *"một Tổng thống nguy tạo, đúng hơn là một tên tay sai"*. Khi tôi tiếp tục không tỏ ra bất kỳ một phản ứng nào thì Kossyguine bắt đầu mất bình tĩnh:

- Phải chăng ngài cần giữ lại Tổng thống mạo xưng của miền Nam Việt Nam, một kẻ mà ngài gọi là Tổng thống ấy, hấn ta không được ai bầu? - Ông ta hỏi tôi.

- Thế ai bầu Chủ tịch Bắc Việt Nam? - Đến lượt tôi, tôi hỏi.

- Nhân dân cả nước! - Ông đáp.

- Tiếp tục đi! - Tôi nói.

Khi Kossyguine nói xong, đến lượt Podgorny. Giọng ông này thân mật hơn, nhưng lời lẽ cũng cứng rắn như thế. Trong khi Podgorny và Kossyguine thay nhau công kích tôi, thì Brejnev đi dạo, hết dọc đến ngang.

Sau hai mươi phút, Podgorny dừng đột ngột và Brejnev nói mấy lời. Im lặng. Đã gần mười một giờ. Tôi cảm thấy trước khi cuộc hội đàm kết thúc, tôi phải cho họ biết lập trường chính xác của tôi.

Tôi nhắc lại rằng tôi đã rút khỏi Việt Nam năm trăm nghìn người. Tôi đã chứng tỏ là đã nhẫn nại đến cực độ bởi vì tôi không muốn làm thương tổn đến Hội nghị thượng đỉnh trong khi Bắc Việt Nam tập trung quân đội để mở một cuộc tấn công vào tháng ba. Nhưng khi người Bắc Việt Nam tràn vào Nam Việt Nam, tôi không còn cách lựa chọn nào khác hơn là phản ứng một cách mạnh mẽ. Tôi trình bày thêm cho đến cùng...

Lối mở cho vấn đề Việt Nam

Như điều chúng ta hằng mong đợi, mùa hè năm 1972 lại có một loạt thủ đoạn tuyên truyền nữa đến từ Hà Nội, trong một nỗ lực khai thác dư luận công chúng Hoa Kỳ. Lần này họ dùng câu chuyện bịa đặt về các máy bay ném bom Mỹ chủ tâm đánh phá hệ thống đê điều miền Bắc Việt Nam để giết hại một số lớn dân thường bằng nạn lụt do hậu quả của chủ trương đó. Các thủ lĩnh của những người chống chiến tranh chấp nhận những điều khẳng định này mà không có mấy may tinh thần phê phán. Teddy Kenedy lên án chúng tôi điều hành một *"Chính sách cố tình oanh tạc các con đê"*.

Trong một cuộc họp báo của tôi, tôi cố tình đưa ra ít một thành tố logic trong việc xem xét lời buộc tội này: nếu quả như chúng tôi định cố tình oanh tạc các con đê và các con đường đê thì chúng tôi đã có thể phá hủy hoàn toàn hệ thống

này trong một tuần lễ rồi. Nhưng mặc cho những lời khẳng định có tính tuyên truyền đó, không có một con đê quan trọng nào bị trúng bom và không có các vụ lụt lớn nào.

Ngày 22 tháng bảy, cựu Bộ trưởng Tư pháp Ramsey Clark người mà Mc Govern đánh giá là *"hoàn toàn đủ tư cách để lãnh đạo FBI nếu muốn định làm việc đó"* đã đi Hà Nội dưới sự bảo trợ của một nhóm nhà điều tra Thụy Điển về *"tội ác chiến tranh của Hoa Kỳ"*. Ông ta đã có một cuộc phát thanh trên đài Hà Nội tuyên bố rằng các cuộc ném bom của chúng ta phải ngừng ngay. Ngày 12 tháng tám ông nói với các phóng viên rằng ông đã đến thăm một trại tù binh và ông đã thấy họ mạnh khỏe *"khỏe hơn tôi rất nhiều mà tôi lại là người khỏe mạnh"*. Khi ông ta trở về Washington, Teddy Kennedy mời ông ta đến điện Capitoles để chứng minh về sự đối xử tốt mà các tù binh chúng ta được hưởng.

... Sau ba năm nghèn lổ, các kênh thông tin riêng giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt Nam bất ngờ hoạt động sôi nổi trong tám tháng năm 1972. Có lẽ Cộng sản cũng đã có kết luận rằng Mc Govern không còn cơ hội nào nữa. Hơn nữa họ đang lo lắng về những cuộc tiếp xúc của chúng ta với Bắc Kinh và Moscou, các tiến bộ của Việt Nam hóa chiến tranh.

Trong một phiên họp hai ngày, 26 và 27 tháng chín, Bắc Việt Nam đưa ra một kế hoạch mười điểm. Dù có một chút hòa giải hơn thời gian trước, kế hoạch ấy vẫn chưa thể chấp nhận được về mặt chính trị và quân sự. Lần gặp sau dự định vào ngày 8 tháng mười sẽ quyết định để biết liệu một giải pháp có thể đạt được trước ngày bầu cử mồng 7 tháng mười một không. Tôi không lạc quan về mặt này, nhưng tôi quyết định dùng áp lực tối đa.

Khi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Xô viết Andrei Gromyko đến Washington để ký hiệp ước SALT ngày 3 tháng mười, tôi mời ông ta đến Trại David. Khi ông ta tiếp tục dùng điệp khúc muôn thuở về chuyện các quan hệ Mỹ - Xô có thể sẽ được cải thiện nếu vấn đề Việt Nam không còn nữa, thì tôi nói với ông ta rằng Kissinger sẽ quay lại Paris tuần sau, ông ta sẽ đặt lên bàn đàm phán bản đề xuất cuối cùng mà chúng tôi đã có ý định hành động. Nếu người Bắc Việt Nam nói không thì cuộc đàm phán sẽ kết thúc và chúng tôi sẽ phải xem xét đến những cách khác sau bầu cử.

Haig đi Sài Gòn để chuẩn bị cho Thiệu về một cách xếp đặt của cộng sản, có thể thật sự xảy ra, phải xử lý, và về những khó khăn sẽ biểu hiện trong dư luận công chúng Mỹ nếu Thiệu được coi như là kẻ ngăn chặn khả năng hòa bình.

Thiệu đã bị sốc, cay đắng về vấn đề Kissinger, cuối cùng rơm rớm nước mắt. Vị thế của ông ta có thể thông cảm được. Quân đội của Bắc Việt Nam gần như toàn bộ đã ở trên lãnh thổ ông ta sau khi đã xâm phạm khu phi quân sự. Tôi biết rằng thái độ của Bắc Việt Nam là hoàn toàn không thể chấp nhận: họ sẽ chỉ tuân theo hiệp định lâu dài khi sức mạnh của Nam Việt Nam và cách bố trí quân Mỹ đủ để trả đũa mới có thể buộc họ phải thi hành. Nhưng tôi lại nghĩ rằng nếu chúng ta có thể đàm phán một hiệp ước như chúng ta dự định thì các điều kiện

ấy có thể được đảm bảo. Tôi gửi cho Thiệu một thông điệp cá nhân: *"Tôi cam đoan vững chắc với ngài rằng sẽ không có một hiệp ước nào được ký kết và những điều kiện của nó không được bàn bạc trước với ngài"*.

Ngày 5 tháng mười, chúng ta đã được biết có một cuộc nói chuyện giữa Thủ tướng Bắc Việt Nam Phạm Văn Đồng và Tổng Đại diện Pháp tại Hà Nội. Lần đầu tiên ông Đồng đã tỏ ra lạc quan về triển vọng hòa bình. Ông ta đã công nhận rằng các chuyên viên của ông đã đánh giá cao khả năng của các chỉ huy đối phương trong chiến tranh và đã nói thêm là tôi có thể sẽ rảnh tay sau bầu cử.

Kissinger và Haig đến Paris hôm chủ nhật ngày 8 tháng mười. Báo cáo sơ bộ của họ về những ngày sau đề cao cuộc đàm phán căng thẳng nhưng không khép cửa trước hy vọng.

... Ngày 11 tháng mười, Kissinger chỉ báo cho biết rằng hai bên đã quyết định ngồi lại thêm một ngày nữa, có cảm giác là hai bên gần đạt đến một lối mở thông quyết định. Cũng trong ngày hôm ấy, các cuộc ném bom được tạm dừng trong một phạm vi mười sáu kilômet xung quanh Hà Nội.

Kissinger và Haig đã trở về Nhà Trắng ngày 12 tháng mười vào buổi chiều. Kissinger lập tức đến văn phòng tôi. Mở đầu bản báo cáo về đàm phán của mình, ông ta nở một nụ cười rộng rãi nhất mà tôi chưa bao giờ thấy: *"Thưa ngài Tổng thống, có vẻ như chúng ta đã đạt được một trăm phần trăm"*.

Sau khi đã tha hồ bày tỏ những lời công kích quen thuộc, Lê Đức Thọ đã đưa ra bản đề nghị, bản này đáp ứng gần như toàn bộ các yêu sách cơ bản của chúng ta: sẽ có một cuộc ngừng bắn, tiếp theo trong vòng sáu mươi ngày là việc rút các lực lượng Mỹ và trao đổi tù binh. Bắc Việt Nam không chấp nhận rút lực lượng khỏi Nam Việt Nam vì họ vẫn cho rằng nước Việt chỉ là một vì vậy bộ phận của họ không phải là quân đội nước ngoài như quân đội chúng ta. Cái kiểu chơi chữ này đã xúc phạm nặng nề đến Thiệu. Nhưng Kissinger đã thu được các điều kiện có thể đảm bảo được mục tiêu của chúng ta và của Thiệu, đồng thời cho phép Bắc Việt Nam giữ được thể diện: không bắt buộc họ phải rút quân nhưng các điều quy định của hiệp ước liên quan đến các vụ đổi quân thay phiên và việc đóng cửa biên giới Campuchia và Lào có thể sẽ cắt đứt các lực lượng này khỏi các căn cứ tiếp tế của họ và buộc các đơn vị đó phải, hoặc quay về miền Bắc, hoặc lụi tàn ở miền Nam. Cuối cùng Cộng sản đã từ bỏ đòi hỏi của họ về một Chính phủ liên hiệp và đã chấp nhận, để gỡ thế diện, thay thế điều đó bằng một Hội đồng Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc gồm các đại diện của Chính phủ của Việt cộng và của phe trung lập. Sự nhất trí này sẽ rất cần thiết cho các quyết định của Thiệu vì vậy Thiệu sẽ không thể bị cộng sản và những người ủng hộ họ đặt vào tình trạng thiếu số. Cũng bằng cách chứng tỏ như thế, Bắc Việt Nam đã từ bỏ đòi hỏi của họ về chuyện từ chức của Thiệu. Tất cả những điều quy định này tương đương với một hiệp ước đầu hàng hoàn toàn của kẻ địch: họ đã chấp nhận một giải pháp theo điều kiện của chúng ta.

Cũng có một điều quy định về nguyên tắc viện trợ của Mỹ về kinh tế cho Bắc Việt Nam mà theo ý tôi đây là bộ phận có ý nghĩa nhất của toàn bộ hiệp ước. Cộng sản làm bộ tuyên bố rằng đó là sự bồi thường cho cuộc chiến tranh mà họ buộc tội chúng ta đã gây ra đối với họ. Nhưng dù họ có giải thích thế nào đi nữa thì việc nhận tiền của Hoa Kỳ là biểu thị của một sự sụp đổ của nguyên lý cộng sản. Quan trọng hơn nữa, sự viện trợ của chúng tôi tạo cho chúng ta một biện pháp gây áp lực đối với Hà Nội càng ngày càng mạnh một khi nhân dân Việt Nam bắt đầu được hưởng thành quả hòa bình lần đầu tiên sau hai mươi năm.

... Kissinger đã hứa với người Bắc Việt Nam để báo cho họ biết phản ứng của tôi trong vòng bốn mươi tám giờ từ lúc ông trở về Washington. Ngày hôm sau, tôi đã ra lệnh cho Lầu Năm Góc giảm bớt các cuộc ném bom tại Bắc Việt Nam và buổi tối chúng tôi gửi một thông điệp cho Paris. *"Tổng thống chấp nhận dự thảo hiệp ước về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam, ngoại trừ một vài vấn đề kỹ thuật sẽ được thảo luận giữa Bộ trưởng Xuân Thuý và Tiến sĩ Kissinger ngày 17 tháng mười và với điều kiện là các sửa đổi chính thức tiếp sau, nếu thiếu điều đó, Hoa Kỳ sẽ không thể chấp nhận văn kiện này"*.

... Khi đến Sài Gòn, ngày 18 tháng mười, Kissinger là người mang lá thư của tôi đến cho Thiệu. Tôi viết cho ông ta: *"Tôi tin rằng ngài không có lựa chọn nào khác hơn là chấp nhận hiệp ước này"*. Và tôi bảo đảm với ông ta rằng tôi sẽ coi mọi thiếu sót của phía cộng sản như một sự thật cực kỳ nghiêm trọng.

Thiệu có vẻ lễ độ, nhưng thái độ miễn cưỡng. Trong một phiên họp toàn thể căng thẳng và sôi động của Hội đồng An ninh Quốc gia Việt Nam có các vị đại sứ đã tham dự các cuộc hội đàm Paris, Kissinger phải đối phó vất vả với các câu hỏi hoài nghi. Ông kể lại sau này rằng những người đứng đầu nam Việt Nam bộc lộ một nỗi sợ hãi trước tài năng khôn ngoan của những người Cộng sản và một sự thiếu vắng niềm tin vào bản thân mình. Rõ ràng là họ đã cảm thấy tâm thần hoảng loạn khi nghĩ tới sự biến mất cái dây rốn Mỹ.

... Ngày 20 tháng mười, chúng ta bắt đầu cuộc hành quân *"Enhance Plus"* nâng cao hơn (ND) một chuyến hàng khổng lồ chuyển bằng máy bay các thiết bị quân sự và hàng cung ứng cho Nam Việt Nam. Nếu các hiệp ước được ký ngày 31 tháng mười như dự kiến thì chúng ta phải áp dụng ngay lập tức các điều quy định về thay thế phương tiện. Vậy thì điều quan trọng là hoàn tất càng nhiều càng tốt việc Việt Nam hóa trước ngày hạn định.

... Sáng ngày 22 tháng mười, cuối cùng Kissinger được Thiệu tiếp và nhận thấy Thiệu đã có thiện ý và sẵn sàng nhập với chúng ta, điều đó thúc giục ông ta gửi cho tôi một bức điện rất lạc quan. Nhưng sáng hôm sau lại có một bức điện mới đến từ Sài Gòn:

"Thiệu đã bác bỏ toàn bộ kế hoạch, cũng như mọi điều sửa đổi của kế hoạch, và từ chối dùng nó làm cơ sở để đàm phán. Ông ta đòi bất cứ giải pháp nào cũng phải bao hàm sự bảo đảm tuyệt đối về khu phi quân sự, việc rút toàn bộ các lực

lượng Bắc Việt Nam và sự hoàn toàn tự quyết của Nam Việt Nam, không có bất kỳ sự can thiệp nào vào công việc nước này.

Chắc ngài đã hiểu chúng ta sẽ có việc phải giải quyết với khủng hoảng nào rồi”.

Sau đó cùng ngày, Kissinger lại gửi một bức điện giải thích Thiệu đã gọi điện thoại cho ông ta lúc cuối giờ chiều như thế nào và lật ngược hoàn toàn lập trường mà buổi sáng ông ta đã có. *“Khó mà phóng đại hơn nữa tính ngoan cố trong lập trường của Thiệu - Kissinger nói - Đòi hỏi của ông ta gần như là điên rồ”.*

Tôi lập tức gửi cho Phạm Văn Đồng một thông điệp nhắc lại với Hà Nội rằng chúng tôi đã luôn luôn nói rằng chúng tôi không thể ký kết một mình. *“Tiếc thay những khó khăn ở Sài Gòn đã tỏ ra phức tạp hơn người ta tưởng. Một số liên quan đến các vấn đề mà Hoa Kỳ cảm thấy bắt buộc phải hết sức thành thực trình bày với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”.* Dẫn ra việc quá tin vào cuộc phỏng vấn của Borchgrave như một lý do của các vấn đề của Sài Gòn, tôi cho ông Đồng biết rằng tôi đã nhắc Kissinger phải hỏi ý kiến Washington và yêu cầu ông ta không được công bố điều gì trước khi chúng tôi có thể gửi cho ông ta một thông điệp rõ ràng hơn trong hai mươi tư giờ. Tôi khẳng định lần nữa sự gắn bó của chúng tôi với chủ thể và với các nguyên tắc cơ bản của dự thảo hiệp ước và mong muốn ký kết một giải pháp đã thương lượng càng sớm càng tốt.

Chúng ta nhận được một câu trả lời gay gắt của Bắc Việt Nam: họ không thể chấp nhận những lý do mà chúng tôi đưa ra để có được một thời hạn và thông báo rằng nếu chúng ta không thi hành nghiêm chỉnh những cam kết của chúng ta liên quan đến bản hiệp ước và thời gian biểu đã được thỏa thuận cho việc ký kết, thì chúng ta sẽ phải chịu *“các hậu quả”* do việc chúng ta vẫn tiếp tục chiến tranh.

Ngày 23 tháng mười, Kissinger và Thiệu có một cuộc gặp nhau cuối cùng. Thiệu nhắc lại ba điều phản bác chính chống lại bản hiệp ước: nó không làm cho khu phi quân sự biến thành một biên giới vững chắc; Hội đồng Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc thực chất là một Chính phủ liên hợp; các lực lượng Bắc Việt Nam vẫn còn ở Nam Việt Nam. Kissinger nhắc lại lý lẽ của mình. Nếu như những lo lắng của Thiệu không phải là vô cơ thì những điều kiện của hiệp ước, trên thực tế, là một chiến thắng lớn của phe cộng sản. Tuy thế ông ta vẫn chấp nhận gặp Bắc Việt Nam ở Paris và trình bày với họ những đề nghị của Thiệu, nhưng ông nhấn mạnh rằng không có khả năng để chúng ta có thể thỏa mãn tất cả các đề nghị đó.

Hôm sau tôi lại gửi một thông điệp nữa cho Phạm Văn Đồng để đề nghị ông ta một cuộc họp cuối cùng: Văn bản được quyết định ở đó sẽ được coi như quyết định cuối cùng, và để làm vật bảo lãnh cho thiện ý, tôi đề nghị tạm dừng tất cả các cuộc ném bom ở phía bắc vĩ tuyến hai mươi. Thông điệp này bị cắt ngang bằng một lời tuyên bố đanh thép của Bắc Việt Nam: bản hiệp ước đã được quyết định và không có bất kỳ cuộc họp nào nữa. Họ đã sẵn sàng tiếp đón Kissinger

tại Hà Nội như dự định: nếu chúng ta làm khác, chiến tranh sẽ tiếp tục. Họ yêu cầu trả lời vào ngày hôm sau...

Kết thúc chiến tranh

Trước tiên sau tuyên cử, đến nhiệm vụ kết thúc chiến tranh. Bây giờ khi áp lực của bầu cử không còn, tôi mong rằng hai bên sẽ bước vào thương lượng với ý nghĩa là sau cuộc mặc cả sít sao, mỗi bên sẽ chấp nhận một hiệp ước không thể thỏa mãn trọn vẹn các đòi hỏi thái quá của mình. Tôi biết rằng điều này sẽ không dễ dàng: chưa có bất kỳ yếu tố khách quan nào thay đổi, nhưng còn phải xem sách lược đàm phán của cộng sản ra sao. Sài Gòn và Hà Nội chơi với chúng ta một trò chơi làm tôi thất vọng. Thiệu trong khi đòi hỏi chúng ta phải trình bày các yêu sách của ông ta - không thể chấp nhận đối với Bắc Việt Nam - thì ông ta lại khẳng định là ông ta đã sẵn sàng tiến hành một mình. Còn Lê Đức Thọ lại khẳng định rằng những người Cộng sản vẫn thành thật với ý định ký kết một hiệp ước và tuân thủ các điều kiện của hiệp ước. Nhưng qua cơ quan tình báo của mình, chúng ta biết rằng Thiệu chuẩn bị các chỉ huy quân sự cho một cuộc ngừng bắn trước ngày Nôen và biết rằng Bắc Việt Nam dự định chiếm càng nhiều đất đai càng hay trước khi ngừng bắn, để biến điều đó thành lợi thế của mình.

Cuộc gặp sắp tới với Bắc Việt Nam dự kiến vào giữa tháng mười một. Tôi quyết định phái Haig đến gặp Thiệu vì còn cần phải hợp tác với ông ta mà Haig là người được ông ta tin yêu. Ngày 9 tháng mười một Haig lên đường với một lá thư của tôi. Thư này làm sáng tỏ những điểm mà chúng ta sẽ trình bày với người đối thoại tại cuộc gặp Paris sắp tới. *“Chúng tôi sẽ cố gắng tối đa để đạt được những thay đổi ấy trong bản hiệp định - Tôi viết cho Thiệu - Nhưng tôi không muốn để ngài có ảo giác rằng chúng tôi có thể hoặc muốn du di đi chút ít những sửa đổi bổ sung ấy để cải thiện một hiệp định mà chúng tôi coi như đã tốt nhất”*.

Haig nhắc cho Thiệu biết rằng Thượng viện đã trở nên “bỏ câu” hơn trước cuộc bầu cử. Nếu trước tháng giêng chúng tôi không đạt được một giải pháp trọn vẹn, nếu Thiệu xuất hiện như vật cản của giải pháp thì Thượng viện sẽ cắt mọi quỹ cho phép Nam Việt Nam tiếp tục sống.

Trước những lý lẽ của Thiệu, chủ yếu nói về sự có mặt (đã được hiệp định chấp nhận) của Bộ đội miền Bắc trên lãnh thổ miền Nam, tôi trả lời rằng hiệp định đã nói gì thật ra không quan trọng bằng cái mà chúng tôi sẽ làm nếu kẻ địch lại tiếp tục xâm lược. *“Ngài đang có sự bảo đảm tuyệt đối của tôi rằng nếu Hà Nội không tôn trọng những lời lẽ của Hiệp định thì tôi sẽ quyết tâm tìm mọi cách để giáng trả mãnh liệt và nhanh chóng”*.

... Cuộc họp tiếp sau của Kissinger với phía Bắc Việt Nam dự định vào thứ hai ngày 4 tháng chạp, Kissinger rất lạc quan tin tưởng rằng đã có bảy mươi phần trăm cơ may để cho công việc được kết thúc và được “đóng gói” - ông ta nói - ngay chiều thứ ba. Ông ta tự trách về lời tuyên bố “Hòa bình đã gần” của mình.

Lời nói đó là nguyên nhân của biết bao mối lo âu của chúng ta; đến nỗi ông phải nói đến từ chức nếu ông bất lực không ký được một hiệp ước.

Thứ hai, tất cả hy vọng của chúng tôi đều thành thất vọng. Lê Đức Thọ không những bác bỏ mọi điều sửa đổi bổ sung mà chúng ta đã đề nghị, mà ông ta còn rút lại thỏa thuận của mình về một số điểm đã thừa nhận trong khóa họp trước và đưa vào nhiều đòi hỏi mới khó chấp nhận. Bây giờ, dù chúng ta có quyết định ký một hiệp định không có Thiệu thì những điều kiện chúng ta tạo ra cũng không còn được chấp nhận nữa. Kissinger đánh điện nói: *"Chúng ta đã đi đến chỗ tan vỡ đàm phán gần như là chắc chắn"*.

Theo ông ta, thái độ của Lê Đức Thọ chỉ để cho chúng ta hai lựa chọn: hoặc chúng ta phải gập mình lại và chấp nhận những điều kiện của hiệp định tháng mười không có bất kỳ thay đổi nào, hoặc chúng ta phải chịu nguy cơ tan vỡ đàm phán. Lựa chọn thứ nhất không thể chấp nhận được: nó tương đương với việc lật đổ Thiệu. *"Ông ta không thể tiếp tục sống trước sự biểu thị bất lực của ông ta và của chúng ta"*. Nó không để cho chúng ta bất kỳ phương tiện nào để giải thích các hành vi của mình kể từ tháng mười, và nó mang lại cho Hà Nội một thắng lợi về tuyên truyền khổng lồ. Quan trọng hơn nữa, cách lựa chọn này sẽ tước đoạt mất của chúng ta toàn bộ tính đáng tin cậy liên quan đến sự thi hành hiệp định, nếu chúng ta chấp nhận bước thụt lùi này; những người Cộng sản có thể hiểu rằng chúng ta sẽ không có cách nào để phản ứng lại những vi phạm hiệp định. Dù cho hiệp định tháng mười là tốt thì những sự kiện mới này đã trở thành không thể chấp nhận.

"Vi vậy - Kissinger nói tiếp - chúng ta nên sẵn sàng phá vỡ các cuộc đàm phán". Hai khả năng chiến thuật được đề ra cho chúng tôi. Khả năng thứ nhất là đề nghị nên đồng tình với nhau trên cơ sở chúng ta đang ở tình trạng lúc cuối khóa họp tuần lễ trước: điều đó cho phép chúng ta ít ra cũng giữ được quyền lợi về những điều sửa đổi bổ sung và cải thiện lúc đó đã được Lê Đức Thọ chấp nhận. Khó khăn với sự lựa chọn này là cả Hà Nội lẫn Sài Gòn đều không chấp nhận nó. Lựa chọn thứ hai do Kissinger đề nghị là cố nài để bảo toàn những điều sửa đổi bổ sung, rút bớt những đòi hỏi khác, nghĩa là một lời ghi cụ thể về tính chất phi Chính phủ của Hội đồng Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc và về chức năng của nó, và viết vào bản hiệp định một công thức nói rõ rằng bộ đội Bắc Việt Nam không có quyền ở lại miền Nam vô thời hạn.

Rất ít khả năng phía Bắc Việt Nam chấp nhận các đòi hỏi này. Nhưng nếu họ chấp nhận, chúng ta có thể dùng những điều cải thiện này của văn bản tháng mười làm đòn bẩy để đưa Thiệu hội nhập với chúng ta: Trong các điểm này, không có điểm nào đủ quan trọng để Bắc Việt Nam có thể chấp nhận nếu họ thật sự mong muốn một hiệp định.

Nếu họ từ chối, và nếu đàm phán tan vỡ, chúng ta không còn lựa chọn nào khác hơn là thúc đẩy nhanh và tăng cường các cuộc ném bom để ép họ chấp nhận một lập trường đàm phán mới. Kissinger khuyên tôi nên đến đài truyền

hình để yêu cầu nhân dân Mỹ ủng hộ tôi về những biện pháp khắc nghiệt của tôi đã đến lúc phải dùng đến.

Tôi không đồng ý với Kissinger về quan điểm này. Thay vì một ý đồ quá cuồng nhiệt khó tránh khỏi thất bại, để tập hợp dư luận công chúng Mỹ đằng sau một cuộc leo thang chiến tranh mới, tốt hơn nên gia tăng các trận ném bom và không công bố cho công chúng. Động thái này sẽ được phối hợp với một cuộc họp báo của Kissinger để giải thích chỗ đứng của chúng ta sau những mưu toan mới trong đàm phán và lý do đàm phán thất bại. Theo ý tôi, đây còn là sự lựa chọn kế sách cuối cùng.

... Sáng thứ ba ngày 5 tháng chạp, tôi nhận được một bức điện của Kissinger. Nếu đàm phán tan vỡ thì ông ta không biết có lựa chọn nào khác hơn là gia tăng các cuộc ném bom và nắm lấy sáng kiến trong lĩnh vực các quan hệ quân chủng bằng cách tập hợp nhân dân Mỹ bằng một bài diễn văn của Tổng thống. Ông gợi ý trong một bức điện khác là phải nhấn mạnh đến yêu cầu của Thiệu đòi bộ đội Bắc Việt Nam rút khỏi Nam Việt Nam để dẫn dắt họ đến chỗ phá vỡ đàm phán. Lúc đó ông ta sẽ trở về Washington và tôi sẽ đọc bài diễn văn trên vô tuyến truyền hình trong đó tôi sẽ trình bày những mục tiêu rõ ràng và khả thi gồm kết thúc bằng một cuộc rút quân đội Mỹ đòi lấy sự giải phóng các tù binh của chúng ta. Chúng sẽ tiếp tục ném bom cho đến lúc Bắc Việt Nam đành phải chịu trao trả tù binh cho chúng ta: ông ta nghĩ rằng việc đó sẽ choán thời gian từ sáu đến tám tháng.

Tôi tiếp tục hoài nghi về tính khôn ngoan và tính khả thi của kế hoạch ấy. Niềm tin vững chắc của tôi là chúng ta không phải chịu trách nhiệm về sự tan vỡ của các cuộc đàm phán.

... Thứ tư ngày 6 tháng chạp, Kissinger và Lê Đức Thọ họp với nhau trong sáu giờ. Lập trường của Bắc Việt Nam vẫn không thay đổi. Sau cuộc hội đàm, Kissinger gửi cho tôi một bức điện nói rằng chúng ta đã đi đến ngã ba đường và phải tự quyết định. Ông ta lại nói tới hai cách lựa chọn của mình, và vẫn tỏ ra thích chọn cách thứ hai, cách lựa chọn sự tan vỡ cùng với sự trở lại và tăng cường các cuộc ném bom. Theo ý ông ta, Quốc hội sẽ không cắt kinh phí nếu chúng ta có thể cho Quốc hội thấy Bắc Việt Nam không sẵn lòng trao trả tù binh của chúng ta. Kissinger nói: *"Nếu chúng ta sẵn sàng trả giá, ở nước ngoài cũng như trong nước, để tập hợp nhân dân Mỹ và để không đi chệch đường, thì cách lựa chọn này chứa đựng ít rủi ro hơn cách thứ nhất vì lý do Nam Việt Nam"*.

... Ngày 6 tháng chạp, chúng tôi trao cho Dobrynine một thông điệp khẩn: Chúng tôi sẽ trình bày tại cuộc họp sắp tới một quan điểm cuối cùng của chúng tôi, và ít ra cũng đạt được một số tiến bộ đã đến lúc kết thúc đàm phán; Ông ta có vẻ phật ý và cam đoan rằng người Xô viết đã tác động liên tục đến Bắc Việt Nam để có một hiệp định. Mấy ngày sau tôi tăng thêm áp lực, nói điện thoại với ông ta rằng Moscou cần phải thúc đẩy mạnh hơn nữa để đàm phán chóng thành công bởi vì Moscou và Washington còn có nhiều việc quan trọng hơn phải để tâm

và vấn đề này thuộc về mối quan tâm chung của chúng ta để loại bỏ nhân tố gây bất hòa, để cho phép cải thiện các mối quan hệ của chúng ta. Chúng tôi cũng đã thông báo cho đại sứ Trung Quốc ở Paris rằng tình hình đã trở nên nguy kịch, chúng tôi muốn đặt vấn đề này để lưu ý ngài Chu Ân Lai; các biện pháp này rõ ràng sẽ tác động xấu đến các khả năng phát triển các quan hệ Trung - Mỹ của chúng ta theo hướng mà hai Chính phủ chúng ta mong muốn.

Khi Kissinger và Lê Đức Thọ gặp nhau ngày 7 tháng chạp, họ làm được rất ít việc. Nhưng hôm sau lại có tiến bộ, và đến sáng ngày 9 chỉ còn lại một vấn đề chưa giải quyết, vấn đề tôn trọng khu phi quân sự. Thật ra thì Bắc Việt Nam đã chấp nhận nguyên tắc về vấn đề ấy trong các cuộc đàm phán tháng mười một rồi. Nhưng bây giờ Lê Đức Thọ lại nhấn mạnh đến một điều khoản mơ hồ mới về việc hai bên "*sẽ thiết lập những quy tắc*" cho các cuộc chuyển vận qua khu vực đó - việc này đặt vấn đề thảo luận tính toàn vẹn của khu vực ấy. Tôi gửi một bức điện cho Bắc Việt Nam nói rằng việc đưa một điều khoản mới vào sẽ làm khó việc ký kết nhanh một hiệp định và gợi ý rằng bản trình bày thông qua ngày 23 tháng mười một phải được đặt lại.

Ngày 9 tháng chạp, với điều kiện duy nhất còn phải thương lượng, tôi có thể cho phép mình lạc quan và hy vọng có một hiệp định trước ngày Noel.

... Ngày 10 tháng chạp, Bắc Việt Nam trả lời bức điện của tôi rằng họ coi quan điểm của họ về khu phi quân sự là rất hợp lẽ phải. Rõ ràng là họ đang điều hành một chính sách trì hoãn.

Tôi dành cả buổi chiều để khuấy lên một chút các vấn đề để hóa giải mọi ngờ vực về quyết định của chúng tôi. Tôi gọi điện cho Dobrynine và nói với ông ta rằng theo ý riêng, tôi không xét đến các công thức thỏa thuận mà Kissinger đề xuất về khu phi quân sự. Đối phương của chúng tôi phải tự kiểm chế trong việc thi hành công thức mà họ đã chấp nhận, và tôi nói thẳng thừng với ông ta rằng Moscow phải quan tâm ủng hộ cuộc đàm phán và thuyết phục họ, vì chúng ta còn nhiều việc quan trọng hơn phải quan tâm. Trong tình hình hiện nay, nỗi ám ảnh của Hà Nội là muốn thay đổi thỏa thuận về quy chế khu phi quân sự, điều đó đang gây nguy hiểm cho việc ký kết một hiệp định đã được hiệu chỉnh rộng rãi. Dobeynine yêu cầu một khoảng thời gian để ông ta trao đổi với Moscow.

Trong phiên họp thứ hai ngày 11 tháng chạp, Bắc Việt Nam vẫn không lay chuyển về vấn đề khu phi quân sự. Theo Kissinger thái độ của họ là sự hòa trộn của xấc xược, mưu mẹo và dợ thời cơ.

... Ngày 13 tháng chạp, Lê Đức Thọ bày tỏ rõ ràng rằng ông ta không có ý định ký kết một hiệp ước. Ông ta phải quay về Hà Nội ngày hôm sau để hỏi ý kiến; Kissinger đành phải đề nghị tạm dừng đàm phán và nói sẽ không có cuộc họp nào diễn ra cho tới sau Noel.

Bây giờ phải chuyển sang chuyện ném bom: phải làm gì để ép buộc Hà Nội đàm phán? Kissinger khuyên đặt thủy lôi cảng Hải Phòng một lần nữa, và lại tiếp tục ném bom đến hết công suất Nam vĩ tuyến hai mươi và Nam Lào, theo ý

tôi, phải làm mạnh hơn thế. Một cái liếc mắt cho thấy rằng khu vực Nam vĩ tuyến hai mươi gồm chủ yếu là các đồng lúa. Vậy phải nhắm vào Hà Nội và Hải Phòng bằng máy bay B-52.

Kissinger lưu ý rằng Hà Nội và Hải Phòng được bảo vệ bằng tên lửa đất đối không của Nga. Nếu chúng ta tấn công vào đó, chúng ta phải đón nhận những thiệt hại mới, và những tù binh mới. *"Tôi biết chứ - Tôi đáp - Nhưng nếu chúng ta đã tin chắc đây là điều phải làm, thì phải làm việc đó đến cùng"*.

Ngày 14 tháng chạp, tôi ra lệnh - lệnh này phải được thi hành sau ba ngày - tiến hành đợt đặt thủy lôi mới ở Hải Phòng, tiếp tục các cuộc trình sát đường không và các cuộc không tập bằng B-52 trên các mục tiêu quân sự tại Hà Nội và Hải Phòng. Kế hoạch ném bom bao hàm mười sáu mục tiêu: giao thông vận tải, nhà máy điện và đài phát thanh Hà Nội và sáu mục tiêu khác ở vùng lân cận gồm các đầu mối thông tin liên lạc và các trung tâm chỉ huy và kiểm soát. Ở Hải Phòng có mười ba mục tiêu, kể cả các xưởng đóng tàu và các kho cảng. Khi những kế hoạch đầu tiên được đưa đến tôi, tôi bị rụng rời nhận ra rằng các máy bay phải mượn ở các đơn vị khác nhau và kéo theo một lô các thủ tục phức tạp với biết bao giấy tờ phiền phức.

... Sáng sớm chủ nhật ngày 17 tháng chạp chúng ta lại một lần nữa thả thủy lôi vào cảng Hải Phòng. Trong vòng hai mươi bốn giờ, một trăm hai mươi chín máy bay ném bom tham gia các cuộc không tập trên đất Bắc Việt Nam. Ba chiếc đã bị hạ trong ngày.

... Ngày 20 tháng chạp là ngày thứ ba của các trận không tập chống Bắc Việt Nam. Chín mươi chiếc B52 tấn công mười một mục tiêu thành ba đợt. Sáu chiếc đã bị mất. Ngày 21 tháng chạp, ba mươi B52 tấn công ba mục tiêu: hai máy bay bị mất.

... Ngày 22 tháng chạp, chúng ta đề nghị Bắc Việt Nam một cuộc họp vào ngày 3 tháng giêng. Nếu họ chấp nhận, chúng ta sẽ ngừng các cuộc ném bom Bắc vĩ tuyến hai mươi ngày 31 tháng chạp và sẽ tiếp tục hoãn trong thời gian hội nghị.

Phản ứng của các phương tiện thông tin về các cuộc ném bom tháng chạp gần như đã dự kiến. Báo *Washington Post* viết *"hàng triệu người Mỹ vô cùng hổ thẹn và hoài nghi về tình trạng tâm thần của Tổng thống của họ"*. Joseph Craft nói về một hành động *"khủng bố rõ rệt đại làm ô danh nước Mỹ"*. James Reston gọi những cuộc ném bom là *"Chiến tranh từng cơn giận dữ"* và Anthonny Lewis lên án tôi hành động như *"một bạo chúa hóa điên"*. Ở Quốc hội cũng có các cơn kiêu ấy thuộc các thành viên của cả hai đảng.

... Một số thành viên trong ê kíp của tôi tác động một áp lực to lớn nhằm kéo dài cuộc đình chiến Noel thêm vài ngày nữa. Nhưng tôi nhất quyết không đồng ý mà ngược lại còn đích thân ra lệnh mở một đợt ném bom quan trọng nhất vào ngày 26 tháng chạp, một trăm mười sáu lượt máy bay của B52 được lệnh hướng vào các mục tiêu trong khu vực Hà Nội - Hải Phòng.

Buổi chiều hôm ấy, Bắc Việt Nam gửi đi một tín hiệu đầu tiên cho thấy rằng họ cũng chán ngấy rồi. Chúng ta nhận được từ họ một thông điệp lên án "*những cuộc ném bom hủy diệt*"; nhưng họ không đòi hỏi ngừng ném bom như điều kiện tiên quyết cho việc họ bằng lòng ở một cuộc gặp mới mà họ đề nghị vào ngày 8 tháng giêng ở Paris. Chúng ta trả lời rằng chúng ta muốn thấy các cuộc trao đổi về kỹ thuật bắt đầu ngay từ ngày 2 tháng giêng để cho cuộc gặp cấp Kissinger có thể diễn ra vào ngày 8. Những trận ném bom Bắc vĩ tuyến hai mươi sẽ ngừng ngay khi cuộc dàn xếp cho cuộc gặp đã được hoàn tất và được thông báo công khai. Ngày 28 tháng chạp, Bắc Việt Nam chấp nhận và xác nhận các thời điểm họp vào các ngày 2 và 8 tháng giêng. Mười chín giờ, giờ Washington ngày 29 tháng chạp, việc ném bom Bắc vĩ tuyến hai mươi được tạm dừng. Sáng hôm sau, chúng tôi thông báo những cuộc đàm phán Paris sẽ lại tiếp tục.

... Ngày 1 tháng giêng, Pat và tôi ở lại Trại David. Ngày 2 tháng giêng tôi gọi cho Lyndon Johnson đang ở trại của ông ở Texas, chúng tôi trao đổi vài kỷ niệm về Harry Truman - Ông ta không biết mình có thể dự lễ tưởng niệm Washington hay không vì sau khi dự một cuộc đấu bóng, ông bị một cơn đau tim và thấy thuốc của ông đã cấm ông đi lại.

Câu chuyện chuyển sang vấn đề Việt Nam:

- Tôi biết những điều khổ não mà ông gặp phải trong cuộc chiến tranh này - Johnson nói - Tôi muốn ông biết rằng hàng ngày tôi cầu nguyện cho ông.

- Tôi biết rằng ông đã thử làm cái phải làm khi ông ở đây - Tôi trả lời ông ta - và đó cũng là cái tôi cũng đang cố làm.

... Thứ hai ngày 8 tháng giêng, Kissinger gặp riêng Lê Đức Thọ trong bốn đến năm giờ. Henry không ra khỏi đó. Nhưng trong tường trình ngày hôm đó ông nhấn mạnh rằng đã không thực tế khi hy vọng là sau cuộc ném bom, những người Cộng sản sẽ nhượng bộ ngay từ những ngày đầu - Tất nhiên tôi đã bị thất vọng, nhưng không có việc gì khác để làm hơn là chờ đợi.

Đến trưa ngày 9 tháng giêng, Haldeman đến Phòng Bầu dục với bức điện tín gửi qua cáp của Kissinger.

- Có tin gì thế? - Tôi hỏi ngay ông ta.

- Thưa Tổng thống, tôi nghĩ rằng Ngài cần tự mình đọc - Haldeman nói một cách trịnh trọng trước khi bước ra.

Tôi cầm tờ giấy, đeo kính và bắt đầu đọc: "*Chúng tôi đã tổ chức ngày sinh nhật của Tổng thống hôm nay bằng việc làm một cú đột phá quyết định trong những cuộc hội đàm. Tóm lại chúng tôi đã giải quyết tất cả các vấn đề còn tồn tại của thỏa ước*".

Kissinger đặt tôi vào thế cảnh giác để phòng một thái độ quá lạc quan: Những người Việt Nam đã làm đau lòng chúng ta nhiều lần trước đây và chúng ta không thể tin chắc về kết quả trước khi tất cả đã không ràng buộc chặt chẽ, nhưng tính khí và cách thức thực tế tiếp cận các vấn đề sát sườn như vấn đề

trong tháng 10 và tất cả những gì chúng ta đã thấy từ lúc đó. Henry kết luận: *"Những điều gì đã dắt chúng ta đến kết quả hiện nay, đó là sự quả quyết của Tổng thống, và sự vững vàng của người Bắc Việt Nam mà nó sẽ không dễ bị ảnh hưởng bởi áp lực của Quốc hội hay của công luận. Lê Đức Thọ đã chỉ ra điều đó với tôi nhiều lần. Cốt yếu là chúng ta giữ vững tư thế nghiêm túc trong những ngày tới. Một chút dấu hiệu thiếu kiên nhẫn sẽ là tự sát"*.

Tôi lập tức trả lời:

"Tôi đã nhận được lời chúc mừng nồng nhiệt của các bạn nhân ngày kỷ niệm và cả bản tường trình - Tôi hoàn toàn tán thành về sự cần thiết giữ bí mật tuyệt đối về những sự kiện cho tới khi mọi chuyện đã hoàn toàn được xác định..."

Henry cần giữ vững tư thế cương nghị và trước hết không để đối phương quay lại với những phương thức trì hoãn. Nếu từ phía bên kia, người ta cứ giẫm chân tại chỗ và mọi việc không đổi chiều đến thăm họa ngày mai thì những gì mà anh làm hôm nay là món quà mừng kỷ niệm tốt nhất mà tôi nhận được từ sáu chục năm qua".

Nhịp điệu được giữ vững trong phiên họp tiếp theo. Kissinger báo cáo rằng với chiều hướng đang diễn ra, thì thỏa thuận sẽ kết thúc trong ba hoặc bốn ngày.

Ngày 11 tháng giêng, Kissinger điện về: *"Chúng tôi dành thảo vấn bản hoàn chỉnh của hiệp định gồm cả những điều khoản cuối cùng"*. Còn chín ngày nữa đã là tròn bốn năm tôi vào Nhà Trắng và tôi đã kế thừa các vị tiền nhiệm giải quyết việc chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

... Chỉ còn chờ đợi những chuẩn bị cuối cùng và chỉ chờ những người Bắc Việt Nam cam kết dứt khoát ký bản hiệp định và cho thông báo công khai ở Hà Nội.

Ngày hai mươi tháng giêng, tôi tuyên thệ nhậm chức nhiệm kỳ thứ hai của tôi với tư cách là Tổng thống Hoa Kỳ thứ ba mươi bảy.

Buổi lễ nhậm chức diễn ra không có gì trở ngại, có lẽ là buổi lễ tốt nhất mà tôi chưa từng thấy. Hệ thống truyền tin công khai hoàn hảo, không có sự ngắt đoạn nào không thể nghe được, mặc dầu ở vị trí sau, tôi nghĩ có vài cuộc biểu tình tung ra những lời lẽ thô bỉ khi tôi bắt đầu nói. Nhưng tất cả đều yên lặng.

Bà Agnew ôm hôn Agnew, nhưng Pat không ôm hôn tôi và tôi cảm thấy sung sướng về cử chỉ này. Đôi khi, những biểu lộ triu mến ấy thật đúng lúc như buổi tối cuộc bầu cử, nhưng vào những lúc khác tôi không nghĩ rằng chúng thích hợp, và đó là trường hợp này.

Tôi đứng suốt dọc đường khi qua cuộc duyệt binh, Pat đã đứng quăng một phần ba đoạn đường cuối. Khi những đoàn biểu tình bắt đầu ném trứng và rác rưởi, tổ chức an ninh đề nghị bà ngồi xuống, nhưng bà từ chối. Bà đã có lý. Có một tình huống rắc rối: một người biểu tình lọt vào và tấn công chiếc xe. Những người của cơ quan an ninh chộp nhoáng chớp y và đè y vào áp sát vào mặt đất.

Thời gian từ từ trôi qua trong sự chờ đợi ngày hai mươi ba tháng giêng và thông báo việc giải quyết ở Việt Nam. Vào những giờ đầu ngày hai mươi hai, cựu Tổng thống Lyndon Johnson từ trần.

(Nguyễn Khắc Ân - Trần Văn Bình - Đặng Phú - Phạm Tùng Vĩnh dịch)

Bản sao lưu trữ

ĐẶC BIỆT TIN CẬY

(Trích hồi ký của A. Đôbrunhin)

GIÔN XƠN VỚI CHIẾN TRANH Ở VIỆT NAM

Mùa hè năm 1964, tình hình Đông Nam Á đã trở nên căng thẳng. Cả Mỹ và Liên Xô, tuy ở các mức độ khác nhau, đều đã bị lôi cuốn vào các sự kiện.

Giôn Xơn đã cần tiếp ngọn đuốc về Việt Nam do Kennodi để lại. Song, nếu như Kennodi dường như đã có lúc nghĩ tới việc rút quân ra khỏi Việt Nam, thì Giôn Xơn, do được sưởi ấm bởi cuộc vận động bầu cử và các giới hiếu chiến, bảo thủ và giới tướng lĩnh Mỹ khuyến khích, đã ngày càng lao sâu vào cuộc xung đột với hy vọng là sẽ đứng trên “lập trường dùng sức mạnh” để giải quyết được nó. Còn Mátcova thì lại đoàn kết với Bắc Việt Nam, đất nước đang tiến hành “cuộc chiến tranh giải phóng”.

Lúc đầu, Giôn Xơn và Khorutxốp đã có ý định tách cuộc chiến tranh ở Việt Nam ra khỏi phạm vi quan hệ Xô - Mỹ. Nhưng cùng với thời gian, việc đó đã trở nên ngày càng khó khăn hơn.

Trong thời kỳ Giôn Xơn cầm quyền, tôi luôn luôn tự hỏi, không biết điều gì đã thúc đẩy cá nhân Giôn Xơn và làm cho ông ta phải cố sức tiếp tục cuộc chiến tranh ở Việt Nam “đến thắng lợi cuối cùng”?

Thực ra khi Giôn Xơn bỗng nhiên trở thành Tổng thống, ông không bị ràng buộc bởi bất kỳ cam kết nào về Việt Nam. Hơn nữa, việc Mỹ bị lôi cuốn vào cuộc đấu tranh quân sự tại đó vẫn chỉ ở mức độ tương đối và vấn đề đó tuyệt nhiên chưa làm cho dư luận Mỹ chú ý nhiều lắm. Tóm lại, Tổng thống mới Giôn Xơn có đầy đủ khả năng làm cho nước Mỹ không bị kéo sâu hơn vào các hành động quân sự tràn lan ở Việt Nam. Chắc chắn trong nước sẽ khó mà lên án ông ta được.

Nhưng nhiều người đã phải ngạc nhiên khi thấy Giôn Xơn rất mau chóng và tự nguyện một cách đáng nghi ngờ là đã nhận lấy vai trò của kẻ bảo vệ miền Nam Việt Nam. Ngay khi bước vào Nhà Trắng, ông ta đã tuyên bố luôn với giới thân cận rằng, “không có ý định để mất Việt Nam”, mặc dầu trước đó, lợi ích của nước Mỹ ở cái xứ nguyên là thuộc địa của Pháp đó chẳng lớn lao gì. Những yêu sách của Tổng thống về Việt Nam rõ ràng là không có cơ sở.

Khác với những người tiền nhiệm của mình như Truman và Aicenhao, những người luôn luôn giữ chặt dây cương đối với giới quân sự, Giôn Xơn đã giao quá nhiều quyền cho họ và ngày càng nghe theo ý kiến của họ, cũng như ý kiến của

những người trong giới thân cận đòi giải quyết vấn đề Việt Nam bằng biện pháp quân sự. Chính Giônxon đã kiên trì, thậm chí là ngoan cố bám theo đường lối đó.

Hành động đó của Giônxon có thể được cất nghĩa ra sao đây?

Do chủ nghĩa chống cộng ư? Do tin chắc rằng, lực lượng quân sự hùng mạnh của Mỹ có thể cho phép chiến thắng Việt Nam một cách dễ dàng chăng? Do muốn chứng tỏ rằng ông ta, cũng như người mà ông ta không ưa thích là G. Kennơdi đều là những người có bản lĩnh, có thể tiếp nhận sự thách thức ở Việt Nam, giống như Kennơdi đã phô trương điều đó trong sự kiện Cuba chăng? Hay là do sự bông bột về tình cảm và không biết cân nhắc đủ điều về tất cả mọi hậu quả của cuộc chiến tranh ở Việt Nam?

Chắc chắn ở đây không thể có câu giải đáp một chiều được. Mỗi một yếu tố đều có vai trò của nó. Cuộc chiến tranh càng kéo dài thì nó càng làm cho ông ta có một tính cách riêng và trở thành sự thách thức đối với ông ta. Ai thắng ai? Ông ta hay là Hồ Chí Minh? Ông ta hay là Mao Trạch Đông? Những câu hỏi đó đã từng nghe được từ miệng của chính Giônxon. Cuộc chiến tranh đã trở thành cuộc chiến của cá nhân ông ta.

Sự cố sức của Giônxon chỉ có tác dụng làm cho cuộc phiêu lưu vô nghĩa đó thêm kéo dài và rút cuộc ông ta đã phải trả giá là không được bầu lại. Nhưng khi đã dấn thân vào con đường tội lỗi, ông ta đã không dừng lại được.

Đầu tháng 8 xảy ra cái gọi là sự kiện Vịnh Bắc bộ. Theo báo cáo của Bộ chỉ huy quân đội Mỹ, thì ngày 2 và 4 tháng 8, các tàu chiến của Bắc Việt Nam đã tiến công các tàu chiến của Mỹ ở khu vực vịnh Bắc bộ. Để đáp lại, Nhà Trắng đã cho chỉ thị ném bom các mục tiêu trên lãnh thổ của Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Hà Nội đã ngay lập tức coi đó là hành động khiêu khích của Mỹ (Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã thông báo như vậy cho Matxcơva).

Tổng thống Giônxon đã cấp tốc đưa “nghị quyết về Vịnh Bắc bộ” cho Quốc hội thông qua, trong đó giao toàn quyền cho ông ta được thi hành mọi “biện pháp cần thiết” để “giáng trả cuộc tiến công vũ trang” từ phía Việt Nam dân chủ cộng hòa và “bảo vệ tự do” cho các nước thành viên khối SEATO. Nghị quyết đã được cả Hạ nghị viện và Thượng nghị viện nhất trí thông qua, trừ có hai phiếu chống (của hai người thuộc Đảng dân chủ là Moócde và Gruninh).

Thú thật, tôi đã bị chấn động bởi ngọn lửa Sô vanh lúc đó đang bao trùm lên Oasinhton, thậm chí lên cả những người đã từng giữ lập trường tự do hơn. Ở đây, bộ máy tuyên truyền chính thức đã giữ vai trò quyết định. Chính phủ Giônxon đã nhận được “sự tán thưởng” của quốc hội cho phép mở rộng chiến sự ở Đông Dương và rõ ràng là họ đã tận dụng cơ hội đó. Đó là kết luận mà Sứ quán đã báo cáo về Matxcơva.

Có điều lý thú phải nhận xét rằng, sau khi điều tra ngược lại sự kiện trên, vào tháng 12 - 1967, Ủy ban đối ngoại của Thượng nghị viện đã đi đến kết luận cho rằng, “sự kiện Vịnh Bắc bộ” do phía Mỹ bày đặt ra thì đúng hơn. Ngày 4 -6-1970, Thượng nghị viện đã hủy “Nghị quyết về Vịnh Bắc Bộ”, nhưng họ đã làm

việc đó một cách hấp tấp, giống như khi họ đã thông qua nghị quyết ấy cách đó sáu năm vậy. Rõ ràng, sự tình ngộ về chính trị của các thượng nghị sĩ đã diễn ra hơi chậm. Tháng 3 - 1968, Thượng nghị sĩ Phunbrai biện bạch như sau: “Quốc hội, và tất nhiên cả tôi nữa, khi thông qua nghị quyết đó đều nghĩ rằng chúng tôi không cho phép có cuộc chiến tranh lớn, mà chỉ cho phép ngăn ngừa việc mở rộng chiến sự thôi”.

Ngày 5 - 8, đại biện lâm thời Coócniencô được lệnh trao gắp cho Tổng thống Giônxon bức công hàm của Khorútxôp nhân sự kiện trên. Tômsơn là người được trao bức công hàm đó đã ngoan cố bảo vệ cho luận điệu của Bộ chỉ huy quân đội Mỹ. Nhưng liệu ông ta có biết toàn bộ sự thật không? Thật khó tin.

Trong công hàm đó có đoạn viết: “Tôi muốn hy vọng rằng Ngài sẽ có được bầu máu lạnh và sự kiềm chế ở mức cần thiết để gỡ bỏ sự căng thẳng về quân sự và chấm dứt các hành động khiêu khích của các lực lượng vũ trang Mỹ ở khu vực Vịnh Bắc Bộ, vì chúng có thể kéo theo sự trả đũa thích đáng của người khác”.

Ngày 7 - 8, Tômsơn trao công hàm trả lời của Tổng thống Giônxon, trong đó khẳng định rằng, Mỹ chỉ áp dụng những hành động tự vệ tối thiểu mà thôi, Hoa Kỳ không thể biết được rằng việc đó do Bắc Kinh khiêu khích, hay do Bắc Việt Nam tiến hành để lôi kéo Bắc Kinh vào cuộc. Tất cả những gì Liên Xô có thể làm để kìm hãm Bắc Việt Nam và Bắc Kinh không gây thêm những hành động thiếu suy nghĩ ở khu vực này đều sẽ có lợi cho sự nghiệp hòa bình.

Cuộc xung đột ở Việt Nam cứ thế dần dần xâm nhập vào quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ.

CÔXUGHIN ĐI HÀ NỘI GIÔNxon VÀ CUỘC XUNG ĐỘT Ở ĐÔNG NAM Á

Vào nửa đầu tháng Hai, Côxughin đi Hà Nội. Ngày 10 -2, một lực lượng lớn của Việt Nam đã bất ngờ tiến công vào một trại lính Mỹ ở gần thị trấn Plâycu. Đáp lại, Giônxon đã ra lệnh ném bom dữ dội Việt Nam dân chủ cộng hòa khi Côxughin đang có mặt ở đó.

Hiểu rõ tính chất tế nhị của vấn đề, nên khi gặp tôi, Rascơ phân bua rằng, Tổng thống không muốn vì vấn đề Việt Nam mà làm cho quan hệ với Liên Xô bị xấu đi; ngược lại, ông ta muốn quan hệ đó tốt lên và rằng Hoa Kỳ sẵn sàng rút khỏi Nam Việt Nam, nếu Hà Nội thôi không can thiệp.

Sau đó ít lâu, chính phủ Liên Xô đã gửi cho Giônxon một công hàm mật với nội dung gay gắt, lên án những hành động của Mỹ ở Việt Nam.

Phải nói rằng, cuộc ném bom giữa lúc Côxughin đang có mặt tại Hà Nội đã làm cho ông rất khó chịu với Giônxon, mặc dù trước đó ông vẫn nghĩ về Giônxon không tồi cho lắm...

Một tình thế trái khoáy đã nảy sinh. Một mặt ban lãnh đạo Liên Xô hiểu rất rõ cách làm của Việt Nam và đã giận dữ ra mặt, đặc biệt là Brêgionhép, vì ông

cùng giống như Grômucô, đều không muốn gây căng thẳng với Mỹ một cách không cần thiết. Nhưng rồi “những lá chắn” về tư tưởng đã đẩy họ tới một đường lối có hại cho đất nước.

Các sự kiện ở Đông Dương đã thu hút sự chú ý của các đoàn ngoại giao ở Oasinhton các đại sứ đã trao đổi với nhau một cách sôi nổi xung quanh vấn đề đó. Tôi đã có quan hệ tốt và thân thiện với Đại sứ Anphan của Pháp. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, ông ta và vợ đã tham gia phong trào kháng chiến, rất gần gũi với Đơ Gòn.

Anphan có kể cho tôi nghe những lời nói của Giônxon trong moat diện hẹp. Giônxon cho rằng, cuộc xung đột ở Việt Nam chỉ vượt ra ngoài khuôn khổ của một vấn đề là ai sẽ kiểm soát miền Nam Việt Nam. Cuộc xung đột đó tượng trưng cho cuộc đấu tranh có tính nguyên tắc chống lại chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi thế giới và là một bộ phận trong chương trình của chính phủ Mỹ là “đánh đổ chủ nghĩa cộng sản”, nếu có vượt ra khỏi ranh giới hiện nay. Cần phải vạch rõ đường ranh giới trên phạm vi quốc tế như nó đang tồn tại ở châu Âu, mà Mỹ “không cho phép chủ nghĩa cộng sản vượt qua”. Vì mục tiêu đó cũng đáng phải hy sinh, vì cuối cùng sự hy sinh đó sẽ được đền đáp.

Đồng thời Anphan cũng kể rằng, Nhà Trắng rất vững tin là Liên Xô, do những bất đồng ngày càng gia tăng với Trung Quốc, sẽ không gây căng thẳng lớn với Mỹ bởi vấn đề Việt Nam, rằng Mátxcova, ngoài sự phản kháng theo con đường ngoại giao, sẽ không làm gì hơn, nghĩa là, về cơ bản, vẫn giữ được quan hệ với Liên Xô ở mức độ cần thiết.

Cùng về đề tài này, tôi đã có cuộc nói chuyện với Phó Tổng thống Hămphơri trong bữa cơm trưa (ngày 12 -3). Theo ý kiến của chính quyền Mỹ, Bắc Kinh coi Mỹ là “con hổ giấy” và không thêm đếm xỉa. Còn về phía Mỹ, thì vì Trung Quốc và Bắc Việt Nam đã đẩy cuộc xung đột lên tới mức đó, thì chính phủ Mỹ không thể làm ngơ được. Hoa kỳ đang có mặt ở Nam Việt Nam, và không có một thế lực nào có thể bắt buộc Hoa Kỳ phải rời khỏi đó trong lúc này, nếu không có một giải pháp nhất định về chính trị. Chính vì vậy, Oasinhton kiên quyết bác bỏ những điều kiện tiên tiên quyết của Trung Quốc và Bắc Việt Nam đòi Mỹ phải rút quân ra khỏi Nam Việt Nam trước khi có đàm phán về việc bình thường hóa tình hình ở Việt Nam. Theo lời của Hămphơri, lập trường của Tổng thống là: Hà Nội chấm dứt các hoạt động chống lại chính quyền Sài Gòn. Như vậy sẽ tạo điều kiện cho các cuộc đàm phán tiếp theo. Chính quyền Giônxon sẵn sàng tiếp nhận bất cứ chính phủ nào ở Nam Việt Nam, cho dù sau này nó là xã hội chủ nghĩa đi chăng nữa, nhưng cái quan trọng là ở chỗ, Hoa kỳ không chịu khuất phục trước sức ép của Bắc Kinh và Hà Nội.

Hămphơri nhấn mạnh, một trong những lý do mà Tổng thống sẵn sàng muốn có giải pháp chính trị là vì ông muốn tránh để cho quan hệ Mỹ - Xô xấu đi hơn nữa. Ông ta hiểu rằng, Liên Xô phải giúp đỡ Việt Nam dân chủ cộng hòa, kể

cả bằng việc cung cấp vũ khí, nhưng như vậy thì sẽ kéo cả Mỹ và Liên Xô càng sâu hơn vào cuộc xung đột ở Việt Nam là điều hết sức không muốn có.

Hămphơri nói với vẻ tin cậy rằng, trong chính quyền Giônxon đang có ý kiến là nên cho Ấn Độ một cái "ô hạt nhân" để họ cùng Liên Xô hoặc đơn phương chống lại Trung Quốc. (Nhưng sau này, trong quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ, ý tưởng này đã không được phát triển thêm. Và Mỹ cũng không đặt lại vấn đề này một cách chính thức).

Thượng nghị sĩ Menxphin, người đã từ lâu tự mệnh danh trong Thượng nghị viện là một người hiểu biết về các vấn đề châu Á, đã nói cho tôi nghe một sự đánh giá rất lý thú về sự sắp xếp lực lượng trong nội bộ chính quyền xung quanh vấn đề Việt Nam. Những tác giả chính và ủng hộ tích cực nhất cho đường lối hiện nay về vấn đề Việt Nam, theo ông ta, là Mac Namara, anh em nhà Bơđi (một người ở Nhà Trắng, một người ở bộ ngoại giao) và Tướng Taylo, Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân.

Những người ủng hộ đường lối ở Lâu Năm Góc cho rằng nếu Trung Quốc trực tiếp can thiệp thì có cơ rất tốt để nã bom vào các vị trí hạt nhân của Trung Quốc, và như vậy sẽ đẩy được Trung Quốc trong một thời gian dài ra khỏi danh sách các nước có tiềm năng trở thành cường quốc hạt nhân.

Ngày 26 - 3, tôi được lệnh gặp để trình bày với Rasco về lập trường của Liên Xô trong vấn đề Việt Nam và một số vấn đề quan hệ Mỹ - Xô. Nói một cách ngắn gọn thì như sau: không thể không thừa nhận rằng trong những tháng gần đây, tình hình quốc tế đã trở nên căng thẳng và quan hệ Xô - Mỹ đã có những tổn thất nhất định. Những hành động khiêu khích vũ trang của Mỹ chống Việt Nam dân chủ cộng hòa đã phá vỡ nền tảng mà chỉ dựa trên đó thì mới có thể xây dựng được mối quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ, cụ thể là nguyên tắc cũng tồn tại hòa bình.

Rasco đã không lấy gì làm thích thú khi nghe tuyên bố đó. Ông ta tỏ ra lo lắng trước việc là cả hai nước giờ đây đã bị đặt vào tình thế buộc phải có những lập trường hoàn toàn trái ngược nhau, làm cho quan hệ giữa hai nước xấu đi, mà rút cuộc chẳng có lợi cho cả Liên Xô và Mỹ.

"Chẳng nhẽ, - ông ta hỏi - giờ đây Hà Nội lại có vị trí then chốt đến thế và họ lại có thể áp đặt được một cách gián tiếp ý chí của họ lên hai cường quốc vĩ đại như vậy được, trong khi hai nước rõ ràng là không muốn có sự va chạm trực tiếp?"

Mátxcova hiểu rất rõ câu hỏi đó của Ngoại trưởng là rất có lý và đã cố gắng tính đến điều ấy như thế nào đó trong quan hệ với Mỹ, nhưng hệ tư tưởng phải bảo vệ "bạn bè xã hội chủ nghĩa" đã tiếp tục phát huy tác dụng.

NHÀ TRẮNG THĂM DÒ Ý ĐỊNH CỦA LIÊN XÔ

Khi gặp tôi, nhà báo có tên tuổi Đ. Piroson thông báo với tôi rằng, sau khi ở Mátxcova về, có gặp Giônxon và đã chia sẻ những cảm tưởng về chuyến thăm Mátxcova với Tổng thống, đó là sự gia tăng không khí chống Mỹ ở Liên Xô nhân các sự kiện ở Việt Nam. Piroson tỏ ý lo ngại rằng, chính sách của Mỹ có thể dẫn tới sự va chạm trực tiếp với Liên Xô là điều cần phải tránh.

Đáp lại, Giônxon đã đọc cho ông ta (Piroson) nghe bức điện của Đại sứ Côlerơ, trong đó nói, Liên Xô sẽ không va chạm trực tiếp với Mỹ chỉ vì vấn đề Việt Nam, tuy vẫn tiếp tục cung cấp vũ khí cho Việt Nam, cũng như sẽ có các tuyên bố và phản đối Mỹ một cách thường xuyên hơn. Côlerơ tin chắc rằng, “trong thâm tâm”, ban lãnh đạo Liên Xô rõ ràng là muốn giữ quan hệ bình thường với Mỹ, còn hơn là liều mạng để cho quan hệ đó xấu đi một cách nghiêm trọng trong lúc các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang có thái độ rất khiêu khích đối với Liên Xô (về thực chất, sự đánh giá đó là chính xác). Theo lời của Piroson, Tổng thống rất muốn biết ý đồ thật sự của Mátxcova và tìm con đường dẫn tới sự hiểu biết lẫn nhau với Mátxcova, nhưng chưa biết làm như thế nào.

Piroson cũng thông báo cho tôi với vẻ tin cậy rằng Phó Tổng thống Hămphơri, người không ra mặt phản đối chính sách hiện nay của Mỹ ở Việt Nam, gần đây đã cố gắng nói chuyện tay đôi với Tổng thống về vấn đề này. nhưng Giônxon đã nêu vấn đề này ở cuộc họp nội các và, trước mặt mọi người, đã cảnh cáo Hămphơri, đồng thời tuyên bố rằng, ông ta yêu cầu mọi người phải ủng hộ chính sách của ông ta; ai không đồng ý thì hãy từ chức.

Tại cuộc chiêu đãi hàng năm dành cho các đoàn ngoại giao (ngày 8-5), khi nói chuyện với tôi, Rascơ cho hay, có thể hai nước cùng nỗ lực trong một khuôn khổ không công khai phấn đấu để dần dần có một giải pháp cho cuộc khủng hoảng ở Việt Nam. “Điều quan trọng là chúng tôi và các ngài không trở thành nô lệ của các đối tác của chính mình hoặc đồng minh của mình trong các khối tư tưởng và quân sự, để họ dùng có lời kéo chúng ta vào một cuộc xung đột trực tiếp không phù hợp với lợi ích của cả Liên Xô và Mỹ”.

Sau đó Rascơ nói thêm “Những suy nghĩ diễn đạt thành lời” (cố nhấn mạnh rằng, đây không phải là đề nghị chính thức). Nếu như trong quá trình trao đổi ý kiến không công khai giữa Mỹ và Liên Xô mà đạt được thỏa thuận mật nào đó về một giải pháp cho vấn đề Việt Nam, thì dù rằng Liên Xô có bảo đảm với Hà Nội là bây giờ, cũng như sau này, sẽ dùng cả biện pháp quân sự để bảo vệ Bắc Việt Nam, chống lại “quân xâm lược Mỹ và các cuộc ném bom của chúng” (đây là nguyên văn lời của Rascơ), thì Mỹ vẫn không coi đó là sự thách thức; hơn nữa, tự Mỹ sẽ đình chỉ ngay các cuộc ném bom, còn sự phát triển chung của sự kiện thì có vẻ như một sự thỏa hiệp mà hai bên đạt được do có nguy cơ lớn xảy ra sự va chạm giữa hai đại cường quốc và cũng là để giải quyết cuộc xung đột; như vậy cũng có thể coi là thất bại lớn của Trung Quốc.

Những ý kiến đó của Ngoại trưởng, một con người thường là thận trọng, xem ra khá là bất thường.

Nhìn chung, qua cuộc nói chuyện với Rascơ, tôi có cảm tưởng rằng, tuy bề ngoài có vẻ can đảm, song chính phủ Giônxon đã bắt đầu lo ngại về tình hình cuộc chiến tranh ở Việt Nam và chưa nhìn thấy lối thoát để chui ra khỏi sự bế tắc. Còn những lời Rascơ nói về việc Mỹ và Liên Xô phụ thuộc quá nhiều về tư tưởng đối với các đồng minh của mỗi bên ở Đông Dương có hại cho từng bên, thì xem ra cũng khá có lý.

Không phải ngẫu nhiên mà Brêgionhép đã quan tâm đến những “ý nghĩ của Rascơ” và giao cho Grômucô hãy “suy nghĩ về điều đó”. Grômucô cho rằng, khó mà thực hiện được những ý kiến đó của Rascơ. Bắc Việt Nam phản đối mọi thứ trung gian trong quan hệ với Mỹ và muốn làm thẳng. Nếu Mỹ có đề nghị nào cụ thể thì ta có thể chuyển cho Hà Nội. Cái còng về tư tưởng đã bó chặt ngành Ngoại giao Liên Xô.

Sau đó một ngày, Rascơ đề nghị tôi thông báo gấp cho chính phủ Liên Xô rằng, trong một thời gian ngắn, sẽ không có các cuộc oanh tạc thêm bằng không quân ở miền Bắc để “thử xem thế nào”. Điều đó được coi như sự hưởng ứng đối với đề nghị của Liên Xô về việc chấm dứt ném bom. Hoa Kỳ hy vọng rằng Hà Nội sẽ đáp lại cử chỉ đó bằng cách giảm bớt hoạt động ở Nam Việt Nam. Nếu không, Mỹ sẽ tiếp tục hành động.

Giữa tháng 5, tại Viên, có lễ kỷ niệm 10 năm Hiệp ước quốc gia về việc khôi phục lại nước Áo dân chủ và độc lập. Tại đó đã có cuộc gặp giữa Grômucô và Rascơ. Tômsơn là người cùng đi với Rascơ, có kể rằng, Rascơ “rất thất vọng” trước lập trường không lay chuyển của Liên Xô trong vấn đề Việt Nam mà Grômucô đã nêu. Còn những đề nghị của Rascơ - thực ra là sự phát triển thêm những điều ông ta đã nói với tôi hôm mừng 8-5 dựa trên ý tưởng “làm gương cho nhau” với ý nghĩa là cả hai bên, nghĩa là Mỹ và Việt Nam dân chủ cộng hòa từng bước giảm bớt các hoạt động quân sự tại Việt Nam. Grômucô tỏ ra không nhiệt tình gì đặc biệt đối với ý tưởng đó vì ông biết Hà Nội không chấp nhận đề nghị đó.

Sau đó ít lâu, Đại sứ Côlerơ đã đến gặp Grômucô cũng về vấn đề đó vì chính quyền Mỹ rất muốn thúc đẩy việc này. Nhưng cuộc nói chuyện đã không mang lại kết quả nào.

NGOẠI TRƯỞNG HỎI: TẠI SAO MỸ VÀ LIÊN XÔ PHẢI CÃI NHAU?

Trước khi về nghỉ phép, tôi có gặp Rascơ (ngày 3-7). Cuộc nói chuyện kéo dài, không hình thức và đề cập chủ yếu vấn đề Việt Nam. Ông ta tỏ ý không hài lòng về việc Liên Xô cho phép người ta công kích cá nhân Tổng thống. Rascơ nói, Tổng thống cũng có thể đáp lại một cách tương tự, nhưng ông ấy không muốn. Quan hệ giữa hai nước có thể bị xấu đi rất nhanh chóng. Rồi sau đó lại mất hàng tháng, hàng năm mới trở lại được trạng thái ban đầu. Việc công kích Tổng thống

sẽ làm cho khả năng của chính phủ (Mỹ) trong việc giữ gìn và cải thiện quan hệ Mỹ- Xô bị thu hẹp lại.

Trong Chính phủ Mỹ đã có những nhận định trái ngược nhau về thái độ của Liên Xô đối với các sự kiện ở Đông Nam Á. Phía Liên Xô không chủ động trong việc tìm kiếm các giải pháp thích hợp cho cả hai bên. Họ chỉ nói lên quan điểm chính thức mà thôi. Chúng tôi không biết, liệu Mátxcova có tự nguyện phụ quyết đối với Hà Nội trong các công việc đó hay không. Nếu không phải như vậy, thì có thể tìm ra “các kênh hoặc các cuộc tiếp xúc rất riêng tư”.

Ngoại trưởng nói tiếp, nếu xuất phát từ lập trường của quốc gia, chứ không phải lập trường tư tưởng, thì chúng tôi không thấy có lý do để Liên Xô và Mỹ phải cãi nhau. Chính phủ Hoa Kỳ đã tiếp thu một cách nghiêm túc cả hai Hiệp định Giơnevơ (về Lào và Việt Nam). Nhưng ngày từ đầu, Hà Nội đã vi phạm. Thế mà Liên Xô, một trong hai đồng chủ tịch, không làm gì để kiềm chế họ. Máy hôm trước Grômucô có nói với Đại sứ Mỹ rằng, chừng nào Mỹ chưa chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam, thì chừng đó đừng có nói gì đến giải pháp hòa bình. Nhưng khi chúng tôi hỏi ông ấy rằng, nếu như Mỹ chấm dứt ném bom, thì có thể chờ đợi được điều gì, thì ông ấy chỉ nói một cách ngắn gọn rằng, thì cứ chấm dứt đi, rồi sau đó sẽ rõ.

Chúng tôi muốn thông báo với Mátxcova rằng, tất cả những cố gắng của chúng tôi nhằm thiết lập các kênh liên lạc bí mật với Hà Nội để tìm các giải pháp hòa bình đều thất bại. Chúng tôi hiểu rằng Mátxcova có khó khăn cũng như chúng tôi thôi. Song chính phủ Mỹ tin tưởng một cách sâu sắc rằng, dù thế nào đi nữa, số phận của hòa bình và chiến tranh rút cuộc sẽ nằm trong tay của hai nước chủ chốt là Liên Xô và Mỹ, và cả hai nước, nếu xét về mọi phương diện, dù có những lý do khác nhau, đều muốn dần dần giải quyết được cuộc xung đột Việt Nam cũng như cải thiện quan hệ Xô - Mỹ, Ngoại trưởng nói vậy.

Căn cứ vào các chỉ thị của Mátxcova mà tôi nhận được, tôi trả lời Rascơ rằng, theo cách đánh giá của chúng tôi, mấy tháng gần đây, trong chính sách của Mỹ đã có những thay đổi lớn, theo hướng xấu đi. Tôi nhận thấy Rascơ không thích sự đánh giá của chúng ta rằng chính sách của Chính phủ Mỹ hiện nay khác hẳn những phương hướng chính trị của thời kỳ Kennơđi (phải công nhận rằng cách đánh giá như vậy không thỏa đáng lắm).

Vì không bằng lòng với sự so sánh đó, Rascơ tuyên bố gay gắt rằng, nếu nghi đường lối của Kennơđi khác hẳn đường lối hiện nay thì sai lầm, bởi vì dưới thời Kennơđi cũng đã có những rắc rối lớn như vấn đề Béclin và Cuba. Rascơ đã có cơ sở để chứng minh rằng, những mầm mống của nhiều vấn đề tranh chấp giữa hai nước chúng ta, thậm chí cả vấn đề Việt Nam, đã nảy sinh ngay từ thời kỳ Kennơđi.

Cuộc nói chuyện, nói chung, không có gì lý thú cho cả hai chúng tôi.

Khi nghỉ phép ở Mátxcova, tôi được dự một số cuộc họp của Bộ chính trị, được nói chuyện với Brêgionhép, Grômucô và các nhà lãnh đạo khác. Mọi người

đều công nhận rằng, Việt Nam và quan hệ với Mỹ trong vấn đề này là một trong những vấn đề chủ yếu đối với Liên Xô trong chính sách đối ngoại. Một tình hình thật trái khoáy. Tất cả đều hiểu rằng, quan hệ với Mỹ là có tầm quan trọng hàng đầu. Còn Việt Nam; nếu xét về lợi ích quốc gia và dân tộc, thì không mang lại lợi ích gì đáng kể cho Liên Xô. Tưởng rằng, chính sách đối ngoại của Liên Xô đáng ra đã rõ ràng. Song ở đây, yếu tố mạnh mẽ về tư tưởng “đoàn kết quốc tế” với nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã phát huy tác dụng. Tư tưởng đó vẫn ngự trị một cách vững chắc trong đầu của Cremlin và thường xuyên gây ảnh hưởng tiêu cực tới quan hệ với Mỹ, nhiều khi bất chấp cả những lợi ích của chính mình. Trong các câu chuyện riêng với tôi, nhiều nhà lãnh đạo Liên Xô đều thừa nhận như vậy. Nhưng trong chính sách thực tế, “hội chứng Việt Nam” trong thời gian dài vẫn là một gánh nặng trong quan hệ với Mỹ, cản trở chính sách hòa dịu.

Cũng như mọi khi, sau khi đi nghỉ về, vào tháng Chín, tôi đã gặp Tômsơn. Ông ta tỏ ý lấy làm tiếc rằng, hiện nay chưa có sự trao đổi thư từ mật giữa Giônxon và các nhà lãnh đạo Liên Xô. Tôi trả lời, như đã rõ ràng, sáng kiến về việc đình chỉ việc đó không phải xuất phát từ phía Liên Xô. Tôi và ông ta đã thỏa thuận với nhau là sẽ tác động để nối lại.

Sau khi gặp Grômucô tại Đại hội đồng Liên hợp quốc, và khi nói chuyện với tôi, Rascơ tỏ ra hài lòng về một vấn đề quan trọng là trong khi có các sự kiện ở Việt Nam, hai cường quốc lớn nhất thế giới ở hai phe khác nhau vẫn đối thoại được một cách nghiêm túc và trao đổi chi tiết nhiều vấn đề. Ông ta nhấn mạnh, điều đó chứng tỏ rằng, mặc dù quan hệ hai nước có xấu đi do có vấn đề Việt Nam và ảnh hưởng tiêu cực của nó đối với khả năng có thể thỏa thuận về các vấn đề quốc tế quan trọng khác, các nhà lãnh đạo hai nước vẫn thấy được tầm quan trọng là phải duy trì các cuộc tiếp xúc với nhau mà trong tương lai có thể giữ vai trò quan trọng, kể cả trong khuôn khổ của một giải pháp khả dĩ về vấn đề Việt Nam, cho dù lúc này Liên Xô từ chối làm trung gian theo cách nào đó giữa Oasinhton và Hà Nội.

HỆ THỐNG PHÒNG THỦ CHỐNG TÊN LỬA: CUỘC TRANH LUẬN TRONG BAN LÃNH ĐẠO LIÊN XÔ

... Ban lãnh đạo Liên Xô cũng muốn cải thiện quan hệ với Mỹ trên các vấn đề cụ thể và đã đáp ứng các sáng kiến tích cực do chính quyền Giônxon đề ra. Tuy nhiên, vì phải giữ nguyên tắc “quốc tế vô sản”, họ đã không sẵn sàng tiếp thu toàn bộ công thức của Mỹ về bình thường hóa quan hệ Xô - Mỹ, bởi vì bộ phận không thể tách rời của công thức đó vẫn là “chính sách dùng sức mạnh” chống Việt Nam. Liên Xô vẫn tiếp tục viện trợ mạnh về quân sự cho miền Bắc. Điều đó tất nhiên là đã gây rắc rối lớn cho quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ. Đã hình thành một thế bế tắc rất đặc thù về mặt chính trị mà Mátxcova không nhìn thấy lối thoát hiện thực là ở đâu. Thực sự là tại cuộc họp của Bộ Chính trị, người ta đã chỉ trích cả Mỹ, cả Trung Quốc và Bắc Việt Nam là đã không chịu tìm kiếm giải

pháp hòa bình có tính thỏa hiệp cho vấn đề Việt Nam. Nhưng thiện cảm của chúng ta vẫn dành cho nước xã hội chủ nghĩa nhỏ bé là Việt Nam dân chủ cộng hòa, nước đã dám thách thức một nước Mỹ hùng mạnh vì mục tiêu thống nhất đất nước.

Tất cả những điều đó đã được phản ánh ở Đại hội XXIV Đảng cộng sản Liên Xô họp tháng 5 - 1966, Đại hội đã dành không ít sự chú ý tới quan hệ Xô - Mỹ và phê phán chính sách của Mỹ ở Việt Nam.

Cuộc đời của nhà ngoại giao thường có nhiều bước ngoặt, chính vì vậy mà nó lý thú. Sau khi Đại hội kết thúc được vài tuần, Bộ ngoại giao Mỹ đã tổ chức cho các đoàn ngoại giao có một chuyến đi đến Vinliamsbuốc, một thành phố rất cổ, nơi mà vào thời kỳ Mỹ còn là thuộc địa, viên toàn quyền người Anh đã sống ở đó. Nhưng bỗng nhiên Rascơ nhận được chi thị là ngay tối hôm đó phải trở về Oasinhton. Tôi cũng phải quay về, không chờ được các nhà ngoại giao của các nước khác, vì họ đi bằng xe buýt hôm sau mới đến.

Rascơ đề nghị tôi cùng đi bằng máy bay của ông ta. Chúng tôi phải ghé vào nhà hàng của sân bay chờ, vì trời xấu. Tại đó, chúng tôi bỗng gặp Uintróp Rốcphenlơ (em trai của Nensơn Rốcphenlơ), người đang tranh cử vào chức thống đốc bang Acandasơ (Arkansas). Rascơ biết rất rõ ông ta và đã giới thiệu với tôi. U. Rốcphenlơ bắt đầu kể về các cuộc gặp mặt với cử tri và về các vấn đề mà họ quan tâm (bản thân ông ta tự coi mình là đảng viên cộng hòa theo phái tự do và là người đầu tiên trong bang nhấn mạnh tới các vấn đề xã hội của các cử tri da đen, vì vậy đã giành được đa số phiếu và thắng lợi).

Cuối cùng gặp, Rốcphenlơ tặng tôi một món quà - một huy hiệu mạ vàng có ghi tắt tên ông ta "U.R.", thứ ông ta tặng cho các thành viên danh dự trong chiến dịch bầu cử của ông ta. Chiếc huy hiệu đã được cài ngay lên áo của tôi. Và tôi cũng đã quên hẳn điều đó.

Sau đó vài tuần, tôi về Mátxcova và được mời dự cuộc họp của Bộ chính trị để báo cáo về tình hình ở nước Mỹ và quan hệ Xô - Mỹ. Khi tôi báo cáo, Brêgiônhep trông thấy chiếc huy hiệu óng ánh trên ve áo mà tôi quên chưa tháo ra. Ông hỏi luôn, đó là cái gì vậy?

Tôi buộc phải giải trình rằng, đó là lời "kêu gọi bỏ phiếu cho U. Rốcphenlơ" và nhận nó từ chính tay ông ta. Tên tuổi của Rốcphenlơ có tiếng vang khá nặng cân trong các giới của.

"ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ SẼ ĐI ĐẾN ĐÂU?"

Ngày 10 - 10, có cuộc gặp giữa Grômucô với Tổng thống Giônxon tại Nhà Trắng.

Khi thảo luận vấn đề Việt Nam, Giônxon nói sẵn sàng đàm phán với Việt Nam dân chủ cộng hòa và kêu gọi Liên Xô sử dụng mọi ảnh hưởng của mình tác động với Việt Nam để làm việc đó.

Grômucô nhấn mạnh rằng, tất cả các tuyên bố của Mỹ về sự mong muốn chấm dứt chiến tranh luôn kèm theo những điều kiện tiên quyết mà có thể thấy trước rằng nó không thể chấp nhận được đối với phía bên kia, bởi vì nếu chấp nhận, thì trên thực tế, có nghĩa là đầu hàng. Grômucô nói tiếp, có một vấn đề được đặt ra là: nếu Mỹ cứ tiếp tục hành động như hiện nay, thì điều gì sẽ xảy ra? Đương nhiên là các nước khác kể cả Liên Xô vì những lý do có thể hiểu được, sẽ giúp đỡ Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Và khi đó, thì Mỹ và trông chừng mục nào đó, cả Liên Xô nữa, sẽ bị lôi cuốn vào các sự kiện đó. “Chẳng nhẽ lịch sử đã chuẩn bị sẵn cho Mỹ và Liên Xô cái số phận như vậy sao? Chìa khóa để sớm kết thúc chiến tranh đang nằm trong tay Mỹ; điều đó đang tùy thuộc ở chính sách của các ngày”, Thủ tướng Liên Xô đã tuyên bố khá long trọng như vậy. Ông nhấn mạnh rằng, trước hết cần phải chấm dứt ném bom Việt Nam dân chủ cộng hòa một cách vô điều kiện.

Khi trả lời, Giônxon vẫn nêu lại lý lẽ cũ rằng, Mỹ đã chấm dứt ném bom những hai lần, nhưng Bắc Việt Nam vẫn không có phản ứng gì.

Điều lý thú nhất có lẽ là ở chỗ, đằng sau những yêu cầu của Grômucô về việc chấm dứt ném bom, Chính phủ Liên Xô không có một kế hoạch nào tiếp để giải quyết cuộc xung đột. Trong vấn đề này, Liên Xô chỉ dựa vào Hà Nội, mặc dù Hà Nội không chia sẻ gì với Mátxcova về những kế hoạch cụ thể cho vấn đề này.

Tóm lại, cũng như trước đây, câu chuyện với Tổng thống về vấn đề Việt Nam vẫn chưa kết thúc.

Nhìn chung, cuộc tiếp xúc cấp cao Xô - Mỹ như vậy đã có lợi cho việc trao đổi rộng rãi các ý kiến của hai bên và tính tới những lo ngại có thể có. Cũng đã thúc đẩy được một bước trong việc cải thiện một vài quan hệ song phương giữa hai nước.

Sau đó ít lâu, Thượng nghị sĩ Phunbrai cũng đã có cuộc nói chuyện với Tổng thống. Như Thượng nghị sĩ sau này kể lại, Tổng thống rất coi trọng việc tăng cường quan hệ Xô - Mỹ. Nhưng ông ta cũng cho rằng, cái bẫy của Trung Quốc ở Việt Nam, mà cả hai nước, tất nhiên là ở mức độ khác nhau, đã mắc phải đó, đã hạn chế nghiêm trọng sự phát triển của các quan hệ đó. Tổng thống khẳng định rằng ông ta không thể để “bị mất mặt”, do đó sẽ tiếp tục gây sức ép quân sự với Hà Nội.

SỰ TRUNG GIAN KHÔNG THÀNH CỦA CÔXUGHIN

Đầu tháng 2, Côxughin đi thăm chính thức nước Anh. Ngoài việc xem xét các vấn đề chính trong quan hệ Xô - Anh ra, ban lãnh đạo Liên Xô có quan tâm ở mức nhất định việc thảo luận với Chính phủ Anh để tìm kiếm giải pháp cho cuộc xung đột ở Việt Nam. Hy vọng rằng, thông qua người Anh có thể gây thêm sức ép với Oasinhton. Hà Nội cũng đã đề nghị với chúng ta như vậy.

Chính quyền Giônxon cũng không phản đối sử dụng vai trò của Côxughin trong vấn đề Việt Nam.

Tại Mátxcova, người Mỹ đã chuyển cho chúng ta bức công hàm mật của Giônxon gửi Hồ Chí Minh. Trong công hàm có nêu đề nghị: Mỹ sẽ đình chỉ các cuộc ném bom và không tăng thêm quân Mỹ ở Nam Việt Nam để đổi lại việc Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa hứa là sẽ không đưa thêm quân vào miền Nam.

Đề nghị mới đó đã được chuyển cho Hà Nội trước lúc Côxughin lên đường sang Anh, nhưng, - Rascơ than vãn - đến lúc này vẫn chưa có hồi âm gì.

Theo đề nghị của Thủ tướng Anh Uynson, Côxughin đã chuyển từ Luân Đôn (qua Mátxcova rồi đi Hà Nội) những ý kiến của Giônxon về một giải pháp có thể có cho cuộc xung đột. Về phần mình, các nhân Côxughin cũng nêu lên với cụ Hồ những ý kiến của ông nhằm tìm kiếm các giải pháp có tính thỏa hiệp. Brêgionhép rất không vừa lòng với sáng kiến đó của Côxughin, nhưng cũng nhân nhượng, không muốn tự rơi vào địa vị của một người gây trở ngại cho giải pháp.

Trong lúc chờ đợi hồi âm, Giônxon đã tiến hành một loạt cuộc ném bom lãnh thổ miền Bắc trong vòng một số ngày. Nhưng khi số ngày mà Giônxon quy định đã qua đi, dưới sức ép của giới quân sự - những người đang lo sợ về sự tập trung quân của miền Bắc, Giônxon vẫn không muốn cho ném bom tiếp, giống như Côxughin đề nghị, với hy vọng là sẽ nhận được sự trả lời thuận lợi, mở ra con đường đi tới đàm phán. Như vậy là vai trò có thể coi là trung gian của Thủ tướng Liên Xô đã không thành. Côxughin rất thất vọng vì ông đã hy vọng lập lại được "phương án Tasken" đó (là sự trung gian của ông trong quan hệ giữa Ấn Độ và Pakixtan). Tình hình đó đã làm cho Mátxcova không còn muốn dính líu vào các việc trên.

Sau đó, Rascơ đã cố biện bạch cho việc ném bom trở lại ở miền Bắc rằng, đó là do "sự hiểu lầm", song sự biện bạch đó không có mấy thuyết phục.

Ít lâu sau, Rascơ lại chuyển đề nghị mới là nếu Liên Xô đồng ý với đề nghị của Mỹ về việc "Xô - Mỹ cùng xuống thang" trong việc cung cấp vũ khí cho hai phía của Việt Nam, thì Mỹ có thể xem xét vấn đề chấm dứt ném bom. Nhưng Mátxcova đã không trả lời.

Lúc này lại xuất hiện thêm một sự nhức nhối mới: Con gái của Xtalin là Xvétlana, sau khi được Côxughin cho phép đi Ấn Độ đã không trở về, mà bay đi Mỹ. Mátxcova tin chắc rằng "cuộc chạy trốn" này là do người Mỹ, không phải không có sự đồng ý của Nhà Trắng tổ chức, mặc dù Rascơ đã phủ nhận điều đó.

... Vấn đề Việt Nam được Giônxon quan tâm nhiều hơn cả. Côxughin nhấn mạnh rằng việc giải quyết vấn đề Việt Nam chỉ có thể thực hiện được với điều kiện là phải chấm dứt ném bom Việt Nam dân chủ cộng hòa và rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

... Vấn đề Việt Nam được Giônxon quan tâm nhiều hơn cả. Côxughin nhấn mạnh rằng việc giải quyết vấn đề Việt Nam chỉ có thể thực hiện được với điều kiện là phải chấm dứt ném bom Việt Nam dân chủ cộng hòa và rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

... Giônxon hỏi thẳng rằng, liệu chúng ta có thể giúp Mỹ trong cuộc đàm phán với Việt Nam được không, nếu Mỹ ngồi vào bàn đàm phán. Ông ta muốn chúng ta là bên thứ ba để góp phần giải quyết một cách thuận lợi vấn đề về quyền tự quyết của Nam Việt Nam để rồi Mỹ có thể rút ra. Ông ta nói, Mỹ sẵn sàng rút hết quân ra khỏi Việt Nam.

Côxughin không hứa hẹn với Giônxon điều gì, bởi lẽ ông không được ủy quyền gì cả. Ông nhấn mạnh rằng, cuộc đàm phán phải được tiến hành một cách trực tiếp, giữa Mỹ và Việt Nam (trong điện gửi về Mátxcova về cuộc nói chuyện đó, Côxughin bình luận rằng, cá nhân ông không tin là Việt Nam sẽ đồng ý đàm phán, cho dù Mỹ có đồng ý chấm dứt ném bom miền Bắc). Tuy vậy, tại cuộc họp báo tại NiuOóc, ông ta tuyên bố, “để cải thiện quan hệ giữa hai nước thì trước hết Mỹ phải chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam”....

Ngày 25 -6, là cuộc gặp thứ hai. Về cơ bản, hai bên vẫn thỏa thuận các vấn đề đã nêu. Giônxon nói rất nhiều đến vấn đề Việt Nam và phòng thủ chống tên lửa.

Giônxon nói, ông ta đã suy nghĩ lại một lần nữa về tất cả mọi vấn đề và quyết định nêu một đề nghị mới với Việt Nam dân chủ cộng hòa. Mỹ có thể chấm dứt ném bom Việt Nam dân chủ cộng hòa với điều kiện là ngay sau khi chấm dứt ném bom phải bắt đầu luôn các cuộc đàm phán giữa Mỹ và Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhưng nếu Hà Nội chơi cái trò kéo dài đàm phán thì Mỹ dành cho mình quyền tự do hành động.

Côxughin hoàn toàn không tin vào lập trường của Bắc Việt Nam, vì họ chẳng thông báo gì cho chúng ta về những quan điểm liên quan tới giải pháp thỏa hiệp. Vì vậy, ông vẫn cứ tuân theo quan điểm như đã rõ của Liên Xô là : việc giải quyết vấn đề Việt Nam chỉ có thể được thực hiện nếu chấm dứt ném bom miền Bắc và rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

... Sau cuộc gặp ở Glasbôrô khoảng một tháng, thay mặt cho Giônxon, Rasco có hỏi là đề nghị mà Giônxon nêu ra khi gặp Côxughin, đã được chuyển cho Việt Nam dân chủ cộng hòa chưa và đã nhận được phản ứng chính thức nào của Hà Nội chưa. Mátxcova trả lời: yêu cầu của Tổng thống đã được thực hiện nhưng do Mỹ vẫn tiếp tục mở rộng chiến sự ở Việt Nam, cho nên phía Việt Nam không thể có phản ứng thuận lợi đối với đề nghị của chính phủ Hoa Kỳ được.

Trong khi đó, tại Oasinhton có tin đồn rằng, do Việt Nam không chịu lay chuyển, hơn nữa chiến dịch bầu cử đang đến gần, cho nên Giônxon rất giận dữ, có thể áp dụng “những biện pháp quân sự đặc biệt” tại Việt Nam.

Tôi quyết định nói chuyện này với Hariman. Ông này nói, Chính phủ Mỹ vẫn sẵn sàng đàm phán với Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhưng phía bên kia vẫn chưa đồng ý. Oasinhton sẽ tiếp tục gây sức ép về quân sự. Tuy nhiên, Tổng thống “hoàn toàn loại trừ” việc sử dụng vũ khí hạt nhân chiến thuật, cũng như đổ bộ vào lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Đại sứ Pháp Liusè cũng nêu vấn đề tương tự với người bạn lâu năm của mình là tướng Uynlerơ, Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân (Liusè làm việc này là do có đề nghị từ Pari). Đại sứ có hỏi ông tướng đó rằng, liệu Oasinhton có kế hoạch sử dụng vũ khí hạt nhân ở Việt Nam như báo chí đã viết không? Uynlerơ trả lời rằng, “không có ý định nào như thế”, song Nhà Trắng và Bộ chỉ huy quân sự Mỹ có đầy đủ quyết tâm cho Hà Nội biết tay và “không có ý định phải đầu hàng”...

RASCƠ ĐỀ NGHỊ MÁTXCƠVA CÙNG GIẢM QUÂN Ở CHÂU ÂU VÀ VAI TRÒ TRUNG GIAN Ở VIỆT NAM

... Chuyển sang vấn đề Việt Nam, Rascơ hỏi, tại sao Mátxcova không lặp lại “Tasken lần thứ hai”, nhưng là về Việt Nam? Sau đó, ông thuyết trình tỉ mỉ về ý nghĩ của mình về vai trò trung gian của Liên Xô và nhấn mạnh, đó là đề nghị nghiêm túc.

Tôi thì không thể trả lời thẳng cho ông ta được rằng, Việt Nam bác bỏ sự trung gian của Liên Xô, cũng như của các nước khác. Vì vậy tôi chỉ nhắc lại công thức cũ rằng, Mỹ và Việt Nam dân chủ cộng hòa phải tự đàm phán với nhau.

Cũng vào khoảng thời gian đó, Hariman tỏ vẻ phẫn nộ đã nói với tôi: “Khó mà tin nổi, nhưng sau một số năm chiến tranh, Giônxon vẫn chưa có được kế hoạch rõ ràng về việc thoát ra khỏi cuộc chiến tranh đó”. Theo lời ông ta, tổng thống chỉ còn có ba người có thể hiểu được cái gì đó trong quan hệ Xô - Mỹ, đó là Tômsơn, Bôlen và ông ta, Hariman. Tuy vậy, cũng đã xuất hiện nhiều người, đại loại như U. Rôxtâu, Brêdinxki, v.v, tức là những người tự coi mình là các chuyên gia lớn về chủ nghĩa cộng sản, và khi họ đã tiếp cận được với Tổng thống, thì họ sẽ “dùng các lý thuyết, các quan điểm và lời khuyên của họ làm cho ông ta bị rối bời”.

Phunbrai kể rằng, ông ta đã khuyên Giônxon từ bỏ ý định nguy hiểm là chính thức tuyên chiến với Việt Nam dân chủ cộng hòa. “Các cố vấn của đảng” đã thúc giục ông ta làm việc đó. Theo ý họ, làm như vậy thì cuộc chiến tranh ở Việt Nam sẽ mang tính chất yêu nước và thắng được trong cuộc bầu cử tổng thống. Giônxon đã lưỡng lự để hỏi ý kiến các bạn cũ.

...Cuộc can thiệp của Mỹ ở Việt Nam, thực chất đã được bắt đầu từ giữa những năm 1950. Các Tổng thống Truman, Aixenhao và Kennơđi là những người đã đưa cuộc can thiệp đến chỗ công khai. Có thể họ đã không có nhận thức đầy đủ về việc đó, khi họ thực hiện hành động này hay hành động khác về chính trị, quân sự hay tâm lý ở khu vực này, nhưng thực chất đúng là như vậy. Còn Giônxon, thực chất là đã tiếp tục và đưa đường lối của nước Mỹ ở Đông Dương đến tình trạng khủng hoảng. Nếu như vào cuối năm 1963, số “cố vấn quân sự” Mỹ ở Nam Việt Nam mới có 25 ngàn người, thì đến tháng 12 -1965, ở Việt Nam đã có tới 400 nghìn lính Mỹ.

Phải nói rằng, ngay khi Mỹ mới bắt đầu can thiệp vào Việt Nam, đã có sự đồng ý của hai đảng về việc thực hiện chính sách đối ngoại trên cơ sở sức mạnh

quân sự. Nhưng cùng với việc cuộc phiêu lưu quân sự ở Việt Nam bị thất bại, ở Mỹ đã dấy lên phong trào chống chiến tranh. Tình hình ở trong nước vào những năm 1966 - 1967 đã nói lên sự phân hóa sâu sắc trong tất cả các tầng lớp xã hội xoay quanh vấn đề chiến tranh ở Việt Nam. Vào giữa năm 1967, lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu có chiến tranh, đa số những người được Viện Halúp hỏi đã không tán thành chính sách của chính phủ Giônxon ở Việt Nam. Đa số đó đã không ngừng tăng. Mọi người còn nhớ tới các đám cháy, các vụ lộn xộn trong các trường đại học, việc từ bỏ quân dịch của số đông thanh niên, việc đảo ngũ khỏi quân đội, các cuộc biểu tình rầm rộ, các cuộc mít tinh, các đội cận vệ và xe tăng trên phố. Phải nói rằng, cuộc “hội chứng Việt Nam” ngày càng gia tăng đã được thể hiện chẳng những trong các hoạt động của thanh niên, mà cả ở sự bất bình của các tầng lớp rộng rãi trong xã hội và phần lớn các “thể chế” chính trị trong nước. Nói tóm lại, vào nửa cuối những năm 1960, sự chống đối lại chính sách của Mỹ ở Đông Dương đã tăng lên nhanh chóng.

Giữa tháng Giêng và tháng 3 của năm 1968, uy tín trong nước của Tổng thống đã bị sa sút nghiêm trọng. “Sự nhất trí dân tộc” về việc tiến hành chiến tranh đã đến hồi kết thúc. Chiến tranh ở Việt Nam đã trở thành “chiến tranh của Giônxon”. Cuộc sống đã chứng tỏ rằng, ở ngay nước Mỹ, số phận và uy tín của các nhà hoạt động chính trị đã không ổn định đến mức nào.

CUỘC GẶP QUAN TRỌNG VỚI GIÔNxon

Ngày 31 -3, tôi bỗng được Tổng thống mời đến gặp gấp tại Nhà Trắng.

6 giờ tối hôm đó, khi tôi tới, người ta đưa tôi lên gác ba, nơi có các phòng ở của Tổng thống. Điều đó khá là bất thường. Bà Giônxon ra đón, mời tôi dùng trà và nói, sau vài phút nữa Tổng thống sẽ ra. Ít phút sau, Giônxon đi ra vẻ mệt mỏi và lo lắng.

Khi chúng tôi còn lại có hai người với nhau ông ta nói rằng, tối nay ông ta sẽ phát biểu trên vô tuyến truyền hình trung ương về vấn đề Việt Nam. Nhưng ông ta muốn báo trước cho chính phủ Liên Xô biết về dự định của riêng ông và về những biện pháp đã được thông qua nhằm giảm bớt cuộc đổ máu tại Việt Nam mà ông ta hy vọng là nó sẽ mở đầu cho việc đi tới một giải pháp hòa bình.

Thực sự, đó là một thông báo thẳng thắn, không công khai, đề nghị chính phủ Liên Xô góp sức vào việc chấm dứt cuộc xung đột vũ trang tại Việt Nam, nhưng vẫn là theo các điều kiện của ông ta.

Theo lời của Giônxon, khi thông báo với chính phủ Liên Xô, ông ta xuất phát từ chỗ cho rằng, Liên Xô, một là, có vai trò lớn trong các vấn đề quốc tế, Liên Xô là đồng chủ tịch của Hội nghị Giơnevơ: “Chúng tôi hy vọng, Liên Xô sẽ có tác động tích cực trong vấn đề này”.

Tôi sẽ thực hiện biện pháp thứ nhất để dẫn tới sự xuống thang trong cuộc xung đột, - Tổng thống nói. Chúng tôi sẽ đơn phương giảm một cách đáng kể các hoạt động quân sự, kể cả cuộc không quân và hải quân. Những vùng được ngừng

ném bom sẽ bao quát hơn 90 phần trăm dân cư của Bắc Việt Nam và phần lớn lãnh thổ của họ. Thậm chí việc ném bom một cách hạn chế ở Bắc Việt Nam có thể đi tới chỗ chấm dứt hoàn toàn, nếu như sự kiểm chế nào đó. Tôi kêu gọi các đồng Chủ tịch của Hội nghị Giơnevơ hãy làm tất cả những gì có thể làm được, để từ những hành động đơn phương mà tôi quyết định, có thể đi tới hòa bình thực sự. Tôi sẵn sàng cử đại diện tham gia bất kỳ cuộc gặp gỡ nào. Tôi cử Hariman làm đại diện tại các cuộc đàm phán đó. Tôi hy vọng rằng ông Hồ Chí Minh sẽ đáp lại một cách tích cực.

Tổng thống Giônxon đặc biệt nhấn mạnh về vai trò của Liên Xô. Ông ta nói, tôi tin là chính phủ Liên Xô có thể đóng vai trò xuất sắc trong việc giải quyết cuộc xung đột. Tấm gương Tasken một lần nữa sẽ chứng tỏ Liên Xô có ảnh hưởng lớn như thế nào.

Giônxon nói tiếp, những tin đồn nói rằng, tôi muốn giải quyết vấn đề bằng vũ lực là không đúng với thực tế. Hiểu rõ vai trò quan trọng của Liên Xô trong việc gìn giữ hòa bình và ngăn ngừa cuộc xung đột quốc tế lớn, mà Mỹ cũng không muốn có, tôi chủ trương, thậm chí trong thời điểm khó khăn hiện nay do việc chúng ta bị các sự kiện ở Việt Nam chia rẽ, quyết duy trì quan hệ bình thường giữa Mỹ và Liên Xô ở mức tối thiểu có thể có, tìm mọi cách tránh không để cho ác quan hệ đó xấu thêm, còn trong các lĩnh vực nào có khả năng, ví dụ như trong vấn đề không phổ biến vũ khí hạt nhân, còn có thể có những hoạt động chung, theo cùng một hướng, vì điều đó phù hợp với lợi ích của hai nước. Tôi dự định sẽ tiếp tục đi theo đường lối chung đó trong quan hệ Mỹ - Xô. Hy vọng rằng các vị lãnh đạo Liên Xô cũng chủ trương như vậy.

Để kết luận, Tổng thống nói, Chính phủ Hoa Kỳ cho rằng, Liên Xô có trách nhiệm đặc biệt và giữ vai trò rất lớn ở Việt Nam. Nếu không có sự giúp đỡ về quân sự của Liên Xô, thì đối phương của chúng tôi khó mà đứng vững lâu được. Chỉ có sự giúp đỡ của Liên Xô mới làm cho điều đó trở thành hiện thực. Nhưng chúng tôi cũng hiểu lập trường nguyên tắc của các ngài và không có ý định thảo luận một cách cụ thể vấn đề đó vào lúc này, mặc dù chúng tôi hoàn toàn không bàng quan về vấn đề đó. Chúng tôi đã có thể, và chắc chắn đã mắc phải những sai lầm nhất định ở Việt Nam. Song lúc này chúng tôi thật sự sẵn sàng tiến tới cuộc đàm phán nghiêm túc để đạt được giải pháp về hòa bình. Tôi đề nghị truyền đạt điều đó tới Mátxcova. Tôi rất hy vọng rằng Chính phủ Liên Xô sẽ xem xét một cách chăm chú nhất và sớm nhất những ý kiến tôi đã nêu.

Sau khi nghe tôi nói rằng lấy làm tiếc, vì những biện pháp do ông ta kể, không quy định việc hoàn toàn chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam, Giônxon bắt đầu nổi nóng và khẳng định rằng, ông ta không thể phó mặc số phận của các đơn vị và các vị trí của Mỹ đóng ở Nam Việt Nam được, nhất là ở gần khu phi quân sự, nơi có tới 5 sư đoàn quân của Bắc Việt Nam. Nếu quân Mỹ bị tiêu diệt, thì phản ứng trong nội bộ nước Mỹ sẽ rất dữ dội, và lúc đó sẽ khó mà giữ được sự kiểm chế của Hoa Kỳ trong việc sử dụng toàn bộ sức mạnh quân sự. Với tư cách là Tổng thống, ông ta không muốn để cho tình hình đó xảy ra và buộc phải duy

trì việc ném bom ở mức tối thiểu ở phía Bắc khu phi quân sự, thuận tụy là vì những lý do về quân sự. Ông ta nói về mặt môi: "Tôi hoàn toàn không có sự lựa chọn nào khác.

Khi tạm biệt, Tổng thống trao cho tôi bài phát biểu sắp tới trên vô tuyến truyền hình.

Sau khi nói chuyện với Tổng thống, tôi ghé gặp Rôxtâu và ngồi với ông ta gần một giờ. Khi đi ra, tôi bỗng dừng gặp lại Giônxon ở hành lang. Ông ta đi chậm rồi dừng lại và nói rằng, muốn thông báo cho tôi thêm một việc nữa, hoàn toàn là tin cậy như sau: cuối bài phát biểu tối nay trên vô tuyến truyền hình về vấn đề Việt Nam, ông ta dự định sẽ công bố quyết định là sẽ không ra tranh cử tổng thống nữa. Ông ta tin tưởng rằng quyết định đó sẽ làm dịu bớt cơn thịnh nộ xung quanh vấn đề Việt Nam trong quá trình vận động bầu cử, hơn nữa có thể giúp giải quyết toàn bộ cuộc xung đột ở Việt Nam một cách có kết quả. Ông ta nói, tôi sẽ cho thấy rằng tôi hoàn toàn không bị gò bó bởi sự ham muốn về quyền lực như nhiều người thường nghĩ. Tôi cố hiến phần thời gian còn lại để phụng sự đất nước một cách phi đảng phái. Ông là người ngoại quốc đầu tiên biết chuyện này. Trong số những người Mỹ, thì cũng chỉ có 4-5 người, trong đó có vợ tôi là biết quyết định này.

Giônxon đã nói rất cả những điều đó một cách hồi hộp ra mặt, thậm chí rất khó nhọc. Sắc mặt ông ta không được tốt. Rõ ràng là quyết định đó - gần một năm trước khi kết thúc nhiệm kỳ làm Tổng thống - đã làm suy yếu hẳn khả năng của ông ta có thể tiếp tục tác động vào các sự kiện ở trong và ngoài nước trong khi ông vẫn còn ở lại Nhà Trắng một thời gian khá dài. Rõ ràng cú sốc mạnh về tâm lý - việc ông ta kiên trì theo đuổi cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã bị nhiều người nói, chỉ vì ông ta muốn "gỡ thế diện" và cố để được bầu lại, bất chấp mọi sự mất mát - đã đẩy ông ta tới tình trạng đó. Ông ta quyết định chứng minh cho mọi người thấy rằng, ông ta sẵn sàng hy sinh nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống chỉ cốt làm cho dư luận ở trong nước yên đi đôi chút và đứng trên lập trường đó để tìm ra "những điều kiện danh dự" cho việc giải quyết cuộc xung đột. Đúng rồi, việc ông ta có thể giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử đang trở nên ngày một xa vời. Cuối cùng thì cuộc Chiến tranh Việt Nam đã trở thành cái bẫy đối với cá nhân ông ta. Tuyên bố về việc không muốn ra tranh cử lần nữa, thực chất Giônxon muốn tự thoát khỏi tình trạng căng thẳng kéo dài về thần kinh mà giờ đây ông ta không thể chịu nổi được nữa. Dù thế nào thì lúc đó ông ta trông có vẻ như một người đã trút được gánh nặng về thần kinh. Lịch sử đã diễn ra ngay trước mắt tôi.

Ông ta đã đọc bài phát biểu bi đát đó vào lúc 9 giờ tối ngày 31 -3, ngay tại phòng làm việc của mình ở Nhà Trắng. Tại đó còn có các thành viên trong gia đình ông ta (nhưng ở ngoài ống kính của vô tuyến truyền hình).

Phần đầu bài phát biểu của ông về Việt Nam chẳng có gì mới đối với nhiều người Mỹ. Chỉ có một vài người ở Nhà Trắng, và cả tôi nữa, vì tôi đã tình cờ

được chứng kiến tấn bi kịch của cá nhân Tổng thống, chỉ chờ xem câu cuối cùng của ông ta là gì. Ông ta đã dừng lại một khoảnh khắc, dường như để tập trung ý chí, rồi nói: “Tôi sẽ không phấn đấu và cũng không chấp nhận việc Đảng đề cử tôi ra tranh cử tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa”.

Đó đúng là một sự giật gân. Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã trở thành nỗi bất hạnh đối với Giônxon.

Phải nói rằng, chính gia đình Giônxon đã trở thành tông phạm trong cuộc chiến tranh đó. Đúng lúc Tổng thống sắp sửa phát biểu, thì con gái của ông ta là Linda đã tiễn chồng đi Việt Nam; anh ta là đại úy trong quân đội Mỹ. Như Giônxon đã viết trong hồi ký của ông ta, khi quá thất vọng, chị ta - một phụ nữ trẻ - đã hỏi người cha rằng, chồng chị phải đi một nơi xa xôi nào đó để đánh nhau và có thể bị giết để bảo vệ cho một dân tộc mà làm gì, một khi dân tộc ấy lại không muốn có sự bảo vệ đó.

Trong bài phát biểu trên vô tuyến truyền hình Giônxon không nói được điều gì có tính thuyết phục để biện bạch cho đường lối đối ngoại của ông ta. Chẳng những thế, ngày hôm sau, khi phát biểu tại Chicagô, trước Hiệp hội những người làm công tác thông tin, Giônxon đã giận dữ lên án họ về tất cả những thất bại của Mỹ ở Việt Nam. Chính họ, Tổng thống tuyên bố như vậy đã đẩy cả đất nước chống lại ông ta. Bài phát biểu đó đương nhiên là đã chẳng mang lại thêm cho ông một cành nguyệt quế nào.

Đối với tôi, quyết định đó của Tổng thống đương nhiên là hoàn toàn bất ngờ. Mátxcova cũng cảm thấy như vậy. Bước đi đó đã làm vỡ kế hoạch của ban lãnh đạo Liên Xô dự định tổ chức cuộc gặp mới với Giônxon.

Sau đó vài ngày, Hariman thông báo cho tôi về việc Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chính thức đồng ý đàm phán với Hoa Kỳ. Xét về mọi mặt, Bắc Việt Nam đã quyết định nấn gân chính quyền Mỹ sau khi Giônxon quyết định không ra tranh cử.

Phái đoàn Mỹ do Hariman dẫn đầu. Phó của ông ta là Sairut Venơ. Nhưng cuộc đàm phán được bắt đầu sau đó ít lâu tại Pari thì ngay lập tức lại mang tính chất kéo dài.

Khi Mátxcova hỏi Hà Nội xem tình hình ra sao, thì Hà Nội trả lời rằng, không thể đàm phán với Mỹ một cách có hiệu quả được trong lúc họ vẫn tiếp tục ném bom miền Bắc. Ban lãnh đạo Bắc Việt Nam cho biết, lập trường của Việt Nam có thể sẽ mềm dẻo hơn, nếu chấm dứt ném bom. Hà Nội lại làm cho Mátxcova bị nhầm lẫn một lần nữa. Và Mátxcova đã quyết định không giữ vai trò trung gian một cách không hiệu quả nữa.

Ngày 5-6, tôi được ủy nhiệm trao cho Giônxon bức công hàm của Còxughin.” Tôi và các đồng sự của tôi cho rằng, nếu Mỹ chấm dứt hẳn các cuộc ném bom và các hoạt động quân sự khác chống lại Việt Nam dân chủ cộng hòa, thì có thể xoay chuyển được tình thế và mở ra triển vọng có thể giải pháp hòa bình, kể cả tại cuộc đàm phán Pari mà hiện nay chưa có tiến bộ”.

Bức công hàm đó đã gây ra sự tranh luận sôi nổi tại cuộc họp của Giônxon. Kết quả là đã soạn thảo được thư trả lời của Giônxon gửi Côxughin, nội dung như sau: Chính phủ Mỹ thấy không thể chấm dứt hẳn các cuộc ném bom được. Hariman thông báo dưới dạng tin cậy rằng, tại cuộc họp, các tiếng nói đã bị chia rẽ như sau: Clípphốt, Venơ và Hariman thì đề nghị trả lời Cônxughin là đồng ý, còn Rascơ, U. Rôxtai và U. Bơndi thì chống lại.

Câu trả lời đó của Oasinhton đã làm cho sự mong muốn làm trung gian của Mátxcova càng nguội lạnh. Cuộc đàm phán Pari vẫn tiếp tục mà chẳng đạt được kết quả nào.

GIÔN XƠN VÀ QUAN HỆ XÔ - MỸ

... Tổng thống Giônxon đã có thái độ khá tích cực đối với việc cải thiện quan hệ với Liên Xô, không hề bứt ra để chống Liên Xô một cách công khai, mặc dù cái quán tính của “chiến tranh lạnh” vẫn tiếp tục lôi kéo chính sách đối ngoại chung của Mỹ và được phản ánh ở việc tăng cường tốc độ chạy đua vũ khí chiến lược và âm mưu muốn bẻ gãy sự chống cự của Việt Nam.

Vì bị thất bại trong chiến tranh ở Việt Nam mà Oasinhton tiến hành trong khuôn khổ chính sách toàn cầu của Mỹ nhằm chống lại chủ nghĩa xã hội, cho nên Giônxon đã trở nên lẩn lộn. Coi việc rút chân ra khỏi cuộc chiến tranh ở Việt Nam mà vẫn không bị “mất mặt” làm nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, Giônxon lại muốn kéo Liên Xô vào cuộc để gây sức ép với nước xã hội chủ nghĩa là Việt Nam dân chủ cộng hòa, để nước này chấp nhận những điều kiện của Mỹ.

Không phải lỗi tại Giônxon, khi ông ta không hiểu được thực chất của cái cùm tư tưởng của “Sự đoàn kết quốc tế” mà ban lãnh đạo Liên Xô lúc đó bị ràng buộc. Chiếc cùm đó chẳng những đã gắn liền quan hệ Xô - Mỹ với cuộc đấu tranh ở Việt Nam, mà thực chất còn làm tê liệt cả những cố gắng làm trung gian một cách có thể có kết quả của Mátxcova nhằm đi tới một giải pháp hợp tình hợp lý và nhanh chóng cho toàn bộ cuộc xung đột. Những cố gắng đó chỉ mang tính chất nửa vời và thất thường, làm cho chính quyền ở Oasinhton cũng như ở ngay trong Cremlin khi thì ảo tưởng, khi thì thất vọng và bất bình.

Đến cuối những năm 1960, người ta thấy rõ sự cần thiết phải điều chỉnh lại một cách nghiêm túc chính sách đối ngoại của cả hai nước Liên Xô và Mỹ, và mối quan hệ giữa hai nước đó với nhau.

KÍT XINHGIƠ BÍ MẬT BAY ĐI MÁT CÔVA

Sau đó ít lâu, Kítxinhiơ thông báo rằng, Tổng thống thấy, nên để Kítxinhiơ đi Mátxcova một thời gian ngắn, có thể là vào ngày 20-21 tháng 4 để gặp Brêgionhép và Grômucô, nếu hai vị đó đồng ý. Từ đó, ông ta sẽ bay đi Pari, nơi dự kiến sẽ có cuộc gặp với đại diện của Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tổng thống muốn chuyến đi Mátxcova đó được giữ hết sức bí mật. Thậm chí Sứ quán Mỹ

cũng không nên biết về chuyến đi này. Kítxinhgiơ có thể dừng lại bất cứ chỗ nào ở Mátxcova do phía Liên Xô lựa chọn.

Rõ ràng Chính quyền Níchxon đang tìm cách lôi kéo Mátxcova một cách mạnh mẽ hơn vào trò chơi ngoại giao xung quanh vấn đề Việt Nam. Còn Mátxcova thì cũng hy vọng rằng sự tham gia của Liên Xô có thể góp một phần nào đó vào việc giải quyết cuộc xung đột.

Mátxcova đã đồng ý về chuyến thăm bí mật đó. Kítxinhgiơ nói, ông ta sẵn sàng gặp đại diện của Bắc Việt Nam ngay cả ở Mátxcova, nếu họ đồng ý (nhưng Hà Nội muốn ở Pari hơn là ở Mátxcova). Sau đó, ông ta đã trình bày một cách tin cậy về lập trường của Mỹ về những phương hướng chủ yếu của các cuộc đàm phán bí mật sắp tới với Bắc Việt Nam (nhưng Việt Nam thì chẳng nói gì với chúng ta về lập trường của họ).

Sau đó một ngày, Kítxinhgiơ với vẻ tức giận lại nói với tôi: Tổng thống đề nghị chuyển gấp cho ban lãnh đạo Liên Xô rằng, Bắc Việt Nam vừa mới thông báo cho phía Mỹ về việc họ rút lại sự đồng ý về cuộc gặp với Kítxinhgiơ vào ngày 24 - 4 tại Pari, mà chẳng giải thích gì hết, đồng thời vẫn tiếp tục các hoạt động quân sự. Vì vậy, Tổng thống đã ra lệnh ném bom các mục tiêu quân sự tại Hà Nội, Hải Phòng. Các cuộc ném bom sẽ chấm dứt, nếu Hà Nội đồng ý gặp vào ngày 24 hoặc 27 - 4.

XUNG QUANH VẤN ĐỀ VIỆT NAM TÌNH HÌNH NGÀY CÀNG CĂNG THẲNG

Đầu tháng 5, khoảng ba tuần trước khi bắt tay vào cuộc gặp cấp cao, việc trao đổi thông điệp giữa Brêgionhép và Níchxon đã diễn ra rất nhộn nhịp. Brêgionhép đã kêu gọi Níchxon kiềm chế và nói: "Tình hình ở Việt Nam đang tác động đến quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ".

Nhân đó, Kítxinhgiơ nhận xét rằng, Hà Nội đang tìm cách sử dụng cuộc gặp gỡ sắp tới ở Mátxcova để thực hiện những mục tiêu riêng của mình, trước hết là về mặt quân sự tại Đông Nam Á...

Kítxinhgiơ còn ca thán rằng, theo các nguồn tin của họ, trong những ngày gần đây, tại các cảng của Cuba đã xuất hiện cơ sở nổi của các tàu ngầm nguyên tử của Liên Xô, và mỗi tàu ngầm mang theo ba tên lửa đạn đạo. Lầu Năm góc và Quốc hội đang "sôi sục". "Mátxcova làm việc đó trước khi có cuộc gặp cấp cao để nhằm mục đích gì?"

Sau đó một ngày, Tổng thống đã thông báo cho Brêgionhép về kết quả của cuộc đàm phán với Bắc Việt Nam và kết luận: "Kết quả là vô cùng thất vọng". Kítxinhgiơ nói, Lê Đức Thọ đã tuyên bố thẳng thừng rằng Níchxon phải từ bỏ mọi cuộc thảo luận về vấn đề Việt Nam với Mátxcova và chỉ được bàn với Bắc Việt Nam thôi. Ông ta nói, "Bắc Việt Nam tỏ ra rất ngạo mạn như một kẻ chiến thắng vậy". Có cảm tưởng là Nhà Trắng đã "bị xúc phạm" thực sự bởi cuộc gặp gỡ

với Lê Đức Thọ đã hoàn toàn thất bại, cũng như cuộc tiến công vẫn đang tiếp diễn của Bắc Việt Nam tại miền Nam.

Ngày 6 - 5, Brêgionhép lại gửi thông điệp cho Níchxon về vấn đề Việt Nam. Nhân đó Kítxinhgiơ nói: "Có thể nhận định rằng, sự trao đổi của chúng ta về vấn đề Việt Nam đã không thúc đẩy được công việc tiến thêm được lấy một xentimét. Về vấn đề này, chúng tôi chẳng chê trách gì phía Liên Xô. Hoa Kỳ sẽ làm tất cả những gì có thể được, để cuộc gặp cấp cao được tiến hành và kết thúc thắng lợi. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ buộc phải hành động đối với Việt Nam một cách tương ứng như tình hình chính trị và quân sự đang đòi hỏi".

Ông ta thừa nhận rằng, Mỹ đã thảo luận vấn đề Việt Nam với Trung Quốc. Phía Trung Quốc tuyên bố rằng, Mátxcova chứ không phải Bắc Kinh đang quan tâm tới các hoạt động quân sự hiện nay ở Việt Nam để gây sức ép với Níchxon và đòi Mỹ nhân nhượng trong vấn đề châu Âu và Trung Đông...

Tối ngày 8 -5, Níchxon đã đọc một bản tuyên bố quan trọng trên vô tuyến truyền hình về vấn đề Việt Nam. Ông ta công bố về các biện pháp quân sự mà Mỹ phải thực hiện để không cho Hà Nội nhận được vũ khí, đạn dược "hòng tiếp tục cuộc xâm lược". Ông ta cho biết, việc rải mìn phong tỏa tất cả các lối ra vào các cảng của Bắc Việt Nam đã bắt đầu. Ngoài ra, các lực lượng vũ trang của Mỹ sẽ có những biện pháp cần thiết trên vùng biển của Việt Nam để cắt đứt sự tiếp tế, đường sắt và các tuyến giao thông khác sẽ bị chia cắt, các cuộc tấn công từ ngoài biển và trên không đối với các mục tiêu quân sự của Bắc Việt Nam sẽ được tiếp tục.

Một giờ trước khi phát biểu trên vô tuyến, tôi đã được mời tới Nhà Trắng, và tại đó, Kítxinhgiơ đã trao cho tôi bức thư của Níchxon gửi cho Brêgionhép. Sau khi nói rằng, Bắc Việt Nam nhất định không chịu nhân nhượng trong đàm phán và vẫn leo thang trong hoạt động quân sự chống lại miền Nam Việt Nam. Tổng thống Mỹ tuyên bố là kiên quyết "làm cho kẻ xâm lược mất hết phương tiện để xâm lược". Nhân đó, ông ta cũng cho biết những biện pháp đang được thi hành, đồng thời hứa, các biện pháp sẽ được chấm dứt ngay, khi chiến tranh ở Đông Dương được dừng lại dưới sự kiểm soát của quốc tế. Trong thư đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì quan hệ giữa hai nước, "khi nó đang đòi hỏi phải có sự sáng suốt của cả một quốc gia". Thay mặt Tổng thống, Kítxinhgiơ cũng đã nói miêng để mở rộng thêm đề tài đó.

Tôi đã phê phán gay gắt những biện pháp do Tổng thống tuyên bố, coi đó là sự vi phạm thô bạo các quy tắc của luật pháp quốc tế. Kítxinhgiơ đã bào chữa và nói thêm rằng, các tàu bè của Liên Xô sẽ không bị tấn công. Nhìn chung, cuộc nói chuyện giữa tôi với ông ta là căng thẳng.

Ngày 10 -5, theo chỉ thị của Mátxcova, tôi tuyên bố với Kítxinhgiơ (chuyển cho Tổng thống) sự phản đối kiên quyết "đối với các hành động tội lỗi của không quân Mỹ, gây thương vong cho các thủy thủ, tàu bè của Liên Xô". Đồng thời Liên Xô yêu cầu phải bảo đảm an toàn cho các tàu và thủy thủ của Liên Xô.

Sau đó 10 phút, Kítxinhgiơ thông báo Níchxơn đề nghị chuyển tới Brêgionhép: Cá nhân Tổng thống rất lấy làm tiếc trước sự việc đã xảy ra, nhất là trước sự hy sinh của các thủy thủ; Mỹ sẵn sàng bồi thường về vật chất cho những thiệt hại; Tổng thống đã ra lệnh khẩn cấp cho Bộ Tư lệnh Mỹ không được để cho các sự việc tương tự tái diễn.

Ngày hôm sau, tôi lại chuyển thư của Brêgionhép gửi Níchxơn để trả lời bức thư đề ngày 8-5 của Tổng thống (thư nói về sự leo thang chiến tranh của Mỹ chống Việt Nam dân chủ cộng hòa). Lá thư của Brêgionhép với nội dung rất gay gắt hoàn toàn chỉ dành để nói về vấn đề Việt Nam và những hậu quả nguy hiểm do các hành động của Mỹ gây ra cho quan hệ hai nước, trong đó có vấn đề ra vào hải cảng Việt Nam của các tàu bè Liên Xô. “Thưa Ngài Tổng thống, tôi và các đồng sự của tôi hy vọng rằng, trong giờ phút nghiêm trọng đối với quan hệ Xô - Mỹ và đối với tình hình thế giới nói chung như hiện nay, phía Mỹ phải làm tất cả những gì có thể được, để tránh gây ra những tổn thất không thể cứu vãn được cho hiện tại và tương lai của các mối quan hệ đó”.

Trong thư đã có ngụ ý không dă động gì đến cuộc gặp gỡ cấp cao, và ngay lập tức Kítxinhgiơ đã có nhận xét về điều đó. “Thế còn cuộc gặp gỡ tại Mátxcova thì sao? Sẽ có hay là không? Trong thư của Tổng Bí thư không thấy nói gì cả”, ông ta hỏi. Trong khi nói chuyện với tôi, dưới các hình thức khác nhau, ông ta đã nêu câu hỏi này tới vài lần. Cuối cùng ông ta hỏi, liệu chúng ta có phản đối về việc Nhà Trắng ra thông báo rằng, phía Mỹ đã nhận được sự trả lời của lãnh đạo Liên Xô khẳng định là sẽ có cuộc gặp gỡ đó?

Tôi trả lời, chưa có cơ sở để ra một thông báo như vậy, bởi vì trong thư không trực tiếp đề cập cuộc gặp. Lúc đó Kítxinhgiơ lại hỏi, trong trường hợp như vậy, thì liệu ông ta có thể nói, dù chỉ riêng với cá nhân Tổng thống thôi, rằng Chính phủ Liên Xô đã khẳng định về cuộc gặp vào thời gian đã định, được không? Tôi nhắc lại với ông ta rằng, trong các thư từ được trao đổi, vấn đề liên quan tới cuộc gặp tuyệt nhiên không được phía Liên Xô đề cập.

Kítxinhgiơ tuyên bố rằng, Tổng thống thật sự muốn có được cuộc gặp trong thời gian đã định. Thay mặt cho Níchxơn, ông ta đề nghị chuyển cho Brêgionhép rằng, Hoa Kỳ sẽ thực hiện những biện pháp nghiêm ngặt nhất để không xảy ra bất kỳ sự cố nào đối với các tàu bè của Liên Xô tại các cảng của Bắc Việt Nam và ở ngoài khơi. Ngoài ra, Hoa Kỳ còn sẵn sàng giảm bớt tới mức đáng kể các cuộc ném bom xuống lãnh thổ của Việt Nam dân chủ cộng hòa trong khi đang có cuộc gặp, còn việc ném bom Hà Nội thì sẽ được dừng lại hoàn toàn.

BỘ CHÍNH TRỊ THẢO LUẬN: CÓ NÊN ĐÓN NÍCHXƠN? KÍT XINHGIƠ THUA CUỘC

Phải nói rằng, tại Mátxcova, lúc đó Bộ chính trị đã thảo luận một cách sôi nổi, là có nên đón Níchxơn trong khi ông ta còn đang ném bom chống lại nước đồng minh của Liên Xô hay không. Ý kiến rất khác nhau, sự hoài nghi cũng lắm.

Ban lãnh đạo quân sự Grescô đứng đầu, cùng với Pốtgoócnuí thì phản đối cuộc gặp. Nhà tư tưởng chủ chốt là Xuclốp thì do dự Cômughin và Grômucô thì tán thành gặp. Brêgiônhep thì ngả nghiêng, mặc dù, về mặt cá nhân, ông ta muốn có cuộc gặp đầu tiên với Tổng thống Mỹ. Ông ta cũng hiểu rằng, nếu từ chối cuộc gặp, thì điều đó sẽ gây ra hậu quả tiêu cực cho quan hệ sau này giữa Liên Xô với Níchxơn như thế nào.

Rút cuộc, lý lẽ sau đây đã thắng thế: các nhà lãnh đạo ở Hà Nội, tuy là đồng minh về tư tưởng, nhưng không chịu cho chúng ta biết kế hoạch hiện nay và sau này đối với Đông Nam Á và Mỹ như thế nào, mặc dù chúng ta vẫn dành cho họ sự giúp đỡ to lớn về kinh tế và quân sự. Kết quả là họ đã nhiều lần đưa chúng ta vào tình thế khó khăn bằng việc tiến hành hết hành động bất ngờ này đến hoạt động bất ngờ khác, mà không hề tính tới việc là điều đó sẽ ảnh hưởng tới quan hệ giữa chúng ta và Oasinhton như thế nào. Về các cuộc đàm phán giữa họ với Mỹ, thì chúng ta chỉ nắm được qua người Mỹ nhiều hơn là qua họ. Tất cả những điều đó đã làm cho Mátxcova ngày càng thấy ấm ức trong lòng. “Không thể vì Việt Nam mà làm hỏng quan hệ của chúng ta với Mỹ được”, - đó là quyết định dứt khoát của Bộ chính trị tán thành việc đón Níchxơn.

Phải nói rằng, còn một số yếu tố khác nữa đã có tác động không nhỏ vào việc thông qua quyết định trên. Trước hết, đó là sự lo lắng về số phận của hiệp định đã ký với Cộng hòa liên bang Đức, mà việc phê chuẩn nó sẽ diễn ra chỉ vài ngày trước khi Níchxơn lên đường, cho nên việc gây căng thẳng trong quan hệ với Mỹ sẽ ảnh hưởng tới việc phê chuẩn đó, tạo cho các giới cực hữu của Tây Đức có thêm lý do để chống lại hiệp ước đó. Mátxcova đã nhận thức rõ về điều đó. Ngoài ra, nếu từ chối đón Níchxơn, thì dứt khoát sẽ làm cho quan hệ với chính quyền Mỹ trở nên rắc rối trong một thời gian dài, đẩy lui cuộc gặp gỡ cấp cao không biết đến bao giờ, và như vậy, việc thỏa thuận về phòng thủ chống tên lửa và SALT sẽ có nguy cơ không thực hiện được, làm cho cuộc chạy đua vũ trang càng tăng lên, thêm vào đó, Níchxơn có thể từ bỏ về mặt nhận thức đối với nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Việc từ bỏ cuộc gặp có thể cũng chẳng giúp ích gì cho nhân dân Việt Nam, mà chắc chắn là ngược lại, Mỹ sẽ tăng thêm sức ép với Việt Nam dân chủ cộng hòa, kể cả bằng việc ném bom.

Để có được “sợi dây an toàn”, các nhà lãnh đạo Liên Xô đã quyết định đưa vấn đề không đơn giản về chuyến thăm của Níchxơn ra phiên họp kín của Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô để thảo luận gấp. Hội nghị đã tán thành, và bằng cách đó, đã củng cố thêm cho đường lối cùng tồn tại hòa bình, mở đường cho việc tăng cường quan hệ với Mỹ, cho dù vẫn còn những lý thuyết giáo điều về “tình đoàn kết quốc tế”. Có lẽ, đây là lần đầu tiên, trong vấn đề quan trọng như vậy, những động cơ về tư tưởng đã phải nhường bước cho tư duy tỉnh táo, mặc dù sau này những động cơ đó vẫn phát huy tác dụng.

Cả Níchxơn lẫn Kítxinhiơ đều nhận ra rằng, với tư cách là người đứng đầu phe xã hội chủ nghĩa, Mátxcova không dễ gì đồng ý có cuộc gặp trong lúc Mỹ vẫn ném bom Bắc Việt Nam, và sợ rằng Liên Xô sẽ từ bỏ cuộc gặp. Không phải ngẫu

nhiên, mà khi tôi tới để trả lời dứt khoát, thì Kítxinhgiơ đã bộc lộ lo ngại của ông ta bằng cách nói đùa rằng, sẽ cá cược với tôi bằng một hòm sâm banh là đã đoán được câu trả lời ấy là gì.

Tôi đồng ý. Ông ta ghi một mảnh giấy nội dung câu trả lời của phía Liên Xô, nhưng theo phương án mà ông ta tự nghĩ ra, rồi lấy tay bịt tờ giấy ấy lại. Còn tôi thì lại thông báo cho ông ta rằng, cũng như trước đây, Liên Xô vẫn tuân theo ngày tháng đã được thỏa thuận, hoàn toàn không có gì thay đổi. Nhưng trước đó, ông ta lại dự đoán hơi khác và ghi vào mảnh giấy như sau: “Cuộc gặp sẽ không bị bãi bỏ, nhưng sẽ chuyển vào khi khác, chưa được xác định, mà sẽ thỏa thuận sau”. Thế là ông ta đã thua cuộc...

SADÁT GẶP RẮC RỐI

Tháng 10, có sự trao đổi nhện nhíp công hàm giữa Mátxcova và Oasinhton về vấn đề Việt Nam. Thời gian này, Kítxinhgiơ đang đàm phán với Việt Nam tại Pari. Việt Nam đã có lập trường cứng rắn (trước ngưỡng cửa của cuộc bầu cử ở Mỹ).

Do khuôn khổ cuốn sách có hạn, tôi không thể viết một cách chi tiết về những thư từ và các cuộc nói chuyện giữa hai bên Liên Xô và Mỹ liên quan tới cuộc đàm phán giữa Mỹ và Việt Nam tại Pari. Tôi chỉ muốn nói rằng, ở giai đoạn kết thúc của cuộc đàm phán đó, phía Mỹ đã thông báo cho Liên Xô dưới dạng tin cậy, một cách tử mỉ, thậm chí giới thiệu cả những biên bản của các phiên họp quan trọng, trong khi Bắc Việt Nam chỉ cung cấp cho chúng ta những thông tin nghèo nàn hơn nhiều.

CHIẾN TRANH Ở VIỆT NAM KẾT THÚC. VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA LIÊN XÔ Ở GIAI ĐOẠN CHÓT

Khi Pho lên nắm quyền, thì chính phủ của ông ta đã phải đối mặt với tình trạng suy yếu nhanh chóng của Mỹ và sự tan rã của hệ thống liên minh của Mỹ tại Đông Nam Á. Sau khi lên làm Tổng thống được ít lâu, Pho đã gửi cho nhà độc tài ở Sài Gòn là Thiệu một thư mật và hứa là Mỹ sẽ ủng hộ. Chính quyền của Đảng cộng hòa đã tìm cách cứu vớt đến cùng cho các chế độ bù nhìn ở Sài Gòn và Phnôm Pênh.

Nhưng mọi cố gắng đó đã thất bại. Cuối tháng 4, các chế độ thân Mỹ đã hoàn toàn bị sụp đổ. Ngày 17-4, bọn tay sai của Mỹ ở Canpuchia đã đầu hàng. Ngày 30-4 thì Sài Gòn thất thủ. Tháng 12, Lào được tuyên bố là nước cộng hòa dân chủ nhân dân. Tháng 9, Hội đồng của khối SEATO ra quyết định giải tán bộ máy của nó.

Trong những ngày khủng hoảng bị mất Sài Gòn đó và khi Mỹ phải vội vã rút khỏi Sài Gòn, Pho đã cầu cứu đến Mátxcova.

Ngày 19-4, Kítxinhgiơ chuyển “bức thư thượng khẩn” của Pho gửi cho Brêgionhép khẩn thiết đề nghị Chính phủ Liên Xô giúp đỡ một cách hảo tâm,

làm thế nào để tạm thời ngừng chiến tại Nam Việt Nam. Như vậy “ mới cứu được mạng sống và thực hiện được việc di tản một cách liên tục những người Mỹ và Nam Việt Nam mà Hoa Kỳ có trách nhiệm đối với họ”.

Kítxinhgiơ giải thích thêm về bức thư truyền miệng đó của Tổng thống như sau: Thực chất là Pho muốn đề nghị Brêgionhép giúp đỡ một cách hảo tâm “để kết thúc toàn bộ tấn bi kịch ở Việt Nam”. Tổng thống không hề có đề nghị như vậy đối với bất cứ ai, kể cả Trung Quốc. Nhà Trắng đã quyết định dứt khoát là phải đưa hết người Mỹ ra khỏi Nam Việt Nam.

Ngày 20-4, tôi chuyển câu trả lời của Brêgionhép gửi cho Pho, trong đó nói rằng, Mátxcova đang chú ý xem xét đề nghị của ông ta.

Ngày 14-4, Brêgionhép lại gửi cho Pho một bức thư mới, trong đó nói rằng, theo đề nghị của Tổng thống, ban lãnh đạo Liên Xô đã liên hệ với phía Việt Nam. Việt Nam đã hứa sẽ không gây bất cứ trở ngại nào trong việc sơ tán các công dân Mỹ khỏi Nam Việt Nam. Còn về giải pháp chính trị, thì phía Việt Nam sẽ căn cứ vào Hiệp định Pari. Việt Nam không có ý định làm cho uy tín của Mỹ bị tổn thương.

Pho đã cảm ơn về những cố gắng của Brêgionhép.

Sau đó một tuần, Kítxinhgiơ lại thay mặt Pho để chuyển một đề nghị thương khẩn nữa nhân có các cuộc bắn phá bằng pháo và tên lửa vào sân bay Sài Gòn và các tòa nhà xung quanh Sứ quán tại Sài Gòn. Ngoại trưởng lập luận rằng, mặc dầu Hà Nội đã có những tuyên bố hoàn toàn khác, song các hành động nêu trên, tỏ ràng là sự cố ý giáng vào uy tín của Chính quyền Mỹ và cá nhân Tổng thống để chứng tỏ rằng Mỹ phải rút lui dưới sức ép trực tiếp của Bắc Việt Nam.

Tôi đã lưu ý Kítxinhgiơ rằng, Quốc hội và báo chí Mỹ đang phê phán, không hiểu vì lý do gì mà việc sơ tán người Mỹ ra khỏi Sài Gòn lại chậm trễ như vậy, mặc dù việc đó có thể làm trong vòng 2 -3 ngày.

Sau đó một tháng, ngày 28 - 5 (theo sự ủy quyền của Mátxcova), tôi thông báo cho tướng Scăucơrốp rằng ban lãnh đạo của Việt Nam dân chủ cộng hòa đã đề nghị Liên Xô thông báo với Mỹ như sau: “Ban lãnh đạo Việt Nam chủ trương có quan hệ tốt với Hoa Kỳ trên cơ sở cùng tôn trọng lẫn nhau. Xuất phát từ chủ trương đó và theo kiến nghị của Ban lãnh đạo Liên Xô phía Việt Nam đã có sự kiểm chế khi giải phóng Sài Gòn để Mỹ có điều kiện thực hiện việc sơ tán các nhân viên của Mỹ không gặp những trở ngại gì. Việt Nam chủ trương làm tất cả mà những việc cần thiết để làm cho quan hệ với Mỹ sau này không bị xấu đi. Việt Nam không có thái độ thù địch đối với Mỹ, và họ muốn Mỹ cũng có thái độ như vậy”.

Nghe xong thông báo, Kítxinhgiơ hỏi rằng, có đúng tuyên bố đó là của lãnh đạo cấp cao nhất của Hà Nội không? Tôi trả lời là đúng.

Sau vài ngày, Scăucơrốp chuyển cho tôi câu trả lời như sau: “Phía Mỹ đã nhận được thông điệp của Ban lãnh đạo Việt Nam dân chủ cộng hòa do phía

Liên Xô chuyển, trong đó nói rằng Việt Nam không có thái độ thù địch đối với Hoa Kỳ, và rằng Việt Nam muốn có quan hệ tốt.

Về nguyên tắc, phía Hoa Kỳ cũng không thù địch với Việt Nam dân chủ cộng hòa. Phía Mỹ đề nghị nên theo nguyên tắc đó trong quan hệ giữa hai nước và Mỹ sẵn sàng nghe mọi đề nghị do Việt Nam dân chủ cộng hòa muốn nêu lên”.

Trên thực tế, quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam đã bị đóng băng rất lâu. Tám thảm kịch kéo dài ở Việt Nam do cuộc xâm lược của Mỹ gây ra, đến đó là kết thúc. Mãi đến năm 1995 mới thiết lập được quan hệ ngoại giao hai nước.

Bản sao lưu trữ

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản

5

Phần thứ nhất

NHỮNG VĂN KIỆN, CHỈ THỊ, NHẬT LỆNH CHỈ ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

7

Chỉ thị về việc thu hồi, sửa chữa khôi phục và bảo quản trang bị khí tài

9

Chỉ thị về việc xác định lượng dự trữ sẵn sàng chiến đấu

15

Hướng dẫn các Tổng cục kiểm điểm năm 1973...

17

Nghị quyết của Quân ủy Trung ương

23

Chỉ thị về tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo đánh phá...

34

Chỉ thị về nhiệm vụ của các đơn vị quân đội...

61

Những hoạt động của Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam trong ba năm
từ 1973-1975

69

Thắng lợi vĩ đại của quân và dân ta trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy
mùa xuân năm 1975

96

Kết quả huy động vật chất hậu cần, kỹ thuật trong chiến dịch ...

98

Phần thứ hai
DIỄN BIẾN VÀ HỒI ỨC

105

Tạo thế lực mới, chuẩn bị cho Tổng tiến công và nổi dậy

107

Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 giải phóng...

126

Hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

184

Hồi ức của Đại tướng Văn Tiến Dũng

248

Hồi ức của Đại tướng Hoàng Văn Thái

299

Hồi ức của Đại tướng Chu Huy Mân

327

Hồi ức của Thượng tướng Trần Văn Trà

363

Hồi ức của Thượng tướng Nguyễn Trọng Xuyên

408

Phần phụ lục

**TRÍCH HỒI KÝ CỦA CỰU TỔNG THỐNG - R. NIXON VÀ ĐẠI SỨ
CHLB XÔ VIẾT TẠI MỸ - A. ĐÔBRUNHIN**

487

Hồi ký R. Nicxon

439

Hồi ký của A. Đôbrunhin

479

30 – 4 – 1975
BẢN HÙNG CA THẾ KỶ XX

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHAN ĐÀO NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

LÊ HUY HÒA

Biên tập:

HỒ PHƯƠNG LAN

NGUYỄN TRUNG BÌNH

Trình bày:

CN NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Bìa:

ĐINH DŨNG

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

175 Giảng Võ – Hà Nội

ĐT: 04.8515380

CHI NHÁNH PHÍA NAM

85 Cách mạng tháng Tám, Q1, TP. Hồ Chí Minh

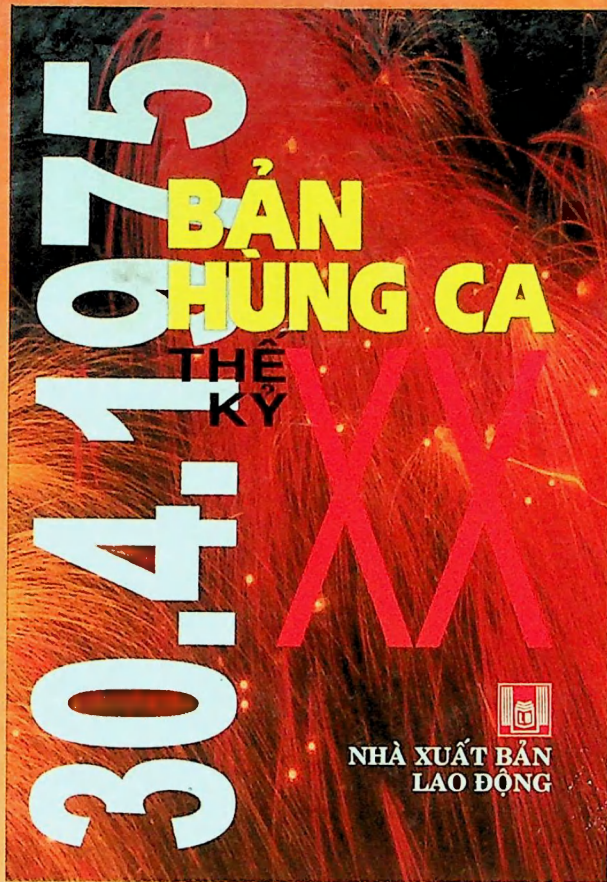
ĐT: 08.8390970 – Fax: 08.9257205

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm, tại Trung tâm Mỹ thuật Ứng dụng

Trường Đại học Mỹ Thuật - TP. Hồ Chí Minh.

Số ĐKKHXB :187-2006/CXB/02 - 27/LĐ

In xong và nộp lưu chiểu QII năm 2006.



30.4.1975

**BẢN
HÙNG CA**

THẾ
KỶ

XX



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

30.4.1975

Giá: 275.000đ